LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 166

NÓI VỀ BỎ MÊ HIỂN TRÍ THÀNH MƯỜI MINH BI

SỐ 1888

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1888

BÀI TỰA THÍCH HOA NGHIÊM THẬP MINH LUẬN

Biên soạn: Đời Tống, Thiền sư Bảo Giác Viên Minh, hiệu Tuệ Hồng, Giác Phạm.

Hiển mô các, thị chế Chu Công Thế Anh nói cho tôi nghe rằng: Trong khoảnh khắc đi qua Kim Lăng, yết kiến Vương Văn Công ở núi Chung Sơn. Văn Công lấy vãng sinh Ngạn Lý Hãn, người có chí học đạo chép rằng: Nếu đọc sử có thấy câu. Tiễn Ngũ Viên hay chăng? Câu Tiễn bảo tế hội khể để mật nơi ngồi, nằm thì ngửa mật, ăn cơm cũng nếm mật.

Ngũ Viên đến nước Sở mang theo cái túi không có đáy, mà đi chiêu quan đến Bồ phục, đi xin ăn ở chợ Ngô. Hai người lập tâm, cấm dục, trong sạch, chịu xấu hổ để trả mối thù mà đốt thân, nhọc lòng lo nghĩ suốt hơn hai mươi năm, về sau được thỏa mãn sự mong muốn của mình. Bởi kẻ có chí, việc cuối cùng cũng thành. Tuy nhiên, dời đổi tâm này để học Bồ-đề vô thượng, người kia lấy gì để ngự trị tâm mình?

Thế Anh căn dặn tôi hãy ghi nhận lời ông nói. Một năm sau, Thế Anh qua đời, còn tôi trở lại từ hải ngoại, ở nhà tre trong chùa Khê Thạch Môn, để giải thích luận này vào mùa kiết hạ.

Nhớ lại lời nói lúc bình thường: Than ôi! Trôi lăn trong ba cõi chưa tức thì bỏ đi, nỗi xấu hổ ấy cũng lớn thay. Ngục tù ràng buộc năm ấm, chưa thể thoát khỏi, mối thù ấy cũng sâu lắm. Đem mối thù Ngô, Sở, sự xấu hổ để so sánh, trạng thái đó gấp bội như ngày và kiếp mà người học trò cũng lo nghĩ, bỏ cánh bay thẳng tắt. Nhưng với lòng chí

thành, xót xa, nhọc nhằn, hành động với năng lực dũng cảm dữ dội, đem so sánh với Câu Tiễn, Ngũ Viên, chỉ là ngọn cỏ nhỏ nhoi với núi Thái mà thôi, há không tiếc hay sao?

Trong Kinh Kim Cương Bát-Nhã, Tu-bồ-đề nghe đức Thế Tôn dạy: Dùng thân mạng nhiều như số cát sông Hằng v.v... để bố thí, không bằng phước thọ trì bài kệ bốn câu, nói cho người nghe, liền khóc sướt mướt.

Tâm của Tu-bồ-đề há không cho rằng người học đa số do chấp mắc vị của một thân, vì lười biếng nên tự mình bị chướng ngại chăng?

Luận về Tạp Hoa, đủ bài kệ như số bụi nhỏ của bốn thiên hạ, mà đối tượng giải thích của kinh chỉ một pháp của Đại Trí Phổ Quang Minh Như Lai mà thôi. Người gần gũi, tùy thuận trì này với ba pháp: giới, định, tuệ mà thôi. Dùng phương tiện quán chiếu giới, định, tuệ phá diệt vô minh, tất cả chúng sinh vì chứng thật trong khoảnh khắc búng ngón tay, nên Bồ-tát Kim Cương Tạng nói: Thuận theo vô minh khởi các hữu. Nếu không thuận theo các hữu mà lìa, thì đây gọi là thành Phật hiển nhiên, pháp bí truyền chỉ yếu nhân, pháp, mượn lịnh Như Lai ba đời lại một lần nữa, giảng nói chỉ bày chỉ thú sâu xa, không thể thêm mảy may nào ở đây. Đối với việc lợi, hại, lấy, bỏ, sáng tỏ như trắng với đen, nghĩa lý ấy rõ ràng, xán lạn như mặt trời, các vì sao? Vì không biết người học đối với giới, định, tuệ đâu có nghi mà không thuận theo? Đối với phiền não vô minh, đâu có lưu luyến mà không dứt bỏ chăng? Mạnh Kha nói: Nay có ngón tay vô danh, co quắp mà không tin, chẳng phải việc tai hại của bệnh thấy khổ. Như có người hay tin, thì con đường Tần, Sở không xa, vì ngón tay không bằng người. Ngón tay không bằng người thì biết là ác.

Ở đây, gọi là loại không biết. Loại biết hiện nay: ta đặc biệt chưa thấy, đâu chứng tối tăm của hạnh bí mật, ẩn giấu thật, lộ rõ ngọc trai, đời không được mà biết chăng? Ức chế năng lực quán thô nổi, cảnh tập quán nặng, gắng gượng phần nhiều gặp duyên mà lùi lại chăng?

Tôi tha thiết kính mến, nghĩ rằng đấng Đại Trí, cha con đối với đạo, hãy dứt bỏ hư danh, thu thập hiệu quả thật.

Trong ba mươi năm, quyết định kỳ hạn hiện chứng, đều đạt được túc trí thông, nhập tam-muội Pháp Hoa. Lạc trong sữa, do lạc này mà nghiệm biết sữa kia.

Than ôi! Đâu được như hai vị Nam Nhạc, Thiên Thai, tăng tiến với đạo này chăng?

Ghi chép ngày mồng 10 tháng 6 niên hiệu Chánh Hòa, năm thứ năm.

SỐ 1888

NÓI VỀ BỎ MÊ, HIỂN TRÍ, THÀNH MƯỜI MINH BI

Biên soạn: Lý Thông Huyền ở Thái Nguyên, đời Đường.

- GIẢI THÍCH MƯỜI HAI DUYÊN SINH:

Nói về mười hai duyên sinh: Là tất cả chúng sanh theo vọng, mê chân, trôi lăn sinh tử, trong làn sóng không dứt của biển khổ lớn. Biển ấy mênh mông, rất sâu, không có ranh giới, cũng vừa là ngôi thành vĩ đại, được trang nghiêm bằng các châu báu của tất cả chư Phật, chúng Thánh Hiền, cũng là khu vườn, rừng hoa, nơi Văn-thù, Phổ Hiền thường đi dạo, nghỉ ngơi, thường xuyên có chư Phật xuất hiện ở trong đó. Bồ-tát Phổ Hiền thường đối hiện sắc thân, ở trước tất cả chúng sanh giáo hóa không có thôi dứt.

Văn-thù-sư-lợi bảo Thiện Tài rằng: Không nhàm chán nỗi khổ sinh tử, có thể đầy đủ hạnh Phổ Hiền ảnh hiện, liên hệ với biển công đức của tất cả chư Phật lớp lớp đầy đủ ở trong đó, không có cùng tận, với tất cả chúng sanh cũng như bóng ánh sáng, không có chướng ngại, vì mê mười hai chi hữu, gọi tất cả chúng sinh tỏ ngộ mười hai chi hữu tức là Phật, nên chúng sanh kể cả chi hữu đều không có tự tánh. Nếu tùy phiền não, vô minh, hành, thức, danh sắc, sáu căn đối nhau, sanh xúc, thọ, ái, thủ, hữu, thành thân năm uẩn, tức có sinh, già, bệnh, chết, nên thường trôi lăn. Nếu dùng năng lực phương tiện quán chiếu giới, định, tuệ, soi rọi cảnh thân, tâm của mình, thể tướng đều là tự tánh không, chẳng có hữu trong ngoài, tức tâm chúng sinh hoàn toàn là biển trí của Phật, như bài tụng của kinh nói:

Muốn biết tâm chư Phật.
Phải quán trí tuệ Phật.
Trí Phật không chỗ dựa.
Như không, chẳng sở y.
Các ưa thích của chúng.

Và các trí phương tiện.
Đều nương vào trí khởi.

Như kinh Hoa Nghiêm chép: Phật tử Bồ-tát Ma-ha-tát có mười thứ lùi mất, đạo pháp của Phật lẽ ra phải xa lìa. Những gì là mười?

Là đối với thiện tri thức sinh tâm kiêu mạn, mất đạo pháp của Phật, sợ nỗi khổ sinh tử, mất đi đạo pháp của Phật, nhàm chánh hạnh Bồ-tát, mất đạo pháp của Phật, chán ghét sự thọ sanh, mất đạo pháp của Phật, ưa dính mắc tam-muội, mất đạo pháp của Phật. Khởi tâm nghi ngờ đối với các gốc lành, mất đạo pháp của Phật, bài báng chánh pháp, mất đạo pháp của Phật, dứt hạnh Bồ-tát, mất đạo pháp của Phật, ưa cầu thừa Thanh văn và Duyên giác, mất đạo pháp của Phật. Khởi tâm giận dữ, mất đạo pháp của Phật.

Nếu người tu hành cầu tâm đại Bồ-đề, không có nhọc nhằn xa cầu, chỉ tự thanh tịnh nhất tâm, tâm không thì cảnh diệt, thức phân tán, tức trí sáng suốt. Trí tư đồng với không, các duyên đâu có lập? Vì ánh sáng trí tuệ của không sáng suốt, pháp môn thấy khắp, nhập sơ tâm của Thập Trụ. Tâm này như Đồng tử Thiện Tài lên đỉnh núi Diệu Phong, vì dùng pháp môn tận của tướng sáng suốt, nên muốn cho tâm mình chuyển, lại thêm vượt hơn. Trên nhập nước của môn biển, lại quán biển cả sinh tử của mười hai chi hữu. Thấy Phật xuất hiện, khởi nói Kinh Phổ Nhãn và các biển Ba-la-mật của biển công đức Phật, cho đến Thiền Ba-la-mật, mới thỉ một chung. Lại, đến địa thứ sáu trong mười địa, tạo ra mười độ, quán sát mười hai chi hữu nghịch thuận, thành môn Bát-nhã Ba-la-mật. Ba không tự tại, trí tuệ hiện tiền, vì lấy đại từ đại bi làm đầu, nên không dứt hết các hành. Lại dùng tuệ không nhập vào biển các hành, nuôi lớn đại từ đại bi, nhập vào biển sanh tử, như nước ở chỗ hoa sen mà không có ô nhiễm, như biển ở chỗ A-tu-la vừa chìm mất tượng bán thân. Bồ-tát đại bi dùng trí không để thuận theo sự ràng buộc chỗ dòng chảy mà không chìm, rộng như kinh nói.

Nay, lược nêu mười pháp ấy, sao cho kẻ hậu học không giả dối mong cầu riêng. Nếu từ người khác bên ngoài để cầu, cuối cùng phải nói về lý này. Nếu người nào nhàm chán mười hai duyên sanh, cầu riêng biển trí giải thoát, thì như bỏ băng mà tìm nước, đuổi theo ánh nắng lửa của mặt trời để tìm nước uống. Nếu dùng sức chỉ quán để soi rọi thì tâm, cảnh đều quên, mặt trời trí tuệ tự nhiên sáng tỏ, như kho báu trong nhà cô gái nghèo, không làm ra mà tự sáng lấp lánh, như viên ngọc trong túi của người nghèo, chẳng có dụng công mà tự hiện. Mười môn như sau:

Thứ nhất, nói về mười hai duyên sanh của tất cả chúng sinh, nhàm chán sinh tử từ đâu sinh ra?

Thứ hai, nói về mười hai duyên sanh là bản hữu hay là vốn không?

Thứ ba, nói về trí tuệ giải thoát của chư Phật, là vốn có hay do tu mà sinh?

Thứ tư, nói mười hai duyên sinh với trí tuệ, pháp nào là trước, pháp nào là sau?

Thứ năm, nói mười hai duyên sinh và trí tuệ của Phật có thỉ có chung hay chăng?

Thứ sáu, nói mười hai duyên sinh do nhất tâm biến hiện, sao lại cảm chịu khổ, vui của ba cõi khác nhau?

Thứ bảy, nói trong pháp giải thoát, pháp nào có y, pháp nào không có y?

Thứ tám, nói về sự giải thoát của chư Phật có thể, tánh, tướng, không có nơi chốn, có vô lượng công đức, có cõi của một Phật, được trang nghiêm bởi thân cõi nhiều như cát bụi, tướng răng ảnh hiện sáng suốt, là hữu thường hay vô thường?

Thứ chín, thuyết minh tất cả chư Phật đề có nguyện lớn rằng, thề độ hết tất cả chúng sinh mới tự giải thoát như hiện nay, vẫn còn vô số tất cả chúng sinh sao vô lượng chư Phật đã thành, Phật hiện đang thành, như vô lượng cõi nhiều như bụi, há không trái với năng lực vô lượng vốn là đại nguyện của mình chăng?

Thứ mười, nói mười hai chi hữu là cội nguồn của sự sinh tử lớn, làm sao cứu độ vượt qua, khiến cho người mê hiểu được mình đồng với đại trí, đại bi với Phật, thành biển công đức của Phật, tất cả biển trí của đại pháp môn chăng?

Thứ nhất, nói về mười hai duyên sinh, nhàm chán sự sinh tử từ đâu sinh ra? Vì tất cả chúng sinh từ xưa đến nay không có gốc, không có ngọn, không có bắt đầu, không có sau cùng, không có tánh, không có tướng, không có xưa, không có nay. Thể của trí tuệ chân thật là nguồn gốc của tất cả chúng sinh, vì trí tuệ chân thật không có thể tánh, nên chẳng thể tự biết không có tánh, vì tánh của vô tánh chẳng thể tự biết, vì không có tánh nên gọi là vô minh, như trong địa thứ sáu Kinh Hoa Nghiêm chép: Vì không liễu nghĩa thứ nhất nên gọi là Vô minh. Sẽ biết vì trí tuệ chân thật vốn chẳng có tánh, nên chẳng thể tự rõ. Đã không thể tự rõ, cho nên chư Phật lại phải thị hiện xuất thế, nói pháp, nhằm

đem lại sự lợi ích, yên vui cho các trời, người. Vốn không có chúng sinh đáng cứu độ, bậc tiên hiền đã đắc đạo, lợi lạc thế gian, biết sáng suốt chân trí chủ yếu được rõ duyên, mới có thể hiện.

Nếu nói chân trí xưa nay tự nhiên thường, không thay đổi ấy, thì phải có đối tượng y chỉ, tức đã có nơi chốn thì có hình chất vững chắc, mười phương hư không sẽ chẳng thể dung nạp nhau, tức đồng với ngoại đạo, Nhị thừa và tịnh độ, Bồ-tát đều có đối tượng nương tựa. Nên, chúng sinh tự là chúng sinh, Thánh tự là Thánh không cần sự giáo hóa. Vì thế, nên biết có Hiền Thánh đắc đạo, hội nhập chân thật sáng suốt, nhận biết chân trí chẳng có tánh, nên không rõ được duyên, chỉ mê tâm, cảnh, mười hai chi hữu thuộc về sự, nhiễm chấp mắc, không thể tự biết có tánh, không có tánh, vọng gây nên ngã kiến, thuận theo vô minh, hành, thức, danh sắc, đối với sáu căn là xúc, thức là hạt giống, ý là chủ thể duyên tùy thuộc sự hòa hợp, xúc, thọ sinh theo.

Hai là sự vô minh, hành duyên năm căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, đối lại với danh sắc. Vô minh và hành là đối tượng duyên, ý là chủ thể duyên, danh sắc là cảnh, đối tượng duyên. Thức đối với các căn tùy thuộc sự hòa hợp. Phân biệt việc thiện ác nhận lấy gọi là Thọ. Năm căn của một đoạn này, từ bảy pháp ý và thức làm duyên hiện hành. Nhận lãnh tham chấp mắc không buông bỏ, ấy là sinh ái, thủ, hữu. Từ ba duyên ái, thủ, hữu thành nghiệp nhân của đời sau, ba duyên: sinh, già, chết làm quả khổ của đời đương lai.

Ái, thủ, hữu này và sinh, già, chết thường dùng sinh, già, chết làm quả, đời đời không có dừng dứt, tùy thuộc tự tham dục, nhân nghiệp kiêu hãnh ngã mạn, buông lung tham giận, hơn kém, v.v... thọ sinh trong ba cõi, khổ, vui khác nhau, đều là tự tâm thay đổi, chẳng phải do người khác ban cho. Nên biết như thế là nguồn gốc của biển khổ đã sinh ra tất cả chúng sinh. Vì mê chân trí ấy là nghiệp hữu sinh ra mười hai chi hữu. Nhân chi hữu này mà khởi. Nếu đạt vô ngã thì sẽ không có chỗ sinh, thì tất cả pháp tự tánh vô sinh. Cho nên, kinh chép: Thế gian sinh diệt đều do chấp mắc ngã. Nếu lìa ngã thì sẽ không có chỗ sinh, vì chấp mắc ngã, nên thường cầu có, không, chẳng chánh suy nghĩ, khởi hành vi giả dối, hành động theo tà đạo, làm tội, làm phước, làm bất động, chứa nhóm thêm lớn, tâm gieo trồng trong các hành, hạt giống sinh thân hữu lậu. Lại nữa, khởi hữu sau, sinh và già chết đã gây ra các nghiệp, làm ruộng thức, làm hạt giống, bị vô minh tối tăm che lấp, được thấm thấu, nhuần nhuyễn bởi nước ái, được tưới tiêu bởi ngã mạn, lưới kiến thêm lớn, nẩy mầm danh sắc. Danh sắc thêm lớn, sinh ra năm căn (năm

giác quan). Các căn đối nhau sinh xúc, xúc đối nhau sinh thọ, thọ sinh xong, lại mong cầu sinh ái, ái thêm lớn sinh ra thủ, thủ thêm lớn sinh ra hữu, hữu sinh xong, ở trong các cõi, khởi thân năm uẩn, gọi là sinh, sinh xong, suy yếu biến đổi thành già, già rồi tạo nghiệp yếu kém, thành bệnh, bệnh xong, nghiệp hết, là chết. Khi chết, vì sinh các nóng bức, nên lo lắng, buồn rầu, than thở, mọi đau đều nhóm họp. Vì quả nhân duyên này nên có tập, không có tập: Đây là nói về ý kinh, là vì gọi đệ nhất nghĩa, nên vọng sinh duyên khổ, thật đáng thương xót, vì mê tâm, cảnh, uổng phí trôi lăn sinh tử. Mọi nỗi buồn rầu khốn khổ, chuyển biến thổi ập đến không ngớt, chỉ cần thanh tịnh ý căn thì không tuệ sẽ hiện tiền, mười hai chi hữu đều không có và năm pháp danh sắc, thức, xúc, thọ, v.v... đều là pháp giới của trí căn bản, các pháp môn duyên sinh tự tại, biển cả và các biển công đức của các Ba-la-mật, để chứng tỏ người mê, tức tất cả tâm cảnh của biển phiền não đều là biển khổ. Nếu là người giác ngộ, thì tức là các pháp môn và biển Ba-la-mật, khi chánh giác ngộ, tất nhiên vô minh không thấy diệt, trí tuệ không thấy sinh. Cho nên kinh nói: Tất cả pháp bất sinh, tất cả pháp bất diệt. Nếu hiểu được như thế, thì chư Phật thường hiện tiền. Đây là nói về hết mê, nên tất cả chúng sinh ở trong trí vô tác căn bản thứ nhất, khởi vọng tạo nghiệp, ái, thủ, hữu sinh. Cho nên mười hai chi hữu do mê trí tuệ chân thật mà sinh. Mười hai chi hữu dùng làm nguồn gốc của sự sinh, vì trong các Bát-nhã của giáo pháp Ba thừa này là người giống phẩm hạ trung, chỉ nói mười hai duyên không của năm uẩn. Không cũng không, hữu vi, vô vi và rốt ráo không, cho đến mười tám không v.v... đều chưa nói về biển khổ phiền não của mười hai duyên sinh, ấy là các biển công đức, muôn hạnh của Bồ-tát, các biển Ba-la-mật, các biển pháp môn, biển chánh giác của biển trí, ba pháp của Văn-thù, Phổ Hiền, Tỳ-lô-giá-na đều tròn đầy. Chư Phật mười phương trong mỗi hạt bụi và tất cả chúng sinh đồng ở trong biển vô ngại.

Vì pháp như thế nên là thần thông của quyền thừa chẳng thể thực hiện được, tất cả Đại, Tiểu thừa đều không có bờ mé, tham dự, phản ánh nhiều lớp, lớp lớp vô ngại, như kinh có nói rộng.

Thứ hai, nói mười hai duyên sinh là vốn có, hay vốn không? Trong đây có hai nghĩa:

1. Vọng.
2. Chân.

1. Như kiến vọng của tình đời, tùy thuộc ba đời. Xưa nay, vì tâm

chấp muôn việc kia là có thật. Lại, chấp sự sinh tử cho là vô thường. Đây chính là như tâm tưởng của tình đời đã chấp nói là vô thường, đều là tâm vọng, tưởng vọng, phán đoán nối nhau không có tận cùng. Nói thường, vô thường đều là luống dối, không có pháp nhất định, đều không đáng nương tựa.

Nói lý trí chân như thường, không thay đổi, cũng là luống dối, cho nên, kinh Tịnh Danh chép: Không dùng tâm hành sinh diệt để nói pháp thật tướng, vì mười hai chi hữu này là tự tâm của tất cả chúng sinh, tự lừa dối, tình chấp thay đổi mà sinh. Nay nói mười hai chi hữu thường là luống dối. Nếu nói pháp vô thường, lại do diệt mà chấp chứng, hoặc vì nhàm chán pháp vô thường, lại do diệt mà chấp chứng, hoặc vì nhàm chán mà vãng sinh, đều là biến hóa sinh tử, chẳng phải giải thoát chân thật. Thế nên, thường và vô thường đều đồng với trí đệ nhất nghĩa, không thể dùng tình để biết. Kinh nói: Vì không rõ nghĩa thứ nhất nên gọi là Vô minh.

Lại, thế đế tức đệ nhất nghĩa đế là sao? Mười hai chi hữu quyết định nói là thường và vô thường. Lại, như khi đệ nhất nghĩa của chánh hội, chẳng thấy thân, tâm và cảnh giới, hoặc sinh, hoặc diệt, thường và vô thường.

Cho nên, mười hai chi hữu chẳng có tánh quyết định, chẳng thể nói là thường và vô thường, vì đồng với thắng nghĩa đế đệ nhất.

Thứ ba, là nói về trí tuệ giải thoát của chư Phật, là vốn có hay do tu sinh?

Một đoạn này phải biết có bốn sự chê bai:

Nói pháp vốn có thêm sự chê bai. Nói pháp vốn chẳng có tổn giảm, chê bai, vừa có vừa không có chê bai hý luận, chẳng phải có, chẳng phải không có sự chê bai mâu thuẫn nhau.

Nếu nói trí tuệ giải thoát của chư Phật vốn có thêm sự chê bai, nói là pháp vốn không có thêm sự chê bai, vừa có, vừa không có sự chê bai hý luận, chẳng phải có, chẳng phải có sự chê bai, mâu thuẫn nhau.

Nếu nói trí tuệ, giải thoát của chư Phật vốn có thêm sự chê bai, nếu nói vốn không có chủ yếu nhờ tu sinh, tổn giảm sự chê bai, thì một đoạn ở đây, lời nói, suy nghĩ, so lường của ý tình chẳng theo kịp. Tình mất, thần hội nhập, tưởng tận, trí viên, sao dùng tình để giải thích về có, không, bàn bạc về trí không có công dụng kia?

Nói trí tuệ, giải thoát của chư Phật kia vốn có, tức thể tánh như đồng với hư không, xưa nay chẳng có dấu vết. Nói trí tuệ, giải thoát của

chư Phật kia vốn không, do tu mà có được, thì mất tình lo nghĩ mà bắt đầu hội nhập Nhất thừa. Nếu vì diệt thức, mất tình thì cũng chẳng phải là xứng đồng với tất cả chúng sinh, do tư tưởng thanh tịnh thường tồn tại, nghĩa là thường mê, chẳng biết tồn tại, tu là từ chối sự thất bại, buông lung thì hoàn toàn sai trái. Nếu nói: Vốn có tu sinh thì đều bị lỗi lầm. Vì sao? Vì nói vốn có tất cả chúng sinh xưa nay là Phật, thì sao lại do khổ vui mà trôi lăn mãi không ngừng? Nếu nói do tu sinh, lại thành bại hoại, thì pháp hữu vi đều là vô thường, nên phải dứt trừ hai chứng này mới được tương ưng. Cho nên tụng xưa chép:

Các pháp không tự sinh
Cũng không từ người sinh
Không chung đều là nhân
Cho nên nói Vô sinh.

Đây là phương tiện quán hạnh của thiền định, dùng để rõ duyên, mê giải, tự sáng suốt, không thể dùng tình lo nghĩ để đắn đo tính kể rằng tu sinh, vốn có. Thể của quả quán hạnh này không thật có, do châm chước mà biết, không do lo nghĩ, suy lường mà được, phải dùng công sức thành thục chỉ quán mới chứng biết. Vội vàng cũng không thành, thong thả cũng không được, chỉ biết không thôi nghỉ, tất nhiên không luống bỏ như trong sữa có lạc, đều phải đợi duyên. Vì trong duyên duyên không có tác giả, nên lạc kia khi thành rồi cũng không có chỗ đến, cũng chẳng phải vốn có. Trí tuệ của Như Lai do phương tiện mọi việc lành: giới, định, tuệ để soi rọi mà trong duyên duyên không có tác giả, vì không có thành, hoại. Nhưng đối với trí Nhất thiết, trí Nhất thiết chủng, ở trong đó mà được sáng láng. Đối với các pháp không có chủ thể tạo tác, đối tượng tạo tác, nên cũng chẳng phải vốn có, cũng chẳng phải vốn không, vì trong đệ nhất nghĩa chẳng có gốc, chẳng có ngọn, vô thỉ, vô chung, không có thành, không có hoại, không có ba đời, xưa nay cũng chẳng thể tạo ra vốn có, kể cả tu sinh, thành tựu các kiến chấp đoạn thường của thế gian và các cuộc tranh luận, nên biết như thế. Như bài tụng trong kinh chép:

Tất cả pháp bất sinh
Không có kiến và thường
Tất cả pháp không diệt
Và không có chấp đoạn.
Nếu hiểu được như thế
Chư Phật thường hiện tiền
Vì không có đoạn, thường

Tức là nghĩa thành Phật.

Cho nên, không thể tạo ra vọng tưởng suy lường, phỏng đoán là do tu sinh hay vốn có. Vun trồng lại vọng tưởng không thể tương ưng, phải vô tâm đối với tất cả pháp, đạo tự thể hiện. Không có tâm, đạo thể hiện, chánh trí mới sáng suốt. Chánh trí đã hiện tiền mới giác biết được các duyên của tâm, cảnh tự chúng đều không có tánh. Tâm, cảnh đã không có tánh thì mặt trời trí tuệ đồng với cảnh không, đâu thể lập cảnh không của trí, thức yên lặng, sóng không có sinh, tất cả hiện hành đều chẳng có chủ thể, đối tượng, như tiếng vang trong hang trống, ứng vật thành tiếng, hang trống chẳng có tâm, trí cũng ứng vật như thế, phân biệt đều không có đối tượng sinh. Ở đây, mình, người đồng trụ trong huyễn ảo, tất cả tâm, cảnh đều như, chẳng thấy một pháp nào có các tướng sinh, trụ, dị, diệt, thành, hoại, v.v... gọi là môn pháp giới duyên khởi tự tại Vô sinh. Như Thiện Tài chí đức sinh đồng tử, đồng nữ có đức, được pháp môn không, trí huyễn, sinh huyễn, trụ huyễn, thọ sinh tất cả chỗ đồng với trụ huyễn.

Thứ tư, nói mười hai duyên sinh và trí tuệ Phật, thứ nào là trước, sau? Như đã thấy nghiệp vọng, nhận thức của tình đời: Tức mười hai duyên sinh sinh tử ở trước. Nếu dùng đạo để thể hiện trí sáng suốt, thì xưa nay vốn không thay đổi, vì không có chuyển, là đức của quả báo, của nghiệp thiện, ác đã gây ra trong vô lượng kiếp.

Đạo thể hiện trí sáng suốt đều sẽ thấy. Như trong lầu gác của Di-lặc, Thiện Tài vào xong, hạnh nghiệp xưa, nay ba đời của Di-lặc đều biểu hiện ở trong đó.

Vì tự tịnh nghiệp trí tròn sáng, chư Phật nơi mười phương và tất cả chúng sinh hành nghiệp xưa nay trong ba đời đều biểu hiện khắp, vì vô minh đều hết, trí Nhất thiết thành, tự hợp như thế, chỉ tịnh hóa tự tâm, không thể mong cầu, như tâm đầu tiên của thế gian, vả lại chỉ dứt tâm, tịnh niệm: Vì cũng được phần ít cảnh giới sinh tử của bên ngoài đã hiện, nên người cầu đại đạo không nhận lấy, chẳng thể dùng ánh sáng đom đóm để gây trở ngại cho ánh sáng của đại trí. Đây là thu nhiếp tán loạn, dứt đối tượng kiến chấp của tâm, cũng có quỷ tà vào thân, cũng thấy phần ít đều không thể chấp, đã khéo quyết định lựa chọn như Bồ-tát mười địa, đã được tam-muội trong trăm muôn A-tăng-kỳ, đời đều sáng suốt, ngồi trên hoa sen báu lớn, đồng với một trăm muôn Tam Thiên Đại thiên thế giới, truyền trao chức vị Như Lai. Thân Bồ-tát kia đầy đủ trên đóa hoa sen lớn. Ở bốn bên hoa sen lớn này, tiếp theo có mười ba

ngàn thế giới Đại thiên, số cát bụi hoa sen dùng làm quyến thuộc. Các Bồ-tát đều ngồi trên đó, hãy còn đối với hạnh Phổ Hiền, cũng bị chướng ngại. Muốn thấy Bồ-tát Phổ Hiền chẳng thể thấy được, phải bỏ năm chướng mới thấy Phổ Hiền.

Trong phần lược giải thích, đã nói: Thiện Tài muốn vào vị đại bi, chỉ thấy mắt trời báu ở chỗ Ma-da phu nhân, đủ nói số của năm chướng, huống chi dứt niệm thế gian, tâm tịnh phần ít, sợ sệt sinh tử, e sợ tâm duyên mà có thể thấy phần ít cũng làm chướng ngại đạo, chưa tạo tác, sẽ tạo tác, đã tạo tác, cần vượt qua, chớ gây dính mắc ở trong đó, một là y chỉ đồng tử Thiện Tài, đã có dáng hạnh năm vị của mười trụ, mười hạnh, không sai lầm.

Biển đại trí căn bản như thế, không thể còn cầu kiến chấp trước, sau, đều từ pháp mê của mười hai duyên sinh. Ma vương thay đổi giả dối ý thức ở trong tâm cảnh, tự mê hoặc tâm mình, đến vô thỉ chìm đắm, do mê bất giác trước tồn tại, sau tồn tại, thấy xưa, thấy nay, ở trong nghĩa thứ nhất, đều không có cái thấy này. Ở tất cả chỗ Văn-thù-sư-lợi đồng thanh nói kệ:

Một niệm quán khắp vô lượng kiếp
Không đi, không đến, cũng không ở
Biết rõ việc ba đời như thế
Vượt các phương tiện, thành mười lực.

Lại, vì đồng với việc ba đời trong thể đại trí, vì đời quá khứ nhập đời vị lai hiện tại, vì đời vị lai nhập đời quá khứ hiện tại, vì đời hiện tại nhập đời quá khứ vị lai, vì trí căn bản không có tánh của ba đời, chấp vọng ba đời, trí hiện tự viên, không có xưa, không có nay, một đời chung cho thành mười đời, vì ba đời trên một đời, trong ba đời thành chín đời, chung cho đời bình đẳng thành mười đời. Như tìm hình vuông trên viên ngọc tròn, tìm mối đầu, cuối trên chiếc vòng xuyến, tìm bìa giữa, nhỏ, lớn trong hư không, mé trước, mé sau, sau cùng không thật có.

Nên biết như thế, thấy như thế, tức các kiến chấp đối với lớn, nhỏ, trước, sau không có lẫn lộn.

Thấy như thế cùng tận ba đời đều quên, gọi là khi mới phát tâm, liền thành Chánh giác, sau đó, thành hạnh Phổ Hiền.

Thứ năm, là nói mười hai duyên sinh và trí tuệ Phật có thỉ, có chung. Như có người trong thời gian ngắn, nằm mộng thấy việc trong vô lượng kiếp, bỗng nhiên thức giấc, kiếp số, thời lượng đã có trong mộng đều không thật có.

Cũng như thế, kiến chấp vô minh và trí tuệ Phật cũng không thật có, vì mười hai chi hữu, vô minh và trí tuệ Phật đều luống dối. Kinh chép: Không có vô minh, cũng không có hết vô minh, cho đến không có già, chết, cũng không có hết già chết, vì chân, vọng đều đồng một tánh hư không, nên chẳng thể đối với cái không mà tìm tướng mạo sinh diệt. Chẳng thấy vô minh diệt, chẳng thấy trí tuệ sinh, vì không có sinh diệt, nên tất cả pháp cũng như thế, không có sinh, không có diệt, không có thỉ, không có chung.

Thứ sáu, là nói mười hai duyên sinh là do nhất tâm biến hiện, sao lại cảm chịu khổ, vui của ba cõi khác nhau?

Bồ-tát Kim Cương Tạng nói: Vì không rõ đệ nhất nghĩa đế, nên gọi là Vô minh. Việc đã làm là hành, hành y chỉ ở tâm ban đầu là Thức. Thức sinh chung bốn thủ uẩn là danh sắc; vô minh, hành, thức, danh sắc là bốn. Danh sắc thêm lớn thành sáu xứ là sáu căn. Ba là sự: căn, cảnh, thức hòa hợp là xúc. Xúc sinh thọ, nhiễm ô chấp mắc ở thọ là ái, ái thêm lớn là thủ. Vì từ trong ái, thủ này, chẳng thuận với tham lam, giận hờn, đều tùy thuộc nghiệp cố chấp các thứ nghiệp sâu, cạn, nhẹ, nặng khác nhau. Do các nghiệp của hàng trời, người của đường ác này đều khác nhau, nên người tu hành phải quan sát, và đối trị chủng thức, để thể hiện môn trí mà đối với tâm, cảnh, liền được tự tại. Về ý khác, dưới đây sẽ lại nói.

Thứ bảy, nói về trong pháp giải thoát, pháp nào có y, pháp nào không có y.

Thanh văn, Độc giác đều nhàm chán sinh tử, y chỉ tịnh độ, Niết-bàn vắng lặng. Bồ-tát nhàm chán sự sinh tử, đã dựa vào tịnh độ. Trong Bát-nhã, Bồ-tát đả phá bỏ hữu, quy về không, thành trí tuệ không, nguyện sinh tịnh độ. để lại hoặc, thấm nhuần sự sinh, giáo hóa chúng sinh, như trong kinh Niết-bàn, y cứ vào tất cả chúng sinh đều có tự tánh thanh tịnh, cũng có đủ hạnh Phổ Hiền, đều là pháp môn của Bồ-tát, v.v... các giáo trong ba thừa. Cõi nước đều có phần lượng của đối tượng nương tựa rộng, hẹp, lớn, nhỏ, để được, đều có đối tượng nương tựa. Vì suy lường phẩm căn của chúng sinh chưa tròn đầy, có lượng tâm tu hành, đều dựa vào phần mình mà được, chỉ có quả Phật Nhất thừa, đại bi, lý trí của Tỳ-lô-giá-na, Văn-thù, Phổ Hiền là tròn đầy, đều khắp đến chúng sinh sáu đường và ba thừa, Bồ-tát, Nhị thừa Thanh văn, Duyên giác, vì tất cả đối tượng y chỉ đều thường khắp đầy đủ mười phương cũng như hư

không, đều chẳng có đối tượng nương tựa, chẳng phải ở đối tượng y chỉ hẹp, so lường giới hạn lớn, nhỏ, cũng chẳng phải đối tượng gánh vác tận cùng, đắn đo tính kể của tưởng tình, đối tượng ấn định của đại trí không có tạo tác, không có công dụng. Vì đạt được hết mê trong mười hai pháp duyên sinh, vì trí thể hiện, nên không có tâm chán bỏ, vì không có cảnh của mình, người, nên không mọc, không lặn. Trí ấn định mười phương, không có đi, không có đến, thường đối với sắc thân hiện tại, cùng khắp trước tất cả chúng sinh, vì không có đi, không có đến, nên cũng chẳng có tâm biến hóa của thần thông, vì trí không có đối tượng tạo tác, pháp nhĩ có thể thuận theo chúng sinh, ứng cảm, thể hiện thân mình, thích ứng với đối tượng hóa độ, như tiếng vang ứng khắp trong hang trống. Các âm thanh đều chẳng có đối tượng nương tựa. Tất cả chúng sinh và các Hiền Thánh đều chẳng có nương tựa, chỉ vì do tâm mình thấy giả dối, chỉ trí sáng suốt, vì mê hiểu đạo tự như thế, chẳng phải do tình này tạo tác mà được, nên gọi không thể suy nghĩ, bàn luận. Lại, có ý khác, sau đây lại giảng nói.

Thứ tám, nói về sự giải thoát của chư Phật đều không có thể tướng, vốn không có nơi chốn, đã có công đức trang nghiêm thân, cõi, là thường, hay vô thường? Báo thân và cõi nước của Như Lai, vì tịnh độ của ba cõi là đối tượng tri kiến của Bồ-tát, cho đến vị thọ chức của Bồ-tát Thập địa, chỉ thấy Như Lai ra đời, công đức của thân, cõi, giải thoát, Niết-bàn, tam-muội, cảnh giới mầu nhiệm cũng không thể thấy, đức quả thành Phật, về sau, thường thực hành hạnh Phổ Hiền, thường trụ thế gian, thực hành trong sáu đường, mười phương không thôi dứt, cũng không thể nhìn thấy. Như đạo Thập địa viên mãn, vì muốn thấy hạnh Phổ Hiền, nên dùng ba độ của năng lực tam-muội, nhập gấp bội vô lượng tam-muội, rốt ráo không thấy thân Phổ Hiền và tất cả cảnh giới, huống chi sau quả Như Lai, thực hành hạnh Phổ Hiền, cõi nước mười phương đều ở khắp trong đó, công đức được thấy sẽ như thế nào?

Như phẩm thế giới thành tựu kinh Hoa Nghiêm chép: Như ngần ấy thế giới của các loại hỗn tạp, biến xứ của hạnh Phổ Hiền, hạnh Như Lai, như Hoa Nghiêm, tức là Văn-thù-sư-lợi hóa thân đi vào thành giác ngộ của nhân gian, ở chỗ tháp miếu lớn phía Đông, chuyển nói kinh này, gọi là kinh phổ chiếu pháp giới Tu-đa-la. Ở trong biển cả có vô lượng trăm ngàn ức các rồng, đều đến chỗ tháp miếu kia để được nghe pháp này, đã nhàm chán sâu xa cõi rồng. Chính đến với đạo Phật, đều bỏ thân rồng, sinh vào hàng trời, người. Một muôn các rồng phát tâm

đại Bồ-đề được không lui sụt. Có vô lượng vô số chúng sinh đối với ba thừa đều được điều phục, nhân gian di chuyển thành. Đồng tử Văn-thù-sư-lợi ở trong ngôi tháp lớn trong rừng Trang Nghiêm, Tràng Sa-la, vô lượng đại chúng từ thành đi ra, cùng đến chỗ đó.

Lược nêu Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, đồng tử, đồng nữ, đều nói: Năm trăm chúng nhập pháp, vì nghĩa này, nên chỉ vì Văn-thù-sư-lợi chuyển giáo ở nhân gian. Nếu là báo thân và cõi nước của Như Lai, thì các vị trời, Bồ-tát Thập địa và các Bồ-tát ở tịnh độ, đều không thể nhìn thấy, huống chi là Nhị thừa và phàm phu mà được thấy. Vì đây là cảnh giới vượt ngoài thức tình mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, chẳng thể nói rằng: Thường, vô thường, sinh, diệt, so sánh với thân và diệu tướng cõi nước của Như Lai, không thể dùng hình chất trở ngại mà chia rõ ràng để biết, mỗi lỗ chân lông đều không có bờ mé, đã được tất cả thân công đức, không thể dùng tình thế gian để bói thử rằng: Thường và vô thường đều không có thể quyết định, vì không thuộc về tánh sinh diệt nên không có khả năng biết giả dối.

Thứ chín, là nói tất cả chư Phật đều dùng nguyện lớn độ hết chúng sinh, nếu còn có một chúng sinh, thì ta sẽ không thành chánh giác. Như nay, hiện còn vô lượng chúng sinh, vì có vô lượng chư Phật đã thành, hiện thành Phật, há không trái với năng lực bản nguyện của chư Phật kia chăng? Như thế giới mười phương không thấy một vị Phật đã thành, Phật hiện đang thành, thường thực hành hạnh Phổ Hiền, ở thế giới mười phương, độ thoát chúng sinh, không có xưa, không có nay, không mọc, không lặn, chỉ vì chúng sinh phải thấy thành Phật, kể cả Niết-bàn, Bồ-đề vô tác, Đắc là sao? Chứng là sao? Thành là sao? Hoại là sao? Chỉ vì hạnh Phổ Hiền và chúng sinh thường như vậy, thường lợi ích chúng sinh mà không có lợi, nghĩa là chỉ vì trí tánh vô tác, tự vòng quanh khắp ứng hiện. Mê hết vốn không có thành, hoại. Đang mê, khi hết, không thấy mê. Đã không thấy trí tuệ, nhưng Thiện Tài bước vào cửa Từ thị, vào xong, cửa khép lại. Vì trong các pháp, thật ra không có một pháp nào có thành, hoại. Nếu đối với các pháp thấy có Phật, người thành Phật, thì đây là nghĩa vô thường, như kinh Niết-bàn tự giảng nói đủ văn, chớ sinh nghi ngờ.

Thứ mười, là nói mười hai chi hữu là nguồn gốc vĩ đại của sinh tử, làm sao vượt qua, khiến cho hết mê, đồng với đại bi, đại trí của Phật, thành pháp môn rộng lớn.

Biển công đức của Phật của biển nhất thiết trí. Như trong hội thứ hai kinh Hoa Nghiêm, trong điện Phổ quang minh nói môn Thập tín. Như Lai phát ra ánh sáng mười độ trong bánh xe dưới lòng bàn chân. Ánh ánh ấy được phát ra từ giữa hai đầu chân mày, soi sáng các thế giới mười phương, rồi lại trở vào trong bánh xe dưới lòng bàn chân, để giảng nói ánh sáng, quả của Phật, vì công dụng ánh sáng của quả Phật là thành tín vị. Ánh sáng của Phật kia danh hiệu là nhất thiết Bồ-tát trí diệm chiếu diệu thập phương tạng. Tướng mạo ánh sáng ấy cũng như sắc báu, đèn, mây. Vì ánh sáng của hào quang này được phát ra từ trong bánh xe dưới lòng bàn chân. Đầu tiên chiếu sáng Tam Thiên Đại thiên thế giới, khiến cho người tu hành thuận theo tâm ánh sáng, tạo ra tưởng sáng suốt của ánh sáng, soi rọi khắp Tam thiên Đại thiên thế giới, bốn duy, trên, dưới, cũng giống như thế. Theo thứ lớp một vòng, mỗi phương do tưởng thành, mười phương vượt qua tưởng này là quán đầu tiên.

Quán thứ hai, thứ lớp, cho đến thứ mười, rộng thêm gấp bội, suy lường tưởng niệm, đều tận hư không, khiến cho tâm mình cũng tận hư không, tâm đồng ở trong hư không, tâm mình, định của mình sáng láng, yên vui, mới từ định khởi trở lại. Quán mười phương, bốn duy, trên, dưới, khắp chung quanh tìm cầu tâm mình, trong, ngoài đều không có sở đắc, mới bắt đầu biết rõ tuệ không hiện tiền, gọi là pháp môn nghĩ nhớ, thấy khắp, trí tuệ sáng suốt của tất cả chư Phật, ở trong vị này, định, loạn đều có quên, gọi là trụ Sơ phát tâm. Vì Tuệ không này quan sát tất cả chúng sinh ở thế gian, kể cả cõi nước, đều như huyễn hóa, không có thể tướng, đồng với pháp môn giải thoát của tuệ không của Phật. Nhập tri kiến của Phật xong, do đây gọi là môn niệm Phật, vì không có niệm tương ưng với chánh tuệ, nên nhập môn niệm Phật cảnh giới mười phương. Vì tự tánh của tuệ không cùng khắp và tất cả Phật thành Chánh giác, xoay bánh xe pháp, kiếp ba đời ở một thời gian, vì không có tướng kéo dài, rút ngắn của thời phần để an lập, như kinh có nói rộng, nhập mười thứ rộng lớn này, như môn hư không lượng niệm Phật, mới vào nước của môn biển.

Thứ hai, là pháp môn trị địa trụ phương quảng đạt biển mười hai duyên sinh thành kinh Phổ Nhãn và thành biển hạnh mười Ba-la-mật, biển công đức Phật, nhập vào biển ánh sáng khắp của đại trí liên hoa đại bi không có nhơ bẩn, thanh tịnh vô nhiễm, như kinh nói: Đồng tử Thiện Tài hỏi: Muốn nhập tất cả biển trí vô thượng mà chưa biết hạnh của Bồ-tát, làm sao có thể bỏ nhà thế tục, sinh vào nhà Như Lai?

Mười câu hỏi như thế, đủ như kinh nói.

Tỳ-kheo Hải Vân sau khi dùng mười thứ khen ngợi, khuyến phát, mới nói: Ta ở nước của môn biển này mười hai năm, thường dùng biển cả làm cảnh giới của mình, cái gọi là suy nghĩ sự rộng lớn vô lượng của biển cả, nghĩ về sự rất sâu khó suy lường của biển cả, khuyên chung mười thứ, quan sát biển cả sinh tử của mười hai duyên sinh, ấy là thấy dưới biển cả có đóa hoa sen vĩ đại bỗng nhiên xuất hiện. Ta dùng tâm quán viên tịnh, nghiệp không ô nhiễm của sinh tử, thành mười vô tận báu trang nghiêm, mười vị vua cúng dường cung kính. Ta nói về công đức của mười trí Ba-la-mật, không ngoài biển sinh tử, ở trong biển cả sinh tử, lợi lạc chúng sinh, vô nhiễm tự tại, dùng vua để biểu thị. Vua A-tu-la nói: Một trăm muôn nghĩa là hạnh mãn trong đàn Ba-la-mật. Tay cầm giữ cọng sen kia, chứng minh không lìa bỏ trí căn bản, ở trong biển sinh tử mà không chìm, dùng vua A-tu-la để biểu thị.

Trở xuống là suy nghĩ. Biểu thị pháp như thế, pháp khác có thể so sánh mà biết. Dù cho có sự việc ấy, cũng là biểu thị mọi pháp. Hoa sen có Phật xuất hiện, giảng kinh Phổ Nhãn. Nghĩa là quán đạt căn bản của mười hai duyên sinh, trí tuệ ánh sáng cùng khắp, khởi trí sai biệt, biểu hiện khắp tất cả danh sắc, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, hư không, v.v... thuận theo tất cả dụcg chúng sinh đều nói là kinh. Chúng sinh vô tận, tâm tưởng vô tận. Đối với căn cơ, sự mong muốn của chúng sinh kia, dùng muôn việc thế gian, thích ứng với đối tượng cơ nghi mà nói là Giáo, thì đâu có cùng tận, kinh nói: Dùng nước biển cả làm mực, dùng núi Tu-di làm bút, viết chép một môn trong một phẩm của kinh Phổ Nhãn này, một pháp trong một môn, một nghĩa trong một pháp, một câu trong một nghĩa, cũng không được chút phần, huống chi có thể viết hết. Ta đã ở chỗ Đức Phật này, một ngàn hai trăm năm thọ trì pháp môn Phổ Nhãn như thế. Dùng môn mười Đà-la-ni, vì các người, trời, rồng, thần, v.v... giảng nói rộng, truyền bá khắp, vì trên một duyên trong mười hai duyên có một trăm phiền não. Vì dùng làm pháp môn trong mười hai duyên, nên nói rằng, một ngàn hai trăm năm chỉ là bốn đế mà tất cả Hiền Thánh đã nói không lìa. Tất cả giảng không rời khổ, tập, tất cả giải thoát không lìa diệt đạo. Tất cả khổ, tập không lìa vô minh, cho đến tất cả các duyên hành, v.v... tùy thuộc sự trong mười phương, mỗi việc đều khác nhau, như phẩm bốn Thánh đế của kinh Hoa Nghiêm nói: Là người tu hành mỗi mỗi đều y chỉ Thập tín, Thập Trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa và giai vị Đẳng giác Phổ Hiền tự sáng suốt. Nếu không học khắp, biết không khắp, trụ trong một pháp, thì không biết con đường tiến tới. Giáo Nhất thừa dùng trí căn bản sáng suốt của ánh

sáng khắp, dùng làm môn thăng tấn của tin hiểu, vì trí không có tự thể của xưa, nay trong ba đời, lại vì không dời đổi mé sát-na thành đại Bồ-đề, y chỉ trí thành giáo, chẳng lập xưa nay. Trí viên không lìa một niệm trong nhiều kiếp ba đời, vì trí không có kéo dài, rút ngắn, không có đến đi. Thể của trí đồng với không, vốn không có rộng, hẹp, không thể phân tích rõ ràng để biết, không mảy may thêm bớt kiến, dù có lúc thâm cao của công phu thắng tấn, nhưng cũng không dời đổi mảy may nào. Giáo của Ba thừa vì lập quả Phật trong ba tăng-kỳ kiếp ở sau cùng của Thập địa, Thánh trí y cứ vào căn để lập giáo. Người ưa thích như thế, tức tạo tác, chớ nghi ngờ Thánh chỉ, đến nỗi có do dự, e tạo ra lỗi chấp không, dùng sáu phẩm trụ của Thập tín, văn kinh lại nói trong điện căn bản trí sáng suốt hào quang cùng khắp, lại dùng mười Phật trí để làm thập tín rằng, đứng hàng đầu giác, hàng đầu mắt thấy, chung cho Văn-thù-sư-lợi, dùng làm hàng đầu hạnh của đối tượng tín.

Thế giới mầu vàng, tất cả thế giới mầu vàng và chín thế giới dưới, đều chung thành mười, là mười thế giới của pháp đối tượng tín, đều gọi là sắc, cái gọi là thế giới mầu vàng, thế giới của diệu sắc v.v... vì tâm của Thập tín là tâm sinh diệt, vì sinh tin hiểu, nên lại như các loại sông tiệm, quả, hồng nhạn, sông tiệm, đối với cái vụ, tảng đá lớn, v.v...

Nói lược như thế, không thể nói đủ trụ thứ hai trong mười trụ của mười hai duyên sinh, cũng quán thành kinh Phổ Nhãn. Bồ-tát Lục địa cũng quán nhân duyên sinh khởi của mười hai duyên sinh, thành ánh sáng trí tuệ sáng suốt không có chướng ngại, để cho người học sau quan sát. Luận chủ tụng rằng:

Phàm phu không trí tuệ
Chấp vướng mắc sinh ngã
Thường mong cầu có, không
Không thể chánh suy nghĩ
Thực hành vọng tà đạo
Làm tội và làm phước
Cho đến hạnh bất động
Thường đối với các hành
Trồng hạt giống của tâm
Sinh các nghiệp hữu lậu
Thành ở thân hữu sau
Sinh tử thường trôi lăn
Các nghiệp dùng làm ruộng
Thức tâm làm hạt giống

Vô minh làm che lấp
Nước ái làm thấm nhuần
Ngã mạn là tưới rót
Các kiến sinh danh sắc
Danh sắc đã thêm lớn
Năm căn do đây sinh
Các căn và danh sắc
Chủng thức thuộc thọ, xúc
Xúc, thọ đã thêm lớn
Ái, thủ sinh các hữu
Hữu sinh thân năm uẩn
Sinh xong, suy, thay đổi
Già hoại trở về chết
Khi chết sinh nóng bức.
Lo rầu mọi khổ nhóm
Do đây thường trôi lăn
Sinh ở thân sáu cõi
Trong đây không một vật
Vì luống dối nên thế
Năng dùng thiền tốt đẹp
Tâm niệm không luống dối
Mới sinh được tuệ không
Soi khắp cả mười phương
Trong đây chẳng có vật
Năng ở trong không thật,
Mới hiện trí Như Lai
Được ánh sáng trí tuệ
Lại soi rọi chúng sinh
Thường ở cõi mười phương
Đầy đủ hạnh Phổ Hiền
Vì hóa độ chúng sinh
Mà ở môn quả Phật
An lập Tín, Trụ, Địa
Mười Hạnh, Mười Hồi hướng
Vị Đẳng giác, Thập địa
Sao cho người tu hành
Tu hành không lỗi lầm
Thập tín là sinh diệt

Mười địa nhập vị Phật.
Vì trong vị Phật này
Vì lợi ích chúng sinh
Trí giải thoát chẳng nhiễm
Gọi đó là mười hạnh
Dùng hạnh giải thoát này
Nhập vào trong sinh tử
Khắp các cõi mười phương
Rộng lợi ích chúng sinh
Gọi đó là Hồi hướng
Thường ở trong sinh tử
Nuôi lớn đại từ bi
Gọi đó là Thập địa
Vẫn ở biển sinh tử
Ưa vướng tâm giải thoát
Thích tam muội Niết-bàn
Để dứt năm thứ chướng
An lập vị Đẳng giác
Thành tựu đạo Phổ Hiền
Như đối với Thập Trụ
Sơ trụ, trụ thứ hai
Cho đến trụ thứ ba
Mà ở biển quả Phật
Quán sát mười hai duyên
Cầu nhiều tâm xuất thế
Ba tỳ-kheo tiêu biểu
Trong Tứ trụ, Ngũ trụ
Ấy là tâm giải thoát
Phản chiếu cảnh thế gian
Kể cả mười hai duyên
Tất cả mọi trần lao
Đều thường luôn thanh tịnh
Thân, tâm không trong, ngoài
Mười phương đều vô ngại
Tất cả là rừng thiền
Với các Như Lai thảy.

(Để chứng minh phản chiếu thế gian là giải thoát. Dùng Di-già giải thoát, hai sĩ tục tiêu biểu. Có cõi nước tên Trụ lâm, đi suốt mười

hai năm mới đến để tiêu biểu. Quán mười hai duyên sinh đạt một sau cùng).

Trong giai vị Lục Trụ
Xuất thế và thế gian
Hai giải thoát như thế
Đều hoàn toàn viên mãn
Đại thần thông vắng lặng
Không có công, tuệ mãn.

(Lấy Tỳ-kheo Hải Tràng để tiêu biểu, lìa hơi thở ra vào, không có suy nghĩ, giác biết nữa, dụng thần vô phương đều tự tại).

Trụ phương tiện thứ bảy
Rộng độ các chúng sinh
Nuôi lớn hạnh đại bi
Trí không công thứ tám
Tiên Tỳ-Mục-Cù-Sa
Chạy theo dòng tà kiến
Đồng là chúng chư Phật
Khiến nhập trí thanh tịnh
Chỗ ở đồng với trước
Đều gọi là bờ biển
Biểu thị trí bi đồng
Bà-la-môn thứ chín
Hiệu gọi là Thắng Nhiệt
Giảng chín Ba-la-mật
Hay đồng với tà kiến
Năm nhiệt và núi dao
Từ trên nhảy hầm lửa
Chiết phục các khổ hạnh
Đều giúp vào chánh kiến
Trụ quán đảnh thứ mười
Đối trí Ba-la-mật
Để giảng mãn mười Trụ
Dùng hạnh trí từ bi
Vương nữ tràng sư tử
Trong mười Trụ như thế
Dùng mười Ba-la-mật
Hòa hội trí hạnh từ
Mỗi hạnh đều khác nhau

Vì thắng tấn như thế
Cho đến đối mười hạnh
Trong mười Hướng, mười Địa
Kể cả vị Đẳng Giác
Mỗi mỗi đối các vị
Hạnh Ba-la-mật khác
Tham dự đều không đồng
Không rời mới phát tâm.

Pháp môn trở lên từ bên phải, đều dùng trí sáng suốt, ánh sáng cùng khắp của Như Lai làm thể, trí khác nhau làm dụng, sao cho trí tuệ đầy đủ, dùng làm pháp giới. Kinh Đại thừa chép: Mười hai chi hữu đều y chỉ nhất tâm mà lập, tùy thuộc tham dục, sinh chung với tâm, tâm là hành. Mê hoặc đối với hành sinh ra thức, thức sinh ra danh sắc, danh sắc làm cho sáu xứ thêm nhiều. Ba phần hợp lại là Xúc. Xúc sinh chung là Thọ. Thọ lãnh không có nhàm chán sinh ra ái, ái thu nhiếp không bỏ là Thủ. Các chi hữu kia sinh là hữu. Hữu đã khởi gọi là sinh, sinh thành thục là già, chết hư hoại là chết. Kinh chép: Mười hai chi hữu đều có nghiệp chủng như kinh có nói.

Đối với mười hai chi hữu là ba khổ: Một vô minh và hành, sáu căn là hành khổ. Xúc, thọ là khổ khổ, các chi còn lại là hoại khổ.

Vì vô minh diệt nên ba khổ diệt, liền được tam-muội Ba không: Tam-muội Không, tam-muội Vô Tướng, tam-muội Vô Nguyện. Ở cảnh nhất tâm không có nguyện cầu, chỉ dùng đại bi làm hàng đầu, vì giáo hóa tất cả chúng sinh. Nhị thừa quán mười hai chi hữu. Phiền não không đều diệt, thì trí tuệ, đại từ, đại bi cũng diệt. Bồ-tát quán sát các duyên do tánh là không, chẳng có sinh, chẳng diệt, chẳng có thọ mạng. Giáo hóa chúng sinh không diệt các hành, cho đến tam-muội mười không hiện tiền, thường không xả bỏ tất cả chúng sinh, rộng như kinh nói. Mười hai pháp duyên sinh dù là một pháp, nhưng tất cả Hiền Thánh đều ở trong một pháp đó để thực hiện quan sát, đều đạt được lợi ích khác nhau. Một pháp Ba-la-mật thắng tấn của Bồ-tát năm vị, đều là tên gọi dụng đức khác nhau, nên không thể một bề y cứ làm phép tắc.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 166

LUẬN
TAM MUỘI HẢI ẤN

SỐ 1889

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1889

LUẬN TAM-MUỘI HẢI ẤN

Biên soạn: Minh Bạch.

LỜI TỰA

Nếu nói về đại đạo vô biên, chẳng phải đi lại hiểm trở mà tìm được, chỉ lý sâu kín mầu nhiệm, chẳng phải sự nhận thức của trí cạn thấp, thêm vào đó sự cuộc hạn tình nhập đạo, đạo không phải hạn chế hội nhập chấp giáo cầu lý, lý chẳng phải chấp cầu, mà quan trọng là dùng hạnh lớn vô phương mới đối xứng với đạo, trừ không viên trí là hội nhập xa lìa lý, nên xin đem đến quân tử đồng ôm ấp ý của chiếc nơm kỳ lạ.

Quy mạng tận mười phương.
Tam bảo trong pháp giới.
Ta muốn trả ơn Phật.
Lược nói nghĩa khế kinh.
Khiến khắp loài chúng sanh.
Được cái vui Niết-bàn.
Nguyện đức từ hộ niệm.
Mãn thệ nguyện của con.

Luận nói: Có Tam-muội vĩ đại gọi là Hải Ấn, mau chóng giúp cho hành giả đến địa vị Bất thối. Dùng phương tiện nhỏ đạt được lợi ích lớn. Tụng, kệ của nghĩa thiết yếu trong ấn kia, gọi là Đà-la-ni, tổng trì tất cả yếu nghĩa của khế kinh. Chứa đựng khắp tất cả công đức của chư Phật. Tuy nhiên, Đà-la-ni lược có hai thứ: Một là pháp, hai là nghĩa. Trong pháp có ba, nghĩa là Thể, Trí, Dụng.

Nói thể, nghĩa là nhất tâm, căn bản của các chúng sanh. Tâm này xưa nay tự tánh thanh tịnh, không thêm, không bớt, không sanh, không diệt, rộng lớn vô biên, cũng như hư không. Tổng trì tất cả pháp thế, xuất thế, vì đều thu nhiếp.

Nói Trí, nghĩa là hai trí lượng, lý của địa vị Như Lai, không có lý nào không chiếu, không có sự nào không đạt. Duy trì chung tất cả công đức vô biên, vì không có đức nào không thu nhiếp.

Nói dụng, hai thân: ứng, hóa của địa vị Như Lai ứng hiện khắp pháp giới, nhằm giáo hóa chúng sanh, cùng tận đời vị lai, dụng hóa độ không có cạn hết. Cầm giữ chung tất cả các pháp hiện có ở thế gian, vì đều thu nhiếp.

Nói nghĩa, nghĩa mầu nhiệm, rộng lớn, đã rõ ràng viên giáo của Ma-ha-diễn.

Tổng trì tạng pháp bí mật của chư Phật ba đời trong mười phương, vì đều thu nhiếp.

Hai môn Đà-la-ni như thế đều thu nhiếp vô lượng pháp môn như cát bụi, dung nhau vô ngại, nhiếp nhập lẫn nhau, thuận nhập một môn, không có môn nào không suốt qua. Thấu đạt tất cả pháp môn cát bụi, nhập cảnh giới Phật, không có sợ sệt, như kệ trong kinh nói:

Vô lượng giải trong một
Một giải trong vô lượng
Lần lượt sinh không thật
Người trí không có sợ.

Hai môn Đà-la-ni như thế, cho đến vô lượng pháp môn nhiều như cát bụi, đều nhập vào tam muội Hải ấn. Thí dụ như các thứ nước có trong thiên hạ đều chảy vào biển cả, không có dòng chảy nào mà biển không nhận. Tam-muội Hải ấn cũng giống như thế, đều thu nhận tất cả nước của các Khế kinh. Ví như mặt trời, mặt trăng, các vì sao trong hư không, cung điện của các vị trời, binh của A-tu-la và các binh được trời Đế-thích dẫn đến, đều ảnh hiện trong nước biển cả. Tam-muội Hải ấn cũng giống như thế, chư Phật, các Thánh Bồ-tát của pháp giới vô lượng vô biên đều hiện trong nghĩa Đà-la-ni đó, như bài tụng nên biết. Nếu hành giả kia muốn đọc chữ Sinh góc từ giữa ấn là bắt đầu, thuận theo văn ấn, chuyển quanh trở về, cho đến Niết-bàn là sau cùng, bài tụng chép:

Lượng vô cớ như hằng tướng Phật nhất đại bất diệc hình bổn sát vô hàm thập phương sát bản quốc nhất thiết nhất thiết pháp trung nhất số bao trần thiết nhất sát dung giải lượng vô nhất ư giải sát khoáng trần

trung khoáng đại chư thập trung pháp Phật độ mãn thập phương đại nhất giai lăng trần nhất pháp nhất tắc nhất pháp lượng vô thị kiếp lụy như thị bất linh giới giả thị nhất pháp nhất pháp tắc trí trọng bất giới thế chư nhi trí thể bàn niết đề bồ thị giả liễu tri tắc nhất niệm sinh tử, Niết-bàn chẳng khác, xứ tắc thành cầu phương thập nghệ nhất bàn nan thậm nhi cận đề phiền xứ Phật bất tri thân biến niệm niết kiến thân tâm bổn bồ não trụ Phật thành cựu tâm xúc vị tắc diệt sinh vô lai thức bồ vô vãng diệc bất súc thành tằng tử, nhất thân nhi vô nhân đề diệt tích kiếp trường viễn trường diễn sinh thiết bàn niết nhị vô thể vô tinh tấn xả sinh tử bất tri chư pháp cũng vô sinh như thế.

Sinh tử, Niết-bàn chẳng chỗ khác
Phiền não, Bồ-đề thể chẳng hai
Niết-bàn gần mà không người biết
Bồ đề gần nhưng rất khó thấy
Thân tâm xưa nay bất sinh diệt
Tất cả pháp cũng giống như thế
Bất sinh, bất diệt, chẳng trụ xứ
Tức là Bồ-đề thể Niết-bàn
Người trí trong một hiểu tất cả
Trong tất cả pháp hiểu được một
Vô lượng pháp tức là một pháp
Một pháp tức là vô lượng pháp
Cõi nước một Phật, mười phương cõi
Hình gốc một cõi cũng không lớn
Nước một Phật chứa đựng mười phương
Mà các thế giới không xếp lên
Một hạt bụi bao gồm mười phương
Trong tất cả hạt bụi đều như thế
Không khiến một bụi thêm rộng lớn
Tướng gốc các cõi thường như cũ
Vô lượng vô số kiếp rộng lớn
Người trí biết rõ thì một niệm
Một niệm chưa từng giảng nói xa
Kiếp dài cũng không rút thành ngắn
Đến khắp mười phương cầu thành Phật
Chẳng biết thân, tâm xưa thành Phật
Dĩ vãng xưa, siêng bỏ sinh tử
Chẳng biết sinh tử tức Niết-bàn.

Luận nói: Pháp môn này có khả năng mở rộng mắt tuệ của tất cả Bồ-tát, có thể là hiệu quả của sở nguyện của tất cả Bồ-tát.

Tất cả hành giả muốn được sinh về tịnh độ, thì phải y chỉ vào môn này, niệm niệm tu học, trong tất cả thời gian, chớ để cho đứt quãng. Người nhân pháp này, chỉ dùng phương tiện nhỏ mà mau chóng tiến đến quả Phật. Ví như có người chèo thuyền ra biển, nếu muốn qua bờ bên kia, được thuận buồm, xuôi gió, tất nhiên phải vận dụng phương tiện nhỏ, để nhanh chóng đến bờ bên kia. Người nhân pháp này, nhờ gió từ của Phật, dùng phương tiện nhỏ, mau chóng đến quả vị Phật, cũng giống như thế. Người nhân pháp này không bỏ năm dục, vẫn được thấy vô số Phật. Người y chỉ pháp này đi, đứng, ngồi, nằm, trong tất cả thời gian, thường nhập diệt định. Người nhân pháp này không bao lâu sẽ được địa vị vô ngại nhẫn.

Có các thứ lợi ích như thế, cho đến chư Phật trụ trong vô số kiếp để nói cũng không thể hết. Pháp tạng bí mật của chư Phật trong ba đời, không vượt qua tụng Đà-la-ni này.

Nếu có người tu hành với ý muốn mau chóng tiến tới Bồ-đề vô thượng, thì trước phải phát nguyện mầu rộng lớn: Khởi tâm đại bi đối với các chúng sinh, đối với tri thức khéo sinh tưởng khó gặp, kính trọng Tam bảo, phá bỏ ngã mạn, y chỉ kinh Đại thừa, dốc lòng sám hối tất cả tội chướng. Sau đó, chuyên cầu bậc đại tri thiện thức, để thưa hỏi pháp chính yếu. Nghe nói pháp xong, buộc niệm suy nghĩ, đúng như lời dạy tu hành. Trong tất cả thời, không có tâm bỏ dở.

Nếu được như thế thì không bao lâu sẽ được nhập môn Đà-la-ni.

Như trên đã nói về tam-muội Hải ấn, xuất xứ từ phẩm Thập Địa của kinh Hoa Nghiêm. Ấn tượng ấy nghĩa là dùng nghĩa để yên định.

Văn tụng kia: nói chung nghĩa thiết yếu trong một bộ kinh để làm bài tụng. Sao đường ấn không có bắt đầu, sau cuối? Vì muốn chỉ bày rõ một đạo lìa mé ba đời, vì mé trước, mé sau không thể ngăn cách.

Sao đường ấn lại có bàn đá cong vạy?

Vì muốn biểu thị rõ một đạo thuận theo duyên xứng đối với căn cơ, vì thích ứng với hạnh của Ba thừa, biểu hiện sự khác nhau.

Vì nghĩa gì năm mươi sáu góc thành chung ấn?

Vì muốn chỉ bày rõ vị bốn mươi tâm Địa tiền và Đẳng Giác, Diệu Giác của Thập địa. Người, v.v... của năm mươi hai vị như thế, đều y chỉ một đạo mà vì tu bốn nhiếp độ thoát chúng sinh, nên năm mươi hai góc biểu trưng cho năm mươi hai người chung kia, bốn góc còn lại biểu thị cho bốn nhiếp. Vì bốn pháp nhiếp của một đạo, kính tin trong vị Thập

Tín, vì bốn nhiếp pháp một đạo của tin hiểu trong vị Thập giải, vì hạnh bốn nhiếp một đạo của tín hạnh trong vị mười hạnh, vì giải, hạnh đều viên mãn trong Thập Hồi hướng, mà vì thực hành hạnh bốn nhiếp của một đạo, nên trong vị Thập địa và vị Đẳng giác, chính vì chứng bốn nhiếp, hạnh của một đạo, nên cứu cánh viên chứng căn nguyên của một đạo trong vị Diệu Giác, cùng tận mé vị lai, vì dùng pháp bốn nhiếp hóa độ chúng sinh.

Sao trong tụng hàng dọc, ngang đều có mười bốn chữ?

Vì muốn chỉ bày rõ hạnh Bồ-tát. Dù có vô lượng thứ, nhưng vẫn không lìa hạnh bốn nhiếp của mười Ba-la-mật, nên các Bồ-tát của tất cả thế giới vô biên trong mười phương đều y cứ vào hạnh này làm căn bản.

Sao trong tụng có đầu cuối?

Vì muốn an ủi Bồ-tát yếu hèn, đạo Phật dù tu hành xa không dứt, nhưng cuối cùng sẽ thành Phật, chớ lui sụt hạnh.

Sao hàng đầu tụng và cuối bài tụng đều ở chính giữa?

Vì muốn chỉ bày rõ chánh quán mà tâm đầu tiên đã tập, chẳng khác với trí chánh quán của Như Lai.

Vì sao dọc bốn vây quanh ngang, dọc đều mất đi câu?

Vì muốn chỉ rõ nghĩa Đà-la-ni rất sâu kín, kiến chấp đoạn, thường và biên kiến của con người không thể biết.

Câu tìm được từ chính giữa là sao?

Vì muốn chỉ rõ chánh quán Trung đạo của nghĩa Đà-la-ni rất sâu kín mới có thể biết.

Sao ngoài ấm không có tụng?

Vì muốn chứng tỏ Phật giáo dù vượt ngoài cát bụi, nhưng không rời Nhất đạo, không còn có pháp nào ngoài Nhất đạo.

Sao không giải thích nghĩa trong tụng?

Vì muốn cho người tu hành đối với văn ít, hiểu nhiều nghĩa, nên e rằng các hành giả bỏ gốc, chạy theo số tham ngọn, vì câu văn mất ích lợi lớn, như trong kinh nói: Thà rằng vì nghe ít mà hiểu nhiều vị nghĩa, chớ không muốn nghe nhiều mà chẳng hiểu rõ nghĩa. Vì muốn thử nghiệm hành giả được lợi nhiều ít, căn cơ sâu cạn hành sinh thuần thục, vì muốn cho chúng sinh kiêu mạn, kiến chấp nhỏ hẹp, đối với chánh pháp, sinh tâm kính trọng. Tuy nhiên, nghĩa sâu kín này chẳng phải là cảnh giới biết được của chín hạng người. Chín hạng người ấy là:

1. Không phải cảnh giới phàm phu biết được.

2. Không phải cảnh giới của người thế trí biện thông biết được.

3. Không phải cảnh giới của phân biệt pháp tướng.
4. Không phải cảnh giới của Thanh văn, Duyên giác.
5. Không phải cảnh giới của hành giả chấp không.
6. Không phải cảnh giới của người học rộng, tán tâm.
7. Không phải cảnh giới của chúng sinh chấp một bên.
8. Không phải cảnh giới của chúng sinh chấp đoạn.
9. Không phải cảnh giới của chúng sinh chấp thường.

Những hạng người như thế nghi ngờ lẫn nhau nói: Trí của ta thì vượt hơn, trí người kia tất nhiên yếu ớt, chỉ có mình ta có khả năng hiểu tường tận Phật pháp. Những người như thế rất đáng thương xót.

Đối với thân năm thước, khởi ngã to lớn, đem ý tưởng tấc vuông để so lường hư không cùng tận, cũng như trẻ con dòm ống ngắm, lấy chén rót nước biển, nghĩa là nói: Chỉ ta đong lường hết biển cả, chúng sinh thấy nhỏ hẹp so lường pháp Phật cũng giống như thế. Những hạng người kia nếu không phá bỏ ngã mạn, không ăn năn bản tâm, thì khó có thể giáo hóa, dạy bảo. Nếu miệng tụng kinh, mà không lãnh hội lý sâu xa, thì cho dù học rộng, nhưng chỉ thêm lớn tâm kiêu hãnh, ngạo mạn, luống nhọc nhằn vô ích, như kệ kinh nói:

Ví như người nghèo cùng
Ngày, đêm đếm báu người
Tự không nửa đồng tiền
Học rộng cũng như thế.

Có các hạng chúng sinh như thế, vì muốn giữ gìn điều ấy, nên lại không giải thích nghĩa, e rằng kẻ ác kiến kia càng thêm mạnh mẽ, mãi mãi chìm sâu trong biển khổ, không trông mong gì ra khỏi, như kệ kinh nói:

Vì phá pháp không tin
Sẽ vào ba đường
Ta thà không nói pháp
Mau vào cõi Niết-bàn.

Như trên đã nói: Nghĩa Đà-la-ni là pháp giới hạnh vô biên, cảnh giới mà người trí biết được, như kệ kinh nói:

Pháp giới tâm dạo, như hư không
Người này biết được cảnh giới Phật.
Vì nghĩa gì nên tồn tại gốc?

Vì muốn nêu cao làm sáng tỏ chánh pháp, rốt ráo thường trụ, là đối tượng y chỉ chung của chư Phật ba đời. Ví như sợi dây mực là pháp thường, thì thợ trước, thợ sau, là đối tượng y chỉ chung. Hơn nữa,

vì muốn cho Bồ-tát giả danh, bỏ ngọn, tìm gốc, vì đạt nguyên bản. Vì muốn cho chánh pháp thường trụ, ánh sáng pháp không tắt, thường soi rọi, rốt ráo không dứt, vì phá bỏ vô minh đen tối của chúng sinh. Vì muốn cho chỗ sinh nhiều đời của chúng sinh, hạt giống Phật không dứt, cho nên gốc tồn tại.

Lược thuật nghĩa thiết yếu của khế kinh như thế, muốn cùng tận cội nguồn kia chỉ có Phật mới thấu đạt cùng tận, chỉ kính tin, hiểu được, khen ngợi giáo mà thôi. Vì muốn phát nguyện rộng lớn nên dùng bài kệ khen:

Pháp Phật rất rộng lớn
Sánh đồng với hư không
Nghĩa mà ta đã nói
Như phần lỗ sợi dây
Công đức đã truyền thuật
Thí cho khắp chúng sinh
Mau chóng lên mười địa
Đều thành chung quả Phật.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 166

HOA NGHIÊM NHẤT THỪA THÀNH PHẬT DIỆU NGHĨA KINH

SỐ 1890

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1890

HOA NGHIÊM NHẤT THỪA THÀNH PHẬT DIỆU NGHĨA KINH

Biên tập: Sa-môn Kiến Đăng, ở Thanh Kheo.

TỤC TẠNG ĐẠI NHẬT BỔN

Quy mạng mười thân Phật Giá-na.
Các Như Lai pháp giới cùng tận.
Ba thứ luận viên mãn thành Phật.
Hội biển thảy Văn-thù Phổ Hiền.
Ta ở sanh tử còn ràng buộc.
Tâm mong vãng sanh nước Phật tịnh.
Chỉ nguyện xót thương thân niệm trí.
Mở lý sâu này, ích mình, người.
Cho pháp trụ lâu đáp ơn Phật.

Vì pháp tánh mênh mông không có bờ, biển Phật rộng lớn vô tận. Đây tức là giảng nói cùng cực thành Phật của Xiển-đề, chẳng phải tình đều thành bàn bạc sôi nổi. Đại Thánh của địa vị cùng cực khó nghiên cứu tận cùng, Hiền Thánh thông minh không thể vượt hơn, huống chi là phàm phu của thời đại cuối cùng, đâu xứng đồng với ý khéo léo của Đại sư.

Vì thế, hôm nay, bằng sự nhận thức riêng, tham khảo các chỗ văn, mở rộng trở thành ý chỉ của Phật, đại khái đặt ra năm môn:

1. Phát ra hạt giống thành Phật.
2. Giải thích quyết định được con người.
3. Chỉ bày rõ sự khác nhau của giáo.

4. Môn mau chóng được chủng loại thành Phật.

5. Môn phân biệt hỏi đáp.

Trong môn thứ nhất, thành Phật có ba: Vị, hạnh, Phật lý, nên sớ quyển 3 chép: Về nghĩa, y cứ ở ý kinh của một bộ thượng, hạ có ba thứ thành Phật.

1. Y cứ vị.

2. Y cứ hạnh.

3. Y cứ lý.

Đầu tiên, là y cứ vị: Phó thác năm vị như Thập trụ, v.v... của ba thừa Chung giáo, vì giảng nói về vấn đề thành Phật này, nên bổn sớ nói: Dùng phương tiện sáu tướng tức tâm sau cùng của Thập tín, sau phần thắng tấn, nhập vị đầu tiên của mười giải, tức thành Phật, đây là vị không lui sụt của Chung giáo của ba thừa, vì thu nhiếp dung thông sáu tướng của Nhất thừa, tức đủ các vị đến quả Phật. Trụ Sơ phát tâm của ý là tướng chung. Trụ thứ hai v.v... là tướng riêng. Trụ thứ hai, v.v... là đồng, vì kèm theo nghĩa phát tâm, nên gọi là tướng đồng. Trụ thứ hai ngang bằng, nhưng đều không có lẫn nhau, tức gọi là tướng khác.

Y cứ trụ thứ hai ngang bằng, vì thành phát tâm chung nên gọi là tướng thành. Trụ thứ hai đồng, đều trụ pháp mình, vì thường không tạo tác, nên gọi là tướng hoại, nên phân biệt trụ thứ hai ngang bằng, thu nhiếp vị phát tâm chung, tức là thành Phật. Vì thế, nên Địa Luận quyển hai nói rằng: Vì Bồ-tát của địa tín, cho đến làm một duyên khởi cho pháp Phật không suy nghĩ bàn luận, vì nghĩa chung, riêng v.v... của sáu tướng, dùng để tìm tòi.

Chương chép: nói biết nhân quả đều có thời gian dung nhau, tức đều thu nhiếp tất cả, làm chủ, bạn lẫn nhau, điều này cần suy nghĩ sâu xa.

Việc này không nghi ngờ, nói là địa tín: Tức Địa, Tín, Hạnh là địa vị ba hiền Địa Tiền.

Hỏi: Sao không nói là y chỉ ở vị tín thành?

Đáp: Sớ thứ tư chép rằng: Nếu y cứ vào Chung giáo, thì tín này chỉ là phương tiện của vị Mười trụ, tự không có vị riêng, nên kinh Bổn Nghiệp chép: Chưa trên trước vị có mười tâm này. Lại, Nhân Vương chỉ nói ba hiền, mười Thánh, không nói bốn. Lại, trong bốn vị sau trong kinh này, đều có nhập định, xuất định, sắp đặt mười danh hiệu để giải thích mười nghĩa, v.v... chỉ vì trong Tín không có nghĩa này, nên biết được.

Hỏi: Địa vị phát tâm thành Phật, hoặc năm vị nhiếp nhau mà

thành, hoặc sáu vị thu nhiếp nhau thành?

Đáp: Mở rộng sáu vị thu nhiếp nhau thành. Mười tín thu nhiếp Sơ trụ. Năm vị thu nhiếp nhau thành. Mở rộng sáu vị thu nhiếp nhau thành: ngũ giáo quyển hạ chép: y cứ vào giai vị làm sáng tỏ. Nghĩa là sáu giai vị bắt đầu từ mười tín, cho đến quả Phật khác nhau, hễ được một vị, thì được tất cả vị. Vì sao? Vì dùng tướng của sáu vị để nhận lấy, vì chủ bạn, vì nhập nhau, vì tức nhau, vì viên dung, nên khi vị Sơ phát tâm của ý làm chủ, vị trước, sau khác là bạn, cho đến khi quả Phật làm chủ, thì vị trước trước khác làm bạn, nhập nhau y cứ vào dụng, tức nhau y cứ vào thể.

Viên dung: Thể dụng vô ngại, nói về sự nhiếp nhau của các vị này, vì Sớ quyển thứ năm ở ba:

1. Vì duyên khởi nhiếp nhau của môn Đà-la-ni.
2. Do tâm Bồ-đề của Phổ Hiền, vì bao gồm khắp sáu vị.
3. Do pháp tánh không có thỉ, chung.

Vì ba việc này, nên là chung, vì năm quyển hạ, nên là riêng. Vì chung, riêng hợp thành tám, nên Đà-la-ni là tổng trì, vì vị nhiếp lẫn nhau, nên gọi là tổng trì. Sáu mươi hạnh của Phổ Hiền là tức hạnh của sáu vị, vì như trước kia đã ghi nhận nên nói rằng, bao gồm sáu vị. Đại ý nói: Dù hạnh Phổ Hiền của Nhất thừa, một hạnh tức tất cả hạnh bằng nhau,. Nhờ quả vị Chung giáo mà thấy một vị tức tất cả vị bằng nhau, tức hạnh này, là nhờ ở tín mãn, hạnh thành, gọi là hạnh thành Phật. Nhờ ở các vị như trụ, v.v... thành tựu, gọi là vị thành Phật, gọi là thời tiết thiết yếu.

Hỏi: Nay, quả vị Sơ phát tâm gọi là Phật, vì lý của đối tượng y chỉ bình đẳng, nên nói Sơ phát tâm tức là Phật?

Đáp: Sớ quyển năm chép: Tức là Phật. Có người giải thích: Hoặc nói rằng: Trong nhân nói quả. Hoặc nói rằng: Giải đồng với cảnh của Phật. Hoặc nói: y cứ lý bình đẳng. Hoặc y cứ giáo ba thừa cũng được nói như trên.

Nay, tìm văn trên, dưới, y cứ vào viên giáo Nhất thừa, thỉ chung nhiếp nhau viên dung vô ngại, được thỉ tức là chung, cùng cực chung mới nguyên thỉ (vì mới nói ba pháp trên) nên biết lý, trí, hạnh, vị v.v... đều viên dung vô ngại.

Hỏi: Nay, sơ phát tâm bao gồm thu giữ vị trước, sau. Thành Phật, nghĩa là thuận theo đối tượng thu nhiếp gọi là Phật, hay chủ thể nhiếp được gọi là Phật?

Đáp: Đúng như yếu lý.

Hỏi: Lập vị này thành Phật, có văn đối tượng y chỉ hay chăng?

Đáp: Văn chứng chẳng phải một. Năm giáo ở bảy văn, ba văn đầu và văn thứ năm là chung cho chứng. Ba văn còn lại chứng riêng.

Vị phát tâm đầu tiên, thành Phật nói bảy văn, nghĩa là ở một địa, v.v...

2. Biết một tức nhiều, nhiều tức một.

3. Ba kinh quyển 31chép: Không thể nói năng, không thể thuyết minh đầy đủ tất cả thuyết, không thể nói năng, thuyết minh trong các kiếp không thể nói, không thể nói, không thể tận. (Mới đồng với 45).

4. Kinh thứ mười chép (mới, 17). Tất cả chúng sinh đều có khả năng phân biệt biết (tâm hạnh chúng sinh có thể đếm biết). Tất cả cõi, cát bụi hãy còn có thể tính đếm biết (cõi nước như cát bụi cũng giống như thế).

5. Luận Thập Địa chép: Dùng Bồ-tát của Địa tín, cho đến làm một duyên khởi cho pháp Phật không thể suy nghĩ, bàn luận, do nghĩa chung riêng v.v... của sáu tướng, dùng để bao gồm. Văn đắc ý này là chỉ cho chánh văn kia.

Có thuyết nói: Vì văn so sánh, suy lường hạnh của quyển thứ ba, nên văn kia nói: Kinh chép: Tín: là Tin nhập hạnh gốc của chư Phật, Như Lai cho đến pháp Phật không suy nghĩ, bàn luận. Cảnh giới của Như Lai không có chính giữa, không có ngoài bìa, khởi môn vô lượng hạnh. Cảnh giới của Như Lai nhập sự chỉ bày.

Phá bỏ: Quan niệm này rất sai lầm. Vì sao? Vì trong sự suy lường, so sánh hạnh kia, không nói sáu tướng. Lại, thuyết kia chỉ nói tín hạnh, không nói Địa tín. Lại, dẫn chứng này để làm chứng cho nghĩa của vị Sơ phát tâm, đến quả vị Phật, chẳng phải là nghĩa quả Phật chứng đắc của vị Sơ địa. Cho nên rất sai lầm.

Có thuyết nói: Vì quyển thứ nhất nói mười tám văn là chương đã dẫn. Văn ấy chép: Tất cả Bồ-tát không thể suy nghĩ, bàn luận pháp Phật, cho đến nói rộng, tức khảo xét rằng: Bồ-tát của địa Tín địa Tiền, chính là pháp Phật không suy nghĩ, bàn luận của quả Phật, là một duyên khởi. Vì phương tiện của sáu tướng viên dung, tức nhau, nên trong mỗi vị đều thu nhiếp sáu vị. Mỗi vị mãn đều đến quả Phật.

6. Bồ-tát phát tâm đầu tiên tức là Phật cho nên bằng nhau.

7. Quyển thứ 9 nói: (Mới, 17). Quán như thế, dùng phương tiện nhỏ, mau chóng được công đức của tất cả chư Phật, thường ưa quan sát tướng không hai, ở đây có việc này. (Nếu các Bồ-tát thực hành quán như thế, tương ưng với hai giải không sinh đối với các pháp, thì tất cả

Phật pháp mau được hiện tiền. Lúc mới phát tâm, ấy là thành Chánh giác (tức được A-nậu Bồ-đề) biết tánh chân thật của tất cả pháp (tức tự tánh của tâm), đầy đủ thân tuệ (thành tựu thân tuệ). Không do người khác tỏ ngộ.

Hỏi: Quán như thế là quán những gì?

Đáp: Kế là văn trên nói rằng: Nuôi lớn đầy đủ tâm đại từ bi đều phân biệt chúng sinh, mà không bỏ chúng sinh, cũng không bỏ vắng lặng, thực hành nghiệp vô thượng, không cầu quả báo. Quán tất cả pháp như trò ảo thuật, như mộng, như điện chớp, như tiếng vang, như biến hóa.

Sớ quyển 5 chép: Chánh hỏi có ba:

1. Hỏi tu phạm hạnh.
2. Thành vị.
3. Đắc quả.

Tức kinh nói: Thế nào là mới được tu tập phạm hạnh, đầy đủ địa của đạo Bồ-tát Thập trụ, mau chóng thành tựu Bồ-đề bình đẳng vô thượng. Dụ sau hai pháp đầu tiên trong thứ ba, cho đến đáp. Sau khởi hai trước, ghi chép đầu tiên, hai trong câu hỏi thứ ba, khởi hai lớp giữa, sau, chỉ bày rõ nhân ít, được quả lớn, trong đó đều có hai: nêu trước, giải thích sau.

Trong phần nêu biểu đầu tiên, dùng một ít phương tiện là nhân, mau được bằng nhau là quả. Trong giải thích: Sao dùng nhân nhỏ mà mau được quả lớn. Giải thích: Dùng thường, vui để quán bi, trí, không, hữu bình đẳng, vì pháp không có hai. Cho nên, mau được như thế: Ở đây có việc này. Pháp khác như ký đã rộng dẫn.

Thành Phật, hạnh thứ hai. Sớ quyển 3 chép: y cứ vào hạnh, nói chung không y chỉ vị, tự phân chia thắng tấn rốt ráo, tức đến quả Phật v.v...

Quyển hạ của chương nói rằng: Vì do tín thành, nên thuộc về Phật hạnh, chẳng phải Phật vị, v.v...

Hỏi: Nếu không y chỉ ở vị, sao các văn lại nói: Nhờ Thập tín mãn, vị sau, sau nhiếp giữ tức thành Phật hay chăng?

Đáp: Thông thường hạnh thành Phật có hai nghĩa:

1. Y cứ vào đức đương thể của Nhất thừa.

2. Vì y cứ môn phó thác, nên sớ chép: Nếu y cứ vào Viên giáo thì sẽ có hai nghĩa. Nếu y chỉ tự pháp của Phổ Hiền, thì tất cả đều không có vị. Nếu y cứ vào pháp phó thác, thì sẽ đồng với Chung giáo. Nhưng tín, mãn nhập tế của vị, thu nhiếp chung tất cả các vị, đều đầy đủ, đều

ở trong đây. Đây tức là vì y cứ vào hạnh thu nhiếp vị.

Văn thứ ba của sớ, y cứ vào nghĩa đầu tiên để nói. Văn khác y cứ vào nghĩa sau. Y cứ vào đức đương thể Phổ Hiền của nghĩa đầu tiên: Sớ quyển 4 chép: Vì tín mãn, thành địa vị Hiền Thủ này, nên đồng với ba nghiệp rộng lớn của Phổ Hiền, v.v... bao gồm nhân và quả, khắp tất cả mọi nơi, cùng tận tất cả thời gian, thường tạo ra dụng lớn của pháp giới vô biên, đây là thường thành, ngay nơi tướng mà giải thích, không dựa vào các vị.

Nay, y cứ vào trong môn Tín, thể hiện rõ ràng, thì thuộc về sự gồm thâu của tín. Lại, văn trên chép: Hoặc chỉ y cứ vào đức đương thể của Phổ Hiền để giải thích như phẩm Phổ Hiền hạnh đã nói. Khảo xét phẩm Phổ Hiền có sáu mươi hạnh. Ở đây, một hạnh tức tất cả hạnh, tất cả hạnh tức một hạnh, vì nhiều lớp vô tận, nên không y chỉ dần dần địa vị Phổ Hiền kia, nên sớ quyển mười sáu chép: Thứ hai, trong phần giải thích hạnh Phổ Hiền, trước nói về sự rộng lớn của đối tượng trị có trăm ngàn chướng, sự rộng lớn của chủ thể trị có sáu mươi hạnh. Lại, vì pháp giới, đối tượng chướng ngại, như các lớp manh lưới của trời Đế-thích, khiến cho chủ thể chướng, đồng với đối tượng chướng cũng đều vô tận.

Nói phần tự, phần thắng tấn, sớ quyển thứ hai chép: Nhưng nói chung phần này có bảy lớp:

1. Y cứ vào phần sinh thục của một hạnh.
2. Y cứ hai hạnh, như hạnh thí sau đã thành tựu, tu giới, v.v...
3. Y cứ vào hai lợi để phân tích.
4. Y cứ vào vị hạnh để được vị là thắng tấn.
5. Y cứ vào so sánh chứng để phân biệt.
6. Y cứ vào hai vị, nghĩa là vị trước đã thành là phần mình, thu hướng vị sau là thắng tấn.
7. Y cứ vào nhân quả, nhân thành phần mình mà nhập quả thắng tấn.

Nay, lớp thứ bảy này đối xứng với nhân viên của Phổ Hiền, thành hướng về tánh, vì khởi quả khéo léo, nên văn sớ nói: bao gồm nhân và quả.

Hỏi: Y cứ vào nghĩa sau, nay tín mãn: chủ yếu là không, chung cho tên Thập tín, như vậy tín thứ mười gọi là tín mãn phải chăng?

Đáp: Chung cho tên Thập tín. Sao chưa nhập vị? Trước kia, thứ lớp tu tập tâm Thập tín, cũng lại một, hai, ba kiếp tu thêm mười tâm, nhập vị Sơ trụ, gọi là Tâm mãn, nên sớ quyển 4 chép: Nếu y cứ vào

chung giáo, thì tín này chỉ là phương tiện của giai vị Thập Trụ, tự không có giai vị riêng, nên kinh Bổn Nghiệp chép: Khi chưa thượng trụ có tên gọi của mười tâm này, nghĩa là:

1. Tâm tín.
2. Tâm niệm.
3. Tâm tinh tấn.
4. Tâm tuệ.
5. Tâm định.
6. Tâm không lui sụt.
7. Tâm hồi hướng.
8. Tâm hộ.
9. Tâm giới.
10. Tâm nguyện.

Tu thêm tâm này, một kiếp, hai kiếp, ba kiếp, mới được nhập tâm trong Sơ trụ có thêm mười, thành gọi là bách pháp minh môn, gọi là nhập vào tập chủng tánh, nên biết không có vị, chỉ là hạnh phương tiện.

Hỏi: Một, hai, ba kiếp kia, nghĩa là kiếp trong muôn kiếp hay là kiếp ngoài?

Đáp: Vì kiếp trong muôn kiếp, nên sớ Luận Khởi Tín nói: Như kinh Bổn Nghiệp nói: Bồ-tát của tướng tín này, trong mười ngàn kiếp, thực hành pháp mười giới, sẽ nhập tâm Thập tín, nhập vị Sơ trụ.

Giải thích: Trong đây nói nhập vị Sơ trụ, nghĩa là giai vị Sơ phát tâm trụ trong mười trụ, cho đến vị này mới được tâm tín không lui sụt. Cho nên, cũng gọi là nhập tâm Thập tín, chẳng phải nói là Thập tín trở xuống của mười giải. Ý đã nói mười ngàn kiếp nhập vị Sơ trụ vị, không nói hơn mười ngàn, nên biết là nội kiếp.

Hỏi: Tâm mãn của Thập tín và trụ phát tâm đầu tiên có gì khác nhau?

Đáp: Vì hai tâm này không có khác nhau, nên Khởi Tín luận Sớ chép: Không phải nói là Thập giải về trước, Thập tín, v.v... Lại sớ thứ tư nói: Đây là y cứ tín sau cùng, Khởi Tín kia vì cứ ở đầu tiên trụ, nên không hai.

Hỏi: Nếu như vậy, thì Thập tín sau và tâm thành Phật, tức vị thành Phật, sao gọi là hạnh thành Phật?

Đáp: Vì nghĩa này so sánh khác, thể kia chẳng khác, ý không lui sụt vị cấp bực, tức gọi là vị, nghĩa hạnh tâm tín, gọi là Hạnh.

Hỏi: Ba thừa của Chung giáo, tâm mãn của Thập tín thể hiện

tám tướng thành Phật, với tín mãn thành Phật của Nhất thừa có gì khác nhau?

Đáp: Tâm mãn kia đối với vị tín mãn này khi thị hiện thành Phật, đối với các vị sau đều không tự tại, vì chưa được, nên chỉ là vì đương vị tạm thời khởi hóa độ, còn vị Tín mãn này thì không phải như vậy, vì ở trong vị đầu tiên, khi khởi dụng này, đối với các vị sau đều khởi đồng thời, vì đều đã được, vì là hạnh thật, vì bao gồm sáu vị.

Hỏi: Về nghĩa ba thừa, Nhất thừa như thế, đâu có riêng đồng với Tín mãn, ở trên phần thắng tấn khởi dụng này phải chăng?

Đáp: Vì muốn dùng phương tiện để nói rõ Tín mãn thành Phật của Nhất thừa này, sao cho chúng sinh dễ dàng tin nhận, nên đối với giáo Nhất thừa kia, trước là đặt ra thuyết này.

Hỏi: Y cứ vào môn Nhất thừa, đã ở trong một vị có tất cả vị và tâm Tín mãn, tức được thành Phật, thì cần gì lại nói các vị sau?

Đáp: Nói các vị sau, tức là tất cả trong vị đầu tiên, như vị đầu tiên, vị sau cùng cũng giống như vậy.

Hỏi: Nếu sau đủ, ban đầu được, tức là sau được, cũng có thể ở vị sau cũng có đủ vị ban đầu, thì sẽ không được vị sau, lẽ ra cũng không được vị ban đầu phải chăng?

Đáp: Đúng vậy, khi vị đầu tiên đã được, thì vị sau đều được, nên được vị sau tất nhiên được vị ban đầu.

Hỏi: Sao được vị đầu tiên thì vị sau đều được?

Đáp: Đương đức của Nhất thừa tu hạnh pháp giới bao gồm trong một hạnh, tu tất cả hạnh cũng bao gồm một hạnh. Một hạnh tức nhiều này, phó thác ở tướng kiến của vị Chung giáo, thuận theo đã được một vị, thì tất cả vị kia, một thời gian đều sẽ được tự tại vô ngại.

Hỏi: Sao hạnh Nhất thừa tu tất cả hạnh trong một hạnh, trong tất cả hạnh cũng tu một hạnh?

Hỏi: Quán tất cả pháp như huyễn, như mộng, như điện chớp, như tiếng vang, như biến hóa v.v... Vì một hạnh tức tất cả bình đẳng, nên phẩm Phạm Hạnh chép: Quán tất cả pháp như huyễn, cho đến như nước.

Quán như thế, nghĩa là dùng phương tiện nhỏ, mau được tất cả công đức của chư Phật, cho đến lúc mới phát tâm, liền thành Chánh giác là bình đẳng. Về ý, y cứ vào hai dụ đầu. Năng lực thuật ra của nhà ảo thuật, ảo thuật ra một chiếc khăn mà tạo nên ngọn núi lớn và các thứ hình loại súc vật lớn, nhỏ, v.v... Một núi lớn này, hoàn toàn do một chiếc khăn hình thành, gia súc lớn, nhỏ cũng vậy. Thể đã không hai,

thì tướng kia đâu có khác, nên nêu một súc vật nhỏ, là nêu quả núi lớn, vì thể đều đã chấp lấy như thế. Thợ huyễn vô minh, năng lực thuật ra, huyễn ảo một pháp giới, tạo ra các thứ hình tướng y tha, một hạt bụi hoàn toàn là một pháp giới, thành ngọn núi lớn, v.v... Nhưng cố ý quán một hạt bụi thành như trò ảo thuật. Vì các pháp như núi lớn, v.v... đều bị lệ thuộc, nên thuận theo nêu pháp giới của một pháp, thì các pháp đều được nêu. Vì thế, một hạnh tất nhiên là tất cả hạnh, tất cả hạnh tức là một hạnh, nên phẩm Thập nhẫn chép (30): Bồ-tát này thâm nhập các pháp đều như huyễn, quán pháp duyên khởi, đối với một pháp hiểu rất nhiều pháp, trong rất nhiều pháp hiểu rõ một pháp v.v... Lại, kinh nói: Hoặc hiện trong khoảnh khắc tạo ra một trăm năm, năng lực huyễn tự tại, làm hài lòng thế gian. Như dụ mộng: người trong mộng, thấy từ lúc tuổi trẻ cho đến già, nhưng thức giấc thì sát-na như mộng. Các pháp cũng giống như thế, nên kinh nói: Ở trong mộng, nói là trải qua năm, thức giấc thì trong khoảng giây lát, nên thời gian dù vô lượng, nhưng thu nhiếp trong một sát-na, nên biết hạnh một niệm tức là hạnh vô lượng kiếp. Y cứ vào thời gian đã như thế, xứ, v.v... khác cũng như thế. Diệu nghĩa Nhất thừa chỉ lưu ý này, nên khi được vị ban đầu, thì đồng thời đều được.

Hỏi: Nếu được vị đầu tiên thì sẽ được tất cả vị. Sao các kinh luận nói các giai vị đều nằm trong thứ lớp?

Đáp: Vì trong kinh này an lập các vị có hai việc khéo léo:

1. Y cứ tướng, y cứ vào môn, trước sau của phần vị, nhờ đồng với ba thừa, vì dẫn tới phương tiện kia, nên thuộc về Đồng giáo.

2. Y cứ thể, y cứ vào pháp, trước sau nhập nhau, viên dung tự tại, khác với ba thừa kia, là biệt giáo, chỉ vì môn không dời đổi, mà thường tức nhau, không hoại tức nhau mà thường trước, sau. Cho nên, hai nghĩa dung thông không mâu thuẫn.

Hỏi: Nếu môn đầu như tín, v.v... này tức tất cả, nếu tự Biệt giáo, thì sẽ không y chỉ vị thành. Nay, nhờ vị Chung giáo của ba thừa nói, vì không lui sụt tín mãn trong giáo Ba thừa kia, mới được nhập vị. Nay, nhờ ba thừa kia được nhập vị, xứ trong cùng một lúc, được tất cả hành tướng của các vị trước, sau này. Cho nên, không đối với tâm đầu tiên của tín mà nói, vì chưa được không lui sụt, nên không thành tướng vị, vì chỉ là Hạnh.

Hỏi: Vì Tín mãn không lui sụt mới nhập vị, nên nói tâm mãn, lẽ ra phải trụ vị thành Phật, sao gọi là Tín mãn?

Đáp: Vì do tín thành, nên thuộc về hạnh Phật, chẳng phải Phật vị

(văn quyển thượng, hạ).

Hỏi: Y cứ vào văn nào, v.v... để lập thành Phật này?

Đáp: Công đức v.v... của một niệm của Bồ-tát sơ phát tâm, vì y cứ vào văn này để lập, nên phẩm Hiền Thủ Sớ nói: Đây là đối xứng với Sớ tín trong ba thứ phát tâm của luận Khởi Tín, vì thành tựu phát tâm, nên nói là đầu tiên, đồng với trụ Sơ phát tâm của văn dưới và phẩm Phát Tâm Công Đức. Đây là y cứ sau cùng của tín, vì sớ phẩm Hiền Thủ kia y cứ vào sơ trụ, nên không hai. Lại, sớ quyển mười tám chép: Nếu dùng hạnh thu nhiếp vị, thì tức tâm mãn của mười tín thành Phật, như phẩm Hiền Thủ nói. Một vết bánh xe lăn qua này, chẳng phải là Viên giáo. Xứ khác đều không có, chính là so sánh vây quanh của tông Nhất thừa. Luận Khởi Tín nói: Tín thành tựu phát tâm, nghĩa là Tín ở Thập trụ gồm lấy Thập tín. Tu tập tín tâm trong vị Thập tín thành tựu, phát tâm quyết định, tức nhập Sơ tâm của Thập trụ, gọi là Trụ phát tâm, tức mười tín hạnh mãn, gọi là thành tựu tín, vì tiến vào đầu tiên của Thập trụ, nên nói là phát tâm.

Hỏi: Sao phát tâm của phẩm này y cứ vào sau cùng của Tín để nói?

Đáp: Vì phẩm Hiền Thủ nói hạnh mười tín, nên y cứ tín mãn mà nói.

Sao đức hạnh của Bồ-tát tín mãn này sâu rộng vô biên?

Đáp: Sớ chép: Vì có bốn thứ khó, nên dù là sơ tâm, nhưng nay công đức này rộng lớn vô biên.

1. Xứ khó, nghĩa là ở chỗ sinh tử khổ não, mà phát tâm được, sinh ra đức rộng lớn này.

2. Thời khó: nghĩa là từ lâu đã phát tâm, hoàn toàn không dao động, chưa đủ là khó. Nay, vì trái với ở đây, nên sinh ra nhiều đức.

3. Cảnh khó: nghĩa là năng cầu Bồ-đề không có giới hạn này, vì tâm từ cảnh, nên rộng lớn.

4. Tâm khó: nghĩa là nếu phát tâm tiến, lùi, không nhất định, sinh đức không rộng, thì nay tức là sự rộng lớn này đã lâu.

Hương Tượng hỏi đáp rằng: Hỏi: Văn sao chép: y cứ vào pháp môn của tâm Bồ-đề đầu tiên, được pháp môn tín, cho đến mười ngàn kiếp thành Phật: Hạnh Phật chẳng phải vị Phật v.v... Đây là y cứ vào lúc hạnh Phật thành của Nhất thừa, là lối đi tất của mười ngàn phải chăng? Hay là lúc của hạnh Phật thành trong ba thừa?

Đáp: Hạnh mãn của Thập Tín suốt mười ngàn kiếp trong ba thừa giáo, lại thị hiện chỗ hạnh Phật mãn của Nhất thừa, chẳng phải Phật

mãn của Ba thừa, cũng chẳng phải hạnh Phật mãn của Nhất thừa, chỉ mười ngàn kiếp không lay động.

Mười ngàn kiếp này không thể nói, không thể nói kiếp, mới hạnh Phật mãn thành.

Tám muôn kiếp, v.v... như thế, cho đến một kiếp, hai kiếp, cho đến nghĩa bình đẳng, so sánh suy nghĩ có thể biết.

Lý thứ ba thành Phật, sớ quyển thứ ba chép: Ba y cứ vào lý, thì tất cả chúng sinh đều đã thành xong, chẳng phải mới thành, vì tướng khác đều cùng tận, nên ý nói: Tất cả chúng sinh đều lấy chân làm thể, thuận theo thể tánh của chân ấy, để giải thích về tướng khác nhau, tướng ấy đều cùng tận một vị bình đẳng, nên trước là Phật chung.

Hỏi: Phật là Đấng Giác ngộ, địa vị mê của chúng sinh sao lại dùng một vị chân làm thể, nên đều chung là Phật?

Đáp: Lấy một chân lý làm thể, tướng trên kia của chúng sinh cũng đều chẳng có khác nhau, cho nên, tất cả chúng sinh, ngườigiác, được hiện bởi thân Phật, chúng sinh được Phật kia hiện ra, vì đồng với thân Phật, chủ thể hiện, nên chúng sinh đều thành Phật.

Hỏi: Sự thành Phật của Nhất thừa này chỉ y cứ vào lý mà nói hay chung cho sự mà nói?

Đáp: Chung cho lý, sự mà nói, vì ý Phật nói lý đối tượng y chỉ, gọi là lý. Các công đức của trí chủ thể y chỉ đều gọi là sự, sự lý này gọi chung là thân Phật. Vì được hiện bởi thân Phật, nên có thể đồng với đối tượng hiện, mà đầy đủ cả sự và lý.

Hỏi: Nếu như vậy thì tất cả chúng sinh phát tâm tu hành sẽ thành?

Đáp: Phát tâm tu hành mà thành, lại y cứ vào Phật Thích-ca. Sự phát tâm đầu tiên của Đức Thích-ca thu nhiếp tất cả chúng sinh, đều phát tâm xong, cũng thu nhiếp môn tu hành khổ hạnh khó làm trong vô số đại kiếp kia, đều tu hành xong, thu nhiếp môn thành Phật dưới cây Bồ-đề, đều thành Phật xong, cho đến Niết Bàn, cũng giống như thế.

Như một vị Phật như thế, môn thu nhiếp chư Phật ba đời mười phương cũng giống như thế, nên trước thành xong, sau sau mới mới cũng thành. Sự việc này như Phật, chủ thể hiện, chúng sinh, đối tượng hiện không thiếu một nghĩa, nên các vị cũng đầy đủ.

Hỏi: Sao biết môn thu nhiếp Phật thấy tất cả chúng sinh phát tâm tu hành, v.v... đều xong, cũng sau sau phát tâm tu hành cho đến thành Phật?

Đáp: kinh quyển ba mươi bảy chép: Trong thân Như Lai của Phật

tử đều thấy tất cả chúng sinh phát tâm Bồ-đề, tu hạnh Bồ-tát, thành Đẳng chánh giác, cho đến thấy tất cả chúng sinh vắng lặng, Niết-bàn cũng giống như thế.

Lại, quyển 32 chép: Tất cả chư Phật vì điều phục giáo hóa tất cả chúng sinh, nên trong mỗi niệm thành Đẳng Chánh giác, chẳng phải không giác biết trước chánh pháp của chư Phật, cũng không trụ địa học mà thành Chánh giác. Sớ quyển thứ 16 giải thích: văn đầu tiên chép: Dưới đây, nói về môn thể hiện nhân quả (Đây là nêu văn), vì các chúng sinh có thân Bồ-đề, v.v... nên đều hiện ở trong đó, vì đối tượng hiện kia đồng với chủ thể hiện. Cho nên, chúng sinh đều thành Phật. Nếu Viên giáo, tức tất cả chúng sinh xưa nay đều phát tâm, cũng cuối cùng tu hành, cũng cuối cùng thành Phật, cũng cuối cùng không có mới thành, đầy đủ lời nói lý, sự, cho đến Niết-bàn, nghĩa là ở trong tám tướng, nêu vị đầu tiên, cho đến vị cuối cùng.

Hỏi: Giải thích văn đầu tiên này có bao nhiêu nhân?

Đáp: Kinh dùng mười nhân để giải thích, nên văn kinh chép: Đều một tánh vì không có tánh, nên không có tướng, không có tận, không có sinh, không có diệt, vì ngã chẳng phải tánh ngã, vì chúng sinh chẳng phải tánh chúng sinh, vì giác không có đối tượng giác, vì pháp giới không có tự tánh, vì cõi hư không chẳng có tự tánh.

Sớ chép: Vì sao chúng sinh đồng với tánh Bồ-đề? Vì lược dùng mười nhân để giải thích thành nghĩa này:

1. Vì chúng sinh y chỉ Bồ-đề, không có tự tánh. Cho nên đồng với Bồ-đề, thành chánh giác. v.v...

2. Vì không có tướng tự nhiễm.

3. Vì không có đối tượng cùng tận.

4. Vì xưa nay bất sinh.

5. Vì chẳng có mới diệt.

Bốn nhân trên đồng một câu.

6. Vì tánh ngã tự là không.

7. Vì sự sinh của mọi duyên, chẳng phải là sinh.

8. Lập ra trí giác vì không có đối tượng giác.

9. Vì pháp giới, đối tượng y chỉ cũng không có tánh.

10. Bản tánh giới, đối tượng y chỉ cũng không có tánh.

Hỏi: Làm sao giác biết tất cả chẳng có tánh như thế v.v...?

Đáp: Tiếp theo, kinh kết luận: Giác biết tất cả không có tánh như thế, v.v... trí vô tận, trí tự nhiên, tất cả đại bi không có cùng cực của Như Lai, độ thoát chúng sinh.

Sớ nói: Dưới đây, trí vô tận trong tổng kết, vì dụng soi rọi không có giới hạn, nên trí tự nhiên, vì không đợi công dụng. Đại bi không có cùng cực, vì đồng thể giáo hóa. Về đồng thể giáo hóa: Luận Khởi Tín nói: Duyên ngoài chúng sinh có hai thứ:

1. Duyên khác nhau.

2. Bình đẳng bình đẳng: Tất cả chư Phật, Bồ-tát đều nguyện độ thoát tất cả chúng sinh, tự nhiên huân tập, thường hằng không bỏ, vì năng lực trí đồng thể, nên thuận theo thích ứng với thấy, nghe mà thể hiện sự tạo nghiệp, cái gọi là chúng sinh y chỉ tam-muội, mới được bình đẳng, vì thấy chư Phật.

Sớ chép: Ở trong đó nguyện độ chúng sinh, nghĩa là tâm bình đẳng. Tự nhiên, v.v... nghĩa là thường dùng ứng với căn cơ, vì năng lực trí đồng thể, giải thích thành dụng thường.

Thuận theo ứng v.v...: Chỉ bày rõ tướng dụng của lực, trí kia.

2. Nói đối với căn cơ, nói lên rõ nghĩa bình đẳng, nghĩa là Thập trụ trở lên, các Bồ-tát đồng y chỉ năng lực tam-muội, đều thấy lượng thân của chư Phật bình đẳng, không có tướng phân chia giới hạn kia, đây, nên nói rằng kiến bình đẳng.

Hỏi: Tất cả chúng sinh đều thành Phật, sao hiện tại có chúng sinh không tức là Phật?

Đáp: Vì cái thấy của quyền giáo này khác nhau, đối với Viên giáo, căn cơ xưa nay thành Phật.

Hỏi: Căn cơ nào thấy khác nhau?

Đáp: Nếu đối với địa vị của hàng trời, người thì sẽ đầy đủ vật thật của hai ngã: nhân và pháp. Nếu trong giáo Tiểu thừa, thì sẽ xem chúng sinh này chỉ là năm uẩn của một nhóm, pháp thật xưa nay chẳng có nhân. Nếu giáo đầu tiên của Đại thừa, thì do Duy Thức hiện, như trò ảo thuật, dường như có, đương tướng tức không, chẳng có nhân, chẳng có pháp. Nếu y cứ vào chung giáo thì đều là duyên khởi của Như Lai tạng.

Nêu thể tức đủ đức, như cát sông Hằng, chính là vì chúng sinh không thêm, không bớt. Kinh nói: Chúng sinh tức pháp thân, pháp thân tức chúng sinh. Chúng sinh, pháp thân, nghĩa một, mà tên khác.

Giải thích: Tông này y cứ vào lý, chúng sinh tức là Phật. Nếu y cứ theo Đốn giáo, thì tướng chúng sinh xưa nay cùng tận lý tánh, xưa nay sáng tỏ, rõ ràng tự lộ ra, lại không có đối tượng chờ đợi, đối đãi, nên chẳng thể nói tức thật, không tức, v.v... Như ý mặc nhiên v.v của Tịnh Danh (văn, sớ) nên đối tượng thấy khác.

Nay, ông y cứ vào trong quả vị của hàng trời, người đầu tiên, quán đương tướng của chúng sinh kia, ngay nơi không cũng chẳng được, huống chi lại được thấy sự trong viên giáo, nên ông thấy hiện có chúng sinh, ta không y cứ việc kia để nói thành Phật ở đây, chỉ khiến tình kiến nếu phá bỏ, thì pháp giới sẽ viên hiện tất cả chúng sinh thành Phật, gọi là giáo hóa rốt ráo, chẳng đồng với tông khác, nên trong kiết dưới gọi là đại bi vô cực của Như Lai độ thoát chúng sinh.

Hỏi: Y cứ giải thích văn kết, giống như y cứ vào lý để nói, vì sao trong tiêu biểu có nhân của năm vị phát tâm v.v thành quả của tám tướng thành Phật?

Đáp: Đây là dùng môn pháp tánh dung thông để giải thích, nghĩa là sự thuận theo lý để dung thông nên được tức nhau, nhập nhau. Lại, trong giáo pháp khác, quán vô sinh, chỉ soi rọi lý tánh. Trong Viên giáo này đầy đủ tất cả pháp Phật, Bồ-tát y theo tông suy nghĩ.

Sớ quyển thứ 15 giải thích kinh sau rằng: Trong bảy Chánh giác tự tại có hai cách giải thích:

1. Thuận theo văn giải thích. Nghĩa là tất cả đều vì điều phục hóa độ, vì tự đối tượng hóa độ nên đều chỉ bày thành chánh giác, nên nói: Niệm niệm chẳng phải là một Đức Phật. Đã chỉ bày thành, thì chẳng phải trước không hay biết, nay vì là thỉ giác, nên nói: Không phải không giác biết trước v.v... Đây là thể hiện dụng của hóa thân.

2. Y cứ vào nghĩa để giải thích: Một Phật tức khắp tất cả chúng sinh, quanh khắp cát bụi mười phương, cùng tận ba đời, niệm niệm đồng thời, trước sau đều thành Chánh giác. Đây là thật thành, chẳng phải hóa, chỉ vì không thành, thì đã thành, thì xưa nay thành, nên nói: Chẳng phải không hay biết trước, v.v... vì thu giữ ba đời cùng tận, nên không có xét lại, sẽ không thành, cho nên nói: Không trụ học địa v.v... Đây là y cứ vào tông để suy nghĩ.

Hỏi: Ba thứ thành Phật này hoặc chung lẫn nhau hay đều riêng?

Đáp: Về lý thành Phật, có thể chung cho hai thứ trên, hai thứ trên không chung.

Hỏi: Sao lý thành Phật chung cho hai thứ thành Phật trên?

Hỏi: Tín mãn thu nhiếp các vị cũng y cứ vào thuyết sự lý dung thông. Vì thu nhiếp các vị như trụ, v.v... cũng giống như thế, nên văn của chương chép: Nhưng vô tận này đều ở trong môn đầu, nên kinh này nói: Biển công đức v.v... một niệm của Bồ-tát sơ phát tâm, cho đến lại nói: lúc mới phát tâm liền thành Chánh giác.

Hỏi: Một niệm tức thành Phật nói ở trên, nghĩa là trong Ba thừa

đã có nghĩa này, đâu có khác với niệm này?

Đáp: Ba thừa hướng về lý là một niệm tức thành Phật. Nay, Nhất thừa này được đầy đủ tất cả giáo, nghĩa, lý, sự, nhân, quả.

Tất cả pháp môn như trên và tất cả chúng sinh đều đồng thời thành Phật. Về sau, có thể mới dứt hoặc, cũng không trụ địa học mà thành Chánh giác, đầy đủ mười Đức Phật, để nói lên tính chất thuận, nghịch vô tận, nên đến các vị chung khắp chín đời, mười đời, v.v... của lưới nhỏ nhoi Nhân-đà-la, nghĩa là tâm sau cùng của mười Tín trở lên, mười giải, mười hạnh, mười hồi hướng, mười địa và Phật địa, v.v... đồng thời thành khắp, chẳng có trước sau, đầy đủ tất cả. Nhưng, một niệm này chẳng khác với trăm ngàn kiếp.

Hỏi: Nếu như vậy thì chỉ có thể lập hai thứ thành Phật, sao lại lập ba thứ thành Phật?

Đáp: Vì một, hai hẹp, một thứ sau rộng, nên lập riêng. Vì sao? Vì lý thành Phật cũng chung cho tín mãn, tất cả địa vị phàm phu về trước. Một, hai thứ giới hạn ở Tín mãn và vì trụ nên có rộng, hẹp này.

* Thứ hai, giải thích môn quyết định được con người. Trong đó có hai:

1. Nói ba thứ thành Phật, có thể được con người riêng.
2. Con người xuất ly, mau chóng thành Phật khác nhau.

Ba thứ thành Phật ở phần đầu, người của chủ thể đắc, hoặc đồng, hoặc khác. Vì sao? Vì hạnh của một người, nhờ ở môn tín, nên là hạnh thành Phật. Vì nhờ trụ nên tức vị thành Phật. Tức lý sự ở đây, vì tức nhập Phật, nên gọi là lý thành Phật, cho nên đồng. Nên sớ quyển bốn chép rằng: Hỏi: Chẳng hay Phật Xá-na này là Phật trong địa vị nào? Đáp: Nếu nói về pháp tín, tức vị Phật trong tín, vị khác cũng giống như thế.

Y cứ vào đây để biết, nhưng về lý thành Phật chung cho tất cả phàm phu khác, và vì phi tình, v.v... nên là khác. Sau, nói về loại mau chóng thành Phật, gồm có bốn người:

1. Y chỉ thân mười thế giới của tánh thế giới, hiện thân con của Luân vương thành Phật, như đồng tử Phổ Trang Nghiêm bình đẳng.
2. Dựa vào thân thiên tử vượt hơn, từ ba đường ác, sinh lên cung trời Đâu-suất, hiện thân thành Phật.
3. Y chỉ thân công đức vượt hơn của Diêm-phù-đề, như hiện thân Thiện Tài, v.v... cuối cùng là hạnh Phổ Hiền, sinh sau liền thấy Phật.
4. Y cứ kinh Pháp Hoa, chép: Nghĩa thân của Long nữ thành Phật ở phương Nam, thân lưu hoặc ở vị lai, mau chóng được thành Phật (Văn

bút tứ của Khổng Mục).

Thanh Kheo Ký chép: Mười hiện thân thành Phật bình đẳng:

Hỏi: Đồng tử Phổ Trang Nghiêm đi tất kiếp số như cát bụi của thế giới hai Đức Phật, tu hành thành Phật, vì sao một đời thành Phật?

Đáp: Thân phần đoạn của người này tức là thành Phật nên một đời thành Phật.

Hỏi: Dùng văn nào làm chứng?

Đáp: Sư Tạng nói: 1. Y cứ vào vị, sau phần thắng tấn, tâm sau cùng của mười tín, nhập mười giải, tức thành quả Phật.

Giải thích: Tâm sau cùng của mười Tín tức thành Phật, nên biết một đời thành Phật.

Thiên tử Đâu-suất vây quanh thân thành Phật: Người này ở quá khứ, nhờ nghe kinh, nên dù đọa ba đường ác, mà vì gốc lành của người đó, thân dựa vào ánh sáng của tướng nhỏ sáng suốt từ địa ngục ra, sinh lên cõi trời Đâu-suất. Thân trời này là thân giải, hạnh, vì thân này tức thành Phật, nên một đời thành Phật. Lại, đồng tử Thiện Tài một đời thẳng tắp, gặp thiện tri thức liền thành Phật. Thân Long nữ thành Phật ở phương Nam, người nữ này cũng y chỉ giáo Hoa Nghiêm, tức là để lại hoặc, được thân long nữ, ngay thân này thành Phật, nên nói rằng: Một đời thành Phật. Nay, xem xét ý ghi nhận này, đồng tử Phổ Trang Nghiêm hiện thân thành Phật là một đời phần đoạn, e rằng không thuận với văn. Vì sao? Vì xét văn kinh: Một kỳ hạn hiện thân thì hiểu Nhất thừa. Đây tức là vì hành tướng trong giải, hạnh sinh.

Ngũ giáo quyển hạ chép: Lại, Thiện Tài kia có thể ở trong một niệm hóa độ chúng sinh nhiều không thể nói, không thể nói, một lúc đều đến trước tam-muội Ly cấu. Trong niệm niệm khác, cũng đều như thế, cho đến đây là hành tướng bên trong địa vị giải, hạnh ở ba đời trước. Phần đoạn sinh là chung cho thấy, nghe, v.v... nên chẳng phải đời này.

Hỏi: Sao Đồng tử này có danh hiệu là Phổ Trang Nghiêm?

Đáp: Đức khắp pháp giới, nói là Phổ, đức khắp trang sức giao tiếp là Nghiêm; nghiêm khắp của phổ tức nghiêm, là đồng tử Phổ Nghiêm, Phổ Nghiêm tức đầy đủ.

Bổn mới gọi Thái tử Đại Oai Quang. Nay, trong bổn này, Thái tử có tên là Công Đức Thắng. Nay, đồng tử này là Vương tử thứ ba, cả hai sớ đều chẳng có giải thích, hãy xét ở văn khác.

Phần phước của vua cha và Thái tử. Vì phần tuệ của đồng tử này là đồ đựng đạo.

Hỏi: Sao Vương tử này gọi là con của thế giới tánh Luân vương?

Đáp: Sớ quyển thứ ba chép: Thế giới tánh trong đây, nghĩa là chứa nhóm thế giới thành tánh, chứa nhóm tánh thành biển, v.v... như trên đã dẫn thuyết của Trí luận (Luận Trí Độ). Lại, văn ở dưới nói: Ở trong biển thế giới có tánh thế giới, trong tánh thế giới có một thế giới, v.v... nên biết do chứa nhóm mà thành.

Vì sao gọi là Tánh? Có hai nghĩa:

1. So sánh với các cõi trước, thu nhiếp các dòng loại, kết thành tánh, như gom nhóm lâu thành tánh v.v...

2. Vì so sánh với nghĩa nhân hữu vi của biển v.v... ở sau, nên cũng được gọi là Tánh.

Hỏi: Chứa nhóm giới thành giới tánh cũng là nghĩa nhân. Sao không gọi là Tánh?

Đáp: Vì không có kết thúc dung thông, nên thiếu nghĩa ban đầu.

Hỏi: Biển trong mười thế giới, so sánh với giới sau, cũng chứa nhóm thành giới khác, sao không gọi là Tánh?

Đáp: Sự chứa nhóm ban đầu kết hợp với thu nhiếp xong, được gọi tên là Tánh. Sau, mở ra nghĩa khác, vì chuyển sang lập tên riêng, nên không gọi là Tánh.

Trên đã dẫn Trí Luận chép: Nếu y cứ Chung giáo, như trong Luận Trí Độ nói: Dùng Tam Thiên đại thiên thế giới làm một số, đếm đến số cát sông Hằng là một tánh thế giới, đếm biển này lại đến số cát sông Hằng là một chủng thế giới. Đếm biển này lại đến vô lượng số cát sông Hằng là sự phân chia xếp đặt đối tượng hóa độ của một thế giới Phật. Lại nói: Ngoài thế giới Tam Thiên có riêng tướng râu sen vây quanh phần viên vầng biển tánh của mười thế giới. Các tướng này đối xứng với cảnh giới Luân vương trở lên.

Hỏi: Sao Đồng tử Phổ Trang Nghiêm như thế lại đối xứng với con của Luân vương trở lên trở lên trong muôn người con?

Đáp: Vì văn kinh nói: Hai muôn năm ngàn người con, nên biết con của Luân vương trở lên trong muôn người con. San Định Ký chép: Ba hữu có hai cách giải thích:

1. Nói rằng: Vương tử có năm trăm người, bổn khác nói: Hai muôn năm ngàn người: Xét kinh Anh Lạc chép: bánh xe ngàn căm của Kim Luân vương, cho đến Bồ-tát địa thứ mười đều có hai muôn người con.

Giải thích: Bồ-tát địa thứ Mười cũng hiện làm vua sẽ không có hai muôn năm ngàn. Xét sự vui mừng được thống lĩnh và chưa thấy mắt Phật khéo thấy Ba-la-mật. Trước kia, cũng là địa thứ hai vị chí, e rằng

hai muôn năm ngàn người con là lầm.

2. Nói rằng: Y cứ vào giáo nói là khác, về mặt lý cũng không có lỗi. Nay, nói rằng, sau thuận với sự hội nhập của sớ gốc. Sự giải thích đầu tiên trái với văn, rằng kinh Anh Lạc kia y cứ vào Ba thừa, nên sớ chép:

Hỏi: Tất cả Luân vương trong Niết-bàn đều quyết định có một ngàn người con không thêm, không bớt, vì sao trong đây nói khác nhau?

Đáp: Người kia là vua, Luân vương của bốn thiên hạ. Y cứ vào thuyết của Ba thừa, thì đây là vì Luân vương của thế giới tánh của vua, nên lại xét rộng trong kinh kia, như mành lưới báu v.v... của Đế-thích, vì được chiêu cảm bởi phước của kim Luân vương, như số cát sông Hằng. Đây là y cứ thuyết Nhất thừa khác nhau. Nay, xem xét riêng về thuyết mà sớ của bổn kinh đã nói, rất có đạo lý. Vì sao? Vì số phu nhân mới, xưa, vốn nói chung là ba muôn bảy ngàn người, cũng đồng với nói rằng, tuổi thọ của con người là hai tiểu kiếp. Nói tiểu kiếp: Pháp Hoa Sớ quyển 2 của ngài Khuy Cơ chép: Tức dùng ngày, tháng, năm v.v... là kiếp, nên gọi là Tiểu. Hòa-thượng Nguyên Hiểu nói về nghĩa kiếp: Đại Luận nói rằng: Thời tiết, năm vô lượng, gọi là Tiểu kiếp. Đã trong nhiều thời gian, có hơn ba muôn phu nhân, đâu thể không có hơn hai muôn người con, nên biết với thời gian tám muôn năm, tuổi sống lâu của con người Ba thừa, khi Luân vương ra đời, thì hoàn toàn khác. Hoặc hỏi: Thiên tử Đâu Suất thứ hai, vị nào thành Phật?

Đáp: Thiên tử Đâu-suất thứ hai.

Hỏi: Thiên tử này đọa vào địa ngục và sinh lên tầng trời nào?

Đáp: Kinh nói rằng: Chỉ vì điên đảo, ngu si ràng buộc, nên có thân địa ngục. Lại nói rằng: Vì không buông lung, nên đã trồng gốc lành ở chư Phật, vì gặp thiện tri thức, vì sức của Xá-na cảm thành, nên sinh trên tầng trời này.

Hỏi: Thiên tử này có được được ích gì?

Đáp: Phần lớn có hai lợi ích:

1. Lợi ích địa ngục.

2. Lợi ích sinh trên cõi trời.

Trong phần một có hai:

1. Lợi ích dứt khổ.

2. Lợi ích được mười thứ sáu căn thanh tịnh.

Trong lợi ích trên cõi trời cũng có hai thứ:

1. Nghe giáo được lợi ích.

2. Lợi ích của truyền thông.

Nhưng lợi ích sinh lên cõi trời gồm thâu lợi ích địa ngục. Vì sao? Vì thân địa ngục được lợi ích bởi ánh sáng che mát, nên văn sớ chép: Một ích soi rọi địa ngục, sinh lên cõi trời.

Hỏi: Nếu như vậy thì lợi ích sinh lên cõi trời này là gồm thâu dứt khổ hay gồm thâu các căn thanh tịnh?

Đáp: Chung cho cả hai việc gồm thâu. Vì sao? Vì dựa vào dứt khổ, tịnh hóa các căn mới được sinh lên cõi trời.

Hỏi: Sao sự lợi ích này sớ nói rằng: vượt hơn đối với lợi ích khác. Sớ chép: Vì một ích soi rọi địa ngục, sinh lên cõi trời, nên vượt hơn các lợi ích khác. Ý nói vì dứt khổ, sinh lên cõi trời v.v... là một lợi ích, nên gọi là vượt hơn lợi ích khác.

Lợi ích nghe giáo trong lợi ích trên cõi trời thứ hai: Trong đó có bốn:

1. Lợi ích của trời Đâu-suất khác.
2. Lợi ích của trời Dục.
3. Lợi ích của thiên nữ.
4. Lợi ích của thiên tử đương cơ.

Lợi ích đầu tiên: Kinh nói: Khi Phật nói pháp này, trăm ngàn muôn ức na-do-tha số cát bụi cõi Phật, thiên tử Đâu-suất trong các thế giới đều được Vô sinh pháp nhẫn.

Lợi ích thứ hai: Vô lượng, vô biên A-tăng-kỳ các thiên tử cõi Dục, đều phát tâm Bồ-đề.

Lợi ích thứ ba: Tất cả thiên nữ trong sáu tầng trời cõi Dục, bỏ nữ, thành nam, được tâm Bồ đề không lui sụt.

Lợi ích thứ tư: trong đó có bốn lợi ích:

1. Lợi ích thu nhiếp vị: Nghe nói gốc lành hồi hướng của Phổ Hiền, đều được các năng lực của mười địa, trang nghiêm đầy đủ tam-muội. Hồi hướng gốc lành: Xem xét phẩm Ly thế gian thứ năm mươi lăm, rằng Bồ-tát có mười gốc lành hồi hướng:

1. Vì gốc lành của ta đồng với thiện tri thức, nguyện thành tựu như thế, chớ thành tựu riêng.
2. Đồng tâm.
3. Đồng hạnh.
4. Đồng gốc lành.
5. Đồng bình đẳng.
6. Đồng niệm.
7. Đồng thanh tịnh.
8. Đồng đối tượng trụ.

9. Đồng thành tựu viên mãn.

10. Đồng không hư hoại.

Mỗi mỗi văn trên dưới, đầy đủ như văn đầu.

Sớ chép: Vì gốc lành đã thuận đồng với bạn lành, nên nói rằng, cũng một, hai gốc lành đồng với tâm (lược sớ: sơ nhị đồng với tâm nguyện. Tiếp theo, một đồng hạnh, tiếp theo hai đồng tu (tu sự, lý). Kế là hai đồng đối trị, nghĩa là chánh niệm, chủ thể trị hiện tiền, đối tượng trị, thanh tịnh đã lìa (chánh niệm là chủ thể trị, thanh tịnh, là đối trị thanh tịnh).

Kế là một đồng trị, hai lài đồng chứng (hai gốc lành sau đều được rốt ráo).

Các năng lực trang nghiêm: Không có giải thích sáng suốt văn, nhưng sớ quyển mười sáu chép: Được Đà-la-ni vô tận, gọi là thành tựu các năng lực.

Nếu y cứ mười tín mỗi mỗi trở đi là Bồ-tát. Nếu Bát địa Ba thừa trở lên thì có khả năng thọ lãnh pháp này, so sánh với đây có thể biết rõ.

Các năng lực của mười địa: Là nói theo môn phó thác.

2. Lợi ích của hạnh thành, nghĩa là đều thành tựu nghiệp thân, miệng, ý lành của cõi chúng sinh, v.v... tức là văn sám hối ba nghiệp của pháp giới ở trên.

3. Lợi ích chướng diệt, tức diệt tất cả chướng đều được thanh tịnh, tức nghe hương cúng dường ở văn dưới, nghĩa là diệt tám mươi bốn ngàn phiền não.

4. Lợi ích được thấy Phật: Thấy trăm ngàn muôn ức na-do-tha số cõi nhiều như bụi cát, hoa sen bảy báu, trên mỗi hoa đều thấy Bồ-tát đang ngồi kiết già, phát ra ánh sáng rực rỡ. Trong ánh sáng đó, thấy chư Phật của cõi chúng sinh, v.v... đang ngồi kiết già, thuận theo đối tượng nào đáng độ mà nói pháp cho nghe. Nhưng, văn tổng kết chép: vẫn như thể được ít phần tam-muội kiến lìa. Trong San Định Ký, mở rộng lợi ích tam-muội là năm lợi ích.

Hỏi: Bốn loại, v.v... này đều là người được lợi ích ở địa ngục phải không?

Đáp: Không phải, vì loại thứ tư là người được lợi ích của địa ngục.

Y cứ vào địa ngục, người được lợi ích có hai lợi ích: Tức lợi ích của cờ và ánh sáng của vua, chúng sinh địa ngục trong ngàn cõi sát trần, đều được lợi ích bởi ánh sáng thanh tịnh.

Hỏi: Sáu mươi ức na-do-tha số bụi cõi Phật, loại nào thuộc về chúng sinh địa ngục?

Đáp: Chung cả hai loại.

Hỏi: Trong hai loại này, thiên tử được gọi là người căn cơ đối xứng, chẳng phải ba loại đầu tiên ư?

Đáp: Hai loại người này, xưa thấy, nghe pháp khắp, vì gieo trồng hạt giống kim cương, nên nay gặp ánh sáng Xá-na, mau hiểu vị nhân cùng cực, người khác không đúng như vậy, nên hai loại này là căn cơ của Nhất thừa.

Hỏi: Nếu như vậy thì ba loại đầu tiên được lợi ích của địa nào?

Đáp: Sớ chép: lợi ích trước hai địa này là lợi ích của truyền thông thứ hai, lại có ba thứ:

1. Lợi ích của hoa, vì thấy rộng chư Phật.

2. Lợi ích của hương,vì diệt nhiều hoặc chướng.

3. Lợi ích của lọng báu, vì rộng thành hạnh lớn, nên thiên tử Ý Đâu-suất có căn cơ thích đáng, mỗi lỗ chân lông đều hóa thành hương, hoa xinh đẹp, mây lọng báu, cõi chúng sinh v.v... để cúng dường Phật Xá-na, tức thiên tử này rải hương, hoa xong, thấy các Đức Như Lai trong mỗi đóa hoa.

Bấy giờ, mây hương kia xông khắp vô lượng số cõi Phật, thế giới chúng sinh nhiều như bụi, chúng sinh đó nhờ hương mà tám muôn bốn ngàn nghiệp chướng phiền não đều được dứt trừ, đầy đủ gốc lành sáng suốt của ánh sáng tự tại. Nếu nhìn thấy lọng báu, là đã gieo trồng gốc lành với một số cát sông Hằng vua Chuyển luân Thánh vương. Rộng như kinh nói.

Hỏi: Vì sao sự lợi ích này được gọi là thông truyền, thành hạnh vô tận?

Đáp: Thấy vị thiên tử đầu tiên, sau khi đã cúng dường hoa, hương, lọng báu, về sau sẽ được lợi ích vô tận. Thiên tử Ý tự đã cúng dường trong mỗi một đóa hoa, nhìn thấy các Như Lai, chúng sinh nhiều như cát bụi nhờ hương mà thiên tử đã cúng, được lợi ích diệt chướng. Có các chúng sinh thấy thiên tử này đã dâng cúng thứ mây lọng báu, gốc lành của Luân vương của một số cát sông Hằng. Luân vương này phát ra ánh sáng tự tại Mạn-đà-la, có các chúng sinh gặp ánh sáng này, đều được Thập địa Bồ-tát, đều được trí của vô lượng hữu tình, được mười sáu căn, thành tựu tam-muội tịnh lực. Tam-muội này tức nhất tướng tùy thuận, năng lực sáng suốt của một hữu tình, thông truyền đi thành vô lượng hạnh như thế, vì ánh sáng của tướng khác cũng giống như thế,

nên sớ chép: Vì ánh sáng này chọn ra chung là năng lực sáng suốt của một ánh sáng trong một tướng nhỏ. Một ánh sáng đã như thế, ánh sáng khác cũng như thế. Một tướng nhỏ đã như thế, thì tướng nhỏ khác cũng như thế. Tướng nhỏ đã như thế, ngoài ra, biển, v.v... của tướng lớn khác thì chẳng thể nói, chẳng thể nói. Ý văn như thế, hãy suy nghĩ sẽ biết.

Nói chúng sinh như thế, v.v... đều trước là người tu việc lành, nói đời trước có thấy, nghe Nhất thừa, vì tu gốc lành của Phổ Hiền.

Hỏi: Một vị Luân vương của số cát sông Hằng là vị nào?

Đáp: Vì vị Thập địa, nên sớ chép: Ở lỗ chân lông của vị thiên tử này phát ra hương hoa, lọng báu, v.v... Lại, lợi ích chúng sinh sao cho Luân vương cũng được Thập địa.

Hỏi: Sao không nói hai số cát sông Hằng Luân vương v.v... mà lại nói một số cát sông Hằng?

Đáp: Sớ chép: Đầu tiên là nói vì thấy chiếc lọng báu của pháp môn pháp giới này, nên được gốc lành của một số cát sông Hằng Luân vương, đều như lưới báu v.v... thanh tịnh, đây là Luân vương của muôn người con trở đi trong tánh thế giới, như Ái kiến, Thiên Tuệ vương, v.v... chẳng phải là vua bốn châu, v.v... một ngàn người con của Kim Luân, nghĩa là một Luân vương của lưới báu thanh tịnh của số cát sông Hằng, gốc lành tạm thấy lọng báu này được thành tựu ngay.

Thứ ba, là đồng tử Thiện Tài. Nói Thiện Tài: Do tướng của báu của phước báu này khởi lập danh hiệu Thiện Tài, tức Thiện là nhân, Tài là quả. Lại, vì được của cải thuận với đạo này, nên nói là Thiện Tài. Lại, lúc sinh của báu hiện ra là Tài, về sau khen đức hạnh của Thiện Tài là Thiện, như Thiện Hiện từ hư không sinh, v.v... Lại, Trí Độ Luận giải thích:

1. Thường Đề, v.v... So sánh với nghĩa này rất dễ hiểu.

2. Mười câu trong khen đức hạnh của Thiện Tài là năm cặp. Đầu tiên, từng vâng giữ hạt giống lành của Phật, nói Thiện Tài này đã từng gieo trồng gốc lành của phần giải thoát từ đời trước.

3. Ưa thanh tịnh, gần gũi bạn lành.

4. Tu ba nghiệp.

5. Cầu tu pháp quả.

6. Tâm thanh tịnh, đầy đủ hạnh, vì tâm không có niệm khác, nên thanh tịnh như hư không. Lại, vì không có biểu hiện phiền não (văn sớ quyển mười tám).

Hỏi: Đồng tử này là vương tử hay con của Trưởng giả?

Đáp: Văn kinh chỉ nói có năm trăm Đồng tử, gọi là Thiện Tài,

v.v... không nói cha mẹ của đồng tử đó. Nhưng y cứ trong nhà của Đồng tử, có bảy kho báu lớn, nên có lẽ là con của Trưởng giả, vì không thấy nói ở trong cung, nên chẳng phải Vương tử. Dù chẳng phải vương tử, nhưng vì đã cảm được bảy báu, nên Khổng Mục, v.v... nói là thân thù thắng Diêm-phù-đề.

Hỏi: Sao đồng tử này cầu thiện tri thức, còn người khác lại không cầu?

Đáp: Vì gốc lành quá khứ của người này, hiện nay cũng đang cầu bạn lành, nên kinh chép: Đồng tử này từng cúng dường chư Phật trong quá khứ, trồng sâu gốc lành, thường ưa thanh tịnh, gần gũi thiện tri thức, thân, miệng, ý thanh tịnh, tu đạo Bồ-tát, cầu trí Nhất thiết.

Hỏi: Văn-thù bảo Thiện Tài nên tìm bạn lành, như có đối tượng biểu hiện gì?

Đáp: Vì sở nói, gồm có bảy:

1. Vì làm khuôn phép, nghĩa là cầu pháp, nói phép tắc, mẫu mực của pháp.

2. Vì hạnh duyên vượt hơn, nghĩa là cốt yếu của thành hạnh, đều lấy bạn lành làm đầu.

3. Vì phá bỏ kiến chấp tăng thêm, khiến cho Bồ-tát mới học Thiện Tài, v.v... phá tan sự kiêu hãnh, ngã mạn của mình, vì kiến chấp.

4. Vì nhờ thành hạnh, tức là hạnh tìm bạn lành và cầu pháp.

5. Vì làm sáng tỏ vị, nên rộng nhờ bạn lành, biểu thị rõ năm vị như tín, v.v...

6. Vì chỉ bày rõ sự sâu rộng, vì biểu dương pháp Phật rộng lớn, nên dù vị rất xứng đáng, nhưng ta chỉ biết một pháp môn này. Thiện Tài lập vị cho đến đăng vị rằng: Ta chưa biết thế nào là hạnh Bồ-tát, v.v...?

7. Vì chỉ bày rõ duyên khởi, nên Thiện Tài và bạn lành đồng thành một duyên khởi. Vì chủ thể nhập, đối tượng nhập không có hai tướng, cho nên, không có Thiện Tài ngoài bạn lành, nên chứng tỏ một tức tất cả, là chứng minh Thiện Tài trải qua nhiều giai vị. Không có bạn lành ngoài Thiện Tài, nên rõ ràng tất cả tức một, nói nhiều vị thành tồn tại ở Thiện Tài.

Hỏi: Thế nào là bạn lành?

Đáp: Nghĩa bạn lành này có ba thứ:

1. Nhân.

2. Pháp.

3. Hợp giải thích.

1- Trong loại đầu tiên có sáu:

1. Có người dù năng cứu vớt nỗi khổ, nhưng không khuyến khích tu điều lành, thì chẳng phải bạn lành chân thật.

2. Dù khuyên tu việc lành của đời, tránh khỏi đường ác, nhưng không khuyên mọi người hướng tới xuất thế, thì cũng chẳng phải bạn lành.

3. Mặc dù tu hai hạnh, nhưng chẳng phải khuyên tu đạo Bồ-tát.

4. Dù tu đạo Bồ-tát, nhưng cũng còn tướng lành.

5. Chủ yếu khuyên chúng sinh tu hạnh vô tướng, là bạn lành chân thật.

6. Chủ yếu khuyên khiến tu đủ pháp hạnh của Phổ Hiền, mới là chân thiện tri thức chân thật rốt ráo.

2. Pháp: Thiện tri thức cũng có sáu lớp:

1. Pháp trời, người.
2. Pháp Nhị thừa.
3. Pháp Sơ giáo.
4. Pháp Chung giáo.
5. Pháp Đốn giáo.
6. Pháp Viên giáo.

Vì y chỉ các pháp này để trở thành chánh hạnh, nên gọi là bạn lành.

3. Trong phần hợp giải thích cũng có sáu lớp.

Đối với pháp của sáu vị trên, mỗi vị đều nói một môn, vì trao cho cơ duyên thì nhân pháp giải thích song song.

Giải thích văn dưới, các thiện tri thức đều có đủ ba vị trước. Trong ba vị này, mỗi vị đều có đủ ba nghĩa, như sớ mười tám, nhưng các thiện tri thức thường có thuyết khác, như sớ quyển mười tám và thuyết cương mục.

Hỏi: Y cứ Đồng tử này để chia ra ba sinh nào?

Đáp: Y cứ vào tông viên giáo có ba vị:

1. Vị thấy, nghe, tức là Thiện Tài. Kê là sinh thân trước, vì thấy, nghe đúng như pháp Phổ Hiền, vì thành gốc lành của phần giải thoát kia nên văn khen đức: Đồng tử này đã từng cúng dường chư Phật quá khứ, gieo trồng sâu gốc lành. Lại, phẩm Tánh Khởi chép: Văn quyển ba mươi bảy: Thế nào là tri kiến của Bồ-tát? Đã gieo trồng gốc lành cúng dường cung kính, đã thấy nghe Như Lai. Bồ-tát này là gốc lành đều không giả dối. Công đức vô tận, lìa tất cả ái, cuối cùng quả báo giải thoát không giả dối, đầy đủ các nguyện trong tất cả pháp hữu vi, không

thể cùng tận, mà có khả năng thuận theo trí tuệ vô vi, khởi trí chư Phật, tận cùng mé vị lai. Các Phật kia địa ấy đầy đủ như trong phần ghi chép rộng.

2. Giải, hạnh sinh, nghĩa là tu ngay, pháp hạnh của năm vị như thế, như Thiện Tài, sinh này đã thành đến vị Phổ Hiền (văn sớ). Lại, thiên tử Đâu-suất từ đường ác ra xong một đời, liền đến trước tam-muội Ly cấu, được cảnh giới mười mắt, mười tai, v.v... rộng như phẩm Tướng đã nói (văn năm giáo).

3. Chứng biển quả sinh, tức vị nhân sau cùng, tiềm ẩn đồng với biển quả, là đời sau của Thiện Tài (văn sớ), nghĩa là văn kinh như Di-lặc bảo Thiện Tài: Đến đời đương lai, khi ta thành Chánh giác, ông sẽ thường được thấy ta.

Sự việc như thế, v.v... nên biết đây là y cứ vào nhân quả trước, sau, vì chia thành hai vị. Cho nên, ở vị trước chỉ là nhân, vì quả viên ở vị sau, nên nói: Sẽ thấy ta (văn năm giáo).

Xem xét chính văn kinh quyển 16 chép: Ta sống lâu ở trong đó, sau cùng khi ta hạ sinh, thành Chánh giác, ông và Văn-thù đều được thấy ta.

Giải thích có ba nghĩa:

1. Nói rằng: Đời đương lai khi ta thành Phật, cũng sẽ giảng nói về Hoa tạng này. Lúc đó, vì cũng đã có pháp mà Văn-thù, Thiện Tài đã nói, nên nói như vậy.

2. Nói rằng: Lúc ta thành Phật, ông và Văn-thù đều đến giúp ta tuyên dương chánh pháp, hóa độ chúng sinh.

3. Vì biểu pháp: nghĩa là vì sao Thiện Tài trên đối với hội Phật, thì đều mong cầu các thiện tri thức, mà không đến với Phật? Là vì đời này của Thiện Tài là thân tu nhân, vì quả chưa thành, nên không đến chỗ Phật, chẳng phải cho rằng không cầu, mà chỉ vì thành quả cách nhân, nên nói: sẽ thấy Phật.

Ba người này là y cứ vào tướng văn để chia thành ba việc sinh, nếu y chỉ pháp sinh ba người thì đều đồng, nên trong hỏi đáp Hương Tướng dưới đây sẽ nói:

Lại, Khổng Mục chép: Trong kinh Hoa Nghiêm nói thành Phật có năm. Ba người: Đồng tử Phổ Trang Nghiêm, v.v... hiện thân thành Phật, làm sao biết được tướng thành Phật ấy?

Đáp: Vì Đồng tử Phổ Trang Nghiêm trong việc hiện thân gặp Phật, nghe pháp, được tin hiểu, tự chia ra pháp vị thắng tấn, môn tam-muội, v.v... tức biết thành Phật tín mãn, v.v... Lại, thiên tử Đâu-suất v.v... trong

hiện thân đã được phần ít tam-muội Ly cấu, lại vì xem xét các công đức, v.v... nên biết hiện thân thành Phật. Đồng tử Thiện Tài hiện thân đã đến chỗ tri thức Bồ-tát Phổ Hiền, mà tri thức Di-lặc nói: Khi ta thành Phật ở đương lai, ông sẽ thấy ta, nên biết sẽ thành Phật ở đời sau.

Các việc trên đây, chỉ y cứ tướng văn, y cứ vào ba vị thấy, nghe, v.v... là ba việc sinh, nên nói như thế. Y cứ vào chung thật đều đồng, chỉ vì trong một thân thành Phật, nên nói một thân, nghĩa là thân pháp tánh, không có thân phần đoạn v.v... riêng. Nếu thuận theo duyên hiện thành Phật, thì đồng với giáo của Ba thừa. Y cứ vào pháp thật giáo của Nhất thừa, thì niệm niệm thường thành Phật v.v... thêm thuyết ở trước, văn sớ quyển hai mươi.

Hỏi: Đồng tử Phổ Trang Nghiêm, thiên tử Đâu-suất sinh trước, sau gọi là sinh vào biển quả hay chăng?

Đáp: Như Yếu Ký chép: Hỏi: Ba người trên đủ quyết định Bồ-tát ở vị nào?

Đáp: Sớ quyển 18.

Thiện Tài này là Bồ-tát ở vị nào?

Đáp: Kinh không có tướng của vị chánh đoạn, khó giảng nói. Hoặc có phán quyết là Bồ-tát thượng địa. Dù cho thiết lại phát tâm tức là hai vị sau trong bốn thứ phát tâm. Lại, là chứng phát tâm trong ba thứ phát tâm trong luận. Hoặc có thuyết nói: Là thật báo, phàm phu chỉ có lòng tin, có thể cầu bạn lành. Nay, lại y cứ giải thích sự thích ứng với người tu hành trong niềm tin cõi lành, vì thiên tử Đâu-suất, đồng tử Phổ Trang Nghiêm là Bồ-tát Thập trụ.

Khổng Mục thứ hai đồng nói là hiện thân thành Phật. Phổ Nghiêm cũng nói cõi lành: Chưa nhập, Sơ phát tâm trở xuống là vị mười Tín. Quyển hạ chép: Trước ba hiền chỉ gọi cõi lành, không gọi là chủng tánh.

Hỏi: Chưa đến tâm mãn của Thập tín, vị Sơ phát tâm đâu được năm vị?

Đáp: Thú hướng tín vị, vì đã hiểu Nhất thừa, nên nhân vị rốt ráo, như sớ quyển ba chép: Hỏi: Thiện Tài là tín vị nào? Văn dưới của sớ chép: Nếu vậy thì Thiện Tài nhất định là vị nào? Nghĩa là giai vị nào? Vì ở Tín là tín vị, ở trụ là trụ vị, vì một thân trải qua năm vị, nên thuận theo được nói là vị kia. Về lý, thật như văn sớ trên, là Bồ-tát của tín vị.

Long nữ thứ tư. Pháp Hoa Sớ của Từ Ân chép: Kinh Hoa Nghiêm nói: Tám tướng thành đạo của Bồ-tát Thập tín. Nay, hoặc nói: Đây là

lời khuyên bảo mọi người. Trong Kinh Già-da Sơn Đỉnh, thiên tử Tịnh Quang hỏi: Có bao nhiêu cách phát tâm? Văn-thù đáp: Có bốn:

1. Phát tâm chứng: Nghĩa là nhập Sơ địa.
2. Phát tâm hạnh: sáu địa tiếp theo.
3. Phát tâm không lui sụt: Tám, chín địa.
4. Phát tâm một đời bổ xứ: Địa thứ mười.

Nay, Long nữ này, hoặc tức phát tâm thứ tư, hóa thành long nữ. Tuổi trẻ mà có khả năng học kinh Pháp Hoa, mau được Bồ-đề, sinh này là sự sinh của chứng quả, tức văn kinh này nói: Cung rồng được Văn-thù dạy bảo, giải thích Nhất thừa. Trí Tích hỏi Văn-thù: Có chúng sinh nào siêng năng tinh tấn tu hành, kinh này, mau được thành Phật không? Văn-thù đáp: Có long nữ Ta-Kiệt-La, cho đến phát tâm tâm Bồ-đề trong khoảng sát-na, được không lui sụt, cho đến đi qua thế giới phương Nam, thành Đẳng Chánh Giác, nghĩa là chứng biển quả sinh.

Hỏi: làm sao biết nhân sinh này được quả Phật?

Đáp: Chương Thập huyền, nay nói: thành Phật chỉ đầu tiên từ thấy, nghe trở đi, cho đến sinh thứ hai tức thành giải, hạnh. Tâm sau cùng của giải, hạnh nhân vị viên mãn cùng cực: Đối với đời thứ ba, liền được quả viên dung tự tại rốt ráo kia. Vì thể của nhân này dựa vào quả thành, nên chỉ cho vị nhân mãn, nghĩa là thắng tấn, tức mất ở trong biển quả. Vì là cảnh giới chứng, nên chẳng thể nói. Sự việc này như long nữ và đồng tử Phổ Trang Nghiêm, thiên tử Đâu-suất v.v... tức khắc định nghĩa của quả kia trong ba sinh.

Hỏi: Sao người nữ này được gọi là thân để lại hoặc?

Đáp: Vì nhằm đem lại lợi ích cho chúng sinh, nên để lại phiền não thành long nữ.

Hỏi: Làm sao biết được Bồ-tát địa tiền, nên để lại phiền não?

Đáp: Ngũ giáo quyển hạ chép: Nhưng đầu tiên trong vị ba Hiền địa tiền kia, tức không đọa vào địa Nhị thừa, vì tự tại đối với chướng phiền não, có thể dứt để lại hoặc, vì không đoạn là trừ chướng trí.

* Thứ ba, môn hiển giáo khác nhau.

Y cứ Khổng Mục thứ ba, biểu thị rõ sự khác nhau của sáu giáo.

Thứ nhất, giáo của thừa trời, người, giáo này có ba thứ thành Phật:

1. Phật vì cứu độ ba đường ác, hiện thân khác ở ngoài ba đường ác kia, tức thành thân Phật, như Phật hiện chân của con voi đen v.v... Tân La Ký chép: Phật hiện than voi đen thấy rõ địa ngục cho nên Ngài vui mừng cho những người vun trồng thiện căn. Nghĩa là: Một là Phật

muốn cứu độ những chúng sanh đọa trọng ba đường ác và dẫn dắt họ cho đến thành Phật v.v.. Hai là, Phật vì muốn dẫn dắt người và chúng sanh mà thị hiện thân Phật. Ví như, Phật vì trưởng giả Đề Vị mà hiện thân thần cây. Sách Đẳng Ký chép: Khi Phật mới thành đạo, Ngài ngồi dưới cội cây Bồ đề bên bờ sông, thị hiện thân tướng hảo cao mười sáu thước. Các thương gia thấy thân này của Phật cho là than mà phụng thờ. Lúc đó, Phật hiện thân cứu độ người có thiện căn. Ba là vì dẫn dắt trời người nên hiện thành thân Thánh. Như Phật là bậc Thánh để người đời cúng dường được phước. Thị Ký chép: Phật ngự dưới cội cây Bồ-đề, bấy giờ, Phạm thiên biết cúng dường Phật, mà Phật vẫn yên lặng, suốt bảy ngày, nhận thỉnh Phạm thiên nói pháp, nên đến ngày thứ mười bốn, khi Phật nói pháp, nhiều người trồng gốc lành, nên nói rằng: Vì dẫn dắt hàng trời, người, cho đến như người, v.v... biết Phật là là Thánh, v.v...

2. Trong Nhị thừa có bảy nghĩa:

a. Y cứ vào địa, nghĩa là ba cõi, chín địa, mười địa, mười một địa, v.v... Ngoài tức thành Phật. Nói chín địa là Bốn thiền, bốn vô sắc và địa cõi Dục.

Mười địa: là Sơ vị chí, thiền trung gian, bốn thiền và bốn Vô sắc.

Mười một địa: Vì mười địa trên, thêm cõi Dục, nên Trí Luận quyển 20 chép: Ba môn giải thoát trong chín địa, bốn thiền, vị chí địa trung gian thiền, và ba Vô sắc, vì tánh vô lậu.

Có thuyết khác nói: Ba giải thoát chỉ có vô lậu. Ba tam-muội chung cho hai. Vì lý do này, nên tam-muội, giải thoát có hai tên gọi. Nói như thế, nghĩa là ở mười một địa. Sáu địa (bốn căn bản, Sơ vị chí, thiền trung gian. Ba vô sắc, cõi Dục và địa hữu đảnh. Nếu hữu lậu: thì lệ thuộc ở mười một địa. Vô lậu thì không trói buộc (không hệ thuộc).

Trí Luận quyển 23 nói: Là vô thường, vừa hữu lậu, vừa vô lậu ở chín địa. Nếu hữu lậu thì ở mười một địa.

b. Y cứ vào vị, thấy ngoài tu học, tức học thành Phật kia. Ký chép: Phật ngự dưới cây Bồ đề, sáu hạnh đẳng trí thông, mà địa phi tưởng trở xuống, phiền não của ba không dưới đều hàng phục, trước khi khởi kiến đạo vô lậu, là đã chế phục, tu hoặc đều dứt, cũng dứt tu hoặc chín phẩm của địa Phi tưởng, chín Vô gián, chín giải thoát, dứt phiền não do đoạn kiến, chứng bốn Đế lý là kiến đạo của tâm thứ mười sáu. Địa Phi tưởng, giải thoát thứ tám trở lại, đều là tu đạo, chỉ giải thoát thứ chín là đạo Vô học.

c. Y cứ vào hạnh, lìa học, rồi thì hiện thành Phật trong thân Vô học.

d. Y cứ hạnh Bồ-tát, ngoài ba mươi ba tâm, tức thành Phật kia. Ký chép: Hỏi: Ba mươi ba tâm, tám nhẫn, tám trí, chín vô gián, tám giải thoát, lúc trước đã y cứ vào vị để giải thích xong, vì sao lại giải thích? Đáp: Vì trước kia đã y cứ vào nghĩa đi suốt qua tất cả người, nhằm nói về thành Phật.

Vì nghĩa này chỉ nói về phép tắc thành Phật của Bồ-tát Thích-ca, nên lại giải thích riêng. (Dù vị tâm đồng nói về thời gian, nghĩa, vị, tâm, đã khai, hợp khác nhau, vì nói nghĩa này riêng, nên giải thích riêng).

Hỏi: Nếu vậy thì vì sao như thế?

Hỏi: Bồ-tát chỉ vì tu ba mươi ba tâm, không có tu nghĩa thành Phật khác, nên không chung với ở đây là đối với nghĩa khác, cũng như Thanh văn không nhất định: nghĩa là con người thứ lớp trong một trăm bảy mươi tám niệm, có người thành Phật mà chỉ vì không có phát tâm kiến, tu vô học, nên y cứ vào kiến, tu chung cho tất cả người (nay theo thuyết Khổng Mục đã nói ở đây là kiến, tu y cứ vào Bồ-tát mà nói). Bồ-tát thì không phải như vậy, chỉ có ba mươi ba tâm, nên chỉ không chung đối với nghĩa khác.

Hỏi: Con người theo thứ lớp vì sao lại tu một trăm bảy mươi tám niệm thành Phật?

Đáp: Mỗi địa trong chín địa đều có chín phẩm phiền não vì đầy đủ vô gián, giải thoát, nên được một trăm sáu mươi hai niệm. Trong số này, vì cộng thêm tám nhẫn, tám trí, nên có một trăm bảy mươi tám niệm.

Niệm như thế gồm thâu kiến, tu ra sao?

Đáp: Vì kiến đạo gồm thâu tám nhẫn, tám trí, nên có một trăm bảy mươi tám niệm sự giải thoát dứt phiền não của phẩm thứ tám mươi mốt trong phiền não của chín nhân chín thành tám mươi mốt phẩm, giải thoát là đạo Vô học, pháp khác đều vì thu nhiếp tu đạo, nên ngoài kiến, tu, tức người thành Phật đều suốt qua tất cả.

đ. Y cứ vào thời gian, Tiểu thừa nói sáu mươi kiếp thành ngoài ba tăng-kỳ thì thành.

Khổng Mục quyển bốn chép: Tiểu thừa lấy sáu mươi kiếp làm A-tăng-kỳ đại kiếp. Tiểu thừa phải trải qua ba tăng-kỳ này mới được thành Phật. Sự ghi nhận của Phật: A-tăng-kỳ trong Tiểu kiếp, vì có y cứ kiếp thứ năm mươi hai trong sáu mươi địa, nên chỉ là một kiếp làm một A-tăng-kỳ. Trừ hai mươi kiếp không trong tám mươi tiểu kiếp, nói là sáu mươi kiếp. Tiểu kiếp thứ năm mươi ba trong sáu mươi kiếp này là A-tăng-kỳ, vì một kiếp trong sáu mươi bốn, kiếp là nửa kiếp, nên gom

tám mươi kiếp làm một kiếp.

Gom sáu mươi bốn kiếp thành một kiếp ấy là đại kiếp, lại đáng học.

Ngũ giáo quyển hạ chép: Người căn phẩm thượng, nghĩa là Đức Phật quyết định đầy đủ ba tăng-kỳ kiếp.

Số kiếp trong đây, lấy một kiếp nước, lửa, v.v... làm một số. Một của mười cái làm số thứ hai. Như vậy lần lượt đến thứ sáu mươi làm một A-tăng-kỳ. Y cứ vào một A-tăng-kỳ này để đếm ba tăng-kỳ.

Nghĩa kiếp rõ ràng: Thứ tám, nói trong hai mươi kiếp gió trong tạng Thanh văn, tùy mỗi kiếp là số thứ nhất. Từ số một này đếm đến mười là số thứ hai, tức dùng số thứ hai để đếm đến mười là số thứ ba, tức tương đương với một trăm kiếp, tức dùng ba số làm một. Từ số một này đếm đến mười là số thứ tư, tức hợp với ngàn kiếp, tức dùng số thứ tư, từ số một đếm mười là số thứ năm, tức tương đương với muôn kiếp, tức dùng số thứ năm làm một số, từ số một này đếm đến mười là số thứ sáu, tức đối xứng với ức kiếp.

Dùng số thứ sáu làm số một, từ số một đếm đến mười là số thứ sáu, tức tương đương với mười ức kiếp. Dùng số thứ sáulàm số một, từ số một đếm đến mười là số thứ bảy, tức tương đương với mười ức kiếp. Dùng số thứ bảy làm một số. Từ số một đến mười là số thứ tám, tức tương đươngvới một trăm ức ở đây. Tiếng Phạm gọi là câu-chi, lần lượt như thế, đếm đến số lớn thứ sáu mươi, cách một kiếp đại tăng-kỳ, vì số của ba đoạn này, nên nói là kiếp đại tăng-kỳ, nên luận Câu-xá chép: Tám mươi trung,đại kiếp, ba vô số.

Hỏi: Câu-xá quyển tám chép: Vì ba đại A-tăng-kỳ nào nên nói vô số, v.v...?

Đáp: Nếu lấy pháp số để tính thì sẽ không thể biết được số ấy, nên nói là vô số. Y cứ vào thuyết của hai sư sau này nói: sáu mươi kiếp thành của Khổng Mục, nghĩa là sáu mươi kiếp thành một tăng-kỳ, hai kiếp sau cũng như vậy.

Văn ghi chép trên, chưa thấy lý do, hãy tham thể khảo luận Ba-sa, Câu-xá, v.v...

Hỏi: Hễ thành Phật tu hành có bao nhiêu thời gian?

Đáp: luận Câu-xá quyển hạ nói: Lại y cứ vào Bồ-tát Bà-sa v.v... thì thành Phật có hai thân:

1. Pháp thân.

2. Sinh thân.

Pháp thân: Năm phần như: giới, v.v... Tu pháp thân này có đủ bốn

thời gian:

1. Thời gian ba tăng-kỳ kiếp, tu bốn Ba-la-mật hữu lậu.
2. Thời gian trong một trăm kiếp, tu nghiệp tướng tốt đẹp.
3. Thời gian xuất gia, khổ hạnh tu thiền định.
4. Thời gian thành Chánh giác dưới cây Bồ đề.

Sinh thân: Chỉ một trăm kiếp tu nghiệp tướng tốt, ở thân sau cùng, tại nhà vua Tịnh Phạm, thành Già-da, thọ sinh báo thân, bước lên đạo giác tại nước Ma-kiệt-đà.

Ký chép: Hỏi: Trong ba tăng-kỳ kiếp, thời gian tu bốn Ba-la-mật hữu lậu, thân nào tu?

Đáp: Chưa phát kiến đạo vô lậu trở xuống, đều có đủ việc của thân phàm phu. Trong ba tăng-kỳ kiếp của thời quá khứ, tu bốn Ba-la-mật hữu lậu. Kế là, trong một trăm kiếp, tu nghiệp tướng tốt của báo riêng. Tiếp theo là sinh lên cõi trời Đâu-suất, một ngàn kiếp học oai nghi của Phật. Sau đó, sinh trong cung vua, phu nhân Ma-da là mẹ. Tiếp theo thành Thái tử, nhận ngoại đạo A-lam-già-lam làm thầy, tu tập chánh định. Kế là, ngồi dưới cây Bồ đề, vào giờ dần, dùng đạo đẳng trí sáu hạnh mà ở vô sở hữu xứ để lại tu hoặc đều điều phục, trước khi khởi kiến đạo không có dòng chảy, là đã chế phục phiền não đều dứt, không được ba quả đầu tiên, có vượt qua được quả Na-hàm thứ ba chăng? Đồng thời dứt trừ chín phẩm tu hoặc của địa Phi tưởng, chứng được quả A-la-hán, vào giờ dần, liền được thành đạo.

Đồng với đạo đẳng trí của sáu hạnh, vì sao không khuất phục hoặc do kiến đoạn?

Đáp: Vì ưa trên, chán dưới, vì duyên đạo của việc thế tục, không chế phục được phiền não do kiến đoạn, làm sáng tỏ phương tiện của đạo giác, chế phục được phiền não do kiến đoạn. Lại, ưa vượt hơn, nhàm chán yếu kém.

Đạo: Sinh tử là yếu kém, cũng vượt hơn đạo. Sự có lý ở đây, khi duyên theo lý này, là chế phục phiền não chướng đạo, đồng với kiến đạo vô lậu, dựa vào vị nào mà khởi?

Đáp: Nếu khởi chân kiến đạo, thì Tiểu thừa, Đại thừa đều nương định biên tế thứ tư mà khởi. Nếu khởi tướng kiến đạo thì luận Địa Trì nói: Ba y chỉ năm sinh. Nói ba, nghĩa là trí hiện quán đế (trí chánh đế), biến trí hiện quán đế (trí hậu đắc) rốt ráo hiện quán.

Nói nương vào năm sinh: Bốn thiền căn bản, định vị chí, nên tướng kiến đạo y cứ năm định mà khởi. Tiểu thừa như thế: Thêm Thiền trung gian y cứ vào sáu định, khởi tướng kiến đạo. Đó là nói chung, nếu nói

riêng, thì người tuệ giải thoát vì không dứt định chướng vô tri, nên người này mới nương vào định căn bản, khởi lên kiến đạo.

Hỏi: Kinh Bổn Nghiệp chép: Một trăm kiếp tu nghiệp tướng tốt với Tiểu thừa có gì khác nhau?

Đáp: Ý kinh này nói: Vì hiểu rõ Tiểu thừa, nên trong ba tăng-kỳ của ông, vì tu bốn Ba-la-mật hữu lậu, nên ta nói: Địa tiền là một tăng-kỳ, Sơ địa đến Thất địa là hai tăng-kỳ, Bát địa đến Thập địa là ba tăng kỳ. Sau mãn ba-tăng-kỳ này, khi kim cương dụ định hiện tiền, mới được tu nghiệp tướng tốt trong trăm kiếp, ngàn kiếp, kiếp nhiều như số cát sông Hằng.

e. Y cứ sự sinh tử trên thân phần đoạn sau cuối, tức thành Phật, kinh này quyển hạ chép: Nếu y cứ Tiểu thừa, thì chỉ có thân phần đoạn, đến vị rốt ráo, Đức Phật cũng đồng như vậy, là thật chẳng phải hóa.

f. Y cứ vào mười hai trụ của Tiểu thừa, trụ A-la-hán trên hết thứ mười hai, thì đồng với Phật. Quyển hạ chép: trong các giáo đều dùng ba nghĩa, lược chỉ bày:

1. Nói về tướng vị.
2. Nói về không lui sụt.
3. Nói về hành tướng.

Đầu tiên, y cứ vào Tiểu thừa có bốn vị, nghĩa là kiến, tu phương tiện và rốt ráo. Lại, nói mười hai Trụ của Tiểu thừa, cho là rốt ráo, không lui sụt: Trong đây, tu hành đến Vị nhẫn, vì đã được không lui sụt, nên hành tướng của Vị Nhẫn đó cũng như thuyết của các luận kia.

Hỏi đáp của Chung Nam nói rằng: Nếu y cứ vào giáo Tiểu thừa, thì thấy sắc thân ba mươi hai tướng của Phật, tức là thật sự thấy nhãn căn tương ưng đồng thời với cảnh, nhìn thấy sắc tướng thật, gọi là thấy Phật. Phật Tiểu thừa có hai:

1. Sinh thân.
2. Hóa thân.

Đức Phật đều tu hành từ bi, hạnh ái mà thành. Trong một thời gian, chỉ có hạnh ái, từ bi của một vị Bồ-tát, y cứ vào ba mươi ba tâm, theo thứ lớp thành Phật, hạnh kiến khác đều không thành Phật, chỉ được hai thứ Niết-bàn trụ vô dư. Chỉ một người thành Phật. Nếu người khác thành Phật trước, sau khác nhau. Nếu giáo hóa hữu tình, thời gian sau thành Phật. Vì không có Phật ở mười phương, nên đại kiếp thành, hoại của thế giới, mãn ba tăng-kỳ chắc chắn được thành Phật. Không có một niệm thành Phật, nghĩa là không có Phật ở phương khác, nếu có tức là Phật của phương này biến hóa đến phương kia. Ma-da mẹ Phật ở châu

Thiệm-bộ này là thật sự mẹ Phật. Trong thế giới khác không có thật, vì Phật là hóa, nên các căn của chư Phật, Bồ-tát, v.v... tương tác, chỉ do biến hóa thành không cần sửa đổi tánh. Một người dựa vào một người, dựa vào một cõi, dựa vào nhất tâm, thứ lớp thành Phật. Nhân quả tương xứng với hiện lượng có thể biết, chỉ dứt hoặc, nhân quả cùng tận, không phải đều khác nhau. Nghiệp báo chung của các phần Bồ-đề. Từ lúc sơ phát tâm, thứ lớp tu, nói sắp muốn thành Phật. Tâm sau cùng của Thập địa, trăm kiếp tu riêng tướng tốt, là thật chẳng phải hóa, chỉ tu nghiệp của phần Bồ-đề, trừ người có lui sụt, đều thành Phật, không ai không thành Phật, vì tướng con người là Phật. Trí Nhất thiết tức thuộc về pháp. Ngũ giáo quyển hạ chép: Nếu y cứ vào chủng tánh Tiểu thừa, thì có sáu, gọi là lui sụt, tư duy, thủ hộ, trụ, thắng tấn, bất động. Trong tánh bất động có ba phẩm: thượng, trung, hạ, như thứ lớp người ba thừa. Dù ở trong nói một hạng là Phật có chủng tánh. Nhưng chẳng phải là tánh đại Bồ-đề kia, vì đối với công đức của Phật, không nói là cùng tận đời vị lai, vì khởi dụng lớn. Cho nên, phải biết ở trong giáo này, trừ một người là Phật, giáo khác tất cả chúng sinh đều không nói có tánh đại Bồ-đề.

Thứ ba, y cứ vào môn giáo hồi tâm ban đầu có tám nghĩa kia:

1. Y cứ ở vị địa, nghĩa là địa Càn tuệ ngang bằng Thập địa, trong địa thứ mười tức thành Phật, sở dĩ đồng với mười địa thành Phật là vì dưới Phật đồng với vị nhân, nên đặt ra thuyết này.

Ký chép: Luận Pháp Cảnh: Dẫn tâm tiểu khai phát hạnh đại, khiến sợ hướng về quên, phân phát bảo thủ giải.

Giải thích: Ý lập Càn Tuệ ngang bằng với Thập địa, khiến bỏ bảo thủ của Tiểu thừa, nhập vào trong Đại thừa.

Hỏi: Nếu như vậy thì vì sao là địa Càn Tuệ ngang bằng?

Đáp: 1. Vì chưa thành giải của giác không, nên không khiến lợi là địa Càn Tuệ, nghĩa là tân dịch của lý không như nước, nên giác không mới được tâm trí thêm lớn.

2. Địa tánh: Vì do giải không, nên dùng giải này để chế phục kiết. Vì giải bền chắc không thay đổi, nên nói rằng địa tánh.

3. Địa vị Bất không: Vì giải chân, tương tự bốn đế, nên mỗi đế trong bốn đế là hai người, nên gọi tám nhẫn là địa vị Bất Nhân. Vì hai nhẫn trong mỗi đế, nên khổ nhẫn trong khổ đế cõi Dục. Khổ loại nhẫn trong khổ đế của hai cõi trên. Trong ba đế còn lại, so sánh rất dễ hiểu. Tám nhẫn: Ít có không gián đoạn. Tám thứ do tám nhận này dẫn ra là giải thoát.

4. Địa kiến: Vì tám nhẫn này, nên được Bát địa, vì đầy đủ tâm thứ

mười sáu, nên kiến lý bình đẳng của bốn đế, nên nói là địa kiến.

5. Địa bạc (mỏng): Từ địa kiến khởi tu trí đạo, đoạn sáu phẩm ban đầu trong chín phẩm tu hoặc cõi Dục, vì dứt ba phẩm sau, nên nói là Địa bạc.

6. Địa lìa dục: Vì tu hoặc của ba phẩm sau đều hết, nên không trở lại cõi Dục. Vì vậy, nói là địa ly dục.

7. Dĩ biện địa: Vì kiết của ba cõi rốt ráo hết, nên được quả A-la-hán. Cho nên, nói là Dĩ Biện Địa. Ba địa sau rất dễ hiểu.

Từ trên đến đây bao gồm ý của luận pháp cảnh.

Hỏi: Càn Tuệ ngang bằng với Thập địa, hạnh chung của Ba thừa, Thập địa vì sao trong chương này nói là Thập địa Càn Tuệ trong giáo hồi tâm đầu tiên?

Đáp: Trong năm mươi câu hỏi đáp, đầu tiên lập nhân quả của sáu đường. Tiếp theo, nói về Nhị thừa ngu pháp. Kế nói về Tiểu thừa và Phật Tiểu thừa hồi tâm. Kế nữa, nói về Phật tâm mãn của năm vị Nhất thừa. Nhưng lập Thập địa Càn Yuệ v.v..., sau cùng lập tiến thẳng đáp thứ lớp mười bảy môn của Bồ-tát.

Tuệ Cảnh Đức nói: Tiến trên, dựng lập gốc của mười địa, hạnh chung của ba thừa, chính là pháp tiêu biểu đối tượng truyền thuật của sư. Sư kia đã y cứ ở vị để ba lần giải thích trái lại, có nghĩa là:

1. Giải thích mười địa Biệt giáo của Ba thừa.

2. Hội mười địa của Biệt giáo nhập vào vị Thông giáo.

3. Hội Thập địa Thông giáo nhập vào vị tông thông.

Nếu y cứ vào vị ban đầu, thì sẽ nói địa Càn Tuệ trong vị lân không, tánh sau cùng của phàm phu, ngoại đạo. (ở đây có thể thực hành năm pháp quán dừng tâm).

Địa tánh: Niệm xứ tưởng chung, niệm xứ tướng riêng và bốn gốc lành, hợp với vị năm phương tiện này là Địa tánh. Hai niệm xứ riêng, chung trong năm phương tiện này, đồng với quán tánh không trong bốn gốc lành, vì giải thích quán pháp không. nên kết hợp hai niệm, xứ riêng chung thành một.

Bát địa Nhân: Lập ra vị Tư-đà-hàm. Lìa dục: Lập ra vị A-na-hàm.

Đã giải thích về địa: Lập ra vị A-la-hán. Bảy địa này thuộc về địa Phật Bích-Chi trong thừa Thanh văn, rất dễ hiểu.

Vị Bồ-tát: Trong Biệt giáo này, chưa nói đến vị ba mươi tâm, chỉ y cứ vào mười trụ, chỉ ở bốn Bồ-tát, nghĩa là sơ trụ, gọi là trụ Tận phát ý.

Trụ thứ hai đến trụ thứ sáu gọi là Địa hành đạo lậu.

Trụ thứ bảy đến trụ thứ chín, gọi là địa A-tỳ-bạt-trí.

Trụ thứ mười gọi là vị Nhất sinh bổ xứ. Lại, Đẳng giác, tâm Kim Cương, không nói, vì trụ thứ mười là sau cùng. Trụ này tức là thành Phật thật của sắc tướng một trượng sáu. Lượt thứ hai, vì Phật của Biệt giáo tức là Phật của sự che lấp dấu vết, nên lui về ở mười Tín của Thông giáo, khiến nhập mười tín. Năm quả của Nhị thừa: an lập trước mười Tín, khiến nhập vào vị mười tín.

Hỏi: Nếu như vậy thì vì sao năm quả của Nhị thừa không an lập ở mười trụ, lại ở tâm ban đầu của mười Tín.

Kinh Nhân Vương chép: Trong tâm đầu tiên của tập chủng, đã vượt qua Nhị thừa, nên biết không an lập Thập trụ. Trong năm phương tiện đã nói địa tánh, địa Càn Tuệ đều lui về an lập trong phàm vị Tín tiền.

Hội nhập như thế, mười địa của Biệt giáo vì muốn cho nhập Thông giáo, nên lập mười địa, hạnh chung của Ba thừa. Đã là Thông giáo, mới được biết sự xa dài của đạo Phật. Lại, mười địa, ba hiền, theo con đường thẳng tắt mà tu, mới được thành Phật.

Cho nên, mười tín của Thông giáo, thì có Ngũ Phần Đệ Tử, đó là bốn quả Thanh văn, quả Bích-chi-phật là năm.

Hỏi: Nếu như vậy thì bốn giai vị Bồ-tát y cứ ra sao?

Đáp: Tập chủng là Bồ-tát mới phát tâm, chủng tánh, chủng đạo là đạo hạnh đã lâu.

Sơ địa trở lên đều là đẳng giác A-tỳ-bạt-trí, là Nhất Sinh bổ xứ. Diệu giác là Bồ-tát.

Hỏi: Dùng Thông giáo hội nhập Biệt giáo. Hội nhập Biệt giáo mà tạm mượn vị Biệt giáo để so sánh trong Thông giáo. Ngay thẳng như thế, tự thuyết Thông giáo nói Thập địa, hạnh chung của Ba thừa ra sao?

Đáp: Hội năm quả của Nhị thừa nhập vào trong vị mười Tín của Thông giáo, gọi là địa càn Tuệ. Vị ba Hiền là Địa tánh. Phương tiện gần Sơ địa, tám, gọi là Bát địa nhẫn. Sơ địa, gọi là Địa kiến, nhị địa là Tư-đà-hàm, gọi là bạc địa, hai địa ba, bốn gọi là địa Ly dục. Vì năm địa tương ưng với quán đế, nên gọi là A-la-hán là địa Dĩ Biện. Vì Lục địa thực hành quán nhân duyên, nên gọi là địa Bích-chi-phật, đến Đẳng giác gọi là địa Bồ-tát. Diệu giác gọi là Phật địa.

Lượt thứ ba, dứt hết nhiễm chướng Thông giáo, đã được quả Phật, lui trở lại, an lập ở trong mười Tín của Tông thông.

Mười địa Thông giáo thối lui an lập đối với Ngũ phẩm đệ tử vị Thập trụ của Tông thông, nghĩa là vì Tu-đà-hoàn có quả Hướng, nên như thứ lớp, y cứ vào sơ trụ, nhị trụ, cho đến Ngũ phẩm đệ tử, gọi là Bích-chi-phật. Vì ở đây cũng có quả hướng, nên y cứ vào trụ thứ mười hai, thứ chín.

Hỏi: Nếu vậy thì vì sao quả Phật kia được lập trong tâm mãn Thập tín của Tông thông. Mười địa của Thông giáo là đệ tử của năm phẩm mười trụ?

Đáp: Y cứ vào Ngũ phẩm thì đệ tử và Phật không khác nối nhau, chỉ y cứ Thông giáo thì đến quả vị Phật giáo kia, mà vì lui sụt an lập tâm mãn Tín, nên khi lui sụt Phật thật xong thì đã lùi lại tánh mãn tín kia, là đệ tử của năm phẩm lập đồng. Cho hế nên, người này đã thật sự thối lui vị Phật của mãn tín, chuyển sang gọi khi hoàn toàn tu mười Tín, hạnh làm Thanh văn. Lại, là Bồ-tát Thập trụ, tinh tế có thể suy nghĩ.

Hỏi: Nếu vậy, thì vì sao lui sụt vị Phật Thông giáo, lại được lập trong Mãn Tín, chỉ phổ biến giáo Tông thông, dạy tu hạnh Thập trụ, lại không bảo tu Thập tín của Tông thông?

Đáp: Vì thuyết bất thật của thừa giáo kia, nên khi Tông thông mới được là thật, thì có ở quả Phật kia, tức Tông thông của tín. Thế nên, quả của Phật thừa kia, và tín của Tông thông. Trong Sơ địa của loại nhất như, lúc khởi tín của Nhất thừa, tức Sơ địa kia thành tựu tín của Nhất thừa.

Hỏi: Vì sao Phật Ba thừa của Biệt giáo lại tu tín của Thông giáo?

Đáp: Ba mươi bốn niệm của Thông giáo kia có thành Phật, đều nói việc này, vì có tín Phật thật, nên Phật thật của người kia, lại khiến tu tín của Thông giáo, mà đừng vì tin việc này, nên không đến người quả Phật của Biệt giáo, lại bảo tu tín Đại thừa.

Hỏi: Tông Thông vượt hơn so với tông của Biệt giáo kia, sao lại tu hạnh này?

Đáp: Năm tín đầu trong mười tín là năm căn: tín, v.v... lập thêm năm tâm trong nghĩa năm căn này. Y cứ thật thể của pháp đầy đủ trong năm tín kia. Hạnh thông giáo: Đủ năm căn: tín, v.v... của thế gian, một lúc đầy đủ. Nếu chưa đủ năm căn trước. Hành giả tiến lên thẳng tắt mười ngàn kiếp, mới được tu hạnh mười tín, thành tựu lòng tin này.

Hỏi: Nếu vậy thì vì Ba thừa Biệt giáo đủ năm căn xuất thế của Tiểu thừa, nên khi khắp Thông giáo, thì lòng tin có thành tựu hay chăng?

Đáp: Căn Tiểu thừa chẳng khác với căn Đại thừa.

Hỏi: Nếu vậy thì khi năm đệ tử này đã tu hạnh Thập trụ, dùng

nghĩa nào để cho tên Thanh văn?

Đáp: Người này vì tu hành khắp giáo của Tông thông, nên nghe tiếng khởi hạnh Thanh văn. Y cứ vào nghĩa này là đệ tử của Thanh văn.

Nếu chỉ y cứ vào nghĩa hiểu đạo lý của một chân tâm, thì chính là Bồ-tát của Thập tín.

Đã dứt nhiễm chướng, thành Phật, vì sao thối lui việc an lập trung sơ Tín, Thập tín của Tông thông?

Đáp: Quả Phật mà ông đã lập, vị Thập tín của ta đây, tám tướng thành đạo đã buông lung biến hóa, vì là Phật thật, nên lùi lại bảo phải tu.

Hỏi: Nếu vậy, thì trong thứ lớp hội tông thông tạo ra hình tướng của hạnh chung Ba thừa như thế nào?

Đáp: Người tu-đà-hoàn tạo ra năm phương tiện, tức là ba vị của Thập tín, kinh Đại Tập chép: Mười tín là ba phẩm, gọi phẩm hạ là càn tuệ, phẩm trung là Tùy thuận địa tín, phẩm thượng là Địa pháp hạnh, phẩm thượng trung là Địa tánh.

Tiếp theo, hai trụ là bạc địa, nghĩa là hai trụ thứ ba, thứ tư, cho đến trụ thứ mười là địa Bích-chi-phật. Nếu y cứ vào vị thì chủng tánh là ý mới phát, chủng đạo là hạnh đã lâu. Sơ địa trở lên là A-tỳ-bạt-trí. Đẳng giác là Nhất Sinh bổ xứ, Diệu giác là Phật địa. Nếu y cứ vào Tông thông của mình, thì Thập tín là ngoại phàm, nên địa Càn Tuệ, vị tập chủng chung cho hai, nghĩa là nếu người từ Đốn giáo mà nhập, thì sẽ lập năm phẩm đệ tử. Đạo lý của vị Bồ-tát ẩn, dùng mười Trụ làm địa Càn Tuệ. Hai vị chủng tánh, chủng đạo nhập Sơ địa, vì phương tiện gần, là Bát địa nhẫn. Sơ, Nhị, Tam địa là Tín nhẫn, nên gọi Tư-đà-hàm là bạc địa. Thất, Bát, Cửu địa là Vô sinh nhẫn, nên gọi A-na-hàm là ly dục địa. Địa thứ mười là nhẫn Tịch diệt. Vì phẩm hạ, nên gọi A-la-hán là địa đã thành, Đẳng giác là địa Bích-chi-phật, các vị trước gọi chung là địa Bồ-tát, gọi Diệu giác là Phật địa.

Từ trên đến đây, bao gồm ý của Luận sư Pháp Cảnh, ý của Nghiễm Hòa-thượng. Nghĩa của sư kia có ba lớp giáo, nghĩa là Thập địa, hạnh chung của ba thừa: Đệ tử không có Viên giáo. Vì sao? Vì Nhị thừa gọi không có nhập Nhất thừa. Lại, trong Tiểu thừa chỉ một Bồ-tát Thích-ca thành Phật, vì tự khác, không có người thành Phật. Không lập hạnh chung, vì mười địa, nên hễ lập mười địa của hạnh chung, ý dẫn tất cả người Tiểu thừa vì nhập Đại thừa. Cho nên, ý hỏi đáp đều không lập loại mười địa của hạnh chung, nên trước nói Tiểu thừa và Nhất thừa, đi suốt

qua nghĩa hồi tâm của ba giáo: Thỉ, chung, Đốn để lập sơ. Nghĩa tiến thẳng ba giáo: Thỉ, Chung, Đốn hợp lại lập thứ lớp.

Nay, ý chương này y cứ vào thật, dù chung cho Chung giáo, nhưng y cứ Sơ hồi tâm, phát thuyết mười địa như càn tuệ, v.v... Đốn giáo có mười địa, hạnh chung của ba thừa, mà vì không nói thứ lớp của vị riêng, nên không dùng mười địa chung cho Ba thừa.

Hỏi: Nếu vậy, thì vì sao văn sớ Đốn giáo lại tạo ra lý do của mười địa Càn Tuệ v.v... mà nói rằng, mười địa này là đối tượng dụng của Nhất thừa, là đối tượng nhập của Ba thừa? Tức là Nhất thừa cũng lập mười địa của hạnh chung chăng?

Đáp: Nhất thừa Đồng giáo vì y cứ ở trí, nên công dụng của Nhất thừa đồng giáo, vì y cứ vào cơ duyên trực tiếp, vì người Tiểu thừa không có Nhất thừa, nên không lập mười địa của hạnh chung. Cái dụng của Nhất thừa đồng giáo, dẫn trong giáo phẩm hạ, lập căn cơ mười địa của hạnh chung trong giáo phẩm hạ, vì đều là đối tượng sai khiến của Nhất thừa, nên y cứ nghĩa này có mười địa của hạnh chung, có thể suy nghĩ. Lại sư Pháp Tiêu y chỉ Tam tạng Phật-đà làm thầy. Đại thừa của Tông thông đã lập ba tạng này, nói về đạo lý chân tâm Như Lai tạng là cùng cực, nên trong đây đều gồm thâu Lăng-già, Nhân Vương, Hoa Nghiêm. Dùng sáu thức của Ba thừa Biệt giáo làm phép tắc, tu thành Phật, hội nhập Thông giáo. Thông giáo lấy vọng thức làm phép tắc, tu thành Phật, y chỉ Tông thông. Chân tâm Như Lai tạng y cứ vào địa vị, lại khiến tu giác.

Ý của Sư Nghiễm: Đại thừa Tông thông của ba tạng, Nhất thừa Hoa Nghiêm ngoài ba thừa này. Dưới đây, Thỉ giáo thu nhiếp Đại thừa thông giáo. Hành giả y chỉ Thông giáo này tu thành, vì không tin Nhất thừa kia, nên gọi là Phật thân tự thọ dụng, vì giả gọi Bồ-tát.

Trong ý nghĩa Sư này, vì không có tranh luận, nên Phật thân tự thọ dụng, gọi là Bồ-tát giả danh.

Trong nghĩa của Sư Tạng: Tra xét cùng cực người căn cơ chậm lụt, vì không vượt qua Sơ địa, nên nói Phật thân tự thọ dụng là giả gọi Bồ-tát. Lại, Bồ-tát trước Sơ địa gọi là Bồ-tát giả danh, có sự tranh luận này.

Hỏi: Tam tạng Phật-đà y cứ thuyết của kinh Lăng-già nói: Nói Đại thừa thông, Đại thừa Tông thông, nên lập giáo của Tông thông, v.v... Vì sao sư Nghiễm nói kinh Lăng-già không thuộc về Tông thông?

Đáp: 1. Văn dựa vào kinh Lăng-già mà nghĩa thú thì lấy Hoa Nghiêm làm Tông thông. Sư này đi suốt qua nghĩa ba tạng như thế, vì là

vị nhân phẩm hạ của Phật. Vì khi muốn dẫn dắt Nhị thừa, Phật ở ngoài Thập địa, Nhị thừa kia vì không cầu Phật, nên lập Phật địa trong vị nhân phẩm hạ. Quyển hạ chép: Lại, cũng vì nói mười địa Càn Tuệ v.v... Thứ chín gọi là địa Bồ-tát. Thứ mười, gọi là Phật địa: Muốn dẫn dắt Nhị thừa hướng lên không đủ, dần dần tu hành đến quả Phật. Lại, quả Phật kia không ở ngoài mười địa, cũng đều ở trong địa, vì dẫn dắt Nhị thừa kia, nên phương tiện đồng với họ, do người Nhị thừa ngay trong hiện đời được quả Thánh nên không ở sau. Mười địa của ý là mười địa Càn Tuệ.

2. Y cứ ở ngoài ba cõi, chín địa, mười địa, mười một địa v.v... tức là thành Phật.

3. Y cứ ngoài vị kiến, tu, tức thành Phật. Quyển hạ chép: Chỉ có bốn vị kiến, tu v.v... và chín địa v.v... gọi là đồng với Tiểu thừa. Hoặc nói: Năm vị, nghĩa là bảy phương tiện trước Kiến đạo, ba thứ trước của phần trong là vị Tư Lương, vì dùng phương tiện xa, nên bốn gốc lành sau là thêm vị hạnh, vì phương tiện gần, nên gốc lành khác, gọi là đồng với trước.

4. Y cứ ngoài học hạnh, vị La-hán vô học, tức là thành Phật.

5. Y cứ thời gian, y cứ ngoài ba tăng-kỳ của Đại thừa, tức thành Phật của Đại thừa kia, số kiếp như quyển hạ. Lại, Khổng Mục quyển tư chép: Nghĩa Đại thừa từ "cẩu-lê" trở đi, thành một trăm câu, gọi là một Thọ. Một Thọ trở đi, gọi là một A-tăng-kỳ. Đây là số thứ nhất trong mười số của số lớn. Ba thừa, Đại thừa, Phật chỉ một phương oai nghi của Phật hóa, trải qua ba đại kiếp này tu đạo được thành Phật.

6. Y cứ ba mươi Vô nhẫn của hạnh Bồ-tát, ngoài ba tâm nhẫn thì thành Phật.

7. Y cứ một niệm lý không chẳng có phân biệt, tức là thành Phật.

Ký chép: Trong giáo hồi tâm, tồn tại pháp y tha, giống như có tướng mà tánh là không. Y cứ vào lý không, tướng giả của không tánh này, chẳng phải lý chân như.

8. Y cứ sinh tử trên thân phần đoạn sau cùng, tức là thành Phật. Đây là y cứ ở hoa thân, nếu y cứ vào báo thân, sau thân phần đoạn tức là thành Phật.

Ký chép: Y cứ vào báo thân: sau diệt thân phần đoạn, là thành Phật. Quyển hạ chép: Nếu trong Thỉ giáo, là Thanh văn hồi tâm, thì cũng nói là phần đoạn, cho đến rốt ráo, thân Phật cũng thế, nhưng là hóa chẳng phải thật.

Y cứ giáo đầu tiên, vị đã tiến thẳng có bảy môn:

1. Y cứ vị, đầu tiên từ vị mười tín v.v..., cho đến từ hoan hỷ địa v.v...

đầy đủ ngoài mười địa, tức là thành Phật, đây là vì thân phần đoạn, của cảnh Phật.

Ký chép: Ý của kinh Bổn Nghiệp nói là vì đã cảm nghiệp tướng tốt đã tu một trăm kiếp, nên biên do nghiệp cảm, gọi là phần đoạn, không như nghiệp hữu lậu của vị nhân làm nhân. Bốn thủ làm duyên đã được thân phần đoạn.

2. Lại, y cứ vào vị, từ cuối địa Hoan Hỷ, địa thứ chín đối với địa thứ mười, tức lui sụt thành Phật. Đây cũng là đối với vị phẩm hạ của Thanh văn, vì đối với thân phẩm hạ thành Phật, nên đặt ra thuyết này.

3. Y cứ lý, chân như vô phân biệt không, một niệm tức thành Phật.

4. Y cứ sau mười địa, một niệm chứng quả tức thành Phật. Huyền môn chép: Nếu Đại thừa nói về nghĩa niệm Phật thành Phật, gồm có hai thứ:

a. Hội duyên để nhập thật tánh, vì không có nhiều ít, nên nói một niệm thành Phật. Như kinh Đại Phẩm chép: Là nghĩa của phẩm một niệm.

b. Hạnh hạnh đã mãn, nhận lấy niệm sau cuối, gọi là thành Phật, như niệm đi xa, dùng bước sau làm mức đến. Đây cũng chia dùng duyên khởi mà nói ba tăng kỳ kiếp, trước địa vị tu đạo là một kiếp tăng-kỳ. Sơ địa đến Thất địa là hai tăng-kỳ, Bát địa đến Thập địa là ba tăng-kỳ, tuy nhiên cũng không quyết định là có một niệm thành Phật, cho nên biết rõ con người không nhất định.

Chung Nam Vấn đáp chép: Do khi giác biết vị lý đầy đủ, vì chỉ một niệm.

Lúc hội duyên từ thật, pháp tánh chẳng có nhiều, chẳng phải dài, ngắn, vì một thành thì tất cả thành, tất cả thành thì một thành. Đây là trái với thứ lớp hai nghĩa trước kia, đối xứng với nghĩa trên của Khổng mục, nghĩa sau đối xứng với nghĩa này của Khổng mục.

5. Y cứ vào thời gian, sau ba tăng kỳ của Đại thừa, tức thành Phật của Đại thừa.

6. Y cứ vào hạnh, cuối cùng Vô học tức thành Phật của Vô học.

7. Y cứ vào mười hai trụ của Đại thừa, sau Bồ-tát trụ trên hết của thứ mười hai, tức thành Phật của Đại thừa.

Chung Nam vấn đáp chép: Nếu y chỉ Thỉ giáo của Ba thừa, thì tức một nửa thành Phật, một nửa không thành Phật. Nếu tiến thẳng tới và hai người hồi tâm tu hành mãn mười ngàn kiếp trụ địa Kham nhậm ấy, thì đều thành Phật. Nếu chưa đến vị này, thì sẽ đồng với vị Nhất-xiển-

để-ca, như hạng người này v.v... đều không thành Phật. Đây là y cứ vào vị ngữ. Như mẹ Phật, tất cả Phật ở cõi Tam Thiên, v.v... đều là hóa Phật, thì bà con của Ma-da cũng tức chẳng phải thật. Các cõi Tam thiên, cũng có hoá nghĩa của Phật khác, đồng với tịnh độ ở trước, có các quyến thuộc của Phật mẫu, v.v... cũng chỉ là hóa Phật, pháp môn này chẳng phải tám tướng hóa, vì nếu người hằng trăm kiếp tu nghiệp tướng tốt thì là hóa, chẳng phải thật (trở lên, chỉ y cứ Thỉ giáo). Nếu tất cả chúng sinh, thành Phật trước, sau, thì sẽ có Phật mười phương, nên được đồng thời thành Phật ở nơi khác. Nếu hữu tình hóa, lẽ tất nhiên cũng sẽ được chủ thể hóa, đối tượng hóa đồng thời thành Phật, vì là tiến, lùi không nhất định. Nếu chư Phật ứng, hóa của phương khác ấy thì các tịnh độ đã có chư Phật, đều là Thật báo, không có biến hóa. Nếu quyền khởi không nhất định Thỉ, chung, khiến căn cơ hữu tình biết biến hóa ấy thì sẽ thuộc về hóa. Nếu ở chỗ Sắc Cứu Cánh và dưới cây Bồ-đề, thì hai vị Phật đối nhau sẽ có hai nghĩa:

1. Dùng hóa để biểu thị rõ báo, tức dưới cây Bồ-đề, hiện rõ Phật trong biển thế giới Liên Hoa Tạng, vì là báo.

2. Dùng báo để chỉ rõ hóa, nêu xứ Sắc Cứu Cánh, thành thân cao lớn, chứng tỏ dưới cây Bồ-đề là nghĩa hóa.

Trở lên, văn là chung cho giáo Thỉ chung. Nay, văn này đầu tiên chung cho hai nghĩa của hai giáo.

Trở xuống, là dùng báo Nhất thừa, báo thân Thỉ giáo đối với hóa mà nói, nên sớ quyển ba chép: nếu: Nếu Thỉ giáo ở đỉnh cõi Sắc, thì vì dẫn dắt Tiểu thừa đồng với cõi để nói, nếu theo Chung giáo thì sẽ không ở ba cõi, như kinh Niết-bàn nói: Tây phương ở cách thế giới Ta-bà này ba mươi hai cõi nước Phật, nhiều như số cát sông Hằng, có thế giới hiệu là Vô Thắng, là tịnh độ thật báo của Phật Thích-ca. Nếu là tướng tương nhập của các căn, thì sẽ có hai nghĩa:

1. Theo bản tánh tức Bồ-tát Đại thừa, Duyên giác, Thanh văn. Nếu theo hiện giác, thì sẽ gọi chung là người Bồ-tát Đại thừa. Nay, thu nhiếp bản tánh là phân biệt từ Đại thừa, tức hai nghĩa: Biến hóa, sửa đổi tánh đều thành. Nếu tu đạo thành Phật, không thành Phật, thì người thực hành tu đạo, đều sẽ được thành Phật. Nếu đối với căn cơ khác, thì hiện không thành Phật. Nếu theo chánh lý, thì sẽ vô thành, bất thành. Nếu là tướng mạo của Phật, thì cũng đức, cũng tướng người, là tướng mạo của Phật.

Đại ý các văn trên đây đều chung cho giáo Thỉ, chung. Nếu là chủng tánh khác nhau thì năm giáo nói rằng:

2. Theo Thỉ giáo, tức y cứ pháp hữu vi vô thường để lập chủng tánh, vì không thể cùng khắp tất cả hữu tình, nên trong năm chủng tánh tức đã có một phần chúng sinh không có tánh, nên luận Hiển Dương chép: Sự khác nhau của chủng tánh ra sao? Tất cả cõi khác nhau của năm thứ đạo lý, vì có thể được, cho đến nói chỉ đời hiện tại chẳng thể nhập Niết-bàn, vì không hợp lý, cho đến nói rộng, chỉ hiện ở đời chẳng phải nhập Niết-bàn, vì không hợp lý, cho đến nói rộng. Cho nên, phải biết, vì là pháp nhĩ, nên từ thời kỳ vô thỉ đến nay, tất cả hữu tình đều có năm thứ tánh. Chủng tánh thứ năm vì không có nhân tố của công đức xuất thế, nên không bao giờ diệt độ. Do đạo lý này, nên công đức mà chư Phật đem lại lợi ích an vui cho hữu tình, không có lúc nào cùng tận. Người có chủng tánh kia như luận Du-già nói: Tánh cũng có hai thứ:

a. Bản tánh trụ.

b. Do tập thành.

Rộng như luận kia nói. Lại nói: Nếu trong Thỉ giáo của Ba thừa, vì dùng dẫn Tiểu thừa khác là lạm nên nói là nhiều người có tánh, cũng vì chưa hoàn toàn khác hẳn với người kia, nên thừa nhận một phần không có tánh, vì thế trong luận phán quyết là thuyết không liễu nghĩa của quyền thí.

Theo Chung giáo của Đại thừa thì có mười môn:

1. Y cứ vào vị, từ mười tín, hạnh, cho đến sau mãn mười địa hoan hỷ, v.v... tức là thành Phật.

2. Từ sơ địa hoan hỷ, v.v... đến cuối địa thứ chín, ở địa thứ mười, tức là thành Phật, như kinh Phạm Võng nói. Đây là vì đối với Thanh văn, ứng hiện trên thân phàm, vì được chứng quả, nên tạo ra thuyết này. Thuyết này đối xứng với Phật biến hóa, trở thành chẳng phải đối xứng với thật thành.

Ký chép: Kinh Phạm Võng quyển thượng nói rằng: Thể tánh thứ mười, nhập địa cảnh giới của Phật, vì y chỉ văn này, nên biết thành Phật ở địa thứ mười.

3. Là y cứ vào vị, từ địa Sơ hoan hỷ đến địa thứ ba là ba cõi tương đồng của thế gian. Địa thứ tư trở đi, đến địa thứ bảy đồng nhau không có lưu truyền đức, gọi là Xuất thế.

Ký chép: Y cứ vào thân, đối tượng nương tựa, vì đồng với phần đoạn, nên thuộc về thế gian, mà đầu tiên của địa thứ tư vì được đức xuất thế, nên y cứ đức này là xuất thế. Thứ tám này đến địa thứ mười, gọi là xuất, xuất thế tức được thành Phật.

Ký chép: Thân là đối tượng nương tựa này, vì đều thành biến dịch.

Địa thứ tám thành pháp thân. (Ký chép: Theo luận Thập Địa, ý luận Khởi Tín giải thích, nghĩa là luận Khởi Tín nói rằng: Vì dựa vào địa tự tại của sắc, nên trở thành nghĩa tương tác của mười thân.

Luận Thập Địa chép: Vì ba thế gian tự tại, nên được mười tự tại. Vì y cứ vào vị này, nên đầu tiên của vị này thành Phật.

Trong địa thứ tám như thế, vì đã chứng Vô sinh nhẫn, nên thành pháp thân. Bốn mươi chín biện tài vô ngại trong địa thứ chín, vì ưng cơ, nói pháp nên thành ứng thân. Vì nói mây mưa pháp trong địa thứ mười, nên thành Hóa thân.

Địa thứ chín thành ứng thân, địa thứ mười thành hóa thân. Đây là vì tướng địa riêng ở trong mười địa, nên nói thuyết này.

4. Một niệm thành Phật, vì y cứ chân lý vô phân biệt, nên đã đặt ra thuyết này.

5. Y cứ vào chứng để nói một niệm thành Phật, vì chứng một niệm trong Sơ địa.

6. Một niệm ở sau mười địa chứng quả, gọi là một niệm thành Phật. Đối với một niệm trên, cái gọi là không có niệm.

7. Y cứ vào thời gian, nghĩa là sau ba tăng-kỳ, thì Đại thừa, ba thừa tức là Phật.

Luận Thập Địa quyển hạ chép: Ba tăng-kỳ của hai bất tịnh, có hai nghĩa:

a. Vì chung cho thế giới của tạp loại khác, như kinh Thắng Thiên Vương nói.

b. Vì y cứ đức của Phật không có giới hạn so lường, nên như kinh Bửu Vân chép: Này người thiện nam! Bồ-tát không thể suy nghĩ, bàn luận bàn luận cảnh giới của Như Lai, không thể tư duy, so lường, chỉ vì chúng sinh cạn gần, nên nói tu tập trong ba tăng-kỳ, mới được Bồ-đề, thật ra khi mới phát tâm đến nay, không thể tính đếm kiếp A-tăng-kỳ, không phải chỉ có ba.

Hỏi: Vì sao giáo trước đã quyết định ba tăng-kỳ, mà ở đây lại có nhất định, không nhất định?

Đáp: Vì giáo trước sinh, vì giáo này thành thục, nên phương tiện dần dần khuyên Ba thừa kia hướng về Nhất thừa, nên đặt ra thuyết này.

8. Y cứ hạnh, tâm kim cương, hậu đắc, Nhất thiết trí, trí tức là Phật.

9. Y cứ sinh tử: Sau khi diệt bảy thứ sinh tử, tức là Phật kia. Ký chép: gọi là phần đoạn, biến dịch ba hữu, vì bốn sinh tử nên nói là bảy

thứ sinh tử. Vì y cứ nghĩa này, nên Tướng Đức nói rằng: Bảy thứ khổ đế, vì thế Lương Luận chép: Ba thứ tập đế, nghĩa là da, thịt, tim.

Bảy thứ khổ đế: Phần đoạn của ba cõi là ba biến dịch, vì có bốn nên có bảy thứ. Luận Bảo Tánh chép: Biến dịch có bốn:

1. Tướng duyên.
2. Tướng nhân.
3. Tướng sinh.
4. Tướng hoại.

- Luận Phật Tánh chép:

1. Phương tiện.
2. Nhân duyên.
3. Có hữu.
4. Vô hữu, vô thượng.

- Y kinh chép: Trong ba cõi có bốn nạn:

1. Nạn phiền não.
2. Nạn nghiệp.
3. Nạn sinh báo.
4. Nạn lỗi lầm.

Nạn trụ địa vô minh, duyên khởi, nhân duyên, sinh tử, như nghiệp. Nạn vô minh trụ địa, duyên khởi có hữu, sinh tử, báo như sinh. Nạn duyên khởi vô minh trụ địa, không có sinh tử, như lỗi lầm.

Giải thích: kinh Thắng-man chép: Hạt giống năm trụ gọi là Ngũ trụ địa. Y chỉ năm trụ địa khởi hiện hành, gọi là Năm trụ khởi. Dựa vào duyên khởi hạt giống của trụ địa vô minh, hiện hành vô minh pháp chấp, là phương tiện của sinh tử biến dịch, vì gọi là phương tiện sinh tử: là trụ địa vô minh, năng sinh nghiệp mới không có trôi lăn, ví như vô minh sinh hành.

Hai nhân duyên: Dựa vào duyên của trụ địa vô minh, phát nghiệp không có trôi lăn, là sinh tử biến dịch, sinh tử của nhân duyên giúp đỡ gần. Hai sinh tử trước này không phải chánh biến dịch, vì làm phương tiện cho biến dịch và nhân duyên nên cũng gọi là sinh tử, như hoặc nghiệp trong ba cõi là nhân duyên phương tiện của phần đoạn, cũng gọi phần đoạn sinh tử, nên Nhiếp luận dịch vào đời Lương chép: Khổ, tập, gọi chung là sinh tử. Hữu của ba hữu nghĩa là dựa vào nghiệp không có trôi lăn, nghiệp này gọi là nhân duyên sinh tử. Hai sinh tử trước đây, chẳng phải chánh biến dịch, chỉ là phương tiện cho biến dịch và nhân duyên nên cũng gọi là sinh tử. Như hoặc nghiệp trong ba cõi là sinh tử phần đoạn, nên Nhiếp Luận dịch vào đời Lương chép: Khổ, tập gọi chung là sinh tử. Có ba hữu: Y cứ

không có nghiệp trôi lăm, giúp cho có nghiệp trôi lăn. Đã dẫn biến dịch sinh tử, gọi là hữu, vì có sinh tử, nên Luận Phật Tánh nói: Hữu có sinh tử: Trụ địa vô minh này là phương tiện. nghiệp không có trôi lăm làm nhân. Thân do ý sinh của ba bậc Thánh. Ví như bốn thủ làm duyên, nghiệp có trôi lăn làm nhân, sinh thân trong ba cõi.

Bốn không có: Vì là thân sau cuối của biến dịch sinh tử, nên gọi là không có. Nên luận Phật Tánh chép: Không có sinh tử, là thân sau cuối của thân do ý sinh của ba bậc Thánh làm duyên, là không thể suy nghĩ lui sụt. Ví như sinh làm duyên tử, v.v... là sai lầm.

Hỏi: Thế nào là ba bậc Thánh?

Đáp: Kinh Thắng-man nói: Vô minh làm duyên, nghiệp nhân không có trôi lăn, sinh A-la-hán, Bích-chi-phật, ba thứ thân do ý sinh của Bồ-tát năng lực lớn, vì ở Thượng địa, nên kinh Lăng-già quyển năm chép: Có ba thứ thân do ý sinh:

1. Thân do ý sinh, niềm vui của tam-muội. Nghĩa là địa thứ ba, thứ tư, thứ năm.

2. Biết đúng như thật tướng về các pháp, thân do ý sinh. Nghĩa là ở địa thứ tám.

3. Thân do ý sinh, hạnh vô tác của chủng loại. Các sư giải thích khác nhau.

Sư thứ nhất nói: Y cứ vào địa riêng của ba học, ba địa là định. Nếu y cứ vào sáu độ, thì năm địa là định, nên nói rằng: Ba, bốn, năm gọi là tam-muội, thích thọ thân do ý sinh, vì Bát-nhã của địa thứ sáu hiện tiền, nên Lục, Thất, Bát địa gọi giác biết như thật các hạnh trí, thân do ý sinh mà nói thứ tám, nghĩa là nêu sau cùng của địa thứ tám kia.

Chín địa trở lên, gọi là thân do ý sinh, hạnh vô tác của chủng loại.

Sư thứ hai nói: Thứ nhất, vì lược địa một, hai, nên nói ba, bốn, năm.

Thứ hai, cũng vì lược bỏ địa một, hai, nên nói địa thứ tám, về thật lý mà nói, thì thứ nhất chung cho năm địa trước, thứ hai đi suốt qua ba địa: sáu, bảy và tám.

Thứ ba đi suốt qua hai địa chín và mười.

Sư thứ ba nói: Kế là thứ hai đối với địa thứ tám, thì biết Thất địa thứ nhất đã trở lại mà chỉ nói là ba, bốn, năm. Trong đây, lược bỏ trước, sau, lấy thật mà nói, thứ nhất đi suốt qua Thất địa trước. Thứ hai là chỉ địa thứ tám, thứ ba là hai địa chín, mười. Lại, Lăng-già bốn quyển chép: Thứ nhất gọi thú vui tam-muội thích thọ thân do ý sinh. Nay, y cứ vào

luận Phật Tánh, Sư Chân Đế giải thích kinh Thắng-man.

Ba thứ thân do ý sinh: Là bậc Thánh, chủng tánh của ba thừa. Nhập Sơ địa trở lên, thọ thân do ý sinh, nên gọi là ba thứ, chẳng phải ba thứ thân do ý sinh thú vui tam-muội v.v... trong kinh Lăng-già, nên Luận Phật Địa chép: Có sinh tử hữu, hữu là thân sau cuối do ý sinh của ba bậc Thánh dựa vào sinh.

Nhiếp luận dịch vào đời Lương chép: Bát địa trở lên là có sinh tử hữu, Bồ-tát Kim Cương là không có sinh tử. Hai sinh tử này, luận Phật Tánh đều nói ba bậc Thánh, nên biết chủng tánh ba thừa cho đến Bát địa trở lên, thọ có sinh tử hữu. Từ chủng tánh gốc đặt tên, gọi là La-hán, Bích-chi, vì Bồ-tát có năng lực lớn, nên kinh Lăng-già quyển bảy chép: Đại Tuệ! Thanh văn, Bích-chi-phật, ở trong Bồ-tát của địa thứ tám, ưa chấp mắc vắng lặng, vì say môn vui tam-muội, nên chẳng thể khéo biết, chỉ dứt kiến, thuận theo tự tướng, đồng tướng, vì huân tập chướng ngại, nên tùy thuộc nhân vô ngã, thấy lỗi, nên dùng tâm phân biệt gọi là Niết-bàn, mà không thể biết các pháp vắng lặng.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch Phật: Đức Thế Tôn nói Thanh văn, Bích-chi-phật, nhập môn vui tĩnh lặng của địa thứ tám. Như Lai lại nói: Thanh văn được nhân vô ngã, mà chưa được pháp vô ngã phải chăng.

Nếu nói như thế thì Thanh văn, Bích-chi-phật hãy còn chưa thể chứng pháp Sơ địa, huống chi môn vui vắng lặng của Bát địa? Phật bảo:

Này Đại Tuệ! Thanh văn có hai. Nói nhập môn vắng lặng của Bát địa, đây là người trước tu hạnh Bồ-tát, thuận theo địa Thanh văn, trở lại y chỉ bản tâm, tu hạnh Bồ-tát, đồng nhập môn vắng lặng của Bát địa, chẳng phải tăng thượng mạn, Thanh văn vắng lặng vì Thanh văn kia không thể nhập hạnh Bồ-tát, không hề giác biết ba cõi chỉ do tâm. Chưa từng tu hành các pháp của Bồ-tát, chưa từng tu hành các hạnh Ba-la-mật của mười địa.

Cho nên, chắc chắn vắng lặng, Thanh văn không thể chứng môn vui vắng lặng mà Bồ-tát kia đã thực hành. Vì sao có danh từ sinh tử?

Đáp: Gọi chung là biến dịch sinh tử, chuyển biến, sửa đổi, hoặc sinh, hoặc tử, đều là y cứ theo tướng mà đặt tên, tên riêng là phương tiện nhân duyên. Hai pháp này y cứ vào dụng có hữu, không có hữu, vì đối với sau đặt tên, nên luận Phật Tánh chép: Có sinh tử hữu như trên, trôi lăn người bát A-na-hàm. Người bát Niết-bàn trong sinh thứ hai, nghĩa là vì sự sinh của hữu khác, nên gọi có hữu, không có sinh tử hữu là thân sau cuối của sinh tử biến dịch, nên lại vì không có sinh tử nên gọi là không

có hữu.

Hỏi: Y cứ vào vị để phán quyết ra sao?

Đáp: Nếu y cứ vào tỏ ngộ ngay, thì Bát địa trở lên thọ sinh biến dịch, do vị này trở lên, phiền não không khởi, không có tiếp nhận, lại vì thọ sinh phần đoạn. Nếu người tỏ ngộ dần, thì Thất địa trở xuống, cũng thọ biến dịch. Nếu y cứ bốn thứ, y cứ chung mà nói, thì mỗi vị đều có. Nếu y cứ vào vị để phân biệt, thì chỉ y cứ Lương Luận: Hai mươi hai vô minh chiêu cảm trong mười một báo thô. Tám vô minh đầu tiên chiêu cảm bốn thô nặng, vì là phương tiện sinh tử, nên biết phương tiện ở bốn địa trước, tiếp theo sáu vô minh chiêu cảm ba thô nặng là vì nhân duyên sinh tử, nên biết nhân duyên ở Ngũ, Lục, Thất địa. Kế là sáu vô minh chiêu cảm ba thô nặng, là vì có sinh tử hữu, nên biết có hữu ở Bát, Cửu, Thập địa. Hai vô minh tiếp theo chiêu cảm một thô nặng, là vì không có sinh tử, nên biết không có vị kim cương này. Nếu là phương tiện và nhân duyên đều có sinh tử hữu, tự địa khởi, tự địa đoạn. Nếu không có sinh tử hữu, thì chương Phật địa sẽ do kim cương dứt trừ. Vì sao? Vì Thập địa là nêu vị, nên chứng tự địa, do tự địa đoạn. Vì vị vô học của Phật địa, nên kim cương đoạn chướng của Phật địa.

Hỏi: Nếu trước kia đã nói phương tiện, nhân duyên, chính là phương tiện biến dịch, thì nhân duyên chẳng phải chánh sinh tử, vì sao đều nói do chiêu cảm quả báo thô nặng là biến dịch?

Đáp: Nếu tỏ ngộ dần trong vị phương tiện, nhân duyên thì tức là phần đoạn, gọi là báo thô nặng. Nếu hướng về sau, nói bốn địa ban đầu thì đồng với phàm phu. Vô minh thêm mạnh xa với Bát địa trở lên, sinh tử biến dịch là phương tiện của Bát địa đó. Ngũ, Lục, Thất địa tương đồng với Nhị thừa và Bồ-tát tu đầu tiên, tu đạo không có trôi lăn cũng với Bát địa trở lên, đã chiêu cảm biến dịch làm nhân tố giúp đỡ. Nếu thể chánh biến dịch của hai thứ sau, thì sư Tuệ Viễn sẽ bảo: Nói hai sinh tử đều có sáu thô nặng. Nói sáu thô nặng của phần đoạn: Ba thô nặng của đường ác với ba thô nặng của đường lành.

Hỏi: Thế nào là ba thô nặng của đường ác?

Đáp: Phần đoạn mà một phàm phu đã thọ, thì lấy nghiệp ác làm nhân, bốn trụ địa làm duyên. Mười tín phải thọ phần đoạn, dùng nghiệp ác làm nhân, bốn trụ địa làm duyên; bi nguyên làm giúp đỡ. Ba chủng tánh trở lên, cho đến Sơ địa đã thọ phần đoạn, dùng nghiệp ác làm nhân, bi nguyện làm chánh duyên, bốn trụ địa làm giúp đỡ. Y cứ ba thô nặng này làm phần đoạn của đường ác.

Hỏi: Phần đoạn của ba thô nặng của đường lành ra sao?

Đáp: 1. Phàm phu, Nhị thừa, Đại thừa, mười tín đã tiếp nhận nghiệp lành của phần đoạn làm nhân, bốn trụ địa làm duyên.

2. Chủng tánh giải, hạnh đã thọ nghiệp lành của phần đoạn làm nhân, bốn trụ địa làm chánh duyên; Bi, nguyện làm giúp đỡ.

3. Thượng địa đã tiếp nhận nghiệp lành của phần đoạn làm nhân, bi nguyện làm chánh duyên, bốn trụ địa làm giúp đỡ, y cứ ba thô nặng này làm phần đoạn của đường lành.

Nói sáu thô nặng của sinh tử biến dịch, nghĩa là ba thô nặng của sự nhận thức, và ba thô nặng của vọng thức.

Hỏi: Biến dịch của ba thô nặng trong sự thức như thế nào?

Đáp: 1. A-la-hán, Bích-chi-phật đã thọ sinh không quán trong sự thức của biến dịch làm nhân. Vô minh trụ địa làm duyên. 2. Giải hạnh của hai thứ tánh đã thọ lãnh quán pháp không trong sự thức của biến dịch làm chánh nhân, trụ địa vô minh làm duyên. 3. Địa Thượng đã thọ giải của tướng không có dứt, chẳng phải có trong sự thức của biến dịch, làm chánh nhân, trụ địa vô minh làm duyên.

Hỏi: Y cứ vào ba thô nặng này là ba thô nặng sinh tử biến dịch trong sự thức phải chăng?

Đáp: 1. Địa tiền đã tiếp nhận tất cả vọng tưởng trong vọng thức biến dịch, 2. Nương vào chân quán làm nhân, trụ địa vô minh làm duyên.

3. Bát địa trở lên đã tiếp nhận chỉ chân thật không có luống dối, dứt quán tưởng trong vọng thức biến dịch, làm chánh nhân, trụ địa vô minh làm duyên. Y cứ ba thô nặng này làm ba thô nặng sinh tử biến dịch trong vọng thức.

Kinh Lăng-già quyển hạ chép: Nếu y chỉ địa tiền chung giáo, để lại hoặc, thọ thân phần đoạn, thì sẽ đoạn hẳn tất cả hạt giống hết sử phiền não, cũng không phân tích phân biệt, câu sinh kia, đối với sở tri chướng cũng đoạn một phần chánh sử của phẩm thô. Cho nên, trên địa thọ thân biến dịch đến vị kim cương.

10. Theo kinh Đại Thừa Đồng Tánh chép: có ba thứ mười địa: Mười địa Thanh văn, mười địa Duyên giác, mười địa của Phật, vì dẫn dắt Tiểu thừa đồng với nghĩa chung giáo của Đại thừa, nên đặt ra thuyết này.

Danh, v.v... mười địa kia đầy đủ như sớ nói. Lại, có sự khác nhau, tướng của mười địa rộng như Nhiếp Luận dịch vào đời Lương đã nói.

Chương tu thời giải thích, Ký chép: Kinh Đại thừa kia cũng gọi là tất cả hạnh Phật, nhập trí tạng Tỳ-lô-giá-na nói kinh có dẫn quyển đầu

trong hai quyển.

Chương tu thời: Đây là dẫn phần thứ năm, chương tu thời, trong quyển thứ mười một của luận Đại thừa kia, như luận ấy nói: Nếu thấy chân như tức nhập địa hạnh ý thanh tịnh. Từ Sơ địa đến Thập địa đều được tên gọi này. Người hạnh ý thanh tịnh có bốn hạng:

Người thứ nhất. Từ đạo đặt tên, nghĩa là ý hạnh thanh tịnh, ba hạng người sau, từ riêng mà đặt tên, nghĩa là hạnh có tướng, hạnh vô tướng, hạnh vô công dụng.

Người với ý thanh tịnh này, từ địa thứ sáu trở xuống, gọi có hành tướng, cho đến địa thứ bảy là hạnh vô tướng có công dụng, cho đến nếu nhập tám địa có hạnh vô tướng không có công dụng, chưa thành tựu. Nếu Bát địa viên mãn, đối với hạnh vô tướng của Bát địa không có công dụng đã thành. Đối với hạnh vô tướng không có công dụng của Cửu địa, Thập địa chưa thành mãn, vô tướng không có công dụng này của A-tăng-kỳ kiếp thứ ba mới thành. Ví như ba vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm chế ra làm năm người. Nếu ba vị thì làm sao chế ra thành năm người. Vì vị khác nhau, nên thành năm người.

Từ phương ban đầu đến Tu-đà-hoàn là người thứ nhất, Gia Gia là người thứ hai, Tư-đà-hàm là người thứ ba, một hạt giống là người thứ tư, A-na-hàm là người thứ năm. Địa vị Bồ-tát cũng như thế, Sơ địa là vị thứ nhất, từ Nhị đến đến Thất địa là vị thứ hai, Bát địa đến địa thứ mười là vị thứ ba, cũng được lập làm năm người.

Từ phương tiện đến Sơ địa là người thứ nhất. Từ Nhị địa đến Tứ địa là người thứ hai. Ngũ địa đến Lục địa là người thứ ba. Thất địa là người thứ tư, Bát địa đến Thập địa là người thứ năm.

Giải thích: Đây là y cứ quả của thừa Thanh văn.

Giải thích mười địa: Nói lên rõ sự khác nhau trong mười địa, sự giải thích của người khác, nên chương này dẫn văn này, chỉ rõ sự khác nhau của mười địa ba thừa khác nhau.

Hỏi: Nếu như vậy thì với mười địa này so sánh ý giải thích ra sao?

Đáp: Tuệ Cảnh Đức nói từ phương tiện đến Tu-đà-hoàn là người thứ nhất. Là người Sơ địa: Vì là đồng loại với kiến đạo. Người Gia Gia: Đây là từ sự chết, sống của con người, ở trong cõi trời, trở lại cũng đến trong cõi người, như từ nhà đến nhà nên nói rằng nhà nhà. (Gia Gia)

Khi tu hoặc trong địa thứ hai, dùng trí không có trôi lăn mà tu hành, đến Tứ địa trở xuống được trí không có trôi lăn kia, nên y cứ vào nghĩa này để so sánh với nhà nhà. Ngũ địa, Lục địa vì rất trội hơn trong

vô tướng, nên hạnh hữu tướng mỏng, chỉ người của địa mỏng. Trong Thất địa, lìa hạnh có tướng, chỉ vì vị có công dụng, nên chỉ thọ nửa đời. Bát địa trở lên, vì lìa có công dụng, nên y cứ người đã lìa dục có thể biết.

Tình, phi tình thành Phật.

Hỏi đáp: Nếu y cứ vào Chung giáo Ba thừa, tức tất cả chúng sinh hữu tình đều thành Phật. Do trí Thánh của người khác làm sáng tỏ Phật tánh sẵn có và tánh hạnh, nên trừ cỏ, cây v.v... kia, như kinh Niết-bàn chép: Nếu là chỗ thành Phật thì Chung Nam vấn đáp chép: Nếu Ba thừa Chung giáo, như ba thiên, v.v... Thế giới đồng loại, hiện Phật thành, đều là hóa Phật. Vì sao? Vì luận Đại Trí Độ nói: Dẫn rộng thế giới thành Phật, như sở mà được biết, đều là cảnh hóa của một hóa Phật, vì hiện thân nhiều chỗ, nên là hóa. Thân trời Ma-hê-thủ-la cũng là do hóa tạo ra. Do quyền hiện dưới cây Bồ-đề ở Diêm-phù. Cho nên, tất cả hóa Phật ở cõi Liên Hoa Tạng Phật là thật báo. Tịnh độ mười phương của thể, tướng, dụng chung, do Phật hóa hiện ra là báo Phật, tất cả thân thuộc là pháp môn. Vì thị hiện dắt dẫn tiểu căn Ta-bà này, chúng sinh rốt ráo tu tập nên như kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ nói: Nếu tu nghiệp tướng tốt, mà y cứ vào Chung giáo và Bồ-tát tiến thắng đều từ phát tâm đến nay, tất cả đều tu mười địa. Chung giáo không có riêng.

Trăm kiếp tu nghiệp tướng tốt. Kinh Vô Lượng Thọ quyển hạ chép: Giải thích về hạnh thật trong Chung giáo này, từ phát ý tức phước, tuệ song tu, nên khi thành Phật không có tu riêng. Nếu chủng tánh, Kinh Vô Lượng Thọ quyển hạ nói: Tức y cứ vào tánh chân như, vì lập chủng tánh nên khắp tất cả chúng sinh đều có tánh, nên luận Trí Độ chép: Đá trắng có tánh bạc, đá vàng có tánh vàng, nước có tánh ẩm ướt, lửa có tánh nóng. Tất cả chúng sinh đều có tánh Niết-bàn.

Hỏi: Như có người vặn hỏi: Nếu người nào có tâm, sẽ được Bồ-đề, thì Phật cũng có tâm lẽ ra cũng được chăng? Nếu nói: Phật dù có tâm, lại không phải sẽ đến, đây là chúng sinh không có tánh, dù là có tâm cũng chẳng phải sẽ được chăng?

Đáp: Trong kinh đã vì sự giác biết quá lạm, nên nói: Chúng sinh có tâm, không nói là Phật, vì nơi nơi thọ sinh, gọi là chúng sinh, nên không đồng với Phật. Rộng như thuyết kia nói, về địa vị cũng như quyển hạ đã nói.

Thứ tư, là y cứ vào đốn giáo mà nói chỉ có một môn, cái gọi là vô tướng. Vì sao? Vì tam-muội hữu hạnh là nhân của tam-muội nhất hạnh kia, vì chân như đã thành, nên chẳng thể nói có. Có các môn tướng

khác thành, cũng có tất cả môn này đều lìa, đó gọi là Phật. Nếu khi tu, Khổng Mục nói: Nếu là nghĩa Đốn giáo thì chẳng thể nói. Về chủng tánh; quyển hạ nói: Chỉ một chân như lìa lời nói, dứt tướng, gọi là chủng tánh, mà cũng không phân chia cái khác giữa tánh, tập, vì tất cả pháp chẳng có hai tướng. Cho nên, kinh Chư Pháp Vô Hành chép: vì sao việc này gọi là chủng tánh?

Văn-thù-sư-lợi nói: Tất cả chúng sinh đều là một tướng, rốt ráo bất sinh, lìa các tên gọi, vì một, khác không thật có, đó gọi là C tánh. Lại, vị hạnh: Tất cả vị hạnh đều không thể nói, vì lìa tướng, nên một niệm bất sinh, tức là đến vị Phật. Nếu thấy tướng khác nhau v.v... của vị hạnh, tức là vị trái ngược. Nếu nhờ lời nói để biểu thị rõ, như Lăng-già nói: Sơ địa tức Bát địa, cho đến nói: Không có tất cả thứ lớp nào chăng? Nếu thân, là đối tượng nương tựa, thì tất cả vị hạnh đã không thể nói. Phần thân, đối tượng nương tựa cũng so sánh với đây, rất dễ hiểu.

Thứ năm, là y cứ vào nghĩa Nhất thừa: Tâm sau cùng của mười tín, cho đến mười vị giải sau, mười Hạnh, mười Hồi hướng, mười Địa đều thành Phật. Lại, ở địa thứ mười cũng riêng thành Phật. Như trong Pháp Bảo Chu La Thiện Tri Thức chép. Vì sao? Vì nghĩa của Nhất thừa là dẫn ba thừa và tiểu thừa v.v... đồng với vị dưới và trong thân dưới được thành Phật.

Lại, Bát địa trở lên tức thành Phật. Như đối với vị này thành tất cả thân Phật vô ngại, nên ở đây là nói theo Biệt giáo.

Ký chép: quyển bốn mươi chín nói rằng: Nhà kia rộng lớn, mười lớp, tám môn, cho đến nói: Thấy Bồ-tát bổ xứ lớp thứ chín đầy đủ trong đó, thấy tất cả Như Lai của lớp thứ mười đầy đủ trong đó.

Giải thích: Tám môn, nghĩa là tám Thánh đạo. Mười lớp, nghĩa là Mười địa. Tất cả Như Lai ở trong địa thứ mười, đầy đủ trong đó, nên nói rằng: Lại, ở địa thứ mười cũng riêng thành Phật. Xem xét rộng mười chín quyển sớ có ba cách giải thích:

1. Y cứ các sư xưa, Tám lớp trong mười lớp, mở ra tám, chín lớp khác, như thứ lớp, phối hợp với Sơ địa cho đến Đẳng giác, Diệu giác, nên sớ chép: Chín bổ xứ, v.v...: là nói vì thọ chức, v.v... của mười địa cũng là vị Đẳng giác. Mười tất cả Như Lai: Vị Diệu giác, từ mới phát tâm v.v... nói về thu nhiếp nhân thành quả. Khổng Mục y cứ vào ý cách giải thích này để nói.

Các giải thích thứ hai của sớ, phối hợp với vị mười hạnh. Các giải thích thứ ba đều không y cứ vào vị để nói. Mười biểu thị rõ vô tận, như trong sớ. Tri thức này là thiện tri thức của hạnh không có si, loạn.

Pháp Bảo Chu La Sớ chép: Hán dịch là Đỉnh kế, tức dùng pháp thành nhân, biểu là đỉnh kế. Gốc Thiên-trúc nói: Có Trưởng giả tu theo Chánh pháp tên là Bảo Chu La, chỉ rõ dụng định kia có thể là tướng rất tôn quý. Nếu y cứ vào đồng giáo để nói, thì thu nhiếp đạo lý mà bốn thừa trước đã nói, tất cả đều là văn nghĩa của Nhất thừa, dù là đồng, nhưng nghĩa đều khác nhau. Tướng khác nhau của các pháp như thế, vì thủ hộ mười địa, nên thuận theo môn phương tiện, tạo ra các thứ thuyết, khiến các chúng sinh đối với mười địa lìa tăng thượng mạn.

Ký rằng: Người ba thừa quyết định đi thẳng tất đến mười địa mới được thành Phật, nên thuộc về tăng thượng mạn, vì muốn cho lìa bỏ tăng thượng mạn này, nên mỗi vị đều được thành Phật.

Lại, y cứ vào nghĩa chung riêng của sáu tướng, tức là Nhất thừa thuận theo tướng nghĩa khắp riêng, tức là ba thừa. Đây là y cứ vào phần giáo để nói pháp mà mười địa Nhất thừa kia cùng tận ba đời kia đã đi suốt qua rốt ráo. Đây là y cứ vào chứng để nói.

Ký chép: Đối với dụng của mười địa này, là pháp Đà-la-ni duyên khởi của sáu tướng: Tức là tự tại vô ngại, vì mười địa là Nhất thừa. Nếu thuận theo dụng hơn kém của phần vị trí pháp không, phát ra là mười địa: Tức là Ba thừa. Đây là y cứ vào phần giáo để nói, nghĩa là dùng giáo của sáu tướng, duyên khởi của pháp hiện nay, mới được là Nhất thừa: Đây là y cứ ở phần giáo mà giải thích: Nếu y cứ vào phần chứng, thì sẽ tự tại cùng tận ba đời, đi suốt qua chỗ rốt ráo làm vị chứng, cho nên tình, phi tình đều thành Phật.

Hỏi đáp: Y cứ vào nghĩa Nhất thừa, tất cả chúng sinh y chỉ chung và chánh đều thành Phật, như kinh Hoa Nghiêm nói: Dùng nghĩa này để so sánh bốn câu trên, về nghĩa tức là Cộng giáo Nhất thừa, chẳng phải Biệt giáo. Nếu người thành Phật trước, sau, thì sẽ thành Phật trong mỗi niệm, đều cùng tận hữu tình đã được hóa độ, Thập trụ trong các giai vị trở lên, cho đến Bồ-đề đều cùng tận cõi chúng sinh, trở thành vị đầy khắp, không có trước, sau, vì là đồng một duyên khởi cây Bồ-đề cao lớn. Nếu khi thành Phật, y cứ vào thời tiết thành Phật của nghĩa Nhất thừa, đều không nhất định, vì thời tiết của thế giới mười phương khác nhau. Thế giới, v.v... của Nhân-đà-la đều y cứ vào vị báo của phần đối xứng, nói là các kiếp hữu vi tương tác và tương nhập, v.v... nên thời lượng không có nhất định, vẫn là pháp của thời tiết không trái. Kinh Hoa Nghiêm quyển hạ chép: Tất cả thời phần đều không nhất định. Vì sao? Vì các kiếp tương nhập, vì tương tác, bao gồm chung tất cả các thế giới Nhân-đà-la, nên vẫn đều thuận theo xứ, hoặc một niệm, hoặc vô

lượng kiếp, v.v... pháp của thời gian không trái. Khổng Mục quyển bốn chép: Nếu là nghĩa Nhất thừa thì tức là kiếp vô tận. Vì sao? Vì y cứ vào Nhất thừa, tất cả chúng sinh đã thành Phật, lại vì chúng sinh mới thành Phật, cũng không trụ học địa mà thành Chánh giác. Vì y cứ vào thời phần không giới hạn này cho nên vô tận. Giáo nghĩa này và sự so sánh, suy lường đức của mười địa, sinh ra niềm tin cho họ. Lại, pháp số là đi suốt qua đức của mười địa. Nếu ứng, hóa của Phật phương khác, hoặc y cứ ở Nhất thừa thì chỉ có mười vị Phật. Nếu y cứ vào phần hạnh mà nói, thì sẽ không phân chia nghĩa tu sinh và bản hữu. Nếu hiểu rõ đại đạo, thể tức nhất thiết chủng, thể tướng tức là tướng của nhất thiết chủng, dụng tức là dụng của của nhất thiết chủng. Các phương tiện Phật, hoặc danh, hoặc nghĩa, đều y chỉ hải ấn Thích-ca hiện không có Phật riêng. Hoặc mẹ Phật, hoặc y cứ Nhất thừa, tất cả chư Phật trụ trong sức định hải ấn của Phật Thích-ca. Dùng nghĩa này so sánh các quyến thuộc, v.v... đều đồng như vậy. Nghĩa thể, tướng, dụng và biến hóa, sửa đổi tánh, v.v... so sánh với đây rất dễ hiểu. Nếu căn tình tương nhập, tương tác, nghĩa là y cứ vào sửa đổi tánh, biến hóa của giáo Nhất thừa đều dựa vào duyên khởi, pháp căn bản thể hiện rõ cũng không có tánh riêng để biến hóa, có thể sửa đổi. Hoặc hiện, hoặc làm, đều thuộc về biến hóa trước, là thể của Nhất thừa, có phàm, có thân, lại có đức thể. Nếu nhân quả khác nhau: Nghĩa là nếu y cứ vào Nhất thừa, tất cả nhân quả thành Phật giới hạn cùng khắp, thì đi suốt qua sự phân chia xếp đặt của tất cả cảnh nhỏ nhiệm, bí mật của Nhân-đà-la, cùng tận lượng khắp, phân chia xếp đặt của ba thế gian, như kinh Hoa Nghiêm, môn Phổ Hiền, so sánh rất dễ hiểu. Tất cả hai vị nhân quả dứt hoặc, v.v... của người tu hành đều cùng tận, không cùng tận. Nếu người tu đạo thành Phật, thì y cứ vào giáo Nhất thừa đối với căn cơ trước, nếu người tu thành Phật, thì thường thành tựu, đều mới dứt kiết thành Phật, cũng không trụ địa giác thành Phật. Nếu đối với căn cơ không thành, thì sẽ thường xuyên không thành. Giống như biển cả ở trong các vị không có đầy đủ, tức kinh Lăng-già nói Nhất-xiển-đề Bồ-tát. Nếu đối với căn cơ, bệnh khác, thì sẽ không có thành và không thành. Nếu đối với Phổ Hiền, thì cũng thành, không thành. Nếu là tướng mạo Phật, thì sẽ y cứ vào giáo Nhất thừa là đức, là tướng, là phi đức, phi tướng, vì do lý duyên khởi đầy đủ nghĩa tác, bất tác, nghịch, thuận.

Thân v.v... là đối tượng nương tựa của chủng tánh, hạnh, vị, như quyển hạ đã nói.

* Thứ tư, môn nhanh chóng được thành chủng loại Phật.

Khổng Mục quyển tư chép: Lại, y cứ vào văn Di-lặc, chư Phật, Bồ-tát tu vô lượng kiếp, Thiện Tài một đời đều được. Theo kinh Hoa Nghiêm, sự mau chóng thành Phật có năm thứ:

1. Y chỉ thân vượt hơn từ giai vị thấy, nghe, một đời sau, cho đến thân sau của định Ly cấu, tức thành Phật.

2. Y cứ vào sự thấy, nghe, sự sinh thẳng tắt, chắc chắn nhanh chóng.

3. Y chỉ một thời gian nhanh chóng được thành Phật.

4. Y chỉ một niệm nhanh chóng được thành Phật.

5. Y cứ không có niệm, mau chóng được thành Phật.

Nghĩa đầu tiên có bốn (như môn trên). Nghĩa thứ hai, dựa vào sự sinh của nẻo tẳng tắt thấy, nghe, chắc chắn nhanh chóng. Như trong Sơ địa có ba thời gian lợi ích:

1. Lợi ích khi nghe.

2. Lợi ích khi thực hành.

3. Lợi ích lúc chuyển sinh.

Nên Địa Luận chép: Các Như Lai này che chở cho các Bồ-tát. Người này có khả năng nghe, nhớ giữ pháp mầu nhiệm như thế. Đây là lợi ích khi nghe. Các địa đều không nhơ, dần dần đầy đủ, chứng mười thứ lực của Phật, thành Bồ-đề vô thượng. Đây là lợi ích khi tu hành, dù ở biển cả và kiếp cùng tận, trong lửa, quyết định tin, không có nghi, tất nhiên được nghe kinh này. Đây là lợi ích khi chuyển sinh, Bồ-tát Địa Tín, hạnh ý, nghe, vâng giữ pháp tạng mà tạng Kim cương này đã nói, thì được chư Phật che chở, lìa các việc ma. Đây là lợi ích khi nghe. Đã nghe pháp cao quý, dần dần tu viên mãn các hạnh của mười địa, cho đến thành Bồ-đề. Đây gọi là lợi ích khi tu hành. Hoặc có chúng sinh của cõi nước không nhất định, nghe pháp mầu nhiệm của Thập địa này, gieo trồng hạt giống kim cương, dù sinh vào chỗ có tai nạn, đường lành, đường ác, nhiều kiếp số thẳng tắt trong xứ tai nạn kia, tất nhiên được đồng với kinh này. Đây gọi là chuyển sanh thời ích.

Hỏi: Nếu vậy thì đã trải qua nhiều đời, sao lại nói mau chóng thành Phật?

Đáp: Trải qua nhiều đời là ý của môn Ba thừa,vì khi ngộ nhập Nhất thừa là mau chóng thành Phật, nên Huyền Môn chép: Hỏi: Đã nói tu lâu mới được, sao lại nói một niệm được? Đáp: Người tu lâu gốc lành, tức là thuộc về giáo Ba thừa, từ Ba thừa nhập Nhất thừa, tức là vì một niệm đầu, cuối đầy đủ, nên kinh nói: Khi phát tâm cho đến trở xuống là nói Thiện Tài phát tâm từ Văn-thù, cầu thiện tri thức, trải qua con

đường thẳng tất một trăm mười ngôi thành, không bằng một niệm được thấy Bồ-tát Phổ Hiền, nên biết được nhập biển cả duyên khởi này, một niệm há không thành Phật hay sao?

3. Y cứ một thời gian nhanh chóng được thành Phật, như Đồng tử Thiện Tài, một khoảng thời gian ở chỗ tri thức, được pháp Phổ Hiền. Đây là nói theo thiện tri thức sau cùng, như thứ lớp ở trên đã dẫn ý văn của huyền môn, cho đến bạn lành này. Vì đã được pháp Phổ Hiền, vì nhân quả không hai, nên sớ quyển hai mươi chép: Thứ năm, là nói lên sự rộng lớn về nhân của tri thức về trước, soi rọi lý không hai, rõ ràng rất sâu, mới có khả năng, thành Phật, vì nhân tố rộng lớn, nên ở đạo tràng, trước Như Lai, vì biểu thị Phổ Hiền ngang đồng với quả Phật, vì vị nhân quả đồng. Lại nói: Một thân nói đầy đủ thân Phổ Hiền, dưới đây có mười ba thứ, ngang bằng với chư Phật. Đây là vị nhân viên mãn lại không có đối tượng tu.

Cho nên, chỉ nói rằng: Ngang bằng với chư Phật, không giải thích lại cầu tri thức tu nhân, vị Phổ Hiền xong, nên biết đây là y cứ theo lý thành Phật, vì nhân quả không hai, một lúc thành Phật, người đi trên cõi lành này chưa nhập tín mãn và sơ trụ v.v... nên chẳng phải là hạnh thành Phật vị, thành Phật.

4. Y chỉ một niệm mau chóng được thành Phật, nếu khế hợp với pháp Phổ Hiền, một niệm liền thành Phật, đây là dựa vào niệm thế tục đế, cũng y cứ vào Thiện Tài, v.v...

Ở trên, y cứ vào thời điểm nghe nói pháp, nói là thành Phật. Đây là nhận lấy nghĩa niệm niệm thành Phật, vì là lý thành Phật, nên thuận theo sự tự tại y chỉ tục đế, mà nói một niệm.

5. Vô niệm mau chóng được thành Phật: Tất cả pháp bất sinh, tất cả pháp bất diệt. Nếu hiểu được như thế, tức là người thấy chân Phật.

Ký chép: Có thuyết nói: Y cứ vào Duy-ma: Một niệm bất sinh tức là Phật. Nghĩa này không phải như vậy, vì đồng là niệm tục đế, tức là Vô sinh, nên nói rằng: Không có niệm thành Phật. Tất cả pháp bất sinh, v.v... là lên cõi trời Dạ-ma, văn có thể tìm chỗ văn.

* Thứ năm, môn Hỏi đáp phân biệt.

Hỏi: Ý của tông là khi tất cả chúng sinh đều là Phật, thì Phật và chúng sinh có gì khác nhau?

Đáp: Vì đồng một pháp duyên khởi, nên khi Phật hoàn toàn là Phật, chẳng có chúng sinh riêng, lúc chúng sinh hoàn toàn chỉ cho chúng sinh, cũng chẳng có Phật riêng. Nếu chẳng phải hoàn toàn Phật, chẳng phải hoàn toàn chúng sinh, thì duyên khởi sẽ không thành, nên chẳng

có chúng sinh, cũng không có Phật, vì tất cả pháp là pháp duyên khởi được thành bởi nhất như, nên hoàn toàn thu nhiếp lẫn nhau mới lập môn chúng sinh, nên hoàn toàn là chúng sinh. Vì môn Phật nên đều là Phật. Vì thế, nên chẳng phải không có chủ thể hóa độ kia, chúng sinh là đối tượng hóa độ của Phật.

Hỏi: Phật là Đấng toàn giác, còn chúng sinh hoàn toàn mê, nếu Phật và chúng sinh là một, thì chỉ là hoặc thôi, làm sao có chủ thể hóa độ, cũng như chúng sinh và Phật là một, thì chỉ hoàn toàn là người giác, đâu có đối tượng giáo hóa?

Đáp: Có hai nghĩa:

1. Không có chủ thể hóa độ, đối tượng hóa độ.

2. Có chủ thể hóa độ, đối tượng hóa độ.

Ý nghĩ ban đầu vì hoàn toàn là chúng sinh nên không có chủ thể hóa độ, vì hoàn toàn là Phật nên không có đối tượng hóa độ. Ý nghĩa sau hoàn toàn là hai, nên có chủ thể, đối tượng hóa độ. Vì sao? Vì pháp duyên khởi không có chướng, không có ngại, vì quyết định chẳng có một, nên thuận theo đều được như hư không, hư không hóa, chủ thể hóa, đối tượng hóa chẳng có chướng ngại. Nhưng đối tượng tình chấp chẳng thể theo kịp.

Hỏi: Khi Phật thấy chúng sinh mê hoặc, hoặc dùng tâm mê hoặc để thấy, hoặc dùng trí giác để thấy. Nếu dùng tâm hoặc để thấy, thì hoặc chẳng phải khéo thấy, làm sao được thấy? Nếu dùng trí giác để thấy, thì giác dứt bặt thấy biết, làm sao có chủ thể thấy?

Đáp: Có hai nghĩa:

1. Kiến hoặc, kiến giác.

2. Kiến đều không được.

Ý nghĩa đầu tiên như quỷ, quỷ thấy, con người không thấy, hoặc dùng hoặc để thấy, giác chẳng thấy. Như đối với thú dữ, thấy là quỷ, là quỷ mê hoặc, thấy quỷ chẳng phải hoặc, nghĩa này cũng vậy, hoặc thấy hoặc, cũng giác chẳng phải hoặc. Cho nên, Phật nói: Ta và ông chẳng khác, ông tự cho là khác. Ý này là ngã là người giác, ông vì mê chấp, nên biết hoặc, và giác chẳng khác. Ý nghĩa sau, hoặc vì nghĩa của kiến này, nên chẳng phải hoặc thấy, mà vì hoặc thấy hoặc, nên chẳng phải giác thấy.

Hỏi: Phật đã là người giác, làm sao hoặc thấy hoặc?

Đáp: Giác biết thể hoặc không hai, mà giác biết mặc tình tự hoặc thấy gọi là hoặc, đầy đủ như hỏi hương tượng.

Hỏi: Một thành, tất cả thành, nghĩa ấy ra sao?

Đáp: Có thể có hai nghĩa:

1. Y cứ về người.

2. Y cứ về vị.

Nghĩa đầu tiên hỏi đáp: Vì y cứ vào người duyên khởi nói, nên một người tức tất cả người, tất cả người là một người. Tất cả người tức một người là tất cả người, nên tu nói cũng vậy, vì một tu tất cả tu, tất cả tu cũng là một tu, nên đồng nói như vậy.

Hỏi: Hiện một người tu mà người khác không tu, cũng là một người chẳng phải người khác, đâu được làm như thế phải chăng?

Đáp: Cái mà ông thấy chỉ là biến kế, không quan hệ đến pháp duyên khởi, nên không nói đủ.

Nghĩa sau: Chương lục tướng nghĩa nói: Đức hạnh tức một thành tất cả thành. Lý tánh tức một hiển tất cả hiển, riêng khắp đầy đủ đầu, cuối, đều ngang bằng nhau.

Khi mới phát tâm liền thành Chánh giác, v.v... Một sớ cũng đồng.

Hỏi: Người ba thừa rốt ráo đến giai vị nào tiến lên Nhất thừa tức thành Phật?

Đáp: Trong Năm giáo nói rằng: Vì đến chỗ rốt ráo của vị mình, nên về sau đều tiến vào Nhất thừa của Biệt giáo. Nhất thừa này đều được quả xuất thế, xứ và rốt ráo của vị mình, y cứ vào Bồ-tát. Lại, vị Ba hiền là được lợi ích xuất thế. Xứ đủ như nghĩa Nhất thừa.

Hỏi: Đời hiện tại của một người, là đời vị lai của người đó sẽ thành Phật, hóa hiện ở thân ta, khiến cho tu hành phải không?

Đáp: Hóa khiến tu hành.

Hỏi: Con người hiện tại tu hành sẽ được thành Phật nào ở cõi kia, hóa hiện ở ta khiến tu hành?

Đáp: Phật kia không là hóa. Nay, thân ta vì không được thành Phật, nên khi Phật kia hóa hiện, ta mới có khả năng tu hành thành Phật. Đạo lý duyên khởi của ý chẳng phải ở vào thời đại của Phật kia, tức không có thân ta hiện nay, chẳng phải vào lúc thân ta hiện nay, vì không có Phật kia, nên biết như thế. Như đối với hiện nay, cho đến tận đời quá khứ cũng như vậy.

Hỏi: Phật vị lai là hiện tại và tức nhau của người ở quá khứ: Nghĩa là người ở quá khứ, hiện tại kia đã thành Phật hay chưa thành Phật?

Đáp: Đã thành, vì đồng một pháp duyên khởi với Phật vị lai.

Hỏi: Nếu vậy thì chỉ có Phật, đâu là hóa?

Đáp: Người ở quá khứ, hiện tại so với Phật vị lai là đồng một thể, vì chẳng phải người khác, nên Phật vị lai hóa hiện ngang bằng với con

người. Nếu người khác thì sẽ không được hóa. Vì sao? Vì ngoài chủ thể hóa có, nên chẳng phải chính mình đã hóa.

Hỏi: Có thể hóa độ được người ngoài sao nói người khác chẳng được hóa độ?

Đáp: Nếu chủ thể hóa, đối tượng hóa khác nhau, thì duyên khởi sẽ không thành, nên không được hóa độ người khác ngoài mình.

Hỏi: Mình đã là Phật thì đâu dùng hóa làm gì?

Đáp: Vì là Phật nên hóa. Nếu chẳng phải Phật, thì suốt ngày hóa không được thành Phật.

Hỏi: Sao khi mình chẳng phải Phật thì không được hóa?

Đáp: Vì tất cả chúng sinh xưa nay đã thành Phật, mà không biết mình, tức Phật, nên hóa khiến cho biết lý này gọi là Hóa, nên hóa thật ra không có đối tượng hóa, thật sự không có đối tượng thành.

Hỏi: Nếu vậy thì chỉ là hóa, không có nghĩa hóa người khác phải chăng?

Đáp: Cũng được hóa người khác, chẳng phải hóa vì không có mình. Vì duyên mình, người khác thành, vì vô phân biệt, nên Phật có khả năng thấy mình hoàn toàn là người khác, nên người khác không có thu nhiếp vật.

Hỏi: Y cứ hóa này chẳng phải hóa và mình, người khác, v.v... phân biệt bốn câu là gì?

Văn đáp hỏi: Có hóa mình hay chăng?

Đáp: Không, vì chẳng phải người khác, chẳng có mình.

Hỏi: Có hóa người khác chăng?

Đáp: Không, vì hóa là Phật.

Hỏi: Hóa chung đối với mình, người khác phải chăng?

Đáp: Không, vì hai chấp đều không.

Hỏi: Nói chung chẳng phải là hóa chăng?

Đáp: Vì cả hai đều lìa chấp, nên sự xóa bỏ này chẳng phải bốn câu, biểu thị cho chấp, làm sáng tỏ bốn câu, y cứ môn ba tánh rất dễ hiểu. Y cứ vào mình, người khác cũng có thể có ba, bốn luận chứng này. So sánh với trên, rất dễ hiểu.

Hỏi: Phật vị lai lại hóa hiện ở thân mình, nghĩa là có văn là đối tượng nương tựa phải chăng?

Đáp: Vì có văn của đối tượng nương tựa, nên Bồ-tát Bát địa trong kinh Anh Lạc nói: Tự thân, quả đương lai của mình, vì chư Phật xoa đầu nói pháp, nên đã nói rõ ràng rất dễ hiểu. Lại, các kinh đã trải qua, thường nói: Vì lễ bái Phật ba đời nên các tội nghiệp diệt, đâu khác chư

Phật vị lai. Hỏi: Sự tu hành của người khác đã thành Phật, tận cùng mé vị lai cũng sẽ thành, nói là lễ bái Phật vị lai, sao lại nói lễ bái Phật kia, tự sẽ thành Phật chăng?

Đáp: Nghĩa lễ bái Phật của người khác chẳng phải không có, tuy nhiên Phật của người khác xa, Phật của mình gần. Vì sao? Vì một cách rộng khắp, chư Phật vì chúng sinh nói các đức của Phật, đại ý vì muốn cho chúng sinh, chính mình cũng được quả Phật kia, nên khiến tu hành. Cho nên, chúng sinh chứng đắc quả mà mình sẽ được trong đương lai, vì muốn được quả Phật kia, nên đã không tiếc thân mạng tu hành, chẳng phải để được quả Phật của người khác, cho nên tu hành. Vì thế, hiện nay ta khiến phát tâm tu hành, Phật Tổ là quả đương lai của ta, đã thành Phật chẳng phải Phật khác. Nghĩa này không có gì nghi ngờ, kinh ngạc. Lại, có người khác đã thành Phật, tức là quả Phật ở đương lai của mình. Vì sao? Vì khi người khác thành Phật, tức được quả bình đẳng của Phật ba đời. Lại, quả Phật ở đương lai của ta, tức là sự thành Phật hiện nay của ta. Vì sao? Vì ta được thành Phật ở đương lai tức là được pháp bình đẳng của Phật ba đời.

Như thế, lần lượt lại bình đẳng lẫn nhau. Đức quả bình đẳng chẳng có khác nhau đều là hóa. Nay, ta khiến tu hành, nghĩa ấy cũng vì chẳng phải không có, lẫn nhau có thân ta hiện nay, là toàn thể Như Lai tạng Phật, v.v... Nay, ta duyên Phật tánh của ta, tức ta mà vì không biết, nên đau xót, kinh ngạc. Hết lòng phát tâm tu hành, muốn mê trở lại. Cho nên, quán hóa kia. Phật ta tức là thể Phật của ta, chẳng phải xa cầu Phật của người khác. Nghĩa này là hạnh chánh quán, nghĩa là rất quan trọng. Lại, Phật tánh của ta đây, tức đối với tất cả pháp giới, trong hữu tình, vô tình hoàn toàn tức ở đều là một vật, vì Phật thể của ta. Nếu lễ bái Phật tự thể, thì sẽ không có vật thể nào chẳng phải là đối tượng tạo tác. Sự kiện này cũng rất quan trọng, thường nên suy nghĩ. Nếu thực hành suy nghĩ như thế, thì bất cứ lúc nào, bất cứ lúc nào, chẳng có một nơi nào, một lúc nào sinh khởi nghĩa của phiền não ba độc. Đây tức là nhập phương tiện của quán Nhất thừa. Phật ba đời đều do tu hạnh này mà thành Phật, đầy đủ như trong Hương Tượng Vấn Đáp.

Hỏi: Tất cả tình, phi tình đều có Phật tánh thành Phật phải không?

Đáp: Y cứ về giáo khác nhau: Tiểu thừa chỉ có một mình Phật có chủng tánh Phật, thừa khác không có chủng tánh. Vì môn Thỉ giáo y cứ vào pháp hữu vi vô thường để lập chủng tánh, nên không cùng khắp tất cả. Chung giáo vì chân tánh, lập chủng tánh, nên tất cả tánh có, môn

đốn giáo chỉ chân như lìa ngôn bặt tướng, gọi là chủng, không phân tích tánh, tập. Y cứ vào môn Nhất thừa có hai thuyết:

1. Vì phương tiện thu nhiếp các giáo đã nói chủng tánh đều có đủ chủ, bạn, thành tông vì đồng giáo, vì phương tiện thu nhiếp, cho nên y cứ chủng tánh của Biệt giáo rất sâu, nhân quả không hai, chung cho y và chánh, cùng tận ba thế gian, thâu nhiếp, bao gồm tất cả lý, sự, giải, hạnh v.v... rộng như quyển hạ nói.

Hỏi: Các giáo đã nói ở đây có hay không có chủng tánh? Là Phật tánh lý hay là Phật tánh hạnh?

Đáp: Chung cho cả hai. Vì sao? Vì có hai thứ Phật tánh.

1. Thể.

2. Nghĩa.

Như quyển hạ sẽ nói.

Hỏi: Y cứ vào môn Nhất thừa có tánh, không có tánh, hữu tình, phi tình đều thành Phật. Nói giáo khác nhau của năm tánh hội nhập ở đâu?

Đáp: Quyển hạ nói: Luận có giải thích, nên luận Bảo Tánh chép: Hướng về nói Xiển-đề không có tánh Niết-bàn, không nhập Niết-bàn.

Nghĩa này như thế nào? Vì muốn nói rõ nhân chê bai Đại thừa.

Ở đây nói về nghĩa gì?

Vì muốn xoay tâm chê bai Đại thừa trở về, vì khi y cứ vô lượng, nên đặt ra thuyết này, vì xiển-đề kia thật có tánh thanh tịnh, nên bình đẳng.

Hỏi: Nếu vậy, chỉ có thể lập tánh bất định, lập tánh gì?

Đáp: Tu hạnh tập quán của sáu độ xong, vị đến kham nhậm trụ, thành chủng tánh Bồ-tát.

Nếu tu tập hạnh Tiểu, đến vị nhẫn thành tánh Thanh văn, nên Trí Luận chép: Noãn, Đảnh, Nhẫn v.v... gọi là Địa tánh. Độc giác so sánh rất dễ hiểu.

Nếu đối với ba hạnh, thuận theo một tu hành, chưa đến vị gốc. Bấy giờ, lập thành chủng tánh bất định, nếu đối với ba hạnh hoàn toàn chưa tu hành, lập thành không có chủng tánh.

Hỏi: Y cứ vào chủng tánh, phân biệt bốn câu ra sao?

Đáp: Chung Nam Vấn đáp chép rằng: Hoặc có Phật tánh, người xiển-đề, có người chẳng có gốc lành. Nghĩa là y cứ vào hạnh để giải thích về tánh. Hoặc có Phật tánh, cả hai người đều có. Nghĩa là y cứ vào nhân để phân biệt về tánh. Hoặc có Phật tánh, hai người đều không có, nghĩa là y cứ vào quả để giải thích về tánh.

Hỏi: Nghĩa xiển-đề dứt gốc lành hiện tại, do đâu có thực hành tánh thiện?

Đáp: Đây là y cứ vào vị ngữ. Đời này sinh gốc lành, có thể bào chữa, nghĩa là có hiện hành tánh thiện. Đời khác sinh gốc lành. Hiện không thể bào chữa: Có hiện hành hạt giống nhân. Nghĩa này không đồng với tông của Thanh văn. Bốn vị này đều có đủ hai thứ Phật tánh: Tánh đắc và tu đắc. Vì sao? Vì hai tánh này đồng với xứ tâm thanh tịnh của tin hiểu, nói năng, do nhau mà thành. Hai thứ Phật tánh: Tánh đắc và tu đắc, chẳng phải đầu, chẳng phải giữa, sau, vì lấy trước, giữa, sau. Lại, xét nghiệm văn kinh nói: Như Lai tạng là thuyết căn cơ của Bồ-tát tiến thẳng, Phật tánh là thuyết cơ duyên của Thanh văn thuần thục.

Trong đây đã nói, Như Lai tạng, Phật tánh, dù y cứ các nghĩa khác nhau không đồng, nhưng đều là nghĩa Nhất thừa của Đồng giáo. Vì sao? Vì thành pháp khắp, vì được hình thành bởi pháp khắp.

Hỏi: Bản tánh, trụ tánh, chủng tánh do tập thành, pháp nào trước, pháp nào sau?

Đáp: Vì thuận theo cơ duyên, nên trước, sau không nhất định. Vì thế cho nên Hương Tượng Vấn đáp chép: Hỏi: Trong bốn câu của bản hữu, tu sinh, v.v... có hai câu: Bản hữu tu sinh, tu sinh bản hữu. Bản hữu, tu sinh kia tức là pháp duyên khởi nên chẳng phải bản hữu, không có tu sinh, không phải tu sinh, không có bản hữu, pháp nhân duyên của hai câu có thể hiểu.

Chỉ có bản hữu, chỉ có tu sinh, hai câu này là pháp nhân duyên phải chăng? Nếu chẳng phải do tu sinh mà có bản hữu, với tập chủng về trước có nghĩa bản hữu, có gì khác nhau chăng?

Đáp: Vì bậc Thánh có thể thấy lợi ích của căn cơ, nên bốn câu đều nói khắp. Nếu chúng sinh có cơ duyên vây quanh, dùng chủng tánh làm chủng tập trước làm lợi ích sau, tức nói bản hữu có trước, tu sinh có sau. Nếu có chúng sinh lấy tu sinh làm trước, bản hữu là lợi ích sau, tức nói chủng tánh là sau, chủng tập là trước, chỉ nói trong chỗ thuận theo căn cơ. Không thấy pháp nhất định có trước, sau, vì pháp chẳng có trước, sau kia, nên tức khéo xứng đồng với trước, sau. Cho nên, thuyết của các Thánh giáo nói trước, sau không quyết định. Tuy nhiên, như nói thủ, nghĩa là nhất định, vì pháp có trước của bản hữu, nên mất chỉ thú của nhân duyên, vì trái với ý của người kia, nên khác với người kia. Tất cả pháp môn khác đều như thế. Phải hiểu rõ nguyên do của giáo, lại hiểu thật tánh của pháp.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 166

PHẬT QUỐC THIỀN SƯ VĂN THÙ CHỈ NAM ĐỒ TÁN

SỐ 1891

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1891

PHẬT QUỐC THIỀN SƯ VĂN-THÙ CHỈ NAM ĐỒ TÁN

Trung thư xá nhân Trương Thương Anh thuật

Tánh Hoa Nghiêm như biển, thu nạp nước thơm từ trăm sông. Nghĩa Pháp giới như trời, bao quát sáng soi muôn tượng. Tột chân trí của Phật-đà. Cùng linh nguyên loài hàm thức. Cho nên Thế chủ diệu nghiêm Văn-thù kết tập. Từ Long cung đọc ra, từ núi Kê truyền đến, nối gót lưu thông khắp miền Hoa Hạ (Trung Quốc). Trưởng giả họ Lý hợp luận bốn mươi cuốn; Thiền sư Trừng Quán sớ sao một trăm quyển; Tôn giả Long Thọ viết hai mươi vạn kệ; Thiền sư Phật Quốc soạn năm mươi bốn tán. Bốn nhà diễn nói, người học đều theo. Nhưng nếu toát yếu được đại kinh, lập cương mục của pháp giới, nêu nghi tướng của tri thức, thuật các pháp môn mà Thiện Tài liễu ngộ, người cảnh đối chiếu, sự lý sáng tỏ thì đồ tán này ý rõ văn gọn. Vậy làm bài tựa này giới thiệu để tin nhận làm theo.

Lần đầu tiên:

Thiện Tài đến rừng Sa-la tham vấn Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, thấy như voi chúa trừng mắt, như sư tử rống gầm, sáu ngàn Tỳ-kheo ngay sau khi nghe giảng thành đạo, năm chúng liền phát tâm ban đầu, Thiện Tài được pháp môn Căn bản trí chỉ nam, chứng Thập tín tâm.

Tán rằng:

Ra rừng rồi lại bước vào rừng,
Đúng thật Sa-la Phật miễu đông.
Sư tử rống hồi thơm cỏ biếc,
Voi thiêng về lúc nở hoa hồng.

Sáu ngàn khất sĩ mười tâm đủ,
Năm chúng cao nhân một tín chung.
Trân trọng lời thầy đường Nam tiến,
Trăm thành mây nước rộng vô cùng.

Lần thứ hai:

Thiện Tài đến núi Diệu phong tham vấn Tỳ-kheo Đức Vân, tìm khắp bốn phương đến bảy ngày mới gặp Tỳ-kheo một mình thong thả đi kinh hành. Đảnh lễ hỏi pháp, vào cảnh giới Phật, Thiện Tài được pháp môn Ức niệm chư Phật phổ kiến, chứng Phát tâm trụ.

Tán rằng:

Đức Vân ở núi Diệu phong cao,
Đỉnh núi đường mây chẳng định nào.
Bảy bữa ngóng trông tìm chẳng gặp,
Nào ngờ một sớm thỏa mong sao.
Phát tâm trụ xứ duyên thầy hợp,
Phổ kiến môn này Phật cảnh thâu.
Ngoái cổ bóng chiều pha dưới núi,
Trắng mây xanh ngọn mấy ngàn dâu.

Lần thứ ba:

Thiện Tài đến nước Hải Môn tham vấn Tỳ-kheo Hải Vân. Trong mười hai năm quán tưởng biển hiện ra Phật, một ngàn hai trăm năm sờ đầu giảng kinh ghi nhớ thọ trì, bút chất thành đống không tả xiết, Thiện Tài được pháp môn Phổ nhãn, chứng Trị địa trụ.

Tán rằng:

Một pháp môn rồi một pháp môn,
Rõ ràng Phổ nhãn chiếu càn khôn.
Mười năm tưởng biển sâu sâu thẳm,
Ngàn tuổi nghe kinh phẩm phẩm còn.
Sóng bạc trổ hoa kìa hiển hiện,
Sen hồng thấy Phật độc xưng tôn.
Đầy non bút chất thôi khôn tả,
Muôn khoảnh trùng dương dễ rợn hồn.

Lần thứ tư:

Thiện Tài đến bên đường Lăng-già tham vấn Tỳ-kheo Thiện Trụ thấy qua lại trên khoảng không trung hiện nhiều thần thông biến hóa. Tay sờ mặt trời, mặt trăng. Thân từ trong đám mây nóng bước ra dạo khắp các cõi Phật rưới cúng hoa trời, Thiện Tài được pháp môn Phổ tốc tật cúng dường chư Phật, chứng Tu hành trụ.

Tán rằng:

Lâu rồi mới đến Hải Lăng-già,
Xa thấy trên trời dạ thiết tha.
Niệm niệm viễn du ngàn cõi Phật,
Rần rần đổ xuống trận mưa hoa.
Tay sờ nhật nguyệt ba vòng ngoại,
Thân phủ mây hồng bốn mặt ra.
Nếu vậy lại cầu sinh quý lạc,
Vũ môn sóng cả nhảy cho qua.

Lần thứ năm:

Thiện Tài đến nước Đạt-lý-trà tham vấn trưởng giả Di-già, hỏi xong đảnh lễ, rải hương hoa châu báu, phóng hào quang chiếu sáng, phân biệt tự luân, nghiên cứu vạn loại âm thanh, ngộ pháp tổng trì. Thiện Tài được pháp môn Diệu Âm Đà-ra-ni, chứng Sinh quý trụ.

Tán rằng:

Trầm bột hoa vàng hương bảo trân,
Tung hê rồi lại hiện oai thần.
Hừng hừng chiếu sáng ba ngàn cõi,
Lau lảu lời thông vạn tự luân.
Rừng rậm mọi mường cùng hổ báo,
Vực sâu vắng bóng lũ long lân.
Đà-ra-ni xướng lời vi diệu,
Rõ thấu lời man lẫn tiếng văn.

Lần thứ sáu:

Thiện Tài đến thành Trụ lâm tham vấn trưởng giả Giải Thoát thấy trong một thân hiện mười cõi Phật, vị nào vị nấy giống nhau, cõi nào cõi nấy không khác, không đến mà muốn thấy liền thấy. Thiện Tài được pháp môn Như Lai vô ngại trang nghiêm, chứng Cụ túc trụ.

Tán rằng:

Mười hai năm lẻ đến nơi đây
Trụ Lâm rừng ấy hỏi thăm thầy.
Có khi muốn thấy mười phương Phật,
Vô sự nhàn xem một tâm này.
Chẳng đến chẳng đi như ảnh chớp,
Duyên sinh duyên diệt tựa mây bay.
Trang nghiêm cửa mở ai tìm đến,
Nẻo quạnh hoa rơi nước chảy dài.

Lần thứ bảy:

Thiện Tài đến nước Ma-lợi-già-la tham vấn Tỳ-kheo Hải Tràng, quan sát Tam-muội nửa năm thấy hiện mười bốn thứ định cảnh, dũng xuất trăm ngàn tướng, trí Bát-nhã phát chiếu tỏ rõ. Thiện Tài được pháp môn Phổ nhãn xả đắc, chứng Chánh tâm trụ.

Tán rằng:

Nửa đời đã quá tuổi xuân sinh,
Ngày trọn an nhiên định cảnh sinh.
Thân tự phát ra mười bốn loại,
Đầu lông vọt hiện trăm ngàn hình.
Một lòng quan sát không ngơi nghỉ,
Sáu tháng tư duy chẳng trở mình.
Trời Ma-lợi-già xuân sắc thắm
Yến oanh ca hát rộn đầu cành.

Lần thứ tám:

Thiện Tài đến vườn xứ Hải Triều tham vấn Ưu-bà-di Hưu Xả thấy điện đường lầu gác trang nghiêm trên những bờ ao, người vận dụng trí tuệ từ bi xô ngã hai bờ sinh tử, phát tâm Bồ-đề ngộ cứu cánh nguyện. Thiện Tài được pháp môn Ly ưu an ổn tràng, chứng Bất thoái trụ.

Tán rằng:

Giữa rừng cây báu dựng bảo tường,
Lưới kim quang minh trải kim sàng.
Ngàn tầng lầu gác nghiêm hoa lệ,
Vạn khúc sông về tỏa ngát hương.
Cứu cánh nguyện môn trùm pháp giới,
Bồ-đề tâm rộng khắp mười phương.
Hà sa chư Phật thường cung kính,
An ổn cờ nêu rợp giảng đường.

Lần thứ chín:

Thiện Tài đến nước Na-la-tố tham vấn tiên Tỳ-mục-cù-sa, vô số Tiên nhân cất tiếng khen, Tiên nhân bước xuống sàng tòa nắm tay, tức thì cảnh Phật hiện tiền, ngộ chân tịnh trí vô cùng tự tại. Thiện Tài được pháp môn Vô thắng tràng, chứng Đồng chân trụ.

Tán rằng:

Tỳ-mục Tiên nhân xuống tòa báu,
Sờ đầu tay dắt chỉ xem qua.
Mười phương Phật cảnh đồng thời hiện,
Muôn tượng tinh thần chợt biến ra.

Vô thắng tràng môn bừng tỏ ngộ,
Linh quang văn tạng hiển Già-na.
Muốn về bửu tọa cầu đoan đích,
Tỉnh mộng bình sinh trở lại nhà.

Lần thứ mười:

Thiện Tài đến xóm Y-sa tham vấn Bà-la-môn Thắng Nhiệt, thấy năm thứ nóng chích vào thân lòng sinh nghi hoặc, thấy chư Thiên khen ngợi thì hối lỗi mình, thấy thẳng từ núi đao gieo mình vào đống lửa. Thiện Tài được pháp môn Vô tận luân, chứng Vương tử trụ.

Tán rằng:

Chọn bạn tìm thầy khó lắm thay,
Tà chánh ai phân được nỗi này.
Nếu khiến toàn thân gieo đống lửa,
Thì lên núi kiếm thử buông tay.
Sáu trời tán thán kìa diệu pháp,
Ngũ nhiệt bừng bừng ngọn lửa quay.
Trong vòng vô tận này Vương tử,
Điện ngọc lầu vàng rõ chốn đây.

Lần thứ mười một:

Thiện Tài đến thành Sư tử phấn tấn tham vấn đồng nữ Từ Hạnh, thấy ở trong cung điện sư tử mặc áo long thắng thiên y, trong mỗi thứ đồ dùng đều hiện ảnh Phật, chứng minh các hạnh, liễu ngộ cảnh trí. Thiện Tài được pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa, chứng Quán đảnh trụ.

Tán rằng:

Cỡi hạc lên mây nhập đế cung,
Trải xem chân cảnh khó vô cùng.
Trong thành Sư Tử hoa hồng bóng,
Trên bệ rồng cao cất tiếng vàng.
Mỗi mỗi vật nào đều cảnh Phật,
Trùng trùng ảnh nấy hiện thần quang.
Muôn ngàn cửa ngõ hôm nay mở,
Ba-la hoa tỏa ngát mùi hương.

Lần thứ mười hai:

Thiện Tài đến nước Tam Nhãn tham vấn Tỳ-kheo Thiện Kiến, thấy trên đầu (trong bản kinh chép là nơi cổ) có ba vầng hào quang rộng một tầm, nơi ngực có dấu chữ vạn, bàn tay hiện kim luân, thuận cơ thuận pháp, vô niệm vô chiếu, Thiện Tài được pháp môn Tùy thuận đăng, chứng Hoan hỷ hạnh.

Tán rằng:

Vào thẳng thành trong ướm hỏi người,
Người người đều chỉ tại rừng khơi.
Mới hay tìm bạn về Tam Nhãn,
Chợt thấy thầy ta ánh sáng ngời.
Ba tám bến sông hành Phật sự,
Trăm ngàn muôn kiếp tiến triều rơi.
Xuất gia chẳng lọ là niên thiếu,
Ngày tháng sa đà mấy thảnh thơi.

Lần thứ mười ba:

Thiện Tài đến bến sông Danh văn tham vấn Đồng tử Tự Tại thấy tám bộ trời rồng trên không trung chỉ bảo một ngàn đồng tử vui đùa nghịch cát, nào công xảo phương thuật, bán buôn cày cấy, tính toán in ấn, Thiện Tài được pháp môn Công xảo đại thần thông trí, chứng Nhiêu ích hạnh.

Tán rằng:

Mười ngàn đồng tử mãi vui chơi,
Trên bến sông kia nghịch cát bồi.
Không thể đếm, nào bao nhiêu thứ,
Nay gò kìa đống khắp nơi nơi.
Kỹ thuật, toán, rồi qua ấn loát,
Y, tướng, nông, thương để giúp đời.
Đại trí quang minh như đạt được,
Sáng soi nhật nguyệt vốn tâm này.

Lần thứ mười bốn:

Thiện Tài đến thành Hải Trụ tham vấn Ưu-bà-di Cụ Túc thấy bày biện mười ức tòa ngồi mời vô số người dự, đặt một vật nhỏ trong đó tuôn ra vô số đồ quý báu, người từ muôn phương đến ai nấy đều được thỏa mãn, Thiện Tài được pháp môn Vô tận phúc đức tàng, chứng Vô vi nghịch hạnh.

Tán rằng:

Hải Trụ thành cao khí tốt xông,
Trải xem kỳ diệu lạ vô cùng.
Biết chăng đủ cả muôn ngàn thứ,
Phát xuất từ trong một vật không.
Bốn Thánh thọ trì thành quả Thánh,
Sáu phàm một bữa thế mà xong.
Thiếu lâm riêng có chân thiền vị,

Hoa quả thơm ngon ửng chín hồng.

Lần thứ mười lăm:

Thiện Tài đến thành Đại hưng tham vấn cư sĩ Minh Trí, ở trên đài cao ngửa trông các thứ báu vật từ không trung rực rỡ rơi xuống, kẻ giàu người nghèo đều được thí tài thí pháp. Thiện Tài được pháp môn Tùy ý xuất sinh tàng, chứng Vô khuất náo hạnh.

Tán rằng:

Muôn tượng sáng trong chẳng bợn nào,
Đại Hưng cư sĩ ở đài cao.
Thiếu tiền kẻ khó chen chân đến,
Khát pháp người thanh lũ lượt vào.
Thí của ứng cơ tâm rộng phát,
Xuất sinh tùy ý tạng môn trao.
Trăm ngàn muôn thứ từ không xuống,
Vô lượng người trời thỏa biết bao.

Lần thứ mười sáu:

Thiện Tài đến cung thành Sư tử tham vấn trưởng giả Bửu Kê, được dắt tay cho xem nhà cửa lầu gác trùng điệp đẹp đẽ, thấy mười giới sinh, thí mười thứ của báu, tu nhân quá khứ, chứa nhóm trí tạng. Thiện Tài được pháp môn Vô tận tàng, chứng Ly (bản kinh chép là Vô) si loạn hạnh.

Tán rằng:

Trưởng giả cầm tay dắt lại nhà,
Thiện Tài trông thấy cảnh nguy nga.
Mười tầng lầu gác cao chon vót,
Ba đời chư Phật ngự thượng tòa.
Ngày nay nhân thế tròn quả diệu,
Năm ấy Phật tiền cúng hương hoa.
Nếu cho việc ấy là huyền hoặc.
Có phụ lòng người mãi thiết tha.

Lần thứ mười bảy:

Thiện Tài đến nước Đằng Căn tham vấn trưởng giả Phổ Nhãn thấy điều chế hương dược, chỉnh đốn thân tâm, vận chí bình đẳng, lợi ích vô lượng, chúng sinh đều độ, Phật Phật đều thấy. Thiện Tài được pháp môn Phổ kiến chư Phật hoan hỷ, chứng Thiện hiện hạnh.

Tán rằng:

Đường đến Đằng Căn muôn dặm khơi,
Phổ môn Phổ Nhãn gặp đây rồi.

Thân tâm an ổn đều không bệnh,
Y dược điều hòa đã có nơi.
Thiền duyệt no lòng ban bố đủ,
Áo xiêm sung mãn khắp chia mời.
Muốn xem sinh Phật vi trần số,
Bát-nhã ba-la-mật rạng soi.

Lần thứ mười tám:

Thiện Tài đến nước Đa-la Tràng tham vấn vua Vô Yểm Túc, được triệu vào cung điện quan sát thiện ác, thị hiện điều phục, rõ lý sinh như huyễn, hóa huyễn như sinh. Thiện Tài được pháp môn Như huyễn, chứng Vô trước hạnh.

Tán rằng:

Vua nước Đa-la triệu nhập cung,
Gác phượng sân rồng lạ quá chừng.
Rừng kiếm núi đao thành diệu dụng,
Vạc dầu lò lửa hiển thần thông.
Ác ngôn lưỡng thiệt cùng vọng ngữ,
Sát đạo dâm tà cấm chẳng dung.
Đây thật kim luân hóa thiên hạ,
Đại thiên sa giới thái hòa chung.

Lần thứ mười chín:

Thiện Tài đến thành Diệu quang tham vấn vua Đại Quang thấy minh tinh Tam-muội nhập Nhất thiết trí, pháp pháp hiển hiện chư Thiên nhiễu quanh, chủng tánh trang nghiêm chiêm ngưỡng không hết. Thiện Tài được pháp môn Đại từ tràng, chứng Nan đắc hạnh.

Tán rằng:

Đây thành Diệu Quang thật diễm trang,
Vua ngồi nhập định phóng hào quang.
Cỏ cây sông núi đều luân chuyển,
Chim, thú, cá, rồng thấy rõ ràng.
Lấy pháp trị vì muôn vạn chúng,
Đem lòng hộ pháp mấy trời vang.
Làm vua truyền đạo muôn vàn khó,
Thập địa, Tam hiền dễ sánh chăng.

Lần thứ hai mươi:

Thiện Tài đến thành An trụ tham vấn Ưu-bà-di Bất Động, ánh sáng chạm vào người liền được mát mẻ, trải số kiếp như cát bụi không sinh lòng dục, đối với các thắng pháp được nhất trí vô ngại. Thiện Tài

được pháp môn Cầu pháp vô yểm, chứng Thiện pháp hạnh.

Tán rằng:

Sắc nước hương trời đương độ xuân,
Đây người tiên nữ giáng phàm trần.
Kiếp trước đã thờ Vô Cấu Phật,
Duyên nay dù thọ hữu vi thân.
Biển ái bao đời cơn sóng lặng,
Lòng son một tấm tuyệt vô ngần.
Cầu pháp miệt mài không biếng trễ,
Má hồng dám tiếc tuổi hoa niên.

Lần thứ hai mươi mốt:

Thiện Tài đến thành Đô-tát-la tham vấn ngoại đạo Biến Hành thấy đang thong thả đi bộ trên đỉnh núi, sắc tướng tròn sáng, mười ngàn người trời, chín mươi sáu chủng loại quán khí quán cơ vô y vô tác. Thiện Tài được pháp môn Nhất thiết xứ Bồ-tát hạnh, chứng Chân thật hạnh.

Tán rằng:

Dạo khắp thành trong bóng xế tà,
Nửa đêm thành ngoại mới tìm ra.
Rực rỡ hồn hoa xanh nét liễu,
Sáng tròn bóng nguyệt ngự mây xa.
Tùy loại hiện thân nào phải một,
Đương cơ diễn pháp cõi Ta-bà.
Đông, Tây, Nam, Bắc vi trần số,
Ngoại đạo, thiên ma sạch kiếp ma.

Lần thứ hai mươi hai:

Thiện Tài đến nước Quảng đại tham vấn trưởng giả Ưu-bát-la Hoa thấy đang hái các hương báu hợp thành một vị, biến hóa các điềm lành tốt xông khắp pháp giới, khiến người nghe hương được hương pháp thân. Thiện Tài được pháp môn Điều hòa hương, chứng Ly chúng sinh tướng hồi hướng.

Tán rằng:

Ưu-bát-la hoa nở rộ rồi,
Đầy trời sực nức tỏa hương tươi.
Đầu trâu núi Tuyết còn nghe thấu,
Cho đến cung rồng tận núi voi.
Một nén khắp xông thành vũ lộ,
Mười phương điềm lạ khởi phong lôi.
Nhà ta chẳng phải ra công sức,

Tỏa ngát hương thơm ngợp chín trời.

Lần thứ hai mươi ba:

Thiện Tài đến thành Lầu các tham vấn người lái thuyền Bà-thi-la thấy các thương nhân cùng nhau bàn luận giá trị các báu vật, nói về sự đo đạc biển nông sâu, quan sát trăng sao tính toán xa gần đường đi nẻo tới. Thiện Tài được pháp môn Đại bi tràng, chứng Bất hoại hồi hướng.

Tán rằng:

Sinh nhai xuôi ngược ở thành Lầu,
Qua lại người buôn chợ quán cầu.
Lặn lội thân cò nơi bến vắng,
E dè cái vạc lúc đêm thâu.
Trời biếc trăng treo miền viễn phố,
Biển xanh gió lặng hỏi dòng sâu.
Thuyền khách mái chèo khua mặt nước,
Cánh buồm lướt gió nhẹ như ru.

Lần thứ hai mươi bốn:

Thiện Tài đến thành Khả lạc tham vấn trưởng giả Vô Lượng Thắng, người dứt bỏ việc đời vào ở rừng Vô ưu, nơi đây tám bộ trời rồng, người cùng súc sinh đều không tham không giận không tranh không giành. Thiện Tài được pháp môn Nhất thiết xứ vô tác thần thông, chứng Đẳng nhất thiết Phật hồi hướng.

Tán rằng:

Mười mấy năm rồi dạo bốn châu,
Mà nay tìm đến cứ Vô ưu.
Bao nhiêu ma súc tham sân dứt,
Tám bộ trời rồng chẳng chống nhau.
Nhất thiết xứ tu Bồ-tát hạnh,
Tam thiên thế giới quỷ thần sầu.
Chỉ mong thành tựu nên ra sức,
Hết kiếp này xong phải đáo đầu.

Lần thứ hai mươi lăm:

Thiện Tài đến nước Luân-na tham vấn Tỳ-kheo ni Sư Tử Tần Thân thấy như diệu thắng quang vương chiếu ánh sáng khắp vườn, suối nước có tám công đức chảy reo, trăm loài cây quý đơm hoa, làu làu ảnh chiếu, mỗi mỗi hiện thân. Thiện Tài được pháp môn Thành tựu Nhất thiết trí, chứng Nhất thiết xứ hồi hướng.

Tán rằng:

Thân thầy đã được ý sinh thân,

Chỉ dạy người, đi khắp cõi trần.
Suối khe tám đức dòng reo chảy,
Rừng nở trăm hoa rộ sắc xuân.
Làu làu ảnh hiện soi tâm cảnh,
Mỗi mỗi tùy nghi chuyển pháp luân.
Nhiều kiếp đã làm sư tử rống,
Đến nay sư tử hiện Tần Thân.

Lần thứ hai mươi sáu:

Thiện Tài đến nước Hiểm Nạn tham vấn thiếu nữ Bà-tu-mật thấy thân vàng đúc chiếu ánh sáng ngời, hoặc hiện sự chạm xúc mà không hề nhiễm trước, liễu sạch tánh dục là không, đắc thành đạo quả. Thiện Tài được pháp môn Ly tham dục tế, chứng Công đức tạng hồi hướng.

Tán rằng:

Tương phùng tương kiến có duyên chi,
Cao hạnh Như Lai có khác gì.
Vuốt ve ôm ấp lòng không động,
Chạm lưỡi kề môi giới chẳng suy.
Thân nữ là thân tùy lúc hiện,
Dáng tiên là dáng ứng duyên này.
Ba đức đã tròn tham dục hết,
Tửu lầu hoa động mặc ai say.

Lần thứ hai mươi bảy:

Thiện Tài đến thành Thiện độ tham vấn cư sĩ Tỳ-sắc-chi-la thấy mở tòa báu bằng gỗ chiên-đàn nơi tháp Như Lai, trăm ngàn chư Phật đều ngự trên tòa báu đó, chỉ vì điều phục không có Phật nào nhập Niết-bàn. Thiện Tài được pháp môn Bất Niết-bàn tế, chứng Thiện căn hồi hướng.

Tán rằng:

Núi sông trùng điệp biết gian nan,
Thỏa ước bình sinh dạ ngập tràn.
Tỳ-sắc-chi-la tròn bóng nguyệt,
Chiên-đàn Phật tháp hiện dung nhan.
Chỉ xem chủng loại mà điều phục,
Chẳng có Như Lai nhập Niết-bàn.
Tam-muội cảnh tùy thành Chánh giác,
Mười phương trần sát rõ muôn vàn.

Lần thứ hai mươi tám:

Thiện Tài đến núi Bổ đà-lạc-ca (bản kinh chép là Đát) tham vấn

Bồ-tát Quán Tự Tại thấy chư Bồ-tát chúng đều ngồi trên đá quý, rạng rỡ như trăng rằm, tất cả đều diễn nói tiếng từ bi, thoát ly sợ hãi tùy nghi nhiếp hóa. Thiện Tài được pháp môn Đại bi hạnh, chứng Tùy thuận chúng sinh hồi hướng.

Tán rằng:

Lạc-ca dưới núi dạo tìm cầu,
Kim cương bảo thạch dáng trăng thu.
Thiện Tài đồng tử đinh ninh hỏi,
Xin Đức Quan Âm chỉ phép tu.
Tất cả chúng sinh lìa sợ hãi,
Trăm loài ngàn giống hóa thân mau.
Văn tư tu nhập Tam-ma-địa,
Tiếng chó canh gà lọ hết đâu.

Lần thứ hai mươi chín:

Thiện Tài ngay nơi không trung tham vấn Bồ-tát Chánh Thú thấy phóng đại quang minh chiếu sáng khắp cả, bấm ngón chân xuống đất làm sáu thứ rung động, đi qua nhiều nước số như vi trần phụng sự vô lượng Phật. Thiện Tài được pháp môn Phổ môn tốc tật hạnh, chứng Chân như tướng hồi hướng.

Tán rằng:

Đường đường cõi ấy giữa hư không,
Thân phóng hào quang mọi nẻo thông.
Chói cả ngàn sao cùng nhật nguyệt,
Trời, người, rồng, quỷ thảy nhờ mong.
Xưa nay cõi nước nào hơn thế,
Qua cửa nhà thầy, ấy cửa chung.
Tốc tật hạnh môn xin muốn hỏi,
Âm thanh mây phủ mặt trời Đông.

Lần thứ ba mươi:

Thiện Tài đến thành Đọa-la-bát-để tham vấn thần Đại Thiên thấy duỗi bốn tay dài lấy nước bốn biển tắm gội, thị hiện các đồ trân bảo cúng dường Như Lai khiến lìa các dục. Thiện Tài được pháp môn Vân võng, chứng Phúc đức tàng hồi hướng.

Tán rằng:

Bốn tay vói bốn biển mênh mông,
Lấy nước đem về tắm gội xong.
Trở xem mặt mũi thân tâm sạch,
Lại thấy càn khôn chiếu sáng trong.

Vân võng như cờ tuôn lớp lớp,
Hương hoa trân bảo phủ trùng trùng.
Thử nêu một vật xem cơ yếu,
Mọn mạy côn trùng đạo tự thông.

Lần thứ ba mươi mốt:

Thiện Tài đến Bồ-đề Trường tham vấn thần An Trụ Địa, thấy tất cả đều phóng hào quang, báu vật nhiều như số a-tăng-kỳ vọt hiện, nhớ lại thiện căn lực xưa đã được Phật thọ ký. Thiện Tài được pháp môn Trí tuệ tàng, chứng Pháp giới vô lượng hồi hướng.

Tán rằng:

Về đến Diêm-phù-ma-kiệt-đà
Địa thần trăm vạn tựa sao sa.
Luận bàn Phật ký tâm còn nhớ,
Chân bấm mười phương báu hiện ra.
Được pháp môn này thường xuất nhập,
Lại xem tiền kiếp chẳng sai ngoa.
Xin đem pháp giới đồng hồi hướng,
Khắp phóng hào quang thấy dã ma.

Lần thứ ba mươi hai:

Thiện Tài đến thành Ca-tỳ-la tham vấn Dạ thần Bà San Bà Diễn Đế Chủ thấy tinh tú các trời nguyên vị long lanh, trong cảnh mây mù tăm tối hiện mặt trời mặt trăng chiếu sáng, đường đi gập ghềnh hóa làm cầu cống. Thiện Tài được pháp môn Phá ngại ám quang minh, chứng Hoan hỷ địa.

Tán rằng:

Vầng ô vừa lặn, phóng hào quang,
Ca-tỳ-la-vệ chợt huy hoàng.
Mây nặng sương mù thành đất báu,
Mưa gào gió thét hóa đoan trang.
Trong cảnh tối tăm bừng nhật nguyệt,
Đường ghềnh hiểm hóc tự hiền lương.
Biết chăng bao kiếp làm phương tiện,
Vui gặp ngày nay chốn đạo tràng.

Lần thứ ba mươi ba:

Thiện Tài đến Bồ-đề Trường tham vấn Dạ thần Phổ Đức Tịnh Quang Chủ thấy mười thứ Thánh trí, bốn thiền định tâm, ba báu uy quang, năm đình thức quán, mở cửa xuất gia chỉ bày con đường chánh. Thiện Tài được pháp môn Phổ du bộ, chứng Ly cấu địa.

Tán rằng:

Cầu thầy lọ phải kiếm đâu xa,
Triều âm vang vọng tự trường ra.
Nhớ chăng ngày trước từ kim khẩu,
Mường tượng đêm nay thấy bảo tòa.
Mười thứ pháp môn tròn Thánh trí,
Năm đình thức quán, bốn Thiền-na.
Du bộ môn này thường vắng lặng,
Thì Ly cấu địa mới khai hoa.

Lần thứ ba mươi bốn:

Thiện Tài không rời Bồ-đề Trường tham vấn Dạ thần Hỷ Mục Quan Sát Chúng Sinh Chủ thấy mỗi chân lông người từ trong thân phát ra mây, hiện tướng tùy cơ diễn bày trí Tha tâm, vào biển giải thoát thật chưa từng thấy. Thiện Tài được pháp môn Đại thế lực phổ hỷ tràng, chứng Phát quang địa.

Tán rằng:

Mười phương quy tụ lại nơi đây,
Xem kỹ hình dung chẳng giống thầy.
Niệm niệm xuất sinh thành bọt biển,
Thân thân hiện tướng tựa ngàn mây.
Tha tâm diệu trí, trí phi trí,
Thiên nhĩ nghe hay, hay chẳng hay.
Bao kiếp ân cần cầu đại dụng,
Đến nay thần lực chẳng ai tày.

Lần thứ ba mươi lăm:

Thiện Tài ngay trong chúng hội tham vấn Dạ thần Phổ Cứu Chúng Sinh Diệu Đức Chủ thấy hai chân mày phóng hào quang trùm khắp châu thân đại nhân cảnh giới biết Phật Phổ Diệm hiện đang xuất thế, phát tâm diệu nhãn. Thiện Tài được pháp môn Điều phục chúng sinh, chứng Diệm tuệ địa.

Tán rằng:

Hàng mi quán đảnh phóng quang minh,
Tam-muội tịnh luân hợp lại thành.
Bàn tâm cảnh giới trùng trùng hiện,
Luận Phật quang minh lớp lớp sinh.
Diệu nhãn thân ta nào có khác,
Bảo vương Từ thị ấy rành rành.
Phổ Diệm, Phổ Hiền nay đâu tá?

Tuyết rơi hoa chợt nở đầy cành.

Lần thứ ba mươi sáu:

Thiện Tài ngay trong đạo tràng tham vấn Dạ thần Tịch Tĩnh Âm Hải Chủ, mỗi niệm mỗi niệm sinh xuất lòng hoan hỷ vô biên, phát khởi đại bi pháp tạng, pháp nghĩa không lường như mây như biển, Thiện Tài được pháp môn Xuất sinh quảng đại hỷ trang nghiêm, chứng Hiện tiền địa.

Tán rằng:

Trăm ngàn vạn chúng nhiễu quanh thân,
Ma-ni tràng tọa ánh sen tân.
Từng hồi niệm niệm sinh hoan hỷ,
Mấy đợt tâm tâm chạm cõi chân.
Ta nay chiêm ngưỡng vô lượng cảnh,
Như biển như mây có túc nhân.
Ít nhiều thầy bạn duyên từng gặp,
Nhị sát Như Lai ấy cố nhân.

Lần thứ ba mươi bảy:

Thiện Tài đến trong hội Như Lai tham vấn Dạ thần Thủ Hộ Nhất Thiết Thành Chủ thấy hiện thân diễn thuyết Phật pháp, đem văn tư tu tuệ đến cho mọi căn cơ, khiến chúng sinh gìn giữ tâm như gìn giữ thành trì, Thiện Tài được pháp môn Thậm thâm tự tại Diệu Âm, chứng Nan thắng địa.

Tán rằng:

Tòa báu nguy nga khắp hiện thân,
Lại khai Phật tạng độ sinh dân.
Ta xem pháp giới không biên giới,
Liễu nghĩa Đà-la lợi chúng nhân.
Theo cơ diễn pháp tùy thời nói,
Văn, tư, tu tuệ rộng dạy truyền.
Pháp âm tuy mượn lời quê kịch,
Mà lạ lùng thay ngộ nhập thiền.

Lần thứ ba mươi tám:

Thiện Tài vào trong hội Phật tham vấn Dạ thần Khai Phu Mộc (bản kinh chép là Thọ) Hoa Chủ, vị này tùy tâm hiện thân khiến khắp thấy biết, làm hoa sen che chở đường hiểm nạn, cứu độ hữu tình cắt đứt lưới ái, Thiện Tài được pháp môn Xuất sinh quảng đại hỷ quang minh, chứng Viễn hành địa.

Tán rằng:

Trong tối sinh hoa nguyện hộ trì,
Chẳng cho đường hiểm gặp gian nguy.
Ngu mê vướng lưới đưa dao cắt,
Tham dục rừng sâu bứng gốc đi.
Trí tuệ sơn vương ngày đắc đạo,
Bảo quang minh nữ phát tâm khi.
Tính ra đã trải bao nhiêu kiếp,
Hội ngộ ngày nay mới thật kỳ.

Lần thứ ba mươi chín:

Thiện Tài vào trong đạo tràng tham vấn Dạ thần Đại Nguyện Tinh Tiến Lực Cứu Hộ Chúng Sinh Chủ. Vị này tùy căn cơ tùy đối tượng, một thân nhiều thân, diệu sắc diệu trí như mặt trời mặt trăng, cứu khắp tội nhân được tâm nhãn tịnh. Thiện Tài được pháp môn Giáo hóa chúng sinh linh sinh thiện căn, chứng Bất động địa.

Tán rằng:

Thái tử đang khi cứu tội nhân,
Đến nay hiện đã bấy nhiêu thân,
Mười ngàn tín sĩ tâm ly cấu,
Trăm ức na-do-tha tuyệt trần.
Diệu sắc như trời thu sắc tĩnh,
Trí luân khác thể mặt trời lên.
Bảo quang Phật ngự ra rừng ấy,
Lại thấy hoa đàm mấy độ xuân.

Lần thứ bốn mươi:

Thiện Tài đến vườn Tỳ-lam tham vấn Dạ thần Diệu Đức Viên Mãn Chủ, khắp xem mười phương tất cả Phật giáng thế nhiều kiếp làm nhũ mẫu nay là chủ vườn này, ngộ Thọ sinh tạng sinh vào nhà Như Lai, Thiện Tài được pháp môn Thọ sinh tự tại, chứng Thiện tuệ địa.

Tán rằng:

Gặp người người nói thọ sinh nhân,
Nhà Như Lai ấy, ấy gia nhân.
Một niệm khắp xem trần số Phật,
Mười phương đều thấy giáng oai thần.
Ngày nay muốn biết ai là chủ,
Tức thị năm xưa nhũ mẫu thân.
Riêng mười đất trời từng dễ thấy,
Mỗi bước đi là mười hoa xuân.

Lần thứ bốn mươi mốt:

Thiện Tài đến giảng đường Pháp giới tham vấn nàng Cù-ba dòng họ Thích thấy một vạn cung thần đều đến cung nghinh, tán thán hiện tiền pháp nhĩ là quá khứ nhân duyên Hương Nha Viên Phật được Bồ-đề chủng trí. Thiện Tài được pháp môn Quán sát Tam-muội hải, chứng Pháp vân địa.

Tán rằng:

Nhân qua giảng đường Pháp giới trông,
Thấy ả Cù-ba, Thích nữ dòng.
Nói hết nhãn tiền muôn thứ chuyện,
Cho nghe trần kiếp biết bao công.
Mây pháp khắp che muôn đỉnh núi,
Giăng trùm lưới đạo mãn thiên không.
Tính lại cõi đời như chuyện bỡn,
Vườn Hương nha, hoa hạnh nở hồng.

Lần thứ bốn mươi hai:

Thiện Tài đến thế giới này tham vấn Phật mẫu Ma-gia Thánh hậu thấy ngự trên tòa sen báu nơi lầu quán lớn, sắc tướng đoan nghiêm oai quang rực rỡ, mỗi niệm mỗi niệm Phật xuất thế, đời đời làm Phật mẫu. Thiện Tài được pháp môn Đại nguyện trí huyễn sinh.

Tán rằng:

Ta lại vì đâu đến hỏi han,
Giữ nhà La-sát, mãi nài van.
Xa trông lầu ngọc bao trùng điệp,
Chợt thất đài sen một dáng xuân.
Niệm niệm nguyện làm chư Phật mẫu,
Đời đời thị hiện nữ hoàng thân.
Cho hay tâm phúc bao dung quá,
Ôm trọn vi trần số thế gian.

Lần thứ bốn mươi ba:

Thiện Tài lên trời Tam thập tam tham vấn Thiên nữ Chủ Quang, vị này trải qua số kiếp như vi trần thừa sự chư Phật số như vi trần, thọ trì pháp ngữ không hề quên, hữu ích bi trí đều hiện tiền. Thiện Tài được pháp môn Vô ngại niệm thanh tịnh trang nghiêm.

Tán rằng:

Trời Tam thập tam Thiên chủ thiên,
Nào ngờ kiếp trước kết nhân duyên.
Sen xanh cõi ấy hoa lòng nở,

Ánh nguyệt nhiệm mầu thuở mới nguyên.
Cần khổ đã từng vô số kiếp,
Tu trì tinh tiến đã nhiều niên.
Trong cõi Diêm-phù ai có hỏi,
Các pháp ngày nay đã hiện tiền.

Lần thứ bốn mươi bốn:

Thiện Tài đến thành Ca-tỳ-la tham vấn đồng tử Sư Biến Hữu, liền chỉ đi không nói một lời, làm rõ lý không pháp mới là thật pháp, không được mới thật được, không qua khỏi chỗ này không thể tiến bước. Xưa nghe tiếng nay mới gặp mặt.

Tán rằng:

Muôn dặm tìm nhau không nói năng,
Nếu cho rằng được, được gì chăng?
Tìm người mà gặp người như thế,
Thì cũng là duyên, chớ nói nhăng.
Truyền đạo bạn bè thành dối láo,
Ai hay thầy chú chỉ trò xằng.
Đã đành đấm ngực tìm tri thức,
Không khỏi phen này hóa dở dang.

Lần thứ bốn mươi lăm:

Thiện Tài không rời nơi ấy, tham vấn đồng tử Thiện Tri Chúng Nghệ. Vị này đem hết trí vô ngại hiểu hết các nghề ở thế gian, xướng các mẫu tự, vào các pháp môn, nghe được âm thanh các loài cầm thú, biết thiên văn khí tượng. Thiện Tài được pháp môn Thiện tri chúng nghệ Bồ-tát tự trí.

Tán rằng:

Nghe tiếng thầy ta bách nghệ toàn,
Lẽ nào tương kiến chẳng hỏi han.
A-đa-ba lời vanh vách kể,
Sa-la-ca-đà chữ chữ ban.
Bốn mươi hai cửa còn lưu bố,
Ba ngàn thế giới cổ kim truyền.
Đại minh nhất trí là gì nhỉ?
Mây tạnh trời quang bóng nguyệt tròn.

Lần thứ bốn mươi sáu:

Thiện Tài đến thành Ba-trớ-na tham vấn Ưu-bà-di Hiền Thắng. Vì này tâm tự khai mở lợi lạc chúng sinh, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân ý trí tính xuất sinh công đức, phổ hiện quang minh. Thiện Tài được pháp

môn Vô y xứ đạo tràng.

Tán rằng:

Tâm khai tâm mở cũng do mình,
Đem tâm hóa độ khắp quần sinh.
Mắt, mũi, tai đều công đức nhóm,
Lưỡi, thân, ý hiện trí quang minh.
Năng sinh năng xuất tâm thường lặng,
Vô tận vô y cảnh giới thanh.
Gặp được đạo tràng viên mãn xứ,
Một thân giải thoát nhẹ thênh thang.

Lần thứ bốn mươi bảy:

Thiện Tài đến thành Ốc điền tham vấn trưởng giả Kiên Cố Giải Thoát. Vị này trải trăm ngàn muôn kiếp cần cầu chánh pháp khắp mười phương Phật chưa bao giờ thôi nghỉ, đại sư tử hống, đại phúc trí tụ. Thiện Tài được pháp môn Vô trước niệm thanh tịnh trang nghiêm.

Tán rằng:

Siêng năng thì ít biếng lười nhiều,
Riêng thầy tinh tiến hợp lòng nhau.
Mười phương cõi Phật không thôi nghỉ,
Trăm kiếp thân tâm gắng sức tu.
Núi nhọn chọc trời mây đi vắng,
Tùng cao vút ngọn hạc qua mau.
Pháp môn vô trước tâm thanh tịnh,
Sâm quạnh hoa rơi sỏi phủ rêu.

Lần thứ bốn mươi tám:

Thiện Tài ngay trong thành này tham vấn trưởng giả Diệu Nguyệt. Vị này không bàn nói pháp nghĩa, chỉ trình bày sơ lược danh tự làm sáng tỏ lý “trong cái không được, lại không có cái để mà được, tức cái không được này cũng không được. Như vậy mới là thật được”. Thiện Tài được pháp môn Tịnh trí quang minh.

Tán rằng:

Diệu Nguyệt cao nhân lại chỉ bày,
Được chăng chẳng được gì đây?
Lý luận nói phô nên ít ít,
Dông dài văn tự có chi hay.
Bi trí đâu cần gì phải nói,
Trí quang giải thoát mới không sai.
Bảo phi ngôn ngữ làm sao hiểu,

Ngọc không tì vết đợi chi mài.

Lần thứ bốn mươi chín:

Thiện Tài đến thành Xuất sinh tham vấn trưởng giả Vô Thắng Quân, được chỉ thị hai pháp để khai dụ, thấy vô lượng Phật, được vô tận tạng, ngộ sở do như đi con đường tắt, Thiện Tài được pháp môn Vô tận tướng.

Tán rằng:

Viễn phương tìm đến Xuất sinh thành,
Luận đạo rần rần chợ nhóm quanh.
Đa tạ lời thầy trao hai pháp,
Sâu xa nhường ấy dạ đinh ninh.
Được vô tận tạng, nhân từ đó,
Ngộ thấy cao nhân trí tuệ sinh.
Thu mộng giường thiền tan giấc điệp,
Một trời tinh tú chiếu hư minh.

Lần thứ năm mươi:

Thiện Tài ngay nơi xóm phía Nam thành này tham vấn Bà-la-môn Tối Tịch Tĩnh. Vị này phát tâm Bồ-đề không thoái chuyển, quá khứ hiện tại vị lai đã không thoái chuyển, đang hay sẽ không thoái chuyển đều tùy ý tự tại. Thiện Tài được pháp môn Thành nguyện ngữ.

Tán rằng:

Thành Nam xóm ấy pháp môn trao,
Nghe được lời nguyền thỏa biết bao.
Quá khứ đã cầu chân giải thoát,
Mai sau nguyện ngữ ngộ ngôi cao.
Tùy tâm tùy xứ ta làm chủ,
Dù đã hay chưa chẳng chuyển nào.
Cảnh trí đất trời riêng một cõi,
Trăm hoa đua nở tiếng chim reo.

Lần thứ năm mươi mốt:

Thiện Tài đến thành Diệu ý hoa tham vấn đồng tử Đức Sinh, đồng nữ Hữu Đức. Các vị này huyễn sinh trí bi, duyên tướng tri kiến vô minh phiền não, quốc độ chúng sinh y báo, chánh báo đều không, tất cả đều như huyễn. Thiện Tài được pháp môn Bồ-tát huyễn trụ.

Tán rằng:

Đức Sinh, Hữu Đức sáng gương trong,
Đồng huyễn đồng sinh, ý chẳng cùng.
Đồng ở đồng tu thành giải thoát,

Đồng bi đồng trí hiển linh công.
Đồng duyên đồng tưởng duyên thầm hợp,
Đồng thấy đồng hay đạo chuyển thông.
Nếu muốn một đời thành Phật quả,
Tỳ-lô lầu ấy hướng về trông.

Lần thứ năm mươi hai:

Thiện Tài đến lầu Tỳ-lô-tạng tham vấn Bồ-tát Di-lặc, từ xa đến đứng chờ trước cửa, đảnh lễ vào xem cảnh nhiệm mầu, trùng trùng ảnh hiện, Phật Phật rõ ràng, ra xong cửa đóng lại, không thể nghĩ bàn. Thiện Tài được pháp môn Nhất sinh Phật quả tam thế cảnh giới.

Tán rằng:

Trước cửa lầu son đứng đợi ai,
Long Hoa sư chủ đã về đây.
Chỉ trong khoảnh khắc xem mầu nhiệm,
Nghe giọng từ âm tiếng tế vi.
Lý trí hành vi thân nhật nguyệt,
Bồ-đề đạo cả chính tâm này.
Bao nhiêu cảnh giới không hay có,
Muôn dặm bên trời cánh nhạn bay.

Lần thứ năm mươi ba:

Thiện Tài đến trong hội Phật tham vấn Bồ-tát Phổ Hiền thấy cỡi voi trắng ngồi trên tòa sen hồng, nhất tâm thân cận cầu pháp yếu, bi trí viên mãn, hạnh nguyện công thành, liền được Phật đức như biển. Thiện Tài được pháp môn Nhất thiết Phật sát vi trần số Tam-muội.

Tán rằng:

Trăm lẻ do-tuần nhẹ duỗi tay,
Xoa đầu mong gặp Phổ Hiền thầy.
Đường đường an vị tòa sen đỏ,
Voi trắng hiền hòa nhẹ bước mây.
Nhiều kiếp trí bi bừng mặt nhật,
Bao đời hạnh nguyện độ tròn đầy.
Phật công đức hải trùng tuyên nói,
Sầu thấy ba đào lớp lớp xoay.

Thiền sư Phật Quốc xưa ở chùa Quy, nay ở Phượng thành thấy đồng tử Thiện Tài tham vấn các tri thức chưa bao giờ thôi nghỉ, rồi trực hạ thừa đương, rỗng thông tỏ ngộ, đại dụng hiện tiền.

Tán rằng:

Thời gian nào phải cứ dần dà,

Một đời cầu đạo đã đi qua.
Năm mươi mấy vị từng tham hỏi,
Lặn lội từ gần đến chốn xa.
Đến nay mới hết đường phân biệt,
Trực hạ thừa đương ấy dã ma.
Nếu ai có hỏi Nam hay Bắc,
Thì bảo từ Kê Lãnh truyền ra.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 166

QUANG TRUNG SÁNG LẬP GIỚI ĐÀN ĐỒ KINH

SỐ 1892

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1892

QUAN TRUNG SÁNG LẬP GIỚI ĐÀN ĐỒ KINH

Sa-môn Thích Đạo Tuyên chùa Tây Minh ở kinh đô đời Đại Đường soạn.

LỜI TỰA

Tôi là người tối tăm, thuở nhỏ ở phủ tham học, giỏi về giáo nghĩa, tư chất hiền minh. Hỏi đạo đều ở Nho văn, Khâm Đức thừa đạo lập. Cho nên ở chỗ Sư Vô Thường dẫu ngàn dặm tìm gặp như trong gang tấc. Chỉ cốt vì pháp dẫu vượt quan hà, xem nhẹ như một ngọn lau, đi khắp Tấn Ngụy mở xem, lụy ở mới nghe bước khắp Giang Hoài duyên cấu, nổi tiếng về nghe đạo, đến tuổi trưởng thành mới tìm học vấn. Bút nghi sâu rộng, hành sự nhiều việc, đồ truyền hiển bày trong tâm người đương thời, sau lưu khai mở trong tâm người hiểu biết, hoặc chú thích, hoặc giải nghĩa, dẫn dùng gởi vào kinh trước. Thường che lấp, thường đề xướng, chuyên môn thành việc. Đầy đủ mục lục, dần lưu truyền có thể biết. Còn giới đàn đồ tràng, chưa hề bày rộng. Tuy do sự mà trình bày nhưng rốt cuộc chẳng phải nói lầm. Năm nay có ra theo tâm, sớm chiều bồ liễu, đường nầy một tầm. Nếu rơi vào hầm hố thì mau cố gắng cứu giúp, sót lại chẳng phải lỗi.

Niên hiệu Càn Phong năm thứ hai ở phía Nam Kinh Giao sáng lập ra pháp này. Lập giới đàn là cốt để trao giới, vì giới là hạnh gốc của các Thánh, lại là mạng căn của ba pháp. Hoàng Giác (Phật) do đây mà hưng khởi tâm từ, phàm hoặc nhờ đây mà dứt hết. Cho nên văn nói: Làm sao biết Phật pháp lâu dài, nếu giữa nước thì mười vị, biên giới năm vị đúng

như pháp mà thọ giới thì đó là chánh pháp dài lâu. Cho nên biết nghi lễ Tỳ-kheo nếu không phải giới thì chẳng còn. Đạo ắt do người mở mang không phải giới thì chẳng lập. Giới do tác nghiệp mà được, nghiệp ắt nhờ xứ mà sinh. Xứ đó là giới đàn. Lên xuống thì tâm nhân phát vượt Địa xứng thắng thiện xướng kết thì dụng ân cần, há chẳng phải nghi phi thường mà có thể động được phi thường. Vậy thì biết chọn rộng của nó. Bàn luận có thể xứ thành thì tìm ra cốt yếu, làm việc khó có chuẩn đích. Cho nên các Luật văn nói rằng: Phương tướng không thể gửi gắm vào giới hạn, xướng khiến có muội ở duyên trước, các tập chẳng hiểu đồng khác, thông hòa mộng chia ra thành bại. Và nói rằng không phải giới đều trái Thánh Tắc, tuy thọ mà không được, vì không có giới. Cho nên biết: Đất trống cất nhà, uổng phí thành công, không đàn kết giới thắng tâm khó phát. Nay tìm nhiều sách, bao gồm các điều nghe. Mở pháp thí cho kẻ sơ môn, kính Di-tắc để trụ pháp. Nếu chẳng chia đường lối, thì chẳng biết lối đi. Cho nên lược bày các môn, giúp người hiểu rõ, không phải là dối lập.

1- Giới đàn Nguyên kiết giáo hưng (nguồn gốc lập giới đàn).
2- Giới đàn lập danh hiển hiệu (lập tên hiệu giới đàn) .
3- Giới đàn hình trọng tướng trạng (hình thức tôn trọng giới đàn).
4- Giới đàn cao thấp rộng hẹp.
5- Giới đàn đại giới trong ngoài.
6- Giới đàn kiết pháp trước sau.
7- Giới đàn tập tăng gần xa.
8- Giới đàn tác nghiệp thành bại.
9- Giới đàn thọ thời nghi quĩ (phép tắc thọ giới của giới đàn).
10- Giới đàn công năng xa gần.
11- Giới đàn tán thuật nói về đức.

1. Giới đàn Nguyên kết giáo hưng:

Xét Biệt Truyện chép: Phật ở trong vườn Kỳ Thọ Tỳ-kheo Lâu Chí đến thỉnh Phật lập đàn để kết giới thọ giới. Khi ấy Như Lai y lời bèn lập ra ba đàn. Ở cửa Đông viện Phật gọi là Phật vì Tỳ-kheo kết giới đàn. Ở cửa Tây viện Phật gọi là Phật vì Tỳ-kheo-ni kết giới đàn. Ngoài viện cửa Đông, phía Nam đặt tăng vì Tỳ-kheo thọ giới đàn (để Tăng trao giới cho Tỳ-kheo) Trước ngày đặt đàn bèn nhóm họp Chư Phật mười phương, lúc đó có tám trăm ức vị đồng tên là Phật Thích-ca, Chư Phật mười phương đồng tên cũng thế. Bấy giờ Đại Phạm Thiên Vương tạo Đông giới đàn trong Phật viện, ma Ba-tuần tạo Tây giới đàn trong

Phật viện. Khi giới đàn đã tạo xong thì Chư Phật đồng lên, cùng bàn kiết giới các tướng khinh – trọng, trì – phạm v.v.... Lại bàn độ Ni thì diệt chánh pháp, Chư Phật cùng nói rằng xưa có bốn bộ, nay sao riêng không. Trước tuy chánh pháp diệt phân nửa, nhưng người thực hành được tám kỉnh thì chánh pháp lại trụ mười ngàn năm. Cho nên hai đàn này chỉ có Phật lên cùng lo lượng Phật sự. Tăng thọ giới đàn Phật chẳng thuộc về tăng, có khi độ bậc Thánh cũng đến Tăng đàn. Một lúc hành sự không thuộc về yết-ma.

2. Giới đàn lập danh hiển hiệu Phật.

Luật luận chỗ bày đàn tràng có hai thứ khác nhau. Các nước Tây Thiên-trúc đều lập nghi riêng, còn đất Trung Nguyên nầy chưa có việc làm thì chẳng đáng lấy làm lạ. Nay định tên thật, hoặc có luận khác. Xét Tăng Truyện nói: Tống Văn Đế trong niên hiệu Nguyên Gia, Thánh tăng Công Đức Khải, du hóa ở Kiến Nghiệp tại chùa Nam Lâm lập giới đàn trong vườn khiến người thọ giới lên đàn mà thọ. Và sau cùng cho đến ở trên đàn mà làm lễ trà-tỳ. Các thứ khác như dẫn ở sau. Lại dịch luật Thập Tụng, chủ ty Ma-la-xoa, đáp năm trăm lời hỏi, Pháp sư Tuệ quán cũng nói: Trên Đàn Sư tăng trao giới cho người. Các văn khác nói rộng, chẳng kể ra đây. Cho nên biết tên đàn có rất lâu, người đời nay chẳng biết nói lộn xộn, khoảng đất bằng và đàn cao không chia hai khác, lầm thay! Xét Biệt Truyện nói: Phật Niết-bàn rồi Ca-diếp kiết tập lại lên giới đàn khiến Mục-liên đánh chuông mời trăm ức bốn thiên hạ các chúng phàm Thánh tăng nhóm họp khắp ở đàn, rồi bạch bốn yết-ma phạt Tân Đầu-lô và A-nan xong, bảo A-nan đắp y Tăng-già-lê như Phật mà lên tòa, trước đọc kinh Di Giáo như Phật dạy bảo. Các Đại Bồ-tát và A-la-hán tám bộ trời rồng đều thương khóc. Ngài Ca-diếp từ tòa đứng dậy, y Tăng-già-lê bằng vải thô, tay cầm Ni-sư-đàn đến trước A-nan, trải Ni-sư-đàn ra lễ A-nan xong, đi nhiễu bên phải ba vòng. Đại Phạm Thiên Vương cầm long báu lớn che trên A-nan, Thiên chủ Đao-lợi dâng bàn bảy báu đặt trước A-nan. Ma vương Ba-tuần đem phất trần bảy báu trao cho A-nan. Ma vương Đế Thích hầu hạ hai bên. Tứ thiên vương đứng hầu ở bốn chân tòa cao, ba mươi hai sứ giả theo quì sau Ca-diếp. Ca-diếp lễ bái xong, đến trước A-nan hỏi thăm sức khỏe như lúc Thế tôn còn sống không khác. Khi ấy Ca-diếp đặt ba ngàn tám trăm câu hỏi về các việc nghi. A-nan mỗi câu đều đáp đủ. Nay lược lấy lời hỏi về giới đàn, các thứ kia đều thiếu. Ngài Ca-diếp hỏi: Ông theo Như lai đã hai mươi năm, giới đàn cao thấp rộng hẹp thì y theo lượng (bao

nhiêu) khuỷu tay? Trong giới đàn có để xá-lợi hay không, bốn mặt giới đàn dùng thứ gì làm, thềm bậc bốn mặt giới đàn khác nhau nhiều ít, quanh bốn mặt giới đàn làm trình bày tượng gì, trong quốc gia (lãnh thổ) không có đá thì làm bằng đất cát được chăng? A-nan đều đáp như hình trong quyển này. Trước phía Bắc giới đàn Kỳ-hoàn có đài chuông cao bốn thước ta, trên có treo chuông vàng nặng mười vạn cân trang nghiêm ít có. Dưới có tượng chín rồng nằm cuộn, miệng rồng phun nước tám công đức. Lúc đó, người muốn thọ giới đến đàn, rồng liền phun nước (rưới trên đầu) như vua Chuyển luân làm lễ quán đảnh nhận ngôi cho nên người nói thọ giới như Phật Pháp vương nhận ngôi Pháp vương. Có ánh sáng châu ma-ni chạm vào thân người thọ giới được vui mát mẽ, lại biểu thị người thọ giới châu thanh tịnh như các bậc Thánh khi thọ giới được Bồ-tát đánh chuông, chuông làm rung chuyển thế giới Tam thiên. Có người nghe chứng quả, đường ác dừng nghỉ khi phàm phu thọ thì khiến Tỳ-kheo Ma-để đánh chuông, tiếng vang khắp tiểu thiên thế giới. Tỳ-kheo này có năng lực bằng mười muôn người. Đài chuông ấy có hình như núi Tu-di ở trên ao lớn, chín rồng thò đầu cuộn khúc vào nhau. Trên các cột kèo đều đặt đầu rồng bằng vàng ròng, ngói thì làm toàn bằng báu pha-lê. Nếu có người thọ lên đàn thì các rồng đều quay miệng phun ra mây thơm mưa thơm rưới trên đàn. Bốn bên ao thì chất đá ngọc trắng, đáy ao trải cát bạc sắc nước trong veo ngọt như sữa mật. Các người trì giới bị bệnh uống vào đều lành bệnh. Nếu người phá giới uống vào thì như nước sắt nóng. Khi Phật sắp nhập Niết-bàn thì nước ấy khô cạn, ngói mái bay đi. Khi Ca-diếp kiết tập, A-nan đáp lời hỏi thì ngói mái bay về, ao lại có nước mầu trắng như sữa, nhưng không có vị sữa, để nói lên Phật diệt độ rồi thì chánh pháp cũng diệt mất, dần dần không có mùi vị. Như kinh Niết-bàn có dụ về nước sữa, lấy đó làm tiêu chuẩn. Kiết tập hỏi việc đều xong, Tăng hướng về thành vua (thành Vương-xá) đài báu chuông lớn bay về trời Đâu-suất, còn ao ngọc cát bạc thì Long vương thâu lại, nước cũng cạn khô. Nay đất ấy tướng trạng đều không, không biết duyên ban đầu, việc lấp đàn, nên phải nói rộng. Lập tên đàn khi Phật còn tại thế. Đất này hiện có các kinh luật luận đều nói tướng hai chỗ kiết tập trong thành Vương-xá, nhưng hiện ra và mất đi đều chẳng đồng không ngại A-nan lên tòa làm người kết pháp đầu tiên. Chỉ còn lời hỏi của Ca-diếp. Tướng A-nan giống như Phật, Tỳ-kheo đều nghi là Phật, nghe nói “Ta nghe” liền thôi. Như nay chỗ truyền với người ngộ suốt chẳng thấy đất này có tướng, kết pháp còn chẳng biết huống chi nay lại có người chẳng tin, nên chắc là như thế.

Sau khi Phật diệt độ cho đến thời Chánh, Tượng thì tướng kết tập lại có nhiều đường. Trước năm trăm người, kế mười ngàn người, kế đại chúng, kế vua A-dục, kế bảy trăm. Lại lệ năm điều các thứ khác chẳng có, trên đều là Tiểu thừa cho đến Đại thừa. A-nan, Ca-diếp ở thành Vương xá rộng kiết tập. Văn-thù-sư-lợi cùng Đại Bồ-tát ở núi Thiết Vi lược kiết tập đều như các kinh cõi này đã nói.

3. Giới đàn hình trọng tướng trạng:

Y tên hiển tướng lý có luận khác. Trường là trừ đất làm cho sạch không có các gò cao lỗ hủng. Trong thế tục, sửa sang Trường cho bằng phẳng. Hý trường, chiến trường lệ theo đây có thể hiểu. Còn như tướng đàn đắp cao hơn mặt đất lập nền bốn giao từ tế các đàn đều là đó. Tôi xét thấy làm các đàn phần nhiều là nền vuông, chỉ có một đàn tròn, phân nền ra chín phái diệt độ, đều có bày bậc, thêm duyên khác nhau. Nay giới đàn đầu tiên do trời tạo ra, thợ trời khéo léo lý phải hơn người. Nhưng Phật chỉ huy lại chẳng phải phàm độ, cho nên tướng trạng không đồng với thế tục. Y vào Biệt truyện có nói giới đàn từ đất nổi lên ba tầng làm tướng để biểu thị ba không làm cửa đầu tiên vào Phật pháp, mở tan phàm hoặc, chẳng phải chẳng trái. Ba không là chỗ người đắc đạo đến, chánh giới là nền tảng các điều lành cho nên hạn ở ba tầng (ba lớp). Xưa, Phật Quang Minh Vương chế cao năm khuỷu tay Phật biểu thị cho năm phần pháp thân, Thích-ca Như lai giảm xuống còn hai khuỷu rưỡi. Trên lại thêm hai tấc làm ba tầng. Sau Thiên Đế Thích lại thêm hình (chảo úp) ở trên đàn để xá-lợi. Đại Phạm vương lại dùng châu báu vô giá đặt hình chảo úp lên trên mà cúng dường xá-lợi. Ấy thì năm tầng lại biểu thị cho năm phần pháp thân (tức tầng một cao một khuỷu, tầng hai cao năm khuỷu, tầng ba cao hai tấc, ấy là ba phần. Đế -thích thêm chảo úp là tầng bốn, Phạm vương thêm bảo châu là tầng năm). Khi xưa, Phật còn ở đời, trong vườn Kỳ-hoàn lập giới đàn xong. Đại Phạm vương bày ra bảo châu lớn bằng hình năm thăng, người có phước lớn mới thấy, ánh sáng chiếu xa tám trăm do-tuần, kẻ phước ít thấy như một đống đen tối. Như lai một đời thường ở tại giới đàn. Khi Phật diệt độ thì châu cũng mất theo, lúc Tôn giả Đại Ca-diếp kiết tập thì châu lại hiện về. Ngài A-nan diệt độ thì châu này lại mất. Sau Đại Phạm vương bèn dùng minh châu thế chỗ để cúng dường xá-lợi. Dưới châu đặt hoa sen báu để chứa, làm chín rồng dưới đế nâng hoa. Trời Đế-thích lại dâng hai châu để cúng dường xá-lợi. Dùng hoa sen vàng nâng chân, dưới lập một cột vàng, dưới cột để sư tử. Hai châu này khi

kiết tập xong thì đều biến mất. Hai châu của Đế -thích hiện nay ở trong vườn Hoan hỷ trên cõi trời Đao-lợi để cúng dường Bát-nhã ba-la-mật-đa. Thời nay các chỗ lập đàn không có châu để cúng dường nên tùy khả năng làm hai chiếc đèn sáng, hoặc bằng đá, hay bằng gỗ ở trước Đàn cao ở tầng trên. Khiến ánh sáng chiếu xa, trên dưới đều thông, trên đàn ấy lót đá làm đất. Mỗi khi có thọ giới thì ở góc Tây Nam để một tòa cao, khiến các Tỳ-kheo lên đàn, bước lên rất khó. Lúc đó, Đại Phạm vương ở phía Tây đường Nam diệu Tây giai hóa làm cọng sắt rồng bạc hoa sen bạc đóng mở chuyển quan, cánh hoa tiếp nhau. Đối trên lan can cùng tòa cao tương đối, khiến người lên không bị trở ngại. Kỳ-hoàn đã quý, dấu tích nầy càng quí. Song sau nầy đã do người làm ra. Gần đây, vào tháng chín, niên hiệu Càn Phong năm thứ hai, ở Trung Ấn Độ, Sa-môn Thích Ca-mật-đa-la ở chùa Đại Bồ-đề, người lớn tuổi nhất có chín mươi chín hạ vừa đến Ngũ đài chí kính Văn-thù-sư-lợi. Nay lên lễ gặp khiến người đưa đón đã về lại Giao Nam thấy giới đàn này thì rất tùy hỷ, bảo rằng: Các chùa ở Thiên Trúc đều có giới đàn. Lại kể lại việc nước Ô –trượng-na có Đông Thạch giới đàn. Đây thì Đông Tây tuy xa mà đảnh lễ thì tiếp nhau. Hình dáng đàn ấy ở hai tầng dưới chất nhiều đá như hình núi Tu-di, trên dưới đều đặt sắc đạo, bốn mặt thân đàn đều bày hang thờ, trong hang để các Thần vương. Hai lớp trên nền đều bày đá làm hàng rào, dưới các cột rào để các Thần vương Sư Tử. Ở bốn góc hai tầng dựng bốn cột đá cao trên đàn, ngoài cột để các tượng Tứ thiên vương, bày giữa đất trống đều làm Tuyên thạch cho chắc. Trên bốn góc lan can để chim cánh vàng bằng đá ngậm rồng, biểu thị cho các Tỳ-kheo đã thọ giới rồi luôn nghĩ đến hoặc nghiệp mà dứt trừ. Chung quanh giới đàn bày các ảnh thần biểu thị cho tướng hộ trì lâu bền. Đây đều là Vũ Nghi của Đại Thánh hoằng đạo sinh thiện, bày đủ Đồ Truyện, nêu rõ dung nghi đều có danh hiệu nghĩa khó ẩn phục sự phải nêu bày, hiển bày tên mà đặt hình trạng thì khiến cho người nhìn thấy sẽ phát tâm, u minh cùng hộ. Nay xét Lương Cao Tổ ra lệnh cho Thích Bảo Xướng soạn Thần Quỉ Lục phàm, gồm ba quyển, trong Tựa lược nói rằng: Từ khi Như lai ra đời cho đến khi giáo pháp truyền rộng, thì trời rồng quỉ thần đều quay về, nên hay phụng thờ Tam bảo, ủng hộ bốn bộ. Phàm các quỉ thần đều có chỗ nương. Cho nên thần nương đất gọi là Kiên Lao. Cho đến chùa tháp núi rừng sông biển gió mưa, như trong kinh Trường A-hàm nói đều từ chỗ ở mà đến hộ vệ.

Nay trước nêu tên thần giữ tháp Phật, phần nhiều là lấy trong Hoa Nghiêm quán đảnh, Khổng Tước Vương, Hiền Ngu, Đại Tập, Luận Đại

Trí vì văn nhiều nên ở đây nêu chung. Thần tên là Bạt-xà-la-ba-ni (đời Lương dịch là Kim Cương), thần tên Bà-lý-hãn (đời Lương dịch là lực sĩ), một là thần Kiên Cố Quang Diệu, hai là thần Nhật Quang Diệu, ba là thần Tu-di Hoa, bốn là thần Tịnh Vân Âm, năm là thần A-tu-la Vương, sáu là thần Thắng Quang Vương, bảy là thần Thọ Âm Thinh, tám là thần Sư Tử Vương, chín là thần Thuần Hậu Quang Tạng, mười là thần Châu Kê Hoa Quang, mười vị Kim Cương Lực Sĩ Thần Vương nêu trên đều theo kinh Tạp A-hàm. Thần Kim Cương Cầm chày Kim Cương, lửa mạnh đốt cháy. Trong kinh luật cũng nói tám vị thần Kim cương bày hầu bốn góc. Lại nói: Năm trăm vị Kim cương thường theo hầu Phật, như kinh Hoa Nghiêm nói các thần Kim cang cùng vi trần số lực sĩ đều từ lâu đã phát thệ nguyện luôn theo hầu Như Lai mà hộ trì Di pháp. Nay y cứ vào văn tìm tướng, chẳng nói giới đàn, song giới đàn này tức là tháp Phật. Vì để xá-lợi, trong chôn linh cốt, không phải tháp thì thế nào? Quá chấp theo danh từ thì chẳng thể luận. Nay xin chỉ bày. Nguyên chữ tháp là chữ của xứ này, không phải chữ của Thiên-trúc. Nếu y tiếng Phạm thì chỗ chôn xương Phật gọi là Tháp-bà, ở đây bỏ chữ Bà, chỉ gọi là Tháp. Do đó trong kinh hoặc gọi Thâu-bà-tốt-đổ-ba. Y theo đường gọi là mả vuông, gò mả thì xưa gọi mộ chứ chẳng gọi phần, phần là đắp thêm đất lên trên. Như trong kinh nói Như lai biết trong đất có xá-lợi Phật Ca-diếp, liền đắp thêm đất lên, đây là hình dáng của Tháp-bà. Nay giới đàn để xá-lợi Phật, tầng nên khác nhau, bốn bên để ảnh thần thủ hộ hiển hiện, chắc chắn như thế. Mười hai vị thần trước thường giữ gìn tháp Phật. Tầng dưới y cứ vào đất đàn có năm bậc thềm, thềm nêu hai thần cho nên có mười vị. Lấy tầng dưới làm nền giới đàn cũng như Kim cương cho nên dùng mười vị thần Kim cương y thềm bày vị Đại thần ở bốn góc tầng dưới gọi là Kim Cương Lực Sĩ Kim-tỳ-la Tán Chỉ, đều che chở tháp Phật, cho nên bày trên bốn góc để che chở gốc. Ở góc Đông nam, Thần tên là Bạt-xà-la-ba-ni. Ở góc Tây nam, Thần tên là Bà-hý-hãn. Ở góc Tây bắc Thần vương tên là Kim-tỳ-la. Ở góc Đông bắc thần tướng gọi là Tán chỉ. Mặt Nam tầng dưới, hai thềm đường bờ phía Đông (thần phía Đông tên Kiên Cố Quang Diệu, thần phía Tây tên là Nhật Quang Diệu) đường thềm bờ Tây (thần phía Đông tên là Tu-di Hoa, thần phía Tây tên là Tịnh Vân Âm), một đường thềm mặt phía Đông (thần phía Nam tên là A-tu-la Vương, thần phía Bắc tên là Thắng Quang Minh) một đường thềm mặt Tây (thần phía Nam tên là Thọ Âm Thạnh, thần phía Bắc tên là Sư Tử Vương) một đường thềm mặt Bắc (thần phía Tây tên Thuần Hậu Quang Tạng, thần phía Đông

tên là Châu Kế Hoa Quang).

Tầng thứ hai. Đại thần trên bốn góc đó là Tứ thiên vương thường hộ Phật pháp và vì chúng sinh, đâu chỉ đàn tháp mà ở tình ngoại, cho nên phải tạo lập nghi tượng y hướng góc mà bày. Ở góc Đông Bắc Thiên Vương tên là Đề-đầu-lại-tra, thống lãnh chúng Càn-thát-bà và Tỳ-xá-xà, ở phía Đông châu Phất-bà-đề. Luận Đại Trí chép: Tứ thiên vương đều thọ đến chín trăm muôn tuổi, đều có chín mươi mốt người con, đều hộ trì Phật pháp, cùng vua thống lãnh bốn thần quân chủ, đây là lấy từ Kinh Quán Đảnh dưới đồng với phối hợp ở đây.

Tầng thứ hai của giới đàn ở nền Đông mặt Nam, hai thềm đều có hai vị thần. Đường thềm phía Nam có hai vị thần (thần phía Nam tên là Địa Kha, vị thần phía Bắc tên là Tu-niết-đa-la), đường thềm phía Bắc có hai vị thần (thần phía Nam tên là Phân-na-kha, vị thần phía Bắc tên là Ca-tỳ-la). Góc Đông nam có vị Thiên vương tên Tỳ-lâu-lặc-xoa, thống lãnh chúng Cưu-bàn-trà và Tích-lệ-đa ở châu Diêm-phù-đề phía Nam, đã thống lãnh bốn vị Thần quân chủ. Phối với hai thềm mặt Nam đều có hai vị Thần. Đường thềm phía Đông có hai vị Thần (thần phía Đông tên là Tăng-già, vị thần phía Tây tên là Ưu-ba-tăng-già). Đường thềm phía Tây có hai vị thần (thần phía Đông tên là Thường-khởi-la, thần phía Tây tên là Chiên-đà-na). Góc Tây nam có vị Thiên vương tên Tỳ-lâu-bác-xoa, thống lãnh chúng Rồng và Phú-đa-la ở châu Cù-da-ni ở phía Tây cùng thống lãnh bốn vị thần quân chủ. Phối hai thềm mặt Tây đều có hai vị Thần. Đường thềm phía Nam có hai vị Thần (thần phía Nam tên Kha-lợi, thần phía Bắc tên Kha-lợi-chỉ-xá). Đường thềm phía Bắc có hai vị Thần (thần phía Nam tên Ba-la-phó, thần phía Bắc tên Băng-già-la). Góc Tây Bắc có vị Thiên vương tên Tỳ-sa-môn, thống lãnh chúng Dạ-xoa và La-sát ở châu Uất-đơn-việt phía Bắc, thường đến Diêm-phù-đề, vị vua ấy tay nâng tháp Phật có xá-lợi cổ Phật trong đó. Khi Phật còn tại thế, thường cầm đi để hộ trì Phật pháp lâu dài. Lại khiến Thiên vương chiêu cảm oai đức thế lực thống lãnh bốn vị Thần quân chủ. Phối với mặt Bắc bên một thềm đều có hai vị Thần. Bên Tây có hai vị Thần (một tên là Đà-la-na, hai tên là A-la-nan-đà) bên Đông có hai vị thần (một tên là Lâu-dũ-già-ba-la, hai tên là Biệt-tha-na). Theo Kinh Hiền Ngu, các quỉ thần này đều tên Dạ-xoa, hình sắc xanh đen, mắt đỏ như máu, nanh cong ló ra, tóc đầu đều dựng đứng, miệng phun ra lửa. Kinh tuy như đây và luận hiển bày tướng mà nghĩa thì khác, chẳng thể là một tượng.

Trên tầng thứ hai, bốn mặt, đầu đường bảy thềm đều có hai vị

Thần là mười sáu. Phải nêu tên ấy, có thể như Kinh Quán Đảnh. Tứ Thiên Vương bộ này các thần tùy tên mà phối. Lại giữ theo số trước, do đâu mà hết số lượng hai tầng sắc đạo của thần của khám quật, trong kinh có nói nhiều. Nay theo Kinh Khổng Tước Vương nói bảy Thần Sao, y theo phương thủ hộ. Trong tầng trên để hang thờ đã ít, có thể nêu bảy Thần Sao. Phối ngồi trong hang. Nhưng hai mươi tám Thần Sao hiện biến thêm bớt thường đi khắp trên đời, có ánh sáng rực rỡ rất nhiều ích lợi. Tên bảy Thần Sao ở phương Đông: Một là Ca-lật-để-kha, hai là Phu-hỷ-ni, ba là Mê-lê-già-thi-la, bốn là A-đà-la, năm là Bất-nại-na-bà-tu, sáu là Phất-sa và bảy là A-sa-li-sa. Tên bảy vị Thần Sao ở phương Nam là: Một là Ha-khả, hai là Vũ-pha, ba là Cầu-ni, bốn là Ha-ta-đa, năm là Chất-đa-la, sáu là Ta-để, bảy là Tỳ-thích-kha. Bảy vị Thần Sao ở phương Tây là: Một là A-nậu-la-tha, hai là Chiết-sa-tha, ba là Mâu-lam, bốn là Phật Bà-ta-tha, năm là Uất-đa-la-ta-tha, sáu là A-tỳ-chỉ, bảy là Sa-la-ba-na. Bảy vị thần Sao ở phương Bắc: Một là Đà-nhĩ-tha, hai là Xả-đa-tỳ-sa, ba là Phất-bà Bạt-đà-la, bốn là Uất-đa-la Bạt-đà-la, năm là Ly-bà-để, sáu là A-tuy-ni. Hai mươi tám vị thần trên khác phương, bảy khám y theo tên bảy vị.

Đến tầng dưới cũng có hang thờ, y theo phương mà khai ảnh, số lượng rất nhiều. Đến lúc thì phân tượng, y theo Kinh Chú Ưu-bà-tư-na và Kinh Quán Đảnh. Tên Thần rất nhiều, cũng y theo phương mà ở. Đến lúc xem xét kinh tùy khám nhiều ít mà nêu danh hiệu. Vì văn rườm rà nên lược chẳng nêu ra.

Tầng cao nhất thứ ba chỉ cao hai tấc, biểu thị hai đế, là muốn nói Chư Phật nói pháp thường y theo hai Đế, dùng để biểu thị người thọ giới xuất gia phải quyết lấy hai Đế làm Tông qui. Vì sao? Vì hai nghiệp thân miệng, động ắt y theo tướng, tướng là tục có. Tâm hành có hạn lìa tướng làm gốc. Gốc là chỗ xuất đạo y chỉ, cho nên hai tấc làm lượng chuẩn đích. Bốn góc trên đàn đều lập Sư tử, trên vai có lỗ, khi muốn hành sự thì bày tôn nghi, trên đặt màn tre ở trong lỗ. Màn trang nghiêm tùy khả năng mà làm.

Trên đàn vuông mỗi cạnh bảy thước làm lượng, biểu thị cho bảy giác ý. Ba thừa vào đạo chẳng vượt ba mươi bảy phẩm. Ở trong phẩm này bảy giác ý ở đạo Tư Trạch, công đức rất cao cho nên bày lên trên. Bốn phía ngoài đàn trong một trượng trồng hoa thuốc bốn mùa, ngoài ra trồng cây hoa tám hàng, các thứ trang nghiêm. Theo Luật Thiện Kiến thì giới đàn nhỏ nhất phải chứa hai mươi mốt người. Đây là y cứ vào việc xuất tội, nhưng cũng chẳng phân ra đàn tràng khác.

4. Giới đàn cao thấp rộng hẹp:

Xét Biệt Truyện chép: Khi Tỳ-kheo thọ giới cụ túc, đàn mới kết. Thích-ca Như lai mới Chư Phật mười phương. Lúc đó, vua Tu-di Đăng Quang Minh ở vị tối cao, thân cao năm trượng, muốn lập giới đàn ba tầng tầng cao bằng năm khuỷu tay của Phật, biểu thị cho năm phần pháp thân. Thích-ca Như lai nói: thế giới Ta-bà chúng sinh ít thấy ít nghe. Nếu y năm khuỷu tay Phật làm lượng thì sợ sinh lười biếng, không do đâu mà thành nên giảm đồng hai khuỷu tay rưỡi của Phật Ca-diếp thì dễ thành tựu. Sở dĩ lấy lượng khuỷu tay Phật, là vì xương khuỷu tay của chư Phật đều là Kim cương. Khi trà-tỳ thì xương khuỷy tay chẳng tan, vì hoàn toàn cứng. Xá-lợi do đó mà lưu hóa, cho nên lượng thân đàn lấy khuỷu tay Phật mà định là muốn cho trì giới bền chắc như Kim cương bất hoại. Giới đàn cũng như thế. Tuy trải qua kiếp hoại mà vẫn còn hoài. Xét một khuỷu tay của Thích-ca Như lai thì bằng hai khuỷu tay của người thường. Vì Như lai to lớn gấp hai người thường. Khuỷu tay của người thường theo thước nhà Đường bằng một thước năm tấc. Vậy một khuỷu tay của Phật bằng ba thước. Chỏ tay Phật đã dài hai chỏ tay rưỡi thì bằng bảy thước năm tấc đời Đường Lại nói: Theo khuỷu tay của Phật Ca-diếp làm lượng thì lại dài bằng khuỷu tay của Phật Thích-ca. Nay y theo Bắc Thiên-trúc có giới đàn Đông Thạch rộng dài khoảng hai trăm bộ cao khoảng một trượng. Đây thì tùy thời bất định. Nay lại nói theo Thích-ca trượng sáu, nền tầng dưới từ đất ngồi lên cao bằng một khuỷu tay Phật, tức cao bằng ba thước đời Đường, gọi là ở thân Sắc Đạo hạ tọa mà nói, các thứ kia cũng đồng. Song sắc đạo này trên ba dưới bốn chỉ phần nhiều lấy ra làm đẹp để ngoài chỗ trống. Sắc đạo rộng che mà gió mưa chẳng đến, các hang Thần Vương được lâu bền. Như nay Diêm-phù xuất thiềm có thể chẳng như thế ư? Chẳng được quá một khuỷu tay sợ đất nứt. Lại biểu thị Tỳ-kheo ở đàn thọ giới, chế tâm chuyên nhất chẳng tán loạn.

Tầng thứ hai cao bằng một khuỷu tay rưỡi của Phật, tức bằng bốn thước năm tấc đời Đường, đồng với đàn của vua Chuyển Luân khi lên đàn nhận Quán đảnh. Tầng thứ ba cao bằng hai tấc, tức bằng hai lóng tay Phật, ấy thì bằng bốn lóng tay người thường. Nay ở Bắc Ấn Độ ở phía Đông nước Trượng-na hơn ngàn dặm, qua cầu Thiết Sách đến Kinh đô cũ của Ô Trượng Na, đất ấy bằng phẳng, trái cây nổi tiếng đều đủ, tức là quả viên (vườn trái cây) của vua Chuyển Luân, xưa có giới đàn bằng đá rất to. Sau khi Phật diệt độ ba trăm năm, có vị Đại A-la-hán tên Ưu-lâu-chất-na rất có oai đức, ở ngọn núi đá phía Bắc vườn có xây chùa

lớn, chu vi Nam Bắc hơn năm mươi dặm chỗ Tăng ở đến mười lăm dặm thỉnh Tôn giả Di-lặc làm việc chỉ huy sai khiến các thợ suốt ba trăm năm, dùng Đại thần lực mà giữ tuổi thọ loài người. Tinh xá năm tầng toàn làm bằng đá. Tầng trên nhất cao hơn ba trăm thước trong đó để tượng Chiên-đàn, tướng cũng như thế. Cho đến tầng dưới để tượng đồng đỏ. Nay trên bốn tầng đều đóng, người phàm chẳng may mắn vào được mà đá như lưu ly, trong ngoài trong suốt, người đi qua thì soi thấy tạng phủ. Tầng dưới nay có người ở, chung quanh đều trồng hoa quả đầy đủ. Phía Đông có đàn đá dài rộng hơn hai trăm bộ, bốn bên đá làm lan can chạm khắc đẹp đẽ, khó nói hết được. Trên nền lầu bằng có nhiều thế lạ, cao khoảng một trượng. Ở trung tâm đàn có đặt xá-lợi Phật, chảo úp đặt lên trên như trước đã nói. Ngày thọ giới nhóm họp các vị tăng như trên. Bày riêng một tòa cao, trước tụng Kinh Di Giáo. Các Tỳ-kheo nghe đều khóc. Khi thọ giới xong lại tụng Kinh Di Giáo. Việc ấy thấy vẫn còn. Thường thường có Tăng từ đó đến, trong Tây Vức Truyện của Pháp sư Huyền Trang có lược thuật việc Đại tượng chiên-đàn mà chẳng nói về nguyên do. Còn như giới đàn văn kể còn thiếu há chẳng đến đó, chỉ nghe nói mà thuật lại thì chẳng đáng lấy làm lạ. Nay y cứ trong vườn Kỳ Thọ gồm có sáu mươi bốn viện thông ra đường lớn. Nam có hai mươi sáu viện hai bên đều có Tam môn.

Về Đại viện, phía bên phải của cửa Tây có sáu viện, phía trái cửa Đông có bảy viện, phía phải cửa giữa có bảy viện, phía trái cửa giữa có sáu viện. Xung quanh ngoài Phật viện có mười chín viện: phía trái cửa Đông viện giữa có bảy viện, phía Bắc viện giữa có sáu viện, phía Tây viện giữa có sáu viện. Trong Phật viện chính giữa có mười chín sở.

Tôi vì thường nghe lời người tục nói, lại xem kinh luận thì phân vân chẳng dám nêu há chẳng phải tin văn đọc lời chẳng còn làm việc tìm cách sinh nhai, ở đạo có ích gì. Cho nên mỗi việc phải nghiên hạch văn chất tướng sư, đều tùy có tác nghiệp danh thật chẳng phải lầm. Tuy có thêm sắt đá, tệ lậu càng nhiều, khi chẳng phải lời tốt vị lăng cách. Cho nên bày đồ hình, nghe thấy liền có quảng tướng, như chỗ giữ riêng. Nay lược hiển bày lại cứu hằng yếu, thứ hoặc có người gặp thì biết. Phàm vị của giới đàn là tùy vào Đại giới của Tăng ở, chẳng thể thường y cứ theo phương hướng, Đông Tây bất định, phần nhiều đều lấy phương Đông làm đàn thọ giới, là đất sáng lập Phật pháp, còn phương Tây thì làm viện Vô thường, vì nơi mặt trời lặn, phần nhiều đều lấy làm tướng, còn các thứ khác thì tùy cơ. Tầng dưới chót của đàn thì mỗi bề hai trượng chín thước tám tấc, còn tầng giữa thì mỗi bề hai trượng ba

thước và tầng trên cùng thì vuông vức bảy thước.

Nay Tôi soạn Kỳ Hoàn Đồ thượng hạ, hai quyển sửa chữa chỗ nghe, khắp thâu thập kinh luật, tham khảo các truyện có mối manh nhất. Nhưng năm tinh xá lớn chỗ Phật thường dạo đến, thì Kỳ Hoàn là nơi mà trong đời Phật ở lâu nhất, cho nên hai mươi lăm năm hoằng hóa ở đây, bốn tạng năm bộ đều khen Xá-vệ, cho nên một Phật hóa tướng sự tích rất nhiều đầy đủ ở đồ này, nên đây còn lược nói trong các giáo. Cây lập Kỳ Hoàn khai hóa đầu tiên chung mà gặp có nhiều khoa yếu như Kinh Hiền Ngu nói ban đầu xây dựng trên tám mươi khoảnh đất, trong đó lót vàng mua đất. Xá-lợi-phất đấu sức thần thông, hàng phục ngoại đạo. Sáu vị giáo chủ ngoại đạo cùng Tu-đạt cầm dây đo tinh xá, hoặc vui hoặc buồn như thường nghe thấy. Lại nói: Ông ở thời Phật Tỳ-bà-thi đến Phật Ca-diếp, vì Phật xây dựng chùa mà kiến sinh chẳng hết sinh tử dài xa. Chỉ phước là cốt yếu, dùng Chiên-đàn mà thoa hang Phật, riêng phòng ở trên một ngàn hai trăm chỗ một trăm hai mươi chỗ đánh kiền-chùy riêng như thế, v.v..., văn như thế. Lại xét Thánh Tích Ký nói rằng: Chung quanh vườn Kỳ Hoàn có mười tám chùa đều có tăng ở. Lại Biệt Đồ chép: chùa Kỳ-hoàn mười chữ ngỏ thông ở ngoài viện. Lại nói: Chùa có hai cửa một Nam, một Đông. Lại nói: Chùa có năm cửa. Lại nói: Bảy ngày thì thành ba trăm phòng lớn, hơn sáu mươi viện. Xét Pháp sư Linh dụ đời Bắc Tề Tự Cáo Thuật Kỳ Hoàn Đồ Kinh nói đủ các viện rất có chuẩn đích. Lại xét Biệt Truyện chép: chùa Kỳ-hoàn kết nhanh ba đàn. Nay tuy đã phá hết, chẳng ngại khi mới có đến nay đã một ngàn bảy trăm năm trước sau tu tạo hơn hai mươi lần, hình tướng chẳng đồng chẳng đáng quái lạ. Lại theo nguyên thỉ như trước hơi còn. Nay nói nguồn gốc Đông Hạ sáng lập giới đàn, Lương Cao Tăng Truyện chép: Xưa, vào niên hiệu Nguyên Gia năm thứ bảy đời vua Tống Văn Đế có Sa-môn nước Kế-tân là Cầu-na-bạt-ma, đời Lương dịch là Công Đức Khải, vượt biển Nam đến Dương Đô. Văn Đế lễ dị hằng luân gọi là Tam Tạng, dịch ra kinh giới từng đến chùa Nam Lâm, thấy rừng trúc thưa bèn có chí ở luôn nơi đó, trong vườn trước chùa lập ra giới đàn cho người thọ giới lên đàn mà thọ. Nghi có người đắc đạo thì lén để Hoa dưới chỗ ngồi, chỉ có chỗ Bạt-ma ngồi thì hoa luôn xinh tươi. Dự biết ngày mất bèn ngồi thẳng mà tịch, tay cầm di văn, nói được quả thứ hai. Bèn ở trên giới đàn mà thiêu vật, hình trạng như rồng rắn, khói xông thẳng lên trời. Đến niên hiệu Nguyên Gia năm thứ mười một có Tăng-già-Bạt-ma, lúc đó gọi là Tam Tạng Pháp sư, cùng Tam Tạng trước đồng đến Dương Đô, vì các tăng ni ở giới đàn chùa Nam Lâm mà

truyền lại giới cụ túc. Lúc đó, chùa Kỳ Hoàn, Tăng Tuệ Chiếu, v.v... năm mươi vị, ở chùa Ảnh Phước, Ni Tuệ quả v.v... ba trăm hai mươi ba người đồng theo thọ giới lại. Có Pháp sư Tuệ Nghĩa bản tánh cứng cỏi không chịu cầu xin, bảo Tam Tạng rằng: Phật pháp về Đông Độ truyền đạo chẳng phải một Tiên hiền thắng triết đều có thường qui há riêng đổi khác làm sao hòa mục được các trông mong. Đáp rằng: chỗ khác nhau của năm bộ là từ lý thường này, cùng bỏ tục, vốn vì hoằng pháp, pháp có thể truyền sao trái tình chúng? Lại hỏi: Phàm giới không phải là sắc có thể thấy, thấy người thọ giới lại, hoặc y theo thứ lớp cựu lạp hoặc từ sau thọ làm trước, trong khoảng tiến thối rất đáng nghi. Đáp rằng: Người có hai thứ không phải một loại, nếu tuổi chẳng đủ, tháng đẻ chưa đầy thì theo nay thọ làm đầu, nếu năm trước đã đủ liền vào vị đắc giới. Chỉ nghi trước thọ có tâm trung hạ theo lý phải cầu được tăng thắng mà xin thọ giới lại thì y vào lạp cũ mà định hẳn. Lại hỏi: Tự thệ chẳng sát sinh thân miệng đã đủ, có gì chẳng hết mà còn thọ lại? Đáp rằng: Giới có chín phẩm, dưới là nhân trên đến người cầu tâm có hơn kém chỗ nhờ duyên mà khởi cũng chẳng đồng. Thọ riêng trùng phát lại có gì chướng ngại, năm giới mười giới sinh cũng đều khác. Cho đến Đạo Định Luật Nghi đều ngăn ngừa thân miệng, chẳng đồng tâm nghiệp có một không hai, như thế, v.v... Lại hỏi: Tam Tạng người xưa khi còn Bồ-tát, Tăng sự thường ở trong chùa và nói về thọ giới vì sao phải ra ngoài ấp riêng, đều là pháp lành vì sao lại khác. Đáp: Các bộ luật chế đều có thông tắc, chỉ có pháp thọ giới lại thì không đồng với các việc kia, vì các pháp kia chẳng thành chỉ bị tội nhỏ, tội có thể sám hối. Hễ tiếp nối làm hưng thịnh hạt giống Phật làđể tiêu của tín thí, lấy giới làm gốc, nếu chẳng thành tựu thì chẳng phải người xuất gia, là nguồn gốc chướng lụy, đoạn mất Đại pháp, cho nên khác với các thứ kia. Do đó Tuệ Nghĩa vui mừng không nói, bèn khiến đệ tử là Tuệ Cơ sang bờ Tế Châu ở trên thuyền mà thọ giới, v.v... Nay xét chung Biệt Truyện các ký, các phương ở Nam quốc, giới đàn không phải một. Đàn Tống Đô như trên đã nói. Pháp Thái Đông Tấn và Pháp sư Đạo An là đồng học, sinh ra biết trời trao trước chùa Ngõa Quan ở Dương Đô mà lập đàn. Chi Đạo Lâm đời Tấn lập một đàn ở thạch thành Viên Châu. Chi Pháp Tồn đời lập đàn ở Tấn Nhược Da Tạ Phu Ẩn Xứ Trúc Đạo Nhất lập đàn ở núi Động Đình. Trúc Đạo sinh ở Ngô Trung Hổ Khưu lập đàn. Tống Trí Nghiêm lập đàn ở chùa Định Lâm. Tống Tuệ quán ở chùa Thạch Lương lập đàn. Tề Tăng Phu ở Vu Hồ lập đàn. Lương Pháp Siêu lập đàn ở Nam giản. Lương Tăng Hữu lập đàn ở bốn chùa là Vân Cư, Thệ Hà, Qui Thiện,

và ái kỉnh. Nay ở Kinh Châu dưới nền hai chùa Tứ Tầng và Trường Sa ở Kinh Châu, trong chùa Đại Minh ở Tiền Hồ đều là giới đàn. Đem sự mà hạch luận thì từ Dụ Châu trở xuống Giang Hoài kể chung có hơn ba trăm giới đàn. Ở Sơn Đông, Hà Bắc, Quan Nội các việc trước đều không nghe. Kinh Truyện chẳng ghi chép cho nên khiến Phật pháp ở Giang Biểu trải đến nay đã năm, sáu trăm năm không hề thiếu, ấy là do giới đàn. Vì giới đàn làm gốc Phật pháp, xưa lập mà chẳng thể nghiêng đổ, nên khiến Trung Nguyên ở hai bên sông chẳng chịu làm theo. Do đây, Phật pháp ba lần bị tàn sát là đáng. Lại trong khoảng Giang Hán Anh Linh xuất hiện, núi sông đẹp đẽ thấy liền quên về. Thổ Địa khiến như thế. Người y theo ngoại báo nên khiến ngoại báo đã thắng, nội trí cũng kỳ, cho đến các bậc Hiền Đạt thông làm phụ thần, biết rõ Phật giáo sâu có thể về, sẽ không có lý bại hoại. Có thể gọi là Giang Hán mênh mông. Ghi việc Nam Quốc, tuy nghe ở đời xưa mà ngữ tích thấy ở nay. Trung Nguyễn Lưỡng Hà, nhà Tấn sau khi sang bờ Nam đã chia làm mười sáu nước dùng võ lực xâm phạm nhau. Phật pháp ba lần bị tàn sát đều là giống mọi rợ vốn không phải là đời sau của Văn quốc, tùy tâm liền dứt cho nên như thế. Sở dĩ nêu ra giới đàn là muốn trụ tướng hoằng pháp, các thứ khác thì lược qua v.v... Luật Thiện Kiến chép: Trên giới đàn chẳng được lập phòng, nếu như vua lập, Tỳ-kheo biết hổ thẹn dịch hoại đưa các cây gỗ đến, chùa Tỳ-kheo ở chỉ để Điện Phật và cây cối. Theo lời nói này thì biết là chỗ pháp trụ chẳng phải là nhà người.

5. Đại giới trong ngoài của giới đàn:

Theo luật Tăng-kỳ thì giới tràng trước lập ở ngoài Đại giới, sau có tạo lỗi mới dời vào trong. Luật Tứ Phần nói giới tràng ở trong văn nói, trong chúng bốn vị Tăng sư ra lệnh khiến chúng rất mỏi mệt. Phật liền khiến kết giới tràng, nếu ở ngoài giới thì vốn không ngại gì sao làm cực nhọc chúng. Cho nên biết ở trong là định. Nhưng phải nói rõ, ba tướng quyết dứt không ngại. Vọng chỉ núi đá rừng cây tường rào, đồi hố, mắt chẳng hề thấy rõ, theo lời dối gọi Đông Tây, tự mình còn mê, người làm sao biết, theo nhau tụng nói ở việc nhiều tối, sao sớ lại rất rõ ràng, gặp việc liền dùng. Đây là thói quen xấu, đều là mê lầm, rất mong đổi mới, dẹp bỏ thói quen xưa. Nếu chẳng đổi thì đời này đã thế, đời sau cũng thế, làm sao mà thoát ra. Nay y theo pháp kiết giới rồi thì bốn chỗ nhóm họp tăng đều ngự các pháp, đều chẳng ngại nhau. Một là nhóm họp trong giới tràng, hai là nhóm họp bốn bên chỗ trống ngoài giới tràng, ba là nhóm họp các tăng như thường trong Đại giới, bốn là nhóm hợp

ngoài Đại giới. Trong bốn nhóm hợp thì hai thứ là giới tác pháp, hai thứ là giới Tự nhiên. Do tướng giới hạn có thể tùy phương tác nghiệp đều được thành tựu, vì biết bốn giới trước giới hạn rõ ràng, cho nên biết có bốn nhóm hợp đều chẳng nhiếp nhau. Nói tuy hệ trọng, nhưng sự lại đơn giản. Phải răn dè.

6. Giới đàn kiết pháp trước sau:

Nay thấy các nhà giải thích đều y theo sớ xưa. Trước kết Đại giới phải kết giới tràng. Liền nói: Tôi y luật văn trước sau như thế. Đây là chẳng biết thứ lớp của giáo. Nguyên nghiên cứu luật là văn trước nhóm hợp đại chúng không biết phạm vi của giới, cho nên trước y cứ tự nhiên, kế y cứ Đại giới. Sau vì nhóm hợp chúng quá đông nên thường mệt mỏi, nên cho lập giới tràng. Thế thì biết sự khởi trước sau, mà chẳng nói kiết pháp trước sau. Vì sao vọng chấp luật văn mà sinh ra năm lỗi. Phật có thật dạy nhưng phải tùy nghĩa mà chia. Nay nếu trước kiết Đại giới chưa phân giới tràng, thì y cứ theo pháp chế nào để phân hai giới, tuy dự khai cõi không nhưng cuối cùng là đất không pháp, cho nên Phật chế giới tràng trước dùng pháp hạn, sau vây quanh chỗ trống, ngoài dùng Đại giới vây quanh thì các pháp cách nhau, không có lỗi lầm lẫn, cho nên, luật Ngũ Phần chép: Trước phải kết giới tràng sau mới kết Đại giới. Nếu kết Đại giới trước thì phải bỏ kết trước đi, sau mới nêu tướng mà kết Đại giới. Luận Tỳ-ni Mẫu và luật Thiện Kiến đều với văn trước sau của Ngũ Phần. Nay cũng có người trước kết đại giới. Đây thì chẳng thấy văn ở các bộ, chỉ tin ý nói đều chẳng hiểu rõ. Ngũ Bách Vấn chép: Trước kết đại giới, sau kết giới tràng, như Luật sư Tỳ-ma-la-xoa nói: Ở trong đó thọ giới sợ không được. Lại Ty Công chép: Nếu trước chẳng biết thì đồng với chưa chế, lại có đường này thì chung là cầu may. Lời này khen chê thành bại khó lường. Cầu may chẳng phải là nói không có phước, vì trước kết giới tràng chẳng uổng công thọ, chẳng nghi ở giới cóhay không. Hạch Luận tác pháp phải đủ ba tướng: Một là tướng ngoài của giới tràng, hai là tướng trong của đại giới, ba là tướng ngoài của đại giới. Cả ba tướng này đều vào yết-ma lập pháp rõ ràng, đều định rõ phương hướng dứt khoát rõ ràng. Tên tướng thể khác nhau, ba vị rõ ràng. Nêu thì chẳng định trong ngoài, tướng thì tùy nêu mà lập vị, và luận giới thể phải ở nội tướng. Trước phải khảo định, biết đủ khuôn phép, sau thêm lời kết. Lại rườm rà thành nêu nhiều mê. Trong Ngũ Bách vấn chép: Thọ giới gặp ngày trời mưa nếu dời giới tràng xuống nhà thì trước phải mở đại giới đã kết giới tràng, sau kết Đại giới mới được.

7. Giới đàn nhóm tăng gần xa:

Giới tràng là gốc của các giới, trước ở tự nhiên mà nhóm họp tăng, có tăng không nhóm họp thì kết không thành tựu. Cho nên tác pháp trước phải xét kỹ, ở trong giới tự nhiên mà xem xét kỹ càng, có tăng khắp nhóm họp chẳng được thọ dục. Sự tuy thô hiện mà gặp việc thì nhiều mê, bỏ sót chẳng nhóm họp. Tăng lại riêng chúng, kết đã chẳng thành dối gọi là giới, hầu hết là đến chỗ đó thọ pháp mà luống uổng mình người, phí cả một đời. Đâu chỉ đời này, quả báo đời sau lại gặp vô giới mà thọ túc há chẳng như thế ư? Nay muốn hành sự đều phải y cứ mốc nêu của giới, giới đàn lớn nhỏ là theo giới. Phần nhiều do Tràng nhỏ ở tự nhiên, cho nên y cứ tự nhiên mà nhóm họp. Ba lần nếu tướng ngoài, bạch nhị mà kết. Kế khi kết Đại giới phải dẫn năm, sáu vị Tỳ-kheo đi ra chỗ trống bên ngoài rồi vào trong giới thể, y theo mốc nêu của giới mà tập hợp tăng, ba lần nêu tướng trong ngoài của đại giới, bạch nhị kết xong. Đến sáng hôm sau, trước mở Đại giới, kế mở giới tràng, lại như trước mà kết tập tăng (lại như kết trước mà nhóm họp tăng), xa gần đều định như trước. Ở đây phải xét kỹ, sau khi nhất định thì hầu hết chỗ đến chưa cần giải. Cho nên người này làm việc chẳng làm pháp trùng giải trùng kết. Tây phạm hiện làm việc này, vì trước kết giới xong thì các ác quỉ bị vây chẳng ra khỏi giới, nên hết sức khổ não. Phật liền khiến mở ra cho ác quỉ ra, rồi kết lại để đúng pháp thì Thiện Thần nói nhóm họp. Cho nên, trong luật khiến giới nội có miếu ốc quỉ thần, luật Ngũ Phần nói: Kết giới chung lấy xóm làng, hộ trì các người tục chẳng bị phi nhân não hại. Việc ấy rất phù hợp.

8. Giới đàn tác nghiệp thành bại:

Tướng thành bại là do người. Người gồm sáng tối nên việc có thành hoại. Ấy là vì người cẩn thận chẳng tự tâm thầy. Tuy ở giới tướng rõ ràng, chẳng ngại gặp dụng thì mê quên, ấy vì văn luật ước chung, có chỗ lăng phạm đều mở mê quên. Đến chỗ kiết giới thì phải hộ trì, phải trái đều bày. Nếu nghi hoặc lầm thì phải bỏ mà gia trì lại, há không phải là rất kính thận lắm ư? Nay người hành sự phần nhiều đều xem thường chẳng xét giới gần xa, chớ bày Tăng đồng khác, xem thường Phật pháp, dối xưng là Tăng tài, tụng văn chẳng biết cương mục, mắt nhìn chẳng biết phải trái. Gian dối mê muội hưng khởi cấu kết. Nay lược nêu vài tướng để nói lên đúng sai:

Một là y cứ tướng nhóm tăng thì biết tăng ấy là chân hay ngụy. Trong mỗi người dùng năm mươi pháp kia mà xét nét. Người chẳng

đúng với xét nét thì chẳng đáng gọi là Tăng, ắt chẳng phải thợ giỏi tác pháp. Cách xét nét như trong Luật Sao.

Hai là y tướng nêu ba lần ắt phải xét Tướng nêu rõ ràng, thước tấc rõ ràng thì nhập có oai nghi đủ số Biệt chúng, xuất thì không thuộc về hai tướng. Thời nay thường thường có kết hai giới chẳng nhóm tăng ngoài tướng, đem ngay năm, sáu người đến đất tràng tướng mà kết thì hoặc ở trong tràng mà nêu chung hai giới ba tướng xong, lại thêm đủ hai giới yết-ma, hoặc có trong tràng nêu chung hai giới tướng rồi thì tùy giới mà kết, không ở trong đại giới chẳng vào tràng ở xa nêu tràng tướng mà kết. Như trong luật Ngũ Phần chép: Chẳng nêu phương tướng thì chẳng thành kết giới. Nay cách giới mà xướng suông thì không phải chánh pháp, xướng chẳng rõ ràng chẳng biết giới hạn đều gọi là chẳng xướng, giới kết chẳng thành. Biết hoại như thế đều là phải trái y cứ giới hạn của giới. Nhưng đại giới giới tràng đều phải thành tựu, sự chẳng được rồi, đại giới chẳng thành. Bỗng có thể vì không giới tràng mà được thọ giới. Giới tràng chẳng thành, đại giới tuy thành mà hoàn toàn là địa vị vô pháp. Làm sao hành pháp sự được, cho nên động tác nghiệp giới tràng làm đầu, phải y pháp mà lấy thành, chẳng được nương hy vọng làm pháp mông lung thì gọi Tăng, đó là người biết pháp, có thể chẳng nghĩ, lấy danh mà bỏ thật nói lại càng phiền. Gặp việc thì nhiều mê lầm. Lão tẩu lại nói ắt là chắc chắn.

Ba là nói sự nghĩa tức là kết giới. Giới có lớn nhỏ khác nhau. Địa phận trong ngoài khác nhau, trước phải hiểu rõ sau mới tới pháp.

Bốn là nói tác nghiệp tức là yết-ma. Chẳng chỉ một vị tăng tụng riêng mà phải cả chúng đồng hiểu. Có người chẳng hiểu thì chẳng phải đủ chẳng phải khác, vì người tối tăm chẳng biết duyên hòa nhẫn, ai biết tướng đồng khác, cho nên chẳng phải hai nhiếp, chẳng tập chẳng phải lỗi. Tác nghiệp thành bại thì y cứ. Bốn duyên gọi là tăng giới, pháp sự như trên nêu đủ. Người cầm luật cốt học ở đây, không biết bốn duyên này thì chẳng đáng lên Đàn vị. Cho nên luật Thập Tụng chép: Người làm Yết-ma phải phân biệt rằng Bạch Yết-ma lần một, lần hai hay lần ba. Phân biệt như thế thì người nghe không nghĩ khác biết khác. Phải tâm tâm nhớ rõ đây là bạch yết-ma nầy, như thế mà phân biệt. Cho nên Phật ở đời chấp pháp cũng còn năm lỗi, há là người chẳng học chẳng biết gì ư? Gặp việc thì tâm cảnh mê quên.

9. Giới đàn thọ thời nghi quỹ (phép tắc khi thọ giới đàn):

Hễ lập tướng phi thường để nói lên pháp phi thường. Pháp tức là

giới, giới là nền tảng của đạo xuất thế, nhất định không phải vào thế tục. Luật nói: Sở dĩ lập giới học là vì muốn dứt bỏ ba độc cho hết. Sở dĩ lập tướng đàn phi thường là vì muốn động tình kẻ hằng tục. Nay chẳng làm đàn sự, tùy duyên mà thọ thì tâm chí mênh mang, vừa sáng vừa tối, làm sao có thể phát sinh luật nghi pháp giới, nhất định được phước suông vô ký. Cho nên luận chép: Người muốn thọ giới trước phải ở chỗ người có trí, khiến đối với muôn cảnh khởi tâm từ hộ mà phát giới. Nay chẳng còn đây, khi nhóm tăng xong, lúc ra làm chỉ nói rằng: Các thầy phát tâm thượng phẩm thì được giới thượng phẩm, Sa-di vốn không thức tánh, giáo thọ chưa từng thảo luận, sấm phát từ trời cao, trút mưa xuống đất. Cho nên rộng khảo các thuyết, lập phép tắc này không phải do tâm thầy, đồng thời từ Thánh trao. Nay ngươi mạt học kinh truyện ít nghe, tham chấp sinh thường, kinh quái ở đây làm, có gì đáng quái lạ, đều do tai mắt chẳng nghe thấy, chân bước chẳng đến, nếu nghe thấy bước đến, thì lại là hằng pháp sinh thường, thống lãnh mà bao gồm thì có thể nói rộng về tướng lên đàn mười sư truyền thọ.

Tôi thấy việc hành sự thường lộn xộn nhầm lẫn. Hai thầy Hòa thượng vừa có tướng trạng còn các vị tôn chứng khác đều không có dị luận. Nguyện chứng sự chứng giới thì công dụng phải đủ ba Sư, một đồng ba Sư đều có hành sự. Chứng thành do mười Sư, được toại có giới đầu, ngồi xếp hàng như lội ngoài biển. Nhìn cao mà xem Chúng Nghi, xa nghe mà biết rõ Yết-ma, bèn có một xin ba xin, nêu xin ba, một chẳng phân, một bạch ba nói lầm lẫn, không hề chê bai, cúi đầu ngầm trao, phải quấy đều bày, im lặng ngồi thẳng biểu hòa đồng khác, đều nói hòa hợp, nếu ngự chúng này thành ở ba Sư có thấy lỗi trái liền phải nêu lên, không nên dối xưng, chúng sinh đúng sai, chẳng quấy nhiễu tâm. Xác thực bảy chứng cao sáng, đâu nhọc phải tùy hỷ. Cho nên, trong nước thọ giới chỉ cần mười vị lên đàn. Các người khác thì tùy giúp các tăng, khi đó tầng dưới cũng có, ở đầu nghi trân trọng mà nêu.

Trước hết là tướng lên đàn của mười Sư, vị giáo thọ A-xà-lê phải cầm lò hương dẫn trước, theo mặt Nam tầng dưới thềm Đông tiếp bước lên tầng trên, ra Đông về Bắc nhiễu quanh đàn một vòng. Thượng tọa ở đầu Tây trước lễ Phật ba lạy, mười Sư ngồi ghế đầy đủ oai nghi, rộng vận tâm tưởng thỉnh chư Phật mười phương, chư Đại Bồ-tát và Thanh văn Tăng chúng khắp hộ giới đàn. Tám bộ trời rồng đầy khắp hư không. Vì Phật khi còn tại thế thường làm thọ giới đều lên trên đàn. Tuy không phải Yết-ma tăng số mà làm "thiện lai" thì giới pháp cũng đồng như cụ giới Phật diệt độ rồi thì hành sự Thánh tăng bày ra tượng Phật định như

Phật còn sống, cũng khiến Tăng pháp có chỗ nương, chẳng phải Phật không còn nên đặt ra Linh nghi, chẳng uổng công.

Trên tầng thứ hai của đàn đi về Tây ở đầu Nam đặt một cao tòa. Kế lập ba tòa trống: Một là thờ Bồ-tát Tỳ-kheo Đậu-Điền-Tà, hai là thờ Bồ-tát Tỳ-kheo Lâu Chí, ba là thờ Bồ-tát Tỳ-kheo Mã-lan-tà. Vì ba Bồ-tát Tỳ-kheo này thỉnh Phật lập thọ giới kết giới, là giới đàn đầu tiên có công đối với giới cho nên bày ba tòa trống mà thờ. Mười Sư vận tưởng xong thì giáo thọ Sư bưng lư hương dẫn chúng quay mặt về Tây mà đi đến thềm Tây tầng trên thì bước lên đảnh đàn quay từ Đông về Bắc, đi nhiễu quanh Phật một vòng xong thì đến trước ba tòa trống, mỗi toà lễ bái xong liền ngồi thứ lớp, ở tòa cao trước khiến một vị tăng lên ngồi xong, trì tụng Kinh Di Giáo. Lúc đó phải đánh kiền chùy đốt nhiều hương và khen ngợi công đức. Chỗ nhóm họp tăng bất luận giới lớn nhỏ đều đến để nghe Di Giáo. Trên dưới hai tầng y theo địa vị ngồi xong, khiến Duy-na dẫn người muốn thọ giới đến mặt Nam thềm Đông bước xuống đứng quay mặt về Tây. Giáo Thọ Sư Oai Nghi từ mặt Nam thềm Đông mà xuống dẫn đến thềm Tây thì lên. Ở thềm dưới lên liền đi về Đông Bắc mà ra. Lại ở mặt Đông bắc mà đi, lễ Phật ba lạy xong, cùng quì xuống nghe kinh. Duy-na lại dẫn đến mặt Nam thềm Đông liền đi xuống ra ngoài giới mà đứng. Nếu chưa hiểu rõ oai nghi đi đứng cúi ngước, khiến biết pháp Duy-na mỗi việc đều chỉ dạy kỹ lưỡng mà dẫn làm, khi hỏi han thì Duy-na mỗi việc đều dẩn đến giới đàn ở thềm Đông mà trải chiếu Nam, định hỏi về già nạn, người thọ cụ đến bên chiếu cầm y bát ở thềm Đông đứng quay mặt về Bắc. Giáo thọ sư từ mặt Nam thềm Đông mà xuống đầy đủ oai nghi khiến chúng kính mến. Cho nên trong luật chấp trì oai nghi chẳng mất pháp độ, như Tỳ-kheo Át-bệ dùng oai nghi mà hàng phục tà đạo. Cho nên biết oai nghi trang nghiêm chúng sinh đến từ rất lâu. Ông ấy đến chiếu hỏi mà bày tòa ngồi xong, vẫn cầm giữ y bát, khiến người thọ cởi giày lên chiếu trước lấy Ni-sư-đàn cho thọ trì xong, lại khiến lên ngồi rồi đưa y An-đà Hội cho thọ trì và đắp vào thân, kế đưa y Uất-đa-la-tăng cho thọ trì và đắp vào, lại đưa y Tăng-già-lê cho thọ trì và đắp vào như trước. Dạy người ấy rằng: Tên ba y chỉ Phật pháp mới có, chín mươi sáu thứ ngoại đạo đều không, đâu được chẳng kính trọng, cho nên tọa cụ Ni-sư-đàn đúng như tháp có nền. Các thầy nay thọ giới là nền tảng của năm phần pháp thân, bởi năm phần do giới mà thành. Nếu không có tọa cụ mà thân thầy ngồi thì năm phần định tuệ không từ đâu sinh. Cho nên tọa cụ như nền của tháp. Ba y là đoạn dứt ba độc. Hạ y năm điều là dứt thân tham, trung y bảy điều

là dứt khẩu sân, đại y thượng y là dứt tâm si. Như thế rộng tùy thời mà nói, hỏi về già nạn xong liền thọ trì y này. Các bộ đều ở trước vấn nạn, nay thì ở sau thọ giới không có văn nêu ra chẳng đủ hành dụng. Giáo thọ sư kia đầy đủ oai nghi từ tầng dưới thềm Đông đi lên đến tầng trên mà đi về Tây. Đến tầng thứ hai mặt Nam thềm Tây mà lên đến Đông, quay về lễ Phật ba lạy xong, từ hướng Đông về Bắc đến trước Sư Yết-ma, buông tay đến chỗ đứng tác bạch mời xong liền đến mặt Tây thềm Nam mà mời, y lời Sư mời mà lên. Liền dẫn người muốn thọ giới hướng về ba Thượng tọa lễ xong, kế lại lễ đủ mười sư xong thì vị Sư Oai Nghi khiến đến trước Sư Yết-ma mà quì xin giới. Người ấy đến tòa xong thì yết-ma Sư y pháp đơn bạch, vấn nạn xong cùng tăng yết-ma cho thọ giới, sau đó khiến mười Sư cùng quì với các giới tử thọ giới, cùng ở trước Phật xoay mặt về Bắc cùng quì nghe Di Giáo, sau đó đứng dậy. Sư giáo thọ bèn bưng lư hương đứng dậy đến đầu mặt Tây thềm Bắc đứng dận mười Sư xuống thềm, tuần tự xuống tầng trên, mặt xoay về Nam ra hướng Đông rồi xoay mặt về hướng Bắc, ở trước tượng Phật lệ ba lạy rồi đứng lên. Duy-na lại dẫn người mới thọ giới từ Đông quay mặt về thềm Nam mà xuống đến đất, ra hướng Bắc đi quanh đàn mà trở về. Đến mặt Nam tầng dưới thềm Tây mà xuống về Đông quay mặt về Bắc lễ Phật xong thì đứng. Sư tăng thấy người mới thọ giới đến lại từ tầng dưới thềm Đông xuống phía Nam mà ra. Đi thứ lớp đối nhau ở gian Hoa Lâm. Người mới thọ giới đi theo sau đến Tràng Địa Lâm gian mới cho người thọ giới đi trước, giáo thọ sư dẫn mười vị sư ra cửa tràng mà vào đại giới, đến chỗ nghỉ như thường. Đây là oai nghi làm theo Thánh pháp. Pháp ẩn đã lâu, người chấp sinh thường gọi là Tân nghi, mong biết rõ. Tôi từ ngày mồng tám tháng hai niên hiệu Càn Phong năm thứ hai cho đến đầu Hạ đã lập giới đàn, vẫn y pháp mà thọ giới cụ túc. Lúc đó người dự thọ trước sau có hai mươi bảy người đều ở các phương như Ung Châu, Lạc Châu, Quắc Châu, Bồ Châu, Tấn Châu, Bối Châu, Đan Châu, Phường Châu, Lũng Châu, Phong Châu, Kinh Châu, Thai Châu, Tinh Châu v.v... các châu như thế y đàn mà truyền giới cụ túc. Cho nên dẫn đại lược mà biết chẳng nhầm. Các nơi có kẻ đồng pháp và đồng phương, nghe tôi sáng lập đều hứng tâm cùng đến lược nêu danh vị làm tin như sau:

- Núi Chung Nam, chùa Vân Cư, Đại đức Thiền sư Tăng-già.
- Kinh đô chùa Tây Minh, Đại đức, Luật sư Chân Ý.
- Kinh đô, chùa Hoằng Pháp, Đại đức, Luật sư Hằng Thiện.
- Núi Chung Nam, chùa Vân Tế, Đại đức, Luật sư Ngộ Huyền.

- Kinh đô, chùa Tây Minh, Đại đức, Pháp sư Bạc Trần.
- Kinh đô, chùa Đại Từ Ân, Đại đức, Luật sư Hoằng Độ.
- Chiêu Lăng, chùa Dao Đài, Đại đức, Luật sư Đạo Thành.
- Núi Chung Nam, chùa Long Trì, Luật sư Trí Thiện.
- Kinh đô, chùa Quang Minh, nước Tân-la, Luật sư Trí Nhân.
- Hoa Châu, Tây Nhạc Sa-môn Thiền sư Pháp Tạng.
- Núi Chung Nam, chùa Bảo Đức, Luật sư Đạo Quang.
- Kinh Châu, chùa Trường sa, Luật sư Trí Tạng.
- Kinh Châu, núi Cảnh Nguyên, Thiền sư Vô Hành.
- Kinh Châu, núi Phúc Thoàn, chùa Ngọc Tuyền, luật sư Hoằng Ảnh.
- Tinh Châu, chùa Lục Thông, Thiền sư Trí Tông.
- Nhuận Châu, chùa Minh Khánh, Luật sư Huyền Tịch.
- Hành Châu, Nam Nhạc Vân Phong Tự, Luật sư Nghĩa Bổn.
- Dương Châu, chùa Thảng Thành, Luật sư Đạo Tịch.
- Kinh Châu, chùa Thiên Vương, Pháp sư Đạo Dự.
- Kinh Châu, chùa Tứ Tằng, Thiền sư Trí Tuyền.
- Kinh đô, chùa Tây Minh, Luật sư Đại Từ.
- Kinh đô, chùa Tây Minh, Luật sư Tứ Y.
- Tề châu, Đông Nhạc Sa-môn, Thiền sư Minh Tạng.
- Kinh Châu, chùa An Bửu, Thiền sư Tuệ Nhẫn.
- Kinh Châu, chùa Thiện Tập, Thiền sư Đạo Khác.
- Thai Châu, núi Thiên Thai, chùa Bạch Nham, Thiền sư Tuệ Trang.
- Tương Châu, chùa Báo thiện ở Hiện Sơn, Luật sư Tuệ Tuyền.
- Kinh Châu, chùa Thăng Giác, Thiền sư Tuệ Liên.
- Kinh Châu, chùa Khai Thánh, Thiền sư Tuệ Nghiễm.
- Kinh Châu, chùa Trắc Dĩ, Pháp sư Tuệ Tương.
- Kinh Châu, chùa Vô Lượng, Pháp sư Huyền Trách.
- Lạc Châu, chùa Thiên Cung, Pháp sư Thủ Tiết.
- Tấn Châu, Sa-môn Pháp sư Đàm Tưởng.
- Đông Nhạc, Sa-môn Luật sư Danh khác.
- Kinh đô, chùa Không Quán, Thiền sư Hành Thao.
- Tần Châu, Mạch Tích Nhai Sa-môn Thiền sư Pháp Độ.
- Quắc Châu, chùa Đại Hưng Quốc, Luật sư Nghĩa Phương.
- Kinh Châu, chùa Trường Sa, Luật sư Đức Hạnh.
- Kinh đô, chùa Hoằng Tế, Luật Hoài Tố sư.

Từ ngoài không nêu đủ tên, còn các Sa-môn -Ả núi Chung Nam,

chùa Thúy Vi, v.v... và các vị ở ẩn trên núi hoặc ở chốn quê mùa là khách tìm bạn hỏi đạo, nhóm hợp dung duệ sửa đai lưng mà đến. Cao đàn quán hạnh lễ độ chiết tuyền, xét người kính ngưỡng, hoặc ở ngoài giới mà gởi tâm tùy hỷ, đứng chấp tay mà vui oai nghi, gồm có trăm người. Việc làm đã xong thì Duy-na dẫn đến nhà tăng ngồi xếp hàng dùng cơm. Các thanh tín nam nữ tôn kính đầy viện, đều đứng chấp tay tùy hỷ khen tốt lành. Cũng một đường tạo hóa, đuổi theo thanh trần ngàn xưa.

10. Công năng xa gần của giới đàn:

Xét đất kết giới tùy ở giới hạn ,dưới đến lớp Kim cương, tuy trải qua kiếp hoại mà chẳng hề hư hoại. Như các luận nói Phật pháp sắp mất thì pháp kết giới mất. Có luận nói kết trước chẳng mất, kết sau không thành. Đây là nghĩa nhất định. Nay xét các truyện nói: Thiên-trúc Ấn-độ đều có dấu vết bậc Thánh, như việc tám chữ xả thân, bằng chứng là con trai, con gái chảy máu, tướng khổ phá xương lấy tủy, dấu xưa trải tóc che bùn, vẫn còn bày khắp, dấu vết như mới. Vì dấu vết xưanầy, kiết giới chẳng mất. Các sư Ấn-độ theo hai giải thích. Một là nói: Kiết giới Thánh tướng đều là Thần công, kiếp tai đốt trói đều là tục có. Tục chẳng phải pháp hoại đạo nên đạo phát thường còn, nên khiến tướng trước đến nay chẳng dứt. Có Luận Sư nói: Đây là Hóa tích còn lại của Phật để hoằng hóa lợi ích mãi chẳng mất. Do đó khi ba tai khởi lên, thì chìm mất theo đại địa, là không, là nước, dấu vết khó tìm. Thế giới sau khi thành rồi thì bao nhiêu chỗ cũ đều y xưa mà lập. Cho nên các Thánh tích này nghiễm nhiên như xưa, chẳng có gì lạ. Như hai cõi Sắc và Dục đều hoá thành không, sau khi thành lập thì như trước mà lập. Nghiệp lực chúng sinh là một không thể nghì nhưng bàn, sự lưu hóa của Phật là hai không thể nghì nhưng bàn, há dùng mưu phàm mà đoạt Thánh lự. Cho nên kiết giới bền chắc sẽ không hư tổn. Hỏi: Như chỗ nói bốn Đức Phật kiếp hiền đều có dấu cũ lập chùa kết giới Tăng là pháp thường, thời nay lập tướng há chẳng trùng với giới cũ, kết trùng thì chẳng thành, tác pháp liền bại, giải thích thế nào? Đáp: Tùy tăng một Phật hóa một Phật,làm sao có con của Năng Nhân cùng làm học trò Ẩm Quang, các Thầy đối với thầy chẳng phải chúng khác, tức như Đức Thích Tôn một đời tăng đủ sáu hóa một thấy chẳng hòa, hai không đủ số. Các kết các bộ loại lệ với thấy nghe. Cho nên biết Tăng giới của Phật trước,chẳng ngại với hành sự của Phật sau. Cho nên trong Luật Sao nói: Năm thứ đều kết chẳng hề ngại nhau. Song di cơ của Phật trước,Phật sau đều

đến mà hưng khởi. Như đất Kỳ- Hoàn Xá-vệ chín mươi mốt kiếp thường được Phật đến, Thân Tử thấy hang kiến mà sinh tâm thương xót có thể biết. Các thứ khác cũng có nhưng lời rườm rà nên lược bớt.

11. Giới đàn tán thuật biện đức: (khen ngợi và nói về công đức của giới đàn)

- Bài văn nói về khai phá sáng lập giới đàn.

Niên hiệu Càn Phong năm thứ hai, mồng tám tiết Trọng xuân (mồng tám tháng hai)Đời Đường.Ở Kinh đô, chùa Tây Minh, Sa-môn Thích Đạo Tuyên cùng các Sa-môn ngu ở các châu như Nhạc Độc vui thượng giảo luật nghi, thảo phồn cơ vụ. Dám ở kinh Nam, viễn giao hai sông Phong, Phước, làng gọi là thanh quan, lý khen tôn thiện, chúng trì luật kiến lập giới đàn. Nguyên giới định tuệ là pháp lượng thuyên của các bậc Thánh, nhiếp luật khéo sinh (bến đạo) của ba Đức Phật. Thế mới biết giới là gốc bước lên bậc Thánh, là nền tảng xuất tục. Hoàng giác mượn giới để mở quyền, chánh pháp nhờ đây mà trụ lâu. Cho nên bốn y Ngự vũ phải là Tổ giới mà khen mở người mới học, năm thừa mới mới lên. Cũng do thành mà khai mở hóa đầu. Từ pháp truyền đến Đông Độ nay đã bảy trăm năm đàn của giới tràng tên thật mở sáng. Luật luận chỗ hiển tràng đàn hai tài đều đủ cơ duyên tùy việc liền nên. Có Dương Liễn Nam đời Tấn đến giới đàn, Đức Khải Thánh sĩ thiếu nền tảng xưa. Trung Nguyên chánh ngụy thấp kém ít nghe. Có người lấy đại giới làm giới tràng, có người dùng nền bằng phẳng làm đàn. Đây là do pháp bị ba phế sau hưng ở kỵ ma. Hoặc do tâm Sư riêng đoạn thảo luận dứt ở kinh giáo. Phàm sáng lập giới đàn chuyên hoằng giới bản, bởi thuộc luật nghi, dụng chung có không, theo tình sung nhẫn ở đại thiên, luận pháp gồm thông ở sáu vị. Ấm nhập giới xứ đều là giới duyên, Thượng Thánh hạ phàm đều nhờ giới hộ. Bèn giúp cho tiểu giới, đại giới mở hạnh nghiệp trước sau, có nguyện không nguyện hiển bày tiệm đốn của nhân tâm, trình bày giới tu của Bồ-tát, chẳng phải bạch bốn mà chẳng sinh. Luật nói Thanh văn chánh cấm, nhân mười vị Tăng mà được quả. Nếu muốn làm Yết-ma này thì phải nhờ đàn tràng. Cho nên dùng giới pháp làm tên, toàn là gốc tịnh hạnh. Đại giới mới hưng khởi, tăng pháp hai lập. Đến luận tác nghiệp giới tràng ắt nhiều đây thì Tăng trụ pháp trụ, đều có trí ấy. Nay lập tràng giới đàn đủ y chỉ giáo, dọc ba nêu mà chia hai giới, vây quanh chỗ trống mà dứt lầm nghi. Trước kết tiểu giới làm gốc đàn tràng, y tự nhiên mà nhóm họp tăng, hiểu đồng biệt khác nhau. Ba lần nói ngoại tướng giới tráng, hai là bạch ước mà kết. Cho

nên khiến ba thềm túc mà trí biệt (ba thềm nghiêm túc bày cao) nối gót nhau mà lên xuống. Bốn Duy yên mà ở góc, biết sáng tối, chánh tà, sau mới kết đại giới. Tăng ra giới tràng tùy tướng đều tập, xướng riêng kết riêng, nhân khiến bốn chỗ tăng sự không trái khác dấu. Sáu hòa hiển đức cốt vụ thừa quyền, tác nghiệp thành rồi thì bảy muôn năm chẳng mất. Đức Tăng tự tại, ba tai biến mất. Do đây mà nói nêu giới đàn chẳng uổng công. Thành thì Phật pháp dài lâu, hoại thì chánh giáo liền mất. Lời này chẳng dối, phải rất thật trọng. Cho nên hai giới thọ tùy, nhờ đất này mà được thạnh hai nghi trì phạm, cũng do đây mà còn tịnh. Cho nên kinh nói: Nếu không có giới này thì các điều lành chẳng sinh, tin chắc đó là gốc của định tuệ, thật là thuốc hay trị nghiệp hoặc. So người hành sự khinh khi nhiều thì chẳng lập đàn cơ, tùy nghi trao thọ, hoặc vọng kết tiểu giới, chẳng hề nạn duyên, hoặc vội ở điện Phật, tăng đều xoay lưng với tượng, hoặc ở nơi xa xôi, hoặc ở thôn phòng, tối tăm riêng chúng. Tụng văn kết uổng, đường này lăng xăng chẳng đáng nói, cho nên Tăng Truyện chép: Tăng trong nước muốn đến thọ giới, Dương Đô hành sự đều ở trên thuyền trên sông kết riêng mà thọ. Có người hỏi lý do, bèn đáp: Kết giới pháp vốn đồng biệt khó biết, cho nên ở trên thuyền dứt nhau chẳng khó, các pháp như thuyết giới v.v... chẳng thành chợt được. Hễ muốn giữ gìn chánh pháp mở mang Thánh nghi dứt bỏ phiền não. Chẳng phải giới thì chẳng được giải thoát. Chẳng phải giới địa thì giới nghiệp chẳng chỗ nương, uổng phí cạo tóc nhuộm áo, vì tâm không Thánh pháp uổng phí một đời, mãi đắm chìm muôn kiếp, há chẳng lụy mình người uổng phí giống tốt Thích tôn. Cho nên Phạm tăng phải siêng năng cố gắng như thế, người sinh tử này bình bình như thế. Trời cao đã răn có thể chẳng nghĩ ư? Có người nghe kết sợ mà lén chê bai, tôi bảo rằng: Chẳng dám lập dị, đây chính đồng kinh giáo đều đủ, mà người chẳng làm thôi. Thầm nghĩ tịnh giáo đã nói y pháp làm gốc. Văn nói ấn bốn thuyết công Di cáo ba tạng. Thuận thì dương đầu thu Tam bảo, trái thì diệt dấu sau bốn tăng. Văn nói giới tràng cực nhỏ chứa được hai mươi mốt người, là nói trên đàn lượng rộng. Nên đến chỗ duỗi tay đụng đến, nói đàn không che chướng bên trong phải lưu lại trung gian, nói hai giới chẳng tiếp nhau. Trước kết tràng xong thì đi nhiễu quanh đại giới, nói nghi quĩ trước sau. Chỉ đặt điện Phật, nói chỗ nương của Tăng bảo. Nếu có Tăng trụ, có hổ thẹn dứt trừ là nói có tăng biết thẹn mở mang giới hộ dễ thành tựu. Văn có Lâm Đàn Sư. Tăng trên đàn thì không phải hằng độ ở tràng địa. Đàn này chỉ còn giới trụ, nay thì có nhiều tăng trụ, chắc chắn hiểu rõ các Thánh giáo. Nếu nghĩa này khó ẩn nhẫn, sở dĩ

trạng bạch kết cấu các nghiệp tranh giành, sớm chiều giao nhau, kính vâng theo di ký, vội đủ dẫn thông, mãi để lại không tâm.

Bài minh ở giới đàn, chùa Tịnh Nghiệp, làng Thanh Quang, huyện An Trường ở Ung Châu, đời Đại Đường.

Sự phát khởi giới đàn đến nay đã lâu, trước mở ở Kỳ Thọ, dần dần truyền đến Hoài Hải, khai mở Vũ nghi Phật hóa quạt gió nhân ở hoàn vũ, bèn được định tuệ du thác. Không phải giới thì không lấy gì làm nền tảng nghiệp hạnh, nương vào đó ắt luật nghi mới có thể cứu giúp, đức ấy rất rộng, không phải Hằng địa mà nhậm trì. Công nghiệp đã cao, đâu phải việc thường mà tạo ra được. Cho nên khiến ở tăng viện bày riêng giới đàn. Lại ở trong đàn mà thêm nền bày thềm, thềm trừ bốn bố, đàn tháp cao nghiêm mà u minh xem xét che chở, phàm Thánh đều kính ngưỡng. Nhóm họp Tăng tác nghiệp, trải qua ba tai mà chẳng suy, lên xuống thọ làm trải nghìn xưa mà còn hoài. Cho nên Từ Hóa truyền xa, thật là công giúp giới đức, các phiền hoặc mau tiêu, đều nhờ năng lực của đàn tràng thống lãnh công nghiệp, há chẳng hưng thạnh ư? Nếu chẳng thức thọ tinh minh, thì đem gì để mở bến đường. Lược thuật duyên ấy có lời rằng cửa kín chưa mở, Diệu Hoằng Đạo này không nhờ Năng Nhân thì ai là Phúc Đào, Phúc Đào là ai, tin chắc chỉ là năng lực của giới, ba Thánh vị hưng long, bốn loài kính ngưỡng, hang tối lấp đi, phiền lao đều dứt, huyền tư qua lâu thì dựa vào đâu mà làm phép tắc. Xưa, ở Cấp Viên, Hoàng Giác đoái hoài sáng lập giới đàn mở bày gia lệnh, sông vàng đã khô, cửa ngọc cao sáng Đạo Lưu Hoài Hải, Nam Lâm một thạnh cùng phát linh đài Hán Triệt Minh Đường. Sự noi vua xưa Đế cấu dư Hoàng giới đàn Thức chữ. Lúc này chỉ có Pháp Vương, dùng Long hóa vốn vô vi vô cương, nên có anh đạt, đó gọi tăng kiệt Đức luyên thời hùng. Trí gồm mao liệt, Tề lương làm khuôn phép, Truy tố thùy tiết, rộng nhận cờ pháp phô bày lập tượng. Đó gọi là Văn Quốc, Sơn Di Hải Tuyệt, có hoặc tông này nhân khanh pháp diệt, Trung Nguyên mất mối, ba phạm cổ ngực. Nhân từ ám thất, bạn pháp khởi bi. Khảo định lỗi nầy đàn sáng chẳng cơ. Dám noi phép xưa, thức biểu lìa lời, chấn mãi xưa nay. Văn này ở đây.

Bài minh nói về Giới Đàn Xá-lợi Phật ở chùa Tịnh Nghiệp, làng Thanh Quan. Phong Phước ở phía bắc núi Chung Nam.

Đời Đường, niên hiệu Càn Phong thứ hai năm Đinh mão, ngày mùng một, tiết Mạnh hạ (tháng tư). Đất Kinh đô, chùa Tây Minh, Sa-môn Thích Đạo Tuyên cùng các Sa-môn ở Nhạc Độc, hội họp ở đạo tràng trước làng mà bình chương pháp luật. Ngưỡng mong ba vị Thánh

thùy giáo dùng giới làm đầu. Bốn loài qui đức, noi dấu mãi không dứt, khiến cho trụ pháp sáu muôn năm. Tác Hóa ở Luật Nghi, lúc đó trải ba mùa thu, mở việc giúp định tuệ. Sở dĩ dám thừa dư liệt tạo ra đàn tràng, bày linh cốt đã chôn để chốn yên Phước địa nầy, mong nhờ Hoàng Giác từ chiếu. Cảnh nghiệp thống vũ trụ vô cương, gương sáng dạy răn, thần công lương kham giúp mà vượt xa, ghi lời chẳng đủ lược làm Bài minh ngắn, lời rằng: Vua là Chánh giác, tác hóa ở ba. Giới là kẻ dắt đường tốt, muôn điều lành gồm nói băng lạnh ở nước trong. Chẳng phải tổ chức này ngoài ra thì ai cam. Nhạc Độc pháp trù, thừa lúc phát triển sum suê, u minh đều qua, vẫn ở con cháu, ắt làm cao phạm, dám thuật thời duyên khắp để lại tiếng thơm.

Đất Kinh Châu, chùa Đẳng Giới, Sa-môn Vô Hạnh, quán Hóa Tần Xuyên gặp đây thạnh tập, khen ngợi thuật lại.

Đời Đường niên hiệu Càn Phong thứ hai, tháng tư ngày mùng một, ở Kinh Nam Chữ cung, Sa-môn Thích Vô Hạnh giới đàn xá-lợi khen ngợi.

Chúng tôi ở Kinh Sầm, sưu huyền Tần lãnh nhân luật mộ ở Thượng Đức, nghe điều chưa nghe, bẩm thanh phạm ở Linh đàn, ngày mới ngày tổn. Do đó Hoàng Giác từ huấn Hoằng giáo ở người. Kỳ thọ cao phong tâm kín biết rõ may gặp hội tốt, linh cốt chôn ở Phước đàn, lưới huyền bủa rộng. Tưởng Đức Khải chẳng xa, chẳng ngăn được tay múa. Kính ngưỡng ánh sáng Thần, dám thuật đạo mầu, bèn khen rằng: Giác Trí tròn sáng, ứng vật chí linh, chẳng diệt bày diệt, không sinh hiện sinh vì người giảng pháp. Ba học mở bến, đàn tràng túc mục, giới đức trời, đất, sông vàng tối bóng, cây hạc lắng thần. Năng Nhân tan thể, Đa bảo toàn, thân, ánh sáng Ngài chiếu soi, điềm tốt hiện bày. Hai đoan còn đó, tám hộc cũng đều, sau đó không lo, bèn mở tín đầu, cận hộ phân quang, mã linh đều giữ, mã linh hiện lạ, chấn đỉnh nêu nền giúp phong tan thái. Hoài Hải đằng huy, áo tự kinh tụ, tầm chân thái nhất, phong hiềm trên đời, khắp bày ngày nay, khuôn đàn sơn tượng, lên đốn có trật tự trấn dùng di thân, u thành nói xong, nguyện nói rộng xa, được niệm kính chuộng, gương thức lắng sáng, sông tâm lặng sóng, kiếp thạch mới tiêu, thấy thần châu ở diệu tướng.

Đời Đại Đường, Trung Nguyên quan phụ giới đàn nghi:

Ngày mồng tám tháng hai niên hiệu Càn Phong năm thứ hai tôi sáng lập giới đàn, Sa-môn ở bốn phương Nhạc Độc nghe tiếng xa gần nhóm hợp hơn hai mươi người. Đến đầu mùa hạ, các bạn lại nhóm hợp xin thọ giới cụ túc, phần nhiều là người ở xa. Các đồng học ở kinh tự

đều đến xem hóa. Tôi vì pháp lợi hạnh ít, sợ có sai trái, hòa vui trên dưới, việc thành là trước. Có Chân Ý Luật sư ở chùa Tây Minh ở Kinh đô nay là Luật sư giỏi. Bành hưởng mạnh mẽ, nhất là ở kỵ tình, sợ Đông hồi Tả nhiều là hành sự của thương tục. Tôi dạy rằng: Luật sư chớ thấy Đông hồi Tả nhiễu mà cho là phi pháp. Đó là đại lý của Thiên Thường... Người mê tả hữu, tập tục ít phân, mong hãy hiểu rõ, chớ lo không lỗi, bèn đáp tôi rằng: Đây chẳng dám lấy làm lạ. Xưa Tôi thấy ở chùa Đại Trang Nghiêm có Thiền sư Đại Đức Cung như khi hành đạo thì Đông hồi Bắc chuyển, đây là hữu nhiễu (đi nhiễu bên phải). Ông ấy bảo tôi rằng: Ông chẳng thấy cửa thành trong tục chăng, vào Đông mà ra Tây đều nói ra trái mà vào phải, như thế, v.v... Người hành sự xem thời chế độ, các phương khác chẳng thanh tịnh thì chẳng làm. Tôi bảy mươi năm nay chân bước quê mùa, cố cầu pháp chẳng xa núi rừng. Nay khí thu đã tịnh, tâm khách bay lên, đem việc khác suốt ngày, mong có lúc sáng trước cố gắng nhanh chóng nhóm hợp dùng để đưa người chết. Nói lời nầy nuốt lệ, cùng cực đáng thương. Ngày mười bốn tháng hai niên hiệu Càn Phong năm thứ hai, ở Thanh Quan kết đại giới Tịnh Địa đều xuất xứ từ Tịnh Trù cáo.

Quan Trung sáng lập giới đàn Đồ Kinh:

Đạo của Tổ ta, cũng như Hy Hòa lên ở Ngung Di thì vật nào chẳng sáng. May ở tuổi trẻ đã sớm tìm thầy hỏi bến, sâu ý kín. Lúc đó, vì Tiết độ Tăng Đạo mà truyền diễn Đạo khó. Bèn Thủ Ngu ở Khai Nguyên Chiêu Khánh, từng chứng ngộ y chỉ, lại kiến lập giới đàn thêm dự giảo lượng chế độ. Khi đàn sắp thành, nhân ân Tổ ta giới đàn Đồ Kinh Chân Ngộ Ký Chủ tuy có khắc bản, nhưng gặp duyên binh lửa bị cháy hết. Lo sâu về đạo sẽ mất bèn khắp mộ đồng bào vẫn đem bản cũ mà khắc bận, lưu thông truyền khắp chẳng mất, khiến đời mạt pháp biết đàn chế rất cao quý.

- Núi Ngọa Long, Viện Cảnh Đức, Trụ trì Tỳ-kheo Duy Định, kính đề.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 166

TỊNH TÂM GIỚI QUÁN PHÁP

SỐ 1893
(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1893

TỊNH TÂM GIỚI QUÁN PHÁP

Sa-môn Thích Nguyên Chiếu ở quận Dư Hàng soạn.

LỜI TỰA

Rất gần rất dễ không gì bằng tâm mình, vào tử ra sinh không cần hay biết. Thể nó sáng lượng nó bao dung. Cho nên khiến một mê vội sinh ra các pháp. Giống như gương báu nhân sáng mà ảnh sinh. Lại nếu sông dài lắng yên mà sóng động, nghĩa là tâm khác vật, làm vật chuyển tâm, xáo động trần duyên công thành lao kết, trải mất các hữu, chìm tánh linh mình, các đường khác không biết, nhân luân phải học, nếu khiến nghe tập, phần nhiều đều rơi vào tà si, đuổi theo danh vọng đóng kín tri giải. Còn như ở Giang Nam, Giang Bắc tìm kiếm Bồ-đề, khúc kiến tà tâm không hề ngay thẳng. Khỉ vượn nhảy nhót chó nhà chậm về, nhọc Thánh sư ta, lắng tai nghe dạy bảo, để lại thuốc hay chỉ rõ gốc bệnh, bao gồm hai thừa, bến chung muôn hạnh. Mượn thân độ ấy dùng biểu hoằng từ, chúc khiến ngẫu khuy, riêng bày bí thắng. Rất quở trách giảng luận khổ gắng tu trị. Văn này dùng quán bày tu đã không phải không mắt mà đến, há là đếm tiền cho người khác. Phải tin rằng từ chân khởi vọng cả thể hiện tiền, đạt vọng tức chân chẳng từ người được. Yếu của tịnh tâm xem đó nên biết.

TỊNH TÂM GIỚI QUÁN PHÁP

Sa-môn Thích Đạo Tuyên ở núi Chung Nam soạn.

QUYỂN THƯỢNG

Kính lễ Tam Bảo Tạng, Tát-bà-nhã pháp thân
Tùy sức răn mới học, mong Thánh thương che chở.

Bấy giờ, Hưng Đương Già-lam, ở Tùy châu, mùa Hạ an cư soạn ra khiến đưa đến chùa Linh Nham trao cho Từ Nhẫn thọ trì, gồm ba mươi thiên như sau:

1/ Thiên Thích Danh
2/ Thiên Tự Tông
3/ Thiên Ngũ Đình
4/ Thiên Giảo Lượng
5/ Thiên Tự Khánh
6/ Thiên Thiện Căn
7/ Thiên Phá giới
8/ Thiên Tà Mạng
9/ Thiên Cuống Phật
10/ Thiên Tạo Quá
11/ Thiên Giải Thoát
12/ Thiên Thực Duyên
13/ Thiên Lưu Chuyển
14/ Thiên Bất Động
15/ Thiên Quá Hoạn
16/ Thiên Tâm Trược
17/ Thiên Hai Báo
18/ Thiên Kiết Sử
19/ Thiên Duyên Sinh
20/ Thiên An-ban
21/ Thiên Tương Tư
22/ Thiên Nhân Quả
23/ Thiên Chỉ Kiếp
24/ Thiên Nhất Đế

25/ Thiên Tâm Hạnh
26/ Thiên Bồ-đề
27/ Thiên Giáo Hóa
28/ Thiên Phật Tánh
29/ Thiên Phước Điền
30/ Thiên Thọ Trì.

1. NĂM CHỮ "TỊNH TÂM GIỚI QUÁN PHÁP", THIÊN THÍCH DANH THỨ NHẤT

Tịnh tâm, là hiện thầy đang gây các thứ lỗi lầm phiền não, dạy thầy tu đối trị, giúp thầy liền được tùy phần giải thoát, cấu nhiễm dần diệt, tâm chuyển minh tịnh, phát sinh định tuệ, khởi tín tâm thanh tịnh Đại thừa, hướng đến chỗ bình đẳng chủng tánh. Dùng nhân yếu này sau cảm đến quả. Cho nên dạy ông xét bệnh mà đối trị, phát triển công nghiệp, tu vào tín cảnh, thành quyết định căn lực, là chân lý không tông của ba Hiền mười Thánh, Vô cấu diệu giác ba mươi hai địa. Chỉ có thể biết nghe thô tướng ảnh tượng, vì phàm phu hạ địa năng lực chưa kịp, cũng chưa thể làm. Nay chỉ giúp thầy trừ sạch nghiệp cảnh khách trần, các bệnh màng mắt, thấy trong thân thầy có phần ít Phật tánh, thì thầy có thể uống cam lộ Bát-nhã, rửa sạch triền cái, dần dần hiển bày tịnh tâm. Nếu tâm thanh tịnh thì khiến chúng sinh giới tịnh. Chúng sinh đã tịnh thì là Tịnh độ Phật. Trước dứt trừ phiền não khiến giới thanh tịnh. Giới đã đầy đủ, định lại thanh tịnh thì dùng giới định thanh tịnh khiến trí tuệ tịnh trí đã tịnh rồi thì hiển nguồn tự thân. Vì có nghĩa này nên gọi là tịnh tâm. Các thiên dưới đây là trị lỗi tuy khác nhưng đồng gọi là tịnh tâm.

Răn, là khiến thầy biết môn đầu đối trị, trước dứt thô nhiễm, căn bản nghiệp ác, biết bệnh biết thuộc giữ tâm giữ miệng, cố gắng tu đạo lìa lỗi, nên gọi là Răn.

Quán là nghĩa xét, quán sát giới nầy có tương ưng hay không tương ưng với Phật và các lỗi lầm danh tự cú kệ chướng đạo, suy lường xét kỹ, như thật mà tâm hiểu được bản ý của răn. Lại hay thuận theo hai môn Chỉ - Quán. Hai pháp này là định tuệ đầu tiên sinh trưởng tất cả Thiền Chi Đạo Phẩm, nên gọi là Quán.

Pháp, tức là văn giới này thứ lớp từ đầu quyển hết lòng dạy bảo, muốn khiến chấm dứt phiền não, bỏ các nghiệp ác, gia hạnh thắng tấn trụ tâm bất thối, nên gọi là Pháp. Các thiên dưới đây đều có năm nghĩa của Tịnh Tâm Giới Quán Pháp, phải biết như thế.

2. RĂN QUÁN TỰ TÔNG

Hễ muốn tu đạo, đối với ba nghiệp trước phải bỏ hai thứ tài - sắc. Nếu không tham tài thì không có nịnh hót tranh cãi, nếu không tham sắc thì không có nhiệt não. Kinh nói bối xả, ly dục thì thuận với Bồ-đề phần. Phải tu thân quán siêng năng một lòng dứt trừ các tham ái ở đời, chế phục cấu não khiến tâm thanh tịnh. Vì dứt bỏ tài sắc mà thành gốc lành vô lậu, hun đúc trong bản thức thành hạt giống vô tham, dần dần hết các hoặc nhiễm mà vào nhập - địa vị Hiền Thánh. Nay thấy người hiểu pháp vẫn còn tham tài sắc, nuôi lớn kiết sử, tương ưng với các lậu, buộc ràng nghiệp ác mà rơi vào ba đường ác. Kinh nói: đã chẳng phải là người đạo, cũng chẳng phải người tại gia, không biết gọi là gì. Phần nhiều đều cầu lợi, chuyên luyện môi mép, thêu dệt bóng bẩy, hý luận ganh ghét chê bai, ba độc càng mạnh, phiền não thêm nhiều chìm đắm biển khổ. Biết mà cố phạm không có lúc giải thoát. Ngàn Phật ra đời không thấy không nghe. Vì nhân duyên đó, đều tội trong địa ngục xong, liền làm thân rồng dữ, trộm cơm áo Phật, phá giới sân cấu phải bị quả ác. Như kinh nói rồng đui. Liền biết hiểu nghĩa chẳng cứu nghiệp khổ. Thầy nên y theo giới như ta nói mà tu hành. Tùy bệnh đối trị, tùy phần giải thoát, chẳng thể miệng nói mà được thanh tịnh. Ba độc năm kết vì sao riêng nặng. Trước trị nặng thì nhẹ liền hết. Mặc áo giáp giới định mà dẹp tâm giặc ma. Tất cả nhân quả khổ, tài sắc là gốc. Tất cả nhân quả vui giới định là gốc. Nhưng nhân quả nầy ở tâm chúng sinh nhiều như hạt bụi, vì sao chẳng dứt trừ, trước cấm tài sắc, kinh Đại thừa nói tám mươi bốn ngàn tội nghiệp chướng đạo do tài sắc là gốc. Vì sao? Vì chúng sinh mười phương từ vô thỉ đến nay vì tài giết nhau còn hơn số đó. Hai dòng đạo, tục đều vì tài sắc. Nay hiện có một trăm hai mươi sáu địa ngục lớn, chịu ngàn muôn các khổ, trải qua vô lượng kiếp mới vào ngạ quỉ, súc sinh. Hai người đạo, tục đồng vì tài sắc mà bị tổn hại. Trước trì sau phạm, rất ít người khỏi được. Nếu có đoạn dứt thì gọi là hạnh Bồ-tát, gọi là chân trì giới, gọi là Hiền sĩ, gọi là đệ tử Phật. Hai việc tài, sắc giống nhẹ mà cảm tội rất nặng. Hà sa mê lầm do tài sắc khởi lên. Hai lỗi này làm phá hoại vua tôi, thầy trò, chồng vợ, v.v... cũng phá hoại thân tộc trong ngoài, bạn bè tri thức. Nếu lìa tài sắc thì không còn thế gian, trời người thoát khổ, Thánh phàm đồng khen. Các lậu dứt hết tiến đến quả Phật. Vì đây cấm trước hai thứ tài sắc. Do sắc mà sinh kiêu mạn, do tài mà sinh mến tiếc. Kiêu mà lại tiếc, tuy có đức khác cũng chẳng xem đủ. Trước phải dứt bỏ tài sắc, để công hạnh được thành lập. Sau nghe kinh luận tức là thứ lớp vào đạo. Nói nghịch làm nhanh nên

gọi là tịnh tâm, kệ rằng:

Phiền não như cát sông,
Trước phải dứt hai ác
Một tài, hai là sắc
Khi chết, Thần chẳng sợ.
Cát-la phải hộ trì
Huống chi phạm bốn trọng
Ba tụ giới thanh tịnh
Bồ-tát tâm mừng vui.
Kẻ quê ham tài sắc
Răn thầy bỏ tham đắm
Do tài ba đời khổ
Nhân sắc vào vạc lửa.
Sắc làm chướng Thánh đạo
Tài khiến cho hạnh mỏng
Xét chắc tự xét tâm
Biết tham là mê lầm.
Trí tránh được hầm lửa
Người ngu chẳng sợ ác
Nếu phạm phải hối trừ
Dứt rồi không làm nữa.
Tất cả có hình loại
Chung qui lấp hang hố
Giữ giới cấm căn khổ
Sau được an vui lớn.

3. THIÊN GIỚI NĂM PHÁP QUÁN DỪNG TÂM:

Năm vọng tưởng, như nhổ cây gai trước phải chặt rễ. Nếu tu năm pháp quán dừng tâm để dứt năm lỗi, ngăn lại chẳng cho khởi, nên gọi là quán dừng tâm. Do tu quán này mà các não chẳng hiện hành, do đó được giải thoát nhỏ. Giới định điều nhu, dần chứng thần thông, gọi là giải thoát lớn. Mười chướng diệt hết gọi là chân giải thoát, chân thật đều do năm pháp quán dừng tâm này, như thế tu nhập gọi là Tịnh tâm, kệ rằng:

Tự biết dục tình nặng.
Một bề quán bất tịnh
Bối xả được giải thoát,
Dục hết liền được định

Nếu chạy theo giảng luận
Thì niệm dục càng mạnh
Tức là chẳng đối trị
Liền đi xuống đường hiểm
Tự biết sân nhuế nhiều
Một bề tu Từ Bi
Lửa độc được mát mẻ
Thành tựu luật nghi thiện
Nếu chạy theo giảng luận
Chẳng trị lúông mỏi mệt
Tham sân càng tăng mạnh
Lại bị phiền não trói
Tự biết người si nặng
Quán kỹ mười hai nhân
Mời ngộ khổ luân hồi
Biết rõ vô ngã nhân
Nếu chạy theo giảng luận
Tranh cãi trọn ngày ồn
Bỏ gốc, tìm cành lá
Chẳng thể nhổ tận gốc
Tự biết ngã mạn nhiều
Quán chắc mười tám giới
Mới được hiểu vô nhân
Thì bệnh ta liền hết
Nếu chạy theo giảng luận
Càng trả nợ ba đường
Chấp ngã thường cầu hơn
Danh lợi tự trói cột
Tự biết loạn tưởng nhiều
Thường hơi thở ra vào
Giác quán dần được thành
Ta thêm sức giới định
Nếu chạy theo giảng luận
Ồn ào chẳng thể dứt
Lại tranh nhau phải quấy
Lúc nào diệt sự thức.

Trong bảy phương tiện của Tỳ-đàm, thì năm pháp quán dừng tâm là phương tiện thứ nhất. Các thứ khác là Biệt tướng niệm xứ, Tổng

tướng niệm xứ, Noãn pháp, Đảnh pháp, Nhẫn pháp, Thế đệ nhất pháp gọi là bảy phương tiện. Quán hạnh thành tựu thì được quả Tu-đà-hoàn, nếu mới vào đạo thì người Đại Tiểu thừa đều tu chung quán này. Kệ rằng:

Vì sao nói năm dừng
Lại chẳng theo giảng luận
Ôm bệnh nói thuốc hay
Chi muốn được tiếng tăm,
Phàm phu tham lợi dưỡng
Vô tâm trị vong tình
Nếu tu năm quán dừng
Chắc chắn tu đạo thành.

Vì sao dạy tu năm pháp quán dừng tâm thôi dứt giảng luận? Có hai yếu pháp: Một là Phật dạy thứ lớp vào đạo, đối trị phiền não thô trọng, hai là người thấy rõ pháp nghĩa biết mà cố phạm, chẳng sợ giới Phật, chẳng tu oai nghi. Năm Thiên tịnh giới đều phá hết, thấy người khác giữ giới thì lại ghen ghét chê bai, chỉ tham tài sắc, sân não đấu tranh, ganh tị kiêu mạn, không biết hổ thẹn, chết rồi phải đọa địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh, trải qua nhiều kiếp. Phải quán việc này hiện tiền nghiệm biết. Cho nên năm pháp quán dừng tâm dứt lỗi, khởi đạo thuận lời Phật dạy, nên gọi là tịnh tâm. Kệ chép:

Tham như tánh sói lang
Sân như tâm rồng dữ
Hoại pháp nên hủy cấm
Ô giới phạm gian dâm
Biết pháp mong trừ độc
Trái lại gây tội sâu
Tạo nghiệp tâm không hối
Chết rồi đến rừng dao
Đọa ngục lớn Vô gián
Phật tánh chìm nhiều kiếp
Như chức trừ gọi phạt
Mất thế, không kham nhận.
Vì sao miệng phá giới?
Thức ăn trong phóng túng,
Vì sao tay phá giới?
Lấy vật thí của người.
Vì sao thân phá giới?

Nằm ngồi giường nệm tốt.
Vì sao nghiệp phá giới?
Nhận người lễ dưới chân.
Vì sao hạnh phá giới?
Im lặng nhận người khen.
Nếu phạm năm việc nầy
Các trời đều buồn thương.

Phật dạy người mới thọ giới năm năm học luật, sau đó mới học kinh. Luật có năm bộ: Một là Tứ Phần, hai là Ngũ Phần, ba là Thập Tụng, bốn là Tăng-kỳ, năm là Giải Thoát. Năm bộ luật này đồng một Tỳ-ni Đại Tạng. Văn tướng rất rộng, các nạn đều biết. Nay muốn biết thì tài sắc là gốc, dứt được tài sắc thì gọi là vâng giữ luật, giới cấm thanh tịnh thì phát sinh định tuệ, thành tựu Thánh đạo. Biết luật cương yếu nên gọi là Tịnh Tâm. Kệ chép:

Trong năm bộ giới luật
Tông yếu dứt tài sắc
Tu thiền quán bất tịnh
Đối trị tự đè nén
Rừng hoang khen thây chết
Trong lòng rất thương xót
Thân ta gặp việc ấy
Lửa tham liền tắt ngay
Ba độc rất mạnh mẽ
Dùng sức trí dẹp nó
Chỉ mặc áo cũ rách
Giữa ngày ăn một bữa
Thường hành tâm bình đẳng
Tịnh ý luôn ngay thẳng,
Nếu chẳng thể như thế
Ca-sa thành gai góc.

Thánh giáo muôn khác vì căn tánh khác nhau, bệnh thuốc rất nhiều, nhưng người ngu rất mê lầm, tuy dùng công sức mà không phải chánh đối trị, vọng tham danh lợi, thêm nhiều bụi nhơ. Do đó trước tu năm định, sau học giảng luận. Biết đạo thứ lớp gọi là tịnh tâm. Kệ rằng:

Người đời quen học rộng
Không hề làm một phần
Vọng tình chấp vọng pháp

Cạnh tranh khởi lăng xăng
Vào đạo theo thứ lớp
Giới định tự giúp xông
Tịnh mạng như Ca-diếp
Chớ được đồng lục quần.

4. DẠY QUÁN T6AM HẠNH TRONG ĐỜI MẠT PHÁP:

Phàm phu hiểu nghĩa đều do nghe học, vì người biệt pháp, thân phạm bốn tội trọng, chứa tám thứ bất tịnh tài, ăn uống thức ăn tục. Không có tâm hổ thẹn, biết mà cố phạm, chẳng sợ đời sau. Cho nên khiến ông xét lường tâm hành. Trước tịnh giới cấm, sau mới nghe kinh. Ông giữ năm giới được gọi là tịnh tâm. Xưa, Đại đức giảng kinh Hoa Nghiêm chỉ một quyển Sớ, sau Pháp sư soạn Sớ ba quyển. Nay khi giảng phẩm Thập Địa soạn ra Sớ mười quyển. Đều sinh công năng tranh bày lời hoa, văn tự rất rộng không chỗ gởi tâm. Nhưng đương thể của văn là nghĩa, đâu cần người nói. Nay người ngu chỉ cầu danh mà không cầu pháp, pháp còn chẳng nên mê đắm, huống chi là mê đắm văn tự. Pháp lìa văn tự, nói năng đoạn dứt. Kinh Đại Tập chép: Văn kinh là một, giảng là nói khác, đều ỷ thấy của mình mà phá hoại chánh pháp, trời thần sẽ giận, cho nên ba tai đều khởi. Do nhân duyên đó Phật pháp lạt lẽo như một hộc nước chế vô vào thăng lạc, thấy giống mầu lạc mà ăn thì chẳng có mùi vị gì. Nghĩ kỹ giảng luận là đem tình người suy lường Phật, trí Chánh giác của Phật, há người thường đâu thể suy lường, như thế xét kỹ gọi là tịnh tâm. Kệ chép:

Pháp sư giảng nói pháp
Hai thứ lên tòa cao
Một là phước vô lượng
Hai là lìa tội lỗi
Từ tâm thành tựu người
Pháp thí hơn tiền của
Tức giận chuyện đúng sai
Là nằm ngồi trên gai
Hữu lậu là nền tảng
Vô minh là cội gốc
Giảng kinh chẳng trừ độc
Pháp sư tự thương tổn
Tâm giặc cầu danh lợi
Vội vàng chưa nghĩ suy

Trẻ con muốn leo thang
Trước phải giới đủ ẩn
Người Học sĩ thông minh
Hành động thường vội vàng
Hoặc có lầm hiểu nghĩa
Tà kiến lại đảo điên,
Cho nên Định trị Động
Pháp yếu trong bảy giác
Định tuệ bình đẳng tu
Chủng trí được mầu nhiệm
Khi Thế Tôn ở đời
Chỉ dạy tu xuất ly
Tạp thiện chớ sinh đủ
Ác nhỏ cũng lánh xa
Niệm niệm quán vô thường
Siêng tu chân đối trị
Vắng lặng học thiền-na
Sao mê đắm văn tự.

Do đâu khi Thế tôn còn ở đời thì đều được Thánh đạo và sinh lên cõi trời, vì y theo thứ lớp mà học, chẳng vượt, Tỳ-ni mới có phương vào đạo năm năm tu giới, đêm thì tu định, nhiếp tâm giữ cảnh ở trong rừng hoang, chẳng chứa các thức ăn khác, ít ham muốn, biết hổ thẹn, một lòng quán chắc vô thường bất tịnh, lìa lời nói suông, ý chẳng tán loạn, đi đứng tới lui đều phải tịnh khiết, không có tư dụng xấu ác, trước ý hỏi thăm. Đó là duyên lành đều được dấu Đạo. Ông hãy một lòng y theo đây mà tu học thì gọi là Tịnh tâm. Kệ chép:

Chánh pháp khi chứng đạo
Tịnh pháp điều chúng sinh
Tùy việc hành Yết-ma
Trừ cấu được ba minh
Tượng pháp hết đến Mạt,
Yết-ma bỏ chẳng làm
Tuy dường như hòa hợp
Nhóm thì khởi đấu tranh
Hễ là các kinh luật
Cam lồ cũng thuốc độc
Cởi áo, trăm vết sẹo.
Chẳng tiêu bệnh phát tác

Biết pháp chẳng hướng tâm
Hạnh giải kinh lại mỏng
Bỏ hết nghiệp giới định
Lại mê đắm văn tự
Do đó soạn câu vần
Khi đọc tâm vui vẻ
Ngồi yên suy nghĩ kỹ
Quán sát tự xét lường
Duyên nào trùng tụng kệ
Văn ít nghĩa lại rộng
Y giới lợi thân ông
Tin nhận chớ nghi ngờ
Hoặc thấy người mắng chửi
Tâm khinh chê lặng yên
Đây theo Đại thừa giáo
Chẳng trái lầm với lý.

5. DẠY QUÁN TU ĐẠO PHÁP TỰ MỪNG TRÁNH ĐƯỢC SÁU NẠN:

Một là trong muôn loài, thân người khó được, như Kinh Đề-vị chép: Nay được thân người khó như rùa mù tìm bụng cây; Hai là tuy được thân người, mà khó sinh ở giữa nước. Cõi này tức ở biên giới có đầy đủ chánh pháp kinh luật Đại thừa; Ba là tuy có chánh pháp nhưng tin ưa lại khó, nay tùy sức tin chẳng dám nghi ngờ chê bai; Bốn là thân người khó đủ, nay được thân nam mà căn không thiếu, tướng mạo đầy đủ, năm là tuy được thân nam mà sáu căn không thiếu, bị năm dục cột trói, xuất gia rất khó. Nay được cắt ái xuất gia tu đạo, đắp y Phật, thọ tịnh giới của Phật; Sáu là tuy thọ giới cấm mà giữ giới rất khó nay ông đã có khả năng ở trong giới luật mà tôn trọng ưa thích, biết hổ thẹn cẩn thận hộ trì. Đối với sáu việc nầy nếu chẳng quán sát thì liền buông lung chơi bời, rất chướng ngại chánh đạo. Đã vượt sáu khó trên thì phải thường vui mừng: Khó được đã được, được rồi không mất như thế mà xét lường, gọi là Tịnh tâm. Kệ rằng:

Đời có sáu thứ khó
Khó được, đã được đủ
Siêng tu giới định tuệ
Khéo hiểu các câu nghĩa
Cho nên học Đại thừa

Hỏi liền phải biết chỗ
Nhận cơm của đàn việt
Ăn no không trí lự
Không trí nuôi tham sân
Chẳng thể đúng pháp trụ
Phạm cấm và hủy giới
Chết rồi sinh bốn đường.

6. DẠY QUÁN TƯỚNG ĐỜI NHƯ MỘNG MÀ TU GỐC LÀNH XUẤT THẾ :

Vì sao phải phương tiện giúp cho chúng sinh lìa khổ mà ra khỏi thế gian. Chỉ người ngu tham ái, còn ta thì chẳng tham. Thế nào gọi là người ngu tham ái? Cái gọi là quan chức vinh hoa, kho tàng ngựa xe, lầu các vườn ruộng, thể nữ âm nhạc, ăn ngon mặc đẹp, dạo chơi săn bắn, yến tiệc ca múa cưới gả cậy nhờ dòng họ giao du bạn bè theo thế lực, ba quân bày trận, mưu mô sách lược bàn bạc, hạch hỏi giết hại, khoái ý thích tình, công thành phá hủy, giam bắt trói cột dao kiếm. Hào hiệp ý chí lập ra các nghề, phương thuốc khéo léo, công lao được tôn kính, cúng tế. Tóm lại có vô lượng việc đời giết hại, rượu thịt, đấu tranh thắng thua oán thù, nhiệt não buồn vui an nguy, lành giữ họa phúc, v.v... lìa bỏ được các thứ đó thì gọi là người thật tu đạo xuất thế. Chúng sinh mê lầm điên đảo đối với các việc đời này cho là chân pháp, mà không biết từ vô số kiếp đến nay sinh tử khổ lớn, thân chết rồi đọa vào đường ác, Hằng hà sa kiếp chịu khổ thiêu đốt. Tuy gặp khổ nầy nhưng vẫn tham đắm sinh tử chẳng chán, buông lung quen thói mê lầm trần cảnh, đều do chưa gặp người chỉ đường tốt, chưa nghe chánh pháp. Nay ông đã nghe hãy như nghe, mà tu học, gọi là tịnh tâm. Kệ chép:

Phàm phu tánh cuồng si
Thấy biết thường chẳng chánh
Nuôi lớn thân ba độc
Tham sân càng thêm mạnh
Chưa quán thân hình uế
Cầm phân đi chỗ vắng
Thường dạo cảnh trái thuận
Giả dối khởi dua nịnh
Thật vô thường ngã lạc
Vọng thấy Thường Ngã Tịnh
Vì tội nghiệp điên đảo

Thường vào các đường hiểm
Người trí hiểu đúng thật
Tuệ mạng tâm quyết định
Xem đời như mộng huyễn
Cùng chân đạo thành Thánh.

7. DẠY QUÁN TĂNG NI PHÁ GIỚI CHẲNG TU PHÁP XUẤT THẾ:

Tăng Ni phá giới, đó gọi là nuôi dưỡng tôi tớ hầu hạ, trâu lừa xe cộ, ruộng vườn trồng trọt, rừng rậm hoa trái, vàng bạc lúa thóc, bình phong nệm mền, giường chiếu rương tủ, chậu thau, bình đồng mâm chén, ba y hảo hạng, giường nệm phòng nhà, kho bếp cối thớt, dầu mì tương giấm, các thứ hợp khẩu vị vua quan quí trọng nhiều người khen ngợi. Sinh duyên giầu sang hơn người xưa, ra thưa vào trình, chê bai nha phủ thân làm đầu chúng môn đồ mạnh đông, giảng nói gạn hỏi ưa thích âm nhạc, thường ở một chùa mà bình luận việc tăng, tự do đuổi phạt, mượn hỏi, hạn, hụt, trúng mùa, kiệm ước, trộm cướp lửa nước, v.v..., ngủ đêm ở quán bar, chợ búa, nhà người giết mổ, săn bắn, bạn thân với phụ nữ, đàn kèn thi phú, cờ vây song lục, đọc sách ngoại điển, lớn tiếng nói cười, ghen hờn, tranh nhau ăn thịt uống rượu, y phục lụa là năm mầu tươi sáng, cạo râu tóc láng sạch, móng tay nhọn hoắt, chứa tám thứ bất tịnh tài, báu vật giàu sang, v.v... các việc như thế tham cầu mê đắm chứa nhóm chẳng rời, gọi là thật phá giới. Kinh nói: Các Tỳ-kheo này gọi là Cư sĩ trọc, gọi là giặc, mặc áo ca sa gọi là thợ săn trọc, gọi là người ba đường, gọi là người không biết hổ thẹn, gọi là Nhất-xiển-đề, gọi là kẻ chê bai Tam bảo, gọi là kẻ hại tất cả tai mắt đàn-việt, gọi là hạt giống sinh tử, gọi là kẻ chướng đạo. Xa lìa mười tên gọi xấu ác này gọi là Tịnh tâm. Kệ rằng:

Lạ gì kẻ phàm phu
Chứa nhóm tham, sân, si
Phá giới không hổ thẹn
Khinh chê báu Mộc-xoa
Tìm cầu vội như lửa
Gây ra các khó khăn,
Dạy người thường bố thí
Mình thí như rút gân
Ngạo mạn thiện tri thức
Cậy nhờ thân máu mủ

Buông lung mê năm dục
Lúc nào thoát bến khổ
Áo, tham đồ năm mầu
Ăn, luôn tham no bụng
Bỏ tịnh vào chợ ồn
Kinh giới không hề đọc
Nhổ cỏ lại đào đất
Tưới rót tự vườn tược
Nghề nghiệp hơn người tục
Rương chậu đến ba - năm
Chỉ lo tiền không đủ
Khóa xiềng các cửa nẻo
Lớn tiếng nói cười ta
Xiểm mạn tâm chưa khắp
Hủy phạm bốn trọng cấm
Dữ dằn hơn cọp sói,
Chết rồi mãi đắm chìm
Hết tội sinh biên giới,
Đáng thương chúng sinh phạm
Tối tăm không trí tuệ
Chỉ tham lợi trước mắt
Không thấy tội tương lai
Xuất gia mong tịnh lạc
Lại đeo đuổi mong cầu
Ôm tiền rồi bỗng chết
Đạo tục lại chia hai
Tánh ác như rắ rít,
Tham lam như sói lang
Cạo đầu không thật đức
Cao dung lại tổn thương
Dấu tội cầu danh vọng
Chẳng sợ ghẻ lợi dưỡng
Cư sĩ tu giới thí
Tuổi hết sinh cõi trời
Sa-môn lại tham tiếc
Chẳng quán không, vô thường
Chỉ biết gây nghiệp ác
Gặp việc nhìn vào vách

Phá giới trái kinh luật
Che dấu không hổ thẹn
Ta làm thì ta chịu
Ba đường có ai thay
Tuy pháp không ngã nhân
Thiện ác cũng chẳng mất
Ba cõi khổ luân hồi
Sáu đường sinh tử mãi
Các lỗi ác như thế
Cẩn thận mà xét lường
Nguyện dứt nhân tiếp nối
Giữ tâm như kim cương
Nước định rửa phiền não
Thành giới tự ngăn ngừa
Đức như Loa Kế Phạm,
Chỗ đi thấy Tây phương.

8. RĂN QUÁN NGOÀI HIỆN OAI NGHI, TRONG KHỞI TÀ MẠNG:

Tà mạng: Là nói làm thanh tịnh chỗ ở, trang hoàng làm đẹp đạo tràng bày phướn hoa và các đạo cụ, thường cạo đầu thường mặc áo ca-sa đi giày dép, oai nghi khoan thai, đi chậm ngó thẳng, nói nhỏ nhẹ, êm ái hoặc lại làm thinh, ngó xuống cúi đầu. Y bát luôn theo mình, xem luật mà luôn ở trong tâm lại cầu danh lợi, mong người khác mời thỉnh cung kính tôn trọng. Tiến giới độ người, gượng làm thầy đứng đầu. Ở trong đồ chúng mà mong người khác y chỉ. Nếu giải thích kinh luật, có hỏi thì sinh khó dễ. Phần nhiều đều ghen hờn, mắt dữ nhìn người. Kiến thức hẹp hòi phạm lỗi chẳng chịu sám hối, nếu nói ra thì ưa nói châm chọc, ganh người khác được lợi như lửa đốt tâm, tình trần ý cấu không hề dứt bỏ. Tuy ngồi giường dây mà khởi quán ác giác, phan duyên loạn tưởng. Lại nghĩ đến việc đời, khiến ban đêm ác mộng, mà rò rỉ bất tịnh. Ác giác nhiếp ý luôn hun đúc bản thức, chứa kết hạt giống nghiệp ác, thu nhiếp chướng tịnh, sinh tử chẳng dứt, luân hồi không bờ bến, chịu các khổ não, ba nghiệp bất tịnh, trái tám Thánh đạo, ngoài trắng trong đen, thuận tám đường tà, đó gọi là Tà mạng dối lừa phàm Thánh. Quán sát như thế được gọi là Tịnh tâm. Kệ rằng:

Miệng tụng Kinh Vô Thường
Thân lại chấp có thường

Cầu mong lợi dưỡng khác
Nhắm mắt chưa quán đế
Ba y chỉ muốn tốt
Chẳng chịu mặc áo rách
Trong tâm rất thô ác
Bên ngoài rất nhỏ nhẹ
Dối gạt người thế gian
Giả đại bi thương xót
Hiền Thánh chẳng ngợi khen
Thiện thần chẳng che chở,
Nghiệp chướng ngày đêm tăng
Giới định niệm niệm trệ
Tuy có đủ hai mắt
Lại bệnh mù một mắt.

9. RĂN QUÁN CHẤP CẬY NHAU, DỐI LỪA PHẬT PHÁP

Kinh nói: Thế nào là Tỳ-kheo dối lừa Phật? Như nói: Ta tu từ bi, còn người kia giận dữ, ta hay bố thí, người kia san tham, ta đủ tịnh giới, người kia phạm giới, ta siêng năng tinh tấn, người kia biếng lười. Ta có trí tuệ, người kia quá ngu, nay ta ưa vắng lặng người kia thích ồn ào. Ta tu oai nghi, người kia vụt chạc, ta trụ như pháp, người kia không đúng pháp. Hoặc cậy mình ở ẩn trong núi tuyệt thực, mặc náp y, giữa ngày ăn một bữa thường ngồi không nằm dưới cây nơi gò mả. Hoặc giảng kinh luật khéo giải tướng pháp. Ta có phước đức trí tuệ như thế, chấp lấy tướng này nên gọi là ngã kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến. Chấp chặt tướng ấy gọi là lừa dối Phật. Vì sao? Vì tu đạo gọi là không lừa dối Phật. Nếu người tu ba môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện cũng không có mê đắm, chỉ quán thế đế luống dối điên đảo, như huyễn như mộng, không có một thứ nào thật. Thành tựu quán môn này tu giới định tuệ, tinh tấn chẳng ỷ mình khinh chê người khác không có đức, mà mềm mỏng ngay thẳng, khiêm nhường không tranh hơn. Đem các gốc lành này hồi hướng Vô thượng Bồ-đề. Người tu lìa tướng như thế không gọi là lừa dối Phật. Không lừa dối Phật nên được pháp bình đẳng. Pháp nhãn xán lạn, thanh tịnh được trí chướng, chẳng mê đắm có không, nên gọi là Tịnh tâm. Kệ chép:

Tám muôn bốn ngàn pháp
Đối trị nhiều thứ bệnh
Đó gọi Đại phương tiện

Thành tựu hạnh khéo léo
Chấp tướng gọi dối Phật
Đắm ngã khởi tranh chấp
Tỳ-kheo tự chết chìm
Chẳng thể đến rốt ráo
Tu ba môn giải thoát
Pháp Không giúp tuệ mạng
Quán kỹ duyên nhóm hợp
Chứng trí lại mừng vui.

10. RĂN QUÁN KHINH TRỜI SỢ NGƯỜI, CHỖ VẮNG TẠO LỖI:

Phàm phu dua nịnh, không giữ oai nghi. Ở trước người thì thu nhiếp, gọi là dối trá, ở chỗ vắng tạo tội gọi là buông lung, nói là phá các giới nghi ăn uống trộm riêng, mình trần tắm gội ao hồ, chỗ trống tiểu tiện, đánh rắm ra tiếng, mò mẫm chỗ vắng, ngủ ngửa lăn xuống đất, ngồi xổm chống má, vụt chạy liếc mắt ngâm vịnh ca hát. Tóm lại gọi là dua nịnh, ba nghiệp bốn nghi đều chẳng đúng pháp. Ở trước người giống người, ở chỗ vắng giống quỉ. Tất cả thiên thần chúng biết lỗi này, chết rồi thì sinh làm khỉ vượn và quỉ mị, vì phạm giới nghi quả báo liền đến, chẳng dối được nhà tối, nghĩa ấy như thế, vì sao? Vì cây nghiệp sáng suốt như gương. Chúng sinh tạo nghiệp đều hiện trong đó. Thiên Thần có hai: Một là tự đồng sinh, hai là tự đồng danh. Người chẳng thấy trời, trời thường thấy người, nghiệp lục giữ tội chẳng ở ngày đêm. Người tu phải cẩn thận, chỗ vắng, chỗ có người đều không sai trái. Cả Đại thiên thế giới ở trong lỗ lông của Phật, đâu dung tha tội chỗ vắng, Hiền Thánh chẳng biết. Cho nên Bồ-tát có tám muôn oai nghi, giới Thanh văn có ba ngàn oai nghi. Ông nên tu tập oai nghi thứ tự chỗ vắng, và chỗ có người đều một dụng tâm, cho đến mất mạng cũng không thiếu nghi phạm. Như thế mà hành trì thì gọi là Tịnh tâm, kệ chép:

Hiền Thánh thoát ba cõi
Thường dạo cảnh ba cõi
Quán nghiệp các chúng sinh
Như thân đối mặt trời
Người trí trọng oai nghi
Trì giới tâm mạnh mẽ
Chỗ vắng không thiếu sót
Bốn nhiếp bền chắc theo

Quán thân như rắn độc
Xét tâm như kẻ thù,
Thân tâm là họa lớn,
Che tội như cát sông,
Người trí phạm rồi hối
Chẳng che giấu tội lỗi
Che tội gọi trẻ con
Địa ngục chịu vòng sắt
Khổ thay thời mạt pháp
Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni
Tuy cạo đầu đổi áo
Vẫn giữ tham, sân, si
Giả xưng Ưu-bà-tắc
Dối trá Ưu-bà-di
Trong tên, gọi năm giới
Thật chẳng thọ một giới
Như thường đọc tên thuốc
Tâm bệnh chẳng chịu trị
Nghiệp ác luôn che chướng
Tà mạng tìm kế sống
Thân kiến chấp trước ngã
Chẳng biết tức chia lìa
Cũng chẳng quán năm ấm
Hơi dứt như tơ treo
Trước người nhiếp oai nghi
Chỗ vắng hơn Tu-di
Chỉ sợ người cười chê
Chẳng sợ trời chứng biết
Dục say cuồng tình phát
Đi ngồi đều nhiếp tâm
Triền miên phá giới trọng
Chết rồi đọa A-tỳ
Trải địa ngục một kiếp
Kiếp hết lại dời đi
Khổ này khó chịu nổi
Chỗ vắng phải cẩn thận.
Vì tạo nghiệp dối trá,
Chư Phật phát đại bi

Phạm dục vui chốc lát
Chịu khổ vô lượng kiếp
Kinh nói người mới sinh
Liền có hai thứ trời
Ngày đêm ở với thân
Cùng người đồng thọ tuổi
Một niệm làm thiện ác
Rõ ràng đều hiện ra
Ác nhiều trời giảm tuổi,
Thiện nhiều khiến sống lâu
Phật Tỳ-lô-giá-na
Thân cõi rộng vô biên
Trong một lỗ chân lông
Chứa cả cõi Tam thiên
Tánh chiếu tròn sáng suốt
Đều sinh ra ruộng phước
Vì nhiều tội chỗ vắng
Vô duyên khởi thương xót.

11. RĂN QUÁN NGƯỜI NỮ LÀM MƯỜI ĐIỀU ÁC NHƯ TẬT CHÁN LÌA MA GIẢI THOÁT:

Mười điều ác của người nữ nói đủ thật khó cùng. Nay nói lược khiến sinh chán lìa: Một là tham dâm vô lượng không chán. Kinh nói mười phương cõi nước chỗ nào có người nữ thì có địa ngục. Tất cả chướng đạo đây là do khổ này. Người nữ ưa muốn người nam như biển nuốt các dòng sông, trăm ngàn muôn kiếp rốt ráo chẳng đầy, được một thì mong một, tâm ý cuồng loạn. Thấy người nam vừa ý liền muốn giao tiếp, cũng như lửa cho thêm củi thì càng cháy dữ. Ngày đêm đi ngồi thường không quên dục, thọ thân năm đường đều thuộc thân nữ. Đời trước đến nay nữ căn chưa đổi, suốt kiếp cùng đời chẳng khỏi thân nữ, nên gọi là tham dục không chán; Hai là tâm ghen ghét như rắn độc, nhà có người nữ, thì sinh ghen ghét, miệng giống người thân mà tâm như kẻ thù, nếu đồng một chồng lại cùng quy mạng, hoặc làm bùa ếm, giải tấu thuốc độc, hoặc thuê người giết hại, hoặc chặt hết tay chân, hoặc rạch phá mặt mày, hoặc lột hết áo quần, đánh đập chửi mắng, phương tiện không muốn người khác độc lập nên gọi là ghen ghét; Ba là dối trá làm thân, hễ thấy người nào chưa nói đã cười, miệng nói nhớ thương mà lòng thì hờn ghét. Đối với chồng thì nghĩ người Nam khác,

muốn chồng đi xa hoặc mong chết sớm, hoặc cùng người ngoài bàn mưu tính kế. Khi thấy chồng thì giả bộ nịnh nọt gần gũi. Thân tâm trái nhau nên gọi là dối trá làm thân; Bốn là buông lung, chỉ nghĩ áo quần phấn son xoa xuyến, sửa sang mặt mày mong người khác nhớ thương, mê đắm năm dục, chẳng tránh thân sợ, chẳng sợ đời sau phải làm súc sinh, ngạ quỉ, nên gọi là buông lung; Năm là miệng nhiều nghiệp ác, hễ có nói gì thì nói dối trá khó được thật tình, phàm chỗ luận nói dối nhiều thật ít, ưa nói xấu người khác bằng các lời uế ác. Mẹ con, chị em đều chẳng kiêng kỵ nhau, hai lưỡi đấu loạn, truyền đưa tin tức, thường làm bùa chú chẳng sợ quả báo. Chỗ vắng thường mắng chửi tôn trưởng, cãi lẫy đến cùng. Đó gọi là miệng nhiều nghiệp ác; Sáu là chán ghét chồng, nếu thấy người nam đẹp đẽ thì đeo dính không hổ thẹn, hoặc gởi tin ép bức, hoặc thân đến ngồi nằm, chẳng yên bỏ phế việc làm, hoặc kết thành bệnh, hoặc giả bị bệnh, chỗ vắng thì ăn nuốt mà trước người thì giả không ăn. Chồng cực khổ làm ra tiền mà cắt xén lấy trộm để cung cấp cho trai, cùng bàn mưu kế giết hại, thấy chồng liền giận dữ chẳng khác kẻ thù. Đó gọi là chán ghét chồng; Bảy là tất cả người nữ đều dối nịnh thường không thật tình. Do đó tánh người nữ gian hiểm khó lường. Tuy cùng đối mặt nói năng mà tâm cách ngàn dặm xa, đều là tâm cầu lợi đời, tánh ham kiêu sa. Nói phải mà dẫn ngược làm quấy, chỉ dối làm thật, điên đảo (lật lạng) lý thường, một việc thường có nhiều mối, sau lưng có không, tình theo lạnh nóng, hoặc cậy thế mạnh, hoặc đảng thân biết, hoặc nhận tài sắc mà vu oan, hoặc tranh giành ngôi vị mà chê bai chửi bới. Ấy là miệng trơn như mỡ, tâm như dao nhọn; Tám là tham tài chẳng nghĩ ân. Cha mẹ nuôi dưỡng cực nhọc khó đáp đền, khi gả chồng thì bỏ quên ân đức, giảm bớt của cha mẹ để lợi ích nhà chồng càng nhiều càng mừng không khen liền hận. Cha mẹ đói rét không hề cung cấp. Đó gọi là tham tài chẳng đoái hoài ân nghĩa; Chín là lửa dục đốt tâm, chẳng sợ xấu hổ cha mẹ, chẳng sợ dao gậy, hoặc chưa cưới gả có con thì cùng trốn tránh, hoặc bắt dẫn người khác đến nhà tạo tội, làm nhục cha mẹ, bại loạn tông thân. Cưới gả rồi thì sau lại phản chồng. Chồng mất chưa bao lâu thì lại nghĩ đến chồng khác. Con cái thành người cũng bỏ đi lấy chồng. Tâm say mê dục chẳng biết xấu hổ. Tội lỗi của người nữ cùng kiếp cũng khó nói hết, nên gọi là lửa dục đốt tâm; Mười là thân nữ hôi thúi, chất bất tịnh thường chảy. Xuân hạ trời nóng, trùng máu cùng xuống. Kinh nói: Trong nữ căn có hai muôn dâm trùng, hình như chiếc vòng đeo tay, nhỏ như sợi lông, hôi tanh dơ dáy. Riêng rơi vào thai, có con thì sinh ra chất dơ bừa bãi. Thiện thần

thấy nghe đều bỏ đi. Ác quỉ vọng lượng thường đến khuấy phá. Như thế những người ngu mê cũng tham bỏ niệm xứ mà phá tịnh giới của Phật. Chết rồi đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỉ, nhiều kiếp chịu khổ không lúc nào thoát được. Đó gọi là mười nghiệp ác của người nữ, quán sát xa lìa thì gọi là tịnh tâm. Kệ chép:

Bốn trăm bốn thứ bệnh
Ăn đêm là cội gốc
Khổ ba đường, tám nạn
Người nữ là cội gốc
Sinh tử vô số kiếp
Tham ái là cội gốc
Hiền Thánh vui giải thoát
Lìa dục là cội gốc
Bốn rắn thành thân cõi
Tưởng điên đảo làm tâm
Máu mủ khắp chín lỗ
Tinh tưởng khởi tham dâm
Thuận tình bảo vui vẻ
Chẳng tin đọa rừng dao
Quả báo làm trâu chó
Do trước tham ái sâu
Tất cả tánh người nữ
Ít thật nhiều dua nịnh
Chẳng nghĩ thân hôi thúi
Ngồi nằm luôn nghĩ dục
Nhìn thấy người nam khác
Ưa thích luôn ép ngặt
Trăm ngàn muôn ức kiếp
Rốt ráo chẳng đầy đủ
Chẳng hổ thẹn mẹ cha
Bại tổn các thân tộc
Nam ít, nữ thì nhiều
Nhà suy luôn bị nhục
Nữ có mười nghiệp ác
Chết vào ngục giường sắt
Dùi nhọn đâm nữ căn
Khổ đau kêu khóc rống
Địa ngục tội hết rồi,

Chuyển vào thai heo, chó
Ăn phân ở nhà xí
Bùn thúi sinh khuẩn trùng
Lại bị khổ giết mổ
Nhiều kiếp tội khó hết
Từ súc vào ngạ quỉ
Ăn dơ thường chẳng no
Tay chân bị lửa đốt
Xương cốt vẫn chẳng tiêu
Tham dục vui tam thời (chốc lát)
Chịu báo khổ vô cùng.

12. RĂN QUÁN BỐN THỨ CỦA ĐÀN VIỆT, TỪ DUYÊN KHỞI MÀ SINH KHỞI

Tổn hại sinh mạng gọi là nghiệp khổ, gân xương ở đây hết gọi là duyên khổ. Kinh nói: Ăn là từ cày bừa, gặt hái, sàng sẩy, chứa cấ, xay giã, nấu nướng, rồi đem cung cấp cho ta. Lại trồng rau làm hàng rào, tưới nước ruộng vườn, làm ra hạt cơm, kể ra một bát cơm là một bát mồ hôi, mồ hôi trong da thịt tức là máu. Công làm ra một bát cơm là một bát máu, huống chi cả một đời ăn uống biết là bao nhiêu. Bắt đầu từ cày cấy, gieo trồng cho đến vào miệng thì giết hại vô số trùng nhỏ, do đó Phật dạy ngày ăn một bữa để giữ mạng sống qua một đời. Về áo thì nuôi tằm giết kén lấy tơ dệt nhuộm, giặt rửa cắt may, các duyên làm ra vô lượng cực khổ. Kể áo quần trên dưới đã giết bao tằm, tốn biết bao khí lực. Kén tằm vào nước sôi chịu khổ biết bao. Thế nên Phật dạy mặc áo phẩn tảo, che thân tệ lậu mong được tu đạo. Nhà cửa thì từ đào đất, xây tường giết hại trùng dưới đất, chặt phá cây rừng làm hại trùng cây khi tạo gạch ngói thì giết trùng bùn đất, đốt lửa nung hầm thì giết trùng cỏ. Người làm cực khổ thí chủ tốn tiền, ăn uống các duyên tổn hao lờn mới thành một căn phòng ngôi nhà, cho nên người tu phải nương ở gò mả, dưới cội cây, nệm cỏ mà ở. Nghĩ ăn là khổ nên ăn có tiết độ. Nghĩ áo giết hại vật nên mặc áo phấn tảo, nghĩ phòng nhà ngọa cụ từ duyên khổ sinh ra chí thích hạnh đầu-đà, ba tháng mới dời đổi. Nghĩ bốn việc khó tiêu mà ít muốn, biết đủ. Kinh chép: Ăn của đàn việt như đời đói kém mà ăn thịt con, mặc của thí chủ như sắt nóng cột trói mình. Khi vào phòng như vào rương sắt, khi nằm ngồi giường như giường sắt nóng, thà đập nát thân này cũng như bụi cát chứ chẳng chịu thân phá giới mà nhận người cung cấp. Khổ báo ba đường đều là thích áo tham ăn, ham

thuốc men nhà cửa. Nếu nhân phá giới phải chửi mắng đuổi xô, hoặc làm thân sáng suốt mang lông đội sừng, sống thì trả gân xương, chết thì dâng da thịt, mang kéo vật nặng, hết sức đứng dậy thì té ngã. Luống thọ của tín thí, vui chẳng bao nhiêu mà đền trả thí chủ thì khổ gấp muôn lần. Cho nên dạy ông phải biết hổ thẹn, cẩn thận giữ gìn đời sau, chớ phá giới mà nhận của tín thí gọi là Tịnh tâm. Kệ chép:

Người trí chẳng tham ăn
Người tham ăn, không trí
Chẳng nghĩ xuất khẩu
Chỉ lấy lợi người ăn
Tự nuốt đờm trong não
Trên ngọn xuống dưới bỏ
Tuệ mạng dứt bốn ăn
Người tu chẳng ham thích
Tỳ-kheo chẳng ưa tịnh
Tham lợi nhận đạo cụ
Tìm cầu tâm tán loạn
Vội gấp đủ các duyên
Được một lại mong một
Tâm qui thường chẳng dừng
Phải biết thẹn thí chủ
Thân thúi mặc áo rách
Khuyên quán ba thoát môn
Lìa tướng tự điều ngự
Ít muốn, học biết đủ
Đáng nương Phú Thích Tử

13. RĂN QUÁN ĐƯỜNG TRÔI LĂN, CHỊU BÁO VÔ CÙNG:

Chúng sinh ba cõi từ vô thỉ đến nay gây ra các nghiệp thiện ác đều huân vào bản thức, thành hạt giống của nghiệp, tịnh nhiễm hợp tạp, số hơn cát bụi, chịu báo sáu đạo sinh tử vô biên. Từ địa ngục ra sinh lên cõi trời, người, quỉ, súc. Súc sinh thì trước chịu các thân loài bò cạp, bướm và các sâu bọ nhỏ nhít, một ngày một đêm trăm lần chết trăm lần sinh, ngàn chết muôn sinh rồi dần dần chịu thân lớn cho đến cá Ma-kiệt thân dài mười ngàn do-tuần. Thoát thân súc sinh thì làm thân Tu-la. Phước trên cõi trời hết lại đoạ xuống địa ngục, ngạ quỉ. Kinh nói quỉ có trăm ngàn muôn thứ, quả báo đều khác, sáu đường người súc đều có cả ngàn muôn loại, sắc mạng khổ vui, chất hình xấu tốt, ngàn muôn sai khác nói

khó hết được. Nay nói nhân đạo bản nghiệp đến nơi. Kinh chép: Thọ thân đẹp đẽ có tánh tịnh khiết là các vị trời đến, da dẻ thô xấu chẳng thích tu bố thí là loài súc sinh đến. Hình sắc xấu xa, khô khan ít trí là loài địa ngục đến, cử động vụt chạt là từ loài khỉ vượn, nhanh nhẹn giỡn đùa là từ trẻ múa hát đến, tánh nhiều dua nịnh là từ loài quỉ thần đến, chỉ nói sơ lược, rộng thì khó hết. Trong một đường có Hằng hà sa số nhân quả. Chịu một thân kiến cũng trải qua nhiều kiếp, huống chi chịu các hình khác ở các đường khác. Cho nên sinh tử chẳng thể cùng tận. Thầy hãy quán kỹ, khi chết phải chịu khổ nhiều thì khi thọ thân sống lại càng khổ dữ. Như thế đau khổ đã trải qua nhiều kiếp, đã bỏ vô số thân rồi chịu vô biên khổ. Người ngu ở trong đó cũng buông lung chơi bời. Thầy hãy suy nghĩ mà siêng cầu thoát khỏi, siêng năng gắng sức thành quả Vô học, chứng chân giải thoát, vui vẻ an ổn. Quán được như thế gọi là Tịnh tâm, kệ rằng:

Tất cả người đời muốn được vui
Khiến tu nhân vui chẳng chịu làm
Người ngu được vui bảo thường vui
Chẳng biết chết rồi bị giảm tiêu
Mười lăm dáng đẹp nói đáng yêu,
Bốn mươi trở đi tự khô hao
Nếu sinh lên trời tám muôn kiếp
Chẳng khỏi vô thường lọt khe hang
Phàm phu tạm vui quên khổ lớn
Khi chịu khổ lớn lại quên vui
Khổ vui phải chịu như hoa đốm
Xưa nay chỉ là tình mê lầm
Mê giải, ngộ đạo được thần thông
Dứt hết sinh tử gọi vui thật.

14. RĂN QUÁN NĂNG LỰC TÁM THỨ GIÓ NGƯỜI ĐẠI TRÍ CHẲNG ĐỘNG:

Tám thứ ấy là: 1/ Lợi; 2/ Suy; 3/ Hủy; 4/ Dự; 5/ Xưng; 6/ Cơ; 7/ Khổ; 8/ Lạc. Tất cả chúng sinh bị tám thứ này khuấy động, tâm chẳng yên, nên gọi là tám gió. Tướng động thế nào? Được lợi liền vui, suy não liền lo buồn, bị hủy nhục liền giận, khen nói liền vui, gặp khổ liền đau buồn, gặp vui liền buông lung, khen ngợi thì tình mừng, cơ thích (chê chọc) thì ôm hận. Tám pháp nầy khiến cho người si phàm xao động chẳng an. Hủy dụ (chê, khen) một tiếng thì vọng khởi hai nghiệp, tạo

nhân ba đường, quả báo bốn đường, trôi giạt trong năm đường, thành tựu mười triền, mãi bị buộc ràng, lúc nào mới giải thoát. Nhưng mười giới thì duyên hòa hợp nên sinh, tánh không nên diệt. Hiểu rõ sinh diệt liền không ghen hờn. Gió hờn chẳng khởi thì lửa tội chẳng cháy. Lửa chẳng cháy thì tâm được mát mẻ, không có các nhiệt não. Vì không nhiệt nào nên gọi là Tịnh tâm. Kệ chép:

Người ngu ham ăn ngon
Ghét cứt đái trong bụng
Thấy sinh thì ái nhiễm
Xem nhẹ già bệnh chết
Chê khen đồng tiếng vang
Giận mừng lại cùng khởi
Tâm chấp tướng cao thấp
Chẳng biết lý bình đẳng
Si hoặc chấp âm thanh
Phàm phu cùng như thế
Phân sinh tử cho ăn
Văn kinh khiến so sánh
Tai bị tiếng gạt lừa
Thần tiên té núi chết
Người trí hiểu chân không
Thấy nghe chẳng giống nhau.

15. RĂN QUÁN TƯỚNG KHỔ NÃO LẦM LỖI CỦA THÂN TÂM:

Thân tướng, là sáu đường khác loại do ấm đại giả thành, giảm quả hiện tiền đáp nhân quá khứ, nên gọi là thân tướng. Thân tướng có tám mươi bốn ngàn các thứ hình. Hai báo y chánh đều khác nhau. Một người chịu khắp các thân, trải qua vô lượng A-tăng-kỳ kiếp. Nay răn quán thân chỉ nói nhân đạo (loài người), một người có chịn muôn chín ngàn lỗ lông, tám vạn thứ gió ra vào trong ấy, tám vạn hộ trùng khắp thân đầy đủ, bốn trăm lẻ bốn bệnh lại cùng phát động, ba trăm sáu mươi gân xương nương gá vào nhau, một trăm mười khổ không lúc nào chẳng chịu, ba mươi sáu thứ bất tịnh máu mủ hợp thành ấm thân. Chín lỗ thường chảy ra chất dơ. Như trên khổ vui mới thành ở một người. Hiền Thánh xa lìa như trừ bệnh truyền nhiễm, nên gọi là quán thân. Tâm tướng, trong khoảng một niệm có chín mươi sát-na sinh, trụ, dị, diệt cũng như ánh điện chớp, trần hiện thức sinh, tham cảnh vời lấy quả báo.

Kinh nói tâm tham dục có hai muôn một ngàn, tâm sân có hai muôn một ngàn, tâm ngu si có hai muôn một ngàn. Tâm đẳng phần có hai muôn một ngàn, hợp lại có tám mươi bốn ngàn trần lao, một trăm tám mươi thứ phiền não, năm trăm bốn mươi thứ thọ, chín mươi tám thứ sử. Nên gọi là quán tâm. Nếu vào pháp quán An-ban tâm sở tạm dứt, cho đến chín định thứ đệ lại qui về một chân tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh này gọi là Phật tánh, gọi là pháp thân chân thường, là tâm của vô tâm, tướng của vô tướng, quán sát như thế gọi là Tịnh tâm. Kệ chép:

Bỏ duyên nhờ cảnh tịnh
Chánh mạng tự nuôi thân
Quán kỹ tâm hư không
Tùy phần được giải thoát
Nếu tham sân sắp khởi
Quán không để dứt hết
Hà sa gốc phiền não
Định lực năng dứt trừ
Chuyên định chẳng tu trí
Tiểu thừa chẳng Đại tuệ
Tuy lại khổ thân hành
Uổng phí trải năm tháng
Tu định tuệ bình đẳng
Mới biết thể tánh Phật
Thẳng đến Đại Niết-bàn
Huống chi Đế thế gian.

■

TỊNH TÂM GIỚI QUÁN PHÁP

QUYỂN HẠ

16. RĂN QUÁN GIẢ THIỆN KHOE DANH, MIỆNG TRONG TÂM ĐỤC

Thánh hiền mật hạnh thì trong trí ngoài ngu, phàm phu cuồng si thì trong ngu ngoài trí. Chưa có giới định mà hiện tướng giới định khoe bày tướng tốt để được lợi dưỡng. Che giấu lỗi lầm ngoài hiện bày thanh bạch, luôn hướng về đạo tục mà nói công đức mình. Kinh nói: Đó là tên cướp nguy hiểm không dao, phạm tội cướp giật, giả dối phạm trọng bị đọa ba đường ác. Người giả thiện có đủ năm nghiệp: Một là Thiên thần không che chở, chứng biết thiếu giới mà nhận của tín thí. Hai là năm ngàn quỉ lớn thường đứng che trước mặt nói là "tên cướp nguy hiểm" và quét hết dấu chân. Ba là hiện đời bị suy não lớn. Bốn là thường chẳng gặp Phật, sinh vào nhà tà kiến. Năm là dối mình, cũng dối người khác, tự chịu quả báo, thí chủ không được quả báo. Đó là năm nghiệp. Cho nên khuyên ông nên suy tốt ở người mà dẫn xấu về mình. Che giấu thiện đức tốt, dường như chẳng thể nói. Vì sao? Vì điều lành như vàng ngọc chẳng cho người khác biết, ác như cứt đái chẳng nên giấu giếm, pháp cứt đái quí ở sớm dẹp bỏ. Vật báu quí hiếm thì im lặng giữ kỹ. Tánh biết đủ chẳng cầu danh tốt, ít muốn vắng lặng đâu sợ tiếng ác. Người chấp ngã muốn được danh lợi. Xét thân vô ngã danh lợi ở yên, danh lợi đều không, lìa ngã tức thật, diệt ở không thật chánh vào Bồ-đề, bỏ được danh lợi, đó là Tịnh tâm. Kệ rằng:

Xuất gia làm phi pháp
Cảm với nhiều suy não
Nguy khổ theo niệm khởi
An vui khen tình ít
Thiên thần chẳng thường giúp
Việc ma luôn quấy nhiễu
Khi chết tâm sợ sệt
Nhiều kiếp đọa đường ác

Đức tốt ngầm giấu sâu
Cũng như báu ma-ni
Lỗi ác đều dứt hết
Lý đồng diệt mầm cỏ
Chân hạnh chẳng cầu danh
Trong giới định sáng tỏ
Giả thiện, che giấu ác
Trong Phật pháp chẳng tốt
Quán kỹ văn khuyên nầy
Hệ ý mở hoài bão
Tất cả nhân chướng đạo
Sám hối không làm nữa.

17. RĂN QUÁN CHÚNG SANH ĐỀU MÊ ĐẮM HAI BÁO Y CHÁNH:

Chúng sinh ba cõi mê đắm bền chắc là tham hai báo mà chướng ngại giải thoát. Trời Phi Phi tưởng tự gọi là Niết-bàn quả báo chung cực, có tâm tăng thượng mạn, chẳng sợ ba đường. Chúng sinh cõi Sắc tham đắm vị Thiền, tự nói An vui không gì hơn. Lại nghĩ, thân quang cung điện sáng chói thanh tịnh, quả của ta là hơn hết. Chúng sinh cõi Dục tánh thường buông lung, tham năm dục lạc, chẳng biết vô thường, phước thế gian hết rồi thì lại trở về đường ác. Bạc địa phàm phu thân hôi thúi cách lậu quả báo thấp hèn, khởi tâm kiêu mạn dữ dội, đều cậy vào ngã kiến, bảo trong người nầy thường, lạc, ngã, tịnh không còn gì hơn. Muôn loài chúng sinh ở tổ ở hang đều thích mạng sống mình, chẳng nguyện làm trời, người, chẳng chê thân mình, chẳng mong Tịnh độ. Thân tạp loại này, một thân chịu khắp cho đến rắn độc, các loại sau nhỏ đều yêu thích mạng sống và chỗ ở. Chẳng biết trong thân đồng có Phật tánh. Nhưng các thân nầy từ vô thỉ đến nay theo nghiệp thay đổi không ngừng. Ông nên quán kỹ mà sinh tâm nhàm lìa, siêng cầu phương tiện, thoát khỏi sinh tử, hai báo y chánh, dần chứng pháp thân nguy nga bất động. Đến được giác ngộ như thế thì dứt hết các nghi ngờ, quyết định thành tín, gọi là Tịnh tín. Kệ rằng:

Trong ba cõi sáu đường
Vô số các chúng sinh
Hình, thọ đều khác nhau
Y chánh cũng khó rõ
Nay tu ở đường người

Đối trị tùy phần làm
Quán các loại chúng sinh
Tâm yêu ghét bất bình
Ghét thì muốn giết nhau
Yêu thì mãi si mù
Tham sân lại cùng khởi
Chết rồi rơi ba đường,
Đều tham ái quy mạng
Chỗ hiểm chưa biết sợ
Tạo nhân chẳng sợ quả
Đâu biết chết lại sinh
Vì cớ ấy Bồ-tát
Muốn cho chúng sinh vui
Chúng sinh phiền não cấu
Phương tiện mà dứt bỏ
Dạy quán mười tám không
Sáu trần chớ mê đắm
Bốn đảo và năm dục
Cấm dứt lại chẳng làm
Người ngu tham hiện vui
Chẳng biết ác vị lai
Vị lai lại là ta
Vì sao lại xem thường,
Dù cho nhiều thân vui
Mỗi mỗi đầy khe hang
Vì đây cầu thường trụ
Thoát vô minh trói buộc.

18. DẠY QUÁN PHIỀN NÃO KIẾT SỬ

Tất cả nghiệp khổ sinh tử chướng đạo đều nhân kiết sử, như Tỳ-đàm chép: Nay lược huống lá nói, khiến dứt giác quán. Kiết có mười kiết, Sử chung ba cõi có chín mươi tám thứ. Nay sợ văn rườm rà nên lược nói một phần nhỏ. Kiết sử, tức là nhiễm phần. Hạt giống của tạng A-lại-da gọi là Kiết, chịu quả báo sáu đường gọi là Sử. Sử nghiệp phát sinh, tăng thêm hạt giống hữu lậu. Như giặc cướp ở chỗ hiểm mà nhóm họp phục kích đều gọi là Kiết. Cầm gậy cướp hại, giật của báu người, đều gọi là Sử. Tham sân tánh quen, nương chân ngầm phục, lại duyên khởi phát sinh, cướp bóc giới tài, chấp trước các trần làm hại Trí bảo.

Sát-na tiếp tục truy tìm như sử, không đối gọi là kết, ngoại quán gọi là sử, dứt lự gọi là Kiết, phan duyên gọi là Sử, hệ niệm gọi là kiết, dịch tâm gọi là sử. Vì có kết sử nên ái nhuế cùng sinh. Do ái nhuế mà thành nghiệp lấy bỏ, vọng lấy bỏ nên si ám càng nặng, cho nên che chướng mắt tuệ. Tuệ nhãn chưa mở gọi là Vô minh ám, do che tối tâm nên tương ưng với điên đảo, ôm tánh chân thường thích khổ sinh tử, sinh tử trôi giạt mê mất chánh đạo. Chưa thấy chánh đạo gọi là mê hoặc. Không thường tưởng là thường, không vui tưởng là vui, không ngã thấy là ngã, không tịnh thấy là tịnh, lầm lạc như thế đều do kiết sử. Kiết sử như thế tạo nghiệp điên đảo. Muốn dứt kiết sử phải tu năm pháp quán dừng tâm để đối trị. An-ban Thủ Ý vào ba môn giải thoát. Quán không lìa tướng, kiết sử dứt trừ, thân tâm vắng lặng, cho nên chẳng khởi phiền não. Chỗ phiền não diệt, gọi là Chân giải thoát. Giải thoát tức là Đại Niết-bàn. Muốn khởi tâm nhiễm phải tự tỏa nhục, tỏa chẳng khiến tán danh gọi là Tịnh tâm. Kệ chép:

Phật ở Ba-la-nại
Ba chuyển hạnh chán lìa
Trao cho pháp bốn đế
Để trị bệnh phiền não
Nhổ hẳn gốc sinh tử
Thành tựu mạng trí tuệ
Tu thiền đoạn kết sử
Chiếu lý gương tâm treo
Điều tâm chỉ mềm mại
Trì giới phải càng chắc
Giới tịnh chẳng hối hận
Bồ-tát tâm vui mừng
Phiền não sinh kiết sử
Kiết sử nuôi phiền não
Chỉ có sức thiền định
Dẹp bỏ như cỏ mục
Kiết sử vọng lấy bỏ
Mù dầy che thấy đạo
Nên tu năm quán dừng,
Trong sáng tỏ tịnh tâm.

19. DẠY QUÁN MƯỜI TÁM GIỚI, PHÁP DO DUYÊN SINH:

Thế nào là mười tám giới? Thân có sáu căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Ngoài có sáu trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Trong có sáu thức, ba thứ sáu phần giả hợp thành mười tám giới. Thế nào là căn có công năng sinh ra các nghiệp, nuôi lớn nhậm trì, nên gọi là Căn. Thế nào là trần, làm tịnh tâm, chạm thân thành cấu, nên gọi là Trần. Thế nào là thức? Biết rõ cảnh trước, dối khởi phân biệt, gọi là Thức. Nhưng căn trần này thiệp nhập lẫn nhau nên gọi là Nhập. Là giả duyên sinh khởi, không có chân tánh thật chúng sinh chẳng hiểu, cho rằng trong ngoài có nhập thường, lạc, ngã, tịnh. Tâm tham nóng bức chấp chặt lấy mê hoặc sai lầm, chẳng tin Thánh đạo, thuận tình thì sinh tham, trái ý thì khởi giận. Do đây, tham sân nuôi lớn kiết sử. Đó gọi là phàm phu lấy mười tám giới. Người học mười tám giới, mê đắm trước ba mươi hai tướng gọi là tham sắc, nguyện nghe nói pháp gọi là tham tiếng, nguyện dâng hương cúng dường gọi là tham hương, nguyện chứng giáo lý Đại thừa, thật tướng các pháp gọi là tham vị, nguyện được pháp thân thanh tịnh gọi là tham xúc, nguyện thành tựu trí Nhất thiết gọi là tham pháp. Đối với duyên tu nầy có thiện tham, sân, si. Tiến cầu địa trên gọi là Tham. Bối xả các hạnh kém gọi là Sân, tình có hướng bối, gọi là si, thấy thân chứng đạo gọi là Mạn, cho nên người học mười tám giới nghĩa gọi là tri chướng, không có phiền não, chẳng phải không có phiền não. Biết được hai thứ căn trần mà hăng hái tu nhập vào pháp Bình Đẳng Đại Đại Vô Vi, nên gọi là Tịnh tâm. Kệ chép:

Trần cảnh tuy như huyễn
Thấy sắc khởi từ bi
Phát ý lìa nịnh mạn
Chẳng mất bốn oai nghi
Sáu trần hạnh dơ bẩn
Cũng là thầy hạnh giả
Trừ bệnh chẳng trừ pháp
Bảy giác phần tu trì
Tuy quán văn tự không
Cần phải đọc kinh khắp
Rộng tìm nghĩa Thánh giả
Bát-nhã dần được thành
Tuy quán căn trần không
Hòa kính hộ tình người
Giới nghi phải đầy đủ
Tu đức phòng tiếng xấu

Tuy quán các hạnh không
Đối trần tu năm dừng
Tham si kết sử dứt
Vắng lặng tâm an ổn
Tuy quán ba cõi không
Bỏ ác, thiện phải về.
Tu hành chọn giác phần
Lìa cấu biết đúng sai
Tuy biết ba đế không
Tuy đế nghĩa cùng vi
Thường nương hai đế nói
Chẳng trái ngược với lý
Mười tám cõi tuy vọng
Sinh ra các châu báu
Quán hiểu nghĩa duyên hòa
Chẳng sinh cũng chẳng già
Đại Bồ-tát Thất địa
Chẳng gọi không phiền não
Tâm kim cương diệt rồi
Mới chứng đạo Vô vi.

20. DẠY QUÁN TU TẬP A-NA-BAN-NA GIẢ TƯỚNG QUÁN

Phàm tọa thiền yếu pháp có mười thứ: Một là trước mượn chỗ vắng lặng xa lìa nước lửa cầm thú âm nhạc, cảnh giới tám nạn khiến tâm an ổn. Hai là bày nệm cỏ dày dưới bên trung cao, ba là chậm thay áo quần, ăn ít uống ít. Bốn là ngồi kiết già tay trái để trên tay phải, nhắm mắt ngậm miệng răng không cắn nhau, ngồi thẳng nhìn ngay. Năm là tuổi trẻ ăn no phải thường thở ra, tuổi già bụng đói phải thường thở vào. Sáu là phải quán thở ra cách mũi xa gần, vào đến chỗ nào liền biết khí sắc, trước thô sau tế, dưới xuống đến khí hải, trên xông lên đầu. Bảy là từ hơi thở thứ nhất đến hơi thở thứ mười, nếu chưa đến mười do tưởng duyên khác thì phải nhiếp tâm đếm lại từ một đến tám, trong bàn tay đặt một viên ngọc sáng, buộc niệm quán châu tâm tâm tiếp nối, ánh sáng liền hiện. Chín là như năm pháp quán dừng tâm đối trị năm thứ phiền não hiện hành, hễ khởi liều trị, tùy phần giải thoát phiền não chẳng làm khiến giới thanh tịnh, vì giới thanh tịnh cho nên các vị trời vui mừng, thiện thần che chở. Mười là vì tu định nên cử động xét đế,

tâm chẳng thô bạo, khiêm nhường nhu hòa, nhẫn nhục không tranh cãi. Do đó, thêm lớn công đức trí tuệ. Khi chết thì Bồ-tát phương khác đến đón rước thần thức, chẳng gặp khổ hoạn. Các trời, người đời cùng khen ngợi, sinh về Tịnh độ thấy Phật, nghe pháp vô vi, lìa xa ba đường được vui giải thoát. Ngoài ra các pháp khác như kinh đã nói: Ông phải vâng làm thành gốc giới định, căn tánh xán lạn gọi là Tịnh tâm. Kệ chép:

Phàm phu học đạo pháp
Chỉ tâm mình tự biết
Vội vàng đến đạo khác
Người khác lại chê bai
Quán kỹ năng
Người trọng đức rất oai
Xa đông gần chỗ vắng
Ngồi thẳng chánh tư duy
Chỉ tự quán thân hành
Miệng chớ nói lỗi người
Kết lưỡi ít luận bàn
Im lặng tâm dịu dàng
Không biết như mù điếc
Trong trí ôm đồ thật
Đầu-đà vui vắng lặng
Đối tu lìa biếng lười.

21. DẠY QUÁN THIỆN ÁC GIÚP NHAU:

Thiện là thầy các điều ác. Ác lại giúp muôn điều thiện. Kinh chép: Chúng sinh năng độ Phật, Phật lại độ chúng sinh. Vì sao? Vì tất cả Chư Phật đều nhờ chúng sinh mà thành Phật đạo. Kinh chép: Cao nguyên đất bằng chẳng mọc hoa sen, chỉ trong bùn mới sinh hoa sen mà thôi. Lại, tất cả chúng sinh đều nhờ Phật mà được giải thoát, nói các ác tức là năm tội nghịch, mười điều ác, phạm bốn trọng cấm, tám trọng cấm, chê bai các Hiền Thánh, phá chánh pháp luân, nhất-xiển-đề, v.v... Bồ-tát ở đây đem làm ruộng phước. Vì sao? Vì đồng thể đại bi, ở ba đường bốn đường thay thế các chúng sinh mà chịu khổ nát thân, nói lời dịu dàng để dẫn dắt khiến sám hối. Từ tâm cứu giúp khiến cho được vui, rộng mở cam lộ nói pháp mầu nhiệm, phá nghiệp ác đó, khéo nói dạy dỗ khiến tin Thập Thiện sinh làm trời người. Lại khuyên hồi hướng Vô thượng Bồ-đề. Nhân công đức ấy mà đạo Bồ-tát thành, nên gọi là chúng sinh cũng năng độ Phật. Lại chân tánh trong thân do người mở

mang. Nếu không có tín lực văn tư tu thì Chư Phật Bồ-tát dù có tâm từ bi cũng chẳng biết làm sao. Cho nên khuyên ông, hễ là chúng sinh tội ác thấp hèn chỉ nên khởi tâm thương xót chẳng nên giận ghét mắng chửi, sinh tâm hèn kém. Lại thấy người tốt thượng hạnh thanh tịnh chẳng nên riêng trọng mà thỉnh cúng dường. Vì sao? Vì thiện ác như một, tánh đều là không. Đối với hai sắc tốt xấu đều thấy bình đẳng. Thường quán vắng lặng mà vào ba môn giải thoát. Các loài hàm sinh đều như huyễn hóa, chẳng mê đắm các tướng gọi là Tịnh tâm. Kệ chép:

Muốn được vui giải thoát
Sợ mình thường thân khác
Hành từ cứu khổ người
Tự vượt sông sinh tử
Nếu nghe ta và kia
Liền là ma phân biệt
Chúng sinh, thọ giả kiến
Hiền Thánh cùng chê trách
Pháp giới đồng như một,
Chân vọng, nước và sóng
Sóng kia tức là nước
Nước kia tức là sóng
Cửa thiện có nhiều đường
Từ bi là rất gấp
Cho nên Tát-đà luân
Đời gọi Thường Đề khóc
Vì thương xót chúng sinh
Bỏ vui ôm sầu khổ
Hộ sinh thành nhân Phật
Tổn sinh ngăn Phật đạo
Không tài thí nghèo khổ
Phân cơm giảm thức ăn
Nếu tu được lòng từ
Mười sáu phần chẳng hợp.

22. DẠY QUÁN NHÂN QUẢ THIỆN ÁC, CHÚNG SINH SÁU ĐƯỜNG:

Tạo nhân cảm quả số như hà sa, nay nói lược thì có mười tám thứ: Một là nhân quả Thô, hai là nhân quả Tế, ba Nhân quả lớn, bốn là Nhân quả nhỏ, năm là Nhân quả nhẹ, sáu là nhân quả nặng, bảy là Nhân quả

sáng, tám là Nhân quả tối, chín là Nhân quả thơm, mười là Nhân quả thúi, mười một là Nhân quả dài, mười hai là Nhân quả ngắn, mười ba là Nhân quả ngu, mười bốn là Nhân quả trí, mười lăm là Nhân quả phàm, mười sáu là Nhân quả Thánh, mười bảy là Nhân quả chân, mười tám là Nhân quả vọng.

Trước nêu hiện quả, sau nêu nhân: 1/ Quả thô là địa ngục, súc sinh, ngạ quỉ v.v... 2/ Quả tế là thân bốn ấm cõi Vô sắc. Quả lớn là Phạm thiên cõi Sắc và Rồng lớn, chim cánh vàng, cá Ma-kiệt, v.v... ba do-tuần tiết cấp, cho đến tám muôn bốn ngàn do-tuần và thân địa ngục A-tỳ báo thiện ác khác nhau thuộc về quả lớn. Quả nhỏ dưới đến các loài máy động nhỏ như bụi nhỏ, chỉ động mà chẳng đi. Quả nhẹ là quả báo thân các vị trời nhẹ bay đi, các vị tiên năm thiền thông liên hệ Dạ-xoa quỉ thần, v.v... Quả nặng là như thân rắn lớn trong núi Thiết Vi, thú lớn, Rồng mù dưới biển lớn, thân nặng như núi. Quả sáng trong trời người thân có ánh sáng như mặt trời, mặt trăng, hỏa châu, v.v... Quả tối như trong tám địa ngục lớn chỉ nghe tiếng chịu khổ mà mắt chẳng thấy. Quả thơm như các vị trời ở trên trời các lỗ chân lông đều thoảng ra hương thơm, người nghe tâm vui, y báo chỗ ở cung điện đều thơm. Quả thúi là loài súc sinh ngạ quỉ bất tịnh, trong loài ngạ quỷ loài người, vật thúi không thể sánh. Quả dài là trời Phi phi tưởng sống lâu tám muôn kiếp. Quả ngắn là như các loài mối mọt sinh xong liền chết, chẳng tạm dừng. Quả ngu là các loài phàm phu, quỉ súc. Quả trí là bậc Đạo sư của chúng sinh. Quả phàm là trong trời người chưa phát đạo tâm. Quả Thánh là A-na-hàm trở xuống và trời người ở năm tầng trời tịnh cư. Quả chân là người học ba thừa chưa hết lậu, quả vọng là thân tâm bốn đại, năm ấm duyên tập. Đây chính là quả trong sáu đường.

Nay thứ lớp nói về nhân. Nhân thô là bốn trọng, tám cấm, năm nghịch, mười ác, chê bai tất cả Hiền Thánh và chánh pháp, sử dụng tài vật của của Tam bảo, giết chúng sinh phát tâm Bồ-đề, phá tháp đốt chùa, v.v... Nhân tế là tu nghiệp thiền định, ngoại đạo tà mạng phạm hạnh v.v... Nhân lớn là tu nhân lành, bốn tâm vô lượng mà có nhân ác phá ba tụ tịnh giới. Nhân nhỏ là mới thoát khỏi địa ngục thì vào súc sinh. Nhân nhẹ là tịnh tu phạm hạnh, duyên nghiệp mười điều lành. Nhân năng là làm tổn hại Tam bảo, hạnh Nhất-xiển-đề. Nhân sáng là bố thí đèn đuốc chiếu sáng hình tượng Phật, đồng với mười điều lành. Nhân tối là phá hỏng mắt người, trộm đèn sáng của tháp, bôi đen kinh sách, phá người làm lành, làm dơ bẩn giới Phật. Nhân thơm là tạo hình tượng tháp miếu bằng gỗ chiên-đàn, nước thơm rửa tượng tắm gội Tăng, hương hoa

cúng dường. Nhân thúi là chạm vào thức ăn sạch của tăng, ăn năm vị cay nồng vào chùa, nuôi dưỡng heo gà làm mười nghiệp ác. Nhân dài là tu giới bất sát và bốn không định, hai nghiệp tà chánh. Nhân gấp là sát sinh và các nghiệp khác v.v... Nhân ngu là không tin chánh pháp. Nhân trí là thọ trì kinh luật huân tu Bát-nhã. Nhân phàm là vô minh si ái, tham năm dục. Nhân Thánh là giới, định, tuệ. Nhân chân là bản tánh thanh tịnh. Nhân mù là các căn đối trần sinh thức. Luận nhân quả sáu đường chỉ có Phật biết hết. Nay nói ít phần để dứt trừ lưới nghi mà tin sâu nhân quả. Ông nên xét lường các thứ gốc lành, thâu nạp quả lành. Việc lành làm được đều hồi hướng Vô thượng Bồ-đề, thành giải thoát phần thiện, chẳng lấy thiện hữu lậu của sáu đường. Như thế mà thanh tịnh, biết chắc nhân quả vô lậu, gọi là Tịnh tâm. Kệ chép:

Đáng thương chúng sinh tội
Rơi xuống hố không đáy
Chẳng biết nghĩa nhân quả
Đi trong chốn mịt mờ
Ôm chân chưa giác biết
Có mắt cũng như mù
Chân lạc không tâm đến
Vọng sắc lại tranh nhau
Nay vì dứt lưới nghi
Lược bày nghiệp nhân quả
Nếu quyết định tin được
Gần ba tăng-kỳ kiếp
Vì tin được nhân quả
Thường nghe pháp Đại thừa
Hay đến địa chủng tánh
Tâm mạnh mẽ chớ sợ.

23. DẠY QUÁN NGƯỜI TU KHÉO HỘ GIỚI TÀI, GIẶC TRẦN THÔI CƯỚP PHÁP:

Tất cả chúng sinh từ vô thỉ đến nay chịu khổ sinh tử, quên mất chánh đạo, chướng ngại thường trụ, pháp thân thanh tịnh, chỉ nhân thức tâm tham lấy trần cảnh. Thí như nhà nghèo mà người trí dạy nghề, tùy dạy sửa nghề dần dần giàu sang. Có sáu giặc cướp đêm đến cầm gậy gõ cửa muốn hại. Chủ nhà liền đóng chặt cửa, tường cao hào sâu nên khỏi mất tiền mà thân an, không có các khổ não. Nghèo dụ cho thân xiển-đề không có một điều lành. Người trí dạy nghề dụ cho kinh luật Phật,

dần có tiền của dụ cho tập tu phước trí, sáu giặc dụ cho sáu trần, đêm dụ cho vô minh, cướp dụ cho tham ái, cầm gậy gõ cửa dụ cho căn đối với trần, cửa khóa chặt dụ cho người tu đạo giữ chặt bốn niệm và năm pháp quán dừng tâm, tường cao dụ cho thiện tri thức và Tỳ-ni chánh pháp, hào sâu dụ cho thân tâm thệ lớn, chẳng phạm luật cấm. Khỏi bị cướp dụ cho hoàn toàn phạm hạnh, giới không thiếu vô lậu, Chư Phật vui mừng, Thánh hiền đồng khen. Thân an dụ cho sinh đường lành trời người, Tịnh độ và Đại Niết-bàn an ổn vui sướng. Tài bền chặt dụ cho trì giới giữ tâm, làm bất thối Bồ-đề, các Ba-la-mật thêm lớn chẳng mất, pháp dụ cho đều hiển các thầy nên biết: Tỳ-kheo phá giới đọa ba đường ác, chìm đắm trong biển khổ, đều do không có thiện tri thức phương tiện dẫn dắt. Lại chẳng tu tập bốn niệm xứ và năm pháp quán dừng tâm. Thầy nên y giới thuận lời dạy bảo này, thì giặc ma phiền não chẳng làm gì được. Cho nên giữ tâm ngăn cấm các căn môn, giặc trần huyễn hoặc chớ cho vào, buộc ý quán không, lìa ngã, ngã sở. Như thế mà tu hành gọi là Tịnh tâm, kệ chép:

Sáu trần như giặc điên
Tham trần thanh và sắc
Vọng tình như ngựa dữ
Thiền bền chắc cấm ngăn
Muốn vào biển Phật pháp
Bền tu đức giới định
Phải trụ ba không môn
Tâm tịnh vui vắng lặng.

24. DẠY QUÁN PHÁP THẾ ĐẾ VÀ ĐỆ NHẤT NGHĨA ĐẾ:

Thế đế là cậy nhờ dòng họ công khanh tước lộc, gặp hôn nhân văn võ kỹ nghệ, bia tích lăng mộ, tranh huân tranh phong, mê đắm danh suông, hoặc vì tài sắc chẳng tiếc thân mạng, thí thân làm ác mà giết hại nhau. Khen ngợi cung tên, cỡi ngựa ra trận, tự bảo là trượng phu mạnh mẽ. Hoặc cướp vợ đoạt chức, giết hại người, trái phép chịu lấy khổ độc phi lý, ăn nuốt sinh mạng, ham hố ca múa ngày đêm buông lung, chẳng nể thân sơ, ăn thịt nhậu nhẹt say loạn đánh chửi, giết hại tranh phải quấy, hoặc oán thù lờn, hoặc đuổi theo tài sắc chẳng nghĩ khó khăn, ăn mặc diêm dúa, ăn uống vô độ, yêu tiếc nuôi dưỡng thân máu mủ hôi thúi, chẳng biết sát-na niệm niệm sinh diệt, già bệnh đã đến rồi chết, sình chương hôi thúi rã rời, cầm thú ăn nuốt. Thần quỉ chịu báo đoạ ba đường ác, trăm ngàn muôn kiếp không được thoát ra. Đó gọi là Thế đế.

Đệ nhất nghĩa đế là không tham các thứ trên, luống dối các việc, tùy thuận Bồ-đề, đến đạo vô vi. Chẳng đồng thế gian sinh tử ra vào đối đãi duyên tu. Chẳng phải sắc cho đến thức, chẳng phải cho đến ý, chẳng niệm công phu thấy nghe hiểu biết, chẳng phải danh cú vị (chẳng câu văn chữ nghĩa), thanh tịnh bình đẳng cũng như hư không, vắng lặng bất động, ấy là Đệ nhất nghĩa đế. Nay quán Thế đế như huyễn hóa, dua nịnh si phàm, không có thật tánh. Rốt ráo trong đạo chân thường mà làm giải thoát, nên gọi là Tịnh tâm, kệ chép:

Thế pháp người cuồng si
Bảo thật khởi tham sân
Nếu biết chẳng tự tánh
Tuệ tánh vào đồng chân
Phàm phu trải sinh tử
Do ái thủ các trần
Nếu biết căn trần không
Tánh vốn là pháp thân
Tham ái gọi Thế đế
Luân hồi mười hai duyên
Trừ tham tức xuất thế,
Câu này chính Phật nói
Đệ nhất nghĩa đế là
Lìa tướng dứt âm thanh
Chỗ nói bình đẳng là
Giả gọi tên bình đẳng
Mượn lời để biểu đế
Nên nói trải tất cả
Mới biết ấm pháp không
Đối trị diệt thân tâm.

25. DẠY QUÁN TÂM HÀNH CHO NGƯỜI XUẤT GIA MUỘN

Người xuất gia muộn có mười thứ lỗi lầm: Một là Kiện Đấu, đời gọi là Kiệt-đẩu, tục khi đã thành tánh tâm ta tự tại, ý lấn hiếp đồ chúng, chẳng nhận lời quở trách; Hai là thích thấy lỗi người, tự nói là tinh thành, sự nghiệp làm ra chưa ắt hợp đạo. Lỗi biết lỗi, chưa hiểu nói hiểu, nói năng thường thêu dệt; Ba là thấy Sư tăng có lỗi khởi tâm ghét bỏ, thiêu mất công đức ba đường ác; Bốn là khinh mạn người khác tự bảo là trượng phu, thân tâm ngang bướng chẳng theo chiết phục; Năm

là hành động vụt chạc, oai nghi không nghiêm trang, lớn tiếng cười to không kiêng sợ; bảy là tâm tưởng tán loạn, thường nhớ việc tục thêm lớn phiền não chẳng thể đúng như pháp mà đối trị; Tám là cười người phá giới, tự cho mình thanh tịnh, chấp trước tướng mạo, chẳng hiểu chân lý, chuyên ngu chấp kiến tranh luận giành hơn, chưa đủ năm đức đã nuôi chứa Sa-di, chỉ ham chúng phục dịch, chẳng để tâm dạy dỗ; Chín là chẳng nhiếp các căn, thân tâm biếng lười, buông lung ngủ nghỉ, chẳng nghĩ tướng sáng, đêm nhiều ác mộng, các vị trời, chẳng hộ trì; Mười là mới vào Phật pháp chẳng thấm đạo vị, lo nghĩ nghi ngờ, toan nghĩ hoàn tục, khinh bạc Tam bảo, lại ôm hối hận. Đã hoàn tục rồi thì ghét người xuất gia, khinh tiện hành giả, thành nghiệp xiển-đề. Mười lỗi lầm này là chánh nhân của địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh. Ông nên tỉnh giác xét biết, gọi là Tịnh tâm. Kệ rằng:

Sức tục khí còn mạnh
Ba độc rất dữ dằn
Tuổi già mới vào đạo
Còn giữ tánh thời xưa
Chẳng mở đem hộ người
Vội vàng ép là chánh
Tự bảo rất tinh luyện
Bảy chi chưa ắt tịnh
Ồn ào theo giảng luận
Chẳng chịu tu giới định
Đã nói mười thứ lỗi
Nếu phạm phải dứt trừ
Thân không một đức hạnh
Độ hai, ba Sa-di
Có lỗi chẳng chịu quở
Phạm tội cũng chẳng phạt
Phá trai phạm tăng trước
Ô giới tiếng xấu đồn
Trời người dần hiếm hoi
Ba đường càng tăng mạnh
Chỉ dạy pháp làm phước
Không pháp để người theo
Tự thân như con nít
Huống điều phục (ngang bướng)
Ở đông ưa đấu tranh

Thường nghĩ việc sân hận
Bốn chúng chẳng cung kính
Quyến thuộc đâu kính khen.

- Hai mươi lăm thiên trước nói về Từ Nhẫn đối trị các nghiệp cấu phiền não mà thanh tịnh thân tâm thầy. Tâm đã thanh tịnh rồi thì gọi là hạnh tự lợi. Nay lại vì ông lược nói hạnh lợi tha Đại thừa. Ông nên theo đạo Bồ-tát mà tự tha đều lợi thì gọi là Tịnh tâm. Tự trừ cấu nhiễm thì gọi là chân Tịnh tâm, tự lợi lợi tha gọi là Tịnh tâm rộng lớn. Kệ rằng:

Như chim muốn bay không
Dưỡng sức, nuôi lông cánh
Bồ-tát muốn lợi tha
Nuôi đức trước lợi mình
Ba tuệ tùy rõ ràng
Song nên trao người trí
Tịnh tâm lập công đức
Kia đây đều đối trị.

26. DẠY ĐỐI PHÁT TÂM BỒ ĐỀ:

Phát đạo tâm như giọt nước gởi trong biển, tuy là rất nhỏ nhưng nước không hề mất. Kinh nói: Một khoảng khắc khởi tâm Đại thừa, sẽ thành Phật đạo. Vì sao? Vì nếu khi tu đạo một trăm mười khổ thì phải kham nhẫn. Nghĩa là các thứ đói khát lạnh nóng ruồi muỗi rận rệp mưa dữ gió bão bốn trăm lẻ bốn bệnh, quở mắng, làm nhục, chê bai, nước lửa, trộm cướp, độc trùng, thú dữ, đánh đập, xâm phạm các việc khó nhẫn, thì đều cam chịu mà không thấy các khổ. Thân ta nhẫn được tu hành sáu độ, tu ba không môn. Vì nhân duyên cho đến thành quả Phật. Kinh nói: Cõi nước nầy tu đạo một ngày hơn phương khác một kiếp. Vì sao? Vì trong đây có nhiều não hại mà nhẫn được thì rất ít. Tuy nhẫn các khổ mà công đức dễ lớn. Ở Tịnh độ không não nên Phật đạo khó thành. Ở trong Phật pháp nếu muốn phối tâm phải nhớ quá khứ trải qua vô lượng kiếp ở trong địa ngục chịu lửa dữ đốt nát thân mà không trốn chạy. Khổ trong loài người trăm ngàn muôn ức cũng không bằng khổ ấy trong nháy mắt. Nếu chẳng bền chặt siêng thực hành các độ thì làm sao hết được khổ lớn sinh tử. Người tội ba đường còn cứu được nếu chẳng thể cứu thì sao gọi là từ bi. Đã không có từ bi thì Bồ-đề phần nương vào đâu làm gốc. Nếu không có cội gốc thì xa lìa bản tánh. Cho nên Bồ-tát nguyện hết đời sau chẳng phá giới Bồ-tát. Hàng Thanh văn chịu giới suốt đời, thầy nên khéo biết hai giới khác nhau. Bồ-tát chẳng nhiễm ba

cõi, mà chẳng chán ba cõi, cầu đạo vô vi mà chẳng trụ vô vi, thường ở trong sinh tử mà không sinh tử. Vì sao chẳng nhiễm ba cõi? Vì phiền não đã hết, vì nghiệp chẳng trói cột, chẳng chán ba cõi vì thương xót chúng sinh, vì đại từ bi, vì cầu đạo vô vi, vì muốn lợi mình người, vì thuận theo Đại thừa. Vì sao chẳng trụ vô vi? Vì nhiếp chánh pháp, vì nhiếp chúng sinh. Vì sao thường ở sinh tử? Vì lợi đồng sự, vì bổn nguyện vô tận mà chẳng phải hạt giống nghiệp sinh tử hết, vì được tự tại hoàn toàn, vào biển giải thoát. Do đó chẳng ở đây kia, chẳng đắm giữa dòng, lìa ở giữa và bên mà tâm không trụ biên đạo. Vì sao? Vì chẳng giữ tự tánh pháp nên như thế. Thường quán bốn Đế, mười hai nhân duyên, nhóm khổ sinh tử, khởi bốn thệ nguyện rộng lớn, lập chí Đại trượng phu, thường dùng bốn nhiếp lợi ích chúng sinh, thường tu bốn tâm vô lượng, oán thân bình đẳng, thường thực hành sáu độ, lợi ích tự tha, thường tu muôn đức cầu Vô thượng Bồ-đề, vì thành mười lực vô úy Bất cộng pháp. Nay chỉ lược khuyên, nói rộng sợ văn rườm rà. Hay y đây mà răn dè, gọi là Tịnh tâm rộng lớn. Kệ rằng:

Nếu phát tâm Bồ-đề
Đông niệm khởi từ bi
Cầu ở đạo vô vi
Thân thường ở hữu vi
Bốn nhiếp điều chúng sinh
Sau mới thọ ba qui
Thí như chỗ tối dữ
Mặt trời phát ánh sáng
Tự chưa thoát các khổ
Trước phải cứu gian nguy
Vô duyên tu bốn đẳng
Lợi ích và trừ suy
Gặp một trăm mười khổ
Cam chịu không hề giận
Cũng chẳng thấy tướng khổ
Lại chẳng thấy thân ta
Thân khổ hai đều không
Nhẫn pháp cũng như thế
Các khổ và Nhân pháp
Ba tướng diệt theo chân
Bồ-tát chẳng trụ đạo
Tùy theo hạnh lợi ích

Thường ở trong ba cõi
Cứu giúp chúng sinh khổ
Mê đạo khiến thấy đạo
Vô minh khiến được sáng
Tay tuệ cầm bài vàng
Vạch màng, trị đám mù
Diệt thì chẳng diệt hẳn,
Sinh thì chẳng thường sinh
sinh diệt đều rốt không
Phàm Thánh xưa bình đẳng
Nguyện từ nay về sau
Bèn thành chủ pháp giới
Chẳng khởi một dục tâm
Tham nhiễm mọi người nữ
Nguyện từ nay về sau
Cho đến thành Phật đạo
Đối tất cả chúng sinh
Chẳng chê bai, sân não
Nguyện từ nay về sau
Cho đến chứng chân như,
Chẳng khởi tâm điên đảo
Chấp trước đối sáu trần
Nguyện từ nay về sau
Cho đến bờ vô vi
Chẳng khởi tâm phan duyên
Nghĩ các ác giác quán
Nay phát tâm Bồ-đề
Đời đời vượt tám nạn
Thệ rộng đã hẹn rồi
Đạo tâm không lui tan.

27. DẠY QUÁN GIÁO HÓA CHÚNG SANH:

Đã phát đạo tâm phải tu muôn đức. Tông chỉ cương yếu chẳng ngoài hai thứ: Một là tự lợi, hai là lợi tha. Hạnh tự lợi đã lược nói rồi, hạnh lợi tha nay cũng nói sơ, là trước phải rủ lòng từ bi nghĩ ba cõi khổ, lại ở loài người mà giáo hóa làm lợi ích chúng sinh, nói năng dịu dàng, khiến họ điều thuận, biết tin nhân quả, quy y Tam bảo, suy lường căn tánh lợi độn mà rộng hẹp dạy trao từng bậc, chánh pháp các thừa: Nhân

thừa, Thiên thừa, quả báo ba cõi, tuy là kham thọ hóa đạo hữu lậu, từ trời người mà dẫn vào cảnh ba thừa vô lậu. Hoặc có chúng sinh ngã mạn buông lung tham sân hừng hẫy, chẳng kính Tam bảo, chê bai bác không nhân quả. Nhất Định biết nghiệp nầy sẽ đọa địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh. Liền dùng phương tiện khéo léo khiến tâm vui ý vui, sau mới dạy dỗ chỉ bày đạo trời người, dạy tu mười điều lành, năm giới, sáu trai, cho lìa ba đường, được quả trời người. Nếu bị mắng chửi đánh đập, ném gạch đá hủy nhục khinh ghét thì đều nhịn được, chẳng sinh lui sụt. Người ấy biết mình hồi tâm hổ thẹn chịu sự giáo hóa. Hoặc lại xuất gia cầu đạo Vô thượng. Người học Nhị thừa, vì nói bốn đế, mười hai nhân duyên, khiến sinh chán hối, biết lỗi hữu vi. Bốn đế là khổ, tập, diệt, đạo gọi là bốn đế, hiểu biết như thật gọi là Đế. Khổ là quả, Tập là nhân. Vì sao trước quả sau nhân? Vì khổ có ba thứ: Khổ khổ, hoại khổ, hai thứ thô ác này chúng sinh mắt thấy nghiệm biết mà sinh chán sợ. Còn môn hành khổ thì người trí hiểu biết. Ba khổ này ở khắp mười phương, nên trước nói khổ khổ từ tập sinh, dạy dứt nhân tập là mười điều ác căn bản và mười thiện hữu lậu. Diệt là sinh tử dứt hẳn, chứng vui giải thoát. Như thế diệt độ vì sao có được. Cho nên phải tu đạo. Đạo là giới, định, tuệ, v.v... từ năm pháp quán dừng tâm khởi lên, cho đến ba mươi bảy phẩm, sáu Ba-la-mật. Cho nên biết khổ, dứt tập, chứng diệt, tu đạo, mười hai nhân duyên, tâm đen tối không biết như người mù đi đêm ở chỗ hoang vắng bị lạc đường, nên gọi là Vô minh. Tham nhiễm pháp thế gian gọi là hành, luống dối tri kiến gọi là Thức, thức thần vào thai đến chỗ thọ sinh, hợp với bất tịnh gọi là Danh sắc. Hiện ấm thành căn thông thức tới lui gọi là sáu nhập. Căn trần đối nhau gọi là xúc. Xúc sinh ra trái thuận mà thương giận thành nên gọi là Thọ. Đối với việc thuận tình thì tâm nhiễm móng lên nên gọi là Ái. Ái (yêu thương) chẳng bỏ nên gọi là Thủ (giữ lấy). Lấy rồi thuộc thân thành nghiệp hữu lậu nên gọi là hữu. Hữu nghiệp đã định thì cảm lấy quả báo đời sau nên gọi là Sinh. Sinh mạng chẳng dừng trụ nên gọi là già chết. Già chết lại sinh, đến cuối rồi trở lại đầu. Ngàn muôn ức kiếp bỏ thân, thọ thân, nên gọi là luân hồi mười hai nhân duyên.

Kế dạy mười điều lành đối trị mười điều ác. Ở cõi nhân gian chết yểu là do dư báo sát sinh, muốn được sống lâu thì từ tâm không giết vật. Ở nhân gian nhiều bệnh là do hai dư báo ăn uống máu thịt và đánh đập vật khác. Muốn được mạnh khỏe thì bỏ ăn uống máu thịt và không đánh đập (hành hạ kẻ khác). Ở nhân gian nghèo hèn là do dư báo trộm cắ, muốn được giàu sang phải ra sức bố thí, dứt trừ tham tiếc. Ở nhân gian

hèn hạ là do dư báo kiêu mạn, muốn được tôn trọng, phải cung kính. Ở nhân gian xấu xí là do dư báo giận dữ, muốn được đẹp đẽ thì phải nhẫn nhục. Ở nhân gian ngu mê là do dư báo uống rượu, muốn được trí sáng phải đọc tụng kinh điển Đại thừa. Ở nhân gian tham là do dư báo quỉ súc, muốn được phạm hạnh thì thường quán lỗi của dục, cấm dứt dâm dật. Ở nhân gian tánh dữ là do dư báo rồng rằn, muốn được điều nhu hòa nhan (dáng hiền lành) thì phải lìa tâm tranh giành, nếu có hối hận thì phải tự quở trách. Ở nhân gian tà kiến là do dư báo chê bai chánh pháp, muốn được chánh pháp thì phải gần giữ thiện tri thức. Mười thứ này là chánh hạnh đối trị.

Vì sao nói dư báo mà không nói chánh báo. Dư là hiện thấy tức có thể khởi nhàm chán. Địa ngục, ngạ quỉ chẳng hiện thấy cho nên sợ nghi chẳng tin. Một đường súc sinh ở trước mắt, thật thấy chánh báo, người ngu nói do trời sinh để ăn, nghi không phải là nghiệp. Mười nghiệp này nhân gian ác nặng, dạy người chưa tin khiến tâm hiểu rõ, sợ đọa ba đường mà mất hẳn thân người. Ấy vì trước dạy khiến sinh lên cõi trời hưởng các điều vui sướng. Nếu Phật ra đời sẽ trước độ các vị trời, còn người thấp kém nghe Đại thừa thật tướng lý không thì tâm rất kinh hãi, ngất xỉu, hoặc khởi tâm chê bai. Cho nên Chư Phật trước dạy người chưa hiểu mà giúp phàm vào Thánh, thí như có hầm sâu trăm ngàn trượng, dưới có cứt đái, các trùng máu mủ, lạnh nóng đói khát, đánh đập trói buộc, chém chặt giết chóc, buồn đau khóc lóc, khổ não hôi thúi đầy dẫy trong đó. Có chúng sinh ngu, mê đắm hầm này cho là vui sướng. Người trí từ bi chẳng tránh hiểm trở vào hầm mà dạy bảo khiến thoát ra, ngàn muôn ức lời chẳng chịu nghe theo. Chẳng nói ngoài hầm còn có chỗ tốt, người ấy chỉ nói hầm này là pháp thường trụ (chỗ nên ở lâu). Bấy giờ, người trí suy nghĩ trong hầm đầy dơ uế khổ não khó ở, ta phải độ hết rồi mới thoát ra. Nên trong hằng sa kiếp đồng ở trong hầm chẳng nề cực khổ. Người trong hầm giận hờn lại sinh chê bai. Các thứ dạy bảo đều không có tâm thoát ra. Hầm dụ cho ba cõi, kẻ ở dưới dụ cho phàm phu, các khổ bất tịnh dụ cho thân năm ấm. Người trí dụ cho Phật, dạy dụ cho từ bi, thương chúng sinh khó cứu dụ cho trời người dưới hầm. Trở về trước bốn đế, mười hai nhân duyên gọi là Nhị thừa, phá tướng sáu Ba-la-mật duyên tu mười địa gọi là Đại thừa. Như thế Đại phẩm Hoa Nghiêm đã rộng phân biệt. Lại mất Đạo đế và mười tám không, nhập vào lý bình đẳng, biển không nghĩ bàn, lìa các hình danh ấy là Phật thừa. Như kinh Tư-ích, Duy-ma Tín Lực Nhập Ấn, Thủ-lăng-nghiêm, v.v... trụ ở lý chân không dứt nói dứt làm. Như ngàn muôn sông rạch khi chảy ra biển thì

mất hết sắc tướng cũ. Đạo đế duyên tu phương tiện tịnh pháp cũng giống như thế. Ông nên tu tập Vô duyên từ bi, tùy khả năng mà khuyến hóa, khuyên mình khuyên người đối với thân mạng tài sản mà làm Đại thừa, nên chẳng sinh luyến tiếc. Vì một chúng sinh trải nhiều năm tháng lập nhiều phương tiện, nói nhiều Phật pháp khiến cho hiểu rõ, bỏ khổ sinh tử mà được vui tự tại. Vì nhiều chúng sinh cũng giống như thế. Đó gọi là lợi tha giáo hóa chúng sinh. Tuy có lợi ích này, chớ sinh một niệm tâm sáu tướng. Thí như người huyễn vì huyễn nói pháp. Nếu thấy ta nói kia nhận ta dạy thì có ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả tức là tâm ma, tâm sinh tử, tâm chướng ngại, tâm tự buộc ràng. Ông chỉ nên phát khởi tâm Bồ-tát chớ sinh sợ sệt, thí như trăm sợi tơ dọc mới có một sợi ngang tuy chưa thành xấp vải mà đều dệt đan nhau. Được đầu mối tức là bắt đầu khởi làm, dần dần nhiều công lao sẽ thành xấp vải. Lợi tha sáu độ vì dứt não cho người khác, tự thực hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, định tuệ, v.v... cũng giống như thế. Trước tự hành đạo, sau mới dạy người, thì người liền tin phục. Tự mình tạo việc ác lại dạy người làm lành mà họ liền tin theo thì không có việc đó. Hoặc miệng siêng nói mười hai bộ kinh, phương tiện khéo léo các thứ thí dụ khiến người tin hiểu. Hoặc dùng thân mà khuyên, tự mình tu muôn đức, tất cả nghiệp lành khiến người khác tu tập theo. Hoặc dùng ý mà khuyên, nghĩ nhớ giáo đạo làm các chương cú dễ hiểu mà bố thí cho chúng sinh khiến đọc tụng mà khởi tín hiểu đúng thì gọi là lợi tha. Nói pháp giải thích năm thừa tự thành biện tài là tịnh khẩu nghiệp. Khéo hiện oai nghi, cung kính lễ bái cúng dường Tam bảo. Siêng khổ lợi tha, tự thành tướng tốt là tịnh thân nghiệp. Nếu nghĩ chúng sinh mê lầm chịu khổ, nghĩ muốn cứu giúp là tịnh ý nghiệp. Lợi tha khiến chúng sinh tịnh tín lại giúp thân mình thành ba nghiệp chân chánh. Nói biết lợi tha còn là tự lợi, tuy là lợi tha mà luôn tự lợi ích mình. Nhưng người thọ hóa (được dạy) đều được thấm nhuần. Nếu dạy trăm ngàn vô số chúng sinh thì trí tuệ càng thêm, dần thành bốn biện tài. Chẳng giống như tài thí thí, ra thì tốn hao. Còn khi nói pháp thì chẳng nghĩ tài thực. Cho nên, Đức Thế tôn nói pháp không hề nói trước mà sau thọ nhận cúng dường. Công đức giáo hóa cao hơn núi Tu-di, sâu hơn biển lớn. Vì nhân lợi tha mà thành quả Phật, hãy học như thế gọi là Tịnh tâm rộng lớn. Kệ rằng:

Nếu thấy ngu si nặng
Chớ nói pháp sâu xa.
Người nghe sinh chê bai
Chịu khổ trăm ngàn kiếp

Đời trước không tập khí
Nên nghe pháp nghi sợ
Ngã kiến chấp đoạn thường
Chưa tin nghiệp ba đời
Xét căn trao thuốc pháp
Gọi là người đại trí
Tâm tà không chánh kiến,
Nghe pháp lại nổi giận
Như tằm nhả kén tơ
Tội nghiệp tự buộc ràng
Vì chẳng chịu nghe pháp
Thường bị lưới ái buộc
Tất cả môn chân như
Khéo dùng phương tiện khởi
Hễ muốn dạy chúng sinh
Ái ngữ khiến vui vẻ
Bồ-tát Đồng thể Bi
Xem người khác như mình
Nhu hòa khéo giúp hộ
Như sữa hòa với nước
Có lúc phải nói nhiều
Có lúc phải làm thinh
Biết thời gọi Pháp sư
Thấy mặt biết căn lực
Nếu chẳng xét cơ tánh
Chẳng gọi có trí đức
Mịt mờ ở trong tâm
Chỗ làm thành phép tắc
Khi dùng lời dịu dàng
Lúc lại nói điều dữ dằn,
Căn mềm, lời mềm
Phục dữ, hiện oai mãnh
Các thứ điều chúng sinh
Đối trị các thứ cảnh
Phương tiện khéo như thế
Chỉ có Bồ-tát làm
Hễ muốn dạy dỗ người
Từ vui chớ khiến giận

Xúc tình khởi độc tâm
Liền tạo nhân địa ngục
Người không nghe phi pháp
Trao giới khiến sinh người
Lại khỏi khổ ba đường
Dần dẫn về chánh chân
Vì nói pháp Tứ đế
Dạy rõ mười hai nhân
Khiến biết khổ sinh tử
Đến thẳng cửa Niết-bàn
Người có tánh đại dục
Nhập lý vì bàn luận
Phá tướng mười tám không
Trong thân không Thế tôn
Năm thừa dần phân hóa
Nhổ hẳn gốc vô minh
Đó là nghĩa lợi tha
Thuận giáo báo ân Phật.

28. DẠY QUÁN PHẬT TÁNH CHẲNG PHẢI MỘT CHẲNG PHẢI HAI, CHẲNG PHẢI CÓ CHẲNG PHẢI KHÔNG, Ở TRONG TRUNG ĐẠO MÀ CHẲNG VƯỚNG MẮC TRUNG.

Đã phát đạo tâm lại lợi tự tha, phải biết chúng sinh đồng có Phật tánh. Lược nói mười thứ, có nói rộng ở các kinh: Một là sinh tử phiền não từ chân tánh khởi lên. Dụ như nước vốn yên tịnh, nhân gió thổi mà sinh sóng động, sau nhân lạnh dữ mà kết thành băng. Phật tánh chúng sinh như nước vốn thanh tịnh, do gió giác quán mà có sóng sinh tử tham ái bền chắc thành băng phiền não. Muốn hiển bày Phật tánh thì lửa tuệ làm chảy băng thiền định dứt sóng. Băng chảy nước sóng dừng nước liền thanh tịnh mà hiện bóng Phật tánh; Hai là như vàng ở trong quặng dơ bẩn lẫn lộn, nấu chảy vàng rồi mới hiện ra báu, nhất định không nghi ngờ. Phật tánh của chúng sinh ở trong quặng phiền não, lửa giới định tuệ luyện ra chân tánh pháp giới cao nhất không gì sánh; Ba là như trâu chưa sinh ra sữa còn lộn máu, duyên thành mới dừng, chưng nấu thành đề hồ sáng sạch, tùy bình đựng mà đổi mầu không giữ được tự tánh. Phật tánh của chúng sinh lìa phiền não như sữa có lộn máu, nhờ duyên tu trị dần đến quả Phật, phát khởi thần thông tùy chúng sinh biến đổi, đồng loại cứu khổ chẳng giữ tự tánh; Bốn là dụ như một người đi ngàn

muôn dặm ngủ đêm nhiều nhà, tuy có nhiều nhưng người chỉ là một. Nhà dụ cho năm ấm, người dụ cho Phật tánh. Phật tánh của chúng sinh trải qua năm đường, mỗi ấm tuy khác nhưng Phật tánh chỉ là một, người khác nhà khác nên nói chẳng phải một. Người thường là một người, nên nói chẳng phải hai. Băng tuyết chưa tan thì nước chẳng có, băng tan rồi thì tức là nước, nên nói chẳng phải không. Đạo lý Phật tánh chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải có, chẳng phải không; Năm là bốn đế, mười hai nhân duyên, bốn đẳng, sáu độ thuộc ba mươi bảy phẩm Đạo Đế, gọi là Phật tánh; Sáu là bốn pháp gần gũi gọi là Phật tánh: Một là gần gũi thiện tri thức, hai là gần gũi chánh pháp, ba là thân cận tịnh tư, bốn là gần gũi đúng như lời dạy mà tu. Lìa bốn pháp này mà được thanh Phật thì không có việc đó; Bảy là Phật tánh chẳng phải một bên mà là Trung đạo. Năm ấm của chúng sinh gá vào Phật tánh mà khởi, nên gọi chẳng phải đoạn, sinh diệt như huyễn nên gọi chẳng phải thường. Người nương năm ấm bèn được tu đạo, ấm nhờ thần giữ nên mới còn; Tám là lìa chân vọng gọi là Phật tánh, lập chân để nói về vọng, đối vọng để nêu bày chân. Nếu diệt vọng thì pháp chân gọi là chẳng sinh. Phật tánh thanh tịnh, trí chẳng thể biết, thức chẳng thể biết; Chính là pháp năng thuyết được hiển bày ở không nói, không của không nói cũng chẳng thể chấp, nên gọi là Phật tánh; Mười là không bình vắng lặng và có loạn cùng đi. Thể lìa hình danh mà thường hiển bày danh sắc. Ấy là mười tánh trí vô ngại cùng si phàm như một. Như giải thoát chân thật vốn từ phàm khởi. Tuy có dụ này nhưng nghĩa Phật tánh chỉ có Phật mới biết. Lược nói mười thứ, rộng sợ văn rườm rà. Ông hãy quán biết gọi là tịnh tâm chân thật. Kệ rằng:

Tất cả các chúng sinh
Bình đẳng có Phật tánh
Phật tánh lẫn phiền não
Trần nhiễm chưa thanh tịnh
Giới định trừ khách trần
Thì lìa đường sinh tử
Tánh ẩn gọi sinh tử
Tánh hiển gọi Hiền Thánh
Năm ấm tuy trôi lăn
Phật tánh xưa nay định
Người muốn biết Phật tánh
Gắng sức tu tám chánh.
Mới phát đạo tâm chạy tìm đạo

Tâm tà thấy cong chưa ngay thẳng
Giang Nam, Giang Bắc cầu Bồ-đề
Bồ-đề cùng làm chẳng biết nhau
Ngoài thân tìm hỏi đã mệt nhọc
Một chỗ tịnh tư mau thôi dứt
Bỗng nhiên tỉnh ngộ biết ít phần
Mới biết Bồ-đề dấu trong thân
Hiểu phiền não tánh không như huyễn
Chưa chết chẳng lâu tự cùng cực
Niết-bàn sinh tử đồng như một,
Đạo lý chẳng hai cũng chẳng tức
Nếu hiểu rõ được pháp căn trần
Nuôi lớn cánh vô ngại thần thông
Quán sát năm ấm nhờ duyên sinh
Tự tánh xưa nay trùm mười phương.

29. DẠY QUÁN TRÍ RUỘNG PHƯỚC KHÁC NHAU:

Đã khởi đại tâm tu lợi tự tha gồm quán Phật tánh, đây là tướng nhân. Kế phải quán quả. Quả là trí Phật. Kinh nói: Trí của chúng sinh đầy khắp Đại thiên không bằng trí của một vị Tu-đà-hoàn. Trí của cả thế giới Tu-đà-hoàn không bằng trí của một vị Tư-đà-hàm, trì của cả thế giới Tư-đà-hàm không bằng trì của một vị A-na-hàm, trí của cả thế giới A-na-hàm không bằng trí của một vị A-la-hán. Trí của cả thế giới A-la-hán không bằng trí của một Bích-chi-phật. Trí của thế giới Bích-chi-phật đầy khắp mười phương không bằng trí của một vị Bồ-tát chủng tánh, như thế từng cấp bậc, chẳng bằng trí của Bồ-tát Thập Địa. Trí của khắp Bồ-tát Thập Địa không bằng trí một niệm của Như lai. Cho nên trí tuệ của Thế tôn như biển lớn, hằng sa Đại sĩ đều cùng nghĩ lường cũng không thể biết được một bước chân của Như lai. Cho nên phải một lòng tinh tấn cầu trí tuệ Phật. Nếu đem ăn uống y phục, ngọa cụ, thuốc men mà thí cho chúng sinh phàm phu khắp một thế giới thì chẳng bằng bố thí cho một vị Tu-đà-hoàn, bố thí cho một thế giới Tu-đà-hoàn cũng không bằng bố thí cho một vị Tư-đà-hàm. Cho đến cứ tính cao hơn, cứ tính cho một vị Bích-chi-phật chẳng bằng cúng dường cho một Bồ-tát chủng tánh, cho đến chẳng bằng bậc Thánh Sơ địa, Nhị địa, Tam địa, Tư, Ngũ, Lục, Thất, Bát, Cửu, Thập địa. Bố thí cho ba Hiền mười Thánh nầy đầy đủ trong một kiếp không bằng quả báo cúng dường Như lai một bữa ăn. Vì sao? Vì Như lai có trí tuệ rộng lớn, tiêu hóa được các cúng dường

cung kính của các trời người, vì trí tuệ nhiều thì tiêu hóa được nhiều cúng dường. Người không có trí tuệ thì lá nước, trên đất còn không tiêu được, huống chi người ăn. Ông phải hiểu rõ bổn ý dạy khuyên, tu tập tịnh giới chớ để cho thiếu phạm. Vì tịnh giới dễ được thiền định. Định tâm thanh tịnh thì phát sinh trí tuệ, phước đức đầy đủ thành năm phần pháp thân trí Nhất thiết chủng. Các trí lực Chư Phật nay lại nói lược. Các thế giới mười phương có những trận mưa hạt rất nhỏ trải qua nhiều năm tháng chỉ trong một nháy mắt liền biết rõ số hạt mưa, đều biết được lượng nước sông biển ở mười phương c đều biết được sức nặng ác núi Thiết Vi, Tu-di, Đại địa ở mười phương, các cõi nước trong pháp giới nhiều như số cát bụi hoặc tâm hành của tất cả chúng sinh khắp cõi hư không đều biết rõ thiện ác. Đều biết mỗi chúng sinh kiếp nào sẽ thành Phật. Núi biển, trời đất, mặt trời, mặt trăng mười phương, đặt trong bàn tay mà đi khắp thế giới, Đế-thích Phạm vương chẳng biết chỗ tới lui. Mười phương nước lửa hút vào miệng nhưng nước không dập tắt lửa, lửa không làm phỏng miệng. Nếu muốn nói đủ thì chẳng thể hết được. Thần lực như thế từ năm pháp quán dừng tâm sinh, từ ba mươi bảy phẩm sinh, từ bốn tâm Vô lượng sinh, từ sáu Ba-la-mật sinh, từ mười địa Đại thừa sinh, đó gọi là trí lực thần lực của Chư Phật, từ trừ bò tài sắc quán năm pháp quán dừng tâm mà sinh, nhân khởi các hạnh thứ lớp đến nay mà thành Phật. Tức là ở đây dạy tướng nói trước sau. Bồ-tát biệt hạnh thứ bậc trước sau, như kinh Hoa Nghiêm chép: Ông nên phát khởi hạt giống từ bi mà gieo trồng trong ruộng chúng sinh, hạt giống cung kính đặt trong ruộng Tam bảo, mầm phước trí sinh, trở thành cây Phật, che mát pháp giới mười phương nở hoa kết trái vô lượng. Từ khi mới phát đạo tâm cho đến rốt ráo, công dụng trong khoảng ấy đều gọi trí chướng, đến Địa Như lai hai chướng dứt hẳn. Lại nhìn sinh tử như huyễn như mộng vốn không chân thật. Người ngu mê lầm, chỉ có Phật là Chánh giác, nên gọi là biết khắp. Nay ông phải nên lấy biển trí của Như lai mạnh mẽ tu nhập vào, gọi là tịnh tâm Quyết định. Kệ chép:

Người trong cõi Đại thiên
Tự nói căn tánh lợi
Đều nhóm hợp suy lường
Chẳng bằng người tín hạnh
Người tịnh hạnh một cõi
cùng nghị luận ra lẽ
Thời gian dài xét lường
Chẳng bằng Tu-đà-hoàn

Tu-đà-hoàn một cõi
Nghị luận và tuyên nói
Kiến giải và tuệ lực
Không bằng Tư-đà-hàm
Cứ thế Bích-chi-phật,
Cứ thế người mười địa
Cứ thế trí khác nhau.
Chẳng bằng thần Như lai
Bố thí các bậc Thánh
Quả báo cứ thế lớn,
Bố thí Thánh mười địa
Cũng chẳng bằng ruộng Phật
Cho nên thầy nên biết
Trí Phật rất cùng tột,
Ruộng phước khó nghĩ lường
Người tin gọi Tịnh tâm.

30. DẠY QUÁN NỘI HẠNH MẬT TU, HẾT LÒNG DẶN DÒ HỘ TRÌ:

Nói về từ nhẫn cha mẹ bảy đời, Sư tăng nhiều kiếp, nghĩa sâu ân nặng, người ngu chẳng biết. Ông mới vào đạo mà lại giã biệt thầy, sớm tối nghĩ nhớ ông, ông có nhớ ta chăng. Nếu ông ấy y chỉ được người tốt ngày đêm làm đúng. Nếu không có người giỏi thì tâm gởi vào đâu. Ông đã xuất gia thọ giới của Như lai, chỉ khoảng mất ý thì chịu khổ nhiều kiếp. Nay thời mạt pháp tâm chúng sinh bạc bẽo, vong ân bội nghĩa, dễ nhàm chán Sư tăng, ưa thích ở riêng, hoặc dạo chơi thỏa tình tự tại. Sợ chẳng như pháp mà đọa đường ác, vì không ai kềm giữ dạy khuyên, nên soạn ra những lời này lược nêu chuyện gần mà nói việc người. Còn các bộ pho khác mọi người cùng biết, ở kinh luận đạo nầy ông phải tự có, Đại thừa yếu nghĩa nêu ra đều đồng. Lại muốn hiển bày thì sợ pho quyển quá nhiều, ngay như việc rửa tâm ông cũng hơn ngàn câu. Ông nên như khát được nước, tùy uống chớ ngậm, chỗ vắng mở đọc, ở đây sợ người thấy. Vì ý ta ông chưa thể biết, dẫu khiến người đời cũng chẳng hiểu rõ. Chỉ người có thiên nhãn mới chứng biết lòng ta, ông nên vâng làm, chẳng hề dối lầm. Vì sao tranh tìm chẳng để người xem? Chỉ có bậc Thánh cùng bậc Thánh, chúng sinh chia theo từng loài, ngu trí khác loại mới dùng loại tụ. Thời nay người học, ý kiến khác nhau cùng theo phải quấy, chê người khen mình, phá người khoe mình, tà quái cười nói,

lời không gấp thì tranh nhau bàn bạc, lời thiết yếu thì khinh rẽ chẳng đoái hoài. Muốn biết rộng mà chẳng rộng làm, mong một mình trội nhất giữa đám đông. Ham tiếng khen hảo huyền, thông minh dứt tiếng quên mất thân tâm, ham hố danh lợi ba đường sẽ đến, không thể tránh khỏi. Kinh nói: Ví như một ngày khều mắt ngàn người, ngày ngày (nhiều mặt trời) thiêu nhiều ngươi. Người này thật làm tội nặng ở trước lấy đây che chở chỉ ông tự biết. Chẳng phải trong khuyên dạy có nhiều lỗi lầm. Ở đời có lời vặn hỏi, lời cùng theo, lời phá hoại người, lời thêu dệt, lời vượt lý, lời cổn, lời phiên, lời điệp, lời mê người, lời não loạn, lời sai muộn. Nay thì kẻ hậu sinh chuyên học lời này. Người hiểu trước dối kẻ chưa hiểu, quen thói nói suông, đâu liên quan gì với tu đạo, nhọc miệng khổ thần, tâm không thấm nhuần, phiền não lại thêm, ngã ta càng lớn, một đời siêng năng khổ nhọc, tốn công mà không có phước. Ý ở danh lợi chưa hiểu tịnh tâm, mượn danh được lợi, làm sao tiêu được. Như lửa dữ khó chịu khó gần. Lại còn lời đúng pháp, lời dễ hiểu, lời thân tâm, lời giới luật, lời thiết yếu, lời lìa tội, lời trị chướng đạo, lời nhập vào lý, lời thành tựu., v.v... Nếu thấy các lời như thế liền vỗ tay cười lớn, mắt chẳng muốn nhìn, huống là vâng giữ thọ trì. Ông phải tìm kỹ từng chữ xét lường, trong một chữ có vô lượng nghĩa. Nếu xem ngay thì chốc lát liền khắp, y lời dạy mà thực hành. Một đời chẳng thấu suốt, quí ở làm nhanh, chẳng ở rơi nhanh. Tay cầm mắt xem, đến phải nhỏ lệ nghĩ là khó gặp như thấy được Thế tôn. Vì sao? Vì giảng nói khuyên phát thuận theo Thánh đạo, vì dạy ông tịnh tâm đến Bồ-đề. Phàm kinh luận dạy nghĩa có hai thứ: Một là thuận lý, Như lai Bí tạng, không bình đẳng, mất tướng nhập vào chân, xung huyền mất cảnh, Bổ xứ chẳng biết, Nhị thừa chẳng hiểu. Đó gọi là thuận lý; Hai là văn nghĩa dễ hiểu, khi đọa thì trơn nhanh, hoặc làm kệ tụng hay đẹp thích ý, gọi là thuận tình tướng dục, giống cạn do đây mà vào sâu, bỏ kiến đều là phải, lập kiến đều là quấy. Thí như biển lớn, mới vào thì nước ngập chân, dần dần đến chỗ không bờ không đáy. Như trẻ con bảy ngày chưa ăn tiệc được, quê mùa chân lấm tay bùn làm sao lược ngồi kiệu ngồi xe. Chưa ăn được mà ăn thì nghẹn cổ, chưa ngồi xe mà ngồi thì người trí chê trách. Chỉ có biển lớn Phật pháp không trí chớ vào, đài báu cao ngàn nhận không bậc chớ lên. Mới vào cửa đạo, chưa tu giới định tuệ mà vượt học Không Tông thì Phật chẳng vui. Ỷ công trạng ở đời, kẻ tầm thường vội cầm quốc ấn, vua nếu thấy thì sẽ phạt nặng. Phải từ năm pháp quán dừng tâm dứt phiền não mà chứng quả Thánh. Nay lời dạy này vốn không trau chuốt, thương ông tình thâm chỉ việc mà dạy khuyên. Lại hận thầy đội mũ mà

ngu ở dạy dỗ, cho nên dùng lời thiết yếu để nhập tâm như đối trước mặt mà nói để giúp ông đạo hạnh, tự biết mình rồi thì dạy cho kẻ đồng học và những người trí khác. Còn Ta thì bệnh nặng, đêm ngủ chẳng yên, may gặp ông ngay đây ân cần dặn dò chỉ dạy như giới tịnh tâm này.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 166

THÍCH MÔN CHƯƠNG PHỤC NGHI

SỐ 1894

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1894

GIẢI THÍCH MÔN CHƯƠNG PHỤC NGHI

LỜI TỰA

Pháp thân vô tướng, Lô-xá-na ngự các trân phục mà hợp tác căn cơ Ba thừa, ứng cơ đời trước. Như lai tự lấy thân trượng sáu mà mặc y Tăng-già-lê bằng vải thô. Người học Phật không ai chẳng vâng theo. Đến khi kiêu đại luận bàn tâm tánh, nghi tướng sơ sót thì tệ-ma thừa dịp mà phá rối Thánh chế. Đó là mùa Đông thì mặc lụa dầy ấm, mùa Hạ thì mặc lụa mỏng mát. Các thứ xa xỉ đều chẳng nên làm. Chẳng biết áo tơ tằm Như lai cấm, xuất phát từ tâm từ để làm ruộng phước cho đời, chữ để thoát nạn cướp đoạt, phụ thức cao lưu không gì bằng tâm đau xót đứng đầu. Do đó Nam Sơn Chương Phục Nghi được soạn ra thì khiến người có chí biết cách mà làm, há là việc nhỏ. Đủ lắm thay. Song sách này tuy còn mà đời sau giảng thì rất ít sao ở trong hưng phế của Thánh chế mà buộc thời vận. Ở thời tượng quí tà ma rất mạnh, thì người biết cũng tùy chúng, do đó tuy phế mà cũng hưng. Cho đến thời đấu tranh kiên cố thì kẻ tầm thường đều biết mà thôi. Do đó để cứu đời, Đại sĩ nói thẳng ý chỉ Phật tánh thường trụ để tiếp nối tuệ mạng, sau lại giúp luật nghi cứu chỗ gấp. Thí như thấy người đói lạnh thì trước phải cho ăn, sau mới cho mặc. Đó là vì hộ pháp mà cho cùng hòa quang. Nhiều người chẳng thấy ý của Đại sĩ, sau một bữa ăn sắp bị chết lạnh nên Thánh chế do đó chẳng thể hưng. Bèn tỉnh ngộ Tỳ-kheo ta, muốn khắc in Chương Phục Nghi để truyền rộng ở đời và cùng ứng pháp ghi sách mình. Lại xin lời tôi nói để ở đầu quyển, tôi ngạc nhiên bảo rằng: Tỳ-kheo dù chẳng ra gì cũng là đệ tử Phật, muốn chẳng vì người mà bỏ lời ư? Than ôi lời tôi ai theo, song tôi cũng có chỗ nghe, chỗ nghe không phải lời tôi, làm sao từ chối được, bèn soạn lời tựa.

Niên hiệu Khoan Văn năm thứ năm, mùa Đông năm Ất Tỵ.

Thảo Sơn Tang Môn, Bất Khả Tư Nghị kính đề.

THÍCH MÔN CHƯƠNG PHỤC NGHI

Sa-môn Thích Đạo Tuyên ở Thần Châu soạn.

Có Sa-môn Hán Âm bảo ở Khai Sĩ Thái Sơn nói: Kẻ hèn này nghe rằng phàm đạo Từ Tế xưa nay đã từng thấy rộng làm ở mọi nơi do xưa nay đồng kính ngưỡng. Há không phải là nhân dục thành hóa thì che trùm cả lượng nghi. Nhiếp ngự khai nghiệp thì tuệ thấm vượt cả ba đại, chắc chắn phải rộng lớn hiển bày ở tánh mạng, bốn loài sơ giải tinh linh, hợp từ bi ở chín hữu. Nếu thấy các Sa-môn oai dung tôn quí, ngôn hạnh khác thường. Chê bước lên kỳ vực mà trách trọng nạp ẩn hầu. Tằm tơ che mình không thêu dệt hóa thì không do đâu mà buông lung tâm loài côn trùng, mềm mỏng kính tạ, không mềm mỏng thì không do đâu để an nỗi lo việc áo cơm, không biết thẹn đã mất đức ở Nho tông, hạt giống Thánh sớm mất, chắc chắn chôn đạo ở huyền phủ. Ấy thì chuyên môn dạy tịnh, uổng bày nghi dạy bảo vâng theo rất ít, vọng bày ước chê, e rằng chánh pháp suy đồi trọn một ngàn sáu trăm (1600) năm. Vội đem chỗ nghi mà xin chỉ rõ cho Khai Sĩ nói: Từ khi Đấng Pháp vương thấy lợi nhiều bèn mở bày đạo từ bi bác ái, thật bến bờ ở phẩm vựng. Cõi Dục loạn thiện còn gồm cứu làm lời nói đầu. Sắc có tịnh duyên cũng bốn hoằng dẫn đầu, huống chi đạo vượt âu vũ, đức vượt ràng buộc. Chẳng phải an nhẫn ở bất nhân, đâu dung tình giết chóc, có thể đoán biết. Khanh chẳng nghe ư, lại vì khai dẫn, ăn thịt và mặc áo tơ tằm tùy cơ khai chế, tổn sinh và hại mạng mong sớm chấm dứt. Thế mới biết nghĩa cử thích hóa khéo vì đạt tánh làm công để lược nhiếp dụng, đều qui giúp lý làm mục đích. Chỉ vì thuần nguyên cửu tạ, gió nhiều chẳng dừng, bèn khiến Ca-sa có bằng chứng đổi trắng, Sa-môn dứt nẻo sưu huyền, chống gối mãi lo ấy sao nói đủ. Sa-môn nói: Kẻ hèn này vốn là Hán âm ở ngoài Kinh đô, mong được vui thừa, mong nhìn dấu vết. Mỗi khi khi biến đổi áo tục làm Sa môn vào đạo, chỗ vắng nghĩ suy làm nguyên chỉ cho cây ra đời, đến lụy áo cơm đã bỏ lâu ở tục trần, buộc ràng kiến ải chưa mở toang ở bụng dạ. Do đó chẳng xa ngàn dặm hỏi đạo ba lần, đến chỉ tốc nay lại càng thành mới. Huống mong luận khác bạc thí rộng mở đao mầu, nhiều khiến nghi hình có chứng cứ, đuốc pháp

chiếu sáng, luôn lại chiếu sáng nơi sâu kín, phong của đạo thọ vượt xa. Tôi lại dạy rằng: Đạo hưng thịnh xuống đất nầy, nhất yên. Lý thì rộng phân ở thanh tâm, sự thì hiển tướng tốt ở có hình. Vì chánh đạo mầu nhiệm, nhiều kiếp chưa thể thấy. Linh dận sáng tỏ, hàm thức ở đây mà du ngưỡng. Thế mới biết vườn Nai mới mở, cây hạc cuối cùng, mở ra khuôn phép độ đời, nêu bày dấu vết rạng rỡ, cạo đầu nhuộm áo khác lạ, đổi tập tục sinh thường. Nghi lượng cứ ắt kín cầu ở xem xét. Lại bốn hòm tám Tạng khó dùng bị nhục, một tập ba y đâu cho chẳng hiểu. Đã là việc thường của nhà Phật không thời nào chẳng trải, nghĩa chẳng dối còn, sự hợp chân giáo, nên khiến trụ trong pháp môn. Chỉ nương công đức của hình phục, sinh ra ba Thánh, gồm nghiệp tu của Tổ trước, nay lược vì ông lập mười thiên, tùy thiên mà tổ chức trình bày.

1/ Thiên Chế Ý Thích Danh, 2/ Thiên Lập Thể Bạt-tục, 3/ Thiên Thắng Đức Vĩnh Viễn, 4/ Thiên Pháp Sắc Quang Tục, 5/ Thiên Tài Chế Ứng Pháp, 6/ Thiên Phương Lượng Tràng Tướng, 7/ Thiên Đơn Phức Hữu Cứ, 8/ Thiên Phùng Chế Tài Thành, 9/ Thiên Bổ Hoán Thành giáo, 10/ Thiên Gia Pháp Hành Hộ.

1. Ý chế và giải thích tên:

Sắc phục dễ cảm người là việc gốc. Chỗ về của đạo pháp mở hóa đầu nguồn. Cho nên đấng Từ phụ vượt thành vào rừng. Gặp một thợ săn mặc áo ca-sa, bèn cởi áo báu đổi Tăng-già-lê vải thô mặc vào mà thành Chánh Giác, sau đó khai hóa. Hoặc tự hoặc tha sáng nhiễm huyền cương trước mặc áo này. Cho nên Phật gọi Thiện lai, áo tục đổi thành pháp y, tám việc tùy thân như Thiện Kiến nói: Yết-ma thọ, trước lập hình đồng chánh nghi. Cho nên luật nói: Ông ấy cạo tóc nhuộm áo đồng với người xuất gia, đây là chứng cứ. Vì sao? Vì do không đổi áo quần thì không lấy gì làm sáng nghi. Nếu không khác tục thì không lấy gì để hiển sáng đạo. Tóm lại, đều là thuyền bè thoát biển khổ, thêm thang của sự sống. Cho nên Kinh Hiền Ngu chép: Mặc pháp y nầy (sẽ) mau giải thoát sinh tử. Cho nên Phạm Vương bố hóa tồn sinh mà lập vận thông. Thích Tôn để lại khuôn phép quên ngã mà bỏ tội phước, khuynh năm trụ ở tâm trần, bài hai chết ở trong ngoài. Cho nên biết, hiến nữ một vạch bày nhiều kiếp mà y thoát được. Thú Vương vừa thấy chịu đựng khổ chết mà biết qui tâm, thật chẳng luống dối. Hỏi: Đã biết chế ý, chẳng biết tên gì? Đáp: Tìm ở Tây Phạm cho đến Đông Hoa, âm nghĩa trái vượt. Thánh chủng và phàm tập lý dứt danh ngôn. Cho nên Luận Tát-bà-đa chép: Như lai lập ba tên này khác với ngoại đạo. Ba tên

này phát từ miệng Phật, không phải kẻ thấy cạn hẹp bày ra, cũng như lời chú của Tổ chẳng dịch. Hoặc vì tên gồm nhiều nghĩa nên theo gốc chẳng dịch. Từ khi đạo đến Đông Hoa, kinh luật truyền gọi là ca sa, gọi chung là pháp phục. Nhưng ca-sa là chỉ sắc y, tức như kinh nói y hoại sắc. Sắc Thánh khác tục, có mắt đồng biết, biết những y nào, chỉ thấy sắc nó thì chỉ sắc này là y ca-sa. Trong luật nói chỗ hiển vi gá vào hình y, cho nên luật Thập Tụng xem là phu cụ, tức là đồng với chiếu. Luật Tứ Phần xem là ngọa cụ, tức là đồng với loại mền. Như Ni-sư-đàn vốn chỉ là vật của các vị tăng Ấn-độ ngồi, như đồ trải ngồi thì chánh dịch là tọa cụ. Còn y phục vẫn mê chớ luyện. Nhưng trong kinh luật chỉ gọi Tăng-già-lê thì chưa từng có pháp. Vì sao? Vì tên ngoài đạo tục đây không có gì so sánh, hình như cái mền nên gọi là ngọa cụ. Thầy tìm tên y tên lấy nghĩa mà giải thích rằng: Ngọa cụ bằng giạ, v.v... phải gia Yết-ma mà thọ và xả. Luận nói năm lỗi là chánh ở người. Cho nên Tát-bà-đa nói ngọa cụ tên ba y. Tức luật Tăng-kỳ nói: Tỳ-kheo già bệnh giữ mền (chiên) Tăng-già-lê, theo Tăng xin pháp tức là nghĩa ấy, sao dùng Yết-ma mà gia vào mền chiếu ư? Nếu có nghe trước nhưng chưa làm việc ấy thì chẳng luống dối. Nay lấy nghĩa mà y cứ thì phải đặt tên. Cho nên văn nói: Trong không danh tướng mượn danh tướng mà nói. Như luật gọi là điều phục y. Cho nên văn nói kiết sử đã điều phục thì phải mặc ca-sa. Như trong kinh nói trong khởi tâm sân, ngoài mặc áo ca sa thì đều diệt mất. Hoặc kinh nói: Pháp y ứng khí tức là người theo đạo mặc thì gọi là pháp y, đựng đồ cúng dường thì gọi là ứng khí. Nghĩ kỹ về tên nghe nói quán hạnh thì chẳng uổng lập ra. Còn các tên khác đủ như trong Sớ Sao chép. Hỏi: Như Kinh Đại Tập nói: Tuy cạo bỏ râu tóc mà không bỏ kiết sử, mặc áo nhuộm mà tậm không lìa nhiễm thì đó tức là loạn lấy bỏ, làm sao phân? Đáp: Chớ mê tên nó, phải lấy ý xa. Nhiễm nghĩa là làm hoại sắc tục, tức nhiễm là sắc tiêu biểu. Cho nên biết, hai cái cứ vào đạo mà bỏ tục. Cho nên trong luật nói: Vì sắc áo ca sa nhuộm đủ năm mầu chính, đó là sắc đúng pháp.

2. Lập thể bạt tục:

Hỏi: Xuất gia y cứ vào đạo, chưa giúp bình phục cho nên văn nói: Cõi có thân để cứu nạn khổ lạnh do đó phải có mười thứ phấn y, xa nguồn gốc Thánh, ngoài nạp y ra đều được tiện dụng, y theo đó mà tu tâm đủ để độ đời. Còn kinh luật dạy bốn tà, năm tà, Hiền Thánh đã dạy phải ít muốn biết đủ, đến nỗi khiến có chương dứt đường nhờ đạo, nghi cúi ngước khoa cấm, hình thần tệ ở lưới trời, thọ trì trái chánh pháp làm

sao thông quyết hội thú để đạt được? Đáp: Bậc Chí Thánh lập giáo tùy giáo mà nhiếp tu, phải quấy lợi ích đều thông suốt. Phàm đạo ở tại thanh tâm không che lấp nghĩa. Như đời di không có trệ ngại người nay hành đạo, hai phần sự lý nói sự thì thói quen chưa mất, tìm lý thì thể chân tâm nương gá. Đây thì cưỡng phân hai đế có phàm Thánh khác nhau. Cho nên nêu hai nghi thường không lấy bỏ, đến nỗi khiến ở y mà biết vừa đủ, cốt ở không lỗi. Sự thanh tâm vào đạo. Cho nên mười thứ y di khí, tình đời đã bỏ, áo ba Thánh không nhàm chán. Chỗ về của đạo nghi xem việc không lo khác tục, hợp lý có dụng giúp thần. Đây thì hai Đế Ấp Chước, mượn có không mà nhiếp tu, qui về bốn y, tin không thẹn với lưu phạm, cho nên có trì phấn y ấy, đến ao hồ xa mà giặt giũ, các vị trời thích giải thoát lấy nước dơ để tắm gội, đều dùng tài tịnh mà tâm thanh, chẳng dùng dâu dơ mà lụy đạo, và được chung ngoại đạo cầm mền đến giặt. Các vị trời xa ngăn "chớ làm dơ nước ta". Bảo rằng: Tà tâm cảm lợi phàm Thánh kiêng kỵ. Lấy văn này làm chứng cho nên biết đạo ở thanh tâm, chẳng dối lập. Cho nên biết, khi cầu tài, đúng như pháp mà nhận chứa. Chẳng hãm hình khoa, trong chẳng thẹn với giới thần, ngoài không thẹn với phụ tục khả, đâu được gập ghềnh cõi dục đời hằng tập, Ta-bà ác cầu đa cầu táng mạng ư? Sống thì làm giặc của Phật chết thì làm tù quỉ. Cạo tóc nhuộm áo Phật là thầy, thầy dạy chống mà không theo, tốn sức lập bày, thì có thể suy ra (bị đọa) ba đường. Chẳng nghĩ thân nầy có bốn núi ép bức. Cho nên văn chép: Khi chết thì ôm lo sợ, tức là kẻ nầy khóc gì con bọ ngựa chống xe trí dũng. Chẳng nghe kinh luận dạy hay sao? Áo thịt áo sắt tùy cảm mà đến, chịu khổ chịu nóng chẳng thể nói. Một đời hình thể gởi ở rảnh rang, linh thần nhiều đời phiền ở đạo nghiệp, mặc tình đi mãi không biết đâu trở về nguồn, chắc phải bỏ đi thói quen xưa, vâng theo lời Thánh dạy, ngoài không phạm hiến chương trong có hợp với thanh đãng, thuộc Hoài Quan này thì còn cầu gì. Hỏi: Trên nêu cầu có phương thì lý sự đều được. Song cầu may có vải trơn, có lụa thêu vẽ, hoặc chiên giạ (mền nhiều lớp) mà mặc lông bông mà dùng chằm vá trăm mảnh. Nghe các người kiệm ước ăn rau cỏ mặc lá cây, riêng giúp sơn chúng, móng là đã lầm, xin vui nói yếu. Đáp rằng: Năm chúng xuất tục phải theo bốn y, Thánh có nghi thì không lo phàm, mở cứu hình khổ ý ở tâm Thánh, sự chẳng được rồi nên bỏ giống Thánh. Mà chánh luật ngăn cản, từ bi là việc đầu được mà sinh não ắt chẳng dung nạp. Cho nên ăn thịt mặc áo tằm là phương chưa khác, hại mạng chết yểu sự đều một lý. Luộc kén giết Ngài đau không chịu nổi, nấu nướng chiên xáo thành nghiệp ác tàn khốc. Kẻ lưới cá cho

cá, trồng dâu kéo tơ, mượn tay không khác thì phân công mà đến cũng không khác. Ấy là vì chí Thánh ân cần xét ác báo khó mất, kinh luật đều nêu đủ cả hai thứ phải bỏ hết. Cho nên Niết-bàn Tượng dịch, Lăng-già Đại vân nói lên hành từ, tuyên nói dứt giết. Giết hại là đứng đầu về tạo tội, thế tục còn cấm, đâu lại có ở đạo tông mà cho làm việc ấy. Nói dạy dẫn dắt ắt dạy nhân từ, áo mặc vào thân trước dùng tơ lụa, tơ lụa đã thành không giết chẳng nên, việc ấy sao chẳng nghĩ, không phạm thì không do đâu (tự xử) nhân mày nắm việc thật đáng thương. Ấy là xứ vì Chấn Đán tiếp giáo đầy đủ đã từ lâu cấm rượu thịt chẳng dùng tơ tằm, không thành giáo thì chẳng y cứ, lỗi ở mê văn, hoặc nếu chẳng mê văn thì do ưa thích mà không bỏ, cho nên trong luật nói đến nhà nuôi tằm xin tơ làm thành ngọa cụ, bị tục chê trách gọi là sát sinh. Do đó Phật chế giới chẳng cho mặc. Nếu đã thành rồi thì cắt ra mà nhét vào vách. Đây là dạy bỏ hẳn, cần phải đoạn dứt. Như trong luật nói dùng trùng uống trùng khác đường đồng chế, tằm hoang tằm nuôi phân duyên chung ước, hoặc thuần hoặc tạp đều phạm bộ thiên, mình làm thành người khác làm thành, đều chặt bằm nát hết. Nay tăng mê tên mà làm chẳng phải pháp phục nên chẳng làm, như chánh danh trên tưởng không lầm. Cho nên luận Tăng-kỳ chép: Kiêu xa chăng, tơ từ miệng tằm việc đồng ở luật Tứ Phần. Luật Ngũ Phần chẳng cho mặc. Nếu được y tài thì ngang dọc đều vải, trong đó xỏ ngang một sợi tơ cũng phải dứt bỏ. Luật Tát-bà-đa chép: Nước ngoài dùng bông may áo có hai thứ, hoặc xé nhỏ ra đúng như pháp làm mền (chiên) hoặc kéo sợi ngang dọc như lông trừu, đều chẳng cho. Từ xưa các Sư chẳng nghĩ ý giáo. Nếu là xưa mê bảo là ngọa cụ, là đạo phẩm giết hại mà được còn khiến bầm nát rồi bỏ, làm sao có tướng đạo phục từ nhẫn. Do giết hại mà được, lại cho thọ trì. Thế nên biết thọ trì pháp Thánh chẳng tịnh thì không làm, dối mà truyền thì thật trái với bản ý. Cho nên Đại Đường ở ngoài biên giới, bãi biển. Đại Hạ các phiên, có chỗ Phật pháp, chỗ mặc đạo phục đều dùng vải bông không dùng tơ tằm, tức là thật chứng. Cõi này Tề Ngụy các danh tăng, y phục cao quý của Chu Tùy, đại y đều dùng vải cả, tuy chưa dạy rõ nhưng ngầm cho đồng văn. Há chẳng phải vì lòng trắc ẩn nên pháp y phải đúng pháp. Vậy Như tục thường quen lấy vải làm áo lót, cả nước đồng theo chẳng thể khác. Cho nên, Đại luận nêu Tăng-già-lê vải thô, là nói Đạo pháp Phật xưa nêu ra có Thánh tiêu, gọi là Thánh Chủng. Ấy vì Đại Thánh y mà mặc, coi là phép tắc đời sau. Luận Ngũ phần nói y bát cũng đồng ở đây. Thế nên biết pháp y ứng khí chẳng phải phàm làm ra, Phật chẳng ra đời thì không có. Cho nên kẻ sáng suốt vâng theo chớ

trái vì có chứng cứ. Kinh Tạp A-hàm chép: Tu bốn tâm vô lượng, mặc ba pháp y, thì thành y phục từ bi. Tôi ít biết kinh luật giảng về văn này không có khai già, dẫn dùng lại ít, dính nhiều mồ hôi nhơ, chưa dám ra làm, hễ được mặc áo che thân mà thôi. Cuối niên hiệu Trinh Quán đọc truyện dịch kinh tìm hỏi áo tơ tằm mới biết chẳng cho dùng rất tiếc là biết quá muộn. Hình thể được sống phải giúp ấm áp, đến báo mạnh yếu thì khó y cứ chung. Cho nên Niết-bàn mật giáo mở cấm có nguyên do, tin là có ý khác. Chẳng thể đồng với ăn thịt toàn cấm thì người dưới báo yếu thì không có lúc vào đạo, giống như sữa khai thông thì thượng hạnh mạn câu. Có người biếng học, do đó phương tiện dẫn dụ, vì đạo giúp thân. Cho nên các kinh nói: Y theo pháp mà dùng, tùy nhận mười muôn chẳng cho là nhiều, ắt chưa thể làm một chén nước, một nạp y chẳng cho mà vội nhận, đây thật là quá lắm. Cho nên biết việc lấy nạp y cốt ở thanh tâm, tuy cho mặc, mặc mà không mê đắm. Nhưng ba thứ pháp y, lý chẳng hạn, chung lại đổi vải thô mền bông dùng y cứ như trước. Vì các quần áo khác chỉ để chống lạnh. Sự chẳng được rồi, mở cứu thân khổ, sinh nhai quả báo của thần, trọn vào cửa chết, nghiệp mạng chưa nghiêng, giúp tâm trợ đạo, sự chẳng đạt được, cúng cho cơm áo, trọn gọi là nuôi oán, không ích lợi gì. Như ai hay chí tiết cao vời, tình dứt phù hoa, kính trọng chánh tông, chết cũng không hận. Đây là Tỳ-kheo pháp hạnh nêu Thánh kính trọng như thẻ cỏ buộc ván biển. Y cứ giới mạng khó là chỗ khai thông, y cứ tâm chịu chết mà chẳng bỏ. Cho nên làm Dục thế cho U minh, làm nói bày cho kinh luận, đây chỉ là giá giới lấy cái chết mà giữ, huống chi tánh trọng nhiều mà chẳng chán. Thật lạ lùng vậy. Hỏi: Lụa tằm cội gốc chẳng phải nhân từ, hạnh tốt cúng hiến có mở phước nghiệp. Vì sao sớm chấm dứt mà không có tâm mong cầu? Đáp: Phàm pháp cúng thí, tịnh ở ba việc, hễ một việc có nhiễm thì gọi là bất tịnh thí. Luận chia bốn câu há chẳng thể ư? Lại Tịnh hạnh diệt hoặc làm phước khó bì, cơ duyên tiếp nối mở ra cúng thí để bỏ gốc tham, chẳng ngăn tài tịnh, đến nỗi tạp thọ báo. Nếu hoàn toàn chống cự thì người thế tục mới học không thể dựa vào đâu mà thọ nhân, còn như tạp báo thì đời đời thường chìm biển khổ, tội phước đều vời lấy, thiếu là ở đây. Kinh Ương-quật chép: Lụa tằm da thú xoay vần đến tay không giết hại, nhưng người giữ giới chẳng nên mặc. Nếu mặc chẳng phải từ bi chứ chẳng phá giới. Y cứ vào giáo môn này mở đóng khác nhau. Cấm thì nêu hàm sinh đều phải cứu, thật khó làm tổn hại. Mở thì vì bỏ mạng mà thành áo, quyền cho cứu giúp chống lạnh. Lại tự răn là từ bi, trọn là nói phải bỏ hẳn. Cách cho mặc chỉ là để cứu nạn một lúc. Còn như núi

lạnh, giặc cướp cho mặc da lông là vì cứu nạn gấp nên cho giúp sữa mật, chẳng phải luật lập ra quyền nghi, nên lường văn thật ý nói làm thật. Mặc áo da lông, luật đều chế dủ, bỏ đi sự xa xí, chỉ biết đủ là gốc. Còn như áo già trắng đen luật cũng y cứ chung. Cầu tìm quá mức làm tổn tục hoại đạo. Chế xả bỏ tăng, cắt còn chừa mạng sống, thật nói lên lòng nhân từ, nên khai cho mặc nhưng lụy tổn sinh, đường ấy khó thanh nên tạm dẫn ra. Để bên phải chỗ ngồi, lại thân là vật khổ sao lại chẳng ăn, tùy thân ăn vào để nuôi mạng sống là trong. Còn việc nổi lửa đốt rừng, dẫn nước tưới đất trở lại giết hại dữ dội, lại cột nghé vắt sữa, cướp mật của ong, ruồi lằn bu vào đồ đựng còn hơn kho lúa, sinh linh củi nước, hàm thức đất cỏ, cùng bu nhóm rất nhiều, qua thân miệng thật không khỏi chết. Vậy thì lỗi lớn không gì hơn áo tằm, xem nghi nuôi giết. Kinh gọi ác giới, sánh với lượng săn bắn giết mổ còn gấp muôn lần mà người đời nói là kẻ giết mổ thì đều hổ thẹn. Cho đến đồng lợi là nói hiển dấu mà chẳng nhàm chán. Kẻ đồng ác giúp nhau, chắc chắn phải cùng y cứ để dứt phàm tình. Nhưng năm trược chưa tiêu, ba chướng luôn quấy nhiễu, há chẳng phải ưa muốn khiến cho như thế ư? Phải biết báo ở quí tục, nhà này hình thần thọ dụng làm tổn người khác mà thành cho mình, thật buồn thật nhục, rất là đáng chán. Còn Tỳ-kheo Thương-na y thai mặc trên thân, Diện vương Thích tử, báo mặc tùy thân, ngón tay dài bốn biển là nhà, ngày ăn một bữa mà lo đạo. Vô dục vô vi đây thật đáng chuộng. Huống chi ở Bắc có cây, áo ở trên trời hóa thành y phục, tùy tâm khinh trọng mà thay áo mới. Hoặc gởi thân Tịnh Bang, dùng pháp hỷ mà ăn, ở trong thần hoa hổ thẹn làm áo, đạo này đáng cầu, nhân làm đều đến.

- Hỏi: Lập hạnh thế nào để cầu việc ấy? Đáp: Muôn hóa ở một tâm, hạnh thành mà trọn được quả, giống như tiếng vang. Nghĩa phải chán thai báo này, thề hết nguồn tham thì thọ sinh y hóa. Thân đã hóa sinh thì đói khát nóng lạnh dứt ở tâm. Hình phục giúp đỡ chẳng tổn hại hàm thức đã an nhẫn thì có mặc không ngoài. Cho nên có nhiễm trần, thạc học anh tài, vị xử quyền hành, tình an nhân đức tha thứ, lập từ bi rốt ráo, luận rằng: Ngoại điển chép: Đã sáu mươi tuổi thì được mặc áo lông, trước tuổi ấy thì mặc áo vải. Bảy mươi tuổi có thể ăn thịt, trước tuổi ấy thì phải ăn rau. Thánh đạo hưng long, không nghĩ chẳng khớp, nhân khắp chúng sinh, lý không nghiêng lệch. Ý cấm thịt hiện ở lời nói nghĩa là dứt bỏ lụa tấm phải biết. Song cấm tịnh, trước cũng chung cho cả da thú và tơ tằm, bởi là nghi nói bày tùy cơ chưa xong, há chẳng phải một sớm xé lụa mà trọn đời nấu thức ăn đãi tiệc, dắt dẫn hằng ngày,

cứu nguy giúp khổ, trước việc gấp này bày nói thứ lớp nghĩa ở đây. Từ khi kinh Niết-bàn truyền về phía Đông thì ba loại thịt dẹp bỏ, hết lòng dạy dỗ, dạy mãi chẳng nhàm chán, mà áo tằm đồ lụa chẳng hề thích hợp. Đây là do cùng ở văn tự, nghĩ mê ở hoằng chỉ. Văn nhiều chẳng chép. Quán ẩn hầu luận nầy, được chỗ đại qui, luật chế nghiêm minh vì chẳng xem kỹ, cho nên hưng hoằng đến thế, đều như đã dẫn ở trên, có thể noi theo,

3. Thắng đức trải xa:

Hỏi: Trên nói y thể từ nhẫn làm gốc, tằm lụa do thế táo nghĩa mãi y cứ, vải gai ở tập phương, lý về hoằng huấn chắc được thọ tịnh vô nhiễm, vâng giữ có nghi, rất có công lớn khai mở thế biểu. Đáp: Nhân lành tích đức ở tâm, phước đức duyên thành ở cảnh. Cờ đã dựng thì bầy nai an thần, chim đầu đàn sợ sệt, rồng con bảo mạng ác quỉ ẩn thân. Người thấy sinh thiện, tức là việc ấy, huống chi Tổ thừa chánh giáo thọ dụng có nghi. Gần thì tùy hạnh tự tu, xa thì giúp thành chánh nghiệp. Cho nên, Kinh Đại Bi chép: Người mặc áo ca-sa, tánh là Sa-môn làm ô uế hạnh Sa-môn, vào thời Phật Di-lặc cho đến Phật Lâu-chí được nhập Niết-bàn. Kinh Bi Hoa nói năm thứ công đức: Một là khi vào trong pháp ta tuy phạm tội trọng một niệm kính tâm thì thọ ký ba thừa. Hai là trời rồng người quỉ luôn kính người đắp y, ba thừa không lui sụt. Ba là người quỉ được y dù chỉ bốn tấc thì thức ăn uống đầy đủ. Bốn là chúng sinh trái nghịch, nghĩ về năng lực của ca-sa thì lại sinh tâm bi. Năm là binh trận chẳng gây thương tích. Nếu không có năm năng lực này thì đó là ta dối mười phương Chư Phật

4. Pháp sắc quang tục:

Hỏi: Ở trên dẫn Đại thừa mặc y nhuộm, chẳng hay mầu nào là cđúng pháp? Đáp: Như trong kinh luật đều nói là hoại sắc. Cho nên văn nói phải dùng ba thứ mộc lan, xanh, đen, hễ dùng một loại sắc là đúng pháp. Vì quen thói tục khó đổi, tham ái khó dứt, giới luật theo duyên tướng tùy kết, điệp đắp cũ lên mới, cắt rộng về hẹp, v.v... đều thuộc về trường hợp ấy. Cho nên năm đại thượng sắc chẳng thành thọ trì, đều tùy sự tiết tâm bỏ thói quen thế tục. Như màu đỏ tía ở đời chẳng phải vinh đạt thì không so sánh y phục đồng khác, chẳng có sắc chánh hoại, chỉ có cửa Phật muốn phân biệt tà chánh. Cho nên chín mươi sáu thứ ngoại đạo đều không giống, hoặc trần truồng, hoặc mặc áo quần, hoặc để nguyên, hoặc nhuộm không nhất định. Cửa Phật chẳng như thế, chỉ

mặc áo nhuộm sắc không thuần thượng, dứt việc xa xí. Nhưng ở trên nói tên xanh đen không phải chánh. Nhuộm mộc lan thì phương này có đỏ nhiều mà đen ít như sắc càn-đà. Kinh nói: Thấy đệ tử ta mặc mầu đỏ gọi là máu. Luận nói ta mặc áo đỏ, ánh ra giống như thịt. Nay có vị tăng Ấn-độ ở Tây Trúc đến đều mặc mầu này chính là chứng cứ. Nhưng đỏ là sắc chánh hơi có khác nhau, là lụa đào cõi này. Luật Tăng-kỳ cấm, nên biết sắc chẳng chánh là sắc áo ca-sa. Do sắc hiển bên ngoài dung quang dễ sáng, thấy sắcthì biết người, đó là người giải thoát như trên đã nói. Ngoài ra có y nhuộm lẫn các mầu chẳng phải chánh, chẳng phải trên nên được gia trì. Chỉ lìa thói quen tục thì thành tướng đạo. Cho nên Đầu-đà năm nạp nước rửa sạch, áo mới hoại sắc nên xếp làm tịnh, tọa cụ mời thành cũng dùng điệp làm cũ. Dẫn nhiều văn làm chứng, đều cốt để bỏ tham xa hoa dứt phong trệ sinh tình.

5. Tài chế ứng pháp:

Hỏi: Người xuất gia lấy vắng lặng, ít việc làm đầu, hễ được gì thọ dụng thứ ấy, an tâm hành đạo. Nếu thấy pháp y liền cắt ra may lại, gọi là Thánh nghi, tổn công hỏi đạo, đâu còn hơn đây, may có văn thật để xoá nghi ngờ. Đáp: Nói về luật chế vốn tự tâm Phật, nghĩa chẳng uổng bày, chí rất rộng. Cho nên Luật Tăng-kỳ nói: Ba y là cờ nêu của Hiền Thánh, lý ngoài tâm phàm. Cho nên trong luật nói Sa-môn y có ba thứ tiện: Một là thể tiện, là lấy vải của người đời bỏ, hai là sắc tiện, là không phải mầu chánh. Ba là Đao tiện, là cắt ra nối lại, là để dứt ngay giặc tham. Lại khác với ngoại đạo. Cho nên mặc y này là tướng đê điều, như việc làm ruộng, như chứa nước mà nuôi mầm mống. Thí như mặc áo này mà sinh công đức. Phật khiến giống như hình ảnh thửa ruộng, nghĩa không luống uổng. Cho nên luật nói năm điều mười bức là đó. Còn như số điều nhiều ít để lượng ngắn dài đều có thật văn. Như chỗ dẫn riêng. Xưa ở Giang Biểu, Luật sư Thập Tụng mạnh mẽ ức đoán, thấy y bảy điều hai dài một ngắn liền bảo là chín điều ba dài làm chánh. Chẳng nghe luận Tát-bà-đa nói chín phẩm Đại Y, có dạy rõ ràng. Đó luận rằng: Ba thứ Đạ Y Thượng Phẩm thì bốn dài một ngắn, ba thứ hạ phẩm thì đồng với bảy điều chẳng được trái. Nếu thấy lá điều chẳng theo nghi phụ chánh, ba tấc bốn tấc mặc tình mở rộng, xâm phạm riết thành tục, đó là nguồn gốc xa xỉ. Cho nên luật Tăng-kỳ nói rộng bằng bốn ngón tay chỏ, nhỏ như hạt lúa, được phân bờ ruộng làm ruộng phước cho đời. Nay thì quá mức đo nên chẳng phải pháp phục. Do đó y phục lập lượng giảm thêm quá chế đều ngăn tâm tham. Nếu thấy vị Tăng Ấn-độ may

lá điều diệp hỏi cứ vào đâu thì bảo đều như thế. Nay lấy luật mà kiểm thì không có người may. Cho nên cắt may thấy diệp biểu thị tướng cắt. Nay đều may hợp không có tướng để phân. Như luật nói Đạo hạnh thích câu diệp phá, phải đắp ngược lại, lá y diệp nói thoát, phải may như răng ngựa chân chim. Lại luật Ngũ Phần chép: Y hạ số rách phải đắp ngược, đi ngoài mưa nước vào lá thì phải mặc thuận. Mà nay đều may đâu nhọc như thế. Cho nên biết Trung quốc thất lễ tìm ở bốn di, giữa đục, ngoài bìa trong, đây có thể nghiệm. Vả lại, Ấn-độ Bộ chấp, bác bỏ bất luân. Hễ được một văn nào không hề khảo cứu. Trong luật nói có bốn chẳng cho vội làm, chỉ y thành giáo, tư không có lỗi chấp.

6. Phương lượng của cờ:

Hỏi: Ao vuông xuất tục rất khác thói đời, khoảng rộng hẹp y cứ vào đâu? Đáp: Các luật nói lượng phần nhiều y theo khuỷu tay của thân. Nhưng khuỷu tay của thân có hai thứ trái nhau, tùy báo mà định, có thể thành tiêu chuẩn. Cho nên văn nói: Vì thân mà may y, chung mà y cứ, ba khuỷu tay, năm khuỷu tay làm gốc. Gặp việc thì chế làm, chẳng cục ở danh số. Nhưng giảm lượng mà làm, đồng nghi kiệm ước, quá hạn dối tăng có pháp thành phạm. Cho nên văn chép: Bốn khuỷu hai khuỷu chẳng là phi pháp, đồng lượng với Phật, xếp vào chánh thiên, chính là chứng cứ. Khoảng ghi trở xuống là kiêu xa kỳ độ, đến luận kiểm hẹp, chẳng thấy người ấy mà Đại thành vốn chế ba y, phương Tây chỉ có y nầy không mặc các thứ khác. Cho nên văn nói chỉ ba y. Sau có đồ che vai tướng cũng thích hợp, cho nên luật Tăng-kỳ chép: Dài bốn khuỷu tay, rộng hai khuỷu. Nguyên chế ra cho Ni chúng dùng. Nay Tăng cũng mặc, chung với vị dưới mà trên hẹp dưới rộng, hoại dứt thuần nguyên. Tăng Truyện chép: Bất ý phương bào, lại có bình thúc. Lại nói ca-sa không có cổ là nêu áo giải thoát, bình bát không đáy là biểu thị đồ đựng khó lường. Đều là nói mặc y phục cột để che thân, giải thích rõ ràng không trói buộc, trở thành bản chí. Nay thì ba y như vốn chưa đổi cũng có sinh tình vọng, bày ra giềng mối, che trên hai vai ôm hai bên dây lớn buộc lại để làm Đầu-đà, trước chưa nghe nói. Nhưng luật có Nê-hoàn nội y cũng như phương phục ôm quanh eo, lấy dây cột ba vòng, lưỡng khóa chánh hậu chia làm ba xếp, kéo nhổ khiến bằng, chẳng để nhăn. Như chiếc củng mà tượng Bồ-tát mặc, xứ này các áo khác tùy thế tục cắt may. Ở Giang Hoài thì chánh quay về phía sau. Ở Quan Hà thì mặc y chừa một bên vai, cắt may nhọn xiên đồng các áo thế tục. Tuy nói lấy khác nhưng trái với bổn nghi. Nhân đề cập tới khéo không chấp lấy, như

vật của người chết trong nghi thức có nói rộng.

7. Đơn phức có y cứ:

Hỏi: Luật nói ba y, vì lạnh nên chế ra, luận khai năm nghĩa rất có công lớn. Y cứ sự khi mặc đều trái làm sao thông? Đáp: Thật câu hỏi Như lai chỉ để biến đổi tình người, chẳng suy nguyên gốc, gốc ở ngăn lạnh, đơn mỏng chẳng phân, các bộ đều hiểu chung. Tăng-già-lê thì chỉ phức mà không đơn, mới thì hai lớp, cũ thì bốn lớp, hai y kia thì hai lớp đơn, phẩn tảo ngũ nạp không luận số lớp. Nay thì cuối hạ một tháng làm y, chỉ tính quần và áo che vai nhiều ít, áo thiên sam dày mỏng, hoa hòe tốt đẹp, giày vớ mới tinh, chỉ có pháp y kia bỏ mà không nói. Ấy là làm trọng chỗ khinh của ba Thánh, làm dầy mỏng của chín dòng dùng dây để kiêu ngạo đời chẳng đáng buồn ư? Nên phải biết: Tập quán đã huân ở tâm thành hạt giống, khinh cái mà bậc Thánh trọng thì đời đời thường khinh, trọng cái mà người phàm khinh thì đời đời thường trọng. Làm sao khai đạo linh phù, dự mạng thiện lai ư?

8. Lấy ghép may thành:

Hỏi: Phàm tánh có sáng tối, mạng có dày mỏng, pháp y đúng pháp phép thành thì khó. Bậc Đại Thánh nương quyền nên phải có. Thỉnh soạn sớ giải, dùng tế thời duyên. Đáp: Không chỗ nào chẳng thông gọi là Thánh. Sao có nhầm lẫn tín độ mà làm chiếu chung ư? Các luật cho may thành y, đều tùy phong kiệm, trước ở bản chế, sau theo khai cấp. Như Tăng-già-lê muốn cắt may, phải hai mươi lăm điều bốn bức dài một bức ngắn để làm cơ bản. Tiền ít chẳng đủ thì giảm xuống mà may chín điều, lại ít nửa chẳng đủ thì may mạn y. Gia vào mạn y mà thọ trì, khai như pháp phục. Sóng là năm nạp lệ theo có thể biết. May An-đà-hội thì năm điều là gốc, cắt ra may thành. Tiến ít chẳng đủ thì sóng lá xếp nếp một bức dài một bức ngắn, còn nếu ít tiền chẳng đủ thì may mạn y mà thọ trì. Uất-đa-la tăng trong hai y phục này có thể ba góc mà biết. Cho nên biết chí nhân linh giám quyền cơ khó lường, y theo pháp mà làm, không làm phi pháp. Trái đây dối làm phải chịu tai ương, há chẳng răn dè ư? Còn khi may y chẳng cho kéo dài ngày, tùy thời may thành để được che thân, trở lại may thẳng mới cũ có khác nhau cho nên đại y thì may trong năm ngày, chẳng xong thì bị tội. Còn hai y kia tùy loại mà định phạm. Nay có người chẳng ra gì, tánh ưa mới đẹp tự mê kim chỉ, động thì giúp người, chỉ nói về cách may, chẳng kể giá công cao thấp, hoặc có người thêm về tài, lý lịch lờ mờ, chê lỗi thì trái với đây, quán

chung thành giáo, y chỉ tự may. Nay thì trái lại, tội do đây khởi, người có tâm làm dời mở dấu vết phải tìm lời răn dạy của Thánh chủ, lại dòm ý chỉ di chúc, tùy nghi ước lược liền được y thừa, trọn qui đại xả, chưa nhọc suy nghĩ, cho nên trần như nhập Bát-nhã tại cùng lâm, mục nhân mậu y, năm văn mà thôi. Ngoài ra phàm bỉ, làm sao cưỡng được. Thẹn ác y ác thực, tục nho chẳng làm, huống chi người xuất gia mà có, tâm hoài đây vậy, và cũng thành y vậy. Bốn bên đặt viền, bốn góc để vá. Trước móc sau cột, trung điều hai mép, chướng cấu nị y, xếp làm lãnh bối, đều xuất xứ từ chánh lượng, như trong sự sao. Nay làm y pháp lớn như chỗ luận, móc buộc dối bày, tướng lượng ngược ngạo. Luật Thập Tụng chép: Cách viền bốn ngón tay trước bày móc, cách viền tám ngón, sau bày dây buộc, vì dùng y góc phải che ở vai trái, thâu lại rất dễ. Luật Ngũ Phần nói về quần, bên trái che ở trên như thế tục đã truyền. Vạt áo bên trái là đó. Nay thì làm quần đều che bên phải. Pháp y mặc vào góc phải rũ xuống trước, cho nên trở về buộc lưng. Trước bày tám ngón như luật đã y cứ. Mũi voi mặc y, chánh thiên nói phạm, lý phải phản tích. Do đó tượng Thánh ở Tây Trúc truyền đến, áo ở Đông độ Linh Nghi, ở vai trái không rủ đùi gối, oai nghi chẳng mất. Nay thì chẳng phải như thế. Hoặc có người may lưng đài rủ xuống, móc bạc ở ngực, ngọc vàng trang sức làm loạn tâm, kết nhiều hoa tục, bớt sợi ở đạo phục, chữ Vạn của Phật ở ngực bày ra các điều, đối với Ni-sư-đàn mỗi lần ngồi thành tội, huống chi mặc the lụa tơ tằm, thêu vẽ mầu sắc, y cứ giáo thành y phục thế tục, ở đây đều trái, chánh thì người làm biết rõ.

9. Bổ hoán thành giáo (cách giặt vá):

Hỏi: Tướng đời thành hoại phải có phương nào hổ hoán? Đáp: Chỗ thành giáo đề cập có nghĩa có văn, như luật Thiện Kiến nói y trung bị rách nát thì may hợp hai đầu rồi dùng dao cắt ra thêm lề vào mà thành, thì chẳng mất pháp thọ, cho đến một điều, hai điều dùng vật mà chầm vá lại, như luật Tứ Phần nói rách khoảng hai ngón tay thì phải vá lại, như luận đã nói: Nếu giặt hoặc nhuộm thì đều chẳng mất thọ. Như luận Tát-bà-đa chép: Nếu đều hư hoại, chỉ lề không đứt đều chẳng mất pháp, rộng như trong sự sao.

10. Gia pháp hành hộ (pháp gia thêm và giữ gìn):

Y của Thánh chủng vì pháp thành khác, y không pháp không đáng kính thờ như luật đã y cứ khiến thọ từ mà chẳng nêu thành văn, vì truyện lược bao gồm ngoài bộ đều có văn thọ, cho nên phải gồm luyện

tùy thọ mà nói về hộ. Từ xưa, Yết-ma đều dẫn văn ấy, bởi dẫn khác tông cùng thành bộ nầy. Hoặc dùng luật Tăng-kỳ mà gia thêm thọ trì, kể pháp vốn một tùy lưu vị phần. Phải biết nghĩa giữ gìn, chẳng phải như nay. Luật Tứ Phần nói về mất, cách sáng hôm sau, luật Tăng-kỳ khai hội, tối hết đến sáng, ấy là trì phạm trái trời, đâu thành để tùy giúp thọ, chẳng thể thành được. Luật Thập Tụng nói đoạn dứt, luật Tứ Phần chẳng khác có thể y văn ấy, dùng gia y phục nầy. Cho đến hành hộ đều riêng nêu đủ. Như luật Luật Tứ Phần chép: Khi đi thì y bát mang theo bên mình, cũng như mang theo hai cánh chim bay. Luật Tăng-kỳ kính giữ ba y, phải tưởng như tháp, luật Thập Tụng nói không được kéo cây gánh phân, v.v... Trong luật nói: Có năm việc lưu lại Tăng-già-lê: Một là nghi có mưa, hai là nghi có sợ hãi, ba là cất giữ, bốn là giặt nhuộm, năm là buôn bán. Nếu bị bệnh ốm y nặng khó giữ, Tăng làm phép khai cho được lìa một y cho đến chín tháng, nếu duyên một sai chẳng cho gia pháp. Nhưng Thích Môn chánh hóa lấy pháp làm gốc, theo pháp mà tu như xe, y theo dấu. Cho nên y tuy nhiều mà chẳng thọ trì thì không tội lìa pháp, chỉ vượt oai nghi, có khoa cữu riêng. Do đó tùy đạo phải cốt gia trì. Pháp y mặc vào thân để ngăn bên ngoài, ứng khí đựng đồ ăn để nuôi bên trong. Trong ngoài chẳng trì đều kết phạm tội. Trái phạm thuận pháp đều gọi là Trì. Trên đã cơm áo giúp thân thì phải dựa chỗ mà biết rõ. Cho nên, tọa cụ theo thân dùng pháp gia trì. Chánh ý kết hình hoàn toàn ở sinh báo, việc này đã xong. Thế gian biếng học, phần nhiều chẳng y theo, ngày đầu mới thọ giới Cụ túc đều phải thọ trì, dần nhiễm mà mất, đều phóng túng tùy được, cho đến mặc chẳng lưu tâm đã không có pháp phục. Nên biết mình trần mà sinh ra đời, uổng mất ngày tháng, cho nên văn nói sống suông chết uổng, là người ấy. Rất yểu mạng không gì tàn khốc hơn. Lấy hằng độ này làm pháp ràng buộc tâm. Sự chẳng được rồi lại phải cạo tóc mặc áo là sao, là cắt đứt tình dục, ai chẳng biết cao. Nhưng thói tục chưa mất. Những sau biết tướng cạo đầu nhuộm áo mục đích để hàng phục tâm. Y pháp chẳng mặc, giao nhau lợi nhiều, ấy thì mất lợi nuôi thân trọn về với kiến mối. Dùng đây trải đời, đồng trên rất đáng buồn. Sao bằng ngoài y thanh giáo, đúng như pháp mà vâng giữ, trong quán gốc tâm để tịnh phong trệ. Dụ nghịch bạn đã treo ở tục lưu, cách mài gương, lại hoằng đạo pháp, hoài tình y cứ theo vào đây thì còn nói gì?

Tôi vào cuối niên hiệu Trinh Quán Tẫn vào cảnh sơn lâm, sau vào niên hiệu Hiển Khánh năm thứ hai, suốt mười hai năm, đến tuổi nhĩ thuận bỗng bị bệnh sáng chiều đợi chết không cho ở đời, chẳng vì xem

thường từng dự thấy nghe. Vội trích dẫn bày thức thù đến so sánh. Các người gặp sau may cứu việc xa. Nguyện chẳng vì tình lụy ở văn. Niên hiệu Hiển Khánh năm thứ tư tại chùa Tây Minh lại vì đào luyện, văn chẳng đợi ý lược có thể rõ. Cuối cùng định những người sau trội hơn thế tục. Chẳng thế uổng lời luống dối. Ở núi Chung Nam, Sa-môn Ngô Hưng Thích Đạo Tuyên ghi lời tựa mà trình bày.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 166

TÂN KHẮC LƯỢNG XỨ NẶNG NHẸ NGHI

SỐ 1895
(PHẦN ĐẦU & PHẦN CUỐI)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1895

TÂN KHẮC LƯỢNG XỨ NẶNG NHẸ NGHI

Đời Đường - Năm Trinh Quán mười một Lý Thần Châu Di Tăng Thích-ca Đạo Tuyên, soạn Tự

LỜI TỰA

Đồ dùng y phục của vị tăng qua đời xử đoán rất khó, vì Thánh giáo rộng lớn mà các bộ chấp khác nhau. Thuở xưa Tông Sư còn chẳng thể không sanh nghi, huống chi là kẻ ít học làm sao hiểu hết. Cho nên Cao Tổ của ta là Nam Sơn Đại sư Pháp Tuệ bao gồm nghĩa lớn của bộ lập ra một nhà Hồng phạm, soạn Lượng Xử Nặng Nhẹ Nghi để lại cho đời sau. Lời văn rõ ràng như ánh sáng mặt trời mặt trăng, nặng nhẹ phán ra mà không tích chứa. Do đó nhiều đời rất xem nặng làm phép tắc. Người khen có luật sư Cưu Phong Thừa Xuân là cá kình của biển luật có sách rất sâu truyền đời mà không hoằng hóa, đem đối chiếu, khắc in lưu thông. Tôi mùa thu đều ở Hội Tràng Quang Minh Chân Ngôn chùa Tây Đại thuộc Nam Kinh bỗng gặp thành chữ kính cẩn huân khai than rằng: Tư Điển do Hòa thượng Dã Nẳng Chiêu Đề Chân mới truyền sang nước nầy đến nay khoảng một ngàn năm chưa nghe in ra. Nay thời mạt pháp một lần nêu lên há chẳng nói là may mắn lớn cho chúng ta ư? Xuân Công nhờ tôi soạn lời tựa. Tôi chẳng thể chối từ được bèn vội dùng lời thô vụng góp phần tùy hỷ, làm vui người học giới xoay vần lưu hành đến hội Long Hoa, đồng lấy văn nầy mà đoán nặng nhẹ đều vâng theo một đạo tịnh hạnh.

Niên hiệu Trinh Thuần thứ năm, Tiết Trọng thu ngày rằm năm

Mậu thìn. Núi Chung Nam Viên luật Tông Hậu Duệ, Bí-sô Từ Quang Tuệ Môn kính ghi lời tựa.

Một buổi sáng tại Sơn Phương Trượng Hoa Nghiêm ở Kinh Bắc.

LƯỢNG XỬ NẶNG NHẸ NGHI

Của Thích Đạo Tuyên - biên tập

PHẦN ĐẦU

Thuở xưa tôi ở Đế Kinh các Hội giảng ở khắp nơi, các văn sâu xa nghĩa kín đáo hết lòng tìm cầu chưa hề trình bày chỉ có nặng nhẹ làm chỗ cốt yếu. Phụ vào sự hợp cơ, phần nhiều tùy theo tình ý. Rộng tìm chỗ y cứ, văn nghĩa không có chỗ nương theo, trước là chỗ y cứ của luật sư Thừa Thủ, riêng tĩnh bặt chiếu, soi xưa đoạt nay, sớ sao chất cao như núi, người học nhóm họp như mây, đều nhảy theo dòng sáng của năm bộ, mở rộng nghi biểu của mọi người, theo sự mà hành dụng mênh mông khó phân, người học chỉ có thể nhìn lên núi mà tìm đường đi, chưa thông chỗ phải dùi mài. Tôi có thưa thỉnh chỉ dứt trừ thẳng nầy, không còn nghi ngờ, bèn bảo tôi rằng: Người giảng nói phải hiểu rộng nhiều phương, đâu chỉ thấy có một điều mà giảng thành được. Giống như chấp thân, cõi nước mưu thành, không thể theo cả hai. Lại vì thọ chúng các bộ, tùy theo tướng mà mở riêng. Nếu hạn cuộc một văn thì không thể lưu thông các thuyết. Tôi bèn vỗ ngực than thở, học gốc tự nhiếp gồm tha, nay tùy theo duyên nhỏ nhặt mà mở rộng chỗ dính mắc, há gọi là rộng chiêm ngưỡng cơ giáo mà giúp cho phong tục đương thời. Cho nên các luật trì phạm, nói phải quấy lẫn nhau, loại vật nặng nhẹ y cứ suy lường rất nhiều, chỉ y theo thể của thọ tranh chấp tự dứt. Nay ở Thần Châu lưu hành luật Tứ Phần rất rộng, dùng luật nầy làm gốc, bao gồm các bộ thành văn thì việc gì mà không rõ ràng, nghĩa gì mà không giải quyết được. Tôi bèn san bổ chương cũ, soạn thuật sự sao, tuy thể hài hòa nhau nhưng sung văn y cứ rõ ràng, vẫn còn sợ ý dụng chưa hoàn hảo, sự cần phải lưu thông rộng và đích thân nghe. Đến đời Đường niên hiệu Trinh Quán năm thứ tư, tôi quyết chí tìm cầu sự kỳ lạ, khắp người truyền thấy rất nhiều, đều bộ tụng lời giữ văn. Hà Dương y theo sớ y cứ đoán, lời lẽ phiền toái, tiếp nối liền nhau. Có Luận sư ở quận Nguỵ, cũng nổi tiếng một phương, soạn thuật văn sớ, riêng đến núi đông, nhân qua theo Ngài thưa hỏi chỗ nghi ngờ mà phong văn cách nghĩa, lời kín

rộng sâu, không học giữ câu mà đội tiêu, ngoài nghe mở chương mà dứt nghĩ, cũng do nặng nhẹ khó đoán riêng chép văn sớ, nhưng trước sau lộn xộn phiền nhiều, sự nghĩa lẫn lộn, đó là một góc tuệ còn chưa thông phương cùng làm.

Nay trước y cứ Sao Xưa, lại dẫn chỗ nghe, khoa y cứ sự loại chép thành kiện riêng, gọi là Nghi thức "Lượng Xử Nặng Nhẹ". Vốn vật nhẹ vật nặng đều mong giúp đạo, đạo ở hư không thông nghĩa chẳng hạn cuộc ở y cứ, đều là do nhân, tăng lợi mà được vật nầy. Sau khi chết trở lại nhập vào vật của tăng, khiến hai tăng hoại vật thọ dụng (tức thường trụ tăng và hiện tiền tăng, đều gánh vật lợi nặng nhẹ).

Hai thí có sự thấm nhuần của dòng nước (nghĩa là bảy chúng đạo tục đều thực hành bố thí cho tăng chúng). Cho nên đều xếp vào tăng, không thuộc Phật và Pháp, chấp nhận đều vào tăng, lý cũng thông suốt, vật cũng có nặng nhẹ hai thứ khác nhau, cho nên trong luật Phật xếp vào vật đều xếp vào tăng, đến luận phụ việc mới chia hai thứ riêng. Do nầy y theo nghĩa xử đoán phải rõ. Cho nên đối với nặng nhẹ sâu thêm gấp bội, vì nói ngược với nặng nhẹ thì hoại hai kiến. Văn luật chánh đoán không chấp nhận năm chúng cho nên thiếu suy nghĩ tìm tòi. Nhưng vì vật loại khó thâu, lời bộ xen thiếu, các giáo hiện có không ghi chép đủ, y cứ văn phụ việc lạm cong buông suy nghĩ. Vật đã hiện tiền, nghĩa phải quyết dứt, tự xưa truyền trao đại khái, nương nhau chỉ việc lẫn lộn như sông Hán mù mịt xa tít.

Tôi thường đối với con đường nầy do dự chưa dẫn, thường lúc rảnh rang nghiệp chánh, cố ý suy nghĩ, y cứ giáo mà gởi tình, ít biết phép tắc, nhưng các sư hành sự người thông ngộ ít có, tùy chỗ thấy mà lập nghĩa.

Sáu, đoán nặng nhẹ đều có y cứ rõ ràng, lại cũng khó tìm, nay chỉ lấy một phán chung cho các thuyết, tức lấy ngay luật làm chánh văn cầu trên dưới, văn hoặc ẩn hiện chẳng rõ đoán, thì liên quan cả các bộ, lệ quyết thành nhau, ngỏ hầu nay thâu giềng mỗi chủng loại, khoa điều có đầu mối, dụng đủ không buồn giúp cả nhân duyên cần ý để nhiếp khắp tài vật nuôi sống, gồm thâu các đồ vật, nương vào sự quyết chậm lỗi nghi, đến khi định nghi nặng nhẹ, chấp vật xét văn không xem mặt người, tùy cơ chọn lọc, thí như đồng tay, mong lo kẻ đạo, khi lại mở tìm chân khiến phạm lỗi, cực hình trừ chân vì rất đỗi lầm. Nhưng tình người kỵ hẹp ưng, kết chẳng là không, biết sự thì riêng tự lợi dẫn nặng. Việc tăng thì riêng tự lối, dẫn nặng theo nhẹ, đảo lộn hôn tình cần xem cuối cùng (nương nghe, sáu trăm đoạn lụa vào nặng, che gió ngăn người vào

loại nhẹ). Người xuất gia y theo đạo càng phải gắng tâm, tập tục xấu lòng cạn lâu dứt bỏ.

Lại liên tục Hoa Di, nghi hình đỗ đạt phong tục đã riêng, gọi vật cũng khác, điều chỉnh thí dụ để giải quyết. Biết nhẹ, nặng tự riêng ban đầu chưa gồm xem đủ phép tắc thí dụ. Tội soạn San Bổ Hành Sự Sao, ba quyển, thiên chia ra thượng, trung, hạ, có ba mươi môn khác nhau, lời có hơn hai mươi vạn, như phép tắc tăng pháp giữ gìn cương yếu thì thiên thượng quyển thượng, thủ lãnh vẫn còn. Nếu thọ giới chủng tướng trừ phạm nghi sám thì thiên trung quyển trung.

Nếu là áo, thuốc, thọ tịnh, các hạnh vụ cơ thì thiên hạ quyển hạ hiển bày. Cho nên liền lược, dẫn cả thô biết đại khái. Nay nương quyển hạ, trong phép y riêng giải sáu vật, lược chia ra mười môn:

1- Môn chế nhập tăng ý: tài nhăn tăng lợi Phật pháp chưa thấm, há vua kia chính thân liền vội vàng thâu nhận.

2- Môn chia pháp khác nhau: y cứ duyên ngộ sự mười lời khác nhau, chỉ thứ mười là đồng trụ chết, bèn gia thêm pháp.

3- Môn đồng sống chung tài vật: tài sinh không cạn, phần nhiều hoại tình xấu, còn mất một thời kỳ mời xứng dứt nầy.

4- Môn dặn dò thành không: quyết định xả thí lại phải giao người. Nếu nghi lo chưa phân thì một tăng quyết nhiếp.

5- Môn thiếu nợ lại chống cự: nợ dứt đưa y cứ tùy gốc nặng nhẹ, quyết chẳng phải nghĩa minh chứng cần xem xét kỹ.

6- Môn đoán chia nặng nhẹ: vật nặng nhẹ tướng sâu rất khó phân, hễ có trái nghịch thì chiêu vời hai lỗi.

7- Môn thời chỗ chia vật: đưa người chết trở về mới được y cứ lượng, phải có duyên đến, khác chỗ lựa chọn.

8- Môn xét đức thưởng công khó nhọc: công khó nhọc không thưởng, dứt sự lo tranh, không có đức may mắn, nghĩa phải xem xét.

9- Môn chánh chia nặng nhẹ: người và vật cả hai đều nhóm, pháp Phật cần tôn nặng, y theo giáo pháp mà chia không nên mua bán đổi chác.

10- Môn sở thuộc vật: phải được theo chăng, hoàn toàn vì tăng, dẫu ngoài khen lý, xa cần hậu hạ.

Mười món nầy dứt tướng thọ lại khai, mà đầu mối trong môn thứ mười chẳng phải một. Trong luật thông nếu các vật, lệ đều vào tăng, sau hợp riêng năm ba, để chia tướng nhẹ. Nầy là vật loại cũng có hai đoạn, nặng nhẹ tùy nghĩa rất dễ biết, tương truyền tùy nghĩa y cứ phán cũng là một đường phò giúp, mà đến văn luật rốt lại xét gá vào một

bên, văn xem thêm ở sau. Trước vẫn còn ôm lo lắng chìm ở chỗ mới học, nghi ngại là khó trọn chưa đồng thời, cho nên lại cắt gọt quyết thông hiểu, duyên cứ như sau đã rỏ, thì mê ngộ đều khai, trước sau hai chiếu. Cho nên trước nương bổn luật như Phật xét đoán, y theo bị chấp loại đưa ra chỗ thấy, tùy việc y cứ lượng đủ làm gương soi.

Chỗ xử lường mặc tình cắt xẻ vô hình, trước đánh khánh nhóm Tăng, kế gồm thâu hiện vật, đã ngoài món đồ nặng lớn nêu bày cụ điều, đối chúng đợi đọc cho biết hiển dạy. Trước hỏi chung về tài lợi cùng sống, tuy tin phán đoán, kế hỏi dặn trao có không, cũng tùy cơ sắp xếp. Sau hỏi thiếu nợ là ai, lại tùy xét giao. Làm ba cách trên rồi mới định hiện tài, còn bao nhiêu như Bổn Sao. Bổn luật nói: bấy giờ nước Xá-vệ có Tỳ-kheo mọi người đều quen biết qua đời, có nhiều tăng-già-lam, nhiều phòng ốc, nhiều đồ vật, nhiều các vật nặng, có nhiều giường dây, giường nằm, giường cây, mền nằm, nệm ngồi, chứa để rất nhiều, có nhiều người giữa tăng-già-lam, có nhiều xe kiệu, có nhiều đồ tắm gội, gậy, quạt, có nhiều đồ bằng thiếc, bằng gốm, bằng da, bằng tre trúc và dao cạo, có nhiều y, bát, toạ cụ, ống đựng kim v.v...các Tỳ-kheo không biết làm sao, bèn bạch Phật, Phật dạy: "có nhiều người quen biết hay không có người quen biết, tất cả đều thuộc về Tăng". (Văn luật như thế, y theo tướng y cứ đoán mười ba thứ khác nhau. Nay nương theo điều trên, tùy điều giải đủ, đều như ở sau nêu).

- *Thứ nhất, có nhiều tăng-già-lam:* luật xếp vào vật nặng, y theo sau chủng loại cùng phán như trên (cho đến vật thuộc già-lam, như sau gồm xếp vào vật nặng), nghĩa là có chùa nhỏ, nhà, quán riêng ...).

- *Thứ hai, có nhiều cây, trái, vườn, ruộng thuộc tăng-già-lam*: luật xếp vào vật nặng, y cứ sau chủng loại lệ đều theo đó, nghĩa là trong ngoài chùa viện có vườn ruộng, cây trái, rau cải, lúa gạo, các đồ dùng nuôi sống, loại ấy có bảy:

1/ Rau cải trồng trong vườn (loại ấy có bốn): Ban đầu khiến chiêu vời hai lỗi.

2/ Môn thời chỗ chia vật: đưa người chết trở về mới được y cứ lượng, phải có duyên đến, khác chỗ lựa chọn.

3/ Môn xét đức thưởng công khó nhọc: Công lớn khó nhọc không thưởng, sự dứt lo tranh, không có đức may mắn, nghĩa phải xem xét.

4/ Môn chánh chia nặng nhẹ: người và vật cả hai đều nhóm, pháp Phật phải tôn nặng, y theo giáo pháp mà chia không nên mua bán đổi chác.

5/ Môn sở thuộc của vật: Có được theo hay chăng, hoàn toàn vì

tăng, dù ngoài khen lý, xa cần hầu hạ.

Thứ hai là trồng giống cây ngũ quả (lệ ấy có ba)

1. Hiện cây ngũ quả: đó là trái cốc (tức hồ đào, cây dẻ) phu quả (tức lê, nại lâm, cầm mộc, dưa v.v...) cai quả (tức là đào, me, táo, thị v.v...) giác quả (các đậu núi đầm) cối quả (như thông, bách).

2. Hột quả lìa đất: đó là táo khổ, lô, lý, mơ, thị, cam, quýt, ngột, đắng, dẻ, bưởi v.v...(và cỏ bò sinh ra dưa, bầu, các loài dưa)

3. Cây, nhánh, da, hột: đó là các trái cây, cành, lá, tạp tướng.

- Thứ ba, trồng trên ruộng nông (loại nầy có bốn)

1. Đồ ruộng nước đất: đó là cày, lưỡi cày, nông cụ, bừa, gieo, đào, cào cái rìu, phất, chìu, sảy.

2. Hiện gieo ngũ cốc: đó là phòng cốc (tức là hạt dẻ, cao lương)

3. Ngũ cốc lìa đất: đó là gồm thâu hạt dẻ, rau, mè, các loại đậu, lúa mạch v.v... (như trong tăng-kỳ có mười bảy loại cốc, cũng chung cho tất cả loại).

4. Cỏ, hào v.v..., nghĩa là tất cả ngải, đậu, cỏ đậu dây, mè, cỏ lúa, nép, lúa, đậu v.v...

- Thứ tư kho lẫm cất chứa (có trái): Ban đầu chỗ cất chứa nghĩa là kho vựa, hôm, rượng, nhà, đấu, hộc, chảo, bồn v.v.... hai là đồ đo lường, nghĩa là đấu, thăng, hòm, hộc, thước, tấc, cân.

- *Thứ năm là các thứ tạo đồ ăn (có ba*): Ban đầu là chuyển sinh thực cụ, nghĩa là các đồ xay, giả, mài, quạt, xe, lưới v.v...và nhà che. Hai là đồ nấu chín, nghĩa là đảnh, vạc, chảo, bồn, bình v.v...và bàn, ghế, giá, các đồ làm bánh. Ba là đồ đựng thức ăn, nghĩa là bình sành, bình xứ, mâm, bát, oàn, mâm gỗ, hộp bảy đao v.v...

- Thứ sáu, hiện thành năm món chín: 1. Chưng chín, 2. Nấu chín; 3. Rang chín; 4. Hầm chín; 5. Sao chín (nghĩa là các món cơm, bánh, các loại đồ cần năm món thành).

- *Thứ bảy, bốn thứ thuộc hiện tại*: là thuốc phải lắc (gạo, bún, tương, miến, rau). Hai là thuốc phi thời (là nước các trái cây). Ba là thuốc bảy ngày (là bơ, mật, dầu, mỡ). Bốn là thuốc trọn đời (muối, me chua, ớt và ngũ thạch tam dẫn v.v...

Bảy điều kiện ở trước, chánh bồn tùy sinh, theo luật y cứ nghĩa xếp vào của thường trụ, và do cất chứa, tính dày chê bai, trong ngoài nhiễm trần dấu vết lỗi lầm không gì hơn ở nầy. Cho nên luận Tỳ-ni Mẫu chép: Có chùa nhỏ, vườn, trái, phòng, nhà, bình, chậu v.v... riêng thuộc đồ nuôi sống, nầy hiện tiền tăng không được chia mà thuộc về bốn phương tăng, còn đồ làm các món ăn kia rất nhiều, chỉ được thông

thâu mà hạn cuộc, tướng lớn nhỏ của nó như Thập Tụng đã nêu, các luật khác không xếp chung. Nếu nói về đồ bằng cây, như luật Tăng-kỳ nói rằng: "Bát cây, chậu cây, sọt che, giỏ che, đều là vật nặng". Lại y cứ các bộ khác, liền nương lượng nặng, như trong luật Thập tụng tất cả đồ hai đấu trở lên là vật nặng dự như việc có gánh vác. Các văn như sau có nói rõ. Chiếu hiện ăn nuốt, như luận Ma-đắc-lặc-già nói: Nếu trong tăng thỉnh ăn rồi qua đời, đồng phân y (y cứ vào vật nặng). Nếu sau khi chết được đồ ăn thì trả về chỗ cũ, nhận người thì y cũng vậy. Còn ba thứ thuốc khác quyết có chứa dư, như ở sau có chia. Luận có chia ra toàn giường, bộ riêng có khai, nầy chẳng phải cô giáo như ở sau có giải thích rộng.

Thứ ba có nhiều phòng riêng: luật xếp vào thường trụ tăng, hoặc có cây, đã làm nhà, như ở sau có sắp xếp.

Từ trước cho là thôn xóm, rừng, đồng trống trong ngoài già-lam, nếu có tự mình xin người khác làm các phòng lớn nhỏ, thuộc riêng của mình, Phật khai cho thọ dụng. Nếu chủ cây chết thì nhập vào của thường trụ, mà phép chùa nương thời, tùy giáo chùa phòng, mặc tình giữ lại cũng được. Hoặc cây gỗ tươc khô, ngói đất, đá cỏ, các đồ phòng và dự định vật làm phòng (lụa, vài, tiền), đều tùy hiện vật nặng nhẹ phân xử. Do khi còn sống, vật có chủ, có thể tùy lời hạn cuộc, nếu đến lúc chết lại có chủ khác thì không được như xưa.

Thứ tư, nhiều vật phòng riêng, luật xếp vào vật nặng, chủng loại y cứ như sau mà riêng. Nghĩa là màn che cửa sổ, mành, trúc, hình phòng lầu, vách, răng rồng, màn nhà, màn che giường, ghế, giường nương trần vách v.v...các loại

Trước y cứ phán nghĩa đều là vật nặng, đều gọi là vốn định phát thảo, không cho giữa chủng sửa đổi, cho nên xếp vào của thường trụ. Nếu là vách đất sụp nứt, mở cửa sổ che sương, tạm dùng vải lụa, tướng che, sau cầm tùy chỗ che mà trừ, không xếp vào loại nầy.

Thứ năm, có nhiều bình đồng, chậu đồng, búa rìu, đèn đài v.v... văn luật đều là vật nặng, nhưng bình chậu lớn nhỏ cỡ nào chưa rõ (như trước hai bài phán).

Các vật trước là do đồng, thiếc, gỗ, ngói v.v... làm ra, y theo luật Thập Tụng thì tất cả đồ đồng không nên chia, trừ bình bồn hai đấu trở xuống thì nên chia, cho đến thiền trấn v.v... nên chia, còn bao nhiêu không chia. Luật nầy xếp bình bồn vào vật nặng, không nêu ra lượng đấu, đến nay truyền học đều xếp vào vật nặng. Tôi cho là phần chừng của bình bồn cốt cất chứa. Tăng thì mặc tình cất bỏ, nếu thông từ nhẹ nhiếp, sự

thì gồm nên theo Thập Tụng mà rõ, thì kia nầy đều trước lượng kia đều dùng bổn chế của Cơ Chu, do thông giữa hay bên đồng dùng, trăm vua không sửa cách thức kia. Cho nên Tạp Lịnh đời Đại Đường nói: "Thước là dùng hai tất làm thước đấu, cân hai sắc ba v.v...thành đó", cho đến luật luận cả hai rõ khí lượng lớn nhỏ, đều chỉ ba đấu của nhà Tần làm định, cho nên biết pháp xưa khó đổi, do cách thức thường.

Xưa Đông Tấn sao nương nầy trời khéo rõ năm, rộng chia tuần tháng, cùng Pháp Sư Tuệ Nghiêm chung bàn thiên trung, luật lịch chia bóng chỗ kế. Pháp sư Nghiêm nói: "Trung tâm châu Diệm ở Trung quốc bốn bên cách biển đều hơn muôn dặm, kia ngày hạ chí ở ngày không có bóng, phương nầy men theo góc biển đâu đồng có ngày mà nói. Cho nên giữa huyện Xích ở Lạc Dương, đến kỳ còn có bóng dư, cho nên Hà Đồ nói: "Mé Đông nam núi Côn Lôn khoảng năm ngàn dặm cũng gọi là Thần-châu, lại gọi là Xích Châu, đã nói là Đông Nam, thì rõ ràng chẳng phải chặng giữa. Lại thước tấc chia thứ kia nầy dùng chung, bóng mặt trời lậu khắc mảy may không sai, đến như tuần thứ độ lượng chung cho cõi và hạnh.

Nếu tùy phương thước chia thì tượng đem giao loạn, v.v... nương trời không cho chống cự, cho nên xét các ghi chép các sự thật để phát hoạ hạnh nầy. Lại như luận Tát-bà-đà nói: "Phật cao sáu trượng, người thường ba trượng". Cõi nầy chép rằng: Thân tám thước, cho nên giới Phật, rộng sáu ngón tay Phật". luật Ngũ Phần nói rằng: "Một ngón tay Như Lai thì cõi nầy là hai thước, cho nên lấy ở đầu làm tiêu y theo, theo đó thì dài một trượng hai thước. Áo người ngày nay dài sáu thước. Thước đời Đường thì năm thước, nếu ở nầy chấp nhận biểu ngón tay có thể bằng. Xưa Tùy Dượng Đế xét kinh chế lập đấu cân, một là y cứ thời Châu, tôi đích thân từng thấy đốt cháy hộp thẻ, cho nên xưa tục truyền thuật, sáu thước là trước, ruộng chỗ khởi, Khuê Sao ở ban đầu, độ đó đầu tiên thì tơ là đầu, chia ngang ở trước, dẫn kéo đầu tiên, đều có y cứ rõ không nên buông lung.

Thứ sáu, nhiều các vật nặng, luật xếp vào vật nặng (ý dùng tên cuộc hạn việc xong, kia lệ nhiều món, trên dưới các môn tùy tướng dễ thấy. Trong nầy lộn xộn khó rõ, tùy việc quan nặng lại có nhẹ thâu, cho nên dùng các môn nói rộng, loại ấy có tâm), ý nghĩa có thêm đồ thế tục.

Ban đầu, các đồ làm thành ý (có năm), đó là y, vải giường, y quang và đất son, thư hoàng, y, giống độ dây thừng v.v.... thứ hai, là các đồ cắt vải, đó là ván cắt, dao, kéo, đá mài, và đập vải, chày v.v....Thứ

ba, là đồ làm thành vải, đó là lụa, lưới, gấm, tơ dệt, lụa đẹp, dây vải, dây đai v.v...thuộc về xe cộ. Thứ tư, các đồ xe đánh: đó là xe sợi, đánh sọt, túi kinh, giá mắc áo, sợi dọc, guồng quay tơ v.v... điều độ. Thứ năm là đồ trục tơ, đó là xe quay tơ, túi nhẹ, và nuôi tằm quách mõng v.v...

Năm điều trên nầy tuy chỗ làm là nhẹ mà sự tướng phiền nặng khó gánh vác nỗi, lại đạo chia duyên sơ chẳng phải thân thích, đều thuộc về vật nặng. Trong điều thứ hai chứng có tướng nhẹ, như dao, kéo Phật cho chứa, gồm cả lớn nhỏ có thể y theo kinh mà xếp. Dao bốn tấc, bất luận là thiếc, cây, sừng hay xương, xếp vào vật nhẹ. Nếu y theo lượng, các dao ở trên hoặc dùng vàng báu trang sức, tuy lượng là dao một tấc, từ báu nên xếp vào vật nặng. Thể lượng đá mài luật không có văn, nếu dùng dao động bằng tướng theo người thì xếp vào vật nhẹ.

1. Đồ chơi đùa, nghĩa là ghế cong, gối hẹp, bàn dưa như ý ngữ, các đồ bằng lông lau chùi phủi quét.

2. Trước một điều vật gồm thắng giáng, sự thật xem xét, xếp thẳng phải đồ nhẹ đạo, nên xếp vào vật nặng, tuy đồ hộp rương đựng y đều chung.

3. Cần để trị bệnh (lệ có ba): Đầu tiên gọi là y thuật châm đốt, dao, giác các đồ trị bệnh. Thứ hai là các loại cây cỏ, sách thuốc Minh Đường Lưu Chú coi mạch. Thứ ba là nêu tên bốn thứ thuốc trị bệnh, và xếp thứ thuốc khác như trên vào vật nặng, trong thuốc trọn đời như ở sau chánh đoán.

Ba điều ở trên giúp thân là chánh yếu, chẳng phải thường có, là bệnh liền cần có. Thứ nhất dao sắt cứu trị, văn luật xếp chung như luật Thập Tụng xếp mũi v.v...vào vật nhẹ, còn có ống thuốc, hòm thuốc các đồ theo mà chia nhau. Thứ hai là các phương thuốc cây cỏ đã là tập tục, nên xếp vào vật nặng. Trong thuốc trọn đời chưa giả thì xếp vào vật nặng nếu đã giả hòa hợp thành thang, thành hoàn, thành cao, chưng khác tướng thuốc cây, đều uống trị các phần khác. Nầy thật chẳng phải chỗ may mắn nên y cứ Tăng-kỳ xếp vào phần nhẹ.

4. Trong ngoài rương kinh (lệ có năm): Ban đầu trong pháp kinh bộ, nghĩa là hễ có truyền thuật là để trừ tâm bệnh. Tâm tuy hai thông y cứ tướng, y cứ duyên chỉ ở trong, cho nên chỉ cứu gọi là nội pháp, nghĩa là hễ có thuật sự ban đầu thì không khiến cho tâm nhọc. Trong ban đầu, cõi kinh bộ, nghĩa là trong cõi Đa-la Diệp kinh, xứ nầy (Trung quốc) dịch là Thỉ Tỗ, có sáu món khác nhau: 1. Đan phiên; 2. Trùng phiên; 3. Thất dịch; 4. Tạp lục; 5. Nghi kinh; 6. Nguỵ dẫn. Thứ hai xứ nầy tập lục nghĩa là Phật pháp đông lưu đến nay, đạo tục các giới đều tuyên

dương giáo hóa chung, hoặc soạn luận lục, hoặc truyền tán, đều chẳng phải ý chỉ đều xếp vào kinh, Trí luận giải thích như vậy. Như Ý Thọ, Tân Tương Tăng Hựu, Pháp Uyển, Văn Tuyên, Vương Tịnh Trụ Tử, Lương Giản, Văn Pháp, Bảo Liên Đài v.v... Thứ ba, hai phương tạp kỹ (nghĩa là hai phương đạo tục thông kinh giải luận, đều thật ý suốt giải thích kinh nghĩa tất cả Sớ Sao v.v... hoặc truyền thuật dấu vết các vị cao tăng thạc đức, ghi chép trụ trì có không, thời suy hạnh thạnh). Thứ tư đồ biên chép kinh (là giấy, bút, mực, nghiên, bàn, ghế, gối, thì trị chỉ giới, đồ đóng sách, trụ v.v...) . Thứ năm là đồ đựng kinh (là nhà, rương, hòm, hộp, giá, lầu, khăn, túi).

Năm điều trên cái gọi là rương kinh, chính là bến đường vào đạo, nêu cốt yếu cùng tột sự việc. Nếu không có thói quen xem chung trước sau, thống lãnh then chốt kia, ngộ thú nhập kia, thì ghe, xe tranh chở chưa lên, chẳng hề bằng khí. Giềng mối đạo giáo tuy giả sữ không hiểu, nhưng luống mất thời gian cho nên thường phải đọc, tìm xem nghĩa lý kia, đáng thường các tâm đầu không theo kỳ hạn. Cho nên luận Tỳ-ni Mẫu nói: "Kinh luật trước có chỗ phó chúc liền giao cho người kia. Nếu không có người phó chúc, thì y theo người coi giữ". Tức nương theo giáo tiến tu, chẳng gọi là thủ hộ mà thông. Cho nên Luận nói: "Phật pháp quý ở việc đúng như lời nói tu hành, không quý đọc nhiều tụng nhiều". Người đời nay phần nhiều tham cất chứa, không có tâm dâng hiến thì không đáng gửi gắm, phải trao cho người có đức. Nếu chết có bút, mực, giấy v.v...và đồ đựng kinh vốn không người chuyên dùng, nương theo chỗ cũ dùng theo chỗ nương rương kinh, quyết đều dâng cúng, chẳng nhất định thuộc, tùy việc nặng nhẹ, nặng nhẹ xếp vào hai tăng, hoặc chứa nhiều giấy mực, nhưng dự định trị sống vốn chẳng phải chép kinh, dùng nên theo vật xếp vào nặng.

Thứ hai, ngoại tục ghi chép (kể có ghi truyền đều còn ngoài trên thì thuận trời vâng đất, giúp nước, giáo hóa dân, giữa thì hiếu thảo với cha mẹ, lập thân hành đạo, dưới thì nêu bày sáu phủ năm hạnh nương tựa, y cứ sự để cầu chẳng phải nuôi sống, nên gọi là sách ngoài. Ban đầu là sách sử cửu lưu (cửu lưu: 1. Đạo; 2. Nho; 3. Danh; 4. Pháp; 5. Mực; 6. Buông thả; 7. Âm dương; 8. Mủ chảy; 9. Tạp lưu), tức là vĩ hầu chư tử, bảo truyền văn kỹ tạp thuyết v.v...

Hai nghĩa là sách ba chữ xưa (là văn Thượng Tổ) đều là chữ chân chữ thảo các dấu vết. Ba là đồ đựng sách (tức là trong kinh đã nêu: Giấy bút nghiên mực)

Ba điều ở trước đều xếp vào vật nặng, tuy không tạm học vì ngăn

tục mỹ, nhưng chẳng hề đùa lâu, cho nên xả cho tăng. Giấy, mực có dư bèn gồm việc đạo, mà bổn ý giúp tục không giống điều trước đều từ nặng mà nêu, kinh luật chánh chế là để trang nghiêm văn tụng, vui với thế pháp.

Thứ ba là các đồ tính đếm (lệ có hai): 1. Đồ hiện có số (nghĩa là bàn tính, phương thuật so lường tính đếm, thẻ tre v.v...); 2. Cách đếm tạp châu (là thuỷ tinh, lưu ly, nhiều mầu làm hạt châu).

Hai điều trước là lúc cần tính đếm. Tuy thể là vật nặng mà kham tùy việc đạo. Trong luật vẫn không giải thích sự đếm, tụng giới có sự quên lầm khai chứa tính toán v.v..., còn như cây gỗ, châu xỏ nhiều màu, báu quả làm thành. Y cứ theo Tăng-kỳ tất cả sự duyên tìm ở cơ chánh yếu, chớ quá số đếm, chìm tiếp hạ căn, dẫn khóa tu nghiệp, có thể y cứ Đa luận. Giống như của báu, báu giả, châu nhiều màu, khai hành trăm lẻ một vật được dùng đúng như pháp, nên xếp vào vật nhẹ, còn bao nhiêu tre, gỗ v.v...y theo nầy mà chia.

5. Các tạp nhạc cụ (lệ có bốn): Bàn đầu là nhạc tám âm (1. Nhạc kim: là chuông, linh v.v...2. Nhạc đá: là khánh v.v...; 3. Nhạc tơ: là cầm bầu, là không, hầu v.v...; 4. Nhạc trúc là sáo, địch; 5. Nhạc bầu không, là trống; 6. Nhạc đất, tức vận v.v...7. Nhạc cách, là trống v.v... 8. Nhạc cây, tức âm chúc ở trên). Hai là đồ chơi (nghĩa là quỷ, xí diện v.v... bày hình sư tử, ngựa trắng, lo lắng, truyền thuật các hình ảnh biến hiện. Ba là đồ trang sức (là hoa, mũ, dây tơ, quần, bao nhiều mầu, các báu, thêu võ, v.v...). bốn là đồ hí kịch (kéo đạo sáu giáp làm thành và cần con súc sắc, mã đồng).

6. Đồ tạp trang sức (lệ có hai): Trước là đồ họa võ (là trang sức thế tục lấy màu đơn thanh, chu lục, nhiều màu, và giây tơ thẳng thước, vật chuyên dùng để vẽ). Sau là các đồ chơi đẹp (là bình phong, núi sông, nhân vật du tiên, các sách chép Cổ Hiền truyện kỹ và các sách lạ khác).

Hai điều ở trước cũng đồng với nghi trên, nhưng có thể phù hợp chỗ tình ưa mến, hoàn toàn chẳng phải cương yếu, nên xếp vào thường trụ, đồ trang sức của tăng.

7. Vách báu, các hàng hóa (lệ có bốn): Ban đầu là nặng báu (là vàng, bạc, chân châu, ma ni, san hô, xà cừ, mã não, hỷ báu, và các ngọc bích), hai là nhẹ báu (là thâu thạch, đồng, thiếc, chỉ, kẽm, bạch lạp và các châu giả), ba là tiền báu (là tiền vàng, bạc, đồng, thiếc, cho đến da làm tám món, trên có lần vẽ). Bốn là các vật dư (là các vật cần của lò luyện đúc và các vật nấu chảy).

Bốn điều trước là chánh nặng, nghiêm cấm tiền tài thế tục. Điều đầu tiên và ba, bốn, chẳng cho tự chứa, cho có giúp đạo nói giao cho người tại gia, thân mất xếp vào vật nặng, cho nên của thường trụ. Thứ hai là báu nhẹ, tuỳ duyên ba đường, nhưng là bổn thể hôn đoạn đồng thau, người đến xem thí không nghĩ hình dụng, thì tùy bổn nặng nói giao cho tịnh chủ. Nếu là trăm lẻ một oản, bát, y, câu theo luật khai thọ dụng, cho nên xếp vào hạn nhẹ, đồng giả nghĩ dụng lệ theo nầy là có thể chia. Nếu đã thành vật vào trăm lẻ một vật số vào vật nặng nhẹ, nầy chẳng phải chánh báu.

Cho nên luật Tăng-kỳ nói: "Tiền, vàng, bạc không được chạm, nếu báu nhẹ khác được chạm, thì không được chứa, được làm trăm lẻ vật dụng". Như luận đã rõ, không cần thuyết tịnh, y theo làm các món đồ lý chẳng phải vật nặng.

Trong luật Tứ Phần chỉ cho rõ ba món tiền, vàng, bạc, còn các món khác không bàn, biết rõ thông hạn nhẹ, thuộc thiếc, lạp, văn tuy không nêu. Luật khiến dùng để đầy bát chẳng phải vật nặng tùy bát vào vật nhẹ không nghi ngờ. Nay có người giỏi làm luật giáo, nương luận chia vàng và tiền vàng, giường v.v...các vật. Nầy chẳng phải là thành giáo, tùy văn mà dùng, cùng mình tham hoặc giống nhau, không chỉ văn giáo sáng mờ. Phật sinh tử không rảnh, nghe tiếng liền dứt, lại đồng đạo nghe nay là nặng sơ chia vàng. Duyên nêu bày văn nầy trong luận Ma-đắc-lặc-già, nầy là bổn luật của bộ Ca-diếp-di, không đến ở nầy chẳng phải sở cơ kia.

Nói chia vàng, giường, ban đầu có Tỳ-kheo từ cõi trời sinh xuống, đồ vật trong người nầy chẳng phải chỗ an kia, tình loạn không an, thường suy nghĩ các đồ có được ở cõi trời. Phật sai A-nan cấp cho đồ cần thiết, trong một đêm liền chứng quả Vô học. Do duyên này mà khai, chẳng chung bộ nay. Trong luận Phân Biệt Công đức có nói đủ việc này.

Cho nên các kinh Trì Thế Phật Tạng, Phật dạy đệ tử tu đạo, vì nhớ các đồ vật có thiếu sót không thể hiểu đạo, đều quyền khai cho, quyết không tu đạo, người ưa thế pháp, nước không cho uống, đất không cho đi, các đại quỷ thần ngăn trước quét sau. Nầy há là người nói mà đại thành (Phật chánh nói, học trò chia vàng đều vọng làm không rõ giáo, thuận bổn tham chứa, lại trái học trò thanh tín, đều có Cao tăng xuất tục chánh ngăn chế không làm, tình còn tiền tài, sự chưa đủ tính. Đại bát Niết-bàn là cực giáo đều trọn, văn một bộ rõ mười tám vật bất tịnh, Phật nói, ma nói, dùng này chia đường. Cho nên văn nói rằng: Nếu có người nói Phật khai cho Tỳ-kheo chứa vàng báu tám vật rắn độc bất tịnh, này

là ma nói chẳng phải đệ tử tăng-già-lam. Trái lại là do Phật nói. Cho đến văn nói rằng: Tỳ-kheo Kỳ Hoàn chia vàng, Phật cũng chánh đoán, chia uống nước sông, cho đến trong luật Tứ Phần, Ca-chiên-diên không nhận báu thí của vua, do đây Như lai chế kiền-độ trì giới lớn nhỏ.

Đệ tử tăng-già-lam khác nhau các Sa Môn ngoại đạo nhận chứa vàng báu v.v....lại sau khi Như lai nhập diệt hai trăm năm, Tỳ-kheo Bạt-xà ở nước Tỳ-xá-ly, khéo làm mười việc, ngày thuyết giới khi xướng lời chia vàng, Tỳ-kheo Da Xá nhóm bảy trăm người ở Diêm-phù-đề, lại càng đoán rõ không chấp nhận chia. Phật ở Kỳ-hoàn chỗ lần thứ nhất sau khi Phật nhập diệt đoán rõ không chấp nhận chia. Nay hoặc có ba phạm, chia vàng phạm tội đoạ, chết vào trong lửa hai mươi mốt ức bốn bốn mươi ngàn năm, nầy là tội nhỏ. Không tin thì vị lai bị lửa đốt, hiện tại chỉ hoàn lửa ở thân, sẽ tin khổ mà bỏ.

Nay có người phạm bốn giới cấm, kinh luật đều gọi là là Đoạn-đầu, người phạm an nhiên không sợ mà làm vị pháp sư chủ, không tin chín trăm hai mươi mốt ức sáu ngàn năm đọa trong ngục Vô gián, huống chỉ ở nầy chia vàng không đáng làm quái lạ. Người học giáo, đều là há ý ở ngày nay tệ phong lại nêu. Vàng là vật quý nặng của thế tục, nghe tên liền mừng nhìn ngó đâu luống, nêu của cải, thế tục còn vậy, huống chi xuất đạo gì ư? Dẫu có chia ấy, hằng hà dài chìm người không đáng quái lạ, chỉ quở phiền não người không đáng bàn.

Đến như chế giới của một phen giáo hóa đều dứt tục trước. Chỉ có bốn giới đối tục lại chế; 1. Dâm; 2. Rượu; 3. Báu; 4. Tà mạng. Dâm là gốc sinh tử say mê, bốn nghịch do đó mà có. Báu là duyên khởi tham, các hoặc phiền căn của nhân. Tà mạng là nhân hại tăng-già-lam, đường ác là tường mở. Niết-bàn các luật hiểu rõ nghĩa đó, sao không mở đọc sách Phật mà làm giáo bãi bỏ? Cho nên văn nói rằng: "Mặt trời mặt trăng không được sáng bỏ là do khói, mây, bụi mù che lấp, pháp tăng-già-lam không sạch là do Tỳ-kheo gây ra bốn việc. Nếu có đệ tử tôn là thầy mà làm bốn việc trước thì tăng-già-lam chẳng phải thầy họ, kia chẳng phải đệ tử tăng-già-lam, do không tin pháp luật của tăng-già-lam. Đây cái gọi là Tứ Thiền, Thập Tụng, luật luận, v.v...đều có văn răn nhắc, đâu được nương theo luật nầy thọ giới mà dùng bộ kia chia vàng, bỏ chế mà lấy khai, chưa biết thông bít của cơ giáo rõ mà cầm, có thể không cẩn thận ư? Sống thì bụi, mồ hôi mê luống, chết thì tự phải khổ sở, tin nặng dục một thời là hoạn hung muôn kiếp, rất đáng buồn.

8. Các vật tạp nặng (lại có tám, nghĩa là tất cả đá, tất cả thuỷ tinh, tất cả ngói, tất cả đồ, tất cả răng, tất cả sừng, tất cả đồng, tất cả sắc đất,

nghĩa thêm trong tục các đồ săn, đồ ăn.

Ban đầu như kinh Thập Tụng nói tất cả vật đá không nên chia, trừ bình nước, bồn nước, vật đậy nước cạo mồ hôi, ống nhỏ mũi, đấu uất, hương, câu bát các vật đá khác không nên chia (như cối báu, cối tạp chùy và dùng chày, đồ hương nếu chưa đủ thì chẳng phải hạnh nhẹ, bao nhiêu lệ thì mà biết). Nghĩa thêm tục vào đồ vật, như mâm bàn muỗng đưa, đều xếp vào vật nặng, rộng như ở sau nêu ra.

Một đoạn ở trước, vật đá y cứ trên để đoán. Luật có thông bít, Tứ Phần không có văn, nghĩa phải y cứ theo chánh, kia đồ lê hương cúng dường hoặc hoa hương loại riêng, hoặc thiếc, đá, đồng, thau làm thành. Nếu thường nghĩ cúng dường trước Phật, bất luận trang sức vàng bạc có hay không đều tùy bổn xứ mà dùng. Nếu bổn tâm không nhất định, nghĩ sau chuyển đổi, tự giúp tùy điều kiện trước, xếp vào vật nhẹ, hỏi có vàng bạc trang sức vào vật nặng. Nếu có lòng cúng dường thì Tam bảo gồm chung, tùy người hay thọ dụng mà dùng, vốn chưa đưa ra vật làm việc cúng dường, không cho tự giúp, nên vào cửa Tam bảo. Nếu xếp vào vật nhẹ chia liền thành nghiệp trộm có thể không cẩn thận hay sao?

Cho nên trong luật Tăng-kỳ, tiền vàng bạc không được cầm, chứa cất. Nếu chân châu, lưu ly, kha bối, san hô, pha-lê, xa cừ, mã não, được chạm, không được cất dùng, biết rõ trăm lẻ một vật, được thọ dùng. Dầu trong luận tùy khả nặng cúng dường cho, nghĩa là xếp riêng vào Phật pháp. Phải có túi báu, hãy như kinh luận cúng dường không xếp vào vật nặng, kia các lò hương, đồ cúng không nhất định thuộc, tức như luật chánh đoán chia ra, kia có lửa, muỗng khăn, túi, bàn, hộp .... các món đồ vật, đều tùy theo tất cả lò hương nặng nhẹ. Quyết khăn gồm thêu dệt, tùy vào vật nhẹ, do sự ở nuôi dưỡng chẳng phải lượng chỗ khai, hoặc thường không theo hạnh, hoặc vàng báu trang sức, riêng trích vật nặng (không tùy là hương nhẹ).

Thứ hai, tất cả vật thuỷ tinh không nên chia, trừ chảo, bình, huân bát câu, lò hương, đấu lửa còn bao nhiêu như trên đã nói.

Thứ ba, tất cả vật ngói không nên chia, trừ chảo, bình hai đầu trở xuống nên chia, nắp bồn nước, bát lớn, bát nhỏ, bát nửa, chốt cửa, dao cạo mồ hôi, thuốc nhỏ mũi, bàn ủi v.v... không nên chia.

Trong các vật ngói ở trước văn luật đoán tự hai món riêng. Phật khai cho chứa hai chảo, hai bình bốn nắp, bốn muỗng, y theo đấu lượng là định nặng nhẹ, đồ tấm giặt hoặc làm bằng đồng, bằng thau, bện bằng vải, cây, da, vỏ bầu, đã thường rửa bát đồ cốt yếu, y theo lượng của vật

nhẹ, nếu nặng lớn khó giữ và vật nhỏ thì tùy theo vật nhẹ, tuy khai chảo bình chỉ là cung cấp việc thiết yếu, hoặc gồm các đồ tục, chưa nhất định đối với vật nhẹ.

Thứ tư, tất cả đồ vật không nên trừ dao cạo mồ hôi, thuốc nhỏ mũi, bàn ủi, lò hương, thiền trấn, xông, bát câu, thuốc nhỏ mắt, hòm, bảy nét, cành, nên chia, còn bao nhiêu không chia.

Thứ năm, tất cả đồ bằng ngà cũng như vậy. Xỉ là các đồ vật bằng ngà.

Thứ sáu, tất cả đồ đồng hai đầu trở xuống nên chia. Như trên, kềm, nhiếp cắt móng, dao cắt vải, dao cửa hiệu, khúc cửa câu v.v...cũng vậy.

Đồ đồng ở trước chung rõ đấu lượng, còn bao nhiêu tuy không nêu ra, y theo đây mà khai, tức thau, thiếc, chì, sắt, bạch lạp v.v. Lại ngay luật khai chia dao cạo, do nầy là đồ dùng thiết yếu, thì tùy có đá mài, túi, hộp theo nhau vào vật nhẹ, có bao nhiêu dao con, dùi, kìm v.v... văn tuy không nêu mà luật Thập Tụng lại nói: Chánh xếp vào vật nhẹ như trong kinh Lăng-già, khai cho chứa dao bốn tấc, đầu dao như hình mặt trăng vì cắt may Ca Sa. Trong Tỳ-ni Mẫu cũng khai cho con dao sáu trượng, đều có chỗ làm, nầy thì có thể y cứ nêu, bất luận đầu dao vuông, nhọn, lớn, nhỏ, số bao nhiêu, đoán chung vào vật nhẹ, quá lượng là xếp vào vật nặng. Đã ngoài phi pháp, tuy vật nhỏ mà xếp vào vật nặng (nghĩa là bẻ giáp, cạo da, bỏ lông v.v...các loại dao).

Thứ bảy, tất cả vật bằng sừng không nên chia, trừ nửa đầu trở xuống thì nên chia, trừ cán y, câu tường, trên dao cạo mồ hôi, thuốc nhỏ mũi, ống đựng kim, hòm thuốc, muỗng, bát, cành, tất cả vật như vậy được chia, còn bao nhiêu không nên chia.

Thứ tám, tất cả đất đỏ không nên chia. Tất cả nhuộm sắc, hoặc nấu hay chưa nấu đều không nên chia, từng ấy có tất cả nhiễm sắc, cả tía, chồi vàng, chi tử, càn đà v.v...

Tám món các việc như trước khác nhau, luật Thập tụng y cứ thể mà xét, cho nên có chia không chia khác nhau. Nay vật chứa để đồng khác rất nhiều không cần như luật, có thể so dáng vẻ lớn nhỏ của nó, lường độ hai nghi nặng nhẹ (như bát sành xếp vào vật nhẹ, bát vàng xếp vào vật nặng, bát huân câu xếp vào vật nhẹ, bát huân xếp vào vật nặng, những loại nầy tùy việc sâu mà suy nghĩ) nghĩa là vật tục đồ sơn, trong thế tục có mâm, oản, nắp hộp, cầm bát, đồ để ăn như muỗng, ăn kiêng, bất luận lớn nhỏ nhiều ít, đều xếp vào vật nặng, do toàn là thế tục có khi chẳng phải là kẻ đạo dùng, sự đồng áo tục, cực chế không cho chứa.

Y bát người xuất gia khác với thế tục, nếu nay cho chia, tâm tục không trừ cho thì khiến xếp vào vật nặng, dứt hẳn dòng đời.

Thứ bảy, là có nhiều giường dây, giường cây, nệm nằm nệm ngồi. luật xếp vào vật nhẹ, các loại khác như riêng. Nghĩa là giường chỏng, bàn ghế, giường hẹp, đồ che lợp, nệm sàng, gối, mền v.v... tùy dùng trúc, cây, lụa, tạp vật làm thành.

Trước y cứ vào vật nặng. Nói hai mền, tùy kia lớn nhỏ nhiều ít, đều cho là trong nỉ dạ làm cốt, lụa bao ở ngoài, đều dùng vải trải, nếu chỉ một lần dạ vải là xếp vào vật nhẹ, cho đến nệm ngồi, ghế và các vật bằng dạ tướng thuộc về vật nặng.

Thứ tám, có nhiều y-lê-diện-đà-kỳ-la-kỳ-la. Đây là ba điều ở trước đều là văn luật chung đoán đối với vật nặng khác. Phật pháp Đông Độ cho đến nay giảng giải lớn nhỏ trướng bước đi chướng? Ban đầu thì y-lê-diên-đà có thể chẳng chướng, kế thì kỳ-kỳ-các-la há chẳng là trướng lớn nhỏ. Trướng giống như màn, cho nên nói là kỳ-la, dùng ngay từng chưa thảo luận nguồn gốc chữ kia, tùy tiếng liền dịch, tức âm định thể vật kia, nầy thì mạnh ở thâu loại, cong nơi sự thật. Vả lại y-lê-diệu-đà gọi là lộc, trong kinh chỗ cái gọi là tướng đi của Như lai như bước đi nai đầu đàn y-lê-diên-đà. Nầy thì chứa nhiều da nai sống (chưa thuộc). Kỳ-la-kỳ-kỳ-la đều là tên thú, hình dáng như con hổ thuộc loại báo mạch, da dày lông mịn, có thể ngồi được. Tôi có đem việc nầy hỏi các vị tăng Ấn-độ, da hai thú nầy ở các nước mé Tây có, Trần Châu không có vật này tùy tâm bổn độ kia há có thể tức âm định thể lại nói vật che chướng. Người xưa có nói "mê tên sinh pháp si" thật đáng dè dặt.

Xưa có người mở kinh Lăng-già xem, người ngoài hỏi: "Các kinh hoặc dùng nhân pháp đặt tên. Vì sao kinh nầy dùng khổ cụ đặt tên?". Toàn cao mờ mịt biết đâu giải cứu bèn hỏi ngược lại rằng: "Lăng-già há chẳng phải là gông lớn tám gỗ ư? Đại chúng đạo tục cùng lúc cười òa, cái gọi là hổ thẹn với một người bẻ cong trên ngàn muôn người. Da nai-y-lê, xứ nầy có mà hơi khác, xứ nầy thì da mỏng lông cứng, kia thì da dày lông mềm, nếu da dễ thường có thể dùng để ngồi, có mà không giống cho nên tên là cư. Cả ba đều là vật da cho nên xếp vào vật nặng, da và lông dê nhẹ hay nặng khác nhau mà thật cù dâu. Xứ này vốn không có, vật kia đều từ Tây Bắc truyền đến, nếu tu tập lông, biên, mà ra đầu lông gồm có bằng tượng người thú v.v...các hình trạng, gọi là Phùng kinh vì lớp lông như lụa, dùng để trải đất che vách.

Luận bổn nói: Thảm trải đất lông dài ba ngón tay, tấm thảm dài năm khuỷu tay rộng ba khuỷu nên chia. Xưa tôi cho là lượng đồng ba

y nên xếp vào vật nhẹ, thuộc dạ đắp dụ phân lượng nầy, mà khai nhẹ trong văn luật không rõ, theo văn thì lỗi, gần lấy càn phong hai năm, mùa xuân thầm cảm trời người, người thục thiếu tánh bỏ họ. Thời Hạ Trụ sinh ở thời Nam Thiên vương, làm sứ giả, thâm ư tướng luật, thêm nhận lời Phật dặn, rộng hộ làm bổn hoại, nghĩa là từ chỗ soạn Sao Sớ Nghi Lục lỗi kia càng nhỏ, nhưng ở nặng nhẹ tùy lạm thì có tuy theo luật đoán nhưng văn chẳng rõ ràng, nầy là lỗi phiên dịch, đâu phải của người học, đáng sửa mê trước nên theo ngộ sau. Trung quốc không chỉ bày cho, riêng giúp đất lạnh (nghĩa là Tây Bắc gần biển, mùa đông thì rất lạnh, gió đông cắt trúc áo mặc phải dày, có các Tỳ-kheo ở xứ nầy mặc ba y không thể hết lạnh. Phật thương xót khai trong giáo bổn, nếu ở các nước lạnh nầy phần nhiều dùng vải đôi may chồng lại. Nếu không có vải đầy, thì được cỏ khô dệt thành y mà mặc. Lại không có cỏ thì được lấy da cây, đập giả cho mềm mà mặc. Lại không có nữa thì được dùng lông dột, như cách cắt thành ba y, lông đắp ở trong. Lại không có nữa thi được dùng các da cũng đồng làm ba y mà mặc. Như vậy thứ lớp lần lượt mà khai cho, nếu đến giữa nước tự có áo đúng pháp, thì đâu được khai? Trong thế tục sửa lại mà mặc, thì không thể có việc nầy. Luật đâu không nói rằng biên địa khai cho năm việc: các thứ da dê v.v... làm ngoạ cụ cất chứa, ngoạ cụ tức là ba y. Luận Tát-bà-đa không có, y theo ngoạ cụ phương Tây liền thể hội kia, cho nên trong luật ở nước bị lạnh quá, Tỳ-kheo hạ an cư xong qua phương Nam chỗ Phật ra núi Tuyết đất bằng trời nóng, y phục dày nặng mạng gánh khốn khổ. Tôi hỏi " Nặng bao nhiêu" đáp: "Có thể nặng ba thạch". Xứ ấy mọi người đều cao một trượng trở xuống cho nên hơn, y nầy Phật khai vì là tu đạo chứ không khai vì đạo, khai cho một tháng hoặc năm tháng được lìa y nầy. Tôi xem trong luật Thập tụng, Tăng-già-lê của Ca-diếp nặng ba trăm cân.

Lụa gấm thêu thùa, (phương Tây có, lần thêu hết dệt y, hoặc vải có ban mấy, phủ các màu, bất luận nam nữ dùng làm thành y, lệ y cứ là vật nặng).

Trước nói một điều y theo luật như thảm trải vào vật nặng, thuần thì xếp vào vật nhẹ, tạp thì xếp vào vật nặng. Như trước tướng ba y ở vật nhẹ, khác thì bất luận lớn nhỏ dày mỏng đều là vật nặng. Tứ Phần không cho chứa vải gấm vải thêu (thông nhiều ít rộng hẹp). Ngũ Phần. Lụa thêu, lông, lông câu chấp, quá ba ngón tay đều không thể chia, nếu thuần sắc thì nên chia, (cũng y cứ trên giải thích như tướng lượng ba y, thảm có dày mỏng, dày thì quá lượng ba y là xếp vào vật nặng, mỏng

thì được có tùy đạo xếp vào vật nhẹ, chăn thì không phải vậy, toàn là vật thế tục chẳng phải là vật để người xuất gia dùng, nếu khai cho thì không khác thế tục. Cho nên các y phục thế tục, người tại gia ngoại đạo đều không cho chứa là rất có ý, vì sợ hoại đạo. Bất luận dày mỏng lớn nhỏ hay y phục người tại gia, ngoại đạo đều xếp vào vật nặng.

Có Tỳ-kheo đắp hai thứ y phục nầy đến chỗ Phật bạch rằng: "Đây là pháp đầu-đà trang nghiêm, xin Phật cho phép", Phật nói: "Các thầy là người ngu si, tránh điều Tăng-già-lam cấm, hãy làm việc khác. Từ nay về sau, tất cả y phục của người tại gia, ngoại đạo không được chứa mặc", nghiêm giáo như vậy nào dám bỏ. Cho nên dứt nghĩa phù, thảm nầy có nặng nhẹ mỏng cần điều chỉnh, dày quá ba y như trên xếp vào vật nặng, mềm mỏng rất đáng cắt may, bất luận lớn nhỏ, nhiều ít đều là vật nhẹ. Cho nên trong luật Tỳ-kheo già bệnh mặc Tăng già lê bằng da, cho đến ngoạ cụ sáu năm, ngoạ cụ nhiều màu đều ba y bằng da, để tìm sự không giống, kia thì toàn là thế tục hoại, da nầy chung cho người tu đạo, còn bao nhiêu có mềm đơn, đồ ngồi sơn dã khác với tướng mền, đồng mạn bố ba y có thể theo hạn nhẹ. Cho nên Ngũ Phần nói y che thân, tức che thân mà đắp ba y. Luật Tứ Phần nói y là che đậy. Đơn phu y là đồ trải trên giường, rủ bồn mặt đều xếp vào vật nhẹ đâu thể y theo dưới chẳng cho là nặng, che trên chẳng phải là nhẹ, cho nên có thể rõ biết, phần chừng kia.

Thứ chín, nhiều người giữ Tăng-già-lam, luật xếp vào vật nặng, kia nêu đã nhiều, như sau phán nhiều phần lớn là sáu:

1. Thí sức cung cấp.

2. Bộ khúc khách nữ.

Hai điều trước tuy tốt xấu mà chia, có phiền và không phiền khác nhau. Điều trước thí sức có hai hạng người. Nếu có thể cung cấp trọn đời thì tùy tăng xử phận. Nếu chỗ cấp trọn đời thì trước tăng đã trọn, sau tình tự sửa, mặc ý xả bỏ. Nếu người khác sai đến cung cấp thì trả về chủ cũ. Nếu vốn là tự mình có tính vui vẻ che mát, nương bổn vào tăng. Nếu tạm đến chẳng phải lâu, lúc nào đem đi cũng được.

Thứ hai bộ khúc, nghĩa là vốn đồ xấu (nên) cho tánh họ, mà chưa lìa chủ cũ, chủ cũ chết, thì nhập vào thường trụ. Áo, đồ vật, súc vật, tùy chỗ thân thuộc, không nên tranh đoạt. Nếu vốn nghĩ trọn đời cung cấp tay sẽ chia rẽ, theo luận Tỳ-ni-mẫu thì xả bỏ.

3- Nô tỳ tôi tớ có con dứt nuôi xếp vào thường trụ. Nếu thân chết không có bà con thì thường trụ thâu nhận.

Một điều trước xếp như Mẫu-luận nói: Nếu có nô tỳ riêng nên

thả cho đi (như trong điều trước), nếu không thả, làm tịnh nhân như luật Tăng-kỳ.

4- Chứa các gia súc, tức lạc đà, ngựa, lừa, trâu, dê v.v... và yên ngựa, dây cương, dàm ngựa, lan can, chuồng, máng ngựa v.v...

5- Chứa các súc đồng trống, tức vượn, nai, gấu, heo, khỉ, thỏ, gà rừng, vịt, ngỗng, chim ưng... và dùng lồng, giá v.v...

6- Chứa các luận nghi, tức mèo, chó, cú vọ, ưng, diều hâu, chuột, chuột độc, nỏ, cung, củi v.v... và cung, tên cỏ lưới đồ giết hại của ngũ binh, v.v...

Sáu điều trước, ba thứ trước tùy sự đã rõ. Trong thứ tư chứa gia súc, là đầu mối của phiền lự, nên xếp vào nặng. Cho nên Mẫu-luận nói lạc đà, ngựa, lừa.. có thể cho tăng thường trụ trong chùa để vận chuyển, ngoài ra các đồ chở tùy chỗ được chứa, như có roi gậy đều nên đốt, do sống bị chê trách. Thứ năm, súc vật hoang càng là chướng đạo, cho nên trong luật Tăng-kỳ nói "Nếu đem đến cho thì không nhận, sai cung cấp nước, đủ thì thả đi, vì chứa là ngăn đạo. Trong đời phần nhiều thả gà, heo, ngỗng, vịt, cũng tự trần nhiễm sự trong sạch, có nuôi chim anh vũ, ngỗng, bồ cầu, đạo tục đấng xấu hổ, hẳn có chim thú nầy, thì hãy thả nó vào rừng, sông ao, lồng, giá đồ ràng buộc đều nhóm lại là đốt. Thứ sáu, đồ ác lậu nghi, sự loại vẫn mong, thời đến duyên bên cỏ trong đầu, nêu không biết, hoặc thêm chứa dùng, đã sự ở tội Tăng, đều có thể đốt thì đồng nhà ngói phi pháp. Cho nên luật Thiện Kiến nói: "Nếu có bố thí gậy, thì tăng nên bẻ gẫy, không được bán, nếu bán cho người thì họ sẽ làm việc giết hại. Người bán đồng nghiệp kia. Trong luận ấy có chứa vật phi pháp, chúng chủ phá không có lỗi tổn tiến tài. Chánh luận đoán rõ y cứ dùng đâu nghi? Cũng có nuôi mèo chó chuyên làm việc giết hại, Kinh luận đoán ở ác nghi, đồng chứa liền mất giới lành, đưa ra bán thì là loại sống, nghiệp chướng lại sâu, thí cho người trở lại tiếp tục tâm hại, trở thành ràng buộc, nên thả nó vào chỗ sâu mặc tính nó trốn đi, hẳn phiền nó hiển trụ lại thêm phiền nhọc, nhưng nương trước kia càng rõ, lại dứt kẻ thù sinh sát, cây mới nhà Thánh từ bi (bao nhiêu chim nên thả lên hư không).

Thứ mười có nhiều xe kiệu, luật xếp vào vật nặng, y cứ nêu đoán sau (lệ có ba).

1- Thường chuyên chở (nghĩa là các thứ xe kiệu trên bờ dưới nước như ghe thuyền, xe trâu, xe dê, đi bộ, kéo xe v.v... và cung cấp giây thừng cho ghe, xe v.v...

2- Đưa cho hung khí (nghĩa là tạp sức xe kiệu cùng đồ xe cần

nhân, minh khí, quan, dựng đàn hương, áo, vải tạp phục, giá cò, hòn đá, thông, bá, các cây, bia đá trở ngại... các vật.

3- Đồ cúng tế (nghĩa là đồ cùng tế tỷ tổ, tấm gội, quỳ gối, oản, muỗng, mâm, hợp, bàn, ghế...).

Ba đều trước điều là vật nặng, hai thứ sau là đồ hung tế, nếu dự làm cho người sau, khi chết thì nhập vào của thường trụ. Nếu vì bà con thân nhân bảy chúng đọa tục, thật táng vì tương lai mà làm, do quyết nguồn gốc, xả riêng thuộc.

Thứ mười một: bình nước, bình tắm, gậy, quạt, luật đều xếp vào vật nặng, nay do vằn giữa sáng nhau xen làm nặng nhẹ.

Trước một đoạn, nếu y cứ bổn luật nêu chung nặng thâu, là vì sao? Vì thể tướng đều nặng theo nhiều y cứ, như đồ bình tưới, giúp đạo yếu duyên lý xếp vào vật nhẹ, không giống gậy, quạt, do lớn nhỏ không y cứ, dùng có thời hạn gồm cả Thánh giáo nên được chứa dùng. Bình tưới không như vậy, tùy thân tắm súc miệng, rửa dơ các việc thường cần nghĩa quyết nhẹ thâu không nên xếp vào vật nặng. Lại các bộ ảnh nhau chẳng phải nặng là nhiều, cho nên luật Ngũ Phần chép: “Trừ bình tắm cho chia, còn bao nhiêu không nên chia”, đây chính là chánh xếp vào nhẹ, nếu y cứ lượng thông hội luật vốn xếp vào vật nặng là nói theo bình lớn. Cho nên luật Thập Tụng nói: “Bình tắm bằng đồng, hai đâu trở xuống là vật nhẹ”, đây thì hiển rõ con đường chung, xưa nay truyền trao đều y theo luật , ý do giúp thân tiếp đạo, việc thường nên dùng, lại chế tự tùy cho nên xếp vào nhẹ.

Lại các luật phán rõ chẳng dám tự lượng, cho nên trong luật Tăng-kỳ, người mới thọ giới cụ túc đã khiến chứa đồ ứng pháp, tấm gội đem đi, biết rõ là phi pháp, không có khả năng theo đạo, có thể như bổn luật xếp vật nặng là đúng. Lại như dao ở duyên chánh yếu, đều đoán ở vật nhẹ, bình tươi là việc gấp hơn trước, nghĩa không phải thuộc về nặng cho nên rộng thông bộ khác, tinh luyện phải quấy, đã rộng lại tinh sự không do dự. Đã ngoài bình ngói đất nêu ở trên, lớn nhỏ và nặng nhẹ.

Thứ mười hai, nhiều các đồ bằng tạp chất kia, luật tự chia lạm, đều xếp vật nặng nêu lên như sau:

1- Đồ bằng sắt (lò luyện đúc, chảo, kìm, búa, ống bể lò đúc, chất sắt, cái giũa v.v.... Các đồ và bao nhiêu than sắt v.v....

2- Đồ làm bằng gốm (vòng dây, túi bạc, xẻng, gậy, tất cả các đồ đình trực và bao nhiêu bùn đất, ngói gạch....).

3- Đồ bằng da (bồn chảo, bàn ghế, dao cạo, cắt đốt, phất tạp loạn và bao nhiêu vật da lông sống, không nên chia).

4- Đố bằng trúc (nghĩa là thuộc dao cưa, hai là vàng trúc chẻ, bè các trúc xanh, và lau, sậy.. các thứ cỏ v.v....

5- Đồ bằng cây (nghĩa là búa cưa chẻ tre, dụng cụ đục cắt và bao nhiêu vật bằng cây gỗ, củi v.v...

Năm điều trước thuộc về chủng loại vật nặng. Người xưa đồng lời đều giải thích rằng: "Bất luận năng thành sở thành và bao nhiêu mô hình đều là nặng", này thì lạm thông tướng nhẹ, lấy dụ khó chia. Nay lấy văn nghĩa nghiệm nhau, đều chỉ vật năng thành như trước. Cho nên trong Luật nói: "Các đồ bằng cây không có chỗ đựng, Phật dạy làm túi đựng", cho nên biết chẳng phải do bát mà thành. Nếu có đồ sẵn có như chảo, nồi... bình bồn v.v... đều thuộc về các môn. Nếu theo người xưa nói thì các đồ không có gì lưu đây nhiếp liền vọng nêu nhiều vị luống phí công dịch, kia đồ da thuộc như trong luật Thập Tụng nói thuộc về vật nhẹ. Ba loại da y-lê kỳ-la ở trước đã là sống, Tứ Phần không xếp, chỉ y cứ thảm da, cho nên biết ba da không xếp vào phần hạn, ở biên giới áo da khai cho chúa, không tướng ba y cần gì ở vật nhẹ, nếu đến thành thị da lại xếp vào vật nặng, biên giới khai cho ngồi, cần gì ở vật nhẹ, dẫu chấp nhận đồ da thuộc đầy cả sau dùng, do tất cả áo da không cho mặc, bao nhiêu dùi, dao, tạp khí, y theo lệ cả hai dụ, nếu thường phát họa làm bằng cây, nên thuộc về nặng, nếu thường nghĩ theo thân vá chỗ rách, liền xếp vào loại nhẹ.

■

LƯỢNG XỬ NẶNG NHẸ NGHI

PHẦN CUỐI

Thứ mười ba, y, bồn, tọa, cụ, ống kim, đựng y, chứa đồ và đồ Câu dạ la (Hán dịch là tùy thạnh khí, tức đựng trong sở thành), dao cạo, luật đều xếp vào vật nhẹ (kia có ba : 1. Y; 2. Đồ; 3. Dép cỏ. Sự chung cho năm chúng).

1- Y phục sẵn có (ban đầu nói người xuất gia mặc, sau nói chẳng phải xuất gia mặc, nghĩa là ba y che đậy, kỳ chi (áo lót, quần, áo choàng, toạ cụ (đồ ngồi), các tạp y áo....(kia lệ có bốn).

Một điều trước mặc theo thân, tên tùy nhiều duyên đều che thân. Nếu luật Tăng-kỳ nói: "Áo che ghẻ, áo tắm mưa, túi lược nước, hai món dây lưng, đồ nằm vào phần". Luật Ngũ Phần lại nói: "Áo kép, áo đơn, vải trải, áo lót thân, nếu đắp thì khác đồ nằm (ngoạ cụ). Hoặc hạ y hoặc Xá-lặc (luật Tứ Phần nói là Niết-bàn-tăng, Hán dịch gọi là áo trong tức Xá-lặc) là được chia. Vật y cứ trên bàn làm đoán, cốt yếu là thuần sắt làm thành. Hoặc là y ngũ nạp luật bổn khai cho dùng. Năm trên sắc làm, tuy thuê vẽ rõ ràng vẫn là núi thành tự, đã là tiêu thức chánh đạo nên theo chia đó. Nếu y bằng gấm thêu thành đều như sau đoán, kia sau cổ áo, áo dài, tay áo, áo lót, thêm áo che xấu, che tay, thêm khuyết áo ngực, các thứ y nầy hình và tên khó nói đủ, cũng đều thuộc phần nhẹ, do thể tướng trái tục, sắc loại khác nhau, không gọi là đồ người tại gia mặc, liền khai theo hạn mà dùng. Lại Thiên đãn (áo che vai), quần váy lá pháp áo của Trung quốc, Kỳ chi, che tay, là Thiên trúc vốn chế. Đem kia sánh nầy dạng mạo đều trái, mà vẫn đồng xếp vào nhẹ, không hề nhiếp sợ. Nếu gồm thâu tướng nặng y phục đều chẳng đúng nghĩa gốc. Cho nên luật Tăng-kỳ nói Phú kiên, Kỳ chi đều dài bốn khuỷu, hai khuỷu. Nay lại y cứ đạo tục hai phần cho nên khai nặng nhẹ, nếu sâu lấy luật chế thì quần váy cũng sai (cho nên trong luật cách thức đắp mặc xứ nầy không dẫn). Như trong luật Thập Tụng áo tay hẹp, áo kép v.v.... Đều không cho mặc.

2- Tùy áo chỗ có, nghĩa là dây buộc lưng v.v... dùng đồng, sắt,

trúc, gỗ, chì thiếc làm thành và túi y rương áo v.v...

Một điều ở trước đều tùy y vào vật nhẹ. Lại như luật Ngũ Phần nói kim, chỉ túi xếp vào vật nhẹ, túi y trước đến lưng sau đến cơ, cũng xếp vào vật nhẹ. Y cứ trên các túi v.v. Nếu dùng chỉ thuê làm thành, tuy không lẫn tướng mà đồng loại túi trong thế tục, không xếp vào phần hạn.

3- Tiền vật thành y (nghĩa là khăn, lụa, lưới, dệt, vải thô, tơ tằm và gấm, chỉ lụa, tượng thuê vẽ...)

Một điều kiện trước nghĩa có cả nặng và nhẹ, nếu khăn lụa nhẫn đến tiền tài của tơ tằm, nhưng chẳng phải sắc lụa đẹp rõ ràng, là xếp vào phần. Nếu gấm thêu chăn dạ đồng một màu, tướng trạng thua y pháp, đồng phần nhẹ ở trên. Nếu lấy năm màu: xanh, vàng, đỏ, trắng, đen nhuộm và xanh, hồng, lục, tía v.v... thượng sắc để nhuộm thành, bất luận nhiều ít nặng nhẹ đều theo y tài xếp vào phần, nếu có vuông mắt hổ, quả cao, xét chánh các lụa màu khoảng cách là xếp vào vật nặng. Cho nên trong luật Ngũ Phần nói gấm, lụa, lông hoặc da (nghĩa là rộng dài lượng bằng rất lớn) Văn xếp vào vật nặng. Lại không giống tài của lụa lưới, tuy thể áo giao lầm mà sắc tướng thuần đồng nên luật khai cho mặc áo lẫn tướng ngỗng nhỏ, nghĩa y cứ lụa gấm xếp vào vật nhẹ, luật khai nhận áo giá trị nhiều của vua và nhiều loại áo đẹp tốt, và khai cho áo thô giá đắt, liền biết sợi vải thô lệ chia.

4- Chỉ lụa năng thành (nghĩa là các sợi tơ nhiều màu, bất luận tơ vải tơ thô, chỉ lụa và gai, chỉ lục v.v....)

Trước y cứ, như trong Thiện Kiến, kim chỉ là vật nhẹ thì bất luận nhiều ít đều chia. Nếu có của trùng, gai to lớn đều y theo vật nặng.

Hai là áo người tại gia ngoại đạo, luật không có xét đoán, như sau nghĩa chia ấy có hai:

* Ban đầu là áo ngoại đạo, Luật bổn nói: "áo thêu, áo vỏ cây, áo lá cây, áo châu anh lạc, bát gỗ và tất cả áo ngoại đạo, áo da, áo lông chim, áo tóc người, lông ngựa, mèo, đuôi trâu v.v..., áo khâm-bạc-la, cho đến các khăn áo vàng, dòng họ với Lý Lão đời Đường, từ trước luật chế không được mặc, nghĩa đoán khoa nặng, do y phục nêu tướng chẳng chánh của đạo khác. Nếu có người cúng thí cũng không được nhận. Nếu đã hư mẫu tướng kia, trừ áo vỏ cây, lông, tóc, còn bao nhiêu y theo sau xếp vào vật nhẹ.

* Hai là tất cả áo của người tại gia, luật không chánh đoán, nghĩa phải lệ theo y cứ có năm:

\- Ban đầu, áo thường dùng (nghĩa là bao, túi áo, quần, khăn, mũ,

mền dạ, giày da chất đống người nữ thường dùng).

Nghĩa nầy phải chia ra hai đường, nghĩa là hai phán xưa và nay. Chuẩn xưa và giải thích rằng: Đồ thường mặc của nằm bằng chất đồng với phép thế tục, nghi xếp vào vật nặng, cho nên Phật nói: "Tất cả áo của người tại gia không được cất chứa" vì dứt pháp ác thứ lớp, lý xếp vào vật nầy, nay không đồng, văn tuy dạy không mặc, nầy chẳng phải là nặng phạm, xả tài thật, sông lỗi quá nhiều, chết còn khai chia, cho nên chẳng xếp vào nặng, như sau nghĩa phán. Nếu được người đời dâng cúng, tăng được mà chưa rảnh sửa chánh là pháp y, y theo xếp vào vật nặng vì có nhiều nghĩa: 1. Phật khai thọ thí; 2. Cho thuyết tịnh; 3. Cho sửa đổi đúng như pháp nhận dùng, nếu mầu chưa đổi, tướng trạng còn áo tục đều xếp vào vật nặng, dứt tâm nhớ tục. Rộng như trong sao, không giống gấm lụa thêu, do thể tướng đồng thế tục, hẳn hoại sắc tướng thì cho chia. Ở đây tướng trái mà giúp cho đường ác, cho nên khai sửa rồi dùng. Nếu có Sa- môn tóc dài, tâm mong tiếng tăm, áo quần theo thế tục đều dứt ba y đạo ở luống thông, tục còn có ngã chấp chặt, đã suy nghĩ danh phiền lấy gì làm đạo? Bất luận chết sống đều không được chia. Tôi nghe kỹ nữ tạm đắp pháp phục, đời vui với áo đời, nghĩa quyết kiếp kiếp thường ở đường trái chân lý là rõ ràng, đâu ở hạn nhẹ? Lại các luật không xếp vào nặng, hẳn duyên chương không cho mặc pháp phục, đều mặc áo đời không xếp vào nhẹ tuy Phật khai cho mặc mà chẳng dùng lâu, như loại cướp đoạt sợ khó, từ các dây, khăn v.v... áo định chẳng dạ hai điều kiện đồng như trên y cứ xếp vào nặng, mền dạ hai điều kiện đồng ở chỗ phán.

- Hai là áo mưa nắng (nghĩa là vải thô, túi dê, dầu, khăn, con thoi, chướng thục, cái dù...)

- Ba là áo mặc mùa lạnh (nghĩa là áo da mũ lông chuột điêu lông chồn lông tám con lửng mền da, chân các nghĩ nên vậy.

- Bốn là áo trang sức (nghĩa là hoa tai, vòng anh lạc, xuyến vàng... các đồ trang sức và bao, túi, hòm.

- Năm là đồ vua và cúng tế (nghĩa là mũ, khăn áo lớn, quần dài, đai cỏ, dép...)

Năm điều kiện ở trước đều là áo người thế tục mà khi Tỳ-kheo có được phải cắt ra. Trong điều thứ nhất, túi, áo, vải da toàn là đồ thế tục, như trên chẳng phải vật nhẹ. Thứ hai là áo da, luật cấm không khai cho họ, hẳn là tài thực, nếu dâng cúng thì cũng cho chia. Thứ ba là đồ trang sức càng là vật cấm, bổn luật có nói đủ, thái độ thế tục chưa dứt, lý phải dứt bỏ, còn không cho cầm, đâu được ở nhẹ. Thứ tư là áo triều đình tuy

chẳng phải chỗ nên lấy, nhưng loại áo quần được sửa đổi, có thể xếp vào vật nhẹ, mũ da nên theo vật nặng.

Hai thí cụ giúp, cần luật đoán bát khí xếp vào vật nhẹ còn bao nhiêu tùy sự phụ thấy (lệ có bốn).

1. Chánh bát, nghĩa là lượng là ba đấu trở xuống, hai đầu trở lên; thể là ngói, sắt, mầu thì xông đen là đúng pháp khí.

2. Tùy bát, là bát kế, bát nửa, kiền-tư (Tỳ-nại-da nói là bát nhỏ, cạn, bằng sắt) và bồn bằng đồng, thau (lượng lớn nhỏ như trước và dùng bảy cân, v.v... đều gọi là Câu-dạ-la.

3. Tùy khí chỗ thành (đồ sở thành), là hòm, túi, bao, khăn v.v...

Ba điều kiện trước nếu bát có lượng, thể và sắc y pháp, luật xếp vào vật nhẹ, hẳn thế là tre, cây, vải, gấm, sắc là sơn, dầu, gậy, gương đều xếp vào vật nặng. Cho nên luật Tăng-kỳ nói: "Quá lượng bát trắng, ngói, gạch, sắt v.v... là vật nặng do thể lượng không đúng. Không giống bình tưới v.v... chỉ khiến lượng đúng là được dùng. Nầy là đúng lượng cần phải chuyển chánh, còn bát khác luật bổn xếp vào vật nhẹ, chỉ nói rằng đồ Câu-dạ-la, không hiển bày tướng kia (như Ngũ Chánh Bồ-xà-ni, ngũ Phi Chánh Khư-xà-ni.... Mà có hai tên chung riêng). Nếu theo Thập Tụng nói: Bát nhỏ, bát vừa, kiên-tư, nhập chia, kia tùy túi chăn, luật cũng xếp thưởng công cực nhọc, lý theo hạn nhẹ. Cho nên trong luật Ngũ Phần, bát, túi, nhập kia, cũng có đồ trang sức thêu thùa, có thể xếp riêng vào vật nặng, sự đồng đồ gấm thêu.

4. Ống kim, nghĩa là do đồng, ngói, cây, sắt, lông chim làm thành, luật nói thưởng công cực nhọc, nghĩa chẳng phải chánh lượng.

Một việc trước vẫn là duyên nhẹ, người hẳn có đó, lý cần phân xử. Trung quốc phần nhiều dùng ngà, sừng được làm, luật chế đập, phá, khai chứa như trước, nên xếp vào phần nhẹ, hoặc dùng da làm, hoặc tô mầu trang sức, hoặc thêu hoặc kết hoặc làm gấm thêu (gọi là gấm kim) đều là thêu hoa đều là vật nặng. Nếu túi da thuần sắc và do bát làm thành, bất luận đồng, sắt, nhiều, ít đều chia (quyết nhóm bát, đoán giá, cũng y cứ như trên).

Ba là đồ giúp dưới nghĩa là dép da, giày da, khăn, vải, túi, vớ và tùy có túi, chăn v.v... khăn buộc bên trong.

Một điều kiện trước, chánh luật chỉ nói có một màu, còn bao nhiêu không nói. Theo Tăng-kỳ, Ngũ Phần nói dép da và túi nhập được chia, quyết hiện có da thuộc v.v... theo luật Thập tụng, thì thất da, dép da, giày da, da nai, da thuộc vớ da... nên chia, hẳn là da sống lý xếp vào nặng, nhưng Thần Châu nầy đều không mặc dùng, thời lĩnh biểu diễn

kiếm nam có mặc, hoặc các nước Nam hải, đạo tục Thiên Trúc đều thường mặc. Hình kia giống bản với giày xứ nầy gồm thí sau gót, bên tai toàn không phần nhiều làm bằng da thuộc, nếu dùng dép giày lệ y theo nghĩa cũng khai chia, giày dép thì có ba đôi, rồng phụng do gấm lụa thêu thành. Nếu chẳng phải thuần sắc nên thuộc về vật nặng, hoặc có giày bằng giày nhọn, luật không chánh đoán, nhưng trong luật Ngũ Phần dùng giày ủng quá sâu bị người đời chê cười, lý chẳng phải hoại đạo chỗ bước, giày bằng khác thế tục có thể xếp vào phần nhẹ, nhọn thì hoàn toàn trái đạo, y cứ vật trọn nhiếp. Nếu theo phúc-la ở Thiên Trúc thì hình như giày da, hẳn hai giầy bằng và nhọn dường như đây theo nhau đầu ngắn đầu cao cũng nên theo giày dép đồng xếp.

Trong đó nói rằng ở trên y cứ văn luật nêu rõ xuất xứ, mà thần giải khác nhau ý dùng khó y cứ, lý phải chia đường, do nghĩa thâu nhau. Nhưng hai vật nặng nhẹ tội tướng cần biết, hẳn trước tội uỷ định giềng mỗi kia thì tướng chủng hiểu y cứ, liền xử đoán rõ ràng, thí như gấp giày sâu rõ cạn mà sau nói kia ở nầy, nhưng vật tăng thì nhiều, hoặc một bộ hai bộ, hoặc bốn món tám món,nay chỉ y cứ vị đến người bốn khoa đều trọn, cho nên tùy khoa điều lý đến như ở sau dẫn.

Một cuộc hạn vật tăng thường trụ, nghĩa là y cứ giới hạn không chùa khác, hằng cúng biệt trụ, cho nên nói là “nhiên”. Vật tướng thế nào? Tức vườn, ruộng, phòng trà, núi rừng, ao đầm, người súc v.v... nếu trộm tổn vật nầy tội hai khoa nặng. Có người nói “trộm vật của tăng chỉ kết tội Thâu-lan-già, do thể khắp tăng bốn phương và tiền không đủ năm tiền. Như trong luật thì có Tỳ-kheo trộm vật chia cho tăng chỉ kết tội Thâu-lan-già, văn thành chứng vậy. Tôi cho là không phải như vậy, giả như luật y cứ tạm ngăn tăng, ban đầu vì ở thôn làm hạnh xấu làm dơ nhà thế tục, tăng chúng đuổi đi cho nên sinh kế nầy. Chia vật lại thuộc không có tổn thương vết ngoài càng lại trong sạch, do nầy ngăn tăng có thể rõ được, nhưng vốn chẳng phải lâu dài, cho nên tội sự không thành. luật cứ bốn tình, nương tình quyền kết, trả y vốn tính sơ phán không thành, cho nên khiến chúng tăng vẫn dùng lại như xưa, nếu trộm quyết kết, chánh tùy vật nhiều ít, tuy bậc tội có hai ngôi (nghĩa là đủ năm tiền là Ba-la-di, thiếu năm tiền là Thâu-lan-già) nầy chẳng phải quyến thuộc. Nếu xếp vào vật nầy trông chủ cực hình do tổn tăng-già-lam cho nên phạt người tội cuối cùng nếu không tổn thì nên trả lại tăng-già-lam, tội thì phương tiện, phương tiện cho nên có thể đoạt, kia nầy không dấu vết, rốt ráo cho nên thuộc về người, tự tha đồng phiền não, rút ra ở Tăng-kỳ, Thánh lượng rõ ở Thiện Kiến, Ba Sà. Cho nên Luật kia nói:

"Bấy giờ có Tỳ-kheo tri sự đem vật của tăng dùng cho Phật và Pháp. Phật dạy: "Ông phạm Ba-la-di", nầy há trông bốn phương mà chung phương tiện, quyết nếu nghi ở bốn phương tiện nầy, xen lẫn nặng nhẹ. Lại văn kia nói rằng: "Dù cho nhóm tăng mười phương cùng nhau chia vật nầy cũng không được". Cho nên biết chung trông một tăng gồm làm mộc chủ, xong rồi không chia vật nầy, làm sao y cứ mấy lời mà có thể chia. Lời có thể chia, nghĩa là vật bốn phương hiện tiền và bốn phương thường trụ. luật bồn bèn nói rằng: "Hoặc tăng, hoặc chúng nhiều người, hoặc một người không nên chia vật nầy, bám vật nầy và tự vào mình", ở đây y cứ biệt thời do lỗi mà nói, hoặc các bộ dụng chia bèn hiển rõ, bàn tính chuyển đổi nhà cửa, khai thì bình thản làm công, chế thì vì ngăn tâm lỗi, hẳn cần có chứng đoạt, chẳng được không chứng, đều gọi là giặc tình dự chưa quyết.

Nay riêng thuộc mình định, làm sao đoạt lại. Nếu cố đoạt trở lại đến toà đó. Cho nên Luật bổn nói: "Khi có người cướp đoạt vật, Phật nói Ba-la-di, nầy gọi là giặc lại đoạt giặc, chánh giáo như thế, đoạt tước càng khó, đã khiến người khác phạm tội trộm, quyết phải nhận hiện giặc đã trở lại thâu, tội liền luống kết chẳng hề tổn vật. Trộm thì không đến, nếu ở đây tuy nhậm pháp liền suy giây trậm cửu hành, trọn năm trụ lại lan rộng đến tương lại. Tôi cho hễ lời khó, nương tình Thánh để soi, có thể nương Tăng-kỳ để đoán rõ tùy vật nặng nhẹ, quyết năm chúng sau khi chết, tài của vật nặng xử đoán đều trái. Như sau hiển tướng, nếu ngay biệt chủ được vọng chủ kết chung hai tội (cẩn thận ngăn nhà trong tăng kết, biếng nhác mạn che giấu thì vọng dẫn). Nếu hiện tăng cũng chia đồng bán đều vọng thường trụ mà kết, nghĩa là đủ năm tiền đều phải đuổi, thiếu thì Thâu-lan-già) đều như Đại Tùy Tướng có giải thích. Nầy thì y văn cứ như thế, thí dụ trời chia đất cắt hình tiếng lớn, người ai sai lầm. Nếu hôn mê chưa chừa, vẫn ôm tập khí xưa, bởi do loại ác xong mà khó che.

Hai là vật tăng bốn phương thường trụ là nghĩa chung nước ngoài, sự hạn trong nước, nên nói là nhiên. Vật tướng thế nào, hiện thục tăng cúng vật chia ăn. Nếu trộm vật nầy tội cũng có hai khoa, tay chủ tự lấy lại tội liền kết riêng (nghĩa là trong tăng bốn phương người không đủ). Ngũ Phần chỉ kết Thâu-lan-già, vì y cứ thể chia ba phẩm) nếu có chủ giữ gìn trông riêng kết nặng nhẹ (là đủ hay không đủ). Có người nói rằng: "Bất luận đồ ăn sống, trộm thì tội Thâu-lan-già, tôi cũng cho là như vậy, nghĩa là vật thể thông cuộc. Trước do người bị pháp bốn phương đều là phàm và Thánh, tội chia ra hai phẩm đều y cứ rốt ráo căn

bản. Nay nhóm tăng chia đồ ăn, và đến đánh chuông khánh không hề đều làm gạo bột, nhưng vì bốn phương tăng trong cõi làm nhà, phép ăn nghĩa thông, đến thời dâng cơm.

Nay nếu trong cõi cho lúa, nếu lý cần đợi thành thục hạn kỳ đã qua, thì hoàn toàn chẳng phải kiếp cứu, đâu nói rằng ngay khi đó đánh vỡ dối bàn xem xét. Cho nên Phật sai gọi tám phương y thời thông che, người nhận ôm bát mà đón ngồi, người theo tâm vui mừng mà bố thí, đều được ăn, không đất lửa thành, nếu cần nấu thêm liền nên đợi chảo rồi năm đồ nấu chín, chớ hẳn chứa đó. Nay do tâm phàm hồi cấm, Thánh chế dễ thường, cho nên trong luật Tăng-kỳ, khi có trộm đem đồ ăn của tăng về phòng Phật nói tội Thâu-lan-già, nầy y cứ bốn phương tăng không đủ năm tiền.

Trong luật Thiện Kiến, kết tội nặng là nói theo gìn. Điều này thì nặng nhẹ văn đã rõ, rất có lý do cho nên kết. Trước thông suốt nặng nhẹ, lạm giữ càng bày, nhưng giáo có khai hợp trước sau dung nhau, nếu chấp hiện văn đều phải trọng đoán, cho nên Tát-bà-đa nói: “Không đánh chuông mà ăn đồ ăn của tăng phạm tội trộm”. Luật Thiện Kiến nói: “Đến chùa không đánh khánh mà ăn trái cây cũng phạm tội trộm. Nầy lại chánh bàn rẻ chế, nương xưa càng khó mà văn chỉ nói trộm, cho nên trộm có cả lớn lẫn nhỏ. Cho nên ba luận Tát-bà-đa, Thiện Kiến, Tỳ-ni Mẫu đều nói rằng tuỳ thẳng nhiều ít mà không định tên tội, theo lệ như trên, y cứ phán tưởng không sai. Do tác pháp nhóm tăng chỉ chia đồ có thể ăn, thì gạo, bột, bắp, lúa không phải là phần tăng. Nếu vốn do vào vật nhẹ, thì vườn ruộng, lục súc, vườn cây, ngũ hành, đồ hỏa điều, cần chia, trăm đồ lương thực đều cấp cho, đã khi ăn thì không có đây. Chánh pháp chỉ chỉ ra khoa hiện ăn, hữu tình hồi hướng nên biết làm chín các đồ, sống nêu lương thực. Đã là không chia thực vật tăng nghĩa đồng với đoạn trước, vật nặng có tổn hết cực hình, vẫn như bồn sao đã nói bộ riêng soi gương, do ngài năm chúng nói là chết, hiện thành đồ ăn chín nên đồng trong luật giải thích đủ, nhìn chung bốn phương không đủ, chỉ kết một phẩm Thâu-lan-già, quyết trái với biệt trụ, nghĩa thông sự cuộc hạn, nên thực hành bạch nhị yết-ma mà chia. Hai vật trên đâu cho chùa khác Phật đã chánh khai cho.

Ba là vật bốn phương hiện tiền tăng, nghĩa là tình thông trong ngoài lập pháp ngăn chia, tức bảy chúng đạo lục thí cho tăng, còn mất năm chúng nhập chia, vật nhẹ v.v...là đây. Nếu y cứ lường tội tướng cũng kết hai đường, tay chủ tự thâu thì trông tăng nều có biệt chủ thì riêng kết nặng. Đây gọi là trước khi chưa gia pháp nên gọi là tài vật

tăng, trông tam thiên thế giới một hóa thông tăng, đều được phước lợi, trái giúp thí chủ. Nếu trộm vật nầy thì trong tăng kết, mà tăng khó nhóm, nghĩa cần pháp y cứ, cho nên Phật dạy yết-ma ngăn chế ngoài đến, nếu đã bạch nhị, vật thuộc tăng hiện nhóm, mà khiến thông giao một người thì mặc tình kia lượng số chia cho. Nếu tay cầm tự trộm thì tội trông hiện tiền kết, nếu người trộm đánh người giữ gìn tội liền hai lần kết (nghĩa là chuyên coi giữ tăng pháp, dối giấu cất trông giữ gìn kết).

Cho nên kinh Thiện Sanh nói: "Vật của Tỳ-kheo qua đời, khi chưa yết-ma mà lấy thì thuộc tội nhẹ trông mười phương tăng (nghĩa là trị nghiệp nặng nhẹ) nếu đã yết-ma trông hiện tiền tăng là tội nặng (nghĩa là hiện trị tuy nặng, vị lai nghiệp nhẹ).

Bốn, vật tăng hiện tiền nên chia, nghĩa là khắp thân các món đồ hạn chia y vật, vẫn sự cuộc riêng người, chẳng trông tăng kết, tội ở hai ngôi, lớn như trên bày, đều người đồng sống, trông chung đều một khoa, còn tài vật sự đã đều cho nên tịnh xả đều nhận. Luật bổn chép: "Ai phạm Ni-tát-kỳ? Hoặc tăng hoặc chúng nhiều người, hoặc một người, theo đây một người thuyết tịnh đều không phạm tội. Như luật Tăng-kỳ nói: "Nếu chúng nhiều người chia được, trong khi chia rồi, có Tỳ-kheo giỏi Tỳ-ni, làm người thuyết tịnh, tất cả không phạm. Nếu nhiều người chung tiền của, tuy phạm quá hạn mà không có tội, do vật tuy hiện tại trái tình của sự riêng quyết cần chia phá, mới gọi là vào của mình". Cho nên Luật kia nói: "Nếu nhiều người chia chung, chia vào tay... quá ngày không phạm tội xả-đoạ, nếu trộm vật nầy, trông chủ giữ kết (tức lệ thuộc trao cơ nhọc y cứ mà đoạt).

Tôi cho nặng nhẹ khó phân, tùy đầu mối tuy là vật tên đều hiển bày, phán quyết đều sáng tỏ, còn sợ loại nhóm phiền nhiều sưu tầm khó hiểu, lại tình riêng châm chước mắc ý kẻ trừ, hồi nặng theo nhẹ liền chiêu vời cực pháp, chuyển nhẹ theo nặng cũng rơi vào hình khoa, hoặc dặn trao chưa thành, cong bút đoán cho, hoặc trước sự thật giả, hoặc tại duyên khó luyện bèn riêng nhận hối lộ ỷ thế, tùy tình thay đổi nặng nhẹ võng mạo lợi tăng và đều là tội nặng, sám thoát tội khó hẹn, cho nên uỷ cách ngôn trước sau xương bày, đã ngôi chẳng là sơ quả, đến nọ nghĩa khó, hẳn thông lạm trước sau mới có thể tính liệu.

Thứ hai, kế dùng nghĩa môn thâu buộc, hiển khai chế sở do, xử đoán đầu mối tuy cùng môn trên làm sáng nhau, mà ý mê ngộ trước chỉ y cứ tướng dụng chia mà giải do loại gồm thâu, hiển Thánh giáo kia rõ văn, cứu lượng xử kia hoằng trí, vì có sai đường cho nên chia không sáng. Nhưng vật của năm chúng qua đời đại yếu có ba:

1. Chế khiến chứa vật, nghĩa là chẳng được không có, tức y, bát, toạ cụ...đây đều vật nhẹ (nghĩa là nhẹ có thể tùy thân giúp đạo việc yếu).

2. Không chế khiến chứa vật, nghĩa là chứa khiến ngăn đạo, cho nên năng, tức người chứa báu v.v... ở đây xếp vào vật nặng (nghĩa là sự giúp nhậm nặng giúp tâm tục mạnh, tuy có sơ duyên xem trước lợi sau tổn).

3. Cho khai chứa vật, nghĩa là chứa không chứa đều được, tức các đồ cũng thân, ở đây chung cả nặng nhẹ (nghĩa là phù duyên và ích, vốn ôm cứ đạo, đạo ở hư không, tùy cơ khai chế).

Kế giải thứ nhất chế khiến chứa vật, ban đầu dẫn văn cấm chứa, sau dẫn văn đoán nhẹ lệ kia có ba:

1. Ba y, là Tăng-già-lê (thượng y), Uất-đa-la-tăng (trung y), An-đà-hội (Hán dịch là hạ trước y). Luật bổn nói: "Từ nay trở đi mặc ba y không được quá", Đa Luận chép: Tất cả ngoại đạo không có ba tên nầy, Phật tự chế lập, A-hàm chép: Hán dịch là pháp y".

2. Bát khí: là Bát-đa-la (Hán dịch là Bát), Luật bổn nói :"Từ nay nên trì bát bằng sắt, bằng bùn, làm đúng lượng mà thọ". Luật Tăng-kỳ nói: "Nầy là tiêu chí của Hằng sa Phật", trong kinh gọi là ứng khí.

3. Toạ cụ, nghĩa là Ni Sư-Đàn (Hán dịch là toạ cụ, như trong đời dùng để ngồi, cũng gọi là đồ ngồi, nằm. Tức là tên chung của mền da ở cõi trời). Luật bổn là thân là y là ngoạ cho nên chế quyết chứa. Luật Tăng-kỳ nói "Đây là y tùy ngồi không được dùng xấu".

Ba điều kiện trước đều xếp vào vật nhẹ, do giúp đạo chánh yếu, Thánh chế cho chứa chỉ khiến theo thân, không để thiếu giảm, cho nên Phật nói: "Chỗ làm và y bát đều không đoái hoài dụ như chim bay", dùng văn nầy chứng minh chỗ làm là nặng, đều đúng như pháp, cho nên xếp vào nhẹ. Vì đều là chỗ thọ trì không có duyên liền xả, phải có trái lìa đều kết chánh lỗi, cho nên áo pháp che thân ứng khí để nuôi dưỡng, Ni-sư-đàn đồ dùng ngồi an hẳn nếu trái chế đều chế có tội.

Kế giải thứ hai, cấm không cho chứa vật, ban đầu dẫn văn chứng minh cấm chế không cho, sau rõ ý đoán nặng (kia lệ có năm).

1. Ruộng, vườn, gieo trồng. Trong luật, tự trồng cây, hoặc dạy người trồng mà không vì Phật pháp tăng, gọi là gây ra việc ác. Luật Thiện kiến chép; "Cư sĩ thí ruộng đất, người khác không được chấp nhận", luật Ngũ Phần nói: "Nếu thí ruộng nhà cho tăng thì nhận, nhờ tịnh nhân trông coi".

2. Nuôi người và súc vật. Trong luật bổn, đại tiểu thừa trong kiền-

độ Trì Giới nói: “Sa-môn Thích-tử không giống như các ngoại đạo chứa nhiều người và súc vật. Luật Tăng-kỳ nói: “Cúng tôi tớ và các súc sinh cho tăng, tất cả người khác không được tự nhận, vì lo liệu cho tăng, nhận rồi giao cho tăng.

3. Các đồ kỹ nhạc. Luật bổn nói: “Người thọ mười giới nên xem nghe kỹ nhạc... luật Thiện Kiến nói :“Nếu cúng nhạc cụ, không được cầm mà được bán”.

4. Gươm giáo ngũ binh. Trong luật bổn không cho Tỳ-kheo xem các việc đánh nhau, cho đến đánh giỡn v.v... Thiện Kiến chép: “Nếu cúng gậy, tăng nên chặt bỏ, không được bán, Tát-bà-đa chép: Nếu dùng vật tợ như báu hoặc làm đồ trang sức của người nam như mâu giáo, quân khí, nhạc khí, thì không được cầm.

5. Tiền gạo bảy báu. Luật bổn nói: “Có người bố thí tiền báu, giao cho tịnh nhân cầm, nói rằng “Đây là vật bất tịnh ông nên biết”, còn bao nhiêu không khai cho. Trong luật Tăng-kỳ, tiền, báu v.v... xếp vào nặng, đã thành trăm lẻ một vật thuộc về vật nhẹ, chẳng phải đồ vật vàng báu, nghĩa là tợ báu đồng, thiếc v.v... làm ra, nếu không như vậy há có Tỳ-kheo cầm mà nhận dùng, có thể cầu viên mãn trên dưới. Tát-bà-đa chép: Nếu vàng, bạc, ma-ni, chân châu, san hô, xà cừ, mã não v.v... người nào cầm bảy báu nầy thì phạm tội đọa. Nếu tợ báu đồng, thiếc v.v...và châu nhiều màu, không xếp vào số trăm lẻ một vật, cầm vật lấy mắc tội Đột- cát-la không lấy, như pháp thuyết tịnh thì được, được giao cho tịnh chủ trông coi. Trong luật Tăng-kỳ nói cho đến người tri sự không được. Cầm ba vật báu như vàng, bạc, tiền v.v... và hình tượng, đều phạm tội đoạ. Luật Thiện Kiến nói: “Tu không được cầm hạt giống sống”, hẳn là có người thí, theo Đa Luận thì trong mười ngày thuyết tịnh giao cho người thế tục trông coi.

Năm điều kiện trước chung cho vật nặng nhiếp và là nguyên nhân vời lấy sự chê cười chướng đạo. Ban đầu việc ruộng vườn thế tục nho sĩ còn không ngó đến huống chi là năm chúng xuất thế, lý chẳng phải vật mà thân phải giữ, cho nên trong Luận Trí Độ chép “Người hạ tà mạng, nghĩa là cày ruộng gieo trồng lấy lợi làm chánh mạng. Nay đích thân cầm lấy, hoặc dạy người cây trồng, hạnh ác dơ nhà sinh ra lỗi ngăn đạo, nhiễm chê bai rất sâu, cho nên xếp vào vật nặng.

Thứ hai, chế cho việc đợi giúp sinh mạng người và súc sinh. Tỳ-kheo trong sạch nêu cao xa giúp, nay người và súc sinh đồng nhóm, dễ loạn việc sâu, sự đời còn là cúng nương, đâu thành bến bờ vào đạo, đã nhạc chốt hai dụng cho nên vào trong tăng, giữ, thả nhiều đường như

các phán ở trước.

Thứ ba là đồ kỹ nhạc buông lung biếng nhác, vốn chẳng phải chỗ tâm mất nhớ đến, nghe âm còn chế có lỗi huống chi mắt xem mà không tội, chánh chế không cho thân chạm vì khiển tâm đắc trước. Nay khiến thân tự đánh gõ, lý do say đắm, có khóc lót rơi lệ, giải thể đổi thần, kể tục gọi là vai hề (diễn tuồng) bởi có lý do. Đã đạo cấm càng nhân lỗi lạm giữ sâu, lý nêu đốt huỷ, để khen ngợi răn bảo. Nhưng kẻ tục sinh vui mừng, giải thích giận, trừ rối rắm, có duyên cúng phước, mở rộng tướng quy y, quyết có nên đêm lại ba thuận chánh nói văn thông.

Thứ tư là chế mâu, gậy đồ quân khí vốn ngăn đạo từ. Có nước không được rồi mà sử dùng nghĩ chăng phải nguyện, xuất gia vốn nhàm, nay mừng càng thành lỗi gốc hoặc số ác giới, hoặc sinh kiếp binh đao, hiện tại vi lai đều tổn, nghĩa đâu dừng giữ, nên đập phá đốt trừ để xả bỏ cái ác.

Thứ năm, cấm cầm vàng bạc là báu nặng, tiền gạo là lợi sâu, có thể mở cửa bất nghĩa, chánh lấp đường giếng trong, cho nên kinh luật đều than pháp diệt, đạo tục đều biết tâm nhơ, theo luận sai người xả bỏ, nói lên nghiệp bất tịnh mạnh mẽ. Nhưng luật thông thời bàn, ý ở tuyên dương. Sống thì thuyết tịnh giao người tục cầm giữ, chết thì thuộc về thường trụ giếng mỗi mặc tình.

Kế giải thứ ba khai cho chứa vật. Luật bổn mở rộng lệ như sau sẽ nói.

Vật một đoạn ở trước tên hẹp sự rộng, ánh sáng liền mở giáo pháp bén nhạy, sau mới khai lệ, đều do báo buồn giáng, tùy sự lui hay thêm. Thánh chế giúp cơ ý ở cứ đạo, nếu tâm nhớ chánh quán, gắng gỗ cứu giúp chúng sinh, mà sức chí mạnh mẻ, gió sương chẳng câu buộc, lòng kia chỉ ngồi gốc cây, chỉ ba y để che thân, xin cơm nuôi miệng. Nhưng bọn trung hạ tâm đồng thượng sĩ mà thân báo gầy yếu tiều tuy có nguyện mà không làm, tuy gắng sức cầu tiến đến trước mà gốc đạo lại lùi về sau, quyền khai trang sức phòng nhà, thuê y giúp các đồ dùng, cần tùy cơ thông cho, vốn vì tăng đạo chẳng phải chỉ nuôi thêm. Cho nên Trung A-hàm nói :“Ta khai cho các đệ tử chứa các y vật vì điều là pháp lành”. Kinh Trì Thế Phật Tạng chép: “Nếu không dứt ngã chấp, tùy sự sống đắm trước, cho đến không cho uống một chén nước, mặc một cái áo, huống chi việc khác”, cho nên biết ý khai rất nặng, không được khai cho, luật duyên nhân tình ý ở đạo nghiệp. Kinh ước tâm kèm sự khởi nhân, thành toàn không chứa cất, tịnh duyên tu đạo. Cho nên trong Tăng-già nói trong chùa nổi lửa, người thật tu hành không nên ăn”.

Luật Thập Tụng cũng nói: "Chùa viện là tịnh địa", kinh Niết-bàn chép: "Tuy khai cho nhận chứa, vật như vậy cốt yếu phải tịnh thí cúng đàn việt có lòng tin bền chắc. Phật dạy xử đoán phải tìm người cẩn thận. Nhưng căn khí toàn yếu đuối, rất khó cứu giúp, còn phải tùy cơ giúp giáo mặc tình sự nặng nhẹ. Nếu y cứ gốc khai nghĩa thì phải chia lấy. Chỉ vì tài vật mà gánh luỵ, ở vô sự thì bớt phiền lại nhàn rỗi. Một đoạn nầy loại tụ rất nhiều, nghĩa gồm hai tăng, sự thông nặng nhẹ. Nếu y cứ luật đoán chung thì không chia, do nói theo nhiều. Nay gồm thâu các thứ cần ba ví dụ: 1- Tánh nhẹ tánh nặng, 2- Sự nhẹ sự nặng, 3- Theo dụng nặng nhẹ (đều chia một nửa làm ba nhẹ ba nặng).

Trước định vật ba nặng, ban đầu gọi là tánh nặng (do thể tướng là vàng, đá, cây, đất làm thành, nặng vì chẳng theo đạo). Hai gọi là sự nặng (do chẳng phải cốt yếu của đạo, việc thế tục buông bỏ). Ba gọi là nặng dụng (thể là nhẹ, vật người nặng khó theo).

Ban đầu vật tánh nặng có năm: 1. Phòng nhà, nghĩa là cửa sổ, màn trướng, são, giá, cân, lầu, võng xuyến, giường ghế, mền đèn đuốc, lò bếp, v.v...

Bổn luật nói: Đàn việt xây phòng pháp cho Tỳ-kheo, tất cả đều cho, sự sự nêu ra như trước còn nhiều. A-nan được phòng riêng, khai nhận như trong tội tăng tân khai làm phòng lớn nhỏ, bạch nhị yết-ma mà làm. Lại khai cho Tỳ-kheo ở phòng có giường dây lớn nhỏ, giường cây lớn nhỏ v.v..., lại nếu đêm tối cần đèn bằng sắt, lò lửa, đèn lồng đều khai cho.

Hai là các tạp vật làm thành đồ. Luật bổn nói: Người xuất gia khi muốn lấy sắt làm bát, Phật khai cho làm, cả chùy, kiềm? Đồ mài nhọn làm túi đựng, trị bát là cho thớt cây và cây làm các món đồ khai cho được chứa. May y hoạn khác, khai dây mực, đất đỏ trị thước độ v.v... làm cuộc lại mở ra.

Ba, khi chứa đồ dùng. Luật bổn nói cho chứa chảo lớn nhỏ và bốn nắp, muỗng, hai bình, hai nắp, khai thuyết tịnh, tăng thì thuận theo, đều tùy ở nặng nhẹ, ấm siêu nấu thuốc bằng sắt bằng đồng, ba món chảo bình, khay, câu, thìa thịt cùng nấu bánh, chày cối giã thuốc; giần, sảy, quét, rưới, bình nước nóng, ống nước mưa, bồn tắm, đấu, cân..., các đồ cắt vải da, đồ giặt y, đồ cung cấp vào vật nhẹ ăn, đồ ép trái cây đều khai.

Lại cho chứa bình nước, bình tắm, bồn nước, các vật nầy đều cung cấp cho Tỳ-kheo giúp đạo yếu dụng nơi thân, chỗ nương giúp sự chẳng thể không có. Thượng sĩ đầu đà y bát như chim đâu dùng vật trên,

lớn thành gánh luỵ. Còn tất cả đồ vật nhà thế tục như mâm, nắp, hộp, muỗng, đưa, khăn, rượu, nước, bàn ăn, dao thịt, cơ, đều chẳng phải là vật mà người tu đạo dùng. Bất luận lớn nhỏ nhiều ít đều xếp vào vật nặng, do dứt tục lường chuyên việc xuất đạo, còn bao nhiêu có khác với thế tục mà là cần thiết của Tỳ-kheo. Nếu y theo Thập tụng thì tất cả vật bằng đá, bằng ngói, bằng đồng, không nên chia đồ hai đấu trở lên, tất cả vật thuỷ tinh, vật bằng vỏ ốc, bằng sừng, không nên chia vật nửa đấu trở lên (văn luật như thế mà sự tạp nặng nhẹ như trước y theo trong tướng đoán, có nói rõ cách chia hay không, phải đến cơ chánh uỷ không việc nào chẳng thông).

Bốn là vật giúp thân, Luật bổn nói :“ Nếu già bệnh không đi bộ được thì cho kéo xe hoặc kiệu, hoặc xe tay kéo, tùy việc đều cho, trừ dây da, dây tóc, không được sai Tỳ-kheo gánh lôi, nếu đi đường sợ rắn rít cắn thì phải cầm gậy quơ, hoặc ống đựng đá vụn, hoặc gõ trúc thành tiếng, hoặc sợ nóng cho làm các thứ dù tự che, hoặc làm quạt lớn, hoặc chuyển quạt liên quạt nhỏ v.v... Lại không được khạc nhổ, rộng như Tứ Phần, tạp phòng hai tụ, năm miếu tự các tướng. Luật bổn nói: Chỉ bày cho năm chúng đều được xây tháp miếu, đều được kính lễ (nghĩa là nương bổn hạ thứ). Luật Tăng-kỳ chép: “luật sư, pháp sư, Tỳ-kheo doanh sự, Tỳ-kheo có đức qua đời đều nên xây tháp, tướng luân, cờ, phướn, dù, đặt ở chỗ trống, không được đặt ở chỗ kinh hành, chỗ nhiều người đi, khiến tăng hòa hợp rồi làm. Đã hứa lo tháp miếu, lý mau vâng lo, ngon tốt tuy không phàm Thánh, nêu tâm nghĩa có một. Cho nên Luật bổn chép: “Để trên tháp nhiều món đồ ăn ngon, dùng vàng báu làm đồ đựng, bày đồ ăn làm tháp, khi ăn nên sai bạch, tấu kỹ nhạc, nếu có hương bày la liệt trên nền, trên lan can, trên cọc, trước cũng được, dùng thêm bùn đất ỡ giữa, khai cho Tỳ-kheo rải hương hoa trên thây chết, trong Tăng-kỳ cũng vậy.

Vật tánh nặng về trước, thể là chìm lụy trong nguồn gốc, theo sự thì không nên, sửa làm rõ lỗi, nghĩa cần ngăn đoán. Nhưng vì người căn cơ kém yếu, tùy sự ủng tâm, chiều theo vật tình, quyền khai thông đường, sự trước phiền tạp có lụy sạch thần. Sống thì xét giúp thân kia, lại cho uống dùng. Chết thì rơi vào thường trụ, cúng tế cần có các đồ, chánh giáo mở ra để đáp ân đức tạo thuận sinh thuận tục càng tuyên dương, nên dứt nhẹ mạn. Nếu không đủ lập bóng hình thì nương đâu mà chiêm ngưỡng, nếu không rộng lòng thành cúng thì chí ân cần do đâu mà sinh. Quyết đoán nặng nhẹ như trên, đủ bày như sau.

Cho nên thứ nhất hễ có phòng nhà, luật bổn chánh đoán rằng “nếu có nhiều phòng riêng và đài đèn vật nặng”. Thứ hai là làm đồ, luật bổn

nêu chung năm món là sắt, gốm, da, trúc, và cây đồ chảo nồi đều xếp vào vật nặng. Thứ ba thuộc về đồ vật, luật bổn xếp chung bồn bình tấm tưới là vật nặng, đều ở hạn nặng, chưa phân lớn nhỏ lượng đồng. Có thể y theo luật Thập tụng, hai đấu trở lên xếp vào vật nặng, đấu kia lượng là chẳng như trước nói rộng. Thứ tư, các đồ giúp thân, luật bổn chỉ có xe, kiệu, gậy, quạt xếp vào vật nặng, còn bao nhiêu không bàn, chỉ là lược không, nghĩa phải nêu rõ, đều như trên quyết. Thứ năm, các đồ đoán chùa miếu, đã có riêng thuộc, đã chẳng tự chuyên, chỗ trả y bát, nếu tự làm sau khi chết có thể xếp vào vật nặng. Tự ngoài văn không hết, nghĩa nêu tự xem trên dưới.

Kế rõ vật sự nặng, kia nêu có sáu, luật đoán không văn, y theo điều hiển.

Ban đầu trong ngoài hòm kinh (trong luật bổn nói: bấy giờ có Tỳ-kheo trộm quyển kinh của người, Phật dạy "Tính giấy mực xếp vào vật nặng", cho nên biết riêng người cất chứa.

Lại khai đọc kinh sách thế tục để điều phục họ, lại vì điều phục ngoại đạo nên khai cho đọc kinh của ngoại đạo mà không nương theo hiểu biết của họ).

Có y theo đoán rằng: "Trong kinh sách kia như mẫu luận đã phán ở trên, chín dòng phái ở thế tục có truyện tập đều xếp vào vật nặng, do thói quen lâu ngày phần nhiều đắm vui pháp thế gian, nếu có giấy mực tùy dụ, xếp vào vật nặng. Nếu vốn là pháp hóa thì phải có sao chép, đồng thuộc về nhẹ.

Hai, hoạ vẽ tô chữ (luật bổn khai cho trang nghiêm trong phòng, thêu, vẽ túi, và các hình nhiều màu, vẽ người, cầm thú. Trong luật Tăng-kỳ, Tỳ-kheo làm phòng muốn tô mầu lên tường trắng, Phật đều khai cho chỉ trừ hòa hợp tượng phi pháp, còn rừng, người, ngựa đều khai cho.

Có khi chuẩn theo xếp vào vật nặng, kia các đồ màu sắc, đồ tạp sự và lìa vẽ tường, đều xếp vào vật nặng do đã nắm trước quá lâu.

Ba, nặng phục da lông (luật bổn cho ở biên giới lấy da dê da nai làm ba y và ngoạ cụ, lại có khi khai cho các thứ khác, không được chứa da sư tử, cọp, báo và mười thứ da khác. Nếu đậy giường dùng da ngựa, không được ngồi lên, và tất cả áo da mũ da không được đội mặc, chan nệm lông dày quá ba ngón tay, dài ba khuỷ rộng năm khuỷ cũng xếp vào vật nặng).

Có khi chuẩn đoán lượng tướng mền nệm da thành ba y, xếp vào vật nhẹ như trước. Nếu đến giữa nước liền thành vật nặng. Ba y da y

theo trên có thể biết, dày lớn xếp vào vật nặng, bao nhiêu đều không đoán. Nghĩa y cứ nói: "Đã không cho mặc dùng thì xếp vào thể lượng, nhưng do khai ở nhà tục, biết được nhận dùng, chưa là chỗ thông ngăn cho nên xếp vào sự nặng. Y lê-ba-da luật không nói, rõ ràng xếp vào nặng.

Bốn, áo người tại gia (luật bổn nói: "Các thầy là người ngu si, tránh chỗ ngăn cấm của Ta lại làm các việc khác, từ nay trở đi, tất cả y phục của người tại gia, đều không được mặc. Nếu mặc thì đúng như pháp trị, mặc đồ của người tại gia, áo kép, quần, tất chân, vớ tay v.v... Thập tụng chép: "Áo năm màu chánh, tất cả áo lông da, áo tay chật, áo kép đôi, tất cả áo da, áo bối đầu, aó hai ống tay, tất cả quần thiền đều không được mặc).

Có chỗ chuẩn đoán rằng: Trong các luật đoán không có y trên nữa, mà xếp vào vật nặng, nay dùng nghĩa y cứ như trong văn luật nói, vua cho y giá trị, Phật dạy nên ứng lượng tịnh thí, phải biết khác tục, áo vua thế tục có thể đồng áo rồng hoa núi đất trùng mặt trời mặt trăng, gạo vụn... ở cõi nầy. Tôi nghe thí nên thầm bảo rằng: "Các vua phương Tây phần nhiều tôn trọng Phật giáo, ngoài lúc lo chính trị đất nước thì mặc áo thế tục, trong khi theo pháp hạnh lai mặc áo đạo, hoặc đắp Tăng-già-lê giống với Tỳ-kheo, giá trị áo kia rất cao, hoặc xuất muôn lượng vàng. Cho nên một y của Phật Tỳ-bà-thi giá trị mười muôn, mà các thanh tín nam nữ và các Bồ-tát tại gia (sắc giới) cũng mặc áo nầy, khác nhau với vua. Vua quan nam nữ cõi nầy nương kinh cũng có người mặc, như người tục đời Lương, Trần...đều đắp dùng. Nay do sự dụng gạn đưa giáo đến, như Lương Cao Tổ đích thân nương Phật giáo, ba y tích trượng mà thọ trì, cho nên lên tòa giảng nói là cởi áo vua mà mặc pháp phục. Như trong tập Giản Văn Đế, Cao Tổ thường ban y ca-sa, nêu tạ ơn đủ rõ.

Nhẹ pháp yết-ma, gần nầy đã đắp cúng cho Pháp sư Tăng Trân ở chùa Thắng Quang, giá trị ba muôn, và sau lại còn đòi vào trong, lại lấy y bảy điều đắp cho hai Pháp sư Cung và Tuyên, khiến ai làm thể thành trước thì cho, hai vị làm xong cùng một lúc, lại sai học sĩ bình ai hơn thua, họ nói đều bằng nhau, do đó khiến ra chợ bán được sáu muôn bèn đưa cho người xuất lụa giao trăm đoạn. Lại cho Pháp sư Huyền Trang một nạp đến nay vẫn còn. Có người trả giá mười muôn vẫn không bán do các chứng cứ nầy biết vua đắp ba y giá trị lớn là không lầm.

Cho nên bà Ái Đạo ở đời, sau khi Phật xuất gia luyến mến không thôi, tự tay làm chỉ vàng dệt y da giá trị dâng lên Thế Tôn, sau khi bà

dâng, Phật dạy trong tăng thực hành đó, Ái Đạo không nghe theo, Phật nói: "Chỉ trong tăng hành mới đủ Tam Bảo, vì sao vậy? Vì người kia thuận theo nói Tăng-già-lam cúng Phật, vì giải thoát cúng pháp, chúng tăng nhận dùng là cúng tăng. Nếu cúng Phật là mất hai quy kia, liền y theo hành, đều không dám nhận. Kế đến Di-lặc lấy mà mặc, oai nghi đầy đủ. Nói kim lũ, chẳng dùng vàng sợi mầu giống vàng, sáng màu khác lạ, trang sức như vàng, há có Tỳ-kheo mặc vàng báu, còn tất cả áo khác của người tại gia ngoại đạo đều không cho mặc, đều xếp vào vật nặng.

Do dứt pháp ác nêu tu đạo xuất thế, đâu được vẫn ôm việc thế tục như nhà ngói, áo gấm chặt hoại đập phá, dứt lưu tục, dứt tham tranh, thuận biết đủ, khác nhau tiền tài đồ ăn bất tịnh, sau khi chết chia khắp đồ ăn phải đến chùa nấu, tiền tài liền đồng các ba y. Nay tăng phục thể trạng toàn thế tục đắp mặc liền sinh tuệ cho nên vào vật nặng. Nếu đã sửa đổi, hoặc sắc mất tướng, hoặc khác thường tục như quần áo, tên tuy gốm tục mà tướng có khác, đều có thể xếp vào nhẹ, cho nên kỳ chi hẹp hở, quần vuông, chánh trái đều chẳng phải y phục mà người Ấn-độ mặc, nhưng khác nghi tục của Đông Hoa (Trung quốc), cho nên nương theo tình sự lý nghĩa có thể thông, đều theo hạn nhẹ còn bao nhiêu đều lệ theo đó để định hai đường.

Năm, có ngoại đạo (luật bổn nói: tất cả áo ngoại đạo không được mặc, nghĩa là tất cả áo bằng cỏ, da, cây, lá, lông chim, lông trâu, ngựa v.v...nay cũng có người đắp áo giấy, nầy tức là áo ca-sa vỏ cây, cũng có vị đạo cao đức trọng mặc ca-sa vỏ cây ngàn năm sắc sinh, cũng đồng y ngoại đạo).

Có chỗ chuẩn đoán đều trong, do thể tướng đã sai, hoặc đắm hoại tâm chướng đạo, lại sinh bất tín cho người đời, quyết có áo nhẹ tướng hoại sắc mà người tại gia đắp mặc.

Sáu là áo thêu lẫn vẽ tượng (luật bổn nói: "Không được mặc áo gấm chật". Luật Ngũ Phần nói mặc áo gấm mền gấm mắc tội Đột-cát-la).

Có chỗ chuẩn đoán như luật Ngũ Phần: gấm lụa là vật không thể chia. Nếu thuần sắc nên chia do tướng loại đồng áo pháp, bất luận lớn nhỏ nhiều ít đều thuộc về vật nhẹ. Kia lệ loại triều lệ, ban bố đều xếp vào vật nặng.

Sáu điều kiện trước đều do sự hợp với đời bị thế gian chê cười, vốn chẳng phải áo đạo nên đoán chung là nặng, mà sự dung lớn nhỏ quá khởi chậm mau, chứa đủ dài ngắn chưa thể bao gồm, cho nên tùy

điều kiện mà đoán, đều mỗi thứ riêng, vẫn còn tướng tục, sâu lấy văn sau nên xếp theo hạn nhẹ.

Kế thứ ba giải vật theo dụng nặng (có bốn)

Ban đầu dùng các vải lụa trang sức phòng nhà (luật bổn khai cho chừa để trải đất v.v...nghĩa là khăn trải giường, đậy bụi, trải ghế...)

Có chỗ chuẩn đoán rằng: Vốn làm dự tính theo phòng nhà, tức mặc tình cho nhận dùng, cốt yếu là tùy thời chia. Phòng, mới có thể giữ, nếu tự sửa đổi quyền thí nhận dùng, hữu tình có thể tùy vật nhẹ mà nhập chia.

Hai là dùng các vải lụa trang sức xe cộ (luật bổn khai cho chứa xe cộ, lý có y vật theo xe, trước sau) đều có che chướng.

Ba là dùng các vải lụa đựng vật nặng ở trong (nghĩa là che bàn, giường, đàn Tỳ-kheo, hầu, khăn quấn đầu).

Hữu, vật của hai điều kiện trước nếu vốn làm thuộc xe cộ bàn ghế, sau khi chết, theo xe sẽ tạm để chẳng lâu, có thể theo hai phần nặng nhẹ của xe.

Bốn, dùng các vải lụa che thân (luật bổn khai chứa hòm màn. Luật Ngũ Phần nói: "Trải chỗ kinh hành che vách, che gió, áo đơn, áo kép, nghĩa là giường rõ bốn góc, hòm màn là không thể chia).

Có chỗ chuẩn đoán như chú vào vật nặng, cũng vốn tùy thân thường chướng, không cho sửa đổi. Nếu như luật Ngũ Phần thì da cũng ở vật nặng, mà không chia lớn nhỏ, nếu nói tùy giường chỗ dùng không luận dày lớn vào vật nặng, quyết không định ấy là y cứ vào lượng của thượng y, mền da lượng mặc tình kia nặng nhẹ.

Bốn điều kiện trước đều là thể chẳng phải phần nặng, lý vào vật nhẹ. Chỉ vì gánh lụy chìm nhóm phiền ràng buộc sâu cho nên theo nặng mà đoán, mà nghĩa chia câu, câu mưu độ đó, một do nặng thành nặng (tức kho cây, kho ván, vựa đất...chứa ngũ cốc, tiền, báu v.v...hai là do dùng chứa y bát). Ba, do nhẹ chứa nhẹ (tức vải lụa v.v...gói buộc mũ lụa...). Bốn là do nhẹ chứa nặng nhẹ (như bốn điều văn trên tự chia). Ban đầu và thứ tư thuộc về vật nặng, hai là hai sự đều là nhẹ.

Đoạn lớn thứ hai, kế định ba vật nhẹ thứ:

Thứ nhất, vật tánh nhẹ (lệ có ba).

Ban đầu, là y tài mười món (trong luật bổn mỗi mỗi nêu tên):

1. Tuyệt y, hoặc gọi là thất lợi -y, không đồng với xứ nầy;

2. Y cướp đồ, Trung quốc nêu ra, viền hoa làm ra, như ví dụ túi trắng, kinh đô mới có, 3. Gọi là áo gai, đã ngoài các vải áo. Ở đây không dịch đúng và đều là vật của Trung Thiên trúc xứ nầy không có

vải gai, vải sinh, vải đay, ...dọc ngang để thành các y tài.

Có chỗ chuẩn đoán xếp vào vật nhẹ, do thể hiện giao cần liền cắt may mặc, không khỏi nhiều ít dày mỏng.

Hoặc sắc, phi sắc, hoặc chánh bất chánh đều nhập vào chia. Có người nói "Chân đỏ chánh tía đã là đại sắc thượng nhiễm, Phật cấm không cho mặc, mắc tội đoạ cho nên xếp vào vật nặng". Nay khác nhau vì thể là ứng pháp liền có thể sửa đổi, còn loại áo pháp như luật nhận định, hoặc do không cho liền xếp vào việc nặng. Áo năm đại thượng sắc Phật đều cấm chế, vì sao riêng ở đó tía, một khai một chế chỉ đưa ra ý ngôn y? nếu quyết vải đay không thông, tài sống, lụa mộc, bông đồn và đoạn, tạp, tài, lụa khác đều chưa nhuộm thành cũng không cho mặc làm sao có thể thành hoại sắc đồng với mầu trắng vải lụa. Lại khác nhau gấm thêu nhuộm thì có thể được đúng như pháp, chưa nhuộm có thể là lần vẽ, thêu thùa ngoài tướng, năm màu ép lệ chia chung.

Hai, là sợi sở thành, nghĩa là sợi vải thành trước, liền dùng hệ gai, lông gấm, hiện tại ngang dọc và lụa tạp, chấp nối sợi tán đứt.

Có chỗ cho rằng đều là nhẹ, hoặc vải gai vải tơ, như trên đã phán hoặc vật tạp nặng cũng y theo đoán trước.

Bằng, là lông mịn, vướng víu (nghĩa là đã lìa thô ráp, biến thành tướng trên).

Có chỗ cho rằng: Nếu hiện thành lệ trước là xếp vào vật nhẹ. Hoặc tơ tằm sống chín thì phải hại mạng, nhân theo cái chết kia mà xếp vào vật nặng. Hoặc trùng ngông, tơ chim non tự ra, theo Đa luận là phần nhẹ. Nhưng tằm nhả ra tơ lụa, tính vốn rất phải tánh chế, cho nên xin ba y, ngoạ cụ bằng lụa. Luật đoán tạm cắt tô, ái tơ lụa kiêu sa, Niết-bàn chánh cấm không cho mặc. Ương-quật kế kia chuyển đến. Vả lại tiếp tiểu cơ, sau nói rằng: "Không thành bi chẳng phải hạnh Đại thừa". Cho nên luật Ngũ Phần nói: "Có người đem lụa đến thí, nhận đưa vào Tăng, tức chẳng phải của mình", luật Tứ phần chép: "Nếu được áo đã thành chặt, cắt, nhúng bùn, phán chẳng phải áo, do tổn hại sinh mạng mà được làm sao thành pháp phục từ bi. Chánh là hoại đạo đã kỵ, rất phải chê lỗi ban đầu. Tôi đích thân hỏi vị tăng từ Ấn-độ đến, các tiền tăng ở Thiên Trúc không đắp ba y bằng lụa tằm, chỉ ở nước Vu-điền nuôi nó mà không giết hại, lời nói ở trước càng sáng tỏ.

Ba điều kiện trước gọi là tánh nhẹ, nghĩa là thể khinh nhẹ, là chánh yếu giúp đạo. Lại tùy thân cơ giúp rất có sự nhọc. Nay từ gốc mà định tên nhẹ chẳng còn phần nhiều xếp vào nặng. Loại nêu đều tùy đoạn lại, đường tất càng sáng, mà thứ lớp trong ba điều kiện tơ tằm chớ

làm, ý còn nghi ngại, sao do tổn hại có chỗ lợi không nên phân chia. Sống được còn cắt hoại diệt dấu vết, khi chết rồi nên chỉ bày chia thông kế, nếu y theo nghĩa nầy thật nhận chẳng thương mà không phá giới cho nên xếp vào hạn nhẹ, quyết lại có bộ quyết cũng có thể y theo đó.

Kế là thích thứ hai vật nhẹ (lệ có bốn).

Ban đầu y phục của thân (luật khai ngoài ba y chứa phú kiên và kỳ-chi, Ni-đàn-tăng. Ngũ y cứ do, khăn, giây lưng, vải lót, dạ khắp, áo che ghẻ, áo tắm mưa, áo dạ, khăn lau mình, lau mặt, chùi nước mắt, chùi gót, nhiếp thục v.v...Ngũ Phần nói vì hộ bắp vế, cánh tay, đầu mắt cá, y, bát, túi lụa. Tăng-kỳ nói nếu tánh không chịu nổi hạnh khổ cho nên áo tùy ý đắp dầy.

Có luật nói ba y toạ cụ xếp vào vật nhẹ. Ngũ Phần nói xá-lặc, hạ y và mền có thể chia, nên là ba y đồng ngoạ cụ, còn bao nhiêu tuy không văn, do, liền giúp mạnh có thể xếp vào hạn nhẹ.

Hai là vật đựng y (luật bổn khai đem y để trong Ni-sư-đàn).

Hữu vật của hai điều kiện trước đều thuộc về vật nhẹ, ban đầu thì theo y nhập vào chia. Sau thì đương thể hai đoạn (nghĩa là thưởng cực nhọc vào vật nhẹ) thời có vàng, da, các châu điều giới duyên, hoặc lại góc, chữ vạn hoa sen tô điểm. Đã luật chế không cho vẽ chữ vạn trong Bát-nhã, biết rõ các đồ cũng chung, phải có duyên nầy, có thể theo thuyết tịnh, có thể xếp vào vật nhẹ, như pháp xếp vào tưởng.

Bốn là túi lược nước. Luật dạy làm túi và bình lượt nước.

Hữu, các luật xếp vào vật nhẹ cũng có thưởng cực nhọc, luật nầy không nói, có thể tức vật nhẹ thâu dự là quách rộng túi đậy cũng theo nhau chia.

Bốn điều kiện trước cũng gọi là sự nhẹ, do liền dùng yếu cỏ dại chẳng đổi chác. Phải có thêu vẽ lần tượng có thể y cứ văn trên mà đoán, đều phải trước sau theo nhau mới có thể đoán đường lối nầy.

Kế giải thứ ba vật nhẹ từ dụng (kia có sáu):

Ban đầu một vật theo y (trong luật nếu đắp ba y giải thoát mà lột hình, có thể đặt khăn và y câu y hồ câu mịn v.v....Lại y không có chỗ đặt nên dùng giây lưng buộc cho hai đầu cột hột nút, không được làm bằng vật báu, phải làm bằng đồng, sắt, thiếc, lạp.

Có chỗ lệ theo y đồng đoán xếp vào vật nhẹ.

Hai, xét khí (luật dạy có bát như lượng bát thượng, nếu được thuốc bảy ngày nên uống, bát nhỏ bát vừa bát lớn, không làm thì phạm xả đoạ).

Có luật chỉ xếp bát nhẹ còn các đồ theo bát như mâm, nắp, tướng

thì theo nhẹ.

Ba, tùy vật sở thuộc (trong luật nếu bát khó giữ, thì làm túi đựng, buộc miệng mang trên vai hoặc hòm tụng cùng vải khăn).

Có luật đoán xếp vào nhẹ, cho nên người chết thường rất nhẹ, vật chứa đồ tướng phát hoạ, nếu kia nhiều một thì thưởng cực nhọc, tùy người thọ trì, bao nhiêu thì chứa nhiếp, tự xếp vào phần nhẹ, chẳng có phục sức trang nghiêm theo gốc nhập chia, khác nhau lò hương đồ báu, do thể tự xếp vào vật nặng.

Bốn, thuộc giày dép (luật khai chứa dép cỏ, trừ đồ thêu trang nghiêm, nếu vì đủ dép cỏ, khai cho chuỳ, dao, đá mài, cái nhíp ? Nên dùng mười món y làm túi đựng không cho rớt mất, và khai cho khăn lót trong dép cỏ.

Có luật không có chánh văn đoán nhưng chánh yếu giúp thân y theo Tăng-kỳ mà chia, tự bao nhiêu túi tượng vẽ giày dép, cũng như nặng nhẹ ở trên.

Năm là đồ cạo tóc (luật khai chứa dao cạo và khăn, nên dùng kiếp cụ đậy che để hư, và cho để đá mài dao trong túi. Cùn thì dùng dao gọt khai cho, và đồ theo tóc.

Có chỗ y theo luật đoán nhẹ vì kéo tấm thường cần, hẳn có sợi báu trang sức thân, vỏ xếp vào vật nhẹ, tùy có hộp cây, da, lửa mà chia.

Sáu, các đồ giúp thân (luật chỉ bày kim, chỉ, dao và thước dây lường dùng để may y, khai làm kim dạ và nền đặt ống, nhíp cắt móng, dao cạo mồ hôi, tăm xỉa răng, đồ ráy tai, đồ rửa mũi, dây thiền, chùy. Luật Thập tụng thì bình bồn tưới, lò hương, bàn ủi, thiền trấn, muỗng ... Hữu, đều yếu sự theo thân, lý xếp vào nhẹ, cho nên luật chế nói rằng: “Không kim, không bình tưới, không được đi du hành”, rõ biết dụng giúp thường có, lại như luật Tăng-kỳ nói rằng: “Nhận rồi chế chứa đồ tưới ứng pháp, há chẳng phải có chỗ cần ư? Cho nên nhập chia”.

Lại Tát-bà-đa nói: “Tợ báu đồng, sắt, bát nhiều màu...vào số trăm lẽ một vật được lấy, không cần thuyết tịnh, cho nên biết phần nhẹ là phiên.

Việc của sáu điều kiện trước gọi là tùy dụng xếp vào nhẹ. Do thể của vật nặng sâu chẳng phải mặc dùng, nhưng tùy sự thú yếu lại không lỗi. Cho nên từ khi dụng xếp vào nhẹ, đã được Phật khai cho, nên định ra nhiều ít. Luật khai dao, bát, và các đồ khác hiện ở phần ngoài Tăng tuy không bàn chuẩn nhưng nghĩa quyết có. Kim, chỉ, dao, thước, đủ có thể thành y, móc, khuy, nút thường là đồ thiết yếu, như lò hương bình tưới, muỗng, đưa, oản, chậu v.v... Khi có hoặc nghĩa nầy liền tạo rất

nhiều lớp, dung mạo chợt phát giận dữ, hỏi tôi rằng: "Tăng-già-lam nghe chánh luật rõ đoán bình tấm rưỡi xếp vào vật nặng, dao cạo xếp vào vật nhẹ. Nay ngươi chống trái rõ chẳng phải Phật dạy". Tôi đáp: "Giáo có khai hợp áo pháp, tấm gội theo nặng lớn nhỏ chưa phân, dao bát xếp vào nhẹ, thể lượng thông lộn. Nay vì tính hội các bộ, ép có văn rõ, lý sự hàm rộng liền bị lẫn lộn rối ren, y cứ lượng y cứ thể nên như hai phần. Vả lại quyết liệt với lâm cơ, sao chậm nghĩ đối với văn tướng. Ở đây nói hai ba kia đủ làm sự loại liền vách. Như dao cắt có văn nhập chia, dao cắt không văn ở nặng, bát ba đấu xếp vào vật nhẹ, bình thì nữa đấu xếp vào nặng. Hai văn hai nghĩa cả hai đều trái, tình lý trái trời, sự dụng đều hết, nào góc mở ở chánh giáo tự gánh tội tương lai. Nay do phải luật không văn chế lượng, nầy là ở nơi bổn điều. Đến dao cạo, kéo cắt, chuỳ, kim, các luật xếp vào nhẹ, tuy văn đều hai bên mà nghĩa lợi dung hội.

Từ tạp nhỏ bên ngoài nhẹ có thể theo thân, tức sự giao cần lại không hổ thẹn. Luật bổn văn sự thiếu đoán không thể dừng nhẹ nên theo các bộ rõ văn điều chẳng thuộc về nặng.

Tôi cho vật người chết, nặng nhẹ ép đoán là khó, các sư truyền trao chỉ đặt chẳng phải y cứ. Cho nên trong tám quán nêu, xa hỏi khéo do được bổn chúng đông, miệng đoán chẳng phải một. Nghiệm xét sao trình điều trước, liền thẳng bút tùy sự giết xanh, nói lặp nghĩa chồng trông sáng biên soạn.

Nghi lượng xử nặng nhẹ.

Cuối xuân năm Đinh dậu niên hiệu Trinh Quán thứ mười một đời Đại Đường, ở châu Thấp, trong cốc ích từ soạn kế. Tôi cho từ xưa đến nay các chỗ có liền nói phần nhiều chôn tên mà hiển tướng, thiếu thời đại mà khai nay, bèn nhờ mở đọc buồn ở người đời, cho nên chia sáng tối để nêu u tâm.

Nặng nhẹ tướng cạn, tình cầu dứt đường, cũng có cao trần đầy đức thường học môn luật, nghe đoán nặng nhẹ liền phải ngậm miệng, mắt thấy tình trạng nầy lại thêm trái ngược. Niên hiệu Trinh quán năm đầu liền nêu câu giải. Tấn, Ngụy, Trung Nguyên gọi là học phủ, tức thưa hỏi nặng thêm mê xưa, có luật sư ở Châu Tương, chế tướng nặng nhẹ, lời tuy quanh co còn lại vết xưa, do nầy ý lời bèn đưa ra đường nầy, đều so sánh với thành giáo dứt chậm nghi xưa nay. Ngoạ cụ bằng da lông ở biên giới đồng với phần nhẹ ở đây, còn văn nghĩa? Bày đến nay xử đoán lỗi nầy, may mắn chỗ đoán mê, cho nên chẳng trái các áo người tại gia, Phật chế nghiêm rõ, đâu được xem đồng với áo vua. Vả lại, bên

áo của vua vốn là ba y, tên đồng với ngoạ cụ, ngộ thì lại bày cầm sắc.

Lại nói rằng: Chư Phật đại Thánh còn có sau chế lỗi trước, hoặc lại trước khai sau thiếu, đến bàn hành sự đều do sau giáo bỏ trước, cho nên gọi người trí là đại giác. Xưa nay tuy văn nghi lớn còn so sánh, nhưng chẳng tự nghiệm, cho nên có trái nhỏ để sửa, người tại gia thấy áo thành chẳng phải vật nặng, cho nên chứa để niệm thành Phật. Ban đầu niệm dường như phải mà chẳng phải thứ hai, trở lại quán ban đầu thì hoàn toàn sai đâu đúng.

Trước sau như vậy quán đều trước muội mà sáng, ban đầu từ Tam Hiền đến Thập Trụ, cho đến Đại sĩ Di-lặc còn có quán chưa dung, và đến Long Hoa đạo thành Phương Đẳng mười phương Diệu Giác, huống chi nay trầm tục phàm tăng động thường kết nhau, đã nhiều chấp kiến thì kiết càng nhiều, thì sắc phàm chỗ giúp kham nhận ở đây, đến không tồn tại dùng gì thể bàn, cho nên biết viền ven áo vua đều là ba y, các tục thường mặc nên xếp vào nặng.

Lại nói rằng: Pháp ít muốn biết đủ của Tỳ-kheo làm bổn hoài, cho nên Phật thấy đã mở phòng cho đồng ngủ, các cõi chứa nhóm đồng hạ không giống như trước, vì ít muốn hiển rõ môn đầu vào đạo, chứa nhiều là hằng tục hổ thẹn. Cho nên cấm mặc áo thế gian, là áo thế tục mặc, sống không được mặc, chết chẳng cho chia, khiến thấy còn không cho đắp dùng, ý tồn đạo nhặt, không luống lập ra. Như ân cần dẫn dò, tôi cho đó là sai bèn dám sửa dùng sau giải thích trước, ngõ hầu thấy sự răn dạy nầy may mắn đồng khiển gởi. Lại nói rằng: Lời chẳng giúp đạo thì tuy là Phật nói cũng trái, dầu là phàm nói dù chẳng phải văn kinh cũng y cứ. Cho nên Phật nói: "Tuy chẳng phải tăng-già-lam chế mà ở chỗ khác là thanh tịnh thì phải xếp vào nhẹ, huống chi không biết tướng viền áo của vua, cho nên y cứ mà xếp vào nhẹ, trước hành mê mà sau chẳng sai, sau kết ngộ mà là phước, dung các lời dạy ở trên có thể không tin hay sao?

Mới khắc lời tựa sau của nghi nặng nhẹ. Có sự hẳn nhiên gọi là chết, độc tôn Tây Thiên, các Thánh ở Đông Vức còn dự. Nếu dự thì kia trong pháp Thích-ca nghi nặng nhẹ phán là cần yếu không thể lìa, ngã Đại sư Pháp Tuệ Sớ Sao văn rõ, tuy động còn là mở chìm văn phục nghĩa hoặc cảm linh để chia ra nghi nặng nhẹ. Tuy trong nặng nhẹ lẫn lộn, văn kia lỗi lạc như mặt trời mặt trăng sáng tỏ, các nhà đều trân nặng, ba nước dẫn lãnh vì có lý do. Mà trong Tổ tông sâu cạn chứng nghi này giấu tài cũng lâu, khách ưa học giới ôm ấp ở đây, ở chỗ đùa giỡn không mất văn này, cùng ngụ ở chùa luật Thanh Thuỷ Trần Cung tìm khe sách

mà được. Nghĩa tuy không lớn văn hại thiếu kém, có thể gọi là ngụy. Trộm chỉ nghĩa chủ y lệnh đến ở Tây Minh, thờ người sau tình cờ gặp sách luật, Quốc Sư Hưng Thánh Bồ-tát vâng lệnh xây dựng chùa Vu Cung, thì nay tình cờ gặp văn này, nên biết Thánh Hiền không hề đến, tôi lại sợ giáo Tổ thời chậm có Đại sĩ phụ tín biết điều đó. Nhưng bắt càng dùng lưới câu để ứng lý do thỉnh, phân tích mổ xẻ. Khi muốn có sự hẳn nhiên, phán đoán lập được khỏi nhờ người Hồ nghiên cứu nhẹ nhìn yếu kém.

Ngày 15 tháng 5 niên hiệu Trinh Hương thứ năm.

Luật Viện Đại thừa Thạch Thanh Thủy, tiểu Bí-sô Thật Trường Xuân kính ghi ở điện Ma-ni Bảo Châu.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 166

THÍCH MÔN QUY KÍNH NGHI

SỐ 1896
(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1896

THÍCH MÔN QUY KÍNH NGHI

Sa-môn Thích Đạo Tuyên đời Đại Đường soạn
tại chùa Tây Minh ở kinh đô
vào niên hiệu Long Sóc năm đầu.

QUYỂN THƯỢNG

1. Kính bổn giáo hưng: Sự giáo hóa của Phật, lễ nghi ban đầu không bàn luận, Thánh pháp nương theo thời gian, thực hành theo đây mà nói lên lòng cung kính, cho nên dẫn rộng thành giáo, là tông đầu tiên cho niềm tin, ngõ hầu không bị mê hoặc đối với giáo dụ.

2. Hộ giáo cứu giúp theo thời: Quý tục căn cơ thuần thục, nếu không có tâm cung kính thì không mở mang được, cho nên cứu giúp theo thời, cơ tông tập tánh cao xa, khiến cho tông đồ theo nhau, trên dưới có thứ lớp, nhờ không rối loạn thứ lớp nên Tam-bảo được hưng thạnh.

3. Dựa vào cơ mà lập nghi: Thời hợp với thấm nhuần, tình chia ra lợi độn, đến nỗi người lập giáo mở ra những con đường khác nhau, hoặc mở ra đức của Phật cao, diệt tội gọi là tối cao, hoặc xứ nầy vốn thanh tịnh, hai nghiệp có công năng làm sáng tỏ, v.v...

4. Nương tâm hành sự: Sự vẫn chưa quên, nhân tâm mà hành dụng, quả nghiệp theo duyên, nguồn dòng phải bàn. Do tâm chung ba tánh, sự nhiễm sáu trần. Do phước sanh tội, chẳng biết đạo nghiệp.

5. Gởi duyên theo chân tục: Pháp trùm quyền đạo, tình hợp với nghiệp lý, hai chỗ tâm và thân, chỉ trăng mà bày nơm, hoặc do thế tục bỉ lậu nên sự nông cạn không biết, phần lượng chớ cho là nhập chân, thật là đắm chìm thế tục.

6. Dẫn giáo pháp để nêu dấu vết: Người thời mạt pháp căn độn, phần nhiều giữ tánh tập, phải dẫn lời Thánh để làm giáo lượng, ở đây dùng bốn y để xét hạnh, bốn ấn để nêu rõ, ở đây dứt bặt những lời phù phiếm không liên quan.

7. Y theo thời mà chia làm khoa tiết: Đẳng cấp của tâm hạnh siêng năng và biếng nhác không thường hằng, cho nên lập pháp xét tâm, chia thời xét hạnh, cho nên biết khắc niệm tu Thánh, lời nầy có chỗ trở về, nếu không như thế thì đắm chìm, lại đồng với vô thuỷ.

8. Oai nghi có thứ lớp: Kính tướng hiển tâm, chí thành có sự che chở, nay phải dẫn thành, giáo cụ bày dung nghi, cho nên dung nghi cử chỉ như suy nghĩ, ngôn từ an định, không dùng sợi dây pháp, cho nên tay chân không có chỗ đặt để.

9. Công dụng cảm thông: Nghiệp nhờ hạnh thành, công do tâm khởi, tâm mang nhiễm tịnh, nghiệp cũng chân hư, đây là do tưởng thấy, chưa nói về thiện ác giao xen, không chỉ bày duyên báo, mê chính mắc khó nói.

10. Nêu đồ vật để trình bày dấu vết: Nghe lời xét hạnh, thế tục đương thời ít y theo, cho nên lập điều lệ để làm trong sạch con đường tâm.

Bài 1: KÍNH BẢN GIÁO HƯNG

Hưng lập kính bản chẳng phải chánh tín thì không mở rộng, không tin thì sẽ không khởi kính, có kính thì trước sẽ sanh tin. Bài nầy nói về tin vốn kính, tùy theo sau mà sanh.

Lời tựa chép: Từ cái thấy lợi ích của Đấng Pháp Vương là dùng cái thấy vắng lặng làm đầu. Cho nên luận chép: “Ở đâu và lúc nào, ai khởi lên kiếp chấp nầy? Tất cả các kiến chấp Phật đều dứt hết, văn có chứng minh. Cho nên thói quen huân tập lâu ngày thì không nhờ đâu để hiểu được. Về sự phải lập ra nghi thức cung kính để khai ra pháp tin làm đầu. Nương gá vào tình tướng để nói lên công lao của thành tựu giáo hóa, sau đó mới gan mật bôi thoa lên bẻ gãy hình hài. Biết chỗ tôn quý cùng cực của vũ trụ thì kính càng thuộc trời. [Vì cha mẹ sinh ra thân, sự báo đáp ở một đời. Phật khởi pháp thân, báo đáp xa nhiều kiếp. Hoặc công cao lìa thưởng đức càng sâu càng dày, chẳng thể báo đáp kịp].

Hiểu được chỗ xa, rộng của giáo nghĩa thì đạo vượt sự si mê tầm thường. [Dùng 7 thiên thu lược trùm thời gian, lập thân lập quốc, chính luận trải qua ba cõi. Chữ Tám Tạng y cứ là pháp mất không, dứt có. Cuối cùng vượt ở 9 cõi]. Pháp quán nầy dùng lời nói thì biết được tâm

hình, hai đường sự lý song song khuôn phép. Thân thì ràng buộc ở tập tục, khổ ấm thường trói buộc, nên phải chiết tỏa để quy y, mổ xẻ ngay để quán xét hoặc kiêu mạn, tâm thì bị buông lung mê muội điên đảo, điên đảo thì sinh thường cho nên phải dùng gương sanh diệt để nêu đuổi theo tưởng, đuổi theo tưởng, đuổi theo tưởng thì biết vọng đắm. Suy nghĩ sâu bốn núi thường áp bức, chẳng phải niệm niệm mà biết rõ về thân. Tám điên đảo ràng buộc, chẳng phải ngày càng mới mà không hiểu rõ về tâm, cho nên chia chẻ vắng lặng các hoặc khinh mạn. Chẳng phải dứt được ái mà mừng. Đuổi theo tưỡng nhàm chám đang vọng tưởng. Dị sinh là ở sau lưng. Chắc chắn nên vỗ về khuấy rối thành thật dạy loạn nêu ra, cho nên sanh thân không luống ở dưới hạ trần, không biết thì không luống ở thượng thú, xin đề tựa ở đây, dẫn văn chứng minh. Luận Tiểu Thừa chép: "Cung kính lấy hổ thẹn làm thể. Do đức ta mỏng thì đối với cảnh trước mặt cao quý nên cung kính. Nay trái lại không hổ thẹn, không xấu hỗ, thật đáng chê trách. Luận Đại Thừa chép: Do Tín và Trí nên kính người kia. Tín nên không có tà, trí nên khởi kính. Nên dẫn lời dạy thành thật gốc của Tín trí và hổ thẹn là gốc của cung kính. Kinh Bổn Khởi chép: "Khi mới giáng sinh Phật đi khắp mười phương, một tay chỉ trời một tay chỉ đất chép: "Thiên thượng Thiên hạ, duy ngã độc tôn" (Trên trời dưới thế chỉ có ta là tôn quý). [vì khi đó thế tục tôn trọng 96 bộ hiệu là Đại Thánh nhân Thiên sư, vì dứt tà quy chánh nên thị hiện tướng nầy. Chỉ có Phật là độc tôn, ngoài ra đều tà đạo. Đã nói là tôn nghiêm. Quy y hộ thì rộng lớn chẳng phải không có lòng thành tín kính] (Ba cõi đều là khổ không thể an vui) [chúng sanh ba cõi ba khổ xen nhau. Không tư duy nhàm chán bỏ ăn uống càng sâu. Nên lập lời nói nầy khiến họ khơi dậy nhàm chán xa lìa, có chán thân khổ khiến suy nghĩ gốc khổ. Thấy được nghiệp cảm sâu là nhân khổ. Không mất các kiến liền được giải thoát. Ngoài ra lấy khổ bỏ khổ chìm đắm lâu dài trong khổ]. Bộ kinh nầy trở thành gốc của sự quy kính. Quyết định tông của Tín làm đầu. Lý phải nương tựa gửi gắm để làm đường cao xa. Nên luận chép: Quy y là lời hồi chuyển. Do từ xưa bỏ chánh theo tà trôi nổi trong các đường chúng sanh. Nay Phật ra đời lời nói ra lời rất tôn quý, bèn hồi tâm tà kia chuyển theo chánh đạo. Ở đó mới lập pháp quy về có năm loại khác nhau. Ban đầu ở chỗ bỏ thế tục, sau ở chỗ cùng cực vào đạo, đều quy về Tam bảo cho là dấu vết của Tâm sư cũng là chỗ quy về cùng cực cho là lớn. [Nghĩa là ban đầu lấy từ cuối cùng để trừ tâm mê hoặc]. Đâu được xấc láo tình không kiêng sợ. Huống chi lại chê bai để lời nói giống thế tục, tự mình chìm đắm trong biển khổ không hẹn

ngày cứu giúp được ra khỏi. Lại thêm khiến tập quán xấu ác của thân tâm từng niệm càng tăng thêm cũng khiến cho oai nghi thất tiết từng giờ kết nghiệp. Dụ như bụi mù lấp đồ vật ở trước mắt. Bắt chuột làm bậy buộc ở ngực, có thể không răn dè ư? Có thể không răn dè ư? Lại theo Kinh Phật Kiến Bình-Sa Vương chép: "Như lai thành đạo ở núi Dà-da. Độ Ca-diếp rồi nhớ đến vua Bình Sa ngày xưa có thỉnh trước, đem đồ chúng đi đến nước ấy. Vua và sĩ chúng luôn cả Sa-môn [có chỗ nói tang môn Sa-môn nào, đều là tên gọi tốt đẹp của đạo sĩ Thiên Trúc. Con mắt thường của thế tục cũng là người tu tịnh hạnh của nước kia. Trung quốc gọi cung kính là Tịnh Chí]. Ban đầu nghe Phật đến đều đứng xa đón chưa biết lễ kính, có người lễ dưới chân mà ngồi, có người đưa tay lên hỏi thăm mà ngồi, có người xưng gọi tên họ, hoặc cung thủ, chấp tay, có người ngồi im lặng, đều nghi Ca-diếp là thầy cũ đời trước. Nay theo Phật đến, chưa biết ai là chỗ nương tựa. Ca-diếp biết muốn giải quyết các điều nghi, bèn bay lên hư không mà kính lễ dưới chân Phật. Lấy tay sờ miệng nói rằng: "Phật là Thầy con, con là đệ tử Phật, lại cầm quạt đứng ở sau để quạt cho Ngài. Đây là kinh thứ hai nói về lễ kính là điềm chánh đang nghi, trong văn không đủ. Có người nói sờ miệng kêu là ái nặng cùng cực. Không thể tự mình rồi. Xa kính ở chỗ thấp nên mới ở dưới chân. Ngoài ra xưng danh bày tường. Khiến người nghi giải quyết điều đó chẳng phải là kính đúng. Luận Trí Độ chép rằng: "Ngoại đạo là pháp khác nên đến thì tự ngồi. Người tại gia như pháp khách nên dạy họ ngồi. Tất cả xuất gia, năm chúng thân tâm thuộc về Phật, nên đứng không ngồi. Nếu La-hán đắc đạo như Xá-lợi-phất đều ngồi nghe pháp, ba quả trở xuống đều không cho ngồi, vì chỗ tu hành chưa xong giặc kiết sử chưa dứt. Đây là văn thứ ba nói vị xếp vào tướng kính. Nay có người ngồi yên trước tượng không có tâm kính nhường, có thể nói không việc thọ tội uổng hoại thân tâm. Ba quả như trên còn lập, huống chi là phàm phu ở dưới ? Tượng đứng mà ngồi càng không cung kính. So với vua, cha ngày nay có thể được ví dụ. Nên biết, nhiễu quanh đi đứng là cung kính nên thực hành. Đâu được xấc xược lễ sám mắc tội. Đây là nói thì dễ, gặp việc khó thay. Thường dốc lòng cố gắng chế ngự mới có thể sửa đổi. Nếu không như vậy thì tuy đọc tụng cũng không cứu được, hãy thường tư duy điều đó. Nên Kinh Tăng Nhất A -hàm chép: Không có tâm cung kính đối với Phật thì thường đọa vào loài rắn. Vì quá khứ từ trong đó đến. Nay còn không cung kính ngủ nhiều ngu si đây là bằng chứng tốt. Kinh Đại Bi chép: Phật ở thời quá khứ thực hành đạo Bồ-tát, thấy Tam bảo, Xá Lợi, tháp tượng, Sư tăng, cha mẹ, bậc cao niên, ban

lành, ngoại đạo, các tiên, Sa-môn, Bà-la-môn, đều nghiêng mình kính nhường. Do quả báo ấy nên từ khi thành Phật trở đi. Người và súc sinh đều nghiêng mình lễ kính Phật. Đây là văn thứ tư nói về nhân gốc của cung kính. Như Lễ Tục chép: "Đều cung kính, nghiễm nhiên suy nghĩ về từ ngữ an định, xấc xược không thể nuôi lớn, dục không thể dung túng, chí không được đầy đủ. Theo kinh luận luận nói về lập nghi cung kính, Phật bảo Tỳ-kheo: "Các ông cung kính nhau, tiếp rước thăm hỏi lấy gì làm đầu?".

Tỳ-kheo bạch Phật, mỗi vị nói lên ý chí của mình: Có vị chép: "Đại tánh quý tộc" Có vị chép: "Thần trí cao đạt". Có vị chép: "Chỗ y cứ gần gũi". Có người chép: " Đạo chứng Thánh quả". Tùy việc đều nêu lên.

Phật chép: "Lời các thầy nói đều nuôi lớn kiêu mạn, không đáng noi theo. Nên thuận theo pháp huấn truyền bá ở đời, đối với pháp luật của ta càng phải cung kính nhau, Phật pháp mới có thể truyền bá được". Nghi thức cung kính có bốn :

1. Người xuất gia không lễ thế tục.
2. Tăng không lễ Ni.
3. Người giữ giới không lễ người phạm giới.
4. Người thọ giới trước không lễ người thọ giới sau.

Ngoài ra, năm chúng còn mất là khác, đều y cứ vào hạ lạp mà thiết kính. Do đây dẫn việc xưa. Xưa có chim xuyết, di hầu, voi lớn, làm bạn với nhau sống chung trong một khu rừng, bèn bảo nhau rằng: Tiên sinh đời trước có lễ kính nên cúng dường. Thế vì sao sống chung mà không biết lễ kính.

Voi bảo: Tôi thấy cây nầy sống bằng ngang bụng chúng ta. Di hầu chép: Tôi từng ngồi xổm dưới đất tay kéo đầu cây Chim chép: Tôi ở rừng xa ăn trái cây nầy rớt xuống mà mọc lên. Tôi phải lớn nhất, tức thời voi cõng khỉ lên lưng, chim đậu trên di hầu đi vòng khắp nơi. Nhưng nói kệ rằng: "Có người kính trưởng lão là người hộ pháp được, hiện đời được tiếng khen, tương lai sinh đường lành. Bấy giờ, mọi người đều noi gương người đó, tất cả đều thực hành lễ kính. Các người có trí nhờ thí dụ mà hiểu.

Kinh chép: Cung kính đối tháp miếu, khiêm nhượng các Tỳ-kheo, xa lìa tâm tự cao, thường tư duy trí tuệ. Lại chép: Nếu có trí tuệ thì không tham đắm. Nay tham lam kiêu mạn mà khổ, theo đó thì người ngu không bằng.

Bài 2: HỘ PHÁP CỨU GIÚP THEO THỜI

(Nghĩa là hộ trì cứu giúp chúng sanh không phải Tam bảo thì không làm cho hưng thạnh)

Tự rằng : "Xét vị lập hình tượng để tiêu biểu cho sự thật thường quán theo lời dạy bảo của Thế tục xưa, đạo thường khuôn mẫu. Chỉ vì vọng tưởng tình tướng điên đảo theo thói quen cũ. Không suy nghĩ sữa đổi theo nghiệp trôi nổi đắm chìm. Cho nên Kinh nói : Làm việc lành bước lên bậc trong sạch như đất của dưa, làm việc ác như núi lỡ rơi xuống đất. Lời nói nầy ở đây. Thật là lời răn cùng cực. Lấy gì để biết ư ? Chỉ vì đứng trên núi cao vót nhìn xuống người vật. Nhà của ta bao trùm bởi kiến ái. Kiều mạn không có cái thật của nạp pháp. Kinh nói khách che đồ vật, ta có công cưu mang. Luận hiễn rõ nghĩa khói nạp. Đồ đựng ngửa ra không nghĩ không uống. Có uống phải nhổ hết gốc rễ kiều mạn. Nhà hư hoại liền trở về thái hư. Kiến ái đặt hình không địa lý, lệ rõ như. Trái với đây không phải việc làm của kẻ phàm, tình sự đều được. Trái đây là Thánh đạo lý thích biến hóa. Cho nên mê lầm nhiều kiếp. Thời Phật có những người thối tịch không biết phân lượng. Quý tục nhiều kẻ khinh thường sự sống. Đây đều là những người không biết suy nghĩ. Nên biết thân ta thuộc về duyên khác, mịt mù không biết chỗ đến. Tinh thần thuộc hoặc nghiệp, hốt nhiên không so hướng được tâm nào. Kính chép : "Mạng sống như đèn trước gió, không biết tắt lúc nào, hôm nay lại ngày mai, không biết lúc nào cái chết đến mờ mờ đi theo nghiệp duyên, không biết sanh về đường nào, đây là lời chí lý. Đậu khô không liên quan đến việc lo lắng buồn bã. Đẳng trí của mình có ba: Ta đồng với trí của trâu dê đường ma chỉ có một trâu dê khác ta, chằng phải cùng loại. Nhân đạo đạo duyên không hành vẫn đồng với loài thú. Thú đạo quả báo nặng ngu si, sâu dày chẳng phải chỗ nghe của nó. Nay đã hình có khinh máy thức tâm nêu. Nhàm chán mệt nhọc sinh ở kiếp sau. Ưa thích giải cương ở tương lai chắc chắn phải lập tượng tiêu biểu cho nghi khuynh trần nhóm mà đảnh lễ kỳ duyên dẫu lãnh. Phiền lụy mênh mông ở tâm mới, cho nên tình thức khác với trâu dê, nương trí sáng mà mở mang đạo. Thân như đá đen mượn điêu khách mài giũa mà thành đồ vật, nên không như vậy ư ? Nên không phải như vậy ư ? Chuột vào sừng mà đến chỗ cùng, lại biết chỗ nàogọi là dẫn lời mà hiển bày thật lý cùng cực ở đây. Huống chi lại năm thứ cặn đục giao nhau ngang ngược bốn núi thường ép ngặt, mà có thể an nhẫn với thời sự vẫn là tăm tối chỗ đẹp ư ? Cho nên Đại Thánh biết thời gian giáo hóa dẫn dắt. Lập chánh Tam bảo dẫn dắt kẻ ô trọc biết chỗ trở về. Khai sáng bốn ấn

để chỉ bày chỗ không lầm mà sanh mê muội, chắc chắn được trụ pháp muôn năm. Công thưởng do quy kính, tinh thần bay lên Tứ thiên, lượng thứ khoan dung năng lực truyền dương. Rộng như từ kinh xuất ra. Há lại hư cấu hay sao. Nay nói về gốc nầy trùm kẻ sơ tâm hậu tấn. Quanh co trao xứng công chẳng phải sớm lo hiền lương ở trước. Chắc chắn phải căn dặn nắm trong bàn tay, không thể phô bày được hết tướng trạng, tạm thời toan tính. Hiểu bảy chúng không mong hướng của hai thầy. Lời nói chỉ chất lộ bày ý ở chỗ tu hành tưởng có người biết. Biết cũng không hệ lụy ở bút mực, nên Phật chép: Lời ta nói không có trang sức, khiến người nhận hiểu là mục đích, dám phụ thêm dấu vết bút ký nầy. Tựa chép rằng: Nay ở Thiên nầy hiểu rõ tướng Tam bảo theo nhau hiện khởi. Tuy cơ bốn vị, một là Nhất thể, hai là duyên lý, ba là hóa tướng, bốn là trụ trì, đều có tên gọi. Ban đầu nói Nhất thế Tam bảo là "Một" là tên chẳng hai, thế nghĩa là bản thức, vì từ vô thỉ tâm thể tánh tịnh như hư không, vọng tưởng khách trần giữ mê theo nhiễm. Đến nổi theo nhau đến nay. Trải qua sự sống chết không do đâu chán hiểu. Nên kinh chép: Các pháp xưa nay tánh tướng vắng lặng, chúng sinh vọng chấp kia đây được mất, luân hồi sinh tử không được giải thoát. Kinh chép: Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Tức bản thức của ta ra khỏi ngăn che mà được tên gọi mê nên gọi là phàm, ngộ thì gọi là Thánh. Cho nên kho báu của cô gái nghèo, hạt châu trên trán của lực sĩ tánh thường thanh tịnh, có mà không sử dụng, bị hoặc nghiệp ngăn che, không nhờ đâu mà hiển bày sáng được. Như trải qua lớp bụi sâu che lấp báu vật, trôi chảy qua nhiều vị lẫn lộn, nhưng bản tánh sáng của nó trong sạch không dấu vết cho nên trước khi tu nghe sức khích lệ nầy siêng năng quán sát, ngày càng nên kiếp mới chứng được đức nầy và thành Diệu giác chuyển y pháp thân. Thân chẳng phải mới sinh, nương duyên tu hiển bày. Hậu tấn nghe đây khơi dậy cầu chí lớn. Họ đi rồi trở lại làm sao ta trụ, vâng theo tiến đức vẫn đăng vị cùng cực. Từ xưa đến nay nương theo đây không có phương tiện, đều thành Chánh giác, thoát hẳn lưới lồng, cúi xuống ứng với tâm chúng sanh, khởi lòng từ bi cảm ứng. Ta cùng Phật từ vô thuỷ thật đồng nhau. Ngài nhờ giác trước nên ra khỏi ba cõi. Chúng ta chỉ vì không ngộ nên quanh co ở hạ phàm.

Tư duy việc nầy hối hận làm sao đến được, nay nếu không tu thì đời sau làm sao căn cứ được cho nên nương theo tên phạm võng để lưới cá rồng.

(Kinh dụ nội độc như nạn rồng. Chỉ muốn tham như cá kình nuốt biển).

Vái chùa đeo mang ba thân nương vào ba việc học, ban đầu theo chân trước hết là dùng giới tông. Giới bổn có ba. Gốc của ba thân :

1. Giới Luật nghi: Nghĩa là dứt các việc ác, tức là nhân của pháp thân. (Do gốc của pháp thân tịnh ác che đậy không hiển bày. Nay tu lìa ác. Công thành đức hiện.)

2. Giới Nhiếp thiện pháp: Nghĩa là tu các việc lành, là nhân của báo thân (Báo lấy các việc lành đã thành không cao chỉ tác, nay tu hai việc thiện chỉ tác. Dụng thành duyên của báo Phật).

3. Giới Nhiếp chúng sanh: Tức từ bi tế độ có tâm công thành nhân của Hóa Phật. (Vì Hóa Phật vô tâm theo cảm liền ứng. Nay lòng đại từ cứu tế khắp ý dụng thì bằng). Đứng về Phật có ba : Theo nghĩa ba biệt cảnh chẳng phải ngoài tâm trăm thứ duyên lự đầu quy về lý thật như thế, không thể thấy cái khác. Hoặc mê đầy và thứ lớp rộng điều đó. Cho nên gốc công đức vốn chẳng phải không mở rộng giới. Đạo ban đầu thế tục, thế tục trước quy về phải trước kính thọ, theo cảnh khởi tâm đầu ba giới. Như đứng về một sinh tâm không ôm lòng ác là Nhiếp luật Nghi. Có lòng từ khởi Nhiếp pháp Thiện, đem cứu giúp lìa khổ, che chở chúng sanh. Nội duyên đã như. Ba Phật đều như. Ly hợp đợi thời không nhất định ba một. Nên Kinh chép: Nay thân nầy của ta tức là pháp thân. Đây bản từ tích. Lại chép: Nếu dùng sắc thấy ta, dùng âm thanh tìm ta, ta gọi hành tà đạo. Đây là "Tích" khác với "Bản". Nên Ma-kiệt thành đạo chiếu trên núi cao trước. Kỳ viên khai chính, hạ thừa hậu tịch. Các thuyết đầy đủ có thể dùng làm gương chung. Nên trước hiển do duyên, sau nói về tánh tướng. Muốn nói tánh thể nhân lời nói chí lý. Không phải trang sức, chẳng phải chung quy hiển thật, đem khiến thông minh tánh thể, nếu hiểu đèn tâm tỏa trên người sau, dùng văn nôm cá bước lên bờ bỏ thuyền mới được. Câu một thể ba báu, hành giả đã biết tâm tánh vốn thanh tịnh ngộ giải không tà gọi là Chánh giác. Giác tức là Phật. Tánh thanh tịnh không pháp nhiễm. Tánh thanh tịnh không trệ ngại. Nay giác ở gốc gọi là Thuỷ giác. Thật thể của bản thanh tịnh gọi là Tiên giác. An tâm như thế, luyện thân như thế. Cúi ngước cùng khắp không niệm thì chẳng khắc. Thế Tục chép: Cuồng khắc niệm thì thành Thánh, Thánh không niệm thì thành cuồng, kẻ thế tục chìm đắm kia còn nói lời nầy. Đâu chỉ xuất đạo lật ngược không đến như thế, đều không thể được.

Hỏi: Khanh phát ra lời nầy muốn y cứ vào đâu, niệm niệm đều là thức tâm, lời lời đều chẳng phải trí lược, làm sao y cứ được một nêu mà bay thành chín vạn ư ?

Đáp: Xét rằng vì Thánh đạo xa mà khó hy vọng, tâm thanh tịnh gần mà dễ cảm. Là núi có nền tảng từ một quán, là Phật khởi ở niệm đầu tiên. Nên khắc ở muôn dặm lìa bước đầu thì không bước lên, công lao của ba kiếp chẳng phải tâm ban đầu không thành tựu, cho nên biết, người tu hành khắc chân thường bước tâm nầy, khai thị không từ bên ngoài đến. Ngộ nhập thành thật nhờ bên trong khởi, khi mê nghĩa là lễ cảnh ngoại. Ngộ rồi vẫn lễ ở tự tâm. Nên kinh chép: Khi tâm tưởng Phật thì tâm là Phật. Như thế xem xét niệm sẽ phải siêng năng, chứa nhóm huân tập không thôi tự nhiên thanh tịnh.

Quên việc đây đi tìm bên ngoài phó đáng hành đạo uống uổng đem thân tâm trọn làm việc phước thế gian. Nên ngài thân tử (xá-lợi) không nghĩ đến nhiều kiếp mà ở tại chỗ thối lui.. Nan-đà chỉnh đốn lo nghĩ cả hai sớm mà nhỗ tróc thân của mình. Tiên chép: Một thể Tam bảo. Hai nói duyên lý Tam bảo Lý nghĩa là chí lý thiên chân thường trụ, còn là Tâm thể và theo nhiễm nói vô thỉ có chung, chỉ vì núi nghiệp không thể ra khỏi chướng. Nay dùng ba việc để cắt đứt mọi ràng buộc của kiết sử, hoặc nghiệp đã nghiêng tâm tánh hiển sáng. Trước sau tánh thanh tịnh vô thỉ vô chung. Do pháp thành lập, theo cảnh mà phân chia tướng, tức gọi tướng nầy là Năm phần pháp thân nghĩa là giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Ba việc học trước theo nhân mà gọi tên, nhờ giới hộ trợ kết quả nên thành pháp thân. Nên nói giới thân. Định tuệ y theo đây mà hiểu. Hai thứ sau từ quả thứ lớp thọ tên. Thân giải thoát là do tuệ khắc hoặc, hoặc không có chỗ gọi là thân giải thoát. Giải thoát tri kiến mới xuất triền phá chướng trở lại quán chiếu tâm, nên gọi là thân Tri kiến. Chỉ có bậc Thánh Ba thừa trong Phật pháp là có đủ năm phần pháp thân nầy. Có khả năng làm chỗ Đại quy y cho sáu đường. Nên luận chép: "Quy y Phật" là năm phần pháp thân của bậc Nhất Thiết trí. Quy y pháp là Diệt đế Niết -bàn, "Quy y Tăng" là các hiền Thánh Học và Vô học tất cả công đức tự thân, tha thân. Tức là chỗ tự tha hoặc diệt hoàn toàn không có, nên nói "Tận xứ". Nên kinh nói "Tất cả bậc Thánh đều do pháp vô vi mà được tên. Vô vị là tên khác của vô lậu. Do đây Tam bảo thường trụ ở thế gian không bị pháp thế gian lăng nhục khinh mạn, nên gọi là Bảo. Như ở đồi vời châu báu sanh quý trọng. Nay Tam bảo nầy là chỗ qui ngưỡng của Ba thừa, bảy chúng nên gọi là chinh quy. Nếu không chuyên tin tạp thờ tà thần, dù cho có thọ Ba quy giới cũng không được Thánh pháp. Nên kinh chép: Quy y Phật là tên thật gọi Thanh Tín Sĩ, không hề vọng quy y các thiên thần khác. Đây vì sao? Vì chân Tam bảo tánh tướng thường trụ có khả năng

làm chỗ nương cho chúng sanh. Ngoài ra Thiên đế thân tâm khổ não, hữu vi, hữu lậu không có năng lực, không thể tự cứu, không rãnh, đâu thể cứu chúng sanh được. Chỉ có xuất thế bảo có năng lực giữ gìn.

Quy y là Như bằng vương lực được không xâm hại, nay bằng chánh bảo oai thần không bờ mé. Nên khiến rồng thần thoát khỏi sự ăn nuốt của chim cánh vàng, vượt qua nạn Dạ-xoa. Năm thứ Ba quy đều quy y bảo nầy. Hoặc liền gọi là Đồng tướng Tam bảo , do lý chung ba đời, nghĩa tận mười phương. Thường trụ Tam Tam bảo nầy là chí cực. Kinh chép: Nếu người nào được nghe hai tiếng Thường trụ thì người nầy đời đời không rơi vào đường ác. Nghĩa nầy là sao ? Vì biết pháp Phật bản tánh là thường, nên tạm thời nghe hiểu huân vào bản thức tâm. Nghiệp chủng đã thành niềm tin thanh tịnh không có lỗi. Huống chi có thể lập nguyện quy y coi là khuôn phép. Cố nhiên sẽ nhiều kiếp thanh tịnh nghĩa không vùi lấp. Như kinh: có người thọ Ba quy y, giải thoát sinh tử hội ban đầu của hội Di-lặc, đây là xuât bến lành của biển khổ vào giai vị Phật pháp. Chỉ vì tội nhiều ác nặng nhẹ mà khinh mạn, dù có thọ quy y nhưng theo bày duyên vẫn mất. Chẳng nên người trí ban đầu thọ quy thì chuyên tâm duyên đây được gọi là quy y, nên cảm được thiện thần theo giúp đở. Ở trên nói về Phật xong, (pháp, tăng) duyên theo đây mà sinh như đã trình bày rộng ở trên, để khai mở linh phù. Lý Tam bảo nầy có thể sinh tướng giáo hóa. Hoằng đạo lợi sinh tội phước thông cảm. Nên Điều-đạt ra máu nghiệp thành kiếp tội. Kỳ vực ra máu nghiệp thành phước cõi trời Phạm. Vì Hóa Phật vô tâm giống như ánh lửa sáng. Nghi tượng chẳng phải là tình, thể chỉ vô ký, tội phước chiêu cảm vẫn đứng về pháp thân. Do hiểu tướng trạng pháp thân y như cũ. Vì pháp thân vốn chẳng phải hình vô lậu vô sắc. Không dùng tướng chúng sanh lấy gì nương tựa. Nên lập tượng tiêu biểu chân. Ai đi đến cõi nầy. Cho nên biết: Hóa Phật cung hủy một từ pháp thân. Không có còn mất chỉ gọi là Thường trụ, nên rất quan hệ. Ý ở chỗ chung điều đó, chỉ vì tưới dòng nước đọng tại số dựa nép vào cơ. Nên nêu ra ba pháp giới hạn ở muôn năm, cho nên ngọc ở Kim Hà Tây Kiệt, vịt trời Quan Đông. Thay thế tám, chín năm qua sáu trăm, ba gặp trừ hết cuối cùng vẫn nổi lên hiển bày có đến nổi nào. Đây là lịch số chưa có. Muôn năm về sau thiêu đốt gió không đuổi theo. Nguồn trong sạch sẽ phát giao tạ ứng kỳ. Không lập rỗng không, ở đây nói về lý bảo, là quy y chỗ Tông chỉ. Nên che lấp rõ ràng khiến tâm có kỳ lạ. Nên kinh Xuất Diệu chép: Đạo ở tại tâm bất luận trẻ già. Chỉ ở cứng rắn mới gọi là đạo mà thôi. Tín tâm để để chỗ nào đến không phê bình văn năm chứng, không làm

gương sao?

3. Nói về Hóa tướng Tam bảo. Nghĩa là Thích-ca Như lai là Phật Bảo, Diệt đế đã nói là Pháp Bảo. Trước trí khổ hết là Tăng Bảo. Đây là Hóa tướng Tam bảo hoặc gọi là Biệt tướng. Thể là vô thường bốn tướng đổi dời diệt hơn ngàn năm. Nhưng có thể đuổi xa dụng tăng thêm sự cung kính hơn. Vì trong kiếp Hiền ba Phật đã đến vô ngã thứ tư chúng sanh nương chỗ nào. Chìm đắm trong biển khổ lâu dài không con đường giải thoát. Cho nên Năng nhân (Phật) ứng kỳ xuất thế nói pháp độ người. Khai diệu môn của tám chánh, chỉ bày thẳng con đường bằng phẳng. Gần là ra khơi bùn dục của trời người, xa là chứng bến thuyền của hiền Thánh. Sắp đến cõi nầy nói bậc thềm tạm có lý do. Nói Lý Tam bảo khiến chúng sanh quy hướng, đâu chẳng phải là chân lý thường trụ ngồi quyền nương thật. Mở trói thân tâm gọi là Phật tử. Khách thọ đạo chứng lắng trong vốn tịnh. Dụ nôm cá lưới thỏ hiển bày lý huyền của tánh không. Sự nghĩa sáng sủa. Thần dụng sáng. Quần sinh nương vào của cải sinh diệt hết sạch. Đã vận động mà có thể việc đã lay trạng tuyên bố vì một số cuối cùng. Phi sắc hiện sắc tiêu biểu pháp thân không mất, không hình để lại xương, tiêu biểu cho hóa tích không tiêu mất. Cho nên nát thân để chúng sanh tin. Toàn mắt để dẫn đạo thần công. Đạo nầy đứng nghĩ ân đức chẳng cảm tạ, nên phải kính dưỡng tháp tượng, sanh khởi tín căn. Trước chuẩn bị đầy đủ tâm nầy mới biết lý do.

4. Nói về Trụ trì Tam bảo: Người có thể mở mang đạo chỗ lòng từ để lại muôn năm. Đạo mượng người hoằng, ba pháp khai mở giai vị nầy. Bèn khiến cho đời đời trồng cây hưng khởi, nơi nơi truyền bá rộng khắp. Chẳng phải mượn tăng nêu lên Phật pháp đã ẩn mất. Còn Hán Võ Đế sùng thịnh ban đầu nghe tên Phật pháp, đã dứt tăng truyền mở đầu mối cạn kiệt nầy và hiển bày Tông khai pháp xa thăm Hoa tế đều đến nổi Ca trúc đến nghi diễn truyền bá nghe giáo. Khai phục thành việc phát tín quy tâm thật giả lao nhọc giảng nói. Thành thật giúp sức tướng trạng gọi là Tăng Bảo. Danh cú đã nói tiêu biểu lý là trước Lý chẳng phải văn ngôn không do giữ lấy ngộ. Nên đứng về tên duyên nói nghe gọi là Pháp Bảo. Lý nầy xâu xa, chẳng phải bậc Thánh thì không thể biết được. Bậc Thánh tuy nói quên ảnh hình tượng lập ở đây gọi là Phật Bảo. Nhưng vì chúng sanh phước cạn giáo hóa không đến nguồn gốc. Bạc mỏng có dư của cải giống như gặp pháp sót lại Thế Tam bảo nầy là hữu vi đầy đủ lậu nhiễm. Không đủ trình bày cung kính là chỗ nương tựa của Lý Bảo, có thể tôn trọng theo nhau có ra. Như thế tục vua sai tuần

lịch góc vuông, không lấy hình trưng ra nên kính đồng loạt. Kinh chép: Như thế tục có vàng bạc là quý nhất, không vàng có thau cũng gọi là vô giá. Nên cuối cùng Tam bảo kính cũng bằng chân. Nay không gia thêm cung kính càng không có phương tôn trọng, Theo tâm chỗ nào khởi quy y, chỗ nào kỳ lạ. Nên phải hình kính kinh nghi tâm còn chân lý. Theo duyên lập nghĩa giáo hóa, cùng cực ở đây. Kinh chép: Tạo tượng nhiều (858)như lúa mè được phước vô cùng. Vì đó là vật biểu tượng cho pháp thân. Luận chép: Vàng gỗ đất đá thể nó là vô tình, lấy để tạo tượng nên người cung kính hay chê bai sẽ tự mình chịu tội hay phước. Chẳng phải không đều biểu hiện pháp thân rất khiến công dụng vô cực. Nên khiến người có tâm hành đối với linh nghi nầy đều khóc lóc hoành lưu bất giác thêm cung kính. Nhưng vì chân hình đã từ tạ chỉ thấy dấu vết sót lại. Như vào miếu Thanh tự nhiên bi túc cử mục thương cảm như không có nghi ngờ. Nay ta cũng như. Từ Tôn từ tạ đã lâu chỉ lưu lại hình tượng để dẫn dắt cờ kiêu mạn chúng ta phải cúi mình ôm chân Phật mà lễ kính. Như đối với chân nghi vì ta nói pháp. Nay không nghe do tâm không tin, lấy gì để biết ư ? Nhưng tâm dụng chỗ nghĩ ba cõi còn thành. Đâu có một nhà ngoan si bất động nầy.

Đại Luận chép: Chư Phật thường phát ra ánh sáng nói pháp chúng sinh do tội từ vô thỉ nên đối diện mà không thấy, một hình tượng đã vậy các tượng khác cũng lệ theo như thế. Cây đá núi rừng theo tướng dựng lập, dẫn dắt tâm ta con đường không vượt Thánh nghi. Lại nghĩ rằng: “Thấy tuy là sắc liễu sắc tâm sinh, ngoài tâm không trần gọi là chân quán, nói từ tâm khởi thật Duy thức có tên là Tục quán. Dần dần thêm sáng niệm niệm không dứt. Khi công đã chứa nhóm, huân tập càng thêm. Quán đạo tu nói không mê duyên giả, gọi là người nguyện ưa vị tu đạo. Nhưng nói là người tu đạo có thể tu đạo nên gọi hành giả là đạo nhân. Nay thì nghe nói ôm lòng hiềm nghi đáng thật đáng ghi chép sự thật. Ngày càng tổn gọi ở đây tự sáng, thật không răn dè hay sao ?

Bài 3: TÙY CỔ LẬP GIÁO:

(Nghĩa là có trí tối sáng. Kính có sư lý.)

Tựa rằng: “Lễ là lý, kính mà thôi. Kính chép: Cung kính tháp miếu, khiêm hạ Tỳ- kheo là đúng. Thế thì tánh liên quam đến tối sáng đẵng bước thông cục, phần nhiều quen theo danh tướng ít mang kinh xa cho nên tùy theo văn tông tập. Đạo nghe đồ truyền hội, không nề luận vọng hành chương cú. Trong thế tục còn nói : “Học mà không suy nghĩ thì mất. Suy nghĩ mà không học thì nguy. Huống chi trong Phật

pháp lý sự sâu xa kín đáo bao trùm. Nghe tức y hành đấm chìm chẳng phải một. Còn Kinh nói Tịnh độ Phật đức không bờ mé tìm âm thanh không dám dời tâm. Ái nặng không quên tâm miệng, vừa nghe cõi uế Chư Phật tình hoàn toàn không vui thích. Liền nói không đức để quy có tội chưa thế tiêu hết. Sao lại thương ghét như thế, thật không đủ để để hiểu rõ điều đó. Lại nghe Luận nói Đa bảo khác thời dẫn đọa tự nói tinh tấn quả quyết. Liền tức lễ niệm dứt duyên, dưới trược ngu hành giao cố nầy. Tánh quen tuy lâu nhưng trọn phải dần dời. Nếu không thì tâm phàm càng không thành Thánh, gồm chấp mê trước gánh vác hỗ thẹn càng nặng lấy đây nổi dõi thật chẳng phải để lại điều kỳ lạ. Cho nên biết, giáo môn phương tiện tùy cơ sâu cạn. Sâu thì hành mười sử mà không dấu vết. Cạn thì chỉ bây năm thiên mà có thanh tịnh, thanh tịnh mới hoàn toàn tùy ý muốn mà thọ sinh. Trì Phật không cùng tận bất cứ duyên nào mà minh thầm hiểu. Nó cũng giống như vầng trăng sáng trên hư không để lại ánh sáng lớn nhỏ. Sấm sét trong mây bay tiếng hỏi hiễn bày tăm tối. Nghe ở duyên trước không thể một tình đạo. Vật chỉ chứa nhóm thật khó nhanh đo chậm của nó. Theo đây mà quán mới biết , Loa kế, Thân tử nhiễm tịnh đều giấu kín tâm mình. Nhẫn độ an vui dơ sạch lẫn nhau trình bày sơ lược của nó. Nên văn hỏi : “Tịnh Độ không chê bai mà thấy nhiều thiêu sạch hết, tức là chứng. Di -đà tạp uế lại thị hiện ở cõi nầy, mà dẫn chung hay sao ? Đâu không biết. Sáu thứ rung chuyển phát đêm tăm tối cho người mới học. Ba luân thị hiện đêm sáng của chúng san, không thiết lập suông Kinh nói : “Ta từ khi thành Phật đến nay, các thứ nhân duyên, các thứ thí dụ nói rộng ngôn giáo. Vô số phương tiện dẫn dắt chúng sanh khiến lìa các sự chấp trước là bệnh vốn tùy theo lời nói mà giấu diếm. Nghe Tịnh chấp tịnh, nghe nhiễm chấp nhiễm. Luận chép: Như con ruồi không chỗ nào mà nó không đậu, chỉ có ngọn lửa lớn là không đậu mà thôi chúng sinh cũng giống như. Đối với pháp Thiện bất thiện đều chấp trước, chỉ không chấp trước tánh không. Cho nên Phật nói y tri bất y thức (trong bốn y). Nếu nhục nhãn thấy nghe như trâu dê chẳng khác. Chánh giáo như thế làm sao đắc trí mê cố nhiên phải lấp năm lỗi ở chỗ chưa đúng. Bốn y của Tổ mà thực hành thì lời nói cùng cực. Lại muốn cái gì ư ? E việc tốt phải bẩm thọ giáo lượng. Cho nên xuất ra một hai dụng hoằng đạo ấy. Đạo quý ở thanh thông. Nghĩa chẳng lấp kiết sử, nhưng phải biết phân chia để tự mình suy lường mài giũa, không dung chứa giả mạo rỗng không, tự cho là siêu việt. Sinh báo mịt mờ thục thức càng nguy hiểm có người nầy tự chìm vào biển khổ. Ai cứu vớt. Nay đứng về hai duyên lập nghi

biểu hành. Vào đạo nhiều môn chẳng gì hơn sự lý. Lý là đạo lý thông đến hoài bảo xa của tâm Thánh. Sự là việc hạn cuộc đứng về kéo dài độ của phàm tình. Thánh chẳng phải tự Thánh. Cuối cùng nhờ sự dẫn dắt mà dần sáng. Phàm chẳng phải định, phàm cũng nhờ khai mở mà đạt hiểu biết, cho nên biết. Ngu trí, sâu cạn giai vị hiền khách do xa gần của hạnh giải, rất khác nhau của lợi độn. Nên luận chép: trí Vô phân biệt tức là Bồ- tát. Bồ-tát tức trí vô phân biệt. Bồ-tát đứng về vị tạm xếp khoảng năm mươi giai vị. Nên biết: trí Vô phân biệt niệm niệm lợi độn. Lời nầy có tôn chỉ khiến kẻ độn căn y theo sự dẫn đến sự vui mừng của phương sĩ. Hãy dùng an thân thân an và đường sau. Người lợi hành lý khắc chánh niệm, nhưng tánh không trơn tru linh hoạt dùng để làm cho tâm trong sáng. Tâm không trong sáng mờ ra khỏi "có". Nhưng lợi độn đẳng cấp ngàn sai tối sáng. Sự hiểu biết mỏng manh nêu sự khống chế hiểu biết của tinh thần. Nên trải qua các bài thông hiểu sự nhất trí nầy, thì người mang không mê muội đối với lý do thẳng tắt. Hành giả không trệ vào chỗ cất bước chân.

Bài 4. NƯƠNG TÂM HÀNH SỰ

(Nghĩa là Thức tâm mê mờ điên đảo ba độc thường ràng buộc).

Tựa chép: "Trên đã hiển bày cơ duyên của nó, tâm hạnh đầy đủ, biết sự giao thoa của chân tục. Soi xét hiện nguyên do tướng của sự. Văn nói về kinh do Tổ tập. Nghĩa rõ ràng lý thống suốt đến phụ thêm tướng hành sự. Nên học tập khó nghiên. Ba hiền còn nhiễm trần. Bốn quả còn mê tông chỉ nầy. Cho nên Ca-diếp múa, Xá-lợi sân si, Nan-đà ở thích luyện sắc Lăng-già khởi tướng kiêu mạn. Đây đều là kiết sử chánh tuy hết nhưng các tập khí vẫn còn, còn tăng thêm phiền não đối với sáu trần. Tự giềng mối tệ hại ở ba thọ. Huống chi là hạ phàm phiền hoặc tập khí huân tập từ vô thuỷ. Đời nay hạt giống đạo đang bàn luận tài giỏi mà không nhẫn. Vì tối tăm ô trọc nầy mà sống uổng chết uổng. Thật đáng tiếc thay! Bởi giới gọi là Nhẫn độ. Kính chép: Gượng biết niệm lực. Nghĩa là phải dùng chánh tín và roi sau, dùng sự hiểu biết đúng để dẫn đạo trước, hiểu thì thấy được lý sáng sủa, cầu tà đảo thì khó được.[Tục chép: Phàm là kẻ có chí thì miệng sẽ nói, tâm phát thệ nguyện. Chỗ người tu hành không thể thực hành gọi là nhân nghĩa. Cắt đứt các người không thể cắt đứt gọi là tình dục. Nhẫn cái người không thể nhẫn gọi là khổ lạc. Kẻ đó tâm bị chìm đắm trong thế tục không có pháp lóng trong còn đến được chỗ nầy. Huống chi nói đạo là chánh giáo, mắt mở to cũng không thể thực hành điều đó. Lúc sắp chết mới

hối hận thì tự mình đã chọn lấy sự chìm đắm rồi.

Tin thì biết thật. Nghĩa mong biết dừng lười biếng sa đọa dễ mất. Tinh thần ngơi nghĩ như thể được gọi là nương tâm hành sự. Nghiêm chỉnh lo nghĩ như thế được gọi là không có đĩa đeo cây lúa. Đâu có ăn của người vào bụng mà nghiệp ràng buộc không biết. Mặc áo của người che thân mà làm việc ngu muội, thật không thể được. Nếu xét tâm trần khiến tánh biết hoàn toàn không. Biết thì không tà thường phải biết kiệm ước. Nếu mặc tình buông lung thì không hẹn ngày giải thoát. Nên kinh dụ giác ngộ kẻ giặc rằng: Chỉ dạy chế ngự tâm, chế định tâm lại một chỗ thì không việc gì không làm xong. Đâu có hệ lụy rỗng không ư ? Phiền não hạ phàm nhỏ nhiệm khó biết. Thô mà dể giác đừng qua ba độc, tai họa của độc cho mình và người thật đáng chán. Một khi tham sân phát ra thì gây tạo nghiệp ba đường.

Si mạn làm gốc nên tăng thêm kiết sử nhớ uế, vì thế người tu hành tùy theo có gây ra nghiệp gì thế trước phải chấp ngự dự biết nặng nhẹ. Nay đứng về nghi lễ kính có đủ hình dung lỗi lầm. Nếu có thất niệm thọ biết sửa đổi. Vả lại tự mình biết lỗi liền sám hối mong trở lại thanh tịnh. Mê mờ nhậm tánh thấm nhuần hạt giống họ Thích. Cho nên ngước nhìn tôn dung tham bái, than thở cầu Chư Phật hộ niệm. Sợ nghiệp ác lôi kéo. Trước con dê đực lại đồng Nan-đà vui vẻ dâng phụng. Tuy là thiện khởi lên cuối cùng quy về tạp độc, đó gọi là nhờ phước khởi tội một. Có người khoe mình cao, tự đưa mình lên ganh ghét với danh vọng của người. Cần khổ thân tâm sân hận lăng nhục chúng sanh. Ngoài tuy nghĩ ngơi, bên trong thật như ngực nhảy vọt. Hoặc xếp nhau theo thời vị. Lễ yết kiến liếc mắt đồng đi vọng sinh chê bai quái lạ. Câu "Thấy có tiếp thinh thừa bái", ý nói người đó như các cõi lên xuống, "Thấy có uy dung tế hạnh". Ý nói người đó làm việc dối trá. "Thấy có người run rẩy dưới đất". Nói người đó rất không có gân cốt. "Thấy có âm thanh trong đục: ý nói người đó không sinh thiện, như chúng nầy. Thông thảy kết thu. Lưới nghiệp câu thúc quả báo tăng thêm quỉ ghi chép. Có người giày cao quần dài chọn lấy trong sáng. Văn chương theo dệt ánh sáng rồng phụng. Hoặc mài giũa đẽo gọt xương thịt trang sức diện môn. Trên điện cao cất tiếng, chỗ thanh tĩnh mà vang lớn ôi ! chữ Sơn ở trên vai như dáng mây bay. Ở khủy tay hông rộng hình dáng như chim bằng bay dẫn đường. Oai linh tăng trưởng xây dựng bạn bè kiêu mạn. Bỗng chợt thêm ngu si khắp nơi lộ ra sự vụng về. Như thế đều đi, gọi là si độc. Nên luận chép: Ba lần ba hợp lại thành chín thứ [Nghĩa là Thân miệng ý. Ba căn nầy có công năng khởi nghiệp. Tự làm, dạy người làm, thấy người

làm vui theo.Ba việc nầy có thể thành nghiệp. Hiện báo, sinh báo, hậu báo,ba thứ nầy gọi là nghiệp quả. Theo ba phiền não mà khởi [Từ ba độc khởi thọ ba đường ác. Theo ba thiện khởi thọ trời người. Rộng như trên đã giải thích]. Dùng văn nầy để chứng minh. Cho nên biết khởi nghiệp phải do độc sinh, thường phải quán độ phương thức tướng độc. Nên khiến Người làm phước mà nhiều tội. Trở lại chịu nhân ác, đường ác tạp thọ. Nên Luận Đại Trượng Phu chép: Tu hành đại bố thí cấp tánh nhiều sân nộ. Không chỉ chánh ức niệm sau làm rộng sức mạnh lớn. Tu thì lăng mạ người, sau sinh bài chim cánh vàng. Thí vốn xả bỏ tâm keo kiệt nên cảm được tài báo. Sân tâm hành sự vẫn gây độc hại. Nên thọ thân rồng. Nhận thấy xúc chạm tổn thương bằng ba thứ hại vật đều do tâm sân sinh ra. Huống chi nay làm việc cung kính vốn dứt kiêu mạn. Càng thêm kiêu mạn đọa, đã là nghiệp khoa, lại khởi tham sân chiêu cảm khổ báo. Lại như thọ hình lùn xấu do chê hiền thấp cao. Tiếng trú quân mã do hưng linh cúng. Tội phước tạp thọ tướng lăng xăng, lược dẫn vài điều biết để thực hành. Ngày xưa vào thời Nguyên Ngụy, Tam tạng Lặc-na thấy sự cung kính cúng dường nầy. Siêng năng và lười biếng không rõ ràng liền rút ra bảy cách lễ Phật pháp văn rất rườm ra rõ ràng rộng như nói ở sau. Nhưng nghiệp gây ra lấy ba tánh làm tông. Một cúi, một ngước chẳng phải tâm không đến, tâm phải y theo duyên duyên chung ở ngoài. Không khởi thì thôi, khởi thì phải tánh thu. Hai tánh tác thiện ác nghiệp cảm sinh. Duyên vô ký phần nhiều quy về giống si. Giống tuy vô ký cũng có thiện ác. Mộng nghiệp thọ sinh như luận dẫn đủ. Cho nên biết, xả thọ tối tăm khó làm tĩnh quyết. Nên phải ngay sự mà trù tính lý, hẳn không rơi vùi lấy mắt trong, trong sạch.

Bài 5: GÁ DUYÊN CHÂN TỤC

(Nghĩa là thân tâm thực hành công phu còn chân tục. Trước tuy nói sự lý cũng xếp vào chân tục. Nhưng kia y cứ ở sơ tâm. Đây là đang giữ thực hành cuối cùng).

Tựa chép: Chân đế và Tục đế nguyên do còn như vậy, không do công dụng nhậm vận hiện tiền. Nên Luận chép: Chư Phật nói pháp thường y theo hai đế. Nay thực hành cung kính cũng y theo lời bậc Thánh, không phải vô căn cứ. Nhưng phải hiểu rõ lý do của hai đế. Nên luận chép: Biết trần không thật có thì thông đạt chân. Biết chỉ có thức thì thông đạt tục. Nếu không đạt tục thì không lấy gì thông chân. Nếu không đạt chân thì lấy gì khiển tục vì tục không có tự thể riêng. Chánh luận thành quán, khiến người thọ hành. Do chân tục tu lại không có liên

quan bờ bến, mê tưởng kiến thì đường sinh ngày càng thêm. Ngộ thân tâm thì khuôn mẫu cao dần khởi. Đâu không lãy hình ràng buộc quả báo không thể tiêu nhanh được. Nghĩa là tùy theo tục, tâm được nói bàn vạch ra không biết của nó. Nghĩa thông với chân. Trong lời nói dễ thanh tịnh, chân lý có thể dụng tâm cầu, y cứ theo hành khó nói thói quen huân tập từ vô thuỷ cho nên như. Cho nên biết, tâm mê hoặc miên viễn tuy quán mà tập khởi lăng xăng. Thân tướng hiển bày sự khúc chiết mà liền nghiêng về cao mạn. Mạn là chỗ hổ thẹn của thế tục. Thấp hèn thối lui có hiểu biết đồng tôn. Đã bị đạo tục chê bai, phải tu pháp quán nhàm chán chiết tỏa bẻ gãy, thêm công bốc lột tước đoạt mới nghiêm xét tình căn cho nên Đại Thánh có lời dạy bảo. Pháp dụ quy về dừng ở lời răn dạy y cứ theo thân tâm không men theo ham muốn, lỗi lầm hoặc cái bình vẽ hình so sánh thành bên cạnh hoặc chén vẽ thành nghĩ nguy nên có sắp băng rã hư mục, nhà lửa ba cõi hằng nhiên ẩn nấp nên không tụ năm đao thường đuổi theo. Sông giếng dẫn dụ, hình khí bị ép ngặt từng sát- na, chợ mỗ giết trâu dê cắt đứt tánh mạng trong từng giờ phút, nghĩa nên lãnh giám sát nầy nêu sức khuyên chuyên chính. Cắt lược khóa trình thời khóa phú nghiệp, chấp tay cánh quỳ lẫm liệt như đến chỗ sâu, rất khâm phục ngước lên dừng sợ giống như nương băng mỏng, chắc chắn chỉ có hình tụ chỉ thấy đám bụi. Mở mắt ra đều là linh tượng, lý phải than ôi nuốt nước mắt thương xót sự đắm chìm của ta. Dung nhan bậc Thánh đã từ tạ lâu rồi chỉ thừa hưởng dấu vết còn lại. Lỗi do ta sinh làm sao không buồn thảm. Còn có chút thiện trạch báo ở con người. Còn dặn dò để lại trần thân tôn bóng tháp. Thoát sinh đường khác đối mắt không biết. Giống như nay ta không thấy Phật thật. Do đây buồn vui xa nhau hoài bão không cho phép được biếng lười. Cho nên chuyên đặt trí nghiêm chỉnh đón đêm chết như sống. Cho nên thường trình bày lại. Ý giữ chỗ thường chế định. Nay nói chân tục do hành kính tướng sự lý. Vì thói quen phàm phu gá duyên, nương con thuyền tâm cứu giúp. Thân được tắm gội liền trong sạch, đó là phải trang nghiêm đạo tràng vị trí tôn tượng. Đây là con đường chánh khai mở tinh thần sáng suốt, cũng là bến sáng chung với Thánh đạo. Ban đầu nêu phương độ của ba thân [Phổ Hiền quán chép: Pháp thân Tỳ-lô-giá-na biến nhất thất xứ. Trụ xứ của đức Phật đó gọi là Thường Tịch Quang. Còn thân ứng hóa dùng để nêu lên]. Kế đến nói lên ánh sáng hóa của mười Đức Phật [Như Long Thọ trong luận Thập Trụ kể đủ các tướng trạng Thiện đức].

Xưng dương số lương tướng đều có giới nghi, sám hối khuyến thỉnh phân biệt rõ ràng vị trí [cũng như luận đó hiểu được trừ tội kia

phương pháp rất sáng, luận đã nói rộng như]. Đây đều tánh tuyệt sắc tâm hình chẳng phải thức có. Cho nên kinh chép: Nếu dùng sắc, thanh thấy cầu gọi là hành tà đạo, nhưng vì từ vô thuỷ điên đảo, hễ theo tình thì vọng chấp. Đứng về tướng còn mê tà chánh, đâu thể mau được thấy nghe. Cho nên Đại Thánh quán căn cơ chưa được buông lời nói. Phương tiện nói dụng phước nghiệp tiếp tâm ngu. Nên nêu tướng cao siêu, phát động trước sau của tâm mê. Hãy nhiếp tà tâm khiến theo chánh pháp, tạm lóng trong tâm tánh đã lâu chuyển thành sáng. Mới chỉ bày chẳng phải chân khiến thực hành lý quán. Theo đây mà tu xả, thật là biết cơ. Nếu kẻ hạ ngu kia chưa nghe chân đạo, tức là giáo hóa nói sắc thanh chẳng phải chân. Con đường tâm mênh mông đâu biết gửi chỗ nào. Phước nghiệp không hành đạo tâm không dính dáng. Bèn bỏ cả hai dòng tội nhiều chỗ. Nhờ phương tiện nầy dẫn dắt ra khỏi ba cõi. Nên chỉ bày thế giới Cực Lạc Tây phương, khiến tâm chú ý không được chuyển dời. Nhưng hạng hạ ngu nầy sa rớt vào tham lam khó nhỗ sạch. Dù có tưởng tượng nhưng biết lúc nào thông ngộ. Nên tu hành việc phước tạm dần dần thực hành lý quán. Thân vốn ngang bướng, si mê không thể cột giữ. Tâm là nhân đạo theo duyên liền ngộ. Nghĩa là hình nghi nầy vốn chỉ thức có. Mê ở thói quen nầy vọng thấy ngã nhân. Nên phải nêu ra nghiên cứu khiến thực hành kính dưỡng. Nay thấy thân mình cúi ngước trên dưới chỉ có trần sinh diệt qua lại co duỗi. Đây là tùy theo thế tục. Quán lại thân nầy chỉ là trần chẳng phải Ngã. Vọng cho là: Tôi có thể hành kính. Y cứ theo lý nầy có thể thông chân, chân vốn chẳng phải tâm, nay tùy theo tâm khởi, gọi là theo tục. Biết chân chẳng phải Tâm gọi là đạo chân. Như thế niệm niệm lấy sau đoạt trước, dần dần thêm sáng lâu và lanh lợi. Nếu tùy theo thói quen cũ, bỗng đây không tu, vẫn đồng trôi lăn sinh tử từ vô thuỷ. Cho nên khuyến theo niệm nhớ nghĩ. Nỗi mỗi khoa trình khiến cho được thăng tiến, cho nên đạo Thánh phàm từ xưa truyền nhau. Phàm không nhất định là phàm. Nên có dấu vết trái dòng về gốc. Thánh chẳng phải tự là Thánh cuối cùng nhờ công phu tiệm ngộ quán đạt, vì vậy phàm có thể thành Thánh. Dùng Phật tánh làm tông nguyên. Thánh không bị phàm lấy ngộ giải làm chỗ quy kính. Cho nên biết việc hành lý sự tạm cách thân và tâm. Đến chỗ động dụng chân tục đều quán cho nên tùy chỗ cất bước của mình cuối cùng đứng về hai duyên. Biết không hiển bày chân tri thức là Tục. Hạt giống từ duyên khởi có thềm bậc. Nếu hai phần thân tâm, hai đường chân tục. Ba đảo thường hành sửa đổi, phàm ngày nào có tâm người lộ vẻ sợ hải tình không y theo. Nghe tôi và Bột Nhĩ nói, họ vỗ tay cười to: “Nói đâu dễ

dàng, hoàn toàn trống rỗng. Than ôi ! Không học có liên quan đến lời nói, tôi nghe nói chân tục đều phải quán đến lên vị Thập Trụ mới tu".

"Thế nào là kẻ hạ phàm lấn chiếm bậc thượng Thánh?" Lý nghĩa không thể sửa gấp điều đó. Tôi nói không thể sửa đổi, phát tâm rốt ráo trước sau bằng nhau. Duy thức bốn vị phàm Thánh thông học. Nay ở phàm không học thì đâu mong gì có Thánh. Cho nên khi cất bước chân phải tu. Tu sáng tự nhiên lên vị Thánh. Nên biết, người tu đạo hạnh thường quán chánh lý. Không được chấp văn mà trái với nghĩa thật. Nên Bốn y để xem xét các lỗi niệm, niệm nương theo. Nên phải y trí không y thức. "Thức" là tập khí của thế tục. "Trí" là phương tiện của đạo. Thánh lập chánh nghi không cho xen lạm. Văn nói Thượng địa dùng căn cứ thềm bậc duyên che lấp được hai thứ đó thì cùng quy về Diệu giác. Nên Kinh chép: "Thường ở trong Tam-muội thấy các cõi Phật không dùng hai tướng". Văn nầy có thể y theo đó, nếu còn chấp chưa mở được thì phải dẫn rộng thêm. Kinh Luận chép: Địa hành vị khác đường.

Sơ địa là: Thí tịnh. Nhị địa là: Giới tịnh, đâu phải trải qua một A-tăng- kỳ mới hành thế giới. Đây cũng là biểu thị cho sự sâu cạn của địa vị. Mở ra thềm bậc của hành tướng, khiến cho người có tích cạn cợt có thể kỳ hẹn nơi tu đến. Như nói muôn hạnh đồng tu mới diễn đồng tiến. Đường tâm mịt mờ không biết đầu mối, nên có giáo tích khác nhau. Nếu dùng một có thể xâu toàn thể, thì hãy quán mặt trời mặt trăng.

Bài 6. DẪN GIÁO NÊU VIỆC

(Giáo là Thánh giáo. Sự tức là lễ kính. Nên dẫn bốn y để chứng minh ba việc lành).

Tựa chép: Có người chép: Trên nêu cơ duyên, lý của văn đầy đủ. Nên biết: Tin là nguồn gốc của đạo, là mẹ sanh ra các công đức. Trí là nhân giải thoát xuất thế, chỉ vì khi căn cơ chậm lụt thì niềm tin vững chắc khó thấm nhuần đầy đủ. Hạnh cạn đức kém, thì trí chánh dễ đổi thành mê. Vì sao không biết Đại Thánh lập giáo có sự lý mà muốn thống nhiếp căn cơ Đại, Tiểu. Mê thì giáo hóa năm thừa, ngộ thì ở một con đường. Kế mông muội lại mê hoặc thì chưa thể dùng lý nầy để Dụ được.

Đáp rằng: Kinh giáo dẫn tâm ý còn mang vẽ xa xôi còn nếu chọn đại khái thì chưa thể chuyên dùng văn tự được. Nên Kinh chép: Tuy tụng ngàn chương nhưng không hiểu nghĩa thì làm sao được lợi ích ? cho nên biết, rất có lý do soi chiếu. Vì sao chưa quên được ngón tay của mình Trí là ngón tay. Được trăng thì hãy quên ngón tay đi. Thế tục

thường ví von "Được ý quên lời", há ý đạo môn còn hành trong vướng mắc, cho nên bốn quả Thánh, Tín trở thành khởi hành ở hạ phàm, ở hạ phàm không hành Thánh, Tín thì không do đâu mà được. Nghĩa thật như thế, tức phải từng niệm nêu ra trách nhiệm, từng bước đầy đủ sợi dây do tự mê vọng tùng sinh. Đâu giống như hoàn toàn không suy nghĩ lựa chọn. Nếu không suy nghĩ lựa chọn thì chẳng phải là người hành đạo. cho nên kinh chép: "Tuy tụng ngàn nghĩa mà không thực hành thì đâu có lợ ích gì".Văn khéo chứng minh. Nay lập chánh nghi thực hành cung kính, cần phải có Tông giáo nầy. Giáo có quyền, thật khác nhau, thực hành cũng có sáng tối khác nhau. Trước phải lập chung bản của kinh, rồi mới phụ bản hưng hoại được. Kinh chép: Bốn y phân biệt ở ba vị, đủ làm gương sáng cho đời sau. Tin là Tông sư của hạnh. Đại Thánh chép: Cuối cùng không uổng công thiết lập, y theo giáo hành sự cuối cùng chánh không tà.

Nhân tứ y, nghĩa là ban đầu từ Hiền đến cực Thánh. Người có tư cách vộ lậu pháp thể tánh không. Theo đây, nương lý thì không có tà đảo. Nhưng vì không có tướng tốt, Phật còn mê hoặc hình ma, huống chi có thức phàm phu có khả năng không bị loạn. Cho nên lập pháp y hiển thành khuôn phép nhất định.

1. Y pháp bất y nhân: Con người chỉ có tình có pháp là phép tắc, tánh không chánh lý, thể lìa đều phi vọng. Tức dùng pháp nầy làm pháp chánh để y theo. Niết bàn cực giáo chứa đầy dấu vết nầy. Nay thực hành việc đó là tùy theo tình vọng. Phần nhiều bỏ pháp y theo người. Khởi lên thì rất trái sót gửi gắm lại chìm đắm thân tâm. Nếu trái lại với tâm thế tục kia, nương theo Thánh lượng tâm an ổn làm việc biết chẳng phải tánh không, hành trí tâm nầy cho là đường đạo. Một phần biết chẳng phải nói thuận lý không. Một phần quán sự nhàm chán nói trái với việc có. Phần an tâm như thế gọi là tu đến pháp tánh chân đạo.

2. Y nghĩa bất y ngữ: Nói là ngôn thuyết, dừng lại là giăng phương tiện. Nghĩa là con đường đạt lý hóa vật. Chứng giải về sau dứt hết lo nghĩ buông bỏ ngôn ngữ. Pháp còn phải bỏ huống chi phi pháp. Nên Kinh có dụ Xả Phiệt. Người ôm ấp nhiều nói năng chẳng lẽ không dùng lời nói giải thích ý tiêu biểu cho được ý quên lời. Dụ ngón tay chỉ mặt trăng chẳng nên không hiểu. Nay cho rằng được nghĩa, người thật hành đạo thường quán thường phá. Thường quán theo lời nói, thường phá theo nghĩa. Nghĩa là nói tùy nghĩa còn là lời tụng. Nhưng từ vô thỉ vọng tập chấp cái thấy bền bỉ. Chỉ có lui về thanh tịnh nghiên cứu rõ ràng mới biết lỗi nầy. Không như vậy mà cứ rong ruổi đuổi theo tiếng không

kịp, lại hãy tư duy.

3. Y trí bất y thức: Thức là hiện hành theo trần thấy từng phần: Mắt thấy sắc, tai nghe tiếng đam mê không biết, đồng với trâu dê. Đồng với tà phàm cùng đi, Đại Thánh chỉ dạy cảnh là tự tâm. Hạ ngu liền chấp trần thức bên ngoài, cho nên hóa đạo không do đâu xả bỏ được điều đó. Cho nên biết, rơi trở về phàm thức, điên đảo tâm Thánh, Ngu mê lý lịch thường rơi vào ba đảo. Mạnh mẽ khích lệ đặc biệt đạt được niệm động liền biết. Biết đảo khó trong gọi là y thức. Biết dòng phải trở lại gọi là Tùy phần trí, như thế gia công dần tăng thêm rất sáng. Sau thấy trần cảnh biết chẳng phải từ ngoài đến. Cảnh chẳng phải ngoài tâm là tướng của tự tâm. Đâu có ngu mê sinh thương ghét suy nghĩ chọn lựa đã không hiểu khác trâu dê, có người hỏi rằng: Ông lập luận nầy nói trí khác ngu, thế nào là đạt quán còn gọi là phàm thức?

Đáp: Thánh trí không bờ, chứa nhóm không để hiển bày đức. Đâu chỉ một trình bày tức nghĩa là thanh thăng. Đây chỉ được Ngữ còn tùy ngôn lại chấp. Rất biết. Sự chấp nầy được huân tập từ vô thỉ. Ba A-tăng-kỳ không đứt quãng mới có thể khuynh tận. Sửa có lẫn máu không thể nói thiên lệch. Tướng khởi phục ở tại đó. Như Kinh sơ địa thực hành bố thí. Ngoài ra Tùy phần tu. Cao quỷ lập nghi khiến người tu học, lời nào hoàn toàn giải thăng có thể cùng, trí phải cùng tận. Chưa nói cao hơn. Người ngày nay miệng tụng không nhưng tâm chưa quên có. Bay lên hư không không khởi vào lửa càng khó. Đều là tâm tướng phong mê cho nên như. Sau được thông đạt tâm tùy chuyển dụng, há chẳng giống chim bay trên hư không tự phải như lửa giặt vải, không đủ lạ cho nên kẻ tu đạo chánh từng niệm phán tâm, xả trước rõ sau mới mới càng diệu, một cúi một ngước cung kính tôn trọng, đứng thẳng chấp tay thu nhiếp biếng nhác, từng phần tăng thêm sáng nhưng còn tập khí tội lỗi, làm sao chấp vĩnh viễn một lần quán liền ngưng. Đây là phàm ôm lòng vâng thừa đảo ngã. Nhân ngã của ta noi theo nguyên do nào thấy giác. Cho nên phải trù tính phần nầy hẹn có lúc ra khỏi. Còn chấp thấy ra còn mang hạt giống ái. Nhiều năm suy nghĩ tước bỏ khí vị thuần sâu, lại nêu ra vị nầy còn do tự khởi. Biết Duy Thức có ngày nào tiêu vong, tại phàm đạo hành vực tâm ngang bằng với đây. Càng có thắng đạo chẳng trở lại lời nói. Lời nói đã không còn giữ giúp cho bút mực một con đường nầy. Lập lại chỉ có bút mực thật là tướng của tâm. Như trước mở trách nhiệm đều là đạo duyên, đều ủy cho đăng cơ vào trận giao quyết, [Như trong luận, một là dục quân. Hai là ưu sầu. Ba là Sân giận. Rộng như đường thường đã dẫn] chỉ rút ra trong Thánh đạo từ vô thỉ chưa có kinh, nay

muốn cải cách lý phàm thay đổi tập khí thường hằng. Tự đấn đo hình phục đều chẳng phải là thế tục. Làm sao tưởng quán hoàn toàn trái với đạo. Thật là đáng cười.

4. Y liễu nghĩa kinh, không y bất liễu nghĩa kinh: Hai loại kinh nầy đều là Thánh ngôn lượng. Phàm người vào đạo trước hết noi theo để hiểu điều đó, thì không trì trệ không thông suốt, có nghi đều giải quyết. Nhưng vì chúng sanh tánh thức sâu cạn, lợi độn khác nhau, đến đổi khiến cho Đại Thánh tùy tình mà nói riêng. Nhưng y cứ chí đạo chỉ là tự tâm. Nên kinh chép: Ba cõi trên dưới pháp ngã nói chỉ là tâm. Đây là từ thế giới y báu nói về tâm. Lại chép: Như như cùng chân tế Niết bàn và pháp giới. Các thứ ý sinh thân Phật nói Duy tâm lượng. Đây là y cứ pháp xuất thế thể để nói tâm. Cuối cùng đến thật rốt ráo nguồn nầy. Theo dòng đến cảm được trở về tông liểu nghĩa. Nên Phật dùng pháp y cứ định quyền cơ, vì sao biết như? Hãy như muốn có loạn thiện [Lễ Phật, tụng kinh, quán tưởng, niệm Phật đều là thiện của thế tục, không thể ra khỏi ba cõi] Thể trói buộc hạ giới. Trong kinh có thuyết là nghiệp Bất động. Nhưng nhân của nghiệp nầy loạn quả định, che sự tu chứng đó thành báo tương tự, sinh vào cõi lành việc cõi nước thanh tịnh. Cuối cùng chẳng phải sự nghiệp có được ở quả Phật. Nhân sau nghiệp trước lại càng sáng hơn. Trí thanh tịnh lóng trong mới toại nguyện trước, nên Luận chép: Nếu có người tụng trì danh hiệu Phật Đa bảo, được sinh Tịnh độ thì thời khác xa ý. Hãy y cứ vào một phương tiện tự chia ra Thô tế. Phước đạo xen nhau thuần tạp cô đầy đủ. Sợ người mới nghe có nhiều phiền muộn tăm tối, hãy chải chuốt văn. Ngoài ra như phàm Thánh hành pháp thứ lớp giải rộng. Một thiên nầy phân định tà chánh, không hiểu không hành thì chẳng được nói lại. Thực hành tứ y là: Trong luật tự nói hành giả Ba thừa, thông chỗ giúp sử dụng. Cái gọi là Nạp y khất thực, ngũ dưới gốc cây, trần dược (thuốc hũ lạn) đều có khai chế, như thường truyền chung. Ngoài ra có bốn thứ mặc ấn, bốn thứ nói rộng như đã hiển bày riêng, nên không ghi chép đầy đủ.

Bài 7. KHOA TIẾT Y CỨ THEO THỜI

(Nghĩa là sáu thời lễ kính. Ba nghiệp siêng năng).

Lời tựa chép: Xét kẻ vì việc học, chẳng lúc nào không thực hành. Cố nhiên được từng niệm sách tấn tâm, thường đổi mới tập khởi. Đâu được trước niệm, sau ác, bèn khắc khổ mà thanh tịnh trần. Niệm sau xâm lấn thiện liền buông lòng biếng nhác. Cho nên luận khen bốn tu [Nghĩa là lâu dài không gián đoạn cung kính không khác]. Kinh khen

một lo (Nghĩa là đi đứng thực tức thường nhất tâm như vậy]. Rồi sau mới có thể chánh tưởng sửa đổi dứt hết phàm loại. Nhưng vì điên đảo vọng tưởng, giọt nước mắt bay lên khó nắm bắt. Giáo gọi là dã lộc lại bằng với viên châu, không được nêu ra đối trị cũng không do đâu đối đãi. Việc cần phải thương lượng, chia ra thứ lớp dùng pháp để trù tính điều đó. Cho nên Luận chép: Bồ-tát ngày đêm sáu thời lễ niệm Chư Phật, khiến cho kẻ tông văn tôn sùng giáo nầy. Bèn chia thành sáu để thanh tịnh ba nghiệp. Thời khác xả bỏ buông lung và nguyên do của tập khí : Đây tức là phước cạn tội sâu, không do đâu nhổ gốc khổ. Còn lý đều không đúng, tình cũng không được. Vì sao biết? Xét rằng khi lấy sáu thời. Luôn tiếp tục nghi. Loại tám quan trai đồng với năm giới. Ngôn ngữ tuy có số lượng, sự nghĩa vô cùng theo đây để luận. Nên biết, lựa chọn ngày phân thời có thể lệ theo. Kinh chép: Các ông ban ngày thì tâm siêng năng tu tập. Khi pháp lành không mất. Đầu hôm, gần sáng cũng đừng phế bỏ [Đây nghĩa là ngày đêm nhất tâm thường hành đạo quán, xem xét thân tâm không người không pháp).

Nửa đêm tụng kinh để tự tiêu trừ. [Đây nghĩa là ngày đêm khắc tâm hoặc trí mê mờ nên dùng lời tụng kinh để thức tỉnh]. Dùng văn nầy chứng thông mặt trời vận chuyển đêm đâu có lúc nhàn rỗi. Nhưng hạ phàm đời mạt phiền não ô trược nặng. Đứng về thường hằng làm lui sụt trụ thế tục, hoặc trộm phục nghi như mặt trời tăng thêm năm tháng. Gửi tâm không có đất, gá thân không có chỗ. Cả ngày lẫn đêm hoàn toàn không hề thành kính. Bất cứ dòng nghiệp đắm chìm biết làm sao không khởi. Nên lập ra sáu thời để tiếp người ngu hoặc. Nhỏ nhiệm được dần tập hợp, còn hơn hôn trầm. Sau đó dần cho nhàn cả thời tiếp vận, còn nói là tốt đẹp nên phải dứt trừ phàm phu khởi hạnh đều có luân khác. Từng theo thói quen ưa thích chưa thực hành đã xả. Đến đổi có việc bỏ đi, chọn các việc rõ ràng. Trộm nghe pháp Nê-hoàn nơi vào có nhiều cửa. Muôn hạnh tuy khác tông nhưng đều quy về xả bỏ chấp trước. Nhưng vì tội nghiệp trái lý. Một mặt không hành phước nghiệp, lúc thuận sinh quán thì tu xả. Đạo nghiệp xuất thế lý do chưa trải qua. Nên phải chuyên chí không cho phép xả bỏ. Kinh tuy nói rộng nhưng không ngoài ba việc nầy. Đứng về lý để tìm văn ở đây đều thống nhiếp. Nhưng nay tùy theo tập khí đều có sinh tâm. Hoặc ưa thiền tĩnh thì cho lễ bái là thô sơ. Lại cho thiền tư là ngủ ngồi. Đọc tụng giảng giải, nghiêng về những người chỉ biết im lặng. Khổ tiết chỉ trụ ở đặc biệt tức giận ông già thanh đàm. Cho nên đua theo cạnh tranh, đừng giao phó theo tình. Theo tình bừng bốc, không ngừng so sánh. Vì Đại Thánh lập giáo cao

vót hằng luân. Thứ lớp chỉ quy của nó cuối cùng là lìa chấp trước. Đến đổi theo cảnh trôi theo quán sát đào luyện tánh linh mở rộng việc nghe giáo đều có thể học. Học ở ba vị để thu tóm nguồn giáo. Phỏng theo mà tu phụng không vượt ngoài địa vị nầy cho đến chia thời dốc lòng học, trước tu hạnh cũ, ngày đêm ba thời lễ bái sám hối liên tục. Được gọi là nghi hình có căn cứ, không rơi vào luân thường hư tệ, ngoài nhiếp lấy quần tiểu, khơi mở niềm tin của thế tục đối với điều chưa đúng. Bên trong xem xét tình thường, tăng thêm sự giúp sức của trời rồng. Tu hành như thế không luống uổng. Vả lại pháp lễ niệm tự có uy nghi. Ba việc học nói quy tục chia ra nhiều loại khác nhau. Vốn lập ba việc học đồng nghiêng về một mê hoặc làm tông. Dùng ba chinh phục không thể chia làm ba việc khác nhau. Như Luận đã chép: Giới như bắt giặc, Định như trói giặc, Tuệ như giết giặc. Nói dụ tức mất làm sao dùng để suy nghĩ sâu. Tìm dụ có ba đứng về giặc chỉ có một. Sự phân ra ba nghĩa Tông thành một diệt. Nên ý mở lại còn lãnh hội chung, như pháp lễ kính dùng để dứt tâm kiêu mạn cống cao. Nếu không cúi mình theo đây thì gọi là phạm giới. Thường nhớ ở trong tâm đây là học định. Thường biết vô ngã đây gọi là tuệ. Một kính như thế các hạnh khác cũng giống như. Cho nên muôn hạnh khác đường, ba pháp học đều thu tóm hết. Nay người học giáo đều có ba dấu vết. Còn chấp sự tính toán của mình để phá bộ khác. Nghĩ dụ trước nói lý không cho sai. Cố nhiên phải một việc phỏng theo tu tùy công ba việc học. Lại là hiển bày lần nữa, như Phật lập giới. Không cảnh không tu gọi là tác- trì, lười biếng gọi là chỉ phạm. Phạm từ chỉ khởi sợ phạm tu trì. Trì gọi tùy giới, giới gọi là cảnh sách. Đây là giới học an tâm việc học nầy. Chẳng phải định không hành gọi là định học. Nghĩ sâu việc học nầy là diệt tâm điên đảo. Buông lung không học vẫn thuận theo sinh tử, là dứt hết gốc khổ, không học thì chẳng rõ. Gắng sức nêu ra trách gọi là tuệ học. Như thế cảnh tạm gá tâm. Phàm đảo tạm nhẹ, Thánh giải dần sâu. Chứa nhóm công phu không thôi không đi thì không thành. Ngàn dặm một bước. Như trước đã trình bày đầy đủ. Thời tự đáng tiếc không cho phép tự lừa dối mình.

■

THÍCH MÔN QUY KÍNH NGHI

QUYỂN HẠ

Bài 8. OAI DUNG CÓ NGHI

(Nghĩa là thúc liễm hình nghi, kính đạo thuận tục. Bên trong thêm lớn tín tâm, bên ngoài giúp cho chúng sanh làm việc lành).

Tựa rằng: Bậc Thánh lập nghi thức đồng pháp đều quán. Đạo tông là dị hình kính thì thông. Sách nầy nêu đầy đủ các kinh, chúng ta chẳng nên không đọc và áp dụng. Nếu sống trái với khuôn phép thì loạn luân tự vời lấy tai ương tội lỗi. Do đó nếu trái lời răn bảo thì tội sâu khó tha thứ. Nay sinh vào đời thúc thế, thay gọi là cặn đục, ô trọc. Phiền não ngày càng thêm, biết bao giờ mới dẹp được, nếu không dốc lòng học tập thì lúc náo trở thành cứu giúp. Cho nên ký gửi vào hình hài để lắng trong chuyện rèn tánh thức, khúc chiết, nhu nhuyến, đem bẻ gãy tánh ngã mạn. Nếu buông lung thì thói quen cũ của kiêu mạn cống cao ngày càng tăng thêm. Đây là lời nói có quan hệ. Không nài lo sâu, luống công phương tiện khéo léo làm việc lăng xăng khó kịp. Nếu không tin lời nầy thì nên đọc thử văn đây. Xem xét tâm hạnh nầy cứng chắc không động thì được gọi là bậc Thượng trí. Người hạ ngu, trung lưu nghĩa có theo, có trái. Nên Kinh chép: Nay dùng bao nhiêu lời khổ thiết mới được vào luật. Dụng hạnh chân thật nầy để cúng dường người Phật.

Kinh chép: “Thuận theo lời ta gọi là cúng dường Phật”. Sách chép: “Nghe can ngăn như nước chảy”.Lời nầy đáng ghi chép. Lang sói không tin, ngựa ác khó điều phục, mạng hết tính toán cùng tận. Biết suy nghĩ nầy là bảo vỗ ngực rất hổ thẹn, thường dùng để tự răn mình. Ngõ hầu có đồng luân suy cùng thứ lớp chất chứa trong lòng, nay nói tướng trạng oai nghi được các kinh trình bày:

Theo thế tục, Trung quốc và biên địa đều có nghi thức khác nhau. Tùy theo phong tục mỗi nước mà thực hành, nhưng vẫn lấy “kính” làm gốc. Đây là sơ tâm không học thì không hiểu. Nên phải rõ ràng sử dụng cái hiểu chưa nghe. Thực hành lâu đức lớn chắc chắn chẳng phải chỗ trông mong. Nhưng Trung thiên (Ấn-độ) và Chấn Đan (Trung quốc) sự

lễ kính khác nhau. Ấn-độ lễ bái ít mà đi nhiễu nhiều. Trung quốc không đi nhiễu mà lễ bái nhiều. Nước Ấn-độ để bày vai chân trần là cung kính. Ở nước Trung quốc khăn giày nghiêm chỉnh là cung kính. Thật là sự khác nhau của đạo tục dành cho cõi nước địa phương khác nhau, hãy nắm rõ chi tiết của nghi thức việc có cơ duyên. Cho phép dự gặp buổi sáng thì ba nghiệp hết lòng. Khi trình sự nhanh chóng thì bốn chi gọn lược. Đây là hành tàng ở chỗ quan trọng. Trí nêu ra không suy nghĩ. Đủ khiến cho thêm sự cung kính cùng tận. Người đó và chúng ta chung ý. Nên Kinh Xuất Diệu chép: Có oai nghi của tín sĩ có oai nghi của xuất gia, có oai nghi của Đại Đạo nhân. Do nền tảng đi đến cõi đạo bằng hạnh lành nên được sinh về chỗ lành. Dùng văn nầy để chứng minh cho biết, quy về niềm tin oai nghi bắt đầu nhập đạo, không được ẩn lược. Nên trình bày để vâng theo. Trong thế tục có bộ sách Lễ ký đời nhà Châu, nội dung nói về 9 phẩm lễ bái, xuất xứ từ quan Thái chúc. Đây chẳng phải của Phật giáo. Nhưng đó cũng là sự quý báu về lễ bái của thế tục.

1. Khể thủ bái : Nghĩa là các quan lễ bái vua."Khể": là cúi đầu sát đất giây lâu mới ngẩng lên.

2. Đốn thủ bái: Nghĩa là bằng ngang nhau. Như các vị quan lễ bái nhau, tức là khấu đầu còn cách chưa tới đất.

3. Không thủ bái: Nghĩa là vua đáp lại một lễ của bề tôi, nghĩa là dùng đầu đến tay, gọi là bái thủ.

4. Chấn động bái: Nghĩa là bái của chiến tranh biến động trong kính trọng.

5. Cát bái: Nghĩa là lạy rồi mới dập trán. Nghĩa là mặc áo tang may bằng gai nhỏ có gấu, không có gậy trở xuống. "Cát" là bái không tốt của sự hết lòng nầy. Nhà Châu cho nó, cát bái và đốn thủ gần nhau nên gọi là Cát bái. Tức trước hết phải cúi đầu lạy rồi mới dập trán. "Tảng" là trán, dùng trán chạm đất, không có dung nghi.

6. Hung bái: Cúi trán xuống rồi mới đốn thủ bái, nghĩa là lạy tang phục ba năm.

7. Kỳ bái: Nghĩa là trước co một đầu gối, tức nay gọi là Nhã bái. Có thuyết nói Kỳ bái dùng để đáp một lạy của các quan.

8. Báo bái: Bao đọc là báo. Báo bái là lạy hai lần. Lại chép: Báo bái là lạy giữ tiết. Tức là lạy thần và thây chết.

9. Túc bái: Chỉ buông tay xuống. Nay là vái chào, cũng chỉ cho cái lạy của người phụ nữ, lại túc hoặc đến ba. Không thủ và Kỳ bái chỉ có một. Ngoài ra là Tái bái.

Trên đây đều là chánh văn của Tục lễ.

Trịnh Khang Thành theo vị trí mà giải thích như. Nay theo Phật giáo lấy lễ kính làm đầu. Đại khái chia làm hai, là Thân và Tâm. Phật pháp lấy tâm làm gốc, thân làm ngọn, nên cần phải Bồ-đề tĩnh quán trong thất. Như lai khen và lễ thấy pháp thân. Liên Hoa sắc ban đầu đến thềm báu. Như lai chê là lạy Hóa Phật. Nên biết ở nơi thanh tĩnh suy nghĩ nhỏ nhiệm niệm niệm thú hướng về đạo. Quán xét hình mạo càng ngày càng mới ở thế tục, năng sở chưa tránh khỏi tưởng kiến đồng sinh. Điên đảo hiện tiền của ta làm ngăn chướng đạo. Nên dức Phật đứng chỗ nầy mà chia thành thân và tâm kính lễ. Nếu ngay nơi sắc duyên mà quán được cảnh tâm tạo là không, lăng xăng tập khởi đều là nhiễm hoặc tịnh. Tưởng nó là không thì duyên niệm nầy dứt sạch. Nay ở cõi phàm dùng sức chế ngự cho dừng được, thì các niệm nầy tự nhiên sẽ dần dần thanh tịnh. Phải thường khởi hai pháp quán, không được đơn hành, nghĩa là: biết vô cảnh thì dần dần hướng về chân, biết chỉ là thức thì dần dần trái với thế tục. Như thế mà sách tấn tu tập thời gian dài không thôi. Từng phần thêm sáng, ba A-tăng-kỳ mới thành tựu. Trước đã nói rõ rồi, thường phải nên biết.

Trong kinh nói lễ kính có các giai vị khác nhau. Nên trước hết làm mục lục, sau theo đó mà giải thích đầy đủ (ban đầu là nghi thức hộ trì lễ kính, rồi theo đó mà tùy kiểm).

NAM-MÔ KHỂ THỦ TRẢI TỌA CỤ

Cởi giày cỏ, vén một bên vai, năm luân sát đất. Đầu mặt lễ chân, gối phải sát đất, hồ quỳ nhất tâm chắp tay, hữu nhiễu, cúi mình chiêm ngưỡng.

Ban đầu nói Nam-mô là trong kinh chép: Nam-mô bà nam v.v... Truyền Phạm có sai lầm, âm đúng là Bát đàm. Đời Đường dịch là ngã lễ. Hoặc: Quy lễ, quy cũng là bản tình của ngã, lễ là tông trí của lễ. Có chỗ gọi là Quy mạng nghĩa nầy được lập thay thế Nam-mô. Lý sự phù hợp tiêu biểu hữu tình được dứt hết. Không rõ sự giao dịch giữa Đường Phạm. Huống chi lại thêm dùng Hòa-nam Chư Phật mê sinh mà càng cười to.

Câu "Hòa-nam" nghĩa là độ ngã, nay đắm chìm trong sông sinh tử. Niệm nương theo cứu giúp mà được ra. Y theo đây để nói, há chẳng phải Hòa-nam trước là tôn sư. Nghĩa thông lên Thánh niệm cứu giúp. Nên trong kinh nói đi đến chỗ Phật, chép: Nam-mô vô sở trước chí chân Đẳng chánh giác. Đây là khẩu nghiệp xưng tán đức của Như lai. Và xét

rằng quý tiện khác nhau tôn kính rất khác nhau. Thiên Trúc thiết kính trước hết dùng thân lễ sau dùng tụng khen. Như Kinh Vô Lượng Nghĩa. Tám muôn Bồ-tát đến chỗ Phật, đầu mặt lễ dưới chân Phật, đi nhiễu trăm ngàn vòng rải hoa đốt hương. Dùng y báu chuỗi anh lạc và bát khí trăm vị, cùng khắp tràn đầy, sắc hương đầy đủ. Lại bày cờ phướn lọng báu, các thứ kỹ nhạc nhiệm mầu. Khắp nơi đặt trống, làm nhiều thứ đồ đựng để cúng dường Phật, tức trước hỗ quỳ chắp tay nhất tâm. Đều đồng thanh nói tụng khen ngợi rằng: To lớn thay ! Đại ngữ ! Đại Thánh chủ vô cấu, vô nhiễm vô sở trước. Trời người, voi ngựa Điều ngự sư. Đạo phong đức hương huân xông tất cả. Như thế bằng với tụng có khoảng ba mươi chương, liệt kê các Đại kinh đồng thời có tán tụng. Như trong Đường Cảnh Tục, từ Thiên tử trở xuống đức hạnh tốt đẹp, dòng phái rất rộng. Hoặc dùng âm thanh khen ngợi, hoặc dùng văn tụng. Khi đó thế tục cung kính còn phong khí đó càng vang xa. Cho nên, Tỳ-kheo được quả báo miệng thơm tho, do khen chánh nghiệp Phật, được cảm người danh tiếng. Y theo hạnh đó việc ứng tại sau khi lễ bái nhờ sự xưng dương và khen ngợi mà thôi.

2. Khể thủ: Thế tục thường hành, không cần phải theo xưa. Bạch Hổ Thông chép: Khể là đến. Thủ là đầu. Ngay lời nói lễ bái ở trước đầu đến sát đất. Tức Thuyết Văn nói: "Nghĩa cúi đầu là Khể". Tam Thương chép: Khể thủ là Đốn thủ. Nghĩa là dùng đầu chạm đất. Nhưng nay làm việc đốn thủ là nhẹ, nghĩa là trường lập đốn thủ ở hư không nên Đới Tấn ngài Thích Tuệ Viễn gửi thư cho Tục sĩ, chỉ nói cúi đầu mà không vái lạy, nghĩa là chẳng phải khom mình mà chỉ đứng, cho nên vái lạy, không cần khom mình. Nhưng cúi đầu, dập trán trong thế tục là độ thường, tên chung của đầu là tên gọi khác của trán. Nhưng nghi xưa có khể thủ, khể thủ, đốn nghạch, nghĩa là trên hết lòng kính Thiên tử, cho nên nói lại phải y theo đây. Đốn ngạch là trán sát đất mà lạy.

3. Nói về trải tọa cụ.

4. Nói về cởi giày dép.

Ấn-độ rất cung kính. Trung hoa nghi thức của các quan triều yết, đều ở sân điện, nên giày dép không cởi. Có khi lên điện thì kiếm, giày đều bỏ. Đây là pháp xưa. Trong nước Thiên trúc đất phần nhiều ẩm thấp nóng, dùng da làm giày chế cho mang, nếu gặp bậc thượng tôn thì phải cởi ra. Ngoài ra ở nước lạnh tùy theo có giày khi hành sự thì cởi. Đã được đất đai cạn thì ngồi phải có tọa cụ. Tìm trong kinh luật luận không có vân trải tọa cụ, chỉ nói cởi giày lễ dưới chân. Nay y theo sự dùng lý phải có tọa cụ, cho nên Chế Tọa Cụ Duyên chép: là thân là y, là

ngọa cụ của tăng. Đã là thân y thì nói biết sự lập bày ở trước. Lại danh từ tọa cụ vốn là dụng cụ khi ngồi, cho nên trong lễ bái không có văn trải vì thế Như lai sắp ngồi thì tự trải như thường. Theo đây thì Tỳ-kheo tự trải mà ngồi, không để cho người khác trải. Nay thấy phạm tăng đến trước chỗ Phật lễ, trước phải vén quần dùng gối chống đất, chắp tay quỳ thẳng miệng khen ngợi Phật, rồi mới đảnh lễ. Đây là phong tục còn để lại, nên chuẩn theo đó mà dùng. Không tọa cụ nói. Lo có hành kính ở trước Phật tăng. Vẫn khiến thị giả trải tọa cụ. Đây là hạnh kiêu, chưa phải là trí kính. Còn cần phải đợi trải chiếu mới bắt đầu lễ, cũng không được. Như thấy bậc tôn trưởng liền phải lễ bái, đâu được tìm chiếu ư ? Vì việc rõ ràng, y theo tùy thời mà thiết lễ. Không được đợi chiếu. Có thì theo chiếu, không thì theo đất cũng được. Như ở Đời Thanh ở cổng đình sân vệ đâu có trải chiếu, lấy đây nêu lên tiêu chuẩn thì kính trọng và kiêu mạn có hai phần.

5. Nói về Thiên đãn hữu kiên, hoặc nói: Thiên lộ hữu kiên, hoặc nói Thiên lộ nhất bễ (đùi) cái gọi thiên đãn nghĩa là nhục đãn, chỉ bày theo nương học có việc chấp tác. Trong thế tục tay áo ngắn, tiện cho sự việc đó. Nay các Sa-môn mặc chung áo cánh. Ít mặc ba y, bèn cắt đứt áo cánh thành hai miếng gọi là Nhu đãn. Đây thì danh nghĩa đều mất, không được tìm điều đó. Cho nên khi hành sự chỉ chừa ra một vai. Nhưng có sam nhu chẳng cần pháp lộ bày. Nên luận Đại Thừa Trang Nghiêm Kinh chép: Sa-môn Thích Tử vai bên phải bị đen. Ngoại đạo hai vai đều đen. Sa-môn bày vai phải nên có khác nhau. Trong luật chỉ có ba y trùm cả hai vai, nếu gặp bậc Trưởng lão mới trịch bày vai phải, đâu dùng y ngăn gọi là thiên đãn, làm sao được khen ngợi, nên biết Nhục đãn kiên lộ là rất cung kính.

6. Năm luân sát đất*:* cũng gọi là năm thể sát đất Kinh Địa Trì cũng chép: Phải năm vóc sát đất mà làm lễ. Kinh A-hàm chép: Hai khuỷu tay, hai đầu gối và đảnh gọi là năm luân. Luân là viên tướng. Năm chỗ đều viên. Nay có phạm tăng lễ bái phần nhiều vén y bày gối, trước hạ xuống đất, rồi đặt khuỷu tay xuống đất, hai tay ngữa lên hư không, tiêu biểu cho có tướng tiếp túc. Thời nay khi hành lễ quán tới lui, hoặc tượng Phật, tôn sư lại ngồi duỗi chân, mới được gọi năm vóc sát đất như trên. Nếu người đó ngồi thêm thì tùy thời mà thôi. Cũng thấy có người nghe có tướng đảnh túc bèn đến ngồi dở chân người khác, nêu ra nói: Tôi muốn đội lên đầu. Vì sao xúc não, lại nêu ra vụng về. Nên biết gập người cúi ngước nghĩa là rất cung kính. Như vậy lệ theo thí dụ mà biết.

7. Đầu trán lễ dưới chân: Chánh là nghi thức chánh của bái thủ. Trong văn kinh luật phần nhiều nói "đầu mặt lễ chân" hoặc nói "đảnh lễ chân Phật". Chỗ cao nhất trong con người ta là đảnh, chỗ thấp nhất là chân. Vì ngã tôn kính. Chỗ thấp cùng cực của kia. Như trong thế tục tôn trọng bạn, không chê bai tướng danh tự của họ gọi là túc hạ, nghĩa là cùng loại. Như Thiên Tử, Thái tử có nghĩa chỗ xưng hô. Bất cảm không dám và hình hoặc gọi: Thừa, dư, xa giá. Hoặc nói bệ hạ, điệu hạ đều là một nghi kính.

Nhưng trong bên hành kính nhà đó khác nhau. Cõi nầy lấy kính lạy xa làm trọng. Thiên Trúc lấy kính gần hình tiếp chân bái là chí cực. Nên trong kinh trình bày như lâu ngày không thấy Phật, đến lễ Phật rồi dùng mặt áp lên chân Phật, đây là tướng đầu mặt lễ chân đầy đủ. Luật Thiện Kiến chép: Từ giã Phật, pháp nhiễu Phật ba vòng rồi làm lễ bốn phương mà đi, hiệp mười móng tay, vòng tay trên đảnh, lại đi hoàn toàn không thấy Phật, lại làm lễ xong về trước mà đi. Luận Trí độ chép: Lễ có ba:

- Khẩu lễ
- Cong gối mà đầu không sát đất
- Đầu sát đất mà lễ trên.

Nếu nghe công đức Chư Phật, tâm kính tôn trọng cung kính khen ngợi. Biết trong tất cả cơ, đức không qua trên. Nên nói là tôn. Tâm kính sợ hơn cha mẹ, sư trưởng, quân chủ. Lợi ích sâu nặng nên nói là trọng. Khiêm tốn sợ khó nên chép: là Cung. Đẩy đến đức đó nên nói Kính. Khen công đức người đó là Tán, khen không đủ còn xưng dương là Thán. Tùy dùng bất cứ một việc nào đối với Phật thì công đức đó đều không thể cùng tận được.

8. Gối bên phải chấm đất: Trong kinh phần nhiều nói hồ quỳ, hỗ quỳ, trường quỳ. Đây đều là tướng cong gối chống đất, nghi kính của Thiên Trúc, như trong Kinh chép: Thế tục phần nhiều là tả đạo nên chỗ đi đều là bên trái. Phật tay phải ấn đất để hàng phục ma trời khiến các đệ tử gối bên phải sát đất. Nói hỗ quỳ là hai gối trái phải giao hỗ quỳ xuống đất. Đây nghĩa là có chỗ khải thỉnh. Nghi sám hối tội lỗi trao nhận Phật pháp thuận bên mặt nên gối mặt chống đất, gối mặt. Ở ngón tay mặt chống đất. Còn gối trái tay trái chống đất, khiến ba chỗ cong mình hướng về trước. Nên được tâm có chuyên tâm thỉnh hối mới cùng cực. Đây gọi là tâm tùy thân. Hành lỗi kiêu mạn, nay hành sự đó đều không suy xét. Đều đến trước Phật ngồi kiết già. Gối phải sát đất: Hai gối đều ngồi. Trong kinh gọi là Lạc đà tọa. Ở đây vì thân kiêu mạn, nên

tâm cũng theo, muốn được phước lại bị tội kiêu mạn. Đã trái ý lễ lại thêm thói quen kiêu mạn hoàn toàn thành nghiệp khổ. Quả báo trong cõi thú, phải chịu không thể nghĩ bàn, nên trong luật xin sám hối hoặc ngồi xổm hoặc quỳ. Văn tự giải thích. Quỵ là khào. Không chấm đất đây là chánh lượng. Tăng là trượng phu hành cứng việc đứng nên chế cho hỗ quỵ. Ni là nữ cánh mềm yếu khổ dễ thay đổi nên chế trường quỳ. Hai gối chấm đất, hai ống chân dựng thẳng lên hư không. Hai chân từng ngón địa đình thân mà đứng. Trong kinh hành sự trải qua khổ tệ nhóm hợp thành thân. Hai gối phải trái giao lẫn nhau mà quỳ. Trong kinh Tỳ-kheo cũng có hai gối chấm đất bạch Phật.

Hồ quỳ: là Tướng cung kính của người Hồ, xứ nầy không có bản duyên đó, nên gọi là Hồ. Hoặc gọi Hồ kỵ. Xem xét các chữ viết kỵ tức là tướng cong gối của nước Thiên trúc.

Tục lễ chép: Trao đứng không quỳ, quỹ nghĩa là cong gối, thế tục trái điều đó, hễ có chỗ thọ gối phải đứng dậy.

9. Nói về nhất tâm chắp tay: Văn luật có hcỗ nói hợp mười móng tay cúng dường Thích Sư tử, có chỗ nói hoặc cung tay bạch Phật, đều cho là tùy theo duyên trước mà hành sự. Thúc liễm tâm mình không để cho rong ruổi. Nhưng tâm làm cho trở ngại nên phải chấp tay mà tâm nhất. Nay người hành sự chắp tay không được, do việc nầy nên tâm so sánh càng bền chắc mà tán loạn.

Muốn trở về nguồn thì phải gia thêm công dụng. Phải mở ngón tay ra chắp lại mà tu thiện hạnh. Không được chắp ngón tay hợp ngón tay mà mở tay theo thói quen xấu. Còn hai chân chấm đất phần nhiều trái nghi tiết. Kính tục còn không lập huống chi là hành đạo? Cũng phải y theo trước cố gắng gấp bội. Nên kiểm ngón tay mà mở gót chân như kính tục lưu. Không được kiểm gót chân mà mở ngón tay thành chữ bát đứng. Khiến người không hiểu chi biết cười. Lời nầy khổ sở, việc nầy hiện hành. Muôn lỗi không biết không cuồng lạm. Hành giả có tâm đã thấy văn nầy. Vỗ ngực nói về tâm làm sao buông lung. Chắc chắn phải như trên. Y theo đó mà đấn đo, dần dần hành theo. Tâm tánh điều nhu mới có thể luận đạo. Đạo ở chỗ tình thông không có hệ lụy, vô ngã. Làm sao lại lập căn kiêu mạn. Dùng ngày nầy sinh sâu chẳng phải sinh ký gửi. Các ngón tay ngõ hầu dễ xem.

10. Hữu nhiễu cung kính: Trong kinh luật chế khiến đi nhiễu theo chiều bên phải. Nên đi nhiễu tháp bên trái bị thần quở trách. Nhiễu bên trái lúc mạnh bị thế tục chê trách đồ chúng, lại nói điều đó. Nay hành sự thuận thiên thời. Mặt phía Tây mà chuyển phía Bắc. Vai phải vén lên

là kính. So với cái thấy nầy có tăng thêm. Chẳng phải đối với pháp nầy. Liền mặt hướng đông mà chuyển về hướng Bắc là đi nhiễu bên mặt. Thiên Trúc Phạm tăng trấn tụ kinh ấp kinh hành nhiễu vòng quanh. Mắt duyệt hành tuy đó đều từ hướng Tây trở lại thì gọi là hữu chuyển (bên phải) vì thuận theo thiên đạo như mặt trời mặt trăng. Nhưng xét trong kinh số vòng không nhất định, hoặc nói ba vòng, bảy vòng, trăm vòng, ngàn vòng, vô số vòng, đây là vì sao? Đều nói tùy theo việc hoãn gấp cho đến khác nhau, đều khom mình chấp tay bồi hồi chiêm ngưỡng không thể chính mình chu toàn tâm kính trọng của mình. Nên trong ngoài niềm tin thanh tịnh đến trước Phật, lễ rồi đi nhiễu nhiễu rồi lại lễ. Thêm kính trọng không được làm tiêu chuẩn thường hãy. Tóm lại là lấy kính trọng làm gốc. Nên nói rằng: Lễ cùng với xa là ninh kiểm, cho nên biết lễ cung kính xem trọng. Trọng thì tùy tâm. Hiển bày giáo hóa. Muôn đường đến một. Nên cửa khổng tiếm tố vương, gọi là ngưỡng càng cao tán càng vững chắc. Chiêm ngưỡng Ngài ở trước khinh thường Ngài ở sau đó. Về trước đứng về tướng hãy nêu ra mười điều. Ngoài ra có khom mình, cúi đầu, chú ý, chiêm ngưỡng, tùy tâm cơ dụng. Làm sao đầy đủ được điều đó? Nhưng (1) vì quán phần nhiều thuộc về liệt kê ở trước. Cho đến luật chế cũng rất khác luận, vì vậy lễ của hạ tọa trước phải đủ năm pháp:

1. Vén y bày vai phải.
2. Cởi giây.
3. Lễ dưới chân.
4. Hỗ quỳ.
5. Chấp tay.

Thượng tòa sám hối trước hạ tòa thì có bốn pháp trừ lễ dưới chân. Cho nên biết bốn thứ còn lại chung cho tôn ty. Pháp lễ dưới chân không hành cho hạ vị, đây có nghĩa là sám tội nên lập bốn nghi. Tự dư thường thời bốn pháp đều tiêu [Hạ tòa hỗ quỵ cũng y cứ nghi thỉnh sám hối, nương lý không hành] Trên nói chung tướng lễ cảnh sách xem xét tâm hành. Văn sự đầy đủ vậy, mới tiện thành. Lễ nghi đã đầy đủ dẫn đến thân trước tượng không vọng khởi. Khởi thì phải thêm kính. Mắt không vọng lễ, thấy thì chiêm ngưỡng. Miệng không nói bừa, nói thì phải khen đức. Như trước trình bày rất dễ biết. Nếu đến lúc lâm trận phần nhiều mang trọng trách, nên luận chép: Phật Thế tôn trước không có dị ngữ, không thể nghĩ bàn thay, không thể nghĩ bàn thay. Theo cái nhìn ở đây gọi đó là Sơ tâm, vốn không có kinh nào nói thì không nhờ đâu mà hiểu. Đừng lạ việc ủy khúc nghĩa cần điều đó. Ngạn ngữ có câu: "Dạy con

dạy thuở con thơ, dạy vợ dạy lúc bơ vơ mới về". Lời nói tuy cạn của thế tục nhưng dụ nó rất sâu xa. Nên A-nan đầu bạc mà Ca-diếp gọi là thiếu niên, chẳng phải nhiêu tuổi mà là già. Vì không khéo giáo hối nên chẳng phải già. Lý chắc chắn ổn thỏa xét quán hạnh như thế nào. Nhưng Tam bảo là hết sức tôn kính. Cho nên nói tướng trạng của nó Cổ đức để lại lời dạy. Vì sao hành giả chí tâm quy mạng thường trụ pháp thân, nghĩa là Như lai thành tựu mười lực bốn vô sở úy, năm nhãn, sáu thông, mười tám pháp bất cộng. Đại từ đại bi ba niệm xứ đẳng. Nhất thiết chủng trí vô thượng Điều Ngự. Công đức trí tuệ mầu nhiệm thanh tịnh, rộng lớn Như lai pháp giới. Rốt ráo như hư không, an ủi thế gian che chở tất cả. Không chướng ngại, không hề phân biệt, không thể dùng trí để biết, không thể dùng thức biết, có khả năng thị hiện ba mươi hai tướng tam mươi vẻ đẹp, thường đưa tay phải lên an tiếp chúng sanh. Phát ra ánh sáng rực rỡ xua tan vô minh tăm tối. Trăm phước trang nghiêm, muôn đức viên mãn. Mưa cam lộ, mưa xoay bánh xe chánh pháp, cứu giúp chúng sanh ra khỏi biển sinh tử, nên hiệu Phật chúng Thánh Trung Tôn vô Thượng chánh Pháp Vương. Nay ta quy mạng, kế lại quy mạng mười hai bộ kinh. Thượng, Trung, Hạ thiện nghĩa vị thanh tịnh. Tự nhiên đầy đủ, khai hiện Phạm hạnh. Tối thương đệ nhất qua bờ bên kia. Rất sâu xa Thật tướng Bình đẳng đại bi, tự tánh thanh tịnh, chỗ tâm hành diệt, đường ngôn ngữ dứt mà cảnh giới của chánh pháp nầy vô ngại, vì chúng sanh nói không trái thật nghĩa. Do đó mà vô thượng xuất thế thuốc hay phá diệt phiền não từ vô thỉ của chúng sanh. Nên hôm nay ta dốc lòng đảnh lễ, kế lại quy mạng Ba thừa thanh tịnh tăng. Sở hành Ba tuệ là đạo Bồ- tát. Mang hoằng thệ thức giục ngựa tinh tấn, Cầm cung nhẫn nhục, buông tên trí tuệ, giết giặc phiền não. Trực tâm, thân tâm quyết định chánh thú vô thượng đệ nhất bình đẳng chánh đạo, không rời niệm Phật, niệm pháp, niệm tăng. Thọ hành tất cả lời dạy của Chư Phật. Thường dùng sáu độ độ tất cả chúng sanh, Thường dùng bốn nhiếp nhiếp các loài hàm thức. Là tôn, là dẫn đạo, là y, là cứu, nhất định được đạo Phật, Bồ-tát. Cho nên gọi là Tăng, nói về thiện hữu. Thường dùng phương tiện lợi ích thế gian là cúng dường ruộng phước chân thật. Nên ta đảnh lễ biển tăng thanh tịnh. Nay soạn tập cho người mới bắt đầu tu hành, nếu không nêu hiểu khởi tâm vô ký. Nếu nói khiến niệm Phật thì rơi vào phiền nộ, nên quanh co chỉ bày tướng khởi tâm nêu ý, như thế chuyên chú dứt bặt nghi ngờ. Tâm tánh tỉnh ngộ làm nghiệp trong sạch. Không như vậy thì thuận theo si độn vô minh cũ. Tuy thêm châm ngải mà bệnh sâu không biết. Có người nghe tôi báo cáo việc nầy mĩm

cười đấn đo. Tôi nói rằng không. Cần phải nắm bắt tìm lấy nghe danh tức lễ. Tác ý sách ngự mới có thể kịp. Hiện thấy người thế tục lễ Phật, lạy không thiếu. Đạo nhân xu hướng bái lạy có. Người đó nghe việc nầy còn cố không tin và lạy năm mươi ba Phật tình lộ mạn tan đều không nghe điều đó. Việc xong mới tỏ ngộ hổ thẹn. Tôi lại nói rằng: "Dừng được tự gỏ cố gắng cắt đứt. Tàn ác phải làm sao lại phải làm sao. Nếu quái lạ lời nầy đối trận mới rõ ràng. Tam Tạng Lặc-na thấy hạ phàm nầy thương xót ngập lòng, là rút ra bảy cách lễ văn rất chu toàn đầy đủ, sao lược nêu ra.

1. Ngã mạn lễ: Nghĩa là y theo thứ, mà tâm không cung kính. Cao tôn tự đức không thầy ngưỡng ý hổ thẹn. Ngay đời hỏi nhận không chỗ. Tâm không có pháp y cứ, như cái chày giã gạo lên xuống. Hoàn toàn thân làm không có cảnh trụ tâm. Nhẹ sống đạo mỏng uổng công vô ích. Bên ngoài thấy dường như lễ, bên trong tăng thêm mạn hoặc. Giống như người gỗ. Tình không ân trọng tay không sát đất. Năm luân không đủ. Đây là mạn nghiệp, gọi là Ngã mạn lễ.

2. Xướng họa lễ: Tuy chẳng phải mạn nhưng cao tàn không có tưởng thanh tịnh. Thô chánh oai nghi thân tâm cung kính, lên xuống thuận nhau. Một có chút đỡ nhau, phước mỏng ít chẳng phải cúng dường chân thật.

3. Thân tâm cúng kính lễ: Nghe xướng hồng danh Phật liền niệm thân Phật. Như ở trước mắt tướng tốt đầy đủ trang nghiêm sáng rỡ. Tâm tướng thành tựu thật đối ba thân. Duỗi tay xoa đảnh trừ tội nghiệp cho ta. Cho nên hình tâm cung kính không có niệm khác. Cung kính cúng dường tình không nhàm đủ. Thế gọi là cảnh giới lễ Phật tâm. Trước mắt chuyên chú không mê muội. Người nầy dẫn dắt lợi ích người trời là trên là tối thượng. Công đức tuy lớn nhưng chưa phải là trí, tâm sau phần nhiều thối lui.

4. Phát trí thanh tịnh giải đạt Phật cảnh giới lễ Phật: Hành giả tuệ tâm sáng bén rất biết pháp giới vốn không có ngại. Do ta vô thỉ thuận theo phàm tục phi hữu. Có tưởng chẳng ngại ngại tưởng. Nay đạt được tự tâm rỗng không vô ngại, nên thuộc hành lễ Phật. Tùy tâm hiện lượng lễ một Đức Phật tức tất cả Phật. Tất cả Phật tức một Phật. Vì Phật pháp thân đồng với vô ngại, nên lễ một Đức Phật chung khắp tất cả. Như thế các thứ hương hoa cúng dường nêu đồng ở đây. Pháp tăng thêm kính, nghĩa cũng đồng ở đây. Vì Tam bảo đồng tánh lý không khác. Ba thừa tên khác giải thoát đồng giường. Nên biết: "Một lễ thì tất cả lễ,tất cả lễ thì một lễ.Như thế Tam bảo đã có thể thông đạt. Tất cả ba cõi sáu

đường, bốn sinh đồng tưởng Phật. Cúng dường lễ bái tự thanh tịnh thân tâm, mênh mông không chướng ngại. Cảnh giới niệm Phật tâm tướng càng sáng. Một lạy một khởi là tôn là thắng. Ấy gọi là quả báo chân thật rộng lớn, do tâm vô hạn nên làm cho tịnh nghiệp vô cùng.

5. Biến nhập pháp giới lễ kính cúng dường: Hành giả tưởng quán, từ thân tâm của mình pháp từ xưa đến nay, pháp giới không ngoài pháp thân Phật. Cũng biết Chư Phật thân tâm pháp không ở ngoài thân ta. Phát giải mạo đạt tự thân tất cả thân trùm khắp pháp giới. Đó gọi là pháp giới không thêm không bớt thanh tịnh pháp môn. Hiểu như thế rồi. Nên biết, nay ta lễ một Đức Phật, thân một Đức Phật trùm khắp pháp giới. Trong pháp giới có ba cõi vị địa vô biên pháp thân đều có thân Phật. Thân Phật đã trùm khắp tất cả, thân ta tùy theo Phật cũng trùm khắp tất cả. Cho nên trong lễ cúng dường tất cả thân, đầy đủ trang nghiêm. Nhưng pháp giới nầy tánh thường vắng lặng tùy duyên trùm khắp. Cho đến đi đứng, nằm, ngồi nhân duyên quả báo không lìa pháp giới. Thân tùy tâm nên hiểu vô ngại. Pháp giới duyên khởi tất cả việc thành. Như trong một ngôi nhà treo trăm ngàn chiếc gương có người chỉ thấy gương trong gương đều có hình tượng hiện ra, thân Phật thanh tịnh sáng hơn gương kia tất cả pháp giới đều hiện trong thân. Nên ta cúng dường tất cả phàm Thánh, thân phàm Thánh đều đồng cúng dường, người có mắt sáng thì thấy, người mù thì không thấy. Như đây người học pháp giới pháp môn rất có lợi ích, cuối cùng đến đây hiểu, không học thì không biết. Cho nên người tu hành thường phải duyên quán, tất cả công đức không thể so lường, đã biết thân ta ở trong thân Phật vì sao lại điên đảo vọng tạo nghiệp ư ?

6. Chánh quán lễ tự thân Phật: Không duyên cảnh ngoài, Phật khác thân khác. Vì sao tất cả chúng sanh tự có Phật tánh bình đẳng đầy đủ. Tùy thuận pháp giới xí nhiên chỉ vì mê hiểu có thể quán bên ngoài, cho nên vọng tưởng điên đảo thường chìm trong sinh tử. Nếu chiếu soi trở lại thì có lúc giải thoát. Nếu hướng đến cảnh khác nghĩa là có thể quán tà nhân tà hạnh. Kinh giáo không chấp nhận. Cho nên nói: “Không quán Phật, không quán pháp, không quán tăng” vì thấy mình là chánh pháp tánh. Lại nói: “Sắc thanh thấy ta, gọi là hành tà đạo. Cho nên người tu hành thường lễ bái chỉ thấy thân tâm. Có lễ có kính chưa thể thông giải. Thường hành nhàm chán, sau hoàn toàn thông đạt biết tâm không ở ngoài, mới biết được tự tâm bản tánh thanh tịnh. Đây tức là tự tánh trụ Phật tánh. Tùy lực tu sáng dẫn ra Phật tánh. Thập địa vị cực của viên quả ba A-tăng-kỳ, đến được quả Phật tánh. Đây là hiểu vi

diệu, chỉ có Thánh mới đạt được. Vị ở hạ phàm, không nên không hiểu, không tu tập.

7. Thật tướng Tam bảo Tự Tha bình đẳng lễ: Đại ý đồng như trước. Trước còn có lễ có quán, tự tha hai thứ khác nhau. Nay ở đây không tự không tha Phật và phàm như một, xưa nay không khác nhau. Thấy Phật được lễ là người rất tà kiến. Kinh chép: "Quán thân thật tướng, Quán Phật cũng như vậy". Vì thật tướng lìa niệm không thể dùng tâm mà lấy, không thể dùng tướng mà cầu. Không thể dùng lễ kính. Không thể không lễ kính. Lễ, không lễ v.v... cộng, bất cộng v.v... An tâm tịch vắng lặng là Bình đẳng lễ. Nên Văn-thù Thập Lễ chép: "Bất sinh bất diệt nên kính lễ Vô sở quán". Hai lễ sau nầy tịch mà năng thông. Phước mà hành đạo. Nên khiến chỉ Quán song du, chân tục đều vận, Tâm mới rỗng rang thân thật bị ràng buộc bởi duyên. Tại phàm hành học tướng nó bằng với đây. Hơn đây không hành hạ ngu vọng tập, không đáng để hỏi. Nhưng vì theo tướng phần nhiều chỉ được tự hiểu. Nên văn chép: Phàm phu thức cạn tham đắm năm dục. Chấp ngã kiến thì đứng nói kinh nầy. Vì nghe không hiểu sẽ tăng thêm sự hủy báng. Chẳng bằng không nghe, làm việc phước thường.

Bài 9: CÔNG DỤNG HIỂN TÍCH

Siêng năng và lười biếng tuy khác nhưng đều có công dụng. Siêng năng thì Thánh đẹp, lười biếng thì phàm xấu.

Trên đây đã nói đầy đủ siêng năng lười biếng rồi, tướng đó đầy đủ. Dưới năm trọc mê muội phần nhiều giữ lấy quanh co, chưa thể hành dụng, trước hết nêu ra sự chê bai, nghi ngờ nên nêu các kinh. Dùng để lấp băng chấp, người có tâm hành là biết ý tôi ở đây. Thế nên biết kẻ hậu tấn sơ tâm phải nương thầy lành bạn tốt. Nay y chỉ Tam bảo thường ưa gần gũi, nên luận Đại Trí Độ chép: Nếu Bồ-tát chưa vào pháp vị xa lìa Chư Phật, phá hoại các gốc lành, mất trong phiền não tự không thể độ. Đâu thể độ người. Cho nên không nên xa lìa Chư Phật. Ví như trẻ con không rời mẹ mình đi đường không rời lương thực. Khi nóng không rời gió mát. Khi lạnh không muốn rời lửa, qua sông không rời thuyền tốt. Bệnh khổ không rời thầy thuốc, cho nên Bồ-tát thường không rời Phật. Vì sao cha mẹ, bà con, bạn bè, người trời vua v.v... Không thể giúp ta qua các biển khổ, chỉ có Phật Thế tôn giúp ta ra khỏi khổ. Cho nên thường nhớ không rời Chư Phật. Nay muốn gần gũi Chư Phật nghe pháp xuất thế, làm phương tiện gì để tu hành chánh hạnh. Vì phàm phu từ vô thỉ đứng về tướng mà tu phước. Nên vẫn đứng về tướng mà thực

hành pháp xả ly. Luận chép: Vị chưa thanh tịnh về sau hoàn toàn vô trụ. Cho nên trước phải an trí đạo tràng. Đâu thiết lập tôn tượng, cờ phướn lọng báu, hương hoa tùy sức cúng dường, có mười tướng thấy gốc lành của Phật:

- Lễ bái.
- Khen ngợi.
- Phát nguyện hồi hướng.
- Quán tướng tốt của Phật.
- Chuyên niệm tu từ.
- Ba quy mười điều lành.
- Phát tâm Bồ-đề.
- Đọc tụng kinh giới.
- Cúng dường xá-lợi, tạo hình tượng Phật.
- Tu hành chánh quán.

(Muôn hạnh tuy khác nhau, theo lý chỉ có một)

Nay dùng đạo pháp tu hành do Thích Tôn để lại. Đều giao phó lòng từ của Phật giúp cho tỏ ngộ quả Thánh, tướng văn đã rộng, lý chắc chắn khó trái. Hoặc nguyện sanh Tịnh độ, lệ cũng không ngăn lấp. Dùng nghĩa chánh giác tề chương cứu giúp chúng sanh hữu tình hoàn toàn giải thoát liền dừng. Làm sao có trái lìa. Hãy lấy họ Từ nêu tông, ngoài ra mười phương y theo lệ.

1- Lễ bái được thấy Phật: Hành giả dùng tâm chí thành, tâm chất trực, tâm chuyên chú, tâm kính trọng, tâm sâu xa, tâm kính tin. Như kính cha mẹ.

Lễ bái mười phương Phật như Di-lặc: Có thể dứt trừ được đội chướng sẽ sinh trước Đức Phật Di-lặc kia. Nên Kinh Thượng Sinh chép:

“Nếu có người kính lễ Phật Di-lặc thì: Trừ được tội sinh tử trong trăm ức kiếp cho đến đời sau dưới cội Long Hoa cũng được thấy Phật. Lại chép: Sau khi ta diệt độ bốn chúng tám bộ nghe danh lễ bái, khi qua đời được vãng sanh về cõi trời Đâu-suất. Nếu có nam nữ, phạm các giới cấm, gây ra các nghiệp ác.

Nghe danh tự vị Bồ-tát Đại bi nầy, năm vóc sát đất thành tâm sám hối thì tất cả nghiệp ác được nhanh chóng thanh tịnh, nếu có người quy y Bồ-tát Di-lặc. Nên biết người nầy được không lui sụt. Di-lặc thành Phật, thấy ánh sáng Phật liền được thọ ký. Kinh Tăng Nhất A-hàm chép: Lễ Phật có năm công đức:

1. Xinh đẹp (vì thấy tướng tốt sanh tâm tôn kính bậc trên).

2. Được tiếng tốt (vì khi thấy ba lần xưng Nam-mô Như lai Chân Đẳng Chánh giác).

3. Nhiều tiền của (dùng hương hoa đèn sáng tùy khả năng cúng dường).

4. Sinh về chỗ cao quý(Vì khi thấy Phật tâm không đắm nhiễm lại có thể đầu mặt sát đất, cung tay kính lễ).

5. Sanh lên cõi trời (vì niệm Phật công đức pháp nhĩ như vậy).

2- Nói về khen ngợi đức của Phật: Để thanh tịnh nghiệp của tâm miệng thêm khen ngợi. Như Phạm vương Tán trong kinh Thành Phật chép:

Chánh biến tri giả nhị túc tôn.
Trời người thế gian chẳng ai bằng.
Thế tôn mười lực rất ít có.
Vô thượng tối thắng ruộng phước tốt.
Người cúng dường được sinh cõi trời.
Cúi lạy Đại tinh tấn chẳng sánh.

Lại như Kinh có Văn-thù vấn tán Phật rằng:

Ta lễ tất cả Phật.
Điều Ngự chẳng ai bằng.
Trượng sáu chân pháp thân.
Cũng lễ đối tháp Phật.
Chỗ sinh, chỗ đắc đạo.
Chỗ Pháp luân, Niết-bàn.
Chỗ đi đứng nằm ngồi.
Tất cả đều kính lễ.
Chư Phật không nghĩ bàn.
Pháp mầu cũng như thế.
Kính tin và quả báo.
Cũng không thể nghĩ bàn.
Người dùng bài kệ nầy.
Mà khen ngợi Như lai.
Trong ngàn muôn ức kiếp.
Không đọa vào đường ác.

Như Kinh Bồ-tát Bản Hạnh chép: dù cho vô số ức người đều thành Bích-chi Phật. Có người trăm tuổi cúng dường, bốn việc cần dùng thì công đức rất nhiều. Chẳng bằng có người dùng tâm hoan hỷ, dùng bài kệ bốn câu khen ngợi Như lai được công đức vô lượng. Lại như kinh Thiện Sinh chép: Lấy bốn thứ quý báu trong Thiên hạ cúng dường Phật,

lại dùng trọng tâm khen ngợi Như Lai. Hai phước đức nầy bằng nhau không khác. Kinh Đại Bi chép: Xưng danh Nam-mô Phật đem gốc lành nầy nhập vào cảnh giới Niết-bàn không thể cùng tận.

3- Phát nguyện hồi hướng: Hành giả năng lực gốc lành kém ít dùng nguyện để giúp đở. Như đi mà không mắt thì đất bằng cũng ngã. Nên phải nguyện hạnh giúp nhau như bánh xe đi xa, phải nói thế nầy: Nguyện đời trước của tôi và thân ngày nay tu các gốc lành bố thí cho ác chúng sinh, đều cùng hồi hướng Phật đạo vô thượng, sanh về trước Phật Di-lặc nghe pháp thanh tịnh, ngộ vô sinh nhẫn. Nguyện khi sắp qua đời tâm không chướng não, tùy sức gốc lành tự tại vãng sanh trước tất cả Phật. Nên luận Trí Độ chép: Có người tu ít phước nghiệp nghe có chỗ vui thường nguyện sanh về cho đến qua đời đều sanh về đó. Còn việc lớn trang nghiêm cõi Phật, chỉ thành công đức không thể thành tựu, cần phải có nguyện lực. Như con trâu tuy sức kéo xe, nhưng cần phải có người đánh xe mới đi đến được. Cõi Phật Tịnh-độ do nguyện dẫn thành. Dùng nguyện lực nên phước đức thêm lớn không mất không hoại, vì thường thấy Phật.

4- Nói về tu niệm Phật được tướng tốt: Hành giả chuyên tâm ngồi ngay trong thất, chánh niệm thân tướng Như lai, nhắm mắt mở mắt rõ ràng phân minh. Tội nghiệp nặng thì qua thời gian lâu mới thấy. Dùng đây để quán tưởng mà biết tội ác nặng hay nhẹ, đều là vọng tưởng mà thiện ác khác nhau như trời với đất, không thể nghĩ bàn. Sinh tử ép ngặt con người không cho tự biếng lười, hoặc cầu không toại ý, sau bị bệnh nặng, giáng vòng chuốc khốn khổ sầu muộn không có chỗ gửi lòng. Tất cả nghiệp ác từ tâm sinh khởi, không có hạt giống lạnh làm sao bài trừ nghiệp. Nếu ôm áp thiện thường xuyên niệm Phật, tùy theo tâm tướng, muốn thấy liền thấy. Nên kinh Quán Phật Tam- Muội chép: Sau khi ta diệt độ, các đệ tử Phật xả ác, bỏ ồn náo, nói ít bớt việc. Ngày đêm sáu thời cho đến khoảnh khắc niệm tướng sợi lông trắng của Phật, rõ ràng không loạn chú ý không thôi. Hoặc thấy tướng khác hoặc không thấy, người nầy trù được chín mươi sáu ức na-do-tha, Hằng hà sa bụi cát số kiếp các tội sinh tử. Nếu lại có người chỉ nghe nói sợi lông trắng, tâm không kinh nghi, vui mừng tín nhận. Người nầy cũng trứ tội nặng sinh tử trong tám mươi ức kiếp ức kiếp. Phật chép: Như lai có tám muôn bốn ngàn tướng tốt, không bằng chút phần công đức của sợi lông trắng, cho nên nay ta vì người đời sau nói tướng sợi lông trắng. Đại Tuệ ánh sáng tiêu ác quán pháp. Nếu có người ác, nghe quán sợi lông trắng sinh sân hận. Thì tướng sợi lông trắng sáng đó cũng lại che chở người đó, trừ tội

ba kiếp sau sinh về trước Phật.

5- Nói về chuyên niệm đức của Phật: Tu tập từ bi gọi là cúng dường chân thật. Hành giả dùng thân tâm thanh tịnh ở trong tất cả thời niệm đại ân Phật, khiến ra khỏi sinh tử, như nhớ nghĩ cha mẹ, đây chỉ là ân nuôi dưỡng sanh thân một đời, ân Phật sâu nặng, vì các chúng sanh mà Phật vào ngục ba cõi, hết lòng dạy răn, khiến tu chánh hạnh, được ra khỏi sanh tử vô số kiếp khổ. Nên ta nay hằng ngày thường niệm ân Phật, huống chi niệm Phật sẽ sinh ra hạt giống lành, công đức quả báo không thể cùng tận. Nên Kinh Kim Quang Minh chép: "Đối với Phật khởi nghiệp thì quả báo vô biên". Lại như Kinh Quán Phật Tam- Muội chép: Trong người Đức Phật báo lành lợi nhiều chỗ, người nghe danh lễ bái cúng dường còn được trọng báo, huống chi buộc niệm, nhớ nghĩ tướng chân chánh của Phật. Còn Kinh Thượng Sinh chép: Khi Phật diệt độ, tinh tiến tu các công đức. Oai nghi không thiếu, quét tháp tô đất, hương hoa cúng dường, hành các Tam-muội, đọc tụng kinh điển. Những người như thế tuy không dứt kết như được sáu thông, phải nên buộc niệm niệm hình tượng Phật, xưng danh hiệu Phật Di-lặc. Hoặc trong khoảng một niệm thọ Bát Quan trai giới, tu các tịnh nghiệp. Khi qua đời liền vắng sinh trong đài hoa sen trên cõi trời Đâu-suất, liền thấy được ánh sáng tường sợi lông trắng của Phật. Siêu vượt tội sinh tử trong chín mươi ức kiếp. Tùy theo túc duyên của họ mà nói pháp mầu khiến được không lui sụt. Kinh Đại Bi nói rằng: Nếu tâm chí thành niệm công đức Phật, cho đến một rải đóa hoa trên hư không, ở đời vị lai được phước chư Thiên, Phạm vương không thể cùng tận vì phước bất tận đó cuối cùng đến Niết-bàn.

Kinh Tăng nhất A-hàm chép: Chúng sanh ba nghiệp làm ác, lúc sắp qua đời nhờ công đức Như Lai, phải lìa đường ác được sinh lên cõi trời, dù cho người cực ác, nhờ niệm Phật nên cũng được sinh lên cõi trời. Còn Kinh Hoa Nghiêm nói: Nếu có thể niệm Phật trong giây lát, ánh sáng trí tuệ diệt được si ám. Còn luận Trí Độ chép: Bồ- tát thường thích niệm Phật, xả thân thọ thân thường gặp Chư Phật. Kinh Đại Bi chép: Dù cho đầy khắp thế giới tam thiên, là các Thanh văn, Bích-chi Phật, có người ở trong một kiếp tất cả ưa thích cúng dường đầy đủ, cho đến sau khi diệt độ xây tháp, trọn đời cúng dường công đức tuy nhiều nhưng không bằng có người ở chỗ Như Lai khởi một niệm thanh tịnh, tư duy tin hiểu trí tuệ không thể nghĩ bàn của Chư Phật, vì gốc lành cao quý nầy hơn trước đây không thể sánh được. Vì sao ? Như Lai có công đức đại từ đại bi, năm phần pháp thân vô lượng vô ngại. Do cảnh giới nầy không

thể nghĩ bàn. Nếu có kính dưỡng cũng không thể nghĩ bàn. Cho nên quả báo cũng không thể nghĩ bàn.

Kế lại y theo giáo tu tập từ bi bốn tâm vô lượng, vì sao như thế? Vì tâm Chư Phật gọi là Đại từ, nay không tụ tập thì hạnh khác với Phật, không làm sao thấy được. Nên khi niệm Phật hành tu từ quán. Hành giả sơ tâm muốn tu từ, ở chỗ vắng ngồi yên buộc niệm vào tất cả chúng sanh ở mười phương đều như người thân của mình không nghĩ đến nhuế ngại, đầy đủ bốn thứ cung cấp như trên. Hoặc một phút, một giờ, một ngày có công năng sinh ra công đức. Tùy tâm phân lượng không thể hạn lượng.

Kinh Đại Bi chép: Nếu người tu từ trong lúc xả mạng thấy Phật mười phương đưa tay xoa đầu mình, nhờ tay xúc chạm nên tâm rất an vui, liền được vãng sanh cõi Phật thanh tịnh. Tôi thấy thế gian tánh hạnh mềm mỏng. Vào nơi an ổn như ý tự tại. Bản tánh thô sơ, lúc sắp chết hoảng hốt, khi sắp nhắm mắt không nói năng được “dù có khéo dạy bảo cũng không lãnh hội được” Ngay sự để cầu hành từ là cùng cực. Nay xem thường không thực hành, chỉ là nghiệp ác không có lòng từ bi, phải theo đường ác. Nên kinh chép: Như thế tu từ thấy vô lượng Phật. Nếu tu pháp duyên vô duyên từ, đủ bốn vô lượng thì được Phật đạo.

6. Nói về Thọ ba Tự Quy, và mười thiện giới: Vì các đạo tục có hiểu biết, đều phải quy y Tam bảo thỉnh cầu che chở, được công đức không thể hạn lượng.

7. Chúng y cứ theo giới: trước đã thọ quy y, không ngăn lại thọ trùng cảm vô tác. Thiện ác đã như vậy giới cũng chung với điều đó. Nếu chưa thọ giới mà dừng được thì chỉ thọ ba quy phiên tà, mỗi ngày phân ra sáu thời, theo thời mà thọ. Hiển rõ quy y Tam bảo tự thệ không trở lại, người thọ pháp nói rằng: Con ... trọn đời quy y Phật, quy y pháp, quy y tăng [Tâm sinh miệng nói nhất tâm hướng về Phật. Như trên nói ba lần gọi là được quy pháp].

Con... trọn đời quy y Phật rồi.

Quy y pháp rồi.

Quy y tăng rồi (nói ba lần tự thệ thọ xong).

Như Kinh Thiện Sinh chép: Nếu người thọ ba tự quy, được quả báo không thể cùng tận. Như Tứ Đại Bảo Tang nêu: Trong bảy năm nhân dân trong nước vận xuất bất tận, thọ ba quy thì phước người đó hơn người kia, không thể tính kể. Còn Kinh Giảo Lượng Công Đức chép:

Đầy khắp trong bốn hữu châu, quả Nhị thừa có người trọn đời cúng dường, cho đến xây tháp cũng không bằng. Người nam người nữ

nói thế nầy: Con ...quy y Phật, Pháp, Tăng, được công đức không thể nghĩ bàn, vì trong các phước chỉ có Tam bảo là hơn hết. Nếu khởi chê bai mắc tội vô biên, lấy thiện ác ví dụ đồng. Kỳ Vực Điều-đạt đồng làm thân Phật ra máu, vì tâm có thiện ác. Đến đỗi cướp mạng được khổ vui. Còn Kinh Tạp A-hàm chép: giao chiến với Tu-đạt: Khiến thọ Ba quy cuối cùng sinh lên cõi trời. “Có người mang”là vì đứa con trong thai mà thọ ba quy. Sinh ra rồi lại thọ. Sau có tri kiến lại dạy ba quy. Dù có người tôi tớ, làm thuê, người mang thai sinh con cũng dạy như thế. Nếu mua tôi tớ thọ ba quy và năm giới, rồi mới mua người đó. Không thể không mua cho đến xin của cải. Nêu dứt thọ ba quy rồi mới cho người đó. Nếu có người thí Tam bảo vật, theo Thế tôn nghe xưng danh. Chú nguyện bèn được sinh lên cõi trời. Phật nói: Lành thay! Như lai có tri kiến vô thượng, xét biết phương tiện đều được sanh lên cõi trời. Nên Kinh Xử Thai chép: “Phật bảo Di-lặc” bằng bài kệ: Ông được người ba hội, là chỗ ta giáo hóa trước, 96 ức người thọ năm giới của ta. Kế đến là người Ba quy, 92 ức là một xưng Nam-mô Phật. Trừ rộng như Kinh Chánh Niệm. Quả báo thọ quy sinh lên cõi trời thọ vui. Kế đến chép: “Thọ pháp Thập Thiện”. Nghĩa là thân ba, miệng bốn, ý ba hạnh lành. Mười nghiệp giới nầy Tông của Thiện. Nay phần nhiều y theo tướng, ít người thọ giới. So có người ngu không chịu thọ quy y chép: “Không làm việc ác tức là thiện”. Ở đây cho là không đúng. Trước hết phải nguyện không làm các việc ác. Y theo nguyện khởi hạnh có khả năng vâng theo. Nếu không dự làm liền khởi thiện như thế không có khuôn phép. Sau gặp duyên liền tạo tội không ngừng, do trước không nguyện nên làm các việc ác. Bậc Đại Thánh biết cơ nên khiến thọ thiện “Nếu nói tôi không làm ác chính là Thiện” thì Ông không làm lành cũng không phải là ác, như thế trâu ngựa lừa la không sát sinh, há là thiện ư? Đây là tâm ở vô ký, không có nghiệp tội phước nên phải khởi niệm chuyên chí sâu nặng mới thành nghiệp đạo. Nên Kinh Vị Tăng Hữu chép: Hạ phẩm Thập thiện nghĩa là khoảng một niệm. Trung phẩm thập thiện là khoảng một bữa ăn. Thượng phẩm Thập thiện là từ sáng sớm đến giờ Ngọ. Trong thời gian nầy tâm niệm Thập thiện, ngừng dứt Thập ác. Nên Dã can tâm niệm Thập Thiện. Bảy ngày không ăn sinh lên cõi trời Đâu-suất. Còn Kinh Thượng Sinh chép: Khi ta diệt độ, bốn chúng tám bộ muốn sinh lên Đệ tứ Thiên, phải từ một ngày đến bảy ngày buộc niệm ở cõi trời kia, giữ giới cấm của Phật. Nhớ nghĩ đến mười thiện, hành mười thiện đạo. Hồi hướng công đức nầy nguyện sanh trước Phật Di-lặc thì tùy niệm vãng sanh. Nói bảy ngày là nói gần mà còn cảm

cõi trời kia, huống chi một đời mà không đạt được hay sao? Hỏi rằng; 'Trên trời quả báo cao quý không thể nghĩ bàn, làm sao bảy ngày mà cảm được đại phước.

Đáp: Nhân lành tuy nhỏ nhưng được quả báo rất lớn, như một đóm lửa có thể thiêu cả khu rừng. Một điều lành nhỏ còn phá được ác lớn. Lại một niệm tà kiến phỉ báng Đại thừa, tuy rất ngắn nhưng nhiều kiếp chịu khổ. Nghiệp nhân quả đạo lý không thể nghĩ bàn không thể dùng phàm tình mà ức đoán được. Kế là nói thọ pháp có theo sư thọ, không thầy tự thọ như Ba quy ở trên. ba tự quy rồi, miệng tự phát lời nói. Con ... trọn đời đối với tất cả chúng sanh, khởi lòng nhân từ, ý không khởi tâm sát. Chín điều thiện sau nên lệ theo đây mà không lặp lại văn rườm rà.

8. Nói phát tâm Bồ-đề: Bồ-đề dịch là Giác. Tự giác, giác tha nên gọi là Phật, hành giả đã ở trong Phật pháp tức hạt giống Phật. Phải phát giác cầu tác ý quán độ. Đây là đi đến bến cầu của quả Phật, thành căn bản của muôn hạnh. Như bao trùm hư không muôn tượng, như biển nhận nước trăm sông. Nếu không trước xây dựng tâm nầy thì khởi hạnh liền mê mất. Bồ-đề nầy có tướng thế nào? Nay muốn phát tâm có lý có hạnh, ở duyên thì hai, ở lý thì thông. Không như vậy chân tục cả hai trái nhau, chẳng phải nghĩa chánh pháp. Nói lý phát là là tự tâm năm ấm các pháp bản tánh vô ngã. Biết rõ điều quan trọng nầy gọi là tâm Bồ-đề. Nên kinh Tịnh Danh chép: Tịch diệt là Bồ-đề, lìa các tướng nên giả danh là Bồ-đề, vì danh tự không nên như kinh Vấn Bồ-đề chép, tướng Bồ-đề là ra khỏi ba cõi hơn pháp thế tục. Ngôn ngữ đoạn diệt các phát không phát, đó gọi là phát tâm Bồ-đề, các kinh như thế nêu lên tướng của tâm. Nên gọi là phát tâm. Tâm nầy thể vốn thanh tịnh, rốt ráo đạt được lý nầy thì tác nghiệp khiến cho thanh tịnh, nên gọi là phát tâm, tức gọi là hành. Hành giả an dừng tâm như trên, đã sinh tâm đa dục, ta vào Phật đạo rộng độ chúng sanh, gốc lành đã tu đều hồi hướng vô thượng Chánh giác. Nên luận Trí Độ chép: Nếu người phát tâm nói ta nhất định phải thành Phật. Đã qua các thế gian nên thọ sự cúng dường cao quý. Còn luận Thập Trụ chép: Nếu người phát tâm cầu Phật không dừng nghỉ, có người dùng tay chỉ thế giới Đại thiên, trụ ở kiếp không chẳng có gì là khó. Nếu phát nguyện nói tôi sẽ thành Phật là người ít có. Vì sao? Vì người đời tâm kém không có chí lớn.

Luận Phát Bồ-đề tâm chép: Có mười Đại chánh nguyện thường dốc lòng tu hành.

1. Nguyện ta đời trước và thân nầy gieo trồng gốc lành, thí cho chúng sanh hồi hướng Phật đạo: Khiến nguyện nầy của ta từng niệm

tăng trưởng đời đời sinh ra cuối cùng không quên mất, là được Đà-la-ni che chở.

2. Nguyện đem chỗ sinh gốc lành nầy, gặp Phật thường được cúng dường, không sinh vào nước không Phật.

3. Nguyện tôi được gần gũi Chư Phật, theo hầu hai bên như bóng theo hình. Đã được gần gũi Phật, Phật nói pháp cho ta nghe thành tựu năm thông.

4. Nguyện thông đạt thế đế giả danh, truyền bá hiểu nghĩa Đệ nhất, được trí chánh pháp.

5. Dùng tâm không nhàm chán, vì chúng sanh nói chỉ dạy lợi ích vui mừng, đều giúp cho khai mở hiểu biết.

6. Nguyện dùng thần lực Phật, khắp cả các thế giới ở mười phương, cúng dường Chư Phật nghe nhận chánh pháp. Rộng nhiếp chúng sanh.

7. Nguyện con thuận theo pháp luân thanh tịnh. "Tất cả chúng sanh nghe pháp ta",nghe tên ta" thì xa lìa được phiền não.

8. Nguyện tùy theo chúng sanh ủng hộ và ưa thích xả thân mạng tài sản, gánh vác chánh pháp trừ không lợi ích.

9. Nguyện con tuy hành chánh pháp, tâm không có việc nào thực hành, cũng không có việc nào không thực hành vì giáo hóa chúng sanh nên không xả chánh nguyện.

10. Nguyện mười đại nguyện nầy của con trùm khắp chúng sanh giới. Nhiếp thọ tất cả hằng sa các nguyện. Nếu chúng sanh giới cùng tận thì nguyện của con mới cùng tận. Nhưng vì chúng sanh giới không thể cùng tận. Nên nguyện con đây cũng không thể cùng tận. Hành giả phát chánh nguyện như thế, kế thọ ba nhóm tịnh giới của Bồ -tát. Văn ấy khác nên không nói đầy đủ, nếu người. Cần xem thì như trong Chánh Hạnh Nghi quyển Hạ.

Nói về đọc tụng chánh kinh điển của Phật: Vì kinh giáo Đại thừa liễu nghĩa nầy, tuyên nói pháp sâu xa thanh tịnh không. Do từ pháp thân Như lai lưu xuất ra. Hành giả đem tâm thanh tịnh ái trong Đại thừa mà thọ trì, đọc tụng, biên chép, cúng dường, cho đến thừa khác có bao nhiêu kinh điển đều từ Đại thừa lưu xuất ra. Ta cũng thọ trì vô tướng trái nhau. Cho nên công đức được thấy Chư Phật. Như Đại Phẩm nói. Nếu có người thọ trì văn tự Bát -nhã, gần gũi đọc tụng, nhớ niệm viết chép thọ trì các thú cúng dường, không rơi vào đường ác, thường thấy Chư Phật. Từ một cõi Phật đến một cõi Phật, cũng dùng cúng dường Chư Phật. Kinh Niết-bàn chép: Nếu vì sợ sệt nên lợi dưỡng và phước đức, viết một bài kệ kinh nầy, thì sinh về cõi Bất động. Nếu vì mong

phước lợi một ngày đọc tụng kinh.. Hoặc tự thân tài bảo thì cho người nói pháp. Nếu nghe, viết, chép, thọ trì và đọc tụng Bí tạng của Chư Phật thì sinh về cõi Bất động. Lại kinh Kim cương Tam-muội chép: Nếu có tạm nghe trí tuệ cao siêu của Phật. Thân tâm vui theo không sanh phỉ báng thì trong trăm ngàn kiếp không rơi vào đường ác, chỗ sinh được gặp Phật, cho đến niệm pháp thân Phật.

9. Nói về cúng dường Xá-lợi, đúc hình tượng Phật: Như Đại Phẩm chép: Phật thấy lợi ích nầy nên vào Tam-muội Kim cương thân nát như hạt cải. Nếu được xá lợi Phật tùy khả năng mà cúng dường. Người nầy thọ vui trong loài người, trên cõi trời, cho đến khổ hết nhưng phước không hết. Còn Kinh vô Thượng Ý chép: Giả sử thế giới Ta-bà nầy nghiền nát thành cát bụi, đều là bốn quả, Bích-chi Phật. Có người trọn đời cúng dường cho đến xây tháp. Phước đó tuy nhiều nhưng không bằng. Người nam người nữ lấy xá-lợi Phật như hạt cải để xây tháp. Như A-ma-lặc-đại. Đại sát như cây kim lớn, lộ bàn như lá táo to, tạo tượng như hạt gạo lớn. Công đức nầy hơn cả vô lượng không thể nghĩ bàn ở trước. Nếu không hồi hướng đạo vô thượng lấy công đức nầy nhóm hết cát bụi số của Ta-bà thế giới, làm lục dục Thiên vương Chuyển luân Thánh vương không thể nói hết. Lại kinh Niết-bàn chép: Nếu đối với Phật pháp tăng cúng dường một ngọn đèn. Cho đến dâng cúng một bông hoa thì sinh vào cõi Bất Động. Khéo giữ gìn tăng vật, lau quét đất Phật tăng, tượng tháp chừng bằng ngón tay cái. Thường sinh tâm hoan hỷ cũng sinh về cõi Bất động. Đây là Tịnh Độ thường trang nghiêm không bị ba tai làm động.

10- Nói về tu tập chánh quán: Chí lý chân cực không ngoài nhân không và pháp không. Chỉ Phật đạo có, còn đạo khác thì không. Do nhân không và pháp không, nên hai chấp dứt ở đây. Tất cả phiền não không có nhân được sinh. Nên kinh Kim Cang Bát-nhã chép: Tất cả bậc Thánh đều do vô vi mà được tên. Đây nghĩa là Thánh Hiền Ba thừa sâu cạn có khác. Đến khi nhập chứng chỉ ở hai không, Hành giả tu học nên y theo Địa trì.

Luận chép: Pháp tu hành là gá vào thân rỗng không vắng lặng không có du hành. Miệng im lặng ít nói, ít ngủ, thường tỉnh giác. Thường ăn một bữa không ăn nhiều thứ. Suy nghĩ các pháp Như lai đã nói. Biết chẳng phải có không vì chỗ biết đó trùm khắp các pháp khiến được khéo hiểu. Dùng văn nầy để chứng minh hành giả phải biết. Quán sát tự tâm, từ xưa đến nay tự tánh thanh tịnh. Chẳng phải không, chẳng phải có, chẳng phải nhiễm, chẳng phải tịnh. Lìa các phân biệt chỉ là vọng

tưởng, đến nỗi có phải quấy, được mất, thêm lớn cái nhân của tội phước. Nay đạt được bản tánh có thể xa nói nguồn xa. Thường thực hành quán nầy không thấy nhân pháp tức là đạt không, Không vốn vô hình làm sao khởi vọng? Như vậy tất cả tác nghiệp động thân vận tưởng, không được thất niệm. Như trên đã nói. Đây là thật quán, tên khác là hư giải. Kinh Hoa Nghiêm chép: Quán sát các pháp và cõi nước chúng sinh thế gian đều vắng lặng Tâm không có sở y, không có vọng tưởng, đó gọi là Chánh niệm Phật Bồ-đề. Lại nói nếu muốn được thật trí phải lìa các vọng tưởng. Có không đều thông đạt, mau làm thầy trời người. Hành giả tu hành pháp quán nầy một thời một niệm. Công đức vô biên. Nên kinh Ca-diếp chép: Tất cả phước đức của chúng sanh, trong Đại thiên như vua Di-ni không bằng. Có người tu pháp viễn ly tâm thanh tịnh tương ưng giải các pháp không, không đến không đi, như thế ít nhẫn công đức thí dụ chẳng thể kịp. Còn kinh Phổ Hiền Quán chép: Nếu có ngày đêm sáu thời lễ bái mười phương Phật, tụng kinh Đại thừa hiểu nghĩa Đệ nhất pháp không sâu xa. Một búng ngón tay, trừ được tội sinh tử trong trăm muôn ức Na-do- tha hằng sa kiếp. Hành pháp nầy thật là Phật tử. Người thực hành pháp nầy thật là Phật tử. Từ Chư Phật sinh, Chư Phật mười phương và các Bồ -tát là Hòa thượng của người đó. Đó gọi là cụ túc Bồ-tát giới không cần yết ma, tự nhiên thành tựu, xứng đáng nhận của tất cả trời người cúng dường.

Bài 10: TRÌNH KHÍ TRẦN TÍCH

Biểu thị cho tâm nhân quán hình mộc đạo.

Nội tỉnh tự tật thác sự hưng từ.

Tôi mỗi năm dần suy yếu, sáng tối thay nhau hết. Chẳng học trang nghiêm lấy gì nương theo kịp. Lại soạn thuật hành tướng thật nhiều. Tùy thời cứu cấp toát yếu cũng đầy đủ, nay có xem mới chí đạo theo nhau hỏi chỗ cần thiết. Đời Lý thường theo lễ kính là cần thiết. Tôi quản lý soạn chép đặt thành bài châm, minh, công việc rất khổ nhọc rồi trở lại viết lời tựa, gồm mười bài, giữ gìn ba nghiệp. Trên mở mang Phật đạo, dưới nhiếp mình và người, văn từ dạy rất kỹ lưỡng, nghĩa còn thiếu sót, ngõ hầu người đọc hiểu được ý kinh. Nếu còn có chỗ thiếu sót xin thương tình chỉ bảo thêm.

Thích Môn Quy Kính nghi quyển Hạ
(HẾT)

Quy Kính Nghi là Tổng hợp tông chân tục, quy về nghiên cứu chỗ cùng cực của sự lý. Văn dón ngọn nghĩa dồi dào. Cho nên rộng khuyên năm chúng mở ấn bản. Từ xa mong ba hội quà tặng lợi ích mà thôi.

Nhật Bản niên hiệu Vĩnh Nhân năm thứ 3

Năm Ất Mùi tháng 2 nhuần_Ngày_tháng.

Ngu Đông Sơn Tuyền Dũng Tiểu Tỳ- kheo.

Quán Chiêu kính ghi.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 166

GIÁO GIỚI TÂN HỌC TỲ KHEO HÀNH HỘ LUẬT NGHI

SỐ 1897

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1897

GIÁO GIỚI TÂN HỌC TỲ-KHEO HÀNH HỘ LUẬT NGHI

Nam Khê Viên Hải ở Duyên Sơn soạn.

LỜI TỰA KHẮC LẠI GIÁO GIỚI LUẬT NGHI

Các luật nghi thiện là trụ đá của nhà Phật, là lầu đài đạo phẩm của thiền định, đều lập trên nền tảng này. Đại sư Nam Sơn có soạn hành sự sao được mấy quyển, nay để rộng dạy về học phong Tỳ-ni, nhưng văn mênh mông khó hiểu, nên soạn sách này để giảng dạy giúp, người mới học, nên văn gọn mà nghĩa sâu nên rõ hành tướng điều kiện chỉ tay có thể bảo là đến mức. Thượng nhân ở Ngưu Môn Chánh Định giáo viện huyền ngã quyên y bát giúp phiên khắc lưu hành ở đời. Nay lại muốn giao cho Duyên Sơn tôi tập bản để truyền khắp bốn phương. Một hôm, Thượng nhân đến dự tính với tôi, tôi vui mừng đem hết chí mình bàn tính với các Thượng tọa, Thượng tọa chấp thuận bèn in ra thì chí nghĩa sáng sủa, chương cú rõ ràng, lại là bản tốt nhất. Người xưa nói lưu thông pháp không gì bằng in ra. So ra ý Thượng nhân cũng giống như ở đây, ngày nào đó tôi cùng các vị giảng sách này. Do đây tôi có vài lời thô thiển dẫn nguyên do.

Tháng giêng mùa xuân năm Mậu Ngọ.

Nam Khê Viên Hải ở Duyên sơn soạn.

GIÁO GIỚI TÂN HỌC TỲ-KHEO HÀNH HỘ LUẬT NGHI
(DẠY RĂN TỲ-KHEO MỚI HỌC THỰC HÀNH GIỮ GÌN OAI NGHI)

Sa-môn Đạo Tuyên ở núi Chung Nam Soạn.

Xưa mới vào đạo môn, chưa am hiểu hạnh này, phải vâng thừa lời dạy thì chỗ tuân thừa mới hiểu luật nghi. Nếu thiếu thầy chỉ dạy thì chỗ giữ gìn có mù mờ, không chính xác. Cho nên biết chẳng có giáo giới thì mãnh tướng ai nói, chẳng có phép tất thì đâu bày. Nhưng sự hành hóa của Phật Thích-ca vốn ở Tây thiên. Từ khi kinh thâu quang thì lời dạy truyền sang Đông Hải (Trung quốc), dạy giáo gồm Tiệm Đốn, rảy nước Định khắp cõi Tam Thiên. Chế giới nặng nhẹ đây phân huân giới hương ở trăm ức, luật chế năm năm y chỉ, mục đích là điều phục sáu căn. Người có trí cho lìa thầy, kẻ vô trí thì phải trọn đời gần thầy. Nhiều người sơ tâm ở Đạo, gặp việc chưa hiểu, chẳng hề tìm hiểu giáo chương, đối với Pháp có lưới nghi, hoặc chẳng phải chế mà chế. Chế ấy liền trái, hoặc bảo ta là người Đại thừa cũng chẳng thực hành pháp Tiểu thừa, chúng như thế chẳng phải hai, ba người.

Ở đây, trong thì trái với tâm Bồ-tát, ngoài thì thiếu hạnh Thanh văn, bốn nghi đã không pháp nhuận nên gọi là chúng sanh khô khao. Các thứ này xưa nay chẳng hết, nếu chẳng phải bậc trì pháp đạt sĩ thì ai có thể xét. Lúc đó, có người học vận tình sơ tháo, người cầu thực hành thì ít mà người cầu hiểu thì nhiều, ở chế nghi thường rất phù mạn. Vì chẳng tu Thiền na, tam-muội mãi trái với tâm chân trí, chẳng quen với các luật nghi thiện nên khó thành thắng hạnh.

Cho nên, xưa nay nguyên do Đại đức thật vì đời, nhiệt thành ở đạo nghi, thanh bạch tròn ở giới phẩm, khí cao như tinh hán, oai nghi khoan thai, oai trọng núi gò, tên lưu sông biển, ngang dọc tài giỏi, học cao ngàn tầm, hạo hạo thâm từ tiếng tăm muôn khoảnh, có đức sư tử, hiệu oai nghi Tương Vương, trời người ngợi khen, rồng thần khâm phục. Thật bảo là trời sinh có cảm, đời chẳng hề không.

Do đó đức sáng rực rỡ, truyền sáng mãi không dứt. Nhà hạnh bền

chắc thật là chân tăng. Tôi bèn hạ lưu mà thật thẹn với thượng đức. Y cứ theo giáo mà soạn lời dạy này để đem trình cho những người chưa nghe. Phàm gốc của giới luật thì lý ở chí vâng hành, bèn khiến trong tự tăng tâm lành, ngoài khiến nghi pháp dễ xem. Tất cả các hạnh, điều kiện chép rõ để làm sáng tỏ cho người mới học sau này, và đề tựa rằng: Hành tướng pháp đều đủ bốn trăm sáu mươi lăm điều, nêu rõ ở sau.

1) Phép vào chùa (11 điều)

1. Đến ngoài cửa chùa phải đầy đủ oai nghi.
2. Vào cửa chùa, quỳ xuống lễ bái, khen ngợi Phật như thường lệ.
3. Xếp tọa cụ chấp tay cúi mình, sau mới nghiêm nghị nhìn thẳng từ tốn đi dọc hành lang.
4. Chẳng được buông thông hai tay, phải có vẻ kính sợ.
5. Chẳng được đạp bóng chùa tháp.
6. Gặp vị Tôn túc ở trước điện chẳng được lễ bái.
7. Nếu vào điện tháp phải chấp tay đi nhiễu bên phải, chẳng được đi bên trái.
8. Ra khỏi cửa điện, tùy theo cất bước chân.
9. Hỷ mũi phải ở chỗ vắng.
10. Phải tham, lễ bậc Tôn túc.
11. Phải biết chỗ đại tiểu tiện (nhà vệ sinh).

2) Pháp đứng trước thầy (có sáu điều)

1. Chẳng được đứng ngay trước thầy.
2. Chẳng được đứng ngay sau thầy.
3. Chẳng được đứng quá gần.
4. Chẳng được đứng quá xa.
5. Chẳng được đứng chỗ cao hơn thầy.
6. Chẳng được đứng trên gió, phải đứng chệch sang một bên trước thầy, cách bảy thước.

3) Phép thờ thầy có (*năm mươi mốt điều)

1. Thường nhìn sắc mặt thầy, chớ để trái ý thầy.
2. Hễ đến chỗ thầy phải đủ oai nghi.
3. Ở trước thầy, không nên lễ kính người ngang hàng.
4. Ở trước thầy không được nhận người lễ bái.
5. Đứng trước thầy, thăm hỏi phải chấp tay cúi mình.
6. Nói chuyện với thầy chẳng được tranh hơn.

7. Thường nói nhỏ nhẹ.

8. Thầy nói chưa xong thì chẳng được nói.

9. Hễ muốn làm việc phải thưa trước với thầy.

10. Thầy dạy dỗ phải thuận theo chẳng được trái ý cãi lại.

11. Hễ được dạy dỗ thì phải lễ tạ.

12. Nếu bị quở trách thì phải nói lời nhỏ nhẹ, tự trách sám hối.

13. Bị thầy quở trách không nên giận ghét.

14. Thấy quần áo mũ khăn của thầy dơ thì phải bạch thầy giặt cho sạch.

15. Thấy quần áo y phục của thầy rách thì phải may vá lại.

16. Phải sắp đặt giày dép, xếp gấp y áo của thầy cho ngay thẳng.

17. Rửa bát thầy trước, sau rửa bát mình.

18. Phải nên để ý chớ nói cười ồn ào.

19. Chẳng được đi nằm trước thầy.

20. Chẳng được thức sau thầy.

21. Hễ đến phòng thầy, đến cửa thì trước phải búng ngón tay rồi mới vào.

22. Buổi sáng sau ba giờ mới thưa hỏi việc với thầy.

23. Phải tránh xa chỗ thầy ngồi, chớ nên đường đột.

24. Nếu đi theo thầy, chẳng được nói cười ồn ào, chẳng được đạp bóng thầy, phải cách bảy thước.

25. Vâng hành lệnh thầy, phải hổ thẹn nghĩ tu giới định để báo ân thầy.

26. Nghe thầy từ ngoài về phải đến đón rước.

27. Thầy từ ngoài về phải xếp đặt quần áo, giày dép.

28. Thầy muốn rửa chân phải nấu nước nóng giặt khăn lau.

29. Thường quét dọn phòng thầy.

30. Thấy giường thầy có bụi thì phải lau quét.

31. Chẳng được ngồi nằm trên giường thầy.

32. Đến phòng thầy phải đi nép một bên cửa, hễ nép bên cửa nào thì bước chân bên cửa đó (nép bên phải thì bước chân phải).

33. Cửa có rèm sáo ra vào phải vách nhẹ, không nên gây ra tiếng động. Đóng mở cửa cũng không nên gây tiếng động.

34. Bỏ rèm sáo phải lấy tay đỡ ở dưới.

35. Cuốn rèm sáo phải làm cho hai đầu bằng nhau.

36. Xỉa răng, hỷ mũi, khạc nhổ phải ở chỗ vắng.

37. Chẳng để bình của thầy có nước đã qua đêm, kỵ nhất là mùa nắng.

38. Thường khiến bình của thầy nước đầy không được thiếu.

39. Phải thắp đèn đuốc để biết giờ giấc.

40. Tháng mùa đông chớ để phòng thầy thiếu lửa.

41. Tháng mùa hạ phải thường thay đổi quần áo, nệm chiếu cho thầy.

42. Chẳng được ở trước mặt thầy dua nịnh người khác và nói lỗi xấu, chết rồi phải đọa địa ngục, phải rất răn chừa. Rộng như trong Trí luận có nói.

43. Ở trước thầy chẳng được nói việc vô ích.

44. Ở trước thầy chẳng được móc gãi...

45. Nếu muốn ngáp phải đưa tay che miệng.

46. Chẳng được đắp mền ở trước thầy.

37. Chẳng được rửa chân ở trước thầy.

48. Thầy chưa bảo ngồi chẳng được ngồi.

49. Thầy chưa cho đi chớ đi.

50. Thầy muốn ra khỏi chùa phải chuẩn bị đầy đủ vật cần dùng.

51. Thầy muốn lên nhà trên (thượng đường) phải rửa bát cho thầy, xem việc đóng cửa...

4) Phép ở chùa (có ba mươi mốt điều)

1. Không được gượng biết việc người, nói lỗi người.

2. Không được vào cuộc tranh cãi với người.

3. Không được rêu rao lỗi xấu của người.

4. Chẳng được đập phá tường vách.

5. Chẳng được viết bậy trên tường vách.

6. Thấy điện tháp chẳng sạch phải quét rửa cho sạch.

7. Đi chẳng được buông tay.

8. Đi chẳng được liếc ngó hai bên.

9. Đi phải ngó xuống đất, cách bảy thước, tránh đạp dế kiến.

10. Nếu tay cầm vật giữa đường gặp vị Tôn túc phải để một bên mà thưa hỏi đúng pháp.

11. Chẳng được nhảy vượt tường vào, trừ các duyên hội y, hội hạ, v.v...

12. Chẳng được vác gỗ đi hoặc đứng trước vị Tôn túc.

13. Chẳng được đắp y ca-ca trùm kín cả hai vai.

14. Phải thường buộc thắt y ca-sa.

15. Khi mang giày dép phải đi sát đất, chớ để gay tiếng ồn.

16. Hỷ mũi, khạc nhổ phải ở chỗ vắng.

17. Chẳng được ngồi trên ngạch cửa.

18. Chẳng được đạp lên bậc cửa.

19. Chẳng được vào chỗ cười giỡn.

20. Ở các mùa xuân, hạ, thu, đông chẳng có việc cần không được đi khắp nơi.

21. Chẳng được ác khẩu mắng nhiếc người. Như kinh nói khẩu nghiệp rất nặng, phải rất cẩn thận.

22. Chẳng được giận hờn chửi mắng gió mưa.

23. Chẳng được đi mau, phải học cách đi của trâu đầu đàn, voi đầu đàn.

24. Dưới hành lang chẳng được đi giữa đường.

25. Phải đi nép một bên đường là có lễ.

26. Đi dưới hành lang không được lớn tiếng nói cười.

27. Phải biết đại tiểu tiện đúng chỗ.

28. Không có duyên sự chớ vào phòng viện của người.

29. Thường phải từ bi nhu hòa khéo thuận, luận chép: hễ nói từ là ý ở nhu hòa, bị người khác quấy rầy, chọc phá mà chẳng giận hờn. Hễ nói bi là ý ở lợi ích khéo thuận theo tâm chúng sinh.

30. Ra khỏi phòng viện chẳng được xung đột bậc Tôn túc.

31. Đi dưới hành lang chẳng được ngâm vịnh.

5) Phép ở viện (có năm mươi lăm điều)

1. Thường siêng tu chánh nghiệp, chẳng được bàn luận việc đời.

2. Phép lọc nước, trước phải lấy gáo khuấy nước cho trùng lãng đi chỗ khác.

3. Phải dùng lụa lọc có ba lớp dầy mà lọc nước.

4. Thùng gáo múc nước chẳng để bừa bãi quanh giếng.

5. Thùng kéo nước lên đến miệng giếng, lấy nước rửa thùng rồi mới lau khô.

6. Khi lọc nước thùng, từ miệng giếng ra, không được để cho giọt nước rơi ngoài mành lụa lọc.

7. Nước chảy xuống không được rót vào chậu, nếu có giọt nước rơi vào thì phải lọc lại.

8. Mùa hạ trời nóng, nước qua đêm thì có trùng sinh, buổi sáng thấy nước giờ ngọ trùng sinh thì phải lọc lại.

9. Mùa đông lạnh quá có băng, không được dậy sớm lọc nước, vì nước lọc trùng đông lại mà chết.

10. Đợi mặt trời mọc lên ấm áp mới lọc nước. Cái thùng và lụa chỉ

cần trong ngoài, phải dầy mịn mới khiến trùng còn lại hết (mới lọc hết trùng) hành tướng của phép lọc nước rất khó, nay chỉ nói lược.

11. Đốt củi phải khô, có sâu mọt phải chẻ ra xem kỹ.

12. Thường phải xem xét lửa đuốc, chớ để mất lửa.

13. Nếu giặt áo lót phải giũ sạch chí rận.

14. Rửa chân và giặt vớ phải dùng một nói chậu riêng.

15. Chậu giặt tịnh y không được rửa chân, giặt vớ.

16. Phơi tịnh y không được phơi trên sào dơ.

17. Giặt y phải dùng bình nước, tay sạch cầm thùng nước mà rót.

18. Rửa giặt phải dùng nước sạch, chậu sạch.

19. Rửa chân xong phải dùng nước sạch tưới lại cho sạch.

20. Tháng hè trời nóng dùng chậu xong phải rửa sạch úp xuống cho khô, không được để ngửa vì trùng sẽ sinh.

21. Đối với thượng trung hạ tọa khải thường giữ lễ tiết.

22. Đối với thượng trung hạ tọa không được nói lời vô nghĩa.

23. Không được nói lời ô uế.

24. Sự nghiệp mình làm phải ân cần hỏi thầy, cầu sinh tuệ giải.

25. Phải thường nghĩ già bệnh chết mà siêng gắng ba nghiệp, thực hành hạnh xuất thế.

26. Thường hổ thẹn nghĩ báo đáp bốn ân, cứu giúp ba cõi.

27. Đối với Tam Bảo thường nghĩ khó gặp.

28. Phải quán niệm xứ, y cứ kinh Đại Tiểu thừa đã nói, ở trong niệm niệm thường gia tâm từ bi, phát tâm Bồ-đề.

29. Phải yêu tiếc vật của Tam Bảo, không nên làm hư hao mất mát.

30. Bát ướt không được để trên giường dây, giường gỗ và chiếu.

31. Nếu có xài dùng hao tổn vật của thường trụ Tam Bảo thì phải đền bồi.

32. Ngồi trên giường trước phải xem chân, nếu gập ghềnh thì không được vội ngồi.

33. Thấy giường giây, giường gỗ ở chỗ trống thì phải dẹp cất.

34. Không được để ghế tốt trên vật hay thuốc đang phơi nắng.

35. Muốn dời giường ngồi không được kéo lê, phải khiêng lên mà dời đi.

36. Cột nhà xiên không được để bình nước.

37. Mặc áo ca-ca luôn cột dây.

38. Chẳng được tay dơ sờ ca-ca.

39. Giặt ca-ca không được dùng tay vỗ, cũng chẳng được lấy chân

đạp.

40. Chẳng được miệng ngâm nước phun vào y ca-ca.

41. Xếp ca-ca chẳng được dùng miệng ngậm, cũng chẳng đươc dùng chân đạp.

42. Không được ngồi mà mặc áo ca-ca.

43. Muốn cầm kinh thì phải rửa tay.

44. Khăn sạch lau tay phải phơi khô.

45. Phải biết trong viện giường chiếu đều sạch, người chạm vào thì tay phải sạch.

46. Làm việc và giặt giũ súc miệng phải mặc y năm điều, nếu không có thì mặc y bảy điều cũng được.

47. Làm sạch giường chiếu thì phải giũ sạch bụi rồi mới dùng khăn ướt lau.

48. Muốn nhận thuốc, trà, và tất cả vật ăn được thì phải lượng sức dùng cho hết. Tùy lúc mà nhận, không được nhận nhiều rồi để dư qua đêm. Phải rất cẩn thận, người thường hay phạm.

49. Dùng gáo múc nước, múc ngang mặt nước là sạch, chỗ thường nằm là xúc, nếu sạch thì chẳng được cầm.

50. Nếu người bị bệnh thì phải từ tâm sớm tối chăm sóc. Trong phòng có người đang ngủ không được đánh vỗ vật gây ta tiếng động, và lớn tiếng nói cười.

51. Nếu từ ngoài về phải gõ cửa, mở khóa nhẹ nhàng, chớ làm kinh động người.

52. Muốn ra khỏi viện phải thưa với tăng trong viện để họ biết chỗ mình đi.

53. Khi mắc đại tiểu tiện phải đi ngay, không được chờ đến lúc quá gấp mà mất oai nghi phép tắc.

54. Phải hai tay cầm bình, chẳng được buông tay để y chạm đáy bình.

55. Đóng cửa mở cửa phải nhẹ nhàng kỹ lưỡng, không được sơ sài đến nổi mất đồ.

6) Phép ở trong phòng (có ba mươi hai điều)

1. Không được ở cùng phòng với người đã năm hạ.

2. Cùng người đồng loại ở chung phòng, mỗi khi cần giúp nhau chớ nên ồn ào.

3. Trong phòng thường để ý, hỏi han nhau phải biết lớn nhỏ.

4. Nếu có lỗi nói năng thì phải xin hoan hỷ, chẳng được để cách

đêm mà kết tội nghiệp.

5. Khen ngợi lẫn nhau, không nên cách mặt nói xấu nhau.

6. Muốn đến phòng viện người khác phải báo cho người cùng phòng biết chỗ mình đi.

7. Xếp y bảy điều phải trước y năm điều.

8. Nếu cởi y năm điều thì phải mặc y bảy điều, chẳng được lìa chỗ.

9. Muốn đem lửa vào phòng, khi đến trước cửa phải báo cho người trong phòng biết, bảo rằng lửa sắp vào phòng.

10. Muốn tắt đèn không được dùng miệng thổi.

11. Muốn tắt đèn phải hỏi người trong phòng có còn dùng đèn nữa không.

12. Trong phòng, người cùng phòng đã ngủ thì không được đọc sách ra tiếng.

13. Muốn tụng niệm không được lớn tiếng.

14. Đã là hạ tọa thì việc khổ nhọc phải làm trước.

15. Là việc tốt thì trước phải suy cử Thượng tọa, nhượng ích như biển vốn là pháp của Tỳ-kheo.

16. Chẳng được bàn việc không tốt.

17. Không được cùng nhau tụng tập pháp Hý luận.

18. Chẳng được bắt chấy rận bỏ đầy đất trong phòng, phải dùng bông ủ ấm nó rồi bỏ vào chỗ an ổn.

19. Đi đứng ngồi nằm ra, vào, áo Ca-sa thường phải gần thân.

20. Nếu Đại tiểu, ra vào áo Ca-sa thường phải gần thân.

21. Ngủ thì phải nằm gối, không được làm dơ chiếu.

22. Ngủ thì phải nằm nghiêng hông bên phải, mặt quay ra ngoài, không được quay vào vách.

23. Không được nằm ngửa sải chân, hoặc nằm nghiêng hông bên trái.

24. Nằm không được ở trần.

25. Nằm không được để ba y dưới chân.

26. Đi đứng, ngồi nằm không được suy nghĩ việc xấu ác.

27. Đêm nằm phải thường nghĩ tướng sáng.

28. Trong mùa Hạ, nêm chiếu áo quần đều phải hong phơi.

29. Để giày dép không được cao quá đầu người, trước mặt người.

30. Quần áo y phục phải sạch sẽ không được để dơ bẩn, hôi hám.

31. Không được đốt đèn ở chỗ trống.

32. Trong phòng luôn phải sạch sẽ, không được bừa bãi lộn xộn.

7) Phép đối với bậc A-xà-lê năm hạ (có hai mươi hai điều)

1. Đối với bậc A-xà-lê đã năm hạ phải cột dây áo Ca-sa.
2. Không được đắp y Ca-ca trùm kín cả hai vai.
3. Không được tựa chân, đứng nghiêng một bên.
4. Không được đứng buông thõng tay.
5. Không được cười nói phi thời ồn ào.
6. Đúng như phép thờ thầy ở trước.
7. Nếu có dạy thì cần phải lễ bái.
8. Cần phải có tâm nhún nhường.
9. Đối trước người chẳng được gãi ngứa.
10. Chẳng được hỷ mũi trước người.
11. Chẳng được xỉa răng trước người.
12. Chưa bảo ngồi, không ngồi vội.
13. Chẳng được ngồi chung giường.
14. Chẳng được ngồi nằm trên giường của người đã năm hạ.
15. Phải biết rõ trên năm hạ tức là A-xà-lê, trên mười hạ là Hòa-thượng.
16. Bậc Tôn túc bảo ngồi thì phải chấp tay xá, rồi mới ngồi.
17. Khi ngồi không được vô lễ buông thả, ngả nghiêng.
18. Nếu có nói năng điều gì thì phải khiêm nhường, chớ tranh phần cao.
19. Chẳng được há miệng lớn mà ngáp, phải dùng tay che.
20. Chẳng được dùng tay che mặt.
21. Chẳng được ngáy lớn tiếng.
22. Khi ngồi phải ngồi ngay thẳng.

8) Phép ăn hai thời (có sáu mươi điều)

1. Nghe ba tiếng chuông liền phải ngưng công việc.
2. Trước phải dùng xà bông rửa tay.
3. Mặc quần chẳng được cao quá, thấp quá, phải ngay thẳng ngang mắt cá.
4. Đắp y bảy điều phải cho một vạt thì quá vai, ngang với cổ, các áo khác thì đi ngang dưới nách tay phải.
5. Muốn ôm bát lên nhà trên thì phải dùng tay sạch lau cho khô, ngón tay giữa kẹp khăn.
6. Đến nhà ăn chưa xong thì phải giữ ngón tay và bàn tay chẳng

được để dơ, nếu đường đầu cầm kinh thì chẳng nhọc rửa tay nữa, chỉ dùng hương tịnh thì được.

7. Trong khoảng phân ngoài bát ấy hai phân hướng lên là tịnh, nếu dưới một phân là xúc.

8. Rót nước rửa bát chẳng được quá cao, phải uốn mình thấp đầu rót nước khiến bát cách đất một gang tay.

9. Nếu khiến trẻ đi qua bát cũng đồng với phép Tỳ-kheo kẹp khăn, chẳng được cầm khăn mà khiến trẻ hầu ôm quá nhiều bát... chẳng thể kể ra, nhiều người thường phạm điều này. Nếu riêng khiến quá bát tự kẹp khăn là tốt nhất.

10. Đợi có tiếng chuông liền đúng pháp kẹp khăn cầm bát, để cán muỗng hướng vào mình.

11. Cầm bát chẳng được quá cao hay quá thấp, phải ngang ngực.

12. Khi ra khỏi cửa bậc Tôn túc thì nép mình đi một bên hành lang, không được đi giữa hành lang và không được cười nói ồn ào.

13. Chẳng được đi ngang với Thượng tọa, phải nhường Thượng tọa đi trước.

14. Đi phải nhìn thẳng, cách đất bảy thước.

15. Chẳng được đi mạnh, phải đi từ từ khiến oai nghi dễ xem.

16. Mới vào nhà ăn phải theo ngạch, cửa mà giở chân, khi ra cũng thế.

17. Đến chỗ ngồi, trước phải để khăn, kế mới để bát. Sau tay kẹp lấy giày mà ngồi xuống.

18. Phải kéo tọa cụ trải ra, cũng dùng ngón tay mà kẹp.

19. Khi lễ bái xong, phải xếp tọa cụ lên giường ngồi, chẳng được quì hay đứng dưới đất, phải đợi tiếng chuông gần dứt mới đứng dậy chẳng được quì dưới đất.

20. Lên giường ngồi phải đợt dứt tiếng chuông, chẳng được để tọa cụ trên giường, trên chiếu.

21. Muốn lên giường chẳng được để lộ mắt cá.

22. Khi ngồi, chẳng được để áo lót ló ra.

23. Khi vào nhà trên, chưa có tiếng chuông lễ bái thì phải xếp tọa cụ lên giường ngồi, chẳng được để y phục rũ xuống giường.

24. Khi hành hương, chẳng được lung tay mà phải chấp tay chẳng được nói cười.

25. Chẳng được vội đòi ăn uống.

26. Nếu phải xướng lễ thì phải một Phật một lạy, không được quá gấp quá chậm, khiến không đúng cách.

27. Nếu đọc tiếng Phạm thì phải hết kệ tán chẳng được nửa bài kệ. Khi có ít người phải đọc hết kệ tán chẳng được lược.

28. Nếu trái với tăng chế, nghe tiếng bạch chùng liền xuống, chẳng được chống cự.

29. Phải xếp các nếp gấp, chẳng được ngồi mà đắp y Ca-sa.

30. Mở khăn ăn, ngón tay chẳng được, chạm mặt ngón tay.

31. khi trải khăn ăn, phải đi cho các bên cân đối.

32. Chén bát phải lìa khăn gối, chẳng được để trên gối.

33. Chẳng được để nước trong bát chảy ra giường.

34. Khi ăn phải để chén bát lìa giường (phải bưng chén bát).

35. Khi ăn, chẳng được quá gấp như người đói, lại phải cầm chén bát đũa đến miệng, chẳng được ăn độn đầy hai má như khỉ.

36. Khi ăn phải ngữa tay.

37. Khi nhận thức ăn không được cầm muỗng xới múc lấy trong tay tịnh nhân.

38. Chẳng được dùng muỗng trao cho tịnh nhân, khiến cho lấy thức ăn trong thực khí của tăng.

39. Muốn nhận thức ăn có nghi làm mạn tâm nói mạn tâm là như buổi sáng ăn cháo sợ tịnh nhân lầm gọi sẽ nghĩ tất cả cháo đều nhận thì tất cả thức ăn khác cũng đều nhận.

40. Muốn nhận thức ăn nếu làm khắp tâm, nhận được thức ăn rồi thì tâm cảnh trái nhau, thức ăn chẳng thành thọ, lại phải thọ lại giới mới được thành. Nói khắc tâm là như là thọ cháo đậu, nhận xong rồi mới là cháo đậu, gọi là tâm cảnh trái nhau.

41. Muốn nhận thức ăn của tịnh nhân như mạt vụn bánh đẩu tẩu, cho đến nước canh rau, trong chén bát tinh lọc thì phải thọ lại.

42. Phàm muốn xuất sinh cháo không được khiến muỗng sạch để trong bình chén đất xuất sinh của tịnh nhân, nếu để thì phải nhận muỗng lại.

43. Nhận thức ăn, lượng sức ăn nhiều ít chẳng được dư.

44. Muốn ăn chẳng được khuấy trộn hút mút gây thành tiếng.

45. Làm bánh xuất sinh phải bằng nửa đồng xu lớn, cơm chẳng quá bảy hạt, thức ăn uống khác cũng không được nhiều.

46. Xuất sinh thức ăn đều phải đúng pháp.

47. Thức ăn xuất sinh không được đem bỏ thực vật xấu trong chỗ xuất sinh.

48. Xuất sinh phải để ở chỗ cạn bên giường để tịnh nhân cầm lấy, chẳng được dùng tay nhóm lấy, ý phải giữ tay.

49. Chẳng được dùng muỗng nạo chén bát gây ra tiếng động, phải dùng nước nóng mà rửa thì chẳng làm tổn thương sắc bóng trơn của bát, nếu làm tổn thương sắc trơn bóng thì bát dễ bị dơ khó rửa.

50. chẳng được há miệng lớn đút muỗng đầy cơm vào khiến rơi rớt trong bát và dính đầy muỗng. Lại chẳng nên ăn trước Thượng tọa.

51. Một miếng ăn phải đút ba lần khiến đầu muỗng thẳng vào miệng.

52. Chẳng được làm đổ nước tương hay cơm cháo trên khăn mà ăn.

53. Chẳng được để thức ăn trên khăn mà ăn.

54. Nếu có thức ăn thì không được lấy ăn, phải gom lại một chỗ giao cho tịnh nhân.

55. Nếu có thóc phải lột bỏ vỏ trấu mà ăn.

56. Nếu trong bát còn dư thức ăn chẳng được đem về phòng.

57. Ngoài một bữa cơm của thường trụ mà đem về viện thì phải đền bồi.

58. Khi ăn phải sinh hổ thẹn và làm pháp quán.

49. Phải biết ăn cháo có mười điều lợi, đủ như trong kệ nói.

60. Phải biết thì thực có năm thường:

- Sắc.
- Lực.
- Thọ mạng.
- An vui.
- Vô ngại biện.

9) Phép ăn xong ra khỏi trai đường (có mười điều)

1. Trong chúng, ăn xong không được súc miệng gây ra tiếng động.

2. Trong chúng, ăn xong không được phun nhổ nước trong bát và chỗ khác.

3. Nghe tiếng phạm ở trong thế giới thì chấp tay tụng kệ.

4. Ăn xong đã làm pháp đoạn tâm, chẳng được nuốt nước miếng.

5. Xuống giường chẳng được bày mắt cá chân (gót chân?).

6. Ăn xong ra khỏi nhà trên phải nép bên phải, không được ngoái nhìn.

7. Ăn xong ra khỏi nhà trên, khi chưa đến viện và chỗ vắng không được khạc nhổ.

8. Ra khỏi cửa nhà trên phải đi nép một bên hành lang, khiến oai

nghi đàng hoàng thứ lớp mà đi.

9. Chẳng được dụm đầu nói cười mất thứ lớp.

10. Muốn ra khỏi nhà trên phải xếp y vào (hoành bí), sửa ngay thẳng áo Ca-sa chớ để liêu loạn, theo thứ lớp mà đi.

10) Phép rửa bát (*có mười bảy điều)*

1. Xuống nhà trên trở về phòng trước phải dùng nước ngâm bát.
2. Phải dùng nước có ngâm tạo giáp để trong bát khoảng hai lóng tay.
3. Khi xúc miệng, rửa ráy, dùng than và tăm xỉa răng (cành dương) phải ở chỗ vắng, không được đối trước Thượng tọa, phải đưa tay che miệng.
4. Nếu giường để bát ngắn phải nhường Thượng tọa, chẳng được để lung tung, phòng ngừa người khác rửa bát.
5. Muốn rửa bát phải vén áo không để cho dính đất.
6. Muốn rửa bát trước phải tráng nước trong một lần, kế dùng xà bông mà rửa bên trong bát, lại lấy đầy chén nước xà bông mà rửa hết các chất dơ bám chắc thì mới sạch.
7. Muốn rửa bát trước phải rửa bốn bên, kế mới rửa chỗ khác.
8. Không được rửa tay trong bát.
9. Khi rửa bát không được cười nói mà phải chú ý.
10. Rửa bát phải đem ra khỏi giường để bát, cách đất khoảng một gang tay.
11. Không được hỷ mũi xung quanh giường để bát.
12. Chậu sạch và gáo múc nước trước khi rửa bát phải để chỗ sạch, rửa xong phải lấy nước rửa cán gáo mới được cầm.
13. Rửa bát xong, không được dùng miệng ngậm mặt bát mà hóp nước trong bát để súc miệng.
14. Tháng mùa hạ, rửa bát xong phải lau sạch cho khô.
15. Tháng hạ nóng, buổi sáng rửa bát phải dùng nước mới.
16. Nếu nước cách đêm phải lọc lại rồi mới rửa bát.
17. Ăn cháo xong, nếu nhận người mới, bát chẳng thể đem theo thì phải dùng xà bông mà rửa, bất luận xuân hạ thu đông đều như thế.

11) Phép giữ gìn bát (*có mười ba điều)*

1. Chẳng được để bát dưới lan can, trên lan can.
2. Không được để bát dưới vật treo.
3. Không được để bát dựa vào cành tre, nhánh cây.

4. Không được để bát trên tảng đá.

5. Không được để bát dưới cây có trái.

6. Không được dưới cây có trái mà rửa bát.

7. Không được được để bát ở góc giường và chỗ bốn phía nguy hiểm.

8. Không được dùng khăn ăn đựng bát và các vật khác.

9. Chẳng được đi khất thực với trẻ nhỏ, nếu đi khất thực với trẻ nhỏ thì rất trái lời Phật dạy, lại sợ làm bể nên rất kiêng kỵ.

10. Chẳng được một tay cầm hai bát, trừ ở giữa có cách.

11. Nếu đem bát theo bên mình thì miệng bát phải hướng ra ngoài.

12. Chẳng được treo bát ở đầu gậy.

13. Tất cả chỗ nguy hiểm chẳng được để bát.

12) Phép nhập chung (có mười hai điều)

1. Mặc áo phải ngay thẳng.

2. Phải giữ tọa cụ trên cánh tay.

3. Khi ngồi phải biết lớn nhỏ.

4. Chưa đánh chuông chẳng được vào Tiền Đường trước.

5. Thượng tọa chưa ngồi thì không được ngồi trước.

6. Phải giữ sắc mặt nghiêng trang, chẳng được cười nói.

7. Lên giường, xuống giường thì phải biết phép, chẳng được lộ bày đùi vế.

8. Khi ngồi phải trang nghiêm ngay thẳng không thường xao động.

9. Không được nhìn ngó hai bên.

10. Nếu muốn ngáp phải đưa tay che miệng, chẳng được phát ra tiếng.

11. Chẳng được gãi ngứa.

12. Phải nhớ nghĩ bản nghiệp, không được duyên theo điều khác.

13) Phép vào nhà trên Bố-tát (có mười hai điều)

Phải đủ như trong văn sao và nghi Bố-tát, ở đây chẳng nói đủ.

14) Phép lên nhà xí (vào nhà vệ sinh, có hai mươi điều)

1. Khi biết sắp đi vệ sinh nên đi sớm, không được để đến lúc gấp gáp mất oai nghi.

2. Phải hai tay ôm bình không được buông thỏng tay.

3. Đến trước nhà xí có bậc Tôn túc thì phải tránh đi.

4. Đến trước nhà xí phải búng ngón tay ba tiếng, hoặc tằng hắng, ho khạc, biết không có người mới vào.

5. Tùy cao thấp vén áo ngồi chồm hổm, chẳng được vén áo quá cao khiến mình trần.

6. Đêm tối phải dùng que chùi phân, canh đúng lỗ xí cho rộng hẹp dài ngắn, ngay hay không ngay.

7. Chẳng được hỷ mũi ở bốn bên nhà xí, trên ván và trong cửa nhà xí.

8. Dùng que chùi phân xong, phải để vào lỗ, không được để trong ván và trên ván, chẳng được dùng giấy có chữ.

9. Tùy tay phương tiện cầm bình dùng nước rửa đến bảy lần cho sạch, nếu chẳng sạch thì không được ngồi nằm trên giường chiếu của tăng.

10. Dùng nước không được làm ướt bốn bên lỗ xí và trên ván.

11. Chỗ có nhiều người, nếu ngoài nhà xí có người đợi gấp, dầu chưa xong cũng phải ra.

12. Nếu cởi giày dơ chẳng được để chỗ giày sạch thường đi.

13. Nếu tay sạch kỳ rửa thì trước dùng đất vàng rửa hai, ba lần, kế dùng tro mịn mà rửa.

14. Thường chứa đủ que xí không được đủ thiếu.

15. Thường dùng tro, kế dùng đất, chẳng được thiếu.

16. Thấy nhà xí bừa bãi thì phải quét dọn cho sạch.

17. Thấy trong ngoài bừa bãi thì phải quét dọn cho sạch.

18. Khăn lau bất tịnh phải giặt cho sạch.

19. Thấy giày bất tịnh phải giặt cho sạch.

20. Chỗ dùng tro đất không được bỏ bừa bãi.

15) Phép sáu thời không được nói cười (có sáu điều)

Không được nói cười trong sáu thời:

1/ Khi lễ Phật

2/ Khi nghe pháp.

3/ Khi nhóm chúng.

4/ Khi ăn trưa.

5/ Khi tiểu thực

6/ Khi đại tiểu tiện.

16) Phép vào nhà tắm (có mười sáu điều)

1. Phải đủ oai nghi cầm tọa cụ.
2. Tôn túc chưa tắm không được tắm trước.
3. Phải cầm bình.
4. Không được buông thỏng tay cầm bình.
5. Phải ôm bình hai tay.
6. Không được đồng tắm với người năm hạ.
7. Mới cởi áo không được để y Ca-sa dưới y khác.
8. Vào nhà tắm cởi áo sạch để trên sào áo sạch.
9. Cởi áo dơ để trên sào áo dơ.
10. Chẳng được đại tiểu tiện trong nhà tắm, phải dự bị trước sau đó mới vào.
11. Phải tắm rửa từ dưới lên trên.
12. Phải dùng khăn tay ướt, kéo khăn trên lưng mà chà rửa bụi dơ.
13. Phải yên lặng không được nói cười ồn ào.
14. Không được làm bẩn nước nóng, nếu tay chẳng sạch phải dùng bình nước sạch.
15. Chẳng được hỷ mũi trong nhà tắm.
16. Tắm xong, phải dùng nước nóng rửa chỗ ngồi cho sạch, chẳng được để xà bông bừa bãi.

17) Phép thấy Hòa-thượng Xà-lê mà không đứng dậy (có năm điều)

Có năm trường hợp thấy Hòa-thượng, Xà-lê khỏi phải đứng dậy:
1. Khi bệnh nặng.
2. Khi cạo tóc.
3. Khi ăn trưa.
4. Khi ăn sáng.
5. Khi ở trên tòa cao.

18) Phép thấy hòa thượng Xà-lê không được lạy (mười một điều)
1. Ở trước Phật.
2. Ở trước điện tháp.
3. Khi nhóm họp chúng.
4. Khi bệnh.
5. Khi ở trên tòa cao.
6. Khi thầy nằm.
7. Khi thầy rửa bát và cạo tóc.

8. Khi thầy rửa chân.
9. Khi thầy xĩa răng, súc miệng.
10. Khi thầy đang đi đường và ở trong xóm làng.
11. Khi thầy tắm gội và đại tiểu tiện.

19) Phép nuôi bệnh hòa-thượng, Xà-lê (mười hai điều)
1. Thường có tâm hiểu dưỡng, nghĩ là cha mẹ.
2. Không được sợ hôi thúi.
3. Thường nấu thước thang.
4. Đồ ăn kỵ thì chẳng cho ăn.
5. Ăn uống thường khiến cho vừa miệng.
6. Thường tắm rửa, thay quần áo.
7. Thường đổ bỏ cứt đái.
8. Siêng đốt hương thơm.
9. Thường khiến áo quần mền nệm dày mỏng vừa ý.
10. Thường đốt đèn đuốc đầy đủ.
11. Thường làm vừa ý thầy, không được thô tháo.
12. Luôn niệm Bồ-tát Quan Thế Âm mong thầy sớm lành bệnh.

20) Phép kính trọng Thượng tọa (có mười sáu điều)
1. Thấy Thượng tọa phải đứng dậy đón rước.
2. Thượng tọa chưa ngồi thì không được ngồi trước.
3. Thượng tọa chưa nhận thức ăn không được nhận trước.
4. Thượng tọa chưa ăn chẳng được ăn trước.
5. Chẳng được tranh hơn với Thượng tọa.
6. Hễ có việc tốt phải suy cử thượng tọa.
7. Thượng tọa làm việc không đúng phải dùng lời nhỏ nhẹ can ngăn, chẳng được chưởi mắng.
8. Bị Thượng tọa quở trách phải dùng lời nhỏ nhẹ mà sám tạ.
9. Ở bên Thượng tọa chẳng được nói lời chê cười.
10. Phải luôn hạ mình kính trọng Thượng tọa.
11. Bị Thượng tọa trách mắng chẳng được giận dỗi, phải thuận theo Thượng tọa chẳng được trái.
12. Như có việc mời thỉnh phải thuận theo Thượng tọa, không được trái lệnh.
13. Đi phải nhường đường, ngồi phải nhường chỗ.
14. Hễ có việc khổ chẳng được ngồi trước Thượng tọa mà làm.
15. Chẳng được đi trước Thượng tọa.

16. Thấy Thượng tọa thường phải thăm hỏi, không được ồn ào nó bàn chuyện phải quấy.

21) Phép quét đất (có tám điều)

1. Chẳng được làm tro bụi bay lên.
2. Nếu đất khô thì phải rải nước rồi mới quét.
3. Phải quét thuận gió, không được quét nghịch gió.
4. Phải quét thật sạch, không được bỏ sót.
5. Không được quét sau lưng người.
6. Phải quét từ nhẹ đến mạnh.
7. Không được gom rác để ở cửa, hoặc chỗ khác.
8. Quét đất xong rồi phải cất chổi vào chỗ khuất.

22) Phép dùng bình nước (có mười điều)

1. Thường phải rửa bình sạch, đầy nước.
2. Không được mang bình đi đường.
3. Dùng bình nước phải ngồi xuống, không được làm ướt áo quần.
4. Khi súc miệng không được ngậm miệng bình.
5. Không được dùng tro chùi bình.
6. Không được để bình ở chỗ nguy hiểm.
7. Trời hè nóng phải thường thay nước.
8. Chẳng được để bình trên giường mà rửa bát.
9. Cầm bình phải ôm hai tay, chẳng được buông thỏng tay.
10. Thêm bình chẳng được để trên chậu nước, sợ nước dơ nhỏ vào nước sạch.

23) Phép vào xóm làng (có ba mươi điều)

1. Sự đúng như pháp mà bạn chẳng đúng như pháp thì chớ đến.
2. Sự chẳng đúng pháp mà bạn đúng pháp thì cũng chẳng đến.
3. Sự bạn đều chẳng đúng pháp thì cũng chẳng đến.
4. Sự bạn đều đúng pháp thì mới đến.
5. Không có việc cần chẳng được vào nhà thế tục.
6. Nếu có duyên cần cùng chẳng được tự vào.
7. Không có duyên sự không được thường vào chợ búa.
8. Vào xóm làng phải đem theo bình nước.
9. Nếu vào xóm làng ở cách đêm thì phải đem theo ba y, tọa cụ, đãy, bình.

10. Đi phải nhìn thẳng cách đất bảy thước, chẳng đạp trùng kiến, nếu đi với bạn thì phải cách nhau bảy thước.

11. Phải đủ oai nghi không được đi mau.

12. Ở xa thấy quan quyền và người say thì phải tránh.

13. Đi chẳng được buông tay đánh đàng xa.

14. Ở trên đường chẳng được đi chung với người nữ.

15. Ở trên đường chẳng chuyện trò với Ni sư và người nữ.

16. Chẳng được ăn uống rượu thịt và năm thứ rau cay với người đồng đi.

17. Chẳng được vào nhà giết mổ và quán rượu, trừ có mời thỉnh.

18. Chẳng được vào nhà không có đàn ông, trừ có mời thỉnh, có bạn thì đến.

19. Chẳng được vào nhà làm trò ảo thuật, mua bán nữ sắc.

20. Vào nhà thế tục đứng ngồi phải đủ bốn oai nghi, thường làm cho người thế tục sinh điều thiện.

21. Phải thường hộ tịnh.

22. Nếu đến nhà người thế tục quen biết cũ thì phải gõ cửa rồi mới vào.

23. Không được nói cười với người nữ.

24. Không được tà mạng dạy buộc người tục phải bố thí.

25. Không được tự khen đức mình mà chê bai Tỳ-kheo khác.

26. Không được nói cười ồn ào.

27. Không được nói chuyện phiếm thế gian, phải nói lời đúng pháp để tăng thêm tâm lành.

28. Phải giữ gìn ý người thế tục, chớ làm cho họ mất tâm kính tín.

29. Nói lời từ thiện, chẳng được nói lời thô tục.

30. Phải nhiếp giữ sáu căn, chẳng được buông lung.

Như trên là khuyên răn, lược nói như thế ngoài ra các hành tướng đều ở trong giới bản, cần phải ân cần học hỏi tùy giới mà biện tướng, thì cam bộ quán đảnh đề hồ vào tâm, lợi nhuận vô biên, thầy truyền có gốc.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 166

LUẬT TƯỚNG CẢM THÔNG TRUYỆN

SỐ 1898

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1898

LỜI TỰA KHẮC LẠI LUẬT TƯỚNG CẢM THÔNG TRUYỆN

Sa-môn Tuệ Thục ở núi Long Sơn tỉnh Hà Nam soạn.

Đại sư Trừ chiếu ở núi Chung Nam Đời Đường thông suốt ba tạng, rất tinh chuyên về Tỳ-ni, nối nghiệp ngài Đàm-vô-đức hoằng hóa dọc ngang, là đệ tử Phật trong thiên hạ khiến chẳng mất Tăng-già. Giống như mùa xuân khắp đất trời khiến muôn vật đều thấm nhuần. Mà việc hoằng dương. Y theo ý khai triển phù luật đàm thường khiến người học tâm đều ở thừa viên cực. Thánh tăng Tân-đầu-lô có lần hiện thân. Vì Phật diệt độ đến nay hoằng luật bậc nhất há chẳng phải ư? Vì ánh sáng trì giới thù thắng chiếu thẳng đến cung trời, cảm được các trời thần luôn che chở cúng dường tiệc chay. Hễ việc có chất thì mỗi việc đều nêu, hễ thiên thần hỏi liền đáp. Đại sư ghi chép các tướng có bàn về giới luật thành một quyển, tức là Luật Tướng Cảm Thông Truyện. Truyện này truyền ở bang này rất được ưa chuộng, tiếc là bản in chưa khỏi sai lầm. Gần đây, có vị tăng Cao Thuần Nguyên, có nhiều bản mà chọn xét lại và in mới ra nhờ tôi để lời tựa. Xưa, thiền sư Đại tuệ có đọc truyện này, thường lấy việc trong truyện mà chỉ dạy người. Bởi kính ngưỡng Đại sư. Nay có người chẳng tin truyện ấy vội chê bai, đó gọi là muốn vượt ngày tháng thường thấy mà chẳng biết lượng. Hạnh của truyện ấy chẳng đợi tôi nói, chỉ có Thuần Nguyên hiếu học quyết chí phò tông mà nói. Người đọc truyện ấy mấy tăng thêm lòng kính tin.

Ngày rằm tháng 3, năm Mậu Tuất niên hiệu Hưởng Bảo.

LUẬT TƯỚNG CẢM THÔNG TRUYỆN

Đời Đường, giữa mùa Xuân, niên hiệu Càn Phong năm thứ hai
Sa-môn Thích Đạo Tuyên ở núi Chung Nam soạn.

Tôi có thấy Tấn Thái Thường trong Bảo Soạn Sưu Thần Lục nói rằng:

Tấn Cố Trung mậu lệnh Tô Thiều có tài đức, qua đời vào niên hiệu Hàm Ninh, ban ngày hiện hình ở trong nhà. Các bạn thân cũ nghe tin thì cùng đến, thấy ăn uống nói năng chẳng khác người thường. Nếu có người hỏi thì Trung mậu khi còn sống có nhiều bài phú thuật lời lẽ khó tìm, xin kể việc tử sinh có được nghe chăng?

Thiều đáp: "Đâu được giấu diếm". Bèn đòi giấy bút viết bài sinh tử, có lời rằng: Vận tinh khí lìa thân cũ.

Thần diễu diễu rõ huyền minh.
Qui bắc đế tạo phong kinh.
Sùng dùng uất khuếch tranh vanh.
Thăng phụng khuyết yết Đế đình.

Nhĩ bốc thương mất nhan sinh thân đại Thánh hạng lương thành.

Hy ngô quý mến anh minh.
Kháng thanh luận phong tài giỏi.
Phu hoa thao văn sáng tỏ.
Thứ diệu thân đăng côn doanh.

Thọ tộ phước hưởng thiên linh, và các thứ khác bất tận. Mới thấy lời như hoặc nhớ hoặc quên.

Tôi thấy con gái của Lương Sơ Giang bí tụng ra Tịnh độ đại trang nghiêm v.v... hơn ba mươi kinh kịp để mắt cũng có việc này. Duyên xưa có may mắn, gần đây mới tháng hai năm nay đã cảm trời người có Nhược Tăng Diện bảo tôi rằng: Văn đã viết, Tục Cao tăng truyện, Quảng Hoằng Minh Tập... khiến giúp Thánh hóa hiển tùy hỷ đều khen ngợi. Cho đến luật bộ sao lục sớ nghi không đáng nghi ngờ, chỉ đoán vật nặng nhẹ có ít lỗi lầm. Đây không phải lỗi nhân đẩy xô người dịch, vì sao lấy áo quí của vua mà xem đồng với áo tại gia kẻ tục, đều xếp vào trong. Lại vua mặc áo quí đồng với ba y của Tỳ-kheo, trị giá mười

muôn, nên gọi là áo quí, dùng để thí tăng có thể đồng với hạn nhẹ, áo của tại gia ngoại đạo. Đây vốn là tuyệt diệu của xuất gia, ba y chỉ Phật đặt tên người mặc chắc chắn được giải thoát. Thế nên người tại gia, áo tục Phật nghiêm dạy dứt bỏ. Nếu có kẻ quên thì đều thuộc về trọng.

Cho đến ba y lông thú, tướng hượng đồng với ba y. Biên phương cho lấy da làm ngọa cụ cũng là ba y, điều lá ở ngoài, bông mềm ở trong, nước quá lạnh Phật cho làm đạo ắt đến bố hương lại chẳng phải hạn nhẹ, có thể đổi mê trước mà theo ngô sau. Khi Như Lai còn sống còn chế sau bỏ trước, huống chi ngày nay chẳng còn việc mê ngộ. Tôi hỏi từ đâu đến có một vị trời đến kính lễ thành thật kể rằng: Đệ tử họ Vương, tên Phan, là quan đài của Đại Ngô, gặp thầy mới đến lập nghiệp, tôn chủ chưa cho khiến cảm hay có điềm lạ lập miếu phi thường.

Lúc đó, trời đất thần kỳ đều che chở, trong hai mươi mốt ngày cảm được Xá-lợi. Chúa Ngô tay cầm bình đồng rót Xá-lợi xuống mâm đồng, mâm bị lủng, cho đến đem lửa đốt cháy Xá-lợi vẫn còn nguyên. Đám hán trạch Trương dục cũng là trời người giúp đỡ vào trong thân khiến thần trí sáng suốt đối đáp đều họp, nay đều ở trên trời mở mang Phật pháp. Đệ tử là sứ giả của Vi tướng quân Nam thiên. Tướng quân công việc rất nhiều, ủng hộ Phật pháp ở ba châu, có việc đấu tranh lăng nguy, đều đích thân đến hòa giải. Nay phụ vào hòa-nam thiên muốn đến đây, việc trước ngăn cách chẳng bao lâu sẽ đến. Lại khiến đệ tử nói bàn với sư. Chẳng bao lâu lại có vị trời đến bảo là họ La, người nước Thục, nói tiếng Thục, nói rộng luật tướng.

Tướng đầu khi thấy như lễ nghi tục, kể rõ nguyên do có nhiều thứ lớp, bèn có chợt quên. Kế có một vị trời nói họ Phí, kính lễ như trước thưa rằng: Đệ tử sinh ra từ thời Phật Ca-diếp, ở trên trời dưới quyền của vị tướng quân. Các trời say mê tham dục. Đệ tử vì nguyện lực xưa chẳng thọ dục cõi trời mà thanh tịnh phạm hạch rất kính tỳ vi, Vi tướng quân là bậc Đồng chân phạm hạnh, không thọ vui cõi trời. Dưới một vị vua có tám tướng quân, bốn vua có ba mươi hai tướng quân, khắp bốn thiên hạ, trở lại giúp đỡ các vị xuất gia trong bốn thiên hạ.

Châu Hắc Thiên ít có Phật pháp, ở ba thiên hạ kia thì Phật pháp rộng mở. Nhưng người xuất gia phần nhiều phạm giới cấm, ít có người đúng pháp. Đông tây thiên hạ ít có người thông minh, phiền não khó giáo hóa, một châu phương nam tuy nhiều người phạm tội nhưng hóa khiến theo thiện thì tâm dễ điều phục. Khi Phật vào Niết-bàn thì nhận lời phó chúc và khiến giữ gìn chẳng để ma quân quấy nhiễu. Nếu chẳng giữ gìn như thế là phá giới. Ai có hành ngã chi pháp giáp. cho nên Phật

dạy răn chẳng dám làm, tuy thấy hủy giới cấm thương mà hộ trì. Thấy làm một điều lành thì muôn lỗi chẳng xấu, các việc quên dấu vết, chẳng giữ lỗi cũ.

Lại hôi thúi trong loài người xông lên trời cao bốn mươi muôn dặm, các vị trời thanh tịnh đều rất sợ. Chỉ vì nhận lời phó chúc (dặn dò) của Phật, khiến phải hộ trì chánh pháp, Phật còn đồng người, chỉ các trời chẳng dám chẳng đến vì tướng quân trong ba mươi hai tướng rất thích mở mang, giữ gìn. Có nhiều ma trai, ma gái phá khuấy các Tỳ-kheo đạo lực suy kém, đều bị hoặc loạn. Tướng tướng quân liền nhanh chóng đuổi đi, ứng cơ trừ diệt.

Cho nên có việc liền đến chỗ Tứ vương. Lúc đó, vua thấy đều đứng dậy vì Vi tướng quân tu hạnh đồng chân, giữ gìn chánh pháp. Đệ tử tánh ưa giới luật. Như Lai một đời chế ra Tỳ-ni, đều ở giữa tòa nghe nhận giới pháp nhân hỏi các văn nghĩa sâu kín trong luật, đều giải quyết dính mắc. Nhưng ở Đông Hoa Tam Bảo có núi biển nước đá riêng thường hiện. Chỉ bảo là linh mà kính nhìn, hỏi nguyên do thì chẳng biết chỗ đến. Bèn do nhân duyên này mà thưa hỏi. Lại rộng nêu văn tướng, dùng lý bao gồm chưa từng rộng xem chẳng thể nói đủ. Tôi là kẻ ít học mong sách vở cứu đời, sưu thần nghiêm thần, minh tường minh báo tin dị thuật dị chí, quái lục u từng xem qua mà không nghi ngờ. Huống chi Phật đã nói khắp trời người tâm mạnh văn nhọn hộ trợ hình thần, giữ gìn thành tháp. Sự xảy ra thì nghe biết trước không phải uổng lời. Các duyên kể sau đều y theo đó mà giải thích.

Trước hết hỏi Phật sư

Ở Ích châu, tại thành đô có Đô bảo thạch Phật, thời nào tượng từ đất vọt lên?

Đáp: Ở Thục Đô Nguyên Cơ trên núi Thanh Thành, nay là đất Đại Hải ở thành đô. Xưa thời Phật Ca-diếp có người ở Tây Nhĩ Hà tạo ra, định là toàn thân tướng Phật Đa Bảo. Ở Tây Nhĩ Hà trên chùa thứu Đầu Sơn, có người thành đô đến đó hưng dị thỉnh tưởng đem về đến nay ở chùa Đa Bảo, là chỗ thần biển chìm thuyền. Trước khi lấy tượng người ta thấy thần biển đi trên bờ, gọi là sơn quái, bèn giết chết, do đây thần nổi giận, người tượng đều chìm trong một thuyền.

Phật Đa Bảo xưa ở chùa trên núi Thứu Đầu, nay nền cũ còn ở đó, có một ngôi tháp thường phát ra ánh sáng. Nay đường đến đó từ Lãng châu qua các núi lớn nhỏ có hơn ba ngàn dặm mới đến được Tây Nhĩ Hà. Sông rộng lớn khoãng trăm dặm, ở giữa có núi, cũng có chùa xưa và kinh tượng mà không có tăng ở. Kinh đồng với văn này. Lúc đó,

nghe có tiếng chuông. Bá tánh hết lòng, mỗi năm hai lần cúng dường tháp xưa. Tháp như giới đàn, ba tầng đá trên có chảo úp, số lượng rất nhiều. Cõi ấy các người chỉ nói là mả thần, thường phát ra ánh sáng. Người dâng rau dưa mà cúng tế cầu phước.

Ở phía Tây bắc xứ ấy hơn hai ngàn dặm, cách Thiên-trúc không xa thường có người đến đó.

Đến đời Tấn có tăng ở đất thấy từ gõ mả ra, khi ẩn khi hiện, chẳng bình thường, sau thấy nứt ra rất là quái dị. Bèn đào sâu xuống đất khoảng hơn một trượng thì được tượng và xương người ở trong thuyền, sọ và xương đều lớn gấp mấy người thường. Tức thời Phật Ca-diếp lúc người Diêm-phù-đề sống hai muôn tuổi. Thời nay tuổi thọ ngắn, thân hình thấp nhỏ, chắc thường như thế khi mới ra thì níu kéo khó được, đệ tử hóa thành người già chỉ huy phương tiện phút chốc được ra. Đến đời Chu Diệt pháp thì tạm ẩn. Đời Tùy hưng vượng lại ra. Người Thục thỉ biết sự linh từ đất mà ra, cũng chẳng lường được nguồn gốc. Thấy trên hoa phu có nhiều chữ báu, bèn gọi là Phật Đa Bảo và gọi là chùa Đa Bảo.

Tôi hỏi: Đa Bảo là lệ thư, xuất hiện vào đời vong Tần vì sao thời Phật Ca-diếp đã có sách thần châu?

Đáp: Đời Vong Tần, lý tư lệ thư đây là đời gần, nối xa mà hưng lệ thư đã hưng ở đời Phật xưa. Nay thấy ở Nam châu bốn mặt có hơn ngàn châu khác để trang nghiêm Diêm-phù, một phương có hơn trăm nước, văn tự tiếng nói đồng với nước Đường, chỉ vì đường biển xa xôi phải đi mấy mươi muôn dặm. Người dịch chẳng truyền, cho nên khiến phương này phong hoài giữ gốc chẳng lấy làm lạ, thầy chẳng nghe ư? Lương cố dã vương đại học Đại bác sĩ. Chu phỏng tự nguyên, ẩn hiện không nhất định. Cho nên bài tựa Ngọc thiên chép: Có khai xuân giáp quân cơ được minh văn ấy đều là chữ Lệ. Kiểm xuân giáp là thời sáu nước đời Chu. Chữ lệ thì không phải ngày thôn tính, nước này các chữ triện, lệ cùng có mông muội đâu biết là việc thời Phật Ca-diếp không phải là chỗ tai mắt thấy nghe.

Tôi lại hỏi: Nay ở phía Tây kinh thành có đài cao tứ sĩ, tục ngạn bảo là Thương Hiệt tạo ra thư đài, vì sao chữ lệ thời xưa đã có.

Đáp: Thương Hiệt ở trên đài này đắp đất tạo đài xem dấu chân chim, không phải chẳng có việc ấy. Lại truyện Thương Hiệt đất này ít ai biết nguồn cội. Có người nói là tôi của Huỳnh Đế, có người nói là vua chúa xưa, dấu chân chim yết biến một đường, nay bày ra có lời vô ích chẳng nhọc bàn.

Lại có vị trời họ Lục tên Huyền Cướng đến hỏi rằng: Đệ tử từ thời Chu Mục Vương sinh ngày đầu tiên vốn là thời Phật Ca-diếp, trời người là thông hóa, tạm hiện thời Châu, hỏi kinh tứ đài Tây cao, vốn là Phật Ca-diếp ở đó ba hội nói pháp độ người. Đến đời Mục Vương liền theo, tức liệt tử gọi là hóa nhân.

Hóa nhân chỉ cho Mục vương, đài cao tự là chỗ Phật Ca-diếp nói pháp, do đó mà tạo ra Đạo Tràng ba hội. Đến thời Tần mục công thì Phù Phong được một tượng Phật bằng đá, Mục công chẳng biết mà bỏ trong chuồng ngựa làm ô uế tượng này. Tượng thần nổi giận khiến Mục công bị bệnh. Công nằm mộng dạo đến Thượng đế bị trách mắng nặng nề. Khi thức dậy thì hỏi quan hậu Do Dư. Đáp rằng: Thần đọc sách xưa, thời Chu Mục Vương, có hóa nhân đến đất này, đó là thần Phật. Mục Vương tin bèn ở núi Chung Nam màtạo đài Trung thiên (đài giữa trời) cao hơn ngàn thước, nên cũ hiện vẫn còn.

Lại ở đài Thương Hiệt tạo miếu thần gọi là đạo tràng Tam hội. Nay bệnh của công chẳng phải do Phật thần làm ra ư? Công nghe rất sợ, bảo Do Dư rằng: Ta gần đây được một tượng người bằng đá, áo mão không phải ở đây chế ra, bỏ trong chuồng ngựa không phải là Phật thần ư? Do dư nghe nói liền đến xem, thưa rằng đây thật là Phật thần. Công bèn tắm gội tượng rồi đặt ở chỗ thanh tịnh. Tượng bèn phát ra ánh sáng. Công lại sợ bảo thần giận. Giết mổ ba con vật mà cúng tế. Các thiện thần nâng tượng đem bỏ chỗ xa, công lại sợ hỏi: Do Dư đáp rằng: thần nghe Phật thần thanh khiết chẳng nhận rượu thịt, thương xót mạng sống chúng sinh, coi như con một, nếu có cúng dường thì chỉ đốt hương và chỉ cúng tế hoa quả, bánh trái mà thôi.

Công rất vui muốn tạo tượng Phật mà không cần thợ, lại hỏi, Do Dư đáp rằng: Xưa, Mục vương tạo bên chùa có thợ giỏi, bèn ở trong bao bốn đài trong nam thôn được một cụ già họ Vương tên An, tuổi đã tám trăm, tự bảo từng ở đạo tràng Ba hội thấy người tạo. Thần nay tuổi đã già không có sức làm được. Ở thôn Bắc thấy có người thứ tư, từng ở đạo tràng làm các thợ, bèn mời cùng làm. Bèn y lời mà làm thành một tượng đồng tướng tốt đẹp đẽ, công rất vui bèn thưởng, người ấy được tiền đều tạo công đức, ở trên đài đất mà tạo lầu các cao ba trăm thước. Lúc đó, người gọi là đài cao tử. Có người nói bốn anh em cùng lập, có lẽ lấy tên anh cả để chỉ, nên gọi là Cao tử, đến nay vẫn còn gọi.

Lại hỏi: Mục-liên đã mất trước Phật tại sao lại hiện?

Đáp: Đồng tên sáu vị đây là Tiểu Mục-liên không phải là Đại Mục-liên. Đến thời Vũ Văn Chu, Văn-thù-sư-lợi hóa thành vị tăng Ấn-

độ lại đến đất này tên là núi Thanh Lương, hỏi khắp đạo tục không có ai biết. Lúc đó có pháp sư Trí mãnh tuổi mới mười tám đến hỏi vị tăng Ấn-độ do đâu mà biết có biết di tích của hai Thánh.

Đáp: Cách phía Nam đô thành nước Tần hai mươi dặm có Thương Hiệt tạo thư đài tức là đất ấy.

Lại nói ở phía Nam sa hà năm mươi dặm ở phía bắc thành sơn bốn mươi dặm.

Lại hỏi Sa hà và Thanh sơn là gì.

Đáp: Đó là sông vị và núi Chung. Vị tăng này lại từ sông vị mà đi thẳng đến núi nam, bèn đến đài cao tứ, liền bảo: Đây là chỗ Phật xưa nói pháp.

Lúc đó pháp sư Trí mãnh theo đến lễ bái chẳng bao lâu chỗ ở của vị tăng Ấn-độ biến mất. Trí Mãnh lớn lên vì Thái Thường Vi Khanh mà nói rõ. Xin ở chỗ đài xưa mà lập chùa, bèn tâu Chu Vương, đặt tên là chùa Tam hội. Đến niên hiệu Đại Nghiệp đời Tùy thì dẹp bỏ mà sáp nhập vào chùa lớn, nhân phá bỏ điện phối nhập vào chùa Phật Tam Hội. Sau hai mươi tư năm Thích-ca Như Lai độ Ca-diếp lại đến đài này, trong đó thấy có Xá-lợi-Phật Ca-diếp.

Đích thân Chu Mục Vương đến đất đại hạ, Phật bảo đất đó có ngôi tháp xưa hãy đến đó kính lễ.

Vua hỏi Phật ở phương nào.

Đáp: Ở phía Đông nam cao kinh.

Nước tây Thiên-trúc có nói đủ trong biệt truyện. Cách rất nhiều năm vị tăng nước Sư tử là người chứng quả thứ ba, chín mươi chín hạ, nghe Thánh tích này đi chân không đến đây, tìm núi Thanh Lương, quốc gia kính đưa, nay nhập hạ ở đó mà toại ước nguyện.

Tôi hỏi từ xưa truyền rằng Văn-thù ở núi Thanh Lương thống lãnh năm trăm vị tiên, nói pháp trong kinh nói. Văn-thù là Bồ-tát ở lâu trong thế giới Ta-bà. Ta-bà là tên dung của Đại thiên, vì sao ở riêng xứ này?

Đáp: Văn-thù là thầy đầu tiên của các Đức Phật, tùy duyên lợi kiến, ứng biến khác nhau. Công của Đại sĩ không phải người ở cảnh giới này nhọc bình luận, chỉ biết Ngài thường ở tại Thanh lương, Ngũ đài. Nay ở tại núi Tiên Hoa, phủ Thanh Lương, huyện Ngũ Đài, thường có nhiều người thấy Ngài chẳng thể chẳng tin.

Lại hỏi: Nay ở núi Ngũ Đài, cách đài về phía Đông nam bốn mươi dặm thấy có chùa đại phù Linh Thứu, hai nhà cách khe cũng còn. Phía Nam có vườn hoa rộng khoảng hai khoảnh, bốn mùa trổ hoa người

không thể biết. Có người nói do Hán Minh đế lập. Có người nói do Ngụy Hiếu Văn Đế lập ra, cùng vì sao nói khác nhau?

Đáp: Đều do hai vua lập ra, thời Chu Mục Vương xưa đã có Phật pháp. Núi này linh dị, Văn-thù đến ở. Chu mục xây chùa cúng dường trong đó, và vua A-dục cũng y theo đó mà đặt tháp. Đâu thời Hán minh đế, Ma đằng có thiên nhãn cũng thấy có ngôi tháp, thỉnh vua lập chùa. Có hình Linh thứu (Chim Thứu) nên gọi là Đại phù. Phủ là tin. Đế tin lý Phật lập chùa độ người. Đầu đời Ngụy Hiếu Văn Đế, cách bắc đài chẳng xa, thường đến kính lễ thấy có dấu người ngựa trên đá rõ ràng, việc ấy có thể biết, đâu chỉ Ngũ đài. Nay ở Chung Nam, Thái Bạch, Thái Hoa năm ngọn danh tiếng đều có bậc Thánh để làm Phật pháp có ở khắp nơi. Người có cúng bày ắt phải thỉnh trước. Trước đó bảy ngày ở trong tịnh thất bày tòa đốt hương đọc sớ, đóng cửa cần cầu đều có cảm ứng. Đến giờ liền đến, phàm Thánh khó biết.

Nếu chẳng như thế là có nhiều người thỉnh, ít đến thọ thực, nên nay có làm tượng Thánh tăng Tân-đầu-lô, lập phòng cúng dường cũng là một cách. Nhưng phải đặt một tòa trống, đặt trước chén bát. Đến giờ tăng ăn thì mời đại tăng đến ăn. Không được dùng mâm chậu nhà tăng, vì là Thánh nhưng đều chẳng chạm đến chén bát tăng ăn, nếu là nhà tục thì tùy thế tục mà bày. Nếu chẳng để trong tịnh thất thì chỉ có thể Thánh chúng khác hoặc có thể giang lâm khắp ba thiên hạ đồng một cúng dường theo duyên siêng báo tin, Tân-đầu-lô này rất khó gặp.

Lại hỏi: Nay Huyện Tây bàn Hòa ở Lương Châu, núi nứt bày tượng ra là do vị trời nào tạo?

Đáp: Thời Phật Ca-diếp có Bồ-tát Lợi Tâm thấy người cõi này chẳng tin nghiệp báo, thường làm việc giết hại. Lúc đó, chỗ ở có mấy muôn ngôi nhà không kính trọng Phật pháp. Bồ-tát muốn cứu mà lập già lam. Đại Phạm Thiên Vương đích thân tạo tượng, khi thành rồi, Bồ-tát dùng thần lực khiến cho tượng này như Phật thật không khác, dạo chơi nói pháp giáo hóa mọi người. Tuy được dẫn dắt như thế nhưng mọi người cũng chưa chịu tin nhận. Lúc đó, Bồ-tát thị hiện hạnh sợ sệt tay nâng tảng đá to có thể, đề cả xóm làng Bồ-tát bày sợ sệt để khuyến hóa, mọi người liền hồi tâm mà kính tin Phật.

Các dụng cụ giết hại đều biến thành hoa sen. Ở khắp các ngõ hẻm đều như trồng hoa, điềm lành từ phương này nhiếp thần lực. Bồ-tát lại khuyên các thanh tín nam nữ khiến xây dựng bảy ngôi chùa chiều Nam bắc dài một trăm dặm, chiều Đông, Tây dài tám mươi dặm, khắp núi non hang động đều là tăng phòng, Phật đường, suốt mười năm mới

hoàn thành. Đồng thời có hai muôn người xuất gia ở tại bảy chùa, qua ba trăm năm. Các vị ấy hiện nghiệp lớn. Việc ác đã gây khi xưa hiện đời thành nhẹ, chẳng vào địa ngục, những người bị hại ở trong đường ác thì lại phát nguyện ác, nó hại ta và chưa thành Thánh ta sẽ hại nó, nếu chẳng hại thì nghiệp ác liền hết, ta không dùng báo cùng phun lửa lớn thiêu đốt chùa viện và xóm làng ấy. Một lúc đốt trống cướp bốc mà sống, lại dùng gỗ nước cuốn trôi giết chết không sót một người. Lúc đó, chùa thần núi ấy chưa phá, trước thâu được tượng này đạt xa trên hư không.

Khi chùa này phá rồi thì tượng rơi xuống hang núi mà đặt bày cúng dường. Năm tháng lâu xa, đá sinh nhà mất. Đến Lưu Tát Ha lễ núi bày tường, tiền thân Tát-ha vốn là Bồ-tát lợi tâm, đầu mình khác chỗ lại có duyên riêng.

Lại hỏi: Thụy tượng long quang ở Giang Biểu, người truyền do ngài La-thập đem đến, có thuyết nói Phù nam tìm được là sao?

Đáp: Không phải La-thập, đây chính là Tống Hiếu Võ đi đánh dẹp phù Nam mà được.

Xưa, Phật diệt độ ba trăm năm, ở Bắc Thiên-trúc có vị Đại A-la-hán Ưu-lâu-chất-đa dùng thần lực che chở thợ giỏi trong ba trăm năm đã đục núi đá lớn mà để tượng Phật, đào từ trên xuống có đến năm lớp, cao hơn ba trăm thước, thỉnh Bồ-tát Di-lặc chỉ huy làm đàn tượng và đặt ở đó.

Huyền Trang Pháp sư Truyện chép: Cao hơn trăm thước. Thánh Tích Ký nói cao tám trượng, mu bàn cao chân tám thước, sáu ngày trai thường phát ra ánh sáng. Khi mới làm, La-hán đem thợ lên trời ba lần mới thành.

1. Chiên-đàn.
2. Ngưu đầu chiên-đàn.
3. Tượng vàng.
4. Tượng ngọc.
5. Tượng đồng.

Phàm phu nay thấy chỉ ở lớp dưới, bốn lớp trên thì đóng lại. Hang đá thấu suốt thấy tạng phủ người.

Trăm năm thứ sáu (sáu trăm năm sau) có A-la-hán Phật-nại-giá sinh xong thì mẹ chết, sinh đến nước Phù-nam, nghĩ ân mẹ nặng ở lớp trên mà lấy tượng chiên-đàn nhỏ cho mẹ cúng dường. Mẹ chết rồi sinh ở Dương châu, xuất gia ở chùa Tâm Hưng, ngộ được quả thứ ba.

Tống Hiếu Võ đi đánh Phù Nam được tượng, nay đem đến kinh

đô, cùng nhờ thần lực la-hán ấy mà thấy chỗ mẹ ở, lúc đó đến các chỗ La-phù, Thiên thai, Tây phương....

- Xưa pháp thạnh, Đàm vô kiệt lại đến Tây Phương, có truyện năm quyển, lược thuật duyên này, sao nói ngài La-thập đeo trên lưng đem đến cho được.

Tôi hỏi: Ngài La-thập một đời dịch kinh, đến nay nếu mới thọ trì đổi mạnh là sao?

Đáp: Người ấy thông minh khéo hiểu Đại thừa, người sau đều tài giỏi là báu một đời. Sau khi mất, ánh sáng vẫn như trước, có ngưỡng trọng thì cũng không kịp. Cho nên, chỗ dịch lấy việc ngộ đạt làm đầu được ý di kỳ của Phật lại dịch kinh từ thời Phật Tỳ-bà-thi đến nay.

Lại hỏi: Trong thế tục, thường nói lấy luân hãm giới kiểm làm lời phải không?

Đáp: Đây chẳng cần phê bình, không phải Vằng Vặc luận nghị. La-thập nay ở vị Tam hiền ở chỗ thông hóa, nhưng chỗ dịch kinh sách cắt bớt chỗ rườm rà, thêm vào thiếu, tùy cơ mà làm. Cho bộ đại luận mười phần thì bỏ chín. Các kinh luận khác cũng lệ theo đây mà biết. Từ khi dịch ra kinh đến nay rất thường tụng đọc, không hề ngầm bỏ. Minh tường cảm giáng lịch đại di tân do đây mà chứng lường, hiểu sâu Thánh chỉ và Văn-thù chỉ trao, khiến sau định đặc ,biệt khác với hằng luân, há vì biệt thất kiến cơ mà quên nhanh huyền trí, rất chẳng đáng nói.

Lại hỏi: Chùa Hiển Tế ở Phòng châu núi tự nước ra tượng xưa được lập vào thời nào.

Đáp: Tượng ấy do Tần Mục tông tạo ra.

Chỗ sinh ra tượng là ở chùa do cha mẹ công tạo. Phật diệt độ rồi con gái thứ tư của Dục vương tạo tượng tháp ở đây cúng dường. Lúc ấy, chùa này có người chứng quả thứ ba ở đây, tướng Tần là Do Dư rất thờ kính.

Xưa, vào thời Phật Ca-diếp cũng ở đây mà lập chùa là do Sa-di Hiển Tế tạo ra, nhưng tên gốc vẫn gọi là Tự Ngạch.

Lại hỏi: Nay ở cung Ngọc Hoa, nam đàn Đài Sơn có ngôi tháp ngạch nung, mỗi mặt rộng ba mươi bộ, tầng dưới rất đẹp, bốn mặt đều bằng khám đá, một bên có gạch nát. Lại có ba mươi lò nung gạch, rất xưa chẳng biết là đời nào, nhưng thường nghe co tiếng chuông.

Đáp: Đây là chùa của Mục vương, gọi là Linh Sơn, đến thời Dục vương sắc chỉ thần núi ở đây tạo tượng. Cuối loạn Tây Tấn, Ngũ Hồ khống quật Lưu Diệu Đô Trường an thường mộng thấy Phật ngồi trong tháp gạch, nói với diệu rằng: ông nên uống ít rượu, chớ đam mê sắc

dục, ra bỏ tà nịnh, tiến dụng các bậc trung lương. Diệu chẳng nghe lời, sau ở Lạc dương uống rượu say bị té ngựa, bị Thạch Lặc bị nhốt trước Diệu nhân mộng mà ngộ, khiến người tìm núi mà hỏi, bèn thấy tượng này ngồi trong ngôi tháp nhỏ, rất phù hợp với mộng. Liền phá tháp nhỏ mà làm tháp lớn, cao mười chín bậc và xây chùa rất đẹp đẻ, chùa tên là Pháp Đăng, độ ba trăm vị tăng ở đó. Sau khi Diệu qua đời, chùa có ba mươi hai vị tu được quả thứ ba, đối với ngôi tháp này thần tiên lại tạo ngôi chùa cúng dường các vị tăng chứng quả thứ ba. Thần đến hái cỏ bạch phái cúng dường Thánh tăng đều được sống lâu. Chùa hiện nay vẫn còn. Người chẳng thấy mà nghe tiếng chuông thì tức là chuông chùa. Nền tháp cũ tuy do Lưu diệu tạo ra nhưng là chỗ chùa cũ của Mục vương lập, lại là chùa cổ của Ca-diếp Như Lai. Trong niên hiệu Trinh Quán, phía bắc núi Ngọc Hoa trên từ núi Ô xuyên thường thấy có nai nhóm họp, đuổi đi rồi lại trở lại.

Có người lấy làm lạ ở chỗ nai tập họp đào sâu xuống một trượng thì được một tượng đá cao hơn hai trượng.

Lại hỏi: Tượng chiên đàn ở chùa Đại Minh ở Kinh châu nói là của vua Ưu-điền tạo ra, truyền từ đó đến đời Lương, nay ở kinh đô lại có, thì tượng nào là gốc.

Đáp: Đại Minh là tượng gốc, Lương Cao Tổ đã băng thì tượng lại về Kinh Chữ. Đến niên hiệu Thừa Thánh năm thứ ba nguyên đế Chu Bình Lương Hậu Thu quốc bảo đem về Bắc Chu. Tượng đàn ấy, có pháp sư Tăng Trân dấu ở trong phòng, dùng nhiều tiền của, hối lộ người sứ. Niên hiệu Khai hoàng thứ chín, Cao Tổ sai người là Liễu Cố đến đón. Chùa tăng lại tìm tượng, khiến chấn động kinh sở, cố nói là người trong làng. Từ đó siêng khắc đàn tượng đến cúng, chỉ lúc đó hỏi thợ thì được, vị tăng Bà-la-môn tên là Chân Đạt làm ra , tức nay là tượng ở chùa Hưng Thiện, cũng rất linh dị. Vốn là tượng ở Kinh Châu, Tăng dùng vãi trơn mà sơn, tướng tốt không đẹp hằng tượng cũ vốn là làm thân Phật sinh trong bảy ngày, nay lại thêm vãi sơn nên giống tuổi tráng niên, khác với sắc gốc. Tượng Đại Minh vốn là ở chỗ cổ Phật linh tượng chẳng chịu dời về Bắc.

Gần đây có pháp sư Trường sa nghĩa người trời ngầm giúp bèn ngộ khai phát, lột hết vải sơn thì dáng xưa lại hiển bày làm động tín tâm, xem kỹ linh nghi thì hoàn toàn bằng chiên đàn vốn không bổ tiếp, quang phu rất khác lạ, ngà voi điêu khắc ắt không phải người làm tượng chùa Hưng Thiện, thân mỗi mỗi đều trái cũ.

Lại hỏi: Chùa Hà Đông ở Kinh Châu, chùa này rất lớn. Tôi cùng

pháp sư cao ở chùa Từ Ân đã giao tiếp nhiều năm, người ấy là học sĩ của pháp sư vân ở chùa Hà Đông bảo: Chùa nầy xưa có vạn tăng ở, có đầu tiên ở Chấn Đán. Nghe nói rất vui mừng, không thể suy lường hiệu Hà Đông, xin nói rộng cho, cũng là sự vĩ đại của Phật pháp.

Đáp: Nhà Tấn dời đô về nam, Quách Phát là người học rộng.

Chu Phỏng Địa Đồ chép: Đây là kinh đô cũ của Kinh Sở muốn để ở Lai Châu. Sau đến Tùng Tư, đất có thế làm kinh đô, bèn đào lấp đất bằng, liền vì quá nhẹ nên lấp đất hầm cũ thì đất lại không đầy, lại thấy có một ngôi nhà nhỏ, đi vòng quanh có đắp tượng, bảo đất này đã thuộc Tam bảo, liền thôi.

Từ xưa, khi Kim Lăng vương đến nay chẳng dứt, chắc phải trải qua ba trăm năm liền lập đô mà dựng nghiệp. Nhưng ở đất này đặt quận Hà Đông. Dời, bốn họ Bùi, Liễu, Tiết, Đỗ về ở đó, đất ở Quang Khúc cùng loại với Hà Đông, tây chúa Phù Kiên đời Tấn, bờ bắc Kinh Châu đều thuộc Tần. Lúc đó, Hoàn Xung làm Mục ở Kinh châu, pháp sư Yến Dục qua sông xây chùa Đông đặt tên là chùa tăng Trường Sa, chùa tây đặt là chùa Tứ Tầng, Phu Kiên bài rồi thì các đất bờ Bắc đều thuộc nhà Đông, Trường sa, các vị tăng ở Tứ tầng đều trở về chùa cũ, hai chùa Đông tây nhân xưa rộng lập, từ các đời Tấn, Tống, Tề, Lương, Trần, tăng đồ có đến mấy muôn người. Cuối đời Trần đầu đời Tùy người có danh đến ở có ba ngàn năm trăm vị, có mấy ngàn tịnh nhân. Điện có mười hai gian, chỉ hai cột thông rường đã năm mươi lăm thước, rường cột chồng chất.

Trong nước kinh quán tức Di Thiền Thích Đạo An khiến đệ tử là pháp sư Dực tạo ra từ Tấn đến Đường đều không khuyết tổn. Trước điện có bốn vạc sắt chứa hơn mười hộc gạo để trồng hoa sen. Tháp trước điện do Tống Tiêu Vương Nghĩa Lý tạo ra. Trong tháp có đắp tượng và phía trong đông điện có nhiều tượng đồng mạ vàng, bảo chấn phi tiên, châu phan hoa bội đều là người trời của bốn vị Thiên vương tạo ra. Trong chùa tăng chúng gồm chủ khách hơn muôn người. Người đang thuyết giảng hơn năm mươi ba người.

Đã được Thánh quả đều thống lãnh ngàn vị tăng, các tiểu Pháp sư thì hơn năm trăm vị, luật sư Thập tụng có bốn mươi chín vị đều được quả Thánh, thiền sư Đại Tiểu Thừa thì hơn tám trăm vị. Người được quả Thánh có đến hai trăm bốn mươi bốn người. Đồ chúng nghiêm túc chẳng thể kể hết. Pháp chùa lập chế tụng kinh sáu mươi tờ thì khỏi cần Duy-ma tụng kinh Pháp hoa để độ thì khỏi Trực tuế. Phòng chùa năm lớp đều có bảy gian, riêng viện lớn nhỏ có hơn mười viện.

Hai viện Bác chu, Phương đẳng rất trang nghiêm đẹp đẽ, riêng mùa hạ có đến ngàn vị. Trong chùa nhà cửa và bốn bên lang vũ có đến muôn gian, chùa mở ba cửa hai lớp bảy gian, hai nhà điện vũ bày ngang đều chẳng trùng lặp, y theo số đất lấy sự bền lâu. Do đó, Điện vũ đến nay đã ba trăm năm mà không chút hư hao.

Đông xuyên đại trị ở đây cao nhất, ánh sáng xuyên nguyên thật là tráng lệ.

Lại hỏi: Trong nhà di thiên họ Thích, thức chiêm nói cửa lửa đỏ kinh tương sớm chiều mà thấy chưa biết thế nào? Đáp là sự thật. Nay ở chùa Đông thấy còn đài lừa.

Người sau tôn kính chỗ ấy trồng cây ở trên, chung quanh xếp đá đào ao trồng hoa sen cúng dường, đây là vết tích ấn thủ không nghĩ bàn của Bồ-tát.

Lại có một bổn nói cỡi lừa là dối.

Hỏi: Nếu dối truyền như thế vì sao chùa Đông Hà lại còn đài lừa, phía Nam Kiếm Sơn lại có thôn lừa. Y cứ vào duyên do này thì có đất cởi lừa.

Đáp: Không phải, người sau xây đài trên đó và trồng cây cúng dường. Đâu có bên điện Phật mà đặt lừa? lại trong tiếng lừa vốn đất cũ là lữ quốc, quận quốc. Người đời sau chẳng phân biệt bèn dối định.

Việc này hai bản văn đều nói khác, cho nên đều chép đủ ra đây.

Lại hỏi: Giản châu ở đất Thục, chùa tam học, không đèn mà thường sáng là sao?

Đáp: Núi có Bồ-tát, chùa Phật Ca-diếp thời chánh pháp mới lập có Bồ-tát hoan hỷ vương tạo lập chùa tên là Pháp Đăng, từ đó đến nay thường sáng, biểu thị cho không. Có tiểu Bồ-tát hơn ba trăm vị như Đoạn Hiệp Hà Linh thường ở núi này. Đèn này lại là sơn thần quý đặc, tục hậu cúng dường. Đến tháng giêng mọi nơi đều đốt đèn cúng dường chùa Phật.

Lại hỏi: Bên chùa Tương Tư ở Bồi châu có nhiều cổ tích, do Triện minh khắc chẳng biết duyên gì?

Đáp: Thời Phật Ca-diếp có thần núi họ La tên Từ Minh là người đất Thục. Xưa là Tỳ-kheo trì giới, sinh ganh ghét mà phá giới, phát các nguyện ác rằng khiến ta chết rồi sẽ làm đại ác quỷ ăn thịt người phá giới. Do đó nguyện thọ thân làm thần núi này, có nhiều quyến thuộc, làm chủ đất này. Chiều Đông Tây hơn năm ngàn dặm, Nam bắc hơn hai ngàn dặm, hằng năm ăn thịt cả muôn người. Thần này vốn từng làm anh của Phật Ca-diếp, sau làm đệ tử. Phật ấy thương xót nên đến giáo hóa,

dùng các thứ thần biến trước để điều phục và trao cho năm giới. Tùy biết túc mạng. Vì chẳng ăn thịt người, sợ sau tâm biến đổi cho nên Phật lưu dấu. Dục vương xây tháp tiên đó trên đỉnh núi. Thần bèn dấu trong đá, tháp là do Dục vương xây dựng.

Ở linh tích Nam Hải Tuần châu, đây chính là đệ tử của Thánh Văn-thù làm thần núi ở đây, tạo nhiều nghiệp ác. Văn-thù thương xót nên đến giáo, bèn biết tục mạng thỉnh để lại dấu vết. Con thường kính lễ mà được lìa các điều ác. Văn-thù hiện ra, nay là chỗ đó. Niên hiệu Trinh Quán năm thứ ba, thần núi qua đời, sinh lên cõi trời Đâu-suất. Riêng có một vị thần đến ở đất này, có bà con với thần cũ, gây ra các điều ác lớn mà sinh lên cõi trời. Thần cũ thương xót xuống thỉnh Văn-thù vì hiện dấu vết nhỏ để hóa độ vị thần sau. Lại theo chánh pháp... nên nay núi này dấu vết lớn nhỏ hiện ra đều không phải do đây.

Lại hỏi: Ở núi Bắc sơn ở Bí châu, nay thấy Phật trong hang đá thường chiếu ánh sáng là sao?

Đáp: Trong hang đá này, Phật Ca-diếp hai thời đều có. Xưa con thứ hai của Chu Mục vương tạo tượng Phật Ca-diếp.

Lại hỏi: Núi Chung nam ở Vị châu có núi mặt Phật có bảy khe Phật, việc đồng với trước, kho núi lớn trong Nam sơn là kho do chính tay Phật Ca-diếp tạo ra. Nay thấy có mười ba vị duyên giác ở trong hang núi ấy. Nay các chỗ chùa tháp phần nhiều là nền móng của Phật xưa. Dục vương biêu thị nên phước địa thường còn, chẳng nên xem thường. Nay có tên tháp như thường nghe, không gọi là kho (tạng), tùy chỗ cũng có.

Ở Hà Tây, cam châu các chùa tháp trong thành có xá-lợi Phật xưa, và dưới điện Phật chùa Linh Nghiêm ở Hà Châu cũng có xá-lợi, ở dưới điện mạch lăng ngạn tại Tần châu cũng có xá-lợi. Thần núi đem dấu, chùa này do Chu Mục Vương tạo ra tên là Linh An, trải qua bốn mươi năm thường có người đi ra.

Tháp chùa Trường Ninh ở Kinh châu do Dục vương tạo ra, ở dưới cũng có xá-lợi chôn sâu dưới đất hơn một trượng, hầm đá năm lớp đựng đầy thân xá-lợi nát vụn.

Ba ngôi tháp ở Ích Châu là Đại Thạch, Võ Đảm và Lạc Huyện đều có thần dị như tháp Trường Can, tháp mậu huyện là do Dục vương tạo chăng?

Đáp: Xưa là Lưu-tát-ha cảm điều linh. Nay đến Dương châu, thành Đăng Việt thì thấy Trường Can có khí lạ, nhân đào lên mà được, như nay truyện đã nói.

Tôi hỏi: Nếu thế dã có Trường Can thì là chùa Phật chăng?

Đáp: Chẳng phải sát can. Can là đất Trường Lũng, gọi Lũng là Cam; tháp ép bên Trường Lũng, thư chẳng nói ư. Bao gồm Can việt, đất việt có nhiều Trường Lũng.

Tháp mậu huyện ở lâm hải cũng là tháp cổ của Dục vương. Tháp nhỏ là Phật đầu trong kiếp hiền có xương tay của Phật Ca-diếp người không thấy được. La hán đem đến núi Thiết Vi để lại trong tháp nhỏ, từ đất vọt lên vì khai phước tục. Tháp ấy có nhiều thiện thần thường hiện hai con cá, trong giếng cá man, cá lê là thần giữ tháp. Một bên có dấu chân Phật trên đá, cho là ba Phật trước đã đạp lên.

Xưa thời Chu, đất này có nhiều người ở nên để ở tháp này.

Lại hỏi: Nếu thế, Chu Mục về sau văn tự ít thấy.

Đáp: Xây tháp là duyên trước phần nhiều do thần linh tạo ra, người thấy thì ít nên văn tự ít truyền. Dương Hùng, Lưu Hướng tìm ở trong tàng thư thường thấy có kinh Phật, há không phải là trước đời Tần đã có kinh tháp. Nay phía Nam Hành Nhạc khoảng năm, sáu trăm dặm ở phía bắc Vĩnh Châu có con sông lớn, chiều Đông sang Tây hơn năm trăm dặm, chiều Nam sang Bắc hơn một trăm dặm, trong sông xưa có người ở mấy mươi muôn nhà, nay mọc các cây lớn.

Lớn thì đường kính hai, ba trượng, dưới không có cỏ cây rừng rất là đáng yêu. Trong có sông lớn chảy về Đông, vào sông Tương. Tìm khe mà thấy thì được sông Nam có hang Bắc, ra vào hang có ao vuông, bốn phương đều chất đá, nước sâu rồng ở. Có phạm thì vội vàng sấm sét. Ở phía trái hang có nhiều cây quất tụ, dương mai, trồng rất thứ lớp. Ao phía Nam có ngôi tháp lớn của Dục vương, hoa đá dâng lên, trên có khám che mà bằng với đất. Tháp trên ngọn đông có đủ bi ký. Chữ triện có thể biết lên thang chép lấy, đủ biết nguyên do lập tháp. Đại Minh ở phía Nam Hành Sơn đặt chỗ chùa cũng có ngôi tháp đá, chùa ấy chiều nam bắc dài hơn mười dặm, bảy chỗ tám hội, nên dòng nước chỗ nào cũng đều lập tịnh viện.

Lại hỏi: Đất này thường truyền Phật là thời Ân Chu Chiêu Lỗ Trang cùng nói chẳng đồng chỉ định như thế nào?

Đáp: Đều có nguyên do, đệ tử thời Hạ Kiệt đều sinh lên cõi trời đủ thấy sự hóa độ của Phật. Lại có ba thân: hai thân pháp, báo thì người chẳng thấy, cùng hóa đăng đã lập từ trên thì người chẳng thấy, cùng hóa đăng đã lập từ trên thì chỉ có hóa thân khắp độ ba ngàn trăm ức thiên hạ, cho nên có trăm ức Thích-ca, tùy người mà cảm trước sau chẳng định. Hoặc ở cuối nhà Ân, hoặc thời Lỗ Trang đều ở trong ngàn trời,

trước sau cảm truyền một hóa, cảm thấy tùy cơ trước sau. Pháp và báo thường tự trống vắng chẳng đáng nghi ngờ.

Lại hỏi: Thời nay thụy tượng có nhiều, cho là con gái thứ tư của Dục vương tạo ra việc đó lâu xa khó là sự thật.

Đáp: con gái thứ tư của Dục vương dung mạo xấu xí rất tủi hận, bèn vẽ hình Phật tướng tốt khác Phật, lại như thần mình. Xong rồi phát nguyện tướng tốt của Phật ắt là khác người, làm sao đồng với hình nghi của ta. Lấy đây khổ cầu trải nhiều năm tháng, sau cảm Phật hiện vốn khác với hình xưa. Cha hỏi bèn thuật đầy đủ điều mình nguyện. Nay, Ngọc Hoa ở Bắc sơn, Trường sa thuộc kinh châu, cao-ly ở Dương đô và trong chùa tôn kính đều là tượng ấy. Hoặc viết là quang phu. Người ít biết Dục vương khiến các thần quỷ ở đấy sắp đến khai ngộ Phật pháp, nay các tượng ấy đều không phải hình con ta, đất chùa tôn kính vốn là chiến trường. Tây Tấn sắp hết thì Ngũ hồ nổi lên, chiến tranh giết hại ở đất này rất nhiều. Xương người dưới đất nay cũng còn. Giết người vô tội chết chốc tàn khóc, cho nên các quỷ thần dắt nhau trấn giữ, khiến các oan hồn được sinh niệm lành. Nhà Chu diệt pháp, các thần cũng dời đi khi nhà Tùy hưng thạnh thì đạo Phật lại hưng khởi. Lại hỏi: các thần tự tại, oai lực rất lớn, còn ba ngôi tháp ở Thục xuyên đều gọi là đại thạch, người có đào lên không biết được nguồn gốc. Còn như Tần Xuyên võ công một tháp, các bô lão truyền nhau là tháp của Dục vương, ba mươi năm xuất hiện một lần, niên hiệu Trinh Quán trở lại đây có hai lần xuất hiện. Tuy điềm này rộng lớn nhưng Xá-lợi như xương ngón tay ở trong hòm đá, vì sao hẹp lâu như thế.

Đáp: Trong các quỷ thần giàu nghèo bất định đều do nghiệp xưa, như người chẳng khác. Ở cõi trời cũng vậy, tùy chỗ có mà cúng dường tháp này.

Lại hỏi: U minh chiêu cảm, trong tục thường có nghi, đem thần đuổi hình hủ mà còn trở lại, như ghi trong truyện ký, hoặc qua bảy ngày, một trăm ngày, cho đến ba năm, thức đến hình dậy như còn sống chẳng khác.

Như trong kinh nói: Ghi chép tinh thần ở chỗ vua, năm, ba, bảy, này là gì?

Đáp: Người bẩm bảy thức, thức đều có thần. Tâm thức là chủ. Chủ tuy đến trước mà thần kia giữ gìn, chẳng đáng lấy làm lạ, ông ấy hỏi tôi rằng: Sư nói thọ giới, một giới có mấy vị thần.

Tôi nói: Thấy trong năm giới, một giới có năm vị thần, không biết đại giới như thế nào?

Đáp rằng: Tăng thọ giới có hai trăm năm mươi vị thần, nếu phá một giới trọng thì chỉ có một vị thần biến mất, còn hai trăm bốn mươi chín vị thần thường theo người phạm giới.

Lại hỏi: Cẩu thiến là người ở huyện Ba Tây ở Miên châu được quả thứ hai, làm khách dạo thôn Tân Phần dạy học, người ấy không dùng rượu thịt. Người trong thôn phần nhiều tin theo ngoại đạo, đem rượu thịt cho ăn, người ấy chẳng ăn, người trong làng đến xin thì không cho, nên bị đánh lại chẳng còn lễ ngộ, bèn nổi giận. Do đó phát nguyện nằm ngửa trong cỏ ở ngoài thôn dùng bút hương lên hư không mà viết. Người trong thôn lấy làm lạ hỏi, bèn đáp: Tôi viết kinh này để trời đọc chẳng cho người thấy. Các trời đem giấy bút ngó xuống mà chép. Viết được kinh Kim Cương Bát-nhã, một quyển. Bảy ngày sau mới viết xong. Các trời tạo lọng báu mà che, đất bèn không cỏ, trẻ con thả trâu tránh mưa phần nhiều ở dưới, người trong thôn lấy làm lạ là áo vẫn khô?

Đáp: Ta ở chỗ Cẩu tiên sinh viết kinh tránh mưa. Người trong thôn do đó mà tín kính nay, ở chỗ ấy cây mọc rào lại chẳng cho xâm phạm, mỗi khi đến ngày trai người trong thôn lập hội ở đó.

Lại hỏi: Tên chùa Cổ Sơn Trúc lâm có từ đời nào?

Đáp: Chùa này được xây dựng vào thời Phật Ca-diếp, Chu Mục vương ở trong đó tạo chùa. Điện Phật và đắc tượng của Mục vương đến nay vẫn còn. Thần núi từ Phật thỉnh năm trăm vị la-hán ở chùa này, tức nay có hai ngàn Thánh tượng quanh chùa. Bên trái thấy có năm muôn vị tiên chứng năm thần thông cúng dường chùa này.

Từ đây về sau sẽ nói về các tướng luật.

Trời hỏi tôi rằng: Sư vốn ở tại đất lương, trì luật làm đầu, đã soạn ra các luận, người đều nghe biết, niên hiệu Kiến sơ, định lâm đều ở đấy. Khi sinh thấy Từ tôn ít có mạn tình, cũng lại rất giải quyết luật tướng, nên nay sinh cõi người. Các hiểu biết hiện nay trăm không còn một, nhưng có chỗ chú ký sao nghi đều đã từng nghe, dự tập kể báo mạng của sư đã mất hơn một năm. Nay thì vì truyền lục dư nghiệp từ lực đã luận, trời người đều giúp đỡ. Ngày lại ngày, Sư há chẳng biết. Năm rồi đến nay không giáng tổn nhật, chỉ chết khô mà thôi. Như cây khô, xe mục không thể đẹp lại.

Tôi hỏi: Nếu thế ý muốn đọc lại tạng kinh, sao chép yếu hạnh kiến sự có được toại ý chăng?

Đáp: Sư trước đọc tang kinh rất thô, chỉ giữ luật tướng, còn văn nghĩa ưu nhu thì có lỗi chẳng sâu sắc, ắt muốn đọc lại, tùy phần cũng nên được. Không hề báo mạng chết đã lâu, chỗ sinh lại muốn sư đến, sư

thường quán chẳng nguyện sớm ở người có mở mang luật giáo, nguyện xong rồi lại bảo rằng: Trước ở chỗ chế Chương phục nghi linh thần rất cảm mừng. Từ khi Phật pháp truyền về Đông đã sáu bảy trăm năm. Luật sư ở Nam, Bắc không hề có ý này, sao dùng tiền do sát sinh mà làm y phục từ bi thì toàn chẳng đúng. Sư sao siêng bỏ ý này.

Đáp: tôi đọc luận Trí độ lòng đâu dám trái. Và sau khi nghe luật liền thấy y tầm ngọa cụ dầu đã thành đều hư hoại mục nát, do đây lại càng thêm kính ngưỡng, thời xưa ở triều Chu, lão tăng đều mặc y vải bố, cả một đời mặc một chiếc y vá, đều là vải thô, cho đến năng hai, ba cân. Lại thấy vị tăng Ấn-độ từ Tây Trúc đến đều mặc y vãi, hỏi thì đáp: Các nước ở năm xứ Thiên-trúc không có y tằm (y bằng tơ tằm). Do đây mà khởi soạn chương Phục Nghi.

Xem chung xưa nay thành giáo, dung hội ngọa cụ ba y, lại phàm tình vụn vặt giữ chặt rất nặng, y phục mặc vào thân chớ nên làm tổn hại vật mà chịu bỏ mặc pháp phục này. Lại, pháp phục đã định vốn hiển tâm nhân từ, chẳng phải thì không cứu giúp,cứu giúp ắt do từ mà hộ trì. Cho nên tâm Phật rất đại từ. Sát sinh mà hành từ thì chưa thấy việc đó. Cho nên lặng lẽ soạn luận. Nhà năm mẫu, cây dùng cây tang, sáu mươi tuổi, dung sắc đã suy, trong nhờ lụa bông, ngoài mặc vãi thô. Sở dĩ mặc áo vải thô là chung cả người giàu sang và nghèo hèn, nay cũng làm chung ở vua quan, phép xưa chẳng đổi, có già trẻ khác nhau cho nên giáng sát có khác. Lý đạo không tổn hại, lớn nhỏ đều một pháp y, pháp là từ hóa lại tổn hại chung.

Lại nói ba y đã gánh mà may giang biểu cảm thế, sao ở đây chẳng như thế.

Tôi đáp: Tứ phần không văn, cho nên dứt hai may.

Đáp: Luật Thập tụng có văn sao lại chẳng dùng, thế này có nguyên nhân, chẳng thể chẳng làm...

Lại đại y làm sư so sánh được hạnh, song lá từ trên xuống bèn có ba lớp, há được thế ư? Liền hỏi chỗ làm, phải cần tôi chỉ bày. Tướng này là, biểu thị cho bờ ruộng. Để cắt y điều là biểu thị cho ruộng, lá là biểu thị cho tướng, há chẳng phải thế ư? Nay thì dùng chung bố mạn:

1. Chẳng phải cắt.

2. Có nhiều lớp chẳng phải phép cũ, đều không nên mặc, mặc thì có lỗi.

Nhưng cũng còn toàn riêng rẽ, chánh từ được mất mà luận.

Lại hỏi tôi rằng: Tọa cụ hai lớp đó là bản chế, sau khi cắt lại tiếp chỉ là ý một bên một đầu, tiếp ở bốn mặt chung đều khắp duyên như

thế nào?

Tôi nói: Nay tin lời dạy răn thật chẳng uổng phí.

Luật nói:Ở ngoài bản thế rộng dài lại thêm nửa gang tay. Y cứ vào văn thì chỉ là một rộng, một dài, chẳng nói bốn cạnh đều rộng dài. Đối với sự đều bất tiện, vẫn hơn bạt-xà, liền im lặng.

Lại hỏi tôi rằng: Nay thấy hành giả Tỳ-kheo để tọa cụ trên vai trái thì chẳng chịu được, vì sao tọa cụ là vật để ở dưới lại để trên vai, lại góc y phần nhiều ở tay trái, nay vì sao lại để trên vai, đệ tử người tục chưa rộng biết luật, xin giải thích cho.

Tôi nói: Toạ cụ ở trên vai đây thật đáng răn cấm. Xá-lợi-phất lúc mới cây cất Kỳ-hoàn, ngoại đạo rất chê bai. Tu-đạt thấy Xá-lợi-phất đầy đủ oai nghi, lấy ni-sư-đàn để trên vai trái, khoan thai đi vào giữa chúng, đến tòa cao mới bày ra. Lại các luật luận nhiều chỗ có văn. Tỳ-kheo ăn rồi nhập định, xuất định, lấy ni-sư-đàn để trên vai trái vào rừng ngồi thiền.

Lại ba y gốc phải đều ở vai trái, tọa cụ đặt lên trên, lại thêm đãy đựng bát ở trên, nên luật Thiện Kiến chép: Đãy đựng bát máng ở vai trái, mầu xanh rõ ràng, há không phải là việc làm của người xưa ư? Nay thì ba y để dưới nách trái, tọa cụ để trong cánh tay và luận phương mà ngồi, hoặc ăn hoặc nói đều ở vế trái, đãy đựng bát rơi xuống đùi trái rũ xuống nách trái. Thời đại dối trá bèn mất bản nguyên. Tôi thấy thụy tượng xưa nay ở xứ này thấy chế đều dùng y đắp ở vai trái. Nhưng trước sau lấy góc y và góc y trong cánh tay trái co, lại mà cầm mở ra hai góc như tai dê.

Ở đây thì phủ, đồng với luật này, cũng là khuôn phép của Thánh có đi thì xếp lại để ở vai trái, ngồi thì bỏ ra ở đùi trái. Chưa thấy chánh văn trọn nói là oai nghi buông lung. Lại chế tọa cụ để hộ trì thân y và ngọa cụ của tăng, ở đó trong ngoài đều tịnh, chẳng đồng với tăng ở xứ này. Cho nên trong kinh nói khất thực xong trở về chỗ cũ, thâu y bát rửa xong mà ngồi, rồi đến giày cỏ, lau hết mặt và tay. Cho nên thân y đều tịnh ở vai, không có bất định. Tăng xứ nầy thân hôi thúi đâu đáng nói. Từ tiện lợi xưa chẳng hề dứt trừ, áo quần trong ngoài, khônghề giặt giũ, ba y thấu đủ, áo quần rất nhiều, người thấy cũng có chán tánh hôi.

Trời nghe nghĩa phải thượng nhẫn nhục, y cứ vào văn thật này nay ở trên vai. Xét việc chỉ nên dấu trong cánh tay, như có y pháp sa-môn chẳng làm thói ác, trong ngoài đều tịnh, hình phục đáng nhìn, há được trái lời thành thật của Phật, chẳng thuận pháp vai trái. Cho nên Thập tụng Tỳ-nại-da chép: Móc câu của ba y, trước bỏ duyên bốn ngón bày

câu, sau bỏ duyên tám ngón bày sữu, lấy góc phải đè trên vai trái, sữu sau nhiếp lấy câu trước, nay thì một vội trái lại, chẳng lẽ giáo văn cho phép, chỉ vì thức thấy duyên, như có sai trái ban cho châm hối, các phi nhân đều im lặng.

Sau đó chẳng lâu, có một vị trời đến bảo rằng: Đệ tử là hoành Huỳnh chí kính rồi thưa rằng vừa nói tọa cụ rất đáng xem, y cứ kinh luận không có sai trái, nhưng trước sau chẳng đủ. Trọng ức luận nguyên. Phật đầu tiên độ năm người, và anh em Ca-diếp, đều chế Ca-sa ở tay trái, tọa cụ ở dưới Ca-sa. Vua quan Tây trúc đều mặc áo vải đắp trên tay trái.

Cho nên, Phật chế góc y ở tay khác tục Tỳ-kheo Át-bệ oai nghi chúng sinh. Khi ấy, pháp phục cũng chưa đắp trên vai. Sau độ các chúng, chư tăng dần nhiều tuổi, Tỳ-kheo trẻ nghi dung, đẹp đẽ, vào thành khất thực phần nhiều bị các cô gái ưa thích, do đó Phật chế góc y ở trên vai trái, sau bị gió thổi cho lấy vật nặng đè lên. Tỳ-kheo chẳng hiểu ý Phật tự tạo các vật tốt đẹp đè y, bị người thế tục chê trách, các Tỳ-kheo bạch việc ấy lên Đức Phật, Phật bảo ta cho để vật nặng tức là ni-sư-đàn, dùng chẳng được các thứ khác.

Sau, ngoại đạo ở thành Vương-xá tên là Đạt-ma-đa, xưng là nhất thiết trí mặc y phục đều có mầu sắc tươi đẹp, ngày thay một áo, ngày ba mươi lần tắm gội, chỗ ăn uống đều dùng củi thơm, than thơm, chỗ ở đều trồng cây thơm, thoa bùn, đều dùng nước thơm, vườn rừng đều trồng cây thơm, các hoa thuốc trồng đều thơm tho, nước chảy trong suối ao đều có hương thơm ngưu-đầu chiên-đàn, coi là thơm sạch, dầu vườn của Đế-thích ưa thích cũng không thể hơn. Bấy giờ, Thế tôn dẫn các Tỳ-kheo vào thành khất thục cầm y bát, tọa cụ ở trên vai. Có các ngoại đạo bảo đạt-ma-đa rằng: Nay Cù-đàm Sa-môn vào thành khất thục, hãy đến bàn nói mà theo Đại sư. Lúc đó, Đạt-ma-đa dẫn các đồ chúng, thân mặc áo vải trắng lại khoát thêm một tấm vải giá trị ngàn lượng vàng ròng, đem đến chỗ Phật. Lúc đó, Đại phạm Thiên vương thỉnh Phật lên cõi trời. Ngoại đạo đến chỉ thấy Tỳ-kheo, liền hỏi: Tỳ-kheo đặt miếng vải trên vai để làm gì?

Đáp: Để trải ngồi.

Lại hỏi: Các thầy đắp y tên gì.

Đáp: Tên giáp nhẫn nhục.

Lại hỏi: Sao gọi là giáp nhẫn nhục?

Đáp: Tức là tướng Tam Bảo trên chế ngự thiên ma, dưới hàng phục ngoại đạo.

Đạt-ma-đa nói: Áo này đáng quí có oai linh lớn, đâu được để vải

lót ngồi trên đó. Đó là Cù-đàm dạy các thầy hay các thầy tự làm. Các Tỳ-kheo đều nín thinh. Ngoại đạo nói: Nếu Cù-đàm dạy các thầy thì pháp này chẳng đáng tôn trọng, vì sao lại tự xưng là bậc Nhất Thiết Trí. Nếu các thầy tự làm thì sao Cù-đàm chẳng biết dạy các thầy. Tỳ-kheo khất thực xong trở về tăng phòng, bạch việc ấy lên Đức Phật. Do đó, Phật chế lại dùng góc y để trên tay trái, tọa cụ để ở dưới. Sau đó, Tỳ-kheo đắp y Ca-sa thường không ngay ngắn. Các Ly-xa tử chê trách là không có oai nghi, mặc y phục giống như dâm nữ, cũng như vòi voi. Do đây mới chế trên để móc câu, khiến dùng góc y thấu đến tay trái để ở dưới nách. Chẳng được để rũ xuống như lỗi trên.

Trước dẫn việc Xá-lợi-phất, ở đây trước mở chẳng thấy chế, sau nghĩa phải luân tông. Xưa là thơ gà gáy, khiến hô chưởng lậu khác chi quan, Tề hầu vô đạo quan thất thủ, chư hầu đến triều điên đảo áo quần. Thi nhân có thể chẳng nói theo ư?

Sách nói: Mão tuy thấp hèn nhưng không thể ở chỗ thấp, giày tuy quý không thể ngồi trên. Ở đây nói tuy ít có thể so với. Người xưa hỏi xô Nghiêu, lại nguyện nhân từ, chẳng vì người mà phế giáo. Tôi nghe đủ nhã luận, hiến chương đời trước đây thì một hóa tông thừa mở suốt ba tạng. Như hoặc chấp chặt đốn cự chưa nghe, sao thù kết tập khai hẳn duyên tám việc, chẳng vâng tướng trọng kết của Thượng tọa, dầu không bày đây tình hoặc rộng. Trong luật Ngũ phần nói các phương khác chẳng phải thanh tịnh. Huống là trời, người tứ giáng, Chu thống khai chế tiếc là biết muộn. Nhưng ở hiện giáo, các việc mất thiên, kính mà tin, cùng đồng với Ca-diếp phạt hoan hỷ.

Lại nói: Nguyên ý chế tọa cụ để biểu thị tướng cơ tăng phục Ca-sa ở trên để dụ cho tháp pháp thân, tháp cơ đã chẳng thiên tà thì tọa cụ cho dài rộng. Nếu bốn chu đủ thiếp chẳng sót văn nửa gang tay, chỉ vì lời phiên dịch quá lược chỉ nói nửa gang tay, mười chữ mà luận tức là nghĩa bốn chu.

Lại hỏi: Nếu thấy tăng Tây Vực đến có y may nhiều lá là sao?

Đáp: Khi Phật diệt độ hai trăm năm thì ở bắc Thiên-trúc tăng và ngoại đạo ở chung. Ngoại đạo ganh ghét ngầm dấu dao nhọn dưới y, cùng đếu chỗ vua, ngoại đạo bảo vua Sa-môn Thích tử đã dấu dao nhọn muốn giết vua. Do đó bèn xem xét bắt được, sau đó giết hết Tỳ-kheo trong nước. Lúc đó, có A-la-hán Da-xá khiến các Tỳ-kheo quyền dùng y may hợp lại vì nạn cắt dứt mạng sống. Đây là phương Bắc nhân việc mà quyền chế, chẳng phải do Phật mở ra. Nay có Tỳ-kheo ở phương Nam đều may hợp không biết mà cũng học may.

Lại hỏi tôi rằng: Phật rất trọng việc hưng khởi giới đàn, một chùa Kỳ-hoàn vội kết ba đàn hai ở Phật viện, chỉ có Phật lên, nhóm họp chư Phật lên đàn mà luận tăng ni kiết giới. Đàn Tăng viện vì thọ giới cụ túc trang nghiêm đạo tràng như tòa Tu-di, thần vương thạch trụ thủ hộ chẳng thiếu sót, dưới đến mé nước trải qua nhiều kiếp chẳng mất. Ở bắc Thiên-trúc phía Đông thấy có thạch đàn hình dáng rất to lớn. Nay vì sao sư lập siêng tướng đàn. Trời người, u hiển đều khen ngợi.

Tôi đáp: Từng thấy tăng truyện, giới đàn nam lâm ý rất trọng cho nên rất kính ngưỡng. Ông ấy nói đâu chỉ một chỗ. Nay lại u cầu phương nam có nhiều. Khi xưa, đời Tống có cầu na-bạt-ma ở lập đàn Tế châu, đời Tấn có Trúc-pháp-thái lập đàn ở chùa Ngõa Quan. Chi pháp Lâm thời Tấn ở Thạch Thành và ốc châu mỗi nơi lập một đàn.. ở Nhã-da-tạ phu lập đàn ở ẩn xứ. Trúc đạo hồ lập đàn ở núi động đình, trúc đạo sinh ở Ngô Trung Hổ khưu tự lập đàn tế, tăng phu lập đàn ở vũ hồ, lương pháp siêu lập đàn ở nam giản, Lương tăng hộ lập đàn ở bốn chỗ thượng vân Cư Thê Hà, qui thiện, ái kính.

Nay nền chùa Tứ Tằng ở Kinh châu, nền chùa trường sa, chùa Đại Minh đều là giới đàn. Nay, lấy việc mà đoán, thì Giang Tả dụ châu trở xuống đến hết phía Nam Giang hoài, kể chung giới đàn hơn ba trăm chỗ. Ở Sơn đông trong Hà Bắc quan có giới đàn kiến nam việc chẳng dứt. Khiến Phật pháp ở Giang biểu trải bốn, năm trăm năm nay chẳng mất là do dùng giới đàn. Giới là nguồn gốc của Phật pháp, vốn lập mà chẳng thể nghiêng đổ, từ chung quanh sông này từng chẳng nghe tiến, do đây Phật pháp ba lần bị giết chốc.

Lại phía Nam Giang hán, núi sông đẹp đẽ kỳ lạ, hễ thấy thì quên về, đất đại như thế, người y báo ngoài khiến tình trí thông minh, thân tâm nhanh nhẹn bèn có thể suy lường giáo pháp Phật rất đáng nương không có gì nghi ngại, chẳng thể bỏ quên. Ở Lưỡng hà Trung nguyên sau khi nhà Tấn dời về Nam, chia thành mười sáu nước, dùng võ lực xâm lấn nhau, Phật pháp ba trừ đều là dận bắc địch, vốn không phải là văn địa, tùy tâm liền dứt, chưa được mở rộng há chẳng thế ư? Giới đàn nêu lên thì thành tướng trụ trì, chúng tăng nói giới, thọ giới đều lên đó. Việc xong thì về phương Đông, xoay bên trái ra hướng Nam mà trở về.

Tôi hỏi: Trong kinh đều nói các tướng đi bên phải, nhiễu bên trái, hông bên phải, v.v... nay lại nói nhiễu bên trái là sao?

Đáp: Pháp trời thường như thế, con người thường theo bên phải. Cho nên mặt trời, mặt trăng, các sao đều theo bên trái, khí gió trời cùng

chuyển về Tây mà mất. Chẳng thấy trăng mới mọc trước ở phương Tây dần dần chuyển về Đông, cũng từ Tây lặn, dần dần mọc từ Đông, tây mất gió chuyển. Trên đất cỏ cây sinh phải xoay về bên trái. Đây là luật thường của trời. Nay có người mưu tính mặt trời, mặt trăng mọc từ Tây, Phật cũng theo mà xoay về bên trái. Phương này chẳng thanh tịnh, cho nên Như Lai nằm nghiêng hông phải, đầu quay về Bắc, mặt ngó về Tây, xem bản danh địa Phật pháp được lâu dài nên ở xứ này chế ra các Tỳ-kheo đều phải nằm nghiêng hông bên phải, nhân thỉnh vẻ tướng Kỳ-hoàn, bèn lấy giấy vẽ phạm vi, mỗi viện đều nói rõ nguồn gốc, nếu riêng thì có cả trăm tờ giấy.

Lại chẳng lâu có vị trời đến nói là họ Đào thưa rằng: Đệ tử là vị trời, có tên họ, tiếng nói đồng với Thiên-trúc, sư đã chẳng hiểu, lại nói tiếng gốc clà người ở Tương châu, đến từ thời Hạ Ân có nhiều nạn, đem cả nhà vào núi Bạch Lộc, trong núi có vi bích-chi-Phật ở... sau cùng một triều, Vi tướng quân chí kính đến hỏi, bất thù hằng lễ thưa rằng: Đệ tử thường thấy sư ở tại phường an phong, soạn Quảng hoằng Minh tập, cắt đứt tà chánh, cởi mở sáng tỏ, khác với trước rất thích u tâm thường muốn tìm nhau, chi vì trong thiên hạ, Phật tăng việc lớn cãi cọ hưng binh, đánh giết chẳng thôi, đệ tử lãnh phước giữ gìn khuyên dụ hòa giải không lúc nào dừng. Do đó trước khiến các sứ giả luận bàn với sư, nay tạm được đến chẳng được ở lâu, nay sư hiểu Phật phap suy yếu tối tăm, các nước Thiên-trúc chẳng bằng xứ này. Đây phạm giới nên rất xấu hổ, bên trong tuy lăng phạm, nhưng bên ngoài cẩn thận giữ gìn khiến các vị trời thấy làm một điều lành mà quên trăm lỗi, nếu thấy tạo lỗi thì đều khóc thương, thảy đều che chở, chẳng đi ma thấy mà quấy nhiễu.

Tôi hỏi: Chủ cõi Dục chẳng phải là ma ư? Ở dưới các trời đều chẳng thuộc ma ư?

Đáp: Nếu ma làm ác, bốn trời Đế-thích đều chẳng theo. Nếu hai trời dưới làm các pháp lành thì ma và ma con chẳng làm gì được. Xứ này tăng thắng, đại tiểu thừa không hề hai kiến, thảy đều vâng giữ. Cõi Tây Trúc không như thế các vị Tiểu thừa được kinh Đại thừa thì liền quăng vào lửa. Tăng trẻ đều bán cho Bắc Địch, người già bị cướp mạng căn, chẳng thể nói hết.

Nay chùa lớn Bồ-đề, tự chủ, oai mãnh, có tám muôn vị tăng, số hộ là mười vạn. Vua đánh dẹp chẳng được, đi nhiễu dưới tháp, mặt trời có lụa vàng, thâu rồi tự nạp vào hết, cá sống chất thành đống lớn, thịt dê đều treo lên, ở tiệm giết mổ cũng được thủ hộ, chẳng để ác quỷ làm hại.

Tôi hỏi: Không có thiện thần, long vương do đâu mà tha hồ tạo tội.

Đáp: Thần ăn máu thịt đều đến hưởng đồ cúng, nhận lời Phật dạy, giữ gìn chùa tăng Đại thừa.

Tôi nói: Thường thấy nước này giết hại làm công, thường nguyện rằng nếu chết rồi sinh vào loài rồng quỷ, có thể lực lớn thì khiến nó chẳng giết hại, vì sao thần lại mặc tình làm ác?

Đáp: Đều là chúng sinh có nghiệp ác nên như thế, cá dê trả nợ ấy là lý thường.

Tôi hỏi: Trả nợ nghiệp thật tốt, nhưng nó giết ăn đều do mê lầm, mê lầm là tham sân si. Tham si kết hoặc ở đường ác, làm sao các thần mặc tình làm ác?

Đáp: Cũng là nghiệp định, chư Phật chẳng thể trừ, huống là các thần. Sinh ở nước này chánh niệm đã mất, liền mặc tình giết hại.

Tôi nói: Trước có nguyện này, thoát sinh thất niệm mà đọa vào đường ác như thế nào?

Đáp: Tự chẳng phải quán hạnh rõ ràng thì ở niết mà chẳng mậu, mới làm được điều này.

Lời Vi tướng quân nói đã dứt, đảnh lễ mà lui.

Luật tướng cảm thông truyện hết.

Bản Cao-ly ở cuối quyển có ghi.

Quyển này trong tạng không có, nhưng Hồng, Âm sớ chép: Xuất cứ từ Trinh nguyên mục lục, xét qua Thượng tọa Tuệ Trừng truyền lại pho sách kỳ lạ này, nên nay năm Bính Ngọ, Đại tạng nước Cao-ly đều vâng lệnh vua mà khắc bản in ra.

Hiệu đính bốn bản trên để bày tiệc lạ, tuy rất thành còn sợ có chỗ sơ sót. Nhưng đều xoi xét, chỗ lấy bỏ của bốn bản, khảo xét trích dẫn các sách không dám ức đoán, mà vọng thay đổi. Đến như chữ khắc của bản cũ sai lầm mà nay sửa đúng thì chẳng chép. Người đọc tự biết.

Niên hiệu Hưởng Bảo, mùa xuân năm Mậu Tuất, ngày rằm tháng ba.

Kim phong hậu học, Sa-môn Từ Nguyên.
Kính ghi.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 166

TRUNG THIÊN TRÚC XÁ VỆ QUỐC KỲ HOÀN TỰ ĐỒ KINH

SỐ 1899

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1899

LỜI TỰA KỲ-HOÀN ĐỒ KINH

Nghe rằng: Bắt đầu cho thương sinh kính phước, nền tảng của qui chân là xây dựng chi-đề, kính ngưỡng tháp tượng thật là công nghiệp của vua. Còn như Cấp-cô-độc lót vàng ở vườn Kỳ-đà, vua Ưu-điền chạm tượng Mâu-ni bằng gỗ chiên-đàn và xây dựng hai tháp thờ móng và răng, hai đài thờ y và ảnh, đều vào lúc Phật còn sống đã thấy thành nếp cũ. Và lại chân thần vô hình nhân cảm, cho nên bày cảm đã có sai trì, hình ứng cũng có khác. Nếu đường tâm cách dứt thì chân nghi không ứng. Chí thành, tinh thành thì biến động cả trời đất.

Xưa bình Trọng Ưu đại hãn, tự đốt lửa lên mà mưa đến, kỷ phụ khóc thây của lương thực mà muôn thành đều đổ sụp. Do đó mà thấy thì thần y vật cảm, đâu phải dối trá. Thích giáo trời đông dần theo phong hóa, hình tượng tháp miếu đều tranh bày. Đến khi vận đời tượng mạt giáo pháp suy vi, tình người mỏng nỗi chế tạo không khuôn phép, khinh mạn do đó mà sinh, kính lễ cho đó mà bỏ.

Nếu có người giác ngộ bảo rằng: Nam sơn giáo chủ Đại sư Trừng Chiếu, liền thấy chấn đáng ứng triệu luật chủ. Trời đất đồng đức lớn, mặt trời mặt trăng cùng chiếu sáng, huyền quan u kiện cảm mà đều thông, nguồn xa sóng gợn sót mà chẳng cạn. Rồng quỷ qui ngưỡng, trời người kính lạy. Tổ ta đức tốt đâu thể xưng kể, mà Ngài thương khắp, chẳng bỏ chúng sinh sợ đời sau xây dựng tháp miếu, nếu chẳng có biểu chương nên y cứ vào linh cảm mà chế ra kinh Kỳ-hoàn, hai quyển, bậc thúc thế hoài đạo chẳng ra khỏi ngọc quan, vượt thương Thánh đích chẳng phải kinh này có ích hay sao? Theo lịch Đại Tống, tuy luật phong bỗng hưng mà kinh này đã mất, luật sư đại trí của ta gặp gỡ ở Tây Vực

đem đến, xứ này đất Hán lại có sách này. Ở nước ta, tôi có gặp quyển này, sửa chữa các mất mát và chỗ dịch lầm. Mỗi khi giở ra xem đều bùi ngùi than thở. Khoảng mấy năm dời về gặp luật viện Đại thừa ở Thạch Thanh thủy thần cung tự Bí-xô thật trường bảo tôi rằng: Trong kinh phòng có bản cũ Kỳ-hoàn đồ kinh toàn vẹn. Nhà sách ở Kinh Triệu chưa có kinh này. Liền khiến người khắc bản in khắp xa gần. Xin tôi đặt một lời đầu quyển, tôi thưa rằng: Than ôi! Lời quê mùa đâu giúp được sách Thánh.

Trường bảo: Châu quý gặp chống kiếm, ngựa tốt gầy ở chơ, không nhân mà đến. Than ôi, thật là nhún nhường lắm thay. Tôi cảm lời nói ấy nên chẳng được cố từ, bèn viết lên mấy hàng.

Niên hiệu Thiên hòa năm đầu, năm Tân dậu, ngày mùng một tháng chạp. Cửu tu viên luật viện Tỳ-kheo Tông giác kính ghi.

LỜI TỰA TRUNG THIÊN TRÚC XÁ VỆ QUỐC KỲ-HOÀN TỰ ĐỒ KINH

Đời Đường, niên hiệu Càn Phong năm thứ hai, cuối mùa xuân.
Thích Thị Cảm Linh ở soạn núi Chung Nam.

Nền tảng của chùa tháp có nguồn gốc rất xa, từ khi kiếp Hiền sáng lập thì chư Phật được thành, dẫn bốn loài sinh để khai ra ba Thánh, dẫn năm thừa để hội về Nhất cực, đều lấy gốc là cách tục và xuất hữu, lý chung là cùng cực nhập không, cho nên khiến quyền đồ chẳng định mà nghĩa thật ở đây hiển, gỗ đá đất cát chung quanh dài ngắn, viện phường lớn nhỏ, địa vị tăng và Phật khác nhau, dù cho ở đây khác, phàm Thánh tánh bất đồng, lễ cúng chia đều, cửa động khai mở, là cái vui của hai mươi mốt. Rừng ao ánh chiếu nhau, dẫn đường khang ba mươi hai. Biểu xưng đã rõ, sự tôn quý cũng rõ, cho nên thanh tín mười phương theo dấu nhóm họp. Chín cõi linh kỳ, đầu thành lộ kiết. Còn về sáu sư đạo khác bị phủ che để bóng mát oai linh, bốn tục có mạng sống được con đường chân giáo, ở đây là hành sự của cổ Phật, hang kiến vẫn còn, bố thí không cùng cho đến bậc Thánh. Đổng tập như thế thì cứ thế gian không dứt, lăng cốc giúp nhau thì việc ở đây được phục hồi, cho nên tiếp nối sự phi thường. Nay thì gò nỗng lớn, đồng khen mãi ắt lìa. Nếu còn sót lại mông muội, đoái hoài sương lạnh thêm thê lương; tự bảo ẩn trốn hai sông, trở về song thọ chân chánh. Pháp truyền đến Chấn Đáng mới nghe dấu vết quý báu mà đồng với pháp dũng pháp thạnh. Đạo Thúy, Đạo Sinh làm bạn phấn phát tinh thần, khảng khái chưa nghe, nhìn chết như sống theo dấu khuôn phép cao xa đã đến được nền đất cũ, chỉ thấy bụi còn sót lại. Nhã tướng tuy nhiều nhưng cuối cùng truyền đến dấu vết. Chớ như mặt thấy mà dụng mở ưu tâm, chỉ lấy duyên xương, chưa dứt oai linh thần, có trời người theo và nghe khác nhau. Nghĩa bèn nêu, dám dùng những điều trình bày, dùng gương trần gian để chiếu bày đồ hình mà truyền bá. Từ khi bậc Đại Thánh nhập diệt đến nay đã một ngàn sáu trăm năm. Kỳ Viên hưng phới trải qua hai mươi lần, việc thêm bớt, đủ thiếu nêu ra đương cơ, nên khiến cho đồ truyện phân vân trong việc đoán định. Trong đó, bậc cao thì ba lần dứt bặt, còn bao nhiêu thì cấu kết không đáng xưng nói. Đầu đời Tùy, Pháp sư Linh Dụ ở quận Ngụy danh hạnh đều sáng rỡ, phong cách cao xa, soạn thuật thơ văn có dẫn tinh xá Kỳ-hoàn. Nhưng vì đời người vắng lặng, kinh sách ít đầy đủ, pháp luật thông hiểu, duyên theo lời tỏ chưa bằng. Cho nên vàng vải

để lại trên cây, lầu gác tầng môn bảy ngày mà vượt cao ngàn mẫu, các tiếng chuông khánh vang khắp trăm viện, lời này như thế, việc có nói rõ trong kinh, đều là duyên thống nhiếp căn cơ, trời người giúp thành việc, nghĩa thông cảm, rồng quỷ khen ngợi thần công. Xưa, nghe vua A-dục xây tháp, cùng lúc mà xây được tám vạn ngôi, bậc Đại sĩ giáo hóa chúng sinh, đại thất nạp vào lưỡng nghi, đâu chỉ có mưu người là do Liên Huyền Thừa sáng lập. Nay thì đều từ đây truyền, sinh ở ngày đầu, tức là một trong tám vị Đại tướng của thiên vương ở phía Nam. Thấy thỉ và chung chỉ hơn ba mươi, mùng một, đích thân được gửi gắm, chí mở mang ở trong lòng, lòng từ cứu giúp không nhờ đâu mà đích thân nghe, truyền đồ kinh này cho đời sau, nếu có người thấy thì biết chỗ về, bèn ghi chép nguyên nhân không mê muội đầu mối tông phong. Tôi là tự chủ chùa Kỳ-hoàn, ở đó hai mươi lăm năm, một thời gian hoá tích bảy chỗ tám hội, hình nghiệp rộng lớn không từ vườn này. Pháp huyền tịch năm bộ bốn A-hàm phần nhiều là từ chùa này, do đây sưu tập các thiên, là việc đặc biệt lưu thông bài tựa. Nhưng vì xê xích khác nhau chưa được rõ ràng. Chợt giác ngộ, cảm được u linh này. Nhiều năm đắm chìm bỗng nhiên viết được, nhưng thầm ẩn thầm hiển, nghe đủ trước dứt bài ghi báu về thần. Bài U Minh của Lưu Khánh, sách chí quái của Tổ Thiên Thai, bài ghi chép minh tường của Vương Diễm. Thường thường rộng mở, chẳng như chỉ trong lòng bàn tay. Bậc lưu tục hoặc sinh quả luận, thần chưa đạt thông phương, đề xướng sự truyền bá này thì không đáng nghe. Lại có tác phẩm tinh khác thuật khác, sách minh báo hiển báo. Lời tựa phiền nhiếp, ánh sáng khắp xưa nay, tôi liền trình bày các sự việc, ghi chép của Thiên vương Văn Tuyên, cũng đồng với tác phẩm an trí tượng Phật đá. Thức ngủ tuy khác nhưng không đáng hoài nghi, chỉ tiếc vì tám mươi giai vị, tháng năm đốn dứt, tận mặt tay trao. Lời giáo hối và đến tu sơ mười không còn một. Tụ lạc đồ truyện khởi nghĩ chưa nghe. Xin các vị đồng tha thứ lời than thở.

KỲ THỌ CẤP VIÊN ĐỒ

Kinh luật nói nền tảng chùa Đại Minh có tám mươi khoảng đất, hai trăm hai mươi viện chuẩn đích. Chiều Đông tây có gần mười dặm, chiều Nam bắc hơn bảy trăm bộ. Như gần đây có truyền rằng xưa Phật tại thế, Tu-đạt kỳ viên cùng tạo lập trong kinh có vết tích như trước đã nghe trải qua hai trăm năm. Lúc đó, đất này là chu cơ thứ mười ba, chủ Bình Vương được ba mươi mốt năm bị đốt hết là vì sao? Thái tử Kỳ-đà rất mến khu vườn này. Tu-đạt ép mua chẳng sợ tốn vàng. Thái tử thương tiếc miếng vườn ân cần khuyên nhủ, nhưng Tu-đạt vẫn kiên quyết chẳng dời đổi. Thái tử thấy ông không tiếc vàng thì ý muốn cúng dường bảo Trưởng giả rằng: Ta tự tạo chùa chẳng nhờ vả khanh, Tu-đạt không chịu, thái tử lập nguyện cây và vàng chẳng thể cúng dường, sau nếu hoang phế thì nguyện cây vẫn còn sống. Cho đến bị thiêu đốt nhà cửa đều cháy hết mà cây vẫn còn như xưa.

Ngày xưa còn là phàm phu Tu-đạt bán thịt được tiền vẫn sống nghèo hèn, khi được giàu sang thường nguyện tiết kiệm, tuy được giàu sang tiền của do uế tâm lấy đây mà xây chùa cuối cùng đều cháy hết. Thái tử do năng lực tịnh tâm nên cây còn sống, nghiệp hạnh tuy thiếu không thể nghĩ bàn sau đó bốn trăm năm có Dục ca vương y đất đó mà xây chùa tháp nhưng mười phần không bằng một. Trải qua ngàn năm sau bị giặc đốt hết. Mười ba năm sau có vua lục sư ca y theo trước mà lập lại chùa tháp rất đẹp, đều dùng các chất báu mà trang nghiêm. Một trăm năm sau thì vua ác phá hoại làm nơi giết người.

Tứ Thiên vương và long vương Ta-kiệt-la nổi giận dùng đá lớn đè chết vua. Chín mươi năm hoang vu không người vật. Thiên vương Đao-lợi khiến con thứ hai xuống làm người, y đất đó mà tạo ra trang sức đẹp đẽ. Phật diệt độ một trăm năm mươi năm thì Thiên vương đốt cháy hết. Lúc đó, đất này nhằm cuối thời Hán, vua Hiến đế năm thứ hai mươi chín, lấy việc xưa mà trưng hiển tông mình, sau đời hòa an hoàn linh, người tới lui Tây vực nối gót nhau, thì thấy Thiên vương sửa sang làm duyên, cây của thái tử Kỳ-đà xanh tươi, sau tuy có người thoát có đến ngày nay, hoang vắng mà thôi.

Tên chùa là Kỳ-thọ Cấp Cô Độc viên, chùa có mười tên gọi:

1. Tự (chùa).
2. Tịnh trụ xá.
3. Pháp đồng xá.
4. Xuất thế xá.

5. Tịnh xá.
6. Thanh tịnh viên.
7. Kim cương tịnh sát.
8. Tịch diệt đạo tràng.
9. Viễn Ly xứ.
10. Thân cận xứ.

Mười tên gọi này y theo các kinh mà giải thích tướng, đều có chỗ đến, như trong cáo kia, nay y vào các kinh nói mới tạo vườn này, đất ấy chiếu Nam bắc chu vi hơn tám mươi khoảnh, đông tây nằm dài theo phía Nam thành Xá-vệ khoảng năm, sáu dặm, đại viện có hai:

Ở Tây vức đại viện chỗ ở của tăng Phật gọi là Đạo tràng hoặc Kim cương tràng, nền có cao hơn đất có nhiều bậc, bốn mặt hang khám đều có tượng thần quái giữ gìn tràng viện này. Tường lớn có ba lớp cao khoảng hai trượng, mái trang đi bộ cột kèo lớp lớp màu sắc rực rỡ, xét về chùa bảo rằng: Lớp viện mặt ngoài, tường ngoài biểu thị cho ba qui y chỉ là tướng ngoại hộ, một lớp viện bên trong, tường trong là biểu thị cho nhân quả là tướng qui cảnh. Viện trong cao hơn viện ngoài năm thước, để nói lên nhân quả của tam bảo hơn năm đường. Ngoài ra còn có Phật pháp tăng bảo, viện đường phòng ốc nhiều ít, vẽ vời tướng trạng bày loại khác nhau. Phạm vương, Thiên vương có tòa riêng, dã quỉ, ngạ quỷ có nhà khác. Đầy đủ thức ăn cúng đãi thường vì tám vua và sáu tề, tài thí, pháp thí tùy lúc tiểu thực và đại thực đều có tột cùng, rộng như văn ấy.

Chùa này đại viện chỉ mở ba cửa ở ba phương phương Bắc chẳng mở. Xét dụ sư Thánh tích ký thì chùa mở hai cửa Đông và Bắc. Quanh viện Kỳ-hoàn có mười tám chùa.

Lại xét tự cáo nói: chùa Kỳ-hoàn bốn cửa thông suốt, mười nhà giao qua cứ nay trên bản vẽ. Phương Bắc không có cửa, việc ấy rõ ràng. Vậy thì trước sau khởi tạo chế độ đều khác. Tùy thời thấy nghe liền nêu ra chẳng đáng nghi ngờ quái lạ. Đồ kinh này đầu tiên phải hàng dây vàng mà làm mặt Nam có ba cửa, cửa giữa rất to, có năm gian ba lớp lầu cao sừng sững, Thái tử Kỳ-đà tạo ra. Ba lớp này biểu thị cho ba cửa không, nói Phật pháp ba không. Làm gốc mới vào Phật lý, y theo đó làm sơ tông, cho nên lập ra ba lớp biểu thị cho ba không. Rảnh nước chảy ngoài cửa phải bắc cầu vượt qua có năm đường, trau chuốt đẹp đẽ dị thượng không phải người có. Hai cửa Đông tây có ba lớp đồng như trên đều có ba gian, ngoài cửa bắc cầu ba đường mà vào, ngoài có rừng cây, thanh tịnh đi vòng quanh cho đến ba bên đều có cây hoa. Người thấy

liền phát tâm kính trọng mà vào cửa lớn. Đường hai bên viện, cửa ngỏ đối với nước, cây cỏ giao nhau. Cửa Đông của đại viện mở ra đới với đường giữa, đông tây thấu suốt. Cửa này cao lớn ra ngoài các viện, trên dưới chồng chất mười hai lớp. Lầu các khắp đất mười bảy cửa, trang sức đẹp đẻ lạ kỳ. Bốn phương đạo tục mới đến lễ bái chưa dám xoay mặt về hướng Bắc, phần nhiều phải đi qua cửa này rồi mới gặp gỡ.

Xét tự cáo nói: Cửa này hoành tráng biểu thị vẽ vời tượng đại Phạm vương và tượng trời Đế-thích, bốn vị thiên vương, Nhân vương đại quỷ vương, thần long vương... Sở dĩ vẻ các hình tướng ấy là biểu thị đồng ảnh hưởng chung ngộ trụ trì Tam bảo.

Cửa Đông lớn, tự chia ra bảy viện. Bờ Nam của viện Tây thứ nhất gọi là Tha phương bạch y Bồ-tát viện. Viện mở cửa Bắc, bên trong có nhà lớn, hoặc gọi là nhà lớn, hoặc gọi là điện đường, hoa cây đầy đủ. Mỗi khi có người phương khác tục sĩ Bồ-tát tới lui hầu cận thì trước ở trong đây. Sau mới thấy Phật trong viện ấy có tòa sư tử pha lê, do Thiên vương Đâu-suất tự tay làm như hình nắm tay lớn. Đến lúc miệng phát Diệu Âm như chim mạng mạng, trong tiếng ấy nói tám muôn Ba-la-mật, các Bồ-tát nghe pháp đăng địa, mỗi khi đến mồng tám tháng chạp thì trong thành Xá-vệ, các sĩ nữ đều cầm hương hoa đến nghe pháp âm và các thứ chim mang mạng, chim cánh vàng, uyên ương, phụng hoàng đều đến. Người và các chim hoặc được Sơ quả, và vào pháp Đại thừa, nhãn tịnh kế có một viện nhỏ ở bắc gọi là tha phương Bồ-tát viện. Cửa mở về hướng Nam trong có đường phòng vườn cây như trước. Trong đó có kiền chùy, là Tán Chỉ đại tướng quân tạo ra một con rồng bằng đồng trên vai có hoa sen đá, mặt trời mọc thì hoa nở, mặt trời lặn thì hoa khép.

Khi hoa nở thì các lá đều động cũng như gió thổi. Rồng liền phát ra tiếng, Duy-na nghe tiếng liền đánh kiền chùy. Phía Đông nam của tây viện có một viện gọi là viện Tỳ-kheo ni lai thỉnh giáo thọ, một cửa bắc mở ra đối với đường cửa đông, trong một cửa đông mở ra có nhà lớn và cây như trong Tây viện, mỗi tháng ngày có trăng hoặc không trăng có ni đến thỉnh dạy răn mà ở viện này. Có sát can cao đến ba trượng do vua A-tu-la tạo ra. Sát can đó có miệng, có phụng ngậm chuông đồng. Nếu khi ni đến thì chuông tự kêu. Chẳng đúng pháp thì chuông kêu tiếng xấu (rè). Nếu có tiếng chưởi bới hoặc làm việc siêng năng thì chuông phát ra tiếng khen chê và nói các pháp như sáu độ v.v...

Kế ở ngõ Bắc có một viện gọi là viện giáo giới Tỳ-kheo ni. Trong có nhà lớn và cây, đối với hướng Nam mở ra. Một cửa đông ra như

tướng viện trước. Mỗi tháng hai lần nhận ni đến đến dạy răn. Trước ở Tây bắc có một viện lớn gọi là viện tha phương chư Phật, vì thông hóa cho nên khi đến đây, trong có ao rừng hoa cây đầy đủ, hai cửa đông tây mở ra đối đường lớn. Trời Đại phạm hóa làm mười hai cục đá vuông thanh tịnh sáng sạch, trên có phát ngồi giữa có trống trời ma-ni, lúc đến tự kêu, do long vương Hòa-tu-cát tạo ra, tiếng trống nghe rất xa, trong địa ngục nghe thì lìa khổ mà sinh lên cõi trời, cũng có người chứng quả. Người Tiểu thừa nghe thì bước lên Đại thừa. Người mới phát tâm nghe thì lên Thất địa.

Viện Tha phương Phật, ngõ bắc lại chia làm hai viện: Một viện bên Tây gọi là viện Phật hương khố, cửa xoay về Tây mở ra đường lớn. Trong đó có thiên đồng coi giữ.

Kế viện phía đông gọi là viện Các Tiên. Cửa mở về Nam, (nhà lớn) và cây đầy đủ trong có một bộ thiên nhạc ba ngàn thứ, bày báu tạo thành, mỗi mỗi đều có bảy báu. Người nâng giữ nhạc này. Nếu các vị tiên nhóm họp thì các món nhạc sẽ tự kêu, tấu khúc thần tiên. Khi Phật vào tiên viện nói pháp, thì các người bằng bảy báu liền tấu trỗi khúc sáu độ, bốn đế. Các vị tiên có năm thông núi ngã mạn sụp đổ, hoặc được quả, hoặc vào Sơ địa nhiều chẳng thể kể hết. Tiếng nhạc ấy nghe khắp bốn thiên hạ. Ở thời Phật Duy-vệ, trong núi Hương sơn, do vua lợi đại tiên Ma-lợi tạo ra. Phật diệt độ rồi Văn-thù đem đến núi Thanh Lãnh, Phật Thích-ca xuất hiện đem đến Kỳ-hoàn. Khi Như Lai diệt độ rồi thì nhạc này tự bay về núi Thanh Lãnh trong hang Kim Cương.

Bảy viện trên đều ở tại phía Đông cửa lớn và phía Tây cửa đông, trong đó rãnh nước chảy giao nhau thông suốt trong sạch. Lại quảng quan tỳ khoảnh ngưỡng cáo mệt nhọc. Mặt Nam cửa Đông ba lớp như trên, thẳng hướng Bắc vượt cầu có cửa đầu chim, năm đường cùng vào lại đến năm cửa mới thấu đường giữa. Phía Đông cửa Đông tại chia làm chín viện. Một là phía tây nam có một viện gọi là viện Đại Phạm Thiên vương. Trong hai cửa đông và tây có mười hai cái loa ốc trời. Khi các vị phạm nhóm họp thì trước ở trong đây. Y giải thoát và áo quần luôn nghiêm sức, muốn đến gặp Phật thì loa ốc tự kêu, tiếng nghe khắp Tam thiên đại thiên thế giới. Phạm thiên muốn hỏi sáu độ bốn đế thì loa ốc như biết mà phát ra tiếng, các người nghe tiếng liền nhóm họp chỗ Phật.

Lại trong viện có ao ngọc, trong ao có hoa sen vàng. Trong đó lại có mười ba vị thiên đồng. Loa ốc thường ngậm, Phật đến thì hoa nở, Phật Niết-bàn rồi thì Đại phạm Thiên vương đem về trời. Hai- một viện

đông gọi là viện Tri thời, cửa ấy mở ra các viện hướng Tây. Duy- na xem tướng biết lúc ở viên này. Trong đó có viện lậu khắc (viện đồng hồ), trong đó lại có huynh kim Tu-di sơn hải thủy, các sự kỳ lạ trong núi không thể kể hết trên có thành vàng, bạc trắng và bảy báu để làm lầu tăng cao hơn ba trượng, do người con thứ ba của Địa phạm Thiên Vương tạo ra, bốn góc bốn lầu mặt họp thành mười cửa trên bốn cửa giữa đều có lầu, trong bốn lầu đều có người bằng báu. Đến giờ liền bước ra đánh một tiếng trống, trên thành đó hiện ra có mười hai người, đều cầm cây phất trần trắng đồng hô to đã đến giờ ngọ (mười hai giờ trưa) cửa nam liền mở, ngựa từ trong phóng ra.

Qua giờ khác thì liền bước vào đóng cửa lại. Theo mười hai giờ khác thì liền bước vào đóng cửa lại. Theo mười hai giờ mà các thú hiện ra hay biến mất cũng như thế. Trong đó có nhiều người đánh kiểng báo canh, mỗi giờ đều rõ ràng. Phật nhập Niết-bàn thì núi phát ra tiếng động, thì giờ làm ra đều chẳng đấm trước người báu khóc lóc hoặc có tay gảy, sau khi diệt độ mười hai năm thì Đại phạm Thiên xương thâu về trời. Di-lặc hạ sinh lại trở về chỗ cũ. Ở phía Bắc có hai viện: Một ở phía Tây nam, hai tên là viện Ma Vương thí vật, cửa mở về Đông, ma trời mới xuống trước ở viện này, trong đó có một cái chuông, bảy mặt bảy góc ma-ni báu làm thành cái đầu chứa ba mươi vạn hộc. Khi người trời nhóm họp tại Kỳ-hoàn thì Tỳ-kheo Mã tinh khiến Hỷ kiến ma tử đánh chuông tiếng nghe khắp cõi Đại thiên. Ma vương nghe rồi liền thống lãnh tám trăm ức ma thiên tử giáng xuống, lại có trăm ức ma vương đồng thời cùng đến hiến báu lên Phật. Người ở địa ngục đều lìa khổ. Chuông này là do cổ Phật trước kiếp Tinh Tú làm ra. Phật diệt rồi, long vương thâu xuống biển.

Lại kế đông có một viện gọi là viện Đại Phật tượng, cửa mở về Tây. Ở trong đó điện đường trang nghiêm, thành báu hoa quả ao rừng chẳng thể kể hết. Hai viện bờ bắc lại có hai viện, kế Tây có một viện gọi là viện Long Vương, cửa mở về Đông, trong có nhà lớn, lại trong có bình báu lưu ly, trong bình có bảy gà vàng, rồng đến liền gáy, tiếng nghe xa ba ức dặm, long vương khi đến thì bảy gà đều gáy, các rồng khác đến chỉ một gà gáy. Bình ấy trong ngoài đều trong suốt. Hình gà vàng như gà núi này, tiếng như tiếng sáo, các rồng nghe thì tâm sân liền hết. Như Lai diệt độ thì các gà bay đi. Ca-diếp kiết tập thì hai gà trở về. A-nan Niết-bàn thì liền bay đi chẳng trở lại. Ngày xưa, các đại long vương đến hầu Phật đều đến viện này trước, bỏ tướng rồng mà đến chỗ Phật. Lại có khánh ngọc ba tầng. Khi Rồng nhóm họp thì Tỳ-kheo

Phú-lan khiến long vương Ma-na-tư đánh lên, tiếng nghe cả Đại thiên thế giới, trong đó long vương đều cầm vật báu đến cúng Phật. Khánh do long vương Ta-kiệt-la làm ở kiếp Tinh Tứ. Phật diệt độ rồi, long vương đem vào cung.

Lại, kế phía đông có một ngôi gọi là viện Thức điện, viện này mở cửa về phía Tây. Trong viện có hoa cây như trước. Kế phía bắc có viện lớn tên là viện Cư Sĩ, cửa mở về ngõ Nam, trong có một nhà lớn, các cư sĩ tục mới vào già-lam trước nghỉ ở viện này. Có bốn chuông đồng đều nặng hơn ba ngàn cân, hình dáng như cõi này, do Chu Kính Vương đúc ra. Bốn bên đều có tượng bạc trắng ẩn hiện, lại làm hình Như Lai khi làm Thái tử, và các tượng cởi ngựa đấu sức,... mủi chuông đúc đồng hình rồng có vị tiên cỡi trên lưng, tay cầm chày vàng hướng xuống đánh chuông, tiếng nghe cả cõi Diêm-phù-đề, bốn mùa chia âm xuân như tiếng đàn cầm cõi trời, trong đó nói pháp Tứ đế của Thanh văn. Mùa hạ như tiếng sáo trời trong đó nói sáu độ và bốn đế của Bồ-tát. Hai mùa Thu đông như tiếng sấm trời trong đó nói pháp Phật mới thành đạo.

Chuông lớn ấy là do bốn vị đại thiên vương mỗi vị tạo ra một quả, quí thần có duyên giấu chuông dưới viện Kỳ-hoàn thì liền hiện ra. Các cư sĩ nghe tiếng chuông liền hiểu được pháp yếu mà Như Lai đã nói. Mùa xuân được quả thứ ba, mùa hạ được bốn mươi tâm Địa tiền. Hai mùa Thu, Đông chứng được Nhị địa. Ở phía Bắc viện Cư Sĩ có hai viện riêng, một viện phía Tây gọi là viện Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát, cửa mở về ngõ Nam, vị đại Bồ-tát này ở trong đó. Trong đó có Phật đầy đủ trang nghiêm ao hoa rừng trúc trời người nhóm hội. Hoằng duyên chánh hóa độ thoát người có duyên. Có đài chuông lớn và có trong lớn miệng bạc mặt vàng. Văn-thù vì các Bồ-tát nói sáu độ. Trống nói sáu độ, các pháp khác cũng thế. Trống ấy từ trời Tha Hóa đến đây cúng dường. Sau khi Phật Niết-bàn lại trở về trời mà rung chuyển, tiếng nghe khắp Tam thiên Đại thiên thế giới. Người ở địa ngục nghe thì được lìa khổ mà giải thoát.

Phía đông viện Văn-thù Bồ-tát có một viện gọi là viện Tăng Khố, cửa mở về ngõ Nam. Tiền của đồ dùng của tăng đều chứa để trong đó (từ trên đến đây cửa Đông lớn, ngõ Nam lớn đã hết).

Cửa Tây lớn lại có bảy viện, phía Đông Nam có một viện gọi là viện Bồ-tát Tứ-đế, trong có nhà lớn cửa mở về ngõ Bắc, có rừng ao đầy đủ. Các Bồ-tát nói rõ về Tứ đế, lời lý rộng ước, có không buộc mỡ, phàm Thánh thông bít đều nhóm họp trong đó. Các viện học tông lệ theo đây chẳng nói hết.

Viện có chuông vàng ba tầng, mũi có hình chín rồng, kêu tiếng như đàn trời nghe xa hai mươi dặm, do long vượng Hòa-tu-cát tạo ra. Xưa, khi Phật câu-lâu-tần còn ở nhân địa, Phật đã khéo léo vận ý nghĩ tạo ra, nguyện ta ở vị lai được thân mầu vàng, hằng khiến chuông này cúng dường chư Phật.

Kế ở ngõ Bắc nhỏ có một viện gọi là viện Mười Hai Nhân Duyên, cửa mở về ngõ Nam, nhà và cây trang nghiêm, trong đó không có chuông, có du tử vàng như tiểu ải tử, đến giờ thì phát ra tiếng như tiếng sáo, trong tiếng nói về Bồ-tát tứ đế, mười hai nhân duyên, vô thường, khổ, không. Tiếng ấy đầy khắp thành Xá-vệ. Nếu muốn ngưng bảo ngưng liền ngưng, con du tử này do long vương Ma-na-tư tạo ra. Khi Như Lai sắp Niết-bàn thì trong mắt cẩu tử có máu phát ra tiếng "kỳ lạ thay Thế tôn ba tháng nữa sẽ Niết-bàn", nên báo trước tin, Người trời nghe rồi thì cảm thương buồn khổ.

Kế viện Bồ-tát Tứ đế ở phía Tây lại có một viện gọi là viện Duyên Giác mười hai nhân duyên, phía Đông đối với viện Bồ-tát Tứ Đế. Đường cây đồng nhau cửa mở về ngõ Bắc. Trong có chuông vàng hình như ba sừng trâu đều nhỏ liền nhau trên có hình côn luân tử có mũi như chuông vàng, đến lúc gió nhẹ thổi động tiếng nghe xa tám dặm. Đây là do Tỳ sa-môn thời Phật Ca-diếp tạo ra. Mỗi khi đến ngày 8 tháng 4 thì chuông sẽ tụng kinh Phật Ca-diếp Niết-bàn, bốn chúng đều nghe.

Kế ngõ nhỏ phía bắc có một viện gọi là viện Duyên giác Tứ đế, cửa mở về Nam. Người Duyên giác tánh ưa nghe hai pháp, Phật tùy căn tánh mà nói. Trong có nhà lớn, rừng ao thanh tịnh. Đây là chỗ rất kín đáo, có chuông đồng người đánh tiếng vang xa trăm dặm. Khi tạo viện này đào đất mà được, chuông do thần đất Kiên Lao tử bố thí.

Ở phía Bắc bốn viện này có một viện lớn gọi là viện Vô học nhân vấn pháp, cửa quay về ngõ Bắc, các đại A-la-hán đến hỏi pháp đồng nhóm họp trong viện này. Trong đó có đại Phật đường rất cao lớn, rừng ao giao nhau, người thấy đều kính. Phật đến nói cho là thường, chỉ có một chuông trúc giống như cái linh (chuông lắc) vốn là do vua Càn-thát-bà tạo ra. Mũi chuông có côn luân vàng tay tự vác chày, đến giờ liền đánh, tiếng như tiếng đàn, chỉ nghe trong viện. Trong tiếng nói kinh mười hai nhân duyên. Mùa xuân thì hoa nỡ, trong thành Xá-vệ các trẻ con đều đến xem nghe, thọ năm dục lạc nghe pháp được quả.

Lại ở ngõ Bắc nhỏ tự chia ra hai viện Đông Tây. Một viện phía Tây gọi là viện Học Nhân Trụ Chỉ Thỉnh Pháp (người học ở đó nghe

pháp), cửa quay về ngõ Nam. Nhà lớn (điện đường) và ao rừng sáng rỡ như trên không khác. Đại phạm Thiên vương tạo ra sáo trời, toàn dùng bằng bạc đặt trong viện này, đến giờ thì trời Đao-lợi thổi tiếng đến Phi tưởng; Các trời và bậc Thánh nghe nói sáu độ phàm phu thì nghe như tiếng sáo. Trong thành Xá-vệ các dâm nữ phần nhiều chưa thấy nghe nói năm dục lạc do được vui nên ngộ sơ Thánh đạo.

Kế viện phía Đông gọi là viện Phật Du Khố phía đông các đường lớn đối với Phật Hương khố. Sa-di dắt bốn bộ hiến dầu cúng dường Phật đều nhóm họp trong đó.

Phía Tây cửa Tây tự chia ra sáu viện.

Viện nam sơ đông gọi là viện Tha Danh Tha Phương Tam thừa học nhân tám Thánh đạo, ở hai cửa đông tây, điện đường phòng xá rừng ao các thứ đều đầy đủ. Có một chuông lớn có sức chứa hai mươi thạch, hình dáng như cõi này xuất hiện ở Tấn châu, thân chuông có tám góc, dưới có một trăm hai mươi góc, góc có môt trăm hai mươi bảo châu. Hình chuông có ba phần, phần dưới là miệng bằng vàng ròng, lưu ly xanh ẩn hiện, phần giữa là bạc trắng và pha lê ẩn hiện. Phần trên là mã não và vàng trời tạo ra. Trên mũi vàng làm tượng hình hai đầu, lại làm ba mươi ba hình trời, trời ấy ở trên đầu voi.

Hình trời năm thước dùng pha-lê xanh làm mão trời. Trong tay trời, người đều cầm phất trần trắng. Đến giờ thì voi kêu lên, mọi người đều vẫy phất trần mà ca múa bài Tám Thánh đạo, lời ca do Thích-đề hoàn-nhân soạn. Khúc tức tám muôn bốn ngàn khúc, lời cũng có tám muôn bốn ngàn lời, một khúc trị bệnh phiền não của chúng sinh, trời ba mươi ba hát khúc ca này và múa, một bên sau đó vẩy phát trần ca tấu lời ca sáu độ của Bồ-tát xong, chuông liền tự kêu, tiếng vang khắp ngàn thế giới, trong tiếng nói Bồ-tát thực hành tám Thánh đạo. Bồ-tát nghe chuông đều khởi vị địa. Trong thành Vương-xá và thành Xá-vệ có tám viện này nghe Phật nói pháp. Khi nói pháp thì tiếng chuông biến thành đàn trời thanh diệu không gì sánh được, như tu tám chánh, nghe tiếng chuông này thì Phật nói pháp liền hiểu.

Chuông này do Thiên vương Đâu-suất ở thời Phật Câu-lưu-tần tạo ra. Sau khi Phật ấy diệt độ thì thần núi Tu-di thâu vào hang kim cương. Khi Phật Thích-ca ra đời thì đến kỳ-hoàn cúng dường, đến ba tháng hạ an cư thì trời hai mươi tám và tám trăm ức các đồng tử trời đều trỗi nhạc trời và từ cõi trời mà xuống đến viện này nghe Phật nói pháp, hằng năm chẳng dứt, cho tới nay các trời cũng còn đến, vì thế mà tấu trổi nhạc trời. Khi Phật Niết-bàn thì bảo các đồng tử trời rằng: Ta độ người

nữ làm tổn chánh pháp của ta năm trăm năm. Khi ta diệt độ rồi các tỳ-kheo-ni tội ác không thực hành tám kính thì mau diệt pháp ta, các ngươi phải đến đây thường trỗi nhạc trời khiến chánh pháp ta ở lâu trên đời. Các đồng tử trời nghe xong thì đều khóc lóc không thể ngăn được, đều thưa rằng chẳng dám trái lịnh. Đời tương lai có Tỳ-kheo-ni tội ác đến khiến chúc lụy, chúng tôi hàng năm đều đến đây cúng dường, chẳng muốn cho pháp do đây mà diệt.

Kế ngõ Tây nhỏ có một viện gọi là viện Học Nhân Tứ Đế, cửa hướng về ngõ Đông, trong có điện đường và cây... như đã nói, có chuông đồng lớn hình núi Tu-di, do các con của Trưởng giả Tu-kế-na ở thành xá-vệ tạo ra, tự phát ra tiếng như tiếng chậu bể. Mới mười tuổi đã phát tâm mọng bay đến cõi trời Ba Mươi Ba, phạm Thiên vương biết được tâm ấy, đến khiến thợ Thiên-trúc chỉ dạy phép tắc, báo đã thành rồi thì người ấy được thẳng báo tiếng sấm. Trên chuông có cung điện Đế-thích tứ vương, nhật nguyệt tinh tú bốn biển các hình tượng tiếng như đàn rồng nghe xa cả ngàn dặm, nghe gần như ni chúng Giang Nam tán bái.

Kế ở ngõ Bắc nhỏ có một viện gọi là viện Học nhân mười hai nhân duyên, hai cửa nam, đông đều mở ra ngõ. Điện đường và cây như trước, trong đó có chuông đồng, ngoài giống hình mâu, trong có bảy góc, mũi có sư tử vàng, dưới có ba mươi bảy góc, đến giờ thì tự kêu không đợi người đánh. Do người con thứ ba của long vương Ta-kiệt tạo ra. Do nhân duyên đó các mũi đều chảy máu, Tỳ-kheo dạy tạo ra, khiến thợ giỏi rồng là người thời Phật Tỳ-bà-thi, khi chuông đã thành thì mũi máu liền hết, tiếng chuông nghe xa đến ba trăm dặm.

Kế ở ngõ Đông có một viện tên là viện Giác Lực, của quay về ngõ Tây. Những người ngã kiến trong bốn thiên hạ và các ma vương muốn đấu sức với Phật về đạo lực đều ở trong viện này, trong đó có núi Tu-di bằng vàng ròng, trên núi có mặt trời, mặt trăng và các sao, các người luận nghi nhiều âm dương và các luận trước phục quang vị đại tiên ở trong viện này, Phật Niết-bàn phó chúc pháp cho trăm ức bốn thiên hạ, nhật nguyệt các sao, hai mươi tám tầng trời đều ở đây. Lại có mười hai chiếc trống vàng, thân dài năm trượng, mặt rộng hai trượng một thước, có mười hai hoa sen vàng bạc trên chiếc trống này. Nếu có dị luận, tà kiến, ngoài đạo, người thế tục đến thách đấu, hoặc thần tiên trí lực có năm thần thông thách đấu, Âm dương nhật nguyệt toán số đến tranh cãi... thì trống liền tự kêu. Mỗi chiếc trống trên có chín rồng vàng tự kết quanh nhau. Trên miệng rồng vàng đều ngậm cánh chim cánh vàng. Đầu chìm đều có Bồ-tát tín tướng đều cao một trượng hai, tay

cầm phất trần báu, đội mão pha-lê hồng. Đến khi luận nghị thì Bồ-tát nâng phất trần lên miệng phát ra tiếng như sấm trống kêu, rung chuyển cả cõi Đại thiện, sáu thứ động đất, chư Phật mười phương, Bồ-tát thập địa đều nhóm họp trong đó. Các người luận nghĩa trước có lời biện luận nghe đều quên mất, sợ trí dứt mất. Tiếng trống lại phát ra, lại nói bất khả tư nghì thần hóa pháp môn, các người muốn đấu nghe liền ngộ địa vị. Trống này do đại tướng ma-ni-bạt-đà tạo ra, khi Phật Ca-diếp xuất hiện thì lại đem đến. Phật diệt độ rồi thì thâu vào long cung. Y cứ đây làm chứng thì chư Phật kiếp Hiền đều đồng như thế.

Kế phía Bắc có hai viện lớn gọi là viện Ngoại đạo đến xuất gia, cửa quay về ngõ Nam. Các người dị kiến mới đến qui chánh hóa thì trước ở viện này. Có một không hầu bạc cõi trời, lại một người bạc cõi trời ngồi trên hoa sen bảy báu đờn không hầu này. Vị trời trên đầu có một bảo vương ma-ni (ngọc báu ma-ni) nếu các ngoại đạo đến vào viện này, thì đàn không hầu cõi trời phát ánh sáng. Ngoại đạo nghe tiếng ánh sáng thì toàn thân được vui mát mẽ. Cái gọi là các hoặc nhờ đây tiêu trừ mà chứng quả thứ ba. Nhạc này là vua quỷ La-sát ở núi Lăng-già thời Phật Ca-diếp tạo ra, khi Phật ấy diệt độ rồi thì Văn-thù đem đến Kỳ-hoàn. Phật diệt độ mười hai năm thì cũng còn ở viện này, qua năm này rồi thì Thánh Văn-thù lại đem về núi Thạnh Lương trong hang Kim Cương.

Lại ở ngõ Bắc nhỏ có một viện lớn là viện Phàm Phu Thiền Tư. Cửa quay về ngõ Nam người tu mười nhất thiết nhập ở đây. Trong đó có chiếc khánh đá do thần ca-lâu-la tạo ra là vật thời Phật Câu-lâu-tần (câu-lưu-tôn), đá như ngọc xanh mà không phải chân bảo, hình như chuông lắc, tiếng vang xa hai dặm. Trong các viện đều có điện đường và rừng lớn giao nhau như các viện khác đã nói. Từ trên đến đây gồm có hai mươi chín viện.

Ở giữa ngõ Nam ở phía bắc viện lớn, đông tây thông suốt. Cầu lớn liền cách chỉ có ba cửa, trong ngõ có hai dòng nước đều chảy về Tây. Cây rậm rạp đông hạ đều sum suê, đất đai bằng phẳng sạch sẽ như lưu ly, đất có lá thần đều xua tan hết. Hễ có người lễ hầu đạp trên đất này đều run sợ, kẻ có tâm khinh khi thì sẽ té, bị phi nhân chê trách. Có người đến, tâm ác chẳng sinh. Trong viện cửa chánh mở ra ngõ Nam lớn. Có bảy tầng lầu, lầu có chín gian năm cửa cao rộng khoảng hai trượng. Phật đương lai sẽ đến hướng Nam, chẳng xa có cửa đầu chim, cũng mở ra năm đường. Lại ở Nam có chiếc cầu rất cao đẹp, dưới có nước chảy về Tây rất trong trẻo vắng lặng. Lại phía Nam thì đến chùa

cửa Nam lớn. Cho nên có người đến thì từ mặt Bắc thấy trùng phức ỷ lệ kỉnh thần tủng ổ thức mục nhìn thấy năm tinh đều mở, hai bên đường bày các thứ cây hoa đẹp lạ, không hề biết tên, người thấy đều lạ. Trong viện cửa Nam mặt đối diện đoan môn, cũng có bảy tầng ngang bày bảy cửa trất tỳ rất cao để biểu thị do bảy giác ý, ý nói trong đây chỉ có Phật ở, chẳng cùng tăng có cộng phần trạch pháp. Cho nên Phật giác tri thường vì đệ tử nói cho biết rõ ràng, nên gọi là Phật môn thất biểu ổ nhập môn khắp. Chẳng xa có chiếc ao vuông lớn. Trong ao hoa sen bốn mùa nở khắp. Bốn mầu khác nhau, hương thơm ngào ngạt đều còn búp chưa nở. Ao Nam có chín vạc vàng lớn, dưới bày dấu chân, vòng ngoài các quái thú bày la liệt, cùng nhau mạnh mẽ, tướng trạng tâm luân trong ngoài vạc. Trong các hoa lá lạ thì hương thơm và sắc sáng rực rỡ, mới nhìn lóa mắt chẳng dám nhìn lâu. Ao vuông phía bắc có tháp Phật lớn cao thấp bảy tầng, đẹp đẽ to lớn, toàn dùng đá lạ, kế là ngọc báu hình dạng lạ lùng chẳng biết danh mục. Tiên có mâm lạ, chuông vàng vô số, gió nhẹ thổi chuông lắc tiếng nghe hòa dịu. Dưới tháp có thờ móng tóc và xá-lợi Phật ca-diếp. Lúc đó, nói đủ tướng xương và thuật mê vọng, nên chẳng nói đủ. Hai bên tháp có đài chuông, chuông và đài đều bằng pha-lê, bên phải do Thiên vương tạo ra, chuông và đài đều bằng vàng bạc. Hai chuông đều nhân năm mươi hộc, chẳng thường kêu. Khi chư Phật mười phương tập họp mới kêu. Tiếng vang xa trăm ức thế giới.

Kế phía Bắc có điện Phật lớn cao rộng lóa mắt, các thứ hành lang hai bên và nhà cửa nương trong hư không, Đông tây hai bên điện có cây lớn trang nghiêm, hai mùa đông hạ đều xinh tươi bóng mát che mặt trời. Trong điện buông rèm, ở góc có hai hương sơn, là thời xưa do long vương Tỳ-bà-kiệt-la tạo ra. Ngày mới thành do núi càn đà cao nên phàm phu thấy chỉ cao có một trượng hai thước, hình dáng đồng với núi Tu-di, nửa eo trở xuống toàn dùng vàng bạc. Trên đảnh có ao lớn, bốn mặt hình đầu thú như ao A-mậu-đạt, núi có cây rừng hoa trái. Sơn Vương bốn mặt trang nghiêm, đều dùng bốn báu tạo thành. Sắc núi có nhiều thứ cây tử đàn, ngưu đầu, trầm thủy, v.v... hoa như bánh xe, phàm phu thấy chỉ bằng đồng xu lớn. Đến sáu ngày trai thì hoa đều nở, nước chảy dưới đất đều chẳng thấy. Núi có cây cối đều nói pháp. Dưới núi chín rồng thường phun mây thơm và nước thơm sạch. Ở sáu ngày trai người bệnh uống vào đều lành bệnh. Có lúc Như Lai cùng chư Phật mười phương nhóm họp nói pháp cảm được trăm ức chư Phật, Bồ-tát, tám bộ trời rồng đều vào núi. Mười đệ tử lớn trong chúng Thanh văn cũng được theo vào. Các sự tướng khác chẳng thể nói hết.

Trong điện có Liên Hoa tạng, cao hơn một trượng ba thước, hình trạng như hình minh đường ở cõi này. Dưới đài có chín rồng quấn kết làm chân, vàng tử ma làm đầu rồng, trên có hoa sen bảy báu, trong hoa có thân đứng của đại thần tướng ma-ni-bạt-đà làm bằng vàng ròng và bạc trắng, chạm cổ dùng bạc trắng làm đài bảy tầng. Đài có tám góc, tám mặt có cửa sổ, dưới cửa sổ có cửa dùng vàng làm cánh có khóa vàng hình như sư tử tự nhiên mở, mở chẳng cần công người. Dùng pha lê hồng làm ngói đều có sư tử vàng, miệng sư tử đều ngậm chuông vàng bạc. Trên đài có tướng bánh xe như nay trên tháp, xong có tám góc, ở mỗi góc có khóa vàng đẩy đủ. Trên khóa treo sư tử vàng ngậm chuông như ở trên, đều tám góc châu chúa làm lưới, châu chúa như gà, tướng bánh xe trên châu như chim cánh vàng, trên chim có Bồ-tát Phổ Hiền cỡi voi trắng, che ở trên có lọng báu, (các thứ trên chạm trên một hạt châu).

Trên nói tướng Liên Hoa tạng, mỗi sáu ngày trai, bốn chúng kính lễ, trong miệng chín rồng , đầu trước phun khói thơm. Trong miệng đại tướng quở trách kẻ phá giới. Tám cửa khóa lớn đầu ngói các sư tử và các chuông, hoặc khen công đức trì giới, lại nói các pháp như mười điều lành, v.v... các người muốn thọ giới Tỳ-kheo trước đến đài này mà chí kính nguyện cầu thì chim cánh vàng đầu đàn sẽ phát ra tiếng lớn, trước như trống trời ma-ni, sau như trăm ngàn nhạc trời. Người nghe tâm rất vui mừng và ý chí mạnh mẽ. Bồ-tát Phổ hiền phát ra ánh sáng giữa hai đầu chân mày nói đạo nhất thật, dạy đại tuệ bình đẳng, dạy vô tướng trì giới, người tu nghe pháp được quả Đăng địa, nghiệp xưa chướng lụy không còn nghe thấy. Như thế thỉnh rồi mới đến giới đàn mà y pháp thọ giới cụ túc. Phổ hiền ánh sáng trước chiếu giới đàn, sau mới chiếu khắp các thế giới ở mười phương, trăm ức cõi Phật.

Người ấy thọ giới rồi thì trở về lễ đài. Nếu người đắc giới thượng phẩm thì cửa tự mở mà thấy trăm ngàn Phật, nói cho nghe các hạnh nguyện lớn của Phổ Hiền, hoặc lên các địa liền thấy trong đài tám muôn bốn ngàn lầu quán bằng bạc trắng. Tùy chỗ quán đều có trăm ức đài vàng, mỗi đài đều có trăm ức hóa Phật. Trong lầu quán bạc đều có tám mươi bốn ngàn Bồ-tát Phổ Hiền, trong đài vàng đều có trăm ức cõi Phật, ở giữa mỗi cõi có thế giới Liên Hoa Tạng. Mỗi thế giới đều có đài hoa sen trong đó dùng bảy báu trang nghiêm, gọi là tịch diệt đạo tràng, mỗi đạo tràng đều có trăm ức Phật Lô-xá-na, nói pháp thân bình đẳng, nói Hoa nghiêm ở trong đài này. Thiên vương Đại phạm dời đài đến nước Ma-kiệt-đề, vì Phạm vương mà thỉnh Pháp chủ. Trên các chín

rồng là long vương Ta-kiệt-la tự tay tạo ra. Đại thần tướng, các hoa sen đều đều do đại Phạm vương Mục Vận tạo ra, thân đài do Bồ-tát Kim Cương Tế tạo ra. Các bảo xí điền bằng báu cũng do Ta-kiệt bày ra. Tướng hoa tạng này thấy được chỉ là các Thánh hiền tùy các nghiệp lực. Như thấy nghe trên đều không phải là cảnh giới của phàm phu thấy kém. Đến khi Phật diệt độ thì long vương thâu lại để trong các hải điện. Trong điện có tòa Phật lớn, hai góc đều có tháp ngọc do Ca-diếp Như Lai lúc nhân địa tạo ra. Tháp cao một trượng sáu, góc có một trăm ba mươi tầng, toàn thân thâu về một hạt ngọc.

Trong tháp chư Phật Bồ-tát tám bộ hình tướng đều có một trăm mười ức. Tượng ấy chạm khắc đẹp đẻ ở đời khó luận. Tầng thứ mười ba trở xuống đồng với núi Tu-di. Dưới tầng Tứ vương làm tượng Phật Thích-ca mới thành đạo độ năm Tỳ-kheo tư duy. chư Phật ba đời đều ở trong tháp này mà nói tạng tỳ ni. Nay ta cũng thỉnh Tỳ-kheo Lâu-chí nói, khi Bồ-tát nói giới, cho đến thọ giới thì tháp này thường phát ra ánh sáng, chiếu thẳng vào giới đàn, hóa thành các đài của lọng đài. Trong đài mười phương Phật hiện ra quở trách việc phá giới, khen ngợi người trì giới, có người gặp thì đều lên cửu địa, liền vào tháp. Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói trong tháp này thuyết pháp cho đến khi Phật diệt độ, Long vương Ta-kiệt-la thâu đem về biển, trong điện Đương Dương có lập pho tượng lớn, thân bằng ngọc bích, điêu khắc bằng vàng bạc. Thuở xưa, Bồ-tát Văn-thù tự vận tay làm vào thời Phật Câu-lâu-tồn. Phổ quang phu cao một trượng tám thước. Như Lai du hóa chẳng ở tượng này nên vì trời, người nói pháp. Tượng lớn phía đông, hai pho tượng đứng được làm bằng vàng ròng tử ma, dùng bạc trắng bảy báu để chạm trổ.

Trời, người, rồng, quỷ tất cả nghĩ chẳng thể đến. Đều cao một trượng tám, có các thị vệ và cúng dường đủ ba trăm việc, xưa Phật Duy-vệ Niết-bàn tự tay tạo ra. Có hai sư tử vàng, ngồi trước tượng nếu có thiên ma, ngoại đạo làm ác vặn hỏi thì sư tử gầm thét lớn, đất đai rung chuyển sáu cách, quân ma sợ hãi rút lui. Xưa, Đức Thích tôn ở tại trời Đao-lợi, tượng này ở điện vì các Tỳ-kheo dạy giới nói pháp. Cho đến các vua chẳng thấy Phật nghĩ mến tượng Thích-ca này, ba lần nói pháp cho vua nghe. Kỳ viên khi mới lập giới đàn thành rồi thì tượng này trước thống lãnh đồ chúng, đến giới đàn đi nhiễu ba vòng, mỗi bước đều mọc hoa sen ngàn cánh vàng. Mỗi khi thọ giới thì hoa tự nở ra. Trong đó có thiên đồng tấu nhạc trời. Lúc khác liền họp mặt trời, đến khi nói giới hoa lại nỡ ra bày thiên đồng trỗi nhạc, khen ngợi công đức Phật. Tượng này giữa hai đầu chân mày có một viên ngọc như hình chim phụng.

Duy-na đánh chuông châu liền phát ra ánh sáng chiếu vào thân duy-na. đến giờ nói ra không có ai làm. Thì Phật diệt độ mười ba năm, rồng Ta-kiệt-la thâu về kiểu để cúng dường.

Tượng lớn phía Tây có hai pho tượng ngồi, một là mã não, dùng ba thứ vàng, bạc, ngọc mà chạm khắc, một là bạc trắng dùng vàng ròng mà chạm khắc, hai tượng đều dùng bảy báu mà tô mầu. Đều ngồi trên hoa sen báu cũng cao một trượng tám. Do kim cương tràng Bồ-tát tạo ra vào thời Phật Duy-thí. Thích-ca Như Lai thành đạo mười lăm năm, hỏi tượng này bảo rằng: "chư Phật quá khứ nói kinh gì, hiện tại có kinh cổ Phật đều không có tượng này". Đáp rằng: Quá khứ có mười ba ức Phật nói tỳ-ni giáo, mỗi pháp đều khác nhau, tu-đa-la A-tỳ-đàm âm dương thư số công xảo toán kế, tùy sự lý đều khác nhau. Nay đều vẫn còn, Ba tạng chánh điển ở long cung Ta-kiệt, âm dương thư số ở trong hang Kim Cương trong núi Tu-di, nay cùng Thế tôn đến chỗ ấy, có thể tập họp trăm ức các Đại Bồ-tát. Bấy giờ, Đức Thích-ca phát ra anh sáng giữa hai đầu chân mày tập họp các Bồ-tát theo hai Đức Thế tôn đến long cung mà lấy kinh luận trước.

Lại đến hang mà lấy các sách âm dương ở trong Kỳ viên, tùy viện mà đặt hai tượng, thị vệ tám bộ quyến thuộc có bốn trăm hai mươi mốt thứ, trước hai sư tử một bạc trắng, một mã não, có hai thiên đồng cởi sư tử tay cầm phất trần trắng. Khi có các Tỳ-kheo muốn thọ giới thì hai thiên đồng này cỡi sư tử đến giới đàn, vẩy phất trần khen ngợi công đức trì giới. Khiến thân sư tử múa, nay đi quanh đàn mà ca hát, thanh nhã không gì sánh bằng, chim bay đến nghe rồi thì đều được Thánh vị, hoặc lên Thất địa. Tượng lại phát ra ánh sáng đến chỗ thiên đồng, trong ánh sáng có nhạc trời ứng với ca múa. Thiên đồng khen ngợi công đức trì giới. Người thọ giới xong rồi liền trở về chỗ cũ. Phật sắp Niết-bàn thì tượng này đưa Phật đến đất trà-tỳ. Hai thiên đồng ấy ở trên kim quan khen ngợi sự vui Niết-bàn, người nghe liền chứng Vô sinh, lại ca khúc vô thường, khổ, không; trời, người nghe rồi phần nhiều chứng bốn quả Sa-môn. Đã trà-tỳ rồi thì theo rồng trở về cung, chẳng trở lại trước điện Phật ở Kỳ Thọ nữa.

Tầng trên lầu Đông có tám muôn Phật bằng bạc trắng ngồi trên hoa sen bảy báu, mỗi lầu quán đều có Như Lai thành đạo hàng phục ma trời, xoay bánh xe pháp, nhập Niết-bàn, trong lầu báu có một ao báu, hoa báu trang nghiêm. Trên hoa chư Phật đều nói pháp mầu, tượng ấy bạch ngọc nhiều ít làm ra... trong ao hoa sen, trong viện có mười sáu ức tháp báu bằng bạc trắng. Ở giữa các tháp có chân châu, cõi trời tháp có

một trăm hai mươi góc, số tầng cũng như thế. Dưới tháp có ba trăm hai mươi đầu rồng quấn nâng đỡ tháp châu, ngoài tháp có hạt châu lớn như hình chim phụng, Văn-thù-sư-lợi cỡi ánh sáng đến giới đàn chiếu sáng các Tỳ-kheo mà quở trách việc phá giới, người che giấu tội, ánh sáng chạm vào thân người ấy. Lại thấy trên đầu Tỳ-kheo phạm tội trọng ánh sáng châu bắn vào tim, phát nóng đốt thân chịu các khổ não.

Ai chi thành sam hối thì ánh sáng châu phun nước lạnh mát rửa sạch thân tâm, được vui mát mẻ, gốc giới lại sinh. Đại bi Văn-thù phát ra ánh sáng trắng, lại chiếu Tỳ-kheo mà quờ trách phá giới, khen ngợi trì giới. Châu tháp ấy lại từ đất bay lên đến đàn, đi nhiễu quanh hành đạo. Trong tháp, nhạc trời đều nói các pháp đại bi bình đẳng, khen ngợi các công đức lớn của trì giới. Trong tháp châu này có hai tượng Phật Thích-ca và Đa Bảo nói kinh Pháp Hoa. Hội thứ bảy ở trong tháp này. Đại chúng tám bộ vào tháp không chướng ngại. Khi sắp chế giới thì Bồ-tát Kim Cương Tràng làm chủ thỉnh. Trong tháp trước có tạng Tỳ-ni của hai Đức Phật Ca-diếp, Duy vệ. Thích-ca Như Lai mười hai năm sau khi chế giới thì ở trong tháp này thảo luận luật xưa. A-nan Tỳ-kheo thường ở đó tập tụng.

Trên tháp châu này bốn mặt có trăm ức trời, người đều nương theo gió, tay cầm nhạc khí thường cúng dường đại tỳ-ni tạng. Mỗi khi thọ giới, tháp đến chỗ đàn, các nhạc trời đi quanh tháp cúng dường. Người có công đức thì hai cửa tháp tự mở mà thấy Thế tôn, tay rờ đầu nhận rồi, sau đó thì tháp này trở về chỗ cũ. Trong đó sự mầu nhiệm không thể nghĩ bàn, chẳng thể nói năng. Các tướng từ trước đều là Bồ-tát Kim Cương Trí ở thời Phật Duy-vệ tạo ra. Châu bảo ấy là long vương Ta-kiệt. Thích-ca Như Lai trước khi nhập Niết-bàn thì các pho tượng, lầu quán và ao trong tháp đều theo tháp bay lên không mà đưa đến chỗ trà-tỳ. Người trời liền tấu khúc ca thường, lạc, ngã, tịnh. Việc trà-tỳ xong rồi thì tháp châu phát ra ánh sáng, che lấp đại chúng mà xin giải quyết các mối nghi rằng chư Phật quá khứ khi nhập Niết-bàn thì dạy răn các đệ tử như thế nào. Trà-tỳ xây tháp phân bố xá-lợi các tướng... Phật đều tùy đáp. Nhân Bồ-tát thỉnh bèn gọi kinh ấy là Đại Bảo Tích. Kinh ấy có ba phần, phần một giống kinh Niết-bàn. Đã nói kinh rồi cửa tháp liền đóng, long vương Ta-kiệt thâu đem về cung rồng.

Kinh Diệu pháp liên hoa việc đồng với Hoa Nghiêm, Bát-nhã nói ở nhiều hội. Nay dịch là hội thứ ba. Kinh Phật Hoa Nghiêm cũng nói mấy độ, mỗi chỗ đều nói có bảy chỗ tám hội, giáo chủ khác nhau. Trong lầu báu, trong tầng có mười sáu giới, bảy báu lầu quán. Tùy quán

có nhiều tượng Bồ-tát Di-lặc. Trong kinh, đồng tử thiện tài gặp Bồ-tát Di-lặc ở trong quán này. Lại có năm trăm đài bạc trắng, trong đài đều có năm trăm đài vàng. Tùy theo mỗi đài đều có ao bảy báu, đều có hoa sen vàng ngàn cánh, hoa nào cũng có Phật. Lại có hoa sen bảy báu nho nhỏ. Các thiên đồng đều trỗi nhạc trời ca múa, trong có núi Tu-di ngọc bích. Trên núi có tượng Thích-ca Như Lai độ các rồng. Các lầu báu trên đây đều không thể nói, Bồ-tát ở thời Phật Duy-vệ tạo ra cúng dường cho đến nay.

Như Lai Niết-bàn thì Đao-lợi thiên chủ thâu về trời. Tầng dưới lầu báu làm tượng Đại Phạm Vương và các quyến thuộc bằng ngưu đầu chiên đàn. Lại làm tượng Đế-thích Tứ vương và các bộ thuộc. Sau khi Phật thành đạo ba mươi mốt năm, hình tượng Văn-thù nói năng cử động như thật không khác. Ở giữa có chuông vàng lớn, tượng đế thích mỗi ngày đánh chuông vang xa cõi Tam Thiên, khi Phật diệt độ mười hai năm thì rồng thâu về điện ở biển để cúng dường. Trong đài lầu tây trước diện tầng trên có sáu mươi bốn núi Tu-di đều dùng ba sắc ngọc bích, xanh, trắng tạo nên. Dưới núi quanh biển (chu hải) báu làm bờ trong núi lớn có tám mươi ức lầu quán chân châu, pháp quán nào cũng đều có tượng Phật thanh đạo hàng phục thiên ma, xoay bánh xe pháp, bát Niết-bàn... tùy trên núi chúa đều có lầu báu lớn, Như Lai Ca-diếp ở lầu quán này nói Thắng Thiên vương Tư Cái Hoa Nghiêm đều mười muôn bài kệ.

Trong lầu đài này ở kiếp Tinh Tú là chỗ chư Phật nói tạng Tu-đa-la, giữa đài có bạc trắng, cờ ba ngàn bậc, trên cờ ba ngàn bậc có trăm ức thiên đồng cởi sư tử thường làm nhạc trời để cúng dường kinh trước. Trong nhạc có nói nhiều về hạnh bình đẳng đại hội phổ hiền. Trên đầu cờ có chim cánh vàng lớn. Miệng châu vương ngậm bảy cái chuông vàng. Đến giờ thì châu tự kêu, chuông liền phát ra tiếng vang xa đến Đại thiên, triệu tập Bồ-tát Cửu địa và mười phương Phật đều hội ở đài này nói chư Phật thần thông biến hóa, hồi động trời đất. chư Phật cổ tích các thứ hoạch toán đều nhóm họp ở đài này. Trên lưng châu Vương, Bồ-tát Phổ Hiền cỡi voi trắng đầu đàn. Mỗi khi có người thọ giới cụ túc thì phát ra ánh sáng giữa hai đầu chân mày, phân ra ba luồng:

1. Chiếu vào chư Phật chế giới đàn.
2. Chiếu vào giới đàn Tỳ-kheo ni.
3. Chiếu vào đại tăng thọ giới đàn, ánh sáng chiếu đến ba đàn hóa thành các đài hoa báu.

Đài nào cũng có trăm ngàn chư Phật nói hạnh nguyện Phổ Hiền,

nguyện Phổ hiền, nguyện khen ngợi công đức trì giới. Đài quán này, Phật thành đạo rồi trong mười một năm, Di-lặc, Duy-ma cùng tạo ra, khi Phật diệt độ rồi ba năm vẫn còn qua đây, long vương Ta-kiệt-la thâu đem về biển. Tầng trong bảo đài có hoa sen báu lớn ở trong ao bảy báu. Trong ao rồng vàng ngậm hoa nằm cuộn trên hoa. Lại có mười ba ức lầu bảy báu, trong lầu có tháp báu bằng ngọc trắng. Trong tháp có tướng Duy-ma Văn-thù nói bàn. Ngoài tháp có châu đại ma ni. Đến giờ thì phát ra tiếng vang khắp Đại thiên, tiếng như trống trời lại phát sánh sáng, cùng tiếng đều đến cõi Phật phương khác. Trong ánh sáng các hóa Phật nói các đại tuệ vô sinh của Như Lai. Có người nghe pháp hoặc được pháp nhẫn, đến quả thứ ba, bốn. Vào sáu ngày trai hoa sen liền nỡ, người có phước thì thấy, thấy khác họp thời la người phước mỏng.

Mội khi thọ đại giới thì rồng vàng phun nước thẳng đến giới đàn hóa thành mây mưa thơm. Các mưa thơm việc xong liền hết. Các công đức này là Phật Câu-na-hàm tạo ra ở trước cung rồng. Long vương Ta-kiệt-la đem đến cúng dường. Phật diệt độ, khi sắp trà-tỳ thì hoa sen và ao bay trên hư không hiện đến. Khi trà-tỳ xong thì rồng vàng như trên phun mây rưới mưa để dập tắt lửa. Lại theo Ca-diếp đến chỗ giới đàn. Trong miệng vàng phát ra tiếng lớn châu vương ma-ni phát ra ánh sáng rực rỡ, trong ánh sáng phát ra tiếng lớn thành mười ba câu hỏi. Tôn giả A-nan đúng như lời hỏi mà đáp: Ba ngày sau theo long vương Ta-kiệt-la về, đứng trên đài báu tầng dưới. Long vương đều có long thuộc mà nuốt hết. Đại phạm Thiên vương tạo ra có mười tám chuông vàng và tượng các long vương. Có lúc long vương tự tay đánh chuông tiếng vang đến Tiểu thiên. Người địa ngục nghe thì các khổ tạm dứt, sau khi Phật diệt độ, Đế-thích đem dâng lên vườn hoan hỷ, đích thân cúng dường.

Điện Đại phước thứ hai cao rộng đẹp đẽ gấp mấy lần trước. Điện chiêm tướng thuộc nguy nga trọng đạp, sơn đỏ phấn trắng, ngọc vàng đẹp đẽ thuộc công phu bậc nhất thiên hạ, hai bên có hành lang tiếp với lầu quán, cũng dùng các báu mà trang nghiêm làm đẹp, điện dưới nội chiêm có bốn đài bạc. Trong hai đài có vàng ròng điệp Tu-đa-la. Bạch ngọc làm điệp, vàng ròng làm chữ. Luật là thư kinh của long vương, là thư của ma vương. Đây đều là kinh của cổ Phật ở kiếp Tinh Tú. Trong châu Diêm-phù-đề, hai bộ sách này là bậc nhất. Phật diệt độ rồi, long vương Ta-kiệt-la thâu đem vào nôi điện trong cung. Lấy lưu ly làm đất ở đáy lót vát vàng, có ba mươi hai hoa sen lớn, rồng đi nhiễu quanh trong hoa, có một Đức Phật ngồi, bốn mặt đều đội mão tròn.

Phía Nam là bảy báu, vàng ròng chạm khắc, phía Tây là bạc trắng,

mặt Bắc là ngọc xanh, mặt Đông là vàng ròng. Tượng này thường vì trời người nói các pháp yếu. Trong nhụy hoa sen lại có mười muôn hoa nhỏ. Trong hoa lại có tượng tám bộ trời rồng, Thanh văn, Bồ-tát, đều hợp mười muôn chúng, dùng lưới báu che khắp quanh hoa sen lớn. Có mười ức rồng vàng đều ngậm hoa báu. Trong hoa có tượng Phật ba mầu: vàng, bạc, và ngọc trắng xen kẽ mà bày, tượng Phật chỗ nào cũng có mười phương tám bộ nhị thừa đi nhiễu quanh, một Phật sau có vạn thứ hoa sen. Trong hoa thiên đồng tấu nhạc trời múa hát. Ở bốn mặt ao đều có tám hàng cây báu, bốn góc đều có núi vàng, có nhiều trai lâm, thôn trì, nước ao chảy tưới vào đất liền.

Lại có các loài chim tự nhiên xuất hiện, chẳng nhọc công người. Mỗi sáu ngày trai làm Phật nói pháp. Đại đồng tấu nhạc. Trên bốn núi vàng đều có tượng sáu chỗ tinh xá Kỳ Viện. Cac thứ trên là do công đức của Văn-thù, Phổ Hiền cũng tạo nên. Sau khi Phật diệt độ, Ca-diếp kiến tạo rồi thì rồng thâu đem đi.

Phức điện hóa vách, Thích-ca Như Lai tự vẽ tám tướng biến tượng. Hình này là vẽ điện đó. Khi Phật sắp Niết-bàn thì tượng lớn trong điện này tự nhiên phát ra tiếng thỉnh Thích-ca rằng đời sau chúng sinh nếu làm đồ tượng. Phật nhân câu hỏi này liền vẽ cho.

Đài điện Đông Phức có năm lớp đều làm bằng bảy chất báu do long vương Ta-kiệt-la tạo ra trên đài châu báu, đêm chiếu sáng như mặt trời. Cho nên điện lớn này ngày đêm đều sáng. Lầu điện Đông Phức trên từng trên đài có toàn thân Phật thứ hai trong kiếp Tịnh Tú và tháp bảy báu có một ngàn ba trăm bậc, sáu mươi tư góc, ngọc trắng làm đài. Trong tháp có tượng Phật nhập Niết-bàn, tám bộ thị vệ. Kế dưới mới có thân vàng đi nhiều tháp, bốn bên có tám muôn đài quán vàng, trong có hóa Phật hay nói pháp. Trên tháp có đại bảo châu chúa như hình voi trắng, trên có tượng Bồ-tát Phổ Hiền. Phật diệt độ rồi sáu năm vào hang Kim Cương.

Tầng thứ hai có sen vàng ngàn cánh, trên mỗi cánh đều có mười sáu kim quán, trong quán có nhiều Bồ-tát Phổ Hiền, giữa tâm hoa có Phật lô-xá-na ở trong đó nói kinh Hoa Nghiêm một trăm muôn bài kệ là nói độ thứ tư. Lại có một người nước Chấn Đán này ở thời Phật Ca-diếp viết tạng đại tỳ-ni và tạng Tu-đa-la. Tu-đa-la giấy bạc chữ vàng, tỳ ni giấy vàng chữ bạc. Nơi viết kinh này, nay là chùa Đại Minh ở kinh châu. Khi hoa sen ở trong đài Đông nam, luật ở lá trên trong đài Tây nam trang nghiêm cúng dường chẳng thế nói hết. Trăm ức bốn thiên hạ văn tự đồng với đây, người này thừa một. Tuy hạng Chung Trương

Vương nha chưa đủ so sánh. Khi Như Lai còn sống, bậc Thánh các nước cùng đến, nếu văn tự (chữ nghĩa) cùng đồng với Phật, phần nhiều lấy kinh này mà chỉ bày Phật, diệt độ rồi Văn-thù thâu đem vào hang kim cương trong núi thanh lương.

Trong từng thứ ba có biển bảy báu. Biển có mười sáu ức rồng vàng đều ngậm một hoa sen báu to. Trên hoa làm bằng vàng và bạc. Trong một đài có Phật quá khứ nói sách tỳ ni, có ba mươi tám ngàn người thứ trăm tứ thiên hạ đồng đây mới là sách bậc nhất. Trong mỗi mỗi đài đều có châu chúa ma ni dùng làm đèn sáng. Mỗi khi có người đến thọ giới nói tướng chẳng đồng của giới luật chư Phật quá khứ có tướng chẳng đồng. Lại nói pháp môn trì giới Bồ-tát các người thọ giới nghe được liền phát sơ địa. Phật diệt độ rồi Ca-diếp liền đem đến hang tu la trong núi lang tích. Khi Di-lặc ra đời bèn đem về chỗ cũ an trí như trước. Đây là kim cương tuệ Bồ-tát thời Phật thứ ba trong kiếp tinh tú mà tạo ra.

Tầng thứ bốn co mười sáu tháp ngưu đầu chiên đàn mỗi mỗi tháp đều có một ngàn ba trăm bậc, trong tháp có nhiều tượng thích ca thành đạo chuyển pháp luân, trên mỗi mỗi tháp đều có bảy báu nạp che bốn góc, có chuông vàng lớn khi kêu nghe cả tiểu thế giới. Trong tiếng nói nhiều về công đức tạo tháp. Phật thành đạo rồi mười lăm khiến Di-lặc Bồ-tát đem Ca-diếp Bồ-tát đến núi Do-càn-đà hái thượng đàn hương mà tạo ra. Khi Phật diệt độ thì long vương đem về biển.

Tầng thứ năm có tượng chích ca hóa anh sen Ca-diếp, là do kỳ bà đồng tử thỉnh người thợ trời đạo lợi mài ngọc làm ra. Sau khi Như Lai diệt độ thì tỳ Sa-môn vương đem về ở bắc thiên cung.

Phức điện tây đài năm tầng, ở từng trên có châu đại ma ni sáu góc, như hình tháp xá lợi nước này. Mặt có một cửa đài bạch ngọc ba lớp lương mã não làm ra. Châu này chư Phật quá khứ từng ở trong đó nói kinh pháp hoa, ba biến tịnh độ tùy chỗ kinh đủ hiện trong đó mà người không thấy. Văn-thù dùng thần lực phương tiện mở tháp. Tây đài cũng thế. Tứ Thiên vương tạo pha lê mà nào hai nước làm thành. Từ trên đến đây kể các công đức đài là tịnh nghiệp của chư Phật làmm ra, tùy cơ lợi kiến các thứ hóa đạo, biết các tịnh độ sao có thể đủ túng cực tư tầm chung tại thời nhật? Cho nên tùy chỗ thấy nghe lược thuật ba, năm... sự tướng các viện lệ cũng đồng cho nên tổng có khuyết. Tôi nghe trời người rũ tích phương nam con thứ ba của Thiên vương là trương hưng soạn thuật kỳ viên đồ kinh gồm một trăm quyển. Ở trên đời có luận này sinh ra cũng gọi Phiền, người này chẳng có luân đại phương. Trời người nói do con thứ sáu của thiên chủ phương Bắc tạo ra. Lập tinh xá ký có

hơn năm trăm quyển, cũng ở cõi trời ấy. Cho nên biết chư Phật lập hóa rất có nguyên do hình đã trái tục, ở khác ấp nước. Cho nên lập riêng chùa chiền sợ là nhà người thường. Nghi tượng kỳ lạ đông phàm tâm khi thấy, đến nổi khiến Khuynh Tấn Thức trở về dấu vết đáng tin, thấy tức hình hiểu tân đồ có kỳ lạ.

Ở cực Bắc lầu các cao ba tầng lại cao hơn điện trước, tô điểm đẹp đẽ rực rỡ khoảng không, ba điện các thứ lớp chói sáng, nhìn mút mắt về phương Bắc không phải do người mưu tính đều là hình tượng của cổ tiên có được, đều bày tòa báu đẹp đẽ phi thường. Như Lai tùy thời nhóm chúng mà ở, cho nên hai mươi lăm năm thường ở không dời. Đến hạ thì ở trong các lầu gác trong kinh nói lầu gác giảng đường tức là chỗ đó. Hoặc lên xuống cơ chuyển đối duyên bất định hằng chuẩn. Trong gác chỉ có các tòa mà không có hình tượng khác, việc trang nghiêm như thường nói.

Ở phía Bắc, tường rào bốn mặt, đều có hành lang vẽ vời đẹp đẽ trang nghiêm không hề thiếu sót, hai kho đông tây ở hai góc tường.

Gác nhiều tầng đông tây có lầu báu lớn, do đại Phạm Vương tạo ra, cùng gác phò nhau tức thì hoa nở. Trang sức điêu khắc thợ trời làm, không phải thợ người nên không thể nói hết. Lầu phía Tây có hành lang liền với trùng gác, khắc châm văn vẽ không phải ở đây.

Lầu báu gác Tây do thiên đế tạo ra, cao rộng hoa lệ, cao rộng đồng với các đông phạm, hành lang liền gác như trước chẳng khác. Viện lớn cửa nam ở phía Đông có đàn do đại Phạm Vương tạo ra phía Tây đối ao vuông gọi là giới đàn. Tỳ-kheo Lâu chí thỉnh Phật lập ra trước muốn kiết giới liền nhóm họp chư Phật mười phương. Đến giờ có tám trăm ức vị đồng tên Thích-ca, chư Phật mười phương đồng tên cũng thế, sáng lập ra giới đàn. Đàn đã thành rồi chư Phật lên đó cùng luận giới pháp. Đàn ấy đẹp đẽ thế gian không có được, hình dạng như núi Tu-di bên mặt khám hang đều để tượng thần, luôn có thiên thần cung kính giữ gìn. Bốn bên hoa rừng các tướng khó biết chỉ có Phật mới lên, người không dám lên.

Cửa Tây, trong có đàn do ma vương tạo ra, trang sức đẹp đẽ cũng bằng ở phương Đông. Trước khi độ ni sợ diệt chánh pháp, bèn nhóm họp chư Phật lên đàn luận bàn nghĩa lý, trăm lần bàn có bốn bộ. Cho nên hai đàn này chỉ có Phật làm việc.

Từ trên đến đây đều nói Phật viện, nhà cửa, đàn ao, lầu quán, điện gác, ngoài ra đều nêu hoa cây kỳ lạ bốn mùa đền xinh tươi. Đất như gương sạch không chút ô uế. Cho nên người đến chỉ nghe thơm tho

thanh tịnh, bèn y theo đó mà gọi là đạo tràng. Y cảnh lập tên chẳng luống uổng. Phía Đông, Tây, Bắc Phật viện mở cửa thông với đường lớn, đường lớn ba phương cây rừng tám hàng, giao che cành lá, sáng tối chẳng thấy. Chúng tăng ở trước Phật đi nhiễu bên trái làm thường, đông hồi bắc chuyển là thường của trời. Trên đất đằng chuyển, y cứ có thể biết.

Kế nói Tăng viện, ba phương quanh Phật mấy lớp nhà cửa, trên dưới trước mở, sau mở, trong phòng chỉ bày giường nằm, mền gối chưa có, từ tây làm tên, đều gọi là chúng đạo phòng, có chín gian hai lớp ba ngăn, là chỗ Bồ-tát phương khác ở, không phải chỗ ở của người phàm. Phòng phía Bắc có hai lớp một ngăn, đó là chỗ ở của đại Ca-diếp và Xá-lợi-phất. Kế bắc một phòng đồng lớp ngăn trên là chỗ ở của Ưu-bà-ly. Kế bắc một phòng là chỗ ở của ba vị La-hầu-la, Phú-lâu-la và Mục-kiền-liên.

Kế bắc một phòng là A-la-châu lợi ở. Đi hết về Tây, quay đông đi bắc các phòng nửa bên tây là chỗ ở của người Vô học, nửa bên đông là chỗ ở của người chứng quả thứ ba. Quay về Nam sang Đông các phòng thì phía Nam là chỗ ở cho các phàm tăng ở phương xa, phía Bắc là chỗ của nội phàm và ngoại phàm, tăng đến đây thì hết các phòng chung quanh Phật.

Tăng phòng ở ngoài viện ba lớp, ngỏ lớn thông suốt vô ngại, hai bên mở cửa. Bên nam thông ra đường giữa, ba cửa rộng mở hai bên ảnh nước đi song song cũng trồng các kỳ hoa dị thảo giao bóng nhau. Hai cửa Đông, Tây đều có ngõ viện. Bốn mặt đều có tường rào bao quanh, cả hai không liền nhau.

Phía trái viện cửa Đông tự chia ra năm viện. Đầu Nam ngõ Nam lại chia ra hai viện. Tây gọi là Trì luật, đông gọi là Giới đàn luật viện, ba cửa chẳng mở, trong có đại đường. Các luật sư của luật bộ phần nhiều đều nhóm họp trong đó. Phòng vây quanh ba lớp các chúng trì luật ở đó học hỏi, có chuông đồng ba tầng nặng vạn cân do bốn vị vua cùng tạo muốn nhóm họp Thánh chúng trong cõi Đại thiên, Mục-liên dùng năng lực thần thông đánh chuông. Đài cao bảy trượng hình dáng chuông như đất Hán, bốn mặt có nhiều hình tượng nhật nguyệt, các sao, núi sông, biển cả. Lại có hình các cân và thước đo v.v... Bốn chúng thường nhóm họp, phàm tăng đánh thì cũng nghe khắp cõi Tam thiên. Nhưng Mục-liên đánh thì tùy lập việc làm mà biết, phàm phu đánh thì chỉ tùy lập việc làm mà biết, phàm phu đánh thì chỉ nghe tiếng mà thôi.

Kế đông viện giới đàn có ba cửa giống như tướng viện, trước lập

giới đàn, nửa Phật viện khi mới sáng lập thì có trăm ức vị Phật đồng tên Thích-ca chư Phật mười phương đồng tên. Thềm nêu hoa cây khắp nơi, rãnh nước chảy về Nam mà ra họp ngoài rảnh lớn, mỗi khi có người thọ giới đến đàn này. Nhưng giới cụ túc này, Thánh đạo nhân nền tảng đến việc làm chế lưu mà thôi. Nay kể duyên xưa biết chỗ làm trọng. Xưa, Phật Minh Vương thân cao năm trượng lập giới đàn, pháp chế lấy đủ năm chỗ làm nền tảng biểu thị cho năm phần pháp thân.

Thích-ca Như Lai bảo rằng: Chúng sinh cõi Ta-bà thấy nhỏ nghe nhỏ sợ lớn khó thành, hoặc khởi mệt mỏi cho nên giảm, trở thành hai khủyu tay rưỡi, chế ba lớp biểu thị cho ba không, dưới để xá-lợi-phất trong tâm đàn. Lúc đó, trời Đế-thích ở trên xá lợi che thêm hình phủ, Thiên vương Đại phạm dùng châu vô giá che trên phủ để cúng dường xá lợi. Nay vì ở trước đàn ba lớp che trên phủ châu, biểu thị năm phần pháp thân. Do đó lượng chế đồng với Ca-diếp hai khủyu rưỡi. Phía dưới tướng lượng đàn ấy hai tầng ở bốn góc đều để trụ đá có tượng tứ vương. Ở góc từng dưới cao hơn Phật một chỗ không được quá, quá thì đất nứt, chế tâm chuyên nhất, cho nên chỉ một khủyu.

Ở tầng thứ hai cao hơn Phật một khuỷu rưỡi, đồng khi vua chuyển luân quán đảnh ngồi trên đàn khiến các tiểu vương lấy nước bốn biển chế trên đầu đại vương mà lên ngôi. Tức giống Tỳ-kheo mới lên đàn này nối ngôi vị Phật, khiến pháp lâu bền, như Phật đương thời lấy lượng khủyu tay Phật là muốn cho Tỳ-kheo giữ giới như kim cương. Giới đàn ấy bền chắc, trải qua nhiều kiếp chẳng hư hoại, việc đồng như kim cương, cho nên dùng chỗ làm lượng. Hai lớp đàn ấy đều để người mới thọ giới dùng giới tự phòng, kế trừ phiền não, như chim nuốt rồng nên để tượng này. Tầng dưới hai lớp là tòa Tu di, đều sắc đạo dùng bực cấp che nhau, phải bốn mặt chia khám đặt tượng thần. Dưới trụ trong câu lan sư tử tướng thần vương nào viên, hình trạng nào chạm khắc cũng đều vô cùng trang nghiêm. Trên lớp thứ ba chỉ cao hai tấc, dùng biểu thị hai đế. Ở bốn góc tòa đều để sư tử, trên lưng có chín lổ để giăng màn, hai tầng dưới trụ bốn bên thềm đường đều có. Tầng trên ba mặt đều lập hai bậc, mặt Bắc một bậc, tầng dưới mặt Nam hai bậc, mặt Đông, Tây, Bắc mỗi mặt đều một bậc, bậc có ba khảm, chung quanh ngoài đàn một trượng, trong trồng hoa cỏ bốn mùa, ngoài cũng trồng hoa cỏ tám hàng. Bảo châu của Phạm Vương lớn năm thăng. Người phước đức thì thấy ánh sáng chiếu trăm do-tuần, người phước mõng thì thấy như đống đen. Khi Phật nhập Niết-bàn thì châu tự ẩn mất. Khi Ca-diếp kiết tập thì châu này lại hiện ra, A-nan diệt độ thì cũng biến mất.

Đế thích hai châu kết pháp đã xong, liền ở trong vườn hoan hỷ trên cõi trời mà cúng dường Bát-nhã.

Khi mới lập giới đàn, mỗi khi có pháp sự thì nói di giáo, ở đầu Tây nam đặt tòa mà nói. Kế nói nghi lên đàn hành phục. Trước hết mười thầy y vị chánh nghi trải chiếu đi chân không. Từ tầng dưới thềm đông, giai thượng đông xuất, Bắc chuyển hồi Nam, đông nhiễu quanh hai vòng, xong phải lễ Phật ba lạy mà vận tưởng thỉnh chư Phật hiện tại ở mười phương và các đại Bồ-tát, La-hán Thánh tăng, giáng lâm đến đàn. Tám bộ trời rồng đầy khắp trên hư không. Lại thỉnh Thượng tọa hiện tại làm pháp thọ giới, một gọi là Đậu-điền-na, hai gọi là Lâu-chí, ba gọi là Mã-lan-na đều là Bồ-tát Tỳ-kheo nguyện thỉnh Phật lập giới đàn kiết giới thọ giới, nay đều thỉnh Phật giáng lâm. Mười thầy liền đi, lấy mặt Nam tầng trên thềm Tây mà lên, đông chuyển bắc hồi, đi quanh Phật một vòng rồi, để ba Thượng tọa ngồi ở dưới, người muốn thọ giới phải nghe di giáo.

Duy-na ở tầng dưới đầu đường thềm Đông, đứng mặt quay về Tây. Oai nghi sư tầng thượng, đông giai hạ liệt, hướng tây giai đạo lên tầng dưới rồi liền trở về đông, mặt quay về bắc, mà lạy Phật ba lạy, quì nghe kinh xong, lấy thềm đông liền đi tiếng túc mà xuống, ra đứng ngoài giới đàn. Sau đó, duy-na mỗi mỗi lệ vào đến hỏi giá xứ, chính ở thềm Đông đứng quay mặt về Bắc. Oai nghi sư từ trên thềm đông tiếp túc mà xuống, hỏi già nạn xong thì từ tầng dưới thềm Đông lên Tây về, từ tầng trên thềm Tây đông mà về. Phải ở trước Phật lễ ba lễ, xong thì quay đông về bắc, đến yết-ma trước sư vấn hòa xong, liền gọi người thọ giới lên đàn đúng như pháp của oai nghi sư, ở trước ba Thượng tọa lễ xong, kế lễ mười sư, mỗi vị đều ba lạy. Lễ bài oai nghi đã dạy, xin giới yết ma bạch hòa vấn già là nạn, bạch tứ thọ giới đã xong. Kế quỳ theo mặt Đông. Các người khác đã thọ xong rồi thì đến quì trước Phật nghe lại di giáo xong liền lập tu oai nghi, sử dụng y bát đứng đợi nghe chỉ dạy.

Mười vị sư từ Tây ngó về thềm bắc, xuống nam ra đông, về chánh bắc. Ở trước Phật lễ ba lạy xong, người mới thọ giới từ Đông quay mặt xuống thềm, ra hướng Bắc đi nhiễu đàn, đến mặt nam tầng dưới thềm Tây mà xuống về Đông, ngó về Bắc mà lạy Phật. Mười vị sư mới từ tầng dưới thềm đông xuống, đi giày ra phía Nam. Người mới thọ giới đi theo sau, ở khoảng rừng hoa mới bảo người thọ đến trước, mười vị sư theo sau về chỗ nghỉ.

Trong viện Giới Đàn có đài chuông lớn cao sáu thước, trên có

chuông Thánh nặng muôn cân, như hình núi Tu-di. Trên bôi lập ngàn tượng Luân vương, ngàn người con Luân mỗi vị đều có bốn mặt, đều có một đại ma ni bảo châu, lớn bằng ba thăng để trong bụng chuông, chân có tượng rồng nằm cuộn, miệng rồng phun nước tám công đức. Có người đến thọ giới, khi sắp thọ thì đến chỗ chuông, bốn mặt chín rồng phun nước tưới các vị tăng, như đảnh sinh nhận ngôi Chuyển luân, có tượng chuông quán đảnh nay khiến người thọ giới mới thọ pháp vương chẳng luống bày. Lại châu ma-ni của Phạm Vương, chiếu sáng người thọ giới. Khi ánh sáng chạm thân thì mát mẻ, vui sướng khiến giới châu sáng sạch như bảo châu ma-ni chẳng dính, ở trước chuông lớn do Luân vương tạo ra từ kiếp Sơ, bậc Thánh thọ giới khiến được thần thông, đánh chuông tiếng vang khắp cõi Tam thiên, tất cả bậc Thánh nghe đều chứng quả.

Người ở đường ác nghe rồi thì biết trí túc mạng. Tỳ-kheo phàm phu thọ giới thì khiến Tỳ-kheo Ma-để đánh. Lực sĩ trong loài người đánh thì tiếng nghe trong Tiểu thiên thế giới. Tùy cõi mà Tỳ-kheo mới thọ giới đều biết nhân duyên túc mạng, các việc thiện ác (biết cả các việc thiện ác đời trước) đều giữ giới cấm như giữ gìn phao nổi. Đài chuông có hình núi Tu-di ở trên ao lớn có chín rồng vàng nằm cuộn hướng lên. Một rồng có chín đầu, ở trên các đầu đặt giá vàng báu, ngàn vàng rường cột, toàn là các ngói quí danh tiếng, pha lê chiếu sáng tâm mắt. Người mới thọ giới khi len đàn thì đài liền chuyển, miệng các rồng đều phun hương, trên hai chân miệng rồng phun mây thơm tạo lọng màu vàng ròng che trên đài. Bảo châu Ma-ni phát ra ánh sáng rực rỡ lại nhiễu quanh giới đàn. Tren có nhạc trời khen ngợi trì giới, che chở giữ gìn các công đức. Đài và rồng ấy do La-hộ a-tu-la tạo ra, ngói pha-lê là do trời Đế thích tạo, dưới đất là rồng Hòa-tu-cát tạo. Bốn mặt ao, bạch ngọc xếp thành thềm, dưới đáy có cát bạc, nước ao do đại tướng tán chỉ làm cho mầu nước trong ngọt như sửa chẳng khác.

Các người giữ giới bị bệnh uống vào liền hết, kẻ phá giới uống vào như nuốt hoàn sắt nóng. Phật sắp Niết-bàn thì nước khô cạn, ngói bay đi mất. Phật diệt độ rồi thì cúng dường xá-lợi, qua một ngày mới trà-tỳ xong, trong ngày đó phân chia xá-lợi. Đến Kỳ-hoàn hỏi việc, trải mười ba ngày kiết tập ba tạng, mới đến Vương thành, khi kiết tập thì ngài Ca-diếp nhóm họp tăng. Tăng khiến Mục-liên đánh chuông nhóm họp chúng tăng phàm Thánh trong bốn thiên hạ, liền bạch bốn yết-ma mà phạt Tân-đầu-lô và A-nan rồi khiến A-nan lên tòa cao, khoác y vải thô tăng-già-lê của Như Lai. A-nan nhận lời, trước đọc di giáo như Phật

đã ước sắc các đại Bồ-tát, đại A-la-hán, tất cả Tỳ-kheo, tám bộ trời rồng thảy đều than khóc.

Tôn giả Đại Ca-diếp đứng dậy, đắp y vải thô tăng-già-lê, cầm ni sư đàn đến trước tòa cao trải ni-sư-đàm ra lễ A-nan xong, lại dùng lọng báu che trên A-nan, thiên chủ Đế-thích dâng bảy báu để trước A-nan, ma vương ba tuần cầm phất trần bảy báu trao cho A-nan. Ma vương, Đế-thích đứng hầu hai bên. Tứ Thiên vương nâng bốn chân tòa cao, ba mươi hai vị sứ ở sau Ca-diếp quì xuống mà đợi đại Ca-diếp lễ A-nan xong, bèn đi nhiễu bên phải ba vòng xong đến trước thăm hỏi như Phật không khác. Lại hỏi A-nan: Ông theo Như Lai hơn hai mươi năm. Thế tôn đã chế ra tỳ-ni giáo môn trước ở đâu. Nếu khi Bố-tát phải dùng thẻ nào mà tính dài ngắn. Khi nói giới phải làm phương pháp nào. Trước hết, đệ tử sư tăng thọ giới nếu lên đàn thì trước hết ở giới đàn phải nhóm chúng, cao thấp rộng hẹp, y lúc nào theo lượng khủyu tay có để xá-lợi chăng? bốn mặt chung quanh dùng vật gì để xếp, có mấy đường thềm đi nhiễu đàn, bốn mặt làm hình tượng gì, trong nước không có đất được dùng cát chăng?

Già-lam viện vũ thì theo phương nào thọ giới thì mấy vị tăng được thọ. Trong thời mạt pháp không có tăng thanh tịnh, người mới thọ giới nếu vì thọ giới cụ túc Tỳ-kheo ni, trước không có ni chúng thì Tỳ-kheo được chăng. Như thế thứ lớp có ba ngàn câu hỏi, A-nan đúng như câu hỏi mà đáp. Đầu tiên, mới thành đạo ở vườn Nai mà độ năm câu luân, liền nói pháp mà đáp giới đàn trước nhóm họp Phật. Trong chi Phật hỏi các Phật xưa nay dùng phương pháp nào dạy các Tỳ-kheo. Bồ-tát lên đàn dùng cái gì làm thẻ lên đàn như trên. Xưa khi chư Phật Bồ-tát thì kim cương làm thẻ. Tỳ-kheo dùng nước thơm, muốn cho người trì giới tâm như trí kim cương, mỗi thứ đều chọn lựa, khiến dứt hết phiền não các giác.

Cho nên tướng thẻ phải dùng đàn và các cây thơm mà làm báu trong ngoài. Tre trúc ở giữa rổng nên không làm. Lại chẳng được vẽ màu và sơn làm tổn vẽ đẹp của các sinh ca, phải dùng hòm sạch mà đựng đầy, thẻ dài nhất bằng một găng tay rưỡi của Phật, ngắn nhất thì bằng một găng tay. Trước khi nói giới phải chấp tay đối mặt mà sám hối, duy na sai một Tỳ-kheo khác quì nghe. Như đối pháp Phật trước đã tụng rồi, duy na mới lập các thứ nói giới, trước phải rửa chân, nước thơm rưới đất, chớ gây ra tiếng động. Sau mới đưa thẻ đến trước các Thượng tọa, Thượng tọa đã nhận rồi thì Duy-na rưới nước, Thượng tọa rửa thẻ thì trước dùng nước sạch, kế dùng nước thơm, khăn sạch lau khô, chớ để

cho có tiếng động hoặc rơi xuống đất.

Cho nên khi nói giới Tỳ-kheo phải yên lặng không được nói bậy. Phải nghĩ thế gian vô thường, phải sớm ra khỏi sinh tử, Duy-na cầm thẻ đến mời đánh kiền-chùy gọi tên sa-di vào cho tụng năm đức mười lần, tụng xong mới xướng bạch như thường, hoặc tụng bài tựa giới. Xong rồi gọi tên sa-di ra. Y theo pháp tụng giới xong, Duy-na lại sai kinh sư tụng Di giáo xong mới tan.

Lại đáp: Người thọ giới đầu tiên là thiện lai lộc uyển, năm câu luân ở trong vườn Nai bạch bốn lần yết ma. Ở trong tinh xá Trúc viên Ca-lan-đà vì Tỳ-kheo Nan-đề nước câu-diêm-di. Có một Tỳ-kheo phạm tội trọng ở trong số mười vị tăng. Nạn đề thọ rồi, bạch Phật là có đắc giới chăng? Phật hỏi sa-di khi chưathọ giới có biết người ấy phạm tội trọng chăng.

Đáp là biết, Phật nói biết thì chẳng đắc giới, chẳng biết thì đắc giới. Phật vì Nan-đề ở giới đàn Kỳ-hoàn nhóm họp tăng mà cho thọ lại.

Lại đáp: Giới tháp thì đất và cát đều được làm.

Lại đáp: Ni thọ trước không có ni thì riêng tăng được thọ. Nếu sau có ni đến thì tiến hai bộ tăng lại phải thọ lại, tăng ni đủ số lìa nghi thấy nghe, thì được sung dụng, như thế thứ lớp A-nan đáp xong.

Nước ao lại tuôn ra mầu trắng như sữa, nhưng mất vị sữa, để biểu thị Phật pháp, chánh pháp bị suy yếu dần dần nhạt nhẽo.

Như trong kinh Niết-bàn như thí dụ nước sữa kết tập đều xong. Đài chuông báu bay lên cõi trời Đâu-suất. Bốn bờ ao chất ngọc, đáy cát bạc, long vương thâu đi thì nước liền khô.

Kế viện ngõ Bắc lại chia làm hai, Tây gọi là luận viện. Luận và luận sư đều ở trong đó, bên trong có đại đường (nhà lớn), phòng ốc chung quanh ba mặt mở cửa, chỉ có hướng Tây là đóng. Có một chuông đồng hình như eo trống, do càn-thát-bà vương tạo ra. Trên có Phạm vương Đế thích, ma vương, Tứ thiên. Long vương Ta-kiệt-la, cung điện a-tu-la, bộ vi nam nữ... các tượng. Nếu các ngoại đạo di học đến hệ luận, thì khiến các bậc vô học thần thông ra hệ luận, tiếng nghe khắp thế giới Tam thiên. Các người luận nghi muốn chống cãi thì các Thanh văn lặng yên không nói. Có người tâm tốt muốn nghe để giải nghi thì nghe tiếng, đàn tuệ liền mở. Bồ-tát manh động thần trí không lui sụt.

Kế là viện đông gọi là viện Tu-đa-la, cửa mở về Tây bắc, trong có có ba lớp gác cao, các phòng bao quanh. Ao sen rãnh nước chảy, rừng cây giao bóng. Kinh bộ kinh sư đều ở trong đó. Có một chuông

đá như hình đất hán, bằng bích ngọc xanh cõi trời ba mươi ba. Bốn mặt có vàng bạc ẩn hiện. Hai mặt Đông, Tây có đại bảo châu lớn năm thăng để trong bụng chuông. Tám góc phân diệu đổ hoặc hình hoa ở chung quanh làm tượng chư Phật mười phương mới thành đạo, đến khi mặt trời mọc thì chư Phật trên chuông đều nói mười hai bộ kinh. Trong thành xá-vệ, đồng nam đồng nữ đều đến nghe, nghe xong thì thành quả Thánh. Người phạm dục thì chẳng nghe dạy, mỗi khi đến nói, đại tướng ma-ni dùng chày kim cương đánh, tiếng vang cả trăm ức thế giơi. Bảo châu chiếu sáng khắp mười phương. Trong ánh sáng có trăm ngàn Đức Thích-ca nói tu-đa-la. Chuông này do Phật Câu-lâu-tần tạo ra. Phật ấy diệt độ rồi thì long vương Ta-kiệt-la đem đi. Phật Thích-ca ra đời thì long vương lại đem đến. Lại khi Phật sắp mất thì ánh sáng châu nói rằng: Thích ca Như Lai ba tháng nữa sẽ nhập Niết-bàn, các trời nghe đều than khóc, rồng lại đem đi.

Kế bắc viện lớn gọi là viện Tẩy y, mở một cửa nam, trong đó có đại đường, phòng quay quanh ba lớp, có ao tròn đá vuông do trời tạo ra. Rừng hoa giao nhau thơm tho đầy đủ. Phật vui giặt áo, trời người đồng nhóm họp. Thích-đề Hoàn-nhân làm một bộ thiên nhạc. Nếu Phật chẳng đến thì tiếng nhạc chỉ nói vô thường, khổ, không. Nếu Phật đến thì Càn-thát-bà vương tự đến đánh trống, sáu thời tấu nhạc như lúc đầu chẳng dứt. Khi Phật Niết-bàn rồi thì Ta-kiệt-la long vương thu về đem vào cung cúng dường kinh điển. Nhạc này có hơn ba ngàn nhạc khí do va lầu la vương tạo ra.

Kế là bắc viện lớn, gọi là chỗ Phật kinh hành. Mở một cửa Nam, trong có điện dường. Hai cột châu trước do trời Đế-thích làm ra, ngày đêm thường chiếu sáng. Gác cao chỗ kỳ hoa dị thảo, hơn hẳn các viện trước, có hai bộ nhạc trời do Đế-thích tạo ra. Nhạc khí làm toàn bằng bảy báu, hình dáng hơn nhạc trước. Các thiên đồng sáu thời thường đánh trống có hơn ba muôn nhạc khí, khi chưa tấu thì các âm nhạc thường nói sáu hạnh Ba-la-mật. Lại nói công đức trì giới khen ngợi người vâng giữ. Trong thành Xá-vệ, người căn chẳng đủ nghe tiếng nhạc rồi thì liền đủ, người phá giới nghe tiếng nhạc thì buồn khóc, phát lộ mà giới căn lại sinh. Khi Ca-diếp lên đàn đuổi hai Thánh, A-nan lên tòa rồi thì các vị trời đồng đến tấu nhạc này. Trong tiếng nói về chư Phật quá khứ làm pháp tỳ ni, và nói Thích-ca Như Lai dạy các đệ tử hành trì giới luật. Tám bộ trời rồng nghe tiếng nhạc đều than khóc. Đến khi kiết tập xong thì trời Đâu-suất đem nhạc về trời để tại chỗ Phật Di-lặc.

Kế viện Bắc, gọi là viện Phật y phục. Điện đường phòng ốc như

trên. Mở cửa ngõ nam. A-nan nghỉ trong đó, thường giữ gìn y Phật. Có một khánh đồng sức chứa năm thăng. Bốn bên khánh đều đúc bằng vàng ròng, bởi đệ tử Phật quá khứ. Lại trên mũi dùng vàng tử ma làm hình chín rồng trên lưng có một vị trời ngồi cầm chày ngọc để đánh khánh. Nghe khắp cõi Tam thiên. Trong tiếng nói cũng nói chư Phật dạy pháp khuyên răn đệ tử, khánh do Phạm Vương tạo ra. Khi Phật diệt độ thì long vương Ta-kiệt-la đem về biển.

Phía đông Phật viện tự chia làm sáu sở, các viện dưới mở cửa về ngả Nam. Trong ngõ có cây hoa như trên đã nói. Viện ở đầu đông gọi là viện Vi-đà. Ngoại đạo đồng tông xem là cực giáo, có khi Phật cho Tỳ-kheo đọc để hàng phục ngoại đạo. Trong đều có góc. Các văn Vi-đà của bốn thiên hạ đều chứa trong đó. Viện có chiếc trống nhỏ bằng bảy báu. Nếu có Tỳ-kheo muốn đọc sách Vi-đà thì trống liền tự kêu. Người trong Tăng-già-lam đều cầm luân xỉ mở viện. Trống này do thợ ở thành Vương xá tạo ra.

Kế viện thứ hai ở phía Tây gọi là thư viện, các văn thư khác nhau trong cả cõi Đại thiên đều nhóm họp trong đó, có lầu gác nhiều tầng để các sách vở. Phật khai cho đọc, chẳng theo chỗ thấy đó để hàng phục thế tục. Trong đó có chiếc trống bạc, người đá đội trên đầu. Nếu có người muốn vào viện thì người đó giơ tay lên đánh trống. Người trong Tăng-già-lam liền đến mở cửa. Tiếng trống như tiếng đàn cầm của người. Tỳ-kheo đọc sách trống đánh chẳng dứt, tự nhiên thấu hiểu. Trống do vua Vô Thí ở châu Phất-ba-đề tạo ra.

Kế viện thứ ba ở phía Tây gọi là viện sách vở âm dương, trăm ức sách vở âm dương trong thiên hạ đều chứa trong đó. Có lúc Phật cho Tỳ-kheo đọc và suy nghĩ về dịch thuật. Có sáu chiếc trống nhỏ, ba vàng ba bạc, hình dáng như bát năm thăng. Có ba nhánh hoa sen để đỡ trống này. Trên trống có tượng Nhật nguyệt thiên tử tay cầm hai chày vàng bạc. Khi có người đến liền đánh, vị tăng như trước nghe tiếng liền mở cửa. Tỳ-kheo đọc sách trống đánh chẳng dứt, liền tự thấu hiểu, chẳng nhọc sức người trao. Trong tiếng trống lại nói về mặt trời, mặt trăng, các sao, cung điện rộng hẹp, độ số các pháp và âm dương dị thuật trong trăm ức thế giới. Trống bạc trắng do Nguyệt thiên tử tạo ra, trống vàng ròng do Nhật thiên tử tạo ra. Khi Phật diệt độ rồi thì bay về viện cũ trên cung trời Đâu-suất.

Khi xưa có trăm ức thế giới Hồn thiên đồ và lậu khắc phép thước, tấc, thăng đấu cùng các thứ cân đong đo đếm như lương ly, nhum thẻ, nước làm máy móc đều do công của trời, rồng, người cùng tạo ra. Các

Hồn thiên đồ, mặt trời, mặt trăng, các sao đều dùng vàng bạc. Khi Phật diệt độ thì các máy móc này đều rớt xuống đất, trái với thiên văn. Phật diệt độ rồi thì thâu vào cung rồng.

Kế viện thứ bốn ở phía Tây là viện y phương. Bao nhiêu thứ thuốc trong thiên hạ đều có chứa ở đó. Trong phòng có chuông lắc, hình dáng như hạt lúa mạch, sức chứa ba đấu, dùng sư tử vàng làm mũi. Tỳ-kheo vào viện thì chuông kêu cửa mở, chẳng nhọc công người. Tiếng như đàn cầm. Tỳ-kheo nghe thì tự thấu hiểu các nghiệp thông bít. Người thông quả thứ ba trở lên bị bệnh vào viện này nghe tiếng chuông thì hết bệnh. Tăng phàm phu bệnh nghe thì bệnh chẳng hết. Chuông do Kỳ-bà dùng thuốc làm ra. Phật diệt độ rồi Kỳ-bà thâu về giấu đi.

Đương lúc lấy đồng, ba cửa chọn đồng, trừ bắc có châu, châu sáu chỗ cũng đến giang nam núi Ngưu Đầu ở Chấn Đán lấy dùng thuốc họp thành.

Kế viện thứ năm ở phía Tây gọi là phòng nhà tăng tịnh nhân, mười tám trở lên đến hai mươi trở xuống các con thường ở trong đó, quét sửa các viện sạch thơm, không ở đâu hơn.

Kế viện thứ sáu ở phía Tây gọi là viện Thiên Đồng. Các thiên đồng thường có ba trăm người cúng Phật nên thường ở trong đó. Viện lớn ngõ Tây, cửa Tây tự chia ra sáu viện.

Viện nam thứ nhất mở ra ba cửa Tây, đóng lại gọi là viện Vô Thường. Trong có một nhà lớn chỉ làm bằng bạc trắng. Bốn mặt bạch lang, bạch hoa đầy đủ. Ngày giống xương trắng không đâu chẳng có. Các người sắp vô thường đều đến đây, khiến thấy các tướng vô thường như xương trắng v.v... Đã chết rồi thì từ cửa Nam ra Tây, bức tường lớn ở cửa Tây, tất cả người chết rồi đều đi đường này. Trong viện có tám các chuông, bốn cái bằng bạc, bốn cái bằng pha-lê, chuông bạc ở bốn góc viện dựng đài mà để.

Chuông pha lê ở bốn góc nhà Vô Thường. Bốn cái chuông bạc đều nặng hơn muôn cân như hình núi Tu-di, chín rồng nằm cuộn quanh đàn. Mũi chuông hướng lên hoa sen bạc, mỗi bên chuông có một người bạc trắng đội não trời, ma-ni bảo vương ở trên đầu cao một trượng hai thước, tay cầm chày bạc. Tỳ-kheo sắp chết, người bạc bốn góc cùng một lúc đánh chuông. Trong tiếng chuông nói pháp chư Phật nhập Niết-bàn. Trời Tha Hóa nghe tiếng chuông này, thiền đồng bạch phướn hoa trắng đến dưới cúng dường thây chết Tỳ-kheo.

Các trời Đâu-suất liền đem mười sáu thứ hoa trời ném xuống viện Tỳ-kheo bệnh ấy nghe tiếng chuông này thì chẳng mất bổn tâm mà

được sinh về cõi trời. Chuông pha lê như hình eo trống. Mũi có một Tỳ-luân vàng ngồi sư tử vàng tay cầm phát trần trắng. Hơi thở của bệnh tăng lớn dần, tỳ luân vàng ấy miệng nói vô thường, khổ, không, vô ngã, tay vẫy phất trần chuông tự kêu. Trong tiếng chuông cũng nói các hạnh vô thường là pháp sinh diệt, sinh diệt hết rồi thì vắng lặng là vui. Bệnh tăng nghe tiếng thì khổ não liền dứt mà được vui mát mẻ, như vào tam thiền mà sinh tịnh độ. Nếu là bậc Đại đức, thì bốn chuông pha-lê lại phát ra ánh sáng rực rỡ, trong ánh sáng nói về sáu độ của Bồ-tát. Người bệnh thấy ánh sáng thì sinh về các nước Phật. Mà tiếng chuông ấy theo thần thức người chết đến chỗ sinh. Cướp ánh sáng nhật nguyệt, che các ánh sáng của trời.

Chuông bạc trên là do Đế-thích tạo ra. Chuông pha-lê là do Nguyện thiên tử tạo ra, tiếng vang đến trăm ức thế giới, khi Phật diệt độ thì hai chuông ấy đều về chỗ cũ. Dụ Sư lại nói kế ngõ Bắc có viện thứ hai gọi là viện Thánh Nhân bịnh phường, cửa mở như trên. Xá-lợi-phất và các bậc đại Thánh bị bệnh thì ở trong đó phòng ốc các thứ đều đầy đủ. Có kho phương thuốc để cung cấp. Chỉ ngại không phải chỗ ở của phàm Thánh.

Kế viện thứ ba ở phía Bắc gọi là Phật bệnh phòng, cửa mở như trên, nhà cửa đều bày, hoa cây hai bên. Kỳ-bà A-nan ở đây hầu hạ. Đại phạm Thiên vương bày ra tám bộ nhạc, mỗi nhạc khí có mười sáu thứ đều dùng vàng, bạc, bảy báu làm ra. Phật vì chúng sinh thị hiện bị bệnh. Phàm các thứ nhạc phát ra tiếng để làm Phật vui. Như Lai nghe tiếng thì bệnh liền dứt. Nếu bệnh chẳng dứt thì tiếng lại tấu khúc sáu độ, thần túc khắp cõi Tam thiên.

Sơ địa, Thập trụ có người hiện bệnh nghe tiếng nhạc thì bệnh liền hết. Như Lai diệt độ rồi mười sáu năm thì nhạc cũng còn trong viện. Quá đây thì Phạm Thiên thâu về, nay ở tại cõi sắc.

Kế viện thứ tư ở phía Bắc gọi là tứ Thiên vương hiện Phật thực phòng. Cũng nam bắc đông mở, phòng nhà như trên, cây hoa cũng thế. Tứ thiên Vương, phạm thiên đến hiến thức ăn đều ở trong này, Phật bèn nhận. Phật nhận y của người và thức ăn trời là vì biểu thị cho ruộng phước lớn của trời, người. Cho nên theo thường khất thực. Vì vật mà thọ, không phải Phật ăn các thời thọ nhận đều làm Phật sự, vì dùng hóa thân nên chẳng khác. Cũng có nhà xí của Phật nhưng bày ra để biết mà thôi. Trong bệnh viện cũng có não nhạc, vàng ròng làm lưới, do Tứ vương tạo ra. Khi Phật bày thức ăn, Tứ vương từ xa đến dâng thức ăn, náo phát ra ánh sáng lấn át ánh sáng mặt trời mặt trăng, chiếu xa trăm

ức thế giới. Trong ánh sáng nói về công đức thí thực, bảo Tứ vương rằng ta diệt độ rồi có các đệ tử phá giới, không có giới, không có oai đức, chẳng thể tự sống, ta dùng sợi lông trắng trăm phần diệt một tia sáng, ông cho ba phần ánh sáng cung cấp cho công. Tỳ-kheo đời mạt pháp, Tứ vương vâng chịu như lời Phật dạy, lại dạy Tứ vương rằng: Ta diệt độ rồi nên đem não này vào trong viện, mỗi ngày một lần khua lắc để đệ tử ta dễ được cúng dường. Tứ vương than khóc y theo lời Phật dạy cho đến nay, hằng ngày thường xuống Kỳ-hoàn mà đánh não này, thuận theo lời Phật dạy.

Kế một viện phía Bắc gọi là phòng tắm, ba cửa như trên, các thứ đều đầy đủ, nước nóng nước lạnh vừa ý, vừa hết liền chảy mà vào viện lớn.

Kế là viện thứ sáu ở phía Bắc gọi là nhà xí (nhà vệ sinh) có nhà cao ba tầng, hai cầu ở trên rất thanh tịnh, dưới có hầm phân chất gạch làm lỗ. Tự tay Thiên đế làm ra không có hôi thúi. Rãnh nước lớn từ viện Bắc chảy về Tây Nam, vào nhà xí lại chảy vào lỗ, ra Bắc gặp sông lớn, người không thấy. Tất cả Tỳ-kheo đều tiện lợi ở đó. Tôi nghe nói ở đây rất tốt. Cho nên sông Hoài trở về Nam các chùa cổ đều sạch sẽ. Trong đó trở lên quanh viện nhiều chỗ rất hôi thúi, từng đến thành Bắc ở Tinh châu có nơi rất sạch sẽ lầu đường lên cao cùng loại với Thiên-trúc. Đây thì nhà góc chưa đủ cao, chỉ vì chùa ở nơi bùn lầy không trôi thoát được, lập nhà này không hề hôi thúi, chỉ đặt một chỗ sạch, nói ắt dối trá. Lỗi là do kia, vũ đức các phòng nhiều ít, vắng vẻ há là tôn thượng, sao chẳng lập chu thanh?

Từ trên đến đây Đông Tây đã nói sơ.

Lại chùa đại viện ở bốn góc đều có một viện. Góc Tây bắc, Địa thần Kiên lao nói là nữ thần, bộ thuộc có tám mươi ức, ở cửa lập tượng đại thần.

Thần hỏi Phật rằng: Từ xưa, chư Phật đều có hình tương quỷ thần, Thế tôn năm sau diệt độ, sao không dạy làm để hộ trì đệ tử, di pháp, già-lam. Phật liền khiến trời Tịnh cư làm Địa thần Kiên lao Tán chỉ đại tướng, dùng vàng trời làm hình như thần thật. Phật diệt độ rồi hai mươi sáu năm, thì rồng khắc gỗ thay tượng vàng đem về biển lớn. Tượng viện sau cũng như thế.

Góc Đông bắc viện, các tượng long vương làm toàn bằng ngọc bích, trăm ức thiên hạ long bô vị đều ở đó, do Bà-nhã A-tu-la và đại phạm Thiên vương thứ hai tạo ra.

Ở góc Đông nam là lực sĩ viện bộ của thế giới đại thiên vị có tám

mươi ức, Hóa lạc Thiên vương dùng bạc tạo ra. Một trăm bốn mươi muôn bảy báu tạo thành. Bồ-tát Kim Cương Tuệ tạo chùa.

Viện lớn ở bên trái đường lớn phía Đông gọi là viện Cúng Tăng. Đường mở ba dặm trong có mười tám hàng cây. Giữa khoảng hoa cỏ, hai rãnh đông tây nước trong suốt chảy nhanh. Rãnh bên tây từ viện lớn qua các lỗ, từ Đông ra chảy về bắc. Đường lớn này nghiêm sạch xe cộ ít đi. Phía đường nam bắc, hai bên đều có đặt một tượng thần đá, do thần Đất kiên lao tạo ra, tay cầm kích, chân đạp quỷ, oai nghiêm mạnh mẽ chẳng dám nhìn. Có người tu qua đây mắt ngó xuống đi thật nhanh.

Viện Tịnh trù (nhà bếp) của Tăng có ba ngôi, bày ra ở Nam bắc. Phật diệt độ rồi mười hai năm sau vì Tỳ-kheo bệnh mà lập ra viện này. Các tỳ-kheo từ bốn viện lớn cửa đông mà ra. Đối cửa có viện tịnh trù (nhà bếp).

Ngõ Nam nhà bếp, nằm ngang hai viện lớn ở phía nam, trong mở ra một ngõ, bày cửa Nam bắc. Cửa Nam rất lớn đề là cửa Vườn lớn của chùa. Viện cửa tây tự chia nam bắc. Ở giữa hai viện thì mở ngõ. Ở phía Nam, Đông tây lại chia hai sở đều mở một cửa. Một viện bên tây gọi là chỗ xuất gia của các bậc Thánh và các chúng thiên vương. Cửa mở về Đông, có viên đá bích ngọc lớn rộng một bề một dặm, cao hơn mặt đất hai thước, vàng làm ranh giới theo đường Nam bắc mà bày.

Viện bên Đông gọi là chỗ xuất gia của phàm hạ.

Cửa quay về Đông, đương khi xuất gia thì Thiên vương cõi trời Đao-lợi đem cung điện trên trời xuống đặt ở hai viện rất trang nghiêm.

Kế viện Bắc gọi là vườn Rau Quả. Hoặc gọi là đất Phật đi kinh hành. Cửa mở về Nam, do vua Ba-tư-nặc tạo. Núi ao rất nhiều, sắp bày khác nhau. Dòng chảy uốn quanh núi rừng vườn cây, thanh tịnh hương thơm đầy đất, Phật thường đi kinh hành qua đây.

Viện ở cửa đông gọi là Vườn tre. Cửa quay về Tây, đối với vườn rau trái. Trúc xanh rau cỏ phân luống trồng thẳng tấp chẳng nói hết.

Phía Đông bắc vườn trúc có một viện gọi là Chỗ cởi áo để ngựa xe. Cửa mở về Bắc thông ra đường lớn. Ấy là chỗ các vua chúa cởi áo để ngựa xe. Nhà vườn liền nhau, tường thấp đều làm bằng đá. Do trời Đế-thích tạo ra.

Hễ có vua đến thì theo đường cửa đông đến viện này mà cởi áo cởi giày, xe ngựa người hầu đều ở đây, sau mới ra phía Tây mà vào chùa.

Kế viện ở phía Tây gọi là viện cởi y phục của vua và phu nhân. Cửa mở về Nam. Phu nhân Mạt-lợi muốn đến lễ Phật trước ở trong đây

sửa sang y phục, sau mới vào đại viện gặp Phật.

Kế trong đại viện ở phía Bắc gọi là viện cúng thức ăn. Tự chia ra hai sở đều nằm ngang, trước có ba cửa lớn.

Cửa Nam bắc vào nhà bếp có ngăn một bức tường lớn, ở giữa mở hai cửa thông với ba chỗ. Ở giữa viện chỉ nhận trời cúng, trong lập đại đường vuông vức Đông tây rất rộng có viện đại công đức, các trời vội xuống cúng dường thức ăn. Nhà lớn phía Bắc có hai giếng lớn, Đông tây đá xanh làm thành giếng, phun nước không cạn. Đông là của Phạm Vương, tây là của Đế-thích, hễ mở ra thì không bao giờ cạn.

Ở phía Nam viện Tây có một viện nhỏ gọi là Ngưu mã phòng, trong viện phòng này là tịnh nhân ở, khắp ba mặt đều bày phòng mở cửa. Cửa viên mở về hướng Đông nam. Những người làm thức ăn thường ở trong đây. Chỉ là trai tráng mười tám tuổi trở lên sửa soạn khách nghi vào viên bắc mà vào nhà bếp, là phòng làm thức ăn sống thành chín.

Kế Bắc có một Phật đường, đài chuông đều lớn, ấy là phòng thượng tịnh nhân thường lễ sự. Phòng trong viện đông có cối giã gạo và xay bột. Ở nam Tây bắc đều mở cửa. Ngày nào cũng có gạo thóc xay giã ồn ào người vật ở đây rất đông.

Nhà lớn ở Bắc gọi là bếp nấu thức ăn, nằm ngang một nhà rộng nhìn kỹ có ba mươi sáu bếp, bày theo chiều Đông tây, đều làm bằng bạc. Các đồ đựng thức ăn đều là của trời, không phải người có. Một viện bếp Đông cửa mở về nam là kho gạo mì, các thứ đều để trong đó. Ở Đông bắc có một viện nhỏ. Trong đó có phòng của Điển tọa, ban ngày nấu thức ăn duy na ở trước bếp, Điển tọa ở sau bếp. Viện lại có các viên chức không lệ thuộc nhau. Ở cuối ngõ Bắc có viện lớn gọi là chỗ tăng ăn, tự mở ba cửa. Trong cửa ở phía bắc có nhà ăn lớn. Trước nhà trồng cây đối nhau giao bóng mát rượi, có rãnh nước chảy qua rất đẹp, Chư tăng ăn phần nhiều đều ở khu vườn này. Nếu có mưa thì vào nhà, hai bên đều có vườn. Ở phía hữu cửa Bắc viện nam, trên đất nhà bếp có một nhà ăn, hễ nấu xong thì tịnh nhân bưng lên nhà này, mà không vào viện Bắc. Đến giờ thì đi hết lượng tăng trong nhà này, chỉ lấy thức ăn, chẳng hề thấy các đồ đựng, nên có tăng chế nhà bếp phòng ăn, phía Đông nếu không phải tri sự thì không được đến. Đây thì tinh uế cả hai khác nhau đều có đường. Đất sạch để việc chẳng được, cho nên thường để ở phía Đông chùa cách ba dặm. Kết riêng đại giới ở trên gia thêm thời gian, nếu theo kinh giáo Đại Tiểu thừa đều không cho.

Tăng trù, tịnh trù nếu có kết là Phật trước có chế, sau bảo bỏ đi, tự có thường thì được an vui. Nhưng làm mà bỏ giáo thì rất đáng sợ.

Sau chùa Vườn Trúc lập nhà bếp cách ba dặm. Trong ba dặm đó hoang sơ gai gốc, có sư tử đen giết các Tỳ-kheo. Phật lại khai giáo, A-nan chế hạn đến ba gian, ngõ khai không quyền, không cho ngăn ngại, dùng các đất này có thể chằng soi gương?

Phía Đông vườn ăn có một viện nhỏ, cửa mở về nam là chỗ tăng tịnh nhân hành thực thường tiểu tiện. Góc Bắc viện Đông có một chỗ tiểu tiện. Nếu đi đại tiện thì ra ngoài viện lớn có chỗ riêng.

Ở bắc viện có kho thuốc là để trị bệnh Tỳ-kheo phàm phu, phía bắc kho có hai viện, viện Tây là chỗ ở của người bệnh là tăng. Viện đông là chỗ đại tiểu tiện. Cho nên phàm tăng bệnh trong chùa đều ở đây.

Ở phía Tây viện ăn lại chia ra hai viện đều chẳng thông nhau. Một viện bên Nam, cửa nam Đông bắc gọi là viện Cởi áo mặc áo. Nhà cửa đầy đủ. Ở Bắc có một viện gọi là Phòng tắm, trong đó có hai nhà lớn. Đông là nhà để áo, Tây là nhà tắm.

Đồ tắm đầy đủ, Nam mở một cửa đối với trước. Khi Phật còn sống đến sau mới lập. Các Tỳ-kheo già không thể khất thực mới vào nhà bếp. Phật là vua pháp thường vào thành khất thực, đi về thường bày thức ăn uống, các thị tùng kia đâu được ngồi yên. Cho nên các Tỳ-kheo già bệnh mỗi ngày khi ăn phải theo cửa Đông lớn của chùa viện đi thứ tự ra phía Bắc đến nhà bếp. Ngõ bắc cửa Tây bắc vào viện Cởi áo, cởi thượng y để trong y nhà này, lại mặc y cũ từ cửa Đông ra mà vào vườn, ăn xong thì ở nhà tắm cởi áo vào tắm, tắm xong thì vào nhà để áo mặc lại mà vào chùa, lễ từ cửa Nam ra. Ngõ Tây cửa Nam vào chùa lớn. Sáng hôm sau thì cởi áo mặc áo cũng giống như thế.

Lại ở đông viện, tịnh nhân tăng nam nữ lớn nhỏ đều ở trong đó cũng có làm ruộng, việc chẳng thể nói hết, để hiển bày pháp làm gốc, tôi chỉ nghe nói mà không thấy các bài văn như kinh đã nói, không thể phù hợp với giới đàn, hễ phòng Thánh tăng có bày khác, nhà cửa tuy rộng mà không có nguyên do riêng, tầng giá đơn trùng có nói rõ duyên khởi lập ra. Nay bản đồ này truyền chủ nguồn gốc thì tìm các Thánh ý để lược biết. Có người chẳng tin, bảo là truyện u minh huyển hoặc đâu đáng kính ngưỡng. Tôi vì huyễn mộng ảnh hưởng phàm Thánh cùng đồng, đều là tánh không biết đâu là mục đích tiêu chuẩn. Nhưng phàm tố có thức, hoặc mê mờ nơi chốn, khéo nhờ người dẫn đường có dẫn dần.

Hoặc trời hoặc người lời lý đáng theo, không vượt khuôn phép trước, như đáng gửi gắm, làm theo phép phàm bồng trái với lý thì Thánh

cũng phải vứt bỏ, há có thể hùa theo, đều vô tình hối. Cho nên Phật là bậc đại Thánh, tướng trạng uy nghi, thiện hạ độc tôn. Người có tà kiến kính mà chẳng kính, Phật cũng tùy tánh mặc tình phỉ báng. Như có chỗ nói chẳng trái với pháp, thì Phật cũng nghe mà học theo. Cho nên văn nói chỗ gọi là pháp là Phật nói, trời nói, hóa nhân nói, theo luận này thì u hiển đều bày. Tôi cũng vì nghe sự môn này cũng đồng với trời người mà nói. Sợ phàm chẳng tin lời nói này. Đó nói vì người tin mà cho thì tự nhiên được phước còn người chẳng tin thì mất thấy kinh Phật còn chẳng thể dùng. Nghe đây chẳng tin đâu đáng can thiệp. Tôi nghe lời ấy chẳng đợi nói. Tôi nghe lời nói này sự tình hác nhiên. Cho nên nêu ra đầy đủ, đều là di chúc, nghĩ trọng cầu thỉnh. Kế là chiêm ngưỡng dấu vết bậc Thánh, như là có mặt.

Đời Đường, niên hiệu Càn Phong năm thứ hai, cuối xuân, Cảm thông được xuất bản. Thống tường các Thánh tích ở Tây vực, đây là điều quán tùy ngũ tùy sơ, vẫn còn ghi chép, sự siêu phàm biểu, chu bặt lời tô điểm. May có người gặp biết đại ý này. Tôi thấy các truyện đời trước tổ chức biểu tụ, rất là đáng xem. Đến thời đại này ít còn. Pháp sư Lãm làm biểu trước sau dám phụ đời sau để làm rùa gương. Mở ngõ mắt xem không mê muội tâm thần há chẳng tốt ư?

Niên hiệu Nguyên Hòa năm thứ 12 đời Đường, ngày 1 tuần đầu tháng 12 đã ghi xong. Một bản đồ kinh này khen thiền sư trạm dự tự thâu, giây bút gồm công viết bày ra, Viên Trân rất vui mừng vì làm Phật chúng sinh ra đời sau sẽ rất thân, gặp nhau ở tinh xá Kỳ-hoàn, được Kim Dung Mâu-ni trao cho tôn vị.

Nhật bổn, niên hiệu Nguyên Khánh thứ tư ngày 1 tháng 8. Tại chùa Diên Dịch Sa môn Viên Trân ở phường Tổng trì đã ghi đủ.

Từ trên Đại sư Trí Chứng đã ghi

-------------------//-----------------

LỜI BẠT VỀ KỲ HOÀN ĐỒ KINH

Nước đại Nhật bản thuần không có một cõi tạp Đại thừa mà hiển qui về tôi ở đây hơn ngàn năm. Chưa từng nghe tin tà tiểu, bởi huyền ký của miệng vàng chẳng uống phí. Do đó gọi là lam đại sát tinh liệt ki bố. Phật nói tổ dạy trăng chiếu núi đứng. Cho nên luật sư đại trí ta trước mở mang kinh này, gọi là dật thư, hiện nay cũng còn. Nhưng cảnh tục khác chẳng biết trời rồng quỷ thần ngầm giúp công đất gỗ. Mà chê ta dùng nhà cửa mà phí tiền bạc tổn hại quốc gia. Do đó hoặc bị trời giết hoặc bị đày, mà thấy kinh này thì khỏi hết các nạn. Nay tôi rất tức giận vì truyền ý nhỏ không. Hoặc nói kinh này là ngụ ngôn quỷ thần mà nói nó rất quí lạ, ai dám dung tha, được gọi thích điển quái thuyết, phàm trong tục hiền triết còn biết tin dùng, huống chi là hình xí truy lâm lại xem thường thì có thể gọi là chúng sinh khô cảo. Lại ngụ ngôn quỷ thần thì đạo đời mà mở rộng lòng thương xót. Khen là hoằng nhã. Kẻ tín ngưỡng hiểu rõ gọi người nay hổ thẹn với tiên đạt, học tạ với hậu sinh mà vội sinh quá mạn thì không có việc đó. Nhưng nghĩ cũng có vài ba chỗ sai, tuy bản khác hỏi mà chẳng được đính chánh ư?

Ý Tổ khó lường chẳng thể cải tước, cho nên hòa điểm cũng có khi chẳng quyết định, dám kỳ Hậu quận tử nói.

Nhật-bản, niên hiệu thiên hòa năm thứ nhất tháng mười hạ tuần mùng sáu thọ lại, Tỳ-kheo thừa xuân ký thạch, chùa luật thần cung ở Thánh thủy.

Pháp Uyển Châu Lâm quyển năm mươi hai chép: Theo Tuyên luật sư, kỳ hoàn Tự Cảm Thông ký chép:

Kinh luật nói rõ nền chùa Kỳ-hoàn thường có tám mươi khoảnh đất và một trăm hai mươi viện. Y theo chiều đông sang tây có gần mười dặm, từ nam đến bắc hơn bảy trăm bộ.

Lại nói chung bộ, lại nói pháp bộ...

Tống Cao Tăng Truyện quyển mười bốn chép: có vị trời nói từng soạn kinh kỳ-hoàn đồ, Sao ký hai quyển thượng, hạ.

Lại nói về niên hiệu càn phong thiên thần họp đạp, hoặc viết Kỳ-hoàn đồ kinh phó chúc nghi lại, chẳng phải ngụ ngôn ở quỷ thần ư? Ông chẳng thấy trong luật thập tụng các Tỳ-kheo còn nói Mục-liên phạm tội nói dối. Phật nói Mục-liên tùy tâm tưởng nói thì không tội. Phật ở đời còn như thế, đời tượng mạt ghen ghét bậc hiền có gì lạ.

Tăng sự nói lược, xét trong Kỳ-hoàn Đồ Kinh tự có sư tử bằng pha-lê, như hình năm tay, miệng nói Diệu Âm. Bồ-tát nghe liền siêu

việt địa vị. Mỗi khi đến mồng 8 tháng chạp. Trong thành Xá-vệ sĩ nữ tranh nhau cầm hương hoa đến nghe pháp âm.

Lại nói, xét pháp linh du sư trong phần tự cáo, có mười tên chùa: 1/ Tự cho đến y Kỳ-hoàn đồ kinh mà giải thích tướng đều rốt ráo như tự cáo.

Tự trì ký chép: Đồ kinh gần đây Nhật-bản đem đến, văn có hai quyển tức Tổ sư soạn ra.

Luật sư Nam sơn soạn tập lục rằng: Kỳ-hoàn Tự Đồ, hai quyển. Niên hiệu Càn Phong năm thứ hai chế chưa thấy.

Giời Đàn Đồ kinh chép: Tôi soạn Kỳ-hoàn Đồ kinh thượng, hạ hai quyển, sửa lại cho nghe thâu suốt kinh luật, thảo thù các truyện rất có mối manh.

Nghĩa sở sáu thiếp, quyển hai mươi mốt chép: Tuyên Luật Sư Kỳ Viên Cảm Thông kỷ chép: đất tám mươi khoảnh, đông tây mười dặm, Tu-đạt lót vàng mà mua... bạch trượng thanh qui, v.v...

Vãng sinh Yếu tập bản thượng chép: tăng bệnh nghe tiếng, khổ não liền trừ, được vui mát mẽ. Như nhập Tam thiền, do đó sinh tịnh độ.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 166

HÌNH VẼ PHẬT CHẾ SÁU VẬT CHO TỲ KHEO

SỐ 1900

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1900

HÌNH VẼ PHẬT CHẾ SÁU VẬT CHO TỲ-KHEO

Nhà đại Tống niên hiệu Nguyên Phong thứ ba,
đầu mùa hạ ở Dư Hàng,
Sa-môn Nguyên Chiếu ở viện Thiên Cung soạn ra.

I. NÓI VỀ BA Y (là ba vật)

1. Đại y Tăng-già-lê: Có hai mươi lăm điều, ba dài một ngắn.

2. Y Uất đa-la-tăng: Có bảy điều, hai bức dài một bức ngắn.

3. Y An-đà-hội: Có năm điều, một bức dài một bức ngắn.

Thấy người thích học giới muốn đặt pháp phục mà không biết cắt đã không biết luật nghi phần lớn đều theo thói quen, nhưng phép tắc thì có ở khắp các văn. Nên nắm đại yếu gồm chỗ thấy nghe thì theo chương cũ lại chia làm mười vị. Dẫn theo chánh giáo khiến việc có y cứ thừa chỉ chê không lạm, cái gọi là không nhìn mặt người khác.

1. Nói ý chế, sao chép:

Sao gọi là Chế? tức là ba y sáu vật, Phật chế phải chứa giữ. Thông các nhất hóa đều chế mặc dùng, có trái thì kết tội. Tát-bà-đa chép: muốn hiện pháp chưa từng có, cho nên tất cả chín mươi sáu đạo đều không có ba tên gọi này, là để làm khác với ngoại đạo, cho nên luật Tứ phần nói Như Lai ba đời đều mặc y như thế.

Luật Tăng-kỳ nói: Ba y là tiêu biểu của hiền Thánh Sa môn.

Kinh Tạp A-hàm chép: Tu bốn Tâm vô lượng, mặc ba pháp y, đó kéo mà cắt biết là y phục của người từ bi. Luật Thập Trọng chép: dùng dao cắt nọc, biết là người có hỗ thẹn.

Kinh Hoa Nghiêm chép: Người mặc áo Ca-sa xa lìa ba độc, Luật

Tứ Phần nói ôm ấp kiết sử thì chẳng nên mặc áo ca-ca.

Kinh Hiền Ngu chép: Người mặc áo Ca-sa sẽ mau được giải thoát sinh tử.

Chương Phục Nghi nói bao gồm đai qui, là thuyền bè trên biển khổ, là thềm thang sinh nhai, do đó phải có ba.

Luận Phân Biệt Công Đức chép: Làm áo cho ba mùa, mùa đông thì mặc dầy nặng, mùa hạ thì mặc mỏng nhẹ, mùa xuân thì mặc trung bình.

Trí Độ Luận chép: Đệ tử Phật ở Trung đạo nên mặc ba y, ngoại đạo lỏa thể không hổ thẹn, người tại gia nặng về tham nên mặc dày nặng.

Luận Tát-bà-đa chép: Một y không chống được lạnh, ba y thì chống được lạnh.

Kinh Giới Đàn chép: Ba y đoạn dứt ba độc, hạ y năm điều, dứt tham của thân, trung y bảy điều dứt sân của miệng, đại y thượng y dứt si của tâm.

Thiên thai Trí giả chế pháp điều thứ nhất: Ba y sáu vật đạo cụ đầy đủ. Nếu y vật có thì chẳng đồng chỉ.

Điều thệ thứ nhất trong mười thệ của quốc sư Thanh Lương rằng: Chỉ ba y một bát không chứa dư thứ khác. Xem qua kinh luận, khắp đọc sử tăng, nên biệt dấu vết Thánh Hiền.

Hoa trúc đồng phong nay thì khắp tranh học tông, gượng phân kia đây. Lại cao tóc đã không thù thái, nhiễu y đâu khổ phân tông. Phụ thức cao lưu một vì xem kỹ, huống là giáo Đại Tiểu thừa đều nói rộng công đức ca-sa, xin Phật tử tin giáo y theo đó vâng giữ.

2. Giải thích tên gọi:

Có hai

1. Tên chung:

Bao gồm các kinh luật hoặc gọi là cà-sa hoặc đạo phục, hoặc gọi áo xuất thế, hoặc gọi pháp y, hoặc gọi áo lìa trần, hoặc gọi áo tiêu sấu (tổn phiền não) hoặc gọi áo liên hoa, hoặc gọi áo gián sắc (ba mầu tạo thành) hoặc gọi áo từ bi, hoặc gọi áo ruộng phước. Hoặc gọi ngọa cụ, cũng gọi phu cụ.

2. Tên riêng:

- Tiếng Phạm gọi là Tăng-già-lê, Hán dịch là tạp toái y (có nhiều điều). Từ chỗ dùng thì gọi là y vào cung vua, vào xóm làng.

- Uất-đa-la-tăng, gọi là trung giá y, từ dùng mà gọi là y nhập chúng (lễ tụng, trai giảng).

- An-đà-hội: Gọi là hạ y, từ chỗ dùng mà gọi là y làm việc tạp trong viện (vào xóm làng, vào chúng không được) nếu từ tướng thì gạo y năm điều, y bảy điều, y chín điều, cho đến hai mươi lăm điều. Dịch nghĩa có nhiều, ở đây chỉ nói một hai.

3. Nói cầu tài có hai:

Nói cầu xin lìa lối, cho là pháp y thì thể nó phải thanh tịnh. Cao tăng ở Tây phạm, phần nhiều bỏ y phấn tảo, nay muốn đúng pháp phải lìa tà cầu.

Sự sao chép: Chẳng vì tà mạng mà được, kích phát mà được, hiện tướng mà được, phạm xả đọa y đều chẳng được làm.

Nghiệp Sớ chép: Tà mạng là nói tóm tắt, nói khái quát, thì chỉ vì tà tâm có tham nhiễm vì lợi mà bán pháp, lễ Phật tụng kinh bỏ ăn các việc để được tặng biếu, đều gọi là Tà mạng. Người nay chứa nhóm nhiều thứ, ép người khác mà xin nịnh nọt dối trá, nuôi dưỡng ô nhiễm, tất cả các loại này đều gọi là Tà lợi. Kế nói lìa lỗi trao đổi, nếu do tinh tài đổi thì rât tốt, ắt có phạm dư nhiều tiền của đem đổi y thì tiền y cứ theo luật. Người phạm đem y cũ mà đổi y mới, chỉ hối tội trước thì y thể không nhiễm, có thể lệ chung. Nếu tự trao đổi vật thì không được cùng tranh giá cao thấp với người tại gia, đông như mua bán đạo pháp. Sai tịnh nhân thì cũng không tổn. Có người nói tay chạm tịnh tài thì thành bất tịnh, đây không phải luật chế mà người dối truyền.

4. Nói tài thế: chia làm hai:

- Nói như pháp: Trong luật cũng cho hai thứ lụa, vải. Nếu theo các văn nghiệp sớ thì lụa cũng chẳng cho dùng.

Sớ chép: Đời phần nhiều dùng lụa thô (quyên trù) vì thể nó hại mạng cũng chế ước chung. Nay Thiên-trúc và các Hồ tăng (tăng Ấn-độ) đều không dùng lụa làm ca-ca. Lại nói vì y là phạm phục làm bốn tâm vô lượng, xét biết giết hại mà cố mặc thì nghĩa chẳng nên.

Trong Cảm Thông Truyện trời người khen rằng: Từ khi Phật pháp truyền đến phương Đông sáu, bảy trăm năm. Luật sư Nam bắc không hề có ý này, sao dùng tiền sát sinh mà làm áo từ bi. Rộng như trong Chương Phục Nghi đã nói. Ký Qui Truyện của Nghĩa Tịnh, trách là quấy, bởi hạnh đại từ không phải chỗ nó biết, nên nói như thế. Kế phân biệt phi pháp. Song thể y này phải rất dày kín, không dệt thêu hoa.

Luật chép: Nếu nhỏ mỏng thì thưa, lụa mõng gấm dệt, sa hộc trừu tiêu (các loại lụa mỏng) đều là vật phi pháp (không đúng pháp). Nay phần nhiều chẳng tin lời Phật, tham mặc các thứ y này.

Trí luận chép: Như Lai mặc y tăng-già-lê bằng vải thô sơn. Chúng

Nam Nhạc xứ này và từ xưa cao tăng có đạo bố nạp vải gai chẳng lẫn một sợi tơ, ngài Thiên Thai chỉ mặc một có nạp. Ngài Nam Sơn chẳng dùng lụa là, Ngài Kinh Khê chỉ đắp y vải thô ngài Vĩnh Gia y không từ miệng tằm há chẳng phải lòng từ thương xót, thật đáng ưa chuộng. Thời nay quá biếng lười, lại thêm không biết, lại dùng y chánh chế của Như Lai mà làm hiếu phục (đồ tang lễ). Vã tăng không có phục chế, đâu được dối làm. Thích Thị Yếu Lãm, phụ giáo hiếu luận noi theo ngọa thuyết cẩn thận chớ làm bằng. Gần đây, thấy vải trắng làm đầu, vải gai (để tang) đây là rất lạ. Là tướng pháp diệt lại dần nhiều, có người biết bèn cải cách thì pháp mới tồn tại.

5. Nói về sắc tướng:

Luật chép: Thượng sắc nhiễm y không được mặc, phải làm cho hoại sắc y ca-ca, cũng gọi là Hoại sắc, tức trong giới bổn nói ba thứ nhiễm hoại đều phải đúng pháp.

1. Mầu sinh.
2. Mầu đen.
3. Mầu mộc lan.

Da dây mộc lan nhuộm màu đỏ đen. Nhưng ba sắc này gọi là lạm thể biệt, phải lìa bỏ chánh sắc của năm phương thế tục (xanh, vàng, đỏ, trắng, đen) và năm gian sắc (sắc giữa cac sắc trên, tức hồng, tím, xám...) đây đều không phải tướng đạo, Phật đều cấm chế.

Nghiệp sớ chép: Pháp y thuận đạo, sắc gấm dệt thâu khiến đông tâm thần. Năm mầu xanh, vàng, màu tía thượng sắc kẻ tục thường tham cho nên đều phải bỏ đi. Đời mạt pháp kẻ học luật thường trái lời Thánh, mùa đông mặc lụa mỏng mùa hạ mặc sa hộc lụa dầy, loạn các sắc đỏ, chẳng chán sắc tươi và hoa hòe, là lương phi pháp rũ xuống đùi vế, huống lại tự ưa thích sắc y, dối bảo vua chế, tuy gọi sức quá lại thành chê bai pháp. Tổ sư bảo đâu lo gì không có phần trong đường ác. Thật đáng buồn thay.

***6. Nói y lượng (**kích thước của y)

Có hai:

1. Theo các văn chung chẳng có thước tấc nhất định.

Luật nói: Đo thân may y, theo phân lượng của thân, không theo khủyu tay. Thời nay y dài khoảng một trượng hai, trượng ba. Nói theo văn chung là không rất thông ư? Lại nói đây là đo thân, thân ấy rất nhỏ mà y quá dài không đo chẳng nhỏ ư? Nhưng pháp đo thân nhiều người chẳng hiểu.

Nghiệp sớ chép: Trước dùng y tài từ vai trở xuống, trên gót chân

bốn lóng tay xem là thân y, các phần khác là lá, đủ tương xứng nhau. Kế nói về cục lượng.

Sao dẫn văn chung tiếp rằng: Tuy thế cũng phải y theo thứ bậc, cho nên Thập Tụng, Tăng-kỳ đều có ba phẩm lượng, nay y theo ba y trong Tát-bà-đa thì dài năm khủyu tay, rộng ba khủyu tay (mỗi khủyu tạy là một thước, vậy một thước bằng mấy tấc tây?). Nếu lớn nhất thì dài sáu khủyu tay, rộng ba khuỷu tay rưỡi (tức dài một trượng tám, rộng sáu thước ba tấc). Nếu nhỏ nhất thì dài bốn khuỷu, rộng hai khuỷu rưỡi (tức dài hai thước bảy, rộng bốn thước rưỡi). Nếu quá lượng này thì phải thuyết tịnh chẳng làm thì phạm xả đọa.

Luật Tứ Phần nói: An-đà-hội dài bốn khuỷu tay, rộng hai khuỷu. Y-uất-đa-la tăng dài năm khuỷu, rộng ba khuỷu. Y-tăng-già-lê cũng như thế. Trên dẫn lời Phật nói về lượng, dưới dẫn lời Tổ nói lỗi quấy.

Chương Phục Nghi chép: Giảm lượng mà làm đồng với kiệm ước, nếu tăng quá hạn thì phạm pháp.

Văn chép: Bốn khuỷu hai khuỷu chẳng là gì phi pháp, đồng lượng với Phật, liền kết chánh thiên tức là ấy.

Lại nói: Khoảnh tải trở xuống là lưu kiêu xa kỳ độ, chưa thấy có người nói về kiệm ước.

Lại nói: Y phục lập lượng thêm bớt quá chế, đều là đè tâm tham hơn.

Sao Văn Phật y Giới chép: Thân Phật lớn gấp hai người, thường cao một trượng sáu, còn người chỉ cao tám thước. Y Phật theo thước Cơ Chu là dài một trượng tám, rộng một trượng hai, người thường thì dài chín thước, rộng sáu thước. Nhưng người đời thời Phật thân thường rất cao lớn, y theo trước làm mức đủ che thân hình. Thời nay thuộc kiếp giảm, thân người lớn nhất, không quá sáu thước, mà y dài trượng hai thì thường là quá mức. Nếu quá luận rộng ra thì chẳng đến năm thước trước rũ, thấy ở đây.

Nên Nghiệp Sớ chép: Trước rũ một góc là tướng mũi voi, ngời chẳng nghĩ tội, quen lâu gọi là pháp, khác gì cho ngã chấp phiền não thói quen từ vô thỉ, là Thánh pháp ư? Nghe nghĩa liền sửa đổi từ can ngăn như người trên đây từ huấn, như thế sao chẳng nghĩ.

7. Nói số điều nhiều ít:

Hạ y năm điều thì một bức dài một bức ngắn, trung y bảy điều thì hai bức dài một bức ngắn, đại y có ba phẩm: hạ phẩm có ba là: Chín điều, mười một điều, mười ba điều đều là hai bức dài, một bức ngắn; Trung phẩm có ba là: mười lăm điều, mười bảy điều, mười chín điều

thì đều ba bức dài một bức ngắn. Thượng phẩm có ba là: Hai mươi mốt điều, hai mươi ba điều, hai mươi lăm điều, bốn bức dài, một bức ngắn. Sao chép: y theo đây là đại chuẩn tùy sức mà làm.

Yết-ma sớ chép: Sở dĩ tột đến hai mươi lăm điều là muốn có hai mươi lăm ruộng phước. Sở dĩ số lẻ không chẳn là vì sa môn Nhân Dục đồng đời Dương Hóa, nên không phải là ngẫu số. Cho nên có dài ngắn, là như bờ ruộng ở đời tùy nước cao thấp mà khác nhau. Lại vì có các lợi íchbiểu thị Thánh thêm mà phàm bớt, dụ như dài nhiều mà ngắn ít. Nay thì thiền môn đều đắp y chín điều hoặc ba dài, bốn dài tùy ý mà làm. Đây là phi pháp.

Sớ rằng: Dài ngắn sai sót là trái với lòng từ phạm nên tùy bước vượt nghi mỗi mỗi đều kết tội.

Nếu lại sắc đái trường thùy, hoa bài tế thích sơn thủy thuế nạp, tổn nghiệp bỏ công. Người chân thật học đạo không bỏ tấc bóng, tự đều dụng tâm, đâu rảnh mà chuyên làm việc này.

Kế nói: Tướng điều nghiệp, trong luật Tăng-kỳ Phật nói rộng phải bằng bốn lóng tay, hẹp thì bằng hạt lúa mì.

Sớ chép: Nay nhiều rộng làm quạt phất gió. Chương Phục Nghi chép: Điều Diệp thấy đây chẳng phụ chánh nghi, ba tấc bốn tấc mặc tình mở rộng lấn riết thành tục, càng khai hoa đãng chi nguyên v.v..., lại thích thêu thêm cành lá bên dưới.

Chương Phục Nghi chép: Cắt may thấy lá, biểu thị cho tướng cắt, nay đều may hợp lại không tướng để phân.

Sao chép: May một bên, khai một bên, nếu mau cả hai bên thì chỉ đồng với mạn y. Ở đời truyền nhau gọi là minh khổng, lại nói là minh tướng. Lại nói lậu trần đều sai.

8. Nói số lớn:

Luật nói chẳng được nhỏ mỏng. Đại y mới phải hai lớp, hai y kia đều một lớp.

Trong Thập tụng chép: Đại y bốn lớp, hai y kia đều hai lớp.

Trong luận Tát-bà-đa chép: Đại y ba lớp, mới một lớp, cũ hai lớp (một lớp mới hai lớp cũ).

Kế nói trùng pháp:

Nhưng tướng trùng phức các chỗ nói khác nhau. Nếu theo luận Tát-bà-đa may lớp cho ba y có duyên trích phần giữ làm y cứ, theo đây chỉ như thế. Toàn y hợp may lại Tổ sư đã mặc cũng chẳng khác đây. Đến Cảm Thông Truyện nói trời người mới bày chế khóa. Người đến nghi nay xin dẫn đủ. Đó nói đại y làm lớp sư ví làm theo. Song ở dưới

lá có ba lớp, đâu được như thế? Liền hỏi chỗ làm liền cầm y tôi mà chỉ, đây là tướng lá biểu thị cho bờ ruộng để cắt đoạn y ở trong mà thích, bỏ diệp bằng hạt lúa. Đây thì trong điều biểu thị cho bờ ruộng, trên lá biểu thị cho rãnh nước, đâu chẳng thế ư? Nay thì chung dùng bố man (vải lụa trơn không có điều)

1 Chẳng phải cắt.

2. Lại có nhiều lớp. Đã không phải xưa chế thì không được mặc, mặc thì có lỗi.

3. Nói chẳng thành.

Nghiệp sớ chép: Hai thứ dưới tùy thời, nếu là đại y thì phải may nhiều lớp. Nay phần nhiều chỉ may một lớp, như thế là không đúng pháp phục, được làm thọ trì mặc vào thì bị tội.

9. Nói pháp làm y:

Ba y đều phải cắt may, tiền ít khó làm thì cho chấp lá vào, năm điều một thứ, lại mở niếp lá.

Luật Tứ Phần chép: Đại y may năm ngày chẳng xong, Ni phạm ba-dật-đề, tăng phạm đột-cát-la, Thập tụng nói đều phải đột lại, chẳng được may thẳng, trước bỏ duyên bốn lóng tay làm huyền, sau bỏ duyên tám lóng tay làm sửa. Ngày nay rũ cánh tay trước tám sau bốn, đều là điên đảo. Lại để móc y cứ chỗ điều lấy vật rộng vốn để đỡ nhọc mà cho là Đàn Tử Phi. Tam Thiên oai nghi nói bốn góc để lá.

Luật Tứ Phần chép: Kéo khiến góc ngay... đời gọi là Tứ Thiên vương cũng không đúng.

Luật Tứ phần chép: Trên vai phải lót vải che bụi dơ. Kế nói chánh tùng. Đại y chín phẩm phải cắt may, y tài chẳng đủ thì cho thêm lá, hai nhân chín thành mười tám, y cũng chẳng đủ thì cho bảy điều làm tùng y, như thế thứ lớp cho đến mạn y (y không có điều). Ba y chánh tùng đều có hai mươi bốn thứ. Đại y chánh có mười tám thứ, tùng thì có sáu (ba y bảy điều, hai y năm điều, một mạn y). bảy điều chánh y có hai, tùng có hai mươi hai. Năm điều chánh y có ba, tùng có hai mươi mốt (đại y mười tám, bảy điều hai, mạn y một?) Tính chung có bảy mươi hai phẩm, mạn chung ba dụng, nhưng vốn là y sa-di.

Luật chế sa-di mặc hai mạn y, một là mặc y bảy điều vào chúng, một là mặc năm điều làm việc, thời nay cạo tóc liền mặc y năm điều làm đại tăng, rất trái với chế xưa. Bậc sư trưởng có biết xin y thanh giáo, cho đến người thọ giới phần nhiều đều không có y bát, luật khiến sư làm, ai lại y theo mà làm. Chỉ khi gặp việc thì đi mượn người khác, chậu ngói bát dầu, bày đại y cũ mục. Sa-di chẳng biết đúng sai, xà lê

không hề xem xét.

Luật nói: Nếu không có hoặc mượn thì không gọi là thọ cụ, há được tiếc ít tiền của mà khiến một đời không giới, ăn uống của tín thí bị chết chìm muôn kiếp, thật đáng thương thay. Tuy xưa chẳng thể can ngăn mà người đến sau cũng có thể truy tìm.

10. Nói gia pháp hạnh hộ:

Một gia pháp thì phải theo thứ lớp, trước thêm vào năm điều: Đại đức nhất tâm niệm (một lòng nghĩ) tôi là Tỳ-kheo tên thọ y an-đà-hội năm điều này, một bức dài một bức ngắn, cắt thành y mà trì.

Nếu trung y thì nói: Thọ y Uất-đa-la tăng bảy điều này, hai bức dài một bức ngắn, cắt thành y mà trì.

Nếu đại y thì nói: Thọ y tăng-già-lê hai mươi lăm điều này, bốn bức dài hai bức ngắn, cắt thành y mà trì. Các y khác lời nói như trên.

Kế nói pháp xả: Đại đức nhất tâm niệm, tôi là Tỳ-kheo y An-đà-la-hội này trong số ba y, trước thọ trì, nay xả.

Kế nói hành hộ (giữ gìn), Thập tụng nói giữ ba y như da mình, bát như mắt mình. Mặc đại y không được kéo gỗ đá, đất cỏ, quét đất... làm các thứ việc chẳng nên làm. Quyết chánh y hai bộ luật thuận mặc đại y vào xóm, gặp sư tăng Thượng tọa người khác chẳng được lễ (chỉ lễ Phật và chúng tăng).

Luật Thập Tụng chép: Đi đâu cũng mang theo y bát, không có luyến tiếc, cũng như chim bay. Nếu chẳng giữ ba y vào xóm thì phạm tội.

Luật Tăng-kỳ: Phải tưởng như tháp.

Tổ Sư nói: Các bộ đều chế phải đem theo mình, nay thì chỉ giữ ban đêm là chẳng đúng với giáo. Trước nói y giới. Luật nói nếu người và y ở khác chỗ cách đêm thì phạm tội xả đọa. Y này phải bỏ mà sám hối.

Luật chép: Lìa hộ đều y cứ giới mà luận, giới có nhiều thứ khác nhau. Đại khái được chia làm hai:

1. Tác pháp nhiếp y giới (ranh giới đặt ra để giữ y).

2. Tự nhiên hộ y giới (ranh giới tự nhiên để giữ y).

1. Bổn tông tha bộ gồm có mười lăm thứ:

1. Tăng-già-lam giới (là trong vòng tường rào của già-lam).

2. Ranh giới một làng (nơi có trai gái ở gọi là làng, tức là nhà thế tục, có bốn thứ đồng với trên, lại có sáu thứ như:

a. Ranh giới một xóm (nhà trong bay đến được thì kể cùng ranh giới, ở giữa xe đến bốn chỗ bằng nhau, bốn xóm thì không mất).

b. Ranh giới nhà (trong một xóm có nhiều nhà, có chung có riêng,

nếu cha mẹ sinh con cùng ăn cùng ở thì chung giới, nếu ăn riêng nghề riêng thì khác giới).

c. Ranh giới một họ (trong một nhà ăn khác, nghề khác đều có chổ ở thì một giới, nếu hai chổ ăn ở và tiện lời thì khác giới).

d. Nhà ngoại đạo: nếu đồng kiến đồng luận thì đồng giới, nếu khác kiến khác luận mà ở hai chổ cùng ở trong sân đều mất.

e. Chổ du hành doanh là chỗ ở của những người đùa giỡn, nếu thuộc một chủ thì đồng giới, nếu khác chủ là khác giới.

f. Trùng xá, tức nhà nhiều tầng lầu đồng chủ thì người y tầng trên tầng dưới không mất, nếu khác chủ thì mất.

3. Ranh giới cội cây:

Cựa nhỏ vừa bằng chỗ ngồi kiết già có sáu thứ khác là:

a. Một cây.

b. Cả khu rừng lớn (hai dặm).

c. Bốn cây rừng nhỏ (hai trượng rưỡi).

d. Dây leo um tùng (bốn trượng rưỡi).

e. Nói trên dưới, y dưới cây thân trên cây là mất, nếu y trên cây thân dưới thì không mất.

4. Ranh giới tường:

Chỗ vắng ngoài làng tùy theo rộng hẹp.

5. Ranh giới của xe:

Xe nghỉ, xe đi, xe theo kịp thì không mất.

6. Ranh giới của thuyền:

Thuyền nghỉ, thuyền đi có nhiều chỗ đậu, không dễ tới lui thì là khác giới.

7. Ranh giới nhà: Tức nhà riêng ở chỗ trống.

8. Ranh giới nhà lớn (đường)

9. Ranh giới kho tàng

10. Ranh giới dẫm lúa

11. Ranh giới lan nhã: Giữa tám cây bốn thước tám tấc.

12. Ranh giới hành đạo: trong vòng ba mươi chín trượng hai thước.

13. Ranh giới châu: hai trượng rưỡi.

14. Ranh giới dưới nước: bốn trượng rưỡi, nếu y ở trên thuyền xuống nước thì mất, nếu y trên bờ hai chân xuống nước thì mất.

15. Ranh giới giếng trong bốn trượng rưỡi, y trong tay với tới thì không mất. Ở các hầm hố khác cũng như thế.

2. Nói thế phần:

Không làm ranh giới giữ y, khi vào giới mới hội y. Mười lăm thứ nhiên đều tùy ngoài sinh giới mà thêm mười ba bước tính ra là bảy trượng tám thước. Chỉ vào thế phần liền thành hội y, chẳng cần phải vào giới (nếu có nhiễm lậu ba tình trong giới thì không có thế phần)

***3. Nói bốn ngại (**như trên các giới tùy có mất y):

1. Nhiễm ngại (có người nữ ở trong giới làm nhiễm tịnh hạnh, y phải luôn theo mình).

2. Cách ngại (đường nước đất dứt, tường vách ngăn cách...).

3. Tình ngại (Vua quan, nhà ảo thuật, nhạc sĩ vào giới làm mất tưởng, người nhà anh em làm phân cách...)

4. Giới ngại (kia đây không thông, như thân ở giữa đường, y ở dưới cây liền mất y...).

4. Nói tướng mất hay chăng:

Luật sao có ba đoạn:

1. Trong luật nói bị cướp, bị mất, bị cháy, bị nước trôi, bị hư rách năm tưởng (tức tình ngại). Đường nước đường đất bị cắt, như giặc cướp, thú dữ, nạn mạng sống, nạn phạm hạnh (đây là cách ngại) nếu có duyên trên chỉ mất pháp thọ y, chẳng phạm xã đọa.

2. Nếu trước khinh thường chẳng giữ, sau tuy có nạn duyên thì mất pháp, phạm tội.

3. Nếu thường có tâm lãnh thọ, các nạn chợt xảy ra đến hội chẳng kịp thì cũng không mất pháp, cũng không có tội. (nhưng phải thành thật không dối trá).

Lại hỏi: Quên chẳng đem theo y đi ra ngoài đến đêm mới biết lấy hội không duyên thì có mất y chăng?

Đáp: Người ấy luôn đem y theo thân bỗng quên thì lệ đồng với y dư khai cho (y dư quên chẳng thuyết tịnh thì chẳng phạm, lại khai cho mười ngày).

5. Pháp mặc:

Luật khiến mặc ba y phải ngay ngắn, Tam Thiên Oai Nghi chép: Khi mặc không được hướng về tháp Phật, Thượng tọa, ba thầy, cũng chẳng được quay lưng. Chẳng được miệng ngậm, và hai tay đoạt lấy.

Tỳ-nại-da nói: Phải đắp trên vai không được rũ dưới khuỷu tay đây là chế trước.

Cảm Thông Truyện chép: Trời người bảo rằng: Phàm kinh bốn chế trước độ năm người đến nay đều chế mặc ca-ca ở vai trái, tọa cụ ở dưới ca-ca. Kế là người trẻ tuổi dáng mặt đẹp đẻ vào thành khất thực phần nhiều bị các cô gái yêu thích, bèn chế góc y ở tại vai trái, dùng

tọa cụ đè lên. Kế nhân Tỳ-kheo bị ngoại đạo gạn hỏi đâu được bày tòa ra mà ngồi trên pháp y. từ đây lại chế khiến mặc trên tay trái, tọa cụ ở dưới. Sau cùng Tỳ-kheo đắp y không ngay thẳng bị ngoại đạo chê bại hoại dâm nữ, như vòi voi. Do đó mới chế trên để câu sữu (móc và dây cột), khiến góc y thâu đến tay trái để dưới nách, chẳng được khiến rũ quá trên. Nay thì phải theo chế sau. Nếu chẳng như thế, đắp ở trên vai, nếu rũ xuống khuỷu tay thì nhất định là trái pháp. Vì trong học chúng mà chế tội.

6. Nói về giặt vá:

Luật Thập Tụng chép: Y phục phải thường sạch sẽ đúng pháp. Chẳng thế thì người và phi nhân quở trách, luật Thiện Kiến nói y bảy điều biên rộng tám lóng tay, biên dài một gang tay, áo lót thì không mất thọ, y năm điều biện rộng bốn lóng tay, biên dài một gang tay, áo lót chẳng mất, các chỗ xuyên khác như móng tay nhỏ đều mất thọ. Vá xong thì thọ trì. Luật Tát-bà-đà nói chỉ khiến duyên dứt thì mất thọ.

Luật Thiện Kiến nói: Nếu Ca-ca lớn thì giảm bớt, nếu nhỏ thì dùng vật mà thêm. Nếu giặt, hoặc thêm mầu, hoặc thoát sắc, thượng sắc đều chẳng mất thọ, v.v...

II. BÁT ĐA LA VẬT THỨ BỐN:

1. Nói về ý chế:

Luật Tăng-kỳ nói bát là đồ đựng của người xuất gia, không phải theo cách người thế tục.

Luật Thập Tụng chép: Bát là cờ nêu của hằng sa chư Phật, chẳng được dùng vào việc lặt vặt.

Luật Thiện Kiến chép: Bậc Thánh ba thừa đều cầm bát sành khất thực nuôi sống, bốn biển làm nhà, nên gọi là Tỳ-kheo. Người xưa có nói bát chậu không đáy không phải là vật của lang miếu.

2. Giải thích tên:

Tiếng Phạm gọi là Bát-ba-la, Hán dịch là Ứng Khí. Có người nói ba thứ thể, sắc, lượng đều phải đúng pháp. Nếu y theo Chương Phục Nghi nói người xứng đáng thọ cúng mà dùng thì gọi là Ứng khí cho nên biết Bát là tiếng Phạm, Hán gọi tắt, bỏ bớt hai tiếng.

3. Nói về thể

Luật nói: Đại yếu có hai: Bát bằng đất và bát sắt, luật Ngũ phần nói dùng bát bằng gỗ thì phạm thâu-lan-già.

Luật Tăng-kỳ chép: Vì là tiêu biểu của ngoại đạo lại bị dơ bẩn, cho nên Tổ sư nói: Đời nay bát có bao vải, có sơn thoa dầu... thì đều phi

pháp, nghĩa là phải bỏ.

4. Nói về sắc:

Luật Tứ phần chép: Phải xông khói thành mầu đen mầu đỏ. Luật Tăng-kỳ nói xông thành mầu cổ chim công, mầu bồ câu... là đúng pháp. Luật Thiện Kiến chép: bát sắt có năm xông, bát sành có hai xông, luật cho làm lò xông.

5. Nói về lượng:

Luật Tứ phần chép: Bát lớn chứa được ba đấu (tức một đấu đời Đường) nhỏ thì chứa một đấu rưỡi (tức nửa đấu) hang vừa thì có thể so sánh mà biết.

6. Nói gia pháp

Bạch Đại đức nhất tâm niệm, tôi là ... chiếc bát-đa-la này ứng lượng khí thọ thường dùng (nói ba lần, nếu pháp xả thì nói trước thọ trì nay xả, nói một lần).

7. Nói về hành hộ

Ngũ Bách vấn chép: Một ngày ăn chẳng dùng bát thì phạm tội đọa.

Luật Thiện Kiến chép: Bệnh nặng thì được khai, nếu ra ngoài giới cách đêm thì chẳng mất thọ. Nếu lủng như một hạt gạo lớn thì mất thọ. Nếu dùng sắt trám lỗ thì phải thọ lại. Nếu bị móp méo hoặc bể nát thì không thành thọ.

III. NI SƯ ĐÀN LÀ VẬT THỨ NĂM:

1. Ý chế

Luật Tứ Phần chép: Vì để hộ thân hộ y, đó là ngọa cụ hộ tăng.

2. Giải thích tên gọi:

Tiếng Phạm gọi là Ni-sư-đàn, Hán gọi là tùy tọa y, cũng gọi là tọa cụ, như một loại nệm chiếu ở Trung quốc. Người ngu không biết bảo là do ni sư chế ra. Lại không biết nên gọi Đàn tử, do đó họp lại gọi là Ni-sư-đàn mà gây trò cười của kẻ chẳng học.

3. Định lượng.

Luật Tứ Phần chép: Dài bằng hai gang tay Phật, rộng một gang rưỡi (tức ba thước), trên là lượng của bản chế.

Luật chép: Thời Ca-lưu-đà-di, thân lớn mà ni-sư-đàn thì nhỏ bèn bạch Phật, Phật cho tăng them dài và rộng đều nửa gang tay, đây là sau cùng.

Giới sớ chép: Lại thêm là khai duyên. Lại từ bản chế thì hạn ngoài riêng tăng. Lại nói, tức thế gian nói: Y phục tọa cụ đều thích rộng lớn,

ăn uống vật dụng đều thích đẹp đẽ v.v... nhưng bỏ chế mà theo khai, lý tuy được thông, nhưng Ca-lưu lớn nhất cũng chỉ cho thêm nửa gang tay. Ngày nay người thấy nhỏ há lượng ban đầu chẳng dung được ư? Nếu nói chẳng thế thì xin chứng thật.

Sao rằng: Đúng pháp mà làm thì chỉ y cứ theo lượng ban đầu, cắt đứt thí duyên. Nếu khi ngồi thì gối ở trên đất, y tăng lượng một đầu một bên mà nói tiếp. Đây là định giáo chánh văn. Nhưng đời trước chỉ ở đầu dài biên rộng đều tăng thêm một thước. Sau trời người bảo Tổ sư rằng, nếu cho bốn đều phụ thêm thì chẳng trái văn thêm nửa gang tay, nhưng lời phiên dịch lược nói đều nửa kiệt thôi. Mười chữ luận tức là nghĩa bốn bên (chu vi). Tọa cụ bốn bên phụ thêm vào, do đây bắt đầu.

4. Pháp chế tạo

Sắc đồng với ca-ca.

Luật Thập tụng chép: Mới thì hai lớp, cũ thì bốn lớp, chẳng được lẻ một lớp.

Tỳ-nại-da chép: Nên để năm phân, phải điệp ở bốn góc.

Luật Tứ phần chép: Làm mới phải lấy củ ngang rộng một gang tay mà làm may chồng lên (miếng vuông để ở bốn góc). Lại chẳng được không cắt mà lấy chung thêm lượng, đây là vọng pháp của Bạt-xà.

5. Gia pháp

Bạch Đại đức nhất tâm niệm! con tên là Ni-sư-đàn đúng lượng này, nay tôi thọ trì (nói ba lần pháp xả thì đổi là nay bỏ, nói một lần).

Luật Thập tụng chép: Lìa đêm thì tội cát-la, cũng chẳng mất pháp. Đi thì dùng lớn đồng với bát.

1. Ý chế

Ni nữ quả báo yếu đuối nên chế ra kỳ-chi khoác ở vai trái để giúp y ca-ca. Lại chế ra phú kiên để che ở đùi phải, dùng che hình xấu, cho nên ni chúng phải trì năm y. Đại tăng cũng có chứa dùng, chỉ cho y mà thôi.

2. Giải thích tên gọi:

Tiếng Phạm là Tăng-kỳ-chi, Hán dịch là y trên hẹp dưới rộng (có nơi gọi là y che nách). Phú kiên (che vai) là tiếng Hán, không rõ tiếng Phạm.

3. Nói tướng y:

Luật Tăng-kỳ nói hai y đều dài bốn khuỷu tay, rộng hai khuỷu tay, cho nên biết cũng đồng ca-ca, chỉ không có điều lá mà thôi.

4. Nói về mặc dùng:

Đời có nhiều phân tranh, nay vì nói rõ. Xứ này thuở xưa đều mặc

kỳ chi. Đến sau thời Ngụy mới thêm cánh tay phải, hai bên may hợp lại, gọi là thiên sam, khoét cổ áo khai quần, cũng còn tướng cũ. Cho nên biết là thiên sam ở tay tả, tức là kỳ chi xưa. Bên phải tức là phú kiên (che vai). Nay người không biết đây lại ở trên thiên sam mà thêm phú kiên bảo người học luật phải mặc vào. Chỉ người Tây Trúc có nhiều đảng thuần sơ sinh chê lỗi nên phải chê còn xứ này thì áo điệp nhiều lớp mà vẫn thêm thiên tụ, lại che cái gì. Nếu nói nhiều đường trong thành không y cứ. Lại ba y Đại Thánh nghiêm chế thì chưa hề dính thân, còn phú kiên thì tổ sư thường chê lại kiên trì chẳng bỏ, thật là tệ phong một thứ, trải qua nhiều đời cùng mê. Lại do ở giáo không biết bèn khiến nghe nghĩa chẳng uổng. Lại dẫn chứng minh xin xem rõ.

Chương Phục Nghi nói: Nguyên chế đã hưng khởi, gỗ chỉ có ni chúng dùng. Nay tăng phục lại dùng thiết thông vị dưới. Lại ở pháp đồ mà khen rằng: A-nan được quả báo có sức khỏe, viên mãn đầy đủ, người nữ đều yêu mến cho đến mắt vui tịnh sắc, tâm say thần hồn. Hệ tử cảnh mà trầm sát. Do khúc chế này mà khiến mặc áo che vai. Nay thì kiêu hãnh mà vọng mặc vào là lạm.

IV. LỌC NƯỚC LÀ VẬT THỨ SÁU:

1. Ý chế

Sao chép: Vật mọn nhưng chỗ dùng rất lớn. Người xuất gia từ tế ý chính là đây. Nay bậc thượng phẩm cao hạnh còn uống nước có trùng huống chi kẻ không ra gì làm sao nói được. Luật Tứ Phần chép chẳng được không lượt nước mà đi nửa do-tuần, (khoảng hai mươi dặm), nếu không có đãylượt nước thì dùng góc y Tăng-già-lê mà lượt.

2. Pháp lượt nước:

Luật Tát-bà-đa chép: Muốn làm chỗ ở trước phải xem trong nước có trùng không. Nếu có thì phải làm giếng khác, cũng có nữa thì bỏ đi. Hễ dùng nước phải trong sạch. Đúng pháp mà lọc để trong một bình đủ dùng trong một ngày khiến trì giới đầy đủ, lọc xong phải để trong một bình sạch đem ra dưới nắng mà nhìn kỷ, nếu có thì làm như trước nói. Song trong đất, nước hư không đều là chổ ở của vật hữu tình, trong luật nói cứ dùng lọc là được, nhục nhãn thấy được chỉ để luận trì phạm mà thôi.

3. Cách làm đồ lọc nước:

Luận tát-bà-đa nói chọn lụa dày khít làm túi tọc, luật Tăng-kỳ nói trùng rất nhỏ phải làm ba lớp.

Luật Tứ Phần chép: Làm lọc nước như bình hình cái gáo, hoặc tam

giác, hoặc làm bình lọc. Nếu sợ trùng nhỏ qua đêm thì phải để lụa dầy trong túi. Lọc xong thì để trùng lại trong nước (nếu chỗ đông người phải để màng lọc trên giá, dưới để thùng chậu...)

Sao chép: Nay kẻ bất tiếu thấy cấm lọc thì nói luật học chỉ ở túi lọc mà không biết chỗ sâu xa về tổn sinh phòng đạo, cũng chẳng chứa lọc, dẫu có chứa mà chẳng dùng, dẫu dùng mà trùng vẫn lọt qua, lọt qua thì trùng chết, chỉ một giới sát sinh mà chẳng vâng giữ thì các oai nghi khác dẫu bắt giữ, cũng chẳng thực hành.

Xưa, ngài Cô Sơn có soạn bài chí lọc nước, nói rằng: Treo ở thảo đường, để đủ số pháp vật, còn dùng thì chưa thể. Tôi bảo Trung Dung Tử rằng: Biết giáo ai chẳng biết giáo, người đến may mà không lấy.

Trí luận chép: Thọ giới cấm là tánh, cạo đầu nhuộm y là tướng. Nhưng kẻ đời phàm tục chuộng về tu làm thì chỉ dựa vào nghi tướng, để làm sáng tỏ di giáo. Nếu trong ngoài đều mất thì pháp diệt không xa. Xin các bậc thượng đức đồng chí giữ nguy, tức Kinh Hoa Nghiêm chép: Đầy đủ thọ trì oai nghi giáo pháp, khiến cho tăng bảo chẳng dứt mất, được người vâng lời Phật dạy.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 166

PHÁP NGHI QUỶ HỘ MẠNG PHÓNG SANH

SỐ 1901

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1901

PHÁP NGHI QUỶ HỘ MẠNG PHÓNG SANH

Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh đời Đường soạn

Hễ loài nào có mạng sống thì đều ham sống, trên chung cả các bậc hiền trí, hễ vật có chết thì đều sợ chết, kể cả các côn trùng. Do đó đấng Thiện Thệ tùy việc mà tu từ, chẳng làm tổn thương hàm thức. Lượng thân mình mà y cứ vật, giao gậy chẳng làm. Chỉ dùng đại bi tuyên dương pháp hóa, đối với hộ sinh thì rất ân cần. Là đệ tử Phật, lý phải làm theo. Thấy trùng thì lọc nước là yếu nghi của người xuất gia. Thấy nguy liền giúp ấy là chẩn cấp của bi. Đã biết có trùng thì luật văn khiến làm đồ phóng sinh. Chỉ vì người Tây Trúc hành lâu, nhiều người cùng hiểu. Còn ở Đông hạ mới đến chưa biết nên phải tùy nghi. Nếu chẳng nói rõ làm sao hiểu được. Đồ làm bằng sắt đồng, gạch gỗ. Gạch ngói thì có thể làm bằng đồng, chỉ sức chứa khoảng hai, ba đấu tức là cái họ nhỏ đã đến từ lâu, lại cột dây mà mang ở tay. Dưới đáy có khoan đồng để đeo ở đầu ngón cái. Khi đi khất thực thì đeo ở tay trái lấy y phủ lại, tay phải ôm bát.

Khất thực xong thì đến bất cứ một nhà nào đó để bát cơm, tự đem một sợi dây sạch to như chiếc đũa tùy giếng sâu cạn mà cột (bình) lấy nước, dùng lụa nhỏ lọc qua, thêm bớt cho vừa đủ, lấy cột đầu dây vào bình, lại cột một móc sắt nhỏ cho bình đứng vững. Việc này phải dự làm trước chớ khiến gặp việc mà lúng túng. Lại dùng miếng lụa nhỏ che đầu bình, rồi từ từ đưa xuống giếng, đến nước thì kéo dây khiến bình úp lại, hai, ba cái rồi mới kéo lên khỏi giếng. Đây là nghi khất thực. Hoặc dùng chén đồng, chén sơn xỏ lỗ mà đeo, dùng tạm cũng được. Nếu ở

trong chùa thì thường dùng (bình) sắt, cũng để như trước, ít có chỗ riêng. Dưới đáy để vòng sắt có thể xỏ được ba ngón tay để móc trong bình, nâng cột móc sắt cũng giống như trước, để trùng trong bình xuống nước, dù giếng sâu cũng làm được. Nếu chứa dây riêng sợ nhiều việc rắc rối. Nếu giếng sâu hoặc có thể làm chậu chứa riêng, hoặc có thể đem bỏ dưới sông, ao.

Khi nước chảy hết lại phải rửa bình mới đúng pháp. Về cách lọc như chỗ khác nói, đâu cho lật ngược lưới lọc trên miệng giếng, vốn vì không có bình phóng sinh. Muốn hộ giới sao để trùng chết. Chỉ vì Thánh giáo của Như Lai lấy từ bi làm gốc, giới luật chế ra có tánh và giá, giá thì theo sự hợp kinh, tánh thì lý phải từ trọng. Trong tánh tội thì sát sinh đứng đầu. Cho nên người trí phải riêng giữ còn. Nếu cho đây là khinh thì cứ gì mới trọng. Nếu y giáo mà làm thì hiện tại được quả báo sống lâu, đời sau sẽ sinh về tịnh độ. Ở đất thần châu có hơn bốn trăm thành, người xuất gia có cả vạn. Đối với việc lược nước thì ít người có tâm, thói quen xem thường, xem nhẹ lời Phật dạy, chẳng thể mỗi mỗi đến truyền miệng. Rất mong mọi người nên tập quen theo lời dạy. Nếu có học thông ba tạng, ngồi chứng bốn thiền trấn tưởng Vô sinh, lắng tâm lý không, nếu chẳng hộ mạng y giáo vâng làm thì chẳng khỏi bị Phật chê trách.

Tội đứng đầu mười điều ác, có ai chịu thay cho. Lại như thấy người giết mổ dắt dê vào chùa, chẳng quá mấy lời, thả làm sống lâu, chúng cùng tụ lại xem búng ngón tay khen tốt. Đâu biết trong nhà dùng nước ngày giết ngàn muôn mạng sống. Đã biết lý giáo chẳng khinh thì phải nghĩ kỹ xét kỹ, tự lợi, lợi vật, khéo hộ, khéo nghĩ. Lại có khiến người cày ruộng trông cây tìm cầu lợi nhỏ, chẳng thấy hại lớn, đất nước đều tổn hại, sát sinh vô số. Tội lỗi này phải làm sao, ngay như bó tay tuyền môn, mặc tình phân xử. Cho nên kinh chép: Người sát sinh phải đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, nếu được làm người thì yểu mạng nhiều bệnh. Than ôi khổ này ai chịu, có ai thoát ra mà làm thiện thì lành thay rất tốt có thể bảo rằng ở đời mạt Thích-ca cùng kết nhân từ niệm, khi Di-lặc thành Phật thì đều chứng quả Vô sinh, rộng như trong biệt truyện, ở đây chẳng nói nhiều.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 166

PHÁP THỌ DỤNG TAM THỦY YẾU HÀNH

SỐ 1902

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1902

PHÁP THỌ DỤNG TAM THỦY YẾU HÀNH

Tam Tạng Pháp Sư Nghĩa Tịnh đời Đường, soạn

Y theo Thánh giáo và ở phương Tây, nước hiện nay chúng sanh đang dùng có ba thứ khác nhau:

- Nước đúng thời.
- Nước phi thời.
- Nước xúc dụng.

***1. Nước đúng thời** (thời thủy):*

Tức là Sa-di người thế tục tự tay lược nước xem biết nước không có trùng, trước giờ ngọ mặc tình lấy uống. Nếu đại tăng tay chạm vào bình chậu, lụa lọc và gáo nước thì không thể để vào miệng, huống chi uống. Có ác xúc tức là như nước nhà tăng thường dùng, đại tăng đâu được chạm. Tuy đại tăng chẳng chạm nhưng sau giờ ngọ thì không được uống. Nhưng thể nước không xúc chạm chỉ là người tục xúc chạm dính bụi dơ bẩn, không hoàn toàn sạch nên phải thực hành theo.

2. Nước sạch tịnh phi thời:

Tức là người dùng là đại Bí-sô và Sa-di đều phải dùng tháo đậu (xà bông) rửa sạch bốn ngón tay cho đến cổ tay đều phải sạch sẽ không chút dơ bẩn, bình chậu và lưới lượt cũng đều mới sạch chẳng dơ bẩn mới được. Lưới lọc nước này đều dùng chén đồng, gáo đồng, dùng than lau chùi sạch bụi dơ mới được. Nếu không tìm được các thứ này thì có bình chậu gỗ không hề dính bụi cặn dơ, mỗi ngày rửa sạch bụi bặm thì mới được dùng. Nếu nước thường dùng thì phải chứa trong bình lu sạch. Bình sạch phải bằng sành, chẳng phải đồ đồng rửa sạch, vì bên trong bình có

đồng xanh (ten đồng) chẳng thể dùng than đánh sạch. Bỏ hết đồng thau chùi rửa mới biết sạch dơ. Song đồng dùng than đánh thì sạch. Thánh giáo dạy rằng nếu rửa bằng xà bông thì bỏ dơ của thức ăn, còn đồng dơ thì không dứt bỏ được.

Có thể thấy dùng đồng mà đánh than thì sẽ thấy rõ. Bình sành hết nước, thì phải rửa sạch bên trong rồi mới đựng đầy nước mới. Nhưng ở năm xứ Thiên-trúc, không lấy bình đồng làm tịnh bình, một là vì dơ sinh ra dính chặt, hai là vì đồng tanh hại người. Nước sạch thời và phi thời này mặc tình lấy uống, là Phật cho riêng vì nó sạch lại chẳng nhọc làm. Nếu bí-sô trong lúc phi thời nấu thuốc, nấu trà làm nước mật... thì đều dùng nước này, chẳng được dùng nước đúng thời (thời thủy) ở trước vì có lỗi. Nhưng dùng chảo gáo bình chén... đều không được có cặn thức ăn, đều phải dùng than đánh sạch mới dùng để nấu vật, nước sạch đầy bình phải để trong lồng tre, không được để vật khác chạm vào. Khi muốn phải dùng nước thì trước phải tay sạch hoặc dùng phân trâu bò khô chùi sạch tay trước, không dơ mới chạm vào, hoặc dùng lụa vải lá sạch dùng làm cổ bình, sau đó mới cầm nắm.

Luật nói: Trừ nước và cành dương, gọi là nước sạch này không phải là hai thứ khác. Cành dương nếu còn mới ướt thì phải hơ lửa sạch mà nhăn, cho nên biết chẳng thể chấp vào văn giới. Hễ muốn đưa nước vào miệng, hoặc uống hoặc súc miệng đúng thời và phi thời, đều phải dùng tháo dậu xà bông rửa sạch tay, rửa sạch hai môi, súc miệng ba lần mới được uống nước. Ăn uống cũng như thế. Lại khi trung thực (ăn bửa trưa) xong, nếu sợ bình ít nước thì phải nhờ người thế tục đưa nước trước. Xỉa răng tắm gội xong chưa nuốt nước miếng vội. Phải dùng nước sạch này súc miệng ba lần rồi mới nuốt nước miếng xuống cổ họng. Chính mắt tôi thấy tăng chúng phương tây Nam Hải cùng làm pháp này. Lại các luật sư Cổ đức ở xứ này có biết việc ấy, nhưng người làm rất ít. Nếu chẳng như thế thì các cặn dơ khác chẳng trừ mà nuốt vào cổ họng thì bị tội, cũng chẳng thành ăn chay.

3. Nước dùng xúc:

Chỉ cần không có trùng, bất luận tịnh xúc đều được dùng. Nghĩa là như thêm nước vào quay về chỗ đại tiểu tiện và rửa tay chân, chẳng được vội đưa vào miệng, huống chi ăn uống. Đây là ba thứ nước xem biết không trùng, cho đến khi mặt trời mọc thì liền không được dùng bất luận nhiều ít, cho đến trong bình một sao, trong bình một họp đều phải dùng chén đồng mắt sáng quan sát. Nếu không có trùng thì tuy trải qua nhiều ngày vẫn mặc tình dùng không phạm. Ở Tây Trúc tăng đồ

và người tục năm giới đều coi là rất cấp thiết. Nếu khách tăng phương ngoài chẳng biết pháp nước tịnh xúc này thì không cho vào chùa. Lại phép chùa phương Tây nếu thấy có tăng đem tịnh bình lên nhà xí uống nước trong bình xúc thì xem là diệt pháp, liền đuổi ra khỏi chùa. Nói điều này mong các người tu cùng khiến cho Phật pháp dài lâu. Nếu y giáo mà làm tức là không khác Phật ở đời.

Lại cựu luận Thập Trung quyển năm mươi chín chép: Có bình, lu tắm sạch, có lu nước sạch, có bình nước thường.

Lại có bộ luật mới dịch chép: Tịnh bình và xúc khí phải rõ ràng đây đều là do miệng vàng Phật nói không phải người nói. Đâu cho chỉ một bình đồng mà chẳng phân ra tịnh xúc, tuy nói bảo mà răng không ở tâm thì đâu thể dùng tập tục sinh thường mà trái Thánh giáo. Theo ký này thì các phòng chùa và chỗ hành phương đẳng, nếu có dùng nước thì không được bừa bãi. hoặc chậu lu lớn mà chứa, hoặc đựng đầy mà để trong bình đều chẳng được dùng. Vì đại tăng tay xúc vào lụa lượt không tốt, trải một đêm chẳng xem chứa lại nhiều giờ nhất định là có sinh mạng. Nếu không có trùng phải là nước thứ ba dùng uống phạm tội, tức là do chậu lu lụa lược và gáo bị tay bất tịnh chạm vào nên có dính dơ. Lại như bình đồng đựng nước thường. Nếu tự lấy uống, vì bất tịnh mà chẳng uống thì chẳng bị tội. Nếu trong chạm trước đến quá ngọ mà uống thì thêm tội xúc. Nếu ngày nay chạm ngày mai uống thì bị tội ác xúc chẳng rửa sạch tay, bị tội tay dơ cầm bình nước uống. Chẳng rửa sạch tay, chẳng rửa sạch môi miệng mà uống nước thì có tội chẳng sạch.

Sáu tội này mỗi tội đều có phương tiện thành mười hai tội, đều có tội chẳng kính giáo, đây là nhân gốc. Lại có hai mươi bốn thêm trước thành ba mươi sáu tội, trải đêm che giấu, lại có nhân gốc thành bảy mươi hai tội, thêm trước có một trăm lẻ tám tội, ở đây như chẳng học. Nếu có hai tội chẳng học và không biết. Lại có nhân gốc thành bốn trăm ba mươi hai tội, thêm trước cộng chung thành năm trăm bốn mươi tội. Lại từ che giấu trở xuống và chẳng học không biết, đều có cội gốc chẳng kính giáo phương tiện. Lại có một ngàn không trăm lẻ tám tội, thêm trước năm trăm bốn mươi tội, cộng chung có một ngàn năm trăm bốn mươi tội. Đây đều lược y cứ vào một cổ họng một đêm mà sinh tội nhiều ít.

Nếu luận tội mười cổ họng trải qua đêm thì có mười lăm ngàn bốn trăm tám mươi tội. Nếu nhiều thời che giấu lần lượt sinh tội cho đến chưa sám hối đến nay chẳng biết số lớp, thì phải đối với người thanh tịnh mà nói sám hối. Nếu trước biết thì chẳng có tội không biết. Nếu

uống nước, muối nước mật phi thời ... thì lu gáo chén bình dùng để lượt nước chẳng thể đúng pháp, hoặc dính dơ bẩn, cáu ghét và lúc ăn dính vào, đúng lúc, tay miệng bất tịnh chẳng ngửa tay mà nhận đều là có tội. Nhưng hạch tử (trái tắc) nước trà người phương tây không uống. Nếu trong chùa đều tự xem xét, ắt ở nhà tục hỏi kỹ có biết sạch chăng. Nếu chẳng đúng pháp thì không nên uống, há vì bụng miệng cần thiết tạm thời mà ở tương lai mãi chịu cay đắng, cùng biết rồng Ế-la-bát nên tổn một lá, hiện nay chưa thoát, chẳng ghi lúc thoát, huống chi đây thường là không có nghiệp đạo. Thân nuốt một cổ họng, tội lại vô biên mang gánh trọn đời thật là đáng thương. Cho nên kinh chép: Chớ khinh lỗi nhỏ cho là không có tai ương. Lại nói khéo giữ áo phao đề phòng từ lổ nhỏ. Đại thừa, Tiểu thừa ý đều đồng với ở đây, lược bày yếu hạnh, các thứ khác như đại luận đã nói, mong các người tu hành làm đúng theo Thánh giáo.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 166

THUYẾT TỘI YẾU HÀNH PHÁP

SỐ 1903

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1903

THUYẾT TỘI YẾU HÀNH PHÁP

(Cách nói tội)

Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh đời Đường, soạn.

Mỗi giữa tháng và cuối tháng nhớ những tội đã phạm theo đúng pháp mà nói. Hoặc cố ý nói dối, hoặc uống rượu, hoặc ăn phi thời. Hoặc thỉnh phương bất tịnh rửa tay mà ăn. Mỗi buổi sáng hoặc vào các lúc khác chẳng xem kỹ nước mà uống. Vì chẳng phóng sanh đúng pháp mà cắt đứt mạng sống, phá hư đất sống, hoặc xúi giục người khác phá, không nói lời biết tịnh. Đối với năm sinh chủng, chẳng dùng lửa... làm sạch mà liền ăn, dùng chén bát chẳng rửa sạch mà ăn. Chén đồng muỗng đũa, chẳng dùng than chà sạch mà ăn. Hễ là đồ đồng phải dùng than chà rửa mới sạch, nếu rửa bằng thau đậu (xà bông) thì không sạch được.

Hoặc dùng bình nước ác xúc uống dư cách đêm và dao ác xúc cách đêm cắt bánh mà ăn, uống nước hoặc các nước trà, bơ mật phi thời bất tịnh. Ăn năm chánh thực rồi bỏ oai nghi, lại nuốt nước bọt dư.

Tự cầm, nhận lấy tiền của, vàng bạc và khiến người khác cầm lấy chẳng làm biết tịnh ngữ, hễ chạm lửa chẳng trì tâm. Đốt hương, v.v... chạm lửa chẳng trì tâm.

Phi thời vào xóm làng chẳng bạch Bí-sô, cùng người chưa thọ giới cụ túc ở cùng nhà hai đêm, cùng người chưa thọ giới cụ túc đọc tụng và niệm Phật. Đây đều là tội Ba-dật-để-ca. Y cứ vào một số phạm mà nói, các thứ khác đều y theo tội này. Lại mỗi bữa sáng và sau bữa ăn trưa mà không xỉa răng, hoặc hướng về tháp mà xỉa răng. Dùng xong chẳng rửa mà bỏ. Ở trong đất sạch của tăng mà hỷ mũi khạc nhổ, hoặc bỏ chí rận rệp chẳng đúng chỗ. Hoặc ăn uống đúng thời mà gây tiếng động, hoặc

ăn đúng thời mà ngậm cơm nói chuyện, hoặc ăn phân nửa.

Cùng người chưa thọ giới cụ túc nằm ngồi chung giường chiếu, hoặc đứng tiểu tiện, hoặc đại tiểu tiện phun nước, hoặc hỷ mũi khạc nhổ, bỏ cây xỉa răng đều búng ngón tay, tằng hắng. Tay dơ mà cầm đồ đựng thức ăn. Tay bất tịnh mà súc miệng uống nước. Ăn mật phi thời mà chẳng dùng nước làm sạch. Hoặc nhìn người nam và người nữ mà chẳng khéo giữ tâm, lại sinh tưởng dục, hoặc tự đụng chạm thân mà khởi tâm ái nhiễm. Hoặc chẳng hệ tưởng tướng sáng, mặc tình ngủ nghỉ Dưới ánh sáng đèn đuốc mà nằm ngủ. Tuy có khai duyên cho chạm lửa... mà chẳng giữ tâm. Hoặc ở chỗ Tam bảo, sư tăng, cha mẹ mà khởi tâm không tôn trọng, sinh giận hờn không nhẫn nhịn. Tắt đèn lửa mà không giữ tâm. Đây đều là tội ác tác. Lại nói tóm tắt, nếu có các thứ khác thì hễ nhớ đến điều nào thì bị tội điều đó. Đây đều phải đối trước một người mà nói xám hối. Hoặc có trách tâm, thế nào là trách tâm? Hễ người xuất gia khi ở tâm không cẩn thận mà trái luật giáo thì gọi là tự trách tâm. Việc này tôi chẳng nên làm, từ nay về sau tôi không như thế nữa, nếu luôn như thế mà tự khắc trách thì tự nhiên chẳng thiếu các giới, phải biết ý Phật dạy là ở đây.

Lại, người xuất gia thọ mười giới và đại giới rồi, mỗi việc đều phải bạch thân giáo sư hoặc quỹ phạm sư, chỉ trừ năm việc chẳng cần phải bạch. Năm việc ấy là khi đại tiểu tiện, khi uống nước sạch, khi xỉa răng, đồng ở trong một giới trong bốn mươi chín tầm, lễ Phật nhiễu tháp. Các thứ khác đều phải bạch. Nếu chẳng bạch thầy thì mỗi việc bị tội ác tác.

Đến ngày Bảo-sái-đà (Bố-tát), phải đối người chẳng đồng phạm, thanh tịnh bí-sô tùy lớn nhỏ mà tỏ vẻ kính trọng, quì mọp chấp tay nhớ lại các tên tội, nói rằng: Xin cụ nhớ mãi cho tôi là bí-sô tên, v.v... có cố ý nói dối... (tùy phạm mà nói) phạm nhiều tội căn bản ba dật để ca và rất nhiều tội phương tiện ác tác, hoặc chẳng xỉa răng... (tùy tội mà nói) đã phạm nhiều tội căn bản ác tác và nhiều tội phương tiện ác tác. Các tội này đều có tội chẳng kính Thánh giáo ba-dật-để-ca và tội phương tiện ác tác này, đều chẳng hướng về người phát lồ sám hối, có tội che giấu. Phạm các tội này, nay tôi đối trước cụ thọ từ thanh tịnh đến, mà đều phát lộ chẳng dám che giấu. Do phát lồ rồi nên được an vui (nói ba lần). Vì ấy nói rằng thầy có thấy tội chăng?

Đáp: Con thấy.

Lại hỏi: Ở tương lai ông khéo giữ các giới chăng?

Đáp: Giữ được. Rồi đối bí-sô mà nói Ao-bể-ca (đảy là tiếng Phạm,

Hán dịch là Phương tiện, tức việc này là phương tiện giải thoát). Khi người ấy nói tội thì đáp ta-đệ (Hán dịch là lành thay!). nếu người phạm tội Tăng-già-phạt-thi-sa thì chỉ đối người phát lộ, sau làm pháp khác. Nếu phạm tốt-thổ-la và phạm tội xả đọa thì y theo pháp mà trừ.

Pháp mỗi khi ăn phải phát nguyện, theo luật dạy: Nếu khi bí-sô ăn rồi hoặc phải tụng trù y-noa-già-tha, tức là thí tụng, tùy ở chỗ vắng, hoặc ngồi hoặc đứng, hoặc đi kinh hành, trước tụng tiểu kinh một tờ hay nửa tờ, kế tụng già-tha rằng: "Ăn uống đã xong, xin nguyện chúng sinh, đức hạnh đầy đủ, thành mười năng lực. Người thực hành bố thí này, sẽ được nghĩa lợi, nếu ưa thích bố thí, sau sẽ được an vui.

Trong các nhà cửa, chùa viện hay xây chùa bố thí chúng tăng, và thiên thần giữ chùa vua và trăm quan, sư tăng cha mẹ nhân duyên quyến thuộc và tất cả chúng sinh nếu trước đã qua đời thì nguyện sinh Tây phương gặp Phật A-di-đà, hoặc sinh lên tầng trời Đổ-sử-la (Đâu-suất) thấy Tôn giả Từ Thị thoát khỏi trần lao, ngộ Vô sinh nhẫn. Người hiện còn thì nguyện không bệnh hoạn, sống lâu, phước trí trang nghiêm. Nguyện thân con không có các chướng não, thường giữ tịnh giới chẳng phạm thi la. Đối với tội nhỏ tâm rất sợ sệt. Các phạm tội đều phát lộ, hết đời vị lai chẳng mất tín tâm gặp thiện tri thức. Nguyện sinh giữ nước, xa lìa tám nạn, thường còn chánh kiến, đến cầu giải thoát, thường cùng chúng sinh làm bạn chẳng cần thỉnh mời, tức đem nguyện này thí khắp tất cả, đồng xuất hữu lưu, chứng quả vô thượng. Nếu mỗi ngày chẳng làm như thế và tụng niệm, phát nguyện là biếng lười chẳng tiêu của tín thí.

PHÁP TẨY TỊNH

Nhà đại tiểu tiện phải đặt ở chỗ riêng, đều đóng cửa và xuyên suốt. Hễ vào chỗ tiểu và nhà xí thì phải giữ bình miệng chớ ngậm nước để rửa sạch. Phải tằng hắng ho vài ba tiếng rồi mới tiến lên. Đã vào rồi thì kéo cửa lại, cầm hai hòn đất hoặc tro, phân nửa để rửa hậu môn, phân nửa để rửa tay trái, ống máng bông phất trần đều không đúng. Đã ra khỏi nhà xí thì bình để trên ba cây chéo mà chế nước xuống thân, hoặc để trên đùi khiến cho nước nghiêng ra chảy. Nếu không có bình thì chậu đựng đầy nước tạm thế cũng được. Dùng mười lăm cục đất để dưới đất bên phải hoặc trên tấm gạch. Bảy cục chỉ để rửa tay trái, bảy cục để rửa cả hai tay, còn một cục thì để rửa bình. Trên tấm gạch thì phải rửa sạch, rồi mới để xúc bình. Lấy nước bình sạch súc miệng ba lần mới hợp nghi thanh tịnh. Mới được nhận người lễ và lễ người, thành kính Tam

bảo, ngồi trên giường chiếu đọc tụng các kinh. Nếu chẳng y luật mà làm như thế thì hễ làm gì đều vời lấy tội ác tác. Hoặc khi đi đường hay ngồi trên thuyền lượng việc mà thêm bớt. Mong các vị tu hành biết Thánh giáo chớ coi thường tro đất, cuối cùng phải đọa vào nê-lê. Nếu vâng làm thì được phước, khinh pháp thì tội sinh. Đây là các việc thường, xin trình bày rõ ràng.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 166

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ XUẤT GIA THỌ CẬN VIÊN YẾT MA NGHI PHẠM

SỐ 1904

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1904

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ XUẤT GIA THỌ CẬN VIÊN YẾT-MA NGHI PHẠM

LỜI TỰA

Châu Thiệm-bộ vận tốt, đến bốn Phật Thích-ca Như Lai có di giáo lợi ích người nghe. Đời vua thứ năm nhà Đại Nguyên thay trời hành đạo, nhân văn nghĩa võ. Niên hiệu Đại Quang, Hiếu Hoàng đế lên ngôi, trời ban phước tuệ tin chắc nội thừa khiến muôn nước lân bang đều về một hóa. Tuy các trời chắp tay mà chí trị vô hạn, mở đạo ở Chi-na mà đích thân thường giữ. Muốn đem Phật mình truyền nhau Thầy trò đến nay không dứt. Phép tắc chánh giới chăm chăm tu thiện, khiến ai nấy đều thường giữ tịnh giới, tinh luyện ba nghiệp bền chặt bốn oai nghi. Đây thật là ý chỉ Thánh hoàng thường phò trì Phật pháp. Vì xưa Đức Thiện Thệ cùng các trời, người khắp nói Thanh văn Vô Tránh Tạng giáo, Kinh Nhất Thiết Hữu Bộ Biệt Giải Thoát, y theo đây mà nhặt lượm chưa được khiến được luật nghi Phương tiện yết-ma nghi phạm. Đây là Tổng tập của Thánh Quang Đức Sư, trước từ Thiên-trúc kế ở quật Tây Thiên. Lại có Pháp vương Đại sĩ Tát-tư-ca-phân-để-đạt thông suốt năm minh, tiếng tăm vang khắp chốn, có Thượng Túc Bí-sô Bạt-hợp-tư-ba là Pháp chủ của chúng, ta là Thầy của Hoàng đế Đại Nguyên, đạo đức cao siêu hạnh vị khó lường đem Nghi phạm này mà truyền bá ở Trung Nguyên, khiến Tỳ-kheo hiểu thông ba Tạng trụ ở Tự Quán giảng nói Chánh Bản, người phiên dịch biết rành tiếng cả ba nước, biện tài vô

ngại. Lại gồm có quan Hàn lâm nước Ý-la vâng chỉ vua Đàn Yểm Tôn dịch sang tiếng Hán. Chủ dịch là Sanh Duyên Bắc Đình Đô Hộ Phủ biết rõ hai thứ tiếng, thông suốt lời pháp thống lãnh các lộ Thích môn, hợp Đài Tát Lý Đô Thông, đến khi Hàn lâm học sĩ an tạng đều cùng lời lẽ các nước, vâng chiếu dịch thành nghi thức. Lời tựa do Đế Sư đích thân soạn ra. Lụa làm Hoa, dấu viết để xếp bày, trước sau nêu lược, ghi rõ ngày tháng.

Bấy giờ là năm Canh Ngọ, niên hiệu Chí Nguyên năm thứ bảy, sau tiết Đông Chí hai ngày. Kính ghi lời tựa.

XUẤT GIA THỌ CẬN VIÊN YẾT-MA NGHI PHẠM

Bí sô Đế Sư Bạt-hợp-tư-ba đời Nguyên biên tập.

- KÍNH LỄ ĐẤNG NHẤT THIẾT TRÍ

Hễ có người muốn cầu xuất gia thì tùy ý đến chỗ một vị sư. Sư nên hỏi những điều làm chứng. Như hỏi: Ông có phải là ngoại đạo không? Ông đã đủ mười lăm tuổi chưa, ông tuy đủ mười lăm tuổi mà có đuổi quạ được chăng? Ông đuổi quạ được mà không phải là bảy tuổi chứ? Ông có phải là kẻ tôi tớ hoặc thiếu nợ người khác chăng? Cha mẹ có cho ông xuất gia không hoặc không cho xuất gia vì ở quá xa nhà chăng? Ông có bị bịnh chăng? Ông có làm ô uế Bí-sô-ni chăng? Ông không phải là kẻ ở chung với giặc cướp hoặc ở riêng một mình chăng? Ông có phải không thể chung sống với người khác chăng? Ông có giết hại người không? Ông có bị thiến chăng? Ông có phải là hóa nhân chăng? Ông có phải là bàng sanh chăng? Ông có phải là tăng đã theo ngoại đạo chăng? Ông có giết cha, giết mẹ chăng? Ông có giết A-la-hán, hay đã phá hòa hợp tăng, hoặc có tâm ác làm thân Phật chảy máu chăng? Ông có ở trong bốn người tốt mà có phạm bất cứ một giới chăng? Ông có phải là người có phạm mà chẳng sám hối nên bị chúng đuổi đi chăng? Ông có thiếu tay chân, hay là kẻ tóc vàng, hoặc chỉ có một ngón tay không? Ông có phải là kẻ bị vua chọn riêng, hoặc vua không cho xuất gia hay chăng, hoặc vua không cho xuất gia mà ở xa nhà chăng? Ông có phải là kẻ cường đạo nổi tiếng chăng, hoặc giết hại người, hoặc là người thuộc da, hoặc làm nem chả thịt người chăng? Ông có thuộc giai cấp hèn hạ, hoặc phi nhân, hoặc người Châu Câu-lô ở phía Bắc hoặc người ba lần đổi tướng, hoặc vừa giống nam vừa giống nữ (lại cái) chăng? Ông có phải là kẻ quê mùa dốt nát hoặc ở châu khác tướng mạo kỳ dị chăng? v.v... Hỏi đủ các thứ chướng ngại, nếu đáp là phải, liền đáp rằng tùy ý ông. Nếu thanh tịnh thì mới nhận mà trao cho giới luật nghi Ổ-ba-sách-ca. Như thế trước khi trao phải dạy người muốn xuất gia khiến trước phải lạy Phật ba lạy, kế lạy quĩ phạm sư ba lạy, rồi quì thẳng chấp tay, dạy rằng: “Xin Đại đức nhớ nghĩ, con tên là.... Từ nay cho đến suốt đời, qui

y Phật-đà (Phật) Lưỡng Túc Tôn, qui y Đạt-ma (pháp) Ly Dục tôn, qui y Tăng-già (tăng) Chúng Trung Tôn. Xin Đại đức chứng biết cho con suốt đời là Ổ-ba-sách-ca". Nói như thế ba lần. Đến lần thứ ba thì nói A-giá-lợi-da chứng biết cho. Sư nói: Tốt. Đáp rằng: Vâng, đây là phép trao luật nghi Ổ-ba-sách-ca đã xong.

- Kế trao năm học xứ Ổ-ba-sách-ca, bảo rằng: Ông nói theo tôi: xin A-già-lợi-da nhớ nghĩ, như các Thánh A-la-hán đều suốt đời bỏ giết hại, xa lìa giết hại, con tên là... cũng như thế. Từ nay đến suốt đời, con xin bỏ giết hại, xa lìa giết hại. Đây là chi thứ nhất các Thánh A-la-hán đã học. Con xin học theo và giữ gìn. Lại như các Thánh A-la-hán suốt đời lìa bỏ trộm cướp tà dâm, nói dối, quả trí làm men rượu, làm rượu, uống rượu say sưa loạn tánh, chơi bời buông lung cho đến xa lìa làm men rượu, uống rượu say sưa loạn tánh, chơi bời buông lung. Đây là năm chi học, là chỗ các bậc Thánh A-la-hán đã học, con nguyện học theo, làm theo và giữ gìn Sư nói tốt. Đáp: Vâng. Đây là nghi phạm trao Ổ-ba-sách-ca.

- Kế sai một Bí-sô (Tỳ-kheo) tác bạch chúng, người ấy hỏi Bổn sư: Tất cả chướng nạn đã hỏi chưa? Đáp: hỏi rồi. Nếu hỏi thì tốt, nếu không hỏi mà bạch thì phạm tội vượt pháp.

- Kế là bạch chúng. Tất cả tăng đều phải nhóm họp, hoặc đi từng phòng trình báo cho biết. Kế dắt người muốn xuất gia đến kính lễ chúng xong liền đến trước Thượng tọa quì gối chấp tay bạch rằng: "Xin Đại đức tăng nhớ nghĩ, Ổ-ba-sách-ca này tên là.... muốn xuất gia, là người tại gia chưa cạo tóc, xin nguyện khéo nói pháp luật xuất gia, người này muốn xuất gia, cạo tóc, đắp y nhiễm sắc khởi tâm chánh tín, bỏ nhà mà ở chỗ không, theo Ổ-ba-đà-da tên là... xin xuất gia, nói không có chướng nạn, khắp thanh tịnh, Tăng-già có cho người này xuất gia hay chăng? Chúng đều đáp rằng: Nếu khắp thanh tịnh thì cho xuất gia. Có hỏi thì tốt, nếu chẳng hỏi thì phạm tội vượt pháp. Đây là phép tắc bạch chúng xin xuất gia đã xong.

- Kế thỉnh năm vị Ổ-ba-đà-da. Lễ Thân giáo sư xong thì quì xuống chắp tay bạch rằng: "Xin A-giá-lợi-da nhớ nghĩ cho, con tên là... nay thỉnh A-giá-lợi-da làm Ổ-ba-đà-da. Xin A-già-lợi-da vì con mà làm Ổ-ba-đà-da giúp con xuất gia". Nói như thế ba lần. Đến lần thứ ba, phải nói do Ổ-ba-đà-da (A-già-lợi-da) làm Ổ-ba-đà-da, thì sư nói tốt, đáp: Vâng. Đây là nghi phạm thỉnh Ổ-ba-đà-da đã xong.

- Kế là thỉnh Bí-sô cạo tóc. Nếu cao hết tóc, người này về sau hối hận, nên Phật bảo nên chừa lại trên đỉnh đầu một ít tóc, và hỏi rằng: Có

cạo tóc trên đỉnh đầu chăng? Nếu đáp không, thì bảo: Tùy ý ông. Nếu nói cạo, thì mới cạo hết. Kế bảo tắm gội. Nếu trời lạnh thì nấu nước nóng, nếu trời nóng thì cho nước lạnh.

- Kế Thân giáo sư trao cho Bình bát và y nhiễm sắc. Người này phải dạy lễ dưới chân Sư, rồi mới trao y - bát.

- Kế Thân giáo sư mặc áo và quần. Khi đó phải xem xét kỹ, coi có hai bộ phận sinh dục, hoặc không có, hoặc có mà không hoàn hảo hay không. Đây là nghi phạm đầu đã xong.

- Kế trao cho ba qui giới và cho xuất gia, trước phải lạy Phật, kế lạy Thân giáo sư xong rồi thì quì xuống chấp tay. Dạy thưa rằng: Xin Ổ-ba-đà-da nhớ nghĩ cho, con tên là... từ nay đến trọn đời xin qui y Phật-đà Lưỡng Túc Tôn, qui y Đạt-ma Ly Dục Tôn, qui y Tăng-già Chúng Trung Tôn, Bạc-già-phạm Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác Thích-ca Mâu-ni, Thích-ca Sư Tử, Thích-ca Đế Vương đấng Chí tôn của chúng con, Ngài đã xuất gia, con cũng xin xuất gia theo, bỏ hình dạng thế tục mà giữ theo hình tướng xuất gia. Nói như thế ba lần. Đến lần thứ ba phải nói con nhân việc cho đến nói tên, Ổ-ba-đà-da tên là... Sư nói: Tốt, đáp:Vâng. Đây là Nghi phạm xuất gia.

- Kế Thân giáo sư nên giao cho một Bí-sô, trao cho luật nghi Sa-di giữ gìn, Bí-sô nên hỏi Thân giáo sư rằng: Người này có thanh tịnh chăng? Nếu thanh tịnh hết thì cho làm Sa-di. Kế kính lễ Phật và lễ quĩ Phạm sư, quì xuống chấp tay thưa rằng: "Xin Đại đức nhớ nghĩ cho, con tên là... từ nay đến trọn đời xin qui y Phật-đà Lưỡng Túc Tôn, qui y Đạt-ma Ly Dục Tôn, qui y Tăng-già Chúng Trung Tôn, xin Đại đức chứng biết trọn đời con là Sa-di". Nói như thế ba lần. Đến lần thứ ba phải nói: Xin A-giá-lợi-da chứng biết trọn đời con là Sa-di. Sư nói tốt. Đáp:Vâng. Đây là nghi phạm thọ giới Sa-di đã xong.

- Kế là ngài A-già-lợi-da thì theo bất cứ một Bí-sô nào, tùy theo lượng của bóng mà làm ngón thương cũ, đồng thời chia ra các pháp ngày đêm, v.v...đều làm như trong giới Bí-sô.

- Kế trao mười học xứ, bảo ông hãy nói theo ta. "Xin A-già-lợi-da nhớ nghĩ cho, như các bậc Thánh A-la-hán trọn đời bỏ giết hại, xa lìa giết hại, con tên là... cũng như thế. Từ nay đến chết con xin bỏ giết hại, xa lìa giết hại. Đây là chi thứ nhất, là chỗ học của các bậc Thánh A-la-hán ấy, con xin học theo và giữ gìn. Lại như các bậc Thánh A-la-hán cho đến trọn đời bỏ trộm cắp, dâm dục, nói dối, làm men rượu, làm rượu, uống rượu say sưa loạn tánh chơi bời buông lung, ca múa, đờn địch, thoa hương thơm, đeo chuỗi anh lạc nằm giường cao rộng, ăn phi

thời, cất chứa vàng bạc cho đến không cất chứa vàng bạc. Con tên là... cũng xin như thế. Từ nay đến trọn đời bỏ trộm cắp, dâm dục, nói dối, làm men rượu, làm rượu, uống rượu say sưa loạn tánh, chơi bời buông lung, ca múa, đờn địch, thoa hương thơm, đeo chuỗi anh lạc, ngồi nằm giường cao rộng, ăn phi thời, cất chứa vàng bạc cho đến xa lìa chứa cất vàng bạc. Đây là mười chi học xứ, là chỗ học của bậc Thánh A-la-hán, con xin học theo, làm theo và giữ gìn. Sư nói tốt, đáp:Vâng. Đây là nghi phạm thọ giới Sa-di đã xong.

Nghi phạm thọ giới Cụ túc:

Nếu người đủ hai mươi tuổi. Sư Ổ-ba-đà-da phải cho người ấy xin bát và ba y. Vì thỉnh Yết-ma và Giáo sư và nhập đàn tràng. Các chúng Bí-sô thường cùng nhóm hợp vào nửa tháng. Đối với việc phòng hộ, sám hối, giữ gìn đều nghĩ tìm, biết rõ các lỗi đã phạm để phòng hộ, sám hối, giữ gìn huân tu. Sau mới ngồi (buộc tội). Như ở giữa nước (thành phố lớn) thì nên nhóm họp mười vị. Nếu ở biên địa thì cùng Luật sư nên nhóm họp năm vị. Bảo người thọ giới trước kính lễ Phật ba lạy, kế lạy chúng tăng ba lạy. Kính lạy có hai thứ: Một là năm vóc đều sát đất (đầu và hai đầu gối hai cùi chỏ); Hai là hai tay chạm vào chân thầy, với cách một đã chí kính rồi, phải thỉnh Ổ-ba-đà-da, trước để kính lễ phải đặt một viên gạch, hoặc ngói rồi phủ cỏ lên trên. Người thọ giới quì gối chắp tay trên đó. Nếu trước là Ổ-ba-đà-da hoặc là A-già-lợi-da thì tùy lúc mà xưng nói. Nếu trước không phải là hai thầy ấy thì phải thưa là Đại đức Tôn giả. Nếu thỉnh quĩ phạm sư, thì vị này phải đủ oai nghi. Tác bạch rằng: “Xin Đại đức nhớ nghĩ cho. Con tên là... nay thỉnh Đại đức làm Ổ-ba-đà-da, xin Đại đức vì con làm Ổ-ba-đà-da. Do Đại đức làm Ổ-ba-đà-da mà trao cho con giới Cận Viên”. Nói như thế ba lần. Đến lần thứ ba, phải nói do Ổ-ba-đà-da làm Ổ-ba-đà-da trao cho con giới Cận Viên, thì sư nói tốt, đáp:vâng. Đây là nghi phạm thỉnh Ổ-ba-đà-da đã xong.

- Kế vị sư Ổ-ba-đà-da phải gia trì ba pháp y. Nếu là y đã cắt may rồi thỉ phải như thế mà gia trì, xếp chồng ba pháp y lên nhau rồi đặt trên vai trái của người ấy. Sau đó Thân giáo sư và người thọ giới cùng đứng dậy, người thọ giới hai tay cầm góc Tăng-kỳ-chi (Hán dịch là phức y), phải nói thế này: Xin Ổ-ba-đà-da nghĩ tưởng, con tên là... đã làm thành y, là dùng được, pháp y này làm tăng-kỳ-chi. Nay con xin giữ gìn”. Nói như thế ba lần. Sư nói tốt, đáp: vâng.

- Kế hai tay cầm góc Ốt-đát-la Tăng-già (Hán dịch là nội y). Phải nói thế này: Xin Ổ-ba-đà-da nhớ nghĩ cho, con tên là... đã làm Thánh y,

là có khả năng được thọ dụng pháp y này làm Ốt-đát-la-tăng-già. Nay con xin thọ trì. Nói như thế ba lần. Sư nói: Tốt, đáp: Vâng.

- Kế hai tay cầm góc An-đát Bà-sa giác (Hán dịch là nội y) nói rằng: "Xin Ổ-ba-đà-da nhớ nghĩ cho, con tên là... đã làm thành y, là có khả năng được thọ dụng pháp y này làm An-đát Bà-sa, nay xin thọ trì". Nói như thế ba lần. Sư nói: Tốt, đáp:Vâng. Đây là nghi phạm thọ trì ba y đã cắt may xong. Nếu không có y cắt may xong thì phải đem xấp vải mà gia trì. Lúc đó, hai người cùng đứng dậy chồng ba vật lên nhau rồi đặt trên vai trái người ấy làm góc vật Tăng-già-chi mà nói rằng: Xin Ổ-ba-đà-da nhớ nghĩ cho, con tên là... lấy y này làm pháp y Tăng-già-chi. Nay con xin thọ trì. Nếu không chướng nạn thì sẽ làm y chín điều v.v... hai bức dài một bức ngắn, con sẽ giặt giũ và cắt may nhuộm xấp vải này, hoặc y cứ theo trên mà vá, tùy kham sử dụng y này là có khả năng được thọ dụng (thì có thể dụng được)"... Nói như thế ba lần. Sư nói: Tốt, đáp: Vâng.

- Kế cầm góc vật Ốt-đát-la-tăng-già mà nói rằng: Xin Ổ-ba-đà-da nhớ nghĩ cho, con tên là... y này làm Ốt-đát-la-tăng-già, nay con xin thọ trì. Nếu không có chướng nạn thì nên làm y bảy điều, hai bức dài một bức ngắn, điều tương pháp y. Con sẽ giặt giũ, cắt may, nhuộm mầu, hoặc y cứ ở trên đắp vá tùy kham sử dụng y này, là kham được thọ dụng. Nói như thế ba lần. Sư nói: Tốt, đáp: Vâng.

- Kế cầm góc vật An-đát Bà-sa mà nói rằng: Xin Ổ-ba-đà-da nhớ nghĩ cho, con tên là... lấy vật này làm An-đát Bà-sa nay con xin thọ trì. Nếu không có chướng nạn thì làm y năm điều An-đát Bà-sa pháp y, hai dài một ngắn. Con sẽ giặt giũ, cắt may, nhuộm mầu, hoặc y cứ theo trên đắp vá, tùy kham sử dụng y này". Nói như thế ba lần. Sư nói: Tốt, đáp: Vâng. Đây là nghi phạm giữ gìn ba y chưa cắt may xong.

- Kế bày bát ra trước chúng tăng, một Bí-sô tay trái cầm bát, xòe tay phải che miệng bát. Từ Thượng tọa mỗi chỗ tăng đích thân nói rằng (hoặc gọi Đại đức hoặc Cụ thọ). Xin Cụ thọ nhớ nghĩ cho, Cụ thọ ấy tên là... có Bát-đát-la này không phải nhỏ, không phải lớn, không phải mầu trắng hay chăng? Phải hỏi như thế, nếu không có chướng nạn, thì đại chúng đều nói tốt. Nếu nói tốt là được, nếu không nói tốt là phạm tội vượt pháp. Đây là nghi phạm bày bát đã xong.

- Kế Ổ-ba-đà-da phải tự gia trì Ba-đát-la, phải làm như sau: Cùng người thọ giới đứng dậy, hai người tay trái cùng cầm bát, đều dùng tay phải che miệng bát, dạy nói như sau: Xin Ổ-ba-đà-da nhớ nghĩ cho, con tên là... Ba-đá-la này dùng làm đồ đựng khi ăn, là đồ đựng của Đại tiên

(Phật) dùng để khất thực. Nay con xin thọ trì. Nói như thế ba lần. Sư nói: Tốt, đáp:Vâng. Đây là nghi phạm thọ trì Ba-đát-la đã xong.

- Kế là trao tọa cụ và đãy lọc nước. Sau đó đắp y Tăng-kỳ-chi dạy lễ tăng chúng ba lạy. Nên để ở chỗ thấy mà không nghe, dạy người ấy nhất tâm chắp tay hướng về chúng đứng chí thành. Sư Yết-ma liền hỏi trong chúng rằng: Ai trước từ Ổ-ba-đà-da kia thọ thỉnh, thì phải ở chỗ khuất mà chỉ bày người ấy. Người thọ thỉnh ấy đáp: Tôi là... Kế Yết-ma Sư hỏi: Ông là Bí-sô tên... Ông là Ổ-ba-đà-da ở chỗ vắng mà chỉ dạy người ấy chăng. Vị ấy đáp: Tôi làm được. Kế Yết-ma sư nhờ Bình giáo sư vì hỏi chướng nạn, làm đơn bạch Yết-ma. Kế Yết-ma sư ngồi xong thì nói thế này: Xin Đại đức tăng nhớ nghĩ cho. Bí-sô này là..., ông... là Ổ-ba-đà-da ở chỗ khuất mà chỉ bày cho... Nếu khi Tăng-già đến nghe, Tăng-già chấp nhận cho Bí-sô này là..., Ông... là Ổ-ba-đà-da cùng ở chỗ khuất chỉ bày cho... Đây là trắng, đây là sai, thì nghi phạm Bình giáo sư đã xong.

- Kế Bí-sô Bình giáo dắt đến chỗ khuất dạy kính lễ xong, quì xuống chắp tay nói rằng: xin Các Cụ thọ lắng nghe, đây là lúc các ông nên nói lời thành thật. Nay tôi có ít điều muốn hỏi, chẳng được nói dối. Các ông có phải là đại trượng phu chăng (là đàn ông chăng?)? Đáp rằng: Thưa phải. Các ông có nam căn (bộ phận sinh dục nam) chăng? Đáp: Đủ. Các ông đủ hai mươi tuổi chăng? Đáp: Có. Các ông có đủ ba y và bát chăng? Đáp: Đủ. Cha mẹ còn sống chăng? Đáp: Còn. Có cho các ông xuất gia chăng? Đáp: Cho. Nếu nói đã chết thì không cần hỏi. Các ông không phải là kẻ tôi tớ, không phải vì trộm cắp mà đến, không phải vì cầu lợi dưỡng mà đến chăng? Các ông không phải là người tranh cãi, không phải kẻ bán người khác, không phải bị vua chọn riêng, không phải là người vua sơ hãi, không phải người độc hại nhà vua, không phải người giết hại vua, bảo người khác giết hại vua chăng? Ông không phải là kẻ cướp bóc nổi tiếng, không phải là kẻ giết người, không phải là quan Huỳnh môn bị thiến, không phải là kẻ làm ô uế Bí-sô-ni chăng. Ông không phải là kẻ ở chung với giặc, hoặc ở riêng một chỗ, hoặc chẳng phải không cùng ở chung chăng? Ông có phải là ngoại đạo, hoặc thú ngoại đạo (trước là ngoại đạo, sau đó xuất gia, rồi về với ngoại đạo và nay trở vào Phật giáo, gọi là thú ngoại đạo) chăng? Ông có phải là kẻ giết cha giết mẹ, giết A-la-hán, phá hòa hợp tăng và có ý làm thân Phật chảy máu hay chăng? Ông có phải là hóa nhân, có phải là bàng sanh chăng? Nên hỏi như thế, đều đáp là không phải. Ông có phải là kẻ giật nợ người khác, hoặc còn thiếu nợ người khác nhiều ít chăng? Nếu

nói có thì hãy hỏi rằng: Ông có thể thọ giới Cận Viên rồi trả nợ cho họ được chăng? Nếu nói được thì tốt, nếu nói không được, thì bảo: Ông hỏi người ấy cho thì mới đến đây. Ông có phải trước đây đã xuất gia chăng? Nếu nói đã từng xuất gia, thì phải hỏi ông đối với bốn giới tha thắng mà phạm bất cứ một giới nào, khi ông hoàn tục có bỏ học xứ chăng (phạm giới chăng?). Đáp: Phạm trọng. Bảo: Tùy ý ông (đi), nếu nói không phạm thì bảo: Ông hiện là người xuất gia phải chăng? Nếu nói phải, thì bảo: Ông có giữ phạm hạnh chăng? Đáp: Có thì hỏi ông tên gì, đáp con tên.... Hỏi: Ổ-ba-đà-da của Ông tên gì. Đáp: Con nhân sự cho đến nói tên Ổ-ba-đà-da, Ổ-ba-đà-da tên là... Này Cụ thọ, ở trong thân người có các thứ bịnh như: Các bịnh cùi hủi, bịnh bướu, bịnh ghẻ nhọt, phỏng, bịnh lậu, ghẻ lở, trùng dế cắn, bịnh gầy cồm, bịnh quên, bịnh đói, bịnh thủng, sưng, cước khí, ấm lậu, bịnh thời khí (dịch tả), v.v... các bịnh dữ dằn hoặc một ngày, hai ngày, ba, bốn ngày phong hoàng đàm ẩm cùng nhóm hợp các bịnh ngày bớt ngày thêm, hoặc kéo dài, hoặc tạm dứt, bịnh ung thư, vàng da, bịnh nghẹn, bịnh uôn oẹ, bịnh ho, suyển, khí nổi cục, tay chân đau nhức, huyết khối, bịnh trĩ, lậu, ói ngược, bịnh lâm lịch, khắp mình sốt nóng, đau lưng, xương gân đau nhức... ông có các bịnh như thế và các bịnh khác chăng. Đáp: Không. Này Cụ Thọ! ông hãy lắng nghe! Như nay ta ở chỗ khuất hỏi ông, lát nữa các Bí-sô ở giữa đại chúng cũng sẽ hỏi ông. Ông ở chỗ đó không nên sợ sệt, nếu có nói thì có, nếu không thì nói không, phải đáp cho thành thật. Lại ở đây chưa gọi chớ đến. Đây là nghi phạm chỉ dạy ở chỗ vắng.

- Kế bình giáo (người chỉ dạy ở chỗ khuất) biến hiện đi trước, nửa đường hướng về chúng, đứng chắp tay, lại nói rằng: Xin Đại đức Tăng-già lắng nghe! người ấy là... ở chỗ khuất tôi đã chỉ dạy, hỏi những điều chướng pháp, Ổ-ba-đà-da ấy chỉ nói thanh tịnh hết, nên cho đến đây chăng? Cả chúng đều nói: nếu thanh tịnh hết thì hãy gọi đến đây. Đều nói thì tốt, nếu chẳng nói như thế thì phạm tội vượt pháp. Kế phải từ xa mà gọi đến. Đến rồi thì lễ chúng tăng ba lạy để xin thọ giới Cận Viên. Kính lễ Phật ba lạy, lại lễ chúng tăng ba lạy. Ở trên gạch có lót cỏ mà quì gối chắp tay, dạy nói rằng: Đại đức Tăng-già nhớ nghĩ cho, con tên là... nay nhân việc, cho đến nói tên, mỡ giáp là Ổ-ba-đà-da,... nay từ Tăng-già cầu thọ Cận Viên, con tên là... nhân việc cho đến nói tên, mỡ giáp là Ổ-ba-đà-da, nay từ Tăng-già xin thọ Cận Viên. Xin Đại đức Tăng-già trao cho con giới Cận Viên. Xin Đại đức Tăng cứu độ con. Xin Đại đức Tăng-già giữ gìn con, xin Đại đức Tăng-già chỉ dạy con đầy đủ tâm thương xót, xin Đại đức Tăng-già thương xót con. Nói như thế ba

lần. Đây là nghi phạm cầu xin thọ giới Cận Viên đã xong.

- Kế Yết-ma Sư ở trong Tăng hỏi chướng nạn, làm đơn bạch Yết-ma. Yết-ma Sư ngồi xong thì nói rằng: Xin Đại đức Tăng-già nhớ nghĩ cho. Người này là Ổ-ba-đà-da tên là... nay từ Tăng-già cầu thọ giới Cận Viên. Người này là Ổ-ba-đà-da tên là... nay từ Tăng-già cầu thọ giới Cận Viên. Người này là Ổ-ba-đà-da tên là... nay từ Tăng-già xin thọ giới Cận Viên. Nếu Tăng-già nghe rõ và ưng thuận, thì tôi ở trong chúng, là Ổ-ba-đà-da tên... sẽ xét hỏi người này các chướng nạn. Đây là lời tác bạch. Đây là nghi phạm Yết-ma hỏi chướng nạn đã xong. Kế Yết-ma Sư ở trong tăng nên hỏi các chướng nạn. Người thọ giới ấy kính lễ thầy Yết-ma quì gối chấp tay, dạy cho nói rằng: Xin Cụ thọ lắng nghe lúc này ông phải nói lời thành thật, nay ta có ít điều hỏi ông, ông chớ nên sợ sệt, nếu có thì nói có, nếu không thì nói không, chẳng được nói dối: Ông có phải là trượng phu chăng? Đáp: Phải. Ông có nam căn chăng? Đáp: Đủ. Ông đủ hai mươi tuổi chưa? Đáp: Đủ. Ông có đủ ba y và bát chăng? Đáp: Đủ. Cha mẹ Ông còn không? Đáp: Còn. Có cho ông xuất gia chăng? Đáp: Cho (nếu nói cha mẹ đã chết thì không hỏi câu này). Ông có phải là tôi tớ, có phải vì trộm cướp mà đến, có phải vì cầu lợi dưỡng mà đến chăng? Ông có phải là người tranh cãi, là người mua bán người khác chăng. Ông có phải là kẻ bị vua chọn riêng, không phải là người vua sợ hãi, không phải là kẻ giết hại vua và bảo người khác giết hại vua chăng? Ông có phải là bọn cướp bóc nổi tiếng, không phải là kẻ giết người, có phải là quan huỳnh môn bị thiến, có phải là kẻ làm ô uế Bí-sô-ni chăng? Ông không phải là kẻ ở chúng với giặc, hoặc kẻ ở một mình, hoặc có ở chung với người khác chăng. Ông có phải là ngoại đạo, hoặc ngoại đạo thú (đã là ngoại đạo, xuất gia, rồi lại làm ngoại đạo, nay trở lại Phật giáo gọi là ngoại đạo thú) hay chăng? Ông có phải là kẻ đã giết hại cha, giết hại mẹ, giết hại A-la-hán, phá hòa hợp tăng, có ác ý làm thân Phật chảy máu hay chăng. Ông có phải là hóa nhân, là bàng sanh chăng? Phải hỏi như thế mà đều đáp không phải. Ông có giật nợ người khác, hoặc còn thiếu nợ người khác ít nhiều chăng? Nếu nói có, thì nên hỏi rằng: Ông thọ giới Cận Viên rồi có trả nợ người ấy được chăng, nếu nói được là tốt. Nếu nói không được thì bảo: Ông đi hỏi người ấy cho rồi mới đến đây. Ông có phải trước đã xuất gia chăng? Nếu nói đã từng xuất gia thì phải hỏi ông có đối với bốn giới tha thắng mà phạm bất cứ giới nào chăng, khi ông hoàn tục có bỏ học xứ chăng. Đáp là: phạm trọng, thì bảo: Tùy ý ông đi, nếu nói không phạm thì hỏi: Ông hiện là người xuất gia phải chăng? Đáp: Phải. Nếu nói phải thì hỏi:

Ông có giữ phạm hạnh chăng? Đáp: Có giữ. Hỏi: Ông tên họ gì? Đáp: Con là..., Hỏi: Ổ-ba-đà-da của Ông tên gì? Đáp: Con nhân việc cho đến nói tên Ổ-ba-đà-da là... bảo: Này Cụ thọ! hãy lắng nghe. Trong thân người có các bịnh như cùi hủi, ghẻ chóc, sâu bọ cắn mà thành ghẻ lở, lác chàm ngứa ngáy, bịnh ốm gầy, bịnh quên, bịnh đói lạnh, phù thủng, bịnh cước khí âm lậu, bịnh thời khí, bịnh cực thời khí (dịch tả) hoặc một ngày, hai ngày, ba, bốn ngày phong huỳnh làm ẩm, nhóm hợp các bịnh, ngày bớt ngày thêm (sốt rét cơn), bịnh lâu ngày hoặc tạm thời, bịnh ung thư, hoàng bán (bụng có nước), bịnh nghẹn, ói, ho, suyễn, khí lựu, tay chân tê nhức, bịnh huyết khối, ung thư, trỉ, lậu, ói ngược, bịnh lâm lịch. Do bịnh nên thân thể sốt nóng, đau lưng, gân xương đau nhức v.v... Ông có các thứ bịnh đó và các bịnh khác hay chăng. Đáp: Không. Đây là nghi phạm đầu khi thọ giới Cận Viên.

- Kế thầy Yết-ma phải bạch bốn lần Yết-ma, ngồi xong thì nói rằng: Xin Đại đức Tăng-già nhớ nghĩ cho! người này tên... Ổ-ba-đà-da của người này tên... nay từ Tăng-già cầu thọ giới Cận Viên. Người này tên... Ổ-ba-đà-da tên... nay từ Tăng-già xin thọ giới Cận Viên. Là Đại trượng phu (đàn ông), cũng Nam căn, tuổi đủ hai mươi, ba y và bát đầy đủ. Người tên... tự nói đã thanh tịnh hết, không có các chướng nạn. Người này tên... Ổ-ba-đà-da tên... nay từ tăng-già xin thọ giới Cận Viên. Nếu Tăng-già nghe rõ và ưng thuận thì nay người này tên... Ổ-ba-đà-da tên... nay xin tăng-già trao cho giới Cận Viên. Đây là túc Bạch, kế là làm Yết-ma (là bạch Yết-ma lần hai). Xin Đại đức Tăng-già nhớ nghĩ cho, người này tên... Ổ-ba-đà-da tên... nay từ Tăng-già cầu thọ giới Cận Viên. Người này tên... Ổ-ba-đà-da tên... nay từ Tăng-già xin thọ giới Cận Viên. Là Đại trượng phu, cũng có nam căn, tuổi đủ hai mươi, ba y và bát đầy đủ. Người tên... tự nói đã thanh tịnh hết, không có các chướng nạn. Người này tên... Ổ-ba-đà-da tên... nay từ Tăng-già xin thọ giới Cận Viên. Cho nên Tăng-già nay vì người này tên... Ổ-ba-đà-da tên... mà trao cho giới Cận Viên. Nếu các Cụ thọ cho người này tên... Ổ-ba-đà-da tên... được nhận giới Cận Viên. Nếu cho thì im lặng, nếu không cho thì nói. Đây là Yết-ma lần đầu. Nói như thế ba lần, đến lần thứ ba thì nói Tăng-già đã cho rồi, Tăng-già đã cho người tên... Ổ-ba-đà-da tên... đã trao cho giới Cận Viên xong, vì im lặng, nay như thế mà thực hành. Đây là nghi phạm trao giới Cận Viên căn bản đã xong.

Kế ngoài thầy Yết-ma, hễ có bất cứ Bí-sô nào liền tính toán bóng mặt trời mà lấy thẻ nhỏ dài bốn lóng tay, dựng đứng dưới đất (cắm trên đất), lúc mặt trời giữa trưa (giữa ngọ) đo bóng tối hai bên dài ngắn bằng

nhau gọi là một người, trong đó một lóng tay gọi là một đủ. Nếu có thêm bớt thì y theo đây mà đo lường bóng tối (bóng tối cách chân thẻ một lóng ngón tay thì cho là đủ?). Lúc ngày hết thì bảo người ấy, kế hoặc ở trong đêm, hoặc lúc ngày tối (ngày âm u không có mặt trời) thì có thể y theo đây mà thêm bớt. Tức là từ sáng sớm, giữa trưa và chiều tối hoặc nửa đêm. Đầu hôm, nửa đầu đêm, giữa đêm, nửa giữa đêm. Cuối đêm, nửa cuối đêm (hoặc đầu đêm, đầu đêm rưỡi, giữa đêm, giữa đêm rưỡi, chưa sáng, đã sáng, mặt trời mọc, mặt trời đã mọc). Hoặc chia tám phần lấy một phần đầu, hoặc chia bốn phần lấy một phần đầu. Lúc giữa trưa, hoặc bốn phần dư một phần, hoặc tám phần dư một phần, mặt trời chưa lặn, mặt trời đã lặn, sao chưa mọc, sao đã mọc. Đây là hai mươi hai thời gian lấy bất cứ một thời nào phải bảo cho biết. Lại theo thời tiết khác nhau có năm là: 1/ Mùa Đông; 2/ Mùa Xuân; 3/ Mùa mưa; 4/ Chung thời; 5/ Trường thời. Nói mùa Đông, có bốn tháng tức là tứ 16 tháng 9 đến 15 tháng giêng. Nói mùa Xuân cũng có bốn tháng, tức là từ 16 tháng giêng đến 15 tháng 5. Nói mùa mưa thì có một tháng, tức từ 16 tháng 5 đến 15 tháng 6. Nói Chung thời tức là từ 16 tháng 6, là một ngày một đêm. Nói Trường thời thì có ba tháng, thiếu một ngày một đêm, tức là từ 17 tháng 6 đến 15 tháng 9. Trong năm thời gian này tùy bất cứ một thời gá phải bảo cho biết.

Kế thầy Yết-ma phải nói pháp bốn y: "Này Cụ thọ tên... ông hãy lắng nghe, bốn pháp y này các Thế tôn Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã thấy đã biết. Các y này là pháp xuất gia thọ Cận Viên mà làm Bí-sô. Nói pháp y, tức là y này khéo nói pháp luật. Người xuất gia Cận Viên thành tánh Bí-sô. Thế nào là bốn y: Một là trong các y thì y phẩn tảo là vật thanh tịnh rất dễ tìm. Y Bí-sô này đối với pháp luật Thiện mà xuất gia cận viên thành tánh Bí-sô. Ông tên là... từ ngày nay cho đến trọn đời dùng y phẩn tảo mà tự cứu có ưa thích chăng?

Đáp: "Ưa thích, nếu được lợi lớn đà lụa trắng hoặc lụa lông trắng, hoặc lụa trơn hoặc vải trắng, vải hồng, tơ lụa hồng, lụa vái tế ca thi, sắc trung bình hoặc sắc kém, hoặc áo lông, hoặc y xá-na, hoặc y hồ-ma, hoặc y kiếp bối, hoặc y đổ-câu-la, hoặc y nước Kiều-đàm-ba, hoặc y nước Nhật hạ, nếu lại được các loại y thanh tịnh khác, nếu từ chúng mà được hoặc từ người khác mà được. Các ông nên tùy đó mà dùng, biết lượng thọ dụng, ông có giữ được chăng?

Đáp rằng: Dạ giữ được.

Nay các ông tên... hãy lắng nghe, hai là trong các cách ăn thì khất thực là thanh tịnh thật dễ tìm được. Bí-sô này xuất gia trong Thiện pháp

luật cận viên thành tánh Bí-sô. Ông tên... từ nay đến trọn đời dùng khất thực mà tự sống có ưa thích chăng?

Đáp: Ưa thích, nếu được lợi lớn, có nhiều cháo nhừ, nước cháo nước gạo rạng bột khuấy... cúng dường cho bậc Đại nhân, nếu ngày mồng 5, mồng 8, 14, rằm có tiết hội thực, nếu Tăng kế mời ăn, hoặc người khác mời ăn, hoặc tình cờ gặp mời ăn, nếu cố mời ăn, hoặc lại được các thức ăn thanh tịnh khác, nếu từ chúng mà được hoặc từ người khác mà được thì ông hãy tùy đó mà dùng, biết lượng thọ dụng. Ông có giữ được chăng?

Đáp: Dạ giữ được.

Ông tên... hãy lắng nghe! Ba là trong các chỗ ở thì ở dưới gốc cây là chỗ thanh tịnh dễ tìm được. Bí-sô y theo đây xuất gia Thiện pháp luật trong cận viên thành tánh Bí-sô. Ông tên... từ nay đến trọn đời ở dưới gốc cây trái tọa cụ mà tự cứu có ưa thích chăng?

Đáp: Ưa thích, nếu được lợi lớn có nhiều nhà cửa phòng ốc lầu gác mát mẻ, lan can tường rào nhà đẹp, trên cửa lầu gác treo rèm sáo màn trướng, đất trống màn che, làm nhà gỗ trên hầm hố (nhà sàn) hang đá, nhà tranh trong núi, hoặc có tường rào hoặc không tường rào, hoặc có nhà trống, hoặc không nhà trống, lại được các chỗ ở thanh tịnh khác, hoặc từ chúng mà được, hoặc từ người khác mà được. Ông đối các thứ này tùy ý được nhận, biết lượng thọ dụng, có giữ được không?

Đáp: Dạ giữ được.

Ông tên... nên lắng nghe! Bốn thứ Trần Khí Dược là vật thanh tịnh dễ tìm được. Bí-sô y theo đây, xuất gia trong Thiện pháp luật cận viên thành tánh Bí-sô. Các ông tên... từ nay đến trọn đời dùng trần khí dược mà tự cứu có ưa thích chăng?

Đáp: Ưa thích, nếu được lợi ích lớn, các thứ bơ dầu, mật sữa, đường bột, nghi thời dược, nghi canh dược, hoặc bảy ngày hoặc hơn, rễ thân cành lá hoa quả thuộc, hoặc lại được các thứ thuốc thanh tịnh khác, hoặc từ chúng mà được, hoặc từ người khác mà được, ông đối với các thứ này tùy ý dùng được, biết lượng thọ dụng có giữ được chăng?

Đáp: Dạ giữ được.

Đây là pháp bốn y đã xong, kế nói pháp bốn đọa lạc.

Ông tên... hãy lắng nghe! Có bốn pháp là các Thế tôn Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác đã thấy đã biết, là y theo các pháp ấy mà xuất gia cận viên làm Bí-sô nói pháp đọa lạc. Bí-sô ở trong bốn thứ này tùy bất cứ một việc nào, nếu có phạm thì không phải Bí-sô, không phải Sa-môn, không phải đệ tử Phật Thích-ca, mất tánh Bí-sô, phá pháp Sa-

môn. Đây liền bị tổn giảm hư hoại đọa lạc, bị người khác hơn, chẳng thể trọng thâu thí như chặt đầu cây Đa-la, chẳng thể cao lớn lên. Bí-sô cũng như thế. Bốn pháp ấy là gì?

1. Các Dục, luyến dục, thấm nhuần, đắm nhiễm dục. Các Đức Thế tôn dùng vô lượng pháp môn các thứ chê trách dứt bỏ dục, lìa dục, diệt dục, dứt dục v.v... khen ngợi đó là sự thắng diệu. Này Cụ thọ! Ông từ ngày nay chẳng dám dùng nhiễm tâm mà nhìn người nữ, huống chi là hai người giao hội làm việc bất tịnh. Này Cụ thọ! Như Phật, Thế tôn, Như Lai, Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác đã biết, đã thấy, đã nói. Nếu Bí-sô cùng các Bí-sô đồng đức học xứ, chẳng bỏ học xứ, chẳng phạm học xứ mà làm hạnh bất tịnh, cho đến cùng bàng sinh làm việc bất tịnh. Bí-sô ấy liền đọa lạc, chẳng được ở chung. Đối với việc Bí-sô tùy phạm như thế thì ngay khi làm, liền không phải Bí-sô, không phải Sa-môn, không phải là đệ tử Phật Thích-ca, mất tánh Bí-sô, phá pháp Sa-môn, đây liền tổn giảm, phá hoại, đọa lạc, vì bị người khác hơn chẳng thể trọng thâu. Thí như chặt đầu cây Đa-la chẳng thể còn cao lớn lên. Ông từ nay đối với việc này chẳng nên làm, chẳng thể làm, chẳng phải chỗ làm, mà phải dứt bỏ, trong việc làm phải dùng chánh niệm, không nên buông lung chơi bời, phải hết lòng ngăn ngừa tâm mình, đối với việc đó ông chẳng làm được chăng?

Đáp: Con chẳng làm.

Này Cụ thọ! Hãy lắng nghe! Lấy vật người khác chẳng cho, Đức Thế tôn dùng vô lượng các thứ môn chê trách lìa việc lấy vật không cho, khen ngợi đó là việc thắng diệu. Này Cụ thọ! Ông từ nay đến trọn đời chẳng dùng tâm cướp giật cho đến một hạt mè, vật người ta không cho mà mình cố lấy, huống chi là năm ma-sái, hoặc quá năm ma-sái, này Cụ thọ! Như Phật Thế tôn, Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác đã thấy, đã biết, đã nói. Nếu có Bí-sô hoặc trong xóm làng hoặc ở chỗ vắng tâm muốn trộm cướp lấy vật người không cho. Như thế khi trộm cướp lấy nếu bị vua quan bắt giữ quở trách: Này thằng kia, mày là tên cướp ngu si không biết gì cho nên mới trộm cướp như thế, hoặc bị trói cột, hoặc bị giết chết, hoặc bị đuổi đi. Này Bí-sô! Nếu lấy vật người không cho thì Bí-sô ấy sẽ phải đọa lạc, không nên ở chung. Bí-sô phạm việc như thế thì khi đang làm không phải là Bí-sô, không phải Sa-môn, không phải đệ tử Đức Thích-ca, mất tánh Bí-sô, phá pháp Sa-môn, đây bị tổn giảm phá hoại, đọa lạc vì người khác hơn chẳng trọng thâu. Ví như chặt đầu cây Đa-la, chẳng còn cao lớn lên. Ông từ ngày nay với việc này chẳng nên làm, chẳng phải chỗ làm mà phải đoạn dứt, trong việc làm phải làm

với chánh niệm, chẳng buông lung chơi bời, hết lòng ngăn ngừa tâm mình, ông đối việc này chẳng làm được chăng?

Đáp: Chẳng làm.

Cụ Thọ! Ông hãy lắng nghe! Việc giết hại sinh mạng, Đức Thế tôn dùng vô lượng pháp môn để chê trách xa lìa giết hại. Khen ngợi đó là việc thắng diệu. Này Cụ thọ! Từ ngày nay dù cho loài bé nhỏ nhất là ruồi muỗi cũng chẳng nên cố tâm giết hại huống là với người và thai người. Này Cụ thọ! Đức Phật Thế tôn, Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác đã biết, đã nói. Nếu Bí-sô hoặc người, hoặc thai người mà tự tay giết chết, hoặc cầm dao đưa cho người khác bảo giết, hoặc dạy cho chết, khen ngợi sự chết, bảo rằng: Này người nam! Dùng đời sống xấu ác bất tịnh này làm gì, Ông nên chết đi, chết còn hơn sống, tuỳ tự tâm ông suy nghĩ, dùng các lời lẽ khác mà khuyên khen cho chết. Nếu người ấy chết thì Bí-sô bị đọa lạc, vì người khác hơn chẳng thể trọng thâu. Thí như chặt đầy cây Đa-la chẳng còn cao lớn lên. Ông từ ngày nay việc này chẳng nên làm, không phải chỗ làm, phải nên đoạn dứt. Trong việc làm phải dùng chánh niệm, chẳng nên chơi bời buông lung, mà hết lòng ngăn ngừa tâm mình. Ông đối với việc này chẳng làm được chăng?

Đáp: Chẳng làm.

Cụ Thọ! Ông hãy lắng nghe! Việc nói dối, Đức Thế tôn dùng vô lượng pháp môn các thứ chê trách lìa bỏ nói dối, khen ngợi việc thắng diệu ấy.

Này Cụ thọ! Từ ngày nay chẳng nên cố tâm dù cho nhẹ nhất là vì cười giỡn mà nói dối, huống chi không thật là thượng nhân mà bảo mình có pháp thượng nhân.

Này Cụ thọ! Như Phật, Thế tôn, Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác đã biết, đã thấy, đã nói. Nếu Bí-sô thật không chứng hiện tiền, không khắp biết mình, không được pháp Thượng nhân vắng lặng thì thắng, chứng thù thắng, ngộ tức thấy được, mà bảo mình biết như thế, thấy như thế, tức là đọa lạc. Vì muốn được thanh tịnh nên người này vào lúc khác, hoặc có người hỏi, hoặc chẳng ai hỏi mà nói như thế.

Này Cụ thọ! Ta chẳng biết chẳng thấy mà nói biết nói thấy dối trá nói dối, trừ người Tăng thượng mạn, Bí-sô ấy liền đọa lạc chẳng được ở chung. Nói biết pháp gì, tức là nói mình biết khổ, biết Tập, Diệt, Đạo. Nói thấy pháp nào tức là nói mình thấy các trời, mình thấy các rồng, các Dạ-xoa, các Ca-lầu-la, các Càn-thát-bà, các Khẩn-na-la, các Ma-hầu-la-già, các ngạ quỷ, các Tỳ-xá-xà, các Cưu-bàn-trà, các Bộ-đa-na, tôi thấy Yết-tra-bộ-đa-na, tôi thấy quỷ toàn phong, hoặc nói các vị trời

thấy mình, các rồng thấy mình, các thứ thấy mình như Dạ-xoa, Ca-lầu-la, Càn-thát-bà, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, ngạ quỷ, Tỳ-xá-xà, Cưu-bàn-trà, Bộ-đa-na, Yết-tra-bộ-đa-na, quỷ toàn phong thấy mình, hoặc nói là nghe tiếng trời, tiếng rồng, tiếng Dạ-xoa, tiếng Ca-lầu-la, tiếng Càn-thát-bà, tiếng Khẩn-na-la, tiếng Ma-hầu-la-già, tiếng ngạ quỷ, tiếng Tỳ-xá-xà, tiếng Cưu-bàn-trà, tiếng Bộ-đa-na, tiếng Yết-tra-bộ-đa-na, tiếng quỷ toàn phong, hoặc nói: Trời nghe tiếng mình, rồng nghe tiếng mình,... cho đến quỷ Diên phong nghe tiếng mình, hoặc nói ta đi xem các trời, Rồng, Dạ-xoa, Ca-lầu-la v.v... cho đến ta đi xem quỷ toàn phong, hoặc nói ta cùng các trời nói năng, bàn luận rất vui vẻ, ở chung nhau rất lâu. Hoặc nói ta và các Rồng, Dạ-xoa v.v... cho đến nói năng bàn luận với quỷ toàn phong rất vui vẻ, ở chung nhau rất lâu. Hoặc nói các trời cùng đến nói năng bàn luận với mình rất vui vẻ, ở chung với nhau rất lâu, cho đến quỷ toàn phong đến nói năng bàn luận với mình rất vui vẻ, ở chung nhau rất lâu, hoặc chẳng được mà nói mình được tưởng vô thường, trong vô thường tưởng khổ, trong khổ tưởng vô ngã, tưởng chán ăn, tưởng tất cả thế gian chẳng đáng vui, tưởng lỗi lầm, tưởng đoạn, tưởng ly ái, tưởng diệt, tưởng chết, tưởng chẳng vừa ý, tưởng xanh ứ, tưởng rạn nứt, tưởng sình chương, tưởng giòi phá hoại đục khoét, tưởng hút ăn, tưởng đỏ lạ lùng, tưởng lìa tan, tưởng hài cốt (bộ xương), tưởng đổi khác thành không, hoặc chẳng được mà nói được, nói ta được Sơ tịnh lự, Nhị tịnh lự, Tam tịnh lự, Tứ tịnh lự, được Từ, Bi, Hỷ, Xả, Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ, được quả Dự lưu, quả Nhất lai, quả Bất hườn, quả A-la-hán, được Thần cảnh trí thần thông, Túc trụ trí thần thông, Tử sinh trí thần thông, Lậu tận trí thần thông, v.v... Hoặc nói: Ta là A-la-hán, trong tám Giải thoát là Định thiện giải thoát, Cụ thiện giải thoát.

Này Bí-sô! Nếu nói thế thì Bí-sô ấy liền đọa lạc, chẳng được ở chung. Đối với việc đó Bí-sô phạm thì lúc làm liền không phải là Bí-sô, chẳng phải Sa-môn, chẳng phải đệ tử Phật Thích-ca, mất tánh Bí-sô, phá pháp Sa-môn, đây liền tổn giảm, phá hoại đọa lạc, vì người khác hơn, chẳng thể thâu nữa. Thí như chặt đầu cây Đa-la không còn sống cao lớn lên được. Ông từ hôm nay đối với việc chẳng nên làm này chớ làm, chẳng phải chỗ làm, mà phải đoạn dứt. Trong việc đáng làm nên dùng chánh niệm, chẳng nên buông lung chơi bời, phải hết lòng giữ gìn tâm mình, đối với việc ấy ông chẳng làm được chăng?

Đáp: Chẳng làm.

Như trên là bốn pháp đọa lạc đã xong.

Này Cụ thọ! Hãy lắng nghe! Đây là bốn pháp của Sa-môn, chư Phật, Thế tôn, Như Lai, Ứng Chánh Đẳng giác đã biết, đã thấy, là các y pháp, như thế mà xuất gia thọ giới cận viên làm Bí-sô. Nói bốn pháp Sa-môn nên làm, đó là:

Này Cụ Thọ! Hãy lắng nghe! Từ ngày nay nếu bị người mắng chửi thì chẳng nên chửi lại, người khác sân, chẳng nên sân lại, người khác đánh chẳng nên đánh lại, người khác chọc ghẹo chẳng nên chọc ghẹo lại. Có các thứ não loạn như thế khi khởi lên, ông có nhiếp tâm chẳng đáp trả được chăng?

Đáp: Chẳng đáp trả.

Đây là pháp Sa-môn nên làm đã xong.

(Đã thỏa mãn tâm mong muốn thắng nguyện?)

Kế nêu mãn tâm hy vọng thắng nguyện.

Này Cụ thọ! Hãy lắng nghe! Trước ông phải nêu tâm có chỗ mong muốn, nghĩ rằng: Ta lúc nào được Thế tôn khéo nói Pháp giới luật xuất gia cận viên, thành tánh cận viên, được các thứ tốt đúng pháp, như thân giáo sư và Quỹ Phạm sư, hòa hợp tăng nêu bạch bốn Yết-ma. Văn không sai trái, rất khéo an trụ. Nêu mãn tâm hy vọng Thắng nguyện đã xong.

Kế là nêu đồng được học xứ.

Này Cụ thọ! Hãy lắng nghe! Như các Bí-sô khác tuy mán trăm Hạ, chỗ nên học thì ông đã tu học. Chỗ ông học thì các vị kia cũng đồng như thế. Có nhân duyên này đều được thi-la, đều được học xứ, đồng nói kinh Biệt Giải Thoát. Ông từ nay phải ở chỗ ấy mà khởi tâm kính phụng, chẳng nên chán lìa. Nói đồng được pháp Học xứ đã xong.

Kế là y thế gian dụ nói nghi phạm.

Ông từ nay hãy đối với thân giáo sư tưởng như cha mình, thầy cũng nghĩ ông là con, cho đến suốt đời chăm nom săn sóc như nuôi bệnh, thường thăm hỏi, khởi tâm thương xót cho đến già đến chết, y dụ theo thế gian mà nói đã xong.

Kế là pháp trụ điều phục.

Ông từ nay đồng ở chỗ các Phạm hạnh, Thượng, Trung, Hạ tọa mà luôn kính trọng và thuận theo cung kính mà ở chung. Pháp trụ điều phục đã nói xong.

Kế là làm xong chỗ cần làm.

Ông từ nay thọ trì giới pháp, đọc tụng suy nghĩ, tu các nghiệp, lành, khéo chứa điều lành, khéo ở cho tốt, khéo giới thiện, khéo duyên khởi thiện, khéo xứ phi xứ thiện. Chưa được thì cầu được, chưa hiểu thì cầu hiểu chưa chứng thì cầu chứng. Chẳng bỏ pháp lành.

Kế nói trong nghi phạm không hề nói pháp phòng hộ.

Nay tôi, vì ông nêu đại cương các điều chưa biết, vào mỗi nửa tháng khi nói kinh Biệt Giải Thoát, phải tự lắng nghe lại phải đối với Thân giáo sư và Quỹ Phạm sư và bạn đồng học mà khéo học hỏi, y chuẩn theo lời dạy và kinh giáo mà siêng tu.

Kế là nói kệ phát tâm chí tín:

Ông tối thắng trí giáo
Đầy đủ thọ thi-la (giới)
Không chướng thân khó được
Nên dốc lòng vâng giữ
Đoan chánh là xuất gia
Thanh tịnh là viên cụ
Chánh giác chỗ nên biết
Lời nói ra là thật.

Kế lược nói khuyên tu phương tiện.

Này Cụ thọ! Ông đã thọ cận viên rồi chớ nên buông lung phải kính trọng vâng làm.

Kế là Bí-sô mới thọ giới. Kính lễ thân giáo sư và Quỹ Phạm sư cùng các tăng-già ba lạy xong, thì tạ ân vâng giữ trao cho Cận Viên. Nếu khi thọ Yết-ma thì phải làm thủ trì trừ tội. Khiến Tăng-già ở chỗ trao Yết-ma, thứ lớp ngồi xoay bèn làm Yết-ma. Bí-sô ở trước chúng phải nói như vầy: Xin đại đức Tăng-già nghĩ tưởng, nay là lúc Tăng-già làm nghi phạm trao cho Cận Viên, tất cả Tăng-già có phạm giới luật nghi thì được trừ chỗ phạm. Ở trong tăng này không có một người nào đến chỗ ở khác, đối với thanh tịnh, Bí-sô đúng pháp trừ tội danh ấy. Nếu khi Tăng-già đến nghe thì Tăng-già chấp thuận. Tăng-già lúc này tự giữ tội mình mà thực hành nghi phạm trao Cận Viên rồi, hướng về chỗ khác đối với Bí-sô thanh tịnh phải biết pháp trừ tội. Đây là Đơn Bạch Yết-ma.

Kế tăng-già vì trụ xứ đồng ý làm Yết-ma.

Bí-sô ở trước tăng ngồi xong thì nói rằng: Xin đại đức Tăng-già nhớ nghĩ cho nhà cửa xây cất đã thành, ngoài giới đều đi quanh khắp một vòng để tìm đất sống. Ở trong phòng này tăng-già đã trao Cận Viên, có thể cùng đồng ý, nếu khi tăng-già đến nghe thì tăng-già chấp thuận. Tăng-già, chỗ xây cất đã xong, ngoài giới đã đi quanh khắp một vòng để tìm đất sống, ở trong phòng này Tăng-già trao cho Cận Viên, cùng đồng một ý. Đây là Bạch Yết-ma lầ thứ hai.

Kế phải làm Yết-ma:

Đại đức Tăng-già nhớ nghĩ cho, chỗ xây cất đã thành, ngoài giới đi quanh một vòng để tìm ranh đất, ở trong phòng này Tăng-già trao cho Cận Viên. Đồng ý nguyện cầu, cho nên Tăng-già xây cất đã thành, ngoài giới đã đi quanh một vòng để tìm ranh đất. Trong phòng này, tăng-già trao cho Cận Viên, vì chấp thuận. Nếu các cụ thọ chỗ xây cất đã thành, ngoài giới đi quanh một vòng để tìm ý chấp thuận thì yên lặng. Nếu không cho thì cứ nói lên. Tăng-già đã chấp thuận, Tăng-già chỗ xây cất đã thành, ngoài giới đã đi một vòng để tìm biết ranh đất. Trong phòng này tăng-già đã trao cho Cận Viên, vì yên lặng chấp thuận rồi, việc này nên hành trí như thế. Đây là nói nghi phạm chỗ xây cất đã thành, chỗ khác xây cất chưa thành thì nói chỗ xây cất chưa thành. Hoặc ở chỗ trống thì phải nói đất chưa từng xây cất. Đồng như trước làm nghi phạm Yết-ma.

Cách dạy xin Yết-ma:

Hễ có người cầu xuất gia thì phải thứ lớp thọ luật, nghi giới. Trước hết khi muốn thọ giới ổ-ba-sách-ca, trước phải hỏi chướng nạn. Hỏi chướng nạn xong kế dạy nói rằng: Nam-mô Phật-đà-da, Nam-mô Đạt-ma-da, Nam-mô Tăng-già-da. Thế tôn, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Tác, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Điều Ngự Trượng Phu, Vô Thượng Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn khéo nói pháp mầu. Thiện đầu, Thiện giữa, Thiện sau. Nghĩa mầu Văn khéo không xen lẫn, Viên mãn, thanh thiết bạch tịnh. Người quan sát gần thì nội chứng, Thế Tôn, Thanh văn tăng thì khéo làm hạnh đúng lý. Chất trược hạnh đồng hành, tùy pháp thành tựu các Ngài, đã xuất gia, con cùng xin xuất gia theo. Nói như thế xong thì trao ba quy y và luật nghi giới Ổ-ba-sách-ca cho người ấy.

Xuất gia thọ Cận Viên Yết-ma Nghi Phạm (Phép tắc làm Yết-ma trao Cận Viên cho người xuất gia).

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 166

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÍ SÔ TẬP HỌC LƯỢC PHÁP

SỐ 1905

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1905

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÍ-SÔ TẬP HỌC LƯỢC PHÁP

Đế sư Bí-sô Bạt-hợp-tư-ba đời Nguyên biên tập.

Kính lễ Đấng Nhất Thiết Trí.

Dạy bày luật tạng Tăng thượng giới học có ba thứ: Một là chưa được khiến được Nghi Phạm, hai là đã được luật nghi chẳng phạm hộ trì phương tiện, ba là nếu có phạm thì khiến tu bổ.

1. Chưa được khiến được Nghi Phạm, có bốn:
- Hay làm chương luật nghi.
- Hay làm chương an trụ luật nghi.
- Hay làm chương tăng trưởng đức nghiệp.
- Hay làm chương đoan nghiêm chúng.

Nếu không có bốn duyên trái này lại dùng chỗ về hình tướng thân thể suy nghĩ nghi phạm. Nếu toàn đủ năm thứ thuận duyên thì mới được luật nghi, đây là nghĩa khác nhau, như trong Nghi Phạm nên biết.

2. Đã được luật nghi chẳng phạm phương tiện hộ trì: Có năm thứ là:

a. Nương vào y chỉ sư mà hộ trì.
b. Dùng tưởng đối trị để hộ trì.
c. Biết rõ tướng nên bỏ trái với hộ trì.
d. Tự tịnh giới luật nghi của mình mà hộ trì.
e. Y duyên An lạc trụ mà hộ trì.

a) Nương vào y chỉ sư mà hộ trì.

Là nếu người thọ giới Cận Viên đã đủ mười năm, trong hai mươi mốt thứ năm công đức đã đủ mười lăm pháp, hiểu luật Tỳ-kheo cầu làm Y chỉ sư, việc nên làm và chẳng nên làm, tất cả sự nghiệp đều phải hỏi thầy. Như thầy chỉ dạy thì y theo đó mà làm từ thọ Cận Viên đủ mười năm và ba thứ đức nghiệp đã đầy đủ thì phải nương vị thầy ấy.

b) Dùng tưởng đối trị mà hộ trì:

Ở trong mọi lúc niệm biết chẳng buông lung, đủ ba pháp này, trừ tất cả pháp trái nhau, thành tựu tất cả pháp lành.

c) Hiểu rõ nên bỏ trái nhau mà hộ trì:

1. Tập họp chung thành năm thiên: hai trăm năm mươi ba trong pháp nên buông bỏ mà đủ giới thanh tịnh hoặc đủ giới nên tu bổ có tâm có niệm. Lại không duyên đầu, chẳng buông bỏ học xứ, chẳng phạm học xứ thiên thứ nhất Ba-la-di, là Bí-sô đối với ba đường tùy một đường làm hạnh bất tịnh thi phạm tội Ba-la-di thứ nhất, nếu trộm vật người khác không phải của mình thì phạm tội Ba-la-di thứ hai, trừ thân mình, người và thân người mà giết hại mạng sống thì phạm tội Ba-la-di thứ ba. Nói dối chứng pháp hơn người thì phạm tội Ba-la-di thứ tư. Bốn tội Ba-la-di này đều có thể đoạn dứt chánh giới căn bản (đoạn dứt gốc rễ chánh giới). Nói thiên thứ một đã xong.

2. Thiên thứ hai, mười ba Tăng-già Bà-thi-sa:

Nếu cố ý xuất tinh. Nếu có tâm nhiễm mà đụng chạm thân người nữ, hoặc nói chuyện dâm dục thô ác với người nữ, hoặc ở trước người nữ mà khen ngợi thân mình, hoặc làm mai môi cho người thành vợ chồng. Nếu ba chỗ chẳng kham, từ người khác mà xin đất để tạo phòng nhà. Nếu chỗ chẳng kham mà lập Tăng-già-lam, hoặc không căn cứ mà hủy báng Bí-sô phạm pháp Ba-la-di, hoặc phá hòa hợp tăng, hoặc giúp phá hòa họp tăng, hoặc do làm nhỏ nhà người bị tăng tẫn xuất mà chê bai tăng. Nếu trong tự giới có tỳ-kheo khác vì tâm thương xót muốn cho khuyên nói các Tăng-già do tất cả giới pháp của ta, chớ luận nói ta mà chống trái. Mười ba pháp này từ Tăng-già mà tu bổ lại, nên gọi là Tăng-già Bà-thi-sa.

3. Thiên Ba-dật-đề-ca: Có hai thứ, nếu y chưa từng gia trì mà chứa quá mười đêm, hoặc ba y đã gia trì mà lìa y quá một đêm, hoặc ba y vật chẳng đủ lại mong người khác đủ mà chứa quá mười ba đêm, hoặc nhờ ni chẳng phải bà con giặt y, hoặc từ tỳ-kheo-ni lấy y, hoặc đã có ba y mà còn xin quá phần, hoặc người khác muốn cho vật mà chưa cho lại đòi. Nếu người khác đều muốn cho vật mà chưa cho lại đòi, hoặc đã gởi

đến mà chẳng thể làm y vật. Nếu đòi quá ba lời hoặc quá ba lần làm thinh mà đòi. Mười thứ đầu đã xong.

- Mười thứ biến khắp thứ hai:

Nếu tơ tằm, vải bông làm tọa cụ mới, hoặc toàn lông dê đen làm toạ cụ mới, nếu dùng lông dê đen và trắng làm tọa cụ mới, hoặc chưa đủ sáu năm mà làm tọa cụ mới hoặc làm tọa cụ mới mà không dùng cái cũ, rộng hơn của Phật một gang tay dùng tọa cụ nhiều lớp, hoặc không có người mà cầm lông dê, tự cầm lông dê, đi quá ba do-tuần, có người cần mà tự cầm đi quá một dặm, hoặc khiến Tỳ-kheo-ni không phải bà con tay cầm lông dê. Nếu tự chứa châu báu để ngắm nhìn hoặc bảo người khác ngắm nhìn, hoặc dùng tiền của xuất nhập để cầu lợi, hoặc mua bán v.v... là mười thứ biến khắp thứ hai.

1. Mười thứ biến khắp thứ ba:

Nếu bát không gia trì mà chứa quá mười đêm, hoặc có nhiều bát lại tìm bát khác, hoặc khiến người diệt không bà con đệt thành y rồi mà không trả tiền công, hoặc người khác vì mình khiến người dệt thành y, mà vì lợi mình lại bảo dệt cho dài. Nếu mượn dùng y bát của Tỳ-kheo khác rồi đoạt luôn, hoặc trong mùa hạ an cư vì được lợi dưỡng mà an cư để lấy, hoặc trong an cư vì được lợi dưỡng mà an cư rồi tự tứ mà lợi dưỡng ấy chẳng chia. Nếu Bí-sô ở A-lan-nhã, mà trong xóm làng để y quá sáu đêm mà không đến chỗ để y, hoặc tự ở A-lan-nhã. Nếu y tắm mưa mà cầu trước an cư một tháng, hoặc chứa sau an cư quá nửa tháng, hoặc muốn cho chúng tăng hoặc muốn cho tăng mà lại lấy làm của mình. Nếu kham lấy bỏ bốn thứ thuốc đều chứa quá hạn. Đây là mười thứ biến khắp thứ ba, ba mươi ni-tát-kỳ-ba-dật-đề đã xong.

2. Mười thứ Ba-dật-đề-ca biến khắp, mười thứ biến khắp đầu:

Nếu Bí-sô cố ý nói dối, hoặc nói lỗi Bí-sô khác, hoặc nói hai lưỡi khiến hai Bí-sô xa lìa nhau, hoặc có tranh cãi với Bí-sô sau hòa hợp rồi lại khởi lên tranh cãi nữa. Nếu nói pháp cho vợ người khác không có người nam, hoặc cùng người chưa thọ giới Cận Viên mà đọc tụng chỉ bày pháp. Nếu biết Bí-sô khác có phạm pháp đọa lạc, hoặc tăng tàn, tùy mối mà đem nói với người tái giá, hoặc nói mình thật được pháp của bậc Thượng nhân với người chưa được Cận Viên hoặc chưa chứng Thánh đế. Nếu chúng Tăng chấp sự và Bí-sô không có lỗi mà chê bai? Nói đem vật của tăng cho người quen biết, hoặc nếu ngày Bồ-tát mà tụng giới vụn vặt, khinh chê mà nói đâu cần phải đọc những giới như vụn vặt thế khiến Bí-sô khác nghe được. Mười thứ biến khắp đều đã xong.

- Mười thứ biến khắp thứ hai:

Nếu phá bỏ hạt giống của cỏ cây tươi, hoặc ganh ghét chê bai Tăng-già chấp sự Bí-sô, hoặc người đồng học dạy nói lợi ích mà chống cự lại, hoặc đem tọa cụ tăng mà dùng tâm buông lung để ở chỗ trống, hoặc ở trong phòng Tăng trải cỡ hoặc dùng lá rồi mà chẳng quét dọn. Nếu trong Tăng-già-lam mà khiến Bí-sô đi ra (đuổi đi), hoặc Bí-sô đến ở sau mà chê chười Bí-sô ở trước, hoặc chỗ ở tăng chẳng bền chắc ở trong phòng trên gác mà ngồi nằm giường lỏng chân. Nếu vì người khác khiến dùng nước có trúng. Nếu tường rào chùa Tăng-già-lam mà xây quá lượng.

3. Mười thứ cùng khắp thứ ba:

Nếu Tăng chẳng sai mà tự ý đến răn dạy Bí-sô-ni, hoặc dạy răn Bí-sô-ni đến chiều tối, hoặc thật không có niệm này mà chê bai người, vì ăn uống nhỏ mà răn dạy Bí-sô ni cắt may y, hoặc Bí-sô và Bí-sô-ni làm bạn đi đường, hoặc Bí-sô cùng Bí-sô-ni cùng ngồi chung thuyền, hoặc Bí-sô và người nữ ngồi chỗ vắng, hoặc Bí-sô và người nữ đứng chỗ vắng, hoặc nhân Bí-sô-ni khen ngợi mà nhận cơm của người tại gia.

4. Mười thứ cùng khắp thứ tư:

Hoặc trong một buổi ăn không có lợi dưỡng nên nhân ăn lại, hoặc ở chỗ của ngoại đạo qua một đêm và nhận ăn lại nữa. Nếu Bí-sô khất thực từ nhà tại gia ăn hơn hai ba bát, hoặc Bí-sô ăn đủ rồi lại khiến ăn nữa, hoặc Bí-sô lìa chỗ chúng tăng thường ăn đều không có mình ăn lại cùng ba Bí-sô ăn riêng, hoặc từ mặt trời lặn đến sáng mà ăn là ăn phi thời, nếu ăn hoặc mình hoặc người thức ăn của Bí-sô để dành, nếu ăn thức ăn chẳng trao chẳng nhận, hoặc đòi thí chủ thức ăn ngon mới ăn.

5. Mười thứ cùng khắp thứ năm:

Hoặc vì mình mà dùng nước có trùng, hoặc khi người tại gia làm việc bất tịnh mà cùng ngồi trong phòng ấy, hoặc cùng ăn với ngoại đạo khỏa thân. Nếu xem quân nghiêm chỉnh muốn đánh nhau, hoặc hỗn loạn bày ra định quân trận, hoặc đánh Bí-sô, hoặc chỉ tay hướng về Bí-sô, hoặc biết Bí-sô khác có tội thô ác mà che giấu.

6. Mười thứ cùng khắp thứ sáu:

Nếu thí chủ muốn cho Bí-sô ăn để lấy oán mà đáp trả, ngăn không cho cùng ngày ấy tuyệt thực, hoặc đụng chạm lửa, hoặc nhân Bí-sô làm Yết-ma cùng người khác muốn rồi sau lại hối. Nếu Bí-sô cùng người chưa Cận Viên ở gần trong một tầm đất trong một đêm hoặc quá một đêm, hoặc nói chuyện dâm dục là chẳng bị chướng ngại là chấp sự ác kiến, hoặc tăng khuyên can chẳng bỏ, hoặc cùng chúng tăng sai khiến

Tỳ-kheo làm bạn, hoặc biết Sa-di bị đuổi mà thâu nhận làm bà con giúp ích cùng ở chung, hoặc thọ y dụng và tọa cụ trắng chưa nhuộm, hoặc báu đẹp thuộc người khác mà mình chạm, bảo người chạm. Nếu từ mùng 1 tháng 4 đến 15 tháng 6, trừ hai nửa tháng này, ngoài ra trong thời gian ấy nếu chưa đến nửa tháng mà tắm giặt.

7. Mười thứ cùng khắp thứ bảy:

Nếu cố ý giết súc sinh, hoặc nói Bí-sô ông không phải là Bí-sô khiến cho buồn rầu không vui, hoặc dùng ngón tay mà thọt lét Bí-sô, hoặc đùa giỡn trong nước, hoặc chỉ riêng mình ở trong nhà người nữ, một nhà cùng ngũ đến sáng, hoặc Bí-sô chỉ một nhân làm cho Bí-sô sợ hãi, hoặc giấu y Bí-sô, hoặc Bí-sô không lý do có tội tăng tàn, hoặc dùng một nhân nhỏ mà chê bai là phạm tội tăng tàn, hoặc cùng ở nhà người nữ, lại không có người nam cùng đi đường.

8. Mười thứ cùng khắp thứ tám:

Nếu cùng kẻ trộm cướp trốn thế mua bán cùng đi đường, hoặc biết tuổi chưa đủ hai mươi mà cho thọ giới Cận Viên, hoặc trong đất cứng chắc mà đào đất, hoặc nhận người tại gia thỉnh ở quá 4 tháng. Nếu chẳng y luật Tăng-già mà lại chê bai, bảo Bí-sô rằng: Ông ngu si chẳng biết gì, nếu có cùng đấu tranh Bí-sô muốn cho đấu tranh đến đó nghe nói. Nếu từ chỗ Tăng làm Yết-ma chẳng hỏi mà một Bí-sô từ đúng dậy khỏi chỗ ngồi đi xa mà nghe tiếng đất, hoặc chỗ Tăng-già đáng kính tín như chỗ Tăng chấp sự v.v... mà không kính tín không thuận theo, hoặc uống các thứ rượu, hoặc chẳng hỏi Bí-sô mà chiều tối vào xóm làng.

9. Mười thứ cùng khắp thứ chín:

Nếu Bí-sô nhận thức ăn của người mời mà đi trước giờ ngọ đến ba nhà khác, hoặc đến gần chiều tối, trừ chỗ Tăng nhóm họp, mà vào bốn nhà khác, hoặc mặt trời lặn rồi, ráng đỏ đã mất, đến sáng mặt trời chưa mọc vào nội cung vua quán đảnh, hoặc nội cung của hậu phi, hoặc ngày Bồ-tát khi tụng kinh Biệt Giải Thoát, đối với giới vụn vặt mà nói nay ta mới biết đó là giới vụn vặt, chỗ đáng học mà khinh trách, hoặc đúng là ngà voi mà làm ống đựng kim, hoặc nếu ngồi nằm giường quá lượng, hoặc đem ngọa cụ Tăng mà dùng bông cây thấm dơ, hoặc làm tọa cụ quá lượng này, hoặc làm y che ghẻ dài sáu khủyu tay, rộng ba khuỷu tay quá lượng này, hoặc làm y đồng lượng y của Phật, hoặc bảo người khác làm thì phạm ba-dật-để-ca. Lượng y của Như Lai dài mười lăm khuỷu tay rộng chín khuỷu tay. Gồm chung chín lần mười thứ cùng khắp, có chín mươi Ba-dật-để-ca

4. Bốn thứ Ba-la-để-đề-xá-ni:

Nếu ở trong xóm làng, hoặc ngoài xóm làng, hoặc ở giữa đường, hoặc ở gần đường, từ Bí-sô-ni mà nhận thức ăn uống, hoặc trong nhà người tại gia có Bí-sô-ni, theo thứ lớp trao thức ăn không dứt mà ăn, hoặc chúng tăng chế trong nhà người tại gia mà lại lấy ăn, hoặc được sai coi giữ, sợ đường khó đi mà không chịu trông giữ lại ngồi ăn.

5. Một trăm mười hai điều đáng phải học:

Mặc y An-đà hội ngay ngắn không quá cao quá thấp, gác y không giống vòi voi, không giống là Đa-la, không giống hình cốc đoạn, không giống đầu rắn. Mặc y ngay ngắn không quá cao, quá thấp. Khi đi khất thực khéo giữ gìn thân ngữ. Mặc pháp y ngay ngắn, đi không gây tiếng động, đi không nhìn lung tung, đi phải nhìn mặt đất cách một tầm. Nếu vào xóm làng thì chẳng dùng y che đầu mà đi, không được vắt trái y mà đi, không được máng y trên vai mà đi, chẳng được tréo hai tay ôm cổ mà đi, chẳng được hai tay ôm đầu mà đi, chẳng được vừa đi vừa nhảy, chẳng được dò chân mà đi. Chẳng được ngồi chồm hổm, chẳng được lắc đầu mà đi, chẳng được chống nạnh mà đi, chẳng được (nắm tay nhau) mà đi. Nếu chẳng thỉnh thì chẳng được đến nhà người tại gia trải tọa cụ ngồi. Chẳng khéo quan sát thì chẳng nên ngồi. Chẳng được buông mình mà ngồi. Chẳng được ngồi tréo chân, chẳng được ngồi tréo đùi, chẳng được ngồi bẹt đùi (chàng hảng), chẳng được ngồi trong ngoài mắt cá chân. Khi ngồi trên giường chẳng được co chân trên giường, chẳng được ngồi tréo chân (xoạc chân), phải chánh ý mà ăn, chẳng được ăn đầy bát. Đi chưa đến chẳng được giơ bát ra để được dùng nhiều thức ăn. Nếu khi ăn chẳng được để bát trên thức ăn, phải chánh ý mà ăn. Chẳng được làm việc cực nhỏ mà ăn. Chẳng được vò viên cực lớn mà ăn, phải vo viên vừa mà ăn. Nếu thức ăn chưa đến chẳng được há miệng lớn mà đợi ăn. Chẳng được ngậm cơm mà nói chuyện. Chẳng được nhăn mày mà ăn, chẳng được dù thổi dù ăn. Chẳng được hà hơi mà ăn. Chẳng được lấy ăn từng hạt. Khi ăn chẳng hét cười, khi ăn chẳng được đôn má nhai ăn, chẳng được đạn lưỡi mà ăn, chẳng được cắn phân nữa mà ăn, chẳng được liếm tay, chẳng được đập tay, chẳng được nạo bát liếm lưỡi. Chẳng được bới thức ăn trong bát lên, chẳng được tán cơm thành hình tháp, chẳng nên phá nát mà ăn. Chẳng được khinh cười bát của Bí-sô ngồi gần. Chẳng được tay dơ cầm bình nước sạch, chẳng được lọc nước uống gần chỗ ngồi của Bí-sô. Chẳng hỏi chủ phòng có cơm nước hay không, chẳng được bỏ thức ăn thừa trong nhà người tại gia, chẳng được để trong bát. Nếu trên đất không có thế chẳng nên để bát bên khe nước. Chẳng được để bát chỗ nguy hiểm. Chẳng được để bát trên chỗ cao vót,

chẳng được đứng rửa bát bên khe, chẳng được rửa bát chỗ nguy hiểm, chẳng được rửa bát trên chỗ cao vót (vách núi cao), chẳng được rửa bát ở chỗ nước chảy xiết, chẳng được dùng bát múc nước uống, phải nên học; Người ngồi mình đứng chẳng nên nói pháp cho họ nghe. Người nằm mình ngồi chẳng nên nói pháp cho họ nghe. Người ở trên cao mình ngồi dưới thấp, chẳng nên nói pháp cho họ nghe. Người đi trước mình đi sau chẳng nên nói pháp, người đang đi đường mình không phải đi đường thì không nên nói pháp. Chẳng nên nói pháp cho người che đầu nghe, chẳng nên nói pháp cho người lật trái y nghe. Chẳng nên nói pháp cho người máng y trên vai nghe. Chẳng nên nói pháp cho người trèo hai tay ôm cổ nghe. Chẳng nên nói pháp cho người hai tay ôm gáy nghe. Chẳng nên nói pháp cho người lấy tóc làm búi tóc trên đầu nghe. Chẳng nên nói pháp cho người quấn khăn nghe. Chẳng nên nói pháp cho người đội mũ nghe. Chẳng nên nói pháp cho người đội tràng hoa nghe. Chẳng nên nói pháp cho người cởi voi nghe. Chẳng nên nói pháp cho người cởi ngựa nghe. Chẳng nên nói pháp cho người ngồi xe nghe. Chẳng nên nói pháp cho người ngồi trên các vật nghe. Chẳng nói pháp nên cho người mang giày ống nghe. Chẳng nên nói pháp cho người cầm gậy nghe. Chẳng nên nói pháp cho người cầm dao nghe. Chẳng nên nói pháp cho người cầm lọng nghe. Chẳng nên nói pháp cho người cầm kiếm nghe. Chẳng nên nói pháp cho người cầm binh khí nghe. Chẳng nên nói pháp cho người mặt áo giáp nghe. Chẳng được đứng đại tiểu tiện. Chẳng được đại tiểu tiện và khạc nhỏ ói mữa trong nước. Chẳng được trên cỏ xanh mà đại tiểu tiện và khạc nhổ, ói mữa. Từ nói pháp làm đầu ba mươi mốt điều đáng đáng học này trừ Bí-sô bị bệnh thì không phạm. Trừ nạn duyên, chẳng được leo lên cây cao quá đầu người, phải nên học một trăm mười hai thứ phải nên học là Đột-cát-la đã xong.

Từ trên bốn Ba-la-di, mười ba tăng-già bà-thi-sa, ba mươi ni tát-Kỳ-ba-la-dật-để-ca, bốn ba-la-mật-để-ca, cộng thành một trăm hai mươi ba-dật-để-ca. bốn Ba-la-để đề xá ni, một trăm mười hai điều phải nên học. Cộng chung là hai trăm năm mươi ba luật nghi, Bí-sô thọ Cận Viên nên tinh tấn giữ gìn. Đây là điều rõ biết thứ ba, phải bỏ trái nhau mà hộ trì.

d. Tịnh tự giới luật hộ trì:

Vì tịnh giới của mình nên làm pháp Bồ-tát, lại vì diệt trừ tai nạn xấu cho thân mạng mình và người mà kiết hạ an cư ba tháng. An cư xong thì làm pháp tự tứ. Ba thứ này là tịnh tự giới luật hộ trì thứ tư. Nghĩa này rất sai khác, phải xem các luật khác.

e. Nương duyên an lạc trụ mà hộ trì:

Áo quần, ăn uống, chỗ ở, thuốc thang, trong bốn thứ này xa lìa hai thứ vui khổ, phải ở mức giữa chừng (trung bình). Đây là nương duyên an lạc trụ mà hộ trì thứ năm. Đây có nghĩa khác nhau, các thứ khác nói lược trong văn Yết-ma Nghi Phạm, hoặc nói rộng trong Tỳ-nại-da, nên xem.

Nếu có phạm thì nên tu bổ:

Muốn trừ tội che giấu thì phải phát bồ, muốn trừ phạm tội thì phải sám hối. Thân miệng chưa làm thì ý đã có tội nghiệp vi tế rồi, vậy phải nên ngăn ngừa, vì muốn Yết-ma chẳng làm chướng nạn, thì phải giữ gìn, không để cho phạm lại nữa thì phải trị phạt, đây là thứ ba. Nếu có phạm thì lại phải tu bổ. Đồng nghĩa rộng khác nhau trong một trăm pháp Yết-ma. Nếu khi làm pháp tu bổ thọ giới hộ trì này thì phải cẩn thận giữ gìn các điều ác, chẳng để cho tổn hại tất cả hữu tình. Nguyện được quả Niết-bàn phải nên hộ trì.

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÍ-SÔ TẬP HỌC LƯỢC PHÁP

Kính cẩn, đầu tiên lược bản này ở đời Nguyên, trí sáng ngày càng mới, tánh từ vốn trời cho. Lúc rảnh rang muôn cơ Thích giáo luôn noi theo. Ấy là Đế sư trí tuệ đầy đủ, tiếng đồn khắp mười phương, giáo lý rỗng suốt, oai đức khắp hợp với vạn vựng, hay dẫn ba tụ Tát-đỏa tất đến ba thứ Bồ-đề. Lại lập Cận Viên khiến chánh mãn giác. Đế sư đức thạnh, tâm miệng chẳng cùng, đã đủ các thứ Thánh năng mà khiến cho đèn pháp truyền trao. Có Tam tạng Bí-sô Pháp Cứu, vâng theo Thánh chủ mà xuất luân, được Đế sư huy trần, tập thành lược bản rộng lớn lưu thông, khiến người nước Hàm-y-la hiểu ba thứ tiếng thông suốt Pháp biện và từ biện, Quan Hàn Lâm vâng chỉ vua là Đàn Yểm Tôn dịch thành chữ nghĩa Úy Ngột Nhi. Dạy trao các lộ thích giáo Đô Tổng Thống là Hợp Đài Rị Đô thông dịch thành tiếng Hán. Niên hiệu Chí Nguyên năm thứ tám, ngày mồng 5 tết Thượng Nguyên.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 166

BỒ TÁT GIỚI BẢN TÔNG YẾU

SỐ 1906

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1906

LỜI TỰA
PHÁP SƯ ĐẠI HIỀN NGHĨA KÝ

Tăng Đạo Phong Chùa Đại Tiến Phước soạn.

Tôi thấy mọi loài nhung nhúc luôn tạo trần nghiệp mà tăng thêm lậu căn, mọi người vội vàng lăng xăng, vịn lấy cấu duyên mà làm bến mê lầm. Ví như hoa đốm ẩn hiện, vòng lửa quay tròn, cho nên đấng Chân Phạm thương xót, chở chuyên thì dùng bè báu, Đấng Thế Hùng giáo hóa thì dùng kim chương. Nếu sâu xa tinh vi, mờ thiếu bí mật thì vượt biết bể, vọng quyên mịch phân, nhà thần linh khanh, trạch dụng điềm chỉ. Từ khi trống trời mới tấu ở quang diệu, đạo thật chánh chân, mắt đời mới mất ở kiên lâm, lý chỉ một ngộ, đến ngàn năm sau hai tông hưng thạnh, chấp có thì sót không, chấp không thì sót có, đều y cứ vào bờ bến chưa lội xuống giữa nguồn. Than ôi! Đức phong hết xông, sương tiên mất vị. Đại nghĩa sắp chết, cái gì là giồng mối, thì năm mặt trời truyền chiếu ở năm trời, hoàn thư lệ cảnh, ngàn bộ tiếng bay ở ngàn xưa, tái thọ hồng huân. Người tin thì nối đuốc truyền đèn, xuân lan thu cúc, phải đến năm trăm mà kiệt khởi, thì đó là ai, tức là Pháp Sư Đại Hiền người Đông Quốc. Huyền phong thanh mạo, đạo khí riêng hùng, dáng đẹp Long chương phụng sồ, lượng thì Hà quan Nhạc Tửng, tới tuổi trưởng thành mới biết cây ở Thanh khưu đến tuổi thành lập, mong thuyền từ nơi lục hải mà dấu vết rất xa xôi, bèn ngầm dùng nghĩa che giấu ánh sáng, rừng tươi khô, khan cầu pháp bị rơi rụng. Nhân thuật Du-già Toản Yếu ba quyển, soạn Duy Thức Quyết Trạch một quyển, Bồ-tát Giới Bản Tông Yếu, một quyển và Bản Mẫu Tụng, một trăm hàng để truyền cho đời sau, đều là lời đẹp lý sâu, văn gọn nghĩa nhiều. Bưu Bính

mà mặt trời trí tuệ thêm sáng, Thái sát mà núi giác càng đẹp, khuyên kẻ mê nơi đường rẽ mà thấy rõ chỉ nam cho xe, không biết hình dáng mặt mày thì xin xem gương Tây Tần.

SỐ 1906

BỒ-TÁT GIỚI BẢN TÔNG YẾU

Sa-môn Thanh Khưu Đại Hiền soạn.

Dũng sĩ đánh trận chết như về. Trượng phu hướng đạo có từ gì, mới vào luôn khó ắt chẳng dễ. Do khó nếu lui kiếp nào thành? Trượng phu muốn làm vua ba cõi, quơ gươm trí tuệ dứt chúng ma, ta ở biển khổ thể không sợ, trang nghiêm thuyền giới với mười phương.

Nay y theo kinh này giải thích trì Phạm, lược có ba môn:

1. Môn nêu ý kinh.
2. Môn năng sở thành.
3. Môn tu hành khác nhau.

1. Môn Ý kinh:

Kinh chép: Kinh Phạm Võng, Phật Lô-giá-na nói phẩm Bồ-tát Tâm Địa. Phạm là nghĩa năng tịnh, Võng là nghĩa nhiếp hữu tình, tức là kinh này cho đến trời Hữu Đảnh trong biển lớn sinh tử mà thâu nhiếp hữu tình hoàn toàn khiến đến bờ vắng lặng, Vô thượng, làm gì ích vô tận các loài đói khát như cái lưới đời. Do đó, Thế Tôn nhân nói Phạm Võng một bộ tông tâm, sinh trưởng muôn đức gọi là Tâm Địa (đất tâm)

2. Môn Năng sở thành:

Lược có hai thứ:

1. Tướng Năng thành.
2. Tướng Sở thành.

1. Năng thành:

Như kinh nói tất cả người có tâm đều phải giữ giới Phật, tức là vô thượng thừa rất rộng rất sâu, vì rất sâu nên tột là vô thượng thừa rất sâu rộng. Vì rất sâu nên rất khó, do rất rộng nên tất cả thành nhân. Một vi trần bé nhỏ là gốc của núi biển. Do đây chư Phật chế giới vô ngại chỉ cần hiểu lời mà phát tâm, do năng lực chủng tánh nên đều thành nhân. Đây là sao? tức như có một người quyết định mong cầu dứt tất cả điều ác, tu tất cả điều lành, hết cõi hữu tình đều đến hạnh trượng phu. Bấy giờ, ở phân tâm giải thoát này do duyên Yết-ma mà được giới Bồ-tát,

tất cả điều ác tức là từ mới phát tâm cho đến Bồ-đề đã dứt bỏ tất cả tạp nhiễm. Tất cả điều lành là từ mới phát tâm cho đến Bồ-đề, đã sinh và được tất cả cõi hữu tình thanh tịnh, là cùng đời vị lai đã gánh vác, tất cả cầu đạo chẳng gì lớn hơn đây, phụng hoàng tuy chưa nở mà thế tự tại vượt cảnh, tâm mới phát tuy còn buộc ràng trong đó mà lại có tánh cận vật, ruồi muỗi vỗ cánh mà không có dạng che trời. Nhị thừa ra khởi nhiễm mà không có công đức che chở chúng sinh, như kinh nói Bồ-tát Ca-diếp tụng rằng: Phát tâm rốt ráo không hai không khác, hai tâm như thế trước hỏi tâm, mình chưa được độ trước độ người, cho nên ta lễ mới phát tâm. Mới phát xong là thầy trời người, hơn cả Thanh văn và Độc giác, như thế phát tâm hơn ba cõi cho nên được gọi Tối vô thượng.

2. Sở thành:

Như kinh nói, tất cả Bồ-tát đã học, tất cả Bồ-tát sẽ học, tất cả Bồ-tát nay đang học, đã lược nói tướng trạng Ba-la-đề-mộc-xoa, tức là giới Bồ-tát y theo thật mà lấy bỏ, chẳng đồng các giới khác của Phật. Phải biết thời nghi nói khinh là trọng, nói trọng là khinh, cho nên ở ba giới tướng quyết định rồi mới so nhìn Thanh văn, lược có ba thứ phân tướng khác nhau.

Phần tướng Thọ giới khác nhau: Nghĩa là giới Bồ-tát trừ đủ bảy giá, tất cả đều thọ được giới chỉ hiểu lời thì được giới chẳng mất. Phật tử trong ba đời kiếp, tất cả Phật thường nói như thế. Do đây cũng có pháp tự thọ. Lại tuy phạm trọng, nếu chẳng phải bảy giá thì hiện đời được thọ, chẳng đồng với giới khác, như bản nghiệp chép:

Mười trong có phạm mà không hối thì được cho thọ lại, Du-già cũng thế. Song trong kinh này ước phạm bảy giá, mật ý nói chung người phạm mười giới trọng thì hiện đời chẳng được giới.

Phần tướng Phạm khác nhau: Luận nhiếp Đại thừa chép: Bồ-tát tánh tội chẳng hiện lành, hơi giống với Thanh văn vì giá tội có hiện hành nên cùng nó chẳng ở chung, chỗ này có Thanh văn Phạm mà Bồ-tát không phạm. Bồ-tát có đủ giới thân, ngữ, tâm; Còn Thanh văn chỉ có hai giới thân và ngữ, nghĩa là người và hành đều có bốn câu. Người bốn câu là:

1. Trong tà ngoài chánh.
2. Ngoài nhiễm trong tịnh.
3. Trong ngoài đều tịnh.
4. Trong ngoài đều nhiễm.

- Hạnh có bốn câu là:

1. Hợp phước nhỏ mà rộng lớn.

2. Thuận với sâu xa mà trái với cạn gần.

3. Đều thuận.

4. Đều trái.

Trong đây cũng có tánh hội hiện hành, như Du-già chép: “Thiện quyền phương tiện vì lợi tha, đối với các tánh tội có phần ít hiện hành mà không phạm lại sinh công đức, cho đến nói rộng”. Do đó mà biết chỉ có cảnh giới Phật là tùy phần, vì tất cả do tâm, chẳng thế thì thế nào? Tựa xếp vào địa ngục, vì các Thánh đã dứt nó.

Như Khế kinh chép: “Bồ-tát biết dùng nhân duyên phá giới mà khiến người thọ trì ưa thích Đại thừa thì được phá giới. Bồ-tát khi ấy nên nghĩ rằng: Ta thà một kiếp hoặc dưới một kiếp đọa địa ngục Vô gián chịu tội báo này, chỉ cốt khiến người ấy chẳng lui sụt Bồ-đề.”

Văn-thù bạch Phật: “Vì người hủy giới này bị đọa địa ngục A-tỳ thì không có việc đó, Phật khen lành thay! Du-già cũng đồng như thế.”

Hỏi: Đã sinh công đức vì sao gọi là tánh tội.

Đáp: Ý vui tuy tốt nhưng phương tiện là ác, nhưng chỗ nào cũng nói chẳng nhiễm thì chẳng phạm, chỉ do ý vui, chẳng do phương tiện vì khi dùng phương tiện thì có nhiễm. Như nói tại gia từ tâm là dâm, xuất gia chẳng như thế vì hộ Thanh văn.

Hỏi: Đồng thọ ba nhóm giới chi phải đồng nhau, vì sao một việc phạm mà một sự lại chẳng phạm khác nhau.

Đáp: Giới chi tuy đồng mà tu có giới hạn, như tánh bất định là sở tri chướng tánh, tùy vào chỗ trông, thấy nhiễm mà chẳng nhiễm.

Phần tướng bỏ khác nhau: Tỳ-kheo có năm duyên, Bồ-tát có bốn duyên, như luận nói rộng. Lại Tỳ-kheo ba phẩm phạm tội trọng đều bỏ tịnh giới, Bồ-tát phải do thượng phẩm triền xả như Từ Tông nói. Nếu Bồ-tát hủy phạm bốn pháp tha thắng xứ, thì thường hiện hành đều không hổ thẹn, lại càng ưa thích thấy công đức ấy, phải biết nói tên thượng phẩm triền phạm, không phải các Bồ-tát tạm một hiện hành pháp tha thắng xứ, liền bỏ Bồ-tát tịnh giới luật nghi như các Bí-sô. Lại giới Tỳ-kheo phải thọ trì chung, phạm một giới trọng liền mất tất cả. Bồ-tát tịnh giới luật nghi như Du-già nói trong giới Bồ-tát không có phạm Vô-dư, cho đến nói rộng, nghĩa là thượng phẩm triền tuy phá một giới trọng thì chẳng mất các thứ khác. Cũng như cận sự chung thọ trì một, tuy gọi là phạm giới mà thành tánh, như Khế kinh chép:

Có mà phạm, hơn là không có mà chẳng phạm, có phạm gọi là Bồ-tát, không phạm gọi là ngoại đạo. Lại như khi mới dạy giới do có một phần thọ, cũng có một phần trì. như Thế Tôn nói thọ một giới gọi

là một phần Ưu-bà-tắc. Bồ-tát cũng thế, là giới gọi tùy phần như Khế kinh nói: Có thọ một phần giới gọi là một phần Bồ-tát, cho đến mười phần gọi là thọ giới đầy đủ. Lại, giới Tỳ-kheo qua đời liền xả. Bồ-tát chẳng phải như thế, dù chuyển sang đời khác nhưng giới vẫn theo rộng nói như luận.

Lại như kinh nói: "Tất cả giới Bồ-tát phàm Thánh đều tận tâm làm thể, cho nên tâm tận thì giới cũng tận, tâm không tận nên giới cũng không tận."

Hỏi: Cũng có thể thọ trì được không?

Đáp: Như chi không lồi, chỗ chế mà thọ. Thời cũng phải thế, thà quá giới hạn (biên tế), như Quán Kinh chép: "Đại vương hằng ngày thọ tám giới."

Hỏi: Nếu thế thì đúng như thời, cần phải đủ chi, hoặc lại như chi cũng có lúc giảm, thời thì trái kinh.

Như nói: Có một lúc Ta ở bên bờ sông Hằng, Ca-chiên-diên đến nói rằng: Bạch Đức Thế tôn, con dạy chúng sinh khiến họ thọ trai pháp, hoặc một ngày, hoặc một đêm, hoặc một lúc hoặc một niệm, người như thế người thành trai chẳng? Con nói: Tỳ-kheo là người được thiện, chẳng gọi là trì trai. Các đệ tử con nghe nói như thế chẳng hiểu ý con, bảo rằng Như Lai nói tám giới tai phải thọ đủ mới được.

Đáp: Một ác nên ngăn thì một chi thành giới. Muốn tiến đến Định tuệ thì chẳng giảm thời. Bồ-tát bảy chúng thuận theo Thanh văn, tám giới cũng thế, thọ riêng như thế.

Như kinh Niết-bàn có bài tụng rằng: Nếu vì đạo vô thượng, trong một ngày một đêm, thọ trì tám trai giới, thì sinh cõi Bất Động.

3. Tu hành khác nhau:

- Lược có bốn thứ:

1. Gần gũi thiện sĩ.
2. Lắng nghe chánh pháp.
3. Như lý tác ý.
4. Đúng như lời dạy mà tu hành.

1- Gần gũi thiện sĩ:

Như Thế tôn nói tất cả chúng sinh là nhân duyên gần của đại Bồ-đề, không có bạn lành trước, nghĩa là bạn có bốn:

a. Thuận thiện trái ác.

b. Thuận ác trái thiện.

c. Thiện ác đều thuận.

d. Thiện ác đều trái.

Trong đây cái đầu thì đồng với sự, tùy điều ác ấy đã sửa đổi, làm thầy, chẳng phải bạn đồng tâm mà đoạn vàng, mở hạt châu trên trán khiến thành pháp khí Bồ-đề. Có ai chẳng bằng vào thẳng gần gũi tốt mà lập công, cho nên gần gũi thiện sĩ làm đầu.

2- Lắng nghe chánh pháp:

Như Khế kinh nói nếu lửa đầy khắp thế giới, thì cần phải nghe pháp, tức là nhờ một câu có thể dứt được vòng khổ, nghe nửa bài kệ thì hồn chìm núi tuyết. Song ở bốn chỗ mà an trụ chánh niệm, sau mới thưa hỏi. Như luận nên biết, sảng nghe chưa chiều, cần phải lưu thông, lấy chánh hạnh người khác làm muôn hạnh của mình. Nếu lầm chánh niệm thì đọa địa ngục A-tỳ, lợi một chúng sinh thì cam tâm chịu khổ như Khế kinh nói: Với một chúng sinh mà ức kiếp tu hành khiến vô lượng chúng thoát khỏi biển khổ.

3- Đúng như lý tác ý:

Nghĩa hóa là quán bốn việc trước trị bốn đảo:

a. Các hạnh vô thường, có sinh phải có diệt, có thạnh phải có suy, không phải rốt ráo.

b. Hữu lậu đều khổ, do ba khổ, nhưng do lưới ái mà bị cột trói trong sinh tử. Hợp ly là mủi nhọn độc cắt xé, tên lửa buồn khổ bắn ra, nói rộng như trong luận.

c. Cõi bất tịnh tạp nhiễm, giống như tịnh hiện, như oán giả thân, các tưởng bất tịnh như luận nói rộng.

d. Các pháp vô ngã, hai ngã đều không tức là các uẩn pháp sinh diệt làm thân, khởi chẳng nói khởi, diệt không tưởng diệt. Các pháp một tướng gọi là vô tướng, như huyễn duyên sinh, không có tự tánh, vì tánh không tánh, tức tánh các pháp. Tuy không ra khỏi tướng mà chẳng thấy thân nó tuy ở trong lời chưa nói hình trạng nó.

4- Đúng như lời dạy mà tu hành:

Thề khởi mười địa, chí xa mong Bồ-đề, xuất gia từ biệt người thân, qui y lường bát đúng pháp thọ trì. cây trăm họ xem là của cải giới định tuệ, đúng như lời dạy mà tu hành. Lại nói thế này là bốn môn khéo léo. Bồ-tát thực hành tịnh giới, đủ tư lương nhiệm mầu:

1. Môn chánh niệm giữ gìn.
2. Môn Ba-la-mật cao siêu.
3. Môn tánh khinh trọng.
4. Môn tướng Trì Phạm.

1- Môn giữ gìn chánh niệm:

Những gì đáng yêu thích thì nghĩ rằng: Các dục không thể no, như

xương khô, cho đến ách như cây thẳng nát quả, như cô gái La-sát, ít mùi vị mà nhiều tai ương, hai khắp các nghĩa lợi thế gian va xuất thế gian. Ở đây mà không nhịn được làm sao hết khổ. Nếu đối trái nhau, phải nghĩ mê tâm minh, chấp làm khác nên vọng sinh mừng giận. Chết chìm trong biển khổ, từ nghiệp chịu quả, dẫn người khác làm duyên khiến đọa vào đường ác, lời mình rất sâu. Con từng cầu việc vô nghĩa lợi, sự chẳng sợ phải chịu khổ lớn lâu dài địa ngục, huống là Bồ-đề khổ nhỏ tạm thời mà chẳng chịu được hay sao?

Nếu ở trong dung phải nghĩ rằng: Mạng sống nhanh chóng như tên bắn, cúi ngước một đời, ngày nay sắp hết có nghĩa lợi gì đâu. Vô thỉ cung cấp cho thân nay thân trở lại hại, vô biên sinh tử không chỗ kiềm chế.

Như Đức Thế tôn nói: Đất đai không thật có, các ông đêm dài chẳng chịu vô lượng khổ sinh tử, một người một kiếp chỗ chịu tân xương, chẳng hư hoại thì chất đầy như núi cao bên thành Vương-xá, còn sửa đã uống thì nhiều như nước bốn biển, máu do thân chảy ra, lại nước mắt khóc cho yêu thương mà phải xa lìa thì nhiều hơn nước bốn biển. Tất cả cỏ cây trên đất liền đều chặt ra làm thẻ để đếm số cha mẹ cũng chẳng thể hết. Từ vô lượng kiếp đến nay ở trong địa ngục, hoặc ở trong súc sinh hoặc ở trong ngạ quỷ chịu các hành khổ chẳng thể đếm kể. Như thế suy nghĩa nhiều đêm không biếng lười. Cho đến nằm nghiêng không phải trụ vào tưởng ánh sáng, phiền não sâu không đáy, biển sinh tử không bờ, thuyền độ khổ chưa dừng làm sao được ngủ nghỉ.

2- Thuộc về môn Ba-la-mật-đa: Lược có hai môn là:

1. Thuộc về tánh chung.

2. Thuộc về tướng riêng.

Một thứ đầu các hạnh, do làm và chẳng làm, phải làm, bốn câu bảy thứ nhiếp thọ tối thắng nên gọi là Đáo Bỉ Ngạn, nói rộng như trong luận. Nhưng Đáo Bỉ Ngạn đều có chín tướng như Du-già nói, phải nên khéo léo. Sau có ba thứ:

1. Nhân quả, nhiếp trước làm y sau nên thuận câu nhiếp trước, tịnh sau trì trước nên thuận câu nhiếp sau. Tuy khác biệt tu, tuy tu khác nhau nhưng do dần trì nên mỗi mỗi tự nhiên tu khắp tất cả.

2. Thể nhiếp tu việc mỗi nhiếp hạnh, tất cả vô sân nhẫn tánh, tất cả tu nghiệp giới tánh, tất cả vô sân nhẫn tánh, tất cả tánh tinh tấn mạnh mẽ, tất cả chuyên chú tịnh tự tánh, tất cả chánh kiến hậu ngũ tánh, cho một hạnh này mà tu tát cả hạnh thì phải tương ưng.

Dùng nhiếp các pháp vô tham:

Mỗi mỗi có đủ vô ứng thí, cho đến thành tựu trí hữu tình cùng giúp nhau mở mang quyến thuộc, đều dùng tất cả các hạnh công đức làm tự tánh. Do đây tất cả hạnh làm tất cả hạn. Cho nên một niệm tu tất cả hạnh, đâu chỉ A-tăng-xí-da về sau. Lại vô số kiếp thật ở một niệm. Như toàn hạnh thật hướng tự hạng, vì đời vị lai, hạng cùng bối nhau vì đời quá khứ không đầu không đuôi qui về một niệm. Nên có bài tụng rằng: Ở mộng bảo cả năm thức rồi chỉ chốc lát cho nên thời vô lượng nằm trong một sát-na.

3- Môn tánh khinh trọng:

Chỗ lấy và bỏ tuy nhiếp tất cả tạp nhiễm thanh tịnh nhưng đối với gia hạnh nghiệp chế các giới cấm, lược có mười trọng và bốn mươi tám khinh nhưng giới Bồ-tát ý địa làm gốc, nếu thấy thắng lợi thì buông lung thân ngữ, không điều ác nào chẳng do tham sân si, đều là dẫn tốt suy ra xấu. Do đó bốn thứ sau là căn bản trọng. Trong giới nhiếp thiện, cực trái có hai một là tu phước bỏ trí, hai là bỏ Đại theo Tiểu. Tham riêng dẫn đầu, ngu si dẫn khắp, hai thứ kia dẫn sau vì trái Đại thừa. Trong nhiếp hữu tình cực trái có hai:

1. Trước mình sau người.

2. Có tưởng oan thân, chỉ ác dẫn đầu, tham sân dẫn sau, ngu si tà kiến dẫn chung tất cả.

Do đây tùy ưng là gốc ba tụ

4- Môn tướng Trì Phạm:

Lược có ba môn:

a. Môn tướng chung.

b. Môn tướng riêng.

c. Môn rốt ráo.

a- Môn tướng chung:

Nếu làm thì phạm, dù phạm cũng làm, bốn câu phân biệt, hoặc có làm mà chẳng phạm. Tức là trong giới kiến thắng lợi của Bồ-tát cho đến hạ phàm có tâm lành mà làm đều là không phạm. Hoặc có khi chẳng làm mà phạm, tức là tùy hỷ (thấy làm mà vui theo). Các câu khác nên biết, nếu phạm thì nhiễm, nếu nhiễm thì nhất định phạm, nghĩa là có bốn câu: Câu một là vô phú vô ký, vô tri buông lung. Tội này giúp ác vời lấy quả ấy. Câu hai là, tức muốn dứt nó mà sinh khởi ý vui phát siêng tinh tấn, phiền nào hứng lấy che mờ tâm ấy, lúc nào cũng khởi. Các câu khác nên biết. Nếu phạm thì tội, nếu tội cũng phạm, tức là thuận câu trước. Vì phạm loạn v.v... mà không hề biết, cho nên có tư nghiệp, nếu có trọng khinh thì cũng có nghiệp đạo, nếu có nghiệp đạo

thì cũng là tội trọng, bốn câu phân biệt, hoặc có khi là trọng mà chẳng phải nghiệp đạo, tức như bán rượu v.v... và một phần khác, hoặc có khi là nghiệp đạo mà chẳng thuộc trọng, như là ỷ ngữ, v.v... các câu khác nên biết. Nếu là trọng nghiệp đạo cũng sẽ xả giới, nếu xả giới thì cũng là trọng nghiệp phải chăng? Nên làm bốn câu:

1. Trung hạ phẩm triền, phạm tha thắng xứ, tức là có hổ thẹn, cũng chẳng có kiến chấp sâu là công đức.

2. Tự mình và hướng về người khác, bỏ nguyện Bồ-đề.

3. Thượng triền, chung riêng phạm tha thắng xứ, khởi tội căn bản.

4. Trừ tướng này là câu thứ tư.

Hỏi: Nếu thế vì sao kinh bản nghiệp chép: Giới Bồ-tát có phép thọ mà không có phép xả bỏ, có phạm mà chẳng mất, hết mé vị lai.

Đáp: Hạ thừa hướng Đại thì có phép xả, bỏ giới Bồ-tát, không phải như thế. Hoặc giới Bồ-tát không phạm vô dư, không có hết tất cả, như trước đã nói.

b- Môn tướng riêng:

Nếu ở mình người khen chê thì tội, nếu chê khen cũng là phước hay sao? Tức có bốn câu hoặc có khen chê tội hoặc khen chê phước. Như đối với người mà làm tổn hại hoặc làm lợi ích. Hoặc có khen chê phước, khen chê tội. Vì dẹp tà, vì tài dẫn lợi, hoặc có khi khen chê vừa phước cùng tội. Khen chê cũng như thế, tức là thuận cạn nhỏ trái sâu rộng, hoặc có khen chê, chê khen, không tội không phước, tức như tâm tăng thượng phạm loạn, hoặc trọng khổ bức, hoặc chưa thọ giới vô ký mà làm. Nếu khen chê tội thì là tha thẳng xứ. Nếu tha thắng xứ thì cũng khen chê hay sao? Nghĩa là tướng khinh trọng khó thể quyết định, tùy vị trì phạm rất sâu kín. Nhưng y cứ nghiệp đầu bốn câu phân biệt, tức có khen chê mà chẳng phải trọng tội. Tuy có yêu ghét mà chẳng làm lợi. Tuy nhiễm phạm tội mà chẳng phải trọng. Các câu khác nên biết, trong đây lại nói giới khen chê, các loại trì phạm khác ở đây nên biết, tức là giới Bồ-tát cùng các hạnh tâm rộng mênh mông không bờ bến, không hề trở ngại. Có người làm nhiều hơn cát bụi, muôn hạnh mỗi hạnh cả ngàn muôn, ứng theo trần cơ mà tu mỗi việc. Tánh tội phước khó biết khác? Một hạnh ứng trần, tướng tà chánh dễ lạm. Tuy vô số cơ nhưng đều nhập đạo Bồ-đề, cao sinh tình hẹp mà chê đều là nhân, khen sâu vào tuệ rộng, tuy đồng mặt người đâu hợp một tướng, tuy đi đường xa đâu chỉ dùng chân. Như Khế kinh nói: Đối với thừa chậm bèn gọi là chậm. Ở giới chậm thì chẳng gọi là chậm. Bồ-tát Ma-ha-tát đối với Đại

thừa này tâm không phải mạn, đó gọi là vâng giữ giới, vì hộ chánh pháp dùng nước Đại thừa để tự tắm gội. Cho nên Bồ-tát tuy hiện phá giới mà không gọi là chậm.

c- Môn Rốt ráo:

Tức dùng hai không, mất tướng ba luân, như Khế kinh chép: Phải dùng Bất Hộ viên mãn tịnh giới Ba-la-mật-đa, phạm tướng không phạm chẳng thật có nên gọi là ba luân tướng giới, tội, nhân. Vì chẳng tức duyên nền tướng chẳng phải có tức. Trung gian đều chẳng thật có. Tánh chẳng phải thật có, nên vật tăng có thể trì. tướng chẳng phải không nên chẳng bác không phạm. Không mà chẳng bát, nên chẳng mất giới tướng. Có mà chẳng thêm nên không phạm giới tánh. Tuy nói tướng khinh trọng, phải quấy mà thấy ba luân chẳng phải hạnh rốt ráo. Các pháp nghĩa như nên gọi Như Lai, do tu vô ngã mà được hạnh vô tướng này, dứt bỏ hai tướng, đầy đủ hai lợi nên gọi là rốt ráo. Vì sao? Vì trong một niệm ba đời viên dung gọi là Bồ-đề chẳng lìa phát tâm. Tăng thượng ý lạc từ đây mà sinh. Như Khế kinh chép: Đương quả chư Phật, xoa đảnh nói pháp, một pháp không thì tất cả vô sinh. Liền bảo tự tâm có ra sáu đường. Đồng thể đại Bi từ đây mà khởi, như Khế kinh nói tức pháp thân này có vô lượng phiền não quấy động, tới lui sinh tử nên gọi là chúng sinh. Hộ trì đã thế, xuất ly cũng thế. Như có bài tụng rằng:

Tất cả biển nghiệp chướng.
Đều từ vọng tưởng sinh
Nếu người muốn sám hối
Ngồi thẳng quán thật tướng.
Các tội như sương mù
Mặt trời tuệ làm tan
Cho nên phải dốc lòng.

Siêng sám hối sáu căn. Ba tụ giới này lìa bờ khổ vui, chứng đoạn trí ân, ba thân đức Bản. Khuyên như so dây đàn phải lấy ở mức trung bình. Như Khế kinh nói Bồ-tát vì đạo mà thọ bốn thứ cúng dường, thân chẳng bền chắc thì chẳng chịu khổ, chẳng chịu được khổ thì chẳng thể tu hành. Đối với khổ sinh giận ghét, thì đối với vui sinh tham, cho đến nói rộng: Ta vì hỏi khắp tất cả Luận tông, trong khoảng đốm báu, tuổi nhỏ vị đủ. Nay sao tu tập vết xưa. Như Du-già ký và tụng đều bày ý vui của mình như Duy-thức phán một quyển, may có kẻ đồng thú rõ mà lấy quyết, đã mở Thánh điển vi mật yếu. Gương tròn treo trên hư không chiếu xa. Thân người Thánh giáo khó thể gặp, kẻ có tâm muốn xuất trần đã kịp thời.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 166

BỒ TÁT GIỚI BẢN TRÌ PHẠM YẾU KÝ

SỐ 1907

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1907

BỒ-TÁT GIỚI BẢN TRÌ PHẠM YẾU KÝ

Sa-môn Nguyên Hiểu nước Tân-la (Triều-tiên) soạn.

Giới Bồ-tát là bến lớn ngược dòng về nguồn, là yếu môn bỏ tà về chánh. Nhưng tướng tà chánh dễ lạm, tánh tội phước khó phân. Sao lại trong ý thật tà, mà tính ngoài giống chánh, hoặc biểu nghiệp đồng nhiễm mà trong tâm lại thuận tịnh, hoặc có tạo nghiệp họp với ít phước mà lại gặp nạn lớn, hoặc có tâm làm thuận sâu xa mà trái với cạn gần. Đó là đạo nhân chuyên uế, Sa-môn khắc tư. Vì mãi chuyên giống như dấu vết mà quên mất chánh nhân. Thường khắc giới sâu mà cầu hạnh gần. Nay đem việc trái cạn mà toàn sâu, bỏ giống dấu vết mà theo thật. Vì tự chóng quên nên ghi riêng cốt yếu, mong những kẻ đồng thú biết rõ mà lấy quyết, yếu Trì Phạm có ba môn:

1. Môn khinh trọng.
2. Môn cạn sâu.
3. Môn trì phạm rốt ráo.

1/ Trong môn đầu lại có hai câu:

1. Xếp chung vào nặng nhẹ.
2. Bày riêng khác nhau.

Phán chung:

1- Là trong tội cấu nặng nhẹ luận nói khác nhau, loại đầu có tám mươi bốn ngàn, nêu tổng quát các yếu, có ba loại riêng, hoặc bốn mươi bốn như Đạt-ma giới bổn nói. Hoặc có bốn mươi tám như Đa-la giới bổn đã nêu, hoặc có hai trăm bốn mươi sáu khinh, như Kinh Biệt giải thoát giới đã lập. Trong phần thứ hai này có cộng và Bất cộng. Tướng

cộng và Bất cộng y theo văn sẽ hiểu. Trong giới trọng, nói chung có mười, nói về loại riêng thì có ba thứ, hoặc có trọng của cộng Tiểu, tức là bốn thứ khác, hoặc có trộng của Bất cộng, tức là bốn thứ sau. Hoặc lập trọng và bất cộng của tại gia Bồ-tát; phán chung nghĩa loại khinh trọng là như thế.

2- Nói khác nhau thì nay y theo giới bổn Đạt-ma mà nói về tánh tướng khác nhau. Văn nói: Đối với có trái phạm là nhiễm và chẳng nhiễm. Nhuyến Trung thượng phẩm cần phải hiểu rõ. Dục và Bi tuy là nghiệp đồng mà có phạm và không phạm. Nói có phạm, là do bốn nhân phạm các việc. Còn không trái phạm là do ba duyên mà làm các việc. Ba duyên là gì? Tức là nếu tâm tăng thượng cuống loạn hoặc bị trọng khổ ép bức, hoặc chưa hề thọ tịnh giới luật nghi ba thứ không phạm này chung cho tất cả giới, nói riêng về không phạm như nghĩa nói rộng, trong có phạm thì có hai tụ, trong trọng phải biết nhuyến trung thượng phẩm, trong khinh phải biết là nhiễm, chăng nhiễm mà nói chung. Trong bốn nhân, nếu do không biết và do buông lung thì các tội đã phạm là chẳng nhiễm ô. Nếu phiền não mạnh và khinh mạn thì các tội đã phạm là do nhiễm ô. Nói riêng về nhiễm và chẳng nhiễm thì cũng y vào bản văn có thể biết. Tuy nói như thế, một, hai mà luận là ở giới đầu để bày tướng. Ở một khen chê có bốn thứ khác nhau, nếu vì khiến nó đến tín tâm, tự khen chê người khác, khen mình chê người là phước chẳng phạm. Nếu do tâm buông lung vô ký tự khen chê người khác là phạm chẳng nhiễm. Nếu ở người khác có tâm yêu giận, tự khen chê người khác là nhiễm chẳng nặng. Nếu vì tham cầu lợi dưỡng cung kính mà tự khen chê người khác là trọng, chẳng phải khinh. Trong cái thứ tư có ba phẩm thành ba, nguyên do cùng có hai đường tức là do sự và do triền, nếu triền hiện hành chẳng phải rất mạnh mẽ, hoặc phát sanh hổ thẹn là nhuyến phẩm. Tuy rất mạnh mẻ không có xấu hổ, chưa thấy làm đức và ở trung phẩm đều không hổ thẹn mà càng ưa thích, thấy là công đức, ấy là thượng phẩm. Do sự nếu chê người khác ấy là nhuyến phẩm. Trong thượng phẩm tội chẳng phải một mối, tùy nó khó biết, lược bày ba cặp. Người trong Phật pháp phần nhiều đều y theo ba học mà khởi việc ma, giống như Phật đạo, cũng như giòi trong thân sư tử mới ăn thịt sư tử, các loài khác không thể ăn được, là y vào tâm học thì có hai loại sâu ăn diệt Phật pháp: Một là tham; hai là mạn.

Do tham thì như có một loại nhàn cư tịnh lự (Tịnh lự ở chỗ vắng) lìa các tán loạn nhiếp tâm thiền môn do tâm trừng tịnh mà phảng phất có thấy, hoặc do tà thần gia sức cho biết. Lúc đó, do ít học, tùy chỗ thấy

biết (kiến thức) khiến người nghe biết. Người tài giỏi ở đời đều nghi là Thánh. Đây là do bày riêng dấu vết giống Thánh, khắp đè các tăng làm không chỗ về để phá Phật pháp, cho nên bị trọng tội, ấy là tên giặc nguy hiểm trong chư tăng. Do mạn là như có một loại ở lâu trong núi sâu có chỗ tâm đắc, tu nghiệp vắng lặng. Ma biết tâm ấy có thể làm động hoại, bèn phát tâm trên hư không có tiếng nói khen việc làm ấy, người này do đó khởi tâm trị cao, đè khắp chư tăng ở nhân gian: Ai đáng khen ngợi việc làm đó, người này tội nặng hơn trước, ấy gọi là Bồ-tát Chiên-đà-la. Cặp thứ hai là y theo giới học, có hai loại sâu ăn diệt Phật pháp: Một là theo tà giới; hai là theo chánh giới.

Tà giới là như có một loại tánh không ngay thẳng, hoặc theo giới tà, hoặc tự nghĩ tà, chẳng mặc áo quần, chẳng ăn cơm khoai, ấy là muốn tham cầu lợi dưỡng cung kính, tự khoe khoang không ai sánh bằng để dối gạt người ngu, mong đám ngu đều kính trọng đức của mình, lấn át khắp tất cả không dấu vết. Do đó trong làm tổn thương chân, ngoài làm loạn người, tội thương loạn là nặng nhất. Về Chánh giới, như có một loại tánh là cạn gần, ở đời đại vận nhiều người biếng trễ thì riêng chánh thân mình oai nghi đầy đủ, liền khởi tâm tự cao mà khinh chê đại chúng, thừa gấp giới chậm. Người này hoàn toàn bất thiện vì hủy đại cấm, chuyễn phước thành hoa chẳng gì nặng hơn.

Hỏi: Tội tà giới phải như đã nói, trì chánh giới đâu có gì là tội, sở dĩ như thế, là như có một loại trong không có các triền, chẳng xem người khác làm và chẳng làm, chỉ xét tâm mình riêng trì chánh giới. Như thế Bồ-tát do đầu thành phạm?

Đáp: Nếu không tâm nhiễm chẳng ở trước nói, mà đối với người này cũng phải phân biệt. Nếu do riêng tịnh khiến người đời đối với các tăng không cho là ruộng phước, lợi dưỡng tôn trọng qui về riêng mình, tuy thuận theo tự độ, tâm giới Thanh văn mà trái với tâm giới rộng lớn của Bồ-tát, như giống vô thường... Các quán của Thanh văn tuy đối với sự cạn là không điên đảo mà đối với pháp thân tức là điên đảo. Phải biết trong đây thuận nghịch cũng như thế. Nếu do tịnh riêng khiến các người thế gian chưa tin thì tin tăng trưởng, khắp đối các tăng cúng dường bình đẳng, chẳng phải chỉ không phạm mà còn sinh ra nhiều phước. Nhưng nếu do riêng tịnh mà ở chỗ tạp nhiễm dùng đây để so với chúng chẳng lấn áp các nhiễm, lại muốn cho người khác sinh tâm cung kính, cũng như đầu đội mặt trăng mặt trời mà làm mà muốn cho chẳng mờ tối. Tự chẳng phải biết cơ đại Thánh làm sao được như thế. Vì cớ ấy nên các đại hiền xưa khuyên con rằng: Cẩn thận, chớ làm lành. Người con hỏi:

Phải làm ác ư? Cha nói: Điều lành còn chẳng làm huống là làm ác? Cặp thứ ba là y vào Tuệ học.

Cũng có hai nhóm tự khen chê người khác: Một là do tăng ích, hai là tổn giảm do tăng ích: là như có một loại tánh là nghe tà, vì hơn người khác nên nhóm họp nhiều các luận, mà chẳng hiểu các pháp đều lìa nói năng chấp có, như nói tự tánh khác nhau, vì được danh lợi mà nói thế này: Ta được ý của chư Phật ba đời, nếu khác đây thì đều là mạn thuyết. Người này ở một khen chê có bốn điên đảo, vì loạn Phật pháp nên thành tội trọng, nghĩa là vọng chấp có chỗ được thấy, cách xa ý Phật như trời với đất, mà bảo ta gần ý Phật là một điên đảo.

Ý Phật sâu xa, dứt hết các lý luận, đối với tất cả pháp đều không hề được mà dẫn là vọng thấy đồng với mình, là điên đảo thứ hai. Bày dẫn là vọng thấy đồng với mình là điên đảo thứ ba, lấn áp các thuyết lìa biên, đặt dưới thiên chấp là điên đảo thứ tư. Do tổn giảm là như có một loại bản tánh thấp hẹp, chẳng gần bạn lành, chẳng học hỏi rộng, học tập riêng một phần kinh luận sâu xa mà chẳng hiểu ý sâu, theo lời lấy nghĩa, bài bác các pháp y theo đạo lý khác nhau khởi kiến chấp như thế mà nói rằng: Ba tánh ba đế chỉ là giáo môn, trong không có gì lập bày giả danh, hiểu như thế bèn cho là chân thật, khác với lời nói này, thì đều là lý luận. Do riêng mình tự thấy không nhận lời người khác nói, nếu gặp kẻ độn căn ít học rơi vào chỗ phá theo lời người ấy nói, liền bảo người này rất sáng suốt, ngay thẳng, nếu gặp kẻ thông minh hiểu văn nghĩa thì chỗ khéo lập nghĩa chẳng rơi vào chỗ phá liền nói thoát thất, tức là tâm mê lầm chưa biết tự giải các sự tối tăm ám độn, chẳng thể theo ý phá, nghĩa là tâm ấy chẳng chánh, chưa bằng ý ta, ở đây giống như chó nhà đuổi? Trông chẳng thể lịp liền bảo đã vượt qua, ngừng mà nhìn lại. Người tổn giảm này lược do hai ngu, mất hoại Phật pháp cho nên thành tội trọng: Một là ngu thấp chê cao; hai là ngu ít chê nhiều.

Ngu một kiến tổn giảm này ở trong các kiến là thấp nhất, cũng chẳng bằng ngã kiến của ngoại đạo. Vì sao? Vì người này uống thuốc quá nhiều nên biến thành bệnh nặng. Hình dạng bệnh nặng rất giống như không bệnh, cho nên không có cách trị bệnh nầy, cũng nào có người tự biết là tai nạn. Cũng như căn bản vô minh rất tối cùng sáng Bát-nhã mà dạng nó rất giống nhau không có năng sở, vì đều không có năng sở. Cho nên vô minh đó sáng rất khó diệt. Phải biết bệnh này khó trị, cũng giống như thế. Như kệ nói: Vì trừ chấp có nên Như Lai nói không, nếu người chấp không, chư Phật chẳng thể độ, lại cái thấy này do hiểu mê lầm, mạn khởi tín tâm. Nếu y vào cái thấy này thì tu tâm sáng danh ắt

bác tín tâm mà rơi vào tà kiến vô số kiếp chịu khổ Vô gián, cho nên Bồ-tát rất thương người khác theo nó, cho nên khuyên răn mà nói: Tất cả người có trí đồng phạm hạnh chẳng nên ở chung. Tất cả ngoại đạo khởi ngã kiến, tuy có trái lý mà không phải họa ấy. Như kệ nói rằng:

Thà khởi chấp ngã như núi Tu-di
Chẳng khởi chấp không dù như hạt bụi.

Do hai duyên này ở thấp nhất mà chẳng dứt khởi tăng thượng mạn, giống như Sa-di thấp nhất mà bảo là ở trên Hòa thượng. Do gọi là nêu thấp làm cao ngu. Ngu thứ hai, nhưng Phật đạo rộng thênh thang vô ngại, vô phương, không có chỗ nêu mà đều đúng. Cho nên nói tất cả nghĩa khac đều là nghĩa Phật. Nói trăm nhà không chỗ nào chẳng phải là tám muôn môn, đều có thể nhập lý mà nó tự ít học nên chỉ thấy hẹp hòi. Đồng cái thấy ấy chính là phải được. Khác với kiến ấy đều gọi là thoát thất. Cũng như trong ống đều chẳng thấy trời xanh, ấy gọi là ngu riêng ít mà chê nhiều.

Hỏi: Như kinh nói: Thí như kẻ nghèo đi ăn xin, ngày đêm đếm tiền cho người khác, chẳng thể như lời dạy mà thực hành. Học nhiều cũng giống như thế. Lại nói: Nếu có người phân biệt dâm si và đạo, người ấy cách Phật rất xa cũng như trời và đất. Là biết học nhiều có chỗ thấy được, gần với người xin ăn, cách xa Phật đạo, tuy nói được ý mà chẳng quên lời, thường cầu danh lợi còn hơn người tục. Rơi vào chấp nghiêng lệch, sự quá rõ ràng. Nay đám học trò của ta chẳng khác với kia, chẳng màng danh lợi, bỏ hết việc đời, tin sâu Phật pháp, chuyên cầu vắng lặng. Chỉ vui tùy phần, chẳng phải tà là chánh. Lại chấp có là thêm, chấp không là tổn. Chỗ thú tông của ta có không đều bỏ, lặng im. Không chỗ y cứ, quán hình dạng như thế, đâu được gọi là tai nạn.

Đáp: Kẻ đuổi theo danh lợi là trái đạo theo tục, ấy là mất lý, có gì đáng tiếc. Dứt hẳn lưới đời đến với đạo, uống thuốc thành bệnh rất là đáng thương. Lại biết mình mê là không phải mê lớn, tự biết mình tối là không phải cực tối. Nếu như tâm hạnh của ông chẳng trái pháp tướng, thật chẳng bài bác y theo đạo lý khác. Chẳng chấp có mà chẳng rơi vào không. Ông tự lìa biên, khéo hội Trung đạo chẳng ở loại khác, bỗng trốn chạy. Tuy nhiên tự ở trong ống mà chẳng ở người khác, còn rơi vào chấp một bên, cùng chẳng phải tịnh trí.

Như bài kệ trong kinh chép:

Chẳng chịu nhận pháp khác.
Ấy gọi là người ngu.

Có các nói suông đều là người rất ngu, nếu y vào thấy ấy mà sinh

ra các ký luận. Nếu đây là tịnh trí thì đều là tịnh trí. Nếu kiến giải của ông rơi vào ác chấp không, bài bác duyên có, cũng bác không có, rất là tổn giảm mà chẳng tự biết. Chỉ ông rất xa đạo, bèn gần với kẻ ăn xin, như kẻ ăn xin nói: Nhiều báu là giàu, ít tiền là nghèo, ta không nhiều báu, cũng không ít tiền, an nhiên vô cứ, ta không phải biết không nhiều không ít la rất nghèo cùng. Bác có bác không là rất tổn giảm. Nhưng chí đạo mê mờ, đúng sai chẳng phân, tâm hạnh nghiêm mật, được mất khó biết. Chỉ có gốc lành đời trước, bẩm tánh ngay thẳng, điều phục ngã mạn. Gần thiện tri thức: kính nương Thánh điển, xem là gương tâm, từ trong quán xét thật chín tâm hạnh. Nếu người như thế, may mắn trị bệnh chấp không sai lầm. Vừa nói chỗ chư Phật chẳng thể dạy, là vì muốn khiến người ấy tự sợ sệt sửa đổi, cho nên lại được chư Phật hóa độ, vì nói chẳng hóa là khiến tự hóa.

Hỏi: Nếu muốn ở đây tự xét tâm bệnh thì y vào những sách nào là gương sáng nhất?

Đáp: Như kinh Thâm Mật chép: Nếu các tánh hữu tình không phải ngay thẳng, không phải loại ngay thẳng. Tuy có sức chọn lựa phế lập, mà tự an trụ vào chỗ mình thấy mực trung, thấy nghe chỗ nói mật ý sâu xa mà không có khả năng hiểu như thật. Đối với pháp đó tuy sinh tín hiểu, mà nghĩa thì chấp trước lời nói: Tức là tất cả pháp quyết định đều không tự tánh, quyết định chẳng sinh chẳng diệt, xưa nay vắng lặng, tự tánh Niết-bàn. Do nhân duyên này mà đối với tất cả pháp ba thứ tánh tướng đều vô tướng, bài bác ba thứ tánh tướng của các pháp. Vì sao? vì có tướng y tha khởi và tướng Viên thành thật, cho nên: Biến kế sở chấp mới lập bày được. Nếu thấy hai tướng là vô tướng thì nó cũng bác bỏ tướng biến kế sở chấp. Cho nên nói nó bác bỏ ba tướng. Nó tuy ở pháp khởi tín hiểu nên phước đức thêm lớn. Nó tuy đối với pháp khởi tín hiểu, nên phước đức thêm nhiều. Nhưng đối với chẳng phải nghĩa mà khởi chấp trước nên lui mất trí tuệ, trí tuệ lui nên mất pháp lành vô thượng rộng lớn.

Luận Du-già chép: Như có một loại nghe nói khó hiểu tương ưng với tánh không, chưa hiển bày rõ nghĩa của mật ý kinh điển sâu xa, chẳng thể như thật giải thích lời nói, mà khởi luống dối phân biệt chẳng đúng lý. Do chẳng khéo léo suy nghĩ chỗ trích dẫn mà khởi kiến chấp như thế, lập luận như thế tất cả chỉ là giả, ấy là chân thật. Nếu thực hành quán như thế thì gọi là chánh quán, đâu phải được có tất cả chỉ là giả, ấy là chân thật do đào lý này, nên nó đối với hai thứ chân thật và hư giả đều chê, là đều không thật có, phải biết đó là rốt ráo không. Không

như thế thì tất cả người có trí đồng phạm hạnh, chẳng nên ở chung Thế tôn y theo mật ý này mà nói rằng thà như một loại khởi chấp ngã kiến còn hơn, một loại chấp không sai lầm. Thế nào là chấp không sai lầm, nghĩa là có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn do đó nên cũng chẳng tin nhận không, đối với không cũng chẳng tin nhận nên gọi là ác thủ không. Vì sao? Vì không ấy thật là không, ở đây mà không thì thật này là có. Do đạo lý này có thể nói là không. Nếu nói tất cả đều không thật có thì vì sao nói không. Cũng chẳng nên nói do đây ở tức nói là không. Cho nên gọi là ác thủ không, cho đến nói rộng. Lại chỉ bàn luận, lại kết bản tông, trì phạm khinh trọng lược tướng như trước.

2/ Nói Trì Phạm cạn sâu:

Nhân trước nói khen chê giới để hiển bày tướng cạn sâu của trì phạm. Như Đa-la giới bản chép: Thường thay thế chúng sinh chịu các hủy nhục, việc xấu về mình, việc tốt về người khác, nếu tự khen khoe đức mình mà che giấu điều tốt của người khiến người bị hủy nhục ấy là phạm tội Ba-la-di. Y theo văn này thì cạn sâu có thể hiểu, chê mình khen người thì là phước nghiệp, khen mình chê người nhất định là phạm tội. Như thế một mực theo lời chấp mà tu phước thì phước hạnh ít mà tội nghiệp nhiều. Muốn bỏ tội ấy thì tội một mà trừ phước ba.

Đó gọi là biết cạn lỗi Trì phạm kẻ thượng sĩ nghe liền hiểu ý thú, nêu một góc liền biết ba góc kia, mà biến ở một văn đều dùng bốn câu mà phán. Do đó xem xét không lạm, không có phước mà sót, không có tội mà biện. Đó gọi là hiểu sâu đức trì phạm. Nói bốn câu mà phán, là hoặc có tự chê mình khen người là phước, khen mình chê người là tội. hoặc có tự chê mình khen người là tội, tự khen mình chê người là phước. Hoặc có khi chê khen hoặc khên chê, hoặc tội hoặc phước, hoặc có chẳng chẳng chê khen chẳng khen chê, hoặc phước hoặc tội.

Câu một là như người thương xót chúng sinh chịu nhục, muốn dẫn người khác chịu nhục về mình, suy mình đáng nhận mình cùng người khác. Ý chê mình khen người này là phước. Nếu muốn mình nhận vinh khiến người chịu nhục thì ý khen mình chê người này là tội.

Câu hai như biết thời thế, phong tục quen dần nhiều ghét, tự khen mình chê người, thường kính mình gồm khoe người khác. Lại biết chê nó thì nó ắt chê ta, nếu ta khen nó thì nó sẽ nói tốt ta. Do đây mà biết khéo cầu tự cao thì chê mình khen người ấy là phi lý đáng bỏ, mà tự hiểu đó là đạo, phải nên tu trồng, muốn kiến lập Phật pháp lợi ích hữu tình mà tự khen mình chê người thì là phước lớn.

Câu ba như có một loại tánh nhiều dối trá, vì muốn gạt lừa mê

lầm thế gian mà chê chỗ tốt của người khác, giấu chỗ xấu của mình. Do ý này mà nói lời kiêu loạn, bỏ điều tốt nhỏ của mình là lỗi, khen chỗ xấu của người là công, nói lên điều xấu của mình là đức, vì muốn mở mang dẫn dắt người thế gian biết thiện biết ác, bỏ tội tu phước. Do ý muốn này mà nói thẳng không che giấu, thấy ác mình thì phải chê, nghe thiện người thì phải khen. Biết đức mình mà lại khen đều là phước ngay thẳng.

Câu bốn như có người tánh cao sĩ, là ý rộng thầm mở bao gồm, chẳng biết đoan nghê, lẫn lộn họa, phúc, mà không về một, quên kia đây là không hai, là chỗ thần thức thường dạo chơi. Cùng chẳng tự chê mình khen người, cùng chẳng tự khoe mình đè người. Lại có kẻ hạ ngu bẩm tánh ám độn, chẳng biết phải trái, không phân biệt đậu lúa, chẳng biết thiện là thuận, làm ác là ác ý tứ thường mê, quên ca yêu ghét, cũng không tự nhún mình mà nói tốt người khác, lại không khen mình chê người.

Đây là tội của kẻ quá ngu độn, kia là phước của bậc thượng trí thuần phác. Đó là bốn câu để nói tội phước, y theo hai câu trước thì phước nghiệp biến thành nạn lớn, tội hạnh lại làm đại thiện. Xem hai câu sau thì lời nói dối và lời nói trung không cách nhau, kẻ thượng trí và hạ ngu đồng dấu vết, cho nên biết cốt yếu người tu trì phạm chỉ phải tự xét kỷ đúng sai, chẳng nên vội nói Đức hoạn của người, trì phạm cạn sâu ý thú như thế.

3/ Nói trì phạm rốt ráo:

Tuy ý pháp môn đã nói như trước, nên biết được tánh trọng khinh, gồm biết dạng cạn sâu mà ở giới tướng chẳng hiểu như thật đối với tội và chẳng tội. Người chưa lìa hai bên chẳng thể rốt ráo trì mà không phạm, chẳng ở giới thanh tịnh Ba-la-mật. Vì sao thế? Vì giới chẳng tự sinh, phải nhờ các duyên, cho nên quyết không có tự tướng, tức duyên phi giới, lìa duyên không có giới. Trừ tức trừ lìa, chẳng được khoảng giữa như thế mà cầu giới thì chẳng bao giờ có. Có thể nói tự tánh vì chẳng thành tựu mà nhờ các duyên cũng chẳng không giới, chẳng phải như sừng thỏ vì không nhân duyên. Như nói tướng giới tướng tội cũng thế. Như tướng giới tội, tướng người cũng như thế. Nếu ở trong đây y chẳng phải có mà thấy đều không, tuy nói không phạm mà mất hẳn giới. Bác bỏ giới chỉ là sự tướng. Lại ở trong đây y theo chẳng không mà tính là có, thì tuy nói năng trì, mà trì tức là phạm. Vì giới trái nghịch với tướng như thật. Bồ-tát tu giới thì chẳng phải như thế. Tuy chẳng có tính năng trì, sở trì, mà chỉ việc chẳng bác bỏ giới. Cho nên không hề có lỗi

lớn mất giới. Tuy chẳng thấy vô tội cùng chẳng phải tội, mà chẳng trái nghịch tướng thật của giới, cho nên lìa hẳn tội nhỏ phạm giới.

Do phương tiện khéo léo trí sâu ấy mà quên hẳn ba luân, chẳng vào hai bên, nói là đầy đủ giới Ba-la-mật như kinh nói: Tội, chẳng phải tội, chẳng thật có, mà phải đầy đủ giới Ba-la-mật. Giới bổn chép: Ánh sáng giới từ miệng ra. Có duyên chẳng phải không nhân, chẳng phải sắc, chẳng phải tâm, chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải nhân quả, là nguồn gốc chư Phật, là nguồn gốc Bồ-tát. Trong đây nói ánh sáng giới là hiển bày giới và ánh sáng chẳng hai, chẳng khác, vì Minh tịnh và tạp nhiễm đồng một vị. Cho nên duyên với ánh sáng giới để hiển bày thật tướng giới. Giới không tự tánh, phải nhờ duyên khác nên nói có duyên. Nói có duyên, không phải cứ là có mà hiển thẳng nó từ nhân chẳng phải không, nên nói chẳng phải không nhân. Tánh giới chẳng phải không có nhân, chẳng phải chất ngại cũng chẳng phải duyên lự, nên nói là chẳng phải sắc, chẳng phải tâm, tuy chẳng phải sắc tâm mà lìa sắc tâm thì không thật có. Tuy chẳng thật có mà chẳng phải không có giới, nên nói là chẳng thật có, chẳng phải không. Tuy chẳng phải không giới mà lìa quả thì không nhân. Giới là tánh nhân, tuy chẳng thể được mà các quả Phật phải nhờ nhân giới, tuy chẳng thật có mà giới phải nhờ nhân tâm Bồ-đề, nên nói là nguồn gốc Bồ-tát.

Hỏi: Giới tướng như thế, sâu xa khó hiểu, hiểu còn khó huống chi là tu. Cho nên biết như hành tướng nói trước, chỉ là chỗ tu của Đại địa Bồ-tát, chẳng quan hệ gì đến chỗ làm của người mới phát tâm?

Đáp: Trong kinh chánh đáp như ông hỏi, nói Bồ-tát từ khi mới phát tâm đến nay thường thực hành pháp vô sở đắc (không thật có). Vì pháp vô sở đắc mà tu bố thí trì giới cho đến nhân pháp vô sở đắc nên tu trí tuệ. Đáp ý này nếu khiến kia làm cho chừa từng tu thì khó thể làm. Cho nên nay người chẳng tu, chẳng tập thì sau cũng chẳng tu tập. Như thế lâu dần thì lại càng khó. Cho nên khiến từ đầu mà quen với tập khó, tập làm càng ngày càng tăng thì sẽ thành dễ. Đó gọi là đại ý phát thú hạnh mới. Rốt ráo trì phạm nói lược như thế.

Kính nương Thánh điển hiểu nghĩa văn, noi theo giới tạng mở yếu môn.

Khắp vì pháp giới đốt ngọn đèn,
Nguyện để truyền đèn khắp mười phương
Bốn câu, ba tụ giới đầy đủ
Xa lìa hai biên diệt các tội
Nói qua giới tạng mở yếu môn

Sáu ý năm tu đều làm thành
Ăn đồng một vị dạo phương ngoài.

-

Niên hiệu Khoan Nguyên Năm thứ 2, Giáp Thìn Ngày 24 Tháng 11 Công đức đã xong Khuyến Tấn, Tăng Tín Nhẫn chùa Đại An. Chuyển pháp luân tạng Chùa Bát-nhã. Niên hiệu Khoan Vĩnh thứ 16, lúc du học ở Nam kinh, dùng Cổ Bản tại Viện Thượng Sinh ở chùa Đông Đại viết ra Chiên Bối Khiến Luật Đính Truyền chư vô cùng.

Ngụ tại Tuyền Dũng, Tiểu Tỳ-kheo, kính ghi.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 166

ĐẠI THỪA LỤC TÌNH SÁM HỐI

SỐ 1908

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1908

ĐẠI THỪA LỤC TÌNH SÁM HỐI

(SÁM HỐI SÁU CĂN THEO ĐẠI THỪA)

Thích Nguyên Hiểu soạn.

Nếu y pháp giới bắt đầu du hành, ở bốn oai nghi không một đường du, nghĩ nhớ đức không nghĩa bàn của chư Phật, thường nghĩ thật tướng tiêu tan nghiệp chướng, khắp vì vô biên chúng sinh sáu đường mà quy mạng vô lượng chư Phật mười phương. Chư Phật chẳng khác mà cũng phải chẳng một, một tức tất cả, tất cả tức một. Tuy không chỗ trụ mà không chỗ nào chẳng trụ, tuy không chỗ làm mà không chỗ nào chẳng làm. Mỗi tướng hảo, mỗi mỗi lỗ chân lông, khắp vô biên thế giới, hết cả đời vị lai, không chướng không ngại, không có khác nhau. Giáo hóa chúng sinh không hề ngừng nghỉ. Vì sao? Vì mười phương ba đời, một trần một niệm, sinh tử Niết-bàn không hai không khác.

Đại Bi Bát-nhã chẳng lấy chẳng bỏ, vì được pháp Bất cộng tương ưng. Nay ở thế giới Liên Hoa tạng này, Phật Lô-xá-na ngồi trên đài hoa sen phát ra vô biên ánh sáng, nhóm hợp vô lượng chúng sinh, chuyển bánh xe pháp Đại thừa không thể chuyển, Bồ-tát đại chúng đầy đủ khắp hư không, nhận Đại thừa pháp lạc không thể nhận, mà nay chúng con đồng lòng ở chỗ Tam-bảo nhất thật không lỗi này, chẳng thấy chẳng nghe như đui như điếc không có Phật tánh. Vì sao? Vì Vô minh điên đảo vọng làm ngoại trần, chấp ngã, ngã tạo ra các thứ nghiệp. Do đó che lấp chẳng được thấy nghe, cũng như quỷ đói đến bờ sông chỉ thấy lửa. Nên nay con rất tủi thẹn phát tâm Bồ-đề, thành tâm sám hối. Con và chúng sinh từ vô thủy đến nay do vô minh khiến cho say mê mà tạo vô lượng tội, năm nghịch mười ác không gì chẳng tạo, tự làm xúi giục người làm, thấy làm vui theo. Như thế các tội chẳng thể kể hết. Chư Phật, Thánh

Hiền đều chứng biết tội đã làm nên càng rất hổ thẹn, việc chưa làm thì chẳng dám làm. Các tội này thật không hề có, các duyên hòa hợp giả gọi là Nghiệp, tức duyên không nghiệp, lìa duyên cũng không, chẳng trong chẳng ngoài, chẳng ở khoảng giữa. Quá khứ đã mất, vị lai chưa sinh, hiện tại không trụ. Cho nên việc làm vì không trụ nên cũng không sinh.

Trước có chẳng sinh, trước không thì cái gì sinh. Nếu nói xưa không mà nay có, hai nghĩa hòa hợp gọi là sinh, khi xưa vốn không thì không có nay có, cái nay đang có chẳng phải có xưa không. Trước sau chẳng kịp, có không đều chẳng được. Hai nghĩa không hợp thì chỗ nào có sinh. Nghĩa hợp đã mất thì tán cũng chẳng thành, chẳng hợp chẳng tan, chẳng có chẳng không. Lúc không, không đối với gì làm không? Lúc có, không không, đối với cái gì làm có. Trước sau có không đều chẳng thành. Phải biết nghiệp tánh xưa nay không sinh, từ xưa đến nay chẳng thật có sinh, thì ở chỗ nào mà có được không sinh. Có sinh, không có sinh đều chẳng thật có. Nói chẳng thật có cũng chẳng thật có. Nghiệp tánh như thế, chư Phật cũng thế. Như kinh nói: Thí như chúng sinh gây ra các nghiệp hoặc thiện hoặc ác, chẳng trong chẳng ngoài, nghiệp tánh như thế chẳng có chẳng không cũng giống như thế.

Xưa không nay có chẳng phải không có nhân sinh, không làm không chịu, thời tiết hòa hợp cho nên được quả báo. Người tu nếu thường suy nghĩ như thế mà thật tướng sám hối bốn tội trọng năm tội nghịch, không có năng làm và sở làm, cũng như hư không chẳng bị lửa đốt. Như người buông lung không biết hổ thẹn, chẳng thể suy nghĩ nghiệp thật tướng, tuy không tội tánh mà sẽ vào Nê-lê, cũng như cọp huyễn an thịt huyễn sư. Cho nên ở trước, chư Phật mười phương rất hổ thẹn mà thực hành sám hối, khi thực hành sám hối chớ cho là làm, tức phải suy nghĩ sám hối trước Phật tướng, tội sở hối đã không thật có thì làm sao có năng sám hối được. Năng hối sở hối, đều chẳng thật có, thì chỗ nào có pháp sám hối. Đối với các nghiệp chướng mà sám hối như thế rồi cũng phải sám hối sáu căn buông lung. Con và chúng sinh từ vô thỉ đến nay chẳng hiểu các pháp xưa nay không sinh, vong tưởng điên đảo chấp ngã, ngã sở, trong lập sáu căn y theo đó mà sinh ra thức, ngoài làm sáu trần chấp là thật có.

Chẳng biết đều là tâm mình tạo ra, như huyễn như mộng, không bao giờ có. Ở trong đó mà vọng chấp các tướng nam nữ, khởi các phiền não để tự cột trói mình, mãi lặng chìm trong biển khổ, chẳng cầu thoát ra. Khi tịnh lự thì thật đáng sợ. Cũng như khi ngủ, vì ngủ che tâm nên

vọng thấy thân mình bị nước lớn cuốn trôi, chẳng biết chỉ là tâm mộng làm ra, bảo là thật bị trôi chìm mà rất kinh sợ. Khi chưa thức lại làm mộng khác, bảo chỗ ta thấy là mộng chẳng phải thật. Tâm tánh thông minh nên trong mộng biết là mộng, tức ở chỗ trôi chìm mà không sợ, mà chưa biết thân mình đang nằm trên giường lắc đầu quơ tay mong cầu thức dậy. Khi thức rồi thì tìm duyên mộng trước nước và dòng sông, thân mình đều không, chỉ thấy trước nay mình nằm im trên giường. Mộng lớn cũng giống như thế, bị vô minh che tâm, vọng có sáu đường trôi lăn trong tám khổ. Trong nhờ sự huân tập bất tư nghì của chư Phật, ngoài y Đại Bi nguyện lực của chư Phật, phảng phất tin hiểu mình và chúng sinh chỉ ngủ say trong giấc mộng lớn mà vọng chấp là thật, trái thuận sáu căn, hai tướng nam nữ đều là ta mộng thấy, hoàn toàn không thật. Sao lại lo mừng, sao lại tham sân, thường luôn suy nghĩ như thế mà quán mộng, sẽ dần dần tu được như mộng Tam-muội. Do tam-muội này mà được Vô sinh nhẫn. Từ giấc mộng lớn bỗng nhiên tỉnh dậy, liền biết xưa nay vốn không trôi lăn. Chỉ là một tâm nằm trên giường như một. Nếu lìa được như thế, thường luôn suy nghĩ, tuy duyên với sáu trần mà chẳng cho là thật phiền não, hổ thẹn chẳng thể tự dứt. Đó gọi là Sám hối sáu căn theo Đại thừa.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 166

LƯƠNG HOÀNG BẢO SÁM

SỐ 1909

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

LƯƠNG HOÀNG BẢO SÁM

QUYỂN 1
(Phiên âm)

HUÂN TU LƯƠNG HOÀNG SÁM PHÁP

KHAI ĐÀN KHOA NGHI

Cử thủy tán :

Dương chi tịnh thủy,
Biến sái tam thiên,
Tánh không bát đức lợi nhơn thiên,
Pháp giới quảng tăng diên,
Diệt tội tiêu khiên,
Hỏa diệm hóa hồng liên.

Nam Mô Thanh Lương Địa Bồ-tát Ma Ha Tát. (3 lần)

Cung thỉnh tán:

Trí huệ hoằng thâm đại biện tài,
Đoan cư ba thượng tuyệt trần ai.
Tường quang thước phá thiên sanh bệnh.
Cam lộ năng trừ vạn kiếp tai,
Túy liểu phất khai kim thế giới,
Hồng liên dũng xuất ngọc lâu đài.
Ngã kim khể thủ phần hương thỉnh,
Nguyện hướng nhơn gian ứng hiện lai.

Nam Mô Đại Bi Quan Thế Âm Bồ-tát Ma ha tát (3 lần)

Gia trì pháp thủy:

CUNG VĂN

Viên Thông Giáo Chủ, mãn nguyệt kim dung, thi di đà ư cực lạc quốc trung, Thích Ca ư Tà Bà giới nội; xử thiên diệp hồng liên chi tọa, cư lưu chi chúng bảo chi sơn; quá khứ Chánh Pháp Minh, hiện tiền Quan Tự Tại. Ta thập nhị ứng, quảng độ quần sanh; thất nạn nhị cầu, đa phương ứng vật; thù thắng diệu lực, tát mạc năng cùng. Ngưỡng khấu hồng từ, phủ chương đổng giám:

Kim thời phụng vì kiến sám mỗ giáp .... bẩm Phật di huấn, kiến sám tỳ kheo mỗ giáp... kỵ lãnh thập phương sĩ thứ nhân dân đẳng... thỉnh mạng Tăng chúng tựu vưu mỗ xứ.... Tu lễ Lương Hoàng Bảo Sám, phổ biến đạo tràng. Thượng lai sở kiến chi sơ, cẩn phần tín hương cung thỉnh:

Bồ-tát thùy dương liễu nhi biến sái cam lồ, trừ nhiệt não dĩ đắc thanh lương; tầm thanh cứu khổ ư tứ sanh, thuyết pháp độ thoát ư lục đạo. Tận văn bất trú, kiên cố chi tâm. Không giác cực viên, cụ tự tại đoan nghiêm chi tướng. Hữu cầu giai ứng vô nguyện bất tùng. Cố ngã truy lưu đoan bỉnh tịnh quán, thành tụng mật ngôn gia trì pháp thủy.

Thị thủy giả, phương viên tùy khí, dinh hư nhậm thời, xuân phán đông ngưng, khảm lưu trấn chỉ. Họa họa hồ diệu nguyên mạc trắc, thao thao hồ linh phái nan cùng, bích giáng tạng long, hàn đàm xâm nguyệt. Hoặc tại quân vương long bút hạ tán tác ân ba, hoặc cư Bồ-tát liễu chi đầu sái vi cam lộ. Nhất đích tài triêm, thập phương câu tịnh.

Phù thử thủy giả, bát công đức thủy, tự thiên chơn, tiên tẩy chúng sanh nghiệp cấu trần, biến nhập tỳ lô ba tạng giới. Cá trung vô xứ bất siêu luân. Thủy bất tẩy thủy diệu cực pháp thân. Trần bất nhiễm trần phản tác tự kỹ. Quyên trừ cấu uế, đản địch đàng tràng. Sái khô mộc nhi tác dương xuân, khiết uế ban nhi thành Tịnh độ. Sở vị nội ngoại trung gian vô trược uế, Thánh phàm u hiển tổng thanh lương.

Bồ-tát liễu đầu cam lộ thủy,
Năng linh nhất trích biến thập phương,
Tinh chuyên cấu uế tận quyên trừ,
Linh thử đàn tràng tất thanh tịnh:

TỤNG CHÚ ĐẠI BI

Nam mô Đại Bi Hội Thượng Phật Bồ-tát. (3 lần)

Thiên thủ thiên nhãn vô ngại đại bi tâm đà la ni.

Nam mô hắc ra đát na đa ra dạ da. Nam mô a rị da bà lô yết đế, thước bác ra da, Bồ đề tát đỏa bà da, ma ha tát đỏa bà da, ma ha ca lô ni ca da. Án tát bàn ra phạt duệ, số đát na đát tỏa. Nam mô tất kiết luật đỏa y mông a lị da, bà lô kiết đế, thất Phật ra lăng đà bà. Nam mô na ra cẩn trì hê lị, ma ha bàn đa sa mế, tát bà a tha đậu du bằng, a thệ dựng, tát bà tát đa, na ma bà dà, ma phạt đạt đậu, đát thiệt tha. Án, a bà lô hê, lô ca đế, ca la đế, di hê lỵ, ma ha bồ đề tát đỏa, tát bà tát bà, ma ra ma ra, ma hê ma hê, rị đà dựng, cu lô cu lô, yết mông độ lô độ lô, phạt xà da đế, ma ha phạt xà da đế, đà ra đà ra, địa rị ni, thất Phật ra da, giá ra giá ra, mạ mạ phạt ma ra, mục đế lệ, y hê y hê, thất na thất na, a ra sâm phật ra xá lợi, phạt sa phạt sâm, Phật ra xá da, hô lô hô lô ma ra, hô lô hô lô, hê lỵ, ta ra ta ra, tất rị tất rị, tô rô tô rô, bồ đề dạ, bồ dề dạ, bồ đà dạ, bồ đà dạ, di đế lỵ dạ, na ra cẩn trì địa rị sắc ni na, ba dạ ma na ta bà ha. Tất đà dạ ta bà ha. Ma ha tất đà dạ ta bà ha. Tất đà du nghệ thất bàn ra dạ, ta bà ha. Na ra cẩn trì, ta bà ha. Ma ra na ra ,ta bà ha. Tất ra tăng a mục khê da ta bà ha. Ta bà ma ha, a tất đà dạ, ta bà ha. Giả kiết ra a tất đà dạ, ta bà ha. Ba đà ma yết tất đà dạ, ta bà ha. Na ra cẩn trì bàn già ra dạ, ta bà ha. Ma bà lợi thắng yết ra dạ, ta bà ha.

Nam mô hắc ra đát na , đa ra dạ da. Nam mô a lỵ da, bà lô kiết đế, thước bàn ra dạ, ta bà ha.

Án, tất điện đô mạn đa ra, bạt đà dạ, ta bà ha.(3 lần)

Án nại ma ba cát ngỏa đế, a ba ra mật đạp, a ưu rị a nạp, tô tất nể, thiệt chấp đạp, điệp tả ra tể giả, đát tháp khả đạt giả, a ra ha đế, tam dược tam bất đạt giả, đát nể giả tháp. Án tát rị ba, tang tư cát rị, bát rị thuật đạp, đạt ra mả đế, cả cả nại tang mả ngột ngỏa đế, tát ba ngỏa tỷ thuật đế, mã hắc nại giả, bát rị ngỏa rị tóa ha. (3 lần)

Nguyện tương dĩ thử thắng công đức chúc tán Phật nhật Tăng huy, pháp luân thường chuyển, thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc.

Phục vị vong linh tiêu tội chướng, tiêu tội chướng sanh Tịnh độ, An dưỡng giới, đông phó Long Hoa hội.

Nam mô An dưỡng giới, đồng phó Long Hoa hội (3 lần)

Dỉ thử kinh chú công đức hồi hướng Hộ pháp Long thiên Tam giới, nhạc độc linh thông, thủ hộ đạo tràng chơn tể kỳ phước bảo an bình thiện, trang nghiêm hữu vị tiên vong, phổ nguện pháp giới oan thân, cộng nhập Tỳ Lô tánh hải.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật chứng minh công đức. (3 lần)

Huỳnh kim mãn nguyệt tướng,
Tam giới độc xưng tôn,
Hàng phục nhất thế ma ;
Chư thiên giai cung thủ.

Ngưỡng lao đại chúng tán dương tam bảo

- Phật bảo thán nan cùng, công thành vô lượng, vô lượng kiếp trung, nguy nguy trượng lục tử kim dung, giác đạo tuyết sơn phong, mi tế ngọc hào quang sáng lạn, chiếu khai lục đạo, lục đạo hôn mong. Long hoa tam hội nguyện tương phùng, diển thuyết pháp chánh tông.

Quy y thường trú Phật đà da, nguy nguy vạn đức Phật đà da.

- Pháp bảo thật nan lường, Như lai kim khẩu, kim khẩu tuyên dương, Long cung hải tạng tán thiên hương, giác giả tụng hương hàm ngọc trục hà điều, kim tả tự tợ bài thu nhạn, thu nhạn thành hàng, chỉ nhân Tam tạng thỉnh lai đàn, vạn cỗ vĩnh phu dương.

Quy y thường trú Đạt mạ da, hạo hạo tam thừa Đạt mạ da.

Tăng bảo bất tư nghì, thân phi tam nhuế, tam nhuê vân y, phù bôi chấn tích sát na thì, phó cảm ứng quần ky, kham tác nhơn gian công đức chủ, kiên trì giới hạnh, giới hạnh vô vi, ngã kim khể thủ nguyện diêu tri, chấn tích trượng đề huề.

Quy y thường trú Tăng già da, minh minh lục thông Tăng già da.

Nam mô Vân Lai Tập Bồ-tát Ma Ha Tát (3 lần)

(Tán Vi Đà, niệm thiên nữ chú hoàn tuyên sớ).

Vi Đà Thiên Tướng, Hộ Pháp Hóa Thân,
Ủng hộ Phật pháp, thệ hoằng thâm,

Bảo xử trấn ma quân,
Công đức nan lường,
Nam mô Phổ Nhãn Bồ-tát Ma Ha Tát (3 lần)

CỬ HƯƠNG TÁN :

Giới định chân hương,
Phần khởi xung thiên thượng,
Trai chủ kiền thành,
Nhiệt tại kim lô phóng,
Khoảnh khắc nhân huân,
Tức biến mãn thập phương,
Tích nhật Gia Du miễn nạn tiêu tai chướng.
Nam mô Hương Vân Cái Bồ-tát Ma Ha Tát (3 lần)

Nguyện khải văn :

CUNG VĂN

Lương hoàng khải kiến, Di Lặc đề danh, Chí Công lập Hoa tạng chi huyền văn, quần kinh lục chư Phật chi Thánh hiệu, đại tập sa môn, hoằng tuyên sám pháp. Sám văn cảm mọng ư Lương triều, thoại khí đằng huy ư Võ Đế. Do thị cảnh cảnh kim quang bất muội, hoàng hoàng bảo diệm phân phương, úc úc hương yên huân nội khuyết, trùng trùng hoa nhụy diệu vương cung. Thanh tiêu vân lý, thiên nhân hiện báo thể chi đoan nghiêm. Bạch ngọc giai tiền, Hy Thị thoát mãng thân chi khổ nạn; dĩ thử tiên tai; tiêu tai cát chí. Nhân tư diệt tội, tội diệt phước sanh. Nãi phá ám chi minh đăng, chân cứu bệnh chi diệu dược. Ân triêm cửu hữu, đức bị tứ sanh; sám chi công đức tán mạc năng cùng. Tư giả sám văn triệu khởi, ngưỡng khấu Phổ Hiền Hạnh Vương, vận tưởng hương hoa cúng dường Thập phương Điệu Ngự.dục nghiêm thanh tịnh chi sám đàn, tiên tụng bí mật chi chương cú. Yếu kỳ thiện qủa dĩ châu long, tất sử tội hoa nhi điêu tạ.ngưỡng khấu hồng từ đại chương linh ứng.

Phổ Hiền Bồ-tát tượng giá quan lâm.

Hửu nhất Bồ-tát kiết già phu tọa, danh viết Phổ Hiền, thân bạch ngọc sắc, ngũ thập chủng quang ngũ thập chủng sắc, dĩ vi hạng quang, thân chi mao khổng, lưu xuất kim quang. Kỳ kim quang đoan, vô lượng hóa Phật, chư hóa Bồ-tát, dĩ vi quyến thuộc; an tường từ bộ, vũ đại bảo hoa, chí thành giả tiền. Kỳ tượng khai khẩu, ư tượng nha thượng, chư tỳ ngọc nữ, cổ nhạc huyền ca, kỳ thanh vi diệu, tán thán Đại thừa, nhất thực chi đạo. Hành giả kiến dĩ, hoan hỷ kỉnh lễ, phục cánh đọc tụng,

thậm thâm kinh điển, biến lễ thập phương, vô lượng hóa Phật, lễ Đa Bảo Phật tháp, cập Thích Ca Mâu Ni, tịnh lễ Phổ Hiền chư đại Bồ-tát; phát thị thệ nguyện; nhược ngã túc phước, ưng kiến Phổ Hiền. Nguyện Tôn giả biến kiết, thị ngã sắc thân.

Nam mô Phổ Hiền Vương Bồ-tát Ma Ha Tát (3 lần)

- Nhất tâm đảnh lễ thập phương pháp giới thường trú chư Phật .
- Nhất tâm đảnh lễ thập phương Pháp giới thường trú Tôn Pháp.
- Nhất tam đảnh lễ thập phương pháp giới thường trú Hiền Thánh Tăng.

(***Chủ lễ xướng:***)

(Thị chư chúng đẳng các các hồ quỳ, nghiêm trì hương hoa, như pháp cúng dường).

Nguyện thử hương hoa biến thập phương, dĩ vi vi diệu quang minh đài. Chư thiên âm nhạc thiên bảo hương. Chư thiên hào thiện thiên bảo y. bất khả tư nghì diệu pháp trần. Nhất nhất trần xuất nhất thiết trần. Nhất nhất trần xuất nhất thiết pháp. Triển chuyển vô ngại hộ trang nghiêm, biến chí thập phương tam bảo tiền, tức hữu ngã thân tu cúng dường. Nhất nhất giai tất biến pháp giới, bỉ bỉ vô tạp vô chướng ngại. Tận vị lai tế tác Phật sự, phổ huân pháp giới chư chúng sanh. Mông huân giai phát bồ đề tâm. Đồng nhập vô sanh chứng Phật trí .

Nguyện thử hương hoa vân,
Biến mãn thập phương giới.
Cúng dường nhất thế Phật,
Tôn pháp, chư Bồ-tát,
Vô biên Thanh văn chúng,
Cập nhất thiết Thiên tiên.
Dĩ khởi quang minh đài,
Quá ư vô biên giới,
Vô biên Phật độ trung,
Thọ dụng tác Phật sự.
Phổ huân chư chúng sanh,
Giai phát bồ đề tâm,
Dung nhan thậm kỳ diệu,
Quang minh chiếu thập phương,
Ngã thích tằng cúng dường,
Kim phục hoàn thanh tịnh,
Thánh chúa thiên trung vương,

Ca lăng tần già thanh,
Ai mẫn chúng sanh giả,
Ngã đẳng kim đảnh lễ.

Cung thỉnh:

Phật nhiếp kim liên hạ thứu phong.
Pháp khai Bảo tạng ly long cung,
Tăng tùng Nội Uyển biệt thiền định,
Tam Bảo lâm đàn pháp hội đồng.

Nam mô Thập Phương Thường Trú Tam Bảo (3 lần)

Cúng hương:

Hương tại nhiệt, lô phần bảo đỉnh trung,
Chiên đàn trầm nhũ chơn kham cúng,
Hương yên liêu nhiểu liên hoa động,
Thập phương chư Phật hạ thiên cung,
Thanh Lương Sơn La hán, nạp thọ nhân thiên cúng.

(2 lần)

Nam mô Phổ Hiền Vương Bồ-tát Ma Ha Tát (3 lần)

Nhập sám văn:

CÁI VĂN

Nhất thể hóa thân, phổ ứng thập phương quốc độ. Nhất âm thuyết pháp, thanh văn tam giới nhơn thiên. Nhất thế Vô Ngại Nhân, giai tùng nhất Đạo, nhất sanh, nhi xuất sanh tử hải. Nhất thừa viên đốn giáo, giai nhơn nhất tướng, nhất vị, nhi chứng Niết bàn sơn. Tùy cơ như nguyệt ứng thiên gian, ưng vật tợ xuân hồi đại địa, biến duyên pháp giới, phổ tọa đạo trường. Hy đạo nhãn dĩ chứng tri, giám phàm tình chi vi khổn. Phụng vì kim thời cầu sám hối, đệ tử...... đẳng khởi kiến:

Từ Bi Đạo Tràng Sám Pháp, tư đương đệ nhất quyển, nhập đàn duyên khởi. Ngã chư chúng đẳng đoan khác nhất tâm, túc thanh tam nghiệp, y khoa diển phạm, thiêu hương, tán hoa, cúng dường thập phương Tam Bảo, xưng xướng chư Phật hồng danh. Ngũ thể đầu địa, dĩ quy y phát lộ sám trừ chư nghiệp chướng.

Thiết niệm đệ tử chúng đẳng, tự tùng vô thỉ dĩ lai, chí ư kim nhật, nhơn mê nhất tánh, lý muội nhất thừa, nhất ế tại nhãn, thời không hoa nhi loạn trụy. Nhất âu tài khởi xứ huyển hải dĩ ba phiên. Nhất chơn tam muội quái vi, nhất điểm vô minh tư túng; ý hàm tam độc, nghiệp tạo vạn đoan, khai trần lao bát vạn chi môn, khởi khiên não bách thiên chi

chướng. Đam hoan dục cảnh, như cuồn tượng dĩ vô cấu. Xu trục vọng duyên tợ phi nga phí hỏa tội nhược kheo sơn chi chướng, nghiệp như thương hải chi thâm. Ký vi thử ư thiện căn, khủng nan đào ư ác quả. Kim tắc ưu cần tại niệm, thoan cách vu tâm. Ngoại thác thắng duyên, nội hoài tàm quý. Tập thử hiện tiền Thánh chúng, phi duyệt sám hối linh văn.trượng thiên Phật chi oai quang, tẩy đa sanh chi tội cấu.

Ngã nguyện như tư, Phật tức ai lân; ngưỡng khấu hồng từ, minh huân gia bị.

Thiên thượng thiên hạ vô như Phật,
Thập phương thế giới diệc vô tỷ,
Thế gian sở hữu ngã tận kiến,
Nhất thiết vô hữu như Phật giả.

Khởi vận Từ Bi Đạo Tràng Sám Pháp, nhất tâm quy mạng lễ tam thế chư Phật :

- Nam mô Quá Khứ Tỳ Bà Thi Phật,
- Nam mô Thi Khí Phật,
- Nam mô Tỳ Xá Phù Phật,
- Nam mô Câu Lưu Tôn Phật,
- Nam mô Câu Na Hàm Mâu Ni Phật,
- Nam mô Ca Diếp Phật,
- Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,
- Nam mô Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật.

(*đến đây, nếu muốn nghỉ thì tụng hồi hướng mà ra rồi sẽ vào tụng tiếp tụng quyển thứ nhất. Cũng như lễ khai kinh vừa xong. Nếu không muốn nghỉ, thì tụng quyển thứ nhất*).

Phần nghi thức khai Đạo Tràng Sám Pháp, đầu quyển thứ nhất, phiên âm Hán văn đến đây là hết.

NGHI THỨC TỤNG LƯƠNG HOÀNG SÁM
(Việt dịch)

Sái tịnh:

Nhành dương nước tịnh,
Rưới khắp ba ngàn.
Tánh không tám đức lợi trời người
Thế giới thênh thang,
Diệt sạch tai nàn.
Lửu dữ hóa sen vàng.

Nam mô Thanh Lương Địa Bồ-tát Ma Ha Tát (3 lần)

Cung thỉnh:

Trí huệ rộng sâu đại biện tài,
Ngồi trên hoa báu tuyệt trần ai.
Hào quang tỏa phá ngàn đời bệnh,
Cam lồ trừ sạch vạn kiếp tai.
Thế giới vàng kim, liễu xanh phất,
Lâu đài châu ngọc, sen hồng khai.
Hương trần cung thỉnh, con xin lễ,
Nguyện ngài thương xót, hiện lại đây.

Nam mô Đại Bi Quan Thế Âm Bồ-tát (3 lần)

Cúng hương:

Nguyện đem lòng thành kính,
Gởi theo đám mây hương,
Phưởng phất khắp mười phương.
Cúng dường Ngôi Tam Bảo.
Thề trọn đời giữ đạo;
Theo tự tánh làm lành.
Cùng pháp giới chúng sanh.
Cầu phật từ gia hộ,
Tâm bồ đề kiên cố.
Xa bể khổ nguồn mê,

Chóng quay về bờ Giác.

Nam mô Hương Cúng Dường Bồ-tát Ma Ha Tát (3 lần)

Tán thán Phật:

Đấng Pháp Vương vô thượng,
Ba cõi chẳng ai bằng,
Thầy dạy khắp tời người,
Cha lành cả chúng sanh,
Quy y trọn một niệm,
Diệt sạch nghiệp ba kỳ,
Xưng dương cùng tán thán,
Ức kiếp không cùng tận.

Quán tưởng:

Phật, chúng sanh, tánh thường rỗng lặng,
Đạo cảm thông không kể nghĩ bàn,
Lưới đế châu ví Đạo Tràng,
Mười phương Phật bảo hào quang sáng ngời.
Trước bảo tọa thân con ảnh hiện,
Cúi đầu xin thệ nguyện quy y.

Đảnh lễ:

Nhất Tâm Đảnh Lễ: Nam mô tận hư không biến pháp giới, quá, hiện, vị lai. Thập phương Chư Phật, Tôn Pháp, Hiền Thánh Tăng, Thường Trú Tam Bảo. (1 lạy)

Nhất Tâm Đảnh Lễ: Nam mô ta Bà Giáo Chủ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Long Hoa Giáo Chủ Di Lặc Ton Phật; Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát, Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ-tát, Linh Sơn Hội Thượng Phật Bồ-tát. (1 lạy)

Nhất Tâm Đảnh Lễ: Tây phương Cực Lạc thế Giới Đại Từ Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật, Đại Bi Quan Thế Âm Bồ-tát, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bố Tát. (1 lạy)

Kỳ nguyện:

Đệ tử chúng con .... Pháp danh ....tuổi .... hiện trú ....

Nguyện xin ngôi Tam BảoThường trú trong mười phương, Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Đức Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật, Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật, Biến Pháp Giới Chư Tôn Bồ-tát Ma ha tát và hết thẩy Thánh Hiền Tăng, từ bi gia hộ, chứng minh cho

chúng con. Chúng con lâu đời lâu kiếp, vì tánh hôn mê, không kể chánh tà, gây nhiều tội ác, tổn người hại vật, hủy báng Phật Pháp Tăng. Hôm nay một dạ chí thành, cầu xin sám hối, tụng trì lễ bái Lương Hoàng Bảo Sám, ăn năn tội lỗi; không dám che giấu, hầu mong nghiệp chướng tiêu trừ, thân tâm an lạc, gia đình cát khánh, hạnh phúc tăng long, bồ đề kiên cố, hiện tiền phước huệ trang nghiêm. Một hậu được sanh về Cực Lạc quốc, cùng với pháp giới chúng sanh đồng thành phật đạo. (3 lạy)

Phát đại nguyện:

Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ,
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn,
Pháp môn vô thượng thệ nguyện học,
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.
Tự tánh chúng sanh thệ nguyện độ,
Tự tánh phiền não thệ nguyện đoạn,
Tự tánh pháp môn thệ nguyện học,
Tự tánh phật đạo thệ nguyện thành.

Nam mô Chúng Minh Sư Bồ-tát Ma Ha Tát. (3 lần)

TỤNG CHÚ ĐẠI BI

Nam mô Đại Bi Hội Thượng Phật Bồ-tát. (3 lần)

Thiên thủ thiên nhãn vô ngại đại bi tâm đà la ni.

Nam mô hắc ra đát na đa ra dạ da. Nam mô a rị da bà lô yết đế, thước bác ra da, Bồ đề tát đỏa bà da, ma ha tát đỏa bà da, ma ha ca lô ni ca da. Án tát bàn ra phạt duệ, số đát na đát tỏa. Nam mô tất kiết luật đỏa, y mông a lị da,bà lô kiết đế, thất Phật ra lăng đà bà. Nam mô na ra cẩn trì hê lị, ma ha bàn đa sa mế, tát bà a tha đậu du bằng. a thệ dựng, tát bà tát đa, na ma bà dà, ma phạt đạt đậu, đát thiệt tha. Án, a bà lô hê, lô ca đế, di hê lỵ, ma ha bồ đề tát đỏa, tát bà tát bà, ma ra ma ra, ma hê ma hê, rị đà dựng, cu lô cu lô, yết mông độ lô độ lô, phạt xà da đế, ma ha phạt xà da đế, đà ra đà ra, địa rị ni, thất Phật ra da, giá ra giá ra, mạ mạ phạt ma ra, mục đế lệ y hê y hê, thất na thất na, a ra sâm Phật ra xá lợi, phạt sa phạt sâm, Phật ra xá da, hô lô hô lô ma ra, hô lô hô lô, hế lị, ta ra ta ra, tất rị tất rị, tô rô tô rô, bồ đề dạ, bồ đề dạ, bồ đà dạ. Bồ đà dạ, di đế lị dạ, na ra cẩn trì địa rị sắc ni na, ba dạ ma na ta bà ha. Tất đà dạ ta bà ha. Ma ha tất đà dạ ta bà ha. Tất đà du nghệ thất bàn ra dạ,

ta bà ha. Na ra cẩn trì, ta bà ha. Ma ra na ra ta bà ha. Tất ra tăng a mục khê da ta bà ha. Ta bà ma ha, a tất đà dạ, ta bà ha. Giải kiết ra a tất đà dạ, ta bà ha. Ba đà ma yết tất đà dạ, ta bà ha. Na ra cẩn trì bàn đà ra già ra dạ, ta bà ha. Ma bà lợi thắng yết ra dạ, ta bà ha.

Nam mô hắc ra đát na, đa ra dạ da. Nam mô a lị da bà lô kiết đế, thước bàn ra dạ, ta bà ha.

Án, tất điền đô mạn đa ra, bạt đà dạ, ta bà ha.(3 lần)

Án nại ma ba cát ngỏa đế, a ba ra mật đạp, a ưu rị a nạp, tô tất nể, thiệt chấp đạp, điệp tả ra tể giả, đát tháp khả đạt giả, a ra ha đế, tam dược tam bất đạt giả, đát nể giả tháp. Án tát rị ba, tang tư cát rị, bát rị thuật đạp, đạt ra mả đế, cả cả nại, tang mả ngột ngỏa đế, tát ba ngỏa tỷ thuật đế mã hắc nại giả, bát rị ngỏa rị tóa ha.(3 lần)

Đảnh lễ:

Đại từ đại bi mẩn chúng sanh,
Đại hỷ đại xả tế hàm thức,
Tướng hảo quang minh dĩ tự nghiêm,
Chúng đẳng chí tâm quy mạng lễ:

Nhất tâm đảnh lễ Nam mô Thập phương tận hư không biến pháp giới vi trần sát độ trung quá, hiện, vị lai, thường trú Phật Pháp Tăng Tam Bảo. (1 lạy)

NHẤT TÂM ĐẢNH LỄ

- Nam mô Quá Khứ Tỳ Bà Thi Phật.
- Nam mô Thi Khí Phật.
- Nam mô Tỳ Xá Phù Phật.
- Nam mô Câu Lưu Tôn Phật.
- Nam mô Câu Na Hàm Mâu Ni Phật.
- Nam mô Ca Diếp Phật.
- Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật.
- Nam mô Di Lặc Tôn Phật.

Kệ khai kinh:

Phật pháp cao siêu, lý ẩn sâu,
Trăm nghìn ức kiếp khó tìm cầu,
Duyên lành nghe thấy xin trì tụng,
Nguyện tỏ Như Lai nghĩa nhiệm mầu.

Nam mô Khai Bảo Tạng Bồ-tát Ma Ha Tát (3 lần và 3 lạy)

TỪ BI ĐẠO TRÀNG SÁM PHÁP

QUYỂN THỨ NHẤT

Từ bi đạo tràng, bốn chữ ấy là danh hiệu của pháp sám hối này.

Nhơn vì cảm thấy Đức Phật Di Lặc, dũ lòng từ bi, thương đời hiện tại và đời vị lai, ứng mộng dạy bảo, đặt tên như thế, đúng như sự thật, không dám đổi thay.

Nay vâng lời dạy bảo của Đấng Từ Bi ấy là vì muốn hộ trì Tam bảo: làm cho ma quân ẩn hình, khiến người tự cao tự đại và người tăng thượng mạn (1) phải tự chiết phục; khiến người chưa trồng căn lành phải trồng căn lành; người đã trồng rồi, thì làm cho căn lành thêm lớn; khiến người hay chấp lấy chỗ sở đắc (2) đắm trước tà kiến (3), phải phát tâm xả bỏ chấp trước; khiến người ưa tiểu thừa (4) không nghi đại thừa (5); người ưa đại thừa sanh tâm hoan hỷ tiểu thừa.

Vả lại, pháp sám từ bi này lớn hơn tất cả các việc lành khác. Pháp này là chỗ quy y của hết thẩy chúng sanh; như mặt trời sống ban ngày; như mặt trăng sống ban đêm. Pháp này là tròng con mắt, là đạo sư, là cha mẹ, là anh em, là chơn thiện tri thức của người tu hành, đồng đi đến đạo tràng.

Pháp sám nầy thân thích hơn huyết nhục; đời đời theo nhau, dầu đến chết cũng không rời nhau. Vì thế nên gọi pháp sám nầy là Từ Bi Đạo Tràng.

Hôm nay đại chúng ẩn thân hay hiện hình trong đạo tràng, lập ra pháp sám nầy đều phát đại tâm, vì có mười hai nhơn duyên lớn.

Những gì là mười hai?

Một là nguyện hóa độ sáu đường chúng sanh không có hạn lượng.

Hai là nguyện báo đáp tứ ân không có hạn lượng.

Ba là nguyện nhờ thần lực của pháp sám này, khiến chúng sanh thọ cấm giới của Phật không sanh tâm hủy phạm.

Bốn là nguyện nhờ thần lực của pháp sám này, khiến các chúng sanh, đối với các bậc tôn trương không sanh tâm kiêu mạn.

Năm là nguyện nhờ thần lực của pháp sám nầy, khiến các chúng sanh, sanh ra nơi nào cũng không khởi tâm giận hờn.

Sáu là nguyệ nhờ thần lực của pháp sám nầy, khiến các chúng sanh đối với sắc thân người khác, không khởi tâm ghen ghét.

Bảy là nguyện nhờ thần lực của pháp sám này, khiến các chúng sanh, đối với các pháp trong thân, ngoài thân, không sanh tâm keo rít, mến tiếc.

Tám là nguyện nhờ thần lực của pháp sám này, khiến các chúng sanh, hễ làm được phước thiện gì, đều không phải vì mình mà làm, chỉ vì những người không có ai ủng hộ, không có ai giúp đỡ mà làm.

Chín là nguyện nhờ thần lực của pháp sám này, khiến các chúng sanh không vì mình mà tu pháp tứ nhiếp (7) mà chỉ vì hết thẩy chúng sanh.

Mười là nguyện nhờ thần lực của pháp sám này, khiến các chúng sanh, thấy người cô độc, tù tội, tật bệnh, thì sanh tâm cứu giúp, cho họ an vui.

Mười một là nguyện nhờ thần lực của pháp sám nầy, khiến người tu hành, thấy có chúng sanh nào đáng chiết phục thì chiết phục, đáng nhiếp thọ thì nhiếp thọ.

Mười hai là nguyện nhờ thần lực của pháp sám này, khiến các chúng sanh, sanh ra nơi nào, cũng tự nghĩ nhớ đến sự phát tâm bồ đề hôm nay, làm tâm bồ đề tương tục mãi mãi không bị gián đoạn.

Ngưỡng mong đại chúng hoặc phàm hoặc Thánh, hoặc ẩn thân hay hiện hình trong đạo tràng này, đồng gia tâm phù hộ, đồng gia tâm nhiếp thọ, khiến đệ tử chúng con tên... sám hối được thanh tịnh, thệ nguyện được thành tựu, tâm đồng tâm chư Phật, nguyện đồng nguyện chư Phật. Chúng sanh trong bốn loài (8). Sáu đường do đó mà được mãn bồ đề nguyện.

CHƯƠNG THỨ NHẤT: QUY Y TAM BẢO

Hôm nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng mọi người đều nên sanh tâm giái ngộ; biết đời là vô thường, thân không sống lâu, trẻ mạnh rồi phải già yếu; chớ ỷ hình dung tốt đẹp mà không tự giữ gìn tịnh hạnh.

Vạn vật cũng vô thường thẩy đều tiêu diệt. Trên trời dưới đất, không có vật gì tồn tại mãi mãi. Lúc cò trẻ, nhan sắc tốt đẹp, da thịt mịn màng, thơm tho trong sạch. Nhưng thân này cũng vô thường. Người sống có hợp có tan. Sanh già bệnh chết không hẹn mà đến, ai sẽ trừ khử khổ ấy cho ta. Tai họa thình lình đưa đến biết đâu mà tránh, không thể thoát được. Sang hèn,giàu nghèo, thảy đều nhơ vậy mà chết. Chết rồi thân thể sình thối không chịu nổi. Vậy luyến tiếc thân nầy nào có ích gì. Nếu không lo tu nghiệp lành thù thắng, thì do đâu, mà thoát ly sanh tử.

Đệ tử chúng con tên... tự nghĩ rằng: hình tợ sương mai, mạng như nắng chiều; đời sống mong manh; chưa biết chết lúc nào. Lại thêm nghèo thiếu, không có phước đức đáng xưng; không có trí tuệ sáng suốt, không hiểu biết như đại nhơn thần Thánh; lời nói không tốt đẹp, không trung hòa, nhơn nghĩa, hạnh kiểm tiến thối không có lễ độ, tôn ty. Nếu lầm lập chí như vậy, càng thêm mệt nhọc cho sự tu hành.

Ngưỡng mong đại chúng sanh lòng hổ thẹn, sợ hãi. Pháp hội này pập có kỳ hạn, nếu không lo sám hối sau luyến tiếc, hối hận cũng không thể được.

Từ nay trở đi nguyện phải nỗ lực, sớm tối chuyên tâm, phụng sự cúng dường càng thêm tinh tấn. Chỉ có việc ấy là khoan khoái, cần làm hơn hết.

Ngưỡng mong đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng, nên phải ân cần, thận trọng. Phát tâm dõng mãnh, tâm không buông lung, tâm an trú, tâm quãng đại, tâm thù thắng, tâm đại từ bi, tâm lạc thiện, tâm hoan hỷ, tâm báo ân, tâm tế độ, tâm giữ gìn hết thẩy chúng sanh; tâm cứu hộ hết thảy chúng sanh, tâm đồng tâm Bồ-tát; tâm đồng tâm chư Phật! Nhất tâm nhất ý, chí thành đảnh lễ Tam bảo.

Nguyện xin thay thế quốc vương, đế chúa, thổ địa, nhơn dân, thế cho cha mẹ, sư trưởng thượng, trung, hạ tòa, thện ác tri thức, chư thiên, chư tiên, hộ thế tứ vương, chủ thiện phạt ác, thủ hộ trì chú, ngũ phương long vương, long thần bát bộ, và hết thẩy chúng sanh vô cùng vô tận, trong mười phương, có tâm linh, có thần thức, hoặc ở dưới nước, hoặc ở trên khô, hoặc ở giữa hư không; nguyện thế cho hết thẩy chúng sanh

ấy mà.

- Quy y mười phương tận hư không giới hết thảy chư Phật. (1 lạy)
- Quy y mười phương tận hư không giới hết thảy Tôn Pháp. (1 lạy)
- Quy y mười phương tận hư không giới hết thảy Hiền Thánh Tăng. (1 lạy)

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng nên biết vì cớ gì mà phải quy y Tam bảo.

Vì các Đức Phật, các vị Bồ-tát có lòng đại từ vô lượng độ thoát thế gian, có lòng từ bi vô lượng, an ủi thế gian, thương hết thảy chúng sanh như con đỏ.

Lòng đại từ đại bi ấy thương không biết mỏi mệt, hằng cầu việc lành lợi ích cho tất cả, thề dập tắc lửa tham sân si cho tất cả, giáo hoá khiến cho tất cả đều được quả vô thượng bồ đề. Nếu chúng sanh không chứng quả bồ đề. Phật thề không thành chánh giác, vì duyên cớ ấy nên đại chúng cần phải quy y Tam bảo.

Vả lại các đức Phật thương xót chúng sanh quá hơn cha mẹ thương con.

Trong kinh dạy rằng: "Cha mẹ thương con chỉ một đời. Phật thương chúng sanh tâm không cùng tận. Lại nữa cha mẹ thấy con vong ân bội nghĩa, thì sanh lòng giận hờn, tình thương giảm xuống. Phật và Bồ-tát thương chúng sanh, lòng không như vậy. Thấy chúng sanh bội nghịch lòng thương của Phật và Bồ-tát càng tăng lên mãi".

Các Ngài còn vào trong địa ngục Hỏa luân, địa ngục Vô gián mà chịu vô lượng khổ, thế cho chúng sanh.

Vì thế nên biết rằng chư Phật và Bồ-tát thương xót chúng sanh hơn cha mẹ thương con. Vậy mà chúng sanh vì vô minh (10) che lấp trí huệ, phiền não che lấp tâm tánh, đối với Phật và Bồ-tát không biết quay đầu lại mà quy y, không biết ngưỡng mộ. Thuyết pháp giáo hoá, chúng sanh cũng không tin, không chịu mà còn thô lỗ, phỉ báng, chưa từng phát tâm niệm ơn Phật.

Vì chúng sanh không tin nên ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; khắp trong ba đường ác ấy, chịu vô lượng khổ.

Tội hết được ra, tạm sanh làm người, tai mắt không đủ, thân thể xấu xa, không tu thiền định, không tu trí tuệ.

Chúng sanh có những quả báo chướng ngại như vậy là do không có lòng tin.

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng biết tội không

tin nặng hơn các tội, khiến người tu hành lâu không thấy Phật.

Hôm nay đại chúng tự phải cùng nhau khẩn khái tu hành, chiết ý tỏa tình, sinh tâm tăng thượng, khởi lòng hổ thẹn, cúi đầu cầu xin sám hối tội củ. Nghiệp lụy hết rồi, trong ngoài thanh tịnh, sau mới vận tâm quay về đức tính, phát lòng tin tưởng Tam Bảo. Nếu không khởi tâm như vậy, sợ lòng tin phải cách tuyệt, chướng ngại khó thông. Một khi đã mất nẻo xu hướng, thì mờ mịt không biết về đâu! Vậy thì chúng con không thể không tin mà phải đầu thành đảnh lễ quy y Tam Bảo, không dám nghi ngờ.

Đệ tử chúng con tên... nay nhờ sức từ bi của chư Phật, chư đại Bồ-tát mới mong hiểu biết, rất lấy làm hổ thẹn. Những tội đã làm nguyện xin trừ diệt. Những tội chưa làm không dám làm nữa.

Từ nay trở đi, cho đến ngày thành Phật, khởi lòng tin kiên cố, không dám thối lui.

Xả thân nay hoặc sanh vào địa ngục, hoặc sanh vào ngạ quỷ, hoặc sanh vào súc sanh, hoặc sanh làm người, hoặc sanh làm trời, ở trong ba cỏi, hoặc thọ nam thân, hoặc thọ nữ thân, hoặc thọ phi nam phi nữ thân. v.v... hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc lên hoặc xuống, chịu đủ khổ não, không thể chịu nổi, chúng con xin thề: không vì khổ ấy mà thối mất lòng tin ngày nay.

Thà chịu bao nhiêu khổ luỵ trong muôn ngàn ức kiếp, chúng con xin thề; không vì khổ mà thối mất lòng tin hôm nay.

Nguyện xin chư Phật, chư đại Bồ-tát, đồng gia tâm cứu hộ, đồng gia tâm nhiếp thọ, khiến đệ tử chúng con tên ...; tín tâm được kiên cố đồng như tâm của chư Phật, đồng như nguyện của chư Phật, tà ma ngoại đạo không thể phá hoại tín tâm của chúng con.

Chúng con cùng nhau chí tâm một lòng tha thiết, đầu thành đảnh lễ:

- Quy y mười phương tận hư không giới hết thảy chư Phật.
- Quy y mười phương tận hư không giới hết thảy Tôn Pháp.
- Quy y mười phương tận hư không giới hết thảy Hiền Thánh Tăng.

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng hãy lắng lòng mà nghe.

Than ôi! Cõi Trời, cõi người đều huyễn hoặc, thế giới là giả dối.

Do vì huyễn hoặc, không chân thật, nên kết quả cũng không chân thật. Giả dối mong manh nên biến hoá vô cùng.

Kết quả không chơn, sở dĩ phải chìm đắm mãi trong vòng sanh tử.

Biến hoá không cùng, sở dĩ phải trôn lăn hoài trong biển ái khổ đau. Thấy chúng sanh đau khổ như vậy, Phật rất thương xót.

Kinh Bi Hoa dạy rằng: "Các vị Bồ-tát thành Phật đều có bổn nguyện".

Đức Thích tôn không hiện thân sống ở đời lâu dài, thọ mạng Ngài ngắn ngủi là vì thương chúng sanh cõi này, sống yểu uổn trong nháy mắt rồi chết, như biến hoá, chìm mãi trong biển khổ không ra được. Vì thế nên Phật ở cõi này cứu chúng sanh tệ ác, phải tạm dùng lời cứng rắn khổ khắc, thiết tha mà dạy bảo.

Ngài ở trong biển khổ, cứu độ chúng sanh, chưa từ khi nào không lưu tâm đến sự hoằng hóa, tế độ, lợi ích cho chúng sanh, bằng cách ứng dụng thiện pháp làm phương tiện.

Sở dĩ kinh tam muội dạy rằng: "tâm chư Phật là một tâm đại từ; chỗ tâm từ bi của Phật soi đến là chỗ chúng sanh đau khổ".

Phật thấy chúng sanh chịu khổ não như tên bắn vào lòng Phật, như phá tròng mắt Phật. Thấy rồi thương xót, tâm không tạm yên. Cho nên phật muốn diệt khổ ngay cho chúng sanh được an vui.

Lại nữa, trí huệ của chư Phật là trí huệ bình đẳng, nên Phật hóa độ chúng sanh cũng bình đẳng như đích Thích Tôn ai cũng xưng ngài là Đấng Bình đẳng. Ngài dõng mãnh, chịu khổ độ thoát chúng sanh, cho nên biết ân đức Bổn sư rất nặng.

Ngài hay ở trong khổ não thuyết pháp, lợi ích cho hết thảy chúng sanh. Ngày nay chúng sanh không được giải thoát là vì trước kia không nghe được âm thanh vi diệu của phật thuyết pháp; về sau không thấy Phật Niết bàn. Chúng sanh vì nghiệp chướng ngăn che nên xa cách lòng thương của Phật.

Bây giờ chúng con hãy cùng nhau sanh tâm thương tiếc. Vì thương tiếc nên thiện tâm nồng hậu, ở trong đau khổ chúng con nhớ ơn chư Phật, kêu cầu thảm thiết, áo não khóc lóc, chí thành đảnh lễ. Năm vóc sát đất, nguyện vì quốc vương và quyến thuộc của quốc vương, thổ địa nhơn dân, phụ mẫu, sư trưởng , tín thí đàn việt, thiện ác tri thức, chư thiên... chư tiên, thông minh, chánh trực, thiên địa hư không, hộ thế tứ vương, chủ thiện phạt ác, thủ hộ trì chú, ngũ phương long vương, long thần bát bộ (11), cùng khắp hết thảy chúng sanh vô cùng vô tận trong mười phương mà.

- Quy y mười phương tận hư không giối hết thảy chư Phật. (1 lạy)

- Quy y mười phương tận hư không giới hết thảy Tôn Pháp. (1 lạy)

- Quy y mười phương tận hư không giới hết thảy Hiền Thánh Tăng. (1 lạy)

(Toàn thể đều quỳ chắp tay tâm niệm và tiếp tụng):

Chư Phật đại Thánh tôn,
Thấu rõ tất cả pháp,
Đạo sư của Trời người,
Cho nên nguyện quy y.
Trong Pháp tánh thường trú,
Thanh tịnh tu đa la (12)
Hay trừ bệnh thân tâm,
Cho nên nguyện quy y.
Đại địa chư Bồ-tát (13)
Vô trước tứ Sa môn(14)
Hay cứu hết thảy khổ,
Cho nên nguyện quy y.
Tam Bảo cứu thế gian,
Vì sáu đường chúng sanh,
Con nay xin đảnh lễ,
Quy y thế cho tất cả.
Từ bi che hết thảy,
Khiến đồng được an vui.
Thương xót cả muôn loài,
Chúng con đồng quy y.

(mọi người đều đảnh lễ sát đất và tự niệm rằng):

Nguyện xin hết thảy mười phương Tam Bảo đem từ bi lực, bổn thệ nguyện lực, bất tư nghị lực, vô lượng tự tại lực, độ thoát chúng sanh lực, phù hộ chúng sanh lực an ủi chúng sanh lực. Đem những năng lực ấy khiến các chúng sanh đều giác ngộ, chúng con tên ... ngày nay vì các chúng sanh ấy mà quy y Tam Bảo.

Chúng con xin nhờ công đức này có năng lực khiến các chúng sanh ấy đều được mãn nguyện.

Nếu các chúng sanh ấy hoặc ở trong loài Trời, loài Tiên thì được sạch hết nghiệp lậu(15)

Nếu các chúng sanh ấy ở trong loài A-tu-la thì khiến họ xả bỏ tánh kiêu mạn.

Nếu các chúng sanh ấy ở trong loài người thì khiến cho hết khổ

đau.

Nếu các chúng sanh ấy ở trong các loài địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh thì khiến cho liền được giải thoát.

Lại nữa, ngày nay người nào nghe được danh hiệu của Tam Bảo, và người không nghe được cũng nhờ thần lực của Phật mà giải thoát, hoàn toàn thành tựu vô thượng bồ đề, đồng với các đại Bồ-tát thành bậc Chánh giác.

CHƯƠNG THỨ HAI: DỨT NGHI NGỜ

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng lắng lòng mà nghe. Luận rằng: Nhơn quả ảnh hưởng lẩn nhau, cảm ứng tương sanh (15); đạo lý tự nhiên như vậy không sai lầm. Nhưng vì hạnh nghiệp (16) của chúng sanh, mỗi người mỗi khác không giống nhau, nên qủa báo cũng không giống nhau; hoặc tinh thô, hoặc sanh hèn, hoặc thiện, hoặc ác sai khác muôn vàn. Đã có sai khác thì không rõ nguyên nhơn sự sai khác ấy do đâu. Vì không rõ nên sanh ra nghi ngờ, lầm lạc, hoặc nói người tinh tấn tu hành, giữ giới trong sạch, đáng lẽ được sống lâu, sao lại chết sớm. Người hàng thịt (đồ tể), đáng lẽ chết sớm sao lại sống lâu. Người thanh liêm đáng lẽ được sang giàu, sao lại thấy nghèo thiếu. Người tham lam trộm cướp đáng lẽ nghèo thiếu khốn khổ, sao lại giàu có phong lưu!

Nghi ngờ sai lầm như vậy ai cũng có nghĩ đến không tránh khỏi. Do vì không rõ việc của mình đã làm từ bao kiếp trước, hột giống của mình đã gieo đều không thuần, nên ngày nay đem lại kết quả bất nhất như vậy.

Kinh Bát Nhã dạy rằng: "Nếu người nào đọc tụng kinh này, bị kẽ khác khinh chê, là vì người ấy đời trước có tội nghiệp nặng, đáng đọa vào đường ác. Ngày nay nhờ người khinh chê nên tội nghiệp đời trước được tiêu diệt".

Bởi chúng sanh không hết lòng thâm tín lời Phật dạy, mới có tâm nghi ngờ. Chúng sanh bị vô minh mê hoặc, che lấp tâm tánh nên luống sanh tâm nghi ngờ điên đảo như vậy.

Chúng sanh lại cũng không tin: Còn ở trong ba cõi là khổ, ra khỏi ba cõi là vui. Những người thường say đắm thế gian đều cho đời là vui.

Chúng ta thử hỏi:

Nếu đời thật là vui, cớ sao trong tâm biết vui ấy lại có tâm biết khổ.

Ăn uống quá độ liền sanh tật bệnh; ban sởi, ho han, khí tức, cổ trướng, đau đớn, khó chịu.

Nói đến y phục, càng thấy khổ nhiều. Lạnh được áo mỏng thì bạc ơn người cho, lòng nghĩ nông nỗi.

Nắng được áo kép, lông chiên, khổ não càng nhiều. Nếu y phục là vui, cớ sao lại sanh khổ não.

Nếu cho gia đình quyến thuộc là vui, lẽ ra cùng nhau vui mãi, hoan lạc ca cười không dứt, cớ sao thoạt vậy vô thường, qua đời trong

nháy mắt ! vừa có đó liền không đó. Sớm còn tối mất, kêu trời van đất, can trường đoạn đoạn! Chúng sanh lại cũng không tự biết mình từ đâu đến đây? Chết rồi đi đâu. Người còn khóc kẻ mất, ôm lòng thương xót, tống táng đưa nhau, thẳng đến sơn cùng, chắp tay vĩnh biệt, nhất từ vạn kiếp, đau đớn biết bao? Những điều như vậy, sầu khổ vô lượng, chúng sanh mê chấp,cho đó an vui.

Trái lại, gây nhơ vui xuất thế, chúng sanh đều cho việc ấy là khổ.

Thấy người trai giới, tương dưa, nuôi thân qua buổi, không mặc lụa là, quen bận phấn tảo (17) ăn mặc nâu sồng, chúng sanh đều cho các việc ấy là tự ép xác, khốn khổ, không biêt làm như thế là gây nhơn giải thoát, gieo giống an vui.

Hoặc thấy người bố thí trù giới, nhẫn nhục, tinh tấn, kinh hành lễ bái, tụng tập chuyên cần, chúng sanh đều cho là khổ; không biết làm như vậy là tu tâm xuất thế để được an vui.

Thoảng hoặc thấy có người tật bệnh mà chết, liền sanh tâm nghi rằng: người ấy bắt buộc thân tâm nầy làm việc qúa độ, trọn ngày không được tạm nghỉ. Sức lực con người không thể nào kham nổi. Nếu người tu hành không siêng năng khó nhọc thì đâu đến nỗi luống mất thân mạng với việc làm vô ích như vậy.

Hoặc có người chấp nhặt lý thuyết của mình, tự cho mình là đúng, chứ không biết suy quả tầm nhơn, luống sanh tâm mê chấp, luống làm việc sai lầm.

Nếu may gặp được Thiện tri thức thì có thể hết mê lầm. Nếu không may, gặp phải bạn ác thầy tà thì si mê càng lắm.

Nhơn vì nghi ngờ mê hoặc nên đọa vào ba đường ác, ở trong ấy, ăn năn không kịp.

Hôm nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng nên hiểu rõ.

Phàm nghi ngờ như vậy có vô lượng nhơn duyên.

Vả chăng hột giống nghi ngờ lầm lạc ấy, tu hành thoát ra khỏi ba cõi luân hồi còn chưa hết, huống gì thân phàm này làm sao trừ ngay cho được. Đời này không lo đoạn trừ, đời sau càng thêm.

Đại chúng cùng nhau vừa mới tu tập, đường hãy còn dài, tự tu khổ hạnh, nên căn cứ vào lời Phật dạy, đúng pháp mà tu, không nên nghi ngờ, từ chối sự mệt nhọc.

Chư Phật Thánh nhơn, sở dĩ ra khỏi được sanh tử, đến bờ giải thoát bên kia, là nhờ công tích thiện, nên được quả giải thoát vô ngại tự tại.

Chúng con ngày nay chưa lìa khỏi sanh tử, nghĩ cũng tự đáng

thương; làm sao còn ham muốnở trong đời ác ngũ trược này nữa. Nay đây may được tứ đại chưa suy đồi; ngũ phước còn thạnh, tới lui thong thả, động chuyển tự do mà không nỗ lực tu hành, còn đợi gì nữa. Đời trước đã không thấy đạo; đời nầy cũng luống qua, không chứng ngộ gì, thì làm sao tế độ chúng sanh.

Xem lại tự tâm, thật cũng đau lòng. Ngày nay đại chúng chỉ nên khuyên nhau nỗ lực siêng tu, không nên nói rằng, phải có tin tức chúng ngộ gì mới chịu tu tập; vì Phật đạo lâu dài, không thể một mai mà làm xong được. Nếu cứ chờ tin tức, như vậy một mai thì biết bao giờ chứng quả.

Nay hoặc có người nhơn tụng kinh, ngồi thiền, siêng tu khổ hạnh, hơi có chút tật bệnh liền nói: vì tụng tập siêng năng khổ hạnh quá nhiều nên sanh bệnh hoạn. Người nói như thế là vì họ không tự biết. Nếu họ không làm như vậy thì cũng đã chết sớm mất rồi. Nhờ tu hành có phước đức mới mong sống đến hôm nay.

Vả lại, bốn đại tăng giảm tật bệnh là thường, cho đến già chết còn không thể tránh. Sanh ở thế gian này chung cuộc rồi ai cũng tận số. Nếu muốn được đạo, phải y lời Phật dạy mà tu, trái lời Phật mà đắc đạo thì không có lẽ ấy.

Chúng sanh vì trái lời Phật nên xoay chuyển trong ba đường, chịu đủ thống khổ. Nếu đứng như lời Phật dạy mà tu hàng không thôi nghỉ, siêng năng tinh tấn, như cứu lửa cháy đầu, thì đâu đến nỗi một đời luống qua, không có lợi ích gì. Mọi người cùng nhau nhất tâm tha thiết, đầu thành đảnh lễ như Thái Sơn đổ, nguyện vì những người sau đây mà đảnh lễ thế cho họ.

Kể từ khi có tâm thức cho đến ngày nay, cha mẹ nhiều đời, bà con nhiều kiếp, Hoà thượng, A-xà-lê, đồng đàn tôn chứng, thượng trung hạ tòa, tín thí đàn việt, thiện ác tri thức, chư thiên, chư tiên, hộ thế tứ thiên vương, chủ thiện phạt ác, thủ hộ trì chú, ngũ phương long vương, long thần bát bộ khắp đến mười phương vô cùng vô tận, hết thẩy chúng sanh mà quy y thế gian Đại Từ bi phụ:

Nam mô Di Lặc Phật.
Nam mô Duy Vệ Phật.
Nam mô Thi Khí Phật.
Nam mô Tùy Diệp Phật.
Nam mô Câu Lưu Tôn Phật.
Nam mô Câu Na Hàm Mâu Ni phật.

Nam mô Ca Diếp Phật.
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật.
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát .
Nam mô Quán Thế Âm Bồ-tát .

Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thảy Tam Bảo, nguyện xin Tam Bảo dùng sức tù bi, đồng gia tâm nhiếp thọ; dùng sức thần thông che chở cứu vớt chúng con; khiến chúng con từ nay trở đi cho đến ngày thành đạo, tứ vô lượng tâm(18), lục Ba-la-mật (19) thường được hiện tiền, tứ vô ngại trí (20), lục thần thông lực (21), được như ý tự tại; tu đạo Bồ-tát, vào trí huệ Phật, hóa độ mười phương, thành bậc chánh giác.

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng lại khéo nhiếp tâm, suy nghĩ cho kỹ:

Đã được cùng nhau sanh lòng tin rồi thì nên giữ ý thanh tịnh, lấy điều ấy làm nẽo xu hướng đối với các pháp trong thân ngoài thân chớ cho trở ngại.

Nếu không biết rõ việc lành hay tự mình không thể làm thì lúc thấy người làm việc phước thiện, chỉ nên khuyến khích, chấp tay tán thán công đức của người không nên sanh tâm trở ngại, khiến người tu hành phải thối chí.

Nếu người không thối chí họ cứ tinh tấn như thường, việc người không giảm, chỉ mình bị tổn phước, luống gây thị phi, đối với bản thân nào có ích gì? Nếu đối với việc lành mình không trở ngại thì cò thể gọi là hợp đạo, hữu lực đại nhơn. Nếu đời này mình hay trở ngại việc phước thiện của người thì đời sau làm sao thông đạt được Phật đạo.

Cứ lý mà suy, tổn hại ấy rất nặng. Trở ngại thiện căn của người, tội ấy rất lớn.

Như Kinh Hộ khẩu dạy rằng:

“Có một ngạ quỷ thân hình xấu ác, thấy phải rùng mình, không ai không sợ. Thân xuất lửa dữ như đám cháy lớn. Trong miệng có sâu dòi rúc ra mãi mãi, máu mủ tanh hôi, đầy cả thân hình, mùi thối bay ra, không ai có thể đến gần. Miệng khạc ra lửa, thân phần lửa đốt, cất tiếng kêu khóc, tuôn chạy cùng khắp.

Bấy giờ có Ngài Mãn Túc La Hán hỏi ngạ quỷ rằng;

Xưa kia ngươi mắc phải tội gì mà nay chịu khổ như thế?

Ngạ quỉ đáp rằng:

Tôi ngày xưa đã từng làm Sa môn, tham đắm sự nuôi sống, xan

tham không bỏ, không giữ oai nghi, nói lời thô ác.

Nếu thấy người giữ giới tinh tấn lại liền mắng nhiếc, liếc mắt háy nguýt, ỷ mình giàu mạnh, tưởng sống lâu không chết, tạo ra vô lượng tội ác căn bản. Ngày nay nhớ lại, hối hận cũng không ích gì. Thà cầm dao bén tự cắt lưỡi mình, kiếp này sang kiếp khác, cam tâm chịu khổ, không nên nói một lời phỉ báng việc lành của người.

Nguyện xin Ngài trở về Dương thế, đem hình trạng xấu ác của tôi răng dạy các thầy Tỳ kheo và các Phật tử, khéo giữ gìn lỗ miệng, chớ buông lời nói ác. Dầu thấy người giữ giới hay không giữ giới cũng nên tuyên dương công đức của người.

Tôi làm quỉ đói đã vài ngàn kiếp, trọn ngày thâu đêm, chịu đủ điều đau khổ. Quả báo này hết rồi lại vào địa ngục.

Bấy giờ ngạ quỉ nói lời ấy rồi, cất tiếng kêu khóc, tự gieo mình xuống đất như núi Thái sơm sụp đổ.

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng nghe lời kinh dạy như vậy rất đáng sợ hãi.

Chỉ vì lỗi của miệng mà mang tội nhiều kiếp, huống nữa là còn bao nhiêu điều ác khác. Xả thân này thọ thân khác mà chịu khổ đều do nghiệp ác của mình đã làm. Nếu không gây nhơn thì làm sao có chịu quả. Đã gây nhơn quyết định phải trả quả. Tội phước không xa, mình làm mình chịu, như bóng theo hình, không thể rời nhau. Do vô minh mà sanh thì cũng do vô minh mà diệt. Đời này đời sau, bao giờ cũng vậy, chưa từng thấy người tu hành buông lung, lười biếng mà được giải thoát. Trái lại, người hay tinh tấn giữ gìn tu hành, được phước đức vô lượng.

Ngày nay đại chúng đều biết hổ thẹn rửa sạch thâm tâm, sám hối tội cũ. Tội cũ hết rồi, không gây thêm tội mới nữa thì được các đức Phật khen ngợi. Cùng nhau trở đi, nếu thấy người làm thiện, chớ nói thành hay không thành, lâu hay không lâu. Dầu cho họ chỉ là lành trong một niệm, một thời, một khắc, một ngày, một tháng, nửa năm, hay một năm cũng đã hơn người không làm.

Sở dĩ kinh Pháp Hoa dạy rằng: “Hoặc có người tâm tán loạn vào trong tháp miếu, xưng một câu Nam mô Phật , người ấy cũng đã thành Phật đạo”. Huống nữa có người phát tâm rộng lớn, siêng làm phước thiện. Nếu chúng ta không tùy hỷ thì Thánh nhơn rất thương xót.

Chúng con tên... tự nghĩ mình từ vô thỉ trở lại cho đến ngày nay lẽ ra cũng đã có vô lượng ác tâm trở ngại việc lành tốt đẹp của người. Vì sao mà biết? Nếu không như vậy, cớ sao ngày nay việc lành của chúng con phần nhiều hay trở ngại. Thiền định không hay tập, trí huệ không

hay tu. Vừa mới lễ bái liền nói khổ lắm. Vừa cầm đến kinh liền sanh tâm nhàm chán. Trọn ngày chỉ ưa khó nhọc làm các nghiệp ác khiến cho thân này không được giải thoát, như tần kéo kén, tự ràng, tự buộc, như phù u vào lửa, tự thiêu tự đốt. Những chướng ngại ấy vô lượng vô biên, chướng Bồ đề tâm, chướng Bồ đề nguyện, chướng Bồ đề hạnh, chướng ngại như vậy đều do ác tâm, phỉ báng việc thiện của người. Nay mới giác ngộ, rất là hổ thẹn, cúi đầu cầu xin sám hối tội ấy.

Nguyện xin chư Phật, chư đại Bồ-tát, đem lòng từ bi, đồng gia thần lực khiến đệ tử tên... những điều sám đều được trừ diệt, những điều hối đều được thanh tịnh. Vô lượng chướng ngại, vô lượng tội nghiệp đều nhờ sám hối này mà được sạch hết.

Mọi người cùng nhau nhất tâm thống thiết năm vóc sát đất, quy y thế gian Đại Từ Bi phụ:

Nam mô Di Lặc Phật .
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật .
Nam mô Thiện Đức Phật.
Nam mô Vô Ưu Đức Phật .
Nam mô Chiên Đàn Đức Phật .
Nam mô Bảo ThÍ Phật .
Nam mô Vô Lượng Minh Phật .
Nam mô Hoa Đức Phật .
Nam mô Tướng Đức Phật .
Nam mô Tam Thừa Hạnh Phật .
Nam mô Quảng Chúng Đức Phật .
Nam mô Minh Đức Phật .
Nam mô Sư Tử Du Hý Bồ-tát .
Nam mô Sư Tử Phấn Tấn Bồ-tát .
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát.
Nam mô Quán Thế Âm Bồ-tát.

Lại xin quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thẩy Tam Bảo .

(cùng nhau quỳ chắp tay, tâm niệm và tụng tiếp):

Đệ tử chúng con tên... từ vô thỉ trở lại cho đến ngày nay, chưa thể đắc đạo, thọ lấu báo thân này thì tham bốn món cúng dường chưa từng xả bỏ. Tham sân tật đố, ba độc hừng hẫy sanh ra các ác nghiệp. Thấy người bố thí, trì giới, tự mình không thể làm, không hay tùy hỷ. Thấy người nhẫn nhục tinh ấtn, tự mình không thể làm, không hay tùy hỷ.

Thấy người tọa thiền, tu nghiệp trí huệ, tự mình không thể làm, không hay tùy hỷ. Những tội như vậy, vô lượng vô biên ngày nay sám hối, nguyện xin trừ diệt.

Lại nữa từ vô thỉ trở lại cho đến ngày nay, thấy người làm lành, tu các công đức không hay tùy hỷ, đi đứng nằm ngồi, trong bốn oai nghi ấy không biết hổ thẹn, không nghĩ vô thường, không biết xả thân này phải vào địa ngục.

Đối với sắc thân người kác, khởi ra điều ác. Chướng ngại người xây dựng và cúng dường Tam Bảo, chướng ngại người tu tập hết thảy công đức.

Tội chướng như vậy vô lượng vô biên ngày nay sám hối, nguyện xin trừ diệt.

Lại nữa, từ vô thỉ cho đến ngày nay không tin Tam Bảo là chỗ quy y, chướng ngại người xuất gia, chướng ngại người trì giới, chướng ngại người bố thí, chướng ngại người nhẫn nhục, chướng ngại người tinh tấn, chướng ngại người tọa thiền, chướng ngại người tụng kinh, chướng ngại người làm chay, chướng ngại người tạo tượng, chướng ngại người cúng dường, chướng ngại người khổ hạnh, chướng ngại người hành đạo, cho đến mảy may việc thiện của người chúng con cũng chướng ngại, không tin xuất gia là pháp viễn ly, không tin nhẫn nhục là hạnh An lạc, không biết bình đẳng là đạo Bồ đề, không biết xa lìa vọng tưởng là tâm xuất thế. Vì những tội ấy cho nên ngày nay sanh ra nơi nào cũng gặp nhiều chướng ngại. Tội chướng như vậy, vô lượng vô biên, chỉ có chư Phật, chư Đại Bồ-tát mới thấy hết biết hết.

Như chỗ chư Phật và Bồ-tát đã thấy đã biết, tội lượng nhiều ít, ngày nay hổ thẹn, tỏ bày sám hối, tất cả tội nhơn, khổ qủa, nguyện xin trừ diệt. Từ nay trở đi cho đến ngày thành đạo tu đạo Bồ-tát, không biết nhàm chán. Tài thí, pháp thí không cùng, không tận, trí huệ phương tiện làm gì cũng được. Hết thảy người thấy, người nghe đều được giải thoát.

Chúng con cùng nhau chí tâm, đầu thành đảnh lễ, năm vóc sát đấtnguyện xin mười phương hết thảy chư Phật, chư Đại Bồ-tát hết thảy Hiền Thánh, dũ lòng từ bi, đồng gia thần lực, làm cho hết thảy chúng sanh trong sáu đường, nhờ sức sám hối nầy mà đoạn trừ được hết thảy tội khổ, xa lìa được hết thảy duyên điên đảo, không sanh ác tâm, xả nghiệp bốn thú (22) phát sanh trí huệ, tu đạo Bồ đề không thôi không nghỉ; hạnh nguyện chóng viên mãn, mau lên ngôi Thập địa, vào tâm kim cang thành Đẳng chánh giác.

CHƯƠNG THỨ BA: SÁM HỐI

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng lắng tai nghe kỹ lời kinh dạy sau đây:

"Còn phàm phu thì gọi là buộc. Đã chứng qủa Thánh thì gọi là giải".

Buộc tức là kết quả ác do hành động bạo ác của ba nghiệp ác đã gây ra. Giải tức là qủa báo lành vô ngại giải thoát của ba nghiệp lành đã gây ra.

Hết thảy Thánh nhơn đều để lòng nơi đạo giải thoát, và nhờ thần thông trí huệ, vô lượng pháp môn, nên Thánh nhơn thấy hết thảy nghiệp báo thiện hay ác của tất cả chúng sanh.

Các Ngài hay dùng một thân hiện ra vô lượng thân, hay dùng một hình hiện ra vô lượng hình; có thể rút ngắn một kiếp làm một ngày; có thể kéo dài một ngày làm một kiếp. Muốn đình thọ mạng thì vĩnh viễn không diệt độ; muốn thi hiện vô thường thì nhập niết bàn; thần thông trí huệ, vào ra tự tại, bay đi tùy ý, ngồi nằm trên không. Đi đứng dưới nước như ở trên khô, không thấy nguy hiểm. Lấy cảnh vắng lặng, viên tịch niết bàn làm chỗ nghỉ ngơi, thông đạt vạn pháp, có, không đều rõ biết, biện tài thành tựu, trí huệ vô ngại.

Những pháp lành ấy không phải từ tong nghiệp ác mà ra, không phải từ trong tham sân tật đố mà ra, không phải từ ngu si tà kiến mà ra, không phải từ trong lười biếng mà ra, không phải từ trong kiêu mạn, tự cao tự đại mà ra. Các pháp lành ấy chỉ trừ trong sự thận trọng không làm ác mà ra, các pháp lành ấy đều do các nghiệp làng mà ra.

Không nơi nào có người tu các nghiệp lành, vâng lời phật dạy mà mắc phải ác báo, bần cùng xấu xa tàn tật, bệnh hoạn, không được tự do, thấp hèn bị kẻ khác khinh chê, lời nói không ai tin dùng bao giờ.

Nay đem thân tôi để làm chứng (lời tác giả). Nếu có người nào vâng lời Phật dạy, tu các công đức, không ích kỷ hại nhơ mà bị quả báo xấu ác thì thà để tôi bị đọa vào a tỳ địa ngục chịu thống khổ, chớ để cho người làm lành kia chịu quả báo xấu ác thì phi lý.

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng muốn bỏ phàm làm Thánh thì nên y lời Phật dạy, như lý mà tu hành. Không nên từ chối một việc khổ nhỏ mà sanh tâm lười biếng nên tự nỗ lực cố gắng sám hối cho tiêu tội lỗi.

Trong kinh Phật dạy: "tội do nhơn duyên mà sanh thì cũng do nhơn duyên mà diệt".

Đang còn thân phàm thì gặp cảnh sanh mê tâm. Vậy ngoài phương pháp sám hối ra, không có phương pháp nào hơn nữa để mong giải thoát.

Ngày nay đại chúng phải cùng nhau phát khởi tâm dõng mãnh, phát khởi ý sám hối.

Sức mạnh của pháp sám hối không thể nghĩ bàn. Vì sao mà biết?- vì vua A Xà Thế phạm đại tội ngũ nghịch (23), nhưng sau vua biết sanh tâm hổ thẹn, tự trách, tự ăn năng, tên tội nặng thành nhẹ.

Vả lại pháp sám hối nầy khiến người tu hành được an vui. Nếu có người nào tự mình hay định thời khóa, nỗ lực hết lòng, khấu đầu lễ bái, sám hối quy ycho đến khi hoàn toàn trong sạch mà không cảm được mười phương Phật thì không có lý.

Ác nghiệp và quả báo theo sau, ảnh hưởng lẫn nhau, không sai mảy may cho nên phải hết lòng sợ hãi, cố gắng chịu khổ mà sám hối. Mọi người đều nên một lòng tha thiết gieo mình xuống đất như núi thái sơn sụp đỗ, tâm niệm miệng nói lời nầy; để cầu thỉnh mười phương chư Phật gia tâm thương xót. Nguyện xin chư Phật cứu chúng con ra khỏi khổ ách, dũ lòng đại bi che khắp tất cả. Phóng hoà quang thanh tịnh, soi khắp mười phương; diệt sạch mê mờ và trừ si ám. Nghĩ đến chúng con và các chúng sanh đang bị đọa đày, trong địa ngục đau khổ. Xin Phật đến đây, cứu vớt chúng con. Ban bố hạnh phúc cho chúng con được thoát khổ.

Chúng con nhất tâm đầu thành đảnh lễ, Đấng Đại Từ bi nghe tên liền cứu khổ. Nay chúng con nhất tâm quy y Thế gian Đại Từ Bi phụ:

Nam mô Di Lặc Phật
Nam mô Thích Ca mâu Ni Phật
Nam mô Kim Cang Bất Hoại Phật .
Nam mô Bảo Quang Phật .
Nam mô Long Tôn Vương Phật .
Nam mô Tinh Tấn Quân Phật .
Nam mô Tinh Tấ Hỷ Phật .
Nam mô Bảo Hỏa Phật .
Nam mô Bảo Nguyệt Quang Phật .
Nam mô Hiện Vô Ngu Phật .
Nam mô Bảo Nguyệt Phật .
Nam mô Vô Cấu Phật .
Nam mô Ly cấu Phật .

Nam mô Sư Tử Phan Bồ-tát .

Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát .

Nam mô Quán Thế Âm Bồ-tát .

Lại quy y như vậy mười phương tận hư khong giới hết thảy Tam Bảo, nguyện xin Tam Bảo quyết định đến đây cứu vớt chúng con, đang bọ đoạ đày bởi tham sân si, làm đau khổ, nguyện cho chúng con được an vui và được đại Niết bàn; nguyện xin lấy nước đại bi tẩy trừ tội lỗi cho chúng con được thanh tịnh mau chứng quả bồ đề. Bốn loài chúng sanh trong sáu đường, nếu có một chúng sanh nào mắc phải tội lỗi, đều được nhờ Tam Bảo mà thanh tịnh; đều được thành tựu quả vô lượng bồ đề, thành bậc chánh giác, hoà toàn giải thoát.

Đại chúng cùng nhau một lòng tha thiết, đầu thành đảnh lễ, tâm niệm miệng nói lời nầy:

Đệ tử chúng con tên ...... từ vô thỉ trở lại cho đến ngày nay, bị vô minh che lấp tâm tánh, bị ái nhiễm ràng buộc, nên tinh thần sa vào lưới ngu si, loanh quanh ba cõi, cùng khắp sáu đường, chìm đắm bể khổ, không có ngày ra; không thể biết được nghiệp đời trước của mình, không thể hiểu được nhơn duyên đã qua. Hoặc mình tự phá tịnh mạng và phá tịnh mạng của người. Mình tự phá phạm hạnh và phá phạm hạnh của người. Mình tự phá tịnh giới và phá tịnh giới của người.

Tội ác như vậy vô lượng vô biên, ngày nay hổ thẹn sám hối nguyện xin trừ diệt.

Đệ tử chúng con tên .... lại chí thành đảnh lễ sát đất, cầu xin sám hối, những tội lỗi từ vô thỉ trở lại cho đến ngày nay, do thân khẩu ý tạo ra mười ác nghiệp.

Thân sát đạo, dâm, miệng nói láo, nói lời thêu dệt, nói lời hai lưỡi, nói lời độc ác, ý tham sân si. Mình tự làm mười điều ác, dạy người làm mười điều ác, khen ngợi người làm mười điều ác. Như vậy trong một khoảng khắc trong một niệm tâm, khởi ra bốn mươi điều ác.

Những tội như thế vô lượng vô biên, ngày sám hối, ngyuện xin trừ diệt.

Đệ tử chúng con tên .... lại chí thành đảnh lễ sát đất, cầu xin sám hối những tội từ vô thỉ trở lại cho đến ngày nay.

Nương nơi sáu căn rồi phát ra sáu thức, chấp lấy sáu trần. Mắt đắm sắc, tai ưa tiếng, mũi trước hương, lưỡi ưa vị, thân ưa trơn láng, mịm màng, ý ưa pháp trần. Sáu căn ấy sanh ra bao nhiêu tội nghiệp, mở cửa cho tám vạn bốn ngàn trần lao. Tội ác như vậy vô lượng vô biên ngày nay sám hối nguyện xin từ diệt.

Đệ tử chúng con tên...... lại chí thành đảnh lễ, cầu xin sám hối những tội từ vô thỉ trở lại cho đến ngày nay, do thân, khẩu, ý gây ra nhiều nỗi bất bình, như chỉ biết có thân mình, không biết có thân người, chỉ biết có mình khổ, không biết có người khổ, chỉ biết có mình cầu an vui, không biết có người cầu an vui, chỉ biết có mình cầu giải thoát, không biết có người cầu giải thoát, chỉ biết có gia đình mình, có quyến thuộc mình, không biết có gia đình người, có quyến thuộc người, chỉ biết thân mình hơi ngứa một chút, hơi đau một chút đã chịu không nổi, thế mà khi làm cho thân người khác đau thì sợ họ không đau, ít đau, không thấm thía, chỉ biết sợ khổ một chút nơi đời hiện tại mà không biết sợ khổ vô lượng kiếp nơi đời vị lai. Bởi vì làm ác chết rồi phải đoạ vào địa ngục, chịu đủ thống khổ, cho đến không biết sợ khổ vô lượng trong đường ngạ quỉ, trong đường súc sanh, trong đường A-tu-la.

Cõi người và cõi trời cũng có vô lượng thống khổ mà không tự biết, chỉ vì tâm không bình đẳng, có phân bỉ ngả, có niệm oán thân, làm cho oán thù tràn khắp lục đạo.

Những tội như vậy vô lượng vô biên, ngày nay sám hối, nguyện xin trừ diệt.

Đệ tử chúng con tên ...... lại chí thành cầu xin sám hối những tội từ vô thỉ trở lại cho đến ngày nay do tâm điên đảo, thấy biết điên đảo, nên thường xa lìa bạn lành (thiện tri thức) gần gủi bạn ác, trái nghịch bát chánh đạo, tu theo bát tà đạo, phi pháp nói chánh pháp, chánh pháp nói phi pháp, bất thiện nói là thiện, thiện nói là bất thiện, dựng cờ kiệu mạn, giăng buồm ngu si, theo dòng vô minh vào biển sanh tử.

Những tội như vậy vô lượng vô biên ngày nay sám hối nguyện xin trừ diệt.

Đệ tử chúng con tên .... lại chí thành đảnh lễ cầu xin sám hối những tội từ vô thỉ trở lại cho đến ngày nay vì tham sân si khởi ra bốn điên đảo (24) tạo nên năm tội nghịch làm đủ mười ác, ba độc hừng hẫy, tám khổ càng nhiều, gieo giống địa ngục bát hàn, bát nhiệt; gieo giống 84.000 ngăn cách địa ngục, gieo giống súc sanh, gieo giống ngạ quỷ, gieo giống sanh già bệnh chết, ưu bi khổ não ở cõi trời cõi người để chịu quả báo đau khổ, không thể kể xiết, không thể chịu được, không thể thấy được, không thể nghe được.

Những tội ác như vậy, vô lượng vô biên, ngày nay sám hối, nguyện xin trừ diệt.

Đệ tử chúng con tên ...... lại chí thành đảnh lễ cầu xin sám hối những tội từ vô thỉ kiếp trở lạii cho đến ngày nay, ví ba độc tham sân

si ở trong ba cõi, trải khắp hai mươi lăm loài (25) khởi ra các tội ác, cùng khắp mọi nơi, thuận chiều gió nghiệp mà ... không tự biết. Hoặc chướng ngại người trì giới, tu định, tu huệ, tu các công đức, tu các thần thông. Những tội chướng như vậy vô lượng vô biên, chướng bồ đề tâm, chướng bồ đề nguyện, chướng bồ đề hạnh, ngày nay sán hối nguyện xin trừ diệt.

Đệ tử chúng con tên ... lại chí thành đảnh lễ cầu xin sám hối những tội từ vô thỉ kiếp trở lại cho đến ngày nay, vì tâm tham sân si, phát khởi ra sáu thức (26), duyên theo sáu trần (27), gây tội cho chúng sanh. Hoặc đối với chúng sanh mà khởi tội; hoặc đối với phi chúng sanh mà khởi tội; hoặc đối với người vô lậu (28) mà khởi tội; hoặc đối với pháp vô lậu (29) mà khởi tội.

Những tội ác như vậy vô lượng vô biên, ngày nay sám hối nguyện xin trừ diệt.

Lại nữa, chúng con vì tâm ngu si mà khởi hạnh điên đảo, tin theo thầy tà, thọ lời tà giáo, chấp đạon (30), chấp thường(31), trước ngã(32), trước kiến(33), làm theo si mê, khởi ra vô lượng tội lỗi.

Những nhơn duyên ấy chướng bồ đề tâm, chướng bồ đề nguyện, chướng bồ đề hạnh, ngày nay sám hối nguyện xin trừ diệt.

Đệ tử chúng con tên... lại chí thành đảnh lễ sám hối những tội từ vô thỉ kiếp trở lại cho đến ngày nay, thân ba nghiệp ác, miệng bốn nghuệp ác, ý ba nghiệp ác, vô thỉ vô minh trú địa phiền não, hằng sa thượng phiền não, tứ trú địa phiền não, tam độc (34), tứ thủ (35), ngũ cái (36), lục thọ (37), thất lậu (38), bát cấu (39), cửu kiết (40), thập sử (41). Những phiền não ấy vô lượng vô biên, hay chướng bồ đề tâm, hay chướng bồ đề nguyện, hay chướng bồ đề hạnh, ngày nay sám hối, nguyện xin trừ diệt.

Đệ tử chúng con tên...... lại chí thành đảnh lễ cầu xin sám hối những tội từ vô thỉ kiếp trở lại cho đến ngày nay, không hay tu tâm từ bi, không hay tu tâm hỷ xả, không hay tu tâm bố thí, không hay tu tâm trì giới, không hay tu tâm nhẫn nhục, không hay tu tâm tinh tấn, không hay tu tâm thiền định, không hay tu tâm trí huệ, không hay hết thảy pháp trợ bồ đề.

Vì thế nên không có phương tiện, không có trí huệ, làm chướng ngại bồ đề tâm, chướng ngại bồ đề nguyện, chướng ngại vồ đề hạnh, ngày nay sám hối, nguyện xin trừ diêt.

Đệ tử chúng con tên...... lại chí thành đảnh lễ cầu xin sám hối những tội từ vô thỉ kiếp cho đến ngày nay, vì tội nghiệp nên cứ xoay

vững trong ba cõi, trải khắp sáu đường, thọ thân bốn loài, hoặc nam hoặc nữ, hoặc phi nam phi nữ, cùng khắp mọi nơi tạo vô lượng tội. Hoặc làm chúng sanh thân hình to lớn ăn nuốt lẫn nhau; hoặc làm chúng sanh thân hình bé nhỏ ăn nuốt lẫn nhau. Những tội sát hại như vậy vô lượng vô biên hay chướng bồ đề tâm, hay chướng bồ đề nguyện, hay chướng bồ đề hạnh. Ngày nay sám hối nguyện xin trừ diệt.

Đệ tử chúng con tên... lại chí thành đảnh lễ cầu xin sám hối những tội từ khi có tâm thức trở lại cho đến ngày nay, ở trong sáu đường, thọ thân bốn loài. Ở trong bốn loài ấy tạo ra vô lượng vô biên tội ác.

Những tội ác như vậy, chỉ có hết thảy chư Phật, chư Đại Bồ-tát trong mười phương mớ thấy hết biết hết. Tội lượng nhiều ít hoặc khinh hoặc trọng như chư Phật và Bồ-tát đã thấy đã biết. Ngày nay chí thành, cúi đầu đảnh lễ, hổ thẹn cầu xin sám hối.

Những tội đã làm, nguyện tiêu diệt hết, những tội chưa làm, không dám phạm.

Ngày nay chúng con nguyện xin hết thảy chư Phật trong mười phương dũ lòng đại từ cho đệ tử chúng con tên... thành tâm sám hối, nguyện xin đem nước đại bi rửa sạch tội lỗi sai lầm cho chúng con được hoàn toàn thanh tịnh, thẳng đến đạo tràng không bị chướng ngại nữa.

Lại nguyện xin hết thảy mười phương chư Phật dùng bất tư nghị lực, bổn thệ nguyện lực, độ thoát chúng sanh lực, phù hộ chúng sanh lực, khiến đệ tử tên... ngày nay khởi thệ nguyện, phát tâm Bồ đề.

Từ nay trở đi cho đến ngày thành Phật kiến lập đạo tâm được kiên cố, hoàn toàn không trở lại sa đoạ nữa.

Những lời thệ nguyện của chúng con cũng đồng như lời thệ nguyện của chư Phật, chư đại Bồ-tát đã thực hành thệ nguyện. Nguyện xin hết thảy mười phương chư Phật, chư đại Bồ-tát đồng dũ lòng từ bi, đồng gia tâm nhiếp thọ cho chúng con tên... được như sở nguyện, mãn bồ đề nguyện. Hết thảy chúng sanh cũng đều được như sở nguyện, mãn bồ đề nguyện.

Cung Văn Cuối Quyển Nhất

Lương Hoàng Bảo Sám, Võ Đế lưu nhơn, Hy Thị phu nhân đọa xà thân, cứu bạt xuất pháp tân, thể tập kinh văn, khể thủ lễ năng nhân.

Lương Hoàng Bảo Sám vạn đức hồng danh, Linh văn nhất quyển tối hoằng thâm, tự tự miễn tai truân, đảnh lễ Phật danh, tiêu tai bảo an ninh.

Nam mô Hoa Hỷ Địa Bồ-tát Ma Ha Tát. (3 lần)

CUNG VĂN

Thiên thượng nhân gian Chánh Biến Tri Giác, quang siêu nhật nguyệt, đức việt thái hư, vô khứ vô lai, ẩn ẩn thường cư hoa tạng giới. Bất sanh bất diệt, nguy nguy tọa đoạn Niết bàn thành. Ứng vậy hiện hình, tùy cơ phó cảm, nhược hồng chu chi đại khấu, tợ tương cốc dĩ truyền thanh. Nguyện thuỳ vô cực chi đại bi, giám thử nhất thời chi Phật sự.

Thượng lai phụng vì cầu sám đệ tử... đẳng, tu sùng từ bi Đạo Tràng Sám Pháp, kim đương đệ nhất quyển, công đức khấ hài viên mãn ư nội, tu thiết đàn tràng, phô thư cám tượng; đăng nhiên hoả thọ, hương phún trầm đàn, tán ngũ sắc chi danh hoa, hiến thời tân chi diệu quả. Ca dương phạm bối, xưng tán hồng danh, hành đạo nhập thiền, phúng kinh trì chú, sở tập công đức, chuyên thân hồi hướng: Thường Trú Chơn Từ Tam Bảo hội hạ, Hộ pháp chư thiên, thượng trung hạ giới thần kỳ, viễn cận vô biên linh huống. Phổ Hiền giám thử công đức, hàm sanh hoan hỷ chi tâm, lưu ân trạch ư thiên thượng nhơn gian. Tuyên hóa nhật ư thử phương tha giới; viên mãn đạo tràng, xuất sanh thù lợi.

Thiết niệm kim thời cầu sám, đệ tử... đẳng, sám thích tội khiên, nghinh tường tập phước, cầu sanh tịnh độ.

PHỤC NGUYỆN:

Nhất sanh tội cấu băng tiêu, nhất thế nghiệp duyên tuyết tịnh, nhất tâm giải ngộ hướng nhất lý chi Chơn Như. Nhất niệm hồi quang, tháo nhất thừa chi Diệu đạo. Chuyển khổ duyên nhi thành lạc cụ, sái nhiệt não dĩ tác thanh lương; tổ nể tôn thân, quyết định vãng sanh ư Tịnh độ. Hiệp môn nhơn quyến, phương đương vĩnh hưởng ư hà linh; đẳng oan thân nhi cọng mộc ân ba, dự phàm Thánh nhi đồng tê Bảo địa.

Kim tắc y văn sám hối, do khủng vi tế tội nghiệp nan đào, tái lao tôn chúng đồng cầu sám hối.

Nam mô Sám Hối Sư Bồ-Tát Ma Ha Tát (3 lần).

(Nếu có sớ hay biểu thì hỏa hóa)

Lương Hoàng Bảo Sám nhất quyển công đức lực, nguyện diệt đệ tử...... đẳng nhất thiết tội chướng, thân chứng Bồ-Tát Hoan Hỷ Địa.

Sám văn cử xứ tội hoa phi,
Giải liễu oan sám liễu tội,

Tiêu tai tăng phước huệ,
Thoát khổ sanh Đao Lợi,
Giải liễu oan sám liễu tội,
Tiêu diuê trực nhập Long Hoa hội,
Long Hoa tam hội nguyện tương phùng
Di Lặc Phật tiền thân thọ ký.
Nam mô Long Hoa Hội Bồ-tát Ma Ha Tát(3 lần)
Hồi đàn tán:
Lương Hoàng Bảo Sám,
Nhất quyển dĩ toàn châu,
Hồi hướng tứ ân tịnh tam hữu,
Bái sám chúng đẳng tăng phước thọ.
Nguyện tương pháp thủy tẩy khiên vưu,
Duy nguyện vong giả vãng Tây du.
Hoan Hỷ Địa Bồ-tát duy nguyện ai nạp thọ.
Nam mô đăng Vân Lộ Bồ-tát Ma Ha Tát (3 lần)
Hồi hướng tịnh độ:
Ma Ha Bát Nhã Ba-la-mật đa Tâm kinh.

■

LƯƠNG HOÀNG BẢO SÁM

ĐẦU QUYỂN HAI

Hoa phụng hiến Văn thù cộng Phổ Hiền,
Mẫu đơn thược dược chơn kham tiến,
Bách hóa hiến thượnghùynh kim điện,
Hoa khai hoa tạ đính kim liên.
Thanh y đồng tử đặc thân đổ từ Tôn diện.
Nam Mô Phổ Hiền Vương Bồ-tát Ma Ha Tát(3 lần)

CUNG VĂN

Dục đắc nhơn pháp chi lưỡng không, tu chứng nhị nghiêm chi cực qủa,chí minh chơn tục chi nhị đế, tấc liễu sanh tử chi vọng duyên, long thần bát bộ dĩ tham tùy, u viễn linh thông nhi mật hựu. Hung tạng đề ư vạn tự, túc luân ấn ư thiên hoa, duy phật đức dĩ nan thù, dục tán dương chi mạc cực. Bất vi bổn thệ phổ lợi hữu tình,cao phu bách bảo chi liên đài, giám thử nhị thời chi Phật sự.

Kim thời cầu sám đệ tử đẳng..., khởi kiến Từ Bi Đạo Tràng Sám Pháp. Kim đương đệ nhị quyển, nhập đàn duyên khởi. Ngã chư chúng đẳng... tuyết thanh tam nghiệp, băng khiết lục căn phần đâu lâu bà, tán phân bà lợi, diện phụng thập phương chí Thánh xưng dương chư Phật hồng danh; sái trích trích chi cam tuyền, đản ban ban chi tội cấu.

Thiết niệm cầu sám đệ tử đẳng... viễn tùng khoáng kiếp, chí ư kim sanh. Nhị chướng oanh triền, tục chư sanh tử. Nhị không vị ngộ, bột khởi ái tăng, tùy tà kiến chi nhị biên, tuần khổ lạc chi nhị đạo. Vô minh dón khởi, dâm sát đạo vọng nhi niệm niệm thiên lưu. Phiền não nhật tăng, thân khẩu ý nghiệp nhi trùng trùng tạo tội. Huống thăng trầm chi giao báo, tợ cấp tỉnh luân. Duy nghiệp quả chi chiếu nhiên, như ác xoa tụ. Phỉ giả khẩn tu ư sám địch, hà do miễn ly khiên vưu. Do thị ý khởi kiền thành, tâm hòai tàm quý. Dĩ thử hiện tiền chi cảnh phước, vĩnh vi diệt tội chi lương quy, ngã nguyện như tư, Phật tất ai lân, ngưỡng khấu hồng từ, minh huân gia bị.

Phật diện do như tịnh mãn nguyệt,
Duyệt như thiên nhật phóng quang minh,
Viên quang phổ chiếu ư thập phương,
Hỷ xả từ bi giai cụ túc.

Khởi vận Từ Bi Đạo Tràng Sám Pháp Nhất tâm quy mạng tam thế chư phật:

Nam mô Quá Khứ Tỳ Bà Thi Phật,
Nam mô Thi Khí Phật,
Nam mô Tỳ Xá Phù Phật,
Nam mô Câu Lưu Tôn Phật,
Nam mô Câu Na Hàm Mâu Ni Phật,
Nam mô Ca Diếp Phật,
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật,
Nam mô Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật.

CHƯƠNG THỨ TƯ: PHÁT BỒ ĐỀ TÂM

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng đã cùng nhau rửa sạch tâm ô uế rồi, thập ác, (1) trọng chướng(2) không còn, nghiệp lụy đã hết, trong ngoài đều thanh tịnh.

Thứ lại xin học các vị Bồ-tát tu hành trực đạo, công dức trí huệ do đó mà sanh. Bởi vậy chư Phật thường khen ngợi sự phát tâm là đạo tràng, vì hay thành tựu đạo quả vậy.

Nguyện xin đại chúng đều nên kiên tâm trì chí, chớ tưởng sống lâu là đợi ngày lậu tận (3) chớ luống qua, sau ăn năn không kịp.

Bây giờ đã cùng nhau gặp thời buổi tốt, ngày đêm chớ để phiền não che lấp tâm tánh, phải nên nỗ lực phát tâm bồ đề.

Tâm bồ đề tức là tâm Phật, công đức trí huệ vô lượng, không thể nghĩ bàn.

Phát tâm một niệm còn được công đức như vậy huống gì phát tâm luôn luôn.

Giả sử lịch kiếp tu hành vô lượng phước đức, làm đủ hết thãy việc lành, không bằng một niệm phát tâm bồ đề trong muôn một. Toán số thí dụ cũng không thể so lường được công đức phát tâm bồ đề.

Lại như có người chỉ làm việc phước đức chớ không phát tâm vô thượng bồ đề; người ấy cũng giống như kẻ cày ruộng không gieo giống. Mầm mống đã không gieo thì làm sao có lúa thóc.

Vì lý do ấy nên phải phát tâm bồ đề để làm nhơn duyên cho việc chứng quả; trước là báo ân chư, sau là cứu vớt muôn loài.

Sở dĩ Phật khen ngợi các thiên tử rằng: “lành thay! Lành thay! Như lời các ngươi nói là vì muốn lợi ích cho hết thảy chúng sanh”.

Phát tâm bồ đề là cách cúng dường lớn hơn tất cả.

Phát tâm bồ đề, không phải chỉ phát qua một phen mà phải phát luôn luôn, làm cho tâm bồ đề tương tục rộng lớn mãi mãi, vì thế nên trong kinh Phật dạy rằng:

“Ở nơi chỗ Na do tha hằng hà sa số đức Phật phát đại thiện nguyện”.

Vậy nên biết số phát tâm ấy là vô lượng.

Lại nữa tâm bồ đề chỉ gặp thiện tri thức liền phát, vị tất phải gặp Phật xuất thế.

Như Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát, lúc đầu hướng về bồ đề là nhờ gặp được nữ nhân mà phát.

Nhưng phát sơ tâm huệ thức không phải kẻ phàm dung, tâm chí

hạ liệt mà phát được.

Phải là người có thật tâm khát ngưỡng Đại thừa, tham cầu Phật pháp, ỷ y các kinh, xem thường thế sự, oán thân bình đẳng, lục đạo như nhau. Nguyện cho hết thảy chúng sanh nhờ sự phát tâm ấy mà được giải thóat, đều đồng tín giải. Nên biết sự phát tâm không phải là việc nói chơi, người tầm thường mà phát tâm được.

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng đã phát bồ đề tâmthì quyết phải quán tưởng. Trước hết tưởng đến thân nhơn. Trong lúc trì niệm, chuyên tâm tưởng đến cha mẹ, sư trưởng của mình; rồi niệm tưởng đến địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh; lại niệm tưởng đến chư thiên, chư tiên, hết thảy thiện thần.

Lại nghĩ đến nhơn đạo, hết thảy nhơn lọai, có người đang chịu khổ làm sao mà cứu.

Thấy rồi lại tưởng, nên nghĩ thế này: chỉ có cách phát tâm rộng lớn, tâm bồ đề mới có thể cứu được. Nếu tưởng đến một người đã thành rồi thì nên tưởng đến hai người. Hai người thành rồi thì tưởng đến ba người. Ba người thành rồi thì tưởng đầy một nhà. Một nhà thành rồi thì tưởng đến một do tuần. Một do tuần thành rồi thì tưởng đến đầy cõi Diêm phù đề. Diêm phù đề thành rồi thì tưởng đến cả bốn châu thiên hạ.

Quán tưởng như vậy lần lần rộng khắp mười phương thế giới.

Thấy chúng sanh ở phương Đông là cha mình.

Chúng sanh ở phương Tây là mẹ mình,

Chúng sanh ở phương Nam là anh mình,

Chúng sanh ở phương Bắc là em mình,

Chúng sanh ở phương dưới là chị em mình.

Chúng sanh ở phương trên là sư trưởng mình.

Chúng sanh ở bốn phương góc kia (4) là sa môn, Bà la môn.

Thấy rồi nghĩ rằng:

“Nếu lúc nào những người ấy chịu khổ, tưởng ta đã đến nơi các người ấy mà thoa bóp thân thể cho họ, thề diệt hết đau khổ cho họ được giải thoát, rồi ta sẽ nói pháp cho họ nghe, bằng cách tán thán công đức của Phật, Pháp, Tăng”.

Tán thán rồi, sanh lòng vui mừng thấy họ an vui như ta không khác.

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng phát bồ đề tâm đều phải làm như vậy; ở trong đau khổ mà độ chúng sanh. Mọi người đều phải nhất tâm thống thiết, đầu thành đảnh lễ, tâm niệm miệng nói,

phát lời thệ nguyện như thế này:

Đệ tử chúng con tên... từ nay trở đi cho đến ngày thành phật, trong khpảng thời gian ấy, sanh ở chỗ nào, cũng thường gặp được thiện tri thức, phát tâm vô thượng bồ đề. Nếu chúng con thọ trong ba đường ác, hay lâm phải tám nạn (5) thường khiến chúng con nhớ tưởng phát tâm bồ đề tương tục kông gián đọan.

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng nên phát tâm dõng mãnh, tâm ân trọng, tâm bồ đề; nhất tâm tha thiết, đầu thành đảnh lễ quy y Thế gian Đại từ Bi phụ:

Nam mô Di Lặc Phật.
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật.
Nam mô Dõng Thí Phật.
Nam mô Thanh Tịnh Phật.
Nam mô Thanh Tịnh Thí Phật.
Nam mô Ta Lưu Na Phật
Nam mô Thủy Thiên Phật.
Nam mô Kiên Đức Phật.
Nam mô Chiên Dàn Công Đức Phật.
Nam mô Vô Lượng Cúc Quang Phật.
Nam mô Quang Đức Phật.
Nam mô Vô Ưu Đức Phật.
Nam mô Na La Diên Phật.
Nam mô Công Đức Hoa Phật.
Nam mô Kiên Dõng Tinh Tấn Bồ-tát.
Nam mô Kim Cang Huệ Bồ-tát.
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát.
Nam mô Quán Thế Âm Bồ-tát.

Lại quy y như vậy, mười phương tận hư không giới hết thảy Tam bảo.

Đệ tử chúng con tên... ngày nay ở trước mười phương Tam bảo, phát tâm bồ đề, từ nay trở đi cho đến ngày thành Phật, tu đạo Bồ-tát, thề không thối lui; hằng sanh tâm độ thoát chúng sanh, hằng sanh tâm an lập chúng sanh, hằng sanh tâm che chở chúng sanh; chúng sanh không thành Phật, chúng con xin thề không chịu chứng quả Niết bàn trước chúng sanh.

Nguyện xin hết thảy mười phương chư Phật, chư Đại Bồ-tát, hết

thảy Thánh Hiền, hiện tiền chứng minh cho chúng con, khiến chúng con tên... hết thảy hạnh nguyện đều được viên mãn.

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng, dầu trải qua nhiều kiếp làm nhiều điều thiện mới được phước báo ở cõi người, cõi trời, chứ chưa chứng được quả xuất thế; chết rồi hết phước, trở lại đọa vào đường ác. Thân hình tan rã, tự mình chưa khỏi khổ não, chưa khỏi bức bách.

Nếu không lập thệ nguyện rộng lớn, không phát tâm bồ đề thì phước đâu mà trang nghiêm Pháp thân để xa lìa được khổ não.

Ngày nay cùng nhau nhất tâm nhất ý... tưởng nhớ chư Phật, khởi lòng tin kiên cố, phát tâm đại bồ đề.

Công đức phát tâm rất rộng lớn sâu xa, không thể so lường. Chư Phật và Bồ-tát nói cũng không thể hết. Thiện lực như vậy vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn.

Thế nên chúng con đâu được không hết lòng chuyên tâm chú ý mà phát quảng đại bồ đề tâm.

Kinh Đại tập dạy rằng:

"Ví như trong một cái nhà tối trăm năm, chỉ thấp một ngọn đèn, cũng có thể phá tan mờ ám". Vậy nên chớ cho một niệm phát tâm là nhỏ, là không quan trọng, mà không nỗ lực.

Đại chúng cùng nhau quỳ gối chấp tay nhất tâm tưởng nhớ đến hết thảy mười phương Tam bảo tâm niệm miệng nói lời này:

"Đệ tử chúng con tên... nay đối trước hết thảy mười phương chư Phật, trước hết thảy mười phương Tôn Pháp, trước hết thảy mười phương Hiền Thánh, lòng ngay dạ thẳng, khởi tâm ân cần, trịnh trọng tâm không buông lung, tâm an trú, tâm ưa điều thiện, tâm độ thóat hết thảy, tâm che chở hết thảy, tâm như tâm chư Phật, tâm phát tâm bồ đề.

Đệ tử chúng con tên... từ nay trở đi cho đến ngày thành phật tâm không đắm trước cõi trời, cõi người, tâm không cầu chứng tiểu quả Thanh văn, Duyên giác mà chỉ phát tâm đại thừa, phát tâm cầu được nhất thiết chủng trí, tâm cầu thành tựu quả vô thượng bồ đề, thành bậc chánh giác.

Nguyện xin mười phương tận hư không giới hết thảy chư Phật, Đại địa Bồ-tát, hết thảy Thánh Hiền, đem sức bổn nguyện hiện tiềnchứng giám cho chúng con, đem sức từ bi, gia tâm hộ trợ, nhiếp thọ chúng con, cho chúng con tên... ngày nay phát tâm, tại chỗ sở sanh, kiên cố không thối lui.

Nếu chúng con bị đọa vào ba đường ác, hoặc lâm phải tám nạn,

ở trong ba cõi, chịu đủ thân hình, chịu đủ khổ sở không thể chịu được. Chúng con xin thề, không vì khổ ấy mà thối mất tâm bồ đề ngày nay. Thà chúng con chịu vào trong Đại hỏa luân, vô gián địa ngục, chịu các thống khổ; chúng con không vì khổ mà thối mất tâm đại bồ đề ngày nay.

Tâm ấy, nguyện ấy đồng với tâm của chư Phật, đồng với nguyện của chư Phật.

Lại xin chí thành đảnh lễ Tam bảo, chúng con tên... từ nay trở đi cho đến ngày thành Phật không bỏ hai pháp sau đây:

-"Một là biết tự tánh các pháp vốn không.

- Hai là độ thóat hết thảy mười phương chúng sanh".

Cùng nhau chí thành nhất tâm tha thiết năm vóc sát đất, tâm niệm miệng nói:

Đệ tử chúng con tên... không vì mình mà cầu vô thượng bồ đề, chính vì muốn cứu độ hết thảy chúng sanh, cho nên cầu vô thượng bồ đề. Từ nay trở đi cho đến ngày thành Đạo, chúng con sẽ nâng đỡ hết thảy vô lượng vô biên chúng sanh; chúng con sanh lòng đại từ bi, cùng tận đời vị lai đối với tất cả chúng sanh. Nếu có chúng sanh nào bị các ách nạn, trọng tôi trong ba đường, sáu nẻo, chúng con tên... thề không lánh khổ mà lại đem thân ra cứu hộ, làm cho các chúng sanh ấy được an ổn.

Nguyện xin mười phương cùng tận hư không giới, hết thảy Tam bảo chứng minh cho chúng con.

Nam mô Di Lặc Phật.
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật.
Nam mô Liên Hoa Quang Du Hý Thầ Thông Phật.
Nam mô Tài Công Đức Phật.
Nam mô Đức Niệm Phật.
Nam mô Thiện Danh Xưng Công Đức Phật.
Nam mô Hồng Diệm Đế Tràng Vương Phật.
Nam mô Thiện Du Bộ Công Đức Phật
Nam mô Bảo Hoa Du Bộ Phật.
Nam mô Bảo Liên Hoa Thiện Trụ Ta La Thọ Vương Phật.
Nam mô Đấu Chiến Thắng Phật.
Nam mô Thiện Du Bộ Phật.
Nam mô Châu Tráp Trang Nghiêm Công Đức Phật.
Nam mô Khí Ấm Cái Bồ-tát.

Nam mô Tịch Căn Bồ-tát.
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát.
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát.

Nguyện xin chư Phật, đem đại từ bi lực, hiện tiền chứng giám cho chúng con tên... ngày nay phát tâm bồ đề, tu đạo Bồ-tát, tại chỗ sở sanh, thành tựu được hết thảy điều thệ nguyện.

Chúng con đi đến đâu hết thảy chúng sanh đều được giải thóat. Chúng con lại xin đầu thành đảnh lễ hết thảy mười phương Tam bảo.

Chúng con tên... không vì từ thân mà cầu đạo vô thượng bồ đề. Chỉ vì hết thảy chúng sanh trong mười phương mà cầu chứng quả vô thượng bồ đề.

Từ nay trở đi cho đến ngày thành Phật nếu có chúng sanh nào ngu si, ám độn, không biết chánh phápsanh tâm tà kiến và có chúng sanh nào tuy tu đạo hạnh mà không thông đạt pháp tướng. Những chúng sanh như vậy cho đến cùng tận đời vị lai, chúng con tên... xin thệ nguyện nhờ Phật lực, Pháp lực, Hiền Thánh lực và bao nhiêu phương tiện khác, khiến các chúng sanh ấy điều được nhờ Phật lực hoàn toàn đầy đủ thành tựu nhất thế chủng trí.

Chúng con cùng nhau chí tâm, một lòng tha thiết, đầu thành đảnh lễ quy y mười phương tận hư không giới, hết thảy chư Phật.

Nam mô Di Lặc Phật.
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật.
Nam mô Phổ Quang Phật.
Nam mô Phổ Minh Phật.
Nam mô Phổ Tịnh Phật.
Nam mô Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Phật.
Nam mô Chiên Đàn Quang Phật.
Nam mô Ma Ni Tràng Phật.
Nam mô Hoan Hỉ Tạng Ma Ni Bảo Tích Phật.
Nam mô Nhất Thiết Thế Gian Nhạo Kiến Thượng Đại Tinh Tấn Phật.
Nam mô Ma Ni Tràng Đăng Quang Phật.
Nam mô Huệ Cự Chiếu Phật.
Nam mô Hải Đức Quang Minh Phật.
Nam mô Kim Cang Lao Cường Phổ Tán Kim Quang Phật.
Nam mô Đại Cường Tinh Tấn Dõng Mãnh Phật.

Nam mô Đại Bi Quang Phật.
Nam mô Từ Lực Vương Phật.
Nam mô Từ Tạng Phật.
Nam mô Huệ Thượng Bồ-tát.
Nam mô Thường Bất Ly Thế Bồ-tát.
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát.
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát.

Nguyện xin chư Phật chư đại Bồ-tát đem đại từ bi lực, đại trí huệ lực, bất tư nghì lực, vô lượng tự tại lực, hàng phục tứ ma (6) lực đọan trừ ngũ cái (7) lực, diệt trừ phiền não lực, vô lượng thanh tịnh nghiệp trần lực, vô lượng khai phát quán trí lực, vô lượng khai phát vô lậu huệ lực, vô lượng vô biên thần thông lực, vô lượng độ thóat chúng sanh lực, vô lượng phù hộ chúng sanh lực, vô lượng an ổn chúng sanh lực, vô lượng đoạn trừ khổ não lực, vô lượng giải thóat địa ngục lực, vô lượng tế độ ngạ quỉ lực, vô lượng cứu bạt chúng sanh lực, vô lượng nhiếp hóa A-tu -la lực, vô lượng nhiếp thọ nhơn đạo lực, vô lậu tận chư thiên chư tiên lậu lực, cụ túc trang nghiêm thập địa lực.

Cụ túc trang nghiêm tịnh độ lực,
Cụ túc trang nghiêm đạo tràng lực,
Cụ túc trang nghiêm Phật quả công đức lực,
Cụ túc trang nghiêm phật quả trí huệ lực,
Cụ túc trang nghiêm Pháp thân lực,
Cụ túc trang nghiêm vô thượng bồ đề lực,
Cụ túc trang nghiêm đại niết bàn lực,vô lượng vô tận công đức lực.

Nguyện xin mười phương tận hư không giới, hết thảy cư Phật, chư đại Bồ-tát, đem những năng lực vô lượng vô biên tự tại không thể nghĩ bàn ấy, không trái với thề xưa, không trái với nguyện xưa, mà bố thí cho hết thảy chúng sanh trong bốn loài sáu đường cùng khắp mười phương và cho tất cả chúng sanh đồng đang phát tâm hôm nay.

Quyết định khiến cho tất cả chúng sanh ấy hoàn toàn đầy đủ các công đức lực, hoàn toàn thành tựu bồ đề nguyện lực, hoàn toàn thành tựu bồ đề hạnh lực.

Ngày nay hết thảy chúng sanh trong đời vị lai cùng tận đời vị lai, hoặc ẩn, hoặc hiện, hoặc oán, hoặc thân, hoặc không phải oán, thân ở trong sáu loài sáu đường có duyên hay vô duyên với Phật pháp, hết thảy điều nhờ pháp sám này hằng được thanh tịnh. Các chúng sanh ấy

ở nơi nào cũng đồng được như sở nguyện; một lòng kiên cố, tâm không thối chuyển; đồng như chư phật, đồng thành chánh giác; cho đến những chúng sanh đời sau, dầu trái với lời nguyện này cũng đều khiến các chúng sanh ấy được vào trong bể đại nguyện liền được đấy đủ,hoàn toàn thành tựu công đức, trí huệ các chúng sanh ấy đồng với chư vị Bồ-tát, viên mãn hạnh thập địa (8) hoàn toàn nhất thế chủng trí (9) trang nghiêm vô thượng Bồ đề, thành bậc chánh giác.

CHƯƠNG THỨ NĂM: PHÁT NGUYỆN

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng, đã được cùng nhau phát đại bồ đề tâm rồi, vui mừng vô lượng. Bây giờ nên phát đại nguyện như sau này và nhất tâm tha thiết đầu thành đảnh lễ quy ythế gian Đại Từ Bi phụ:

Nam mô Di Lặc Phật.
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật.
Nam mô Chiên Đàn Khốt Trang Nghiêm Thắng Phật.
Nam mô Hiền Thiện Thủ Phật.
Nam mô Thiện Y Phật.
Nam mô Quảng Trang Nghiêm Vương Phật.
Nam mô Kim Hoa Quang Phật.
Nam mô Bảo Cái Chiếu Không Tự Tại Lực Vương Phật.
Nam mô Hư Không Bảo Hoa Quang Phật.
Nam mô Lưu Ly Trang Nghiêm Vương Phật.
Nam mô Phổ Hiền Sắc Thân Quang Phật.
Nam mô Bất Động Trí Quang Phật.
Nam mô Hàng Phục Chúng Ma Vương Phật.
Nam mô Tài Quang Minh Phật.
Nam mô Trí Huệ Thắng Phật.
Nam mô Di Lặc Tiên Quang Phật.
Nam mô Dược Vương Bồ-tát.
Nam mô Dược Thượng Bồ-tát.
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát.
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát.

Nguyện đem tam bảo đem sức bật khả tư nghị lực, gia tâm che chở cho chúng con tên... có những thệ nguyện gì, đều được thành tựu. Chúng con sanh ra ở đâu thường cũng không quên mất các lời nguyện hôm nay, và được viên mãn vô thượng bồ đề, thành đẳng chánh giác.

Chúng con tên... ngày nay trở đi, nguyện đời đời kiếp kiếp, cùng khắp mọi nơi, thường tưởng nhớ sự phát tâm bồ đề, khiến tâm bồ đề tương tục không đọan.

Đệ tử chúng con tên... từ nay trở đi, nguyện đời đời kiềp kiếp, cùng khắp mọi nơi, thường được phụng sự vô lượng vô biện hết thảy Đức Phật, thường được cúng dường chư Phật, lễ phẩm cúng dường đều

được đầy đủ.

Đệ tử chúng con tên... từ nay trở đi, nguyện đời đời kiếp kiếp, cùng khắp mọi nơi, thường được hộ trì hết thảy kinh điển đại thừa phương đẳng, lễ phẩm cúng dường kinh điển, đều được đầy đủ.

Đệ tử chúng con tên... từ nay trở đi nguyện đời đời kiếp kiếp cùng khắp mọi nơi,thường gặp được hết thảy mười phương vô lượng vô biên chư vị Bồ-tát, lễ phẩm cúng dường đều được đầy đủ.

Đệ tử chúng con tên... từ nay trở đi, nguyện đời đời kiếp kiếp, cùng khắp mọi nơi, thường gặp được hết thảy mười phương vô lượng vô biên Hiền Thánh, lễ phẩm cúng dường đều được đầy đủ.

Đệ tử chúng con tên... từ nay trở đi nguyện đời đời kiếp kiếp, cùng khắp mọi nơi, thường được phụng dưỡng báo bổ ơn sâu của cha mẹ, muốn được dâng cúng gì cũng không thiếu.

Đệ tử chúng con tên... từ nay trở đi, nguyện đời đời kiếp kiếp, cùng khắp mọi nơi, cũng thường gặp được hết thảy chư vị Hòa thượng A-xà-lê và muốn dâng cúng gì cũng có đầy đủ tùy tâm sở nguyện.

Đệ tử chúng con tên... từ nay trở đi, nguyện xin đời đời kiếp kiếp, cùng khắp mọi nơi, thường được cung phụng và gặp gỡ hết thảy vị quốc chủcó đại thế lực cùng với chúng con hưng hiển Tam bảo, làm cho Phật pháp không đọan tuyệt.

Đệ tử chúng con tên... từ nay trở đi, nguyện đời đời kiếp kiếp, cùng khắp mọi nơi, thường được trang nghiêm cõi nước của chư Phật các cõi ấy không có những danh từ tam ác, bát nạn.

Đệ tử chúng con tên... từ nay trở đi, nguyện đời đời kiếp kiếp, cùng khắp mọi nơi, bốn vô ngại trí, sáu sức thần thông hằng được hiện tiền, thường không quên mất, dùng để giáo hóa hết thảy chúng sanh.

Chúng con cùng nhau nhất tâm thống thiết năm vóc sát đất, đảnh lễ quy y thế gian Đại Từ Bi phụ.

Nam mô Di Lặc Phật.
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật.
Nam mô Thế Tịnh Quang Phật.
Nam mô Thiện Tịch Nguyệt Âm Diệu Tôn Trí Vương Phật.
Nam mô Long Chủng Thượng Tôn Vương Phật.
Nam mô Nhật Nguyệt Quang Phật.
Nam mô Nhật Nguyệt Châu Quang Phật.
Nam mô Huệ Tràng Thắng Vương Phật.
Nam mô Sư Tử Hống Tự Tại Lực Vương Phật.

Nam mô Diệu Âm Thắng Phật.
Nam mô Thường Quang Tràng Phật.
Nam mô Quang Thế Đăng Phật.
Nam mô Huệ Oai Đăng Vương Phật
Nam mô Pháp Thắng Vương Phật.
Nam mô Tu Di Quang Phật.
Nam mô Tu Ma Na Hoa Quang Phật.
Nam mô Ưu Đàm Bát La Hoa Thù Thắng Vương Phật.
Nam mô Đại Huệ Lực Vương Phật.
Nam mô A Súc Tỳ Hoan Hỷ Quang Phật.
Nam mô Vô Lượng Âm Thinh Vương Phật.
Nam mô Sơn Hải Huệ Tư Tại Thông Vương Phật.
Nam mô Đại Thông Quang Phật.
Nam mô Tài Quang Phật.
Nam mô Kim Hải Quang Phật.
Nam mô Nhất Thiết Pháp Tràng Mãn Vương Phật.
Nam mô Đại Thế Chí Bồ-tát.
Nam mô Phổ Hiến Vương Bồ-tát.
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát.
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát.

Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thảy tam bảo. Nguyện xin nhờ sức oai đức từ bi của chư Phật, chư vị Bồ-tát và hết thảy Hiền Thánh Tăng khiến chúng con tên... sanh ra nơi nào những thệ nguyện đã phát ra, đều được tùy tâm tự tại.

Đệ tử chúng con tên... từ nay trở đi, nguyện đời đời kiếp kiếp, cùng khắp mọi nơi, nếu có chúng sanh nào thấy sắc thân của chúng con liền được giải thóat. Nếu chúng con vào Địa ngục, hết thảy Địa ngục đều biến thành tịnh độ; hết thảy khổ não biến thành an vui. Khiến các chúng sanh sáu căn thanh tịnh, thân tâm an lạc, vui như ở đệ tam thuyền, dứt sạch nghi ngờ, phát sơ vô lậu huệ.

Đệ tử chúng con tên... từ nay trở đi, nguyện đời đời kiếp kiếp, cùng khắp mọi nơi, nếu có chúng sanh nào nghe được âm thanh của chúng con, tâm liền được an ổn, diệt trừ tội cấu, được Đà-la-ni (10) giải thóat tam muội, đầy đủ đại nhẫn, biện tài vô cùng, vào pháp vân địa, thành bậc chánh giác.

Đệ tử chúng con tên... từ nay trở đi, nguyện đời đời kiếp kiếp, cùng khắp mọi nơi, hết thảy chúng sanh, nghe được tên chúng con thảy đều

hoan hỷ, như được việc chưa từng có.

Nếu chúng con đến tam đồ thì tam đồ dứt hết khổ não; nếu chúng con ở các cõi trời, cõi người thì các cõi ấy dứt hết các pháp hữu lậu, đến đâu cũng được tự do, không có gì ràng buộc, thảy đều được giải thóat.

Đệ tử chúng con tên... từ nay trở đi, nguyện đời đời kiếp kiếp, cùng khắp mọi nơi, đối với hết thảy chúng sinh, không có tâm cho và lấy, không có tưởng oán và thân; đoạn trừ tham, sân, si là ba gốc độc ác; lìa ngã và ngã sở, tin ưa pháp đại thừa; đồng tu hạnh từ bi, hòa hợp với hết thảy như các Thánh chúng.

Đệ tử chúng con tên... từ nay trở đi, nguyện đời đời kiếp kiếp, cùng khắp mọi nơi, đối với hết thảy chúng sinh tâm thường bình đẳng như hư không, khen chê không động lòng; oán thân như nhau, đi xem vào tâm địa rộng lớn, học trí huệ chư Phật, xem chúng sinh đồng như La Hầu La, đầy đủ nghiệp thập trú, xa lìa tâm chấp có, xả bỏ tâm chấp không, thường tu theo trung đạo.

Cùng nhau chí tâm, một lòng tha thiết, đầu thành lễ, quy y Thế gian Đại Từ Bi phụ.

Nam mô Di Lặc Phật.
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật.
Nam mô Bảo Hải Phật.
Nam mô Bảo Anh Phật.
Nam mô Bảo Thành Phật.
Nam mô Bảo Quang Phật.
Nam mô Bảo Tràng Phan Phật.
Nam mô Bảo Quang Minh Phật.
Nam mô A Súc Phật.
Nam mô Đại Quang Minh Phật.
Nam mô Vô Lượng Âm Phật.
Nam mô Đại Danh Xưng Phật.
Nam mô Đắc Đại An Ổn Phật.
Nam mô Chánh Âm Thanh Phật.
Nam mô Vô Hạn Tịnh Phật.
Nam mô Nguyệt Âm Phật.
Nam mô Vô Hạn Danh Xưng Phật.
Nam mô Nhựt Nguyện Quang Minh Phật.
Nam mô Vô Cấu Phật.
Nam mô Tịnh Quang Phật.

Nam mô Kim Cang Tạng Bồ-tát.
Nam mô Hư Không Tạng Bồ-tát.
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát.
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát.
Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thảy tam bảo.

Chúng con tên...... nguyện xin nhờ công đức nhơn duyên phát nguyện sám hối hôm nay, mà bốn loài chúng sinh trong sáu đường, từ nay trở đi cho đến ngày thành phật, tu đạo bồ đề không biết mõi mệt, nhàm chán; tài thí không cùng, pháp thí không tận, trí huệ phương tiện làm gì cũng được; tùy căn cơ của chúng sanh, cho uống thuốc pháp, người thấy người nghe, đều được giải thóat.

Đệ tử chúng con tên...... lại nguyện xin từ nay trở đi cho đến ngày thành Phật, tu đạo Bồ-tát, không bị các chướng nạn trở ngại. Chúng con đến đâu cũng thường kiến lập đạo tràng, làm các đại Phật sự; tâm được tự tại, hay vào được hết thảy các môn thiền định, mở cửa tổng trì, rõ bày phật quả, ở pháp vân địa, rưới nước cam lồ, trừ bốn ma oán cho các chúng sanh; khiến các chúng sanh được pháp thân thanh tịnh nhiệm mầu.

Đệ tử chúng con tên... xin có bao nhiêu thệ nguyện, nguyện nào cũng như nguyện của mười phương chư Phật, chư Đại Bồ-tát đã phát ra trong lúc tu hành, rộng lớn như pháp tánh, cứu cánh như hư không.

Đệ tử chúng con tên... xin đều được như sở nguyện mãn bồ đề nguyện. Nguyện cho hết thảy chúng sinh đều theo đó, đều được như sở nguyện. Nguyện xin mười phương chư Phật, hết thảy chư Bồ-tát và hết thảy Thánh hiền đều đem sức từ bi, hiện tiền chứng giám cho chúng con.

Lại nguyện xin cho chúng sinh hết thảy thiên chủ, hết thảy tiên chủ, hết thảy thiện thần, hết thảy long thần đem từ thiện căn lực, vì ủng hộ tam bảo mà hiện tiền chứng giám cho chúng con, khiến chúng con hết thảy hạnh nguyện đều được viên mãn, tùy theo ý muốn.

CHƯƠNG THỨ SÁU: PHÁT TÂM HỒI HƯỚNG

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng đã phát bồ đề tâm rồi, đã phát đại thệ nguyện rồi, bây giờ lại nên phát tâm hồi hướng.

Cùng nhau chí thành đảnh lễ, nhất tâm tha thiết, năm vóc sát đất, quy y thế gian Đại từ Bi phụ.

Nam mô Di Lặc Phật.
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật.
Nam mô Nhật Quang Phật.
Nam mô Vô Lượng Bảo Phật.
Nam mô Liên Hoa Tối Tôn Phật.
Nam mô Thân Tôn Phật.
Nam mô Kim Quang Phật.
Nam mô Phạm Tự Tại Vương Phật.
Nam mô Kim Quang Minh Phật.
Nam mô Kim Hải Phật.
Nam mô Long Tự Tại Vương Phật.
Nam mô Thọ Vương Phật.
Nam mô Nhất Thế Hoa Hương Tự Tại Vương Phật.
Nam mô Dõng Mãnh Chấp Trì Lao Trượng Khí Xả Chiến Đấu Phật.
Nam mô Nội Phong Châu Quang Phật.
Nam mô Vô Lượng Hương Quang Minh Phật.
Nam mô Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát.
Nam mô Diệu Âm Bồ-tát.
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát.
Nam mô Quang Thế Âm Bồ-tát.

Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thảy tam bảo, nguyện xin tam bảo, đem sức từ bi hiện tiền chứng giám cho chúng con.

Chúng con tên...... quá khứ đã khởi ra bao nhiêu thiện nghiệp, hiện tại đang khởi ra bao nhiêu thiện nghiệp, hoặc nhiều hoặc ít, hoặc khinh hoặc trọng, thảy đều hồi hướng cho tất cả chúng sanh, trong bốn loài, sáu đường, làm cho các chúng sanh ấy đều được đại đạo tâm, không hướng về nhị thừa, không hướng về ba cõi, cùng nhau hướng về vô thượng bồ đề.

Lại nguyện xin cho tất cả chúng sinh ấy đã khởi ra bao nhiêu thiện nghiệp, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai đều không hướng về nhị thừa, đều không hướng về ba cõi, mà cùng nhau hướng về vô thượng bồ đề.

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng đã cùng phát tâm bồ đề rồi, đã phát đại thệ nguyện rồi, đã phát tâm hồi hướng rồi rộng lớn như pháp tánh, cứu cánh như hư không.

Hết thảy chư Phật, chư Đại Bồ-tát cùng chư vị Thánh Hiền quá khứ, hiện tại và vị lai đều chứng minh cho chúng con. Chúng con lại chí thành đảnh lễ Tam bảo. (1 lạy)

Chúng con tên...... phát tâm, phát nguyện việc ấy đã rồi,vui mừng vô lượng,. Nay chúng con lại chí tâm đầu thành đảnh lễ thế cho; quốc chủ, nhân dân, phụ mẫu, sư trưởng bà con nhiều đời, quyến thuộc nhiều kiếp, thiện ác tri thức, chư thiên chư tiên, hộ thế tứ vương, chủ thiện phạt ác, thủ hộ trì chú, ngũ phương long vương, long thần, bát bộ hét thảy linh kỳ, quá khứ, hiện tại cùng vị lai hết thảy người oán kẻ thân và không phải oán thân, hết thảy chúng sanh trong bốn loài, sáu đường mà quy y thế gian Đại Từ Bi phụ.

Nam mô Di Lặc Phật.
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật.
Nam mô Sư Tử Hưởng Phật.
Nam mô Đại Cường Tinh Tấn Dõng Lực Phật.
Nam mô Quá Khứ Kiên Trú Phật.
Nam mô Cổ Âm Vương Phật.
Nam mô Nhật Nguyệt Anh Phật.
Nam mô Siêu Xuất Chúng Hoa Phật.
Nam mô Thế Đăng Minh Phật.
Nam mô Hưu Đa Dị Ninh Phật.
Nam mô Bảo Luân Phật.
Nam mô Thường Diệt Độ Phật.
Nam mô Tịnh Giác Phật.
Nam mô Vô Lượng Bảo Hoa Minh Phật.
Nam mô Tu Di Bộ Phật.
Nam mô Bảo Liên Hoa Phật.
Nam mô Nhất Thế Chúng Bảo Phổ Tập Phật.
Nam mô Pháp Luân Chúng Bảo Phổ Tập Phong Doanh Phật.
Nam mô Thọ Vương Phong Trường Phật.

Nam mô Vi Nhiễu Đặc Tôn đức Tịnh Phật.
Nam mô Vô Cấu Phật.
Nam mô Nhật Quang Phật.

VÀ QUY Y KỈNH LỄ:

Quá khứ vô số kiếp chư Phật. Đại Sư Hải Đức Như Lai.

Kỉnh lễ vô lượng vô biên tận hư không giới vô sanh pháp thân Bồ-tát.

Kỉnh lễ vô lượng vô biên tận hư không giới vô lậu sắc thân Bồ-tát.

Kỉnh lễ vô lượng vô biên tận hư không giới phát tâm Bồ đề.

Kỉnh lễ hưng chánh pháp Mã Minh đại sư Bồ-tát.

Kỉnh lễ hưng tương pháp Long Thọ đại sư Bồ-tát.

Kỉnh lễ mười phương tận hư không giới Vô Biên Thân Bồ-tát.

Kỉnh lễ mười phương tận hư không giới cứu khổ cứu nạn Quan Thế Âm Bồ-tát.

TÁN THÁN PHẬT VÀ CHÚ NGUYỆN:

Đại Thánh Thế Tôn.
Uy nghiêm rực rỡ,
Thần trí nhiệm mầu,
Lớn hơn các Thánh,
Thân khắp lục đạo,
Thể cùng mười phương,
Đảng có nhục kế,
Trán tỏa hào quang,
Mặt như trăng tròn,
Thân vàng sắc đẹp,
Nghi dungđỉnh đạc,
Đi đứng khoan thai,
Oai nghi pháp giới,
Ma quân kinh hòan.
Tam đạt (11) sáng tỏa,
Chúng tà tiềm tàng,
Thấy ác liền cứu
Tế khổ tư lương (12)
Độ thoát sanh tử,
Sẵn có từ hàng (13)

Nên Hiệu Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc,

Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật Thế Tôn, độ chúng vô lượng, diệt khổ sanh tử.

Chúng con nguyện xin nhờ công đức nhơn duyên phát tâm này mà quốc chủ hiện tại và gia thân quyến thuộc của người từ nay trở đi cho đến ngày thành Phật quên mình vì đạo như:

Tát Đà Bà Luân Bồ-tát

Đại Bi diệt tội như:

Hư không Tạng Bồ-tát.

Hay ở xa nghe pháp như:

Lưu ly quang Bồ-tát

Hay khéo giải đáp vấn nạn như:

Vô Cấu Tạng Bồ-tát.

Lại nguyện xin cho đệ tử chúng con tên... thân sanh phụ mẫu, nhiều kiếp bà con, xa gần nội ngoại, từ nay trở đi cho đến ngày thành Phật, biến thân ra giữa hư không thế giới như ngài:

Vô Biên Thân Bồ-tát.

Có đủ mười công đức như:

Ngài Cao Quý Đức Vương Bồ-tát.

Nghe pháp sanh tâm vui mừng như:

Ngài Vô Úy Bồ-tát.

Lại nguyện xin các Hòa Thượng, A-xà-lê, những bà con đồng tu, đồng học, thượng, trung hạ tòa, hết thảy tri thức của chúng con, từ nay trở đi cho đến ngày thành Phật, mọi người được phép vô úy như:

Ngài Sư Tử Vương Bồ-tát.

Giáo hóa được ảnh hưởng lớn như:

Ngài Bảo Tích Bồ-tát.

Nghe tiếng liền cứu khổ như:

Ngài quán Thế Âm Bồ-tát.

Hay khéo thưa thỉnh giáo pháp như:

Ngài Đại Ca Diếp Bồ-tát.

Lại nguyện xin những người xuất gia, tại gia, tín thí đàn việc thiện ác tri thức và quyến thuộc của các người ấy, từ nay trở đi cho đến ngày thành phật, cởi mở ngay được nguy ách, như ngài:

Cứu Thóat Bồ-tát.

Tướng mạo trang nghiêm như:

Ngài Văn Thù Bồ-tát.

Hay xả nghiệp chướng như;

Ngài Khí Ấm Cái Bồ-tát.

Hiến tối hậu cúng như:

Ngài Thuần Đà Bồ-tát.

Lại nguyện xin chư thiên, chư tiên hộ thế tứ vương, thông minh chánh trực, thiện địa hư không, chủ thiện phạt ác, thủ hộ trì chú, ngũ phương Long vương, Long thần bát bộ, u hiển linh kỳ và bà con quyến thuộc của các vị ấy, từ nay trở đi cho đến ngày thành Phật, có lòng Đại từ che khắp chúng sinh như:

Ngài A Dật Đa Bồ-tát.

Tinh Tấn Hộ pháp như:

Ngài Bất Hưu Tức Bồ-tát.

Ở xa mà chứng minh cho sự đọc tụng như:

Ngài Phổ Hiền Bồ-tát.

Vì Phật pháp mà thiêu thân như:

Ngài Dược Vương Bồ-tát.

Lại nguyện xin hết thảy chúng sanh và quyến thuộc của các chúng sanh, hoặc oán, hoặc thân hay không phải oán thân, trong bốn loài, sáu đường cùng khắp mười phương, từ nay trở đi cho đến ngày thành đạo, tâm không ái nhiễm, như:

Ngài Ly Ý Nũ Bồ-tát.

Nói lời nhiệm mầu khôn khéo như lời của Thắng Man Phu Nhơn.

Tu hành tinh tấn như đức thích ca văn.

Có thiện nguyện lớn như Phật Vô Lượng Thọ.

Có oai thần như các thiên vương.

Bất khả tư nghì như Ngài Duy Ma Cật. Thành tựu hết thảy chúng sinh, trang nghiêm hết thảy Phật độ.

Nguyện xin mười phương tận hư không giới vô lượng vô biên chư Phật, chư Đại Bồ-tát, và hết thảy Hiền Thánh đều đem lòng từ bi, đồng gia tâm che chở phù hộ cứu vớt chúng con, và chúng sanh, chúng con được mãn nguyện, tín tâm được kiên cố, phước đức ngày một cao dày, có từ tâm, nuôi dưỡng chúng sanh như nuôi đứa con một.

Khiến các chúng sanh ấy được bốn vô lượng tâm, sáu ba-la-mật, thập thọ tu thiền, tam nguyện đầy đủ móng tâm liền được thấy phật như bà Thắng Man Phu Nhơn. Hết thảy hanh nguyện hoàn toàn thành tựu, đồng như chư Phật, đồng đến đạo tràng, thành bậc chánh giác.

TỪ BI ĐẠO TRÀNG SÁM PHÁP
QUYỂN THỨ HAI
(HẾT)

Cung Văn Cuối Quyển Hai

Lương Hoàng Bảo Sám,
Vạn đức hồng danh,
Linh văn nhị quyển tối hoằng thâm,
Tự tự miễn tai truân,
Đảnh lễ Phật danh,
Tiêu tai bảo an ninh.
Nam Mô Ly Cấu Địa Bồ-tát Ma Ha Tát.(3 lần).

CUNG VĂN:

Vạn đức trang nghiêm chi diệu thể, vị ly Đâu Suất dĩ giáng hoàng cung. Bách phước tướng hảo chi Từ Tôn, bất khởi thọ vương nhi thăng Đao Lợi: duy nguyện Giáng Vương thùy từ lân mẫn. Đại ai khoàng tế, bạt trệ nịch chi trầm lưu. Pháp nhãn viên minh, giám ngu tình chi khẩn thiết.

Thượng lai phụng vì cầu sám, đệ tử... đẳng, tu lễ Từ Bi Đạo Tràng Bảo Sám, kim đương đệ nhị quyển, công đức tương hoàn. Đàn nội thanh chúng, xuất sám nhập sám, hành đạo triền nhiễu, thiêu hương tán hoa, phúng kinh trì chú.... Nhiên tương nhị quyển chi công huân, tác thử nhị thời chi hồi hướng. Nhất chơn chi nội Phật Đà, Đạt Ma, Tăng Già. Tam giới chi trung thiên tiên, địa kỳ thủy phủ, hàm sanh hoan hỷ chi tâm, giám thử đầu thành chi chí. Hưng nhất tử chi bi ai, mãn nhị nghiêm chi cụ bị. Xuất sanh công đức, phụng vì cầu sán đệ tử đẳng.... Tẩy không tam nghiệp, tăng trưởng nhị nghiêm.

Phục nguyện: sự chướng, lý chướng dĩ tiêu dung; nhân không pháp không nhi thanh tịnh. Điên đảo nhị tâm bất khởi, phước huệ nhị chủng trang nghiêm; nhập bất nhị chi pháp môn, chứng chân thường chi diệu lý. Phổ triêm ân hữu, pháp giới oan thân. Hoạch nhơn pháp chi lưỡng không, đắc vô sanh chi nhị nhẫn. Nhị huệ viên minh, nhị hạnh viên mãn; ưu du ư pháp hải từ hàng; thường lạc ư tát bà nhã quả.

Tuy tắc y văn sám hối, do khủng vị tận; kiền thành tái laoThánh chúng, đồng cầu sám hối.

Nam Mô Sám Hối Sư Bồ-tát Ma Ha Ta (3lần)

Lương Hoàng Bảo Sám nhị quyển công đức lực. Nguyện diệt ngã đẳng tộ chướng, thân chứng Bồ-tát Ly Cấu Địa.

Sám văn cử xứ tội hoa phi,

Giải liễu oan sám liễu tội,
Tiêu tai tăng phước huệ,
Thoát khổ sanh Đao lợi,
Giải liễu oan sám liễu tội,
Tiêu diêu trực nhập Long Hoa hội,
Long Hoa tam hội nguyện tương phùng,
Di Lặc Phật tiền thân thọ ký.

Nam Mô Long Hoa Hội Bồ-tát Ma Ha Tát (3 lần)

Hồi đàn tán

Lương Hoàng Bảo Sám,
Nhị quyển dĩ toàn châu,
Hồi hướng tứ ân tịnh tam hữu,
Bái sám chúng đẳng tăng phước thọ,
Nguyện tương pháp thủy tẩy khiên vưu,
Duy nguyêẹn vong giả vãng Tây du.
Ly Cấu Địa Bồ-tát duy nguyện ai nạp thọ.

Nam Mô Đăng Vân Lộ Bồ-tát Ma Ha Tát (3 lần)

Hồi hướng tịnh độ:
Ma Ha Bát Nhã Ba-la-mật Đa Tâm Kinh...
(Tiếp Tịnh độ và hồi hướng)

■

LƯƠNG HOÀNG BẢO SÁM

ĐẦU QUYỂN BA

Đăng hoảng diệu,
Oanh hoàng liệt bảo đài,
Quang minh biến chiếu châu sa giới,
Hôn cù chiếu diệu câu vô ngại.
Diệm Ma chiêm lễ tử kim đài.
Nhiên Đăng Phật thành đạo,
Tằng thọ nhân thiên bái.

Nam Mô Phổ HiềnVương Bồ-tát Ma Ha Tát (3 lần)

CUNG VĂN :

Tam kỳ quả mãn, hiện xuất thế chi Ưu đàm,
Tam loại hóa thân diễn nan tuyên chi giáo hải,
Tam xa dụ dẩn tân lương ư tam giới hàm linh,
Tam quán trừng minh tuyên dương ư tam thiên giới nội. Nghịch hạnh thuận hạnh vô phi Phật sự. Cử túc hạ túc tức thị Đạo Tràng. Duy nguyện Từ Tôn giám thử đơn thành.

Thượng lai cầu sám đệ tử đẳng ... khởi kiến Từ Bi Đạo Tràng Sám Pháp, kim đương đệ tam quyển, nhập đàn duyên khởi ngã chư chúng đẳng... Kiều cần tác lễ, khẩn thiết đầu thành, quán tưởng Từ Dung, xưng dương Giác hiệu; phụng Hươgn Tích chi trân tu, hiến danh viên chi hoa quả, vọngchư Phật dĩ thùy từ, Xá đa sanh chi tội cấu. Thiết niệm câu sám đệ tử đẳng... tự tùng cô thỉ đãi chí kim sanh, tam hải mê tâm, tạo tam hữu thăng trầm chi cốt một. Tam không vị ngộ, tác tam đồ khổ thú chi nhân do khởi tam hoặc tâm, nhi tam nghiệp di thâm, trần trần cách ngại ; muội tam tu tập nhi tam nghiệp vi tiêu. Niệm niệm phan duyên như tàn tác kiển, loại tượng nịch nê, trầm trụy oanh triền, vô do giải thóat. Kim tắc giác thân tâm chi thị khổ, tín nghiệp quả chi nan đào, phát lộ hướng ư Chân Từ phi thành đầu ư Giái Hải. Nguyện Phật nhật dĩ đương không, chiếu u đồ chi khổ thú. Cưu taam học chi truy lưu, lễ tam

thiên chi Đạo giác. Ngã tâm cánh cánh, Phật đức nguy nguy, kỳ khấu Hồng từ, minh huân gia bị.

Tam thiên giới nội Từ Bi Chủ,
Bách ức sát trung Đại Pháp Vương,
Nguyện khai liên mục giám pháp tình...
Chúng sanh hữu cầu giai cảm ứng.

Khởi vận từ Bi Đạo Tràng Sám Pháp, nhất tâm quy mạng Tam Thế chư Phật:

Nam Mô Quá Khứ Tỳ Bà Thi Phật.
Nam Mô Thi Khí Phật.
Nam Mô Tỳ Xá Phù Phật.
Nam Mô Câu Lưu Tôn Phật.
Nam Mô Câu Na Hàm Mâu Ni Phật.
Nam Mô Ca Diếp Phật.
Nam Mô Thích Ca Mâu Ni Phật.
Nam Mô Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật.

CHƯƠNG THỨ BẢY: NÓI RÕ QUẢ BÁO

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng trước đã thuật rõ tội báo của ác nghiệp. Vì hoạn lụy của ác báo cho nên trái nghiệp thù thắng tốt đẹp. Vì ác nghieệp nên phải đọa trong ba đường dữ trải khắp ác thú và sanh ra ở nhơn gian để chịu trả quả bao đau khổ. Quả báo đau khổ như thế đều do nhơn duyên túc đối đời trước đem lại. bây giờ xả thân này chịu thân khác để chịu trả quả báo mãi không thôi.

Bởi thế chư Phật và chư Đại Bồ-tát dùng sức thần thông thiên nhãn, thất hết thảy chúng sanh trong ba cõi khi hết phước rồi, cứ theo nghiệp báo mà đạo vào các chỗ khổ. Thấy chúng sanh từ cõi trời vô sắc giới, do tâm đắm trước thiền định, thoạc vậy mạng chung, hết phước đọa xuống cõi trời dục giới. Vì hết phước nên cũng có khi đọa làm cầm thú. Những chúng sanh ở cõi trời sắc giới, khi hết phước cũng phải sa đọa như vậy. Từ chỗ thanh tịnh đọa xuống dục giới là chỗ không thanh tịnh, vì ở chỗ không thanh tịnh nên trở lại thọ lấy dục lạc. Chúng sanh ở sáu cõi trời dục giới khi hết phước đọa xuống địa ngục chịu vô lượng khổ.

Chư Phật và Bồ-tát lại thấy chúng sanh ở trong nhơn đạo, nhờ sức tu thập thiện được sanh làm người. Ngay trong thân người cũng có lắm khổ, khi mạng chung phần nhiều lại đọa vào các đường ác.

Lại thấy chúng sanh trong đường súc sanh chịu lắm khổ não, bị đánh đập xua đuổi, chở nặng, đi xa, đau đớn khốn khổ, trầy vại trợt cổ, sắt nóng thiêu thân.

Lại thấy chúng sanh trong đường ngạ quỷ thường bị đói khát khổ sở, bị lửa thiêu thân như ở thời mạt kiếp. Nếu không nhờ một mảy căn lành để cứu vớt thì vĩnh kiếp không thể giải thoát. Nếu có được chút phước thì được sanh lên làm người, nhưng thân hình ốm yếu, nhiều tật bệnh và sống yểu chết non.

Vậy đại chúng nên biết thiện ác như hai bánh xe theo nhau, chưa từng tạm nghỉ, thì quả báo cũng do đó mà liên tiếp không thôi, xoay vần như sợi dây xích chuyền nối mãi mãi.

Sang hèn giàu nghèo đều tùy hạnh nghiệp của mỗi người mà chịu trả quả báo.

Không phải sang hèn như vậy mà không có nguyên nhơn, không lẽ vô cớ mà có quả báo sang hèn như vậy, thì rất phi lý.

Trong kinh Phật dạy rằng:

- Làm người giàu sang, quốc vương, trưởng giả là do cái nhơn đời

trước lễ bái phụng sự Tam bảo mà ra.

- Làm người giàu có to lớn là do cái nhơn đời trước bố thí mà ra.

- Làm người sống lâu là do cái nhơn đời trước không sát sanh mà ra.

- Làm người đoan chánh là do cái nhơn đời trước nhẫn nhục mà ra.

- Làm người siêng tu là do cái nhơn đời trước không biếng nhác mà ra.

- Làm người có tài ba sáng suốt, hiểu rộng thấy xa là do cái nhơn đời trước tu trí huệ mà ra.

- Làm người có âm thanh trong trẻo là do cái nhơn đời trước ca vịnh tán thán Tam bảo mà ra.

- Làm người sạch sẽ không tật bệnh là do cái nhơn đời trước từ tâm mà ra.

- Làm người thân hình cao lớn tốt đẹp là do cái nhơn đời trước kính nhường người mà ra.

- Làm người thân hình thấp hèn nhỏ bé là do cái nhơn đời trước khinh khi người mà ra.

- Làm người thân hình xấu xa là do cái nhơn đời trước hay giận hờn mà ra.

- Làm người vô tri không hiểu biết gì hết là do cái nhơn đời trước không học hỏi mà ra.

- Làm người ngu xuẩn đần độn là do cái nhơn đời trước không dạy bảo người mà ra.

- Làm người câm ngọng là do cái nhơn đờ trước hay hủy báng người mà ra.

- Làm người hay bị kẻ khác sai khiến là do cái nhơn đời trước mắc nợ người không trả mà ra.

- Làm người da đen xấu xí là do cái nhơn đời trước che ánh quang minh của Phật mà ra.

- Làm người sanh vào nước lõa hình là do cai nhơn đời trước ăn mặc quần áo mỏng manh, suồng sã, cho mình là hơn người mà ra.

- Làm người sanh ra trong nước móng ngựa là do cái nhơn đời trước đi giày dép tưởng mình là hơn người, giành đi trước mà ra.

- Làm người sanh vào nước xuyên ngực là do cái nhơn đời trước bố thí làm phước, rồi sanh tâm hối hận tiếc của mà ra.

- Làm người sanh trong loài hươu nai là do cai nhơn đời trước dọa nạt người, làm người khiếp sợ mà ra.

- Làm người sanh trong loài rồng là do cái nhơn đời trước ưa giỡn cợt múa nhảy mà ra.

- Làm người thân hình sinh lỡ ghẻ dữ là do cái nhơn đời trước hay đánh đập chúng sanh mà ra.

- Làm người được người thấy mình liền sanh tâm hoan hỷ là do cái nhơn đời trước thấy người cũng sanh tâm hoan hỷ.

- Làm người hay bị quan bắt giam cầm là do cái nhơn đời trước hay bắt giam cầm chúng sanh trong lòng trong chậu mà ra.

- Làm người ngồi nghe thuyết pháp mà nói chuyện làm loạn động tâm người khác, sau sẽ đọa trong loài chó trập trai.

- Làm người ngồi nghe thuyết pháp mà không để ý nghe cho hiểu sau sẽ đọc trong loài lừa dài tai.

- Làm người tham ăn một mình, keo rít, bỏn xẻn, sau sẽ đọa loài quỷ đói. Hết kiếp quỷ đói sanh làm người bần cùng đói khát.

- Làm người đem đồ ăn dở cho người khác, sau sanh làm heo lợn, loài bọ hung.

- Làm người hay cướp giựt của kẻ khác, sau đọa làm dê, bị kẻ khác lột da ăn thịt.

- Làm người ưa trộm cướp của kẻ khác, sau đọa làm trâu ngựa, bị người sai khiến.

- Làm người ưa nói vọng ngữ, tuyên truyền điều xấu của kẻ khác, sau đọa địa ngục, bị quỷ sứ rót nước đồng sôi vào miệng, kéo dài lưỡi ra cho trâu cày. Tội hết rồi, người ấy sanh làm chim cù dục, chim cú, người nghe tiếng nó kêu, ai cũng sợ hãi, cho là yêu quái, đều nguyền rủa cho nó chết.

- Làm người ưa uống rượu say, sau đọa vào địa ngục phất xí.

(Nước phẩn sôi trào) tội hết rồi người ấy sinh vào loài tinh tinh. Hết nghiệp tinh tinh được sanh làm người, ngoan độn, ngu si, không ai đếm xỉa đến.

- Làm người tham lường sức mạnh của kẻ khác, sau sẽ đọa làm voi.

Than ôi! Ở địa vị giàu sang, làm người trên trước mà đánh đập kẻ dưới. Kẻ dưới không biết thưa kiện với ai. Những người như thế, chết vào địa ngục, kể cả ngàn vạn năm chịu quả báo đau khổ.

Từ địa ngục ra, lại đọa làm trâu, bị xâu xỏ mũi miệng dắt thuyền kéo xe, roi gậy to lớn đánh đập khổ sở, để đền lại nợ ngày xưa.

Lại nữa, người ăn ở dơ bẩn là từ trong loài heo mà đầu thai ra.

Người xan tham keo kiết, không tự xét mình là từ trong loài chó

mà đầu thai ra.

Những người gầm gừ, tự dụng một mình, là từ trong loài dê mà ra.

- Người có tánh tạo bạo, nóng nảy, không hay nhẩn nhục là từ trong loài khỉ, vượn, hầu mà đầu thai ra.

- Người có thân hình tanh hôi là từ trong loài cá trạch mà đầu thai ra.

- Người có tâm thâm hiểm, độc ác là từ trong loài rắn độc mà đầu thai ra.

- Người không có từ tâm, tàn nhẫn, bạo hại là từ trong loài hổ báo, sài lang mà đầu thai ra.

Ngay nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng, đã sanh ra làm người trong thế gian bị nhiều bệnh, chết sớm, biết bao thống khổ không thể kể xiết, như thế là do ba nghiệp gây ra, nên khiến người "tu hành" phải mắc lấy quả báo trong ba đường dữ.

Sở dĩ có ba đường dữ là vì có tham sân si. Vả lại cũng vì có ba độc tham sân si ấy mà người tự thiêu đốt lấy mình, miệng thường nói ác, tâm thường nghĩ ác, thân thường làm ác.

Do các điều ấy làm cho thân người thường chịu các khổ não, không cùng tận. Đến khi mạng chung, hồn côi bơ vơ. Mình làm mình chịu, cha mẹ vợ con không thể cứu được.

Thoạt vậy trong nháy mắt đến chốn diêm vương, ngưu đầu ngục tốtở trong địa ngục không kể tôn ti, chỉ xét sổ tội phước, kiểm điểm nặng nhẹ, thiện ác nhiều ít, trong lúc sanh tiền đã làm thế nào thì thần thức tự thú tội, không dám che giấu. Do vì nhơn duyên ấy nên phải theo nghiệp mà chịu trả quả báo, đến chỗ khổ hay vui là do mình làm mình chịu, mờ mờ mịt mịt ly biệt lâu dài, đường ai nấy đi, không bao giờ gặp nhau trở lại.

Vả lại, các vị thiên thần ghi chép thiện ác của người không thiếu sót mảy may. Người thiện làm lành được phước thêm tuổi, người ác làm dữ, giảm thọ thêm khổ. Cứ xoay vần như vậy, mãi mãi rồi lại đọa làm quỷ đói. Hết kiếp quỷ đói, thoát ra làm súc sanh. Tội khổ vô lượng không thể chịu nổi, không bao giờ cùng.

Ngày nay đại chúng trong đạo tràng đều nên phải tự tỉnh ngộ mà sanh tâm hổ thẹn.

Trong kinh Phật dạy rằng: "Làm lành gặp lành, làm dữ gặp dữ". Nhưng trong đời ngũ trược ác thế, chúng ta không nên làm ác; làm lành không mất quả lành, làm ác tự rước lấy tai họa.

Chớ cho khinh thoát lập ra pháp sám này.

Kinh dạy rằng: “Chớ khinh điều thiện nhỏ cho là không phước, giọt nước tuy nhỏ, chảy lâu cũng đầy bát to”.

Không chức thiện nhỏ lấy gì có phước to để thành Thánh thành Phật, chớ khinh ác nhỏ mà nói là không có tội. Ác nhỏ chức lại lâu ngày cũng đủ mất thân.

Đại chúng nên biết: Lành dữ họa phước đều do tâm tạo. Nếu không tạo nhơn thì không có kết quả. “Ương họa chứa lại, tội thành to lớn”. Chúng ta mắt thịt không thể thấy. Đó là lời Phật dạy ai dám không tin.

Chúng con đã cùng nhau vô phước, sanh vào đời mạt pháp, nếu không siên năng học tập tu hành, không tự sức mình làm lành, đến phút cuối cùng, tắt thở, khi ấy ăn năn đã muộn. Tuy vậy bây giờ đã cùng nhau thấy biết hết thảy tội lỗi như trong kinh Phật đã dạy: Người đã biết tội mình há lại không biết bỏ ác theo lành hay sao?

Đời nay nếu không dụng tâm xả thân cầu đạo quyết phải đọa địa ngục. Vì sao mà biết?

Vì trong lúc làm tội ôm lòng độc ác, mạnh mẽ nóng nảy, giận hờn, gắt gao, sâu sắc. Như giận một người nào quyết muốn cho người ấy chết. Nếu ghét một người nào, không ưa thấy điều tốt của người ấy. Nếu hủy báng một người nào, quyết khiến cho người ấy lâm vào cảnh khổ. Nếu đánh một người nào, quyết khiến cbho người ấy đau thấu trời thấu đất.

Khi giận hờn tàn bạo tai hại thì không thể kể tôn ti thượng hạ, dùng lời xấu hổ, mắng nhiếc đủ điều; có khi la vang như sấm dậy, mắt như đổ lửa. Còn khi làm phước thì thiện tâm rất yếu ớt. Lúc đầu muốn làm nhiều, sau lần lần giảm ít lại.

Lúc đầu muốn kinh doanh cho mau chóng, sau lại thả lỏng buông trôi.

Tâm đã không chí quyết ngày thángtrôi qua, lần lượt tới lui cho đến khi quên mất việc thiện là xong. Xét như thế thì biết lúc làm tội tâm lực rất mãnh liệt cường thạnh; lúc làm phước thì chí ý bạc nhược yếu hèn.

Nay đem cái nhơn làm phước yếu hèn ấy mà cầu xa lìa quả báo làm ác mãnh liệt cương cường kia thì không thể được.

Kinh dạy rằng: “Sám hối thì tội gì cũng tiêu diệt hết”.

Nhưng than ôi! Đến lúc sám hối, quyết phải đầu thành đảnh lễ, năm vóc sát đất như núi Thái Sơn sụp đổ, không tiếc thân mạng thì mới

mong diệt được tội.

Vì diệt được tội nên phải ân cần, thành khẩn cùng nhau xét mình từ khi sinh ra cho đến ngày nay đã gây ra bao nhiêu tội lỗi. Phải tự xét trách như thế mới không tiếc thân mạng, chịu khó nhọc mà sám hối.

Thoạt vậy giận hờn, sân tâm liền khởi, tập thành tánh quen, khó có thể sửa đổi mau chóng, không thể buông tâm phóng ý mà không ngăn ngừa.

Nếu hay đè nèn nhẫn nhịn thì phiền não có thể trừ. Người nào giãi đãi lười biếng, buông lung thì không thể tế độ được.

Đệ tử chúng con tên... ngay nay mong nhờ sức từ bi hộ niệm của chư Phật, chư đại Bồ-tát, sức bổn thệ nguyện lực mà nói kinh: "TỘI NGHIỆP, BÁO ỨNG, ĐỊA NGỤC" nên chúng con hết lòng lắng nghe.

"Ta nghe đức A Nan thuật lại như thế này: Một hôm Phật ở thành Vương xá, trong núi Kỳ xà Quật, cùng với chư Đại Bồ-tát ma ha tát, các vị Thanh văn và quyến thuộc của Ngài đông đủ; cũng có các vị Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, chư thiên, quỷ thần, thảy đều đến dự đông đủ".

Lúc bấy giờ có Ngài Tín Tướng Bồ-tát bạch Phật rằng:

"Bạch đức Thế Tôn! Hôm nay có đủ chúng sanh ở các đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, sang, hèn, giàu, nghèo không biết bao nhiêu chủng loại ... Phàm có chúng sanh nào được nghe Phật thuyết pháp thì cũng như con thơ gặp mẹ, như bệnh gặp thuốc, như lạnh có áo, như tối có đèn. Thế Tôn thuyết pháp lợi ích cho chúng sanh cũng như thế".

Lúc bấy giờ Phật thấy thời cơ đã đến; biết các vị Bồ-tát khuyến mời Phật thuyết pháp rất ân cần, Phật liền phóng đạo hào quang trắng giữa hai chân mày, soi khắp mười phương vô lượng thế giới, địa ngục không còn, thống khổ cũng hết.

Lúc bấy giời hết thảy chúng sanh đang chịu tội, tìm ánh sáng quang minh của Phật mà tới; nhiễu quanh Phật bảy vòng, nhất tâm lạy Phật, khuyến mời Phật thuyết pháp, rộng giáo hóa chúng sanh, khiến chúng sanh mong nhờ nghe pháp mà được giải thoát.

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng cũng nên chí thành khuyến mời chư Phật thuyết pháp như vậy; nguyện cho chúng sanh đều được giải thoát.

Chúng con cùng nhau, một lòng tha thiết, đảnh lễ Thế Tôn, năm vóc sát đất như núi Thái sơn sụp đổ, mà khuyên thỉnh mười phương tận hư không giới hết thảy chư Phật thuyết pháp. Nguyện Phật đem sức từ bi, cứu các khổ não cho chúngsanh được an vui.

Lại xin khuyến thỉnh quy y Thế gian Đại Từ Bi phụ:

Nam mô Di Lặc Phật.
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật.
Nam mô Phạm Thiên Phật.
Nam mô Bất Thối Chuyển Luân Thành Thủ Phật.
Nam mô Đại Hưng Quang Vương Phật.
Nam mô Pháp Chủng Tôn Phật.
Nam mô Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật.
Nam mô Tu Di Phật.
Nam mô Đại Tu Di Phật.
Nam mô Siêu Xuất Tu Di Phật.
Nam mô Dụ Như Tu Di Phật.
Nam mô Hương Tượng Phật.
Nam mô Vi Nhiễu Hương Huân Phật.
Nam mô Tịnh Quang Phật.
Nam mô Pháp Tối Phật.
Nam mô Hương Tự Tại Vương Phật.
Nam mô Đại Tập Phật.
Nam mô Hương Quang Minh Phật.
Nam mô Hỏa Quang Minh Phật.
Nam mô Vô Lượng Quang Minh Phật.
Nam mô Sư Tử Du Hí Bồ-tát.
Nam mô Sư Tử Phấn Tấn Bồ-tát.
Nam mô Kiên Dõng Tinh Tấn Bồ-tát.
Nam mô Kim Cang Huệ Bồ-tát.
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát.
Nam mô Quán Thế Âm Bồ-tát.
Nam mô Phật Đà.
Nam mô Đạt Mạ.
Nam mô Tăng Già.

Lại quy y như vậy mười phương tận hư giới hết thảy Tam bảo. Nguện xin Tam bảo cứu hộ hết thảy chúng sanh, diệt trừ hết thảy khổ não, khiến các chúng sanh liền được giải thoát, bỏ ác theo lành không làm ác nữa; từ nay trở đi không còn đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh nữa; thân khẩu ý đều thanh tịnh; không nghĩ đến việc ác của người; xa lìa các nghiệp chướng; được các nghiệp thanh tịnh; hết thảy tà ma

không thể lay chuyển; thường tu bốn món vô lượng tâm; tinh tiến dõng mãnh, trồng các căn lành vô lượng vô biên; xả thân àny thọ thân khác đều được thường sanh nơi phước địa; nhớ ba đường khổ, phát tâm bồ đề, tu đạo Bồ-tát không thôi không dứt. Lục độ, tứ đẳng thường được hiện tiền. Tam minh lục thông, thường được như ý tự tại. Ra vào cảnh giới của chư Phật, chơi giỡn tự do cùng các vị Bồ-tát thành bậc Chánh giác.

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng nên sanh tâm sợ hãi, sanh tâm từ bi nhất tâm nhất ý, lắng lòng mà nghe và suy nghĩ cho kỹ:

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn phóng đại bạch hào tướng quang ở giữa hai chân mày soi sáng khắp hết thảy chúng sanh trong sáu đường. Khi ấy Ngài Tín Tướng Bồ-tát vì thương xót hết thảy chúng sanh, liền từ tòa ngồi đứng dậy đến trước Phật quỳ gối chấp tay, bạch Phật rằng:

"Bạch đức Thế Tôn! Nay có chúng sanh bị các ngục tốt cắt chặt bằm chém thân thể từ đầu đến chân. Chúng sanh ấy bị chặt và chết ngất thì có gió xảo phong thổi sống lại. Sống rồi lại bị chặt, chịu khổ báo như thế vô cùng vô tận không bao giờ ngừng là vì tội gì vậy?

Phật bảo: "Những chúng sanh ấy ở các đời trước không tin Tam bảo, không biết cúng dường, bất hiếu với cha mẹ, sanh tâm ác nghịch; làm nghề hàng thịt, cắt chặt chúng sanh, ví các nhơn duyên ấy nên mắc phải tội như vậy".

- Lại có chúng sanh, thân thể sần sượng tê cứng cả người, mày râu rụng hết, toàn thân bầm đỏ, bạn với chim muông, vắng vẻ bóng người, bà con xa bỏ, không ai muốn thấy. Ác báo như thế là bệnh phong hủi. Vì nhơn duyên gì mà mắc phải tội ấy?

Phật đáp: "Vì đời trước người ấy không tin Tam bảo, bất hiếu với cha mẹ, phá tháp hủy chùa, bóc lột của người tu hành, chém bấn Thánh Hiền, tổn thương sư trưởng, chưa từng biết quấy; vong ơn bội nghĩa, hành động như cẩu khuyển (chó) làm xấu người trên, không kể thân sơ, không biết hổ thẹn, vì nhơn duyên ấy nên mắc phải tội như vậy".

- Lại có chúng sanh thân hình dài lớn, tai điếc, chân không có, quằn quại bò lết mà đi, chỉ ăn đất cát mà sống, bị các sâu trùng nhỏ nhiệm cắn rứt, ngày đêm chịu khổ vô cùng không gián đoạn; vì nhơn duyên gì mắc phải tội ấy?

Phật dạy: "Vì đời trước làm người chỉ biết có mình, không tin lời hay, lời lành của kẻ khác. Bất hiếu với cha mẹ, trái ý phản nghịch, hoặc làm địa chủ hay làm quan to, trấn nhậm bốn phương, hoặc làm châu trưởng quận trưởng cai trị đốc suất dân chúng mà cậy oai ỷ thế, xâm

đoạt của người một cách vô lý, không đạo đức, làm cho dân chúng cùng khổ. Vì nhơn duyên ấy nên mắc phải tội như vậy”.

- Lại có chúng sanh đui cả hai mắt, không thấy biết gì, hoặc bị cây đè, hoặc sa hầm hố mà chết, chết rồi sống lại, sống lại rồi chết, cứ như thế mãi. Vì nhơn duyên gì mắc phải tội ấy?

Phật đáp: “Vì đời trước không tin tội phước, che ánh sáng của Phật, may bít mắt người, giam nhốt chúng sanh, lấy bao lấy đãy bao đấu chúng sanh, không cho trong thấy. Vì nhơn duyên ấy nên mắc phải tội như vậy”.

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng nghe lời kinh dạy như vậy rất đáng sợ hãi.

Chúng con cũng có thể đã làm những tội như thế. Nhưng vì vô minh che lấp tâm tánh nên không tự nhớ biết đó mà thôi.

Những tôi như vậy vô lượng vô biên đến đời sau sẽ chịu khổ báo.

Ngày nay chí tâm, một lòng tha thiết, đầu thành đảnh lễ, năm vóc sát đất như núi Thái sơn sụp đổ, cầu xin sám hối , hổ thẹn ăn năn, cải đổi tâm tánh. Những tội đã làm rồi, nhờ sám hối mà trừ diệt. Những tội chưa làm, từ nay thanh tịnh. Nguyện xin quy y hết thảy mười phương chư Phật:

Nam mô Di Lặc Phật.
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật.
Nam mô Khai Quang Minh Phật.
Nam mô Nhật Nguyệt Quang Phật.
Nam mô Nhật Nguyệt Quang Minh Phật.
Nam mô Hỏa Quang Minh Phật.
Nam mô Tập Âm Phật.
Nam mô Tối Oai Nghi Phật.
Nam mô Quang Minh Tôn Phật.
Nam mô Liên Hoa Quân Phật.
Nam mô Liên Hoa Hưởng Phật.
Nam mô Đa Bảo Phật.
Nam mô Sư Tử Hống Phật.
Nam mô Sư Tử Âm Vương Phật.
Nam mô Tinh Tấn Quân Phật.
Nam mô Kim Cang Dõng Dược Phật.
Nam mô Độ Nhất Thế Thuyền Tuyệt Chúng Nghi Phật.

Nam mô Bảo Đại Thị Tùng Phật.
Nam mô Vô Ưu Phật.
Nam mô Đại Lực Trì Dõng Phật.
Nam mô Tối Dõng Dược Phật.
Nam mô Sư Tử Tác Bồ-tát.
Nam mô Khí Ấm Cái Bồ-tát .
Nam mô Tịch Căn Bồ-tát .
Nam mô Thường Bất Ly Thế Bồ-tát .
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát .
Nam mô Quán Thế Âm Bồ-tát .
Nam mô Phật Đà.
Nam mô Đạt Mạ.
Nam mô Tăng Già.

Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thảy Tam Bảo, nguyện xin Tam bảo dũ lòng đại từ đại bi, gia hộ cứu vớt, khiến các chúng sanh liền được giải thoát. Vì các chúng sanh mà diệt trừ những nghiệp địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, khiến các chúng sanh rốt ráo không chịu các quả báo dữ nữa, khiến các chúng sanh bỏ khổ trong ba đường ác, đồng đến chỗ trí tuệ, đều được yên ổn, hoàn toàn an vui.

Nguyện xin Tam bảo đem ánh sáng đại quang minh, diệt trừ mê mờ rất si ám cho chúng sanh, phân biệt rộng rãi, giải thích rõ ràng pháp môn vi diệu, thậm thâm nhiệm mầu, cho chúng sanh nghe, khiến chúng sanh đều được chứng quả vô thượng bồ đề, thành bậc chánh giác.

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng lại nên chí thành nhất tâm mà nghe, suy nghĩ cho kỹ:

Tín Tướng Bồ-tát bạch Phật rằng:

Bạch Đức Thế tôn! Lại có chúng sanh ngọng lịu ấm á, miệng không thể nói, dầu có nói cũng không rõ ràng. Vì nhân duyên gì, mắc phải tội ấy?

Phật đáp: "Vì đời trước người ấy phỉ báng Tam bảo, khinh hủy Thánh đạo, bàn luận việc xấu tốt của người, tìm việc hay dở của người, vu oan cho kẻ lương thiện, ghen ghét người hiền. Vì nhân duyên ấy, nên mắc phải tội như vậy".

- Lại có chúng sanh bụng lớn như trống, cổ nhỏ như kim, không thể ăn nuốt được. Nếu có đồ ăn, đồ ăn biếng thành máu mũ, vì nhân duyên gì mắc phải tội ấy?

Phật đáp: "Vì đời trước người ấy trộm cướp đồ ăn của chúng.

Khi có đại hội sắm các thức ăn, thức ăn ngon, người ấy lấy riêng mà ăn, hoặc lấy mè muối, gạo cơm ra chỗ khuất mà ăn. Lại thêm keo rít, tiếc của mình, tham của người, thường ôm lòng độc ác, cho người uống thuốc độc, nghẹt thở không thông. Vì nhơn duyên ấy nên mắc phải tội như vậy".

- Lại có chúng sanh thường bị ngục tốt thiêu đốt, dội nước sắt nóng vào thân, đóng rồi tự nhiên hỏa bóc thiêu cháy thân thể thảy đều phỏng đỏ. Vì nhơn duyên gì mắc phải tội ấy?

Phật đáp: " Vì đời trước làm thầy châm, lễ, tổn thương thân thể của người. Châm chích không lành, gạt người lấy của, làm cho người đau khổ. Vì nhơn duyên ấy nên mắc phải tội như vậy".

- Lại có chúng sanh thường ở trong cái vạc (cái chảo nấu) nước sôi ngưu đầu ngục tốt, tay cầm xao sắt, móc bỏ vào vạc nấu chín rục, rồi thổi cho sống lại. Sống lại rồi nấu nữa. Vì nhơn duyên gì nên mắc phải tội ấy?

Phật đáp: "Vì đời trước người ấy làm nghề hàng thịt, giết chúng sanh trụng nước sôi, nhổ sạch lông giết hại rất nhiều không thể kể xiết. Vì nhơn duyên ác nghiệp ấy nên mắc phải tội như vậy".

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng nghe lời kinh dạy như vậy rất đáng sợ hãi.

Chúng con không biết ở trong đường ác nào đã làm vô lượng tội nghiệp như thế. Đời sau quyết phải mắc quả báo ác nghiệt ấy. Ngay trong đời hiện tại chúng con cũng có thể mắc phải quả báo ác nghiệt ấy. Ấp úng, ngọng lịu, miệng không thể nói, hoặc bụng lớn cổ nhỏ, không thể ăn nuốt, mạng sống vô thường. Ngày nay tuy an vui, ngày mai thế nào không thể biết được.

Thình lình gặp phải quả báo đến, không thể thoát được.

Mọi người đền nên hiểu rõ ý ấy, nhất tâm chánh niệm, chớ tư tưởng gì nữa, chỉ một lòng tha thiết, năm vóc sát đất, đầu thành đảnh lễ, nguyện vì hết thảy chúng sanh trong bốn loài sáu đường, ngày nay đang chịu khổ, hay sẽ chịu khổ mà quy y Thế gian Đại Từ Bi Phụ:

Nam mô Di Lặc Phật .
Nam mô Thích ca Mâu Ni Phật .
Nam mô Tự Tại Vương Phật .
Nam mô Vô Lượng Âm Phật .
Nam mô Định Quang Minh Phật .
Nam mô Bảo Quang Minh Phật .

Nam mô Bảo Cái Chiếu Không Phật .
Nam mô Diệu Bảo Phật .
Nam mô Đế Tràng Phật .
Nam mô Phạm Tràng Phật .
Nam mô A Di Đà Phật .
Nam mô Thù Thắng Phật .
Nam mô Tập Âm Phật .
Nam mô Kim Cang Bộ Tinh Tấn Phật .
Nam mô Tự Tại Vương Thần Thông Phật .
Nam mô Bảo Hỏa Phật .
Nam mô Tịnh Nguyệt Tràng Xưng Quang Minh Phật .
Nam mô Diệu Lạc Phật .
Nam mô Vô Lượng Tràng Phan Phật .
Nam mô Vô Lượng Phan Phật .
Nam mô Đại Quang Phổ Chiếu Phật .
Nam mô Bảo Tràng Phật .
Nam mô Huệ Thượng Bồ-tát .
Nam mô Thường Bất Ly Thế Bồ-tát .
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát .
Nam mô Quán Thế Âm Bồ-tát .
Nam mô Phật Đà.
Nam mô Đạt Mạ.
Nam mô Tăng Già.

Lại quy y nhưvậy mười phương tận hư không giới hết thảy Tam bảo, nguyện xin chư Phật, chư Đại Bồ-tát, đem sức đại từ đại bi, cứu độ hết thảy chúng sanh đang chịu khổ, dùng sức thần thông diệt trừ ác nghiệp cho các chúng sanh, hoàn toàn không trở lại trong ba đường khổ, đến được chỗ an vui thanh tịnh, sanh ra chỗ nào cũng được thanh tịnh, công đức đầy đủ không thể cùng tận. Xả thân thọ thân hằng gặp chư Phật, đồng với các vị Đại Bồ-tát thành đẳng chánh giác.

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng lại gia tâm lực lắng tai nghe kỹ.

Tín Tướng Bồ-tát lại bạch Phật rằng:

"Bạch đức Thế Tôn! Lại có chúng sanh ở trong hõa thành tâm can bị thiêu đốt, bốn cửa thành tuy mở, nhưng chạy đến thì cửa liền tự đóng, chạy khắp đông tây cũng không ra được, bị lửa thiêu sạch. Vì nhơn duyên gì mà mắc phải tội ấy?"

Phật đáp: "Vì đời trước làm người thiêu đốt rừng núi, phá vỡ bờ đê, chiên rán các thứ trứng gà vịt làm chúng sanh bị thiêu, bị đốt mà chết nên phải mắc tội như vậy."

- Lại có chúng sanh thường ở núi Tuyết sơn bị gió lạnh thổi, da thịt nứt nở, cầu sống không được, cầu chết không được, khổ sở vô cùng không thể chịu nổi. Vì nhơn duyên gì mà mắc phải tội ấy?

Phật đáp: "Người ấy đời trước làm giặc, đón đường bóc lột áo quần của người khác để tự tư dưỡng, mùa đông giá lạnh lột truồng hình người khác, làm cho họ phải chết lạnh và lột da xẻ thịt trâu dê, làm cho chúng sanh đau khổ vô lượng. Vì nhơn duyên ấy nên phải mắc tội như vậy."

- Lại có chúng sanh thường ở trên núi dao, rừng kiếm, rờ đụng vào đâu thì liền bị cắt đứt đó, thân thể tay chân đều bị chặt nát, đau đớn khổ sở, không thể chịu nổi. Vì nhơn duyên gì mà mắc phải tội ấy?

Phật đáp: "Vì người ấy đời trước làm nghề sát sanh, phanh thây xẻ thịt chúng sanh, cắt xẻo bóc lột, cốt nhục chia lìa, đầu mình tan rã, trèo lên trên cao, cân lường mà bán, hoặc treo sống mà bán, đau đớn vô cùng chúng sanh không thể chịu nổi. Vì nhơn duyên ác nghiệp ấy nên mắc phải tội như vậy."

- Lại có chúng sanh tai mắt v.v... năm căn không đủ. Vì nhơn duyên gì mắc phải tội ấy?

Phật đáp: "Vì đời trước nuôi chim bay chó chạy để săn bắn. Bắn chim bắn thú, hoặc bắn bể đầu, hoặc bẫy đứt chân, nhổ sống lông cánh, làm chúng sanh đau khổ vô cùng không thể chịu nổi. Vì nhơn duyên ấy nên mắc phải tội như vậy."

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng nghe lời kinh dạy như vậy rất đáng sợ hãi. Cùng nhau chí tâm, một lòng tha thiết, năm vóc sát đất, đầu thành đảnh lễ, nguyện vì hết thảy chúng sanh trong mười phương hoặc đã chịu khổ, hoặc đang chịu khổ, hoặc sẽ chịu khổ mà quy y Thế gian Đại Từ Bi phụ:

Nam mô Di Lặc Phật .
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật .
Nam mô Tịnh Quang Phật .
Nam mô Bảo Vương Phật .
Nam mô Thọ Căn Hoa Vương Phật .
Nam mô Duy Vệ Trang Nghiêm Phật .
Nam mô Khai Hóa Bồ-tát Phật .

Nam mô Kiến Vô Khủng Cụ Phật .
Nam mô Nhất Thừa Độ Phật .
Nam mô Đức Nội Phong Nghiêm Vương Phật .
Nam mô Kim Cang Kiên Cường Tiêu Phục Họai Tán Phật .
Nam mô Bảo Hỏa Phật .
Nam mô Bảo Nguyệt Quang Minh Phật .
Nam mô Hiền Tối Phật .
Nam mô Bảo Liên Hoa Bộ Phật .
Nam mô Hoại Ma La Võng Độc Bộ Phật .
Nam mô Sư Tử Hống Lực Phật .
Nam mô Bi Tinh Tấn Phật .
Nam mô Kim Bảo Quang Minh Phật .
Nam mô Vô Lượng Tôn Phong Phật.
Nam mô Vô Lượng Tôn Ly Cấu Vương Phật .
Nam mô Đức Thủ Phật .
Nam mô Dược Vương Bồ-tát .
Nam mô Dược Thượng Bồ-tát .
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát .
Nam mô Quán Thế Âm Bồ-tát .

Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thảy Tam bảo, nguyện xin Tam Bảo đem lòng đại từ, đại bi cứu hộ hết thảy chúng sanh trong mười phương khiến các chúng sanh hiện đang chịu khổ liền được giải thoát; chúng sanh sẽ chịu khổ hoàn toàn đoạn trừ phiền não, rốt ráo không sa đọa trở lại trong ba đường ác nữa.

Từ nay trở đi cho đến ngày thành Phật, trừ sạch ba nghiệp chướng, diệt hết năm sợ hãi; hoàn toàn đầy đủ công đức trang nghiêm; nhiếp hóa hết thảy chúng sanh hướng về vô thượng đạo, thành bậc chánh giác.

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng lại lắng lòng mà nghe:

Tín Tướng Bồ-tát bạch Phật : “Bạch đức Thế Tôn! Lại có chúng sanh què trệt, lưng cong tay chân co quắp, không thể cầm nắm, không thể đi đứng. Vì nhơn duyên gì mà mắc phải tội ấy?

Phật đáp: “Vì đời trước làm người độc ác, để binh klhí giữa đường, đặt súng, đặt gươm, đào hầm, đào hố, hãm hại chúng sanh. Vì ác nghiệp ấy nên mắc phải tội như vậy.”

- Lại có chúng sanh bị các ngục tốt trói buộc thân thể, gông cùm khổ ách, không thể thoát được. Vì nhơn duyên gì mà mắc phải tội ấy?

Phật đáp: “Vì đời trước người ấy chài lưới chúng sanh, buộc nhốt lục súc, hoặc làm chủ tể, quyền hành địa phương, cai trị dân chúng, tham lam vơ vét, giam oan người vô tội, lương thiện oán hận không biết kêu ai. Vì ác nghiệp ấy nên mắc phải tội như vậy”.

- Lại có chúng sanh hoặc điên, hoặc si, hoặc cuồng, hoặc sợ, không phân biệt được tốt xấu. Vì nhơn duyên gì mà mắc phải tội ấy?

Phật đáp: “Vì đời trước làm người uống rượu say sưa, loạn trí loạn tâm, phạm ba mươi sáu lỗi nên sanh làm người ngu si, cũng như người say không phân biệt được tốt xấu, thượng hạ, tôn ty. Vì ác nghiệp ấy nên mắc phải tội như vậy”.

- Lại có chúng sanh thân lùn, hình nhỏ, âm tạng rất lớn, thả xuống thì thân đau, phải vắt ra sau lưng mà đi, đi đứng nằm ngồi đều bị trở ngại. Vì nhơn duyên mắc phải tội ấy?

Phật đáp: “Vì đời trước luôn bán vàng ngọc, khen của báu của mình, chê vật báu của người, thay đổi thăng đấu vặn cân bẻ móc, (gian lận thước tấc). Vì ác nghiệp ấy nên mắc phải tội như vậy.”

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng nghe lời Phật dạy như vậy rất đáng sợ hãi. Cùng nhau nhất tâm, một lòng tha thiết, năm vóc sát đất, đầu thành đảnh lễ, nguyện vì hết thảy chúng sanh đã chịu khổ ; hết thảy chúng sanh sẽ phải chịu khổ, hết thảy chúng sanh hiện đang chịu khổ trong sáu đường ; và nguyện vì cha mẹ, sư trưởng, tín th1i đàn việt, thiện ác tri thứ, rộng ra cho đến hết thảy chúng sanh khắp trong mười phương mà quy y Thế gian Đại Từ Bi phụ.

Nam mô Di Lặc Phật .
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật .
Nam mô Vô Số Tinh Tấn Hưng Phong Phật .
Nam mô Vô Ngôn Thắng Phật .
Nam mô Vô Ngu Phong Phật .
Nam mô Nguyệt Anh Phong Phật .
Nam mô Vô Dị Quang Phong Phật .
Nam mô Nghịch Không Quang Minh Phật.
Nam mô Tối Thanh Tịnh Vô Lượng Phan Phật .
Nam mô Hiếu Đế Trú Duy Vương Phật .
Nam mô Thành Tựu Nhất Thế Chư Sát Phong Phật .
Nam mô Tịnh Huệ Đức Phong Phật .
Nam mô Tịnh Luân Phan Phật .
Nam mô Lưu Ly Quang Tối Phong Phật .

Nam mô Bảo Đức Bộ Phật .
Nam mô Tối Thanh Tịnh Đức Bảo Trú Phật .
Nam mô Độ Bảo Quang Minh Tháp Phật .
Nam mô Vô Lượng Tàm Quý Kim Tối Phong Phật .
Nam mô Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát .
Nam mô Phổ Hiền Vương Bồ-tát .
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát .
Nam mô Quán Thế Âm Bồ-tát .

- Lại quy y như vậy mười phương tận hư không hết thảy Tam Bảo.

Đệ tử chúng con tên ...... ngày nay mong nhờ Phật lực, Pháp lực, Bồ-tát lực, nguyện vì hết thảy chúng sanh mà đảnh lễ quy y cầu xin sám hối.

Những chúng sanh đã chịu khổ rồi, xin nhờ sức đại từ bi của chư Phật, chư Bồ-tát liền được giải thoát.

Những chúng sanh chưa chịu khổ, từ nay trở đi cho đến ngày thành đạo, rốt ráo không đọa trở lại trong các đường ác, xa lìa tám nạn khổ; bẩm thọ tám phước sanh; được các căn lành, thành tựu bìnnh đẳng đầy đủ trí tuệ, thành tựu biện tài, thanh tịnh tự tại, cùng với chư Phật thành bậc cháng giác.

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng nên biết dụng tâm, lắng lòng mà nghe, Tín Tướng Bồ-tát bạch Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn! Lại có chúng sanh hình trạng rất xấu, thân đen như mực, hai tai lại xanh, hai vai nổi lên, mặt phẳng, mũi dẹp, mắt đỏ vàng ngầu, răng nướu thưa sún, hơi miệng tanh hôi, vế ngắn và ung thủng; bụng lớn lưng nhỏ, tay chân co quắp xương sườn, xương sống nổi lên, tốn vải; ăn nhiều ghẻ dữ tanh hôi, máu mủ nhơ nhớp; bệnh thủy thủng, càn tiêu, phung hủi ung thư, bao nhiêu điều ác độc hung dữ đều dồn vào thân. Dầu muốn thân cận người không để ý. Nếu người khác làm tội vô cớ mình cũng liên can mang họa. Hằng không được thấy Phật, nghe Pháp, không biết Bồ-tát, không biết Thánh Hiền. Ra vào nơi đau khổ, không bao giờ cùng. Vì nhơn duyên gì mắc phải tội ấy?

Phật dạy: “ Vì đời trước làm con bất hiếu với cha mẹ, làm tôi khôn trung chánh với vua, làm người trên không thương kẻ dưới, làm người dưới không biết kíng kẻ trên, không thành thật, không thủ tín với bạn bè, không nhơn nghĩa với làng xóm, không chức tước với triều đình, không đạo đức trong sự xử đoán, không độ lượng mà lòng dạ đảo điên,

sát hại quần thần, khinh khi tôn trưởng , bán nước buôn dân, phá thành phá lũy, cướp giựt trộm cắp, ác nghiệp vô lượng.

Lại khen mình chê người, xâm lấn già nua, lấn hiếp cô độc, báng bổ người hiền, khinh mạn sư trưởng, khi dối kẻ hạn tiện.

Tóm lại là phạm hết thảy tội. Vì nhơn duyên ấy nên mắc phải ác báo, tội nghiệp như vậy".

Lúc bấy giờ những người bị tội nghe Phật dạy như vậy, khóc lóc động địa, nước mắt trào như mưa, bèn bạch Phật rằng: "Nguyện xin Thế Tôn sống mãi ở đời, thuyết pháp giáo hóa cho chúng con mong được giải thoát".

Phật đáp: "Nếu ta sống mãi ở đời, những người bạc phước, không trồng căn lành. Họ bảo ta còn sống mà không nghĩ đến vô thường, tự do tạo vô lượng tội ác sau ăn năn không kịp."

Thiện nam tử ôi! Ví như con thơ, mẹ thường ở bên mình con không nghĩ đến sự gặp mẹ là khó. Lúc nào mẹ đi vắng, con mới liền sanh tâm nhớ tưởng, khao khát luyến mẹ. Lúc ấy mẹ trở lại con mới vui mừng.

Thiện nam tử ôi! Ta nay cũng như vậy. Ta biết chúng sanh không tìm cầu sự thật, thường trú chơn tâm, cho nên ta nhập Niết bàn.

Lúc bấy giờ Phật đối trước những chúng sanh đang chịu tội đó mà nói bài kệ rằng:

Nước chảy không thường đầy,
Lửa mạnh không thường đốt,
Mặt trời mọc rồi lặn,
Mặt trăng tròn rồi khuyết,
Sự tôn trọng giàu sang,
Càng vô thường hơn nữa,
Nghĩ lại phải siêng năng,
Đảnh lễ ngôi Tam Bảo.

Lúc bấy giờ Phật nói lời kệ ấy rồi, các người tội kia thảy đều buồn rầu mà bạch Phật rằng: " Hết thảy chúng sanh làm những việc lành gì mà xa lìa được những tội khổ ấy?"

Phật dạy: "Này, thiện nam tử! Phải siêng năng hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, quy y Tam bảo, siêng tu hạnh bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, từ bi, hỷ xả, xem kẻ oán người thân như nhau, không có thân sơ, không khinh người già nua, cô quả, không khinh kẻ nghèo hèn, ủng hộ người giúp đỡ mình, không có tâm ác đối với người.

Nếu các người hay tu hành được như vậy thời cũng đã báo được ơn

chư Phật; hằng xa lìa ba đường ác, không còn đau khổ nữa”.

Phật dạy kinh này rồi các vị đại Bồ-tát liền được quả vô thượng bồ đề. Các hàng Thanh văn, Duyên giác liền chứng được lục thông, tam minh và tám pháp giải thoát. Còn các đại chúng khác đều được pháp nhãn tịnh.

Nếu có chúng sanh nào, nghe được kinh này thì không đọa vào ba đường ác, và không mắc phải tám nạn, địa ngục trống rỗng rỗng, thống khổ không còn.

Tín Tướng Bồ-tát bạch Phật rằng:

“Bạch đức Thế Tôn! Kinh này gọi là kinh gì? Bồ-tát ma ha tát phải phụng trì bằng cách nào?’

Phật bảo Tín Tướng Bồ-tát: “Thiện nam tử! Kinh này gọi là “Báo ứng giáo hóa địa ngục kinh”. Các ngươi nên phụng trì và lưu truyền cùng khắp, công đức vô lượng.”

Bấy giờ đại chúng nghe Phật dạy lời ấy rồi hết lòng vui mừng, đảnh lễ vâng lời làm theo.

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng nghe lời Phật dạy như vậy, rất đáng sợ hãi, sanh tâm từ bi, nương nhờ thần lực của chư Phật, tu đạo Bồ-tát, nhớ địa ngục khổ, phát tâm bồ đề, vì hết thảy chúng sanh hiện đang chịu khổ ở đường địa ngục, hết thảy chúng sanh đang chịu khồ ở đường ngạ quỷ, hết thảy chúng sanh hiện đang chịu khổ ở đường súc sanh; rộng ra cho đến hết thảy chúng sanh ở trong mười phương hiện đang chịu khổ trong sáu đường ; nhất tâm nhất ý vì những chúng sanh ấy mà sám hối, khiến chúng sanh được giải thoát.

Nếu đại chúng không siêng làm phương tiện, chuyển họa thành phước, thì ở trong mỗi mỗi địa ngục, đại chúng đều có tội phần.

Cùng nhau chí tâm nghĩ đến cha mẹ, sư trưởng, bà con thân thích sẽ chịu khổ báo về sau và cũng nghĩ đến tự thân đại chúng hiện tại và vị lai cũng phải chịu khổ báo như vậy. Cho nên đại chúng phảio cùng nhau nhất tâm tha thiết, năm vóc sát đất, chí thành ân cần vận dụng tư tưởng, nguyện xin một niệm cảm thấu mười phương Phật; một lạy đoạn trừ vô lượng tội khổ. Những chúng sanh đã chịu khổ trong sáu đường, xin nhờ Phật lực, pháp lực, Hiền Thánh lực khiến các chúng sanh ấy liền được giải thoát. Nếu trong sáu đường chúng sanh nào chưa chịu khổ, xin nhờ Phật lực, Pháp lực, Hiền Thánh lực làm cho chúng sanh ấy vĩnh viễn đoạn trừ sáu đường đau khổ. Từ nay trở đi rốt ráo không trở lại trong các đường ác; trừ ba nghiệp chướng, tùy ý vãng sinh diệt trừ năm điều sợ hãi, tự tại giải thoat, siêng tu đạo nghiệp, không thôi không nghỉ. Diệu

hạnh trang nghiêm quá Pháp vân địa, vào Kim cang tâm, thành đẳng chánh giác.

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng lại nhất tâm lưu ý, lắng lòng mà nghe và suy nghĩ cho kỹ:

Kinh Tạp Tạng chép: Bấy giờ có một con quỷ bạch với Ngài Mục Kiền Liên rằng:

"Thân tôi hai vai có mắt, ngực có mũi có miệng mà không có đầu. Vì nhơn duyên gì mắc phải tội ấy?"

Ngài Mục Liên đáp: "Đời trước ngươi làm học trò, nhà hàng thịt khi giết trâu bò thì ngươi vui mừng, lấy dây trói buộc mà lôi kéo. Vì nhơn duyên ấy nên mắc phải tội như vậy. Đó là tội báo mới nụ hoa, kết quả sẽ ở địa ngục".

- Lại có một con quỷ khác bạch Ngài Mục Liên rằng: "Thân hình tôi như có khối thịt, không có tay chân, tai, mắt, mũi, lưỡi,.v.v... Thân thường bị trùng rúc chim mổ, cắn rứt mà ăn, đau đớn vôn cùng, không thể chịu nổi. Vì nhơn duuyên gì mà mắc phải tội ấy?"

Ngài Mục Liên đáp: "Đời trước ngươi cho người uống thuốc độc đọa thai, phá sản, khiến chúng sanh mạng sống không hoàn toàn. Vì nhơn duyên ấy nên mắc phải tội như vậy."

- Lại có một con quỷ bạch Ngài Mục Liên rằng: "Bụng tôi thật lớn, yết hầu như kim. Cùng năm mãn kiếp không thể ăn uống. Vì nhơn duyên gì mà mắc phải tội ấy?"

Ngài Mục Liên đáp: "Đời trước ngươi làm chủ làng xóm, tự ỷ mình hào quý, say sưa tung hoành, khinh khi kẻ khác, cướp giựt thức ăn uống của người làm cho đói khát, khốn khổ hết thảy nhơn dân. Vì nhơn duyên ấy nên mắc phải tội như vậy. Đó là quả báo mới đơm hoa, kết quả ở địa ngục".

- Lại có một con quỷ bạch Ngài Mục Liên rằng: "Tôi một đời lại đây, có hai vành sắt nóng ở dưới hai nách, toàn thân cháy rụi. Vì tội gì đến nỗi như thế?

Ngài Mục Liên đáp: "Đời trước ngươi chia bánh cho chúng, ngươi lấy trộm hai cái kẹp dưới hai nách. Vì nhơn duyên ấy nên mắc phải tội như vậy. Đó là tội mới đơm hoa, kết quả sẽ ở địa ngục."

- Lại có một con quỷ bạch Ngài Mục Liên rằng: "Tôi thường lấy đồ tự bao bọc đầu lại, sợ người đến giết, sanh tâm sợ hãi. Vì tội gì đến nỗi như thế?"

Ngài Mục Liên đáp: "Đời trước ngươi dâm phạm hoại sắc, thường sợ người thấy, hoặc sợ chồng con người bắt được trói trăn, đánh giết,

thường ôm lòng sợ hãi, cho nên mắc phải tội này. Đó là tội mới đơm hoa, nó sẽ kết quả ở địa ngục."

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng nghe lời kinh dạy, đâu được không sợ hãi.

Từ vô thỉ trở lại cho đến ngày nay chúng con cũng đã làm vô lượng tội ác như thế. Những tội ấy đều do vì không có tâm từ bi, ỷ mạnh hiếp yếu, tổn hại chúng sanh, cho đến tội trộm cắp Phật của người, mê hoặc, vô đạo, nịnh hót, bài báng người hiền lành, gây biết bao tội lỗi.

Những tội báo như vậy ở trong địa ngục, quyết phải chịu thống khổ trong ba đường dữ.

Ngày nay chí tâm một lòng tha thiết, năm vóc sát đất, đầu thành đảnh lễ thay thế cho chúng sanh khắp mười phương, đã chịu khổ báo trong sáu đường, đang chịu khổ báo trong sáu đường mà cầu xin sám hối.

Cũng nguyện xin thay thế cho cha mẹ, sư trưởng và hết thảy bà con quyến thuộc mà cầu xin sám hối và cũng tự vì bản thân mà cầu xin sám hối.

Những tội đã làm, nguyện xin trừ diệt hết. Những tội chưa làm, không dám làm nữa.

Nguyện xin quy y Thế gian Đại Từ Bi phụ.

Nam mô Di Lặc Phật .
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật .
Nam mô Liên Hoa Tôn Phong Phật .
Nam mô Tịnh Bảo Hưng Phong Phật .
Nam mô Điện Đăng Phan Vương Phật .
Nam mô Pháp Không Đăng Phật .
Nam mô Nhất Thế Chúng Đức Thành Phật .
Nam mô Hiền Phan Tràng Vương Phật .
Nam mô Nhất Thế Bảo Trí Sắc Trì Phật .
Nam mô Đoạn Nghi Bạc Dục Trừ Minh Phật .
Nam mô Ý Vô Khủng Cụ Oai Mao Bất Thọ Phật .
Nam mô Sư Tử Phật .
Nam mô Danh Xưng Viễn Văn Phật.
Nam mô Pháp Danh Hiệu Phật .
Nam mô Phụng Pháp Phật .
Nam mô Pháp Tràng Phật .
Nam mô Tu Di Đăng Quang Minh Phật .

Nam mô Bảo Tạng Trang Nghiêm Phật .
Nam mô Chiên Đàn Ma Ni Quang Phật .
Nam mô Kim Hải Tự Tại Vương Phật .
Nam mô Đại Bi Quang Minh Vương Phật .
Nam mô Ưu Bát La Liên Hoa Thắng Phật .
Nam mô Liên Hoa Tu Trang Nghiêm Vương Phật .
Nam mô Kim Cang Kiên Cường Tự Tại Vương Phật .
Nam mô Thù Thắng Nguyệt Vương Phật .
Nam mô Nhật Nguyệt Quang Vương Phật .
Nam mô Đại Thế Chí Bồ-tát .
Nam mô Thường Tinh Tấn Bồ-tát .
Nam mô Bất Hưu Tức Bồ-tát .
Nam mô Hư Không Tạng Bồ-tát .
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát .
Nam mô Quán Thế Âm Bồ-tát .

Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thảy Tam bảo, nguyện xin Tam bảo dũ lòng đại từ, đại bi cứu hộ hết thảy chúng sanh, hiện đang chịu khổ và sẽ chịu khổ trong sáu đường, khiến các chúng sanh ấy liền được giải thoát, đem sức thần thông diệt trừ ba đường ác và nghiệp địa ngục, khiến các chúng sanh ấy từ nay trở đi cho đến ngày thành Phật hoàn toàn không đọa trở lại trong ba đường ác, xả thân khổ báo được thân kim cang, tứ vô lượng tâm, lục Ba-la-mật, thường được hiện tiền, tứ vô ngại biện, sáu sức thần thông như ý tự tại, dõng mãnh tinh tấn, không thôi không nghĩ, cho đến khi mãn hạnh Thập địa, trở lại độ thoát hết thảy chúng sanh .

TỪ BI ĐẠO TRÀNG SÁM PHÁP
QUYỂN THỨ BA
(HẾT)

CUỐI QUYỂN BA

Lương Hoàng Bảo Sám.
Võ Đế bi đề.
Xà thân sổ trượng nhiễu đơn trì.
Lưỡng nhãn hỏa quang phi.
Khải cáo Từ bi.
Độ thoát xuất A tỳ.
Lương Hoàng Bảo Sám.
Vạn đức hồng danh.
Linh văn tam quyển tối hoằng thâm.
Tự tự miễn tai truân.
Đảnh lễ Phật danh.
Tiêu tai bảo an ninh.

Nam mô Phát Quang Địa Bồ-tát Ma Ha Tát (3 lần)

CUNG VĂN

Phật thân tướng hảo, nguy nguy hoảng nhược tử kim sơn. Pháp hải trừng thanh, kiểu kiểu do như Ngân Hán nguyệt. Bồ-tát Hiền Thánh, ứng cúng ư nhơn gian thiên thượng. Bích Chi La Hán, thuyết pháp ư thử giới tha phương. Tam thiên sát hải chi minh đăng; bách ức hôn cù chi nhật nguyệt. Công thâm mạc trắc, đức bất khả lượng. Tác tam giới chi quyện hoành, kiến tam thời chi Phật sự.

Thượng lai phụng vì cầu sám đệ tử đẳng... tu sùng Từ Bi Đạo Tràng Sám Pháp, kim đương đệ tam quyển công khóa viên mãn, tam muội hành nhơn, xuất nhập tam thời, quy mạng Tam bảo, đoan bỉnh nhất tâm, nhiệt ngũ phận chi chơn hương, tán tam xuân chi hoa nhụy. Bàn trìng diệu cúng, âu phiếm tiên trà chung khánh hòa minh, nhi phạm âm thanh diệu. Phúng kinh hành đạo nhi yến mặc thuyền tư. Sở tác tùng tâm, tổng thân hồi hướng Lạc Bang vô lượng thọ Giáo chủ, Thích Ca Văn, Quán Âm tịnh Địa Tạng, La Hán dữ Thanh Văn, Thiên Tào cập Địa Phủ, Tam giới chúng cao chơn, hàm sanh hoan hỷ niệm, giám thử thắng công huân. Bi tâm vô giải quyện, phú hộ ư quần sanh. Dĩ tư bất tận công đức phụng vì cầu sám đệ tử đẳng... Liệt tam độc căn, việt tam giới võng. Phục nguyện tam nghiệp thanh tịnh, tam giải thoát môn chi thành tựu. Tam không đốn ngộ tam vô lậu học dĩ tuyên minh. Vĩnh thoát tam đồ chi báo, thường sanh Tam Bảo chi gia. Tam không đốn hiệp ư sắc tâm, tam chướng toàn cai ư giải thoát. Tam kỳ quả mãn, tam giác

công viên. Tam thừa đắc đạo chi Thánh hiền; tam hữu đồng triêm ư lợi lạc. Sám văn tuy diễn, khẩn thiết vị thành, thỉnh chúng kiền chung, tái cầu sám hối.

Nam mô Sám Hối Sư Bồ-tát Ma Ha Tát (3 lần).

Lương Hoàng Bảo Sám,

Tam quyển công đức lực, nguyện diệt đệ tử đẳng tội chướng Thân Chứng Bồ-tát Phát Quang Địa.

Sám căn cử xứ, tội hoa phi,
Giải liễu oan, sám liễu tội,
Tiêu tai tăng phước huệ,
Thoát khổ sanh Đao Lợi.
Giải liễu oan, sám liễu tội,
Tiêu diêu trực nhập Long Hoa hội,
Long Hoa tam hội nguyện tương phùng,
Di Lặc Phật tiền thân thọ ký.

Nam mô Long Hoa Hội Bồ-tát Ma Ha Tát.(3 lần)

Lương Hoàng Bảo Sám,
Tam quyển dĩ toàn châu,
Hồi hướng tứ ân tịnh tam hữu,
Bái sám chúng đẳng tăng phước thọ,
Nguyện tương pháp thủy tẩy khiên vưu,
Duy nguyện vong giả vãng Tây du.

Ly Cấu Địa Bồ-tát ma ha tát, duy nguyện ai nạp thọ.

Nam mô Đăng Vân Lộ Bồ-tát Ma Ha Tát (3 lần)

Ma ha Bát Nhã Ba-la-mật đa tâm kinh.

■

TỪ BI ĐẠO TRÀNG SÁM PHÁP

ĐẦU QUYỂN TƯ

Tào Khê Thủy.
Nhất phái hướng Đông lưu.
Quan Âm bình nội trừ tai cựu.
Đề hồ quán đãnh địch trần cấu.
Dương chi sái xứ nhuận tiêu khô.
Yết hầu trung cam lộ tự hữu quỳnh tương thấu.

Nam mô Phổ Hiền Vương Bồ-tát Ma Ha Tát.(3 lần)

CUNG VĂN

Tứ trí viên minh chi diệu thể, nghiêm nhược tinh trung chi kiểu nguyệt. Tự vô ngại biện chi huyền âm, cao siêu kiếp ngoại chi không đàm. Vận tứ tâm ư tứ tác thú trung; ly tư tướng ư tứ sanh giới nội. Tín Phật ân chi quảng bố. Ngưỡng Thánh đức chi di cao. Duy nguyện hồng ân giám nạp thành khẩn.

Thượng lai phụng vì kim thời cầu sám đệ tử đẳng... khải kiến Từ Bi Đạo Tràng Sám Pháp, tư đương đệ tứ quyển nhập đàn duyên khởi. Tứ tất đàn nhân tam nghiệp thanh tịnh. Khắc niệm nhiếp niệm dĩ đầu thành, tâm chánh thân chánh nhi tác lễ. Bình trâm tam đảo chi xuân quang, lô nhiệt lục thù chi hương cái. Đăng nhiên huệ cự cúng hiến Thuần Đà, lễ bái truyền nhiễu, phúng vịnh tán dương, phát lộ phi thành, khắc cần sám hối.

Thiết niệm cầu sám đệ tử đẳng... tự tùng vĩnh kiếp, trực chí kim sanh, mê tứ đại chi sắc thân, thọ tứ sanh chi luân chuyển, khởi tứ tướng chi điên đảo, phạm tứ chủng chi oai nghi. Tùng mê chí mê, do khổ nhập khổ, tùy cảnh phong chi nghịch thuận. Nịch ái thủy chi trầm luân. Vô minh duy trọng duy thâm, phiền não như dao như tất. Bằng đại pháp dĩ hồng tuyên, trượng chân thuyên nhi giải thích. Kim tắc thốn tâm khánh khoái, khắc cốt minh cơ. Tập đại đức chi cao lưu, vận nhất tâm nhi sám hối. Ngưỡng khấu hồng ân từ minh huân gia bị.

Tứ bát đoan nghiêm vi diệu tướng.
Tăng kỳ tam đại kiếp tu lai.
Diện như mãn nguyệt mục như liên.
Thiên thượng nhân gian hàm cung kỉnh.

Khởi vận Từ Bi Đạo Tràng Sám Pháp, nhất tâm quy mạng tam thế chư Phật :

Nam mô Quá Khứ Tỳ Bà Thi Phật .
Nam mô Thi Khí Phật .
Nam mô Tỳ Xá Phù Phật .
Nam mô Câu Lưu Tôn Phật .
Nam mô Câu Na Hàm Mâu Ni Phật .
Nam mô Ca Diếp Phật .
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật .
Nam mô Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật .

CHƯƠNG THỨ BẢY: NÓI RÕ QUẢ BÁO
(Tiếp Theo)

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng lại phải chí thành đảnh lễ, nhất tâm lắng nghe.

Lúc bấy giờ Phật ở Thành Vương Xá, trong vườn trúc Ca-lan-đà, Ngài Mụv Kiền Liên từ thiền định đứng dậy đi dạo trên bờ sông Hằng thấy các Ngạ quỷ chịu tội không đồng nhau.

Khi ấy các Ngạ quỷ đồng sanh lòng cung kính đến hỏi Ngài Mục Liên về nhơn duyên đời trước. Một Ngạ quỷ hỏi rằng: "Tôi một đời lại đây, thường bị đói khát , muốn vào nhà xí lấy phẩn mà ăn; trên nhà xí đã có con đại lực quỷ lấy gậy đánh tôi; tôi không đấn gần nhà xí được. Vì cớ gì mà tôi mắc phải tội ấy?"

Ngài Mục Liên đáp rằng: "Đời trước lúc làm người, ngươi làm chủ chùa, có khách Tỳ kheo đến xin ăn. Ngươi keo kiết không đãi khách ăn. Chờ khách đi rồi mới cho các thầy thường ở trong chùa ăn.

Vì ngươi vô đạo, tham tiếc của chúng, do nhơn duyên ấy nên mắc phải tội như vậy.

Đó là hoa báo, quả báo sẽ ở địa ngục".

- Lại có một Ngạ quỷ hỏi Ngài Mục Liên rằng: "Tôi một đời lại đây, trên vai có cái bình đồng lớn, đựng đầy nước sôi. Tôi tự lấy gáo múc xối từ trên đầu xuống, đau khổ vô cùng, không thể chịu được. Tôi vì tội gì mà phải như thế?"

Ngài Mục Liên đáp rằng:

"Lúc ngươi làm người, ngươi làm Duy na trong chùa, xem việc trong đại chúng. Có một bình sữa ngươi giấu chỗ kín, đúng giờ không đem chia cho chúng, đợi khách đi rồi mới đem chia cho các người trong chùa. Sữa là vật chiêu đề, thuộc của chúng Tăng trong mười phương, mọi người đều có phần; vì duyên ấy, nên mắc phải tội như vậy. Đó là hoa bao, quả báo sẽ ở địa ngục".

- Lại có một Ngạ quỷ hỏi Ngài Mục Liên rằng: "Tôi một đời trở lại đây, thường nuốt những hoàn sắt nóng. Vì những tội gì mà phải như vậy?"

Ngài Mục Liên đáp rằng:

"Lúc làm người, ngươi làm một vị Sa di nhỏ, lấy nước trong sạch khuấy đường phèn cho chúng. Đường phèn cứng rắn, ngươi sanh tâm trộm cắp, đập nhỏ lấy chút ít. Đại chúng chưa uống, ngươi đã uống trộm trước một hớp. Do nhơn duyên ấy nên mắc phại tôi như vậy. Đó là hoa

báo, quả báo sẽ ở địa ngục."

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng nghe những việc Ngài Mục Liên đã nghe đã thấy, rất đáng sợ hãi.

Chúng con có thể làm những tội ấy. Vì vô minh ngăn che, chúng con không tự nhớ biết. Giả sử như chúng con đã tạo vô lượng tội nghiệp như vậy, đời sau quyết phải lãnh thọ quả báo đau khổ ấy. Vậy nên bây giờ phải chí tâm tha thiết, đầu thành đảnh lễ, hổ thẹn cầu xin sám hối. Nguyện trừ diệt sạch những tội lỗi ấy và nguyện xin sám hối thế cho hết thảy Ngạ quỷ khắp mười phương tận hư không giới.

Lại nguyện xin sám hối thế cho các cha mẹ và các sư trưởng, nguyện xin sám hối thế cho các bậc đồng đàn tôn chứng; thượng trung hạ tòa.

Nguyện xin sám hối thế cho tất cả thiện ác tri thức, rộng ra cho đến khắp cả mười phương tận hư không giới vô cùng vô tận hết thảy chúng sanh, trong tứ sanh lục đạo.

Những tội đã làm nhơn nay sám hối mà được trừ diệt. Những tội chưa làm thề không dám làm.

Nguyện xin mười phương chư Phật chứng biết cho chúng con.

Nam mô Di Lặc Phật .
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật .
Nam mô Câu Lưu Tôn Phật .
Nam mô Câu Na Hàm Mâu Ni Phật .
Nam mô Ca Diếp Phật .
Nam mô Sư Tử Phật .
Nam mô Minh Viêm Phật .
Nam mô Mâu Ni Phật .
Nam mô Diệu Hoa Phật .
Nam mô Hoa Thị Phật .
Nam mô Thiện Túc Phật .
Nam mô Đạo Sư Phật .
Nam mô Đại Tý Phật .
Nam mô Đại Lực Phật .
Nam mô Túc Vương Phật .
Nam mô Tu Dược Phật .
Nam mô Danh Tướng Phật .
Nam mô Đại Minh Phật .
Nam mô Viêm Kiên Phật .

Nam mô Chiếu Diệu Phật .
Nam mô Nhật Tạng Phật .
Nam mô Nguyệt Thị Phật .
Nam mô Chúng Viêm Phật .
Nam mô Thiện Minh Phật .
Nam mô Vô Ưu Phật .
Nam mô Sư Tử Du Hý Bồ-tát .
Nam mô Sư Tử Phấn Tấn Bồ-tát .
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát .
Nam mô Quán Thế Âm Bồ-tát .
Nam mô Phật Đà.
Nam mô Đạt Mạ.
Nam mô Tăng Già.

Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thảy Tam bảo. Nguyện xin Tam bảo dũ lòng đại từ bi cứu vớt hết thảy chúng sanh khắp mười phương hiện đang chịu khổ trong đường Ngạ quỷ.

Lại nguyện xin cứu vớt hết thảy chúng sanh khắp mười phương hiện đương chịu khổ vô lượng trong đường địa ngục; trong đường súc sanh và trong nhân loại; làm cho các chúng sanh ấy liền được giải thoát đoạn ba nghiệp chướng, trừ năm sợ hãi, chứng tam giải thoát, dùng bốn hoằng thệ độ thoát chúng sanh, đảnh lễ Thế Tôn, thưa thỉnh giáo lý vi diệu; không rời đương xứ, sạch hết hữu lậu, tùy tâm tự tại, dạo khắp cõi Phật , hạnh nguyện viên mãn, chóng thành chánh giác.

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng, lại chí thành lắng lòng mà nghe.

Lúc bấy giờ Phật ở thành Vương Xá, phía đông nam có một hồ nước, bao nhiêu tiểu dãi ô uế đều chảy vào hồ ấy, hôi thúi không thể đến gần được. Có một cvon trùng lớn sanh ở trong hồ ấy, thân dài mấy trượng không tay chân, quằn quại lăn lóc, hàng ngàn người đến xem. Ngài A Nan thấy vậy về bạch Phật. Phật và đại chúng cùng nhau đến hồ ấy xem. Đại chúng nghĩ rằng:

“Nay đây đức Như Lai sẽ nói rõ đầu đuôi việc con trùng ấy cho mọi người nghe.

Phật bảo đại chúng: “Sau khi đức Phật Duy Vệ nhập Niết Bàn rồi, có năm trăm thầy Tỳ kheo đi qua một ngôi chùa. Lúc ghé vào chùa, chủ chùa rất hoan hỷ vui mừng, mời đại chúng ở lại để cúng dường. Ông hết lòng thiết đãi không tiếc món gì.

Sau đó có năm trăm người đi buôn vào biển lấy ngọc, lúc về cũng ghé lại chùa. Các người ấy thấy năm trăm thầy Tỳ kheo tu hành tinh tấn liền hân hoan, phát tâm cúng dường, mới cùng nhau nghĩ rằng: "Phước điền khó gặp chúng ta nên cúng dường lễ mọn."

Mỗi người cúng mỗi viên ngọc, cộng được năm trăm ma ni châu, đem gửi chủ chùa. Sau đó chủ chùa sanh tâm không tốt, lập mưu muốn đoạt lấy một mình, không đem ra cúng dường chúng tăng.

Đại chúng mới hỏi: Ngọc châu của khách buôn bố thí nên đem ra cúng dường đại chúng?

Chủ chùa đáp rằng: "Ngọc châu ấy cúng cho ta, nếu các ngươi muốn đoạt thì có phẩn uế cho các ngươi. Nếu các ngươi không đi ngay bây giờ ta sẽ chặt tay chân quẳng vào hầm phẩn".

Đại chúng thương người ấy quá ngu si bèn làm thinh bỏ đi.

Vì tội ác ấy nên nay chủ chùa kia phải làm thân trùng này, sau sẽ vào địa ngục chịu vô lượng đau khổ".

- Lại nữa, khi ấy Phật ở thành Vương Xá, thấy một chúng sanh có một các lưỡi rất dài lớn, có đinh sắt đóng vào lưỡi, lửa phát cháy hừng hực, chịu đau khổ suốt ngày đêm.

Ngài Mục Liên bèn hỏi Phật: "Chúng sanh ấy vì tội gì mà chịu khổ như vậy?"

Phật đáp:

"Người ấy xưa kia từng làm chủ chùa, hay mắng nhiếc xua đuổi các thầy Tỳ kheo ở lâu trong chùa hay khách Tăng mới đến cũng vậy mà không cho ăn uống. Không bình đẳng cúng dường. Vì nhơn duyên ấy nên mắc phải tội như vậy".

- Lại có một chúng sanh thân thể dài lớn, trên đầu có cái vạc nước đồng sôi, bốc lửa cháy hừng hực, nước đồng sôi chảy tràn ra tứ phía, chảy khắp thân thể, chúng sanh ấy nương hư không mà đi mãi không nghĩ.

Ngài Mục Liên hỏi Phật: "Chúng sanh ấy vì tội gì mà phải chịu khổ như thế?"

Phật đáp: "Người ấy đời xưa làm Tri sự trong chùa, Đàn việt cúng dầu thắp, Tri sự không chia cho khách Tăng. Đợi khách Tăng đi rồi mới chia cho các thầy thường ở trong chùa.

Vì nhơn duyên ấy nên nay người ấy mắc phải tội như vậy".

- Lại có một chúng sanh bị các hoàn sắt cháy đỏ hừng hực, từ trên đầu mà vào, từ dưới chân mà ra, nương hư không mà đi, người ấy đau khổ vô cùng không thể chịu được.

Ngài Mục Liên hỏi Phật : "Chúng sanh ấy vì tội gì mà phải chịu khổ như vậy?"

Phật đáp rằng:

"Người ấy đời trước làm ông Sa di có trộm bảy trái me trong vườn chúng Tăng. Sau khi chết rồi, Sa di ấy đã chịu vô lượng khổ trong địa ngục. Nay nghiệp báo chưa hết, hảy còn dư ươn, nên phải chịu khổ như vậy".

- Lại có một con cá lớn, một thân trăm đầu, mỗi đầu mỗi khác, bị sa vào lưới người.

Thế Tôn thấy vậy bèn nhập định "Từ tâm Tam muội" gọi con cá ấy. Cá ấy tức thời ứng khẩu trả lời.

Thế Tôn hỏi cá:

- Mẹ ngươi ở đâu?

- Mẹ tôi làm con trùng rúc trong nhà xí!

Phật bảo các Tỳ kheo: Lúc Phật Ca Diếp ra đời, con cá lớn này làm vị Tam Tạng Tỳ Kheo; vì ác khẩu nên chịu quả báo nhiều đầu. Mẹ nó bấy giờ thọ hưởng lợi dưỡng của nó, nên đọa làm con trùng rúc trong cầu tiêu.

Phật dạy tiếp rằng: Mắc phải báo ấy đều do chúng sanh ác khẩu, nói lời thô tháo cứng xẳng, tuyên truyền bỉ thử, làm cho hai bên tranh đấu loạn lạc lẫn nhau. Chết rồi vào địa ngục, bị ngục tốt đốt đỏ cái bể sắt trong ngoài nóng đỏ như nước đồng sôi để nung cái lưỡi người có tội. Quỉ lại đốt đỏ móc sắt, móc có ba lưỡi sắt bén như mũi nhọn để đoạn cái lưỡi của tội nhơn. Lại kéo dài cái lưỡi ra như trâu kéo cày.

Lại đốt đỏ cái chày sắt dộng vào yết hầu, trải qua ngàn vạn kiếp, tội hết mới ra khỏi địa ngục, làm loài chim muông.

Phật dạy: "Nếu có chúng sanh nào đàm luận việc vua chúa, chánh trị, cha mẹ và sư trưởng, thì tội lại còn nặng hơn".

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng nghe Phật dạy lời ấy, rất đáng sợ hãi. Bấy giờ đại chúng đã thấy rõ ràng: thiện ác hai đường không sai, tội phước và quả báo chắc thật, quyết định không còn nghi ngờ gì nữa.

Vậy nên hết lòng hổ thẹn, siêng năng tu hành, cầu xin sám hối. Đại chúng đã cùng nhau xem kinh, đã đồng thấy những việc như trên, nếu không cố gắng, lười biếng muốn thối lui thì việc tu hành không do đâu có kết quả.

Ví như người nghèo thiếu, lòng thèm khát các vị cao lương mà thật tế không có một vị nào thì rốt cuộc cũng không có ích gì cho sự

thèm khát khổ não kia.

Cho nên biết rằng: Người nào muốn cầu có pháp môn nhiệm mầu thù thắng, muốn độ thoát hết thảy chúng sanh, người ấy không thể nói suông rằng: Tôi chỉ tu tâm mà được. Người ấy cần phải có tâm mà cũng cần thực hành bằng sự tướng nữa mới được. Cần phải có sự, có lý. Sự lý đi đôi công việc mới có kết quả hoàn toàn, thành tựu viên mãn.

Vậy nên đại chúng phải nỗ lực tinh tấn tu hành cầu xin sám hối. Cùng nhau chí tâm tha thiết, đầu thành đảnh lễ Tam bảo. Nguyện xin thay thế hết thảy chúng sanh trong đường địa ngục, đường ngạ quỷ, đường súc sinh và đường nhơn loại mà cầu xin sám hối.

Lại nguyện vì cha mẹ, sư trưởng, thiện ác tri thức và cùng hết thảy bà con mà cầu xin sám hối. Những tội đã làm rồi nguyện xin trừ diệt. Những tội chưa làm thề không dám làm.

Nhất tâm đảnh lễ quy y thế gian Đại Từ Bi phụ:

Nam mô Di Lặc Phật .
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật .
Nam mô Đề Sa Phật .
Nam mô Minh Diệu Phật .
Nam mô Trì Man Phật .
Nam mô Công Đức Minh Phật .
Nam mô Thị Nghĩa Phật .
Nam mô Đăng Diệu Phật .
Nam mô Hưng Thịnh Phật .
Nam mô Dược Sư Phật .
Nam mô Thiện Nhu Phật .
Nam mô Bạch Hào Phật .
Nam mô Kiên Cố Phật .
Nam mô Phước Oai Đức Phật .
Nam mô Bất Khả Hoại Phật .
Nam mô Đức Tướng Phật .
Nam mô La Hầu Phật .
Nam mô Chúng Chủ Phật .
Nam mô Phạm Thanh Phật .
Nam mô Kiên Tế Phật .
Nam mô Bất Cao Phật .
Nam mô Tác Minh Phật .
Nam mô Đại Sơn Phật .

Nam mô Kim Cang Phật .
Nam mô Tương Chúng Phật .
Nam mô Vô Úy Phật .
Nam mô Chân Bảo Phật .
Nam mô Sư Tử Phan Bồ-tát .
Nam mô Sư Tử Tác Bồ-tát .
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát .
Nam mô Quán Thế Âm Bồ-tát .

Lại quy y như vậy, mười phương tận hư không giới hết thảy Tam bảo. Nguyện xin Tam bảo dùng đại từ bi lực, đại trí huệ lực, vô lượng tự tại thần lực, không thể tư nghị, độ thoát nhất thế chúng sanh lực trong lục đạo, diệt trừ hết thảy đau khổ cho chúng sanh trong lục đạo; khiến các chúng sanh ấy đoạn trừ hết tội nghiệp trong ba đường ác, rốt ráo không tạo năm tội nghịch, không tạo mười ác nghiệp nữa. Từ nay trở đi các chúng sanh ấy không sanh vào chỗ khổ báo, được sanh về tịnh độ, bỏ mạng sống khổ báo được mạng sống trí tuệ, bỏ thân khổ báo được thân kim cang, bỏ khổ ác thú được vui Niết Bàn, nhớ khổ trong ác thú, phát tâm bồ đề. Bốn vô lượng tâm, sáu Ba-la-mật thường được hiện tiền. Bốn vô ngại biện, sáu sức thần thông được tự tại như ý, dõng mãnh tinh tấn, không thôi không nghĩ và thắng tấn tu hành cho đến khi mãn hạnh Thập địa, trở lại độ thoát hết thảy chúng sanh.

CHƯƠNG THỨ TÁM: RA KHỎI ĐỊA NGỤC

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng nên biết rằng: Vạn pháp không đồng, công dụng bất nhất, như sáng và tối đối đãi nhau. Tuy nhiên chỉ có thiện và ác là gồm thâu tất cả.

Làm thiện được các quả báo tốt đẹp ở các cõi trời cõi người, làm ác thời mắc quả báo xấu xa, đau khổ kịch liệt trong ba đường ác.

Đó là hai sự thật rõ ràng trên đời, không phải giả dối. Nhưng người ngu si lầm lạc phần nhiều sanh tâm nghi ngờ, hoặc cho cõi trời là chuyện bịa đặt, địa ngục là lời nói dối không có. Những người ấy không biết suy nhơn, nghiệm quả, không biết xét quả tìm nhơn. Người không biết phân biệt nhơn quả, thì cứ chấp lấy sự hiểu biết sai lầm của thế gian. Không những chấp không, chấp có mà còn làm thơ, làm bài để biếm xích. Tâm họ trái với điều thiện lợi mà không hề tự biết sai lầm. Giả như có người chỉ bảo cho thì họ càng chấp chặt lấy thiên kiến, sai lầm còn kiên cố hơn nữa. Những người như thế là họ tự gieo đầu vào đường ác. Trong nháy mắt thường thẳng xuống địa ngục, từ thân hiếu tử không thể cứu được. Họ đi vào hầm lửa, vạc dầu trước hơn ai hết. Họ đi thiêu thân trong lửa nóng vạc dầu sôi mà không tự biết. Thân tâm tan nát, tinh tần thống khổ, khi ấy ăn năn không kịp.

Ngày nay đại chúng trong đạo tràng thấy rõ thiện ác nương nhau như bóng theo hình, như vang theo tiếng.

Tội phước hai đường tuy khác nhau nhưng cũng phải đợi kỳ trả quả báo nghiêm ngặt, mong sao mọi người đều sáng suốt tin tưởng không sanh tâm nghi ngờ.

Sao lại là địa ngục?

Kinh dạy rằng:

Trong tam thiên đại thiên thế giới, ở giữa khoảng hai núi Thiết vi, chỗ tối tăm nhất gọi là địa ngục, thành bằng sắt, dài rộng một ngàn sáu trăm vạn dặm. Trong thành chia ra tám vạn bốn ngàn ngăn. Dưới lấy sắt làm đất, trên lấy sắt làm lưới. Lửa đốt thành ấy trong ngoài cháy đỏ chảy ra nước. Lửa trên chảy suốt xuống dưới, lửa dưới cháy suốt bốc lên trên.

Tên của mỗi ngục là:

Ngục nhóm họp,

Ngục tối tăm,

Ngục xe dao,

Ngục rừng kiếm,

Ngục máy sắt,
Ngục rừng gai,
Ngục võng sắt,
Ngục hang sắt,
Ngục hoàn sắt,
Ngục đá nhọn,
Ngục hầm than,
Ngục rừng cháy,
Ngục hổ lang,
Ngục kêu la,
Ngục nước sôi,
Ngục than nóng,
Ngục núi dao,
Ngục rừng kiếm,
Ngục đá mài lửa,
Ngục thành lửa,
Ngục cột trụ đồng,
Ngục giường sắt,
Ngục xe lửa,
Ngục bánh xe lửa,
Ngục uống nước đồng sôi,
Ngục khạc ra lửa,
Ngục hết sức nóng,
Ngục hết sức lạnh,
Ngục rút lưỡi,
Ngục đóng đinh vào thân,
Ngục trâu cày,
Ngục chém chặt,
Ngục đao binh,
Ngục mổ xẻ,
Ngục sông tro,
Ngục tiểu dãi trào lên,
Ngục giá lạnh,
Ngục bùn lầy,
Ngục ngu si,
Ngục khóc lóc,
Ngục đui điếc,
Ngục câm ngọng,

Ngục lưỡi câu sắt,

Ngục mỏ nhọn sắt,

Lại có những đại tiểu nê lê A tỳ địa ngục.

Phật bảo đức A Nan:

- A: nghĩa là vô.
- Tỳ: nghĩa là già.
- A: nghĩa là vô.
- Tỳ: nghĩa là cứu.

Nói chung lại: A tỳ nghĩa là vô già, vô cứu; không ngăn dứt, không cứu vớt được.

Lại nữa:

A : Là không gián đoạn.

Tỳ : Là không lay động.

A : Là hết sức nóng nhiệt.

Tỳ : Là hết sức khổ não.

A : Là không an nhàn.

Tỳ : Là không an trú.

Tóm lại: A tỳ là hết sức hành hạ, không tạm nghĩ, không gián đoạn, không lay chuyển, hết sức khổ não, như nung như nấu, không an nhàn, không chấm dứt, cứ hành hạ mãi mãi nên gọi là A tỳ.

Lại nữa:

A : là đại diệm: là lửa dữ.

Tỳ : là mãnh nhiệt: là nóng dữ.

Lửa dữ nhập tâm, gọi là A tỳ địa ngục.

Phật dạy Ngài A Nan: Địa ngục A tỳ dài rộng bằng nhau ba mươi hai vạn dặm. Bảy lớp thành sắt bao bọc ngục A tỳ. Dưới có mười tám ngăn, xung quanh có bảy lớp thành, đều có đặt rừng dao.

Trong bảy lớp thành lại có rừng gươm. Dưới mười tám ngăn, ngăn có tám vạn bốn ngàn lớp. Bốn góc đều có bốn đại đồng cẩu, thân dài lớn đến một vạn sáu ngàn dặm, mắt như điện chớp, răng như cây gươm, nanh như núi dao, lưỡi như mũi sắt nhọn, toàn thân chân lông phun lửa dữ, hơi bay như khói, như thúi khó chịu, thế gian không có vật gì thúi bằng.

Lại có mười tám ngục tốt, đầu như đầu La sát, miệng như miệng Dạ xoa. Chó có sáu mươi bốn con mắt, mắt tung ra xa những hoàn sắt nóng, như xe chạy xa mười dặm. Răng phía trên cao một trăm sáu mươi dặm. Trên đầu răng tuôn ra lửa dữ, đốt cháy xe sắt phía trước, làm cho xe kia mỗi lỗ lưới tròn, hóa làm một ức con dao lửa, kiếm xích sắc bén,

những lưỡi nhọn đền từ trong lửa dữ ấy lưu xuất. Lửa ra như suối chảy đốt cháy ngục thành A tỳ. Thành cháy đỏ như nước đồng sôi.

Bọn ngục tốt kia đầu có tám đầu trâu, mỗi mỗi đầu đều có mười tám cái sừng. Trên đầu mỗi sừng tuôn ra một đống lửa lớn. Đống lửa lớn lại hóa ra bánh xe dao lớn. Như bao nhiêu bánh xe, mỗi bánh xe như lớp theo nhau chạy trong lửa dữ ghê gớm, đầy cả A tỳ địa ngục.

Ở dưới đất thì có chó đại đồng cẩu há miệng lè lưỡi. Lưỡi như đòn xóc nhọn, le ra thì hóa thành vô lượng lưỡi, đầy cả A tỳ địa ngục.

Ở trong bảy lớp thành có bảy lớp cờ. Ở đầu mỗi cờ, lửa tuôn ra như suối trào vọt, nước sắt chảy cả A tỳ địa ngục.

Bốn cửa thành ngục A tỳ, ở trên mỗi ngưỡng cửa có mười tám chảo nước đồng sôi trào ra rồi chảy tràn đầy cả thành A tỳ.

Trong mỗi ngăn Địa ngục lại có tám vạn bốn ngàn rắn mãng xà sắt, phun độc, phun lửa, thân hình lớn đần thành, kêu la như sấm dậy, mưa xuống những hoàn sắt nóng lớn đầy cả thành A tỳ.

Nỗi khổ trong thành kể đến tám vạn ức thiên. Bao nhiêu thống khổ trong những thống khổ đều tích tụ ở trong thành này.

Lại có năm trăm ức con trùng ở trong thành, mỗi con trùng có tam vạn bốn ngàn mỏ nhọn. Đầu mỗi mỏ nhọn có lửa tuôn như mưa xối, đầy cả thành A tỳ.

Mỗi khi trùng ấy rơi xuống thì lửa dữ trong thành A tỳ bốc ngọn lên dữ dội, hừng hực sáng choang. Lửa mạnh ấy chiếu đến ba trăm ba mươi sáu vạn dặm. Từ A tỳ ngục xong lên biển cả, dưới núi ốc tiêu nước biển cả giọt xuống, một giọt lớn bằng trục bánh xe to, thành ra những mũi nhọn sắt lớn, đầy cả thành A tỳ.

Phật bảo Ngài A Nan: “Như chúng sanh nào giết cha hại mẹ, nhục nhã sáu dòng bà con, người ấy khi mạng chung chó sắt hả miệng, hóa làm mười tám chiếc xe, giống như xe vàng có bảo cái che trên. Hết thảy mũi lửa nhọn kia hóa làm ngọc nữ. Người có tội kia xa trong thấy, sanh tâm vui mừng. Nghĩ rằng: “Ta muốn đến đó chơi, ta muốn đến đó chơi”. Khi đến rồi thì bị gió phong đao xẻ thân, lạnh quá chừng. Tội nhơn lại nghĩ: Há được lửa tốt, ngồi trên xe đốt lên mà hơ! Nghĩ như thế rồi liền chết. Trong giây phút lại thấy mình ngôi trên xe vàng ngắm xem ngọc nữ. Nhưng bị ngọc nữ cầm búa sắt chém thân. Dưới thân lửa bốc hừng hực, mau như chớp nhoáng, trong nháy mắt lại rơi vào A tỳ địa ngục.

Từ ngăn trên, chớp mắt đọa xuống ngăn dưới. Thân lớn đầy ngăn. Chó đồng cẩu lớn tiếng sủa lên và nhai xương nuốt tủy. Ngục tốt la sát cầm xoa sắt lớn xoa đầu bắt đứng dậy; lửa cháy khắp thân, cháy luôn

thành A tỳ. Lưới sắt tuôn mưa dao, dao theo lỗ chân lông vào trong thân thể, hóa làm vua Diêm Vương. Vua lớn tiếng bảo rằng: “Kẻ ngu si giống ngục tốt kia, ngươi ở dương gian bất hiếu với cha mẹ, tà mạng không đạo đức nên phải đoạ vào chỗ này, gọi là A tỳ địa ngục. Ngươi là người không biết ơn, không hổ thẹn. Ngươi chịu khổ não như thế có sướng không?” Nói rồi, biến mất.

Bấy giờ ngục tốt lại đuổi tội nhơn từ ngăn dưới lên ngăn trên. Phải trải qua tám vạn bốn ngàn ngăn giữa mới qua khỏi lớp lưới sắt cuối cùng, một ngày một đêm mới khắp A tỳ địa ngục. Một ngày một đêm ở địa ngục bằng sáu chục tiểu kiếp ở dương gian. Tội nhơn sống như vậy trong địa ngục một đại kiếp.

Người phạm tội ngũ nghịch không biết hổ thẹn nên gây tội ấy. Vì tội ngũ nghịch nên khi lâm chung có mười tám thứ phong đao như xe lửa sắt cắt xẻ thân thể. Tội nhơn vì nóng bức nên nói thế này: “Nếu ta có các thứ hoa sắc đẹp ấy, cây đại thọ mát mẻ kia, ở đó dạo chơi há không vui sao!”.

Nghĩ như thế rồi thì có tám vạn bốn ngàn rừng ác kiếm hóa làm cây báu, hoa quả tốt tươi, sắp bày ra trước mắt, lửa nóng hừng hực, hóa làm hoa sen nơi gốc cây kia. Tội nhơn liền nghĩ thầm: “Ta đã mãn nguyện”.

Trong nháy mắt, tội nhơn liền ngồi trên hoa sen. Trong khoảnh khắc các trùng mỏ nhọn từ trong hoa lửa sanh ra rúc ráy cốt tủy, thấu suốt tâm can. Tội nhơn phải vịn cây đứng dậy. Các nhành cây hóa thành lưỡi kiếm, róc thịt chẻ xương. Vô lượng rừng đao từ không trung rơi xuống. Những lò hồng, xe lửa, mười tám điều đau khổ nhất thời đưa đến.

Những tội này hiện ra thì tội nhơn bị hãm xuống địa ngục từng dưới, rồi từ từng dưới lên rừng trên. Thân hình lột hết như hoa nở. Trải khắp ngăn dưới rồi lên ngăn trên, bị lửa mạnh thiêu đốt dữ dội.

Đến ngăn trên rồi thân hình tràn khắp ngăn ấy, bị khổ não nung nấu vô cùng. Tội nhơn phải trợn mắt le lưỡi. Vì phạm tội ngũ nghịch, nên bị vạn ức đồng sôi, trăm ngàn đao luân, từ trên không rơi xuống, vào trên đầu, ra dưới chân; đau khổ còn gấp bội hơn trước một trăm, một ngàn vạn phần. Người phạm đủ năm nghịch tội phải chịu tội đủ năm kiếp.

Lại nữa, nếu người nào phá cấm giới của Phật, luống ăn dùng của tín thí, phỉ báng Tam bảo, tà kiến, không biết nhơn quả, không học trí huệ Bát Nhã, khinh chê mười phương Phật, trộm cắp của Pháp, làm

việc ô uế bất tịnh hạnh, không hổ thẹn, hủy nhục bà con, tạo các điều ác, người ấy khi sắp lâm chung, tội báo bị phong đao xẻ thân, nằm ngửa bất tỉnh như bị đánh đập.

Tư tưởng hoang mang, si mê lầm lẩn. Thấy nhà cửa và con cái nam nữ và lớn nhỏ, cùng tất cả sự vật của mình đều bất tịnh. Tiểu dãi hôi thúi, tràn đầy thân thể. Bấy giờ người ấy nghĩ rằng:

" Sao đây không có thành quách và núi rừng tốt đẹp, để ta dạo chơi mà lại ở giữa đám bất tịnh ô uế này ư?

Nghĩ như thế rồi, liền bị ngục tốt La sát lấy cái xoa sắt lớn đánh ngục A tỳ, các rừng dao hóa làm cây báu và ao hồ mát mẻ, lửa dữ hóa làm hoa sen lá vàng; những con trùng sắt mỏ nhọn hóa làm chim phù nhạn. Những tiếng thống khổ trong địa ngục như âm thanh ca vịnh.

Tội nhơn trong thấy tốt đẹp như vậy liền nghĩ rằng: "Ta mau đến đó dạo chơi". Nghĩ xong liền thấy mình ngồi trên hoa sen lửa. Các trùng sắt mỏ nhọn từ các lỗ chân long trong chân rúc ra, cắn rứt thân thể. Trăm ngàn bánh xe sắt từ trên đảnh vào thân, hằng hà sa số xoa sắt, khiêu múc tròng mắt. Chó đồng cẩu trong địa ngục hóa làm trăm ức chó sắt dành nhau cấu xé thân hình tội nhơn, lấy trái tim mà ăn. Trong nháy mắt, thân thể đã thành cánh hoa sắt, tràn khắp mười tám ngăn ngục, mỗi mỗi hoa có tám vạn bốn ngàn lá, mỗi mỗi lá, đầu mình tay chơn chi tiết đều ở trong một ngăn, địa ngục không lớn, thân này không nhỏ, cho nên biến khắp địa ngục.

Những tội nhơn này đọa vào địa ngục ấy tám vạn bốn ngàn đại kiếp. Ngục này tiêu diệt rồi lại vào trong mười tám ngăn ngục khác, chịu khổ như trên. A tỳ ngục này về phương Nam cũng có mười tám ngăn; phương Tây cũng có mười tám ngăn; phương Bắc cũng có mười tám ngăn.

Hủy báng các kinh Phương đẳng Đại thừa, tạo đủ năm tội nghich, phá hoại Hiền Thánh, đoạn các căn lành. Những người như vậy chịu đủ tội lỗi. Thân lớn khắp A tỳ địa ngục; tứ chi trải khắp cả mười tám ngăn. A tỳ địa ngục này chỉ thiêu đốt những chúng sanh tạo giống địa ngục như trên. Khi kiếp địa ngục sắp hết thì thấy cửa địa ngục phương Đông liền mở. Tội nhơn nhìn thấy ngoài cửa ấy có dòng nước trong chảy mát mẻ; có rừng cây hoa qua tốt tươi hiện ra, những tội nhơn ở ngăn dưới nhìn thấy thì mất tạm bớt đổ lửa. Từ ngăn dưới vươn mình lên quằn quại bò đi, tuột cả thân hình mà chạy lên ngăn trên, tay vịn bánh xe đao. Bấy giờ trên không trung mưa xuống những hoàn sắt nóng. Tội nhơn chạy đến cửa phương Đông, vừa đến cổng thì ngục tốt La sát cầm xoa sắt

đâm ngược vào tròng mắt của tội nhơn.

Chó đồng cẩu nhai ngầu trái tim; tội nhơn phải chết ngất. Chết rồi sống lại, thấy cửa phương Nam mở như cửa phương Đông trước kia không khác.

Cửa phương Tây, phương Bắc cũng đều như vậy. Trải qua thời gian nữa kiếp, tội nhơn phải chết trong A tỳ địa ngục.

Chết rồi sống lại sanh vào địa ngục giá lạnh, rồi chết trong địa ngục hàn băng nầy. Chết rồi lại sống, sống rồi lại sanh vào địa ngục hắc ám, một trăm, một ngàn vạn năm, mắt không trông thấy, thân làm con đại trùng quằn quại bò đi; các căn ám độn, không hiểu biết gì phải quấy; lại bị một trăm, một ngàn hổ lang lôi kéo dành ăn. Chết rồi lại sanh vào loài súc sinh, năm ngàn vạn năm làm thân chim muông. Khổ sở như thế cho đến khi hết tội, được sanh làm người. Nhưng lại phải đui, điếc, ngọng, lịu, phong hủi, ung thư, bần cùng hạ tiện. Bao nhiêu suy đồi khổ sở mình phải tự rước lấy. Làm thân hèn hạ như vậy năm trăm lần sống thác. Lại sanh vào loài quỷ đói. Ở trong Ngạ quỷ gặp được Thiện tri thức các vị đại Bồ-tát quở trách nói rằng:

"Ngươi ở trong vô lượng đời về trước đã tạo ra vô lượng tội, phỉ báng Tam bảo, không tin nhơn quả nên đọa vào A tỳ địa ngục, chịu nhiều khổ não không thể kể xiết. Nay ngươi nên phát tâm từ bi".

Bấy giờ Ngạ quỷ nghe lời ấy rồi liền xưng Nam mô Phật.

Nhờ sức hồng ân của chư Phật, liền được mạng chung, sanh lên cõi trời tứ thiên. Sanh lên đó rồi, ăn năn tự trách, phát tâm Bồ đề.

Tâm quang của chư Phật không bỏ những người phát tâm nầy, thâu nhiếp các người phát tâm như vậy và thương mến như La Hầu La. Dạy bảo tránh xa địa ngục, không cho thân sa đọa như quý tròng con mắt.

Phật bảo Đại vương: "Muốn biết hào quang chư Phật thường chiếu nơi nào thì hãy xem hào quang ấy thường chiếu những nơi chúng sanh đau khổ như vậy không gián đoạn, không người cứu vớt. Tâm Phật thường biết nơi đâu? Thường biết những nơi chúng sanh chịu hành phạt cực hình, cực ác như vậy. Vậy đem tâm Phật mà trau dồi tâm mình, trải qua nhiều số kiếp, khiến các người ác kia phát tâm Bồ đề".

Hôm nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng nghe lời Phật Thế Tôn nói các thống khổ như trên thì gia tâm giữ ý, chớ sanh lòng buông lung. Nếu đại chúng không siêng năng lập phương tiện tu hành Bồ-tát đạo thì ở trong mỗi địa ngục đều có tội phần.

Ngày nay đại chúng nên vì hết thảy chúng sanh hiện đang chịu

thống khổ trong A tỳ địa ngục, vì hết thảy chúng sanh sẽ chịu thống khổ trong A tỳ địa ngục, và rộng ra cho đến hết thảy chúng sanh hiện chịu và sẽ chịu vô cùng tận thống khổ trong hết thảy địa ngục ở mười phương mà đầu thành đảnh lễ quy y thế gian Đại Từ Bi phụ:

Nam mô Di Lặc Phật .
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật .
Nam mô Quá Khứ Thất Phật .
Nam mô Thập Phương Thập Phật .
Nam mô Tam Thập Ngũ Phật .
Nam mô Ngũ Thập Tam Phật .
Nam mô Bách Thất Thập Phật .
Nam mô Trang Nghiêm Kiếp Thiên Phật .
Nam mô Hiền Kiếp Thiên Phật .
Nam mô Tinh Tú Kiếp Thiên Phật .
Nam mô Thập Phương Bồ-tát Ma Ha Tát.
Nam mô Thập Nhị Bồ-tát .
Nam mô Địa Tạng Bồ-tát .
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát .
Nam mô Quán Thế Âm Bồ-tát .

Lại xin quy y mười phương tận hư không giới vô lượng hình tượng:
Tượng vàng và tượng chiên đàn của vua Ưu Điền.
Tượng đồng của vua A Dục
Tượng đá của Ngô Trung
Tượng ngọc của nước Sư Tử.
Tượng vàng, tượng bạc, tượng lưu ly, tượng san hô, tượng hổ phách, tượng xa cừ, tượng mã não, tượng trân châu, tượng ma ni, tượng vàng tử ma thượng sắc diêm phù đàn ở trong các quốc độ. (1 lạy)
Lại Quy y hết thảy các tháp thờ tóc của mười phương Phật:
Quy y hết thảy các tháp thờ hàm răng.
Quy y hết thảy các tháp thờ răng.
Quy y hết thảy các tháp thờ móng tay.
Quy y hết thảy các tháp thờ xương trên đảnh.
Quy y hết thảy các tháp thờ xá lợi trong thân.
Quy y hết thảy các tháp thờ cà sa.
Quy y hết thảy các tháp thờ muỗng, bình bát.

Quy y hết thảy các tháp thờ bình tắm rửa.

Quy y hết thảy các tháp thờ tích trượng.

Quy y hết thảy các nơi làm Phật sự như vậy. (1lạy)

Lại Quy y nơi tháp Phật giáng sinh. Quy y tháp Phật đắc đạo:

Quy y tháp Phật chuyển pháp luân.

Quy y tháp Phật nhập Niết Bàn.

Quy y tháp Phật Đa Bửu và tám vạn bốn ngàn tháp của vua A Dục tạo ra. Quy y tháp trên trời, tháp ở nhân gian và tất cả bảo tháp ở trong cung Long Vương. (1 lạy)

Lại Quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thảy chư Phật .

Quy y mười phương tận hư không giới hết thảy Tôn Pháp.

Quy y mười phương tận hư giới hết thảy Hiền Thánh Tăng.(1 lạy)

Nguyện xin Tam bảo đồng đem từ bi lực an ủi chúng sanh lực, vô lượng đại tự tại lực, vô lượng đại thần thông lực, thâu nhiếp thọ lãnh chúng con, ngày nay sám hối thế cho hết thảy chúng sanh đang chịu khổ trong A tỳ đại địa ngục, sám hối thế rộng ra cho đến hết thảy chúng sanh trong tất cả địa ngục ở mười phương, nhiều không thể kể xiết: Sám hối thế cho cha mẹ, sư trưởng và tất cả bà con quyến thuộc. Nguyện xin Tam bảo dùng nước đại bi tẩy trừ tội lỗi cho hết thảy chúng sanh hiện đang chịu khổ trong A tỳ địa ngục và trong những địa ngục khác, khiến chúng sanh được thanh tịnh.

Nguyện xin Tam bảo tẩy trừ tội lỗi cho chúng sanh, hiện đồng sám hối trong đạo tràng hôm nay; tẩy trừ tội lỗi cho tất cả cha mẹ sư trưởng, cho hết thảy bà con quyến thuộc của chúng con, khiến tội lỗi được thanh tịnh.

Lại xin tẩy trừ tội lỗi cho tất cả chúng sanh trong sáu đường, khiến chúng sanh thẳng đến đạo tràng hoàn toàn thanh tịnh. Từ nay trở đi cho đến ngày thành Phật, chúng sanh đều đoạn trừ được hết khổ não trong A tỳ địa ngục. Rộng ra nữa là đoạn trừ hết thảy thống khổ nhiều không thể nói, không thể nói trong các địa ngục, ở mười phương tận hư không giới. Chúng sanh ấy rốt ráo không còn đọa trở lại trong ba đường ác, rốt ráo không đọa trở lại trong các địa ngục, rốt ráo không còn tạo trở lại mười ác nghiệp; không còn tạo trở lại năm tội nghịch để chịu khổ não. Tất cả các tội nguyện đều tiêu diệt, bỏ sống địa ngục, được sống tịnh độ, bỏ mạng địa ngục, dược mạng trí tuệ, bỏ thân địa ngục, được thân kim cang, bỏ khổ địa ngục, được thân Niết Bàn; nhớ khổ địa ngục, phát

tâm Bồ đề, tứ đẳng lục độ thường được hiện tiền; tứ biện lục thông đều được tự tại như ý; đầy đủ trí tuệ tu đạo Bồ-tát , dõng mãnh tinh tấn, kkhông thôi không nghĩ, tu hành mãi lên cho đến mãn hạnh Thập địa vào tâm kim cang, thành đẳng chánh giác để trở lại đời này, độ thoát hết thảy chúng sanh trong mười phương.

Hôm nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng còn có các địa ngục khác, chịu khổ rất phức tạp, không thể ghi chép. Danh hiệu như vậy, khổ sở vô cùng, đại chúng giở xem trong kinh sẽ thấy rõ việc ấy.

Trong kinh Phật dạy rằng : "Một niệm ác của vua Diêm Vương sanh ra đủ các việc trong địa ngục. Tự thân Diêm Vương chịu khổ cũng không thể kể xiết".

Diêm la Đại Vương xưa kia làm vị Tỳ sa quốc vương, nhơn vì cùng với Duy Đà thủy chúa chiến đấu thất bại, bèn lập thệ nguyện : "Nguyện ta đời sau làm chủ ngục trị tội nhơn vậy".

Mười tám vị đại thần và trăm vạn tùy tùng đồng phát nguyện như vậy.

Tỳ sa vương ấy nay là Diêm la vương, mười tám vị đại thần nay là mười tám vị ngục vương vậy.

Trăm vạn chúng tùy tùng nay là ngưu đầu ngục tốt vậy.

Bọn quan thuộc này đều lệ thuộc Bắc phương Tỳ sa môn thiên vương.

Kinh Trường A Hàm chép:

"Chỗ ở của Diêm La Đại Vương, tại Diêm phù đề trong núi Kim cang, về phương Nam, Vương cung dài rộng sáu ngàn do tuần". Kinh đại địa ngục dạy rằng : "Thành quách cung vua Diêm vương, ở trong địa ngục rộng dài ba vạn dặm; dùng sắt và đồng mà xây dựng".

Ngày đêm ba thời có chảo đồng lớn đựng đầy nước đồng sôi, tự nhiên để phía trước vua. Có ngục tốt to lớn nằm trên giường sắt nóng của vua, lấy móc sắt đánh miệng vua, rót nước đồng sôi vào miệng vua. Từ yết hầu trở xuống đều cháy tiêu tan. Các Đại thần kia cũng phải chịu khổ như vậy.

Mười tám ngục vương ấy tên là :

1. Ca Diên giữ ngục Nê lê.
2. Khuất Tôn giữ ngục Đạo Sơn.
3. Phí Thọ giữ ngục Phí sa.
4. Phí Khúc giữ ngục Phất sí.
5. Ca Thế giữ ngục Hắc nhĩ.
6. Hạp Sai giữ ngục Hỏa xa.

7. Than Vị giữ ngục Hoạch than.
8. Thích Ca Nhiên giữ ngục Thiết sàng.
9. Ác Sanh giữ ngục Hạp Sơn.
10. Thân Ngâm giữ ngục Hàn băng.
11. Tỳ Ca giữ ngục Bác bì.
12. Diêu Đầu giữ ngục Súc sanh.
13. Đề Bạt giữ ngục Đao binh.
14. Di Đại giữ ngục Thiết ma.
15. Duyệt Đầu giữ ngục Khôi hà.
16. Xuyên Cốt giữ ngục Thiết sách.
17. Danh Thân giữ ngục Thơ trùng.
18. Quán Thân giữ ngục Dương đồng.

Những ngục như vậy đều có vô lượng địa ngục khác làm quyến thuộc; mỗi ngục đều có chủ ngục. Ngưu đầu ngục tốt tánh tình bạo ngược không có một mảy từ tâm. Thấy chúng sanh chịu ác báo như vậy chỉ sợ chúng sanh không khổ mà thôi. Nếu hỏi ngục tốt:

"Chúng sanh chịu khổ như vậy rất đáng thương xót, sao các ngươi cứ ôm lòng độc ác khốc liệt, không chút thương tâm?"

Ngục tốt liền đáp :

Những người cịu khổ ấy tội ác như thế này: "Bất hiếu với cha mẹ, bài báng Phật Pháp Tăng, chê bai Thánh Hiền, nhục mạ lục thân, khinh mạn sư trưởng, hủy hoại tất cả, nói lời độc ác, nói lời hai lưỡi, nịnh hót, tật đố, chia rẽ tình cốt nhục của người, giận hờn nóng nảy, sát hại tham dục, dối gạt khinh khi, tà mạng, tà cầu, lại do vì tà kiến, giải đãi buông lung, gây kết nhiều thù oán".

Những người như vậy, đến đây chịu khổ rồi, mỗi khi được thoát ra chúng tôi thường khuyên bảo rằng : "Ở đây cực khổ lắm, không thể chịu được. Các người nay được ra rồi chớ nên tạo tội mà phải trở vào đây nữa."

Nhưng các tội nhơn ấy không chịu chừa bỏ ăn năn, ngày nay ra rồi thoạt vậy lại vào. Lần lựa luân hồi không biết thống khổ, làm cho chúng tôi phải mỏi mệt vì các chúng sanh ấy. Kiếp này kiếp khác, cứ đối đầu nhau mãi. Vì duyên cớ ấy nên chúng tôi đối với tội nhơn không có chút thương tâm, mà còn cố ý làm cho khổ sở thêm nữa.

Chúng tôi mong sao họ biết khổ, biết hổ, biết thẹn, không trở lại đây nữa.

Nhưng chúng tôi xem các chúng sanh ấy thật là chỉ khổ mà không chịu tránh, không chí quyết làm lành để vào Niết bàn.

"Họ đã là vật vô tri, không biết tránh khổ tìm vui, sở dĩ họ phải chịu đau khổ hơn ở nhơn gian, thì làm sao chúng tôi có thể dung thứ mà sanh tâm thương được."

Hôm nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng hãy đem việc lao ngục ở thế gian mà so sánh thì có thể biết ngay, tin chắc rằng việc này không phải là luống dối.

Giả sử có người ba phen đến cửa ngục tuy bà con thân tộc nhưng thấy người ấy cứ vào ra cửa ngục mãi cũng đã chán ngán, không có lòng buồn thương. Huống gì ngưu đầu ngục tốt thấy các chúng sanh đã ra lại vào để chịu thống khổ mãi mãi.

Vậy đã thoát khỏi địa ngục rồi thì nên tu tâm dưỡng tánh, cải cách tập quán. Nếu không chừa bỏ thì nhiều kiếp chìm trong biển khổ. Đã vào trong ấy rồi, cứ thứ lớp mà qua, hết khổ này đến chỗ khác, không bao giờ ngừng nghĩ.

Vì vậy nên oán thù ba đời, nhơn quả theo nhau, hai vừng thiện ác chưa từng tạm nghĩ. Việc báo ứng trình bày rõ ràng rất dễ trông thấy. Làm ác gặp khổ, lấy ác trả ác, ở trong địa ngục cùng năm mãn kiếp, chịu thống khổ đủ điều. Hết tội địa ngục lại làm súc sanh. Hết làm súc sanh lại làm quỷ đói ; trải qua vô lượng sanh tử, vô lượng thống khổ.

Như thế đại chúng há có thể không lo tu hành Bồ-tát đạo cho kịp thời sao?

Chúng con ngày nay nhất tâm đầu thành đảnh lễ Tam bảo, nguyện vì hết thảy chúng sanh trong đường địa ngục, ngục vương, đại thần, ngưu đầu, ngục tốt, và quyến thuộc của chúng khắp mười phương, nguyện vì hết thảy chúng sanh trong đường Ngạ quỷ, ngạ quỷ vương, ngạ quỷ thần v.v.. và quyến thuộc của ngạ quỷ ở khắp mười phương; nguyện vì hết thảy chúng sanh trong đường súc sanh, súc sanh thần v.v... và quyến thuộc của súc sanh khắp mười phương; rộng ra nguyện vì hết thảy chúng sanh vô cùng vô tận trong mười phương mà cầu xin sám hối, cải vãng tu lai, không làm ác nữa.

Những tội đã làm nguyện xin diệt trừ, những tội chưa làm thề không dám làm.

Nguyện xin hết thảy chư Phật trong mười phương dùng bất khả tư nghì tự tại thần lực gia tâm cứu hộ thương xót nhiếp thọ, khiến tất cả chúng sanh tức thời giải thoát.

Nguyện xin quy y thế gian Đại Từ Bi phụ:

Nam mô Di Lặc Phật .

Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật .
Nam mô Hoa Nhật Phật .
Nam mô Quân Lực Phật .
Nam mô Hoa Quang Phật .
Nam mô Nhơn Ái Phật .
Nam mô Đại Oai Đức Phật .
Nam mô Phạm Vương Phật .
Nam mô Vô Lượng Minh Phật .
Nam mô Long Đức Phật .
Nam mô Kiên Bộ Phật .
Nam mô Bất Hư Kiến Phật .
Nam mô Tinh Tấn Đức Phật .
Nam mô Thiện Thủ Phật .
Nam mô Hoan Hỷ Phật .
Nam mô Bất Thối Phật .
Nam mô Sư Tử Tướng Phật .
Nam mô Thắng Tri Phật .
Nam mô Pháp Thị Phật .
Nam mô Hỷ Vương Phật .
Nam mô Sa Ngự Phật .
Nam mô Ái Tác Phật .
Nam mô Đức Tý Phật .
Nam mô Hương Tượng Phật .
Nam mô Quán Thị Phật .
Nam mô Vân Âm Phật .
Nam mô Thiện Tư Phật .
Nam mô Sư Tử Phan Bồ-tát .
Nam mô Sư Tử Tác Bồ-tát .
Nam mô Địa Tạng Bồ-tát .
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát .
Nam mô Quán Thế Âm Bồ-tát .

Lại Quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thảy Tam bảo. Nguyện xin Tam bảo dũ lòng Từ bi, tự tại thần lực cứu vớt chúng sanh trong đường địa ngục, ngục vương đại thần và quyến thuộc của các vị ấy cùng mười tám địa ngục.

Mười tám ngăn địa ngục nầy đều có nhiều địa ngục khác làm quyến thuộc.

Nguyện xin Tam bảo cứu vớt hết thảy ngưu đầu ngục tốt và tất cả chúng sanh chịu khổ trong đường địa ngục, khiến các chúng sanh ấy đều được giải thoát. Tội nhơn khổ quả đồng thời tiêu diệt. Từ nay trở đi, rốt ráo vĩnh viễn đoạn trừ hết nghiệp địa ngục, rốt ráo không đọa trong ba đường ác, bỏ sống địa ngục dược sống tịnh độ, bỏ mạng địa ngục, được mạng trí huệ, bỏ thân địa ngục, được thân kim cang, bỏ khổ địa ngục, được vui Niết bàn. Nhớ khổ địa ngục phát tâm Bồ đề; tứ đẳng lục độ thường được hiện tiền. Tứ biện lục thông như ý tự tại.

Dõng mãnh tinh tấn, không thôi không nghĩ, tiến lên cho đến mãn hạnh Thập địa, trở lại độ thoát hết thảy chúng sanh, đồng nhập Kim cang, thành đẳng Chánh giác.

TỪ BI ĐẠO TRÀNG SÁM PHÁP
QUYỂN THỨ TƯ
(HẾT).

CUỐI QUYỂN TƯ

Lương Hoàng Bảo Sám,
Sắc mạng Sa môn,
Huỳnh kim điện thương diễn huyền văn,
Cung các ái tường vân,
Pháp võ tân phân,
Trần thế cảm hoàng ân.
Lương Hoàng Bảo Sám vạn đức hồng danh,
Linh văn tứ quyển tối hoằng thâm,
Tự tự miễn tai truân.
Đảnh lễ Phật danh,
Tiêu tai bảo an ninh.

Nam mô Diệm Huệ Địa Bồ-tát Ma Ha Tát.(3lần)

CUNG VĂN:

Thiên thượng thiên hạ duy Phật độc tôn, thế xuất thế gian, thử pháp tối thắng. Cam lộ phổ triêm ư sa giới, Bồ đề hương tán ư nhơn gian. Đảnh thư bạch ngọc chi hào quang. Thể lộ huỳnh kim chi diệu tướng. Phàm tình khẩn đảo, ứng niệm hiện tiền. Duy nguyện Hồng từ ai lân nhiếp thọ.

Thượng lai phụng vì cầu sám đệ tử đẳng... tu sùng Từ Bi Đạo Tràng Sám Pháp, kim đương đệ tứ quyển, lễ tụng tương hoàn, công huân cáo tất. Bi tâm trùng vận khắc niệm kiền thành : hương đàn trầm thuỷ chi tường vân, chúc thổ ưu đàm chi hoa nhụy. Hiến thiên trù chi diệu cúng, liệt thuyền duyệt chi tô đà. Chung khánh tiếp thiên nhạc chi tề minh ; phạm âm hòa Diệu Âm chi diễn xướng. Tập tư thiện lợi phổ ích hữu tình. Hồi hướng Giác Thiên kim tướng, mãn nguyệt năng nhơn. Mãn bán mãn chi chơn thuyên, học vô học chi Thượng sĩ, Thiên địa Minh dương Linh triết, nhân gian, liệt miếu âu cơ, giám thử quỳ hoát chi tâm, phổ giáng ân quang chi tỳ. Xuất sanh công đức, phụng vì cầu sám đệ tử đẳng...

Sám trừ tứ chủng chi thâm khiên, đắc nhập tứ không chi chánh định. Phục nguyện tứ sanh căn bổn nhơn do, như than ốc tuyết; tứ trú phiền não chướng cấu, tợ nhật dung sương. Hánh xuất tứ lưu, ly ái hà chi cốt một, tốc thành tức đức, thú lạc độ chi huyền do. Tứ an lạc hạnh dĩ hiện tiền, tứ hoằng thệ nguyện nhi kiên cố.

Đa sanh phụ mẫu đồng đăng giải thoát chi môn. Lụy kiếp oan thân, cọng chứng Bồ đề chi quả. Thị tắc y văn sám hối, thành khẩn túc nghiệp vị trừ ; tái lao tôn chúng, đồng cầu sám hối.

Nam mô Sám Hối Sư Bồ-tát Ma Ha Tát. (3 lần)

Lương Hoàng Bảo Sám, tứ quyển công đức lực, nguyện diệt đệ tử đẳng tội chướng, thân chứng Bồ-tát Diệm Huệ Địa.

Sám văn cử xứ tội hoa phi,
Giải liễu oan, sám liễu tội,
Tiêu tai tăng phước huệ,
Thoát khổ sanh Đao Lợi.
Giải liễu oan, sám liễu tội,
Tiêu diêu trực nhập Long Hoa Hội,
Long Hoa tam hội nguyện tương phùng,
Di Lặc Phật tiền thân thọ ký.

Nam mô Long Hoa Hội Bồ-tát Ma Ha Tát.(3lần)

Lương Hoàng Bảo Sám,
Tứ quyển dĩ vân châu,
Hồi hướng tứ ân tịnh tam hữu,
Bái sám chúng đẳng tăng phước thọ,
Nguyện tương pháp thủy tẩy khiên vưu,
Duy nguyện vong giả vãng Tây du.
Diệm Huệ Địa Bồ-tát
Duy nguyện ai nạp thọ.

Nam mô Đăng Vân Lộ Bồ-tát Ma Ha Tát. (3lần)

Ma ha Bát nhã Ba-la-mật đa tâm kinh...

■

TỪ BI ĐẠO TRÀNG SÁM PHÁP

ĐẦU QUYỂN NĂM

Kỳ viên quả tư vị thâm kham thường,
Thanh qua, hồng thị, a lê dạng,
Hiệp chi, long nhãn kham cúng dường.
Yêm ma la quả thế vô song,
Bà la môn tiên, nhơn,
Thân hiến liên đài thượng.

Nam Mô Phổ Hiền Vương Bồ-tát Ma Ha Tát. (3 lần)

CUNG VĂN:

Tịnh ngũ nhãn chi Từ Tôn, hách hách hiện quang minh chi diệu tướng, khai ngũ thừa chi giáo hải lảng lảng tuyên bát nhã chi huyền thâm. Ngũ thập ngũ vị chi Thánh, niệm niệm bồ đề qủa mãn. Ngũ căn ngũ lực chi Đại sĩ, trần trần giải thoát nhân duyên. Quy y tắc tăng trưởng phước điền, lễ niệm tắc năng tiêu tội cấu. Tịch nhiên bất động, cảm nhi toại thông. Nguyện tứ Từ quang chứng minh tu phụng.

Thượng lai phụng vì cầu sám đệ tử đẳng... tu kiến Từ Bi Đạo Tràng Sám Pháp, kim đương đệ ngũ quyển, nhập đàn duyên khởi. Cẩn bị hương đăng qủa bỉnh, phỉ cúng trân tu. Phổ phụng chư Phật Thánh Hiền, xưng dương hồng danh bảo hiệu. Khể tạng, lễ bái, Phát lộ, đầu thành. Thiết niệm cầu sám đệ tử đẳng... tùng tích luỵ kiếp, trực chí kim sanh, mê ngũ uẩn chi khứ lai, tùy ngũ trược chi lưu chuyển. Ngũ dục oanh triền, ngũ trần giao tế. Ngũ nghịch vị trừ, khởi nhơn ngã ái tắng chi niệm. Ngũ pháp vị ngộ, tăng tự tha phiền não chi tình. Nhơn duyên ký dĩ vô sai, qủa báo thật nan đào tị. Kim tắc pháp chúng kiền thành chi chí, các khai giải thoát chi môn. Quy y ư Đại vương cảnh trung, tẩy địch ư Bồ Đề hải nội. Tìng ý như tư, phật tất ai lân. Ngưỡng khấu Hồng từ, minh huân gia bị.

Phật thân thanh tịnh tợ lưu ly,
Phật diện do như mãn nguyệt huy,

Phật tại thế gian thường cứu khổ,
Phật tâm vô xứ bất từ bi.

Khải vận Từ Bi Đạo Tràng Sám Pháp, nhất tâm quy mạng tam thế chư phật:

Nam mô Quá Khứ Tỳ Bà Thi Phật,
Nam mô Thi Khí Phật,
Nam mô Tỳ Xá Phù Phật,
Nam mô Câu Lưu Tôn Phật,
Nam mô Câu Na Hàm Mâu Ni Phật,
Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,
Nam mô Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Phật.

CHƯƠNG THỨ CHÍN: GIẢI OAN THÍCH KIẾT

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng hiểu rõ tất cả chúng sanh đều có oán thù với nhau.

Vì sao mà biết?

Vì không có oán thù thì không có ác đạo. Nay ác đạo không dứt, ba đường còn mãi, nên biết oán thù không bao giờ cùng tận.

Kinh dạy rằng:

"Hết thảy chúng sanh đều có tâm. Vì có tâm nên được làm phật".

Nhưng chúnh sanh tâm tưởng điên đảo, tham đắm thế gian, không biết lối ra, cứ vun trồng gốc rễ khổ não, bồi đắp cội oán thù. Sở dĩ phải luân hồi ba cõi qua lại sáu đường, xả thân lại thọ thân không bao giờ cùng tận.

Vì sao vậy?

Vì hết thảy chúng sanh từ vô thỉ trở lại cho đến ngày nay, mê muội mãi mãi, vô minh che lấp, nước ái nhận chìm, nên khởi ra ba độc căn, khởi ra bốn điên đảo. Từ ba độc ấy sinh ra mười phiền não (1). Y nơi thân khiến khởi ra ngũ kiến (2). Y nơi ngũ kiến khởi ra sáu mươi hai kiến (3). Y nơi thân, khẩu, ý khởi ra mười hai hạnh ác. Thân sát, đạo, dâm; miệng vọng ngôn, ỷ ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu; ý tham. Sân, si.

Tự mình làm mười điều ác, dạy người làm mười điều ác, khen ngợi người làm mười điều ác. Như vậy, y nơi thân, khẩu, ý khởi ra bốn chục điều ác.

Lại y nơi sáu căn tham đắm sáu trần, hơn nữa là mở rộng cửa ác cho tám vạn bốn ngàn trần lao xâm nhập. Trong khoảng một niệm, khởi ra sáu mươi hai kiến chấp. Trong khoảng một niệm, tạo đủ bốn chục điều ác. Trong kgoảng một niệm, mở cửa cho tám vạn bốn ngàn trần lao, huống nữa trong khoảng một ngày, thì khởi ra biết bao tội ác; huống nữa trong khoảng một tháng, khởi ra biết bao tội ác; huống nữa trong khoảng một năm, khởi ra biết bao tội ác; huống nữa chung thân lịch kiếp khởi ra biết bao tội ác.

Tội ác như vậy, vô lượng vô biên, oán thù theo nhau không bao giờ cùng tận.

Nhưng chúng sanh đồng sanh với ngu si, vô minh che lấp trí huệ, phiền não che lấp tâm tánh, chúng sanh không tự hiểu biết.

Tư tưởng điên đảo, không tin lời kinh, không tin lời Phật, không biết giải oan, không trông giải thoát.

Chúng sanh tự gieo mình vào đường ác, như phù du tự gieo mình vào đèn sáng, nhiều kiếp mê muội, chịu vô lượng khổ.

Giả sử nghiệp báo hết rồi, được trở lại làm người, thì người ác như thế, trọn không cải cách. Nên Thánh nhơn phải sanh tâm thương xót. Như vậy cũng chỉ vì chúng sanh có oán thù với nhau mà ra.

Chúng con nay đã phát tâm Bồ đề, tu Bồ-tát đạo, thấy Bồ-tát ma ha tát, lấy việc cứu khổ làm tư lương, lấy việc oan kiết làm yếu hạnh. Bồ-tát không xả ỏ chúng sanh mà lấy việc cứu khổ, chịu khổ thế cho chúng sanh làm nền tảng.

Chúng con ngày nay cũng phải như vậy; phải khởi tâm dõng mãnh, khởi tâm từ bi, tâm đồng như tâm Phật, nương nhờ Phật lực, dựng phan đạo tràng, đánh trống cam lồ, cầm cung trí huệ, nắm tên kiên cố, nguyện vì hết thẩy chúng sanh, lục đạo, oán thù ba đời, cha mẹ, sư trưởng, lục thân quyến thuộc mà cởi mở oán thu.

Những oán thù đã kết đều xả bỏ, những oán thù chưa kết, rốt ráo không kết nữa.

Nguyện xin chư Phật, chư Đại Bồ-tát, dùng từ bi lực, dùng bổn nguyện lực, dùng thần thông lực, đồng gia tâm che chở, chiết phục, nhiếp thọ, làm cho vô lượng oán thù ba đời, từ nay trở đi cho đến ngày thành Phật cởi mở sạch hết, không còn kết oán thù trở lại, hếy thảy khổ não hoàn toàn đoạn trừ.

Cùng nhau chí tâm, một lòng tha thiết, đầu thành đảnh lễ Tam bảo, nguyện xin thế cho hết thảy chúng sanh trong bốn loài sáu đường, oán thù ba đời; nguyện xin thế cho cha mẹ, sư trưởng và hết thảy bà con quyến thuộc mà quy y Thế Gian Đại Từ Bi phụ:

Nam mô Di Lặc Phật.
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật.
Nam mô Thiện Y Phật.
Nam mô Ly Cấu Phật.
Nam mô Nguyệt Tướng Phật.
Nam mô Đại Danh Phật.
Nam mô Châu Kế Phật.
Nam mô Oai Mãnh Phật.
Nam mô Sư Tử Bộ Phật.
Nam mô Đức Thọ Phật.
Nam mô Hoan Thích Phật.
Nam mô Huệ Tụ Phật.

Nam mô An Trú Phật.
Nam mô Hữu Y Phật.
Nam mô Ương Già Đà Phật.
Nam mô Vô Lượng Y Phật.
Nam mô Diệu Sắc Phật.
Nam mô Đa Trí Phật.
Nam mô Quang Minh Phật.
Nam mô Kiên Giới Phật.
Nam mô Cát Tường Phật.
Nam mô Bảo Tướng Phật.
Nam mô Liên Hoa Phật.
Nam mô Na La Diên Phật.
Nam mô An Lạc Phật.
Nam mô Trí Tích Phật.
Nam mô Đức Kỉnh Phật.
Nam mô Kiên Dõng Tinh Tấn Bồ-tát,
Nam mô Kim Cang Huệ Bồ-tát,
Nam mô Vô Biên Thân Bố Tát,
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát.

Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thảy Tam bảo.

Tất cả oán thù như vậy nay ở trong lục đạo, những người đã chịu trả oán rồi, nguyện xin nhờ phật lực, Pháp lực, Hiền Thánh lực, khiến các chúng sanh ấy đề được giải thoát. Hoặc có chúng sanh nào ở trong lục đạo đang chịu trả oán, hoặc chưa chịu trả oán, nguyện xin nhờ Phật lực, Pháp lực, Hiền Thánh lực, khiến các chúng sanh ấy hoàn toàn không trở lạitrong các đường ác nữa, hoàn toàn không còn ác tâm đến với nhau nữa, hoàn toàn không làm độc hại khổ sở nhau nữa; tất cả đều xả bỏ, không còn phân biệt oán thân nữa. Tất cả tội lỗi đều được tiêu trừ. Tất cả oán thù đều được giải thoát, cùng nhau đồng tâm, hòa hiệp như nước với sữa, tất cả đều được hoan hỷ như ở sơ địa (4). Thọ mạng vô cùng, thân tâm an lạc mãi, tùy ý sanh lên thiên cung hay vãng sanh về tịnh độ. Tưởng ăn có ăn, tưởng mặc có mặc, không còn nghe tiếng oán thù đấu tranh nữa.

Thân không bị biến diệt xâm lăng, tâm không bị ngoại trần mê hoặc nhiễm trước. Điều lành tranh nhau nhóm họp, điều ác tranh nhau tiêu tan; phát tâm Đại thừa tu đạo Bố tát. Tứ đẳng lục độ đầy đủ, xả bỏ

qủa báo sanh tử, đồng đăng đạo tràng, thành bậc Chánh giác.

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng biết cái gì là nguồn gốc của oán thù đau khổ?

Chính vì mắt tham sắc, tai tham tiếng, mũi tham hương, lưỡi tham vị, thân tham xúc tế nhị, nên chúng sanh thường bị năm ngoại trần ràng buộc, nhiều kiếp ở trong đêm dài mờ mịt, không được giác ngộ và giải thoát.

Lại nữa, sáu dòng bà con, tất cả quyến thuộc đều là nguồn gốc oán thù ba đời của chúng ta vậy.

Tất cả oán thù đều do thân nhơn khởi ra. Nếu không có thân thì không có oán. Vậy ly thân tức là ly được oán.

Vì cớ gì vậy?

Mỗi người ở một xứ, xa cách tha hương, như thế thì trọn không thể sanh tâm oán hận. Tâm oán hận sanh ra được đu do thân cận với nhau.

Vì gốc ba độc tham, sân, si nên súc não nhau; vì xúc não nhau nên phần nhiều hay sanh tâm oán hận.

Sở dĩ bà con thân thích hay trách lẫn nhau. Hoặc cha mẹ trách con, hoặc con trách cha mẹ; anh em chị em hết thẩy đều hay trách lẫn nhau, và hiềm hận lẫn nhau.

Có chút gì không bằng lòng liền sanh tâm giận dữ.

Nếu giàu sang phú qúy thì nhìn nhận bà con, đua nhau đến xin; khi nghèo thiếu thì không ai để ý.

Lại nữa, càng xin càng lấy làm thiếu; càng được càng lấy làm không đủ. Trăm lần xin, trăm lần được cũng không lấy làm ơn, hơi không vừa lòng trở lại giận hờn. Từ đó đã bắt đầu ôm lòng ác niệm, nghĩ tìm cách cố ý kết thù liên họa, đời đời không thôi.

Suy ra mà biết, oán thù ba đời, thật không ai xa lạ, đều là bà con thân thích, quyến thuộc chúng ta cả.

Vậy nên biết, quyến thuộc là nhóm oan gia, chúng con không thể không hết lòng ân cần sám hối, chí tâm đầu thành đảnh lễ Tam bảo. Nguyện vì từ khi có thần thức trở lại cho đến ngày nay, cha mẹ nhiều đời, bà con nhiều kiếp, ở trong sáu đường, đã kết oán thù cùng nhau, hoặc là oán thù hay khong phải oán thù, hoặc khinh hoặc trọng, hôm nay hoặc ở trong đường địa ngục, đường ngạ quỷ, đường súc sanh, đường A-tu-la, hay ở trong nhơn đạo; hoặc ở trên các cõi Trời, hoặc ở trong các loài Tiên hay ở trong vòng bà con quyến thuộc của chúng con; như thế những người oán thù và quyến thuộc của các người ấy trong ba đời, ngày nay chúng con tên... xin đem tâmtừ bi, tâm không phân biệt

oán thân, tâm như tâm Phật, nguyện như nguyện Phật, xin thay thế hết thẩy chúng sanh ấy mà quy y thế gian Đại Từ Bi Phụ :

Nam mô Di Lặc Phật.
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật.
Nam mô Phạm Đức Phật.
Nam mô Bảo Tích Phật.
Nam mô Hoa Thiên Phật.
Nam mô Thiện Tư Nghị Phật.
Nam mô Pháp Tự Tại Phật.
Nam mô Danh Văn Y Phật.
Nam mô Lạc Thuyết Tụ Phật.
Nam mô Kim Cang Tướng Phật.
Nam mô Cầu Lợi Ích Phật.
Nam mô Du Hý Thần Thông Phật.
Nam mô Ly Ám Phật.
Nam mô Đa Thiên Phật.
Nam mô Di Lâu Tướng Phật.
Nam mô Chúng Minh Phật.
Nam mô Bảo Tạng Phật.
Nam mô Cực Cao Hạnh Phật.
Nam mô Đề Sa Phật.
Nam mô Châu Giác Phật.
Nam mô Đức Tán Phật.
Nam mô Nhựt Nguyệt Minh Phật.
Nam mô Nhựt Minh Phật.
Nam mô Tinh Tú Phật.
Nam mô Sư Tử Tướng Phật.
Nam mô Vi Lam Vương Phật.
Nam mô Phước Tạng Phật.
Nam mô Khí Ấm Cái Bồ-tát.
Nam mô Tịch Căn Bồ-tát.
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát.
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát.

Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thẩy Tam bảo, nguyện xin nhờ Phật lực, Pháp lực, Đại địa Bồ-tát lực, hết thẩy Hiền Thánh lực, khiến cho cha mẹ bà con chúng con ở trong sáu đường,

nếu người nào có oán thù và quyến thuộc các người ấy đều đồng thời vân tập đến đạo tràng này, cùng nhau sám hối tội đời trước, giải các oán thù đã kết. Nếu người nào thân hình bị câu thúc, trở ngại không thể đến được, nguyện xin nhờ thần lực của Tam bảo, thâu nhiếp tinh thần của các người ấy, khiến họ đến được đạo tràng, đem lòng từ bi thọ lãnh sự sám hối của chúng con ngày nay, nguyện mong giải thoát oán thù.

Đại chúng trong đạo tràng đều nên tâm niệm, miệng nói lời này:

Chúng con tên... từ vô thỉ, khi có thần thức trở lại cho đến ngày nay, đối với cha mẹ nhiều đời, bà con nhiều kiếp, chú bác cô dì, quyến thuộc nội ngoại, vì gốc ba độc (5) khởi ra mười nghiệp ác, hoặc vì không biết, hoặc vì không tin, hoặc vì không tu, bởi vô minh che lấp trí huệ nên sanh ra oán kết, đối với cha mẹ, bà con cho đến trong lục đạo cũng có oán thù.

Những tội như vậy vô lượng vô biên, ngày nay sám hối nguyện xin trừ diệt.

Lại từ vô thỉ trở lại cho đến ngày nay, hoặc vì giận hờn, hoặc vì tham ái, hoặc vì ngu si, do gốc ba độc mà tạo ra các tội. Tội ác như vậy, vô lượng vô biên, hổ thẹn, sám hối, nguyện xin xả thí hết.

Lại nữa, từ vô thỉ trở lại cho đến ngày nay, hoặc vì ruộng vườn, hoặc vì nhà cửa, hoặc vì tiền của mà sanh ra nghiệp oán thù, đối với bà con, cha mẹ đem tâm sát hại đủ điều. Những tội sát bấy không thể kể xiết, sanh ra oán thù không bao giờ hết. Ngày nay hổ thẹn tỏ bày sám hối, nguyện xin cha mẹ, sáu dòng bà con, hết thẩy quyến thuộc, đem lòng từ bi cho chúng con sám hối, xả bỏ tất cả tội lỗi, không còn tâm oán hận nữa. Cho đến trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, thập ác, ngũ nghịch, chúng con đều có làm cả; vì vọng tưởng điên đảo, phan duyên các cảnh, tạo ra hết thẩy tội.

Những tội như vậy vô lượng vô biên, hoặc đối với cha mẹ mà khởi ra, hoặc đối với anh em, chị em mà khởi ra, hoặc đối với cô dì, chú bác mà khởi ra, từ khi có thần thức trở lại cho đến ngày nay, đối với lục thân quyến thuộc mà khởi ra oán thù.

Những tội như vậy vô lượng vô biên. Tội nhơn khổ quả như thế phải trả báo, chịu hành phạt, kiếp số lâu mau, oán kiết nhiều ít. Chỉ có hết thẩy chư Phật, chư Đại Bồ-tát trong mười phương mới hết thấy hết, biết hết.

Như chỗ chư Phật và Bồ-tát đã thấy, đã biết, tội lượng nhiều ít, oán thù bao nhiêu, thời gian dài ngắn, đến đời vị lai mới thọ lãnh sự trả thù ấy; ngày nay chúng sinh rất hỗ thẹn, nghẹn ngào, đau khổ, tự trách,

tự hối, xin cải ác tùng thiện, không dám làm nữa.

Nguyện xin cha mẹ, bà con quyến thuộc, tất cả thân nhơn, đem tâm nhu nhuyến, tâm điều hòa, tâm lạc thiện, tâm hoan hỷ, tâm phò hộ, tâm như tâm Phật, cho chúng con tên... sám hối; xả bỏ tất cả tội lỗi cho chúng con, không tưởng đến oán thân nữa.

Lại nguyện xin cho cha mẹ bà con tất cả quyến thuộc, nếu có bị ai oán thù trong lục đạo, cũng nguyện xin tất cả chúng sanh trong lục đạo, đồng chung xả bỏ oán thù.

Hết thẩy oán thù trong ba đời nhất thời sạch hết. Từ nay trở đi cho đến ngày thành đạo, vĩnh biệt tam đồ, tuyệt bốn ác thú; tất cả điều hòa hiệp như nước với sữa, tất cả đều không chướng ngại, như hư không rộng rãi, hằng làm bà con Phật pháp, quyến thuộc từ bi. Mọi người đều tu tập vô lượng trí huệ, thành tựu tất cả công đức, dõng mãnh tinh tấn, không thôi không nghỉ, tu Bồ-tát đạo không biết mỏi mệt. Tâm đồng như tâm Phật, nguyện đồng như nguyện Phật, được pháp Tam mật (6) của chư Phật, đủ năm phần Pháp thân, cứu cánh vô thượng Bồ đề, thành bậc Chánh giác.

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng, đã giải oán kết với cha mẹ rồi, thứ lại nên giải oán kết với Sư trưởng.

Từ bậc đại Thánh trở xuống, tâm thể chưa được hoàn toàn viên tịch, vô sanh pháp nhẫn (7), còn bị ba tướng thiên diệt.

Ở địa vị Đẳng giác rồi, Phật còn phương tiện dùng lời khổ khắc, để cho những chúng sanh ác độc nhơn đó mà ngộ đạo. Bậc minh đức giáo hóa quần sanh còn nhờ lời khổ khắc ấy, huống gì phàm phu, cách tuyệt cảnh thanh tọnh, làm sao khỏi oán.

Nay thiện ác còn phức tạp, minh bạch chưa phân, làm sao tránh khỏi sự sai lầm của tam nghiệp, cho nên nghe lời này phải hỗ thẹn.

Đối với ân đức sư trưởng phải tự trách mình, lòng nên hỗ thẹn, không nên nghi ngờ mà sanh ác tâm.

Trong kinh phật dạy: “Tuy xuất gia, nhưng chưa được giải thoát, dầu được xuất gia cũng không nên tự phụ mình không có điều ác; người tại gia cũng không nên tự cho mình hoàn toàn không có điều thiện”.

Vã thôi, không nên nói việc ấy nữa. Hãy nghe lời Phật dạy trong kinh:

Phật bảo đại chúng: “Các ngươi nên nhớ ơn Sư trưởng. Cha mẹ tuy sanh thân này, nuôi dưỡng, dạy bảo, nhưng không thể làm cho thân này ra khỏi ba đường ác. Lòng từ của sư trưởng rất lớn, khuyến dụ, dắt dẫn kẽ sơ cơ, cho được xuất gia, rồi truyền trao cho đại giới (giới tỳ kheo).

Đó là kẽ sơ cơ đã hoài Thai La Hán, sẽ sanh qủa la hán, xa lìa đau khổ sanh tử và được yên vui Niết bàn. Sư trưởng có ân đức xuất thế ấy, ai hay báo đáp? Nếu người nào chung thân hành đạo, đó chỉ là tự lợi, chớ chưa phải báo đáp ân thầy".

Phật dạy: "Bạn lành trong thiên hạ không ai bằng Sư trưởng".

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng nghe Phật dạy ơn đức sư trưởng nặng như thế, nhưng chúng con chưa từng khi nào phát tâm nghĩ đến. Trái lại, có khi Sư trưởng dạy bảo còn khôg tin, không lãnh, cho đến còn nói lời thô tháo sanh tâm phỉ báng ngang ngược thị phi, làm suy đồi Chánh pháp.

Những tội lỗi như thế làm sao thoát được Tam đồ. Khổ báo ấy không ai thay thế ! Đến lúc chết rồi, vui đi khổ đến; tinh thần thảm não, tâm ý hôn mê, tinh thần không sáng suốt, năm căn tán loạn, muốn đi chân không thể bước; muốn ngồi thân không thể yên; giả sử muốn nghe thuyết pháp tai không thể nghe; muốn xem cảnh đẹp, mắt không thể thấy. Ngay lúc bấy giờ muốn nhớ lại sự lễ sám hôm nay cũng không được, chỉ có những cảnh tượng rùng rợn hung ác trong địa ngục hiện ra mà thôi.

Sở dĩ trong kinh Phật dạy: "Người ngu si tự thị không tin tội phước, hủy báng Sư trưởng, ghen ghét tật đố. Những người như vậy là ma vương trong Phật pháp, là dòng giống địa ngục, tự kết oán thù, chịu qủa đau khổ vô cùng".

Như Hoa Quang Tỳ kheo khéo thuyết pháp bí yếu, có một đệ tử thường ôm lòng kiêu mạn, Hòa thượng dạy bảo không tin, không nghe, lại nói thế nầy: "Đại Hòa thượng tôi không có trí huệ, thường hay tán thán những việc trống rỗng như hư không. Tôi nguyện đời sau không thấy Ngài nữa".

Người đệ tử ấy, từ ngày đó pháp nói phi pháp, phi phá nói là pháp. Tuy trì cấm giới không hủy phạm, nhưng vì hiểu lầm lời thấy nên sau chết rồi, trong một nháy mắt, liền đọa A tỳ địa ngục, tám mươi ức kiếp, thường chịu đại thống khổ.

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng nghe lời kinh dạy như thế ấy, mọi người há không sợ hãi sao ?

Chỉ đối với Hòa thượng sanh một lời ác, còn đạo xuống A tỳ địa ngục tám chục ức kiếp, huống nữa từ khi xuất gia trở lại cho đến ngày nay, tội lỗi đối với Hòa thương đã sanh ra ác nghiệp vô lượng vô biên. Quyết định bỏ thân này sẽ đồng tội với người đệ tử kia, sa xuống địa ngục, không còn nghi gì nữa.

Vì sao vậy? Vì Hòa thượng và A-xà-lê thường đem tâm dạy bảo, nhưng chúng con chưatừng đúng như pháp mà tu hành. Đối các bậc Sư trưởng phần nhiều chúng con hay sanh lòng trái nghịch hoặc các Ngài cung cấp cho mà không tự biết chán, biết đủ, hoặc thầy giận đệ tử, hoặc đệ tử giận thầy, trong ba đời, sự hỷ nộ vô lượng. Những tội như vậy không thể kể xiết.

Trong kinh Phật dạy : "Sanh một lòng sân, oán hận vô lượng".

Nhựng oán thù ấy không những trong sáu dòng bà con, mà sư đồ, đệ tử cũng hiềm hận lắm lắm.

Lại còn những lúc đồng phòng chung ở, đối với các bậc thượng tọa, trung hạ, hạ tọa, chúng con không thâm tín sự xuất gia là pháp viễn ly sanh tử, không biết nhẫn nhục là hạnh an lạc, không biết bình đẳng là đường vào Bồ đề, không biết xa lìa vọng tưởng là tâm xuất thế, thầy trò đồng phòng chung ở, vì kết sử phiền não, nghiệ[chướng chưa hết nên hay trái chống nhau, tâm phân biệt đột nhiên loạn khởi, nên tranh cãi nhau, sở dĩ vì vậy mà đời đời không hòa hiệp.

Lại nữa người xuất gia, hoặc là đồng học nghiệp, hoặc là đồng sư chung học trong những ngày ấy, thấy người thắng tấn, chúng con liền ôm lòng độc hại, sân hận vì ganh tị mà không tự biết đó là sức trí huệ đời trước, cho nên người có phước đức, chúng con không có thiện căn, tâm hữu lậu của chúng con hay sanh cao hạ, hay khởi đấu tranh, ít khi hòa hiệp, không thể nhường nhịn người dày đức, chúng con bạc phước, bèn hiềm hận nhau, mình quấy chỉ nói xấu người, hoặc vì ba độc mà sàm báng nhau, không có tâm trung tín, không có ý cung kỉnh, không khi nào nghĩ lại đều trái của chúng con. Cho đến cao tiếng lớn lời, nói đều thô lỗ là đều phật cấm ; những điều sư trưởng dạy bảo cũng không tin. Các bậc thượng, trung, hạ tòa, ai cũng ôm lòng phẩn hận chúng con cả. Vì phẩn hận nên lại thị phi nhau, thành ra trong ba đường ác phần nhiều điều có oán thù.

Thị phi oán thù như thế đều do thầy trò đệ tử chúng con gây ra.

Trong lúc đồng học, chung ở, thượng, trung, hạ tòa, khởi lên một niệm tâm sân hận, oán thù đã vô lượng.

Sở dĩ trong kinh phật dạy : "Đời nay có ý giận nhau, ghen ghét nhau, tật đố nhau một chút, đời sau các xấu ấy càng thêm kịch liệt, thành ra oán thù lớn, huống nữa ác ý đã phát ra trọn đời thì nghiệp báo ấy kể sao cho xiết".

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng điều không tự biết, trong lục đạo đã gây thù kết oán với các bậc sư trưởng, thượng,

trung, hạ tòa. Oán thù ấy không có ngày cùng tận.

Sự oán thù ấy không có hình tướng ; thời gian chịu khổ không có kỳ hạn, không có kiếp số, không thể chịu được. Vậy nên Bồ-tát ma ha tát xả tâm oán thân, dùng tâm từ hi, tâm bình đẳng mà thâu nhiếp tất cả chúng sanh. Ngày nay đại chúng đã cùng nhau phát Bồ đề tâm, phát Bồ đề nguyện, nên phải tu hạnh Bồ-tát, Tứ vô lượng tâm, Lục Ba-la-mật, Tứ hoằng thệ nguyện, Tứ nhiếp Pháp. Đó là sự tu hành căn bổn của chư Phật và Bố tát đã làm.

Như chư Phật và Bồ-tát đã làm, chúng con ngày nay cũng tâp làm, oán thân bình đẳng, hết thẩy không ngại nhau.

Từ nay trở đi cho đến ngày thành Phật, thề phải cứu hộ hết thẩy chúng sanh, khiến các chúng sanh đều được giải thoát.

Cùng nhau chí tâm đầu thành đảnh lễ Tam bảo, chúng con nguyện vì hết thẩy chúng sanh, trở từ khi có thần thức trở lại đây, trải qua bao nhiêu đời xuất gia, đối với các bậc Hòa Thượng, A-xà-lê, mà có oán thù, đối với các bậc đồng đàn tôn chứng, mà có oán thù, đối với quyến thuộc đồng học, thượng, trung, hạ tòa, mà có oán thù, hoặc đối với người có duyên hay vô duyên với Phật pháp mà có oán thù; rộng ra cho đến oán thù ba đời, trong tứ sanh lục đạo, khắp cùng mười phương, hoặc có oán thù hay không phải oán thù hoặc khinh hoặc trọng; đối với quyến thuộc của các người oán thù ây, đệ tử chúng con tên... nếu có oán thù với tất cả chúng sanh trong lục đạo, đến đời vị lai hay trong hiện tại, chúng con chịu trả quả báo, hôm nay chúng con nguyện xin sám hối trừ diệt hết.

Nếu tất cả chúng sanh trong lục đạo, mỗi mỗi đều oán thù với nhau, ngày nay đệ tử chúng con tên... xin đem lòng từ bi, không không phân biệt oán thân, khắp vì oán thù ba đời mà cầu xin sám hối. Nguyện xin cho các chúng sanh ấy xả bỏ oán thù, không còn nghĩ đến điều ác độc để hại nhau nữa, không còn ôm lòng độc ác đến với nhau nữa. Nguyện xin hết thẩy chúng sanh, trong lục đạo cũng đồng xả bỏ oán thù, hết thẩy đều hoan hỷ với nhau. Từ nay đã giải oán thù rồi, không còn sân hận nhau, mà cung kỉnh nhau, tâm nghỉ báo ơn nhau, như tâm chư Phật, như nguyện chư Phật; mọi người đều nhất tâm đảnh lễ quy y thế gian đại từ bi phụ :

Nam mô Di Lặc Phật.
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật.
Nam mô Kiến Hữu Biên Phật.

Nam mô Điện Minh Phật.
Nam mô Kim Sơn Phật.
Nam mô Sư Tử Đức Phật.
Nam mô Thắng Tướng Phật.
Nam mô Minh Tán Phật.
Nam mô Kiên Tinh Tấn Phật.
Nam mô Cụ Túc Tán Phật.
Nam mô Ly Uý Sư Phật.
Nam mô Ứng Thiên Phật.
Nam mô Đại Đăng Phật.
Nam mô Thế Minh Phật.
Nam mô Diệu Âm Phật.
Nam mô Trì Thượng Công Đức Phật.
Nam mô Ly Ám Phật.
Nam mô Bảo Tán Phật.
Nam mô Sư Tử Giáp Phật.
Nam mô Diệt Quá Phật.
Nam mô Trì Cam Lồ Phật.
Nam mô Nhơn Nguyệt Phật.
Nam mô Hỷ Kiến Phật.
Nam mô Trang Nghiêm Phật.
Nam mô Châu Minh Phật.
Nam mô Sơn Đảnh Phật.
Nam mô Danh Tướng Phật.
Nam mô Pháp Tích Phật.
Nam mô Huệ Thượng Bồ-tát.
Nam mô Thường Bất Ly Thế Bồ-tát.
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát.
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát.

Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thẩy Tam bảo, nguyện xin nhờ Phật lực, Pháp lực, hết thẩy Hiền Thánh lực, khiến vô lượng oán thù ba đời, hoặc oán thù hay không phải oán thù và hết thảy chúng sanh trong hư không pháp giới, đều phát tâm sám hối, cởi mở oán kết; tất cả oán thù đều xả bỏ, không còn phân biệt oán thân, tất cả đều hòa hiệp như nước với sữa, tất cả đều hoan hỷ như ở Sơ địa, tất cả đều vô ngại như hư không. Từ nay cho đến ngày thành Phật, hằng làm bà con Phật Pháp, quyến thuộc từ bi, như chư Bồ-tát.

Lại nữa, chúng con xin nhờ công đức nhơn duyên lễ bái sám hối hôm nay để cởi mở oán kết. Nguyện vì chư vị Hòa thượng các bậc A-xà -lê, đồng đàn tôn chứng, các vị đồng học và hết thẩy quyến thuộc của các bậc thượng, trung, hạ tòa, có oán thù, cho đến các chúng sanh trong bốn loài sáu đường, mỗi mỗi đều có oán thù ba đời, chưa được giải thoát, ngày nay hoặc còn ở trong thiên đạo, ở trong tiên đạo, còn ở trong A-tu-la đạo, còn ở trong địa ngục đạo, còn ở trong ngạ quỉ đạo, còn ở trong súc sanh đạo, còn ở trong nhơn đạo hay còn ở trong bà con quyến thuộc, mười phương ba đời oán thù như vậy, hoặc oán thù hay không phải oán thù, mỗi người ấy và bà con quyến thuộc của các người ấy, từ nay trở đi cho đến ngày thành phật, tất cả tội chướng, đều được tiêu diệt, tất cả oán thù đều được giải thoát, kiết tập phiền não hằng được thanh tịnh; tránh xa bốn ác thú, tự tại thọ sanh, niệm niệm giải thoát, tâm tâm tự tại, sáu Ba-la-mật đầy đủ trang nghiêm, hạnh nguyện thập địa, hoàn toàn viên mãn, được mười trí lực ccủa phật, (8), thần thông vô ngại, chứng qủa Bồ đề, thành bậc Chánh giác.

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng, biết rõ trên đây đã vì oán thù ba đời mà giải oan thích kiết rồi. Từ đây trở xuống, riêng từng cá nhân phải tự trong sạch, phải hết lòng cùng nhau tự xét ? Vì sao mà không được giải thoát ?

Nghĩ về trước, không thấy được đức Phật đối diện thọ ký cho mình, suy về sau cũng không nghe được một pháp âm của Phật phô diễn. Bởi vì nghiệp chướng sâu dày, oán kiết kiên cố cho nên không những không thấy được Phật đời trước, Phật đời sau, các vị Bồ-tát và Hiề Thánh, mà còn sợ e không nghe được âm thanh truyền hưởng, vang dội của Tam Tạng kinh điển nữa là khác. Xa cách Phật pháp thì ác đạo và thù oán không do đâu mà giải thoát. Bỏ thân mạng nầy rồi chìm xuống biển khổ luân chuyển ba đường, trải khắp ác thú, biết bao giờ trở lại thân người ?

Suy nghĩ như vậy mới thật là đau lòng, tâm tư như thế mới thấy là khổ trí.

Chúng con được hạng phúc may mắn, may nhờ thuần phong của Phật, nên cắt aí từ thân, xả gia ly tục, không còn tưởng nhớ gì nữa, há lại không tranh thủ thời gian, để cầu giải thoát. Nếu ý chí không kiên cường, quyết liệt chịu khổ, không lòng lo sợ, thoạt vậy thân lâm trọng bịnh, thân trung ấm hiện ra, thì ngưu đầu, ngục tốt, la sát, a bàng, hình tướng dễ sợ, thình lình tìm đến, gió phong đao xẻ thân, tinh thần sợ hãi,tán loạn, bà con khóc lóc cũng không hay biết. Ngay lúc bấy giờ

sanh một niệm thiện tâm, cầu lễ sám hối như ngày nay cũng không thể được, chỉ thấy vô lượng đau khổ trong ba đường ác hiện ra.

Ngày nay đại chúng đều phải nổ lực tu tập cho kịp thời, nếu cứ tùy ý phóng túng thì ý chí hướng thượng phải chậm trễ, cho nên phải cố gắng chịu khổ mà dõng mãnh tiến lên.

Vì thế trong kinh có dạy: "Từ bi là đạo tràng vì nhẫn nhục chịu khổ vậy. Phát tâm tu theo đạo tràng nầy thì mọi việc đều xong xuôi".

Vậy nên biết rằng : "Vạn thiện được trang nghiêm đều nhờ sự cố gắng nhẫn nại, cũng như muốn qua bể cả, phải nương nhờ ghe thuyền. Nếu có tâm cầu an vui thì không thể có kết qủa an vui. Lý và sự phải đi đôi với nhau. Người hết lương thực mà chỉ mơ tưởng cao lương mỹ vị, tưởng suông như vậy nào có ích gì cho sự đói khát, cần phải làm thế nào cho có cao lương mỹ vị thật sự mới được.

Vậy muốn cầu có qủa tốt đẹp nhiệm mầu quyết phải lý và sự đồng hành, không thể thiếu một.

Đại chúng phải cùng nhau sanh tâm tăng thượng, phát ý hỗ thẹn mà sám hối diệt tội giải các oán kiết. Trái cứ mê mờ theo thói cũ thì chưa biết ngày nào tỏ ngộ. Nếu mọi người đều giải thoát mà ta còn trầm luân thì ăn năng không kịp.

Đại chúng nhất tâm đầu thành đảnh lễ quy y thế gian Đại Từ Bi phụ.

Nam mô Di Lặc Phật.
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật.
Nam mô Định Nghĩa Phật.
Nam mô Thí Nguyện Phật.
Nam mô Bảo Chúng Phật.
Nam mô Chúng Vương Phật.
Nam mô Du Bộ Phật.
Nam mô An Ổn Phật.
Nam mô Pháp Sai Biệt Phật.
Nam mô Thượng Tôn Phật.
Nam mô Cực Cao Đức Phật.
Nam mô Thượng Sư Tử Âm Phật.
Nam mô Lạc Hý Phật.
Nam mô Long Minh Phật.
Nam mô Hoa Sơn Phật.
Nam mô Long Hỷ Phật.

Nam mô Hương Tự Tại Vương Phật.
Nam mô Đại Danh Phật.
Nam mô Thiên Lực Phật.
Nam mô Đức Man Phật.
Nam mô Long Thủ Phật.
Nam mô Thiện Hành Y Phật.
Nam mô Nhơn Trang Nghiêm Phật.
Nam mô Trí Thắng Phật.
Nam mô Vô Lượng Nguyệt Phật.
Nam mô Thực Ngữ Phật.
Nam mô Nhật Minh Phật.
Nam mô Dược Vương Bồ-tát.
Nam mô Dược Thượng Bồ-tát.
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát.
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát.

Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thẩy Tam bảo, đệ tử chúng con tên... tích tập tội chướng sâu dày hơn đại địa bị vô minh che lấp tâm tánh, trong đêm dài mờ mịt, do ba độc mà tạo nhơn thù oán, nên mê muội, chìm sâu trong ba cõi không có ngày ra.

Ngay nay nhờ sức từ bi của chư Phật, chư đại Bồ-tát mới mong giác ngộ, sanh tâm hổ thẹn, chí thành cầu xin tỏ bày sám hối. Nguyện xin chư Phật, chư đại Bồ-tát dũ lòng từ bi thâu nhiếp chúng con, đem sức đại trí huệ, sức bất tư nghì, sức vô lượng tự tại, sức hàng phục tứ ma, sức diệt trừ phiền não, sức giải oan kiết, sức độ thoát chúng sanh, sức an ổn chúng sanh, sức giải thoát địa ngục, sức tế độ ngạ quỉ, sức cứu vớt súc sanh, sức nhiếp hóa A-tu-la, sức nhiếp thọ nhơn đạo, sức tận chư Thiên chư Tiên hữu lậu, sức vô lượng vô biên công đức, vô lượng vô tận trí huệ, nhờ những sức lực ấy khiến các chúng sanh có oán thù trong bốn loài sáu đường, đồng đến đạo tràng thọ lãnh sự sám hối của chúng con hôm nay.

Chúng con tên... xả bỏ tất cả sự thù oán, không còn tư tưởng oán thù. Những nghiệp oán thù đã kết đều được giải thoát. Hằng lìa tám nạn khổ, không còn bốn ác thú, thường gặp được chư Phật, nghe Pháp, ngộ Đạo, phát tâm Bồ đề, tu nghiệp xuất thế. Tứ vô lượng tâm, sáu Ba-la-mật hết lòng tu tập, tất cả hạnh nguyện đều được viên mãn, đồng lên Thập địa, đồng vào Kim cang, đồng thành Chánh giác.

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng nên nhận thấy

rằng : Oán thù theo nhau đều do ba nghiệp (9) đày đạo con nguười tu hành phải chịu khổ báo, khó chứng đạo qủa.

Đã biết nguồn gốc đau khổ, đều do ba nghiệp thì phải dõng mãnh diệt trừ ba nghiệp. Điều khiện thiết yếu dùng để diệt khổ, duy chỉ có phương pháp sám hối. Cho nên trong kinh Phật khen ngợi rằng : "Ở đời chỉ có hai hạng người mạnh nhất: Một hạng người không tạo tội, hai là người tạo tội rồi, mà biết ăn năng sám hối".

Ngày nay đại chúng muốn sám hối, thân tâm đều phải trong sạch, y phục chỉnh tề, sanh lòng hổ thẹn, buồn thảm áo não, sanh hai niệm tâm thì tội gì cũng diệt, phước gì cũng sanh.

Những gì là hai?

Một là biết hổ, hai là biết thẹn. Hổ là xấu hổ với trời, thẹn là thẹn thùng với người. Hổ là tự mình hay sám hối, diệt trừ các oán thù. Thẹn là hay dạy bảo người cởi mở các sự trói buộc. Hổ là hay làm các điều thiện. Thiện là hay tùy hỷ cá việc thiện của người. Hổ là tự xấu hổ trong tâm. Thẹn là phát lồ, tỏ bày tội lỗi với người.

Nhờ hai pháp ấy mà người tu hành dược pháp an vui vô ngại.

Ngày nay đã sanh tâm hổ thẹn, làm lễ đại sám hối, nên phải hết lòng cầu xin tứ sanh lục đạo. Vì sao vậy?

Vì trong kinh Phật dạy rằng: "Tất cả chúng sanh đều là bà con quyến thuộc với nhau, hoặc đã từng làm cha mẹ, hoặc đã từng làm Sư trưởng, cho đến hoặc đã làm anh em chị em với nhau. Hết thẩy chúng sanh đều như thế. Bởi vô minh che lấp chơn tánh nên không biết nhau. Vì không biết nên hay sanh ra súc não và oán thù nhau mãi mãi".

Ngày nay đại chúng đã hiểu biết ý ấy, nên phải hết lòng cầu khẩn tha thiết dụng tâm, quyết khiến một niệm tâm cảm mười phương Phật, một lạy đoạn trừ vô lượng oán thù.

Đại chúng nhất tâm đầu thành đảnh lễ quy y thế gian Đại Từ Bi phụ:

Nam mô Di Lặc Phật.
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật.
Nam mô Định Y Phật.
Nam mô Vô Lượng Hình Phật.
Nam mô Minh Chiếu Phật.
Nam mô Bảo Tướng Phật.
Nam mô Đoạn Nghi Phật.
Nam mô Thiện Minh Phật.

Nam mô Bất Hư Bộ Phật.
Nam mô Giác Ngộ Phật.
Nam mô Hoa Tướng Phật.
Nam mô Sơn Chủ Vương Phật.
Nam mô Đại Oai Đức Phật.
Nam mô Biến Kiến Phật.
Nam mô Vô Lượng Danh Phật.
Nam mô Bảo Thiên Phật.
Nam mô Trú Nghĩa Phật.
Nam mô Mãn Ý Phật.
Nam mô Thượng Tán Phật.
Nam mô Vô Ưu Phật.
Nam mô Vô Cấu Phật.
Nam mô Phạm Thiên Phật.
Nam mô Hoa Minh Phật.
Nam mô Thân Sai Biệt Phật.
Nam mô Pháp Minh Phật.
Nam mô Tận Kiến Phật.
Nam mô Đức Tịnh Phật.
Nam mô Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát.
Nam mô Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ-tát.
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát.
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát.

Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thẩy Tam bảo.

Nguyện xin Tam bảo đồng gia tâm nhiếp thọ cho chúng con.

Chúng con tên... cầu xin: Những điều sám hối đều được diệt trừ, đều được thanh tịnh.

Lại nguyện xin cho những người đồng sám hối hôm nay từ nay trở đi cho đến ngày thành Phật, tất cả oán thù đều được giải thoát, tất cả thống khổ đều được tiêu diệt hoàn toàn; kiết tập phiền não hằng được thanh tịnh. Xa lìa bốn ác thú, tự tại thọ sanh đích thân hầu hạ chư Phật, được Phật thọ ký, lục độ, tứ đẳng, nhất thời đồng tu, đủ bốn biện tài, được mười trí lực, tướng tốt nghiêm thân, thần thông vô ngại, vào kim cang tâm, thành bậc Chánh giác.

TỪ BI ĐẠO TRÀNG SÁM PHÁP
QUYỂN THỨ TƯ
(HẾT)

CUỐI QUYỂN NĂM

Lương Hoàng Bảo Sám.
Chí công tuyên dương,
Cửu trùng cung điện phóng hòa quang.
Hy thị miễn tai ương.
Cảm tạ quân vương.
Thoát khổ thượng thiên đường.
Lương Hoàng Bảo Sám,
Vạn đức hồng danh.
Linh văn ngũ quyển tối hoằng thâm.
Tự tại miễn tai truân.
Đảnh lễ Phật danh.
Tiêu tai an bảo ninh.

Nam Mô Nan Thắng Địa Bồ-tát Ma Ha Tát. (3 lần)

CUNG VĂN:

Diệu tướng nguy nguy, lệ trung thiên chi cảo nhật. Từ phong đản đản chấn đại địa chi xuân lôi. Sái cam lộ ư trần tâm, quán đề hồ ư sa giới. Hữu cầu giai ứng, vô nguyện bất tòng. Như lai thư ngũ nhãn chi quang minh, dung hội tác ngũ thời chi Phật sự.

Thượng lai phụng vì cầu sám đệ tử đẳng... tu sùng từ bi đạo tràng sám pháp, kim đương đệ tử ngũ quyển, lễ tụng cáo chung, công huân tương bị. Tập ngũ đức chi cao lưu, chiêm ngũ thiên chi diệu tướng, nhiên ngũ phận chi chơn hương, điểm ngũ phương chi huệ cự. Kệ tán nhất âm, hoa phi ngũ sắc, cúng bỉnh gia vi cần hiến, lễ phật hiệu ư quy khuynh. Tác quán, tụng kinh, thù công, dị đức; tiên thân hồi hướng Phật Bồ đề, nhiên hậu phổ huân châu sa giới, xuất sanh thù lợi, phụng vì cầu sám đệ tử đẳng... Sám vị sám chi tội cấu, tập vị tập chi thắng nhơn. Phục nguyện ngũ uẩn chi vân tự không, ngũ suy chi tướng bất hiện. Ngũ căn ngũ lực nhi cụ túc. ngũ cái ngũ triền dĩ tiêu dung. Phát minh ngũ chủng chi tâm hoa. Trì thủ ngũ chi tịnh giới. Hiện tồn quyến thuộc hy ngũ phước dĩ hàm trân. Qúa khứ tôn thân đắc ngũ minh nhi thành tựu. Minh minh u trầm chi loại khổ luân tức, nhi cọng chứng Bồ đề. Cừu thù chấp đối chi đồ, oan nghiệp giải nhi đồng sanh thiện đạo.

Lược lược vi văn hối quá, tế tế nghiệp quả nan trừ. Nhất nhất ngưỡng ư truy lưu, trùng trùng cầu ư sám hối.

Nam Mô Sám Hối Sư Bồ-tát Ma Ha Tát (3 lần).

Lương Hoàng Bảo Sám.

Ngũ quyển công đức lực, nguyện diệt công đức đẳng... ngũ chướng tội, thân chứng Bồ-tát Nan Thắng Địa.

Sám vân cử xứ tội hoa phi.
Giải liểu oan, sám liểu tội.
Tiệu tai tăng phước thọ.
Thoát khổ sanh Đao lợi.
Giải liểu oan, sám liểu tội.
Triêu diêu trực nhập Long Hoa hội.
Long hoa tam hội nguyện tương phùng.
Di Lặc Phật tiền thân thọ ký.

Nam Mô Long Hoa Hội Bồ-tát Ma Ha Tát (3 lần).

Lương Hoàng Bảo Sám.
Ngũ quyển dĩ toàn châu.
Hồi hướng tứ ân tịnh tam hữu.
Bái sám chúng đẳng tăng phước thọ.
Nguyện tương pháp thủy tẩy khiên vưu.
Duy nguyện vong giả vãng Tây du.
Nan Thắng Địa Bồ-tát.
Duy nguyện ai nạp thọ.

Nam Mô Đăng Vân Lộ Bồ-tát Ma Ha Tát. (3 lần)

Ma Ha Bát Nhã Ba-la-mật Đa tâm kinh...

■

TỪ BI ĐẠO TRÀNG SÁM PHÁP

QUYỂN THỨ SÁU

CHƯƠNG THỨ CHÍN: GIẢI OAN THÍCH KIẾT (Tiếp Theo)

Ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng trước hết là hướng về nơi tứ sanh lục đạo mà sám hối ác nghiệp của thân.

Kinh dạy rằng:

"Có thân thời có khổ không thân thời không khổ"

Thế thì thân này là nguồn gốc của khổ.

Những ác báo khốc liệt trong ba đường dữ đều do thân mà có. Chứ chưa thấy việc gì người làm mình chịu, hay mình làm người chịu. Mình làm mình chịu. Mình gây nhơn mình tự chịu quả.

Nếu tạo thành một nghiệp, tội đã không bờ bến, huống nữa chung thân làm ác, tội biết bao nhiêu?

Nay ta chỉ biết có thân ta, không biết có thân người, chỉ biết có ta đau khổ, không biết có người đau khổ.

Chỉ biết có ta cầu an vui, không biết người cùng cầu an vui.

Vì ngu si nên chúng ta sanh tâm bỉ ngã, sanh tưởng oán thân, nên có oán thù cùng khắp lục đạo.

Nếu không giải oán kiết thì biết lúc nào ra khỏi lục đạo, cứ ở mãi trong ấy kiếp này sang kiếp khác, há không đau lòng sao?

Hôm nay Đại chúng khởi tâm dõng mãnh sanh đại hổ thẹn, làm lễ đại sám hối, quyết lòng khiến một niệm cảm mười phương Phật, một lạy đoạn trừ vô lượng oán kiết. Đồng nhau một lòng tha thiết đảnh lễ quy y Thế gian Đại từ bi phụ:

Nam mô Di Lặc Phật
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam mô Nguyệt Diện Phật
Nam mô Bảo Đăng Phật
Nam mô Bảo Tứ Phật

Nam mô Thượng Danh Phật
Nam mô Tác Danh Phật
Nam mô Vô Lượng Âm Phật
Nam mô Vi Lam Phật
Nam mô Sư Tử Thân Phật
Nam mô Minh Ý Phật
Nam mô Vô Năng Thắng Phật
Nam mô Công Đức Phẩm Phật
Nam mô Nguyệt Tứ Phật
Nam mô Đắc Thế Phật
Nam mô Vô Biên Hạnh Phật
Nam mô Khai Hoa Phật
Nam mô Tịnh Cấu Phật
Nam mô Kiến Nhất Thế Nghĩa Phật
Nam mô Dõng Lực Phật
Nam mô Phú Túc Phật
Nam mô Phước Đức Phật
Nam mô Tùy Thời Phật
Nam mô Quảng Ý Phật
Nam mô Công Đức Kỉnh Phật
Nam mô Thiện Tịnh Diêt Phật
Nam mô tài Thiện Phật
Nam mô Khánh Âm Phật
Nam mô Đại Thế Chí Bồ-tát
Nam mô Thường Tinh Tấn Bồ-tát
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát
Nam mô Quán Thế Âm Bồ-tát.

Lại quy y như mười phương tận hư không giới hết thảy Tam bảo.

Nguyện xin nhờ Phật lực, pháp lực, Bồ-tát lực và hết thảy hiền Thánh lực khiến tất cả chúng sanh có oán thù trong tứ sanh lục đạo đồng đến đạo tràng. Mọi người trong Đại chúng đều sám tạ, tâm niệm miệng nói lời như thế này:

Chúng con tên... từ vô thỉ vô minh chú địa trở lại cho đến ngày nay do vì nhơn duyên ác nghiệp của thân, hoặc đối với các cõi trời, cõi người mà gây thù kết oán, hoặc đối với loài A-tu-la loài địa ngục mà gây thù kết oán, nguyện nhờ Phật lực, pháp lực, Bồ-tát lực, và hết thảy hiền Thánh lực, khiến các chúng sanh có tâm oán hận ba đời, ở trong tứ

sanh lục đạo, hoặc có oán thù hay không, phải oán thù hoặc khinh hoặc trọng, nhờ sự sám hối hôm nay mà tội lỗi đều tiêu diệt, thân tâm được thanh tịnh, không còn chịu đau khổ trong ba cõi. Sanh ra nơi nào cũng thường gặp được chư Phật.

Lại nữa, những người hiện đồng sám hối hôm nay, từ vô thỉ sanh tử trở lại cho đến ngày nay vì nhơn duyên ác nghiệp của thân mà gây oán kết thù với hết thảy chúng sanh trong ác đạo, hoặc do vì sân hận, hoặc do vì tham ái, hoặc do vì ngu si, từ ba độc căn ấy mà sanh ra mười ác nghiệp: ưa giết hại gia cầm thú, đoạn mang trâu dê.... hoặc vì ruộng vườn, hoặc vì nhà cửa, hoặc vì tiền tài, trở lại giết hại lẫn nhau. Lại nữa, từ vô thỉ trở lại cho đến ngày nay, hoặc vì lợi dưỡng mà giết lầm chúng sanh, hoặc giả làm thầy thuốc châm chích bách tánh, những tội như vậy, oán thù vô lượng, ngày nay sám hối, nguyện xin trừ diệt.

Lại nữa, từ vô thỉ cho đến ngày nay, hoặc làm chúng sanh đói khát, hoặc dựt lương thực của người, hoặc bức ép chúng sanh uông mặn, nuốt đắng, hoặc đoạn nước uống của người; bao nhiêu nghiệp ác như vậy, sanh ra oán thù, ngày nay sám hối nguyện xin trừ diệt.

Lại nữa từ vô thỉ trở lại cho đến ngày nay, xa lìa minh thư thân cận bạc ác, do thân ba nghiệp tạo bao nhiêu tội, buông lòng giết hại người vô tội cách yểu uổng; hoặc phá triệt ao hồ, bít lấp ngòi rảnh, não hại các loài lớn bé dưới nước, hoặc thiêu đốt núi rừng, hoặc bủa răng chài lưới sát hại tất cả chúng sanh dưới nước. Oán thù như vậy vô lượng vô biên ngày nay sám hối nguyện xin trừ diệt.

Lại nữa từ vô thỉ trở lại cho đến ngày nay, tâm không từ bi, hạnh không bình đẳng, vặn càn bẻ móc, vào già ra non, (đong đầy gạt lưng) xâm lấn người hèn hạ, hoặc phá hoại làng xóm của người, dành dựt cướp đoạt, cấp trộm của người để cung cấp cho mình, thiếu lòng thành tín, sát hại lẫn nhau. Những oán thù như vậy vô lượng vô biên, ngày nay sám hối nguyện xin trừ diệt.

Lại nữa từ vô thỉ trở lại cho đến ngày nay tâm không từ bi, hạnh không từ bi, đối với chúng sanh trong sáu đường làm đủ mọi điều khổ sở, hoặc đánh đập bà con, không kể đạo tình quyến thuộc, hoặc trói buộc giam cầm ngục tối, hoặc tra khảo ngửa nghiêng, đấm bấn thương tích, hủy hoại thân thể, chém chặt tàn hại, lột da xẻ thịt, nấu nướng chiên xào.

Những oán thù như vậy vô lượng vô biên, ngày nay sám hối nguyện xin trừ diệt.

Lại nữa từ vô thỉ trở lại cho đến ngày nay do ba ác nghiệp của

thân, bốn ác nghiệp của miệng, ba ác nghiệp của ý, tạo ra những tội tứ trọng ngũ nghịch, bao nhiêu tội ác đều làm hết.

Tự ỷ mình tuổi cao mạng lớn, không sợ quỉ thần, chỉ sợ mình không hơn người, sợ người hơn mình, hoặc ỷ thế cao dòng lớn họ mà khinh người ngạo vật, gây ra oàn thù như vậy, hoặc ỷ mình nghe nhiều hiểu rộng mà khinh người ngạo vật, gây ra oán thù như vậy, hoặc vì văn chương kỹ nghệ mà khinh người ngạo vật, gây ra oán thù như vậy, hoặc vì khoe giàu, xa xỉ mà khinh người ngạo vật gây ra oán thù như vậy, hoặc vì ăn nói sắc sảo mà khinh người ngạo vật gây ra oán thù như vậy.

Những oán thù ấy hoặc đối bên hình tượng Phật Thánh, không tâm cung kỉnh mà sanh ra, hoặc đối với Hòa thượng, A-xà-lê mà sanh ra, hoặc đối với các bậc thượng tọa, Trung tọa, Hạ tọa chung ở với nhau mà sanh ra, Hoặc với quyến thuộc của những người đồng tu học mà sanh ra, hoặc đối với cha mẹ bà con thân thích mà sanh ra.

Những oán thù như vậy vô lượng vô biên, ngày nay sám hối, nguyện xin trừ diệt.

Lại nữa từ vô thỉ trở lại cho đến ngày nay, hoặc đối với các loài trời, loài người mà sanh ra thù kết oán, hoặc đối với loài A-tu-la, loài địa ngục mà sanh ra thù kết oán, hoặc đối với loài súc sanh, loài ngạ quỉ mà sanh ra thù kết oán, rộng ra cho đến đối với hết thảy các loài chúng sanh trong mười phương mà gây ra thù kết oán.

Những tội ác ấy vô lượng vô biên, ngày nay sám hối, nguyện xin trừ diệt.

Lại nữa, chúng con tên.... từ vô thỉ trở lại cho đến ngày nay, hoặc vì tật đố, hoặc vì siểm khúc để cầu mình hơn người, hoặc vì danh dự, hoặc vì quyền lợi mà theo ngoại đạo tà kiến không biết hổ thẹn, gây thù kết oán như vậy, hoặc nặng hoặc nhẹ, tội nhơn khổ quả, số lượng nhiều ít, chỉ có chư Phật, chư đại Bồ-tát mới thấy hết, biết hết.

Nguyện xin chư Phật chư đại Bồ-tát dủ lòng thương xót chúng con. Như chúng con từ vô thỉ trở lại đây đã tạo ra bao nhiêu tội lỗi, hoặc tự làm, hoặc dạy người làm, hoạc thấy người làm sanh tâm tùy hỷ; hoặc chúng con tự lấy của Tam bảo, hặoc dạy người lấy của Tam bảo, hặoc thấy người lấy mà sanh tâm tùy hỷ, hoặc có che giấu hoặc không che giấu, các tội nói trên, như chỗ chư Phật, chư Đại Bồ-tát đã thấy, đã biết, tội lượng nhiều ít. Dáng đọa đĩa ngục, ngạ quỉ, súc sanh, sa vào các đường ác, biên địa hạ tiện để chia các oán thù, ngày nay chúng con sám hối nguyện xin trừ diệt hết.

Thần lực của chư Phật không thể nghĩ bàn, xin Phật dủ lòng từ bi cứu vớt hết thảy chúng sanh.

Chúng con tên.... nay hướng về tứ sanh lục đạo, cha mẹ, Sư trưởng hết thảy bà con quyến thuộc mà sám hối tội đã làm cởi mở oán thù. Nguyện xin Tam bảo khiến hết thảy chúng sanh trong lục đạo, có tâm oán thù chúng con, đều hoan hỷ xả bỏ tất cả oán thù, không còn sanh tâm phân biệt oán thân, đối với nhau đều vô ngại như hư không.

Nguyện xin từ nay trở đi cho đến ngày thành Phật đoạn trừ hết kiết tập phiền não....

Ba nghiệp thanh tịnh không còn oán hận, tùy ý sanh lên thiên cung bảo điện, tứ vô lượng tâm, lục Ba-la-mật thường hay tu hành, trăm phước nghiêm thân, vạn thiện đầy đủ, an trú vào nơi đại định Thủ lăng nghiêm, chứng thân kim cang. Trong khoảng một niệm, hiện thân khắp sáu đường, tế độ hết thảy chúng sanh đồng lên Đạo tràng, thành bậc Chánh giác.

Hôm nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng đã sám hối được thân tội, thì thân nghiệp được thanh tịnh. Còn lỗi của khẩu nghiệp nay phải sám hối. Khẩu nghiệp là cái họa môn của hết thảy oán thù. Cho nên các đức Phật đều dạy không được nói hai lưỡi, nói hung ác, nói dối, nói thêu dệt. Nên biết lời nói dua nịnh quanh co, hoa mỵ hay đem lại thị phi tai họa không phải là ít, mắc phải quả báo rất nặng.

Than ôi! Người đời, tâm ôm lòng ác độc, miệng nói lời ác độc, thân làm việc ác độc, do ba điều ấy mà hại chúng sanh bị độc hại liền kết oán hận, thề quyết báo thù, hoặc đời này toại nguyện, hoặc chết rồi mang theo. Chúng sanh kết oán như vậy khắp cả lục đạo để báo thù nhau, không bao giờ cùng tận.

Báo thù nhau như vậy đều do túc nghiệp đời trước đã gây ra, chớ không phải vô cớ, không có nguyên nhơn.

Thân ba nghiệp, miệng bốn nghiệp. Những nghiệp ấy mới thật là nguồn gốc của tội ác.

Người tại gia không trung hiếu chết vào núi Thái sơn, chịu sự thảm khốc của lửa nóng, nước sôi. Người xuất gia không vì Phật pháp sau sẽ sanh về chỗ của người ác thường ở để chịu oán thù. Oán thù theo nhau như thế đều do ba nghiệp.

Trong ba nghiệp ấy khẩu nghiệp nặng nhất, cho nên phải mắc đủ thứ quả báo đau khổ, trong đêm dài mù mịt mà không hay biết.

Ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng biết rằng chúng ta sở dĩ luân hồi mãi trong lục đạo đều do khẩu nghiệp, hoặc buông lời

khinh khi thô tháo, miệng nói sắc xảo biện bác xảo lanh, nói lời phù phiếm, dối trá quỉ quyệt, lời nói không đi đôi với việc làm, nên mắc phải ác báo nhiều kiếp không thôi.

Vậy Đại chúng đâu có thể không sợ hãi, không hết lòng sám hối, không tẩy trừ tội lỗi ấy đi.

Chúng con từ khi có thần thức trở lại cho đến ngày nay khẩu nghiệp bất thiện, không tốt với tứ sanh lục đạo, cha mẹ Sư trưởng tất cả bà con, không có điều ác gì của các người ấy mà chúng con không tuyên truyền. Chúng con nói lời thô xẳn phát tiếng bạo hoạnh hủy báng chê bai, bạn bè chơi nhỏi nhóm họp mà nói xấu, nói lời vô nghĩa. Chỉ không nói có, chỉ có nói không, thấy nói không, không thấy nói có. Nghe nói không nghe, không nghe nói nghe, làm nói không làm, không làm nói làm.

Nói ngược nói xuôi như vậy, đảo lộn trời đất, để lợi mình hại người dèm chê lẫn nhau.

Nói đến mình thì bao nhiêu phước đức đều quy tụ về cho mình. Nói đến người thì bao nhiêu đều ác độc đều đổ xô về cho người.

Cho đến khen chế tố cáo Thánh Hiền, so lường vua tôi, cân nhắc cha con, cơ hiềm Sư trưởng, hủy báng thiện tri thức, vô đạo, vô nghĩa, không ngó lại tai nạn u ách ở đời tán hình mất mạng, đời sau thống khổ vĩnh kiếp mắc phải quả báo ác.

Vả chăng vừa cười giỡn đó, trong khoảnh khắc liền chịu vô lượng trọng tội, huống nữa, dùng lời ác mà làm hại cho tất cả.

Đệ tử chúng con, cùng nhau từ vô thỉ trở lại cho đến ngày nay do khẩu ác nghiệp, đối với các loài trời, loài người mà có oán thù đối với loài A-tu-la loài địa ngục mà oán thù, đối với loài ngạ quỉ, loài súc sanh mà có oán thù, đối với cha mẹ, Sư trưởng và tất cả bà con mà có oán thù, đệ tử chúng con tên.... do lòng từ bi, đồng tu như Bồ-tát, đồng nguyện như Bồ-tát, xin thay thế cho tất cả chúng sanh mà đảnh lễ quy y, thế gian Đại từ bi phụ:

Nam mô Di Lặc Phật
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam mô Tịnh Đoạn Nghi Phật
Nam mô Vô Lượng Trì Phật
Nam mô Diệu Lạc Phật
Nam mô Bật Phụ Phật
Nam mô Vô Trú Phật
Nam mô Đắc Xoa Ca Phật

Nam mô Chúng Thủ Phật
Nam mô Thế Quang Phật
Nam mô Đa Đức Phật
Nam mô Phất Sa Phật
Nam mô Vô Biên Oai Đức Phật
Nam mô Ý Nghĩa Phật
Nam mô Dược Vương Phật
Nam mô Doạn Ác Phật
Nam mô Vô Nhiệt Phật
Nam mô Thiện Điều Phật
Nam mô Danh Đức Phật
Nam mô Dõng Đức Phật
Nam mô Hoa Đức Phật
Nam mô Kim Cang Quân Phật
Nam mô Đại Đức Phật
Nam mô Tịch Diệt Ý Phật
Nam mô Hương Tượng Phật
Nam mô Na La Diên Phật
Nam mô Thiện Trú Phật
Nam mô Bất Hưu Tức Bồ-tát
Nam mô Diệu Âm Bồ-tát
Nam mô Vô biên Thân Bồ-tát
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát

Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thảy Tam bảo.

Nguyện xin nhờ Phật lực, Pháp lực, Bồ-tát lực, Hiền Thánh lực, khiến tất cả chúng sanh trong tứ sanh lục đạo giác ngộ trở lại mà đến Đạo tràng.

Nếu người nào có thân hình bị câu thúc trở ngại, có tâm mà không đến được, nguyện xin nhờ Phật lực, Bồ-tát lực, Hiền Thánh lực thâu nhiếp tinh thần của những người ấy khiến tất cả đều đến được Đạo tràng nầy, thọ lãnh sự sám hối khẩu nghiệp của chúng con; từ vô thỉ vô minh trú địa trở lại cho đến ngày nay vì nhơn duyên của nghiệp ác khẩu, đối với chúng sanh trong lục đạo, tạo ra đủ mối oán thù, nguyện xin nhờ sức oai thần của Tam bảo khiến cho tất cả oán thù kết lại trong ba đời của tứ sanh lục đạo, nhơn sám hối này mà được trừ diệt.

Chúng con tên... từ vô thỉ trở lại cho đến ngày nay hoặc vì sân

khuể, hoặc vì tham ái, hoặc vì ngu si, từ ba độc căn, tạo mười ác hạnh do bốn ác nghiệp của miệng tạo ra vô lượng tội. Hoặc do ác khẩu mà não loạn cha mẹ, Sư trưởng quyến thuộc, và tất cả chúng sanh; hoặc đối với cha mẹ khởi ra nghiệp nói dối; hoặc đối với Sư trưởng khởi ra nghiệp nói dối; hoặc đối với quyến thuộc khởi ra nghiệp nói dối; hoặc đối với tất cả chúng sanh khởi ra nghiệp nói dối; hoặc thấy nói không thấy, không thấy nói thấy; hoặc nghe nói không nghe, không nghe nói nghe; hoặc biết nói không biết, không biết nói biết; hoặc vì kiêu mạn, hoặc vì tật đố khởi ra nghiệp nói dối.

Những tội ác như vậy vô lượng vô biên ngày nay sám hối nguyện xin trừ diệt.

Lại nữa từ vô thỉ trở lại cho đến ngày nay khởi ra nghiệp hai lưỡi, thọ lãnh lời ác của người khác không thể che giấu; đến người này nói người kia, đến người kia nói người này; làm cho người này chia rẽ người kia, làm cho người kia đau khổ; hoặc vì cười giỡn, làm cho hai bên đấu tranh nhau, cốt nhục chia lìa; phá quyến thuộc của người, sàm loạn quân thần nhiễu hại tất cả.

Những tội như vậy vô lượng vô biên ngày nay sám hối nguyện xin trừ diệt.

Lại nữa từ vô thỉ trở lại cho đến ngày nay, tạo tội ỷ ngữ, nói lời vô nghĩa, lời không lợi ích hoặc làm phiền não cha mẹ; hoặc làm phiền não Sư trưởng; hoặc làm phiền não bạn đồng học, cho đến đối với hết thảy chúng sanh trong lục đạo khởi tâm não hại.

Như vậy khẩu nghiệp khởi ra oán thù vô lượng vô biên ngày nay sám hối nguyện xin trừ diệt.

Nguyện nhờ Phật lực, Pháp lực, Bồ-tát lực và hết thảy Hiền Thánh lực, ngày nay chúng con sám hối, khiến cho tất cả oán thù ba đời trong bốn loài sáu đường, hết thảy sự gây thù kết oán hoàn toàn giải thoát, bao nhiêu tội nghiệp đều tiêu trừ, hoàn toàn không trở lại gây thù kết oán nữa, không đọa trở lại trong ba đường kết oán nữa, rốt ráo không trở lại trong lục đạo hòng làm khổ sở độc hại nhau nữa.

Từ nay trở đi xả bỏ tất cả oán thù không còn phân biệt oán, thân, tất cả đều hòa hiệp như nước và sữa hằng lám pháp thân, từ bi quyến thuộc.

Từ nay trở đi cho đến ngày thành Phật, không còn trở lại chịu quả báo trong ba cõi, đoạn ba nghiệp chướng, trừ năm bố úy, tứ vô lượng tâm, lục Ba-la-mật tăng tấn thâm tu, hành đạo đại thừa, vào trí huệ Phật. Hết thảy hạnh nguyện đầy như biển cả. Lục thông Tam minh, thầy

đều thông suốt, chứng pháp Tam mật đủ năm phần pháp thân, phát kim cang huệ, thành quả chủng trí.

Ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng đã được sám hối thân nghiệp rồi; khẩu nghiệp rồi; thứ lại sám hối ý nghiệp cho được thanh tịnh.

Hết thảy chúng sanh luân hồi sanh tử, không được giải thoát đều do ý nghiệp.

Thập ác ngũ nghịch kiết tập kiên cố quyết định đều do ý nghiệp. Cho nên Phật dạy rằng: Không đoạn được tham dục sân nhuế và ngu si tà kiến, thì sau phải đọa địa ngục chịu khổ vô cùng. Ngày nay Đại chúng đã cùng nhau nhận thấy rằng: Cái tâm nó thúc đẩy cái thức làm việc cũng như vua chỉ huy tất cả đình thần.

Miệng nói lời ác, thân làm việc ác, nên hay chiêu tập quả báo khổ kịch liệt trong sáu đường.

Nên biết rằng; Thân bị hủy diệt tan mất, việc ấy là do tâm đạo. Nay muốn sám hối trước phải đoạn trừ cái tâm, sau mới đánh dẹp cái ý. Vì cớ gì vậy? Kinh dạy rằng: "Chế ngự tâm lại một chỗ thì việc gì cũng xong".

Vậy thì tâm trong sạch đó là nguồn gốc của giải thoát; ý thanh khiết đó là nền tảng của tiến hóa.

Được như thế thì quả báo kịch luệt nơi tam đồ không lại, mà thống khổ vô cùng trong ác đạo cũng chẳng qua. Nhưng thân nghiệp, khẩu nghiệp thô thiển bên ngoài dễ trừ. Y nghiệp rất vi tế bên trong thật là khó trừ. Như Lai là bậc Đại Thánh, nhất thế trí. Nhơn đối với thân, khẩu, ý mới không cần giữ gìn, phàm phu ngu muội mê lắm, dám không cẩn thận hay sao?

Nếu không đánh dẹp ba nghiệp làm cho ba nghiệp thanh tịnh, thì chưa thấy điều lành của ba nghiệp.

Vì thế nên kinh dạy rằng: "Phòng ngừa cái ý như canh gác cửa thành, gữi gìn cái miệng như bưng kín miệng binh".

Như thế chúng con không giám gữi gìn ba nghiệp hay sao. Chúng con từ vô thỉ trở lại cho đến ngày nay, thọ thân này do vô minh phát khởi ra ái dục, làm cho thêm lớn đường sanh tử và cũng hay làm đầy đủ mười hai điều đau khổ tám tà tám nạn, luân hồi lưu chuyển trong tâm đồ lục đạo, không có chỗ nào là không trải qua. Chịu vô lượng khổ trong những chỗ như vậy đều do ý nghiệp cấu tạo, sanh ra oán thù. Ý nghiệp niệm niệm phan duyên, chưa từng tạm xả, kích động lục căn, chạy khắp ngũ thể. Những ác nghiệp nặng hay nhẹ đều do ý tạo ra cả.

Nếu thân và khẩu chưa vừa ý thì tâm càng thêm giận dữ độc ác, bèn sát hại nhau, không thương xót.

Như chúng con hơi có chút ghẻ ngứa đã không thể chịu được, giả sử việc ấy ở nơi người khác thì cho sự đau khổ không bao nhiêu.

Thấy lỗi của người lòng muốn tuyên truyền nói ra, tự mình có lỗi không muốn người khác nghe biết. Có tâm niệm như vậy thật là xấu hổ.

Lại nữa ý khởi sân hận là mở đường rộng lớn, rước oán tặc vào tâm. Sở dĩ trong kinh Phật dạy rằng: "Giặc cướp công đức không gì hơn sân khuể".

Lại nữa Kinh Hoa Nghiêm dạy rằng:

Phật tử khởi lên một niệm sân tâm, thì trong tất cả ác tâm không có tâm nào ác hơn nữa.

- Vì sao vậy?

- Vì khởi lên một niệm sân thì phải chịu một trăm ngàn vạn sự chướng ngại.

Chướng không thấy Bồ Đề
Chướng không nghe được chánh pháp
Chướng làm cho sanh vào đường ác
Chướng sanh ra nhiều tật bịnh
Chướng bị người hủy báng
Chướng sanh ra ám độn
Chướng làm mất chánh niệm
Chướng làm cho ít trí huệ
Chướng làm cho gần ác tri thức
Chướng không ưa việc hiền lành
Chướng làm cho xa chánh kiến.

Cho đến xa lìa chánh giáo của Phật, vào cảnh giới của ma, trái với thiện tri thức , các căn khiếm khuyết, sanh vào các nhà làm nghiệp ác, ở nơi biên địa.

Những chướng như vậy đều do sàn hận, nhiều không thể kể xiết.

Chúng con từ vô thỉ trở lại cho đến ngày nay, lẽ ra cũng có vô lượng vô biên ác tâm sân hận cho đến khởi sân hận không kể gì bà con họ hàng, huống nữa là đối với các chúng sanh trong lục đạo. Cho đến do sân hận mà gây ra phiền não mãnh liệt độc ác mà mình không tự biết. Chỉ về phần sự tướng bên ngoài không thực hiện được như ý muốn, chớ về tam tưởng thì không có việc gì không nghĩ đến.

Giá như điều ác gì tâm đã nghĩ được đã thực hiện được như ý

muốn thì không ai là không khỏi bị khốn khổ.

Bởi thế cho nên một phen thiên tử (vua) nổi giận thì thấy phơi đầy đường ngàn dặm.

Từ vua trở xuống thì tự do ngang tàng qấy nhiễm chúng sanh, đánh đập, trói buộc những người có tội. Ngay lúc bấy giờ thì không thể chỉ vào đâu mà nói rằng: ta làm lành được, chỉ sợ đánh người không đau, không nặng, không khốc liệt mà thôi. Đó là sự ác độc của ý nghiệp chung cho tất cả loài hữu tình, trí ngu đều không khỏi. Giàu sang nghèo hèn như nhau mà chưa có một ngày nào biết hổ thẹn ăn năn. Ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng nhận thấy phiền não sân hận của ý nghiệp rất sâu kín. Dầu chúng ta có muốn xả bỏ, nhưng gặp cảnh nó cũng sanh tâm, cúng với ác ý hoạt động, niệm niệm xúc chạm nhau,biết lúc nào thoát ly được khổ não ấy. Đại chúng đã biết tội này không thể để yên vậy mà không lo sám hối, thì ngày nay phải khấu đầu lễ bái, tỏ hết lòng sám hối tôi sân hận, nguyện xin trừ diệt. Mọi người phải đầu thành đảnh lễ quy y thế gian Đại Từ Bi Phụ:

Nam mô Di Lặc Phật
Nam mô Thích ca Mâu Ni Phật
Nam mô Vô Sở Phụ Phật
Nam mô Nguyệt Tướng Phật
Nam mô Cung Kỉnh Phật
Nam mô Oai Đức Thủ Phật
Nam mô Trí Nhật Phật
Nam mô Thượng Lợi Phật
Nam mô Tu Di Đảnh Lễ
Nam mô Trị Oán Tặc Phật
Nam mô Liên Hoa Phật
Nam mô Ứng tán Phật
Nam mô Trí Thứ Phật
Nam mô Ly Kiêu Phật
Nam mô Na La Diên Phật
Nam mô Thường Lạc Phật
Nam mô Bất Thiểu Quốc Phật
Nam mô Thiện Danh Phật
Nam mô Kiên Hữu Biên Phật
Nam mô Thậm Lương Phật
Nam mô Đa Công Đức Phật

Nam mô Bảo Nguyệt Phật
Nam mô Sư Tử Tướng Phật
Nam mô Nhạo Thuyền Phật
Nam mô Vô Sở Thiểu Phật
Nam mô Du Hý Phật
Nam mô Sư Tử Du Hý Bồ-tát
Nam mô Sư Tử Phấn Tấn Bồ-tát
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát

Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thảy tam bảo.

Nguyện xin Tam bảo đem từ bi lực, vô lượng vô biên tự tại lực, nạp thọ chúng con tên... ngày nay hướng về tứ sanh lục đạo, cha mẹ, Sư trưởng, hết thảy bà con mà sám hối bao nhiêu oán thù do ý nghiệp đã kết lại, hoặc có oán thù hay không phải oán thù, hoặc khinh hoặc trọng, những oán đã kết rồi, nguyện xin sám hối trừ diệt, những oán chưa kết quyết không dám kết.

Nguyện xin nhờ sức Tam bảo đồng gia tâm nhiếp thọ, thương xót, che chở cho chúng con được giải thoát.

Đệ tử chúng con tên.... từ vô thỉ trở lại cho đến ngày nay, do vì nhơn duyên ác nghiệp của ý, nên đối với tứ sanh, lục đạo, cha mẹ, Sư trưởng và tất cả bà con, mà kết các oán thù, hoặc khinh hoặc trọng, ngày nay hổ thẹn, tỏ bày sám hối, nguyện xin trừ diệt tất cả oán thù.

Lại từ vô thỉ trở lại cho đến ngày nay, y nơi gốc ba độc, khởi ra tâm tham, nhơn nơi tham sữ, khởi ra tham nghiệp, hoặc u ẩn hay hiển hiện, cùng tận hư không giới, hễ nơi nào, lúc nào thấy người có của thì sanh tâm ác, nghĩ rằng: Ta sẽ lấy của ấy, cho đến của cha mẹ, của Sư trưởng của bà con, của hết thảy chúng sanh, của chư Thiên, của chư Tiên, những của ấy đều cho là thuộc về ta cả.

Tội ác như vậy vô lượng vô biên, ngày nay sám hối nguyện xin trừ diệt.

Lại nữa từ vô thỉ trở lại cho đến ngày nay, khởi ra sân nghiệp, ngày đêm luôn luôn thiêu đốt thân tâm không có một giờ phút nào tạm thời ngừng nghỉ. Có chút gì không bằng lòng, liền nổi giận đùng đùng, đem chúng sanh ra mà não hại đủ điều, hoặc roi gậy đánh đập, hoặc nhận chìm xuống nước, cho đến dùng cách xua đuổi, bỏ đói khát, trói buộc, treo lên trên cao hay nhốt vào phòng tối cho đến chết.

Những tội sân hận như thế vô lượng vô biên, gây ra oán thù không thể kể xiết, ngày nay sám hối nguyện xin trừ diệt.

Lại từ vô thỉ trở lại cho đến ngày nay, tùy thuận vô minh, làm những việc ngu si, tạo tất cả điều ác; không có trí huệ chơn chánh, tin theo lời tà, thọ lãnh pháp tà, những nghiệp si mê như vậy tạo ra oán thù vô lượng vô, ngày nay sám hối, nguyện xin trừ diệt.

Lại từ vô thỉ trở lại cho đến ngày nay, làm mười tà đạo, kết hết thảy oán thù, tạo ra tất cả ác nghiệp, niệm niệm phan duyên, chưa từng tạm xả, kích động sáu căn khởi các kiết nghiệp,hoặc thơi thân khẩu chưa thỏa mãn thì tâm càng thêm độc ác, cho đến giỡn cười, gây ra thị phi. Không dùng tâm ngay thẳng làm việc theo người, thường ôm lòng siểm khúc, không biết hổ thẹn.

Những tội như vậy vô lượng vô biên, ở trong lục đạo, chịu đại khổ não, ngày nay sám hối nguyện xin trừ diệt.

Đệ tử chúng con tên... từ vô thỉ trở lại cho đến ngày nay, thân nghiệp bất thiện, khẩu nghiệp bất thiện, ý nghiệp bất thiện. Những ác nghiệp như vậy đối với Phật khởi ra tất cả tội chướng, đối với Pháp khởi ra tất cả tội chướng, đối với Bồ-tát và Hiền Thánh khởi ra tất cả tội chướng. Những tội chướng như vậy vô lượng vô biên, ngày nay chí thành cầu khẩn xin sám hối, nguyện xin trừ diệt.

Lại nữa từ vô thỉ trở lại cho đến ngày nay, thân ba ác nghiệp, miệng bốn ác nghiệp, ý ba ác nghiệp, tạo ra tất cả tội ngũ nghịch, tứ trọng, ngày nay sám hối nguyện xin trừ diệt.

Lại nữa từ vô thỉ trở lại cho đến ngày nay, sáu căn, sáu trần, sáu thức, vọng tưởng điên đảo, phan duyên các cảnh, tạo ra tất cả các tội, ngày nay sám hối nguyện xin trừ diệt.

Lại nữa từ vô thỉ trở lại cho đến ngày nay, đối với nhiếp oai nghi giới, nhiếp thiện pháp giới, nhiếp chúng sanh pháp giới, phần nhiều có hủy phạm, sau nầy thân hoại mạng chung phải đọa ba đường ác, ở trong địa ngục vô lượng vô biên hằng sa thống khổ. Sau lại đọa vào ngạ quỉ sẽ ngu si, không hiểu biết gì, thường bị đói khát, chịu các nhiệt não, rồi lại đọa vào súc sanh chụi vô lượng khổ, ăn uống vật bất tịnh, cơ hàn khốn khổ. Tội hết được sanh làm người, đạo vào nhà tà kiến, tâm thường siểm khúc, tin lời Tà, mất chánh đạo, chìm vào biển sanh tử không hẹn ngày ra.

Tất cả tội ác, oán thù ba đời như thế nói không thể xiết, chỉ có chư Phật mới thấy hết biết hết. Như chỗ chư Phật đã thấy đã biết, tội báo nhiều ít, ngày nay sám hối nguyện xin trừ diệt.

Nguyện xin chư Phật, chư Đại Bồ-tát đem đại từ bi lực, đại thần thông lực, như pháp điều phục chánh sanh lục khiến chúng con tên... ngày nay sám hối tất cả oán thù liền được trừ diệt. Hết tất cả chúng sanh trong lục đạo đã chịu trả oán thù rồi, hay chưa chịu trả oán thù, nguyện xin nhờ sức đại từ bi lực của chư Phật, chư đại Bồ-tát và tất cả Hiền Thánh, khiến hết thảy kẻ oán thù ấy hoàn toàn giải thoát. Từ nay trở đi cho đến ngày chứng quả Bồ đề, tất cả tội chướng hoàn toàn thanh tịnh, không sanh vào đường ác, sanh về tịnh độ, bỏ sống oán thù, được sống trí huệ, bỏ thên oán thù được thân kim cang, bỏ ác đạo khổ, được niết bàn vui, nhớ ác đạo khổ, phát Bồ đề tâm, tứ đẳng lục độ thường được hiện tiền, tứ biện lục thông được tự tại như ý, dõng mãnh tinh tấn, không thôi không nghỉ tu lên cho đến mãn hạnh thập địa, trở lại độ thoát vô biên chúng sanh.

Ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng nguyện xin cho tất cả chúng sanh đời quá khứ, đời hiện tại và cùng tận đời vị lai ở trong bốn loài, sáu đường, đều được nhờ sự sám hối hôm nay mà thanh tịnh, đồng được giải thoát, đồng đủ trí huệ, thần thông tự tại. Nguyện xin cho các chúng ấy từ nay trờ cho đến ngày thành Phật, thường thấy được pháp tâm của chư Phật khắp mười phương, tận hư không giới, thường thấy thân tử ma kim sắc, ba mươi hai tướng tốt và tám chục vẻ đẹp của chư Phật, phân tán ra khắp mười phương cứu độ chúng sanh; thường thấy chư Phật phóng bạch hào tướng quang ở giữa hai chặn mày, tế độ chúng sanh đau khổ trong địa ngục.

Lại nguyện xin cho Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng, nhờ công đức nhơn duyên sám hối thanh tịnh hôm nay mà từ nay trở đi bỏ thân này thọ thân khác, cũng không vào trong địa ngục để chịu những thống khổ, tiêu hình hoại thể, trong vạc nước sôi, lò lửa nóng không trải qua đường ngạ quỉ mà chịu các thống khổ đói khát; cổ nhỏ bằng kim, bụng to bằng trống chầu; không trải qua đường súc sanh để đền nợ cũ, trả mạng xưa, chịu các sự phanh thây xẻ thịt, lôi kéo khốn khổ.

Lại nguyện xin Đại chúng từ nay trở đi gữi gìn trong sạch, không làm ô uế đạo tâm, thường tu nhơn nghĩa, niệm tưởng báo ơn, cúng dường cha me như cúng dường Phật không khác, phụng sự Sư trưởng như đối chư Phật, kỉnh trọng quốc chủ như thường trú Pháp thân, đối với mọi người như mình không khác.

Lại nguyện xin Đại chúng từ nay trở đi cho đến ngày thành Phật, hiểu thấu nghĩa lý sắc mầu của chư Phật, tâm trí không sợ hãi, rõ thông Đại thừa, thấy suốt chánh pháp liền tự khai giải, không phải nhờ ai chỉ

bày, một lòng kiên cố cầu đạo Bồ đề trở lại hóa độ vô biên chúng sanh, đồng như bậc chư phật, thành bậc chánh giác.

Ngày nay Đại chúng an thân hay hiện thân trong Đạo tràng xin chứng minh cho lời phát nguyện mảy mọn sau nầy:

Chúng con tên... chánh nguyện:

Nguyện sanh về cảnh của chánh nhơn ở, thường hay kiên lập Đạo tràng, hưng hiển cùng dường, làm lợi ích rộng lớn cho tất cả chúng sanh. Nguyện thường được Tam bảo từ bi nhiếp thọ, thường có thế lực giáo hóa dìu dắt được dễ dàng, thường tu hành tinh tấn, không say đắm dục lạc ở đời; thường biết các pháp đều không có tự tánh; đối với người oán kẻ thân đều đem điều lành bình đẳng hóa độ cho đến Bồ đề tâm không thối chuyển.

Từ nay trở đi, một mảy thiện tâm nào cũng nhờ thiện lực này mà thành tựu.

Lại nguyện sanh trong loài người, sanh vào nhà từ thiện; lại lập từ bi Đạo tràng, cúng dường tam bảo, điều thiện nhỏ nhiệm nào cũng đem bố thí hồi hướng cho tất cả chúng sanh. Nguyện cùng với Hòa thượng, A-xà-lê chung lo tu hành, không xa lìa nhau, trường trai khổ hạnh tâm không ái nhiễm, không lập gia đình, trung tín thanh bạch nhơn nhượng hào bình, tổn mình lợi người, không cầu danh lợi. Lại nguyện xin xả thân nầy, không mong giải thoát, sanh trong loài quỷ thần; nguyện làm vị đại lực Hộ pháp thiện thần, tế khổ thiện thần, không cần cơm áo, tự nhiên đầy đủ. Lại nguyện xin xả thân nầy không mong giải thoát, sanh trong loài súc sanh, thường ở núi sâu hang thẳm ăn cỏ uống nước không thấy thống khổ, khi ra khỏi rừng thì được an lành, không bị bắt nhốt trói buộc.

Lại nguyện xin xả thân nầy rồi không mong giải thoát, sanh trong loài ủi đói, nguyện thân tâm an vui, không có các điều khổ não, giáo hóa những ngạ quỉ đồng khổ, sám hối tội lỗi, phát tâm Bồ đề.

Lại nguyện xin xả thân nầy không mong giải thoát, sanh vào địa ngục, tự biết đời trước của mình, giáo hóa những người đồng khổ sám hối tội lỗi phát tâm Bồ đề.

Đệ tử chúng con tên......... nguyện thường tự nhớ sự phát tâm Bồ đề, làm cho tâm Bồ đề tương tục không gián đoạn.

Nguyện xin hết thảy chư Phật, chư Đại Bồ-tát và hết thảy Thánh Hiền cùng khắp mười phương, dủ lòng từ bi chứng giám cho chúng con.

Lại nguyện cho chư Thiên, chư Tiên, hộ thế tứ vương, chủ thiện

phạt ác, thủ hộ trì chú, ngũ phương long vương, long thần bát bộ, chứng giám cho chúng con chí thành đảnh lễ quy y mười phương Tam bảo.

TÁN THÁN PHẬT VÀ CHÚ NGUYỆN

Đại Thánh Thế Tôn
Nguy nga rực rỡ,
Tam đạt chiếu suốt
Vua trong các Thánh
Phân thân tế vật
Hiện tọa Đạo tràng
Trời người chiêm ngưỡng,
Thọ pháp vô cùng
Bát âm vang dội
Ma quân kinh hoàng
Oai chấn Đại thiên
Từ hóa lưu phương
Bi lực độ khắp
Thâu nhiếp mười phương
Từ hẳn tám khổ
Đến Bồ đề hương.

Cho nên gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự, Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật Thế Tôn, độ người vô lượng, hết khổ sanh tử.

Nay chúng con nhờ công đức nhơn duyên sám hối thanh tịnh và tán thán chư Phật nguyện cho tất cả chúng sanh trong tứ sanh lục đạo, từ nay trở đi cho đến ngày thành Phật đều nhờ thần lực của Phật mà được tùy tâm tự tại.

TỪ BI ĐẠO TRÀNG SÁM PHÁP
QUYỂN THỨ SÁU
(HẾT)

TỪ BI ĐẠO TRÀNG SÁM PHÁP

QUYỂN THỨ BẢY

LỜI THUẬT KHUYẾN CỦA SÁM CHỦ

Ngày nay, Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng hết lòng lắng nghe:

Luận rằng: "Chỗ trí đức nhiệm mầu trạm tịch, vốn không thể nói; không thể nghĩ bàn. Nhưng phải tạm dùng lời để diễn tả trình bày chỗ chí đức không thể trình bày diễn tả ấy.

Lời nói là con đường tát, là phương tiện dắt người vào đạo. Lời nói là cấp bậc, là thềm thang tạm mượn để di đến chỗ chí lý, chí đức ấy. Lời nói là phương tiện của Thánh nhơn tạm dùng để giáo hóa chúng sanh.

Sở dĩ vì vậy nên tạm mượn lời nói để tả rõ chơn lý. Khi chơn lý đã được diễn tả rõ ràng rồi thì chơn lý hẳn không phải là lời nói. Nhưng chơn lý đã do lời nói mà hiểu rõ được thì lời nói không ra ngoài chơn lý.

Tuy lời nói và chơn lý hai điều trái nhau nhưng mà ảnh hưởng lẫn nhau, chưa từng sai lầm.

Đối với những người sơ cơ hữu học cần phải nhơn nơi nói hiểu đạo; đến địa vị vô học, thể nhập chơn lý rồi thì lời nói trở nên vô dụng.

Chỉ vì phàm ngu mê muội, nghiệp chướng sâu dày nên đối với mọi việc không thể không dùng lời nói.

Hiện tại trí thức thô thiển, không hiểu được thấu lý nhiệm mầu; khiến giải cạn cợt không thông đạt được lẽ cùng cực.

Nhưng nói thì dễ làm cực khó. Chỉ có Thánh với Thánh mới được hoàn toàn.

Nay có lời vấn nạn rằng: "Tự mình không chơn chánh làm sao khiến người chơn chánh được". Ba nghiệp của mình uế trược, làm sao khuyên người thanh tịnh được? Tự mình không thanh tịnh, muốn khiến người thanh tịnh thì không có lý.

Tự mình không kiến cố, lấy gì khuyên người kiên cố. Lời nói và

việc làm khác nhau càng làm cho người sanh phiền não. Đã làm cho người sanh phiền não thì không nói còn hơn. Nghĩ cho kỹ tự mình há không sanh tâm hổ thẹn sao? Tôi là Thiện tri thức nên phát ra lời ấy.

Đến đây thì nên sửa sang y phục, thúc niêm dung nghi, không nên nói một lời gì nữa. Nay tôi là tác giả nghe Thiện tri thức nói như trên, lòng tôi rất hổ thẹn; tự biết mình có lỗi nhiều, không dám khinh Thánh nhơn mà tự che giấu tội lỗi.

Nay tôi muốn bỏ qua không nói pháp sám nữa, nhưng sợ có người nhơn nghe lời tôi mà thêm phước. Nếu tôi không bỏ qua, cứ giữ ý kiến này lại, thì sợ có người nhơn đó mà sanh tội khinh chê hủy báng.

Tấn thối lưỡng nan, tôi không biết làm thế nào nên mới lập ra pháp sám này.

Tâm đã thiện thì đối các thiện pháp đều vô ngại. Đại chúng nên nỗ lực mà sám hối, không nên chấp trước các lời vấn nạn trên kia, mà phải một lòng nhờ đấng Đại từ bi phụ che chở nhiếp thọ cho.

Đã có lời như thế thì không thể bỏ qua mà không sám hối; cần phải sanh tâm hổ thẹn.

Nguyện xin Đại chúng chớ xúc não nhau. Như lời tôi có chút hợp lý thì cùng nhau nhơn đó mà cải ác tùng thiện, làm Thiện tri thức với nhau. Nếu lời nói không hợp ý Đại chúng thì xin Đại chúng hoan hỷ bố thí, dừng trở lại làm ác tri thức mà nên cùng nhau kết thành Bồ đề quyến thuộc.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI: TỰ VUI MỪNG

Ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng, từ khi quy y trở lại đây, biết chỗ chí đức là nơi nương tựa của tất cả.

Đoạn nghi, sám hối thì tội ác mê lầm đều tiêu diệt. Tiếp đến phát tâm dìu dắt nhau tu hành thì cởi mở được oán thù được tiêu diêu tự tại.

Như thế thời Đại chúng há lại không hớn hở vui mừng hay sao?

Nay nói ý nghĩa những điều đáng vui mừng sung sướng thì trong kinh chép rằng: “Có tám nạn khổ: Một là Địa ngục, hai là Ngạ quỉ, ba là Súc sanh, bốn là Biên địa, năm là trường thọ Thiên, sáu là tuy được thân người mà câm điếc, ngọng liệu, tàn tật, bảy là sanh vào nhà Tà kiến, tám là sanh trước Phật hay sau Phật.

Vì có tám nạn ấy nên chúng sanh cứ chìm đắm trong biển luân hồi sanh tử, không thể ra được.

Nay chúng con sanh đời tượng pháp tuy không gặp Phật, nhưng sự vui mừng còn nhiều:

Phàm có nạn là tại tâm, nếu tâm sanh nghi ngờ thì không phải nạn cũng thành nạn.

Nếu tâm không sanh nghi ngờ thì nạn gì cũng thành ra phi nạn.

Vì sao biết được?

Ví như nạn thứ tám, nói rằng sanh trước Phật hoặc sanh sau Phật là nạn. Nhưng bà già ở thành đông, đồng sanh với Phật một thời, đồng ở với Phật một xứ mà bà già ấy không thấy Phật. Cho nên biết rằng tâm nghi ngờ là nạn, vị ấy không đồng thời với Phật mà cho là nạn.

Ma Ba tuần ôm lòng ác độc trong khi còn sống đã dọa vào địa ngục.

Rồng nghe thuyết pháp còn ngộ được đạo Bồ đề. Vậy chắc gì có nhơn gian hay thiên thượng mà liền cho không có nạn. Tâm nếu biết điều thiện thì quả báo bình đẳng.

Cõi trời lục dục là cao quý mà đọa địa ngục, súc sanh là thấp hèn mà lên được Đạo tràng.

Thế nên tâm tà thì khinh nạn thành trọng. Tâm chánh thì trọng nạn thành vô ngại.

Ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng vì tâm nghi nên gặp việc không phải nạn thành ra nạn. Nếu tâm chánh thì nạn thành phi nạn.

Nay cử ra một điều ấy cũng đủ hiểu rõ; trước Phật hay sau Phật đều là Chánh pháp; Biên địa, súc sanh đều là Đạo tràng. Nếu tâm chánh thì

không có nạn nữa; bằng tâm còn nghi ngờ thì nạn thành ra vô lượng.

Những điều vui mừng như thế sự thực thật không phải là ít, trong nhật dụng hằng ngày Đại chúng không tự biết công đức của mình.

Nay tôi sơ lược trình bày qua sự vui mừng theo thiển kiến của tôi để Đại chúng tự suy nghĩ.

Nếu biết được sự vui mừng của mình thì cần phải tu tâm xuất thế.

Tự vui mừng những gì?

- Phật dạy: "Địa ngục khó thoát khỏi; nay chúng ta đã cùng nhau xa lìa được khổ Địa ngục. Đó là sự vui mừng thứ nhất.

- Ngạ quỉ khó thoát khỏi; nay chúng ta đã thoát được những thống khổ đói khát của Ngạ quỉ. Đó là sự vui mừng thứ hai.

- Súc sanh khó xả bỏ; nay chúng ta đã thoát được quả báo súc sanh. Đó là sự vui mừng thứ ba.

- Sinh ở Biên địa, không biết nhơn nghĩa; nay chúng ta đồng được chung ở giữa quốc độ có Phật, Pháp lưu hành; đích thân thừa hưởng được giáo lý nhiệm mầu của chư Phật. Đó là sự vui mừng thứ tư.

- Sanh lên cõi trời trường thọ, không biết trồng cội phúc; nay chúng ta ở đây đều được trồng căn lành. Đó là sự vui mừng thứ năm.

- Thân người khó được, một phen mất khó có trở lại; nay chúng ta đều được làm người. Đó là sự vui mừng thứ sáu.

- Sáu căn không đầy đủ thì không trồng được căn lành, nay chúng ta đều được thanh tịnh, hướng về pháp môn thâm diệu của Phật. Đó là vui mừng thứ bảy.

- Có thế trí biện thông tức là không phải nạn mà thành nạn. Nay chúng ta nhất tâm nương về chánh pháp. Đó là sự vui mừng thứ tám.

- Trước Phật sau Phật đều là nạn; hoặc cho rằng mắt mình không thấy Phật là đại nạn. Nay chúng ta đã cùng nhau phát đại thiện nguyện, thệ độ hết thảy chúng sanh cùng tận đời vị lai; không chấp việc không thấy Phật là nạn. Chỉ một phen thấy hình tướng Phật, một phen nghe được Chánh Pháp, cũng tự cho đông như ngày xưa được thấy nghe đức Phật thuyết pháp đầu tiên tại vườn Lộc Uyển. Việc làm của chúng ta mục đích là diệt được tội, sanh được phước là quý; chứ không phải vì không thấy Phật mà cho là nạn.

- Phật dạy: " Thấy được Phật là khó". Nay chúng ta cùng nhau chiêm ngưỡng được hình tướng Phật. Đó là sự vui mừng thứ chín.

- Phật dạy:" Nghe được pháp Phật là khó". Nay chúng ta đã cùng nhau hưởng được Cam lồ pháp vị của Phật. Đó là sự vui mừng thứ

mười.

- Phật dạy:" Xuất gia được là khó". Nay chúng ta được từ thân cát ái trở về với Đạo. Đó là sự vui mừng thứ mười một.

- Phật dạy:" Lợi cho mình là dễ, lợi cho người là khó". Nay chúng ta một lạy, một bái đều vì tất cả chúng sanh khắp mười phương mà hồi hướng công đức. Đó là sự vui mừng thứ mười hai

- Phật dạy:"Chịu khổ, chịu cực được là khó". Nay chúng ta, mọi người đều kiều cần, siêng năng làm lành không nghỉ, không nhút nhát. Đó là sự vui mừng thứ mười ba.

- Phật dạy: "Đọc tụng được kỉnh điển được là khó". Nay chúng ta giờ phút này đang đọc tụng kinh điển của Phật. Đó là sự vui mừng thứ mười bốn.

- Phật dạy: "Tọa thiền là khó". Nay chúng ta có người tức tâm định ý. Đó là sự vui mừng thứ mười lăm.

Ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng thấy có nhiểu sự vui mừng như vậy vô lượng vô biên, không phải bấy nhiêu lời đó mà có thể kể hết được.

Phàm người ở đời vui ít khổ nhiều. Được một điều vui mừng còn hớn hở thay, huống gì nay chúng ta có nhiều điểu vui vô ngại.

Được vô ngại này đều nhờ sức oai thần của mười phương Tam bảo. Chúng ta mọi người đều nên nhớ tưởng ơn đức Phật, Pháp, Tăng. Đại chúng nên tha thiết đầu thành đảnh lễ Tam bảo, nguyện xin thay thế hết thảy Quốc vương, Đế chúa, Thổ cảnh, nhơn dân, cha mẹ. Sư trưởng, thượng, trung, hạ tọa, tín thí đàn việt, thiện ác tri thức, chư Thiên, chư Tiên, hộ thế Tứ vương, thông minh chánh trực, Thiên địa, hư không, chủ thiện, phạt ác, thủ hộ trì chú, ngũ phương Long vương, Long thần, Bát bộ, chư đại Ma vương, ngũ đế Đại ma, nhất thiết Ma vương, Diêm la vương. Thái sơn Phủ quấn, ngũ đạo Đại thần, Thập bát Ngục vương và các quan thuộc trong địa ngục; rộng ra cho đến vô cùng vô tận các loài hữu tình, có thận thức, có Phật tánh trong ba cõi sáu đường; nguyện vì các chúng sanh ấy mà quy y tận hư không giới hết thảy mười phương Tam bảo.

Nguyện xin Tam bảo dũ lòng từ bi, đồng gia tâm nhiếp thọ, đồng đem thần lực tự tại bất khả tư nghị mà che chở cứu vớt, làm cho hết thảy chư Thiên, chư Tiên, hết thảy Thần vương, Thần tướng, rộng ra cho đến hết thảy chúng sanh trong sáu đường từ đây trở đi vượt khỏi biển sanh tử, đến bờ giải thoát bên kia, hạnh nguyện sớm viên mãn, đồng lên Thập địa, vào Kim cang tâm, thành bậc Chánh giác.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI MỘT: TƯỞNG NHỚ ƠN TAM BẢO

Ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng đều nên nhớ tưởng ơn Tam bảo. Vì sao vậy?

- Bởi vì giả sử như không biết Tam bảo, thì làm sao sanh khởi từ tâm, thương xót chúng sanh. Giả sử không biết Tam bảo thì làm sao sanh khởi bi tâm, cứu hộ nhiếp thọ hết thảy chúng sanh. Giả sử không biết tam bảo thì làm sao sanh khởi tâm bình đẳng quan sát oán thân như nhau. Giả sử không biết Tam bảo thì làm sao có được diệu trí chứng đạo vô thượng. Giả sử không biết Tam bảo thì làm sao hiểu rõ được lý nhị không (Nhơn không, Pháp không) là chơn không chơn thật, vô tướng mà tu hành.

Phật dạy:

"Thân người khó được, nay đã được, lòng tin khó sanh, nay đã sanh". Chúng ta ngày nay nhờ quy y Tam bảo, mắt không thấy sắc lửa phun, cảnh rút lưỡi ở địa nguc, ngạ quỉ; tai không nghe tiếng kêu la nhiệt não, khổ sở ở cảnh địa ngục, ngạ quỉ; mũi không ngửi mùi máu mủ tanh hôi, lột da xẻ thịt ở cảnh địa ngục, ngạ quỉ; lưỡi không ném mùi hôi tanh thúi, hư nát; thân không xúc chạm cảnh giá lạnh, lò than hồng, vạc dầu sôi ở địa ngục; ý thường biết Phật là đấng cha lành, từ bi vô thượng, là đấng Đại Y vương; ý biết tất cả Phật pháp, là thuốc hay để trị bệnh cho tất cả chúng sanh; biết các vị Hiền Thánh là từ mẫu săn sóc bệnh hoạn cho tất cả chúng sanh. Ý thường biết nghĩ tưởng Tam bảo là ngôi báu ủng hộ thế gian; ý thường tưởng nghĩ gi chúng ta đều biết được hết.

Chúng ta ngày nay tuy sanh ra không gặp Phật, nhằm đời mạt pháp, nhưng có đủ tín tâm, sáu căn thanh tịnh, không có suy não, đi lại vừa ý, đứng ngồi tự do, vô ngại. Những quả báo tốt đẹp ấy do duyên lành đời trước, nhờ ơn Tam bảo khiến phát tâm Bồ đề. Những lợi ích như thế vô lượng vô biên, không thể kể xiết. Vậy chúng ta há lại không lo báo ơn, cúng dường Tam bảo hay sao?

Ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng nên biết rằng: Cúng dường là công đức lớn hơn hết thảy trong tất cả các công đức.

Trong kinh dạy: "Nhớ lại đời quá khứ chỉ cúng dường Tam bảo một mảy may, nhờ phước báo ấy, nay gặp được Phật Thế Tôn".

Lại nữa, trong kinh cũng chép rằng: "Nếu muốn được quả báo tốt mà xây tháp, lập tịnh xá, cúng dầu đèn, tràng - phan, bảo - cái, hoa hương, nệm gối và bao nhiêu thứ cúng dường khác ... cũng chưa phải là báo ơn đức Phật."

" Muốn báo ơn đức Phật, cần phải phát tâm Bồ đề, lập bốn lời thệ nguyện rộng lớn, tạo vô lượng duyên lành, trau dồi thân tâm tu hạnh tịnh độ. Ấy là kẻ trí biết bao ơn đức Phật vậy".

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng nhận thấy ân đức từ bi vô lượng của đức Phật không thể báo đáp. Các vị Đại Bồ-tát nghiền thân cúng dường mà còn chưa thể báo ơn đức Phật muôn một, huống gì chúng ta là phàm phu mà có thể báo ơn đức Phật được sao. Đại chúng chỉ y theo lời kinh dạy mà làm việc lợi ích cho người là hơn hết. Mọi người nên hết lòng đầu thành đảnh lễ Tam bảo khắp vì hết thảy chúng sanh, vô cùng, vô tận trong bốn loài sáu đường mà quy y Thế gian Đại từ bi phụ:

Nam mô Di Lặc Phật
Nam mộ Thích Ca Mậu Ni Phật
Nam mô Đức Bảo Phật
Nam mô Ưng Danh Xưng Phật
Nam mô Hoa Thân Phật
Nam mô Đại Âm Thanh Phật
Nam mô Biện Tài Tán Phật
Nam mô Kim Cang Châu Phật
Nam mô Vô Thượng Thọ Phật
Nam mô Châu Trang Nghiêm Phật
Nam mô Đạo Vương Phật
Nam mô Đức Cao Hạnh Phật
Nam mô Cao Danh Phật
Nam mô Bách Quan Phật
Nam mô Hỷ Diệt Phật
Nam mô Long Bộ Phật
Nam mô Ý Nguyện Phật
Nam mô Bảo Nguyệt Phật
Nam mô Diệt Hỷ Phật
Nam mô Hỷ Vương Phật
Nam mô Điều Ngự Phật
Nam mô Hỷ Tự Tại Phật
Nam mô Bảo Kế Phật
Nam mô Ly Úy Phật
Nam mô Bảo Tạng Phật
Nam mô Nguyệt Diện Phật

Nam mô Tịnh Danh phật
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát

Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thảy Tam bảo.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI HAI: CHỦ SÁM LỄ TẠ ĐẠI CHÚNG

Ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng đã cùng nhau sanh lòng tin kiên cố phát tâm Bồ đề thề không thối chuyển. Đó là một trí khí có năng lực mạnh không thể nghĩ bàn. Tâm ấy chí ấy chư Phật rất ngợi khen.

Ngày nay tác giả tôi cũng hết lòng tùy hỷ và nguyện đời sau sẽ được gặp nhau lại. Xả thân nầy thọ thân khác nguyện không rời nhau, chó đến ngày thành Phật, hằng làm bà con Phật pháp, quyến thuộc từ bi.

Ngày nay tôi lập ra Pháp Sám này như giả dối; trí không sáng suốt, thân trái với hạnh, khinh suất tỏ bày ý ấy. Thật đàng lo sợ, đối với sự thấy nghe của người.

Sức người hữu hạn monh manh; công việc thì quan trọng rộng lớn, như nước lửa trái nhau, nên tôi rất ngại ngùng. Nếu không nương nhờ một nguyên nhơn cường tráng thì không thể có kết quả thắng diệu. Thành thật, tôi biết có sai lầm, nhưng lòng tôi không quên việc thiện. Mong nhờ sức hộ niệm của Đại chúng đồng làm tử thân. Ngưỡng xin Đại chúng giáng đức xuống Đạo tràng.

Thời giờ mau chóng thoặt vậy trôi qua, nếu để duyên nghiệp lôi cuốn thì khó gặp thắng hội.

Vậy tự mình nên phải cố gắng siêng năng khóa le, lợi mình lợi người, chớ hiên ngang bài xích sau không hối hận kịp.

Pháp Âm của Phật một phen lọt vào tai thì công đức phước báo vĩnh kiếp vẫn còn hoài; một niệm thiện tâm lợi ích cho thân tâm mãi mãi.

Nếu người nào có chí hướng cương quyết thì không có nguyện gì mà không thành tựu viên mãn.

Đại chúng cùng nhau chí tâm đảnh lễ quy y thế gian Đại Từ bi phụ:

Nam mô Di Lặc Phật
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam mô Oai Đức Tịnh Diệt Phật
Nam mô Thọ Tướng Phật
Nam mô Đa Thiên Phật
Nam mô Tu Diệm Ma Phật
Nam mô Thiên Ái Phật

Nam mô Bảo Chúng Phật
Nam mô Bảo Bộ Phật
Nam mô Sư Tử Phân Phật
Nam mô Cựu Cao Hạnh Phật
Nam mô Nhân Vương Phật
Nam mô Thiện Ý Phật
Nam mô Thế Minh Phật
Nam mô Bảo Oai Đức Phật
Nam mô Đức Thừa Phật
Nam mô Giác Tưởng Phật
Nam mô Hỷ Trang Nghiêm Phật
Nam mô Hương Tế Phật
Nam mô Hương Tượng Phật
Nam mô Chúng Diệm Phật
Nam mô Từ Tướng Phật
Nam mô Diệu Hương Phật
Nam mô Khiên Khải Phật
Nam mô Oai Đức Mãnh Phật
Nam mô Châu Khải Phật
Nam mô Nhơn Hiển Phật
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát

Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thảy Tam bảo

----

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BA: TỔNG PHÁT ĐẠI NGUYỆN

Ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo trànglại cùng nhau nhờ công đức nhơn duyên sám hối, phát tâm, nguyện cho mười phương tận hư không giới hết thảy Thiên chủ hết thảy chư Thần, quyến thuộc của chư Thiên, nguyện cho Tiên chủ, hết thảy nhơn Tiên, quyến thuộc của chơn Tiên; nguyện cho Phạm vương, Đế thích, hộ thế Tứ thiên vương Thần vương, Thần tướng và quyến thuộc của các vị ấy; nguyện cho các vị thông minh chánh trực, thiện địa hư không, chủ thiện phạt ác, thủ hộ trì chú, hết thảy Thần vương, hết thảy Thần tướng và quyến thuộc của các vị ấy; nguyện cho các vị Diệu hóa Long vương, Dầu hóa đề Long vương, Ngũ phương Long vương Long thần bát bộ, bát bộ Thần vương, bát bộ Thần tướng va quyến thuộc của các vị ấy; nguyện cho A-tu-la vương, hết thảy Thần vương, hết thảy Thần tướng và quyến thuộc của các vị ấy; nguyện cho nhơn đạo, hết thảy nhơn vương, thần dân tướng soái và quyến thuộc của các vị ấy; lại nguyện cho mười phương Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Thức xoa ma na, Sa di, sa di ni và quyến thuộc của các vị ấy; nguyện cho Diêm la vương Thái sơn phủ quân, ngũ đạo Đại thần, mười tám ngục vương, hết thảy Thần vương, hết thảy Thần tướng và quyến thuộc của các vị ấy; lại nguyện cho hết thảy chúng sanh trong đường địa ngục; hết thảy chúng sanh trong đường ngạ quỉ, hết thảy chúng snah trong đường súc sanh và quyến thuộc của các vị ấy; lại nguyện cho hết thảy chúng sanh hoặc lớn hoặc nhỏ, cùng tận đời vị lai trong mười phương, tận hư không giới và quyến của các chúng sanh ấy; lại nguyện cho hết thảy chúng sanh đời sau này nếu trái với lời đại nguyện hôm nay, tất cả đều được trở lại trong bể đại nguyện này, mỗi mỗi đều đầy đủ công đức trí huệ.

Những chúng sanh như vậy vô cùng vô tận ở trong ba cõi hay ngoài ba cõi, nhiếp thuộc vào danh sắc và có Phật tánh thì ngày nay đệ tử tên....... mong nhờ sức đại từ đại bi của mười phương tận hư không giới hết thảy chư Phật, mong nhờ bổn thệ nguyện lực, vô lượng vô tận trí huệ lực, vô lượng vô tận công đức lực, vô lượng vô tận tự tại thần thông lực, mong nhờ phú hộ chúng sanh lực, an ủy chúng sanh lực tận chư Thiên chư Tiện lậu lực; nhiếp hóa nhất thế thiện thần lực, cứu bạt nhất thế địa ngục lực, tế độ nhất thế ngạ quỉ lực; độ thoát nhất thế súc sanh lực của chư Phật, chư Đại Bồ-tát và hết Thánh Hiền, mong nhờ những năng lực ấy cho hết thảy chúng sanh đều được như nguyện.

Ngày nay đệ tử tên.... lại mong nhờ năng lực của Từ bi Đạo tràng,

năng lực quy y Tam bảo, năng lực đạo nghi sanh tín, năng lực sám hối phát tâm, năng lực giải oan thích kiết, năng lực tự khánh hoan hỷ, năng lự hớn hở chí tâm. Năng lực phát nguyện hồi hướng thiện căn, làm cho hết thảy chúng sanh đều được như nguyện.

Ngày nay đệ tử chúng con....... lại mong nhờ năng lực đại từ tâm của bảy Đức Phật, năng lực đại bi tâm của mười phương chư Phật, năng lực diệt trừ phiền não của ba mươi lăm đức Phật, năng lực hàng phục ma quân của năm mươi ba đức Phật, năng lực hộ sanh của một trăm bảy chục đức Phật, năng lực nhiếp thọ chúng sanh của một ngàn đức Phật, năng lực che chở chúng sanh của mười hai vị Bồ-tát, năng lực lưu thông sám pháp của Vô biên thân Bồ-tát và của Quán Thế Âm; nguyện khiến cho tất cả chúng sanh ở trong mười phương, ba cõi, sáu đường, cùng tận đời vị lai, hoặc lớn, hơc nhỏ, hoặc thăng hoặc giáng nhiếp thuộc vào danh sắc có Phật tánh, sau ngày sám hối này rồi đều được thân như thân chư Phật, chư Đại Bồ-tát thân có trí huệ rộng lơn, không thể nghĩ bàn; thân có vô lượng thần lực tự tại, thân lục độ, chánh hướng bồ đề, thân tứ nhiếp nhiếp thọ hết thảy chúng sanh, thân đại bi diệt trừ tất cả tội khổ, thân đại từ, cho tất cả an vui, thân công đức lợi ích cho tất cả; thân trí huệ, thuyết pháp không cùng tận; thân kim cang vật không thể phá hoại thân; thanh tịnh xa lìa sanh tử; thân phương tiện hiện thần lực tự tại; thân bồ đề tùy hết thảy thời gian mà hiện ra ba thân bồ đề.

Nguyện cho tất cả chúng sanh trong tứ sanh lục đạo đều được đầy đủ thân như vậy, thành tựu hoàn toàn thân vô thượng đại trí huệ của chư Phật.

Lại nguyện cho hết thảy chúng sanh trong mười phương từ nay trở đi, sanh ra nơi nào cũng như chư Phật và Bồ-tát đều được miệng có công đức bất khả tư nghị; miệng nói lời nhu nhuyến; làm an vui tất cả chúng sanh; miệng như nước cam lồ, làm mát mẻ hết thảy chúng sanh; miệng không nói lời hư dối, nói lời chơn thật; miệng nói lời uyển chuyển đúng như sự thật, dầu trong mộng cũng không có lời nói dối; miệng được tông trọng; Phạm vương Đế thích, Tứ thiên vương đều cung kỉnh tôn trọng; miệng nói pháp thậm thâm, giải rõ pháp tánh; miệng nói lời kiên cố, nói pháp bất thối; miệng nói lời ngay thẳng, đầy đủ tài hùng biện; miệng trang nghiêm, hay tùy thời, tùy nghiệp mà thị hiện cùng khắp; miệng của đấng Nhất thế trí hay tùy theo tất cả chúng sanh đáng độ thoát thì độ thoát ngay.

Nguyện cho tất cả chúng sanh trong bốn loài, sáu đường đều được khẩu nghiệp hoàn toàn thanh tịnh như chư Phật và Bồ-tát.

Lại nguyện cho tất cả chúng sanh trong mười phương, từ nay trở đi, sanh ra nơi nào đều được như chư Phật và Bố tát; có tậm đại sáng suốt, trí huệ không thể nghĩ bàn; tâm thường nhàm chán phiền não, xa lìa phiền não; tâm manh lợi, tâm kiên cường, tâm kim cang, tâm bất thối, tâm thanh tịnh, tâm minh liễu, tâm cầu thiện, tâm trang nghiêm, tâm quảng đại, tâm có sức đại trí huệ, nghe được chánh pháp liền tự hiểu ro; tâm hiền từ đến với người, đoạn trừ oán kết, thường biết sĩ nhục, thường biết hổ thẹn, không chấp nhơn ngã, đồng xem nhau như thiện tri thức. Tâm thấy có người tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ đều sanh tâm hoan hỷ; oán thân bình đẳng, tâm không kiêu mạn, không nói việc thiện ác, xấu tốt của người; không tuyên truyền bỉ thử hòa hiệp phân ly của người; lời nói mềm mỏng, khong ác độc, tán thán công đức của Phật; ưa học kinh điển cao sâu thương xót che chở chúng sanh như thương mình không khác; thấy người làm phước không phỉ báng; tâm nhơn từ hòa hiệp như các Thánh nhơn, đồng với Bồ-tát, thành bậc chánh giác.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BỐN: LỄ PHẬT THẾ CÁC CÕI TRỜI

Ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng biết rằng chư Thiên, chư Tiên, hết thảy Thiện thần đối với chúng sanh có vô lượng ơn đức, không thể nghĩ bàn; các Ngài muốn cho chúng sanh an vui mãi mãi, thương xót chúng sanh, ân cần, phù hộ, chỉ biết làm lành cho chúng sanh mà thôi.

Vì sao mà biết?

Vì theo sắc lệnh của Phật thì Phật dạy các vị: Đề đầu Lại tra tứ thiên vương nên có từ tâm ủng hộ người trì kinh, khiến người nghe danh hiệu Đấng từ bi, như quần thần hộ Thiên tử vậy.

- Lại sắc hải long Y bạt la nên có từ tâm ủng hộ người trì kinh như giữ tròng mắt, thương con đỏ, ngày đêm sáu thời không xa lìa.

- Lại sắc Diêm bà la sát tử vô số độc long và long nữ nên có từ tâm ủng hộ người trì kinh, như quý đầu não khong dám động chạm.

- Lại sắc Tỳ Lưu Lặc Ca Vương nên có từ tâm ủng hộ người trì kinh, như mẹ hiền thương con lòng không chán, ngày đêm ủng hộ, đứng ngồi như nhau.

- Lại sắc Nan Đà, Bạt Nan Đà, Ta Già La Vương, Ưu Ba Đà, nên có từ tâm ủng hộ người trì kinh, cung kính cúng dường, đảnh lễ sát đất; cũng như chư Thiên thờ Đế thích; cũng như con thảo thờ cha mẹ.

Đạo tràng từ bi thí an vui, dạy chúng sanh thân cận Phật pháp, đời sau ở trước Phậtnhập Tam muội, quyết định được pháp bất thôi chuyển. Nếu nghe được danh hiệu đức Phật và các Ngài Vô Biên và Quán Thế Âm thì ba chướng đều tiêu trừ, ác nghiệp cũng hết, ngũ nhãn đầy đủ, chứng quả bồ đề. Các Thiện, thần vương thương tất cả và thường hay ủng hộ, giúp oai thần.

Ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng, biết chư Thiên, Thần, Vương có ơn đức che chở như vậy mà chúng sanh chưa từng phát tâm nhớ tưởng báo đáp ơn đức ấy.

Cổ nhơn còn có thể xả thân chỉ vì nhớ ơn của một bữa cơm no lòng. Huống gì chư Thiên, chư Thần, bát bộ Thần vương, bát bộ Thần tướng đối với chúng sanh có ơn đức thế ấy! Công đức ơn huệ này rộng có ơn đức thế ấy! Công đức ơn huệ này rộng lớn vô cùng, không bờ bến.

Chúng con ngày nay sám hối phát tâm v.v... đều nhờ ơn các Thiên vương ấy thầm gia hộ thần lực giúp đỡ cho kẻ tu hành, khiến thiện tâm được Thánh tựu. Nếu các Ngài không hộ trợ thì những thiện ấy đã thối

chyển sớm mất rồi.

Bởi thế nên các vị Đại Bồ-tát ma-ha-tát thường tán thán thiện tri thức là nhơn duyên rất lớn, hay khiến chúng con thẳng đến Đạo tràng. Nếu không có thiện tri thức chúng con làm sao thấy được chư Phật, vậy nên dù tan sương nát thịt cũng không thể báo đáp lòng từ bi rộng lớn ấy; cũng không thể báo đáp thâm ơn cao cả ấy.

Các vị đại Bồ-tát ma-ha-tát còn tỏ lời cám ơn như vậy, huống gì những hạng dưới hàng Bồ-tát, thấp kém hơn mà không biết lo báo ơn sao? Chúng con cùng nhau hết sức vận tâm tri ân báo ân, không thể bỏ qua sau ăn năn không kịp.

Như trong phần tự vui mừng ở đoạn trước đã nói rằng; được tái ngộ trùng phùng là khó, khó được kết quả như ngày nay, còn muốn đợi gì nữa mà không lo báo ơn.

Như hội sám hối này mất rồi thì biết hội nào gặp lại.

Vậy nên dõng mãnh hy sinh vì người; sự thành có bại, xuân qua đông về, thời gian biến chuyển, không chờ đợi một ai. Nhơn mạng vô thường, chỉ sống trong hơi thở đâu có lâu dài! Nghĩ lại, một phen này xa nhau, biết bao giờ gặp lại.

Mọi người nên tự nỗ lực, nhất tâm tha thiết năm vóc sát đất, đầu thành đảnh lễ, nguyện xin thay thế hết thảy thiên chủ, hết thảy chư Tiên, và quyến thuộc của các vị ấy, khắp mười phương, tận hư không giới mà quy y kỉnh lễ thế gian Đại từ bi phụ:

Nam mô Di Lặc Phật
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam mô Thiện Thệ Nguyệt Phật
Nam mô Phạm Tự Tại Vương Phật
Nam mô Sư Tử Nguyệt Phật
Nam mô Phước Thành Đức Phật
Nam mô Chánh Chủ Phật
Nam mô Vô Thắng Phật
Nam mô Nhật Quang Phật
Nam mô Bảo Danh Phật
Nam mô Đại Tinh Tấn Phật
Nam mô Sơn Quang Vương Phật
Nam mô Thế Minh Phật
Nam mô Điện Đức Phật
Nam mô Dức Tụ Vương Phật

Nam mô Cúng Dường Danh Phật
Nam mô Pháp Tán Phật
Nam mô Bảo Ngữ Phật
Nam mô Cứu Mạng Phật
Nam mô Thiện Giới Phật
Nam mô Thiện Chúng Phật
Nam mô Định Ý Phật
Nam mô Hỷ Thắng Vương Phật
Nam mô Sư Tử Quang Phật
Nam mô Phá Hữu Ám Phật
Nam mô Chiếu Minh Phật
Nam mô Thượng Danh Phật
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát

Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thảy Tam bảo. Nguyện xin Tam bảo dủ lòng từ bi, đồng gia tâm nhiếp thọ; nguyện cho mười phương tận hư không giới hết thảy Thiên chủ, hết thảy chư Thiên và quyến thuộc của các vị ấy, hiện tiền thường không huệ bình đẳng, được sức trí huệ phương tiện khai thác vô lậu đạo; hạnh nguyện thập địa đều được ngày càng sáng tỏ, tâm tu lục độ, tứ đẳng, thật hành Bồ-tát đạo, vào Phật hành xứ do tứ hoằng thệ nguyện, không bỏ chúng sanh; biện tài vô ngại, lạc thuyết vô cùng quyền xảo hóa độ, lợi ích chúng sanh; đồng lên Pháp vân. Chứng quả thường trú.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI LĂM: LỄ PHẬT THẾ CÁC VỊ TIÊN

Ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng đều nên chí tâm một lòng tha thiết đầu thành đảnh lễ Tam bảo, nguyện vì hết thảy Tiên chủ, hết thảy chơn Tiên và quyến thuộc của Tiên, cùng khắp mười phương tận hư không giới mà quy mạng kỉnh lễ thế gian Đại từ bi phụ:

Nam mô Di Lặc Phật
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam mô Lợi Huệ Vương Phật
Nam mô Châu Nguyệt Quang Phật
Nam mô Oai Quang Vương Phật
Nam mô Bất Phá Luận Phật
Nam mô Quang Minh Vương Phật
Nam mô Châu Luân Phật
Nam mô Thế Sư Phật
Nam mô Các Thủ Phật
Nam mô Thiện Nguyệt Phật
Nam mô Bảo Diệm Phật
Nam mô La Hầu Thủ Phật
Nam mô Lạc Bồ Đề Phật
Nam mô Đẳng Quang Phật
Nam mô Chí Tịch Diệt Phật
Nam mo Thế Tối Diệu Phật
Nam mô Vô Ưu Phật
Nam mô Thập Thế Lực Phật
Nam mô Hỷ Lực Vương Phật
Nam mô Đức Thế Phật
Nam mô Đại Thế Lực Phật
Nam mô Công Đức Tạng Phật
Nam mô Chơn Hạnh Phật
Nam mô Thượng An Phật
Nam mô Đề Sa Phật
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát

Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thảy Tam bảo.

Nguyện xin Tam bảo dủ lòng từ bi, đồng gia tâm nhiếp thọ, nguyện cho các Tiên chủ, hết thảy chơn Tiên và quyến thuộc của Tiên đều được giải thoát khách trần phiền não đều được thanh tịnh, hết các duyên chướng ngại, đều được diệu sắc trạm nhiên như thân tướng của Phật; tứ vô lượng tâm, lục Ba-la-mật thường được hiện tiền, tứ vô ngại trí, lục thần thông lực đều được tự tại như ý; ra vào, dạo chơi cảnh giới Bồ-tát, lên Pháp vân địa, vào Kim cang tâm, dùng sức thần thông bất khả tư nghị, trở lại độ thoát hết thảy sáu đường chúng sanh.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI SÁU: LỄ PHẬT THẾ CÁC VỊ TRỜI PHẠM VƯƠNG, ĐẾ THÍCH V.V...

Ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng lại trí thành đảnh lễ Tam bảo, nguyện vì các vị trời Phạm vương, trời Đế thích, Hộ thế tứ Thiên vương và quyến thuộc của các vị trời ấy mà quy y thế gian Đại từ bi phụ:

Nam mô Di Lặc Phật
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam mô Đại Quang Phật
Nam mô Diện Minh Phật
Nam mô Quảng Đức Phật
Nam mô Trân Bảo Phật
Nam mô Phước Đức Minh Phật
Nam mô Tạo Khải Phật
Nam mô Thành Thủ Phật
Nam mô Thiện Hoa Phật
Nam mô Tập Bảo Phật
Nam mô Đại Hải Phật
Nam mô Trì Đại Phật
Nam mô Nghĩa Ý Phật
Nam mô Thiện Tư Duy Phật
Nam mô Đức Luân Phật
Nam mô Bảo Quang Phật
Nam mô Lợi Ích Phật
Namj mô Thế Nguyệt Phật
Nam mô Mỹ Âm Phật
Nam mô Phạm Tướng Phật
Nam mô Chúng Sư Thử Phật
Nam mô Sư Tử Hạnh Phật
Nam mô nan Thí Phật
Nam mô Ứng Cúng Phật
Nam mô Minh Oai Đức Phật
Nam mô Đại Quang Vương Phật
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát

Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thảy Tam bảo.

Nguyện xin Tam bảo dũ lòng từ bi, đồng gia tâm nhiếp thọ, nguyện cho các Trời Phạm vương Đế Thích, Hộ Thế Tứ Thiên vương và quyến thuộc của các vị ấy được các pháp lục độ, tứ đẳng, ngày càng sáng tỏ, tứ vô ngại biện lạc thuyết vô cùng, được bát tự tại đủ lục thần thông tam muội và tổng trì móng tâm liền có, từ bi bủa khắp, bách phước trang nghiêm, vạn thiện viên mãn, tam đạt sáng suốt, ngũ nhãn hoàn toàn, làm Chuyển luân pháp vương nhiếp hóa lục đạo chúng sanh.

TỪ BI ĐẠO TRÀNG SÁM PHÁP
QUYỂN THỨ BẢY
(HẾT)

■

TỪ BI ĐẠO TRÀNG SÁM PHÁP

QUYỂN THỨ TÁM

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BẢY: LỄ PHẬT THẾ A TU LA VÀ HẾT THẢY THIỆN THẦN

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng lại chí thành đảnh lễ tam bảo, năm vóc sát đất, nguyện xin thay thế hết thảy A-tu-la Vương, hết thảy A-tu-la và quyến thuộc của A-tu-la khắp mười phương tận hư không giới, lại nguyện vì hết thảy các vị thông minh, chánh trực, thiên địa hư không, chư thiện, phạt ác, thủ hộ, trì chú, bát bộ thần vương, bát bộ thần tướng, rộng ra cho đến, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc xa hoặc gần, Đông Tây Nam Bắc, tứ duy thượng hạ, cùng khắp pháp giới, các vị có sức đại thần thông, có sức đại oai đức như vậy, chúng con nguyện thay thế cho tất cả các vị ấy mà quy y thế gian Đại Từ Bi Phụ:

Nam mô Di Lặc Phật.
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật.
Nam mô Bảo Danh Phật.
Nam mô Chúng Thanh Tịnh Phật.
Nam mô Vô Biên Danh Phật.
Nam mô Bất Hư Quang Phật.
Nam mô Thánh Thiên.
Nam mô Chi Vương Phật.
Nam mô Kim Cang chúng Phật.
Nam mô Thiện Chướng Phật.
Nam mô Kiến Từ Phật.
Nam mô Hoa Quốc Phật.
Nam mô Pháp Ý Phật.
Nam mô Phong Hành Phật.
Nam mô Thiện Tư Danh Phật.
Nam mô Đa Minh Phật.
Nam mô Mật Chúng Phật.

Nam mô Công Đức Thủ Phật.
Nam mô Lợi Ý Phật.
Nam mô Vô Cụ Phật.
Nam mô Kiên Quán Phật.
Nam mô Trù Pháp Phật.
Nam mô Châu Túc Phật.
Nam mô Giải Thoát Đức Phật.
Nam mô Diệu Thân Phật.
Nam mô Thiện Ý Phật.
Nam mô Phổ Đức Phật.
Nam mô Quang Vương Phật.
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát.
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát.

Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thảy Tam bảo.

Nguyện xin Tam bảo dủ lòng từ bi, đồng gia tâm ủng hộ che chở, nguyện A-tu-la Vương, hết thảy A-tu-la và quyến thuộc của A-tu-la. Lại xin nguyện cho các vị thông minh chánh trực, thiên địa hư không, chủ thiện phạt ác, thủ hộ trì chú, bát bộ thần vương, bát bộ thần tướng và quyến thuộc của các vị ấy, thoát được khách trần phiền não, thanh tịnh được các chuyện chướng, phát tâm đại thừa, tu đạo vô ngại, tứ vô lượng tâm, lục Ba-la-mật thường được hiện tiền, tứ vô ngại biên, sáu thức thần thông đều được như ý muốn, hằng đem từ bi cứu độ chúng sanh, tu đạo Bồ-tát, vào trí huệ Phật, chứng tâm kim cang thành bậc Chánh giác.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI TÁM: LỄ PHẬT THẾ CÁC LONG VƯƠNG

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng lại chí thành đảnh lễ, năm vóc sát đất, nguyện vì mười phương tận hư không giới hết thảy Long Vương nhiều không thể nghỉ bàn:

Diệu Hóa Long Vương, Đầu Hóa Đề Long Vương, Ngũ Phương Long Vương, Thiên Long Vương,Địa Long Vương, Sơn Long Vương, Hải Long Vương, Nhật Cung Long Vương, Nguyệt Cung Long Vương, Tinh Cung Long Vương, Tuế Thời Long Vương, Thanh Hải Long Vương, Hộ Hình Mạng Long Vương, Hộ Chúng Sanh Long Vương.

Rộng ra cho đến mười phương Long Vương, hoặc xa hoặc gần, hoặc trong hoặc ngoài, Đông Tây Nam Bắc, tứ duy thượng hạ, cùng hư không, tận pháp giới, có sức đại thần thông, có sức đại oai đức, nguyện vì tất cả những Long Vương, tất cả những Long thần. Như vậy và quyến thuộc của các vị ấy mà quy y kỉnh lễ hết thảy thế gian Đại Từ Bi Phụ:

Nam mô Di Lặc Phật
Nam mô Thích Ca Mâu Ni
Nam mô Diệu Trí Phật
Nam mô Phạm Tài Phật
Nam mô Thật Âm Phật
Nam mô Chánh Trí Phật
Nam mô Lực Đắc Phật
Nam mô Sư Tử Ý Phật
Nam mô Hoa Tướng Phật
Nam mô Trí Tích Phật
Nam mô Hoa Xỉ Phật
Nam mô Công Đức Tạng Phật
Nam mô Danh Bảo Phật
Nam mô Hy Hửu Danh Phật
Nam mô Thượng Giới Phật
Nam mô Vô Úy Phật
Nam mô Nhật Minh Phật
Nam mô Phạm Thọ Phật
Nam mô Nhất Thế Thiên Phật
Nam mô Nhạo Trí Phật
Nam mô Bảo Thiên Phật

Nam mô Châu Tạng Phật
Nam mô Đức Lưu Bố Phật
Nam mô Trí Vương Phật
Nam mô Vô Phược Phật
Nam mô Kiên Pháp Phật
Nam mô Thiên Đức Phật
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát

Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thảy Tam bảo.

Nguyện xin Tam Bảo dủ lòng từ bi, đồng tâm nhiếp thọ, nguyện cho các Long Vươngvà quyến thuộc của Long Vương, hào quang ngày càng thêm sáng thần lực tự tại, dùng vô ngại giải đoạn trừ chướng duyên, hằng xa lìa ác thú, thường được sanh về Tịnh độ; tứ vô lượng tâm, lục Ba-la-mậtthường được hiện tiền, tứ vô ngại trí, lục thần thông lực, tùy tâm tự tại đem tâm từ bi, tiếp độ chúng sanh; diệu hạnh trang nghiêm vào pháp vân địa, nhập kim cang tâm, thành bậc chánh giác.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI CHÍN: LỄ PHẬT THẾ MA VƯƠNG

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng lại chí thành đảnh lễ, năm vóc sát đất, nguyện vì đại ma vương, ngũ đế đại ma, cho đến Đông Tây Nam Bắc, tứ duy thượng hạ, tận hư không giới, hết thảy ma vương và bà con của ma mà quy y kỉnh lễ... Nhất thế thế gian Đại Từ Bi Phụ:

Nam mô Di Lặc Phật.
Nam mô Thích Ca Mâu Ni.
Nam mô Phạm Mâu Ni Phật.
Nam mô An Tường Hạnh Phật.
Nam mô Cận Tinh Tấn Phật.
Nam mô Diệm Kiên Phật.
Nam mô Đại Oai Đức Phật.
Nam mô Chiêm Bặc Hoa Phật.
Nam mô Hoan Hỷ Phật.
Nam mô Thiện Chúng Phật.
Nam mô Đế Tràng Phật.
Nam mô Đại Ái Phật.
Nam mô Tu Mạn Sắc Phật.
Nam mô Khả Lạc Phật.
Nam mô Thiện Định Nghĩa Phật.
Nam mô Ngưu Vương Phật.
Nam mô Diệu Tý Phật.
Nam mô Đại Xa Phật.
Nam mô Mãn Nguyện Phật.
Nam mô Đức Quang Phật.
Nam mô Bảo Âm Phật.
Nam mô Kim Cang Quân Phật.
Nam mô Phú Quý Phật.
Nam mô Thế Lực Hạnh Phật.
Nam mô Sư Tử Lực Phật.
Nam mô Tịnh Mục Phật.
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát.
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát.

Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thảy Tam

Bảo.

Nguyện xin Tam Bảo dũ lòng từ bi, đồng gia tâm che chở, nguyện cho đại ma vương, ngũ đế đại ma, từ vô thỉ trở lại cho đến ngày nay, bao nhiêu chướng duyên thảy điều thanh tịnh, bao nhiêu tội nghiệp thảy đều tiêu trừ, tất cả khổ não đều được giải thoát, bốn vô lượng tâm, sáu Ba-la-mật thường được hiện tiện, bốn vô ngại trí, sáu sức thần thông, như ý tự tại, tu đạo Bồ-tát không thôi không nghỉ, trước độ chúng sanh sau thành Phật đạo.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI: LỄ PHẬT THẾ CHO NHƠN ĐẠO, QUỐC VƯƠNG V.V...

Ngày nay Đại Chúng đồng nghiệp trong Đạo Tràng đã cùng nhau nguyện vì chư thiên, chư tiên long thần bát bộ mà lễ Phật rồi.

Nay đây nguyện vì nhân đạo, hết thảy nhân vương, lễ Phật mà báo ơn nhân loại.

Lại nguyện cha mẹ, Sư Trưởng và hết thảy nhân dân mà lễ Phật. Vì sao vậy?

Vì nếu không có Quốc Chủ thì hết thảy chúng sanh không biết nương nhờ vào đâu.

Nhờ có Quốc Chủ nên tất cả mọi người đều an cư lạc nghiệp; đi lại trên đất Quốc Chủ và được nhiều lợi ích khác không thể kể xiết; cho nên Đại Chúng phải có lòng biết ơn và báo ơn.

Kinh dạy rằng:

Nếu người nào, ngày đêm sáu thời hay chịu khổ, vì muốn lợi ích nên nguyện báo ơn, thì phải phát tâm nghĩ như thế ấy tu tập hạnh từ bi.

Do nguyện lực ấy nên nghĩ báo ơn che chở của Quốc Chủ, nghĩ báo ơn cung cấp của Quốc Chủ, nghĩ báo ơn cung cấp của thí chủ, nghĩ báo ơn sanh thành của cha mẹ; nghĩ báo ơn dạy bảo của Sư trưởng, nghĩ báo ơn tế độ của chư Phật.

Nếu người nào hay chí tâm thường niệm tưởng như vậy, người ấy nhập đạo rất mau.

Ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng nhận thấy ơn lành cầu chư Phật, Đại Thánh khai hóa dụ dỗ chúng ta, ân cần như thế, khiến chúng ta phải biết báo ơn.

Ngày nay chúng ta sanh vào thời mạt pháp, mong nhờ ơn Quốc chủ mà hưng hiển được Phật pháp; nhờ Quốc chủcúng dường đầy đủ, không tiếc của báu, làm cho khắp cả nhơn dân đều noi gương Quốc chủ và sanh tâm quy kỉnh Phật Pháp Tăng.

Lại nữa người xuất gia được an thân hành đạo, đi đứng nằm ngồi được tự do, không bị trở ngại, Quốc chủ không chom người xuất gia tham dự việc đời; chỉ lo khuyên người làm lành, nguyện cho chúng sanh mau thoát khỏi sanh tử khổ đau; chỉ lo xiển dương vô lượng Pháp môn, chỉ bày đường chơn nẽo chánh cho trời và người. Nhờ ơn quốc chủ nhiều như vậy chúng ta đâu được không hết lòng lễ Phật để báo ơn quốc chủ, phải cùng nhau chí thành đảnh lễ nguyện vì quốc chủ mà quy y thế gian

Đại Từ Bi Phụ.

Nam mô Di Lặc Phật.
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật.
Nam mô Ca Diếp Phật.
Nam mô Tịnh Ý Phật.
Nam mô Tri Thức Đệ Phật.
Nam mô Mãnh Oai Đức Phật.
Nam mô Đại Quang Minh Phật.
Nam mô Phật Quang Diệu Phật.
Nam mô Tịnh Tạng Phật.
Nam mô Phân Biệt Oai Phật.
Nam mô Vô Tổn Phật.
Nam mô Mật Nhật Phật.
Nam mô Nguyệt Quang Phật.
Nam mô Trí Minh Phật.
Nam mô Thiện Tịch Hạnh Phật.
Nam mô Bất Đồng Phật.
Nam mô Đại Thỉnh Phật.
Nam mô Đức Pháp Phật.
Nam mô Trang Nghiêm Vương Phật.
Nam mô Cao Xuất Phật.
Nam mô Diệm Xí Phật.
Nam mô Hoa Đức Phật.
Nam mô Bảo Nghiêm Phật.
Nam mô Thượng Thiện Phật.
Nam mô Bảo Thượng Phật.
Nam mô Lợi Thế Phật.
Nam mô Nghiêm Độ Phật.
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát.
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát.

Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thảy Tam Bảo.

Nguyện xin Tam Bảo dủ lòng từ bi, gia tâm nhiếp thọ nguyện cho quốc chủ hiện tại thân thể khương kiện, oai đức vang lừng sự nghiệp vĩnh viễn, huệ mạng vô cùng, từ tâm vô tận, hữu tình quy tâm, Bồ-tát thạnh hóa, trời người ngợi khen, ngưỡng mộ. Tứ đẳng lục độ, ngày càng

thêm sáng, tứ vô ngại biện lạc thuyết vô cùng; được tâm tự tại, đủ sáu thần thông, tam muội tông tri móng tâm liền có; từ bi thương đời, ân khắp lục đạo, vạn hạnh sớm viên, Phật đạo chóng thành.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI MỐT: LỄ PHẬT THẾ QUYẾN THUỘC CỦA QUỐC CHỦ

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng lại đầu thành đảnh lễ Tam Bảo, nguyện vì quyến thuộc của quốc chủ và bá quan cùng quyến thuộc của bá quan mà quy y thế gian Đại Từ Bi Phụ.

Nam mô Di Lặc Phật.
Nam mô Thích Ca Mau Ni.
Nam mô Hải Đức Phật.
Nam mô Phạm Tướng Quân.
Nam mô Nguyệt Cái Phật.
Nam mô Da Diệm Phật.
Nam mô Di Lam Vương Phật.
Nam mô Trí Xung Phật.
Nam mô Giác Tưởng Phật.
Nam mô Công Đức Quang Phật.
Nam mô Thanh Lưu Bố Phật.
Nam mô Mãn Nguyệt Phật.
Nam mô Hoa Quang Phật.
Nam mô Thiện Giới Phật.
Nam mô Đăng Quang Phật.
Nam mô Điện Quang Phật.
Nam mô Quang Vương Phật.
Nam mô Quang Minh Phật.
Nam mô Cụ Túc Tán Phật.
Nam mô Hoa Tạng Phật.
Nam mô Phất Sa Phật.
Nam mô Thân Đoan Nghiêm Phật
Nam mô Tịnh Nghĩa Phật.
Nam mô Oai Mảnh Quân Phật.
Nam mô Phước Oai Đức Phật.
Nam mô Lực Hành Phật.
Nam mô La Hầu Thiên Phật
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát.
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát.

Lại quy y như vậy mười phương tận hư khơng giới hết thảy Tam

bảo.

Nguyện xin Tam bảo dủ lòng từ bi, đồng gia tâm phù hộ, nguyện cho quyến thuộc của quốc chủ, bá quan và quyến thuộc của các vị ấy thân tâm an lạc, sống lâu vô cùng, tu đạo đại thừa, vào trí huệ Phật; giữ bốn hoằng thệ, không xả bỏ chúng sanh, tứ vô lượng tâm, lục ba-la-mật thường được hiện tiền; lục thông tám đạt, thấu rõ căn tánh đủ nhị trang nghiêm, thần lực tự tại, từ tâm nhu Phật nhiếp hóa chúng sanh.

QUYỂN THỨ HAI MƯƠI HAI: LỄ PHẬT THẾ CHA MẸ

Ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng kể lại nên nghĩ nhớ công ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ; hoài thai bú mớm, ái trọng tình thâm, thà cha mẹ chịu nguy thân để con được yên ổn. Đến khi con khôn lớn, cha mẹ lại lo dạy bảo cho con biết nhơn biết lễ, hết lòng cầu thầy dạy bảo cho con học hành, nguyện cho con đạt nghĩa lý, thấy rộng hiểu sâu, luôn luôn mong muốn cho con theo kịp với người. Con muốn gì cha mẹ cũng cung cấp không tiếc gia bửu.

Ngày đêm lo âu, có khi vì con cha mẹ phải sanh bệnh khổ, ngủ không yên giấc. Khi con đi xa, cha mẹ càng trông tưởng.

Trong thiên hạ, ơn cha mẹ là nặng hơn hết.

Sở dĩ Phật dạy:

"Trong thiên hạ, không có ơn nào bằng ơn Cha Mẹ"

Than ôi! Người xuất gia và tại tục chưa thể đắc đạo phải siêng lo tu học, làm lành không nghỉ chứa đức không thôi, mới mong báo đáp ơn đức cù lao của cha mẹ.

Đại chúng cùng nhau chí thành đảnh lễ Tam bảo mỗi người tự mình nguyện vì từ khi có thần thức trở lại cho đến ngày nay, cha mẹ nhiều đời bà con nhiêu kiếp và hết thảy quyến thuộc mà quy y thế gian Đại Từ Bi Phụ:

Nam mô Di Lặc Phật
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam mô Trí Tụ Phật
Nam mô Diều Ngự Phật
Nam mô Như Vương Phật
Nam mô Hoa Tướng Phật
Nam mô La Hầu La Phật
Nam mô Đại Dược Phật
Nam mô Túc Vương Phật
Nam mô Dược Vương Phật
Nam mô Đức Thủ Phật
Nam mô Đắc Ca Xoa Phật
Nam mô Lưu Bố Dương Phật
Nam mô Phật Quang Phật
Nam mô Pháp Tang Phật
Nam mô Diệu Ý Phật

Nam mô Đức Chủ Phật
Nam mô Kim Cang Chúng Phật
Nam mô Huệ Đảnh Phật
Nam mô Thiện Trú Phật
Nam mô Ý Hạnh Phật
Nam mô Phạm Âm Phật
Nam mô Sư Tử Phật
Nam mô Lôi Âm Phật
Nam mô Thông Tướng Phật
Nam mô An Ổn Phật
Nam mô Huệ Long Phật
Nam mô Vô Biên thân Bồ-tát
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát

Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thảy Tam Bảo.

Nguyện xin Tam bảo dủ lòng từ bi, đồng gia tâm nhiếp thọ, nguyện cho cha mẹ bà con chúng con và quyến thuộc của cha mẹ bà con chúng con từ nay trở đi cho đến ngày thành Phật, hết thảy tội chướng đều được tiêu trừ, hết thảy thống khổ đều được giải thoát, kiết tập phiền não hằng được thanh tịnh, từ dài tứ thú, tự tại vãng sanh, thân cận chư Phật, được Phật thọ ký, tứ vô lượng tâm lục Ba-la-mật thường được hiện tiền, tứ vô ngại biện, lục thần thông lực, tự tại như ý, được mười trí lực, tướng tốt nghiêm thân, đồng nên Đạo tràng, thành bậc chánh giác.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI BA:
LỄ PHẬT THẾ CHA MẸ CÁC ĐỜI TRƯỚC

Ngày nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng hoặc có người Cha Mẹ mất sớm, không thể gặp lại luống tưởng vậy thôi.

Khi chưa được thần thông thiên nhãn, không biết Cha Mẹ sau khi mất rồi thần hồn sanh về đâu.

Chỉ nên vội nhờ sức phước đức truy niệm với tưởng mà báo ơn; làm lành không nghỉ, lâu ngày thành công thì quyết được toại nguyện.

Kinh dạy rằng: "Vì vong nhơn mà làm phước cũng như gởi lương hướng cho người đi xa. Nếu người ấy đã sanh lên trời thì công đức của người ấy ngày càng lợi ích. Nếu người ấy đọa lạc tam đồ ác đạo, hoặc mắc phải tám nạn thì được vĩnh viễn xa lìa khổ não. Nếu người ấy sanh ra gặp Phật, thọ lãnh chánh pháp thì liền được siêu thoát tỏ ngộ.

Cha mẹ bảy đời bà con nhiều kiếp thì trừ hết những điều lo sợ, đồng được giải thoát.

Đó là cách báo ơn tối tôn tối thượng, chí từ chí hiếu của người con trí thức vậy.

Ngày nay đại chúng nên phải cùng nhau đau thương hoài niệm, ảo não khóc lóc, nghẹn ngào, gieo mình xuống đất, nguyện gì cha mẹ nhiều đời, bà con nhiều kiếp mà quy y thế gian Đại Từ Bi Phụ:

Nam mô Di Lặc Phật
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam mô Phạm Vương Phật
Nam mô Ngưu Vương Phật
Nam mô Lợi Đà Mục Phật
Nam mô Long Đức Phật
Nam mô Thuật Tướng Phật
Nam mô Trang Nghiêm Phật
Nam mô Bất Một Âm Phật
Nam mô Hoa Đức Phật
Nam mô Âm Đức Phật
Nam mô Sư Tử Phật
Nam mô Trang Nghiêm Từ Phật
Nam mô Dõng Trí Phật
Nam mô Hoa Tích Phật
Nam mô Hoa Khai Phật

Nam mô Lực Hành Phật
Nam mô Đức Tích Phật
Nam mô Thượng Hình Sắc Phật
Nam mô Minh Diệu Phật
Nam mô Nguyệt Đăng Phật
Nam mô Oai Đức Vương Phật
Nam mô Bồ Đề Vương Phật
Nam mô Vô Tận Phật
Nam mô Bồ Đề Nãhn Phật
Nam mô Thân Sung Phật
Nam mô Huệ Quốc Phật
Nam mô Vô Biên Thân Phật
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát.

Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thảy Tam Bảo.

Nguyện xin Tam bảo dủ lòng từ bi, cứu vớt tiếp độ cha mẹ và bà con chúng con nhiều đời nhiều kiếp về quá khứ, từ nay trở đi cho đến ngày thành Phật Đạo, hết thảy tội nhơn đều được tiêu trừ, hết thảy khổ quả đều được sạch hết, phiền não kiếp nghiệp hoàn toàn thanh tịnh, đoạn ba chướng duyên trừ năm bố úy, tu đạo Bồ-tát rộng độ chúng sanh, bát giài tu tâm, tứ hoằng lợi vật, thân cận Như Lai, được Phật thọ ký, không rời khỏi chỗ, chứng quả vô sanh, tùy niệm tiêu diêu, dạo khắp cõi Phật, hạnh nguyện chóng thành, mau chứng Chánh giác.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI BỐN: LỄ PHẬT THẾ SƯ TRƯỞNG

Ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng đã vì cha mẹ và bà con mà lễ Phật rồi. Thứ lại nên nghĩ đến ơn đức Sư trưởng. Vì sao vậy?.

Vì cha mẹ tuy có công sanh thành dưỡng dục chúng ta, nhưng không thể làm thế nào cho chúng ta mau xa lìa đường ác. Cho nên Sư trưởng đối với chúng ta có ơn đức vô lượng. Sư trưởng có lòng đại từ dìu dắt khuyên đổ, hằng dạy chúng ta tu thiện muốn chúng ta ra khỏi biển sanh tử, đến bờ giải thoát bên kia. Mọi điều lợi ích đều khiến chúng ta thấy Phật, trừ hết phiền não kiết tập an trú vào đạo vô vi.

Ơn đức như vậy, ai hay báo đáp cho cùng tận. Dầu trọn đời tu hành đó chỉ là tự lợi chớ chưa phải báo đáp ơn Sư trưởng.

Sở dĩ Phật dạy: "Thiện tri thức trong thiên hạ, không ai hơn Sư trưởng, đã tự độ mình lại hay tự độ người".

Chúng ta ngày nay được xuất gia thọ đại giới, hạnh phúc này là nhờ ơn Sư trưởng mà được. Như thế, mọi người há lại không lo đền đáp nhớ tưởng ơn thầy sao?.

Vậy Đại chúng cùng nhau chí tâm một lòng tha thiết, nằm vóc sát đất, nguyện vì Hòa thượng, A-xà-lê, đồng đàn tôn chứng thượng, trung, hạ tòa và quyến thuộc của các vị ấy mà quy y thế gian Đại từ bi phụ:

Nam mô Di Lặc Phật
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam mô Tối Thượng Phật
Nam mô Thanh Tịnh Chiếu Phật
Nam mô Huệ Đức Phật
Nam mô Diệu Âm Thanh Phật
Nam mô Đạo Sư Phật
Nam mô Vô Ngại Tang Phật
Nam mô Thượng Thí Phật
Nam mô Đại Tôn Phật
Nam mô Trí Thế Phật
Nam mô Đại Diệm Phật
Nam mô Đế Vương Phật
Nam mô Chế Lực Phật
Nam mô Oai Đức Phật
Nam mô Thiện Minh Phật

Nam mô Danh Văn Phật
Nam mô Đoan Nghiêm Phật
Nam mô Vô Trần Cấu Phật
Nam mô Oai Nghi Phật
Nam mô Sư Tử Quân Phật
Nam mô Thiên Vương Phật
Nam mô Danh Thanh Phật
Nam mô Thù Thắng Phật
Nam mô Đại Tạng Phật
Nam mô Phước Đức Quang Phật
Nam mô Phạm Văn Phật
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát.

Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thảy Tam bảo.

Nguyện xin Tam bảo dù lòng từ bi, đồng gia tâm nhiếp thọ, nguyện Hòa Thượng, A-xà-lê, đồng đàn tôn chứng, thượng, trung, hạ tòa và quyến thuộc của các vị ấy, từ nay trở đia cho đến ngày thành Phật, tất cả tội chứng đều được thanh tịnh tất cả thống khổ đều được giải thoát, tất cả phiền não đều được đoạn trừ; tùy ý sanh về tịnh độ của chư Phật hạnh nguyện Bồ-tát đều được hoàn toàn, tài thí vô tận, pháp thí vô tận, phước đức vô tận, an lạc vô tận, thọ mạng vô tận, trí huệ vô tận, tứ vô lượng tâm, lục Ba-la-mật thường được hiện tiền, tứ vô ngại trí, lục thần thông lục, tự tại như ý, vào định Lăng Nghiêm, được tâm kim cang, không bỏ thề xưa, trở lại đời này, hóa độ chúng sanh.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI LĂM: LỄ PHẬT THẾ MƯỜI PHƯƠNG TỲ KHEO VÀ TỲ KHEO NI

Ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng đã vì Hoa thượng A-xà-lê v.v... mà lễ Phật rồi, sau đây lại phải chí thành đảnh lễ Tam bảo, khắp vì mười phương tận hư không giới, hiện tại và vị lai hết thảy Tỳ Kheo, Tỳ kheo ni, Thức xoa ma na, Sa di, Sa di ni cùng quyến thuộc của các vị ấy mà lễ Phật, lại nguyện vì mười phương, tận hư không giới hết thảy Ưu bà tắc, Ưu bà di và quyến thuộc của các vị ấy mà lễ Phật; lại nguyện vì từ xưa đến nay hế thảy các nhà tín thí đàn việt, thiện ác tri thức với Phật pháp, cùng quyến thuộc của các vị ấy mà lễ Phật. Như thế, hết thảy nhơn loại trong nhơn đạo và quyến thuộc của nhơn đạo, ngày nay Đại chúng do từ bi tâm khắp vì hết thảy mà quy y thế gian Đại từ bi phụ:

Nam mô Di Lặc Phật
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam mô Đăng Vương Phật
Nam mô Trí Đảnh Phật
Nam mô Thượng Vương Phật
Nam mô Địa Vương Phật
Nam mô Chí Giải Thoát Phật
Nam mô Kim Kế Phật
Nam mô La Hầu Nhật Phật
Nam mô Mạc Năng Thắng Phật
Nam mô Mâu Ni Tịnh Phật
Nam mô Thiện Quang Phật
Nam mô Kim Tế Phật
Nam mô Chủng Đức Thiên Vương Phật
Nam mô Pháp Cái Phật
Nam mô Đức Tý Phật
Nam mô Ương Già Đà Phật
Nam mô Mỹ Diệu Huệ Phật
Nam mô Vô Ý Phật
Nam mô Chư Oai Đức Phật
Nam mô Sư Tử Kế Phật
Nham mô Giải Thoát Tướng Phật
Nam mô Oai Tướng Phật

Nam mô Đoạn Lưu Phật
Nam mô Huệ Tạng Phật
Nam mô Trí Tụ Phật
Nam mô Vô Ngại Tán Phật
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát

Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thảy Tam bảo.

Nguyện xin Tam bảo dủ lòng từ bi, đồng gia tâm che chở, nguyện cho mười phương tận hư không giới hết thảy Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, thức xoa ma na, sa di, sa di ni va quyến thuộc của các vị ấy; lại nguyện cho mười phương hết thảy Ưu bà tắc, Ưu bà di và quyến thuộc của các vị ấy, lại nguyện cho từ xưa đến nay hết thảy các nhà tín thí, đàn việt, thiện hữu, ác hữu, cùng các người có duyên hay vô duyên với Phật pháp và quyến thuộc của các vị ấy, rộng ra cho đến nhơn loại, hết thảy nhơn đạo, từ vô thỉ trở lại cho đến ngày nay, bao nhiêu phiền não đều được đoạn trừ, bao nhiêu duyên chướng đều được thanh tịnh, bao nhiêu tội nghiệp đều được sạch hết bao nhiêu thống khổ đều được giải thoát; xa lìa ba nghiệp, trừ năm sợ hãi; bốn vô lượng tâm, sáu Ba-la-mật thường được hiện tiền; bốn vô ngại trí, sáu sức thần thông đều được tự tại, tu Bồ-tát hạnh, vào đạo nhất thừa, độ thoát chúng sanh.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI SÁU: LỄ PHẬT THẾ TỨ CHÚNG QUÁ KHỨ

Ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng lại hết lòng đảnh lễ Tam bảo, nguyện vì mười phương tận hư không giới hết thảy Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Thức xoa ma na, Sa di, Sa di ni đã qua đời rồi; hết thảy Ưu bà tắc, Ưu bà di, rộng ra cho đến mười phương hết thảy nhơn đạo, hết thảy nhơn loại đã qua đời rồi và quyến thuộc của các vị ấy, ngày nay Đại chúng do tâm từ bi đồng chư tâm của chư Phật, đồng như nguyện của chư Phật, khắp vì các người ấy mà quy y thế gian Đại từ bi phụ:

Nam mô Di Lặc Phật
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam mô Bảo Tụ Phật
Nam mô Thiện Âm phật
Nam mô Sơn Vương Tướng Phật
Nam mô Pháp Đảnh Phật
Nam mô Giải Thoát Đức Phật
Nam mô Thiện Đoan Nghiêm Phật
Nam mô Cát Thân Phật
Nam mô Ái Ngữ
Nam mô Sư Tử Lợi Phật
Nam mô Hòa Lâu Na Phật
Nam mô Sư Tử Pháp Phật
Nam mô Pháp Lực Phật
Nam mô Ái Nhạo Phật
Nam mô Tán Bật Động Phật
Nam mô Chúng Minh Vương Phật
Nam mô Giác Ngộ Phật
Nam mô Diệu Minh Phật
Nam mô Ý Trụ Nghĩa Phật
Nam mô Quang Chiếu Phật
Nam mô Hương Đức Phật
Nam mô Linh Hỷ Phật
Nam mô Bất Hư Hạnh Phật
Nam mô Diệt Khuể Phật
Nam mô Thượng Sắc Phật

Nam mô Thiện Bộ Phật
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát.

Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thảy Tam bảo.

Nguyện xin Tam bảo dùng sức từ bi, cứu hộ nhiếp thọ, nguyện cho hết thảy Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, thức xoa ma na, sa di, sa di ni và quyến thuộc của các vị ấy trong đời quá khứ; và nguyện cho hết thảy Ưu bà tắc, Ưu bà di cùng quyến thuộc của các vị ấy trong đời quá khứ; nếu có người nào bị thống khổ trong đường địa ngục, ngày nay liền được giải thoát; hoặc có người nào bị thống khổ trong đường ngạ quỉ, ngày nay liền được giải thoát; hoặc có người nào bị thống khổ trong đường súc sanh, ngày nay liền được giải thoát; ra khỏi tám nạn, sanh vào tám phước, hằng xa lìa đường ác, hằng sanh về tịnh độ; tài thí vô tận, pháp thí vô tận, phước đức vô tận, an lạc vộ tận, thọ mạng vô tận, trí huệ vô tận tứ vô lượng tâm. Lục ba-la-mật, thường được hiện tiền, tứ vô ngại trí, lục thần thông lực, như ý tự tại; thường được thầy Phật, nghe pháp, tu Bồ-tát đạo, dõng mãnh, tinh tấn, không thôi không nghỉ, tiến lên cho đến địa vị vô thượng chánh đẳng chánh giác, rộng độ hết thảy chúng sanh.

TỪ BI ĐẠO TRÀNG SÁM PHÁP
QUYỂN THỨ TÁM
(HẾT)

■

TỪ BI ĐẠO TRÀNG SÁM PHÁP

QUYỂN THỨ CHÍN

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI BẢY: LỄ PHẬT THẾ CHÚNG SANH TRONG ĐỊA NGỤC A TỲ

Ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng nhận thấy từ phần quy y trở đi cho đến phần này về sau đều trình bày vạn pháp sai biệt, tội phước bất nhất, nhưng cũng rõ ràng như sáng và tối, tóm lại mà nói thì chỉ có thiện và ác mà thôi.

Thiện là con đường tốt đẹp, đi đến các cõi trên, ác là nẽo sấu xa, đọa xuống các cõi dưới, trong ba đường ác. Tu nhơn nghĩa thì đi về cảnh giới an vui tốt đẹp, gây tàn hại thì đọa xuống cảnh giới khổ đau hạ tiện. Người ở cảnh thù thắng an vui mà người quả báo tốt đẹp, chứ không phải do sự cạnh tranh đua vô đạo, tàn ác bất nhơn mà được.

Người ta cảnh thắng thọ hưởng vui thú nhiệm màu, tự nhiên, tiêu diêu tự tại, thẳng đến đạo Bồ đề giác ngộ. Người ở cảnh hạ liệt đau khổ là do nghiệp xấu xa, hạ liệt, tàn ác bất nhơn gây ra.

Người ấy ở trong hỏa thành lưới sắt; ăn thời ăn hoàn sắt nóng mãnh liệt; uống thời uống nước đồng sôi dữ dội. Thọ mạng vô tận kiếp số vô cùng chịu đủ thống khổ.

Thống khổ trong địa ngục không thể kể xiết, không thể chịu nổi. Tinh thần lìa khỏi thân mạng này liền sa vào Địa ngục hỏa thành. Quả báo thì có đao luân gia hình, đền nnợ thì có đá lửa mài thân. Mạng sống kéo dài ôm khổ mà chịu. Dầu thoát khỏi địa ngục cũng vào ngạ quỉ. Thân hình tiều tụy, ôm lòng đói khát, miệng khạt ra lửa, mạng sống mong manh. Chết rồi lại đọa làm súc sanh chịu bao khổ sở. Da thịt dùng làm đồ ăn thân hình bị chia xẻ nấu nướng, yến tiệc ninh đình. Hoặc là trở nặng đi xa, làm việc nguy hiểm. Đó là một nỗi khổ nặng nhất trong ba đường ác.

Đau đớn thay cho những kẻ ở trong đêm dài của dục vọng mờ mịt không có ngày ra mà không tự biết!.

Vui khổ rõ ràng như vậy, mà nói không ai tin! Cũng chỉ vì chúng sanh hay chấp lấy cái bản ngã nhỏ nhen của mình nên không tin, lại nghi ngờ mê muội.

Bởi nghi ngờ mê muội nên có lắm người không ưa điều lành. Sở dĩ Phật dạy: " Đời có mười việc, chết đọa Địa ngục: 1- Vui khổ rõ ràng như vậy, mà nói không ai tin! Cũng chỉ vì chúng sanh hay chấp lấy cái bản ngã nhỏ nhen của mình nên không tin, lại nghi ngờ mê muội.

Bởi nghi ngờ mê muội nên có lắm người không ưa điều lành. Sở dĩ Phật dạy: " Đời có mười việc, chết đọa Địa ngục: 1- Ý không chuyên làm lành, không tu tích đức. 2- Tham ăn như cọp đói kia không khác. 3- Say mê tửu sắc, ôm lòng độc hại. 4- Thường tập ngu si, khônhg nghe lời can gián. 5- Tự ỷ sức mình làm các việc ác. 6- Ưa giết chúng sanh, lấn hiếp người cô quả. 7- Thường làm bạn với kẻ ác. 8- Xâm lấn phạm vi của người. 9- Lời nói không chơn thật. 10- không thương mọi loài, làm các nghiệp ác. Những người như thế không thể sống lâu, chết vào đường ác".

Ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng nhận thấy: Theo lời Phật dạy, mấy ai thoát được. Nếu không thoát được thì ở trong địa ngục đều có tội phần.

Đại chúng mọi người đều lãnh hội được ý ấy, thì tự mình không nên buông lung phải gấp tu Bồ-tát đạo; cần cầu Phật pháp, lợi ích chúng sanh. Trước là tự diệt tội cho mình. Sau là sanh phước cho người. Đó là tự lợi lợi tha, mình và người không khác.

Ngày nay cùng nhau khởi tâm dõng mãnh, tâm kiên cố, tâm từ bi, tâm độ hết thảy, tâm cứu hết thảy. Phát tâm như vậy cho đến khi thành Phật, không quên bổn nguyện.

Nguyện xin hết thảy mười phương tân hư không giới chư Phật, chư Đại Bồ-tát, đem đại thần thông lực, đại từ bi lực, đại giải thoát địa ngục lực, tế độ ngạ quỷ lực, cứu tế chúng sanh lực, đại thần chí lực, đại oai mãnh lực, khiến chúng con tên.... Việc làm đều được kết quả lợi ích, lời nguyện đều được thành tựu viên mãn.

Chúng con một lòng tha thiết đầu thành đảnh lễ Tam bảo, nguyện vì hết thảy chúng sanh đang chịu khổ trong địa ngục A tỳ, cho đến hết thảy chúng sanh đang chịu khổ trong hắc ám địa ngục, trong mười tám địa ngục lạnh, trong mười tám địa ngục nóng, trong mười tám địa ngục đao luân, địa ngục rừng kiếm, địa ngục hỏa xa, địa ngục phát sí, Địa ngục hầm than mà quy y Tam bảo.

Những địa ngục ấy lại có tám vạn bốn ngàn địa ngục khác làm

quyến thuộc. Trong ấy có bao nhiêu chúng sanh chịu khổ, chúng con nguyện do Bồ đề tâm, Bồ đề hạnh, Bồ đề nguyện, xin vì hết thảy chúng sanh ấy mà đảnh lễ quy y Đại từ bi phụ:

Nam mô Di Lặc Phật
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam mô Đại Âm Tán Phật
Nam mô Tịnh Nguyện Phật
Nam mô Nhật Thiên Phật
Nam mô Lạc Huệ Phật
Nam mô Nhiếp Thân Phật
Nam mô Oai Đức Thế Phật
Nam mô Sát Lợi Phật
Nam mô Đức Thừa Phật
Nam mô Thượng Kim Phật
Nam mô Giải Thoát Kế Phật
Nam mô Nhạo Pháp Phật
Nam mô Trú Hạnh Phật
Nam mô Xả Kiêu Mạn Phật
Nam mô Trí Tạng Phật
Nam mô Phạm Hạnh Phật
Nam mô Chiên Đàn Phật
Nam mô Vô Ưu Danh Phật
Nam mô Đoạn Nghiêm Thân Phật
Nam mô Tướng Quốc Phật
Nam mô Liên Hoa Phật
Nam mô Vô Biên Thân Đức Bồ-tát
Nam mô Thiên Quang Phật
Nam mô Huệ Hoa Phật
Nam mô Tần Đầu Ma Phật
Nam mô Trì Phú Phật
Nam mô Sư Tử Du Hý Bồ-tát
Nam mô Sư Tử Phấn Tấn Bồ-tát
Nam mô Địa Tạng Bồ-tát
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát

Lại quy y như vậy mười phương tận hư khômg giới hết thảy Tam

bảo.

Nguyện xin Tam bảo dũ lòng từ bi cứu độ dẫn tiếp các chúng sanh chịu khổ trong A tỳ địa ngục, cho đến trong hắc ám Địa ngục, đao luân Địa ngục, hỏa xa Địa ngục, phất sí Địa ngục và trong các Địa ngục quyến thuộc v.v... Xin nguyện nhờ Phật lực, Pháp lực, Bồ-tát lực, nhất thế Thánh Hiền lực, khiến những chúng sanh hiện đang chịu khổ, ngày nay liến được giải thoát; hoàn toàn không đọa trở lại trong các địa ngục, hết thảy tội chứng đều được tiêu trừ, rốt ráo không tạo nghiệp địa ngục, không sanh vào địa ngục, được sống trí huệ, bỏ thân địa ngục được thân Kim cang, bỏ khổ địa ngục, được vui Niết bàn; nhớ Địa ngục khổ, phát bồ đề tâm; tứ vô lượng tâm, lục Ba-la-mật thường được hiện tiền, bốn vô ngại trí, sáu sức thân thông tự tại như ý. Đầy đủ trí huệ, tu đạo Bồ-tát, dõng mãnh tinh tấn không thôi không nghỉ, tiến đến hạnh Thập địa vào tâm Kim cang, thành bậc Chánh giác.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI TÁM:
LỄ PHẬT THẾ CÁC CHÚNG SANH TRONG ĐỊA NGỤC KHÔI HÀ, ĐỊA NGỤC THIẾT - HOÀN V.V...

Ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng lại chí thành đảnh lễ Tam bảo nguyện xin vì những chúng sanh trong:

Địa ngục khôi hà, Địa ngục rừng kiếm, Địa ngục rừng gai, Địa ngục cột đồng, Địa ngục máy sắt, Địa ngục lưới sắt, Địa ngục hang sắt, Địa ngục hang sắt, địa ngục hoàn sắt, Địa ngục đá nhọn.

Những địa ngục như vậy đầy khắp mười phương tận hư không giới.

Ngày nay chúng con nguyện vì hết thảy chúng sanh hiện đang chịu khổ trong các địa ngục ấy phát tâm bồ đề mà quy y đảnh lễ thế gian Đại từ bi phụ:

Nam mô Di Lặc Phật
Nam mô Thích Ca Mâu ni
Nam mô Phạm Tài Phật
Nam mô Bảo Thủ Phật
Nam mô Tịnh Căn Phật
Nam mô Cụ Túc Luân Phật
Nam mô Thượng Luân Phật
Nam mô Phất Sa Phật
Nam mô Đề Sa Phật
Nam mô Hữu Nhật Phật
Nam mô Xuất Nê Phật
Nam mô Đắc Trí Phật
Nam mô Mô La Phật
Nam mô Thượng Cát Phật
Nam mô Pháp Lạc Phật
Nam mô Cầu Thắng Phật
Nam mô Trí Huệ Phật
Nam mô Thiện Thánh Phật
Nam mô Võng Quang Phật
Nam mô Lưu Ly Tạng Phật
Nam mô Danh Văn Phật
Nam mô Lợi Tịch Phật
Nam mô Giáo Hóa Phật

Nam mô Nhật Minh Phật
Nam mô Thiện Minh Phật
Nam mô Chúng Đức Thượng Minh Phật
Nam mô Bảo Đức Phật
Nam mô Sư Tử Phan Bồ-tát
Nam mô Sư Tử Tác Bồ-tát
Nam mô Địa Tạng Bồ-tát
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát.

Lại quy y như vậy, mười phương tận hư không giới hết thảy Tam Bảo. Nguyện xin Tam bảo, dùng sức từ bi, đồng gia tâm cứu hộ, cho các chúng sanh hiện nay đang chịu khổ trong những địa ngục khôi hà, địa ngục rừng kiếm v.v... Liền được giải thoát, hết thảy khổ quả đều được tiêu trừ. Những nghiệp địa ngục rốt ráo thanh tịnh; bỏ thân địa ngục được thân kim cang, bỏ khổ địa ngục, được vui niết bàn; nhớ địa ngục khổ, phát bồ đề tâm, đồng gia khỏi nhà lửa, thẳng đến Đạo tràng; cùng với các vị Bồ-tát thành bậc Chánh giác.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI CHÍN:
LỄ PHẬT THẾ CHÚNG SANH TRONG NHỮNG ĐỊA NGỤC UỐNG NƯỚC ĐỒNG SÔI, ĐỊA NGỤC HẦM HỐ V.V...

Ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng lại chí thành đảnh lễ Tam Bảo, nguyện khắp vì hết thảy chúng sanh đọa địa ngục trong mười phương tận hư không giới.

Địa ngục uống nước đồng sôi,
Địa ngục chúng hiệp,
Địa ngục khiếu hoán,
Địa ngục Đại khiếu hoán,
Địa ngục nóng,
Địa ngục đại nóng,
Địa ngục hầm than,
Địa ngục rừng cháy, v.v...

Những địa ngục ấy có vô lượng vô biên Địa ngục khác làm quyến thuộc.

Trong các địa ngục ấy chúng sanh đang chịu khổ, chúng con nguyện xin đem sức bồ đề tâm, thay thế hết thảy chúng sanh ấy mà đảnh lễ quy y thế gian Đại từ bi phụ:

Nam mô Di Lặc Phật
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam mô Nhơn Nguyện Phật
Nam mô La hầu Phật
Nam mô Cam Lồ Minh Phật
Nam mô Diệu Ý Phật
Nam mô Đại Minh Phật
Nam mô Nhất Thế Chủ Phật
Nam mô Lạc Trí Phật
Nam mô Sơn Vương Phật
Nam mô Tịch Diệt Phật
Nam mô Đức Tụ Phật
Nam mô Thiên Vương Phật
Nam mô Diệu Âm Thanh Phật
Nam mô Diệu Hoa Phật
Nam mô Trú Nghĩa Phật
Nam mô Công Đức Oai Tụ Phật

Nam mô Trí Vô Đẳng Phật
Nam mô Cam Lồ Âm Phật
Nam mô Thiện Thủ Phật
Nam mô Lợi Huệ Phật
Nam mô Trí Giải Thoát Nghĩa Phật
Nam mô Thắng Âm Phật
Nam mô Lê Đà Hạnh Phật
Nam mô Thiện Nghĩa Phật
Nam mô Vô Quá Phật
Nam mô Hành Thiện Phật
Nam mô Kim Dõng Tinh Tấn Bồ-tát
Nam mô Kim Cang Huệ Bồ-tát
Nam mô Đại Tạng Bồ-tát
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát.

Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thảy Tam Bảo.

Nguyện xin Tam Bảo dủ lòng từ bi, đồng gia tâm cứu hộ, nguyện cho hết thảy chúng sanh hiện nay đang chịu khổ trong những địa ngục uống nước đồng sôi v.v... Hết thảy tội chướng đều được tiêu trừ, hết thảy khồ não đều được tiêu trừ, từ nay về sau không còn đọa lại trong các địa ngục, sanh về tịnh độ; bỏ mạng địa ngục được mạng trí huệ, tứ vô lượng tâm lục Ba-la-mật thường được hiện tiền, bốn vô ngại trí sáu sức thần thông, tự tại như ý; ra lhỏi địa ngục, được vào niết bàn, đồng chư Phật thành đẳng Chánh giác.

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI: LỄ PHẬT THẾ CHÚNG SANH TRONG CÁC ĐỊA NGỤC, ĐAO BINH, ĐỒNG PHỦ V.V...

Ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng lại chí thành đảnh lễ, nguyện vì hết thảy chúng sanh khắp mười phương, tận hư không giới, hiện đang chịu khổ trong các địa ngục: Địa ngục tưởng tượng,

Địa ngục Hắc sa,
Địa ngục đóng đinh vào thân,
Địa ngục giếng lửa,
Địa ngục cối đá,
Địa ngục sõi bay,
Địa ngục đao binh,
Địa ngục đói khát,
Địa ngục chảo đồng sôi, v.v...

Những địa ngục như thế ấy vô lượng vô biên. Ngày nay chúng con nguyện xin vì hết thảy chúng sanh trong các địa ngục ấy, đem sức bồ đề tâm thay thế các chúng sanh ấy mà quy y thế gian Đại từ bi phụ:

Nam mô Di Lặc Phật
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam mô Hoa Tạng Phật
Nam mô Diệu Quang phật
Nam mô Nhạo Thuyết Phật
Nam mô Thiện Tế Phật
Nam mô Chúng Vương Phật
Nam mô Ly Úy Phật
Nam mô Biện Tài Phật
Nam mô Danh Văn Phật
Nam mô Bảo Nguyệt Minh Phật
Nam mô Thượng Ý Phật
Nam mô Vô Úy Phật
Nam mô Đại Kiến Phật
Nam mô Phạm Âm Phật
Nam mô Thiện Âm Phật
Nam mô Huệ Tế Phật
Nam mô Vô Đẳng Ý Phật
Nam mô Kim Cang Quân Phật
Nam mô Bồ Đề Ý Phật

Nam mô Thọ Vương Phật
Nam mô Bàn Đà Âm Phật
Nam mô Phước Đức Lực Phật
Nam mô Thế Đức Phật
Nam mô Thánh Ái Phật
Nam mô Thế Hạnh Phật
Nam mô Hổ Phách Phật
Nam mô Lạc Tri Phật
Nam mô Khí Âm Cái Bồ-tát
Nam mô Tịnh Căn Bồ-tát
Nam mô Địa Tạng Bồ-tát
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát.

Lại quy y như vậy mười phương tận hư khơng giới hết thảy Tam Bảo.

Nguyện xin Tam Bảo dùng sức từ bi, đồng gia tâm cứu hộ, nguyện cho hết thảy chúng sanh hiện đang chịu khổ trong các Địa ngục đao binh v.v... Và trong hết thảy địa ngục quyến thuộc, ngày nay liền được giải thoát, bao nhiêu khổ não đểu được đoạn trừ, không sanh vào địa ngục được sanh về tịnh độ; bỏ sống địa ngục được sống trí huệ, nhớ địa ngục khổ phát tâm bồ đề, tu Bồ-tát hạnh không thôi không nghĩ; vào đạo ngất thừa, đủ hạnh thập địa, dùng sức thần thông, tiếp độ chúng sanh, đồng lên Đạo tràng thành bậc Chánh giác.

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI MỐT
LỄ PHẬT THẾ CHÚNG SANH TRONG CÁC ĐỊA NGỤC HỎA THÀNH, ĐAO SƠN v.v...

Ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng nguyện vì hết thảy chúng sanh trong các địa ngục cùng khắp mười phương tận hư không giới mà chí thành đảnh lễ Tam bảo.

Địa ngục thành lửa,
Địa ngục hang đá,
Địa ngục nước sôi,
Địa ngục núi đao,
Địa ngục hổ lang,
Địa ngục gường sắt,
Địa ngục gió nóng,

Địa ngục phun lửa.

Những địa ngục ấy vô lượng vô biên khác làm quyến thuộc. Ngày nay chúng con nguyện xin vì hết thảy chúng sanh đang chịu khổ trong các địa ngục ấy đem sức bồ đề mà quy y thế gian Đại từ bi phụ:

Nam mô Di Lặc Phật
Nam mô Thích ca Mâu Ni Phật
Nam mô Lôi Âm Vân Phật
Nam mô Thiện Ái Mục Phật
Nam mô Thiện Tri Phật
Nam mô Cụ Túc Phật
Nam mô Đức Tích Phật
Nam mô Đại Âm Phật
Nam mô Pháp Tướng Phật
Nam mô Trí Âm Phật
Nam mô Vô Hư Không Phật
Nam mô Từ Âm Phật
Nam mô Huệ Âm Sai Biệt Phật
Nam mô Công Đức Quag Phật
Nam mô Thánh Vương Phật
Nam mô Chúng Ý Phật
Nam mô Biệt Tài Luân Phật
Nam mô Thiện Tịch Phật
Nam mô Nguyệt Diện Phật
Nam mô Nhật Danh Phật
Nam mô Vô Cấu Phật
Nam mô Công Đức Tập Phật
Nam mô Hoa Đức Tướng Phật
Nam mô Biệt Tài Quốc Phật
Nam mô Bảo Thí Phật
Nam mô Ái Nguyệt Phật
Nam mô Bất Cao Phật
Nam mô Huệ Thượng Bồ-tát
Nam mô Thường Bất Ly Bồ-tát
Nam mô Đại Tạng Bồ-tát
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát.

Lại quy y mười phương tận hư không giới hết thảy Tam bảo.

Nguyện xin Tam Bảo dủ lòng từ bi, đồng gia tâm nhiếp thọ, cho những chúng sanh hiện đang chịu khổ trong những địa ngục trên ấy, liền được giải thoát, rộng ra cho đến hết thảy chúng sanh hiện đang chịu khổ trong những địa ngục nhiều không thể kể xiết ở khắp mười phương đều nhờ Phật lực, Pháp lực, Bồ-tát lực, và Hiền Thánh lực, khiến các chúng sanh ấy liền được giải thoát hằng đoạn trừ hết nghiệp địa ngục trong mười phương.

Từ nay trở đi cho đến ngày thành Phật, rốt ráo không đọa lại trong đường ác, xả thân thọ thân thường được gặp chư Phật, đầy đủ trí huệ, thanh tịch tự tại, dõng mãnh tinh tấn, không thôi không nghĩ, tu lên cho đến mãn hạnh thập đại, vào tâm Kim cang, viên thành giống trí, do thần lực của Phật tuy tâm tự tại.

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI HAI: LỄ PHẬT THẾ CHÚNG SANH TRONG ĐƯỜNG NGẠ QUỈ

Ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng lại chí thành đảnh lễ, nguyện vì mười phương tận hư không giới hết thảy thần ngạ quỉ, ngạ quỉ và quyến thuộc của ngạ quỉ trong đường quỉ đói đem sức tâm Bồ đề ma quy y thế gian Đại từ bi phụ:

Nam mô Di Lặc Phật
Nam mô Thích ca Mâu Ni Phật
Nam mô Sư Tử Lực Phật
Nam mô Tự Tại Vương Phật
Nam mô Vô Lượng Tịch Phật
Nam mô Đẳng Định Phật
Nam mô Diệt Cấu Phật
Nam mô Bất Thất Phương Tiện Phật
Nam mô Vô Nhiêu Phật
Nam mô Diệu Diện Phật
Nam mô Trí Chế Trú Phật
Nam mô Pháp Sư Vương Phật
Nam mô Đại Thiên Phật
Nam mô Thâm Ý Phật
Nam mô Vô Lượng Phật
Nam mô Pháp Lực Phật
Nam mô Thế Cúng Dường Phật
Nam mô Hoa Quang Phật
Nam mô Tam Thế Cúng Phật
Nam mô Ứng Nhật Tam Tạng Phật
Nam mô Thiên Cúng Dường Phật
Nam mô Thượng Trí nhơn Phật
Nam mô Chơn Kế Phật
Nam mô Tín Cam Lồ Phật
Nam mô Kim Cang Phật
Nam mô Kiện Cố Phật
Nam mô Dược Vương Bồ-tát
Nam mô Dược Thượng Bồ-tát
Nam mô Địa Tạng Bồ-tát
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát

Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát.

Lại quy y mười phương tận hư không giới hết thảy Tam bảo.

Nguyện xin Tam bảo dùng sức từ bi đồng gia tâm nhiếp thọ.

Nguyện cho hết thảy thần ngạ quỉ, ngạ quỉ và quyến thuộc của ngạ quỉ, trong tất cả đường qùi đói ở mười phương, tận hư không giới, bao nhiêu tội chướng đều được tiêu trừ; bao nhiêu khổ nạn đều được giải thoát thân tâm thanh tịnh, không còn khổ não; thân tâm no đủ, không còn đói khát, được pháo vị tam lồ; mắt trí huệ mở; tứ vô lượng tâm, lục Ba-la-mật, thường dược hiện tiền, sáu sức thần thông như ý tự tại, xa lìa đường ngạ quỉ, vào cõi niết bàn, đồng với chư Phật thành bậc Chánh giác.

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI BA:
LỄ PHẬT THẾ CHÚNG SANH TRONG ĐƯỜNG SÚC SANH

Ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng lại chí thành đảnh lễ Tam bảo, nguyện khắp vì mười phương tận hư không giới hết thảy đường súc sanh trong bốn loài súc sanh, hoặc lớn, hoặc nhỏ, dưới nước trên khô, giữa hư không; hết thảy chúng sanh và quyến thuộc của tất cả chúng sanh ấy, ngay nay chúng con do sức của tâm bồ đề mà đảnh lễ quy y Đại từ bi phụ:

Nam mô Di Lặc Phật
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam mô Bảo Kiên Minh Phật
Nam mô Lê Đà Bộ Phật
Nam mô Tùy Nhật Phật
Nam mô Thanh Tịnh Phật
Nam mô Minh Lực Phật
Nam mô Công Đức Tụ Phật
Nam mô Cụ Đức Túc Phật
Nam mô Sư Tử Hạnh Phật
Nam mô Cao Xuất Phật
Nam mô Hoa Thí Phật
Nam mô Châu Minh Phật
Nam mô Liên Hoa Phật
Nam mô Ái Trí Phật
Nam mô Quy Đà Nghiêm Phật
Nam mô Bất Hư Hạnh Phật
Nam mô Sanh Pháp Phật
Nam mô Tương Minh Phật
Nam mô Tư Duy Nhạo Phật
Nam mô Lạc Giải Pháp Phật
Nam mô Tri Đạo Lý Phật
Nam mô Thường Tinh Tấn Bồ-tát
Nam mô Bất Hưu Tức Bồ-tát
Nam mô Đại Tạng Bồ-tát
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát.

Lại quy y mười phương tận hư không giới hết thảy Tam bảo.

Nguyện xin Tam bảo dùng sức Từ bi, đồng gia tâm nhiếp thọ, cho hết thảy súc sanh trong bốn loài chúng và quyến thuộc của chúng, trong tất cả đường súc sanh ở khắp mười phương tận hư không giới, bao nhiêu tội chướng đều được tiêu trừ, bao nhiêu khổ não đều được giải thoát, đồng xả bỏ ác thú, đồng chứng được đạo quả; thân tâm an vui như ở đệ tam thuyền; Tứ vô lượng tâm, lục Ba-la-mật thường được hiện tiền; bốn vô ngại trí, sáu sức thần thông, như ý tự tại; xa lìa đường súc sanh, vào đường Niết bàn, nhập Kim Cang tâm, thành bậc Chánh giác.

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI BỐN:
VÌ SÁU ĐƯỜNG CHÚNG SANH MÀ PHÁT NGUYỆN

Chúng con ngày nay xin nhờ công đức nhơn duyên lễ Phật, sám hối thế cho các vị Trời, các vi Tiên, Long thần, Bát bộ; nguyện xin cho hết thảy chúng sanh trong bốn loài sáu đường, khắp mười phương, tận hư không giới, cùng tận đời vị lai, từ nay trở đi cho đến ngày thành Phật,không thọ thân hình cách lầm lạc, oan uổng, không chịu các khổ sở độc hại, không tạo năm tội nghịch , mười tội ác, không đọa vào ba đường ác nữa.

Nhờ công đức nhơn duyên lễ Phật hôm nay đều được thân nghiệp thanh tịnh, khẩu nghiệp thanh tịnh, như chư đại Bồ-tát ma ha tát; đều như chư Đại Bồ-tát ma-ha-tát được đại tâm; tâm như đại địa, sanh ra các căn lành; tâm như biển cả, giữ gìn pháp đại trí huệ của chư Phật; tâm như núi Tu di, khiến tất cả các chúng sanh đều an trú nơi vô thượng Bồ đề: tâm như ngọc báu ma ni, xa lìa tất cả phiền não; tâm như ngọc báu Kim cang, quyết định được tất cả các pháp; tâm kiên cố tà ma ngoại đạo không thể ngăn trờ phá hoại; tâm như liên hoa, hết thảy các pháp không thể làm nhiễm nhớp; tâm như hoa Ưu đàm bát, trong bao nhiêu kiếp khó gặp được; tâm như hư không hết thảy chúng sanh không thể lường được.

Lại nguyện cho hết thảy chúng sanh trong bốn loài, sáu đường từ nay trở đi, so lường được tánh biết cùa mình, so lường được tánh quyết định tin hiểu của mình,trừ bỏ hết các pháp giả dối, thường nghĩ nhớ lời pháp ngữ. Có gì đều bố thí, tâm không luyến tiếc; tâm dõng mãnh, không sợ hãi. Công đức tu hành đều bố thí, cho tất cã chúng sanh, không đọa lại đường tà; chuyên tâm một bề chánh đạo ; thấy thiện như huyền hóa, thấy ác như chiêm bao; xa lìa sanh tử mau ra ba cõi quan sát rõ ràng, thấu đáo pháp môn, thậm thâm vi diệu, của chư Phật; tất cả đều được cúng dường hết thảy chư Phật; lễ phẩm cúng dường đều được đầy đủ; tất cả đều được cúng dường hết thảy Tôn pháp; lễ phẩm cúng dường đều được đầy đủ; tất cả đều được cúng dường hết thảy Bồ-tát; lễ phẩm cúng dường đều được đầy đủ; tất cả đều được cúng dường hết thảy Hiền Thánh, lễ phẩm cúng dường đều được đầy đủ.

Nếu tất cà chúng sanh đời vị lai trái với lời đại nguyện của chúng con hôm nay, đều xin nhờ ơn đức Tam bảo, khiến tất cả chúng con sanh ấy đồng được vào trong bể đại nguyện nầy; liền được thành tựu công đức trí huệ; nhờ thần lực của Phật mà tùy tâm tự tại, đồng như chư Phật đều thành Chánh giác.

CHƯƠNG THƯ BA MƯƠI LĂM: CẢNH TĨNH VÔ THƯỜNG

Ngày nay Đại chúng trong đồng nghiệp trong Đạo tràng đã cúng nhau lễ Phật, sám hối pháp nguyện thế cho hết thảy chúng sanh trong lục đạo rồi; bây giờ cần phải tỉnh ngộ vô thường.

Than ôi! Tội phước trong ba cõi, nhơn quả sanh nhau ở ngay tại tâm, không rời đương niệm, nhơn quả ảnh hưởng lẫn nhau, không ngoài thiện ác;không thể sai lầm.

Nguyện xin Đại chúng nên giác ngộ lý vô thường; phải siêng lo tu hành để tự cứu lấy bản thân, chớ sanh tâm lười biếng mà không cố gắng.

Người tri thức thường than: "Giả sử người hưởng thú dục lạc trăm, ngàn, vạn, ức năm, rốt cuộc cũng không thể tránh được ba đường ác". Huống gì chúng ta trong thời gian ngắn ngủi một trăn năm, nhưng mấy ai sống được một nửa. Thế thì chúng ta không thể tự dung túng qua ngày không lo tu tập.

Vả lại thế gian huyễn hóa, rốt cuộc tất cả đều tiêu ma. Có rồi hoàn không, lên cao rồi phải xuống thấp; có sum họp phải có chia ly; có sanh quyết có tử; cha mẹ vợ con chồng bạn, anh em quyến thuộc, thương yêu đến tận cốt tủy, đến giờ phút lâm chung, không ai có thể chết thế cho ai.

Quyền cao chức trọng,vinh hoa phú quý, tiền tài bảo vật cũng không thể kéo dài đời sống, cũng không thể dùng lời lẽ, ăn uống cầu phúc để mong thoát khỏi tử thần. Sống chết là việc vô hình, không ai có thể lưu lại được!.

Kinh dạy rằng: "Chết là hết". Tắt hơi thở rồi, thần thức thoát ly, thân hình tan rã, nhơn vật như nhau, không ai sống mà không chết. Nhưng trong lúc bỏ thân mạng sống này, khổ não vô cùng. Sáu dòng bà con nội ngoại, vây quanh khóc lóc. Người chết khi ấy sợ lắm; không biết nương nhờ ai.

Lúc hơi thở cuối cùng sắp tàn, người chết nhớ lại hết thảy việc thiện ác mình đã làm trong một đời qua; hành tướng quả báo sum la hiện ra trước mắt.

Người làm lành được thiên thần (thần trời) phù hộ. Người làm ác có ngưu đầu ngục tối xua đuổi. Ngục tối la sát hằng không khoan dung tha thứ. Từ thân, hiếu tử không thể cứu giúp; vợ chồng ân ái chỉ nhìn nhau, xem cái chết đến. Gió phong đao xẻ thân đau khổ không thể nói được

Người chết lúc ấy ruột đau như dao cắt, bao nhiêu thống khổ đồng thời dồn dập; tinh thần hoảng hốt như điên như cuồng. Dầu muốn khởi tâm nghĩ một niệm hành làm một mảy phước, lễ Phật một lạy cũng không thể được. Lòng càng hối hận, khổ não như vậy, không ai chịu thế cho ai.

Kinh Niết Bàn dạy rằng:" Người chết ở nơi chốn hiểm nạn, không có lương thực; đường đi mờ mịt xa săm lại không có bạn bè; ngày đêm đi mãi không biết về đâu, không có phương hướng ; thâm thúy tối tăm, không có ánh sáng; vào vô gián địa ngục; đến rồi không thoát ra được. Sống trong tu phước chết về chỗ khổ, sâu thẳm chua cay, không thể liệu trị. Việc ấy không có hình sắc nen không thể biết trước mà lo sợ".

Ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng đã biết quả báo của sự sống chết như sợi dây xích, không có mối manh, không bao giờ cúng tận. Chết có thần hồn đi ngơ ngác, thui thủi một, không biết về đâu, không ai thấy biết, không thể tỉm kiếm, không thể ghi nhớ. Chỉ một mình tự nỗ lực siêng năng chịu khổ, chăm lo tu tập, thật hành lục độ, tứ vô lượng tâm vv...để làm tư lương riêng về xứ sở. Chớ tự mình còn mạnh khỏe mà tự yên tâm. Phải nên hết lòng tha thiết, đảnh lễ quy y thế gian Đại từ bi phụ:

Nam mô Di Lặc Phật
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam mô Đa Văn Hải Phật
Nam mô Trì Hao Phật
Nam mô Bất Tùy Thế Phật
Nam mô Hỷ Chúng Phật
Nam mô Khổng Tước Âm Phật
Nam mô Bất Thối Một Phật
Nam mô Đoạn Hữu Ái Cấu Phật
Nam mô Oai Nghi Tế Phật
Nam mô Vô Động Phật
Nam mô Chư Thiên Lưu Bố Phật
Nam mô Bảo Bộ Phật
Nam mô Hoa Thủ Phật
Nam mô Oai Đức Phật
Nam mô Phá Oán Tặc Phật
Nam mô Phú Gia Văn Phật
Nam mô Diệu Quốc Phật

Nam mô Hoa Minh Phật
Nam mô Sư Tử Trí Phật
Nam mô Nguyện Xuất Phật
Nam mô Diệt Ám Phật
Nam mô Sư Tử Du Hý Bồ-tát
Nam mô Sư Tử Phấn Tấn Bồ-tát
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát.

Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thảy Tam Bảo:

Nguyện xin Tam bảo đồng gia tâm che chở nguyện cho Đại chúng đồng sám hối trong Đạo tràng từ nay cho đến ngày thảnh Phật, bao nhiêu tội nhơn, vô lượng khổ quả đều được đoạn trừ, phiền não kiết nghiệp hoàn toàn thanh tịnh. Thường được đích thân tham dự các hội thuyết pháp của chư Phật; tu đao Bồ-tát, tự tại thọ sanh, tứ đẳng lục độ như pháp tu hành; tứ biện lục thông hoàn toàn đấy đủ, trăm ngàn tam muội, ứng niệm hiện tiền, các môn tông trì đều hay chứng nhập, chóng lên Đạo tràng, thành bậc Chánh giác.

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI SÁU: LỄ PHẬT THẾ NGƯỜI LÀM CÔNG QUẢ Ở CHÙA

Ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng lại trí thành đảnh lễ Tam bảo, khởi tâm từ bi, không phân biệt oán thân; nguyện vì những người ngày nay chuyển thân trở lại vào chùa làm việc nấu ăn, gánh nước, bửa củi, tùy hỷ công đức, vận hết năng lực làm giúp công việc về phước nghiệp khó nhọc, nguyện khắp vì bà con quyến thuộc các người ấy, lại nguyện vì hết thảy những người hiện đời này bị lao ngục, ách nạn khốn khổ, giam cấm trói buộc và những người bị hành phạt đói khổ sở. Nghĩ thương các người ấy ở đời tuy được làm người, nhưng vui ít khổ nhiều, gông cúm xiềng xích chia thể lìa thân; hoặc là đời nay tạo ác hoặc là đới trước tạo ác, nghiệp báo còn theo dõi, hoặc đáng được phóng thích rồi, nhưng không biết do đâu giãi bầy, tội nặng bị sử tử, không người cứu.

Chúng con tên .... Ngày nay do tâm từ bi nguyện vì các người ấy và quyến thuộc của các người ấy, mà quy y thế gian Đại từ bi phụ:

Nam mô Di Lặc Phật
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam mô Thứ Đệ Hành Phật
Nam mô Phước Đức Đăng Phật
Nam mô Âm Thanh Trị Phật
Nam mô Kiều Đàm Phật
Nam mô Thế Lực Phật
Nam mô Thân Tâm Trú Phật
Nam mô Thiện Nguyện Phật
Nam mô Giác Ý Hoa Phật
Nam mô Thượng Cát Phật
Nam mô Thiện Oai Đức Phật
Nam mô Trí Lực Đức Phật
Nam mô Thiện Đăng Phật
Nam mô Kiên Hạnh Phật
Nam mô Thiện Âm Phật
Nam mô An Lạc Phật
Nam mô Nhật Diện Phật
Nam mô Lạc Giải Thoát Phật
Nam mô Giới Minh Phật

Nam mô Trú Giới Phật
Nam mô Vô Cấu Phật
Nam mô Sư Tử Phan Bồ-tát
Nam mô Sư Tử Tác Bồ-tát
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát.

Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thảy Tam bảo.

Nguyện xin Tam Bảo dùng sức từ bi, đồng gia tâm nhiếp thọ, nguyen cho những người "chấp lao phục dịch" (gánh nước hàng củi), tùy hỷ công đức va quyến thuộc của các người ấy, từ nay trở đi cho đến ngay thành Phật, hết thảy tội chứng đều được tiêu trừ, hết thảy khổ não đều được giải thoát thọ mạng diên trường, thân tâm an lạc, hằng lìa tai ách, không còn phiền não chương ngại nữa, phát tâm đại thừa, tu Bồ-tát đạo, lục độ, tứ đẳng đều được hoàn toàn xả lý sanh tử, đồng được an vui Niết Bàn.

Lại nguyện trong thiên hạ những người bi hình phạt tù đầy, cầm cố trói trăn, ách nạn khốn khổ, những người bệnh tật, không được tự tại, và quyến thuộc của các người ấy, đều nhờ oai lực công đức của chúng con lễ Phật sám hối hôm nay mà được giải thoát khổ não, những nghiệp nhơn độc ác hoàn toàn đoạn trừ; ra khỏi lao ngục, vào thiện pháp môn; thọ mạng vô cùng trí huệ vô tận, thân tâm an lạc như ở đệ tam thiền; nhớ lao ngục khổ tưởng báo ơn Phật; cài ác tùng thiện, phát tâm đại thừa, hành đạo Bồ-tát, vào tâm Kim cương, trở lại độ thoát hết thảy chúng sanh đồng thành Chánh giác thần lực tự tại.

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI BẢY: PHÁT NGUYỆN HỒI HƯỚNG

Ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng đã phát tâm rồi, công việc sám hối đã xong. Thứ lại nên đem công đức này phát nguyện hồi hướng cho hết thảy chúng sanh. Vì sao vậy?

Vì hết thảy chúng sanh sở dĩ không được giải thoát đều do đắm trước quả báo, không thể xả bỏ. Nếu có chút thiện mảy phước mà hay hồi hướng được thì đối với quả báo không sanh tâm đắm trước, liền được giải thoát thống thả tự tại.

Vì vậy nên trong kinh tán thán sự tu hành biết hồi hướng là việc địa lợi ích. Cho nên bây giờ Đại chúng cũng phải phát nguyện hồi hướng và khuyến khích mọi người không nên đắm trước quả báo.

Chúng con cúng nhau trước hết là chí tâm đảnh lễ quy y thế gian Đại từ bi phụ:

Nam mô Di Lặc Phật
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam mô Kiên Xuất Phật
Nam mô An Xà Na Phật
Nam mô Tăng Ích Phật
Nam mô Hương Minh Phật
Nam mô Vi Lam Minh Phật
Nam mô Niệm Vương Phật
Nam mô Mật Bát Phật
Nam mô Vô Ngại Tướng Phật
Nam mô Tin Giới Phật
Nam mô Chí Diệu Dạo Phật
Nam mô Nhạo Thật Phật
Nam mô Minh Pháp Phật
Nam mô Cụ Oai Đức Phật
Nam mô Chí Tịch Diệt Phật
Nam mô Thượng Từ Phật
Nam mô Đại Từ Phật
Nam mô Cam Lồ Vương Phật
Nam mô Di Lâu Minh Phật
Nam mô Thánh Tán Phật
Nam mô Quảng Chiếu Phật
Nam mô Văn Thù Sư Lợi Bố Tát

Nam mô Phổ Hiền Bồ-tát
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát.

Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thảy Tam bảo.

Nguyện xin Tam bảo dùng sức từ bi, đồng gia tâm phù hộ cho chúng con hết thảy hạnh nguyện đều được viên mãn.

Ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng từ nay cho đến ngày thành Phật tu Bồ-tát đạo không thôi không nghĩ, trước độ chúng sanh, sau sẽ thành Phật.

Nếu trong lúc chưa đắc đạo, còn đọa sanh tử, xin nhờ nguyện lực này, khiến chúng con sanh ra nơi nào ba nghiệp thân, khẩu, ý đều được thanh tịnh, thường phát tâm nhu nhuyên, tâm điều hòa, tâm không buông lung, tâm tịnh diệt, tâm chơn thật, tâm không tạp loạn, tâm không tham lam, không kéo rít, tâm đại thù thẳng, tâm đại từ bi, tâm an trú, tâm hoan hỷ, tâm đô hết thảy chúng sanh, tâm giữ gìn bồ đề, tâm thể đồng như tâm chư Phật, phát những tâm nhiệm màu thù thẳng rộng lớn như vậy để chuyên cầu nghe nhiều, tu định ky dục, lợi ích an lạc hết thảy chúng sanh, nguyện không bỏ đạo Bồ đề, thành bậc Chánh giác.

PHÁT NGUYỆN HỒI HƯỚNG THỂ CHO CHÚNG SANH

Ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng chí thành dảnh lễ, quỳ gối chấp tay, tâm niệm miệng nói theo lời này.

- Mười phương chư Thiện chư Tiên có công đức hạnh nghiệp gì, chúng con nay xin hồi hướng thế, đồng quy Chánh giác đạo.

- Mười phương Long vương quỷ thần có thiện gì thù thắng, chúng con nay xin hồi hương thế, đồng quy nhất thừa đạo.

- Mười phương các Nhơn vương. Có tu hạnh nghiệp gì về đọa bồ đề, chúng con nay xin hồi hướng thế, đồng quy y vô thượng đạo.

- Các loài chúng sanh trong lục đạo có mảy may thiện nghiệp gì, chúng con nay xin hối hướng thế, đồng quy y vô thượng đạo.

- Mười phương đệ tử Phật, thiện lai chúng tỳ kheo vô trước tứ sa môn và những vị cầu Duyên giác thừa, ẩn hiện hóa chúng sanh, hiểu rõ pháp nhơn duyên, như vật và hết thảy đều hồi hướng Phật đạo.

- Mười phương chư Bồ-tát, đọc tụng thọ trì kinh, nhập thiền, xuất thiền, khuyến hóa chúng sanh làm hết thảy điều phước thiện như vậy, hết thảy tam thửa Thánh chúng, có bao nhiêu cội phước đức, đều xin hồi

hướng cho hết thảy chúng sanh đồng quy vô thượng đạo.

- Các vị trên trời và dưới nhơn gian, tu Thánh đạo có bao nhiêu công đứcthiện nhiệp, nay chúng khuyên hồi hướng vô thượng đạo.

- Những vị phát tâm và sám hối, tự mình tu và khuyên người tu, dẫu được mảy may phước như vi trần, cũng đem thí hết cho chúng sanh. Nếu chúng sanh không thành Phật, chúng con thề không bỏ bồ đề nguyện.

- Bao giờ chúng sanh thành Phật hết, chúng con mới chứng quả vô thượng bồ đề.

- Nguyện xin chư Phật chư Đại Bồ-tát, vô lậu các Thánh nhơn, đời này và đời sau, duy nguyện xin nhiếp thọ.

Ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng cùng nhau trí tâm đảnh lễ Tam bảo, nguyện xin thay thế các vị quốc chủ và quyến thuộc của quốc chủ mà hồi hướng; nguyện xin thay thế cha mẹ và bà con mà hồi hướng.

- Nguyện thay thế Sư trưởng và chư vị dồng học mà hồi hướng.

- Nguyện xin thay thế các tín thí đàn việt, thiện ác tri thức mà hồi hướng. Nguyện xin thay thế Hộ thế tứ Thiên vương mà hồi hướng.

- Nguyện xin thay thế ma vương trong mười mà hồi hướng.

- Nguyện xin thay thế các vị thông minh chánh trực, thiên địa hư không, chủ thiện ohạt ác, thủ hộ trì chú, ngũ phương long vương, long thần bát bộ mà hồi hướng.

- Nguyện xin thay thế các vị Linh kỳ, u hiền mà hồi hướng.

- Nguyện xin hồi hướng thế cho mười phương tận hư không giới hết thảy chúng sanh.

- Nguyện xin chư Thiên, chư Tiên, Long thần bát bộ, hết thảy chúng sanh, từ nay trở đi cho đến ngày chứng quả boề đề, hằng thế hội được pháp môn vô tướng, không còn có tâm đắm trước quả báo nữa.

TỪ BI ĐẠO TRÀNG SÁM PHÁP
QUYỂN THỨ CHÍN
(HẾT)

■

TỪ BI ĐẠO TRÀNG SÁM PHÁP

QUYỂN THỨ MƯỜI

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI TÁM: BỒ TÁT HỒI HƯỚNG

Ngày nay Đại chúng ta đã cùng nhau chịu khó nhọc, chịu cực khổ tu tập được vô lượng căn lành như vậy, bây giờ mỗi người lại nên suy nghĩ như thế này:

Chúng con đã tu tập được bao nhiêu căn lành đều vì lợi ích cho hết thảy chúng sanh, khiến các chúng sanh hoàn toàn thanh tịnh.

Chúng con nhờ các căn lành tu tập sám hối khiến chúng sanh trừ diệt được vô lượng khổ não ở các cảnh địa ngục, nga quỉ, súc sanh, diêm la vương vv..., đem công đức sám hối này làm nhà cửa rộng lớn cho chúng sanh cho chúng sanh, khiến chúng sanh diệt trừ được khổ ấm, làm việc đại cứu hộ, khiến chúng sanh thoát phiền não; làm chỗ đại quy y; khiến chúng sanh xa lìa sợ hãi; làm chỗ đại chỉ thú, khiến chúng sanh được trí huệ; làm chỗ đại an ổn; làm đuốc lớn soi sáng khiến chúng sanh diệt trừ si ám; làm ngọn đèn đại minh đăng, khiến chúng sanh được an trú hoàn toàn cảnh giới thanh tịnh; làm vị đại đạo sư, khiến chúng sanh vào pháp môn phương tiện, được thân trí thanh tịnh.

Ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng nhận thấy các pháp như vậy là các vị Bồ-tát ma ha tát vì kẻ oán người thân mà tu hành, đem các căn lành đồng chung hồi hướng cho tất cả chúng sanh, đối với các chúng sanh bình đẳng không sai khác, vào pháp quán bình đẳng, không có tư tưởng oán thân, thường đem con mắt từ ái mà ngó chúng sanh. Nếu chúng sanh ôm lòng oán giận Bồ-tát, sanh tâm ác nghịch, thì Bồ-tát là bậc Thiện tri thức khó điều phục tâm tánh của chúng sanh, bằng cách khéo nói pháp tâm diệu. Ví như biển cả, các thứ độc hại của chúng sanh không thể phá hoại. Tâm Bồ-tát cũng vậy những chúng sanh ngu si, không trí huệ, không biết báo ơn, không thể phá hoại tâm của Bồ-tát.

Những chúng sanh ấy sanh ra vô lượng ác độc cũng không thể làm

động loạn đạo tâm của Bồ-tát. Ví như mặt trời sáng chiếu khắp tất cả chúng sanh; mặt trời không vì kẻ mắt mù mà không chiếu. Đạo tâm của Bồ-tát cũng vậy, không vì người ác mà thối tâm. Bồ-tát không vì chúng sanh khó điều phục mà thôi bỏ căn lành.

Bồ-tát ma-ha-tát đối với các căn lành, lòng tin rất thanh tịnh, trưởng dưỡng đại bi, đem các căn lành ấy, dùng thâm tâm mà hồi hướng khắp cho hết thảy chúng sanh.

Bồ-tát không phải nói suông hơi miệng mà đối với các chúng sanh đều phát tâm hoan hỷ, tâm minh tịnh, tâm nhu nhuyến, tâm từ bi, tâm ái niệm, tâm nhiếp thủ, tâm nhiều ích, tâm an lạc, tâm tối thắng, đem các căn lành hối hướng cho chúng sanh.

Bồ-tát ma-ha-tát phát tâm hồi hướng căn lành như vậy, chúng con nay cũng phải mong học phương pháp hồi hướng ấy, cho nên tâm niệm miệng nói lời này: “ Nếu chúng con có bao nhiêu công đức đều hồi hướng cho chúng sanh; khiến chúng sanh đồng được thanh tịnh thú, được thanh tịnh sanh, đầy đủ công đức, hết thảy các pháp thế gian không thể phá hoại; công dức trí huệ vô cùng, vô tận, thần khẩu ý nghiệp hoàn toàn trang nghiêm, thường thấy chư Phật đem hết lòng tin, kiên cố lãnh thọ chánh pháp; xa lìa các điều ghi ngờ; nhớ giữ không quên chánh pháp, thân, khẩu, ý nghiệp thanh tịnh, tâm thường an trú nơi thiện căn thắng diệu, hằng xa lìa sự nghèo thiếu, đầy đủ thất Thánh tài; tu học hết thảy các pháp Bồ-tát đã học, được các căn lành; thành tựu pháp bình đẳng, được giải thoát nhiệm màu nhất thế chủng trí. Đối với các chúng sanh được mắt từ ái; thân căn thanh tịnh; lời nói biện tài, trí huệ sámh suốt, phát sanh các phép lành, tâm không đắm nhiễm; vào pháp thậm thâm, thâu nhiếp hết thảy chúng sanh, đồng an trú nơi cảnh vô sở trú của chư Phật.

Những điều hồi hướng đồng như mười phương Bồ-tát ma-ha-tát đã hồi hướng; rộng lớn như pháp tánh, cứu cánh như hư không.

Nguyện xin cho chúng con tên.... đồng được như sở nguyện mãn Bồ đề nguyện... tứ sanh, lục đạo, chúng sanh cũng được đồng như sở nguyện.

Lại nguyện xin chí thành đảnh lễ quy y thế gian Đại từ bi phụ:

Nam mô Di Lặc Phật
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam mô Oai Đức Phật
Nam mô Kiến Minh Phật

Nam mô Thiện Hành Báo Phật
Nam mô Thiện Hỷ Phật
Nam mô Vô Ưu Phật
Nam mô Bảo Minh Phật
Nam mô Oai Nghi Phật
Nam mô Lạc Phước Đức Phật
Nam mô Tận Tướng Phật
Nam mô Đoạn Ma Phật
Nam mô Tận Ma Phật
Nam mô Quá Suy Đạo Phật
Nam mô Bất Hoại Ý Phật
Nam mô Thủy Vương Phật
Nam mô Tịch Ma Phật
Nam mô Chúng Thượng Vương Phật
Nam mô Ái Minh Phật
Nam mô Phước Đăng Phật
Nam mô Bồ Đề Tướng Phật
Nam mô Trí Âm Phật
Nam mô Thường Tinh Tấn Bồ-tát
Nam mô Bất Hưu Tức Bồ-tát
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát

Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thảy Tam Bảo.

Nguyện xin Tam bảo dùng sức từ bi, đồng gia tâm nhiếp thọ khiến cho tâm hồi hướng của chúng con được thành tựu hoàn toàn.

Nếu chúng con tên.... có đủ vô lượng tội, đại ác nghiệp, đáng thọ vô lượng vô biện thống khổ trong đường ác, không thể thoát được, trái với tâm Bồ Đề, trái với hạnh Bồ Đề, trái với nguyện Bồ Đề, nguyện xin mười phương chư đại Bồ-tát. Hết thảy Thánh hiền, vì từ bi tâm, không tái với bồn nguyện, giúp đỡ chúng con tên.... ở trong ba đường ác kia cứu các chúng sanh làm cho các chúng sanh đều được giải thoát thề không vì khổ mà bỏ chúng sanh.

Nguyện xin Bồ-tát gánh nặng cho chúng con, chúng con được mãn nguyện bình đẳng độ thoát hết thảy chúng sanh, khỏi sanh lão bệnh tử, ưu bi khổ não, vô lượng ách nạn.

Nguyện khác chúng sanh đều được thanh tịnh, đầy đủ căn lành,

rốt ráo giải thoát, xả bỏ ma quân, xa lìa bạn ác gần gũi bạn lành, chân thật quyến thuộc, thành tựu tịnh nghiệp, diệt hết các khổ, đầy đủ vô lượng hạnh nguyện của Bồ-tát, thấy Phật hoan hỷ, chứng nhất thế trí, trở lại độ thoát hết thảy chúng sanh.

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI CHÍN: PHÁT NGUYỆN

Ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng đã phát tâm hồi hướng rồi, thứ lại phải phát nguyện như thế này:

Luận ra: Các điều ác phát sanh đều do sáu căn. Vậy biết sáu căn là cội gốc của tai họa. Tuy vậy nếu biết dùng sáu căn, thì sáu căn cũng hay chiêu tập vô lượng phước nghiệp, cho nên kinh "Thắng Man" dạy rằng:

"Gữi gìn sáu căn, cho trong sạch thân khẩu ý".

"Căn cứ vào lẽ ấy để chứng minh sáu căn là cội gốc sanh ra các điều lành".

Vậy nên đối với sáu căn phát đại thệ nguyện:

Trước hết phát nguyện về nhãn căn (con mắt).

Ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng và hết thảy chúng sanh trong bốn loài sáu đường ở khắp mười phương, từ nay trở đi cho đến ngỳa thành Phật, mắt thường không thấy sắc huyễn, hoặc dối trá tham dục không nhàm chán; mắt không thấy sắc siểm nịnh khuất khúc ủy mỵ, không thấy sắc xanh vàng trắng đỏ v.v... mê hoặc người đời; mắt không thấy sắc có hình trạng xấu xa, sân hận đấu tranh; không thấy sắc đánh đập làm tổn hại người khác; mắt không thấy sắc làm người ngu si, không tin mà nghi ngờ ám muội; mắt không sắc kiêu mạn, không khiêm tốn, không kỉnh nhường, mắt không thấy sắc tà kiến của chín mươi sáu môn ngoại đạo.

Nguyện cho hết thảy chúng sanh từ nay trở đi, mắt thường thấy sắc vắng lặng pháp thân thường trú của mười phương chư Phật; mắt thường thấy ba mươi hai tướng tốt, tử ma kim sắc và tám chục vẻ đẹp của chư Phật, mắt thường thấy sắc của chư Thiên chư Tiên dâng ngọc báu, rải hoa trời cúng Phật; mắt thường thấy năm sắc hào quang trong miệng Phật tuôn ra thuyết pháp độ người; mắt thường thấy sắc Phật phân thân tán thể cùng khắp mười phương; mắt thường thấy chư Phật phóng hào quang trên ngục kế cảm triệu người có duyên đến pháp hội; mắt thường thấy sắc của mười phương Bồ-tát, Bích chi, La hán, Thánh chúng; mắt thường được chúng sanh và quyến thuộc, quan sát sắc thân của Phật; mắt thường thấy chúng thiện vô giáo giả sắc; mắt thường thấy sắc thất giác tịnh hoa; mắt thường thấy sắc diệu quả giải thoát, mắt thường thấy sắc của Đại chúng trong Đạo tràng ngày nay hoan hỷ tán thán phật pháp, đảnh lễ thọ trì; mắt thường thấy tứ chúng vây quanh Phật để nghe Pháp, sanh tâm khát ngưỡng; mắt thường thấy hết thảy

người tu bố thí trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn; mắt thường thấy hết thảy các vị tịnh mặc, thiền tư, tu tập trí huệ; mắt thường thấy sắc của hết thảy chúng sanh được pháp vô sanh nhẫn; hiện tiền được thọ ký thì sanh tâm hoan hỷ; mắt thường thấy sắc bổ xứ của hết thảy các vị chứng được Kim cang huệ, đoạn trừ vô minh, u ám; mắt thường thấy hết thảy sắc mộc dục pháp lưu bất thối.

Đã phát nguyện về mắt rồi, Đại chúng cùng nhau chí thành đảnh lễ quy y thế gian Đại từ bi phụ:

Nam mô Di Lặc Phật
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam mô Thiện Diệt Phật
Nam mô Phạm Tướng Phật
Nam mô Trí Hỷ Phật
Nam mô Thần Tướng Phật
Nam mô Như Chúng Vương Phật
Nam mô Trì Địa Phật
Nam mô Ái Nhật Phật
Nam mô La Hầu Nguyệt Phật
Nam mô Hoa Minh Phật
Nam mô Dược Sư Thượng phật
Nam mô Trì Thế Lực Phật
Nam mô Phước Đức Minh Phật
Nam mô Hỷ Minh Phật
Nam mô Hảo Âm Phật
Nam mô Pháp Tự Phật
Nam mô Phạm Âm Phật
Nam mô Diệu Âm Bồ-tát
Nam mô Đại Thế Chí Bồ-tát
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát

Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thảy Tam bảo.

Nguyện xin Tam bảo dùng sức từ bi, đồng gia tâm che chở, khiến đệ tử tên .... được như sở nguyện mãn Bồ đề nguyện.

THỨ LẠI PHÁT NGUYỆN VỀ NHĨ CĂN (LỖ TAI)

Lại nguyện ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng và rộng ra khắp hết thảy chúng sanh trong bốn loài sáu đường ở khắp mười phương từ nay trở đi cho đến ngày thành đạo, tai thường không nghe thấy tiếng khóc lóc buồn rấu đau khổ; tai không nghe thấy tiếng kêu la thống thiết trong địa ngục; tai không nghe thấy vạc nước sôi trào vọt trong địa ngục; tai không nghe tiếng cắt xẻ, mũi nhọn, núi đao, rừng kiếm; tai không tiếng vô lượng khổ sở trong mười phương tám ngăn địa ngục; tai không nghe tiếng nhiệt não đói khát của ngạ quỉ kiếm ăn không được; tai không nghe tiếng ngạ quỉ hành động, thân thể chi tiết bị lửa đót vang dội như tiếng năm trăm tiếng cỗ xe kêu; tai không nghe tiếng của súc sanh thân dài năm trăm do tuần, bị các sâu trùng nhỏ rúc rỉa khổ sở; tai không nghe tiếng kêu la đau khổ của trâu, ngựa, lừa, lạc đà v.v... thường chở nặng đi xa, bị roi, gậy đánh đập. Bởi kiếp trước mắc nợ người không trả; tai không nghe tiếng đau thương của các cảnh ái ân ly biệt, của oán thù gặp gỡ, của tám nỗi khổ v.v... hành hạ kiếp người; tai không nghe tiếng của hết thảy điều ác hành hạ chúng sanh; tai không nghe tiếng chuông, linh, ốc, trống, cầm, sắc, không hầu, lâm, lang, ngọc bội làm hê họăc chúng sanh.

Nguyện xin hết thảy chúng sanh từ nay trở đi, tai thường nghe thấy tám thứ âm thanh của chư Phật thuyết pháp; tai thướng nghe được những tiếng: "Khổ, không, vô thường, vô ngã"; tai thường nghe được bốn ngàn pháp Ba-la-mật; tai thường được nghe nói các pháp chỉ là giả danh; tai thường nghe chư Phật thuyệt pháp chỉ dùng một âm thanh, mà vô lượng chúng sanh tùy theo nghiệp báo của mỗi loài mà tự hiểu; tai thường nghe nói hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh; Phật tánh ấy là Pháp thân thường trú bất diệt; tai thường nghe tiếng mười phương Bố tát tu hạnh nhẫn nhục, tinh tấn; tai thường nghe nói: được pháp vô sanh giải, khéo nhập Phật huệ, vượt ra ba cõi; tai thường nghe tiếng các vị pháp thân Bồ-tát vào dòng pháp lưu, chơn tục đồng quán, niệm niệm đầy đủ môn hạnh; tai thường nghe tiếng của các vị Bích Chi, La Hán và bốn quả Thanh văn thuyết pháp; tai thường nghe Trời Đế Thích thuyết bát nhã; tai thường nghe các vị đại sĩ trên hàng thập địa bổ xứ trên cùng trời Đâu Suất thuyết pháp, bất thôi chuyển địa hạnh; tai thường nghe nói vạn hạnh đồng qui về cõi Phật; tai thường nghe chư Phật khen ngợi hết thảy chúng sanh hay tu tập thập thiện, tùy hỷ.

Nguyện xin cho chúng sanh thường được nghe tiếng chư Phật khen ngợi: " Lành thay! Người ấy không bao lâu sẽ thành Phật!"

Đã phát nguyện về nhĩ căn rồi; Đại chúng cùng nhau chí thành đảnh lễ quy y Thế gian Đại Từ bi phụ:

Nam mô Di Lặc Phật
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam mô Thiện Nghiệp Phật
Nam mô Ý Vô Mậu Phật
Nam mô Đại Thí Phật
Nam mô Minh Tán Phật
Nam mô Chúng Tướng Phật
Nam mô Đức Lưu Bố Phật
Nam mô Thế Tự Tại Phật
Nam mô Đức Thọ Phật
Nam mô Đoạn Nghi Phật
Nam mô Vô Lượng Phật
Nam mô Thiện Nguyệt Phật
Nam mô Vô Biên Biện Tướng Phật
Nam mô Bảo Nguyệt Bồ-tát
Nam mô Nguyệt Quang Bồ-tát
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát.

Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thảy Tam bảo.

Nguyện xin Tam bảo dùng sức từ bi, đồng gia tâm nhiếp thọ, khiến đệ tử chúng con tên ... được như sở nguyện mãn bồ đề nguyện.

KẾ ĐẾN NGUYỆN VỀ TỶ CĂN (LỖ MŨI)

Ngày nay nguyện xin Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng rộng ra khắp hết thảy chúng sanh trong bốn loài sáu đường, cùng tận mười phương , từ nay trở đi cho đến ngày thành Phật, mũi thường không nghe mùi ăn uống ngon lành do sự sát sanh hại mạng; mũi thường không nghe mùi săn bắn, thiêu đốt, sát hại chúng sanh; mũi thường không nghe mùi ba mươi sáu vật thân thể như dầy da hôi thối; mũi thường không nghe mùi gấm vóc lục là mê hoặc lòng người; mũi thường không nghe mùi lột da, xẻ thịt, thui nướng trong địa ngục; mũi thường không nghe mủi ngạ quỷ đói khát ăn uống phẩn uế máu mủ tanh hôi; mũi thường không nghe mùi tanh tao bất tịnh của chúng sanh; mũi thường không

nghe mùi hôi hám của bệnh nhơn lở loét nằm trên giường chiếu ô uế, không người chăm non săn sóc, không thể lại gần; mũi thường không nghe mùi hôi thúi của thây mà chướng lên, sâu dòi rứt rỉa thối nát.

Nguyện xin Đại chúng, chúng sanh trong sáu đường từ nay trở đi, mũi thường không ngửi mùi hương chiên đàn vô giá, thơm khắp mười phương thế giới; mũi thường được ngửi mùi hương thơm của hoa ưu đàm bát năm sắc; mũi thường được ngửi mùi hương thơm của các thứ hoa trong vườn hoan hỷ của chư thiên; mũi thường được ngửi mùi hương thơm trong thời thuyết pháp ờ cung Trời Đầu suất; mũi thường được ngửi mùi hương trong khi chư Thiên chơi giỡn ở Diệu pháp đường; mũi thường được ngửi mùi hương ngũ giới, thập Thiên, lục niệm của chúng sanh tu hành ở mười phương; mũi thương được ngửi mùi hương của những người tu hành thất phương tiện, thập lục hạnh; mũi thường được ngửi mùi hương phước đức của các vị Bích chi Phật, của các bậc hữu học, vô học trong mười phương; mũi thường đước ngửi mùi hương của các bậc Tứ Hướng, Từ quả chứng pháp vô lậu; mũi thường được ngửi mùi hương của vô lượng Bồ-tát lên các địe vị hoan hỷ, ly cấu, Phát quang, Diệm huệ, Nan Thắng, Hiện Tiền, Viễn Hành, Bất Động, Thiên Huệ, Pháp Vân; mũi thường được ngửi mùi hương năm phân pháp thân giới; định, huệ, giả thoát, giải thoát tri kiến của các Thánh nhơn; mũi thường được ngửi mùi hương Bồ đế của chư Phật; mũi thường được ngửi mùi hương của ba mươi bẩy phẩm trợ đạo, mười nhân duyên quán, và sau pháp Ba-la-mật, mũi thường ngửi mùi hương của các pháp đại từ bi, tam niệm thập lực tứ vô sở úy và mười tám pháp bất cọng của chư Phật; mũi thường được ngửi mùi hương của tám vạn bốn ngàn pháp Ba-la-mật; mũi thường được ngửi mùi hương của pháp thân thường trú vô lượng nhiệm màu cùng khắp mười phương của chư Phật.

Đã phát nguyện về tỉ căn rồi, Đại chúng cùng nhau chí thành đảnh lễ thế gian Đại từ bi phụ:

am mô Di Lặc Phật
Nam mô Thích ca Mâu ni Phật
Nam mô Lê Đà Pháp Phật
Nam mô Ứng Cúng Dường Phật
Nam mô Độ Ưu Phật
Nam mô Nhạo An Phật
Nam mô Thế Ý Phật
Nam mô Ái Thân Phật

Nam mô Diệu Túc Phật
Nam mô Ưu Bác La Phật
Nam mô Hoa Anh Phật
Nam mô Vô Biên Biện Quang Phật
Nam mô Tín Thánh Phật
Naqm mô Đức Tinh Tấn Phật
Nam mô Diệu Đức Bồ-tát
Nam mô Kim Cang Tạng Bồ-tát
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát

Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thảy Tam bảo. Nguyện xin Tam bảo dùng sức từ bi, đồng gia tâm nhiếp thọ, khiến cho đệ tử tên .... được như sở nguyện, mãn bồ đế nguyện.

THỨ LẠI PHÁT NGUYỆN VỀ THIỆT CĂN (LƯỠI)

Lại nguyện xin ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng, rộng ra cho hết thảy chúng sanh trong sáu đường, khắp mười phương, từ nay trở đi cho đến ngày thành đạo, lưỡi không nếm vị nơi thân thể của hết thảy chúng sanh bị thương hay bị giết; lưỡi không nếm hết thảy vị bị tự tử; lưỡi không nếm vị huyết tủy của các loài chúng sanh; lưỡi không nếm vị thuốc độc của oan gia đối đầu; lưỡi không nếm vị ngon lành hay sanh tham ái phiền não.

Nguyện xin lưỡi không nếm trăm món cam lồ mỹ vị; lưỡi thường hay nếm vị uống tự nhiên của chư thiên; lưỡi thường hay nếm vị cơm thơm ngon ở cõi Phật Hương Tích; lưỡi thường hay nếm các vị ăn uống của chư Phật; lưỡi thường hay nếm các vị đồ ăn do sức huân tu giới, định, huệ của pháp thân hiện ra; lưỡi thường hay nếm pháp hỷ, thiền duyệt thực; lưỡi thưởng hay nếm vị ngon ngọt điều hòa của vô lượng công đức bồi bổ tư nhuần huệ mạng; lưỡi thường hay nếm vị giả thoát bình đẳng một màu; lưỡi thường hay nếm vị thù thắng nhiệm màu, tối thượng an vui Niết bàn, của chư Phật.

Đã phát nguyện về Thiệt căn rồi, Đại chúng sanh cùng nhau chí thành đảnh lễ quy y thế gian Đại từ bi phụ:

Nam mô Di lặc Phật
Nam mô Thích Ca Mau Ni Phật
Nam mô Chơn Thật Phật

Nam mô Thiên Chủ Phật
Nam mô Lạc Cao Âm Phật
Nam mô Tín Tịnh Phật
Nam mô Bà Kỳ La Đà Phật
Nam mô Phước Đức Ý Phật
Nam mô Diệm Xí Phật
Nam mô Vô Biên Đức Phật
Nam mô Tu Thành Phật
Nam mô Sư Tử Du Phật
Nam mô Bất Động Phật
Nam mô Tín Thành Tịnh Phật
Nam mô Hư Không Tạng Bồ-tát
Nam mô Tát Đà Bà Lôn Bồ-tát
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát.

Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thảy Tam bảo. Nguyện xin Tam bảo dũ lòng từ bi, thương xót che chở, khiến chúng con tên....được như sở nguyện, mãn Bồ đề nguyện.

THỨ LẠI PHÁT NGUYỆN VỀ THÂN CĂN

Lại nguyện ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng, rộng ra cho hết thảy chúng sanh trong bốn loài, sáu đường ở khắp mười phương, từ nay trở đi cho đến ngày thành Phật, thân thường không giác xúc các cảnh ngũ dục tà my; thân thường không xúc các cảnh ngũ dục tà my; thân thường không giác xúc các cảnh vạc nước sôi, lò than nóng, nước giá lạnh trong địa ngục; thân thường không giác xúc các cảnh ngạ quỉ đói khát, trên đầu lửa đốt, miệng nuốt nước đồng sôi, cháy nát tâm can, thân thể; thân thường không giác xúc các cảnh súc sanh bị lột da xẻ thịt đau đớn khổ sở; than thường không giác xúc các cảnh khổ não, do bốn trăm lẻ bốn bệnh hoành hành; thân thường không giác xúc các cảnh đại hàn, đại nhiệt, không thể kham chịu; thân thường không giác xúc các cảnh muỗi mòng rận chí, sâu trùng cắn rứt; thân thường không giác xúc các dao gậy, thuốc độc làm hại; thân thường không giác xúc các cảnh đói khát khốn khổ đủ điều.

Nguyện xin thân thường giác xúc y phục nhiệm màu của chư thiên; thân thường giác xúc vị cam lồ tự nhiên; thân thường giác xúc cảnh tham lương, không lạnh không nóng; thân thường giác xúc cảnh

không đói không khát, không bệnh, không não; thân thường giác xúc cảnh không dao gậy khổ sở; thân thường giac xúc cảnh thức ngủ đều yên ổn, không lo không sợ; thân thường giác xúc cảnh gió nhẹ thổi mát ở các cõi Tịnh độ của mười phương chư Phật; thân thường giác xúc cảnh tắm rửa thân tâm trong ao thất bảo ở các cõi Tịnh độ của mười phương Phật; thân thường giác xúc cảnh không đau khổ vì sanh, già, bệnh, chết; thân thường giác xúc cảnh thân bay đi nghe pháp với vị Bồ-tát một cánh tự tại; thân thường giác xúc cảnh chư Phật nhập Niết bàn cách tự tại.

Đã phát nguyện về thân căn rồi, Đại chúng cùng nhau chí thành đảnh lễ quy y thế gian Đại từ bi phụ:

Nam mô Di Lặc Phật
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam mô Hạnh Minh Phật
Nam mô Long Âm Phật
Nam mô Trì Luân Phật
Nam mô Tài Thành Phật
Nam mô Thế Ái Phật
Nam mô Pháp Danh Phật
Nam mô Vô Lượng Bảo Minh Phật
Nam mô Vân Tướng Phật
Nam mô Huệ Đạo Phật
Nam mô Diệu Hương Phật
Nam mô Hư Không Âm Phật
Nam mô Hư Không Phật
Nam mô Việt Tam Giới Bồ-tát
Nam mô Bạt Đà Bà La Bồ-tát
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát.

Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thảy Tam bảo.

Nguyện xin Tam bảo dũ lòng từ bi, đồng gia tâm phù hộ, nhiếp thọ, khiến chúng con tên.... được như sở nguyện, mãn bồ đề nguyện.

THỨ LẠI PHÁT NGUYỆN VỀ Ý CĂN

Lại nguyện ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng, rộng ra cho đến hết thảy chúng sanh trong bốn loài sáu đường, ở khắp

mười phương, từ nay trở đi cho đến ngày thành đạo, ý thường được biết thân sát đạo dâm; khẩu vọng ngôn, ỷ ngữ, lưỡng thiết, ác khẩu là hoạn nạn; ý thường được biết giết hại cha mẹ, giết A-la-hán, làm thân Phật xuất huyết, phá sự hòa hiệp của chúng Tăng, hủy báng Tam bảo, không tin nhơn quả đều là tội đọa vô gián địa ngục; ý thường được biết người chết rồi không mất; ý tin có nhơn quả và sự báo ứng; ý thường được biết xa ác tri thức, tra gần thiện tri thức; ý thường được biết theo tà sư ngoại đạo là phi pháp; ý thường được biết các pháp tam lậu, ngũ cái thập triền là hay chướng ngại đạo; ý thường được biết tam đồ là chỗ khổ báo kịch liệt, tàn khốc của sanh tử đáng sợ.

Nguyện xin ý thường biết hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh; ý thường biết chư Phật là Đấng Cha lành, Đại Từ bi, là Đấng Vô thượng Y Vương; ý thường biết hết thảy Tôn pháp là thuốc hay dùng trị bệnh của chúng sanh; ý thường biết hết thay Hiền Thánh là mẹ lành săn sóc bệnh hoạn cho chúng sanh; ý thường biết quy y Tam bảo, thọ năm câm giới, rồi thu thiện là những pháp hay chiêu tập quả báo tốt đẹp ở cõi người và cõi Trời; ý thường biết chưa khỏi sanh tư nên tu theo bảy pháp phương tiện, nên quan sát các pháp noản, đảnh; v.v... ý thường biết nên tu các phap vô lậu, khổ nhẫn, mười sau Thánh tâm thì trước phải tu mười sáu quán hạnh quán sát tứ đế; ý thường biết tứ biết tứ đế là bình đẳng vô tướng cho nên chứng được tứ quả; ý thường biết tổng tướng biệt tướng của tất cả các pháp; ý thường biết mười hai nhơn duyên, nhơn quả ba đời, xoay vần luân chuyển không bao giờ ngưng; ý thường biết tu hành lục độ, tám vạn tế hạnh; ý thường biết đoạn trừ tám vạn bốn ngàn trần lao; ý thường biết thể nhập được vô sanh nhẫn thì quyết định dứt được sanh tử; ý thường biết được thứ lớp, đầy đủ phẩm vị, giai cấp của các bậc Thập trú Bồ-tát; ý thường biết dùng tâm Kim cang đoạn trừ si ám vô minh mà chứng được quả Phật vô thượng; ý thường biết thể tánh một phen chiếu sáng cùng cực rồi thì muôn đức đầy đủ; hoạn lụy nhiều kiếp đều sạch hết; chứng quả Đại Niết bàn; ý thường biết được mười trí lực bốn vô úy mươi tám bất cọng vô lượng công đức, vô lượng trí huệ, vô lượng thiện pháp của chư Phật.

Đả phát nguyện về ý căn rồi, Đại chúng cùng nhau chí thành đảnh lễ quy y thế gian Đại từ bi phụ:

Nam mô Di Lặc Phật
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam mô Thiên Vương Phật

Nam mô Châu Tịnh Phật
Nam mô Thiện Tài Phật
Nam mô Đăng Diệm Phật
Nam mô Bảo Am Thanh Phật
Nam mô Nhân Trụ Vương Phật
Nam mô La Hầu Thủ Phật
Nam mô An Ổn Phật
Nam mô Sư Tử Ý Phật
Nam mô Bảo Danh Văn Phật
Nam mô Đắc Lợi Phật
Nam mô Biến Kiến Phật
Nam mô Mã Minh Bồ-tát
Nam mô Long Thọ Bồ-tát
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát.

Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thảy Tam bảo.

Nguyện xin Tam bảo dũ lòng từ bi, đồng gia tâm nhiếp thọ, khiến chúng con tên... được như sở nguyện, mãn bồ đề nguyện.

THỨ LẠI PHÁT NGUYỆN VỀ KHẨU NGHIỆP

Ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng, rộng ra cho đền hết thảy chúng sanh trong bốn loài sáu đường khắp mười phương, từ nay trở đi cho đến ngày thành Phật, miệng thường không huỷ báng Tam bảo; miệng không hủy báng người hoằng thông giáo pháp, không nói việc xấu ác của người ấy; miệng không nói làm lành không được quả báo an vui; làm ác không được quả báo khổ sở; miệng không nói người chết mất hẳn, không chuyển sanh, không luân hồi; miệng không nói việc không lợi ích, có tổn hại cho người; miệng không nói kinh sách của tà ma, ngoại đạo làm ra; miệng không dạy người làm mười ác nghiệp, không dạy người tạo tội ngũ nghịch; miệng không tán dương người làm ác; miệng không nói việc chơi cười giỡn cợt, không lý thú của thế tục; miệng không dạy người tin theo thầy tà, quỉ thần, đồng bóng; miệng không bình luận nhơn vật xầu tốt; không giận hờn mắng nhiếc cha mẹ, Sư trưởng, Thiện tri thức; miệng không khuyên người tạo tội, không cấm người làm phước.

Nguyện xin miệng thường tán thân Tam bảo; tán thán người hoằng

thông giáo pháp, nêu cao công đức tuyền giáo ấy; chỉ bày quả báo thiện ác lành dữ cho người; miệng thường giác ngộ cho người biết rằng thân này chết rồi, thần thức không mất; miệng thường phát ra lời lành khiến người nghe được lợi ích; miệng thường diễn nói mười hai bộ kinh của Phật; miệng thường nói hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, sẽ được thường, lạc, ngã, tịnh; miệng thường dạy người hiếu dưỡng cha mẹ, kính thờ Sư trưởng; thường khuyên người quy y Tam bảo, thọ trì năm giới, thập thiện lục niệm; miệng thường tán tụng kinh điển; nói các việc lành; miệng thường dạy người gần thiện tri thức; xa ác tri thức; miệng thường nói vô lượng công đức của hàng thập trú Bồ-tát va Phật địa; miệng thường người tu hạnh Tịnh độ; trang nghiêm quả Phật; miệng thường dạy người lễ bái Tam bảo; miệng thường dạy người xây dựng hình tượng, làm các việc cúng dường; miệng thường dạy người làm các việc thiện gấp như cứu lửa cháy dầu; miệng thường dạy người cứu giúp người nghèo khổ, không tạm nghỉ.

Đã phát nguyện về miệng rồi, Đại chúng cùng nhau chí thành đảnh lễ quy y thế gian Đại từ bi phụ:

Nam mô Di Lặc Phật
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam mô Thế Hoa Phật
Nam mô Cao Đảnh Phật
Nam mô Vô Biên Biệt Tài Thành Phật
Nam mô Sai Biệt Tri Kiến Phật
Nam mô Sư Tử Nha Phật
Nam mô Lê Đà Bộ Phật
Nam mô Phước Đức Phật
Nam mô Pháp Đăng Cái Phật
Nam mô Mục Kiền Liên Phật
Nam mô Vô Ưu Quốc Phật
Nam mô Ý Tứ Phật
Nam mô Lạc Bồ Đề Phật
Nam mô Sư Tử Du Hý Bồ-tát
Nam mô Sư Tử Phấn Tấn Bồ-tát
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát

Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thảy Tam

bảo.

Nguyện xin Tam bảo, dũ lòng từ bi che chở nhiếp thọ, khiến chúng con tên....., được như sở nguyện, mãn Bồ Đề nguyện.

CHƯ HẠNH PHÁP MÔN

Lại nguyện xin hết thảy chúng sanh trong bốn loài sáu đường khắp mười phương, từ khi phát nguyện này về sau, tất cả chúng sanh đều đầy đủ chư hạnh phát môn:

- Muốn có lòng tin Tam bảo cương quyết thì có cung kỉnh pháp môn.
- Muốn không có lòng nghi ngờ thì có kiên cố pháp môn.
- Muốn đoạn sự sanh tâm làm ác thị có sám hối pháp môn.
- Muốn lời nguyện thanh tịnh thì có niệm hồi pháp môn.
- Muốn không hủy phá ba nghiệp thì có hộ thân pháp môn.
- Muốn tịnh bốn nghiệp thì có hộ khẩu pháp môn.
- Muốn tâm thanh tịnh thì hộ ý pháp môn.
- Muốn nguyện vọng được đầy đủ thỉ có bồ đề pháp môn
- Muốn tất cả không hại thì có bi tâm pháp môn.
- Muôn lập đức hóa độ thì có từ tâm pháp môn
- Muốn không huỷ báng người khác thì có hoan hỷ pháp môn.
- Muốn không khinh dễ người khác thì có chí thành pháp môn.
- Muốn diệt ba đường ác thì có Tam bảo pháp môn.
- Muốn hoàn toàn không giả dối thì có chơn thật pháp môn.
- Muốn không lòng bỉ ngã thì xả hại pháp môn.
- Muốn không do dự thì có tâm bỏ sự ràng buộc pháp môn.
- Muốn diệt trừ đấu tranh kiện tụng thì có ý vô tránh pháp môn.
- Muốn tu hạnh bình đẳng thì có ứng chánh pháp môn.

Lại nguyện xin cho hết thảy chúng sanh đầy đủ vô lượng pháp môn sau này:

- Tâm xu hướng pháp môn là quán tâm như huyễn.
- Ý đoạn pháp môn là xả bỏ cội gốc bất thiện.
- Thần túc pháp môn là thân tâm đều khinh tiện.
- Tín căn pháp môn là nguyện không thối chuyển.
- Tấn căn pháp môn là không xả pháp lành.
- Niệm căn pháp môn là khéo tạo đạo nghiệp.
- Định căn pháp môn là nhiếp tâm vào chánh đạo.
- Huệ căn pháp môn là quản lý vô thường khổ, không v.v...
- Tín lực pháp môn là vượt hẳn oai thế của ma vương.

- Tấn lực pháp môn là một phen tới không bao giờ lui.
- Niệm lực pháp môn là chưa tằng bỏ quên thiện niệm.
- Định lực pháp môn là diệt các vọng tưởng.
- Huệ lực pháp môn là xoay vần qua lại.
- Truy giác pháp môn là tích cực tu hành đạo Phật
- Chánh định pháp môn là nhập được tam muội.
- Tịnh tánh pháp môn là không ưa tu theo các thừa giáo pháp khác.

Nguyện xin cho chúng sanh đệu được một trăm lẻ tám pháp môn như vậy của Bồ-tát ma ha tát; thanh tịnh Phật độ, khuyến hóa người xan tham, tật đố, thảy đều thoát khỏi tám nạn; thảy đều nhiếp phục được người tranh tụng, sân khuể; siêng làm các việc lành, khéo nhiếp phục người lười biếng; thảy đều được định ý thần thông; thâu nhiếp các loạn tưởng, không cho vọng động.

Đã phát nguyện về ý căn rồi, Đại chúng lại cùng nhau trí thành đảnh lễ quy y thế gian Đại từ bi phụ:

Nam mô Di Lặc Phật
Nam mô Tích Ca Mâu Ni Phật
Nam mô Pháp Thiên Kỉnh Phật
Nam mô Đoạn Thế Lực Phật
Nam mô Cực Thế Lực Phật
Nam mô Huệ Hoa Phật
Nam mô Kiên Âm Phật
Nam mô An Lạc Phật
Nam mô Diệm Nghĩa Phật
Nam mô Ái Tịnh Phật
Nam mô Tàm Quý Nham Phật
Nam mô Diệu Kế Phật
Nam mô Dục Lạc Phật
Nam mô Lâu Chí Phật
Nam mô Dược Vương Bồ-tát
Nam mô Dược Thượng Bồ-tát
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát
Nam mô Quan Thế Âm Bồ-tát.

Lại quy y như vậy mười phương tận hư không giới hết thảy Tam bảo.

Nguyện xin Tam bảo dũ lòng từ bi cứu độ nhiếp thọ khiến cho chúng sanh trong bốn loài sáu đường, khắp ba cõi, nhờ sức công đức nhơn duyên phát tâm, phát nguyện của Đạo tràng sám hối này, đều đầy đủ phước đức trí huệ, nhờ sức thần thông mà được tùy tâm tự tại.

PHẦN CHÚC LỤY

Ngày nay Đại chúng đồng nghiệp trong Đạo tràng, đã vì chúng sanh trong bốn loại, sáu đường mà phát thệ nguyện rồi; thứ lại xin đem các chúng sanh ấy phó chúc cho các vị Bồ-tát. Nguyện xin chư đại Bồ-tát dũ lòng từ bi, đồng gia tâm nhiếp thọ cho chúng sanh được nhờ công đức sám hối phát nguyện này.

Lại nguyện xin dũ lòng từ bi niệm lực khiến hết thảy chúng sanh ấy đều muốn cầu vô thượng phước điền; hết lòng tin rằng: cúng dường Phật được vô lượng phước báo; khiến hết thảy chúng sanh một lòng hướng về đức Phật được vô lượng quả báo thù thắng thanh tịnh; nguyện xin cho chúng sanh đối với các Phật sự không có tâm keo rít mà phát tâm đại bố thí, không luyến tiếc gì.

Lại nguyện xin hết thảy chúng sanh đối với hết thảy cơ sở Phật giáo, phát tâm làm các việc phước điền vô thượng, xa lìa hạnh nguyện của Tiểu thừa; tu Bồ-tát đạo được vô ngại giải thoát, thành nhất thế chủng trí của chư Phật.

Lại nguyện xin hết thảy chúng sanh đối các cơ sở Phật giáo trồng vô lượng căn lành; được vô lượng phước đức, trí huệ của Phật.

Lại nguyện cho hết thảy chúng sanh thâu nhiếp lấy trí huệ sâu xa, nhìn vào vô thượng trí vương được đầy đủ thanh tịnh.

Lại nguyện cho hết thảy chúng sanh được thần lực vô ngại tự tại, dạo chơi khắp hết thảy chỗ của chư Phật đã đến.

Lại nguyện cho hết thảy chúng sanh nhiếp thủ lấy giáo lý Đại thừa, được vô lượng chủng trí, an trú bất động.

Lại nguyện cho hết thảy chúng sanh thành tựu hoàn toàn phước điền đệ nhất, hay xuất sanh hết thảy trí huệ.

Lại nguyện cho hết thảy chúng sanh đối với hết thảy chư Phật không có tâm hiềm khích, ân hận mà lại trồng các căn lành, tham cầu trí huệ của Phật.

Lại nguyện cho hết thảy chúng sanh dùng được phương tiện nhiệm màu đi đến hết thảy cõi nước trang nghiêm của chư Phật; trong một niệm đã đi sâu vào pháp giới không biết mỏi mệt.

Lại nguyện cho hết thảy chúng sanh được thân tướng trang nghiêm,

không ai có thể so sánh kịp; hay đi khắp hết thảy mười phương thế giới không nhàm chán.

Lại nguyện cho hết thảy chúng sanh đều thành tựu được thân tướng rộng lớn, đi lại túy ý; đều được thần lực của Phật; trang nghiêm hoàn toàn cảnh giới giải thoát, trong khoảng một niệm thực hiện được rõ ràng sức thần thông tự tại của chư Phật, khắp hư không pháp giới.

Đã phát những đại nguyện như thế ấy rồi, rộng lớn như pháp tánh, cứu cánh như hư không; nguyện cho các chúng sanh đồng được như sở nguyện, mãn bồ đề nguyện. Đại chúng sanh cùng nhau chí thành đảnh lễ Tam bảo.

Thoảng hoặc như đệ tử tên..... bị các quả báo khổ sở không thể cứu chúng sanh, nguyện xin đem các chúng sanh ấy phó thác cho:

Vô lượng vô biên, tận hư không giới pháp thân Bồ-tát.
Vô lượng vô biên tận hư không giới vô lậu sắc than Bồ-tát
Vô lượng vô biên tận hư không giới phát tâm Bồ-tát
- Hưng chánh Pháp Mã Minh Đại sư Bồ-tát
- Hưng tượng Pháp Long Thọ Đại sư Bồ-tát
- Mười phương tận hư không giới Vô Biên Thân Bồ-tát.
- Mười phương tận hư không giới Quan Thế Âm Bồ-tát.
Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát
Phổ Hiền Bồ-tát
Sư Tử Du Hý Bồ-tát
Sư Tử Phấn Tấn Bồ-tát
Sư Tử Phan Bồ-tát
Sư Tử Tác Bồ-tát
Kiên Dõng Tinh Tấn Bồ-tát
Kim Cang Huệ Bồ-tát
Khí Ấm Cái Bồ-tát
Tịnh Căn Bồ-tát
Huệ Thượng Bồ-tát
Thường Bất Ly Thế Bồ-tát
Dược Vương Bồ-tát
Dược Thượng Bồ-tát
Hư Không Tạng Bồ-tát
Kim Cang Tạng Bồ-tát
Thường Tinh Tấn Bồ-tát
Bất Hưu Tức Bồ-tát
Diệu Âm Bồ-tát

Bảo Nguyệt Bồ-tát
Nguyệt Quang Bồ-tát
Bạt Đà Bà Lôn Bồ-tát
Việt Tam Giới Bồ-tát

Lại xin phú chúc hết thảy chúng sanh ấy cho tất cả mười phương tận hư không giới chư Đại Bồ-tát.

Nguyện xin chư Đại Bồ-tát-ma-ha tát dùng bổn nguyện lực, thế độ chúng sanh lực mà nhiếp thọ mười phương vô cùng vô tận hết thảy chúng sanh; nguyện xin chư Bồ-tát ma-ha-tát không xả bỏ chúng sanh, xem chúng sanh đồng như thiện tri thức, không có quan niệm chia rẻ; nguyện cho chúng sanh biết ơn chư Bồ-tát, thân cận cúng dường chư Bồ-tát. Nguyện xin chư Bồ-tát thường xót nhiếp thọ, khiến các chúng sanh ấy được tâm ngay thẳng, theo dõi Bồ-tát, không xa lìa Bồ-tát. Nguyện xin cho chúng sanh biết vâng lời Bồ-tát dạy bảo, không dám trái nghịch; được tâm kiến cố, không bỏ thiện tri thức, xa lìa tội lỗi, tâm không thôi chuyển; khiến chúng sanh vì thiện tri thức, không tiếc thân mạng, xả bỏ hết thảy, không trái ý thiện tri thức. Nguyện cho chúng sanh tu tập đại từ, xa lìa các điều ác; nghe chánh pháp của Phật đều hay thọ trì; nguyện khiến chúng sanh thiện căn nghiệp báo đồng như Bồ-tát; hạnh nguyện đồng như Bồ-tát; rốt ráo thanh tịnh, đầy đủ thần thông, túy ý tự tại; tu đạo Đại thừa cho đến khi chứng được hoàn toàn nhất thế chủng trí; ở trong thời gian ấy không có lười biếng; cỡn nghiệp trí huệ đến chỗ an ổn, được vô ngại đạo, hoàn toàn tự tại.

Trước hết là quy y Tam bảo, đoản nghi, sanh tín, sám hối, phát tâm, hiển quả báo, xuất địa ngục, giải oan, tự khánh (vui mừng) phát nguyện, hồi hướng, cho đến cuối cùng là phần chúc lụy này, như thế, có bao nhiêu công đức đều đem bố thí cho hết thảy chúng sanh, tận hư không giới, khắp mười phương. Nguyện xin Đức Di Lặc Thế Tôn chứng giám cho chúng con, mười phương chư Phật, thương xót che chở cho chúng con. Những điều chúng con sám hối đều được thành tựu; nguyện cho chúng sanh đồng tâm từ bi phụ. Sanh đến cõi này tham dự Hội Phật thuyết pháp đầu tiên; nghe pháp ngộ đạo; công đức trí huệ hết thảy đều đẩy đủ; cùng với chư Bồ-tát, bình đẳng không sai khác, nhập kim cang, thành bậc Chánh giác.

TÁN PHẬT CHÚ NGUYỆN

Đa già a già độ, a la ha tam miệu tam Phật đà, mười hiệu đầy đủ, độ người vô lượng dứt sạch sanh tử.

Nguyện xin nhờ công đức nhơn duyên sám hối hôm nay cho các chúng sanh và mọi người đều được hoàn toàn như sở nguyện, mãn Bồ đề nguyện:

1. Đệ tử chúng con tên ...những lời thệ nguyện hôm nay đã phát ra, nguyện xin nguyện nào cũng đồng như mười phương tận hư không giới hết thảy chư Phật, chư Đại Bồ-tát đã phát thệ nguyện;

2. Chư Phật, chư Đại Bồ-tát đã có phát thệ nguyện không thể cùng tận, chúng con hôm nay thệ nguyện cũng như vậy, rộng như pháp tánh, cứu cánh như hư không; cùng tận đời vị lai, hết thảy số kiếp, chúng sanh không thể tận, chúng con nguyện cũng không thể tận;

3. Thế giới không thể tận, chúng con nguyện cũng không thể tận;

4. Hư không không thể tận, chúng con nguyện cũng không thể tận;

5. Pháp tánh không thể tận, chúng con nguyện cũng không thể tận;

6. Niết bàn không thể tận, chúng con nguyện cũng không thể tận;

7. Phật ra đời không thể tận, chúng con nguyện cũng không thể tận;

8. Trí huệ chư Phật không thể tận, chúng con nguyện cũng không thể tận;

9. Tâm tưởng không thể tận, chúng con nguyện cũng không thể tận;

10. Trí sanh khởi không thể tận, chúng con nguyện cũng không thể tận. Thế gian đạo chủng, Pháp đạo chủng, trí huệ đạo chủng không thể tận, chúng con nguyện cũng không thể tận.

Nếu mười điều ấy có thể cùng tận, lời nguyện của chúng con mới có thể cùng tận. Mười điều ấy không cùng tận, nguyện chúng con không bao giờ cùng tận.

Hết thảy đều Hòa nam Tam thừa Thánh chúng.

TỪ BI ĐẠO TRÀNG SÁM PHÁP
QUYỂN THỨ MƯỜI
(HẾT)

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 166

PHÁP TỪ BI THỦY SÁM

SỐ 1910
(QUYỂN THƯỢNG - TRUNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1910

BÀI TỰA THỦY SÁM DO VUA SOẠN

Tam-muội Thủy Sám có ra từ sự việc Quốc sư Ngộ Đạt đời Đường được Tôn giả Ca-nặc-ca dùng nước Tam-muội rửa sạch oán thù nhiều đời. Tri Huyền bèn phô diễn ý chỉ của bậc Đại giác, soạn thành văn sám, tâm vì lợi ích cùng khắp cho người đời sau, phước đức ấy không thể đo lường. Tam-muội, Hán dịch là Chánh thọ, không thọ các thọ gọi là Chánh thọ. Chân tâm vắng lặng, tâm nầy bất động, điều quan trọng là giúp cho người tìm thấy chân tâm ở chính mình. Vì con người sinh ra ở đời vốn tự chẳng phải là bậc thượng trí, đâu thể vô cớ gây ra điều lầm lỗi. Hoặc do oan nghiệp đời trước nhiều, Đức Như Lai có lòng từ bi rộng lớn, mở rộng cửa sám hối, nếu thành tâm sám hối, làm lành thì tội nghiệp chứa nhóm tiêu trừ như băng tan. Ví như các thứ nước, phiền não của thân đều được rửa sạch, nương theo đó tắm gội đều được trong nhuần, đồ đựng dù bị dơ lâu ngày cũng được thanh tịnh, ngõ hầu không vượt một tấc lòng mình. Cho nên nói tâm là thần minh của thân, làm lành thì gặp điều lành, làm ác thì gặp ác, như bóng theo hình, như vang theo tiếng, nghiệm chứng nhanh chóng không sai mảy may.

Bổn văn Tam-muội Thủy Sám nầy sở dĩ lợi ích cho người là vì công đức của nó rất rộng lớn, như Tri Huyền là cao tăng mười đời mà còn phải chịu thua quả báo đời trước, huống chi là người thường. Thuở xưa, Tôn Bạch làm uế phạm tượng vàng mà phải bị trách phạt ở cõi âm, sám hối tự phơi bày lỗi mình thì họa liền tiêu diệt, pháp giúp cao xa, nghị sư không cẩn thận chốn thuyết độc. Sư xem trọng sự trách phạt, sám hối liền được khỏi, những trường hợp như thế có rất nhiều, người phàm phu tâm biết điều đó, chẳng lẽ không hổ thẹn hay sao? Chẳng

phải do sám hối thì tại sao do rửa sạch đầu mối mà hướng về đường lành? Một mảy may ý nghĩ ác không nẩy sinh trong tâm thì mầm mống tai họa tiêu trừ, phước đức thêm lớn, như mưa thấm nhuần cây cỏ phát triển tốt tươi, mắt tuy không thấy nhưng ấm thọ được tươi nhuần rất nhiều, cho nên Tam-muội chỉ ở nơi tâm mình, không cần tìm ở người. Tôi bèn viết lời tựa nầy đặt ở đầu sách, đồng thời được khắc nhiễm, làm phương tiện lợi ích. Cho nên Tam-muội tràn đầy biển lớn, cùng khắp sa giới, gội rửa nhiều kiếp. Xét theo đây mà cẩn thận thú hướng.

Ngày mùng 01 tháng 07 niên hiệu Vĩnh Lịch năm thứ mười bốn.

TỰA

Thiết nghĩ ngoài những Kinh, Luật, Luận của Thánh giáo đã phiên dịch, nhiều sách vở của Hiền nhân chế tác về sau đều do nơi sự cảm ứng mà làm ra cả. Nếu riêng từng phẩm loại mà nói thì không dễ gì kể ra cho hết được. Ngay như bản văn linh thiêng nầy vì sao mà gọi là Thủy Sám, tôi xin nói rõ đến căn do.

Thuở xưa về triều vua Đường Ý Tông có một vị Quốc sư hiệu là Ngộ Đạt, tên là Tri Huyền. Lúc chưa hiển đạt, ngài thường gặp gỡ một nhà sư ở đất Kinh Sư trong ngôi chùa nọ. Nhà sư ấy mắc bệnh Ca- ma-la (bệnh cùi) ai cũng gớm, chỉ có ngài Tri Huyền là thường gần gũi hỏi han, không hề nhàm chán. Nhân khi chia tay, nhà sư vì quá cảm kích phong thái của ngài Tri Huyền mới dặn rằng: Sau nầy ông có nạn chi nên qua núi Cửu lũng tại Bành Châu đất Tây Thục tìm tôi và nhớ trên núi ấy có hai cây tùng làm dấu chỗ tôi trú ngụ.

Sau đó ngài Ngộ Đạt quốc sư đến chùa An quốc thì đức độ của ngài càng vang khắp. Vua Ý Tông thân hành đến pháp tịch nghe ngài giảng đạo. Nhân đó vua mới ban ân rất hậu cho ngài cái pháp tọa bằng gỗ trầm hương và từ đó trên đầu gối của ngài bỗng nhiên mọc mụn ghẻ tựa như mặt người, đau nhức khôn xiết! Ngài cho mời tất cả các bậc danh y, nhưng không ai chữa được. Nhân ngài nhớ lời dặn trước bèn đi vào núi mà tìm.

Trên đường đi, trời đã mờ tối, trong khoảng âm u mây bay khói tỏa mịt mù, ngài nhìn xem bốn phía, bỗng thấy dạng hai cây tùng ngài mới tin rằng lời ước hẹn xưa không sai. Ngài liền đến ngay chỗ đó, quả nhiên thấy lầu vàng điện ngọc lộng lẫy nguy nga, ánh quang minh chói rọi khắp nơi. Trước cửa nhà sư đang đứng chờ đón ngài một cách thân mật.

Nhân ở lại đêm, ngài Ngộ Đạt mới tỏ hết tâm đau khổ của mình. Nhà sư ấy nói:

Không hề gì đâu, dưới núi nầy có một dòng suối, sáng ngày rửa mụn ghẻ ấy khỏi ngay.

Mờ sáng hôm sau một chú tiểu đồng dẫn ngài ra ngoài suối. Ngài vừa bụm nước lên rửa thì mụn ghẻ kêu lên:

Đừng rửa vội. Ông học nhiều biết rộng đã khảo cứu các sách cổ kim mà có từng đọc đến chuyện Viên Áng, Triều Thố chép trong bộ Tây Hán chưa?

Tôi có đọc.

Ông đã đọc rồi có lẽ nào lại không biết chuyện Viên Áng giết Triều Thố vậy. Thố bị chém ở chợ phía Đông oan ức biết dường nào. Đời đời tôi tìm cách báo thù ông, song đã mười kiếp ông làm bậc cao tăng, giới luật tinh nghiêm, nên tôi chưa tiện về báo oán được. Nay vì ông được nhà vua quá yêu chuộng nên khởi tâm danh lợi làm tổn giới đức, tôi mới báo thù được ông. Nay nhờ Tôn giả Ca-nặc-ca lấy nước pháp Tam-muội rửa oán cho tôi rồi, từ đây trở đi tôi không còn báo oán ông nữa.

Ngài Ngộ Đạt nghe qua hoảng sợ liền vội vàng bụm nước dội rửa mụn ghẻ làm nhức nhối tận xương tủy, chết giấc hồi lâu mới tỉnh. Khi tỉnh lại thì không thấy mụn ghẻ ấy nữa. Nhân đó ngài mới biết Thánh hiền ẩn tích kẻ phàm tình không thể lường được. Ngài muốn trở lên lạy tạ vị sư, nhưng ngó ngoảnh lại thì ngôi bảo điện kia đã biến mất tự bao giờ. Vì thế ngài bèn lập một cái thảo am ngay chỗ ấy và sau trở thành một ngôi chùa. Đến năm Chí Đạo triều nhà Tống mới sắc hiệu là Chí Đức Thiền Tự. Có một vị cao tăng làm bài ký sự ghi chép việc nầy rõ ràng.

Khi đó ngài Ngộ Đạt nghĩ đến mối oan trái đã bao đời nếu không gặp Thánh nhân thì do đâu khỏi được. Vì cảm niệm cái ơn tế độ lạ lùng ấy, ngài mới thuật ra pháp sám nầy để mai chiều lễ tụng, sau truyền bá khắp thiên hạ.

Ba quyển sám đây tức là bài văn của ngài làm ra lúc đó vậy.

Nghĩa chính của bài văn nầy là lấy nước Tam-muội rửa sạch nghiệp oan khiên nên mới đặt tên là Thủy Sám. Lại ngài Ngộ Đạt cũng vì cảm điềm dị ứng của đức Ca-nặc-ca nên dùng tên ấy mà đặt tên cho bộ Sám văn nầy để đáp đền thâm ân kia.

Nay tôi kể rõ sự thật và nêu công của Tiên đức để cho những người lật bộ Sám văn nầy, hoặc lễ, hoặc tụng đều biết được sự tích của người xưa vì lẽ nhân quả tuy nhiều kiếp cũng không sai chạy.

Khải vận từ bi đạo tràng sám pháp.

Nhất tâm quy mạng tam thế chư Phật.

Nam-mô Quá khứ Tỳ-bà-thi Phật.

Nam-mô Thi-khí Phật.

Nam-mô Tỳ-xá-phù Phật.

Nam-mô Câu-lưu-tôn Phật.

Nam-mô Câu-na-hàm Mâu-ni Phật.

Nam-mô Ca-diếp Phật.

Nam-mô Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật.

Nam-mô Đương lai Di-lặc Tôn Phật.

PHÁP TỪ BI THỦY SÁM

QUYỂN THƯỢNG

Tất cả chư Phật, vì thương xót chúng sinh, nói pháp lập đàn Thủy Sám. Chúng sinh vì nghiệp chướng nặng nề nên không một ai tránh khỏi tội lỗi. Những kẻ phàm phu bị màn vô minh che lấp, gần gũi bạn ác, phiền não loạn tâm, tánh không hiểu biết, nên cứ buông lòng tự thị, không tin tưởng mười phương chư Phật, không tin Tôn pháp, cùng các bậc Thánh tăng, bất hiếu cha mẹ, không kính nhường bà con. Tuổi trẻ phóng túng, kiêu căng ngạo mạn, đối với các vật quý báu, các thứ ca nhạc, các sắc đẹp trai gái thường sinh tâm tham luyến, ý khởi phiền não, lân la với người hư, tập tành theo bạn ác, không biết chừa đổi. Hoặc giết hại các giống sinh linh, hoặc uống rượu mê man mất hết trí tuệ, rồi thường cùng với chúng sinh tạo nghiệp phá giới. Những tội lỗi ở quá khứ, cùng tội ác ở hiện tại ngày nay chí thành xin sám hối tất cả, còn các tội lỗi về sau không dám làm nữa.

Bởi thế hôm nay chúng con dốc lòng thành kính quy y tất cả các Đức Phật, các vị Đại Bồ-tát, Bích-chi, La-hán, Phạm-vương, Đế thích, Trời, Rồng tám bộ chúng và tất cả Thánh chúng trong mười phương hư không thế giới cầu xin rủ lòng chứng giám.

Lễ Phật và Bồ-Tát

Nam-mô Tỳ-lô-giá-na Phật.
Nam-mô Bổn Sư Thích -ca Mâu-ni Phật.
Nam-mô A-di-đà Phật.
Nam-mô Di-lặc Phật.
Nam-mô Long Chủng Thượng Tôn Vương Phật.
Nam-mô Long tự tại Vương Phật.
Nam-mô Bảo thắng Phật.
Nam-mô Giác Hoa Định Tự Tại Vương Phật.
Nam-mô Ca-sa Tràng Phật.

Nam-mô Sư Tử Hống Phật.
Nam-mô Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát.
Nam-mô Phổ Hiền Bồ-tát.
Nam-mô Đại Thế Chí Bồ-tát.
Nam-mô Địa Tạng Vương Bồ-tát.
Nam-mô Đại Trang Nghiêm Bồ-tát.
Nam-mô Quán Tự Tại Bồ-tát.

Đảnh lễ các Đức Phật rồi, kế lại sám hối. Muốn lễ sám trước phải kính lễ Tam bảo, vì Tam bảo là bạn lành, là ruộng phước của tất cả chúng sinh. Nếu quy hướng Tam bảo thì diệt được vô lượng tội, thêm được vô lượng phước, khiến người làm đạo thoát khổ sinh tử, được vui giải thoát. Vì vậy cho nên chúng con tên là v.v...

Quy y tất cả chư Phật trong mười phương hư không thế giới (1 lạy)

Quy y tất cả Tôn pháp trong mười phương hư không thế giới (1 lạy).

Quy y tất cả Thánh tăng trong mười phương hư không thế giới (1 lạy).

Sở dĩ ngày nay chúng con sám hối, chánh vì từ vô thỉ đến nay, còn ở địa vị phàm phu bất cứ sang hèn, tội lỗi không lường: hoặc do ba nghiệp gây nên tội lỗi, hoặc từ sáu căn khởi lên, hoặc vì nội tâm vọng tưởng, hoặc vì ngoại cảnh mê hoặc sinh lòng nhiễm trước. Như thế cho đến mười điều ác nghiệp, tám vạn bốn ngàn trần lao. Những tội lỗi ấy tuy nhiều vô lượng, nhưng không ngoài ba điều: phiền não, nghiệp chướng, quả báo. Ba ác pháp nầy, là pháp chướng ngại Thánh đạo, ngăn trở quả báo tốt đẹp trời người. Thế nên kinh gọi là ba chướng, vì vậy chư Phật, Bồ-tát dạy làm những pháp phương tiện sám hối trừ diệt. Ba chướng ấy diệt thì sáu căn, mười ác, cho đến tám vạn bốn ngàn trần lao thảy đều thanh tịnh.

Hôm nay chúng con tên là... đem hết lòng thành, vận tâm thù thắng sám hối ba chướng. [Muốn diệt ba chướng phải dùng những tâm niệm nầy: Trước phải phát bảy tâm thù thắng làm phương tiện, sau mới trừ diệt. Một là tâm tủi hổ, hai là tâm e sợ, ba là tâm chán xa, bốn là tâm Bồ-đề; năm là tâm oán thân bình đẳng; sáu là tâm nghĩ báo ân Phật; bảy là tâm quán xét tội tánh vốn không.

Thứ nhất tâm tủi hổ, là tự nghĩ ta với Đức Thích-ca đồng là phàm phu, mà Đức Thế tôn đã thành đạo đến nay trải qua số kiếp nhiều như

cát bụi, chúng ta thì còn cùng nhau say đắm lục trần trôi lăn trong vòng sinh tử, chưa biết bao giờ ra khỏi. Như thế thật là đáng thẹn đáng hổ nhất trong thiên hạ.

Thứ hai tâm e sợ, đã là phàm phu thì thân, khẩu, ý nghiệp thường thuận ưng với tội lỗi. Bởi nhân duyên ấy nên sau khi chết phải đọa vào địa ngục, nạg quỷ, súc sinh chịu khổ vô cùng. Như thế thật là đáng kinh đáng sợ.

Thứ ba tâm chán xa, là chúng ta thường cùng nhau quán sát trong đường sinh tử, chỉ là vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh, hư giả như bọt nước nổi tan, xoay vần qua lại như bánh xe lăn; còn thêm sinh, già, bệnh, chết, tám khổ, nung nấu không dừng. Chúng ta xem xét ngay trong thân thể, từ đầu đến chân có ba mươi sáu thứ, tóc, lông, răng, móng, ghèn, nước mắt, mũi, nước miếng, gàu, mồ hôi, đại tiện, tiểu tiện, da dày, da mỏng, máu, thịt, gân, mạch, xương, tủy, mỡ chài, mỡ nước, óc, màng, lá lách, thận tim, phổi, gan, mật, ruột, dạ dày, đàm đỏ, đàm trắng, sinh tạng, thọc tạng, thường bài tiết ra chín lỗ. Nên trong kinh nói: thân nầy là chỗ chứa, các khổ não, đầy dẫy bất tịnh, nên kẻ trí giả chẳng hề yêu mến. Trong vòng sinh tử đã có những cái xấu xa như thế, thực là đáng lo, đáng chán!

Thứ tư phát tâm Bồ-đề. Kinh nói: Nên ham muốn thân Phật, vì thân Phật tức là Pháp thân, Pháp thân ấy do vô lượng công đức trí tuệ sinh ra, do tu sáu pháp Ba-la-mật sinh ra, do từ bi, hỉ, xả sinh ra, do tu ba mươi bảy pháp trợ Bồ-đề sinh ra. Do những công đức trí tuệ ấy sinh ra thân Như Lai. Muốn được thân đó thì phải phát tâm Bồ-đề, cầu được Nhất thiết chủng trí, Thường Lạc, Ngã, Tịnh, chứng quả Tát bà nhã, thanh tịnh Phật độ thành tựu chúng sinh, chẳng tiếc thân mạng tài sản.

Thứ năm tâm oán thân bình đẳng, là đối với tất cả chúng sinh, mở lòng từ bi không phân biệt người với ta. Vì nếu còn thấy kẻ oán khác với người thân, tức còn có sự phân biệt. Bởi có phân biệt mới có chấp trước, bởi có chấp trước mới sinh phiền não, bởi sinh phiền não mới tạo nghiệp dữ, bởi tạo nghiệp dữ mới chịu quả báo.

Thứ sáu tâm nghĩ báo ân Phật. Đức Như Lai từ vô lượng kiếp đã vì chúng ta mà bỏ cả đầu, mắt, tủy, não, tay chân, xương thịt, quốc thành, vợ con, voi ngựa, bảy báu, tu hành khổ hạnh. Ơn ấy đức ấy thật khó báo đền. Vì vậy kinh nói: Giả sử đầu đội vai mang, trải qua số kiếp như hằng hà sa, cũng khó đền đáp ơn Phật. Chúng ta muốn đền đáp công ơn của Đức Như Lai, trong đời nầy phải dũng mãnh, tinh tiến gắng chịu khổ nhọc, không tiếc thân mạng gầy dựng Tam bảo, hoằng dương giáo

pháp Đại thừa, hóa độ chúng sinh, đồng vào ngôi Chánh giác.

Thứ bảy tâm quán xét tội tánh không thật, là tội không tự tánh, do nhân duyên sinh, do điên đảo thành, đã do nhân duyên sinh thì cũng do nhân duyên diệt. Nhân duyên sinh tội tức là gần gũi bạn ác, gây nghiệp vô cùng. Nhân duyên diệt tội tức là ngày nay tịnh tâm sám hối. Thế nên kinh dạy: Tội tánh không phải ở trong, không phải ở ngoài, không ở chặng giữa. Nên biết tội tánh vốn không.

Khởi bảy thứ tâm như trên ấy rồi, lại duyên tưởng đến mười phương chư Phật, cùng các Hiền Thánh, cung kính chấp tay phơi bày tâm can tỏ lòng cầu khẩn hổ thẹn sám hối. sám hối như thế, tội nào không diệt, phước nào không sinh. Nếu không hết lòng sám hối, cứ lần lữa biếng nhác, tình tự buông lung thì chỉ khổ nhọc cho mình, chứ không ích lợi gì cả. Vả lại mạng người vô thường như quay bó đuốc. Khi hơi thở ra không trở lại thì thân nầy đồng như tro đất, khổ báo trong ba đường chánh mình phải chịu, không thể nhờ tiền tài, của báu để lo cầu thoát khỏi, ở mãi trong cảnh mịt mù không có kỳ hạn ân xá, riêng mình chịu khổ, không ai thay thế.

Đừng cho rằng trong đời nầy ta không gây tội mà không tha thiết cầu sám hối, vì trong kinh nói: Kẻ phàm phu mỗi khi động chân cất bước là đã có tội. Lại trong những đời quá khứ đã gây nên nhiều điều ác nghiệp, không thể kể xiết, nó thường theo dõi như bóng theo hình. Nếu không sám hối thì tội ác càng ngày càng sâu. Nên biết rằng nếu che giấu tội lỗi mình, thì Phật còn không dung cho, tỏ bày để sám hối thì ngài Tịnh Danh kính chuộng. Bởi thế nên biết chúng sinh bị chìm đắm mãi trong bể khổ cũng do thói hay che giấu tội lỗi. Vì vậy ngày nay chúng con xin phát lộ sám hối, không dám che giấu.

Ba chướng: Một là phiền não, hai là nghiệp chướng, ba là quả báo. Ba thứ chướng nầy làm nhân cho nhau, như do phiền não mới sinh ác nghiệp, do ác nghiệp mà phải chịu khổ báo. Vì thế ngày nay chúng con xin hết lòng sám hối.

Thứ nhất sám hối các nghiệp chướng phiền não, vì những phiền não ấy đều do ý gây ra. Và khi ý nghiệp phát khởi, thì thân nghiệp, khẩu nghiệp theo đó phát động. Ý nghiệp có tham lam, có giận dữ, có ngu muội. Bởi ngu muội mới sinh tà kiến mà gây lắm việc ác. Vì vậy kinh nói: Ba nghiệp tham, sân, si làm cho chúng sinh đọa lạc trong ba đường: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, chịu khổ vô cùng. Nếu được làm người cũng phải chịu những quả báo ác phiền não như: nghèo nàn, túng thiếu, côi cút, lại thêm tánh nết hung hăng, càn bướng, ngu độn, không

biết phải quấy.

Ý nghiệp đã gây nhiều ác quả như thế, nên ngày nay chúng con dốc lòng đem hết thân mạng nương về chư Phật, cầu xin sám hối.

Những phiền não ấy, chư Phật, Bồ-tát, các bậc Thánh, đã thấu tỏ chân lý, đủ mọi điều quở trách. Gọi phiền não nầy là oan gia, vì phiền não làm dứt mất tuệ căn, tuệ mạng của chúng sinh; cũng gọi phiền não nầy là giặc cướp, vì cướp mất các pháp lành của chúng sinh; cũng gọi phiền não nầy là cái thác chảy mạnh, vì lôi cuốn chúng sinh vào bể khổ sinh tử; cũng gọi phiền não nầy là xiềng xích, vì ràng buộc chúng sinh trong ngục sinh tử không khi nào ra khỏi, cứ phải quanh quẩn mãi trong sáu nẻo bốn loài, gây nghiệp ác vô cùng, chịu quả khổ không ngớt. Thế mới biết những họa hoạn ấy đều do phiền não mà ra. Cho nên ngày nay vận tâm tăng thượng cầu xin sám hối.

Từ vô thỉ đến nay, chúng con hoặc chịu quả báo trong sáu đường, có tâm thức, thường ôm mối ngu hoặc đầy dẫy tâm can, hoặc nhân nơi mầm ba độc tạo nên tất cả tội, hoặc nhân nơi ba lậu hoặc tạo nên tất cả tội, hoặc nhân nơi ba thứ khổ tạo nên tất cả tội, hoặc duyên nơi ba loại điên đảo tạo ra tất cả tội, hoặc tham đắm trong ba cõi (tam hữu) tạo nên tất cả tội. Những tội như thế vô lượng vô biên não loạn tất cả bốn loài chúng sinh trong sáu đường. Ngày nay hổ thẹn đều xin sám hối.

Lại nữa chúng con từ vô thỉ cho đến ngày nay, hoặc nhân nơi bốn trụ tạo nên tất cả tội, hoặc nhân nơi bốn lưu tạo nên tất cả tội, hoặc nhân nơi bốn thủ tạo nên tất cả tội, hoặc nhân nơi bốn chấp tạo nên tất cả tội, hoặc nhân nơi bốn duyên tạo nên tất cả tội, hoặc nhân nơi bốn đại tạo nên tất cả tội, hoặc nhân nơi bốn món kết phược tạo nên tất cả tội, hoặc nhân nơi bốn tham tạo nên tất cả tội, hoặc nhân nơi bốn loài sinh tạo nên tất cả tội.

Những tội như thế vô lượng vô biên, não loạn tất cả chúng sinh trong sáu đường. Ngày nay hổ thẹn, đều xin sám hối.

Lại nữa, chúng con từ vô thỉ đến nay, hoặc nhân nơi năm trụ địa tạo nên tất cả tội, hoặc nhân nơi năm triền cái tạo nên tất cả tội, hoặc nhân nơi năm loại xan tham tạo nên tất cả tội, hoặc nhân nơi năm thứ thiên kiến tạo nên tất cả tội, hoặc nhân nơi năm tâm tạo nên tất cả tội. Những phiền não như thế vô lượng vô biên, não loạn tất cả chúng sinh trong sáu đường, ngày nay tỏ bày cầu xin sám hối.

Lại nữa chúng con từ vô thỉ đến nay, hoặc nhân nơi sáu căn tạo nên tất cả tội, hoặc nhân nơi sáu thức tạo nên tất cả tội, hoặc nhân nơi sáu tưởng tạo nên tất cả tội, hoặc nhân nơi sáu thọ tạo nên tất cả tội,

hoặc nhân nơi sáu hành tạo nên tất cả tội, hoặc nhân nơi sáu ái tạo nên tất cả tội, hoặc nhân nơi sáu nghi tạo nên tất cả tội. Những phiền não như thế vô lượng vô biên, não loạn tất cả chúng sinh trong sáu đường, ngày nay hổ thẹn tỏ bày, cầu xin sám hối.

Lại nữa chúng con từ vô thỉ đến nay, hoặc nhân nơi bảy món lậu hoặc tạo nên tất cả tội, hoặc nhân nơi bảy loại kết sử tạo nên tất cả tội, hoặc nhân nơi tám món đảo tạo nên tất cả tội, hoặc nhân nơi tám thứ cấu uế tạo nên tất cả tội, hoặc nhân nơi tám loại khổ tạo nên tất cả tội. Những phiền não như thế vô lượng vô biên, não loạn tất cả chúng sinh trong sáu đường ngày nay tỏ bày, cầu xin sám hối.

Lại nữa chúng con từ vô thỉ đến nay, hoặc nhân nơi chín não tạo nên tất cả tội, hoặc nhân nơi chín kết tạo nên tất cả tội, hoặc nhân nơi chín duyên tạo nên tất cả tội; hoặc nhân nơi mười phiền não tạo nên tất cả tội, hoặc nhân nơi mười triền cái tạo nên tất cả tội, hoặc nhân nơi mười một biến sử tạo nên tất cả tội, hoặc nhân nơi mười hai nhập tạo nên tất cả tội, hoặc nhân nơi mười sáu tri kiến tạo nên tất cả tội, hoặc nhân nơi mười tám giới tạo nên tất cả tội, hoặc nhân hai mươi lăm ngã tạo nên tất cả tội, hoặc nhân nơi sáu mươi hai kiến tạo nên tất cả tội, hoặc nhân nơi chín mươi tám sử, một trăm tám phiền não của kiến hoặc, tư hoặc, đêm ngày bập bùng mở cửa hữu lậu gây nên tất cả tội, não loạn Thánh hiền và bốn loài chúng sinh, đầy dẫy ba cõi tràn khắp sáu đường không còn chỗ trốn lánh. Ngày nay hết lòng cầu khẩn, hướng về mười phương chư Phật, Tôn pháp, Thánh chúng, hổ thẹn giải bày đều xin sám hối.

Nguyện nhờ công đức sám hối tất cả phiền não ba độc, chúng con nguyện đời đời kiếp kiếp được ba thứ trí tuệ, ba món sáng tỏ, diệt được ba khổ đầy đủ ba nguyện. Lại nguyện nhờ công đức đã sám hối tất cả phiền não vì bốn món thức... chúng con... đời đời kiếp kiếp được mở rộng bốn tâm bình đẳng, lập bốn tín nghiệp diệt bốn đường ác, được bốn vô úy. Nguyện nhờ công đức đã sám hối tất cả phiền não vì năm món triền cái... chúng con... đời đời kiếp kiếp, qua khỏi được năm đường, dựng được năm căn, năm thứ tịnh nhãn thành tựu năm phần Pháp thân. Lại nguyện, nhờ công đức đã sám hối tất cả phiền não của sáu thọ... chúng con... đời đời kiếp kiếp được đầy đủ sáu món thần thông, sáu pháp Ba-la-mật. Không bị sáu trần mê hoặc, thường làm được sáu diệu hạnh. Lại nguyện nhờ công đức sám hối tất cả phiền não vì bảy lậu, tám cấu, chín kết, mười triền... chúng con... đời đời kiếp kiếp được ngồi trên hoa Thất tịnh được tắm nước Bát giải, đủ trí Cửu đoạn, thành tựu hạnh Thập địa.

Lại nguyện, nhờ công đức sám hối tất cả phiền não vì mười một biến sử, mười hai nhập, mười tám giới... chúng con... đời đời kiếp kiếp được hiểu mười một món Không, tâm thường nương những món Không ấy, tự tại chuyển nói mười hai hành pháp luân, đầy đủ mười tám pháp bất cộng vô lượng công đức đều viên mãn.

Phát nguyện xong, chí tâm kính lễ chư Phật:

Nam-mô Tỳ-lô-giá-na Phật.
Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật.
Nam-mô A-di-đà Phật.
Nam-mô Di-lặc Phật.
Nam-mô Long Chủng Thượng Tôn Vương Phật.
Nam-mô Long Tự Tại Vương Phật.
Nam-mô Bảo Thắng Phật.
Nam-mô Giác Hoa Định Tự Tại Vương Phật.
Nam-mô Ca-sa Tràng Phật.
Nam-mô Sư Tử Hống Phật.
Nam-mô Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát.
Nam-mô Phổ Hiền Bồ-tát.
Nam-mô Đại Thế Chí Bồ-tát.
Nam-mô Địa Tạng Vương Bồ-tát
Nam-mô Đại Trang Nghiêm Bồ-tát.
Nam-mô Quán Tự Tại Bồ-tát.

Đảnh lễ chư Phật rồi, kế lại sám hối.

Phép sám hối chánh là sửa đổi sự lỗi lầm đã qua, diệt ác làm lành. Người đời ai không lỗi, như bậc hữu học lỡ mất chánh niệm còn bị phiền não nổi lên, bậc La-hán có lúc kết tập phát khởi cũng còn phạm phải những nghiệp thân, khẩu, ý, huống kẻ phàm phu sao khỏi tội lỗi. Những người có trí biết trước liền ăn năn sửa lỗi, còn kẻ ngu si giấu giếm, nên tội thêm tràn đầy, chất chứa lâu ngày không biết khi nào tỏ ngộ. Nếu biết hổ thẹn giãi bày sám hối, không những diệt được tội lỗi, còn thêm vô lượng công đức, gây dựng quả vị. Niết Bàn vi diệu của Như Lai. Muốn thực hành phép sám hối, trước hết, thân phải nghiêm trang tề chỉnh, chiêm ngưỡng tôn tượng, tâm phải khởi ý cung kính, theo phép quán tưởng, hết lòng cầu khẩn, lắng tâm suy nghĩ hai điều: Thứ nhất phải nghĩ thân mạng khó giữ thường còn, một khi tan nát không biết bao giờ được lại, nếu không gặp chư Phật cùng các bậc Hiền Thánh, lại gặp

phải bạn ác, tạo thêm nhiều tội nghiệp, sẽ bị đọa lạc chốn hiểm hang sâu. Thứ hai, phải tự nghĩ ngày nay, ta tuy gặp chánh pháp của Như Lai, lại không biết vì Phật pháp nối dõi giống Thánh, tẩy sạch ba nghiệp thân, khẩu, ý, để cư xử theo thiện pháp, lại riêng làm việc ác, cố ý che đậy, nói người khác không biết, kẻ kia không thấy, giấu kín trong lòng ngang nhiên không hổ thẹn. Như thế thật là một điều hết sức ngu hoặc trong thiên hạ.

Mười phương chư Phật, chư Đại Bồ-tát cùng các vị thiện thần, lúc nào lại không dùng Thiên nhãn thanh tịnh mà soi thấy hết những tội ác của chúng ta gây tạo.

Vả lại các thần linh ở chốn u minh ghi chép tội phước không sai một mảy may nào. Nói đến những người đã làm nên tội lỗi, sau khi chết rồi bị ngục tốt đầu trâu thâu bắt thần hồn đem nạp trước mặt Diêm Vương để tra xét điều phải trái. Bấy giờ tất cả kẻ oán cừu đang làm chứng nói: Ngươi trước kia mổ ta, giết ta, nấu, hầm, rang, nướng ta... hoặc nói: Trước kia ngươi cướp bóc lấy hết tiền bạc ta, ly gián quyến thuộc ta, ngày nay ta mới có dịp ở trước ngươi làm chứng cớ rõ ràng, đâu còn giấu giếm chỉ đành cam chịu những tội lỗi trước.

Trong kinh nói rõ: Ở địa ngục không bao giờ xử oan. Người nào ngày thường gây những tội gì, tuy đã quên mất, nhưng đến khi chết rồi tất cả hình tướng ấy do các nghiệp ác độc tạo nên từ trước đều hiện ra, nói: Xưa kia ngươi ở bên ta tạo những tội ác như thế, nay làm sao giấu giếm được?. Lúc đó tội nhân không còn chỗ nào che đậy. Ngay lúc ấy Diêm Vương nghiến răng quở trách rồi cho vào địa ngục, trải vô lượng kiếp chẳng hòng thoát khỏi. Việc đó chẳng phải xa lạ mà cũng không quan hệ gì với người, chánh tự mình tạo tự mình phải chịu, dù chí thân như cha con, một khi quả báo đối đầu, cũng không thay thế cho nhau được.

Vậy nay chúng ta cùng được làm thân người khỏe mạnh không bệnh tật, nên gắng sức tu hành tranh đua cùng thọ mạng, khi đại nạn xảy đến, hối hận không kịp. Bởi thế, chúng con dốc lòng, cầu xin sám hối.

Từ vô thỉ đến nay, chúng con bị vô minh che khuất tâm trí, do phiền não tạo các nghiệp ác trong ba đời. Hoặc say đắm dục lạc sinh ra phiền não ham muốn, hoặc giận dữ bực tức sinh ra phiền não hãm hại, hoặc tâm trí tối tâm sinh ra phiền não không hiểu rõ, hoặc ngã mạn tự cao sinh ra phiền não ngạo nghễ, hoặc nghi ngờ chánh đạo sinh ra phiền não do dự, hoặc bác không nhân không quả sinh ra phiền não tà

kiến, hoặc không biết thân cảnh do nhân duyên giả hợp, sinh ra phiền não chấp ngã, hoặc mê lầm trong ba đời sinh ra phiền não chấp thường chấp đoạn, hoặc gần gũi tà pháp sinh ra phiền não kiến thủ, hoặc theo lầm thầy tà sinh ra phiền não giới thủ, do đến cho tất cả bốn món chấp thành ra phiền não chấp trước sai lầm.... Ngày nay chí thành, đều xin sám hối.

Lại từ vô thỉ đến nay bởi có tánh bo bo lận tiếc, sinh ra phiền não keo bẩn bởi không thâu nhiếp sáu căn sinh ra phiền não buông lung, bởi để tâm làm những việc xấu xa ác độc sinh ra phiền não bất nhẫn, bởi biếng nhác trễ nải sinh ra phiền não không siêng năng bởi hay ngờ vực lo nghĩ bông lông, sinh ra phiền não giác quán, bởi xúc cảnh mê hoặc, sinh ra phiền não không hiểu biết, bởi theo tám thói xấu ở đời, sinh ra phiền não nhân ngã, bởi dối trá, khen trước mặt, chê sau lưng sinh ra phiền não tâm không ngay thẳng, bởi thô cứng khó dạy sinh ra phiền não không điều hòa, bởi dễ giận khó vui, sinh ra phiền não uất hận, bởi hay ghen ghét đâm thọc sinh ra phiền não hung dữ, bởi hung bạo độc hại, sinh ra phiền não thâm độc, bởi trái với Thánh đạo sinh ra phiền não chấp tướng, bởi không biết pháp Tứ đế, Khổ, Tập, Diệt, Đạo, sinh ra phiền não điên đảo, bởi cứ theo chiều sinh tử, không diệt được mười hai nhân duyên sinh ra phiền não luân chuyển, cho đến do vô minh trụ địa, từ vô thỉ khởi ra hằng sa phiền não, khởi tứ trụ địa, gây thành khổ quả trong ba cõi. Khổ quả phiền não vô lượng vô biên, não loạn Hiền Thánh, bốn loài chúng sinh trong sáu nẻo. Ngày nay giải bày trước mười phương chư Phật, Tôn pháp, Thánh chúng, đều xin sám hối.

Nguyện nhờ công đức đã sám hối những phiền não tham, sân, si do ý nghiệp khởi ra, đời đời kiếp kiếp bẻ tràng kiêu mạn, khô nước ái dục, tắt lửa sân hận, phá tối ngu si, nhổ gốc nghi hoặc, xé lưới tà kiến, biết rõ ba cõi như ngục tù, bốn đại như rắn độc, năm ấm như kẻ thù, sáu nhập rỗng không, dối trá thân thiện, siêng tu tám Thánh đạo, dứt nguồn vô minh, nhắm thẳng Niết-bàn không hề dừng nghỉ, luôn luôn để tâm làm theo ba mươi bảy Phẩm trợ đạo, cùng mười pháp Ba-la-mật thường được hiện tiền.

Sám hối phát nguyện rồi, hết lòng tin tưởng kính lễ Thường trụ Tam bảo.

■

PHÁP TỪ BI THỦY SÁM

QUYỂN TRUNG

Tất cả chư Phật vì thương xót chúng sinh mới nói pháp Đạo Tràng Thủy Sám. Ngày nay chúng con xin kính lễ chư Phật.

Nam-mô Tỳ-lô-giá-na Phật.
Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật.
Nam-mô A-di-đà Phật.
Nam-mô Di-lặc Phật.
Nam-mô Long Chủng Thượng Tôn Vương Phật.
Nam-mô Long Tự Tại Vương Phật.
Nam-mô Bảo Thắng Phật.
Nam-mô Giác Hoa Định Tự Tại Vương Phật.
Nam-mô Ca-sa Tràng Phật.
Nam-mô Sư Tử Hống Phật.
Nam-mô Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát.
Nam-mô Phổ Hiền Bồ-tát.
Nam-mô Đại Thế Chí Bồ-tát.
Nam-mô Địa Tạng Vương Bồ-tát.
Nam-mô Đại Trang Nghiêm Bồ-tát.
Nam-mô Quán Tự Tại Bồ-tát.

Đảnh lễ chư Phật rồi, kế lại sám hối. Đến nay thân tâm chúng con được yên tịnh, trong không bị phiền não dối gạt, ngoài không bị chướng nạn ngăn trở, chánh là lúc sinh thiện diệt ác, lại phải thực hành bốn món quán hạnh, để làm phương tiện dứt tội.

Bốn món quán hạnh là:

1) Quan sát nhân duyên.
2) Quan sát quả báo.
3) Quan sát thân mình.
4) Quan sát thân Như Lai.

Thứ nhất quan sát nhân duyên: biết mình có tội, do vô minh suy nghĩ xằng bậy, không sức chánh quán, không biết tội lỗi, xa lìa bạn tốt, xa lìa chư Phật, Bồ-tát, theo dõi đường ma lối hiểm, như cá nuốt câu không biết tai họa, như tằm làm kén tự ràng buộc mình, như con thiêu thân đâm đầu vào lửa tự thiêu đốt mình, do nhân duyên ấy không thể giải thoát.

Thứ hai, quan sát quả báo: vì những ác nghiệp nên phải luân chuyển mãi trong ba đời (quá khứ, hiện tại, vị lai) chịu quả khổ vô cùng, chìm đắm trong đêm dài, biển lớn, bị lũ quỷ La-sát phiền não ăn thịt, sự sinh tử sau nầy mênh mang không bờ bến. Dù cho phước báo được làm đến bậc Chuyển luân Thánh vương, thống trị cả bốn châu thiên hạ, bay đi tự tại, đầy đủ bảy loại châu báu, sau khi chết cũng không khỏi đường ác, dù được hưởng quả báo trên cõi Tứ không thiên, cao nhất trong ba cõi nhưng đến khi phước báo hết rồi, còn phải trở lại làm trùng trong yếm trâu, huống chi những kẻ không phước đức gì lại giải đãi không siêng năng sám hối. Thế chẳng khác chi ôm đá gieo mình xuống vực sâu, khó mong ra khỏi.

Thứ ba quan sát thân ta: tuy có chánh nhân giác tánh, nhưng bị phiền não hắc ám che lấp, không có sức liễu nhân, thành ra bản tánh vốn sáng suốt kia, không tỏ rõ được. Ngày nay cần phải phát tâm thù thắng phá tan màn vô minh, dẹp hết chướng ngại điên đảo, diệt trừ nguyên nhân hư ngụy của sinh tử, làm sáng tỏ trí tuệ sáng suốt của Như Lai, gây dựng quả Niết bàn vô thượng.

Thứ tư, quan sát thân Như Lai: vô vi tịch chiếu, xa bốn cấu bặt trăm lỗi, đầy đủ các đức trạm nhiên thường trú, dù phương tiện vào diệt độ, nhưng lòng từ bi cứu vớt chúng sinh không hề tạm nghỉ.

Khởi tâm quan sát như thế, tức là bến lành để diệt trừ tội lỗi, là hạnh cốt yếu để trừ nghiệp chướng. Vì vậy ngày nay chí thành cầu xin sám hối.

Lại từ vô thỉ đến nay, chúng con nuôi thêm phiền não, ngày càng sâu dày, càng nảy nở, che đậy Tuệ nhãn không thấy được lẽ chân thật hư ngụy, dứt trừ mọi việc lành không cho nối tiếp nhau, khởi phiền não làm trở ngại không được thấy Phật, không nghe chánh pháp, không gặp Thánh Tăng, khởi phiền não làm trở ngại không thấy được nghiệp lành, nghiệp dữ trong đời quá khứ, hiện tại, vị lai và pháp xuất ly, khởi phiền não làm trở ngại không được địa vị tôn quý ở cõi trời, cõi người; khởi phiền não làm trở ngại không được sinh vào cõi Sắc, cõi Vô sắc để hưởng phước báo yên vui thiền định; khởi phiền não làm trở ngại không

được phép thần thông tự tại, bay, đi, ẩn, hiện đến khắp các cõi Phật trong mười phương để nghe pháp, khởi phiền não làm trở ngại không học được phép quán đếm hơi thở để tâm khỏi tán loạn, phép quán về bất tịnh để ngăn ngừa tâm ham muốn, phép quán về nhân duyên để dứt bỏ tâm si mê, khởi phiền não làm trở ngại không học được phép Noãn, Đảnh, Nhẫn, Đệ nhất, bảy phép phương tiện; khởi phiền não làm trở ngại, không học được những phép Từ, Bi, Hỉ, Xả, Văn, Tư, Tu, khởi phiền não làm trở ngại sự hiểu biết về quán hạnh của ba món không, bình đẳng, trung đạo, khởi phiền não làm trở ngại không học những Phẩm trợ đạo, Niệm xứ, Chánh cần, căn lực và Như ý túc, khởi phiền não làm trở ngại không học tám chánh đạo chỉ rõ về phần tướng; khởi phiền não làm trở ngại sự học bảy Giác chi không chỉ về hình tướng, khởi phiền não làm trở ngại không học đạo tám Giải thoát chín Không định; khởi phiền não làm trở ngại sự học các pháp mười Trí, tam Tam-muội, khởi phiền não làm trở ngại sự học những phép ba Minh, sáu thông bốn Vô ngại, khởi phiền não làm trở ngại sự học những phép sáu Độ, bốn Đẳng, tâm khởi phiền não làm trở ngại sự học bốn nhiếp pháp để giáo hóa khắp chúng sinh, khởi phiền não làm trở ngại sự học bốn hoằng thệ, của Đại thừa tâm, khởi phiền não làm trở ngại sự học những phép Thập minh; Thập hạnh; khởi phiền não làm trở ngại sự học phép Thập hồi hướng; Thập nguyện; khởi phiền não làm trở ngại sự học minh giải của các ngôi Sơ địa, Nhị địa, Tam địa, Tứ địa; khởi phiền não làm trở ngại sự học những điều tri kiến của các ngôi Ngũ địa, Lục địa, Thất địa; khởi phiền não làm trở ngại sự học phép song chiếu của các ngôi Bát địa, Cửu địa, Thập địa; khởi phiền não làm trở ngại sự học những hạnh tu trong trăm vạn a tăng kỳ kiếp.

Những chướng ngại sự tu hành ấy vô lượng vô biên, ngày nay chúng con hết lòng thành khẩn hướng lên mười phương chư Phật, Tôn pháp, Thánh chúng, hết sức hổ thẹn cầu xin sám hối, nguyện đều dứt sạch.

Nguyện nhờ công đức sám hối tất cả các phiền não làm trở ngại sự tu hành, chúng con được thọ sinh tự tại, khắp nơi khắp chốn muốn ở được ở không bị nghiệp cảm chất chứa xoay chuyển, lại còn dùng phép thần thông như ý, trong khoảnh khắc đã dạo khắp mười phương, vừa trang nghiêm thanh tịnh các cõi Phật, vừa nhiếp hóa tất cả chúng sinh. Những cảnh giới thiền định rất cao thâm, cùng những sự thấy biết của chư Phật, chúng con nguyện hiểu thấu một cách vô ngại, tâm thường bao quát tất cả các pháp, tự tại diễn nói không bị nhiễm trước, được tâm

tự tại, khiến những phiền não ngu dốt, kết tập lâu đời đều được dứt hẳn, không còn tiếp nối, để chứng được đạo Thánh vô lậu sáng chói như mặt trời.

Phát nguyện rồi xin đem cả thân mạng kính lễ chư Phật.

Nam-mô Tỳ-lô-giá-na Phật
Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật
Nam-mô A-di-đà Phật
Nam-mô Di-lặc Phật
Nam-mô Long Chủng Thượng Tôn Vương Phật
Nam-mô Long Tự Tại Vương Phật
Nam-mô Bảo Thắng Phật
Nam-mô Giác Hoa Định Tự Tại Vương Phật
Nam-mô Ca-sa Tràng Phật
Nam-mô Sư Tử Hống Phật
Nam-mô Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát
Nam-mô Phổ Hiền Bồ-tát
Nam-mô Đại Thế Chí Bồ-tát
Nam-mô Địa Tạng Vương Bồ-tát
Nam-mô Đại Trang Nghiêm Bồ-tát
Nam-mô Quán Tự Tại Tại Bồ-tát

Đảnh lễ chư Phật rồi, kế đến sám hối.

Chúng con v.v... đã lược sám hối những phiền não chướng, giờ xin theo thứ lớp sám hối những nghiệp chướng. Nghiệp lực tô bồi các nẻo, bất cứ chỗ nào cũng bị đắm nhiễm, không chịu suy nghĩ để mong cầu giải thoát, bởi vậy nên quả báo trong sáu đường không đồng nhau, hình thể mỗi loài một khác. Thế mới biết đó do nghiệp lực gây ra. Trong mười lực của Phật, nghiệp lực sâu thẳm hơn hết.

Kẻ phàm phu phần nhiều hay sinh lòng nghi hoặc. Vì thấy ở đời người làm lành lại gặp nhiều trắc trở, kẻ làm ác mà được mọi sự an hòa, mới cho rằng việc lành dữ không có phân minh, người chấp như thế bởi không đạt thấu lý sâu xa nghiệp báo. Kinh nói có ba thứ nghiệp báo: Một là hiện báo, hai là sinh báo, ba là hậu báo. [Hiện báo tức là trong đời nầy làm việc thiện ác thì ngay thân nầy chịu quả báo. Sinh báo tức là trong đời nầy làm việc thiện ác, qua đời sau mới chịu quả báo. Hậu báo tức là trong vô lượng kiếp về quá khứ đã làm việc thiện ác, đến đời nầy hoặc vô lượng kiếp về sau mới chịu quả báo.

Còn người bây giờ làm ác mà gặp may mắn bởi do những nghiệp lành sinh báo, hậu báo đã thuần thọc trong kiếp quá khứ, nên mới hưởng quả tốt đẹp. Như thế không phải trong đời nầy làm ác mà được quả báo tốt. Những người bây giờ làm lành lại bị khổ sở, do những nghiệp ác sinh báo, hậu báo đã thuần thọc trong kiếp quá khứ, nên những mầm thiện ngày nay sức yếu không thể ngăn dẹp những nghiệp ác ấy, nên phải chịu quả khổ.

Đâu phải trong đời nầy làm lành mà chịu ác báo. Lại thấy trong đời những kẻ làm lành, được người ngợi khen kính trọng, nên biết ngày sau ắt được hưởng quả vui sướng. Chúng ta về quá khứ đã có những nghiệp ác như thế, nên chư Phật Bồ-tát dạy phải gần gũi bạn lành, cùng làm phép sám hối. Gặp được bậc Thiện tri thức là điều lợi lớn cho sự tu hành đắc đạo. Vì thế ngày nay chúng con xin chí thành quy y Phật.

Lại từ vô thỉ đến nay, chúng con chất chứa nghiệp ác nhiều như cát sông Hằng, gây tội lỗi đầy cả đại địa, hết bỏ thân nầy lại thọ thân khác, không hay không biết, hoặc phạm tội ngũ nghịch sâu dầy, trói buộc nặng nề gây nên tội Vô gián, hoặc gây nên tội Xiển-đề tạo thành nghiệp bỏ mất căn lành, khinh chê lời Phật dạy tạo thành nghiệp báng bổ kinh điển Đại thừa, phá diệt Tam bảo tạo thành nghiệp hủy hoại chánh pháp, không tin tội phước tạo thành nghiệp thập ác, hiểu lầm chân lý làm trái chánh pháp tạo thành nghiệp si mê, bất hiếu cha mẹ tạo thành nghiệp ngang trái, khinh mạn sư trưởng tạo thành nghiệp không kính lễ, thất tín bạn bè tạo thành nghiệp bất nghĩa, phạm tội tứ trọng bát trọng tạo thành nghiệp làm trở ngại Thánh đạo, hủy phạm năm điều răn cấm thành nghiệp phá giới bát quan trai, phạm ngũ thiên thất tụ, thành nghiệp nhiều phạm giới, phạm giới Ưu-bà-tắc tạo thành nghiệp khinh trọng cấu, hoặc gây ra nghiệp thọ giới Bồ-tát mà không được thanh tịnh, như thuyết tu hành, hoặc gây ra nghiệp trước khi thọ giới, sau khi thọ giới làm nhiễm ô phạm hạnh. Mỗi tháng không ăn chay sáu ngày thành nghiệp giải đãi, mỗi năm không ăn chay luôn ba tháng thành nghiệp tu không thường, không giữ gìn ba ngàn uy nghi thành nghiệp không đúng giới pháp, không giữ gìn tám vạn luật nghi thành nghiệp vi tế tội, hoặc gây ra nghiệp không tu thân giới, tâm tuệ, hoặc gây nên nghiệp tám, ngày vượng xuân thu tạo các tội lỗi, hoặc gây nên nghiệp làm mười sáu món ác luật nghi hoặc gây nên nghiệp đối với chúng sinh không lòng thương xót, gây nên nghiệp không lân mẫn không cứu giúp, ôm lòng đố kỵ thành ra nghiệp không cứu độ mọi loài, còn có chỗ oán thân thành ra nghiệp không bình đẳng, say đắm năm dục thành ra nghiệp không nhàm

lìa, hoặc vì cơm áo, vườn rừng, ao hồ, thành ra nghiệp phóng đãng, dâm dật, hoặc vì tuổi trẻ phóng túng dục tình tạo các tội lỗi, hoặc tạo nghiệp lành hữu lậu để hồi hướng cầu sinh trong ba cõi tạo thành nghiệp ngăn ngại pháp xuất thế.

Những tội lỗi ấy vô lượng vô biên, ngày nay chúng con hướng về mười phương chư Phật, Tôn pháp, Thánh chúng xin giải bày sám hối.

Nhờ phước lành sám hối các tội lỗi vô minh, ác nghiệp dứt sạch, được sinh phước lành, nguyện chúng con đời đời kiếp kiếp diệt được tội ngũ nghịch, trừ hoặc nghiệp xiển-đề. Tất cả nghiệp ác vừa nặng vừa nhẹ, từ nay trở đi cho đến khi thành Phật thề không dám phạm. Chúng con nguyện thường chăm lo tu tập những thiện pháp xuất thế thanh tịnh, chuyên trì giới luật tinh nghiêm, giữ gìn uy nghi như người qua biển mến tiếc phao nổi. Những pháp sáu Độ, bốn Đẳng tâm (từ, bi, hỷ, xả), thường nêu trước cả muôn hạnh, những phẩm Giới, Định, Tuệ càng thêm sáng tỏ, mau thành tựu ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, mười Lực, bốn Vô úy, ba niệm đại bi, diệu trí thường lạc, tám món tự tại của Đức Như Lai. Chúng con... nguyện quy y chư Phật, xin rủ lòng từ bi hộ niệm.

Trước chúng con đã sám hối chung cả các nghiệp, nay lại xin theo thứ lớp sám hối riêng từng tội một. Những tội lỗi ấy hoặc chung (tội do ba nghiệp gây ra) hoặc riêng (tội do một trong sáu căn gây ra) hoặc to (tội do thân gây ra), hoặc nhỏ (tội do ý gây ra), hoặc nhẹ (tội do vô tâm gây ra), hoặc nặng (tội do sự cố ý gây ra), hoặc nói (thứ tội ai cũng biết) hoặc không nói (tội do một mình mình làm, một mình mình biết), có từng phẩm loại chúng con nguyện đều dứt hết. sám hối riêng từng tội. Trước sám hối ba nghiệp của thân, sau sám hối bốn nghiệp của miệng, còn lại những nghiệp chướng khác, lần lượt xin cúi đầu sám hối tất cả.

Ba nghiệp của thân, thứ nhất là nghiệp giết hại, như kinh đã nói: Dung thứ kẻ khác như dung thứ mình, chớ giết chớ đánh. Vì loài cầm thú cũng biết bảo tồn thân mạng sợ chết như mình. Nếu tìm xét kỹ thì các chúng sinh từ vô thỉ đến nay, hoặc đã là cha mẹ, hoặc đã là bà con quyến thuộc, nhưng bởi nhân duyên nghiệp báo, nên phải luân hồi sáu nẻo, ra vào đường sinh tử, thay hình đổi dạng không còn nhận biết lẫn nhau. Nay chúng ta nhẫn tâm giết hại ăn thịt, như thế rất tổn hại lòng Từ Bi. Vì thế Phật dạy: Giả sử được ăn các món rau quả còn tưởng như trong đời đói khát phải ăn thịt con, huống là ăn cá thịt. Phật lại dạy: Vì lợi giết chúng sinh, lấy tiền mua thịt cá, cả hai đều là ác nghiệp, sau chết đọa vào địa ngục rên siết. Vì thế nên biết giết hại loài vật và lấy

thịt ăn, tội sâu như sông biển, nặng như gò núi. Song từ vô thỉ đến nay, chúng con vì không được gặp bạn lành nên mới tạo những nghiệp ấy. Kinh dạy: Tội giết hại thường làm chúng sinh đọa vào địa ngục, ngã quỷ để chịu khổ báo. Nếu đầu thai trong loài súc sinh phải chịu làm thân hùm, beo, chó sói, bồ cắt, hoặc làm thân rắn độc, rết độc, ôm lòng hiểm ác, hoặc làm thân hươu nai, thỏ, beo, luôn luôn sợ hãi. Nếu được làm người, mắc phải hai thứ quả báo: một là nhiều bệnh, hai là chết yểu.

Sự giết hại loài vật ăn thịt, đã gây biết bao ác báo như thế, ngày nay chúng con chí thành cầu xin sám hối.

Lại từ vô thỉ đến nay, khi có tâm thức nầy, thường ôm lòng thâm độc, không dạ xót thương, hoặc vì tham lam mà giết, hoặc vì giận dữ si mê khinh mạn mà giết, hoặc dùng phương tiện độc ác mà giết, hoặc thề giết, nguyền giết, dùng phù chú giết v.v... hoặc phá hồ tháo nước, thiêu đốt núi rừng, săn bắn chài lưới, hoặc nhân khi gió phóng lửa, hoặc thả chim săn, chó săn làm não hại tất cả mọi loài. Những tội như thế ngày nay chúng con đều xin sám hối. Hoặc dùng cạm bẫy hầm hố, câu liêm kích, cung nỏ bắn giết những loài chim bay, thú chạy, hoặc dùng lưới rập, thả câu để đơm bắt những loài dưới nước làm cho tất cả những giống ở nước: cá, ba ba, trạch, dọp, ốc, tôm, hến... ở mặt đất, ở trên không chẳng còn chỗ nào trốn núp; hoặc nuôi gà, heo, trâu, dê, chó, ngỗng, vịt để tự mình giết ăn, hoặc mượn người làm thịt, khiến tiếng kêu thương của chúng chưa dứt mà lông cánh đã rơi rụng, mai vẩy đã tan nát, đầu một nơi thân một ngả, xương thịt tiêu tan, lột, xé, mổ, cắt, đốt, thui nấu, nướng đau đớn biết dường nào.

Than ôi! Ỷ sức mạnh giết hại loài vô tội ăn thịt, chỉ sướng miệng một lúc, được chút vị ngon, bất quá vì ba tấc lưỡi mà phải mang lấy tội báo kiếp kiếp đời đời. Những tội ác như thế, ngày nay chúng con xin chí thành sám hối.

Lại từ vô thỉ đến nay hoặc khởi binh đánh nhau, giao tranh nơi biên trường, hai bên giáp mặt, giết hại lẫn nhau, hoặc tự mình giết, hoặc sai người giết, hoặc nghe ai giết sinh tâm vui mừng, hoặc tập làm nghề mổ heo, bò, đi làm thịt mướn, xẻ nấu thân mạng loài vật, gây nhiều việc bất nhẫn, hoặc giận dữ khoa mác múa dao, hoặc chém, hoặc đâm, hoặc xô xuống hầm hố, hoặc nhận chìm dưới nước, hoặc lấp hang phá ổ, hoặc lấy đất đá ngăn lấp, hoặc dùng xe, ngựa lăn cán dày đạp tất cả chúng sinh. Những tội như thế vô lượng vô biên, ngày nay chúng con đều xin giãi bày sám hối.

Lại từ vô thỉ đến nay: hoặc phá thai, đạp trứng, dùng trùng độc,

thuốc độc giết hại chúng sinh, hoặc khai khẩn đất cát, trồng cấy vườn ruộng, nuôi tằm, ươm kén, giết hại càng nhiều, hoặc đập đuổi ruồi muỗi, nhằn cắn chí rận, hoặc đốt rác dơ bẩn, khai tháo ngòi rãnh giết hại loài vật, hoặc ăn trái cây, dùng thóc gạo, rau dưa, phải giết càn chúng sinh; hoặc đốt củi thắp đèn đuốc, thiêu chết các loài côn trùng hoặc lấy tương dấm không khuấy động trên mặt, hoặc đổ nước sôi làm chết sâu kiến, cho đến những khi đi, đứng, nằm, ngồi cũng thường giết hại chúng sinh nhỏ nhít bay trên không bám dưới đất. Bởi phàm phu tâm thức tối tăm không hay biết mới phạm phải các tội, ngày nay đều xin giải bày sám hối.

Lại từ vô thỉ đến nay, đối với chúng sinh, hoặc dùng roi, gậy, gông, xiềng, hoặc dùng kìm kẹp tra khảo, đánh vật thoi đạp, lấy dây trói buộc giam cùm, tuyệt hẳn cơm nước, dùng những cách độc ác làm khổ não chúng sinh, ngày nay chí thành hướng về mười phương chư Phật, Tôn pháp, Thánh chúng, cầu xin sám hối.

Nguyện nhờ công đức sám hối những tội giết hại ấy, chúng con đời đời kiếp kiếp được thân hình bền chắc như kim cương, sống lâu vô cùng, xa lìa oán ghét, không còn nghĩ đến những việc giết hại. Đối với chúng sinh coi như con một. Nếu thấy bị tai nạn nguy cấp thì trước tùy phương tiện giải cứu, không lẫn tiếc thân mạng, rồi sau mới đem chánh pháp nhiệm mầu nói cho, khiến chúng sinh thấy hình thấy bóng đều được an vui, nghe tên nghe tiếng liền hết sợ hãi. Vì thế ngày nay, chúng con xin cúi đầu quy y theo Phật.

Nam-mô Tỳ-lô-giá-na Phật.
Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật.
Nam-mô A-di-đà Phật.
Nam-mô Di-lặc Phật.
Nam-mô Long Chủng Thượng Tôn Vương Phật.
Nam-mô Long Tự Tại Vương Phật.
Nam-mô Bảo Thắng Phật.
Nam-mô Giác Hoa Định Tự Tại Vương Phật.
Nam-mô Ca-sa Tràng Phật.
Nam-mô Sư Tử Hống Phật.
Nam-mô Văn-thù-sư-lợi Bồ-Tát.
Nam-mô Phổ Hiền Bồ-Tát.
Nam-mô Đại Thế Chí Bồ-Tát.
Nam-mô Địa Tạng Vương Bồ-Tát.

Nam-mô Đại Trang Nghiêm Bồ-Tát.
Nam-mô Quán Tự Tại Bồ-Tát.

Đảnh lễ chư Phật rồi, kế đến sám hối nghiệp trộm cướp. Trong kinh nói: Vật của người khác thì người đó giữ. Dù một lá rau, cọng cỏ mà họ không cho cũng không được lấy, huống chi trộm cướp. Nhưng vì chúng sinh chỉ thấy lợi trước mắt nên lấy một cách trái đạo, đến nỗi sau nầy phải chịu tai ương. Bởi vậy kinh nói: Tội trộm cướp làm chúng sinh bị đọa vào địa ngục, ngã quỷ, chịu vô cùng. Nếu đầu thai trong đường súc sinh, phải chịu làm thân trâu, ngựa, la, lừa, lạc đà v.v... đem thân máu thịt của mình trả nợ kiếp trước cho người. Nếu được làm người, phải chịu làm thân tôi mọi kẻ khác, áo không đủ che thân, cơm ăn không đủ bữa, bần cùng khốn khổ, lẽ sống của con người hầu như không còn gì nữa.

Sự trộm cướp đã có khổ báo như thế, ngày nay chúng con chí thành cầu xin sám hối.

Lại từ vô thỉ đến nay, chúng con hoặc trộm tiền tài, bảo vật kẻ khác, hoặc cầm dao cưỡng đoạt, hoặc tự mình xông đến bức người lấy của, hoặc ỷ quyền nương vào thế lực, dùng kèm to kẹp lớn ép chế oan người lương thiện, hoặc thâu tiền đút lót của bọn gian, đánh khảo người ngay buộc cho là tà vạy, vì những nguyên nhân ấy khiến họ sa vào lưới pháp luật, hoặc ăn tiền của kẻ dưới để dung túng họ làm bậy, hoặc lấy của công làm lợi riêng, lấy của riêng làm việc công, làm tổn hại người kia để đem lợi cho người nầy, làm tổn hại người nầy để đem lợi cho người kia, lấy bớt của kẻ khác để làm lợi cho mình, miệng hay nói bố thí mà tâm thì bỏn sẻn, ăn cắp thuế ruộng thuế chợ, trốn thuế đò ải, bớt của công để dùng vào việc riêng, giấu sưu dịch để sai làm việc mình. Những tội như thế ngày nay đều xin sám hối.

Lại từ vô thỉ đến nay, hoặc những vật của Phật, Pháp, Tăng không cho mà lấy, hoặc vật thuộc về kinh tượng hoặc vật dùng để cất chùa xây tháp, hoặc vật dùng để cúng dường Thường trụ Tăng hay chư Tăng tại chùa, hoặc trộm cướp lấy lầm, cậy thế không trả lại, hoặc tự mình vay mượn, hoặc cho người khác vay mượn, hoặc đổi chác vay mượn mà quên sót, hoặc đem của Tam bảo dùng không phải chỗ, tiêu pha lãng phí, hoặc lấy những vật như thóc, gạo, củi, rác, muối, đậu, tương, dấm, rau dưa, hoa, quả, tiền, vải, tre, gỗ, lụa là, phan lọng, hương hoa, Dù đèn, tùy ý tự mình lấy dùng hay cho người khác dùng, hoặc trích hoa quả cúng Phật, hay dùng đồ vật chúng Tăng, hoặc lấy của Tam bảo làm

của riêng mình. Những tội như thế vô lượng vô biên, ngày nay chúng con hổ thẹn đều xin sám hối.

Lại từ vô thỉ đến nay, hoặc chỗ bạn bè qua lại sư tăng đồng học hay cha mẹ anh em, bà con quyến thuộc cùng ở chung nhau mà trăm món cần dùng lừa dối gạt gẫm nhau, hoặc đối xóm giềng gần gũi dời rào, xê tường, xâm lấn đất nhà người khác, đổi mốc, thay nêu, cướp giựt tiền của, bao chiếm ruộng vườn, mượn tiếng việc công để làm lợi riêng, sang đoạt hàng quán rẫy bái của người. Những tội như thế, ngày nay đều xin sám hối.

Lại từ vô thỉ đến nay, hoặc đánh phá thành ấp, đốt làng phá dậu (hàng rào) buôn bán lương dân, dụ dỗ tôi tớ của người, hoặc áp chế oan những kẻ vô tội, hoặc bị đâm chém máu rơi thịt nát, thân bị đày ải, gia sản tan nát, cốt nhục chia lìa, mỗi người một cõi, sống chết cách tuyệt. Những tội như thế vô lượng vô biên, ngày nay đều xin sám hối.

Lại từ vô thỉ đến nay, buôn bán hàng hóa, lập quán đổi chác đồ vật, dùng cân non, đấu nhỏ, giảm bớt thước tấc, xén lấn phân thù, lường gạt từng ly, đem của xấu đổi của tốt, đem thứ ngắn đổi thứ dài, giả dối trăm chiều để mong cầu chút lợi. Những tội như thế, ngày nay chúng con đều xin sám hối.

Lại từ vô thỉ đến nay, hoặc khoét vách đào tường, chận đường cướp đoạt, hoặc trốn nợ, xén bớt tài lợi, hoặc phụ tình trái hẹn, ngoài mặt lừa dối, trong lòng mưu toan, hoặc cướp giựt trái đạo, đồ vật của quỷ thần, cầm thú, chúng sinh, hoặc mượn cớ coi quẻ coi tướng để gạt lấy tài sản của người, như thế cho đến đem lợi cầu lợi, cầu một cách vô đạo, cầu một cách tham lam, không biết chán, không biết đủ. Những tội như thế vô lượng vô biên, không thể nói hết, ngày nay chúng con chí thành, hướng về mười phương chư Phật, Tôn pháp, Thánh chúng đều xin sám hối.

Nguyện do công đức sám hối những tội trộm cướp ấy, chúng con đời đời kiếp kiếp được ngọc như ý thường xuất sinh bảy món trân bảo, y phục cực đẹp, đồ ăn đủ vị, đủ các thứ thuốc men, tùy ý muốn vật chi tức có liền vật ấy, lại nguyện cho tất cả chúng sinh không ai còn tưởng đến sự trộm cướp, ít ham muốn, biết vừa đủ, không đắm nhiễm, thường vui lòng bố thí, thực hành đạo cứu tế, bỏ đầu, mắt, tủy, não như đã bỏ đờm dãi, để mong thành tựu Bố thí ba-la-mật.

Kế đến chúng con... xin sám hối tội tham ái. Trong kinh nói: Chỉ vì tham dục nên bị giam hãm trong ngục si mê, chìm đắm trong vòng sinh tử, không biết lối ra. Chúng sinh vì say đắm năm dục, nên từ xưa

tới nay bị lưu chuyển mãi trong đường sinh tử. Giá cứ lấy xương tất cả chúng sinh trong muôn ngàn kiếp chất đống lại thì bằng núi Tỳ Phú la ở thành Vương xá, sữa mẹ cho bú nhiều như nước bốn biển, máu huyết trong mình chảy ra còn hơn thế nữa, nước mắt cha mẹ, anh em, bà con quyến thuộc thương khóc khi lâm chung cũng nhiều như nước bốn biển. Vì thế nên nói: còn tham ái thì còn sinh tử, hết tham ái thì sinh tử diệt. Thế mới biết tham ái là gốc sinh tử, trong kinh nói: Tội dâm dục hay khiến chúng sinh bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, chịu khổ vô cùng. Nếu ở trong loài súc sinh phải làm chim bồ câu, chim sẻ, chim uyên ương. Nếu sinh trong loài ngoài thì gặp phải vợ (hay chồng) phụ bạc, bà con toàn với những người trái ý. Sự dâm dục có quả báo xấu xa như thế, nên ngày nay chúng con chí thành cầu xin sám hối.

Lại từ vô thỉ đến nay, chúng con hoặc quyến rũ thê thiếp chiếm đoạt vợ con của người, hoặc làm ô nhục ni cô, phá phạm hạnh người khác, bức hiếp một cách vô đạo, đem tâm bất chánh xem ngó lẳng lơ, nói cười bỡn cợt, hoặc điếm nhục thanh danh gia tộc của người, hoặc làm nhơ tiếng tốt của người, hoặc làm hạnh bất tịnh với năm hạng người bán nam bán nữ. Những tội như thế thật vô lượng vô biên, ngày nay chúng con, đều xin chí thành sám hối.

Nguyện nhờ công đức sám hối những tội dâm dục ấy, đời đời kiếp kiếp được tự nhiên hóa sinh, không do bào thai, được thanh khiết sáng sủa, tướng mạo quang minh, sáu căn tỏ rõ, thông minh lanh lợi, hiểu rõ ân ái là cùm xích bó buộc, xét kỹ sáu trần là trò huyễn hóa, mà quyết định xa lìa cảnh năm dục, cả đến trong giấc mộng cũng không nghĩ điều bất chánh, những điều mê hoặc ở trong ở ngoài, không thể động tâm.

Sám hối phát nguyện rồi, chúng con xin đem hết thân mạng kính lễ Tam bảo.

Chúng con trước đã sám hối ba nghiệp ác của thân, nay xin theo thứ lớp sám hối bốn nghiệp của miệng.

Trong kinh nói: Những tội nghiệp do miệng gây ra, thường làm chúng sinh bị đọa vào địa ngục, ngã quỷ chịu khổ vô cùng. Nếu đầu thai vào loài súc sinh phải làm thân chim cú, chim mèo, tiếng kêu đáng ghét. Nếu được sinh vào loài người thì hơi miệng hôi thối, nói không ai tin, còn trong bà con quyến thuộc thường xảy bất hòa, đánh lộn cãi lẫn. Nghiệp của miệng đã có những ác quả như thế, nên ngày nay chúng con chí thành quy y Tam bảo, cầu xin sám hối.

Chúng con... từ vô thỉ đến nay, vì nghiệp ác khẩu nên phải ở trong bốn nẻo, sáu loài, tạo nhiều tội lỗi, nói năng thô tháo, lời lẽ hung bạo

ngang tàng, không biết tôn ty, đối với kẻ thân người sơ, kẻ sang người hèn, hơi trái ý mình, đã nổi giận hờn la mắng. Mắng nhiếc hủy nhục nhiều điều hèn hạ xấu xa, ác độc, không chừa điều chi, khiến cho người khác ôm hận suốt đời không quên, gây họa kết thù chẳng bao giờ dứt, lại còn oán thán trời đất, trách móc quỷ thần, chê bai các bậc Thánh hiền, vu oan điếm nhục người lương thiện. Những tội nghiệp do ác khẩu gây ra như thế thật vô lượng vô biên, ngày nay chúng con điều xin chí thành sám hối.

Lại từ vô thỉ đến nay, vì nghiệp nói dối, tạo ra bao nhiêu tội lỗi: trong ý mong cầu danh dự, lợi dưỡng giấu giếm tình thực, dối trá đủ điều, trong tâm mê muội, ngoài mặt dạn dày, chuyện có nói không, chuyện không nói có, thấy nói không thấy, không thấy nói thấy, nghe nói không nghe, không nghe nói nghe, biết nói không biết, không biết nói biết, làm nói không làm, không làm nói làm, khinh miệt Thánh hiền, lường đảo dối hoặc người đời, đến như cha con, vua tôi, họ hàng, bè bạn mà nói năng gì cũng không khi nào thành thực, khiến người khác lầm nghe mình đến nỗi phải tan nhà mất nước. Lại còn giả trò yêu thuật, thường tự khen mình, khoe mình đã chứng tới bậc Tứ thiền, Tứ vô sắc định, An-na-bát-na, mười sáu quán hạnh, chứng bậc Tu-đà-hoàn, đến bậc A-la-hán, Bích-chi Phật, bậc Bất thoái Bồ-tát và Trời, Rồng Quỷ thần, thần gió, thần đất đều đến bên mình, lại bày trò lạ mê hoặc lòng người để mong cung kính cúng dâng, bốn món cần dùng. Những tội nghiệp do vọng ngữ gây ra như thế, vô lượng vô biên, ngày nay chúng con đều xin chí thành sám hối.

Lại từ vô thỉ đến nay, vì nghiệp nói thêu dệt (ỷ ngữ) tạo ra bao nhiêu tội lỗi: dùng âm từ hoa mỹ, văn chương bóng bẩy, xuyên tạc sự sai lầm, trang sức điều trái quấy, khéo đặt những bản ca hát hình dung vẻ yêu kiều, mô tả thói dâm ô, khiến cho hạng trung lưu, hạ lưu động tâm đãng tánh, say đắm tửu sắc không thể tự giác. Hoặc phóng túng tư thù, không kể lời nghị bàn công chánh, dẫu người kia là bậc trung thần, hiếu tử hay là chí sĩ, hiền nhân vẫn cứ làm văn thêu dệt nên tội, để người đời sau tin cho là thật, khiến kia phải ôm hận dưới cửu tuyền không biết đâu biện bạch.

Những tội nghiệp do ỷ ngữ gây ra như thế, vô lượng vô biên, ngày nay chúng con đều xin chí thành sám hối.

Lại từ vô thỉ đến nay, vì nghiệp nói hai lưỡi gây ra bao nhiêu tội lỗi: khen trước mặt chê sau lưng, xảo trá trăm chiều, tới người kia nói chuyện người nầy, tới người nầy nói chuyện người kia, chỉ biết lợi mình,

không nhìn lại đến kẻ khác, gièm siểm để ly gián vua tôi, vu oan hủy nhục người lương thiện, để cho vua tôi nghi kỵ nhau, cha con bất hòa nhau, để vợ chồng bỏ nhau, họ hàng thân thích xa nhau, làm mất ơn thầy trò, dứt đường lui tới bạn bè, cả đến làm cho hai nước đang giao hảo nhau phải hủy bỏ minh ước, mất hòa khí, gây sự oán thù đem binh đánh nhau giết hại trăm họ. Nghiệp nói hai lưỡi gây ra tội lỗi vô lượng vô biên như thế, ngày nay chúng con chí thành hướng về mười phương chư Phật, Tôn pháp, Thánh chúng, đều xin giãi bày cầu xin sám hối.

Nguyện nhờ công đức sám hối bốn nghiệp ác khẩu, đời đời kiếp kiếp được đầy đủ tám thứ âm thanh, bốn món biện tài, thường nói những lời hòa hợp lợi ích, giọng nói thanh nhã ai cũng muốn nghe, lại được hiểu rõ ngôn ngữ chúng sinh. Nếu có nói chi đều được thích hợp căn cơ, khiến cho ai nghe cũng được tỏ ngộ, nhập Thánh siêu phàm, mở phát tuệ nhãn.

Sám hối và phát nguyện rồi, xin đem hết thân mạng kính lễ Tam bảo.

Trước đã sám hối ba nghiệp ác của thân, bốn nghiệp ác của miệng, nay xin theo thứ lớp sám hối những tội chướng do sáu căn gây ra.

Chúng con... từ vô thỉ đến nay, mắt vì hình sắc ở ngoài làm mê hoặc, ham thích những màu đen, vàng, đỏ, tía, xanh, cùng những đồ chơi đồ trang sức quý giá, hoặc thấy tướng mạo đàn ông, đàn bà, cao, thấp, trắng, đen, cử chỉ yêu kiều diễm lệ mà khởi ra những tư tưởng phi pháp; hoặc tai ham nghe tiếng hay như cung, thương, đàn, sáo, ca hát, trò vè, hoặc nghe những giọng thanh tao, lời ăn tiếng nói khóc cười của đàn ông, đàn bà mà khởi ra những tư tưởng phi pháp; hoặc mũi thích ngửi mùi thơm của gỗ trầm, gỗ chiên-đàn, long não, xạ hương hay mùi thơm của cây uất kim, cây tô hợp mà khởi ra những tư tưởng phi pháp; hoặc lưỡi ham nếm những vị ngon lành, tươi tốt, ngọt béo, nên phải lấy máu thịt chúng sinh, để nuôi thân tứ đại, vun quén thêm cội khổ, mà khởi ra những tư tưởng phi pháp, hoặc thân mình ham muốn sự lòe loẹt, gấm, vóc, lụa là, tất cả những thứ mượt dịu, y phục đẹp đẽ bằng bảy loại châu báu, mà khởi ra những tư tưởng phi pháp, hoặc ý hay loạn tưởng nên gặp đâu cũng trái pháp. Bởi sáu căn tạo tội ra nghiệp vô lượng vô biên như thế, ngày nay chúng con chí thành hướng về mười phương chư Phật, Tôn pháp, Thánh chúng đều xin sám hối.

Nhờ công đức sám hối tội lỗi do nhãn căn gây ra, chúng con nguyện mắt nầy thấy suốt Pháp thân thanh tịnh của mười phương chư Phật, Bồ-tát, không bằng sự sai biệt.

Nhờ công đức sám hối tội lỗi do nhĩ căn gây ra, chúng con nguyện tai nầy thường được nghe chánh pháp của mười phương chư Phật, Hiền Thánh đã nói, và thực hành đúng theo giáo pháp ấy.

Nhờ công đức sám hối tội lỗi do tỵ căn gây ra, chúng con nguyện mũi nầy thường ngửi hương thơm nhập pháp tánh ở cõi Hương Tích, xa lìa mùi hôi thối bất tịch của sinh tử.

Nhờ công đức sám hối tội lỗi do thiện căn gây ra, chúng con nguyện lưỡi nầy thường ăn món ăn Thiền duyệt thực, Pháp hỷ thực, không tham mùi máu thịt của chúng sinh.

Nhờ công đức sám hối tội lỗi do thân căn gây ra, chúng con nguyện thân nầy mặc được áo Như Lai, khoác giáp nhẫn nhục, nằm giường vô úy, ngồi tòa pháp Không.

Nhờ công đức sám hối tội lỗi do ý căn gây ra, chúng con nguyện ý nầy thành tựu được mười Lực, thông suốt được năm minh, xét rõ lý chân không bình đẳng của hai đế, theo trí tuệ phương tiện vào được dòng nước pháp tánh, niệm niệm sáng suốt, phát hiển pháp Vô sinh nhẫn của Như Lai.

Phát nguyện rồi, xin đem cả thân mạng kính lễ Thường trụ Tam bảo.

■

PHÁP TỪ BI THỦY SÁM

QUYỂN HẠ

Tất cả chư Phật vì thương xót chúng sinh, mới nói phép Đạo Tràng Thủy Sám. Ngày nay chúng con xin đem cả thân mạng kính lễ tất cả chư Phật.

Nam-mô Tỳ-lô-giá-na Phật.
Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật.
Nam-mô A-di-đà Phật.
Nam-mô Di Lặc Phật.
Nam-mô Long Chủng Thượng Tôn Vương Phật.
Nam-mô Long Tự Tại Vương Phật.
Nam-mô Bảo Thắng Phật.
Nam-mô Giác Hoa Định Tự Tại Vương Phật.
Nam-mô Ca-sa Tràng Phật.
Nam-mô Sư Tử Hống Phật.
Nam-mô Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát.
Nam-mô Phổ Hiền Bồ-tát.
Nam-mô Đại Thế Chí Bồ-tát.
Nam-mô Địa Tạng Vương Bồ-tát.
Nam-mô Đại Trang Nghiêm Bồ-tát.
Nam-mô Quán Tự Tại Bồ-tát.

Đảnh lễ chư Phật rồi kế đến sám hối. Trên kia đã sám hối ba nghiệp của thân, bốn nghiệp của miệng, bây giờ chúng con xin sám hối tất cả nghiệp chướng đối với Phật, Pháp, Tăng.

Trong kinh Phật dạy: Thân người khó được, Phật pháp khó nghe, chúng Tăng khó gặp, tín tâm khó sinh, sáu căn khó đủ, bạn tốt khó gặp. Ngày nay chúng ta nhờ kiếp trước đã gây nhiều căn lành, nên mới được làm thân người, sáu căn đầy đủ, lại gặp bạn lành, được nghe chánh pháp. Nếu trong lúc nầy, không hết lòng tinh tiến tu hành, ắt sau nầy sẽ

bị chìm đắm trong muôn ngàn khổ đau không biết ngày nào ra khỏi. Bởi thế hôm nay, chí thành cầu xin sám hối.

Chúng con... từ vô thỉ đến nay thường bị vô minh che tâm tánh, phiền não chướng ý thức, thấy hình tượng Phật không hết lòng cung kính, khinh miệt chúng Tăng, tàn hại bạn tốt, phá pháp hủy chùa, thiêu đốt kinh tượng, làm hại thân Phật; hoặc mình ở nhà đẹp để tượng Phật, Bồ-tát ở chỗ thấp hèn bẩn thỉu, khói hun nắng táp, gió thổi mưa chang bụi đất dính đầy, chim chuột đục khoét, hoặc thờ chung trong phòng ngủ không từng kính lễ hoặc ở trần trước tượng Phật, không sửa y phục trang nghiêm tề chỉnh, hoặc che đậy đèn đuốc đóng kín cửa chùa, che lấp ánh sáng chỗ Phật. Những tội như thế, ngày nay chúng con đều xin chí thành sám hối.

Lại từ vô thỉ đến nay, đối với pháp Phật lấy tay bẩn cầm các quyển kinh hoặc đang khi đọc tụng, xen nói lời tục tĩu phi pháp, hoặc để kinh trên đầu giường, ngồi đứng không cung kính, hoặc để trong rương tráp sâu mọt ăn nát; hoặc cuốn tròn làm cho sổ rớt, mất nát thứ tự lộn lẫn bộ loại, hoặc lôi kéo vướng đứt, làm rách giấy mất chữ, tự mình không tu tập, không chịu lưu truyền. Những tội như thế, ngày nay chúng con đều xin chí thành sám hối.

Lại nằm dài nghe kinh, nằm ngửa tụng đọc, hoặc nói cười lớn tiếng, làm rộn người khác nghe pháp, hoặc giải sai lời Phật dạy, nói khác Thánh ý, không phải chánh pháp nói là chánh pháp, chánh là chánh pháp nói không phải chánh pháp, chẳng phạm nói phạm, phạm nói chẳng phạm, tội nhẹ nói nặng, tội nặng nói nhẹ, hoặc sao chép kinh sách đoạn trước để đoạn sau, đoạn sau đem để đoạn trước, hoặc đoạn trước đoạn sau đem để vào giữa, hoặc đoạn giữa đem để ra trước sau; hoặc thêu dệt lời văn trong kinh Phật để làm sách riêng của mình, hoặc vì danh dự lợi dưỡng cung kính mà nói pháp; không lòng vì pháp, chỉ vì muốn tìm lỗi của Pháp sư mà bàn luận nghĩa lý không vì tăng tiến sự hiểu biết để cầu pháp xuất thế, mà chỉ đàn hạch một cách vô lý, hoặc khinh mạn lời Phật, tôn trọng tà giáo, chê bai Đại thừa, khen ngợi Thanh văn. Những tội như thế vô lượng vô biên, ngày nay chúng con đều xin sám hối.

Lại từ vô thỉ đến nay, đối với chúng Tăng gây ra các nghiệp chướng, như giết bậc A-la-hán, phá sự hòa hợp của chúng Tăng, hại những người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, dứt tuyệt giống Phật, làm cho Thánh đạo không lưu hành được; hoặc lột xẻ người tu hành, tra khảo bậc Sa môn, đánh đập đày đọa, dùng lời thô bỉ mắng nhiếc, hoặc phá

giới hạnh thanh tịnh làm mất hết uy nghi, hoặc khuyên người khác bỏ tám chánh đạo; hoặc giữ và thực hành theo năm phép tà, hoặc giả dạng nhà sư trộm của thường trụ tiêu xài việc riêng. Những tội như thế, ngày nay chúng con đều xin sám hối.

Hoặc để mình trần hay mặc y phục mỏng manh đường đột đến trước kinh tượng, hoặc mang giầy bẩn thỉu đi vào điện Phật, dẫm lên tháp Phật, hoặc mang guốc vào chùa, khạc đàm nhổ nước miếng trong nhà thiền, làm dơ nhớp chỗ Phật và chúng Tăng ở, hoặc đánh xe cỡi ngựa xông pha trong chùa chiền, tịnh xá. Phàm đối với Tam bảo mà khởi ra những tội lỗi như thế, thật vô lượng vô biên, ngày nay chúng con chí thành hướng về mười phương chư Phật, Tôn pháp, Thánh chúng, cầu xin sám hối.

Nguyện nhờ công đức sám hối ấy, chúng con đời đời kiếp kiếp thường gặp được Tam bảo để tôn ngưỡng cung kính, không bao giờ chán nản, lại có gấm lụa tốt đẹp, anh lạc quý giá, trăm ngàn âm nhạc, các món danh hương, các thứ hoa quả tốt tươi có đủ những vật sở hữu trên đời để cúng dường. Nếu có vị nào thành Phật chúng con nguyện đến trước khuyến thỉnh mở cửa cam lồ cứu độ chúng sinh. Nếu có vị Phật nào nhập Niết-bàn, chúng con nguyện được cúng dường một lần sau chót. Còn như trong hàng chúng Tăng, chúng con nguyện tu sáu phép hòa kính, được sức tự tại, trùng hưng Tam bảo, trên hoằng dương đạo Phật, dưới hóa độ chúng sinh.

Những tội hoặc nặng hoặc nhẹ đối với Tam bảo đã sám hối rồi, còn lại những tội ác khác chúng con xin theo thứ lớp sám hối tất cả. Như trong kinh nói: Có hai hạng người được mạnh mẽ: một là tự mình không gây tội, hai là đã gây tội mà biết ăn năn sám hối. Lại có hai phương pháp trong sạch, có thể làm cho chúng sinh diệt trừ được các món chướng ngại: một là biết hổ nên tự mình không làm ác, hai là biết thẹn, nên không xúi người khác làm ác. Có hổ thẹn như thế mới gọi là người. Nếu không biết hổ thẹn thì cũng không khác cầm thú. Bởi vậy ngày nay chúng con chí thành quy y Phật, xin đúng theo phép mà sám hối.

Lại từ vô thỉ đến nay, vì mê tín tà kiến nên giết hại chúng sinh để cúng tấu quỷ thần, ly mỵ vọng lượng, cầu được sống lâu, nhưng không bao giờ được, hoặc nói dối thấy ma quỷ, rồi giả xưng là thần nói để gạt người. Những tội như thế, ngày nay chúng con đều xin sám hối.

Lại từ vô thỉ đến nay, hoặc hành động láo xược, tự cao tự đại, hoặc ỷ dòng quý tộc khi dễ mọi người, cậy mình sang trọng khinh kẻ hèn hạ,

hoặc ỷ sức mạnh ăn hiếp kẻ yếu, hoặc uống rượu rồi gây sự loạn đả không kể người thân sơ, say sưa suốt ngày không biết tôn ti. Những tội như thế ngày nay chúng con đều xin sám hối.

Lại như tham ăn uống không tiết độ, ăn gỏi thịt gỏi cá, hoặc ăn năm thứ cay nồng mùi hôi bay lên xông uế các kinh tượng, xua đuổi những kẻ tu hành giữ giới thanh tịnh; buông lung tâm ý, xa lìa người lành, gần gũi bạn ác. Những tội như thế, ngày nay đều xin sám hối. Lại có tánh cống cao, bày điều giả dối, bắt người khác theo mình, càn bướng cố chấp cho mình là hay, ương ngạnh chống báng không biết nhân tình, cho mình là phải, người khác là quấy, và hay hy vọng ở sự may rủi. Những tội như thế, ngày nay đều xin sám hối.

Còn lâm đến chỗ tiền tài thì lại không nhường nhịn, không liêm sỉ, mua bán rượu thịt lừa dối để sống, hoặc cho vay nặng lời, tánh từng ngày từng giờ góp chứa một cách cay nghiệt, tham cầu không biết chán, hưởng thọ của dâng cúng không biết hổ thẹn, hoặc không giới đức mà lạm nhận của tín thí. Những tội như thế, ngày nay đều xin sám hối.

Và đánh đập tôi tớ, sai khiến trẻ con làm việc nặng không kể đến sự đói khát lạnh nóng của chúng, hoặc phá dỡ cầu cống làm ngăn trở sự đi lại.

Những tội như thế, ngày nay đều xin sám hối.

Lại để mặc ý mình phóng túng, lung lăng tán loạn, chỉ để thì giờ đánh xu bồ, đánh cờ tướng, hoặc vây đoàn hợp lũ uống ăn rượu thịt, chén tạc chén thù làm rối cho nhau, nói chuyện vu vơ, hay bàn luận chuyện thiên hạ, hết năm nầy qua năm khác để ngày giờ trôi qua không lợi ích gì, mỗi đêm ba thời không tụng kinh ngồi thiền, lười biếng, giải đãi cứ nằm dài suốt ngày không để tâm quán sáu món niệm xứ thấy người khác có việc hơn mình, lại sinh ghen ghét, ôm lòng hiểm độc, khởi đủ phiền não, để cho gió lốc vật dục thổi vào củi lửa tội lỗi, cháy luôn không ngớt, thiêu mất những điều lành nhỏ của ba nghiệp. Khi những pháp lành đã hết thì hóa ra Nhất xiển-đề, đọa vào địa ngục lớn, không có kỳ hạn ra được. Bởi thế nên ngày nay, chúng con cúi đầu hướng về mười phương Tam bảo xin sám hối tất cả.

Tất cả tội lỗi từ trước đến nay hoặc nhẹ hoặc nặng hoặc thô hoặc tế, hoặc tự mình làm, hoặc bảo người khác làm, hoặc thấy người khác làm vui mừng, hoặc dùng thế lực bắt buộc người khác làm, cả đến những tội khen người làm ác, ngày nay chúng con chí thành đều xin sám hối.

Nguyện nhờ công đức sám hối các tội ác ấy, chúng con đời đời kiếp kiếp được từ hòa, trung hiếu, khiêm nhường, nhẫn nhục, biết liêm

sỉ, biết chào đón trước, sửa mình chánh đáng, trong sạch nhân nghĩa, nhường nhịn, xa lìa bạn ác, thường gặp duyên lành, thâu nhiếp được sáu căn, giữ gìn được ba nghiệp, nhẫn nại được khổ nhọc, tâm không thoái lui, cứ lập chí tu hành đắc đạo, không phụ bạc chúng sinh.

Phát nguyện rồi đem hết thân mạng kính lễ chư Phật.

Nam-mô Tỳ-lô-giá-na Phật.
Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật.
Nam-mô A-di-đà Phật.
Nam-mô Di-lặc Phật.
Nam-mô Long Chủng Thượng Tôn Vương Phật.
Nam-mô Long Tự Tại Vương Phật.
Nam-mô Bảo Thắng Phật.
Nam-mô Giác Hoa Định Tự Tại Vương Phật.
Nam-mô Ca-sa Tràng Phật.
Nam-mô Sư Tử Hống Phật.
Nam-mô Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát.
Nam-mô Phổ Hiền Bồ-tát.
Nam-mô Đại Thế Chí Bồ-tát.
Nam-mô Địa Tạng Vương Bồ-tát.
Nam-mô Đại Trang Nghiêm Bồ-tát.
Nam-mô Quán Tự Tại Bồ-tát.

Trước đã sám hối những phiền não chướng, nghiệp chướng, nay theo thứ lớp giãi bày những quả báo chướng còn lại, xin sám hối tất cả.

Trong kinh nói: Khi nghiệp báo đã đến, chẳng phải trong không trung, trong biển, trong hang núi, không có chỗ nào thoát khỏi được quả báo, chỉ có sức sám hối có thể diệt trừ. Vì sao biết được? Vì như ông Thích-đề Hoàn-nhân khi thấy năm tướng suy hiện ra, trong lòng khiếp sợ bèn chí thành quy y Tam bảo, thì năm tướng xấu ấy liền tiêu diệt, lại còn thêm tuổi thọ. Những chuyện như thế trong kinh rất nhiều không phải là một. Thế nên biết sự sám hối hay diệt trừ được tai họa.

Song kẻ phàm phu nếu không gặp bạn tốt dẫn đường, thời không có việc ác nào mà không làm, đến nỗi khi sắp chết, cảnh địa ngục gớm ghê hiện ra trước mắt, chánh lúc ấy lại hối hận, sợ hãi. Ôi! Ngày trước không tu điều lành để đến ngày cùng ăn năn, thì ăn năn sao kịp. Phước báo hay tai ương tự mình gieo trồng từ trước, nay cứ thẳng lối mà vào

địa ngục, một mình mình đi đến, để lăn vào vạc dầu sôi, thân tâm tan nát, tinh thần thống khổ. Tới lúc đó dù muốn lạy hay sám hối một câu, cũng không dễ gì được nữa.

Vì thế, tất cả mọi người chớ ỷ mình tuổi trẻ sức mạnh có tiền tài thế lực mà lười biếng giải đãi tự ý buông lung. Một khi khổ chết đã đến thì không luận già, trẻ, nghèo, giàu, sang, hèn đều tiêu ma hết. Quỷ vô thường đến thình lình không cho ai biết trước. Mạng người vô thường như giọt sương mai, một hơi thở ra tuy có đó, nhưng hơi hít vào không chắc gì còn được. Thế gì cớ chi mà không sám hối? Nếu sứ giả Ngũ thiên hay quỷ La sát thoạt nhiên đi đến, dù tuổi trẻ sức mạnh đến đâu cũng không thể tránh. Lúc ấy dù có nhà đẹp lầu cao cũng không ích gì đến người, xe tốt ngựa hay không đem theo được, vợ con quyến thuộc cũng không còn là người thân, những đồ trân bảo quý giá cũng chỉ để cho người khác hưởng. Lấy đó mà nói là quả báo ở đời đều giả dối không chắc thật. Còn như ở cõi trời tuy vui thật, nhưng rốt cuộc cũng sẽ tan nát. Khi sự sống hết thì vẫn phải đọa lạc trong ba đường. Vì thế Phật bảo ông Tu-đạt-đa: Thầy ngươi là Uất-đầu-lam-phất lợi căn sáng suốt, đã hàng phục được phiền não, đến cõi trời Phi phi tưởng rồi, mà khi mạng chung còn phải đọa vào đường súc sinh làm con phi ly huống chi người khác. Thế mới biết hễ chưa lên tới quả Thánh, thì còn bị luân chuyển qua các đường ác. Nếu không cẩn thận, một mai thình lình thân chịu chỗ đó, thật đáng hối hận?

Xem như ngày nay bị tội phải đến cửa công, đó là khổ nhỏ mà tâm tình đã sợ hãi, quyến thuộc đã khủng khiếp cầu cứu trăm bề. Đối với nỗi khổ trong địa ngục còn gấp trăm ngàn vạn lần hơn, không thể so sánh được.

Chúng con cùng nhau trải vô số kiếp, tội lỗi chồng chất như núi Tu-di, nghe như vậy làm sao cứ an nhiên không sợ hãi, không kinh khủng để về sau mắc phải những nổi khổ ấy, đáng đau đớn biết bao! Vì thế ngày nay, chúng con chí thành cầu xin sám hối.

Lại từ vô thỉ đến nay, chúng con... có nhiều báo chướng nhưng nặng nhất chỉ có địa ngục A-tỳ. Như trong kinh đã nói rõ, nay xin nói sơ về hình tướng của địa ngục A-tỳ.

Chung quanh ngục có bảy lớp thành sắt, có bảy lần lưới sắt giăng kín ở trên, phía dưới có bảy từng dao sắt rậm như rừng và vô số ngọn lửa dữ luôn luôn thiêu đốt. Bề dài bề rộng của ngục nầy tánh có tám muôn bốn ngàn do-tuần. Tội nhân đầy trong ấy, nhưng vì nhân duyên của tội nghiệp nên không làm trở ngại. Lửa phía trên hắt xuống, lửa ở

dưới bốc lên, lan khắp bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc. Tội khổ trong ngục ấy như cá bị chiên trong chảo, dầu mỡ đều chảy ra. Ở bốn cửa thành có bốn con chó đồng, thân hình dài rộng đến bốn ngàn do-tuần, nanh dài móng nhọn, mắt sáng như điện chớp. Lại có vô số giống chim mỏ sắt, vỗ cánh bay lên mổ khoét thịt người có tội. Quỷ sứ đầu trâu hình như La-sát, có chín đuôi như đinh ba bằng sắt, lại có chín đầu, trên đầu có mười tám sừng, mỗi sừng có sáu mươi bốn mắt, từ mỗi con mắt tiết ra sức nóng như thiêu đốt tội nhân. Mỗi khi nóng giận chúng gào thét tiếng vang như sấm. Lại có vô số bánh xe dao, từ trên không trung quay xuống, xoáy vào đỉnh đầu tội nhân, rồi xoáy suốt xuống chân mà ra ngoài. Tội nhân đau đớn thấu xương tủy, nhức nhối tận tim gan, cứ như thế trải qua không biết bao nhiêu năm, cầu sống không được cầu chết không được. Những tội báo như thế, ngày nay chúng con hổ thẹn, cúi đầu xin sám hối.

Kế đến chúng con xin sám hối những tội báo: đầu, thân rơi rã trong địa ngục núi đao, rừng kiếm bị thiêu nướng trong địa ngục vạc Dù, lò than; sám hối những tội báo bị thiêu đốt trong địa ngục giường sắt, cột đồng; sám hối những tội báo bị đè nghiến mổ xẻ trong địa ngục xe dao, xe lửa; sám hối những tội báo trong địa ngục kéo lưỡi để trâu cày; sám hối những tội báo làm cho ngũ tạng cháy tiêu trong địa ngục nuốt hòn sắt nóng, uống nước đồng sôi; sám hối những tội báo xương thịt nát tan trong địa ngục cột sắt; sám hối những tội báo da, thịt, xương, tủy rơi lìa từng mảnh trong địa ngục quấn dây sắt nóng; sám hối những tội báo bị bứt rứt ngạt thở trong địa ngục sông tro phẩn; sám hối những tội da dẻ lạnh cóng nứt da trong địa ngục nước mặn đóng giá băng; sám hối những tội báo tàn hại lẫn nhau trong địa ngục chó sói, chim sắt, chó săn; sám hối những tội báo đâm chém cấu xé nhau trong địa ngục đao binh móng vuốt; sám hối những tội báo bị rang nướng trong địa ngục hầm lửa; sám hối những tội báo bị hình hài tan nát trong địa ngục hai tảng đá ép lại, sám hối những tội báo bị róc lột trong địa ngục bốn bề núi đá xô ép lại; sám hối những tội báo bị chém xẻ trong địa ngục núi thịt u ám; sám hối những tội báo bị chặt đứt trong địa ngục cưa xẻ đóng đinh; sám hối những tội báo bị mổ cắt trong địa ngục gậy sắt, treo ngược; sám hối những tội báo phiền oan trong địa ngục đốt nóng kêu gào, sám hối những tội báo chịu cảnh đêm dài mù mịt không bóng mặt trời, mặt trăng và sao trong khoảng lớn nhỏ núi Thiết vi; sám hối những tội báo trong địa ngục A ba ba, địa ngục A bà bà, địa ngục A tra tra, địa ngục A-la-la. Trong tất cả các địa ngục lạnh nóng như thế có phụ thêm tám muôn bốn

ngàn địa ngục cách tử.

Những tội khổ trong đó bị chiên nấu đau đớn, bị lột da róc thịt, chẻ xương đập tủy, rút ruột bức phổi, nhiều nỗi khổ khác không thể nghe không thể nói. "Nam-mô Phật!" Những người bây giờ đang bị đọa vào các chốn ấy hoặc là cha mẹ hay họ hàng của chúng con trong vô thỉ kiếp chúng con cùng họ, sau khi chết sẽ bị đọa trong các địa ngục như thế.

Ngày nay chúng con rửa sạch lòng trần, cúi đầu hướng về mười phương chư Phật, các bậc Đại Bồ-tát cầu xin sám hối, khiến cho tất cả tội báo kia đều tiêu diệt.

Nguyện nhờ công đức sám hối những tội báo trong địa ngục, chúng con phá được bức thành sắt chốn A-tỳ làm thành cõi Tịnh-độ, không còn cái tên ác đạo bao nhiêu thống khổ sợ sệt trong các địa ngục đều chuyển thành những duyên vui sướng, núi đao rừng kiếm biến ra rừng báu, lò lửa vạc dầu hóa thành hoa sen; lính ngục đầu trâu chừa bỏ sự bạo ngược, khởi lòng Từ-bi không còn niệm ác. Và chúng sinh trong đường địa ngục thoát khỏi quả khổ, không gây thêm nhân ác khác, thọ hưởng sự yên vui như ở cõi Tam thiền, đồng thời phát tâm cầu đạo Vô thượng.

Sám hối và phát nguyện xong, xin hết lòng kính lễ Thường trụ Tam bảo.

Nam-mô Tỳ-lô-giá-na Phật.
Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật.
Nam-mô A-di-đà Phật.
Nam-mô Di-lặc Phật.
Nam-mô Long Chủng Thượng Tôn Vương Phật.
Nam-mô Long Tự Tại Vương Phật.
Nam-mô Bảo Thắng Phật.
Nam-mô Giác Hoa Định Tự Tại Vương Phật.
Nam-mô Ca-sa Tràng Phật.
Nam-mô Sư Tử Hống Phật.
Nam-mô Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát.
Nam-mô Phổ Hiền Bồ-tát.
Nam-mô Đại Thế Chí Bồ-tát.
Nam-mô Địa Tạng Vương Bồ-tát.
Nam-mô Đại Trang Nghiêm Bồ-tát.
Nam-mô Quán Tự Tại Bồ-tát.

Đảnh lễ chư Phật rồi kế đến sám hối. Trước đã sám hối những tội báo trong địa ngục, nay xin sám hối những tội báo trong ba đường ác. Trong kinh Phật nói: Con người vì nhiều ham muốn, nhiều tham cầu lợi dưỡng nên khổ não cũng nhiều. Người biết đủ tuy nằm dưới đất mà vẫn lấy làm yên vui, người không biết đủ, dù ở thiên đường cũng không vừa ý. Song người đời nếu thình lình có tai nạn nguy cấp thì thường bỏ hết tài sản không kể là nhiều hay ít. Thế mà không biết thân nầy khi lâm vào hố thẳm ba đường ác, hễ một hơi thở không trở lại thì phải bị đọa lạc. Thoảng như có người trí thức khuyên làm việc công đức để dự trữ pháp lành cho đời sau, thì lại cứ cố chấp keo bẩn không chịu làm theo lẽ phải. Những người như thế thật ngu hoặc biết bao! Vì sao? Trong kinh Phật nói: Lúc sinh không đem lại một đồng nào, lúc chết cũng không cầm được một đồng nào đem đi. Người đời phải khổ thân để góp chứa tiền của, chỉ đèo theo sự lo âu phiền muộn không ích gì cho mình, mà người khác hưởng hết. Không chút duyên lành, không một mảy công đức để nhờ cậy đến nỗi khi chết phải bị đọa vào đường ác. Vì vậy ngày nay chúng con chí thành đem thân mạng nương về ngôi Tam bảo, cầu xin sám hối.

Kế đến chúng con xin sám hối những tội báo ngu tối trong loài súc sinh; sám hối những tội báo mang nặng kéo cày đền nợ cũ trong đường súc sinh, sám hối những tội báo bị người đâm, xẻ, mổ, cắt, không được tự do trong đường súc sinh; sám hối những tội báo không chân hai chân, bốn chân hay nhiều chân trong loài súc sinh; sám hối những tội báo trong lông, cánh, mai, vẩy, trong thân bị các giống trùng nhỏ cắn rỉa, ở loài súc sinh. Trong loài súc sinh có vô số tội báo như thế, ngày nay đều xin chí thành sám hối.

Chúng con lại xin sám hối những tội báo luôn luôn chịu sự đói khát trải qua trăm ngàn vạn năm không nghe đến tên cơm nước trong loài ngã quỷ; sám hối những tội báo ăn uống máu mủ phẩn dơ trong loài ngã quỷ; sám hối những tội báo mỗi khi động thân thì tất cả chi tiết đều cháy trong loài ngã quỷ, sám hối những tội báo bụng lớn cổ nhỏ trong loài ngã quỷ. Trong loài ngã quỷ, có vô số tội báo như thế, ngày nay cúi đầu cầu xin sám hối.

Chúng con lại xin sám hối những tội báo hay nịnh hót kiêu mạn trong loài Tu-la, quỷ thần, sám hối những tội báo gánh cát mang đá lấp sông trấn biển trong loài quỷ thần, sám hối những tội báo ăn uống máu thịt, chịu đủ mọi sự xấu xa trong loài quỷ thần La-sát, Cưu-bàn-trà. Trong loài quỷ thần có vô lượng vô biên tội báo như thế, ngày nay

chúng con hướng về mười phương chư Phật, đại địa Bồ-tát, cầu xin sám hối khiến cho những tội báo ấy đều tiêu diệt.

Nguyện nhờ công đức sám hối những tội báo trong đường súc sinh, chúng con đời đời kiếp kiếp diệt hết tất cả ngu si, biết được nghiệp duyên của mình, trí tuệ sáng suốt, không làm thân trong các đường ác.

Nguyện nhờ công đức sám hối những tội báo trong đường ngã quỷ, chúng con đời đời kiếp kiếp lìa khổ xan lận, đói khát, thường được ăn những pháp vị cam lồ giải thoát.

Nguyện nhờ công đức sám hối những tội báo trong đường Tu-la quỷ thần, chúng con đời đời kiếp kiếp tánh tình chất trực xa hẳn nhân tà mạng, trừ các quả báo xấu xa, và làm được nhiều phước lợi cho cả trời người.

Chúng con... nguyện từ nay trở đi cho đến đạo tràng, không còn chịu những tội báo trong bốn đường ác, chỉ trừ lòng đại Bi cứu độ chúng sinh, lấy sức thệ nguyện, ở chung trong ấy, không khi nào chán nản.

Chúng con... đã sám hối những tội báo trong ba đường ác, nay theo thứ lớp cầu xin sám hối những tội báo trong chốn trời, người.

Chúng con cùng nhau thọ bẩm thân mạng ở cõi Diêm-phù nầy, tuy nói một trăm năm chớ có mấy ai sống trọn. Trong thời gian đó, số người trẻ tuổi chết non không thể nào lường, những khổ não còn nung nấu bức bách thân hình, lo rầu sợ hãi không ngớt phút nào. Sở dĩ như thế, bởi căn lành rất ít, nghiệp ác quá nhiều, đến nỗi trong đời hiện tại làm việc gì cũng không được vừa ý. Nên biết đó là dư báo của những nghiệp ác ở đời quá khứ còn lại. Bởi thế nên ngày nay, chúng con xin sám hối vô lượng dư báo ấy trong cõi trời, người từ vô thỉ cho đến đời hiện tại và vị lai; sám hối những tội báo tai ương túc trái, tàn tật trăm bệnh, sáu căn không đủ ở cõi người; sám hối những tội báo sinh vào nơi hoang dã xa cách mọi người, luôn luôn bị tà kiến, tám nạn, ba ác; sám hối những tội báo bị nhiều bệnh hoạn, gầy còm, chết yểu, chết oan, ở cõi người; sám hối những tội báo bà con quyến thuộc không đoàn tụ, ở cõi người sám hối những tội báo bị khổ vì bạn bè tan nát ân ái chia lìa, ở cõi người; sám hối những tội báo oán cừu gặp gỡ, ưu sầu khiếp sợ ở cõi người; sám hối những tội báo bị nạn nước lửa, trộm cướp đao binh nguy hiểm, kinh khủng khiếp nhược, ở cõi người; sám hối những tội báo bị cô độc khốn khổ, lưu lạc, bôn ba quên mất xứ sở, ở cõi người; sám hối những tội báo bị tù ngục giam cầm, bị nhốt đứng trong ngục tối, bị đánh đập tra khảo ở cõi người; sám hối những tội báo bị miệng lưỡi công tư thêu dệt, vu họa ở cõi người; sám hối những tội báo bị bệnh tật

liên miên liệt giường liệt chiếu không đứng dậy được ở cõi người; sám hối những tội báo bị các chứng ôn dịch về mùa Đông, mùa Hạ, hay bị độc lệ thương hàn ở cõi người; sám hối những tội báo bị trúng gió độc, bị thũng, trướng, bị kết, ở cõi người; sám hối những tội báo bị các ác thần tìm dịp tiện tác họa ở cõi người; sám hối những tội báo bị các thứ ác điểu bay đến kêu lên trăm điều quái gở, gặp tà quỷ phi thi làm các yêu dị, ở cõi người; sám hối những tội báo bị các loài cầm thú dữ sài lang, hổ báo làm hại, ở cõi người; sám hối những tội báo tự đâm tự giết ở cõi người; sám hối những tội báo tự lao mình xuống hố sâu hầm lửa, nhảy xuống sông hay gieo mình từ trên cao xuống, ở cõi người; sám hối những tội báo không có uy đức tiếng tăm, ở cõi người; sám hối những tội báo thiếu thốn, tiêu dùng ăn mặc không được vừa lòng, ở cõi người; sám hối những tội báo ra vào, đi lại hay làm việc gì cũng khó khăn hoặc bị người khác ngăn trở, ở cõi người. Những tai họa bất trắc, những bệnh truyền nhiễm, những ách nạn suy não trong đời hiện tại, vị lai, trong cõi trời người, nhiều không thể kể xiết như thế, ngày nay chúng con chí thành hướng về mười phương chư Phật, Tôn pháp, Thánh chúng cầu xin sám hối, nguyện đều tiêu diệt.

Trước đã sám hối tất cả phiền não chướng và nghiệp chướng của sáu căn, ba nghiệp, tất cả quả báo chướng trong sáu nẻo bốn loài, nay chúng con xin theo thứ lớp phát nguyện hồi hướng.

Chúng con... nguyện đem công đức sám hối ba món chướng kia hồi hướng cho tất cả chúng sinh cũng đều cùng nhau sám hối; nguyện cùng tất cả chúng sinh trong đời hiện tại thân tâm được yên vui, ba tai tám nạn các việc chẳng lành đều tiêu trừ tất cả, sự ăn mặc được dư dật đầy đủ, chánh tín Tam bảo, xả báo thân nầy, vãng sinh về cõi Cực Lạc gần gũi Đức Phật Di-đà, được thọ ký để qua đời sau gặp Phật Di-lặc, nghe hiểu chánh pháp, theo đó tu hành. Nguyện đời đời kiếp kiếp bất cứ sinh ở chỗ nào, thường gặp các vị quốc vương, trùng hưng Tam bảo, không bị sinh vào nhà ngoại đạo tà kiến. Chúng con lại nguyện đời đời kiếp kiếp bất cứ ở nơi nào, cũng do hoa sen hóa sinh, thuộc dòng giống cao quý, được yên ổn, vui sướng, món ăn thức mặc tự nhiên có sẵn. Chúng con lại nguyện đời đời kiếp kiếp bất cứ ở chỗ nào, cũng có sẵn lòng nhân từ trung hiếu, đem tâm bình đẳng cứu giúp chúng sinh, không khởi niệm nghịch hại. Lại nguyện đời đời kiếp kiếp bất cứ sinh ở chỗ nào, cũng thường được chư Phật hộ niệm, thường hàng phục được ma oán và các thứ ngoại đạo, được ở chung một chỗ với các bậc Bồ-tát, một lòng theo đạo Bồ-đề không khi nào dứt đoạn. Lại nguyện đời đời kiếp

kiếp bất cứ sinh ở chỗ nào cũng nêu tỏ Phật, Pháp, tu theo giáo lý Đại thừa, phân thân vô số để cứu độ chúng sinh, thẳng tiến đến đạo tràng (thành Phật) không khi nào thoái chuyển.

Chư Phật, Bồ-tát đã phát lời thệ nguyện tu hành phước trí và hồi hướng, chúng con cũng xin phát nguyện tu tập phước trí và hồi hướng như vậy.

Cõi hư không có thể cùng tận, cõi chúng sinh có thể cùng tận, nghiệp báo của chúng sinh có thể hết, phiền não của chúng sinh có thể diệt, nhưng sự tu hành hồi hướng của chúng con không bao giờ cùng tận.

Phát nguyện và hồi hướng xong, xin hết lòng kính lễ Thường trụ Tam bảo.

■